LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 168

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

SỐ 1912
(QUYỂN 4 →10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1912

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

Sa Môn Trạm Nhiên Tỳ Lăng đời Đường soạn

QUYỂN 4
(PHẦN 1)

Giải thích hai mươi lăm phương tiện. Trước là nói chung hai thứ Tiệm Đốn. Kế nay trở xuống là mới bắt đầu nói riêng. Văn trước nói chung về Đốn phương tiện: Một là giải thích tên gọi là khéo léo, hồi hướng khiến thành nhân tốt nên gọi khéo léo. Lại thiếu dẫn chứng và công năng chưa chỉ rõ hai mươi lăm tướng nên gọi là Chung. Nói khéo léo, là từ mới phát tâm quyền thật chẳng hai, lấy chẳng hai giải mà điều đình sự nghi, làm cho một hạnh, tất cả hạnh thành ba quỉ chân giải, một phát tất cả phát vào Viên sở trụ, công do khéo léo. Đại luận trở xuống là kế dẫn luận chứng tướng khéo léo, dùng chủng trí dắt dẫn mảy may điều thiện chẳng dừng, ở trên cực quả của Nhị thừa. Luận quyển chín nói: Tiểu thiện có thể làm Đại quả là như cầu quả Phật, khen ngợi một kệ, niệm một Nam-mô, đốt một nén hương, dâng một bông hoa, hạnh nhỏ như thế sẽ được thành Phật. Lại quyển ba mươi hai hỏi: Vì sao Bồ-tát lại ít? Đáp: Phàm thí ở tâm chớ không phải ở việc. Bồ-tát hoặc nghèo, hoặc nghe người khác nói thí không nhiều ít, hoặc sợ lấy nhiều tốn nhiều tiền của mà người ta mất tâm lành hoặc gây buồn phiền cho chúng sanh. Vì não loạn chúng sanh mà cúng dường Phật thì Phật không cho. Thế nên ít thí mà hồi hướng Bồ-đề. Cho nên biết khéo léo gọi là phương tiện, do hồi hướng nên được sức trí dẫn dắt. Sở dĩ trở xuống là

văn nói hai mươi lăm pháp rất Viên phương tiện. Chánh do hồi hướng và trí dẫn dắt. Lại phương tiện trở xuống là lại giải thích. Vì khéo hòa hợp nên gọi là phương tiện. Nên vì quả lập nhân, nhân lập sẽ khắc quả, nên gọi là nhân có quả, gọi là hòa hợp chứng quả. Đại Phẩm trở xuống là dẫn chứng hòa hợp. Đã vô lượng các pháp mới thành nhân Phật, cho nên hòa hợp mới gọi là Phương tiện. Cho nên trở xuống là văn hai mươi lăm pháp. Hòa hợp điều đình mới được thành nhân Viên Sơ trụ chứng quả Diệu giác. Nếu y trở xuống là nói Tiệm phương tiện. Hỏi: Trong bốn có viên, vì sao bốn thứ này gọi chung là Tiệm? Đáp: Trước trải ba giáo nên được gọi là tiệm. Song, viên thứ tư tức đồng sơ đốn. Bốn con đường chung này đều dùng nội ngoại phàm làm phương tiện xa gần. Chỉ nêu trước sau thì khoảng giữa sẽ biết. Kế nói văn này hai mươi lăm pháp ở trước vừa nêu phương tiện xa gần của Viên giáo, lại nói Phương tiện là dùng năm phẩm làm phương tiện, nên trong sáu tức là danh tự tức. Nên nói giả danh, cho nên biết ý nay đều ở trong nội ngoại phàm của bốn giáo, làm phương tiện xa chung của bốn giáo. Nói mười thứ, tức là mười cảnh, hoặc quán hoặc phát vào phẩm chẳng xa, nên gọi là gần. Hai mươi lăm pháp cách chân rất xa nên gọi là. Hỏi: Âm là chánh tu chín cái kia đợi phát, vì sao lấy đây mà gọi Phương tiện? Đáp: Nay nói mười cảnh đều là phương tiện là gồm sở quán, nếu là năng quán mới thuộc chánh hạnh, cho nên tám thứ trước chỉ ở phàm phu, hai thứ sau gọi là phương tiện của bậc Thánh. Cho nên biết mười cảnh đều là phương tiện gần của viên hạnh. Nêu ba giáo trước hơn kém khác nhau. Biệt ở Bồ-tát cảnh hai giáo chỉ quán, chung chỉ quán một, ba tạng toàn không, chỉ quán chín cảnh, người Nhị thừa chung chỉ quán tám cảnh rưỡi, Nhị thừa ba tạng thì quán toàn tám cảnh. Nói chung tuy thế, ý nay ở Viên ngang dọc trở xuống là nói công năng cảnh quán. Mười cảnh ngang dọc như thứ năm đầu mười song cùng phát. Do cảnh phát nên pháp quán ngang dọc lại gọi ngang dọc. Đến quyển năm lại sẽ nói rõ quán tướng ngang dọc.

Ý nay lại nói hai mươi lăm pháp. Trước nêu năm khoa, kế là sanh khởi, tức dùng tên Sơ trụ làm chỗ ở, từ Sơ trụ trở xuống không phải văn nay. Cho nên Văn nói: Công đức vào trụ nay chẳng nói. Ví như trở xuống là nêu thí dụ năm khoa. Trước thí dụ đủ duyên, tức dư trở xuống là dụ trách dục. Tuy tức trở xuống là dụ bỏ cái. Thân tuy trở xuống là dụ năm việc. Thượng duyên trở xuống là dụ cho năm pháp. Chỉ quán trở xuống là hợp, hợp đủ năm khoa lại nêu thí dụ mà thiếp hợp, thế gian trở xuống là kết khuyên. Thế gian thiển sự tức là giới nội thiền định,

còn phải hai mươi lăm pháp làm phương tiện. Cho nên nói chẳng phải duyên thì chẳng hợp, huống chi là đạo xuất thế viên đốn. Y cứ sự hành quán v.v... là giải thích mỗi pháp trong hai mươi lăm pháp đều mượn sự làm quán, để sanh viên giải. Nói Điều thô v.v... là nếu gặp hai mươi lăm pháp này thì hai mươi lăm pháp dùng làm năng điều, lại y cứ hai mươi lăm pháp làm thô năng điều. Lại có hai ý chung riêng. Nếu sanh khởi năm khoa mỗi khoa đều là Điều thô kiểm tán thì tức là ý chung. Nếu nói riêng thì ba trước là Điều thô, hai sau là Kiểm tán năm pháp này trở xuống là dẫn chứng. Năm pháp chỉ là năm khoa, nói năm khoa này chỗ làm có y cứ.

Phần giải thích Thiền Độ của Đại luận có hỏi rằng: Vì sao phương tiện được thiền Ba-la-mật? Đáp: rằng: Tức năm sự (năm dục) trừ năm pháp (năm cái) hành năm pháp (đồng tên) đủ duyên sanh ra Thiền kinh. Cho nên dẫn Thiền kinh nói là đẳng, bởi thầy tức là thiện tri thức. Điều năm sự tuy người lập hạnh là cần yếu nên khiến dùng, năm khoa này văn năm nghĩa hai, tức là sự lý. Lý lại có hai nghĩa là thứ và chẳng thứ, ý chỉ ở một là chuyên chánh quán.

Kế ý chương mà giải thích, trước nói năm duyên, hai thừa Đại Tiểu dùng giới làm gốc, cho nên trước nói. Nội cấm tuy nghiêm nhưng giúp cơm áo, tiến tu định tuệ phải nhờ rảnh rang. Chỗ tuy rảnh rang giả dứt các duyên. Bốn duyên tuy đủ, khai đạo do thầy, đủ như trong Thiền kinh. Lại năm duyên này văn năm nghĩa năm, ý chỉ ở một. Ý có gần xa gần tức là khai đạo, xa tức là chánh hạnh. Lại trong năm văn đều có hai nghĩa, đó là lý và sự. Lại bốn chương này văn bốn nghĩa hai, ý chỉ ở một. Nói nghĩa hai, là Bổn chuyên tịnh và Sám tịnh. Hai giới sự lý đều có hai thứ này. Lý tịnh ba đức gọi là Bổn tịnh. Quán sự tức lý gọi là Sám tịnh. Nêu tên giới là đủ như trong Đại Phẩm Niệm Giới và Đại luận quyển hai mươi mốt đồng với kinh Hiền Hộ. Đại Kinh Sớ v.v... là tên khác mà nghĩa đồng. Phẩm mười Vô Tận Tạng trong kinh Hoa Nghiêm cũng nêu mười giới, nhìn đây vẫn thiếu. Đó nói: một là giới lợi ích chúng sanh; hai là chẳng thọ giới ngoại đạo, chỉ thọ Tịnh giới của Phật ba đời; ba là giới vô trước, chẳng hồi hướng ba hữu; bốn là giới an trụ, chẳng phạm tất cả giới; năm là giới chẳng tranh cãi chẳng phải trước chế chẳng còn tạo lập, chẳng do giới này mà não loạn chúng sanh; sáu là giới chẳng não hại, chẳng dùng búa chú mà não hại chúng sanh; bảy là giới chẳng tạp, lìa sáu mươi hai kiến, chỉ quán duyên khởi; tám là giới lìa tà, chẳng thực hành tướng trì, muốn cho người khác biết bên trong không thật đức mà đối hiện bên ngoài có đức; chín là giới chẳng

ác, thấy người phá giới chẳng khinh bác bỏ; mười là giới thanh tịnh, bỏ mười ác giữ mười điều lành. Trong mười thứ này thì hai, bốn, sáu, tám, mười thuộc về luật nghi. Ba, bảy thuộc tùy đạo không dính mắc. Năm chín thuộc do xuất giả, còn một thì chánh lợi tha. Bồ-tát vốn lấy lợi ích làm gốc, cho nên mười thứ này lợi sanh đứng đầu. Kinh ấy có sự và không giả, vẫn thiếu tự tại, vào trung toàn không. Các kinh nêu giới, nói mười nhiếp hết. Luận chẳng thiếu v.v... nghĩa gồm tánh chế. Lại trước dẫn luận giải thích tánh giới, do đây đối nói khách cựu ba học: Một là nói cựu ba học có không. Nói tánh tức là cựu giới, chẳng đợi Phật chế, tánh là thiện ác, nên gọi là Tánh, cùng cựu định tuệ gọi là cựu ba học. Cựu giới chung với mười giới căn bản. Luận mười giới tức là khách ba học. Vì sao? Vì ba giới trước tức là khách giới nghĩa gồm cả cựu. Kế một tức là khách định, kế sáu tức là khách tuệ. Trước dẫn luận hai văn hoặc tám hoặc mười, đều là tánh giới. Cái gọi tám, là rượu phòng ý địa, tức là ba nghiệp sau của mười, số khác mà nghĩa đồng. Phật bất xuất trở xuống là cựu định. Nói tám thiền là Biệt mà nói bốn thiền bốn không. Nếu nói theo thông nói hoặc nói tám thiền, hoặc nói tám định. Định là đối với dục loạn, thiền cũng gọi là tịnh, cho nên các Thánh giáo tùy dùng bất định. Cựu y v.v..., Đại Kinh nói: Cựu y tức là ngoại đạo, thuốc sữa tức là tà thường v.v... Thường đồ trở xuống là phá giải thích của người xưa. Người xưa chỉ lập khách giới, khách tuệ mà không lập khách định, cho nên dùng giới tuệ mà hỏi định. Nay dùng trở xuống là giải thích khách ba học. Trước giải thích khách giới, trước nêu, kế nói chỗ phát khác nhau. Trước nêu ba qui, tức dùng Tam bảo của ba tạng làm ba qui. Cho nên Câu-xá chép: Mọi người sợ bị bức hiếp nên phần nhiều về nương các núi, vườn rừng, cây cao, tháp cả, v.v... chỗ nương tựa này không tôn quý không thù hơn, vì chẳng nhân nương tựa (qui y) này mà giải thoát các khổ. Các người qui y (nương tựa) Phật và Pháp Tăng, trong bốn Thánh có thể dùng tuệ mà quán sát thì qui y này là thù hơn là tôn, quý vì nhờ qui y này mà giải thoát các khổ. Theo ý nay chỉ dùng ba mươi bốn tâm dứt kiết làm Phật, bốn đế sanh diệt làm pháp, học Vô học làm tăng. Nếu theo Bà-sa, Câu-xá giải thích Tam bảo thì ý hơi khác. Lược như Thích Châm và Luận Văn v.v..., nay chẳng rảnh mà luận.

Năm giới là bốn tánh và một giá (ngăn). Cho nên Câu-xá chép: Trong giá chỉ lìa rượu là giữ các luật nghi kia. Nếu luận chế trên tánh mình đều thêm một chế tội, hai trăm năm mươi giới là chế giáo mãn, gọi là hai trăm năm mươi, chung với trước mà nói đều gọi là luật nghi, nên nêu căn bản mười thứ khác nhau. Tăng kỳ bốn thọ, nghĩa là tự nhiên

thiện lai năm chúng, mười chúng, năm phần, năm thọ, nghĩa là tự nhiên thiện lai ba qui, tám kỉnh Yết-ma, tứ phần cũng năm, nghĩa là lai thượng qui kính yết. Lại có các luận như đa-già kiến mẫu nói thọ khác nhau. Văn nay mười thọ chánh nêu mười tụng, gồm dùng nghĩa của Bà-sa Sư nên có một, hai tướng khác nhau. Luật Thập Tụng trước nói tự nhiên. Nay nói Phật gọi Thiện Lai Tỳ-kheo thì tự nhiên đắc giới cụ túc, tức là chỉ giới tự nhiên trong thân La-hán. Y theo văn các bộ thì Thiện Lai đứng đầu trong Tứ phần, lại không nói tự nhiên, tức văn Thượng pháp trong Ca-diếp. Văn sau này tự có Thiện lai, cho nên biết văn trước là tự nhiên. Nói tự thệ, là trong Tứ Phần gọi là Giáo thọ cũng gọi là Thượng pháp, tên khác mà ý đồng. Tám kỉnh, trong luật Thập Tụng gọi là tám trọng pháp, chỉ gọi tám kỉnh. Biên địa thứ năm nói: Nếu theo Tứ phần chỉ là điều ngoại Bạch cây ở biên phương, tăng số khó được khai năm người thọ. Nay theo phẩm Câu-xá Nghiệp dẫn Bà-sa Sư lập mười thọ rằng: Thú tám thọ giả thứ năm luật sư, nghĩa là biên địa ít người trong năm người thọ cần một người trì luật Yết-ma, tức lấy Yết-ma sư làm thứ năm. Ở giữa nước mười vị tăng, là luật Thập Tụng gọi Yết-ma, cũng chỉ nói theo. Câu-xá nói mười chúng nên biết văn nay chẳng chuyên một bộ, đã biết tướng trạng đồng khác ra sao. Thiện Lai là Phật khiến Thiện Lai Tỳ-kheo. Sau lời nói ấy thì râu tóc tự rụng, ca sa mặc trên mình, bát ôm trên tay. Cũng như Tỳ-kheo năm hạ biết pháp. Tự thệ, Ca-diếp nói: Thế giới có bao nhiêu người thành La-hán thì tôi đều qui y. Sớ dẫn nhiều luận nói: Phật là thầy ta, ta là đệ tử. Tu-già-đà là thầy ta, ta là đệ tử, tức thì quả giới đều được. Thấy đế, là trước được sơ quả, thấy điều chưa từng thấy. Đế tức đế lý, xưa thấy đế, nay được thấy đế, khi thấy đế phát thì quả giới đều được. Tám kỉnh, là Thế tôn chẳng cho người nữ xuất gia thọ giới. Khi ấy Ái đạo bên tự cạo tóc đứng bên Kỳ-hoàn. A-nan xin Phật, Phật bảo A-nan xa nói pháp kỉnh, nếu làm được thì sẽ được giới cụ túc, tức là trăm mắng nêu thọ sám thỉnh an cư tự tứ khiển tín: vì ni xinh đẹp, bị giặc gây trở ngại Phật khai cho sai người đáng tin ni bổn pháp xong, đến chỗ Đại tăng, Đại tăng bỉnh pháp khiến ni trở về bạch với tăng khiến ni được giới cũng gọi là mười hai lời, ba bạch bốn. Luận nghị Sa-di bảy tuổi nghị luận với Phật. Phật hỏi năm ấm là một hay khác trí hơn người hai mươi tuổi, nên Phật cho thuyết giảng. Câu-xá nói Phật hỏi nhà ông ở đâu? Đáp rằng: ba cõi không nhà, xứng với tâm Thánh. Phật khiến Yết-ma cho thọ giới cụ túc. Thiện Lai như trước đã giải thích. Trong đây đã có Thiện Lai nên biết trước là tự nhiên. Khác nhau các thọ gá vào sức trí của mình nên gọi tự nhiên. Cũng không phải

hoàn toàn không nhân duyên, tức dùng Phật pháp mà làm duyên v.v...

Ba qui: Phật độ năm người rồi thì Tam bảo đầy đủ. Phật bỉnh Tam qui, cũng khiến Tỳ-kheo các nơi tuyên hóa dẫn đến chỗ Phật. Sau do thất tín, Phật khiến Tỳ-kheo tùy chỗ đều bỉnh pháp, qua sáu năm rồi Phật chỉ có ba qui, lập Yết-ma mà thọ giới, cho nên trong đó có mười và năm khác nhau. Khiển tín luận nghị v.v... khác nhau. Nói Yết-ma, Hán dịch là Nói sự. Văn nay chung tục, đây chẳng phải tông Luật bộ, nên không nói rộng. Hỏi: Nay nói diễn môn sau cần tiểu kiểm mà nói mười hạng người được giới. Đáp: Như trong Niết-bàn chỗ nào đều phò luật. Nay cũng như thế. Tiểu là phương tiện, cho nên biết Bồ-tát xuất gia sáu hòa mười lợi đồng với Thanh văn. Sáu độ bốn hoằng khác với tiểu hạnh. Nếu Bồ-tát tại gia thì ba qui năm giới đến bình đẳng, huống chi Phạm Võng tám muôn oai nghi, bảy chúng đều giúp, năm đường đều đủ. Đâu cho phá giới gọi là Phật thừa. Cho nên dùng bốn câu thừa giới mà đối phân biệt. Tánh giới trở xuống là phân biệt ba học vô tác hữu vô. Trước giới vô tác là tánh giới chẳng thọ nên không có vô tác. Nếu thọ giới trở xuống là nói thọ được giới, tức có vô tác. Cho nên trên tánh tội thêm trái vô tác. Các giới xuất gia vô tác sanh riêng cho nên trì giữ thì công bằng hư không, phá bèn tùy đối một chi một cảnh, nêu trì khuyên thọ thêm tọi trái phạm. Huống chi phạm rồi theo pháp mà trừ thì lại được thanh tịnh. Cho nên nói: Hoa Chiêm Bặc tuy héo cũng vẫn hơn các hoa khác. Các Tỳ-kheo phá giới vẫn hơn các ngoại đạo. Như cắt cỏ trở xuống là lược nêu tướng đồng khác của giả tánh như cỏ nuôi đều có tội trái chế, làm sám Hối Đơn Đề thì hai giá đều diệt. Song ở hại súc vẫn có tánh tội cho nên dẫn luận mà giải thì đền mạng cũng còn đó. Hỏi: Tánh tội chẳng mất vì sao phải sám? Đáp: khỏi di chế rồi trì tâm liên tục. Nếu quả vị rộng đến thì làm nhân lợi vật, đâu đồng với di mà đọa trong ba đường, thường là hoàn, là phục, là trở lại (đền), cho nên Tứ phần trở xuống là dẫn chứng. Nói biên tội tức là tánh bốn trọng và có thọ năm mươi cho đến giới Tỳ-kheo sát nhân, đạo năm phạm dâm ba đường nam nữ đạo tục, không phải vợ mình, và không phải chỗ. Vọng đối nhân thú gọi là quá nhân pháp phạm bốn thứ này rồi năm mươi tiến cụ Tỳ-kheo xả rồi, lại lấy làm câu hỏi, người bên Phật pháp nên gọi là biên tội. Trọng ngăn luống thọ cho nên phải hỏi. Tội này v.v... là giải thích ý biên già. Nếu trước chưa từng thọ phạm rồi còn chướng năm giới, tám giới, huống chi là cụ giới ư? Huống chi thọ năm v.v... mà phạm bốn trọng ư? Ở đây y theo kinh Phương Đẳng Đà-la-ni và kinh Hư Không Tạng Bồ-tát mà nói nghĩa biên tội. Đa luận cũng

nói; Phạm trọng trong năm giới, tám giới, mười giới thì chướng giới cụ túc. Cho nên Nam Sơn sao chủ y theo đó mà thừa dùng. Tướng Bô đối nội tuy khác ở đây, nhưng Nam Sơn có giáo để làm bằng. Đại sư Trí Giả y giáo mà thừa dụng. Nếu đạo tục phạm rồi mà sám hối lại muốn tiến cầu giới thanh tịnh thì đủ như các kinh Phương Đẳng, Chiêm Sát v.v... Kinh Chiêm Sát quyển thượng chép: Ở đời vị lai, tại gia xuất gia muốn cầu tịnh giới, phạm tội tăng thượng mà không được thọ, thì phải tu sám pháp, đủ như trong văn kinh. Cho nên phải biết tánh giới thanh tịnh làm nhân các giới, cựu gọi là tác, vô tác. Thành Luận nói Giáo vô giáo, Tân gọi là Biểu, vô biểu. Tác là làm, Giáo là dạy, Biểu là bày, tên khác mà ý đồng, kia đây không còn. Vô tác một khi phát thì không bỏ mất duyên, trọn hết cả đời thường khởi tương tục. Như khi mới thọ, tác bạch xong rồi sau mới vào tâm khác còn gọi được giới. Nên Thành Luận nói: Nếu người vào tâm bất thiện, tâm vô ký cũng gọi là trì giới. Luật Sớ nói: Bốn tâm ba tánh đầu cuối thường có. Ba tánh thêm vô tâm là bốn v.v... Rộng nói tác, vô tác tướng trạng đồng khác, không phải ở đây có thể nói hết, đủ như trong Sớ Sao. Tiểu thừa trở xuống là y cứ Đại thừa, Tiểu thừa để nói ba nhóm mà nói vô tác khác nhau. Kinh luận Tiểu thừa đều lập ba nhóm tức là sắc, tâm, phi sắc phi tâm. Nói tâm vô tận, là ý nói tâm tánh xem là giới thể, như Tiểu thừa giới thể là tụ thứ ba lại y theo kinh bộ, như trong Hữu bộ lại cho sắc là giới thể vô tác. Nhưng trong Đại thừa lấy tâm tánh làm giới thể. Nếu phát vô tác cũng y theo thân nghiệp làm giới mà phát. Tuy y theo thân nghiệp thể ắt ở tâm. Nếu trước Tiểu sau Đại thì tất cả chuyển thành giới thể vô tận. Nếu trước thọ đại, sau mới xuất gia, muốn ở trong số Đại Tỳ-kheo mà chẳng mất pháp Bồ-tát thì phải thọ lại luật nghi (thọ giới lại). Chỉ đối với tất cả phát được thân nghiệp thanh tịnh, phòng phi luật nghi, giới thể vô tác lại chẳng phát. Cho nên theo Niết-bàn thì năm thiên bảy tụ đều là luật nghi của Bồ-tát xuất gia. Lại nếu trước Tiểu sau Đại thì khai Tiểu hạ để thành Đại hạ. Nếu trước Đại sau thọ luật nghi ở Tiểu thì y Tiểu, ở Đại thì y Đại. Lý tuy như thế nhưng nơi chốn khác nhau. Cõi này Tăng Đồ chẳng phân biệt Đại Tiểu. Ở Tây Trúc chẳng thế một bề cách xa. Nhưng bổn y xuất thế thì Đại Tiểu đều hoằng, chỉ tùy vật cơ duyên mà chung cục ở đó. Đạo định vô tác, chọn kỹ ở luận v.v... cho nên kinh nói trở xuống là dẫn chứng đạo định, lại lấy luật nghi làm căn bản.

Hai là nói tướng trì. Trước là sự, kế là lý. Trong trước sự thì văn mười nghĩa bảy, ý ở chánh tu. Nói nghĩa bảy là bốn trước đều một, sáu sau thành ba. Nói về ba quán cũng có hai nghĩa, bốn, sáu khác nhau.

Bốn trước là nói sự, sáu sau nói lý mà nghĩa ở sự. Ý ở đây so sánh khiến biết cạn sâu. Trước giải thích chẳng thiếu tức trì bốn trọng. Nếu hủy trở xuống, là lấy phạm hiển trì. Nói Tỳ-kheo mất pháp, là đã phạm trọng rồi chẳng được làm tăng nữa. Đại Kinh chép: Tỳ-kheo phạm trọng rồi chẳng thể nẩy mầm hạt giống lành, như chặt cây đa-la. Chẳng phá, gọi tổn là phá còn hơn là thiếu. Cho nên vẫn ở tăng số sanh thiện. Nếu hủy trở xuống là lấy phạm mà hiển trì. Chẳng xuyên là tuy chẳng phá thiếu như cũng có xuyên, dịch là có thể bổ trị. Nếu có trở xuống là dùng phạm hiển trì. Chẳng tạp tức là sự định, có sự định thì nhậm vận trì được. Tuy trì trở xuống là lấy phạm hiển trì. Đại Kinh quyển hai mươi chín chép: Nếu có Bồ-tát tuy chẳng hòa hợp với người nữ kia mà nói cười đùa giỡn với họ, Bồ-tát như thế thành tựu dục pháp, phá hủy tịnh giới, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới tạp uế, chẳng được gọi là Tịnh giới đầy đủ. Lại có Bồ-tát tự nói giới tịnh, tuy chẳng hợp với thân người nữ, chỉ nói cười đủa giỡn mà ở ngoài vách nghe tiếng vòng xuyến kêu thì gọi là Bồ-tát thành tựu dục pháp, cho đến chẳng gọi tịnh giới đầy đủ. Lại kế tự nói tịnh giới cho đến chẳng nghe tiếng vòng xuyến kêu, nếu thấy người nam rượt đuổi người nữ, nếu thấy người nữ đuổi theo người nam. Bồ-tát Như thế cho đến chẳng gọi tịnh giới đầy đủ. Cho đến tấu nhạc trời, rộng như câu đầu. Như trong luật Tứ phần, trì giới có bốn: Một là tặc giới hạn như nịnh nọt, lừa dối mà hơn người khác, tà mạng danh lợi v.v...; hai là tội giới hạn là sợ ba đường dữ; ba là phước giới hạn, muốn vui trời v.v...; bốn là đạo giới hạn, tức là giải thoát, trừ làm giải thoát ba thứ từ trước đến hạn cho ngày, như thế thời Xứ chi v.v... sợ chẳng phát giới. Dùng Trung đạo trở xuống cũng gọi là khai quyền. Đã được Trung rồi lấy Trung tuệ này mà dung tất cả pháp. Cho nên khiến mỗi hành vi cử chỉ đều là pháp giới. Cho nên nói Đại thừa Thức-xoa-ca-la-ni, Hán dịch là học, riêng ở thứ năm y cứ chung các thiên, nay đều khai thành Đại thừa. Cho nên Đại kinh và Thập Trụ Bà-sa đều chỉ thiên tụ nói rằng: Đại Bồ-tát trì giới cấm ấy, phải biết giới không Đại Tiểu, do người thọ tâm hẹn ấy thì Trung đạo khắp vào không giả và sự luật nghi, mới được gọi là đầy đủ trì giới. Niết-bàn năm chi v.v..., là trong Thánh hạnh ấy trước nói tự hành năm chi. Sau nêu nguyện khác mười giới. Đại Bồ-tát từ mỗi chi đều nguyện chúng sanh được mười giới cấm. Nói năm chi: Một là cụ túc nghiệp thanh tịnh giới, nghĩa là bốn trọng; hai là tiền hậu quyến thuộc dư thanh tịnh giới. Nghĩa là Thâu-lan-giá là quyến thuộc. Ở đây nói nhân lan làm phương tiện trước tội trọng. Mười ba Tăng tàn nêu ở sau tội trọng là hậu quyến thuộc. Nói dư là như giải

thích ở sau; Ba là phi chư ác giác giác thanh tịnh giới, tức là Bất tạp định cộng giới; bốn là Hộ trì chánh niệm, niệm thanh tịnh giới, tức là bốn niệm xứ đạo cộng giới; Năm là Hồi hướng cụ túc vô thượng đạo giới. Phật, Bồ-tát trì các phàm tiểu không trì được. Hộ mười giới khác: Một là Cấm giới, hai là Thanh tịnh giới, ba là Thiện giới, bốn là Bất khuyết giới, năm là Bất chiết giới, sáu là Đại thừa giới, bảy là Bất thối giới, tám là Thuận theo giới, chín là Tất cánh giới, mười là Cụ túc các Ba-la-mật giới. Nay cũng dùng mười nguyện đối hạnh. Cho nên Đại Kinh mười giới ý đồng với luận. Năm chi lại khác với nguyện mười giới, khai hợp khác nhau. Ấy thời lại đem tự hành để nguyện cho người. Cho nên trong Huyền Văn dùng đủ nói mười để đối kinh mười và năm chi, đủ như trong Thích Châm nói Hòa Hội đồng khác. Thúc tiền trở xuống là xếp vị. Đã y cứ sự giải thích để nói một tâm, cho nên mười giới này là ối phàm thánh Đại Tiểu vị khác nhau Bất Tập Giới chép: Phàm phu nhập định thì trì được, là lại y cứ hữu tông, nếu cứ vào bộ khác tâm khác cũng được. Trí khen hạnh tự tại hướng người trì, cứ vào đây để nói Thập Trụ tức trì Tùy Đạo không dính mắc. Thập Tín chỉ trì luật nghi các giới tùy định cụ túc nói chẳng phải sáu độ, Bồ-tát Thông giáo trì giữ, là lại một lần phân biệt rằng: Đầy đủ đây là người đại căn tánh trì được, người Biệt có phần, cho nên chẳng phân biệt. Y cứ vào lý cũng chẳng phải người Biệt hạnh hướng trì giữ được. Chỉ là Sơ địa trở xuống mới trì được. Hướng xếp trở xuống là y cứ lý quán mà nói trì giới. Trước kết trước sanh sau. Tiên thúc trở xuống là chánh giải thích. Trong đây văn mười nghĩa hai, ý ở chuyển sự để tu chánh quán. Nói hai nghĩa, tức là cảnh và quán. Bốn và sáu như trong sự trước, nay ba quán ba và một chẳng hai. Nhưng mười giới trước đều là lý quán, tức là sáu thứ sau. Phân trương đối vị nên thuộc về sự tướng, huống chi là luật nghi chẳng tạp sẽ phân chia dụng. Cho nên nay lại y cứ vào một niệm tâm nói đủ mười giới, mà chẳng lạm tôn cực, chẳng lìa phàm tâm. Dùng bốn giới trước làm cảnh quán chung, vì sự lý của sáu quán tức nhau. Phải biết Thiên tụ chẳng thể thiếu một. Người đời khinh bác bỏ sự mà còn muốn ly sâu, xét biết quán này hư vô không có gốc. Đã thiếu cảnh quán, quán cũng không theo. Cho nên văn nay còn quán, duyên sanh một niệm tâm khởi làm nhân thiện ác. Do đây cũng phá chẳng thiếu, cho đến chẳng xen lẫn, huống chi chỉ quán trọng nghiệp và khinh cát của thân nghiệp ư? Còn quán tâm này tức là pháp tánh đâu quán thẳng ở nhân thiện ác ư? Cho nên văn nay khác ý với nó. Kế quán thiện ác trở xuống là quán giới tức hư không, dẫn Kim cương mà giải thích. Cho nên biết trở xuống

là lược bày ý kinh. Tuy lược bày này chưa biết pháp và phi pháp là gì. Nay nói trở xuống là giải thích pháp và phi pháp, tức dùng phá kiến gọi là đều không. vì sao? Vì tuy phá ngã nhân chúng sanh thọ giả, giả không cùng thật cũng thấy là có, thì gọi là Pháp, nếu thấy là không cho đến thấy chẳng có chẳng không thì đều gọi là phi pháp. Y theo đây khởi cũng gọi là dính mắc, cho nên phải bỏ. Nếu chẳng khởi bốn kiến thì không có sáu mươi hai kiến. Cho nên nói đề phòng sáu mươi hai kiến có không, như trong Đại Phẩm mười sáu tri kiến, ngã nhân v.v... bốn thứ cũng ở trong mười sáu kiến đó, mười sáu cũng thuộc bốn thứ này. Bốn kiến này Vô Trước nói rằng: Ngã là chấp trong, nhân là chấp ngoại. Chúng sanh vì tiếp tục ở trước, thọ giả vì đến sau. Nếu y theo Đại luận mà giải thích mười sáu tri kiến rằng: Ngã là ấm giới nhập chấp ngã, ngã sở, hoặc tức hoặc lìa. Nhân tức trong ấm giới nhập gọi ngã là hành nhân, hành chung với thiện ác đều là hành giả. Chúng sanh là trong ấm giới nhập hòa hợp mà chấp có ngã sanh. Thọ giả, là trong ấm giới nhập mà chấp một kỳ báo hoặc dài hoặc ngắn, cũng rất giống với Vô Trước. Hai luận đều dùng ấm, giới, nhập mà làm chỗ chấp. Nay văn lấy chung bốn câu thật giả đều làm chỗ chấp, vì hay chấp có v.v... làm ngã nhân, vì đây hơi khác. Ấy thì gần là y cứ tùy đạo giới mà nói vì thuận văn kinh phá ngã. Ý kinh đã xa chỗ chấp cũng chung. Pháp và phi pháp đâu chỉ giả thật. Nhưng năng kế chỉ thành sáu mươi hai kiến mà thôi. Nếu nói chung thì pháp tức là diễn, phi pháp tức là Tiểu. Diễn còn chẳng dính mắc huống chi là tiểu ư? Lại pháp tức là Đại Tiểu, phi pháp tức là giả thật. Lại pháp là Đại thừa là hữu, phi pháp là Tiểu thừa, là vô. Cho đến phi hữu phi vô. Như thế đều gọi là kiến ngã nhân, cho nên cũng thuộc sáu mươi hai. Cho nên nói Đại thừa sanh trước cũng phải vô thường, huyễn hóa v.v... mà phá. Nghĩa tuy thế, nay lại theo Biệt. Trong trí khen nói biết tâm chẳng phải tâm, pháp cũng chẳng phải pháp, biết không chẳng phải không nên nói mà chẳng còn dính mắc chẳng phải tâm chẳng phải pháp. Từ không ra giả, lại ra khỏi giả của tâm pháp này. Cho nên nói Đạo chủng phương tiện ở chỗ không có mà lập tâm lập pháp, lập tâm pháp gia thật trong ba cõi, tức là vào giả của ái kiến. Giả đã lập rồi đối bệnh mà lập thuốc, gọi là nhổ bỏ. Nếu y cứ tự hành mà nói nhổ bỏ, thì Đại Kinh nói: Nguyện làm tâm sư bất sư, ở tâm muốn được Bất thối Bồ-đề, phải phát nguyện này. Tịnh Danh nói: Đệ tử các trần lao tùy ý mà chuyển. Hóa tha cũng như thế, vì tự tại cho nên được trí khen, cho nên biết hai giới một thể chẳng khác. Tùy định như thế mà kết tên tùy định, đều đầy đủ mà kết tên đầy đủ. Cho nên biết hai tên

cũng chẳng khác lắm.

Ba là cảnh quán, trong mỗi văn đều giải thích trước, kế dùng chỉ quán mà kết. Cho nên Phạm võng trở xuống là dẫn chứng lý quán trì giới gọi là chỉ quán. Cho nên biết phải dùng nghĩa quang Đệ nhất vắng lặng chiếu tức nhau mà thực hành phòng chỉ khéo thuận giới thể. Hiếu là nuôi, đạo thờ cha mẹ phải thường nuôi dưỡng ở tâm, vì ở tâm nên thuận theo sắc mặt, nên gọi là thuận. Nay cũng như thế, quán lý không thể nghĩ bàn luôn chiếu ở tâm, khéo thuận theo lý. Thuận cho nên quán ba đế, hiếu cho nên chỉ ba hoặc. Như thế trì giới còn cúng dường, nghĩa đồng với Biệt giáo xuất giả trì giới, đâu lại cùng Thiên tử thứ dân làm hiếu đồng tuổi ư? Thần quỉ nói: Người có hiếu trước phải giữ yên nước, nước yên thì nhà mới yên. Nhà yên do đó làm hiếu. Như thế còn chẳng kịp trời người, huống chi là Đại Tiểu thừa phòng chỉ thiện thuận. Nói Bổn sư và ta đều tụng, đọc thuộc lòng gọi là Tụng. Xá-na Thích-ca vì chứng giới thể. Bẩm giáo nghĩa bặt không nói mà nói, nên gọi là Tụng. Tha trụ nói rộng là Tỳ-bà-sa đây nói nói rộng. Được hai không nhân pháp gọi là lìa ngã ngã sở và lìa các pháp có tưởng sở đắc, gọi là hý luận. Vì như pháp này gọi là thượng thi-la, nên biết cũng là y cứ lý mà gọi là giới. Tịnh Danh nói: Tịnh Danh Sớ dẫn: Khi đó có hai Tỳ-kheo nghi phạm hai Ba-la-di dâm và sát, hai người cùng ở trong Lan-nhã. Một người đi chỗ khác, một người nằm trần truồng, cô gái hái củi lén làm việc bất tịnh. Bạn của thầy Tỳ-kheo về thấy bèn đuổi đi, cô gái sợ chạy té xuống hố mà chết. Người nằm nghi là phạm dâm, người đuổi nghi là phạm sát, chẳng dám hỏi Phật, đến hỏi ngài Ba-li. Ba-li y theo luật mà giải thích. Nếu phạm căn bản thì phải học hối, nếu phạm phương tiện thì phải sám lan, nếu vốn vô tâm thì chẳng cần sám hối. Đại sĩ trách rằng: Ta nghĩ Thanh văn chẳng quán căn người không nên nói pháp. Hai Tỳ-kheo này phát Đại tâm đã lâu, vì sao dùng tiểu mà dắt dẫn. Tội tánh kia chẳng ở trong ngoài, hay khoảng giữa. Tâm người như thế thì tội cấu cũng như thế. Đây tức là yếu quán vô sanh hối. Như thế gọi là khéo biết giữ luật. Nay cũng lấy đây gọi là Thượng Thi-la. Thượng Thi-la là không trì không phạm phạm là Vô sanh, đâu vì vô sanh mà khiến phạm. Cho nên biết phải lấy bốn câu mà suy trì, vô trì tánh phạm, gọi là thật giữ giới, đâu cần phải suy phạm mới gọi là khéo biết ư? Lại nữa, trở xuống là y cứ năm tên để làm quán giải. Tứ Phần trên dưới chỉ có bốn tên, theo các giải thích xưa chỉ còn ba tên, đó là Thi-la, Tỳ-ni, Cây-xoa. Cho nên ngài Nam Sơn dẫn trong mười tám pháp Tỳ-ni và luật hai tên chẳng giống nhau. Nay ý ta là y đủ các tên để giữ bốn, tên tuy chẳng

giống nhau, đã được tên luật, lại gọi Tỳ-ni. Cho nên văn nay từ tên đều dùng, đều lấy tên căn bản mười tám tụng, tức là Ưu-ba-li một hạ tám mươi lần lên tòa mà tụng, cho nên được gọi như thế. Y cứ chung năm tên gọi để bày quán giải. Nếu các bộ khác tên tuy tùy sự mà lập riêng, cùng sự nghĩa đồng. Cho nên nêu tụng mà nói để nhiếp các bộ. Nay đã dùng mười giới hợp thành ba quán, quán tâm năm tên cũng y cứ ba quán. Các tên khác rất dễ thấy.

Nói Luật là chẳng lấy luật luật lữ, chỉ y cứ như luật đời khiến Đào Ngu mới tạo, Tiêu Hà lấy đó làm chín chương, dần dần phân ra nặng nhẹ đều rõ ràng. Nhĩ Nhã gọi là Pháp. Pháp luật do đó nói lượng nặng nhẹ, phạm và chẳng phạm v.v... quán tâm cũng như thế. Nói lượng hoặc và trí đều có tướng trì phạm nặng nhẹ. Như trong tâm Bồ-đề ở trên, một là cảm ứng phát tâm kết thành ba thứ chỉ quán, các thứ thô tế khó dễ, cạn sâu, khéo việcng v.v... cũng là nghĩa nói lượng. Người có bốn, nếu nói về quả báo thì Nam châu là hạ hạ, nếu y cứ về gặp Phật thì Nam châu là thượng thượng. Cho nên Đại luận quyển sáu mươi hai nói: Diêm-phù-đề có ba việc còn hơn các trời khác, Bắc châu không bằng, một là dứt được dâm dục, hai là biết niệm lực, ba là tinh tấn mạnh mẽ, lại có thư Bát-nhã. Cho nên các trời xuống nghe pháp. Cho nên Đại Kinh quyển ba mươi ba nói: Nhân duyên hạ hạ nên sanh ở Bắc châu. Cho đến nhân duyên thượng thượng nên sanh ở Nam châu. Thượng phẩm có nhiều thứ, như sáu tầng trời cõi dục và mặt trời, mặt trăng các sao chia làm chín phẩm. Thượng thượng là tha hóa cho đến hạ hạ là các sao, cho đến phước báo, nhiều thứ khác nhau. Như kinh Tịnh Danh nói: Tùy phước đức mà mầu cơm có khác. Cho đến các thiền đều khác nhau. Như trong kinh luận tùy theo ý nghĩa đều có phẩm loại pho quyển khác nhau. Có thể hiểu ý chẳng cần văn rườm rà. Trong y cứ quán giải hoặc ngang hoặc dọc hoặc tự hoặc tha, một tâm khác tâm, nói lượng nặng nhẹ, huống là mỗi pháp đều nhiếp vô biên. Chỉ cần biết ý không cần văn đủ. Riêng hỏi trở xuống là giải thích nghĩa, Chương An đối diện các Đại sư mà đích thân hỏi quyết nghi. Nếu các văn nói thẳng đây nghĩa là chết rồi mới nói về mình. Văn trước là nói về mình mà hỏi. Hướng về ba quán đều có ba phẩm. Không là hạ, giả là trung, trung là thượng. Không giả đều có ba đều y cứ phát chân. Vào trung cũng có ba phẩm, tức lấy năm phẩm làm hạ, sáu căn làm trung, Sơ trụ làm thượng, thì trong ba phẩm có chân có tự là sao? Câu hỏi này lại nói theo Đại phần, ba phẩm không giả cũng chẳng phải toàn phát chân. Như giả ba phẩm tức lấy Bồ-tát Ba tạng làm hạ, như phiên đầu đã giải thích. Vào trung

ba phẩm cũng đều phát chân, lại y cứ phen sau làm câu hỏi này. Đáp: Tức lấy của Đại sư mà đáp. Có hai ý: Một là nói ba đường trước chưa hợp, hai thứ không, giả trong ba phẩm đã đối ba giáo căn duyên cách khác, do đó mở ra ngang đối ba người. Người đã khác nhau đều y cứ phát chân, đối với lý không lỗi. Nếu vào trung rồi, may mắn điều lành đều dung, chỉ y cứ sáu tức thì nghĩa giống như dọc. Lại cũng được hạ, vì Trung đạo này từ người từ giáo cũng được nói ngang. Ba thứ Biệt, tiếp, Đẳng đều phá một phẩm, ba người đối nhau có thể chẳng phải ngang sao? Tuy gọi ngang mà chứng đạo không hai. Vẫn gốc mà nói lại là ngang ba, đâu chỉ nấu đốt che chướng? Khác nhau luật văn Thiên tụ đều có phương tiện căn bản hậu khởi đối tâm đối cảnh, hoặc tội hoặc sự, hoặc song hoặc đơn. Theo báo thì có tướng nấu đốt nặng nhẹ, ba quán tức nhau ba đế dung nhau, tùy nói một trần, một tâm một quán đều khắp pháp giới. Trong luật Thập Tụng gọi địa ngục là nấu đốt che chướng. Tám ngục nóng mười sáu chung làm nấu đốt, tám ngục lạnh tối đen chung làm che chướng. Nếu sự trở xuống là so mà quyết. Ấy thì ở sự khuyên càng quán, chẳng nghe có quán mà bỏ sự. Ấy thì một tâm ba quán để trì phạm, đâu đồng hộ căn, chế ra sáu thức ư?

Ba là nói tướng Phạm, trước nêu thí dụ gốc tức là La-sát đồng là ái kiến mà làm dụ. Người đi trở xuống là lược hợp. Ái kiến đều có thể làm tổn Thiên tụ, cho nên đều dụ La-sát đến xin phao bơi. Ái La-sát trở xuống là rộng hợp. Trong đây văn chín nghĩa hai, ý ở hiển trì. Nói văn chín là các thứ Ái kiến có chín, tức là năm thiên định và ba quán, nghĩa hai là lại có ba khác: Một là ái kiến, hai là sự lý, ba là trì phạm. Trì phạm là năng xếp, sự lý là cảnh phạm, ái kiến là nhân phạm. Nói hiển trì là phạm cũng thành trì, huống chi vốn tịnh. Nếu nói theo lý vốn tịnh tuy trì cũng gọi là phạm. Dùng sám tịnh rồi mới trở lại vốn tịnh. Trước hợp ái trong kinh chỉ có năm đoạn: Một là dụ toàn xin là dụ phạm bốn trọng; hai là xin phân nửa là dụ phạm mười ba; ba là xin cánh tay, là dụ phạm Thâu-lan. Nay văn nói là xin trọng phương tiện, lại là thành tướng tiệm phạm, cho nên bỏ quả còn nhân; bốn là xin ngón tay, là dụ phạm hai đề; năm là xin vi trần là dụ phạm cát-la. Nay văn y kinh cho nên không có sửa đổi. Vì văn thiếu ở Đề-xá lại dư ở Thâu-lan. Vì tụ chẳng khai thứ năm cũng thiếu Đề-xá. Văn Kinh Đại thừa ý Phật khó lường. Kinh Văn-thù Vấn Thiên Tụ cũng như thế. Nó nêu năm Di, ba Lan, hai Đề, một Cát, tội chủng tuy ít mà gồm nhiếp rất rộng. Đây đều là luật nghi của Bồ-tát, cho nên chẳng thể toàn đồng ba tạng. Nếu phá cảnh quán là phạm luật nghi, tức trong mười phạm ba giới trước chia làm năm

tội. Năm tội khác nhau lại phân ra ái kiến. Di và Tàn trong năm trước đều trước phạm kế trì. Ba thứ Lan, Đề, Kiết văn tướng lược chỉ còn tướng phạm, kế tướng trì trong Di tội văn, thà ông giết chúng ta v.v... là thà giết ấm thân phạm giới không thể được. Cho đến phải nói trong miệng rắn độc. Kế trong tướng thiển phạm nói ma xúc v.v... là nếu phân ra nhân quả để đối tội danh, đủ như trong luật bộ. Kế trong tướng trì nói sau v.v... là Phạm thiên thứ hai, trong tăng mà bạch gọi là ý sau. Ở gọi riêng là Tẫn cho đến đoạt ba mươi lăm việc và bổn nhật v.v... gọi là trị tẫn. Kế xin trọng phương tiện, thì dụ Nhân lan, Cát-la trở xuống là nêu huống khuyên trì. Vi trần chẳng đủ, tổn ở núi nổi mà tiếc cho La sát, là sợ nước dần vào có thể chết chìm trong biển thanh tịnh xa. Nay cũng như thế. Các tội đã là nhiễm ô chủng loại, hay mở ra môn không cứu được. Thứ năm đã thế thì ba thứ kia cũng như thế. Tội trọng như chết nên nói mà chết. Tham lan trở xuống là giới định cộng. Định cộng tuy sức nhưng chưa chứng chân dục muốn trái định nên gọi là phạm. Thân trước trở xuống tức là không giới. Vì không tùy đạo Vô Trước thì chẳng thể phá nhân ba hữu, cho nên gọi là vì có tạo nghiệp. Hai giới trong giả lệ ở nói trước. Từ đấm sâu trở xuống gọi là lý phạm. Kế dùng La-sát mà dụ kiến. Văn trước nói khác, tài sắc thuộc ái nhân nầy phá giới, tất cả đều thế, nên nói xúc nhân vô thỉ và câu, gọi là Dĩ sanh ác, nương theo kiến phá giới, hoặc nhân lúc sau suy lý khởi chấp gọi là Vị sanh ác. Dự biết phòng lỗi cho nên nêu ra. Cho nên nói kiến này tuy chưa khởi, sau bị hai duyên nội ngoại phá hoại mà sanh ác kiến. Một được ít thiền, hai được thầy bạn, không sâu không lâu nên gọi là ít. Vừa được nhân căn bản mà sanh kiến, tức sanh niệm trước cát-la mà khởi lỗi tội trọng. Khi Phật còn tại thế có một Tỳ-kheo trở xuống là dẫn việc. Đại luận quyển mười chín nói: Có một Tỳ-kheo được thiền thứ tư sanh tăng thượng mạn cho là đã được bốn quả. Trước được Sơ thiền gọi là được Sơ quả cho đến được Thiền thứ tư gọi là được La-hán, ỷ vào đây mà tự cao chẳng chịu tiến đạo. Khi qua đời thấy ấm bốn thiền liền sanh tà kiến, bảo là không có Niết-bàn, Phật dối gạt ta, sanh khởi ác kiến, mất trung ấm thiền tướng, A-tỳ hiện ra, chết rồi đọa vào đó. Các Tỳ-kheo hỏi Phật: Tỳ-kheo A-lan-nhã chết rồi nay sanh chỗ nào. Phật nói: Đọa vào ngục A-tỳ, các Tỳ-kheo sợ quá, ngồi thiền trì giới mà đến thế ư? Phật như trước đáp xong, liền nói kệ rằng: Học rộng giữ giới thiền chưa được pháp lậu tận, tuy có công đức ấy, sự ấy khó thể tin, đọa địa ngục do bác bỏ Phật không phải thiếu Thiền thứ tư. Đây là chứng được ít thiền. Phật còn tại thế trở xuống là nêu so sanh để giải thích ý thầy bạn. Đại sư còn tại thế

mà còn có người sanh kiến chấp, huống chi Phật diệt độ rồi không có thầy lại chẳng được thiền. Lại ác kiến, như kinh Thí Dụ, kinh Hiền Ngu đều nói: Khi Phật ở Xá-vệ, có Bà-la-môn tà kiến cùng năm trăm đệ tử đi theo, đều qui kính nhân cùng đệ tử Phật thi đua mà chẳng biết, hổ thẹn gặp lại đệ tử mình nên nhảy xuống sông mà chết. Phật bảo ông ấy có hai tội: Một là rất độc, hai là bác bỏ Phật. Phật nói nay đọa A-tỳ. Đại Hư Không Tạng v.v..., là Kinh Hư Không Tạng quyển hạ, văn nêu sáu tội trọng, thứ ba nói. Lại nữa người thiện nam, hoặc có Bồ-tát Sơ Hạnh, thấy chúng sanh khác bảo rằng: Nhân giả, chớ làm Tỳ-ni giới luật (chớ giữ giới) chớ tinh tấn cầu mau phát tâm Bồ-đề, mau tụng kinh điển, thân nghiệp ý làm ác do làm ác liền được thanh tịnh. Đó gọi là tội trọng thứ ba. Vì sao trở xuống là chánh nói tướng phạm, cũng trước là sự phạm, sau là lý phạm. Trong sự phạm trước nói năm tội, ba trong mười phạm ăn nuốt người chó dụ cho phá nhân quả thế và xuất thế. Dây từ hơn kém mà làm dụ. Phá chánh kiến oai nghi v.v..., là khởi kiến tức phá chánh kiến. Phải dẫn Đại Kinh quyển mười hai v.v..., văn không có vì lược phạm ba nhóm trước gọi là phá giới, phạm bốn nhóm dưới gọi là phá oai nghi, bốn tà năm tà gọi là phá chánh mạng. Tà pháp môn nuôi mạng sống nên gọi là Tà mạng; bốn tà: một là Phương tà, tức là làm người sứ thông tin trong nước; hai là Duy tà, tức làm nghề thuốc và coi bói; ba là Ngưỡng tà, tức là xem sao (thiên văn); bốn là Hạ tà tức là gieo trồng, cày cấy. Cũng gọi là bốn nghiệp thực (bốn cách nuôi sống). Cho nên Đại luận Xá-lợi-phất xin ăn, có một người nữ hỏi Xá-lợi-phất rằng: Ông là phương nghiệp thực chăng? Cho đến hạ nghiệp thực chăng? thì đều đáp không phải. Người nữ hỏi vậy thì thực nào. Xá-lợi-phất thứ tự giải thích bốn thứ thực xong, bèn bảo tôi chỉ khất thực tự nuôi sống. Năm tà: Một là vì lợi dưỡng nên hiện tướng lạ lùng hai là vì lợi dưỡng nên tự nói công đức mình; ba là bói tướng tốt xấu vì người nói pháp; bốn là lớn tiếng hiện oai nghi làm cho người kinh sợ; năm là nói được cúng dường để động lòng người. Đây đều là các bậc cao đức đều thận trọng, không phải chỗ kẻ ít đức, lưu dòm ngó được. Hoặc trọng phương tiện cho đến cát-la y theo ái mà nói. Nghĩa là các pháp trở xuống là lại nói tướng lỗi. Từ đầu cho đến chết hẳn là lệ cát-la trước cho đến mà chết. Phải biết người này trở xuống là kết phá chấp trước. Cận thượng v.v... gần là thấy tâm, xa là đế lý. Đã vì ác không trở xuống là lệ tham phan ở trước cho đến phá giới luật nghi. Chấp chặt kiến trở xuống là lệ tham năm dục ở trước, cho nên phá lý giới. Phải biết trở xuống là kết trung (trong kết). Nói còn chẳng được Niết-bàn trời người, là vui trong trời người cũng gọi

là Niết-bàn, sao chẳng dẫn vô hạnh v.v..., là trong kinh gồm có hơn bảy mươi hàng kệ. Sao ông chẳng dẫn các văn chẳng hề phá giới, mà dẫn riêng tham dục là đạo văn ư? Huống chi kinh nói dục là đạo, là chỉ nói đạo tánh chẳng ngoài dục, cũng nói dục tánh chẳng lìa đạo. Y cứ lý nói là tức, y cứ sự phải là lìa, mà ông chấp lầm tức dục là đạo. Nếu thế, chỉ có đạo tức là dâm, không hề dâm tức là đạo. Kinh lại nói: Thấy có không pháp khác, là chẳng lìa có không, nếu biết có không đều vượt lên thành Phật đạo. Ông chỉ thấy có còn chẳng thấy không huống chi là có không v.v... Kinh lại nói: Đạo và dâm nộ si là một pháp bình đẳng. Ý cũng như trước.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 4
(PHẦN 2)

Lại nữa trở xuống là trì phạm bất định, tức là hòa hợp hai môn trước, trì thì trì đủ mười giới, phạm thì phạm đủ mười giới, cho nên nói một bề. Nay hợp xếp thì bốn trước trong mười thuộc về giới, sáu sau thuộc về thừa. Thừa giới giao nhau bốn câu phân biệt. Nêu hai câu đều thuộc hai môn trước, hai câu giao lạc thuộc ý trong đây, cho nên nói bất định. Cho nên bốn câu này văn bốn nghĩa hai, ý ở đều trì, vì chẳng phải hiển. Cho nên lại nói: Nói nghĩa hai tức là Thừa và Giới. Nếu nói chung trở xuống là muốn nói bốn câu. Trước xếp chung riêng. Nếu nói mười pháp chung gọi là giới như trước đã nói, tức đạo định v.v... cũng gọi là giới, cũng có thể mười pháp gọi chung là Thừa, đều hay động xuất, nghĩa là bốn giới trước giúp ra khỏi ba đường. Muốn phân bốn câu phải từ nghĩa riêng, cho nên bốn trước là giới, sáu sau là thừa, đều phân ra ba phẩm để đối hoãn cấp (chậm gấp). Lại có thể giới phước đối nhau để làm bốn câu. Không giới có phước như Vương gia tượng (voi của nhà vua), có giới mà không phước như Tỳ-kheo khất thực, không được, giới phước đầy đủ như Tỳ-kheo thọ cung, không phước không giới như chó đói quỉ đói. Lại đem phước tuệ có không cùng làm bốn câu, là câu phải đủ hai nghiêm phước tuệ, thừa giới đều gấp. Sự lý không dấu vết, sự tức bốn trước, lý tức sáu sau. Người viên một đời có nghĩa vượt lên Mười địa. Nên nói một đời sẽ được. Ngài Nam Nhạc nói: Một đời trông vào Đồng luận chỉ thanh tịnh sáu căn. Lại nói: Tu bốn hạnh An lạc, một đời được vào sáu căn. Chậm nhất là chẳng ngoài ba đời, nếu vì tiếng khen lợi dưỡng thì nhiều kiếp chẳng được. Hoa Nghiêm Lợi Độn Căn, chỉ là người Biệt viên mà thôi. Trong đó phẩm số y cứ thuyên lượng trước mà nói rất dễ thấy. Câu kế là chẳng đều gấp. Như Đại Kinh nói: Thà làm thân đường ác mà được nghe pháp, trọn chẳng thân trời người mà

chẳng được nghe pháp. Nghe pháp thì sanh tử có hạn kỳ, còn trời người hoặc lui sụt thì vào đường ác. Văn từ cực trọng mà nói cho nên nói đều là bị nuốt. Năm thân đều là phá, thân nghiệp đều thiếu. Giống xưa vẫn còn hay chuyên lý giới. Vì lợi căn cho nên hoặc sẽ được đạo. Cho nên gượng ở thừa chậm giới gấp trong câu thứ ba nói chấm đơn, là y cứ Phật còn tại thế, nếu giáo đến cõi này thì biết mà chẳng thấy hai chữ chấm đơn e là viết lầm. Quyển mười dẫn là Pháp sư Chấn Đán Châu giải thích rằng: Phương Đông thuộc Chấn, là phương mặt trời mọc, nên nói Chấn Đán. Tân-bà-sa gọi là Chi-Na, Tây Vực ký gọi Chi-Na, tiếng xứ này đều là Chấn Đán, Chân Đơn giống nhau. Cho nên biết đều thuộc tiếng Phạm. Ba ức v.v..., là Đại luận quyển mười một nói Xá-vệ có chín ức nhà, ba ức thì mắt thấy Phật, ba ức thì tai nghe mà chẳng thấy, ba ức thì chẳng nghe chẳng thấy, huống chi mê đắm vui cõi trời và sanh chỗ nạn Bắc châu và ba đường ác thêm trời Trường thọ và Thế trí biện thông, sanh trước Phật, sau Phật, các căn chẳng đủ, đó là tám nạn. Thí như trở xuống là nêu thí dụ để giải thích nghi. Nghi rằng: Đã chẳng gặp Phật đâu cần giữ giới này. Nên thí dụ để giải thích rằng: Mong được ân xá, ân xá là gặp Phật nghe pháp. Xưa không tu thừa, không có duyên nghe pháp, ở trong ba cõi cũng như bị nhốt trong ngục. Giới thiện như tiền của, nghiệp đạo như sức lớn, được thân trời người như mạng chưa chết, hoặc gặp Phật pháp như được ân xá, sợ ở tại trời người cũng chẳng thọ hóa nên lại chê bai rằng: Nếu chẳng tu thừa thì không bao giờ gặp Phật, trời người phước hết lại đọa ba đường. Cho nên nước tu thừa chẳng thể thiếu. Hành giả trở xuống là trong xem xét nói rằng: đây là quyền đến dẫn thật. Đã giới chậm thừa gấp thì đọa vào ba đường ắt là Bồ-tát pháp thân đồng loại dẫn dắt. Cho đến cũng là thừa giới đều chậm sau là chủng dụ. Nếu tế trở xuống là giáo xếp nhân quả, bốn giáo nói nhân, là xưa tu bốn giáo, quán trí khác nhau xem là thừa chủng. Nay trải năm vị được đạo khác nhau để nói quả ấy.

Bốn là nói Sám tịnh. Trước lại nêu lời hỏi. Đã phạm sự lý sám pháp thế nào? Nếu phạm trở xuống là đáp. Trước đáp sám khinh. Luật văn từ thiên thứ hai trở xuống đều có Hối pháp. Sám thành giới tịnh chỉ quán mới sáng, đâu có khiến khinh giới chuộng lý. Nếu trong phạm sự tội trọng trở xuống nghĩa là ái thành thì phạm trọng. Chẳng chỉ cải quán hay diệt tội sâu, phải y Tam-muội gác sự phụ lý và quán tướng mà trị mới được thanh tịnh. Đây trở xuống là nói nghịch thuận mười tâm tức là phương pháp sám hối, nên nói lại nói. Kế lý quán trở xuống là nói nhân kiến giải tịch chưa đến thân miệng chẳng gây tội nặng nhẹ, cũng chẳng

phải dùng bốn thứ Tam-muội. Chỉ chuyển quán khiến chánh, kiến tâm tự mất. Tịch chưa bày ở người ngoài cho nên chỉ cúi đầu tụ trách. Nếu kiến nặng thì lại ở quán tâm tu sám. Đã nói phạm trọng chẳng riêng quán tâm. Nói quán tâm là thực hành sự sám phải nhờ quán tâm, nếu quán không tâm thì tội nặng không hết. Lấy quán làm chính nên nói ở trong quán tâm dẫn Quán Định Thắng Diệu, của Phổ Hiền ắt sự lý hợp làm mới nói được sự trước. Phương Đẳng nói đẳng là nếu trái ba qui mà qui về Tà sư Tà pháp Tà chúng mà phá năm giới cho đến hai trăm năm mươi giới tội trọng liền thành người Phật pháp chết, nhân sám giới còn nên nói sống lại. Ngài Nam Sơn cũng lập Vô sanh sám pháp nêu chung ba thứ: Một là các pháp tánh không, vô ngã. Lý này chiếu tâm gọi là Tiểu thừa; hai là các pháp Bổn tướng là không chỉ tình vọng thấy, lý này chiếu dụng thuộc về Tiểu Bồ-tát; ba là các pháp ngoại trần xưa nay không thật. Lý này sâu mầu, chỉ ý duyên biết là chứng hạnh của Đại Bồ-tát, quả Phật. Nam Sơn văn này tuy tức có cứ, song thứ nhất xếp là Tiểu thừa. Tiểu thừa lại không có Lý sám tội trọng, huống chi vị này đã cách sơ tâm. Thứ hai thứ ba thuộc Bồ-tát và quả Phật. Phàm phu muốn y tâm ra làm thì không có chỗ. Nay ở chỗ lập mà nói thẳng kẻ phàm hạ muốn dụng Đại thừa sám hối tội trọng thì phải y vào Phương Đẳng và quán Phổ Hiền v.v... Cho nên Nam Sơn quán vị quá cao sơ tâm không có phần. Vị cao mà không tội thì đâu cần nêu. Nếu người trở xuống là nói lâu xa chẳng ngoài quá khứ, hiện tại. Nếu vận mười tâm tới cùng đối với ở vô thỉ vô minh điên đảo thì tội nào chẳng nêu. Lại đời có người ngu. Nói tâm vô sanh, các pháp cũng không, lại gây tội mới. Phàm tạo tội phải nương ba độc. Người chân vô sanh phước còn chẳng làm, huống chi là tội ư? Vì tội và phước đều thuận sanh tử. Nói sám hối, như Đại Kinh quyển mười bảy Kỳ-bà-bảo Xà Vương (vua A-xà-thế) rằng: Tu một tâm lành hay phá trăm muôn hạt giống ác, như chút Kim cương phá được núi Tu-di, cũng như mồi lửa nhỏ đốt thiêu tất cả, như chút thuộc độc giết hại chúng sanh, chút điều thiện nhỏ cũng như thế, phá hoại điều ác lớn. Tuy gọi thiện nhỏ thật ra là lớn. Vì nghĩa ấy nên cần phải sám hối. Sám hối chỉ là ba nghiệp thiện. Văn trong đây lập hai mươi nghĩa phân ba hai, ý có xa gần nói ba, hai: Một là nghịch thuận, hai là ái kiến, ba là sự lý. Nghịch thuận là công năng, ái kiến là nhân phạm, sự lý là chỗ hiển. Nói xa gần, gần là lại tịnh, xa là hẹn chánh hạnh. Trong đó trước nêu mười tâm thuận lưu từ tế đến thô, trước do một niệm vô thỉ vô minh, cho đến thành tựu một tội Đơn đề. Kế mười tâm nghịch lưu thì từ thô đến tế, nên trước ngược phá một tội đơn đề,

cho đến mới đạt vô minh tánh không. Trước trong thuận lưu, kiến ái đồng là từ tế đến thô, thuận ở sanh tử. Cho nên thuận lưu đồng lập một môn, đến nghịch lưu mới phân ra ái kiến. Trước trong thuận lưu nói Lỗ ấp v.v... là dáng không mắc cỡ chẳng thuận. Kế ấy là trở xuống là tổng kết và nói ý tới. Kế nghịch lưu có hai: Một là ái, hai là kiến. Về ái, trước chánh tín nhân quả, sằng là hiện. Than ôi không câu móc. Than ôi là kinh ngạc. Như xưa ta là kẻ không biết mắc cỡ mà nay lại tự hổ thẹn. Xưa không tin câu móc đến nỗi gây ra tội trọng. Như voi điên không câu móc chẳng thể khống chế, nay dùng câu móc hổ thẹn mà móc con voi không biết mắc cỡ. Cho nên Đại Kinh có hai Bạch pháp cứu được chúng sanh: Một là Tàm, hai là Quí. Tàm là tự chẳng gây tội, quí là phát lồ với người. Lại tàm là trong tự hổ thẹn quí là chẳng xúi người khác làm. Tàm là người, quí là trời v.v... các giải thích khác nhau. Nếu không biết hổ thẹn thì gọi là súc sanh (ngàn năm), là lời thế tục nói: Một khi mất thân người thì muôn kiếp chẳng được lại. Ba cõi đường dài phải dùng muôn hạnh mà làm lương khô, bể sanh tử rộng phải dùng trí tuệ làm thuyền bè. Cho nên phải sợ vô thường mà dự bị lương khô, dự bị thuyền bè. Một khi nhắm mắt thì phải cậy nhờ ai. Nên nói an ký pháp vô thường này Hiền thánh bỏ đi, không phải cậy nhờ, không có mẹ để cậy, không cha có thể nhờ. Không thể sanh lớn gốc lành xuất thế, gọi là không cậy nhờ. Niên sự vừa đi v.v..., ký niên sự mà làm ngữ đoan. Nói phong đao, là mạng người sắp dứt sẽ bị gió tán nghiệp lực tháo bỏ, như tháo bỏ ống dọct lò rèn, khiến dứt gió không tiếp tục nữa. Như tháo bỏ móc câu khiến máu không lưu chung, như tháo bỏ cơ quan khiến con rối không còn cử động, như tắt đuốc thì hơi nóng không còn, như tháo bỏ phôi khí thì khiến thịt xương chia lìa. Bốn đại đã phân phải gặp tro than. Vì sao khoanh tay chẳng tu gốc lành? Như dẩ can, Đại luận quyển hai mươi ba nói thí như Dã can ở trong rừng nương theo sư tử cọp beo mà ăn thịt thừa để tự nuôi sống. Nửa đêm vắng lặng nhảy rào vào nhà người tìm thịt chẳng được, trốn ngủ chẳng thức, nửa đêm sợ sệt không biết tính sao, muốn dậy đi mà sợ bị bắt, sợ quá hèn giả chết nằm dưới đất. Mọi người tới xem, có người nói tôi cần cái tai dã can, liền cắt tai. Dã can nghĩ cắt tai tuy đau mà còn sống. Kế một người nói tôi cần cái đuôi, lại tự nghĩ cắt đuôi là việc nhỏ. Kế một người nói tôi cần răng. Dã can tự nghĩ: Người cần lấy càng nhiều, nếu lấy đầu ta hẳn là khó sống, liền vùng dậy dùng hết sức lực mà phóng chạy thì liền thoát. Người tu tâm cầu thoát khổ nạn cũng giống như thế. Trẻ chẳng tu như mất đuôi, bệnh chẳng tu như mất răng chẳng lẽ đợi đến chết thì như mất đầu, vì lúc già

bệnh còn dài rộng có thể sai hẹn, khi chết đến không có chỗ cậy nhờ. Như vua A-luân-kha v.v... Đại luận quyển hai mươi nói trong cung vua A-dục thường cúng dường sáu muôn vị La-hán. Vua A-luân-kha là vua A-dục mỗi khi thấy tăng chúng nhận vua cúng dường thì hỏi có đức gì mà được vua luôn cúng dường. Vua nói tuy nhận mà thường quán vô thường thì đâu có rãnh mà tham nhiễm. Người em chẳng tin. Vua muốn điều phục bèn thầm sai người bàn việc cướp ngôi lên làm vua. Vua anh bắt được liền hỏi nước mà có hai vua à? Bèn muốn giết đi, lại ra lịnh: Cho làm vua bảy ngày, sau đó thì giết. Trong bảy ngày mặc tình hướng năm dục. Một ngày trôi qua bèn khiến Chiên-đà-la lắc chuông báo rằng: "Một ngày đã qua còn sáu ngày nữa sẽ chết!" Như thế hết ngày thứ bảy thì lắc chuông báo: Bảy ngày đã qua hôm nay phải chết. Vua anh hỏi làm vua có thích không. Vua em nói tôi đều chẳng thấy chẳng nghe chẳng biết. Vì sao thế? Vì Chiên-đà-la hằng ngày lắc chuông lớn tiếng báo ngày sắp chết. Tuy làm vua được hưởng năm dục nhưng vì quá lo sợ nên chẳng nghe chẳng thấy v.v...! Cho nên phải biết vui nhiều mà sức yếu. Nếu người khắp mình được vui, một chỗ châm kim, thì các vui đều dứt, một biết cái đau. Vua anh nói Tỳ-kheo cũng như thế. Chỉ quán vô thường khổ, không, vô ngã, đâu rảnh mà tham đắm việc cúng dường mà phá ngược tâm, chẳng sợ đường ác. Nghĩ đọa đường ác như nghe tiếng chuông báo không lâu sẽ bị đứt đầu. Kinh Pháp Cú nói: Xưa có Thiên đế (vua trời) biết chết rồi sẽ sanh làm lừa, buồn khổ không thôi, bảo rằng người cứu khổ ách chỉ có Phật. Liền đến chỗ Phật đảnh lễ, khi chưa đứng dậy thì đã sanh vào thai lừa, bèn bứt dây mà đạp phá nát đồ vật, chủ đánh bị hư thai, bèn trở về thân Thiên đế. Trong lúc tự vẫn đã qui y Tam bảo nên tội hết. Thiên đế nghe xong thì được Sơ quả. Cho nên tạm qui y mà còn phá được tâm đường ác. Phát lồ là Đại Kinh quyển mười bảy nói: Người trí có hai: Một là tánh chẳng làm ác, hai là phát lồ với người khác. Người ngu cũng có hai: Một là làm tội, hai là che giấu tội. Bệnh bên ngoài của ngọc là vết, bệnh bên trong của ngọc là dấu. Cho nên có thể lấy thí dụ cho hai lỗi ẩn hiển, nếu che giấu dấu vết thì gọi là không biết hổ thẹn. Giặc độc cỏ ác v.v... nếu phát lồ, như kiểm thâu giặc khiến không lẩn trốn, như đốn chặt cây độc nếu để còn thì ác lớn, như cắt cỏ dại, nếu để còn thì mọc đầy. Căn lộ v.v..., phàm tội do tâm che giấu nếu phơi bày tâm che giấu thì như chặt cây bày rễ, dứt dòng chận nguồn, thì cây khô dòng hết. Nếu che giấu, tội là nhân ác, che thì chẳng hết, người che giấu tội thành người bất lương. Lương là thiện. Ca-diếp v.v... Phật tùy cơ nghi quí ở chỗ diệt tội, hoặc riêng

từng người hoặc chúng đông mà không có thường khoa, Đại Kinh quyển mười bảy nói: Che giấu là lậu, chẳng che giấu là vô lậu. Nếu làm tội mà chẳng che giấu thì sẽ yếu mỏng dần. Ngoài ra hạnh pháp v.v... là trừ Phương Đẳng Đầu-đà ngoài ra các kinh như Bát-chu, Chiêm-sát, Kim Quang Minh cho đến tăng thường sáu thời hành nghi, chẳng nói hướng về người phát lồ tức là loại ấy. Như che giấu có ung nhọt là làm tội, chưa phát lồ thì như che giấu ghẻ nhọt, gây báo đời sau thì như lúc chết. Nếu quả quyết là một, khi sám hối rồi thì sẽ sanh tưởng quyết định được chỗ không lỗi, gọi là quả, quả là dám. Cho nên phải dứt hết không để nối tiếp. Như mới phạm, trước phạm đã tha tái phạm thì khó dung. Cho nên tội trọng phạm thì khó mất. Cho nên phải biết dứt tâm nối tiếp. Cho nên ói ra sám hối rồi lại phạm thì như nuốt vào. Như Luận nói: Đã bỏ vui năm dục, bỏ hẳn không đoái hoài, vì sao lại muốn như người ngu thích ăn đồ ói mửa. Phát tâm Bồ-đề, nếu ngay đây hết tội cần gì phải phát tâm. Như tăng trong Tiểu thừa có hai lần sám tội thì trái với tội cảnh vô thỉ chẳng khắp như diệt tội quá tiểu giáo quyền văn đều do chẳng phát tâm Bồ-đề. Lại Tiểu thừa sám chỉ gọi để trách chẳng vì hộ khác nên không có lý thường, vì trái đây mà phát tâm Bồ-đề. Các thứ khác như văn nói. Tu công đức để bồi bổ lỗi, là từ vô thỉ làm tội sẽ khắp ba nghiệp, khắp nên lại nối tiếp, nối tiếp nên càng nặng. Cho nên nay tu công đức để bồi bổ lỗi xưa, cần phải ba nghiệp đều vận, niệm niệm tiếp nối cố gắng không thôi. Chẳng dời đổi, là tội xưa sâu rộng như biển, ba nghiệp chỉ vận như núi, không phải vận núi ba nghiệp đâu lấp biển ba lỗi. Thắng-man nói v.v... là khiến hiện pháp chẳng mất gọi là giữ gìn chánh pháp, nhóm họp thuốc pháp không nhàm chán gọi là nhiếp thọ chánh pháp. Gần gũi bạn ác, v.v... là vì bạn xấu phá hoại gốc lành Bồ-đề của người. Đại Kinh quyển hai mươi nói: Như voi dữ chỉ phá hoại được thân thúi bất tịnh, còn bạn xấu thì phá hoại tịnh thân, nhục thân, pháp thân đến ba đường chẳng đến ba đường. Thân oán pháp oán cũng giống như thế. Niệm vô ngại từ v.v... là từ năng thuận vật, là bạn lành của ta trái với ngày xưa gần gũi kẻ ác. Trí phá được tà dắt ta tránh mê trái với ngày xưa tin lời kẻ ác nói. Hiểu rõ tham sân si đến cầu ta chẳng thật có, là xưa từ vô trụ khởi ngã kiến cho đến tham sân, nay tham sân đến chỗ vô trụ cội gốc đã mất thì nhánh lá cũng rụng hết. Trong đây chấp không phải thần ngã, chỉ là vô thỉ vọng chấp giả danh. Nói môn Tịch tịnh, do quán tâm nên chung đến vắng lặng. Cho nên các tâm là môn Tịch tịnh. Trong kinh lại nói vì bày vắng lặng nên các tâm rất dễ thấy vắng lặng, như nhân ngón tay chỉ thấy chỗ đến, cho nên

Kinh Bảo Khiếp quyển thượng chép: Văn-thù-sư-lợi ở phương Đông nước Trang Nghiêm, Phật tên Quang Tướng, hiện đang nói pháp, có vị Đại Thanh văn tên là Trí Đăng, nhân Văn-thù hỏi mà làm thinh không đáp, Phật ấy bảo Văn-thù rằng: Hãy nói pháp môn giúp các chúng sanh được đạo Vô thượng. Văn-thù đáp rằng: Tất cả các pháp đều là môn Tịch tịnh hiện bày vắng lặng. Lúc đó, có Bồ-tát Pháp Dõng hỏi Văn-thù-sư-lợi rằng: Các điều Như lai nói ra và tham, sân, si là Môn Tịch tịnh chỉ bày vắng lặng chăng? Văn-thù hỏi lại rằng: Ba độc từ đâu khởi. Đáp: Khởi do vọng niệm. Vọng niệm trụ ở điên đảo, điên đảo trụ ở ngã sở, ngã sở trụ ở thân kiến, thân kiến trụ ở ngã kiến, ngã kiến thì không chỗ trụ. Như thế ta thấy mười phương suy cầu đều chẳng thật có. Vì nghĩa ấy nên ta nói các pháp đều là môn Tịch tịnh. Trong đây toàn dùng văn kinh ấy ý chỉ nói lược, so rất dễ thấy. Kinh Niết-bàn nói: Nói là Đại Kinh có bốn pháp làm nhân Niết-bàn: Một là gần gũi bạn lành, hai là lắng nghe chánh pháp, ba là suy nghĩ nghĩa ấy, bốn là đúng như lời nói mà tu hành. Nếu nói siêng tu khổ hạnh là nhân duyên gần của Đại Niết-bàn, thì không có việc đó. Kế sám kiến tội, vì kiến trở xuống là chỉ mười tâm thuận dòng ở trước. Tâm thuận dòng ở trước ái kiến cùng nêu, cho nên nay sám kiến còn nhắc lại thuận lưu, lại chỉ nêu trước. Hướng vận trở xuống là phân biệt khác tâm ái, tâm ái nghịch lưu đều là phụ sự. Ái thuộc Độn sử gọi là Độn sử tội không phải nói tội diệt thì Độn sử hết, vì tội ái ấy (nhờ) sự mà sanh. Cho nên phụ sự sám. Thấy (kiến) trái lý khởi sám cũng là phụ lý. Nếu sám tội trọng cũng phải làm nên nói khởi trọng phiền não phải phụ dùng sự trợ. Bổ thuốc như suy lý, sự trợ như ba đậu, thì sự lý đều có bàng chánh. Một phiên phá trở xuống là chánh giải thích, cũng từ thô đế tế. Nói kẻ chẳng tin tức là tâm nhất xiển-đề do thân kiến khởi, cho nên ngầm chỉ giúp biết khổ tập, là sao, là do thân kiến nên có tám mươi tám, vì tập thành nên chiêu vời khổ, đủ như quyển năm đã giải thích. Như Uất-đầu v.v... là Đại luận quyển hai mươi chín nói: Được định phi tưởng có năm thần thông, hằng ngày bay vào cung vua ăn, vua cùng phu nhân theo phép nước mà đảnh lễ dưới chân. Do chạm chân nên dục phát mà mất thần thông, nên xin xe về núi và tu lại năm chung. Một tâm chuyên chí đến được định, vì ở gần rừng ao bị các chim cá làm ồn ào, do đó phát lời thề nuốt hết cá chim. Sau như từ đầu mà được định phi tưởng sanh phi tưởng xứ. Báo hết rồi vì lời thề xưa mà đọa làm con chồn bay. Bà-sa nói: Con chồn bay rộng năm mươi do-tuần, hai cánh cách nhau năm mươi do-tuần, thân lớn năm trăm do-tuần giết hại chúng sanh trên không dưới đất đều không thoát được. Phát

nguyện ác là tập, làm thân chồn bay là khổ. Tu-bạt được định phi tưởng, là trước được định này trong hội Niết-bàn, ở vị lai đến chỗ Phật bị Phật quở tuy không có thô tưởng mà có tế tưởng, qui tâm thọ đạo được quả A-la-hán. Văn nay dẫn chỗ chưa được đạo, Trường Trảo cũng như thế, khởi chấp, Phật quở mà được quả A-la-hán. Đến quyển năm lược nêu duyên khởi. Cao Trứ v.v... tức là Uất-đầu-lạm-phất v.v... Tu-bạt v.v... ở trong ngoại đạo là người học cao. còn chẳng bằng là bác bỏ các người cận đại chấp kiến vá các ngoại đạo yếu kém, còn chẳng bằng Lam-phất mà nói là chân đạo ư? Đã chẳng biết khổ tập, nói không có bốn đế. Từ người ấy trở xuống là nói không có mười hai duyên diệt, chỉ có vô minh đến già chết, nên nói đâu có vắng lặng. Nếu có trở xuống là bác bỏ ngược chỉ có vô minh mà không có vô minh diệt v.v... Thân biên tà kiến việc ấy rất dễ biết. Năm lợi trước đã nêu giới kiến hai sử, ba thứ kia so lời nói cũng rất dễ thấy là sao? Là khởi kiến y sắc tức sắc ấm, lãnh nạp ở kiến, giữ hình ảnh thấy được, khen thì mừng, chê thì giận, hiểu rõ ở kiến năm ấm đầy đủ nên gọi là thân kiến. Chỗ chấp kiến không phải đoạn thì tức là thường, gọi là biên kiến. Lấy kiến làm chánh, bác không có nhân quả gọi là Tà kiến. Năm kiến đầy đủ tức là tám mươi tám gọi là Tập đế. Tập vời lấy khổ, gọi là khổ đế. Còn chẳng phải ba tạng trở xuống là nêu huống chi chê Đại Tiểu đều không. Nếu như thế đến phá bất tín, là các kiến xưa nay gây ra nhiều việc ác đều do mê lý mà thuận sanh tử. Nay biết rõ tội lỗi đạt lý Thiên viên là kiến căn bản hoại, y chỗ khởi kiến tất cả đều hoại. Nếu nói riêng về phá kiến thì chỉ biết tướng kiến hoặc của ba tạng thì các kiến tự dứt. Nay muốn biết khắp là viên phương tiện hiển ở viên lý, nói rõ cạn sâu, rộng bày các giáo, nên nói phá khắp các giáo bất tín. Lại y cứ Lý quán mà nói trời người, là gá sự nói lý. Nay chẳng nói sự nên nói về y cứ, lý quán trời người chỉ lấy Thánh vị tự nhiên tiến đạo gọi đó là trời, hiền vị (tác) ý gọi là người. Cứ lý cũng phải nêu người bảy phương tiện trời bốn quả của Ba Tạng. Văn không có là lược. Lại y cứ Diễn môn chưa nói ba tạng, lại thành ở ba đế nghĩa đủ, nên lược ba tạng. Sở dĩ phải y cứ quán luận trời người là vì phá mê lìa không biết hổ thẹn. Lý đủ ba đế cần phải trái lại, nên đối với ba đế mà không hết tàm quí. Cho nên khắp ba đế mà nói trời người. Nếu nói quả báo v.v... thì Phẩm Tín Báng trong kinh Đại Phẩm có nói: Chế hủy Bát-nhã là khinh bác bỏ chư Phật ba đời, vô lượng ức kiếp phải đọa địa ngục, từ ngục này đến ngục khác, đến khắp các địa ngục lớn trong mười phương, nếu được làm thân người thì bị đui mù hoặc sanh vào nhà Chiên-đà-la, vào nhà gánh phân, vác thây chết, nếu không một

mắt thì không lưỡi không tai không tay chân, hoặc làm súc sanh mà chịu nhiều thứ khổ. Thân Tử hỏi người ấy tội có giống như năm tội nghịch chăng? Phật nói còn hơn năm tội nghịch. Nếu nghe lời người ấy nói mà tin theo thì cũng chịu khổ ấy, như khổ chết v.v... nên chẳng nói. Đại luận quyển sáu mươi bảy giải thích rằng: Vì sao Phật chẳng nói, có hai nhân duyên nên Phật chẳng nói: Một là trên đã nói lỗi ấy chịu khổ hơn năm tội nghịch. Nay lại nói thân ấy rất xâu xa hoặc tin hoặc chẳng tin. Chẳng tin thì phải chịu khổ dữ; hai là nếu tin lời Phật thì rất lo sợ, lo sợ nên phát phong ói máu mà chết, nếu chẳng tin thì lại chịu khổ nặng. Lại phá chẳng sợ đường ác. Giải thích này một bề y theo văn trên dưới. Thiếu nghĩa lý quán, y lệ phải nói xưa y kiến khởi lỗi phá hoại chánh lý, chẳng sợ ba đường, nay ham thích Đế-lý còn sợ Tiểu thừa ba không đường ác ba không là hầm hố, cho đến sợ đường ác ba giáo trước huống chi là địa ngục v.v... ba đường ác. Nay lại từ nghĩa bác bỏ bai ba đế mà đọa đường ác mà dùng tám chánh đạo, là dùng tám đạo vô tác mới phá được ba hoặc. Hữu vô biên v.v..., hữu tức là nghiệp hữu lậu, tội tức là lậu nghiệp vời quả. Cho đến vô lậu, vừa lậu vừa vô lậu, phi lậu phi vô lậu vời tội hai độ. Cho nên biết xưa mê ba đế nghiệp khắp ba hoặc, khổ khắp ba độ. Nay duyên pháp giới phát tâm Bồ-đề vô tác cũng khắp pháp giới mà khởi, nên ngược phá ác khắp pháp giới. Ba đế đến bảo cự; kinh Đại Tập nói: phẩm Ba mươi bảy là Bảo Cự Đà-la-ni của Bồ-tát, tức là Vô tác đế. Đầy đủ Phật pháp gọi là Bảo, chiếu khắp pháp giới gọi là cự (đuốc báu). Tổng Trì tất cả gọi là Đà-la-ni. Công ta như thế thì lối nào chẳng bồi bổ. Nếu khiến v.v... là nếu bỏ hữu kiến mà vào vô kiến, chẳng tu đạo phẩm thì chẳng ra khỏi sanh tử, huống chi là hữu vô. Nói hữu vô là lược nêu, tuy thấy biết lỗi mà chưa tu niệm xứ. Nếu phá trở xuống là tu chiết pháp đạo phẩm. Lại thể kiến trở xuống là còn phá Thông Biệt huống chi ba tạng, nên nói thể kiến tức không phải trung, đó là chữ Tung là bình thanh, từ cạn đến sâu gọi là Tung. Các kiến đều phá, tu cđường ác phẩm. Cho nên nói bổ ở lỗi Tung kiến xưa do kiến mà gây ra các kiến giới nội, kiến không cạn sâu, nên nói là ngang. Nay tu công đã sâu phá kiến cũng xa, trước từ ngoại kiến, phá ngoại vào tạng, cho đến Biệt kiến phá Biệt vào Viên. Đến Viên gọi là phi động, phi bất động, phi tu phi bất tu, đó là đạo phẩm vô tác. Nếu làm đủ bốn câu thì phải nói động tu, bất động bất tu, cũng động cũng bất động, vừa tu vừa bất tu, phi động phi bất động, phi tu phi bất tu. Lại dùng bốn động để đối một tu thành mười sáu câu. Nay lại bốn tu để đối bốn động cho nên nói riêng. Xoay vần dọc nhập nên nói là Tung. Viên lý chưa kế đều gọi là

lỗi. Cho nên tu công một tâm ba đế mà bổ cho lỗi kiến sâu thứ lớp ba đế từ trước. Giữ gìn chánh pháp là xưa hủy lý hộ kiến mà bày chung ở kiến, nay hủy kiến hộ lý mà bày chung ở lý. Nếu chẳng quên thân giữ pháp thì lấy gì biểu hiện cho chí hộ pháp. Nếu chí hộ pháp yếu thì lấy gì mà ngược giữ kiến bỏ thiện. Cho nên lại dụ cha mẹ hộ con. Niệm Phật mười phương là xưa trong giấu các kiến, ngoài lại thêm thầy ác, cho nên thuận ba hoặc mà trái ba đế lý. Nay trong niệm ba đế, đế tức là Phật, trong ngoài đầy đủ, nên ngược phá gần gũi bạn ác. Nếu thế, lý tánh vì đâu là Phật được? Cho nên dẫn Đại phẩm. Tát-bà-đa luân ở trên hư không thấy Phật, sau thấy Đàm-Vô-Kiệt bèn hỏi: Phật từ đâu đến? đáp rằng chẳng đến chẳng đi tức là Phật, pháp vô sanh tức là Phật. Cho nên phải biết (biết trí vô sanh) tức là Phật. Nếu thế, pháp tức là Phật, cho nên hay ngược xưa thầy ác, pháp ác mà quán tội tánh vốn không. Trước nói chấp thật nên chẳng biết tánh không, phàm một niệm tâm ba hoặc đầy đủ tức ba hoặc này vốn tự Niết-bàn, nên nói vắng lặng. Nay quán trở xuống là nói thấy tánh không, một không thì tất cả không. Dưới vừa giải thích tánh không, e bảo như huyễn chẳng tới lui cho là không ngơ. Cho nên lại giải thích rằng: Một không tất cả không. Vận đây trở xuống là tổng kết. Quán lý thêm sự mới thành hối pháp. Gọi là kiện nhi thứ hai, là Đại kinh nói có hai kiện nhi: Một tánh chẳng làm ác, hai là làm rồi thì sám hối. Nếu theo đời này thấy hoặc chưa khởi, nếu luận vô thỉ ai chẳng có, cho nên biết tất cả đều thiếu thứ một. Hỏi: kiến đã chưa khởi đâu cần khởi hối? Đáp: Chưa khởi mà dự biết trước huống chi là xưa đã từng khởi. Lại bày đương khởi, phải cần hối này. Vì thế văn trước dùng ái kiến ác mà gọi Dĩ sanh, Vị sanh. Cho nên văn này chỉ khiến vận mười tâm nghịch lưu này mà dứt ác ba đời. Cho nên tu hối thì sự lý phải song hành. Cho nên gọi trở xuống là song kết sự lý, hai sám từ trước. Nếu sám pháp thành thì ba đế Tam-muội các hạnh đầy đủ, huống chi mười giới nhiếp tất cả hạnh. Tam-muội là nhãn, nhãn trí đầy đủ, đến vị Sơ trụ mới gọi khai phát. Văn tuy thứ lớp hiển bày viên dung. Các văn trước sau tất cả đều như thế, huống chi sự giới là gốc ba quán. Cho nên nói Thi-la thanh tịnh v.v... Nếu không có sự giới, thế thiền còn không, huống chi là ba đế. Có nói Đại thừa đâu phải chấp giới là nhầm. Nói chẳng chấp, chính là trì mà chẳng chấp, nếu khiến chẳng trì gọi là chẳng chấp thì chính là chấp phá, sao gọi chẳng chấp, chấp trì còn không, quên trì đâu còn. Được đây trở xuống là kết thành nhãn bốn nhiếp pháp. Lại hay trở xuống là kết thành chỉ quán. Cho nên biết trở xuống là kết thành nguyện ý. Trì giới thanh tịnh là kết nêu tên trước và

tướng trì, tức là chánh tu phương tiện xa. Khẩn xét trở xuống là kết tướng phạm trước và sám tịnh. Hoặc sợ lỗi hiện, hai phạm sự lý, lại phải thành khẩn sám hối tội sâu ấy. Tội trừ liền tịnh, hai đời không dấu vết, cùng gốc chẳng phạm, đều có thể làm duyên. Cho nên nói đều là duyên đầu ý ở tại đây.

Thứ hai là cơm áo đầy đủ. Trước là ý đến vì cơm áo này thân làm Đạo duyên. Nói và đạo, là tự có mạng tệ hình mà chẳng vì đạo, là tệ thì của đạo trước hình mạng, nếu lập hình mạng thì bổn đạo sẽ còn, cho nên nói và. Ở trong hai duyên áo sơ cơm thân cho nên dẫn chứng nói ăn xong thì thành đạo. Đây tuy là tiểu duyên v.v... nhưng áo cơm này vốn là duyên sắc thân báo mạng, nên nói tiểu duyên. Nhờ đây lại nói việc đạo pháp, cho nên nói là việc lớn. Không áo nên trần truồng, thiếu ăn nên đói khát. Như thế đâu thể chuyên tu chỉ quán? Đại Kinh quyển hai mươi nói: Đại Bồ-tát nếu cần áo thì liền lấy, chẳng vì thân nên tuy nhận ăn uống mà thường vì chánh pháp chẳng vì thân thể, chẳng vì oán hại. Như người bệnh ôm dùng tô miến mà thoa, vì chín lỗ rò rĩ nên lấy áo che. Y trở xuống là chánh giải thích. Che xấu xí tức Đại Kinh nói: nhận bốn chẳng vì nghiêm thân mà vì ngăn hổ thẹn lạnh nóng và ruồi muỗi. Ở đây nói trang sức, là che thân xấu xí nên gọi là sức, không phải làm đẹp thuận tham tình y có ba thứ, lại chia ba phẩm. Lại có thiên Tu-bồ-đề Tỳ-kheo Diện Vương và hứa cho chứa trong vật. Trọng vật hợp trong nuôi lớn mà nói, cho nên nay chẳng nói riêng, vì đồng văn dưới một lệ ba phẩm. Nói trăm một nuôi lớn v.v... xem là hạ căn. Tuyết Sơn là trên. Như Đại Kinh nói: Thích-ca đời trước từng làm Đại sĩ ở trong núi Tuyết chỉ mặc áo da nai. Lúc đó, trong núi tuyết lại có nhiều rễ thơm, ngó sen, cây xanh rễ thơm. Lúc đó ta một mình ở đây, chỉ ăn trái cây, ăn rồi buộc niệm suy nghĩ tục thiền, sức (chịu đựng) thành, chẳng xuống chốn người đời, như thế bèn quên thuyết tịnh, thọ trì các việc. Mười hai Đầu-đà, mới gọi là Đổ-Đa Hán dịch là Đẩu tẩu. Luật luận khác nhau, luật có tùy ngồi, chẳng làm dư thực cho đến đoàn thực. Đại luận thì không, luận có tiết lượng sau chẳng uống và thứ lớp. Luật văn thì không. Lại luật nói nạp y, luận nói phấn tảo. Luật chỉ nói khất thực, luận nói thường khất thực, hai thứ này tên khác ý đồng, mười thứ kia đều đồng. Các bộ A-hàm và Luận Thập Trụ cũng có tướng khác nhau. Đại thể không khác. Nay y Đại luận quyển sáu mươi tám lược nêu tướng trạng: Một là Lan-nhã, là ở tại gia nhiều phiền não nên bỏ quyến thuộc mà thầy trò đồng học, lại kết trước sau, lại não loạn nhau. Cho nên phải ở Lan-nhã khiến thân lìa xa. Gần nhất là ba dặm, xa hơn càng tốt, thân xa lìa rồi

cũng phải tâm lìa năm dục, năm cái; Hai là thường khất thực là đủ như trong Phương Đẳng thứ hai nói v.v...; Ba là y phấn tảo, nếu bốn phương tìm cầu hoặc đắm mê tà mạng, nếu nhận y của người khác thì hoặc xấu hoặc tốt mà sanh vui buồn. Trong tăng về lỗi được y lược như ăn v.v... Hoặc lo trộm cướp v.v...; Bốn là một bữa ăn, tự nghĩ một bửa ăn còn có chỗ đề phòng, huống chi là sáng ăn, trưa ăn, chiều ăn, bỏ công nửa ngày chẳng được nhất tâm hành đạo. Như nuôi ngựa heo v.v...; Năm là tiết lương thực, là ăn no bụng căng đầy, khí tất ngại đạo. Cho nên phải phân ba để một. Như Xá-lợi-phất ăn năm sáu miệng. Người Tần mười miệng cho là đủ mà uống nước; Sáu là sau ngọ không uống nước trái cây ép, tâm sanh mê đắm cầu các tương, chẳng thể nhất tâm, cũng như nuôi ngựa trước lặc ý nó thì dứt; Bảy là ở trong nghĩa địa, dễ ngộ vô thường, dễ được đạo quả; Tám là ngồi dưới gốc cây, vì được đạo sự nói bỏ mà đến dưới cội cây. Như Phật xoay bánh xe pháp, nhập Niết-bàn đều ở dưới gốc cây; Chín là ngồi chỗ trống, hoặc nói dưới cây cũng như nửa nhà còn sanh mê đắm. Lại ngồi dưới cây có hai lỗi: một là trời mưa ướt, hai là phân chim trùng độc; Mười là thường ngồi, mặc áo cởi áo, tùy ý vui sướng. Trong bốn nghi ngồi là bậc nhất, ăn dễ nêu hóa, khí lực điều hòa, cầu đạo việc lớn sức lớn là, xong. Các giặc thường rình người chẳng nên yên ngủ, hoặc đứng hoặc đi tâm cũng dễ nhiếp; Mười một là tự đi khất thực. Chẳng mê đắm chẳng vị chẳng khinh, chúng sanh tâm bình đẳng mà thương xót, chẳng phân biệt giàu nghèo; Mười hai là ba y, người tại gia cầu nhiều nên chứa nhiều, ngoại đạo khổ hạnh nên trần truồng, chẳng nhiều chẳng ít nên chứa ba y. Nay văn lấy phấn tảo ba y trong mười hai hạnh Đầu-đà hợp làm trung sĩ. Nói ba y là chỉ ba y, nay chứa nhiều là ba y đồng nạp, hoặc mặc để làm việc, hoặc ngủ đêm ở chỗ lạ, bởi không biết giáo chỉ từ cây mê tình, dựa theo đây mà tự cao lại bị chết chìm. Nay trong văn này xếp vào trung, trên thì chẳng kịp chỉ mặc áo da nai, dưới thì cao chứa dư 101 vật, vì sao súc trưởng lại gọi ba y? Nay nói ba y khác nhau một y và chứa y dư. Vào xóm làng thì mặc tăng già-lê thêm hai y trên, vào đại chúng thì mặc Uất-đa-la tăng thêm năm điều trên. Vào núi rừng thì chỉ mặc An đà hội. Vì hổ thẹn, vì lạnh nhiều nên cho mặc nhiều lớp, đều là oai nghi ngay ngắn nuôi lớn gốc lành, nên nói ăn mặc tề chỉnh, khác với người đời, nghi phục lộn xộn gọi là đầu-đà, dung chỉ thu nhiếp gọi là chấp tướng. Kẻ tục chưa hiểu làm càn đáng thương. Người đạo không xét, buồn mà đáng thương.

Kẻ hạ căn cõi này phần nhiều là hàn căn, tánh lại mỏng. Đại Thánh một hứa ba phẩm khai chung. Nếu nuôi trăm một ghi nhớ mà

thôi. Có nói gia pháp nếu chứa dư thì (thuyết) tịnh, gia pháp thọ trì. Nay hai phẩm hợp luận nên nói trăm một cần phải nói (thuyết) tịnh, đều là trợ đạo để chữa bình hình khô. Như loại này vẫn là hạ căn, người chẳng nói (thuyết) tịnh ba phẩm chẳng nhiếp. Lạm dẫn thượng phẩm Đại sĩ hành sự sâu chẳng thể. Song pháp thuyết tịnh (ở gần) Đại thừa. Cho nên trong Địa Trì, Bồ-tát chứa tức ở mười phương Chư Phật, Bồ-tát mà làm tịnh thí. Bèn lấy Thanh văn tịnh khí mà làm dụ rằng: Ví như Tỳ-kheo tịnh thí y vật mình cho Hòa thượng A-xà-lê. Nếu hiểu một thật tức tịnh thí này thành pháp Bồ-tát. Lại trong Tiểu thừa nếu y cứ mà làm thì cũng làm mỏng tham tình của mình mà thuận Phật cấm ngăn. Như lý này đâu tổn khoáng hoài, vật ta thuộc người khác phi dù dính mắc, huống thọ ăn nhận thuốc do cấm tánh trọng, trì bát trì y gốc đổ chê bai, chê bai tánh trọng hộ không giấu riêng hỗn Thanh văn chân Bồ-tát. Chỉ vì mong xuất khổ xếp vào tiểu tông, đâu vì trái ngược thọ trì mà xưng là Đại Đạo. Lại có người nói: Hễ có các vật không tưởng là vật của mình, có ích liền dùng, thì thuyết tịnh làm gì. Nay hỏi không phải tiền của của mình sao chẳng cho bốn hiển, có ích liền dùng sao chẳng giáo hơn cho hai ruộng mà sao cất giấu trong phòng sâu kho kín. Thật nhớ tưởng khác dùng sẽ vời lấy tội. Bỗng cho là tài vật của mình vẫn trái thuyết tịnh, thuyết tịnh mà thí ở lý có ngại gì. Thuận tâm chấp mình, đời sau bắt chước. Lại Đại Kinh nói: Người xuất gia có bốn thứ bệnh chẳng được Niết-bàn: Một là y dục, hai là thực dục, ba là ngọa cụ dục, bốn là làm nhân hữu. Nếu chẳng đối với y thực mà tu quán, thì ai năng thọ mà chẳng làm nhân hữu. Quán hạnh y, là trong sớ nhiếp mười hai thứ này làm chỗ y thực có ba, y cứ ba việc này mà luận lý quán tức là ba đức, đủ như trong sớ giải thích duyên Ca-diếp. Nay thì chẳng như thế, ở chỗ y thực đều lập quán hạnh, cũng phân ra ba bậc. Đại Kinh v.v... là kinh ấy bác bỏ ba nhóm rằng: Các thầy Tỳ-kheo tuy cạo tóc mà chưa thực hành chánh pháp, còn giấu các kết sử, tuy mặc cà sa mà tâm chưa nhiễm pháp Đại thừa. Cho nên dẫn Pháp Hoa tức là ý ấy. Bỏ hai giác quán, tân dịch là tầm từ. Câu-xá nói tâm tầm từ thô tế. Nay quán tâm cũng như thế. Sanh tử là động thô như giác, không loạn ý tế như quán, muỗi tế mà ruồi thô, hai bên đều có thô tế, nên nói đạt sâu v.v... là viên trung như gương nên chiếu khắp gọi là đạt sâu, vì đạt sâu nên có tất cả tướng. Không giả chẳng như thế như mài ngói gạch. Tịch nhẫn trở xuống là hợp thí dụ rất dễ hiểu. Vì Trung đạo quán muôn đức trang nghiêm cho nên thế gian chẳng cắt đứt. Nêu lý khác sự nên nói chẳng phải. Ba y quán, trong văn có hai lớp: Trước là y cứ chung ba đế, trên mỗi đế đều có ái kiến. Ái như nóng, kiến như

lạnh. Ba giác: Đại Kinh nói ba giác là Dục, Nhuế, Hại, nay mượn dụ ba thứ kiến tư v.v..., nên Đại Kinh quyển hai mươi nói: Đại Bồ-tát biết ba giác ấy có các thứ bệnh hoạn, là kẻ thú của ba thừa, khiến cho ba thừa chẳng thấy Phật tánh, thường bị Chư Phật, Bồ-tát quở trách. Văn Kinh đã nói khiến cho chúng sanh không thấy Phật tánh. Cho nên có thể đem ba giác mà đối ba hoặc, ba quán quán ba đế như mặc áo che thân thân cũng có ba. Lại khởi kiến trở xuống là riêng y cứ ba đế, trên mỗi đế đều lập năng tự sở trị, năng nghiêm sở nghiêm. Trước quán rộng hai thứ kia được, cũng có thể chuẩn biết. Cho nên biết trên mỗi đế đều kiến ái hai nghiêm phước tuệ. Chỉ thuộc phước, quán thuộc tuệ. Trăm một quán là nuôi y giúp thân chung làm nghĩa trợ, cho nên trên ba đế đều phải trợ. Trải tất cả hạnh cũng giống như thế, đâu chỉ chánh hạnh bất động, trợ cũng đều vắng lặng, đủ như trong trợ đạo, chánh trợ hợp làm. Thượng căn chỉ y cứ lý một, trung căn nghĩa khai chung riêng, hạ căn nghĩa lập trợ đạo. Cho nên y cứ lý một, thông cả chung riêng, cùng thành một ý.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 4
(PHẦN 3)

Kế ăn cũng ba, lại nhìn áo mà nói. Đầu-đà Hán dịch là Đẩu tẩu, mười hai việc này đều làm mười hai lỗi Đẩu tẩu. Văn nay tức hai chữ đều nêu. Tiếng phóng mục là ngoài ba dặm khiến mục đồng nghe tiếng trâu kêu, chẳng nghe trụ xứ, tu được thiền quán. Người đời có lời lạm dụng là phóng xa cây cọc chẳng nghe tiếng rơi, được rồi là buông bỏ, mỗi đêm đến ba lần gọi là Đầu-đà dứt tiếng phóng cây. Như Diêm Quan Thiền sư Nhẫn soạn kinh Đầu-đà nói rằng: Đầu là phiền não chủ đầu, Đà nghĩa là đà thải phiền não. Đây tuy nói nhầm cũng hơn là phóng cây. Như các ví dụ này Giang Biểu rất nhiều. Phân-vệ, Hán dịch là khất thực, đủ như trong năm thứ ăn của Đầu-đà pháp, nghĩa là thường khất thực, ăn một chỗ tiết lượng, sau giờ ngọ chẳng uống nước trái cây ép, xin theo thứ lớp. Nay chỉ nêu một trong năm là khất thực. Thất Phật và Phương Đẳng đều nói khất thực, là như trong bốn Tam-muội có nói: Ở A-lan-nhã thì phải khất thực. Cày cấy trồng trọt xay giả sàng sảy chẳng được nấu nướng để qua đêm nuôi tám thứ bất tịnh việc dính bốn tà làm ô nhiễm đàn việt, không phải hạnh Lan-nhã. Đời gần đây đã cách xa lời Thánh dạy, nam nữ tới lui gây nhiều việc chê bai, xấu xa. Nếu y theo lời Phật dạy thì ích lợi chẳng nhỏ. Cho nên Thập Trụ Bà-sa nói: Khất thực có mười lợi: Một là tự dùng nuôi sống thuộc mình chẳng thuộc người; hai là người thí cho ta khiến họ trụ Tam bảo, sau mới ăn; ba là thường sanh tâm bi; bốn là thuận theo lời Phật dạy; năm là dễ đầy đủ dễ nuôi nấng; sáu là phá tánh kiêu mạn; bảy là gốc lành vô kiến đảnh. Tám là thấy ta khất thực người sẽ bắt chước; chín là chẳng cùng nam nữ lớn nhỏ có các việc; mười là thứ lớp xin ăn thì sanh tâm bình đẳng. Như các Thích tử xưa tức là vua ở trong vườn Ni-câu-loại cách thành Xá-vệ khoảng nửa do-tuần, vào thành khất thực, khất thực rất cực

khổ. Cho đến hạ căn được đàn việt đưa cho thức ăn. Cho nên biết chỗ ở chẳng được quá xa. Kinh Thí Dụ nói: Xưa Ba-la-nại cách thành năm mươi dặm có núi, có năm vị Tỳ-kheo ở. Buổi sáng vào thành khất thực, sau trưa trở về núi, tối đến trở về thành rất mệt nhọc chẳng ngồi thiền được. Trải một năm cực nhọc như thế mà không được, Phật hóa thành một đạo nhân đến chỗ người ấy an ủi thì đáp rằng thân bốn đại cách thành đạo xa có gì vui chăng? Chỉ nghĩ mạng chết mà thôi. Hóa Sa-môn nói: Đạo, lấy giới làm gốc, nhiếp tâm làm hạnh. Thân hèn đạo quí mục bỏ thân mạng, ăn dùng chi hình giữ ý chánh định, trong học Chỉ quán diệt ý được đạo. Nếu nuôi thân buông lung các căn đâu được khỏi khổ, xin cđường ác nhân sáng không gì bằng khất thực, ta phải cúng dường thức ăn một ngày Phật sáng đưa thức ăn năm người ăn xong đều được quả La-hán. Ấy thì chỗ ở cũng là đạo duyên chẳng phải quá xa. Ăn là đạo duyên do đây mà gọi như thế. Cho nên biết Như lai không phải chỉ ứng cúng mà lại cúng ứng. Ngoại hộ đưa đến v.v... là trong tăng tịnh dọcc vẫn là hạ căn, đâu thể ngồi yên trong phòng mà tự làm việc riêng, hoặc chẳng bệnh mà giả bệnh đòi chúng cấp dưỡng, không có đức khoe có đức khuấy động đàn việt, tuy nói hứa tông, nhân ăn tự xét. Ba phẩm chẳng thâu, đạo TỪ do đâu đến. Quán hạnh ăn, cũng y cứ ba bậc. Phàm sự ăn thì nuôi sắc thân giúp báo mạng, lý ăn thí giúp pháp thân nuôi tuệ mạng. Cho nên Bình đẳng đại tuệ hư không pháp thân nương theo đây mà lập. Y cũng lệ theo như thế. Trước y cứ thượng phẩm, là chỗ dẫn Đại Kinh cũng là văn kinh ấy bác bỏ ba nhóm. Như lai pháp hỷ v.v... tức là nói bảy phương tiện lạ. Đây trở xuống là giải thích Như lai thực. Dẫn ý Tịnh Danh, tức là ăn khởi quán khiến thức ăn cùng khắp. Văn ấy chính dùng ăn làm pháp giới mà trách việc ăn. Cho nên Nam Nhạc trong tùy tự ý nói rằng: Phàm khi được ăn phải nói thức ăn này sắc, hương, vị trên cúng mười phương kế dâng các Hiền thánh, sau cùng là sáu đường bình đẳng không khác nhau, tùy cảm đều no đủ, giúp các thí chủ được vô lượng Ba-la-mật. Lại nói nghi thực sắc hương như gió chiên đàn, một lúc xông khắp các thế giới ở mười phương. Phàm thánh có cảm đều được thượng vị, sáu đường nghe hương phát tâm bình đẳng, ở ăn sanh ra sáu Ba-la-mật cho nên có ba hạnh. Trong Tịnh Danh Sớ thí dụ như xông thuốc, thuốc nhân thế lửa mà vào thân người, bệnh sẽ trừ hết. Bồ-tát quán ăn cũng như thế. Khi dùng ăn mà thí, thì ăn là pháp giới đủ tất cả pháp. Phàm các người nhận pháp hễ ăn vào thì mình lợi ích, hoặc gần hoặc xa phá hết vô minh. Tưởng là đàn phong cũng giống như thế. Kế y cứ nghĩa Đầu-đà mà lập thứ lớp quán rừng Hạ phẩm. Hỏi: Phải nói

viên đốn sao dùng chi lâm? Đáp: Đây thì chung làm một pháp với trước. Thứ ba là y cứ chỗ. Tuyết sơn là thượng đã như nói trước. Đầu-đà là trung, tức chỗ trong mười hai Đầu-đà có bốn, tức là Lan-nhã, nghĩa địa, dưới cội cây và ngoài trời, y bốn chỗ này phải thường ngồi. Hỏi: Hai chỗ Hạ, trung Lan-nhã nghĩa đồng có gì khác chăng? Đáp: Lan-nhã là tiếng Tây Trúc, Hán dịch là Nhàn tịnh. Chỗ trung tức là không hướng địa. Chỗ hạ tức là không huýnh trụ xứ (chỗ vắng) và Nhàn tịnh Tăng-già-lam (chùa viện vắng vẻ). Thập Trụ Bà-sa nói: Không Huýnh xứ là ở Lan-nhã, có mười lợi: Một là tự tại tới lui, hai là không có ngã sở, ba là tùy ý không chướng ngại, bốn là tâm vui chốn Lan-nhã, năm là ít dục ít việc, sáu là chẳng tiếc thân mạng đầy đủ công đức, bảy là lìa các tiếng nói ồn ào, tám là tuy làm công đức mà chẳng cầu trả ơn, chín là dễ được nhất tâm, mười là dễ sanh trưởng không chướng ngại. Lại nói: Tỳ-kheo tu hạnh A-lan-nhã có mười việc vào chùa tháp chẳng phải như ngoại đạo: Một là cung cấp cho người bệnh, hai là tìm thuốc cho người bệnh, ba là vì người bệnh mà tìm người nuôi bệnh, bốn là vì người bệnh mà nói pháp, năm là vì các người khác mà nói pháp, sáu là nghe pháp giáo hóa, bảy là vì cung kính cúng dường Đại đức, tám là vì cung cấp Thánh chúng, chín là tụng đọc thâm kinh, mười là dạy người khác khiến tụng đọc thân kinh. Ở Lan-nhã khi sợ sệt thì phải nghĩ rằng: Người giữ đạo tuy đi đường hiểm biển khơi, chiến trận mà an ổn không hoạn nạn. Lại hộ thân không gì hơn thiện thân nghiệp ý nghiệp, để tự giữ gìn. Cho nên Phật bảo Nặc Vương rằng: Khéo giữ gìn ba nghiệp gọi là khéo Thủ hộ. Lại nghĩ rằng: Các thú ở trong rừng núi chẳng giữ ba nghiệp mà chẳng sợ, tâm ta là trí há như chúng sao. Lại niệm: Phật nên phá tất cả sợ. Cho nên ở Lan-nhã. Sợ hãi thì niệm mười hiệu Phật. Lại có bốn pháp mới ở Lan-nhã: Một là học rộng, hai là khéo quyết định nghĩa, ba là ưa tu chánh nhớ nghĩ, bốn là thuận theo như lời nói mà làm. Luận văn lại có năm mươi pháp mới ở Lan-nhã. Nếu lìa trở xuống là khuyên răn. Áp Quốc Ngữ nói: Quản Trọng làm tướng nhà Tề chế ra ba mươi nhà làm một ấp. Thôn làng này là chỗ Thánh gọi. Thượng Thư Đại Truyện nói: Phàm tông miếu có vua trước làm chủ gọi là Đô, không có gọi là ấp. Đây Tề Đường nghĩa đồng không chủ, Tịnh Danh nói: Hoặc làm chủ trong ấp hoặc làm người thương nhân dẫn đường. Đây là nói Bồ-tát lợi vật vô phương mà thôi. Quán tâm xứ, bảy phương tiện như trước đây khai ba cỏ hai cây làm bảy vị này, khai cỏ nhỏ làm trời người, khai cỏ vừa làm Nhị thừa, cỏ Thượng hai cây làm Bồ-tát Ba giáo. Hai cỏ hai cây đều nương đất. Bảy thứ phương tiện lấy thật làm gốc. Cho nên ba cỏ hai

cây tuy tùy chủng tánh mà đều được sanh ra lớn lên. Cuối cùng ở rễ lớn lên đều nhờ mưa và đất. Đất là viên lý, mưa là Viên giáo. Cứ tiệm mà vào biên gọi là phương tiện. Đương vị chưa chuyển gọi là chẳng thể đến. Chỗ tối thượng là thật tướng. Lại, mảy may điều lành chưa đến Bồ-đề gọi là Tuyệt tích bất đáo. Ngang dọc cùng khắp cho nên cùng pháp giới đẳng. Nên nói bất động. Cũng lìa hai duyên như trước đã nói, gọi đó là Tịnh. Chẳng sanh quả bảy phương tiện, chẳng khởi nhân bảy phương tiện lại ở nhân quả chẳng sanh ý tưởng dính mắc gọi là chẳng sanh, chẳng khởi. Đại phẩm chừng ấy do-tuần, là Đại luận quyển mười tám giải thích rằng: Vô phương tiện Bồ-tát tuy ở chỗ hoang vắng trăm do-tuần là chỗ ở của cầm thú quỉ thần La sát trăm ngàn muôn năm, hoặc hơn số ấy, hoặc chẳng biết pháp xa lìa của Bồ-tát phát tâm Bồ-đề mà làm thọ trước thì hạnh xa lìa ấy Phật không cho. Chân thật xa lìa là chẳng thấy tướng xa lìa. Bồ-tát ấy khen ngợi lành thay lành thay là Phật chỗ nói mau được Bồ-đề. Nếu Bồ la khởi dính mắc nói rằng: Chỗ ta làm là hạnh xa lìa. Nếu thành bàng thì ai khen tốt ông. Phải biết là Bồ-tát Chiên-đà-la, nhiễm ô Bồ-tát tự tượng Bồ-tát giặc của trời người là giặc mặc pháp y. Người cầu Phật chớ nên gần gũi là rơi vào tăng thượng mạn. Phải biết ý luận vì núi sâu chấp trước gọi là hội náo, Thành bàng đạt lý là chẳng hội náo. Cho nên biết người chẳng khởi trước, lấy trước tâm hội náo làm chẳng hội náo. Khởi tâm Nhị thừa còn là hội náo huống chi trước tâm ở tịnh xứ. Hội là loạn. Nếu xứng lý thì giỡ chân, hạ chân đều đạo tràng, mới gọi là thượng xứ. Đời có lạm dụng Ẩn Triều Thị là có nói vô lý. Cho nên biết trung sanh chỉ lấy chỗ mà làm trên dưới chẳng biết đế lý thượng trung hạ. xóm làng là chỗ ở của nam nữ. Hiêu là ồn náo. Thật chẳng đẳng, là đối sự mà nói khác núi rừng đối hai chỗ trung thượng, mật thất (nhà kín) là đối với hạ xứ. Lấy lý mà chê sự, nên nói thật chẳng bình đẳng.

Kế dứt duyên việc, việc là sự việc. Nay phân biệt tùy tự ý, là lại y cứ thiện ác vô ký để nói. Nếu theo các kinh thì đều cần đây. Cho nên hai mươi lăm pháp chung làm bốn thứ Tam-muội phương tiện ở trước. Cho nên tùy tự ý y kinh phương pháp các việc cũng dứt. Điếu khánh v.v..., Điếu là dữ, khánh là lành, phủ là cúi, ngưỡng là ngước, đê là co, ngang là duỗi, tạo là đi, sính là đón Thuyết Văn nói: Tạo là đến, sính là hỏi. Huống chi trở xuống là nêu so sánh. Một điếu một khánh mà tổn cao tung, suốt ngày tìm đạo đâu có. Lại kết v.v..., Thích Danh nói: Châu là chú, quận quốc chú ngưỡng. Phong tục nói chung châu là trù, trù là loại. Thuyết Văn nói: Ruộng là giới, đôn là khuyên. Hiếu Truyện chép:

Người ba châu khế là cha con, trước là cha, kế là trưởng tử, kế là ấu đệ. Cha khiến lấp sông để tạo nhà, lấp lâu chẳng đầy bị cha trách, hai con phát thề: Nếu Hiếu thành thì khiến lấp sông có hiệu xét. Thề xong thì sông đầy. Lại Tiêu Quảng Tế Hiếu Tử Truyện chép: Xưa ba người ở một châu (đều trơ trọi cô độc), ba người ngầm gặp nhau ở dưới một cội cây, hỏi nhau rằng bẻ vàng mà khế y cứ, hai người bảo tốt, bèn y cứ làm cha con. Nước Lương thua ba người chia lìa, năm quận, Thích Danh chép: Người ở Đông gọi là quận vua chế đất ngàn dặm chia làm trăm quận. Tiêu Quảng Tế Hiếu Tử Truyện chép: Xưa ngươi năm quận tức quận Trung sơn, quận Thường sơn ở Hằng châu, Ngụy quận ở Ngụy châu, quận Cư lộc ở Hình châu, quận Triệu ở Triệu châu, năm người này tuổi nhỏ đã xa quê hương không có cha mẹ, theo nhau đến nước Vệ, kết làm anh em. Người lớn tên Nguyên Trọng, kế là Thúc Trọng, Xung Trọng, Hiếu Trọng, Trỉ Trọng, sáng tối cùng làm việc, tiền chứa được ba ngàn. Ở trong thành trông thấy một bà lão anh em bàn nhau rằng: Lạy bà làm mẹ, do đó lạy làm mẹ, bà chịu, bèn kính thờ đến hai mươi bốn năm. Mẹ bỗng bị bệnh miệng không nói được. Năm người con nhìn trời than rằng: Vì sao hiếu thành mà không cảm mẹ bỗng bị bệnh mà không nói. Nếu ta có cảm thì khiến mẹ nói được. Lúc đó thì nói được, bảo năm người con rằng: Ta vốn là con gái của Thái Nguyên Dương Mãnh, gả cho người đồng quận là Trương Văn Kiên. Văn Kiên chết rồi, ta có con trai tên là Ô Di, bảy tuổi gặp loạn mà lạc mất. Con ta trước ngực có chữ thất tinh, dưới chân trái có dấu đen, nói chưa xong thì chết. Năm con, chôn cất xong đến Triều Ca khiến sao mọc quên túi nhớ bảo năm con là trộm bắt ba người cấm hai người. Đến Hà Nội kêu oan trình đủ trước sau. Thái thú Hà Nội là Ô Di do đó khóc lớn bảo rằng: Ta sanh ra không biết cha mẹ mà mẹ là người khác nuôi. Bèn thả ba trọng. Sau tâu vua năm người được làm Huyện lịnh. Hiếu thế gian như thế, nay người xuất gia bỏ cha mẹ, từ ân ái ở Lan-nhã, tu Tam-muội lại kết họ khác làm anh em, cha mẹ. Như năm quận ba châu kia nên răn dè, là rất điên đảo, lấy thường mà dụ. Mao Thi Lạt Tế nói: Có Chí Hồ Thị biết quan lậu khắc (thì giờ), lậu khắc chẳng tiết độ vua quan lại loạn, mà đảo thường cầu lãnh, lễ độ hôn loạn (cầu biết lễ để độ hỗn loạn). Nay lấy ý này, mà bác bỏ điên đảo. Ba kỵ năng đẳng, chữ kỵ là dành cho nghề người nữ. Từ người là hại không phải ý văn nay. Y phương bốc phệ v.v... y là thầy thuốc trị bệnh. Phương là phương sợ, bốc là để diệt nghi. Chu Lễ nói: Bói là để quyết nghi, không nghi sao bói. Phệ là quyết. Nặn đất khắc gỗ vẽ hình làm tượng, cờ đờn cờ vây. Thư là sáu

sách. Thích Danh chép: Thư là giá kỷ là thứ vật. Thư cũng gọi là túi, đựng muôn vật. Chu Lễ có sáu cách viết chữ, tức là chỉ sự, tượng hình, hình thanh, hội ý, chuyển chú, giả tá. Nghĩ rất dễ hiểu. Vẽ bùa đọc chú để có dụng này nên rất hại mình. Sừng đẹp da trơn đường nét, cao có minh nên tiễn. Mõ có tiếng nên động thì có tiếng kêu để tuyên bày giáo lệnh. Việc văn thì gõ mõ gỗ, việc võ thì lắc chuông. Lưu Tử nói: Rùa vì trí tự hại, thúy vì lông tự tàn, đan vì ngậm mầu nên bị mài tan, đá vì chứa ngọc mà nát chất. Thiểm Kinh nói: Voi vì ngà mà chết, Tê giác vì sừng mà mất mạng, chim Thúy vì lông mà tự tàn, Nai vì da thịt mà bị hại. Người dẫn Trang Tử nói: Chẳng dùng xem là đại dụng của sanh, lời đồng mà ý khác. Trong Phật pháp ta tạng huyễn diệu ẩn hậu đức toàn là Vô sanh, ứng pháp giới mới gọi là đại dụng, cho nên biết Trang vì Yên Chi Ly mày cao hơn đầu, má ấn ở rún năm ống ở trên, nếu bị bịnh ăn lúa, ta thì có phần. Nếu sai người làm việc bịnh thì ta không dụng, đó gọi là toàn đại dụng của sanh, toàn là tàn tật này là sanh, chưa biết dụng nào không đức nào ẩn giấu được, lệ cũng chẳng thành, mà phải rừng cây mời gọi chim chóc. Kinh nói: Ví như cây lớn chim đậu nhiều có nạn gãy cành, tan da nát thịt. Thí như lằn xanh bu đậu thịt thúi mà càng làm thúi thịt. Há chẳng trở xuống là song hợp hai thí dụ. Tồi chiết hợp với rừng cây, ô nhục hợp với thịt thúi. Người như thế tồi chiết tự làm ô nhục Tam bảo. Hoại cành lá gọi là tồi hoại, trinh chất gọi là chiết. Sự lý đều mất. Hỏi đáp hơn thua, thua là bất khắc, lại thua là hỏi chẳng lường đáp, đáp chẳng xứng lời hỏi, đều gọi là thua. Lại gánh gì trên lưng bị người khác cởi nên gọi là kém. Trang Tử nói: Người có sức thua mà chạy, người muội là chẳng giác, tối tăm là kém, vì hơn thua nên nhân pháp mất, nhiều đời sanh chỗ oán thù thương hại nhau. Vì nghĩa ấy nên hơn thua lỗi sâu. Như kinh Hiền Ngu nói Phật và Tỳ-kheo tới Tỳ-xá-ly ở bên bờ sông thấy năm trăm người chăn trâu và năm trăm người bắt cá, cùng kéo một con cá thân có trăm đầu lừa ngựa v.v... mọi người quái lạ. Phật đến chỗ ấy hỏi ba lần rằng: Các ông phải là Ca-tỳ-lê chăng, đều đáp "phải". Phật hỏi: Người dạy các ông nay ở đâu? Đáp: Ở địa ngục A-tỳ. A-nan bạch Phật: Vì sao hỏi cá phải Ca-tỳ-lê không? Phật nói ở quá khứ thời Phật Ca-diếp có Bà-la-môn học rộng, sanh được một đứa con nhưng chẳng hơn Sa-môn. Cha khi qua đời dặn con rằng: Con cẩn thận chớ tranh luận với Sa-môn. Cha chết rồi mẹ dạy rằng: Con kiến thức cao minh có thể hơn ai. Đáp: Chỉ không hơn Sa-môn. Mẹ hỏi sao con không hơn? Đáp: Nếu họ hỏi con không đáp được. Mẹ bảo con làm Sa-môn học xong thì trở về. Liền theo lời mẹ chỉ ít lâu thì học xong ba tạng.

Mẹ hỏi hơn chưa? Đáp: Nếu họ thì con chưa bằng họ. Mẹ bảo: Khi tranh luận phải mắng chửi họ. Sau tranh luận thua bèn chửi rằng: Kiến thức của Sa-môn như dựa vào trăm thú như thế chẳng phải một. Cho nên chịu thân cá đầu có trăm hình dạng. Phật nói: Kiếp hiền hết rồi cũng chưa thoát khỏi. A-nan và đại chúng nghe xong liền nói nghiệp nghiệp chẳng thể không cẩn thận. Nay những kẻ chăn trâu bắt cá đều chắp tay hướng về Phật nghe nói lành thay thì đều được bốn quả. Người thường hơn thua chiêu lấy quả báo chẳng nhẹ, huống chi là người Tam-muội thì càng bị hai loạn. Lãnh là lục, là lý, cũng là thọ nhận. Trì là nhớ. Sự công gọi là lao. Lã Thị Xuân Thu nói: Nhọc thì tinh thần tan, nay vì sự nhọc là lao, chẳng phải công lao. Thi nói: Ở tâm là chí, mệt là không có sức. Hà là nhàn là an. Tâm tánh như nước, chân lý như châu, duyên việc như khuấy, sanh lo nghĩ như cặn đục, mê lý như tối. Lại nhanh mê chân làm sao có thể an nhàn tu Chỉ quán. Việc này còn bỏ v.v... là nêu ích so sánh tổn. Học Chánh kinh luận lãnh trì ghi nhớ v.v... là trợ đạo có ích, lúc đó còn bỏ, huống chi là việc người mà chẳng bỏ ư? Nếu không phải khi tu tập ba Tam-muội, học rộng thêm trí tuệ, học rộng là đạo tràng, vì như lời nói mà hành khởi ở học rộng. Rộng đọc các Dị luận thì biết ý Trí Giả, nghe mà chẳng tu quán còn được xa là tín hạnh thừa chủng, há có chẳng học mà thành Tam-muội. Nếu người có hạnh tầm thường có dẫn ra đây thì chẳng phải như thế. Chỉ hơn thua phải trái là một bề phải bỏ. Nếu học ngoài, là trong giáo Tiểu thừa thì trong mười hai thời vì hàng phục ngoại đạo nên cho một giờ học ngoài. Nếu trong Đại thừa thì Bồ-tát sơ tâm một bề chẳng cho. Kinh Tịnh Danh chép: Như thích câu văn trao chuốt phần nhiều là Bồ-tát mới phát ý, đây là bác bỏ chẳng chịu học ngoài, lại khiến tiến hành đến vị sáu căn tịnh học chẳng phải khó. Các nghiệp tuy có sức là mượn văn nghiệp ấy để thành tựu lý quán. Đại luận quyển năm giải thích nghiệp rằng: Vòng sanh tử mang chở người, các phiền não kiết sử, đại lực tự tại chuyển. Không thể cấm ngăn, là các nghiệp vô lượng mà không theo không làm, như gió chẳng vào thật, dòng nước chẳng chảy ngược. Kỹ thuật, thuật là đạo nghệ. Lý quán thì dùng thần thông làm nghề. Chưa được quả Thánh chẳng được tu chung, vì thần thông đối với Phật pháp là nghề khéo nay chưa được đạo chẳng cho tu học như dứt nghệ thuật Phật nhân Điều-đạt chưa được Thánh đạo mà được thần thông gây ra tội nghịch, cho nên Phật chế: Nếu thật được đạo còn chẳng cho vô sự mà hiện thần thông. Như trong A-hàm Phật bảo Tỳ-kheo nếu hiện thần thông thì có ba lỗi: Một là khiến người chẳng tin nói có Cù-đàm cho đến Phạm thiên đều có khả năng biến

hiện; hai là các người chẳng tin nói có Càn-đà-la chú hiện tha tâm; ba là dạy răn dè thần thông, nếu khiến hiện thì chỉ có ta làm được còn người tu Tam-muội bỗng phát thần thông thì phải bỏ đi. Vì pháp là luống dối. Nói chướng Bát-nhã là chủng trí Bát-nhã tự đủ các pháp, hay mất các tướng chưa đủ đến nay chỉ an ở lý đâu cần sự chung, nếu chuyên ở chung ấy thì chướng lý. Trong học tập quán thì ngói đá cũng là Đại Kinh trong dụ ao xuân như học vấn ở trước, trong hỏi đáp chỗ dẫn học tập tức là ý ở đây. Cho đến chẳng phải ở trong (đường nhỏ) mà học là chê chung. Chưa được Vô sanh mà tu tập thế trí là vô ích đối với đạo. Như Tăng Cảnh Lục trong Tục Học Vô Bi Lục chép rằng: Ngoại đạo Bà-nhĩ-ni tự soạn Thinh luận dạy một đệ tử. Thầy ấy chết rồi liền thờ đệ tử học Thinh minh này trước sau bị gậy đánh mà không được gì. Có vị A-la-hán thấy cười, vốn chỗ gốc soạn luận mà học không được. Đại luận nói: nếu tu tập theo sách ngoại đạo như lấy dao rạch bùn, bùn không bị lẽ ra mà dao tự bẩn. Lại nói: Đọc sách ngoại đạo như mắt nhìn ánh sáng mặt trời, khiến mắt bị lóa. Cho nên trong văn khiến đến Phật Nhãn Nhất thiết chủng trí thì pháp nào chẳng đủ. Hỏi: Trước trì giới v. v... ba minh quán tâm, đều y cứ ba đế để hiển bày cực lý, vì sao trong đây sanh hoạt chỉ đối với ái, vì sự chỉ đối với nghiệp, kỹ năng để đối với sự chung, học vấn để đối với thế trí ư? Đáp: Cũng phải y theo trước, nay mượn bốn thứ này đều chỉ từ sự, tức bốn việc này xem là năng phóng, lại dùng ba đế mà làm sở phóng. Theo Kỹ Thuật Tập Học Quán chép rằng: Như được châu như ý và trí Nhất thiết chủng, cho nên biết ái nghiệp sở phóng cũng đồng.

Năm là đại nhân duyên trong Thiện tri thức là Văn của cuối Phó Pháp Tạng nói: Tập pháp gần Thánh được đến Niết-bàn, là nhờ thiện tri thức. Lại nói: Vì được đạo hoàn toàn nhân duyên, A-nan phải biết, cõi Diêm-phù-đề này trừ Đại Ca-diếp, Xá-lợi-phất ra, nếu chúng sanh chẳng gặp ta thì không được giải thích. Cho nên ta nói thiện tri thức là lợi ích lớn. Kinh Tăng Nhất nói: Chớ làm việc với ác tri thức và kẻ ngu, phải giao thiệp với thiện tri thức và người trí mà. Nếu người vốn không ác mà gần gũi người ác sau sẽ thành người ác. Ác gọi là khắp thiên hạ, thiện tri thức thì trái với đó, cho nên phải gần gũi. Đại luận nói: Có hai nhân duyên được đạo Vô thượng: Một là trong tự suy nghĩ, hai là được Thiện tri thức. Đại Kinh quyển mười tám nói: Xà Vương đến chỗ Phật. Phật bảo đại chúng. Nhân gần của Bồ-đề không gì hơn bạn tốt. Xà Vương chẳng gặp Kỳ-bà thì phải đọa A-tỳ, đây là ý nói phải gần thiện tri thức. Trong giải thích thì trước sự kế lý. Trước sự, trong nói thiện tri

thức trước nói ngoại hộ, tự thân tâm mình là nội, nhìn thân tâm người là ngoại. Vì hộ bên ngoài nên gọi là ngoại hộ. Nói hành là mình người cùng đồng khuyên nhau gắng phát, khác người mà hạnh đồng nên gọi là đồng hành. Nói giáo thọ là tuyên truyền lời Thánh nói gọi là giáo, dạy dỗ ta gọi là Thọ lại lời trên bị dưới gọi là giáo, dạy cho người nhận gọi là Trao. Nói chung về tri thức, thì Pháp Hoa Sớ nói: Nghe tên là Tri, thấy hình là thức. Người ấy ích ta đạo bình đẳng thì gọi là thiện tri thức. Nếu sâu trở xuống là chánh giải thích. Phân biệt tùy tự ý, là phẩm ít có thể tụ doanh lý chẳng bỏ tiến tu cho nên chẳng can, đạo tục đều được cho nên chẳng phân biệt trắng đen. Chỉ nặng đẳng: đức mỏng kính ngưỡng người nên là doanh lý, ai thuần thiện nên khuyên chớ thấy lỗi người. Chưa kham trái thuận khuyên chớ xúc não và chớ ngợi khen. Nói gồm nêu: như thuyền kéo buồm được gió tiến nhanh khác thường, nhờ tinh tấn nhỏ mà khen ngợi quá sự thật, gọi là gồm nêu, bỗng sanh chấp chặt lại sanh tổn thất. Tuy vốn không tâm nhưng lý tách dễ bể, trong phòng việc ma, ngoài dẹp kiêu căng. Thuyền pháp Tam-muội mới đến bờ kia. Nay khen tiểu thiện là thường nhân như thế, không phải chuyên vì Tam-muội khác là ngoại hộ thì tự trừ ganh ghét mà phát tâm gốc lành ấy. Như mẹ nuôi con, là mẹ tuy từ dưỡng con ắt sách, Hổ tuy mảnh hàm với con thì khoan (mẹ tuy hiền từ nhưng đối với con ắt nghiêm khắc, cọp tuy hay cắn nhưng đời con ắt rộng tha. Ngoại hộ tri thức như mẹ như hổ. Che chở người tu như chớ cử chớ não. Người xưa hành đạo, nếu chưa thân biết nhau được chăng? Một bề lộn tục chẳng hiểu khai giá. Lại sao chỉ chuyên khiến ngoại hộ hộ mình, cũng phải khéo tương hộ mà hộ ngoại. Như Tăng Nhất ba nói Phật ở Cấp Cô Độc bảo các Tỳ-kheo rằng: Phải nên cung kính Đàn Việt thí chủ như hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ phải nuôi dưỡng đãi đằng tử tế. Thí chủ hay thành giới định trí tuệ, giúp ích rất nhiều. Ở trong Tam bảo không có quái ngại, hay thí bốn việc. Cho nên các Tỳ-kheo từ tâm đối với Đàn Việt, ân nhỏ còn chẳng quên huống chi là ân lớn. Ba nghiệp phải siêng năng khiến thí chủ phước chẳng uổng phí. Trọn hộ đại quả tiếng tăm truyền khắp. Cũng như người mê được chỉ đường, cũng như người sợ được an ủi hết sợ, che chỗ người không chỗ nương tựa người nghèo thiếu thì cấp lương thực, kẻ mù được mắt hai đồng hành, là tùy tự ý lạc hạnh nói chưa hẳn cần. Như tùy tự ý y kinh tu hành có cũng không ngại. Chẳng chế đồng bạn nên chưa hẳn cần, các thiện ác khác có không chẳng ngại. Nếu hạnh an lạc thực hành hai mươi mốt ngày, một bề chẳng dùng, nếu hạnh tướng phần nghi cũng có thể chung dụng. Như nói được đồng học tốt cũng đọc tụng kinh.

Trong ba thứ kia có bạn quyết tu, như nói chẳng ngủ chẳng tán loạn v. v... Trong luật thường nghi còn cần bạn đồng hành giúp nhau tiến bộ không não nhau, nên nói Tỳ-ni cộng Tỳ-ni. Cho đến mười hai Đầu-đà cũng cần người đồng hành. Tăng Nhất nói: Ca-diếp v.v... đều gọi là tướng các hạnh Tỳ-kheo. Phật bảo các Tỳ-kheo rằng căn người chẳng đồng, người thiện cùng người thiện, người ác cùng người ác, như sữa sẽ đồng với sữa, cho đến đề hồ đồng với đề hồ, phân đồng với phân. Cho nên Xá-lợi-phất đồng với người trí tuệ cho đến La-vân đồng với người mật hạnh, Điều-đạt đồng với người ác hạnh. Nếu hai mặt trời công ngang nhau thì một sáng trống không. Cho nên nay (lấy cớ) tu hạnh hôm qua cố gắng hơn hôm qua gọi là nhật tân (ngày càng đổi mới). Thiết tha mài giũa. Nhĩ Nhã nói: Vàng thì chạm, gỗ thì đục, xương gọi là khắc, ngà gọi là giũa ngọc cũ gọi là (mài), đá gọi là ma (mài), sáu thứ đều là tên tự khí. Nay gọi tức thiết tha (dồi mài) cho thành pháp khí. Lại trong Thích Huấn chép: Như thiết như tha (như mài như giũa) đạo học. Người tu học muốn thành đức phải như trác như mà dồi mài tự tu. Người phải tu để lập hạnh, tự học tự tu cố gắng tha ý. Trước giải thích đúng ý văn. Cho nên cùng thiết tha một ngày thành một ngày. Đồng tâm tề chí v.v... nghĩa là hai nghĩa cùng có một lỗi sẽ khai cùng hoại. Như vượt bể khơi thì buồn và bánh lái phải giúp nhau. Cùng kính trọng như thấy Thế tôn. Nếu kính trọng nhau thì đạo pháp cùng tăng. Cho nên Đại luận quyển tám mươi mốt nói: Phật bảo A-nan, Đại Bồ-tát ở chung cùng nhìn nhau phải như Thế tôn, vì sao? Vì thật bạn của ta như cùng ngồi một thuyền, người ấy học ta học, ba giáo trao nhau, là trong ba tri thức nầy là khó nhất. Phàm người dắt dẫn phải đủ chân mắt. Nếu hạnh giải chẳng đều làm sao có thể lợi tha được. Cho nên từ văn đầu chánh bày tướng giáo thọ thiện tri thức. Từ ư chư trở xuống là chọn bày chẳng cần người giáo thọ, như thế còn có thể giáo thọ người, cho nên được tự hành không chỗ ngại khó. Lại hạnh giải đầy đủ đức ở người khác. Nghĩa là ích ta chỉ ở tại giải. Cho nên trong văn lại nêu hay nói chuyển tâm người, ở trong mười cảnh đều chẳng phải đạo, mười thừa pháp quán mới gọi là Đạo. Đạo tiền là phương tiện lại có trong ngoài. Cho nên thiện trong ngoài mới phải khéo biết. Theo trong Thiền môn hai mươi lăm pháp là ngoại phương tiện, lại có năm pháp là nội phương tiện: Một là Chỉ môn, hai là Nghiệm căn tánh thiện ác, ba là pháp An tâm, bốn là pháp trị bệnh, năm là pháp phân biệt ma. Nay văn chẳng lập hai cảnh ma bệnh tức là thứ bốn thứ năm, nghiệp cảnh tức là thứ hai, thứ một và thứ ba đây y cứ lý quán như trong an tâm đó y cứ sự chỉ cho đến sự an, cho nên ở đây

chẳng dùng. Lại văn nay chẳng lập trong năm phương tiện, là lấy mười thứ cảnh giới làm nội phương tiện. Cho nên văn trên nói hai mươi lăm pháp là ngoại phương tiện, cũng gọi là xa. Cho nên biết đối với mười cảnh là nội là gần. Lại ở ngoại chỉ có hai mươi lăm mà phân ra nội ngoại. Đủ duyên một bề là ngoại, quở dục bỏ cái nghĩa gồm nội ngoại. Nghĩa là trong năm sự cũng nội cũng ngoại. Ăn và ngủ ở ngoại, ba thứ kia ở nội. Hạnh ở năm pháp một bề ở nội. Thông bít v.v... là phương tiện được coi là chung, ngược hạnh phương tiện là tắc. Mười cảnh cùng phương mười thừa thêm bớt, trong mỗi pháp đều có thông bít. Nếu giới thông bít này đề ngại chướng, lại khéo nói pháp dắt đạt tâm người mới có thể gọi là giáo thọ tri thức. Thị giáo lợi hỷ, chỉ trao là thị, giáo chiếu là giáo, khiến người được ích là lợi, thấy người khác được lợi tâm sanh vui mừng là hỷ. Cũng có thể hai trước thuộc mình, hai sau thuộc người. Kia đây hợp luận gọi là thiện tri thức. Kế trong quán tâm tri thức trước dẫn kinh bày tướng. Kinh hỏi thế nào là thiện tri thức. Phật nói: Phật, Bồ-tát, A-la-hán là thiện tri thức, sáu Ba-la-mật và tất cả pháp pháp tánh thật tế đều gọi là thiện tri thức. Pháp tánh giúp người đến bình đẳng, sáu độ có khả năng thành tựu pháp tánh. Bậc Thánh Ba thừa có khả năng dùng sáu độ khiến Bồ-tát thực hành mà được thành Phật, cho nên đều gọi là thiện tri thức. Luận hỏi: Tiểu thừa đạo khác nói thế nào là thiện tri thức? Đáp: Có người Tiểu thừa trước đến cầu đại, quyển biết sẽ thành đại, cũng vì nói đại. Đây là thật hạnh cũng có người hay nói đại là thọ, tưởng, hành, thức. Nếu y theo văn sau này chỉ nội bí ngoại hiện mới có thể chung dụng, sao ngại trong đây cũng là nội bí, giáng ngoại này nếu y theo văn sau chỉ là chân đế thiện tri thức mà thôi. Nay đều trở xuống là khai đối. Trước như Phật trở xuống là trong Phật Bồ-tát khai ra ba: Một là ngoại hộ, tức Chư Phật oai thần đối với ta là ngoại; Kế trong đồng hành báo thân không thể nghĩ bàn công đức là anh lạc. Tướng tốt trượng sáu là (áo dơ), đạo phẩm sanh diệt là đồ đựng phân. Bày đồng kiến tư gọi là ánh sáng, vốn vì ích kia gọi là lợi vật. Vì sao? Vì dẫn ra khỏi nhà rồi bày thân tôn đặc nói pháp khó nghĩ bàn. Quở trách (đuổi bỏ) người được thọ ký trước sau cùng đồng lợi hơn đây; Ba là giáo thọ, chánh là lý ấy, cho nên chẳng cần dùng sự hiểu nghĩa. Kế trong sáu độ khai hai, trợ đạo nhìn chánh cho nên trợ gọi là ngoài, trợ giữ gìn chánh khiến chẳng lui mất là nghĩa ngoại hộ. Chánh trợ hợp nghĩa như trở xuống là trong trợ đạo chánh trợ hợp làm, hợp tức là đồng, nên nói đồng hành. Nói chẳng mất khuôn phép, là đối chuyển gồm đủ và nghĩa Đệ nhất. Thêm bớt vừa chừng đều trong khuôn phép. Qui tròn

cũ vuông tức dùng vuông mà giúp tròn. Kế trong pháp tánh khai ba, pháp tánh vốn tịnh, còn ta mê từ vô thỉ, cho nên mê thành tự, nhìn tịnh và tha. Tự chẳng phải nội huân sao sanh ra ngộ, cho nên biết năng lực sanh ngộ ở chân như, nên dùng minh huân làm ngoại hộ. Từ thỉ đến chung trí cảnh thầm hợp nhất, tức gọi đồng hành. Lại vì trí đồng cảnh nên gọi là đồng hành. Chưa thấy như mù do không giáo thọ, mắt trí vô vắng lặng nghĩa đồng giáo thọ, cảnh trí chẳng sai gọi là vô vắng lặng. Đây thì trở xuống là kết bày. Trước kết số, kế bày pháp môn. Trước bày số, là ở ba văn kinh đã đều khai ba, đều cùng ba trước nên thành mười hai. Trước ba kế ba, là trước giải thích ba chính là y cứ sự, ba đầu trong chín là Chư Phật Bồ-tát là ba, nên cũng là sự. Sáu sau trong chín đã y cứ sáu độ pháp tánh để lập ba tên nên gọi là lý. Trước dẫn Đại phẩm rồi khai thành chín. Cho nên vốn ba chẳng cần đến lại. Đối Đế đối Tất ý cũng rất dễ hiểu. Kế bày xứ, nay đã nghĩa khai để đối ba đế, như trong Hoa Nghiêm, Phổ Hiền, Văn-thù và Di-lặc v.v... đều là Trung đạo thiện tri thức, các người khác phần nhiều là thuộc tục đế chỉ tri thức đó không có người Tiểu thừa thiếu nghĩa chân đế. Nếu thứ lớp thực hành mười trụ lấy bộ Đốn kia mà chế là ma. Cho nên kinh ấy không có tiểu tri thức. Nếu theo pháp giới Tánh luận của ngài Bồ-đề-lưu-chi thì Thiện Tài trước ở cõi nước Khả lạc, ở Tỳ-kheo Đức Vân mà nghe quang minh quán sát chánh niệm Chư Phật Tam-muội, để đối Sơ trụ cho đến thú bốn mươi hai, ở Di-lặc mà nghe Pháp môn Nhập Tam Thế Chí Chánh Niệm Tư Duy Trang Nghiêm để đối Diệu giác. Nếu nhất định theo ngài Bồ-đề-lưu-chi thì kinh nói: Thiện Tài gần gũi Tam thiên Đại thiên thế giới vi trần số các thiện tri thức, vì sao đối vị để ứng trần số. Lại y một nhà như trước đã giải thích đây trở xuống là chọn xếp. Ba đế đều nói là thiện tri thức đã dẫn Thiện Tài chứng nhập pháp giới, chỉ có thể được là hai nghĩa Biệt Viên. Người La-hán há là tri thức. Cho nên phân biệt rằng tuy đồng tên tri thức. Nhưng theo kinh Hoa Nghiêm vẫn bác bỏ là ma. Cho nên trong mười ma nêu là ba ma. Tuy gọi chung là ma, mà quyền thật khó lường, cho nên lại phân biệt thật và quyền. Quyền là vẫn được gọi chân thiện tri thức. Thật là tiến lùi (lưỡng lự) còn ở hai tên. Cho nên lại dùng Biệt giáo mà so sánh giải thích. Biệt giáo mất ý còn tên là ma, huống người Nhị thừa mà chẳng phải ma. Lại chi hai thứ Bồ-tát Tạng Thông. Nếu nửa cho nửa đoạt đồng lệ Nhị thừa, như Thiện kinh luận trong thế tục là chỉ cho người đường chánh Bồ-đề, huống chi là A-la-hán đốn đồng với ma. Thánh giáo chê khen chẳng thể một hướng. Như kinh Thí Dụ quyển hai nói: Xưa có nhà giàu mùa đông gặt

hái ngàn hộc đem chôn dưới đất, mùa xuân đào lên thì không có lúa, chỉ thấy một con sâu to như con trâu, không tay chân đầu mắt như một khối thịt tròn. Chủ nhân lớn nhỏ đều quái lạ, đem ra đất bằng hỏi là vật gì, nhưng chẳng ai biết. Bèn dùng cái cọc sắt nhọn mà ghi một chỗ. Bèn bảo muốn biết ta là gì thì đem để ta bên đường cái, liền làm theo. Sau có năm trăm người cỡi ngựa đều mặc toàn mầu vàng, dừng ngựa hỏi rằng: Giặc lúa, sao ngươi ở đây? Bèn đáp: Ăn lúa của người ta nên bị giữ ở đây. Nói rất lâu rồi đi. Chủ nhân hỏi ai đó? Đáp là Kim tinh đi về Tây ba trăm bước ở dưới cây có hốc đá đầy vàng ròng. Người chủ đến đào lên quả nhiên được vàng bèn rất vui mừng mà đem giặc lúa trở về. Chủ nhân được vàng rồi thì rất biết ơn thần bèn lập đàn cúng dường giặc lúa bảo rằng: Trước chẳng nói tên họ là muốn chỉ chỗ để vàng. Nay ta phải chuyển làm phước trong thiên hạ, chẳng thể ở đây lâu, nói xong thì biến mất. Kinh chẳng hợp dụ ý cũng rất dễ thấy. Giặc lúa là Pháp sư danh lợi, có miệng không tay chân là có giải mà không hạnh. Lúa trong đất là tiến của trong kho, tiền của trong kho vốn cúng ruộng thanh tịnh nên gọi là hạt giống Mùa xuân mở ra là chủng (giống) muốn cúng ruộng thanh tịnh, ăn tức là lúa, là người nhận cúng dường. Lớn nhỏ chẳng biết là thí chũ chẳng chọn ruộng. Đất bằng là chỗ thường đi đứng. Hỏi: chẳng nói là thường ở chỗ vắng chẳng giảng nói. Mũi sắt nhọn đâm mới nói là nghe lợi mới giảng. Bên đường là giảng đường, năm trăm người cỡi ngựa là đều giảng năm thể. Toàn chứa vàng là thuần giảng nói kinh Phật cùng nói là vì nói kinh. Trong kinh lại quở trách là người vì lợi, chẳng phải tòa mà nói pháp mầu. Cho nên nói giặc lúa vì sao ở đây? Đáp: Ăn lúa người là tự giải thích lợi dưỡng khó nêu. Chủ nhân hỏi là: Thí chủ quyết nghi? Đáp: Là vàng ròng là đều giảng nói thật tướng của sở thuyên, năng thuyên. Dưới cây phía Tây là Tây chủ thu dâu kho Bí mật. Ba trăm bước là ba độc, cây là sanh tử, lý ở phiền não sanh tử. Đào lên quả được vàng, là chủ nhân y giáo tu hành mà được thấy lý. Đem về, là thí chủ tuy biết Pháp sư trái giáo, mà vì đền ân pháp nên muốn cúng dường. Giặc lúa từ biệt là Pháp sư trước nay chẳng nói đã là vô hạnh muốn tìm chỗ giảng. Chẳng chịu ở là vì sanh hổ thẹn. Làm phước thiên hạ là các chỗ cầu giảng. Vì lợi còn như thế huống chi là Biệt giáo bác bỏ đồng với ma. Vì hình tròn nên khiến như thế. Lại thực hành Nhị thừa cũng gọi là thiện tri thức. Như Đại luận nói: Các Bồ-tát Chư Phật, Thanh văn v.v... tin Phương Đẳng v.v... như pháp mà nói thì cũng gọi là thiện tri thức. Lại như Đại phẩm chuyển giáo tuy là bị gia lợi ích cho người khác cũng gọi là chân thiện tri thức. Chỉ đây là

phân nửa là đại lược mà nói. Nếu y cứ ba hoặc chỉ dứt kiến tư vẫn là chưa tới phân nửa. Y cứ do-tuần mà thí dụ là hơn phân nửa, y cứ hoặc làm thí dụ đủ như thứ bảy. Nay lại y cứ vào bán giáo sở thuyên một lượt mà nói, cần gì phải cần hoặc v.v... phân nửa. Viên giác ba thứ, là viên ngoại hộ v.v... ba thứ là chân tri thức. Tam-muội Bồ-đề tâm v.v... là đã phân biệt thiện tri thức ma, thì hai ma kia cũng lệ với phân biệt này. Ấy thì Viên giác Tam-muội Bồ-đề mới gọi là Chân thật Tam-muội Bồ-đề. Ba giáo Tam-muội Bồ-đề ở trước hoặc thật hoặc ma như trên v.v...

Thứ hai là bác bỏ năm dục. Văn năm nghĩa năm ý chỉ ở một. Năm nghĩa lại có hai là sự lý. Trở xuống là ý văn đồng với năm duyên. Trước là sự, kế là lý. Hề là bạn (buộc), mỗi pháp trong năm đều y cứ. Y chánh hai báo hữu tình vô tình mà sanh dục. Tham sắc, là luận chép: Thí như có người tham đắm quả ngon, ở trên cây mà chẳng chịu xuống. Mọi người xô cây cây ngã xuống thì đầu mình hư hỏng do đó mà chết, cho nên phải quở trách. Mâu là con ngươi của mắt, lai là liếc mắt nhìn một bên. Lại nói: mâu là con ngươi. Mạnh Tử nói: Trong tâm chánh thì con ngươi sáng. Thúy là chim phỉ thúy. Dị vật chí nói tổ ở trên cây cao, cách đất sáu, bảy trượng. Người Di bắt nó. Thuyết văn nói: Xích ty cứ to bằng con yến, lông cánh màu xanh ngọc bích. Nay từ mầu lông mà gọi sắc mày. Hạo là ánh sáng trắng. Như Nan-đà vì muốn trì giới kinh Nhập Thai Tạng chép: Thế tôn ở thành Ca-tỳ-la, Phật biết Nan-đà thọ giới đã đến lúc, bèn đến trước nhà ông mà phát ra ánh sáng. Nan-đà nói sẽ là Thế tôn, bèn sai người hầu ra xem thì quả là Thế tôn. Nan-đà muốn ra gặp. Vợ nói nếu ra gặp ắt khiến xuất gia, liền kéo áo, Nan-đà bảo rằng: Gặp một chút rồi về ngay. Vợ nói trán ướt chưa khô là phải về, bèn đáp: được! Phật sai lấy bát đựng đầy cơm, khi đã múc đầy cơm đem ra thì Phật đã đi rồi. A-nan hỏi ai giao bát? Đáp: Phật. A-nan nói chạy theo giao cho Phật. Nan-đà bèn chạy theo đưa bát cho Phật. Phật sai người cạo tóc, rồi bảo người cạo tóc chớ cầm dao đến đảnh vua Diêm-phù-đề lại nghĩ thuận theo Thế tôn, chiều tối sẽ trở về. Phật biết ý nghĩ liền hóa hầm chắn ngang, bèn nghĩ chết rồi làm sao về. Phật bảo A-nan khiến Nan-đà làm Tri sự. Nan-đà hỏi tri sự là sao? A-nan nói là ở trong chùa kiểm soát, hỏi là làm gì? Đáp: Là các Tỳ-kheo đi khất thực rồi thì phải quét đất rải nước, lấy củi và phân trâu trên đất sạch giữ gìn không rơi mất và đóng cửa nhà tăng, đến sáng phải mở cửa quét ty cứ chỗ tiểu tiện. Tăng đi rồi bèn muốn đóng cửa, nhưng đóng cửa Tây thì cửa Đông mở, đóng cửa Đông thì cửa Tây mở. Bèn nghĩ dẫu có mất mát gì khi ta làm vua thì lại tạo ra trăm ngàn chùa tốt mà bồi thường lại. Liền theo

đường lớn mà về nhà. Bỗng sợ gặp Phật trở về liền theo đường nhỏ. Nhưng cũng gặp Phật, liền chạy núp vào cành cây, gió thổi lên thân hiện ra. Phật hỏi đi đâu? Đáp: Nhớ vợ quá. Phật liền dời ông ra khỏi thành đến vườn Lộc tử mẫu. Phật hỏi: Ông có thấy núi Hương Túy chăng, thì đáp chưa thấy. Phật khiến nắm áo mà bay. Chợt thấy núi trên núi có cây ăn quả, dưới cây có một con khỉ cái một mắt bị đốt Phật hỏi thế nào là trời? Đáp: Trời không dục đâu được sánh đây. Hỏi: Ông đã thấy trời chưa, đáp chưa thấy. Phật khiến nắm chéo y liền đến cõi trời Ba mươi Ba cho dạo xem. Đến vườn rất vui thấy thể nữ và thấy vườn giao hợp, thấy các thứ tiếng. Có một chỗ Thiên nữ không chồng. Hỏi Phật, Phật bảo hỏi trời. Trời đáp em Phật là Nan-đà trì giới và sanh lên đây sẽ làm chồng ta. Phật hỏi Nan-đà: Thiên nữ ra sao so với Tôn-đà-lợi. Đáp: Trời so với Tôn-đà-lợi như Tôn-đà-lợi so với khỉ một mắt. Phật nói: Tu phạm hạnh có lợi ích ấy. Nay ông trì giới sẽ sanh lên cõi trời này. Lúc đó, cùng Phật trở về rừng Thệ đa. Bấy giờ Nan-đà ham cõi trời nên tu phạm hạnh. Phật bảo chúng tăng tất cả chẳng được đồng pháp sự với Nan-đà. Tất cả Tỳ-kheo đều chẳng đồng đi đứng với ông. Tự nghĩ A-nan là em ta ắt chẳng ghét ta, bèn đến ngồi chung. A-nan đứng dậy đi, liền hỏi: Sao em bỏ ta? A-nan nói vì nhân hạnh khác nhau nên trái nhau. Hỏi nghĩa là gì? Đáp: Anh thích sanh trên trời, còn em thích vắng lặng. Nghe rồi thì rất buồn bực. Phật lại hỏi: ông có thấy địa ngục chưa? Đáp: chưa. Phật bảo nắm chéo áo, liền thấy các ngục đều trị tội người. Có mười chỗ không người liền hỏi Phật. Phật khiến hỏi ngục tốt. Ngục tốt nói: Em Phật là Nan-đà vì sanh lên cõi trời cho nên tu hành, tạo ở cõi trời rồi trở về đây chịu khổ. Nan-đà sợ hãi khóc lóc như mưa, bạch Phật nói việc ấy. Phật nói vì vui cõi trời mà tu phạm hạnh nên có lỗi ấy. Bèn cùng Phật trở về rừng Thệ đa. Như nói rộng trong thai tướng. Nan-đà do đó mới phát tâm vì giải thoát nên trì giới, sau được quả A-la-hán. Nếu vào chúng trước quán người nữ vì dư tập, nay lại từ lỗi chẳng nói được quả. Quốc vương hoang dâm vô độ. Lớn là nước, nhỏ là bang, lấy một suốt ba nên gọi là vương, ba tức ba tài là Thiên, Địa, Nhân. Vì ở tục chẳng biết trong ba cõi có các trời. Tức vua Tần-bà-ta-la vì sắc dục nên thân vào nước kẻ thù ở trong phòng của dâm nữ Phạm ma. Vua Ưu-ruộng vì sắc dục nên chặt tay chân năm trăm vị tiên. Trích ở Đại luận quyển mười chín. Đam, Nhĩ Nhã gọi là ưa thích lâu hoang là mê vui không chán tông là tôn, miếu là mạo, nghĩa là chỗ ở của Tôn Mạo Xã là hậu thổ. Thổ là cõi, sanh ra như miệng ói nhã vật, tức là thân đất. Quốc Ngữ nói: Bình chín cõi nên thờ làm thần. Ruộng

là chánh. Lại nói nâng Hoàng thiên mà che hậu thổ. Đất thổ địa rộng chẳng thể kính hết nên phong làm xã, Tắc là tên chung năm giống lúa. Tức là thần năm lúa, cho nên chỗ Thiên tử ở, bên trái là Tông miếu, bên phải là Xã tắc, bày ra bốn mùa ngũ hành, cho nên mất nước gọi là mất Xã tắc. Đã vào nước kẻ thù và phòng dâm nữ cho nên Xã tắc hoại. Cõi này trở xuống kế dẫn đam hoang cõi này mà so sánh. Hách hách là Thạnh. Như thế là Thạnh Chu sắp mất. Bao Tự, xưa là Hoàng hậu nhà Hạ lúc suy có hai con rồng nằm ở sân nhà Hạ, tự nói ta là Bao Tự ở hai vua trước. Rồng mất mà vẫn còn che kín. Nhà Hạ mất khí này truyền đến nhà Ân, Ân mất truyền cho nhà Chu ba đời chẳng dám phát, đến những năm cuối đời U Vương phát ra để ở sân khiến người nữ ở truồng mà tắm thì hóa thành Táo đen nhập vào Hậu cung của vua, Hậu cung có cô bé chưa mọc răng, đã cài trâm thì có thai không chồng mà sanh, sợ mà đem bỏ ngoài đường. Có hai vợ chồng đêm nghe khóc thương mà đem về nuôi sau mất ở nước Bao. Người Bao chuộc tội thỉnh vào Đồng nữ ở U Vương. Cô gái sinh ra ở nước Bao nên gọi Bao Tự. U Vương năm thứ ba ở hậu cung thấy mà thương, sanh con là Bá Phục, lại phế Thân Hậu và Thái tử mà lập Bao Tự và Bá Phục. Bao Tự chẳng cười, cười thì có một trăm hai mươi vẻ đẹp U Vương muốn nàng cười nên đánh trống báo có giặc và đốt phong hỏa. Chư hầu cùng kéo đến mà không có giặc, Bao Tự bèn cười lớn. U Vương làm nhiều lần như thế, sau Chư hầu không đến nữa. Đến năm thứ mười một thì Thân hầu và Khuyển Nhung đánh U Vương, U Vương đốt phong hỏa đánh trống báo có giặc nhưng không ai đến. Bèn giết U Vương, bắt sống Bao Tự, lấy hết của cải mà đi. Thân hầu bèn cùng chư hầu lập Thái tử. Tham lang là tâm tham như sói dữ. Thinh dục (tiếng dục), là tiếng chẳng dừng, người ngu chẳng hiểu chứa nhóm sinh đắm nhiễm. Kiều Mỵ yêu từ v.v... như trong Bà-sa nói: Khi Phật chưa ra đời. Đế-thích thường đến chỗ vị Tiên Đề-ba-diên-na nghe pháp. Xá Chi nghĩ rằng: Đế-thích bỏ ta muốn đến người nữ khác, bèn giấu mình trên xe đến chỗ vị Tiên. Đế-thích thấy bèn bảo rằng: vị Tiên chẳng muốn thấy người nữ, nàng trở về đi, khổ chẳng chịu đi. Đế-thích dùng cành hoa sen mà đánh. Xá Chỉ bèn dùng lời dịu dàng từ tạ Đế-thích. Các Tiên nghe tiếng liền khởi dục thì Loa Kế té xuống đất mất thần thông. Cho đến tất cả lời nhiễm ở thế gian đều sanh dục cho người. Cho nên phải quở trách.

Tơ Trúc huyền quản v.v... Tư xưa có nhạc chẳng ngoài tám âm. Thổ gọi là quyên, nay trẻ con cũng thổi, bào là sanh (sên), bì là trống, trúc là quản (ống sáo), tơ là huyền (đờn dây), thạch là khánh, kim là

chung, cây là chúc. Do đó làm nhạc điều khiển tám âm để đổi chí tà của người để toàn chánh tánh, để thay đổi phong tục. Nay nhạc đều là tiếng Trịnh Vệ, tăng cuồng dật, hoại chánh tánh cho nên phải quở trách. Như luận nói: Có năm trăm vị Tiên ở trong núi Tuyết. Cô gái Chân-cala ở núi Tuyết tắm mà hát, tiên nghe tiếng hát mà mất các thiền định, tâm say mê cuồng chẳng thể tự chuyển. Ở ngón là Nhẫn, ở cánh tay là Xuyến. Chuông đeo đều là món trang sức trên thân người nữ phát ra tiếng nên sanh ra dục. Kế trong hương dục mà nói Uất-phất. Phất là đeo hương. Phân huân là khí tốt. Hương phân phương là khí tạp. Khốc liệt cũng là dáng đầy hương thơm, các dục là hương dịu dàng. Ở y chánh hương đều chẳng nên mê đắm. Người cho là đeo hương có lỗi nhỏ, nay thì không như thế. Khai môn kết sử, thấy đường chân chánh, trăm năm trì giới có thể hoại một giờ. Đại luận nói: Như có La-hán vào cung rồng được rồng mời ăn, bát dơ giao cho Sa-di rửa, bát hôi được thơm tho, liền làm phương tiện chung dưới giường dây, tay cầm chân giường cùng vào cung rồng. Rồng nói: Sao đem người chưa đắc đạo đến. Sư nói chẳng biết. Sa-di được ăn ngon thấy Long nữ thơm tho đẹp đẽ không gì sánh bằng, bèn rất đắm nhiễm. Trong tâm phát nguyện nguyện thường làm phước để cướp Long nữ này. Rồng nói chớ đem Sa-di đến. Sa-di trở về một lòng tu thí giới nguyện sớm thành rồng. Khi ấy đi nhiễu chùa thì dưới chân có nước, tự biết nghiệp rồng đã thành. Đến ao lớn chỗ thầy vào xưa che y ca sa lên đầu mà chết, liền biến thành rồng to phước đức rất lớn, liền giết rồng kia, máu nhuộm đỏ ao. Trước khi chưa chết thầy quở trách đồ chúng. Đáp rằng: Lòng con đã định thầy dắt chúng tăng đến ao xem thì than rằng: Do mê đắm hương thơm mà đến nỗi này! Lại có Tỳ-kheo mê đắm hương hoa sen bị thần ao quở trách, người sau nhổ bỏ thần ao chẳng trách. Tỳ-kheo trách ngược thần ao. Thần nói: Tỳ-kheo như áo trắng dính mực liền thấy, người thế tục như vật đen nên dính mực chẳng ai thấy, đâu đáng lấy làm lạ. Quí nhất trong vị dục là vị ngon, truyện nói: Không phải lúa mà ăn thì gọi là hào. Hào là dưa muối. Thuyết Văn nói từ thịt là đạm. Phi dụ, thuyết văn nói là thịt dưới bụng là tâm nhuận. Nị v.v... là mỡ nước mỡ đặc. Vì mê đắm vị nên nước đồng sôi đổ vào miệng, vì mê đắm vị nên rơi vào chỗ bất tịnh. Như một Sa-di tâm ưa thích vui. Đàn việt cúng dường tăng, mỗi khi Sa-di được dư thừa thì đắm mê không lìa. Chết rồi thành sâu sanh trong lạc thừa. Thầy đã được A-la-hán, mỗi khi tăng chia lạc thì bảo từ từ, kẻo là tổn thương Sa-di ưa lạc. Người hỏi thì đáp con sâu này vốn là Sa-di của ta, vì ưa vị lạc nên đọa trong lạc này, vì nghĩa ấy cho nên phải trách vị.

Xúc dục, là gốc sanh tử, là duyên buộc ràng. Vì sao? Vì các dục ở bốn căn kia đều được chia riêng, chỉ có xúc dục này là ở toàn thân, chỗ sanh rộng nhiều nên sanh mê đắm. Mê đắm này khó bỏ. Nếu bị đọa địa ngục thì lại lấy thân xúc mà chịu khổ muôn mối. Xúc này gọi là điểm đen tối lớn. Luận chép: Như kinh Kiếp Bát Tiên Nhân nói: Quá khứ có vị tiên tên là Kiếp-bát được năm thần thông vua rất kính trọng, bay đi bay về. Vua tự cõng tiên trải tóc để vị tiên đi và cùng ăn làm, chính tay vua nấu gấp thức ăn cả mấy năm. Vua có việc phải đi xa, vua có một cô con gái rất đẹp không ai bằng. Vua bảo con gái ta kính thờ vị tiên chẳng dám trái ý. Nay ta có việc đi xa con phải cung cấp cho vị ấy như ta. Vị tiên ấy bay đến, cô gái mời ngồi và tay để trên ghế trên bàn, vị tiên chạm vào liền khởi dục. Dục mạnh quá mất thần thông phải đi bộ ra khỏi cung. Mọi người nhóm họp nhìn xem. Vua nghe liền đến xem cúi đầu nói kệ trách vị tiên, vị tiên nói đúng thật như chỗ nói. Năm nạn này trở xuống là năm thí dụ như văn nói. Lại Đại thừa nói: Thương thay chúng sanh thường bị năm dục làm não loạn mà vẫn mãi tìm cầu chẳng thôi, như chó gặm xương khô, như đạp nhằm rắn độc. Năm dục này cùng chẳng khác súc sanh, quán tâm trách dục, là văn trước nêu dục sanh ra ba đế thường vô thường v.v... tức là hai bên. Nghĩa đế bậc nhất tức là Trung đạo. Trong dục đã có vị ba đế sao chẳng quán đã sanh quán giải, mà chỉ mê đắm dục nhiễm thô ác của thế gian, thật lầm lạc thay. Cho nên Đại luận trở xuống nói: Trong dục cũng sanh vô lượng các kiến. Dục là Độn sử lại sanh vô lượng các kiến. Lợi độn đầy đủ đều sanh trong dục. Đây là trở xuống là văn ba quán nói cảnh sở quán. Nay quán trở xuống là quán năng quán.

Thứ lớp của quán, trước nói quán không, tức chiết thể khác nhau. Lại hai không này đâu đồng với Lão Trang? Trang nói năm mầu loạn mắt khiến mắt chẳng sáng, năm tiếng loạn tai khiến tư chẳng chung, năm mùi loạn mũi nhân thuần trong sáng, năm vị ở miệng khiến miệng lệ sảng, lấy bỏ hoạt tâm khiến tánh bay bổng. Năm thứ này sanh hai hại năm căn rất đồng với lời đã nói, ông ấy tuy nói hại sanh mà chẳng biết gốc hại sanh, chỉ biết bị năm hại ấy thì mê mờ phương hại.

Trong quán giả nói cũng gọi là thọ nhập sắc không, là bác bỏ quán không ở trước, nếu chẳng rõ sắc trong tất cả Phật pháp, chỉ gọi là lãnh thọ chấp đắm sắc không. Trung quán rất dễ thấy. Cho nên Thích Luận nói trở xuống là lại bác bỏ tiểu. Cho nên biết Nhị thừa chẳng thấy sắc thật. Bác bỏ sâu trở xuống là nêu lý để quở trách. Trong sự trách dục lại gồm viên lý, mới được phương tiện của Viên gia, nên nói ý ở

đây người chẳng thấy đây mà làm theo văn ấy. Trên dưới đều như thế, xin chú ý.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 4
(PHẦN 4)

Thứ ba là bỏ cái. Văn nghĩa đồng như trước, trong đó văn đầu nêu số, Thích Danh nói khác, nêu thí dụ dẫn chứng các văn đều rất dễ thấy. Luận Bà-sa quyển mười tám nói: Trong năm cái này ba việc đều lập tức là tham sân nghi, hai sự cùng lập là Thùy Miên, Trạo Hối. Câu-xá chép: Thực trị dụng đồng. Tham lấy diệu dục làm ăn, bất tịnh quán làm trị. Sân nhuế (giận dữ) lấy tướng đáng ghét làm thức ăn, từ tâm quán làm trị. Nghi dùng tướng ba đời làm ăn, duyên khởi quán làm trị. Cho nên đều lập một phía. Hôn trầm thùy miên lấy năm pháp làm thức ăn: Một là mù mờ, hai là chẳng vui, ba là nhíu mày, bốn là tánh ăn không bình đẳng, năm là tâm tánh gầy yếu, dùng Tỳ-bát-xá-na để trị. Xưa gọi thùy miên tức là hôn trầm. Trạo cử, tác lấy bốn pháp làm thức ăn: Một là thân lý tầm, hai là cõi nước tầm, ba là bất tử tầm, bốn là nghĩ việc xưa tầm, dùng Xa-ma-tha để trị, xưa gọi là trạo hối trạo là cử động. Hối là ác tác, nên đều lập một. Hỏi: Vì sao ba trước đều lập một, hai sau hai, hai lập một? Đáp: Ba trước có thể nói riêng, hai sau chung mới nói được, như người nói sự có chung, có riêng. Nay đây văn nêu nghi ở sau, vì bốn thứ trước đều có nghi, mà bốn trước tăng cường từ bốn là cái, ý song chiếc lại y theo luận văn. Nếu ý kinh Đại thừa chung đến Kim cương đủ như giải thích sau: Trước trách dục trở xuống tức là nói về khác. Trước chỗ trách dục đối trần phát thức, chẳng phải ngay ở năm thức mà được gọi là năm dục, phải đồng thời ý thức duyên hiện năm trần khởi năm ý thức phân biệt tưởng mê đắm khởi tâm mong cầu nên gọi là Dục. Nay năm cái này mới nói chuyển vào ý địa, nghĩa là năm trần trước đến khi nhập thiền, ý địa cũng nhiễm. Che lấp thiền định nên gọi là Cái. Dục trước một bề đối thuận tình trần. Cái chung trái thuận đối định để nói. Trong nêu thí dụ, trước nêu bổn trí, kế nêu trọng thí.

Nói như cây độc v.v... văn tuy đồng trước ý nghĩa khác, khiến có cái ắt bỏ, như có độc phải cắt. Kiểm soát giặc cũng như thế. Đại Phẩm trở xuống là dẫn chứng. Nói lìa dục và pháp ác, là Câu-xá nói: Năm cái chỉ ở dục, thiền đời còn phải lìa hai pháp này huống chi là tu viên đốn ư? Tham dục cái khởi trở xuống là kế nói tướng cái. Trong tham dục trước nói khai môn kiết sử, chín kiết cùng tám mươi tám sử đều nhân dục mà vào. Vì nghĩ hương thơm nên chung kiết sử mà vào. Hương là năng chung gọi là môn kiết sử. Lại nói kiết sử tức môn gọi là kiết sử môn. Vì hay khiến hành giả (người tu) đến đường ác. Hàm mạng nói sử là kết chỗ sai khiến. Ba đời chín não. Văn chung nêu ba, tức một là khuấy não ta, hai là khuấy não người thân của ta, ba là khen người ta thù oán, ba đời cho nên hợp thành chín. Hỏi: Quá khứ đã qua, vị lai chưa đến đâu gọi là não. Đáp: Não tuy cảnh quá vị mà thật ở hữu tình, cùng lúc gặp nhau thì sanh não cho đến quá khứ có làm não ta. Nếu người lìa sân thì tuy có cảnh não mà tâm não chẳng sanh. Như Thích-Đề Bà-na dùng kệ hỏi Phật: Vật nào giết an ổn, vật nào giết vô ưu, vật nào là gốc độc, nuốt mất tất cả thiện. Phật đáp: Giết sân thì an ổn, giết sân thì vô ưu, sân chính là gốc độc, nuốt diệt tất cả thiện. Miên gọi là tăng pháp tâm sở, trong đây nói chung là thùy miên khiến cho tâm sở thêm lớn không ngừng. Trong Câu-xá y cứ pháp tướng nói rằng: Thùy miên khắp chẳng trái, nếu có, đều tăng một, vì nó chung ba tánh. Tâm thiện sở có hai mươi hai pháp đều khởi mười Đại dị, mười Đại thiện địa và Tầm từ, có khi thêm ác tác. Tâm sở bất thiện có hai mươi, tức là Đại địa mười, Đại phiền não địa sáu, Đại bất thiện hai, Tầm từ hai, bốn phiền não phẫn v.v... ác tác hai mươi mốt, hữu phú có mười tám, vô phú có mười hai. Như trong phẩm tâm ở trước nếu có đều tăng thêm một. Kinh Tát-già-ni-càn nói: Nếu người nặng về ngủ nghỉ, v.v... hai hàng kệ đủ như văn nay. Thích Luận chép: Đại luận gồm có tám bài kệ v.v... Đại Kinh nói: Như người thích ngủ nghỉ thì thấm nhuần nhiều. Tướng cái trạo hối. Trạo là động, trạo là pháp phá tâm xuất gia, nhiếp còn chẳng định huống chi là trạo tán. Đại luận quyển mười chín có bài kệ rằng: Ông đã cạo tóc mặc áo cà-sa, ôm bình bát đi khất thực, sao lại ưa pháp hý luận, buông lung mất pháp lợi. Kinh Tát-giá nói: Tâm hý luận cấu nhiễm, tâm chẳng trụ Tam-muội, bị người trí bác bỏ trách, hành giả chẳng giải thoát muốn được lợi ích nhanh, phải lìa các buông lung. Luận chép: Nói hối, có hai thứ: Một là trạo sau sanh hối, hai là như người có tội nặng thường ôm tâm lo sợ. Tâm hối vào tim, chắc không nhổ được. Nay cũng đủ hai thứ. Văn trước tức ý đầu, kế nếu người trở xuống tức là ý thứ hai.

Cho nên Đại luận quyển mười chín nói: Nếu người có hai thứ phải làm mà chẳng làm, phải làm mà làm ấy là tướng người ngu. Chẳng vì tâm hối nên chẳng nên làm hay làm được, các việc ác đã làm rồi thì không thể khiến cho chẳng làm. Câu trước là nêu chung, ba câu kế là ý đầu, bốn câu kế là ý thứ hai. Cho nên trong kinh Bảo Tích có Bồ-tát được trí Túc mạng nhớ biết trong ức kiếp tội nặng đã gây, vì ưu hối nên chẳng chứng Vô sanh. Lúc đó Văn-thù Sư-lợi biết rõ ý nghĩ bèn ở giữa đại chúng mà cầm dao hại Phật. Phật nói: Nếu muốn hại ta là khéo hại ta. Văn-thù bạch Phật vì sao, Phật do đó nói tất cả pháp đều như huyễn hóa, nếu hay như thế là khéo hại ta. Bồ-tát do đó soi biết tội đời trước đều như huyễn hóa mà được Vô sanh nhẫn. Trong nghi nói do dự là gọi chung chẳng quyết. Do Nhĩ Nhã nói con hoẳng khéo leo cây. Thi Tử nói: Chó lớn năm thước gọi là Do. Thuyết Văn nói: Lũng hữu gọi con chó là Do, cũng thuộc nói con chó này hoặc chạy theo người được sau chẳng định nên gọi là do dự. Nghi tuy có lỗi nhưng phải nghĩ chọn, ở thân tâm mà quyết chẳng nên nghi. Pháp sư hai nghi phải hiểu lúc ấy, nếu chưa vào Tam-muội đối hai pháp này nếu chẳng nghi thì lại gặp Tà sư, Tà pháp. Cho nên phải suy nghĩ phân biệt cho thật chín chắn, nghi là giải tâm đây là tên gọi. Sư pháp đã chánh thì y theo pháp mà tu hành. Bấy giờ ba nghi phải bỏ hẳn. Tướng bệnh năm cái trở xuống là nói bỏ cái. Đây thì kết trước sanh sau. Cũng trước sự kế là ký. Hành giả trở xuống là nói pháp lập trị. Tùy gượng, nếu tham trở xuống là chánh nói dụng trị. Bất tịnh trị tham, là y cứ thật quán, đủ như trong quyển bảy. Trong Trị Sân nói hai đời là quá hiện, cũng như thứ bảy, thứ chín. Trong trị thùy miên nói như hướng về núi báu. Đại luận trong giải thích Tín chép: Lấy tín làm tay, như người không có tay mà vào núi báu thì không lấy được gì. Người chẳng tin mà vào núi báu Phật pháp thì đều không được gì. Vì chẳng tin nên sanh ngờ vực. Nếu người có lòng tin mà vào Phật pháp thì chẳng cạo đầu suông, mà hay hỏi hay đáp, phải biết người xuất gia đến núi báu đâu thể trở về tay không. Trương cúc cụ v.v... Trượng là đi trong thiền đường. Luật Tăng-kỳ nói: Lấy trúc làm gậy dài tám chỏ để ở hai đầu, sai hạ toạ gánh đi, chẳng được chống sườn chống trước ba hay chẳng biết chống bên trái. Nói cúc là đều lấy tay cúc dính trên đầu, ngủ thì rớt xuống đất thức thì sách phát. Luật nói: Nếu có người ngủ thì dùng cúc mà nén. Bối là vỏ ốc lớn để thổi ra tiếng mà thức tỉnh người ngủ. Ngôi sao là Phật pháp chỉ cho hết ngủ xem sao, còn tất cả lúc khác thì cấm, hoặc lại dùng nước rửa chân và mặt. Bà-sa nói từ mặt trời lặn đến mặt trời mọc ngồi kiết già siêng năng tinh tấn Đảnh

an thiền trấn, gậy hành thiền cúc pháp. Cũng lại có pháp trị của các bậc Thánh khác. Như kinh Dục Vương nói: Có một Tỳ-kheo ham ngủ, Hòa thượng Cúc-đa hóa thành một con quỉ bảy đầu bảy tay cầm gậy treo trên hư không thấy rồi về chỗ cũ. Hòa-thượng bảo nên ngồi thiền, nếu ngủ thì trở lại, mà tinh tấn được dạo. Lại có một Tỳ-kheo ngủ nhiều, thấy quỉ thấy Cúc-đa, Cúc-đa nói: Quỉ chẳng sợ, bị quỉ giết mà chẳng vào sanh tử còn bị ngủ giết thì sanh tử vô cung. Tỳ-kheo trở về phòng ngồi thiền mà được định. Lại kinh Thí Dụ nói có một Tỳ-kheo ăn no vào phòng ngủ, Phật biết qua bảy ngày sẽ chết. Phật đến phòng ấy búng ngón tay để thức tỉnh, Phật nói kệ cảnh cáo. Thức rồi lễ Phật. Phật nói: Ông ở thời Phật Duy-vệ làm Sa-môn vì tham lợi dưỡng chẳng tu tập kinh giáo ăn no liền ngủ, chẳng nghĩ vô thường, chết rồi đọa làm loài cá ông, con nghêu con ốc, năm trăm muôn năm thường ở trong tối tăm chẳng thích ánh sáng. Một khi ngủ thì cả trăm năm, thức rồi chẳng cầu xuất gia. Nay làm Sa-môn, vì sao lại ngủ mà chẳng biết nhàm chán. Tỳ-kheo nghe rồi tự hội tự trách, năm cái liền dứt mà chứng quả thứ tư. Đây chính là Thánh biết cơ cảnh cáo việc ngủ. Trong Trị Nghi chép: Núi Tuyết từ quỉ thỉnh kệ, nói đủ như trong trong Tuyết Sơn Đồng Tử của Đại kinh. Thiên đế lạy súc sanh làm thầy, là kinh Vị Tằng Hữu quyển thượng, Phật nói như thuở quá khứ cách nay vô số kiếp. Ở nước Tỳ-ma trong núi Xỉ-đà có một con dã can bị sư tử rượt đuổi muốn ăn thịt, chạy rờirớt xuống giếng chẳng lên được, suốt ba ngày bèn móc tim ra chết mà nói kệ rằng: Họa thay ngày nay bị khổ ép, phải bị mất mạng ở giếng gò, tất cả muôn vật đều vô thường, hận chẳng dùng tâm nuôi sư tử. Nam mô qui mạng Mười Phương Phật cho biết tâm ta thanh tịnh không thôi. Lúc đó, trời Đế-thích nghe tên Phật nghiêm chỉnh niệm Phật xưa, chỉ có một mình không Đạo sư, đam mê năm dục tự chết chìm, liền cùng các trời tám muôn chúng, liền bay xuống giếng muốn hỏi han. Bèn thấy dã can ở đáy giếng, hai tay bám đất chẳng lên được. Thiên đế lại tự nghĩ rằng: Bậc Thánh phải nhớ vô phương thuật, nay tôi tuy thấy thân dã can. Đây ắt Bồ-tát chẳng phải phàm khí. Nhân giả vừa nói chẳng phải lời phàm, xin vì các trời nói pháp yếu. Lúc đó dã can bèn đáp: Các ông Thiên đế không dạy bảo, Pháp sư ở dưới mình ở trên, đều chẳng tu kỉnh hỏi pháp yếu. Nếu pháp thanh tịnh cứu được người, vì sao muốn được tự cống cao. Thiên Đế nghe xong rất hổ thẹn. Giúp đỡ các trời ngạc nhiên cười. Thiên Vương giáng chỉ rất vô lợi. Thiên đế tức thời bảo các trời. Cẩn thận vì đây mà sợ sệt, là ta ngang bướng đức chẳng xứng. Ắt phải nhân đây nghe pháp yếu, liền tự trải y báu trời ra mà đặt

dã can nằm lên. Các trời bày cam lộ cho ăn, dã can ăn xong mà muốn sống, chẳng phải trong họa được phước này, tâm càng hớn hở vui vô lượng, lúc đó dã can tự nghĩ rằng: Ta được túc mạng biết quá khứ v.v... Bèn khiến các trời bày tòa v.v... Thiên đế nói được thoát nạn giếng v.v... dã can nói rộng có người thích sống ghét chết, có người thích chết ghét sống v.v... Thiên đế hỏi: Cứu mạng không công đức, thí pháp có công đức gì? Dã can nói rộng công đức thí pháp v.v... Bèn nói quá khứ có vị vua tên là A-dật-đa, trước, giữ mười điều lành. Sau vì nước lân cận dâng con gái tặng của báu, do đó mà xa xí bị đọa địa ngục. Ra khỏi ngục rồi thì làm quỉ. Từ quỉ lại nhớ kiếp xưa có mười điều lành. Từ quỉ đọa vào súc sanh làm dã can. Tạ đọa phần tử mang được sanh lên cõi trời. Vì ông nên trái bản nguyện của ta, cho nên nói cứu mạng có công ít. Thiên đế hỏi rằng: Thế tôn nói người thiền cầu chết việc ấy chẳng đúng. Nếu muốn cầu chết vì sao vào áo? Đáp rằng có ba ý: Một là thuận ý Thiên đế, hai là vì các vị trời được nghe pháp, ba là vì chung hóa tuyên truyền pháp. Lại vì Thiên đế nói rộng pháp môn v.v... Đại luận chép: Chẳng vì túi da thúi v.v... Đại luận quyển chín mươi sáu trong Ba Luân Duyên chép: Nếu có đệ tử thấy lỗi của thầy nếu thật chẳng thật tâm ấy tự hư mất pháp hơn lợi cho nên không tiếng bảo rằng chớ thấy lỗi của thầy phải tự nghĩ mình bạc phước không được gặp Phật, gặp thầy ác chẳng nên nghĩ lỗi, tự hại Bát-nhã. Nếu thầy có lỗi chẳng can dự gì đến ta. Ta từ thầy cầu Bát-nhã, như túi da chó đựng đầy vật báu, thì chẳng vì da thúi mà bỏ báu. Như người tội cầm đuốc đủ như trong bốn Tam-muội đã dẫn. Muôn sông, nước hội mà làm sông, sông lớn tự xuyên, xuyên là chung. Kinh Phổ Siêu chép v.v... Nay dẫn tóm tắt, kinh ấy quyển hạ chép: Phật thọ ký cho Xà Vương rồi bảo Xá-lợi-phất rằng: Người gặp nhau không gì bằng tướng bình đẳng, sở dĩ chẳng nên bình tướng người, vì căn người khó thấy, chỉ có Như lai là bình tướng người, làm đúng như Như lai sẽ bình tướng người. Hiền giả Xá-lợi-phất và đại chúng kinh ngạc vui mừng ghi nhớ lời này. Từ ngày nay cho đến chết chẳng xem người khác, chẳng dám nói ai đọa địa ngục, nói ai sẽ diệt độ. Hạnh của chúng sanh là không thể nghĩ bàn Phật pháp như biển chỉ có lòng tin mới vào được. Lời của Khổng Khưu còn lấy tín làm đầu, huống chi Phật pháp lý sâu không tín mà vào được ư? Cho nên nói Binh Thực còn như thế, nên bỏ tín chẳng thể đi. Kinh Hoa Nghiêm nói: Tín là nguồn đạo, là mẹ công đức. Như các Thanh văn được La-hán rồi bốn trí rốt ráo, hai thoát đầy đủ há lại tiến cầu đạo Đại thừa. Cho nên tự trình bày rằng: Chẳng lại tiến cầu A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. nói lấy tín mà được vào, nếu

chẳng ở Phương Đẳng Bị Đần mà sanh tín tâm, làm sao đến Pháp Hoa mà được thọ ký. Hòa-già-lợi là bản thứ nhất nói có cụ già mới xuất gia chưa biết gì, ở trong tăng-già-lam bị Sa-di đùa giỡn rằng: Cho ông Sơ quả, khiến ông ngồi rồi để mạo cúc lên đầu bảo rằng: Đây là sơ quả. Vì tín tâm nên liền được sơ quã, mà bảo Sa-di rằng: Tôi đã được sơ quả. Sa-di lại đùa giỡn bảo: Như thế cứ y theo trước bốn phen làm như thế đến quả thứ tư. Cúc-đa dạy đệ tử leo lên cây. Phó Pháp Tạng Truyện chép: Nam Thiên trúc có người con của quí tộc xuất gia học đạo mà cứu trước thân mình tắm gội thoa hường thích ăn uống ngon bổ. Thân thể mập ra mà chẳng được đạo, bèn đến chỗ Cúc-đa cầu xin Thắng pháp. Tôn giả thấy biết ông ấy vì mê đắm thân nên chẳng được lậu tận. Bảo rằng nếu nnận được thì ta sẽ trao pháp cho. Đáp: Con nhận, liền hóa ra cây lớn, bảo leo lên bốn bên biến thành hố sâu ngàn trượng, khiến buông tay trái như thế liền buông. Thứ lớp khiến buông tất cả, buông bỏ thân mạng đến đất chẳng thấy hố sâu và cây. Vì nói pháp yếu mà được quả thứ tư.

Hồ nghi. Hồ là tên một loài thú, dã can nhiều nghi nghe giỏi. Người nói hồ nghi là do đó. Thú này là quỉ cởi, người thời ấy cho là tinh mị. Có người nói sông Hoàng Hà đóng băng dày, muốn qua sông phải lắng nghe tiếng nước chảy, tiếng dứt mới qua. Phú khí là tin vô cớ như chậu úp. Đại luận chép: La-vân từ bé đã thích nói dối, vì nói dối khiến vô số người chẳng được thấy Phật. Phật muốn điều phục, bèn đi sai xa xách nước. Phật úp chậu tắm rồi chế nước vào, đáp rằng: Chập úp nước không vào được. Phật bảo ông giống như chậu úp, nên nước pháp không vào, đoạn dùng thứ quở trách. Nay mượn thí dụ nghi cũng đồng như chậu úp. Hỏi trở xuống là liệu giải. Trong đáp ở trước nêu nhiều giải thích khác nhau. Văn đầu là, đã có môn hộ thuyên thứ chẳng vì không biết mà đến được cho nên là chướng. Ra vào có lý do nên gọi là môn hộ. Đầu tiên từ cõi Dục thô tế các trụ cho đến phi tưởng gọi là Thiên thứ. Văn ấy rất dễ hiểu. Tuy đều dị kế (chấp lạ) theo văn nay phải tùy người mà sắp xếp. Hỏi: Trở xuống là trước hỏi khởi tướng cái, là lý do dài xa kế rộng khai trở xuống là nêu tướng dài xa. A-tỳ-đàm trở xuống là bác bỏ Thiên, hoặc gần đã lấy tướng che úp mà nói. Phải biết chẳng phải chỉ là tướng che bởi tham ái sân nhuế v.v... còn mất khác nhau. Cũng lấy gần che xa chưa nói năm cái chung đến Phật địa. Trên bỏ dưới bày, các tướng thiên kế cận cái, chưa phát Thiền đến nay tất cả năm cái đều gọi là Độn sử, như văn trước đã nói tướng cái.

Lợi sử trở xuống là kế nói năm cái lợi sử, chỉ tùy tứ ý trước nói

người tà không. Đây là so sánh với lợi sử, do sử này nên sanh năm cái, cũng như trước nói sáu mươi hai kiến trong năm dục đều gọi là Dục. Tức hai cái lợi, độn đều là cảnh quán. Từ trách bỏ trở xuống là phá cái vào không, lại kết sơ quả. Lại phá lợi sử làm tên. Từ sơ quả trở xuống là lại y cứ sơ quả làm độn sử, là tướng năm cái, là chỗ phá của ba quả sau. Lệ với tướng cái Sơ quả để nói tướng cái trên quả hai, ba. Lại kế y theo không trở xuống là nói xuất giả trên cái mà y không khởi.

Nói năm thứ muối, Đại luận quyển hai mươi bốn nói: Sáu vị giáo chủ ngoại đạo chẳng cho ăn năm thứ muối, chẳng hay năm thứ muối ở cõi ấy như thế nào. Như năm muối cõi này tức là muối hột, muối xanh, muối đỏ, muối trắng. Muối ấn. Muối có nhiều loại, đại lược có năm. Phương Tây y theo đây cũng rất dễ thấy. Có A-la-hán bị người khác hỏi vì sao gọi là muối đỏ. Không biết bèn hỏi Tam Tạng, Tam Tạng nói: Muối là vị, đỏ là sắc. Chẳng hay việc nhỏ do chưa có trí xuất giả. Đã là chẳng liễu nghĩa thì sẽ ngủ. Y trung khởi cái nói rằng: Cây lớn gãy cành. Đại luận quyển ba mươi chép: Thí như đầm trống có loại cây tên là Xa-ma-lê cảnh tỏa rộng các chim đậu nghỉ rất nhiều. Có một con bồ câu đến sau đậu trên một cành, cành cây liền gãy. Thần Đầm hỏi: Chim to đậu mặc tình, vì sao chim nhỏ đậu mà gãy. Thầy cây nói: Chim này là kẻ thù của ta, ăn hạt cây Ni-câu đến đậu trên cành ta, ỉa phân có hạt xuống, cây ác sẽ mọc lên sẽ có hại lớn, cho nên lo sợ, thà bỏ một cành mà an toàn. Đại Bồ-tát cũng giống như thế. Đối với các ngoại đạo các sử Thiên ma và nghiệp ác, không sợ như thế mà sợ Nhị thừa. Nhị thừa ở bên Đại Bồ-tát cũng như chim kia, sẽ làm hư tâm Đại thừa, làm mất hẳn tâm Phật thừa. Trong Luận nói: Ba thừa cùng vị, dùng đại bác bỏ tiểu, cho nên đối tâm Nhị thừa. Nay mượn văn ấy, cũng lại y theo đó mà nói tâm Nhị thừa. Nếu theoý văn nay phải nói chẳng thích tâm hai bên,. Như chẳng chứa chim oán. Vì chẳng vui nên nghĩa phải sân. Đại luận nói v.v... là trong chứng địa đều có vô minh, có chứng minh liền có năm cái. Cho nên Đại luận giải thích Đại Phẩm rằng: Kinh trước văn sau vì sao chỗ nào cũng đều nói đâu có vô minh Tam-muội? Đáp: Pháp ái khó dứt nên chỗ nào cũng nói phá vô minh Tam-muội. Đây tức chân đạo pháp khác nhau với tự ái. Ấy thì Sơ trụ tuy phá một phẩm, mà phải phá từng phẩm. Nếu ám chứng gia tức là vừa biết chân lý thì liền là Phật, là chẳng hiểu giáo tướng. Cho nên nay nói Bồ-tát so với Phật còn có ậu thất. Ấy thì Đẳng giác so Phật còn có một phẩm lậu thất huống chi là hạ địa. Địa Trì nói thứ chín v.v... là luận văn lấy Đẳng giác làm thiền thứ chín, thiền thú chín gọi là lìa tất cả kiến, cho nên biết Đẳng giác còn tu

lìa kiến. Cho nên nghĩa kiến chẳng gần. Nên nói chỉ có Phật là rốt ráo. Cho đến tám mươi bốn ngàn chỉ là bốn phần, bốn phần chỉ là năm cái. Do đó Phật Đia nói hết năm cái. Lại nữa trở xuống là y cứ một tâm bỏ cái. Trước tuy ba đế dùng thứ lớp, nên không phải là một tâm. Trong đó văn đầu trước bác bỏ thứ lớp, nên nói sau chẳng quan hệ trước, huống chi xếp ba người khác nhau. Vì phàm phu có lợi độn cho đến Bồ-tát có tục cái. Cho nên nói lời hỏi khi làm phàm phu, cho đến chỗ bỏ khi làm Bồ-tát v.v... Địa nhiếp trở xuống là dẫn hai luận nói kế thứ lớp. Viên Thích trở xuống là dẫn Phật Hóa Nghi để chứng minh Viên giáo. Nhưng giáo viên đốn vốn bị phàm phu, nếu chẳng định ích phàm phu thì Phật sao chẳng tự trụ Độ pháp tánh, dùng thân pháp tánh vì các Bồ-tát nói viên đốn này, đâu cần cùng các Bồ-tát pháp thân mà bày phàm thân hiện ở ba cõi này? Nếu đãi trở xuống là chánh kết bày. Một tâm ở phàm thì có thể tu tập. Cho nên Đại Phẩm trở xuống là dẫn kinh bày tướng. Trong kinh đã nói Dục có đủ các pháp. Phải biết Dục cái tức là pháp giới. Cho nên tất cả pháp đều ở Dục. Thích Thú trở xuống là giải thích ý kinh. Trước lược kế rộng. Văn trước lược chỉ là ba đế, ba đế chỉ là ba thứ như thú v.v.... Lược tức không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn vì khó thấy. Từ nay lại trở xuống là rộng y cứ nghĩ bàn, để bày tướng không thể nghĩ bàn. Các văn sau đều trước nói nghĩ bàn, kế nắm nghĩ bàn mà thành không thể nghĩ bàn. Từ trên các văn đều trước nói thứ lớp, kế nói chẳng thứ lớp. Chỉ một văn sau dùng nghĩ bàn mà giải thích không thể nghĩ bàn, cho nên biết trước sau rộng lược hiển bày nhau. Chỉ ở chung lý văn tướng vì sao người luôn chẳng thấy, tùy căn mà sanh trưởng, theo lời mà mê văn. Liền ở bộ này mà muốn phân biệt văn này có thể tu bỉ phi tu giả (tu cái người khác chẳng tu). Nay Đại thể trước sau, biết đại thể rồi phân biệt và chẳng phân biệt, ý ở trong ấy. Cho nên ở văn lược phải khéo hiểu ý. Nên Đại luận quyển mười bảy nói: Như thiền bỏ cái nhiếp tâm một chỗ, là Bồ-tát dùng lợi trí tuệ mà quán năm cái không có chỗ bỏ. Đối với thiền chẳng chấp lấy biết các pháp là không, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa. Nếu được thật tướng các pháp thì biết các pháp không thật có. Cho nên gọi là biết thật tướng, cái gọi là Bồ-tát thật tướng thiền cũng như thế. Biết dục và cái, thiền và chi lâm một tướng vô tướng y đó tu vào, ấy là thiền Ba-la-mật, cho đến bốn niệm cũng giống như thế.

Kế trong rộng giải thích nói dục là pháp giới, tức là chỉ một niệm dục tâm đầu tiên, ở trong đó đã có tánh mười pháp giới, có thể thứ lớp sanh dục quả trước sau đều ở một niệm đầu tiên. Nên nói là cội gốc tất

cả pháp. Nói tất cả pháp là nhân quả trước sau của các pháp. Cho nên nói mới khởi Dục giác đã đủ các pháp. Vì chẳng biết nên khinh thường, vì lỗi ấy quá nhẹ. Nếu đã biết các pháp đầy đủ, thì sẽ sợ sệt sởn ốc, há khiến thân nghiệp tạo thú mê hoang. Mới thử đã hết nóng, là chứa nhóm dục tưởng trong ngóng ở tâm, mới một làm giống như nêu hết, tiếp tục khởi làm không lúc nào tạm bỏ, cho nên khiến không hề ở một (miệng) ăn, một hớp nước mà lìa dục tưởng. Hoặc trộm hoặc cướp v.v... Núp kiến chẳng cho mà lấy gọi là trộm, tức là chung riêng nhân pháp giữ gìn. Đối mặt chẳng cho mà lấy gọi là cướp, tức là gượng đoạt rõ ràng cảnh giữ, ép bức là đè ép người khác, có giữ không giữ tình chẳng ưng. Trao đổi là vật không giữ lấy, bén ra để lấy liền. Như thế v.v... mà lấy không phải các thứ trên, tức là thấy hình liền muốn. Nếu được cảnh này, là phàm lấy dưới dâng lên trên gọi là cúng, lấy tu giúp tôn gọi là dưỡng. Người ấy bỏ ruộng tốt Tam bảo, chỉ chuộng năm dục uế cảnh, cung cấp chỗ cần nên gọi là cúng dưỡng. Pháp Hóa Sớ chép: Thí y báo gọi là cúng dường. Bản thứ một nói nếu được cảnh này rất cần cung cấp. Lời tuy giống thuận mà chẳng bằng văn nay. Được cảnh Dục rồi chẳng phân ra giàu nghèo đều sanh tội lỗi. Vừa có đây có v.v..., là vừa đến cảnh dục gọi là vừa có (thích hữu), nghiệp dục đã thành gọi là đây có. Chiêu vời quả báo ở vị lai gọi là tức có sanh tử, đời đời thêm lớn nên khắp chịu quả. Cũng lại do sát, đạo v.v... mà chịu quả cũng khắp ngoài dục pháp giới chẳng có pháp nào khác. Lại nêu một niệm đầy đủ lợi độn. Lợi độn ở khắp mười phương ba đời cũng do lợi độn mà sinh ra ba đế. Phải biết pháp dục nhiếp hết các pháp. Đây tức là một niệm dục tâm đủ sáu pháp giới lấy làm cảnh quán. Như trên, là nói lợi độn. Vì sao trở xuống là suy ở dục không mà y cứ bốn câu ba đời. Trong ba đời quá khứ dục duyên v.v... bỏ năm trần gọi là quá khứ, trần tuy quá khứ cũng phát hiện dục, gọi là dục duyên. Dục tưởng hiện tại gọi là Dục nhân. Hạnh ở dục sự gọi là pháp sở sanh, pháp này vời lấy quả khổ. Nay suy ba đời đều chẳng thật có. Ngang dọc, là kết hai suy trước. Ngang là bốn câu, dọc là ba đời. Đã biết trở xuống là nói quán cái là giả. Thí dụ nói Đối giặc bày trận. Khấu là giặc. Nếu giặc nhiều thì bày trận phải rộng, chỗ phá phải lớn, huân công phải cao. Dục rộng công sâu cho nên gốc huân. Phá dục vào vị gọi là công lớn. Vị đủ các pháp gọi là rất giàu sang. Tham dục là giống nên sanh ra Phật, trong một niệm tâm phân biệt vô lượng nên sanh ra vô lượng pháp môn. Dục như củi nhiều phân, quán như lửa dữ hoa sanh, hợp dụ sẽ biết. Đây lại y cứ Tục đế mà nói. Hoại, Thượng Thư chép: Đất không khối gọi là hoại. Tục đế nếu thành

vị ở Thất Tín. Bát tín. Cho nên nói làm thanh tịnh các căn. Như thế trở xuống là xếp vị.

Thứ tư là điều sự. Văn nghĩa đồng như trước. Văn tướng có hai, đó là khai hợp. Từ điều thực trở xuống là chánh giải thích, cũng trước sự, kế lý. Năm thứ ăn đều là một điều, ba thứ kia hợp thành một điều. Trước trong điều ăn là nói Bất an thân thực. Như kinh Ni-Càn quyển tám. Kinh ấy Ni-Càn đáp lời vua Nghiêm Xí rằng: Vua Ba-tư-nặc ham ăn quá mức nên thân nặng nề, lười biếng. Hiện tại vị lai thân đều mất lợi, ngủ nghỉ tự chịu khổ cũng khuấy não người, mê muộn khó tỉnh ngộ tùy lúc mà tính toán việc ăn uống. Hoàng Phủ Dật hỏi Thanh Ngưu Sĩ nói pháp Dưỡng Sanh rằng: "Do dục thường nhọc, thực dục thường ít, nhọc mà không quá mức, ít mà không chí hư. Bỏ báo mập, bớt mặn chua". Pháp tục Dưỡng Sanh mà còn khiến tự nhọc, đâu là chí đạo mà ăn quá mức sanh ra biếng lười. Không phải chỉ mất lợi thôi mà cũng thêm bệnh giảm tuổi thọ. Ngủ là thức ăn của mắt. Tăng Nhất nói: Phật ờ vườn Cấp Cô Độc vì nhiều người nói pháp. A-na-luật ngủ ở trong đó. Phật nói kệ rằng: Chao ơi, gì là mắt, là nghêu sò ốc hến. Hỏi rằng ông sợ phép vua hay sợ trộm cướp mà xuất gia? Đáp: chẳng phải, con chán sanh già bệnh chết mà xuất gia. Người đã tín tâm bền chắc mà xuất gia, Phật đang nói pháp mà ngủ ư? A-na-luật đứng dậy bạch Phật, từ nay trở xuống dù hình thể này tan nát, con cũng không ở trước Phật mà ngủ Nhân hiểu không ngủ mà nhãn căn liền mất. Phật nói người càng tinh tấn tương ưng với trạo hý, người Ba-la-mật mết mõi tương ưng với kết sử ông nên hành Trung đạo. A-na-luật nói: Đã phát thệ trước Phật thì chẳng thể lại trái yếu trước. Phật bảo Kỳ Vức điều trị. Kỳ Vực nói: Nếu nhỏ chẳng ngủ thì tự có thể hết, còn đây thì không thể trị. Phật bào Na-luật: Ông phải ngủ nghỉ, vì sao? Vì tất cả do ăn mà còn, mắt lấy ngủ làm thức ăn, cho đến ý lấy pháp làm thức ăn, Niết-bàn lấy chẳng buông lung làm thức ăn. Ta không buông lung mà được đến Niết-bàn. Na-luật nói: Con chẳng dám trái. Sau nhân được thiên nhãn. Ngủ là Cõi dục báo pháp, đã chưa được thiền chỉ có thể điều đình mà thôi. Nếu không có thiền mà chẳng ngủ thì sẽ là quỉ. Như quyển tám dưới có dẫn vua là giống quỉ mà chẳng ngủ nghỉ. Văn đầu trong ba việc hợp điều, tức là lý do hợp điều, là việc gì. Cho nên phải ba việc hợp điều, dùng ba việc trước sau mà hợp.

- Nói bảy ngày một lần biến đổi, như kinh A-nan Vấn chép: Phật vì Nan-đà nói rộng tướng thai của sáu đường khác nhau, gồm nói tướng các ấm, cho đến tinh huyết cha mẹ đều có không, thành và chẳng thành,

và tinh huyết tịnh và bất tịnh v.v... Trước vào như mưa gió vào nhà v.v... các tướng khác nhau, có con ở bụng mẹ mà chết. Dùng dầu tô, nước mầu da du mà thoa tay, kịp dao mỏng thò tay vào mà cắt chết thân con từng miếng lấy ra. Lại thai mẹ có các hoạn nạn mà chẳng đậu thai. Nếu đậu thai mà chẳng hư thì bảy ngày một lần thay đổi, bảy ngày đầu gọi là Kha-la-la như lạc mỏng, bảy ngày thứ hai gọi là A-phù-đà như lớp lạc dày, bảy ngày thứ ba gọi là Bế thủ, như cái chày đâm thuốc nhỏ ngắn, bảy ngày thứ thư gọi là Già-na như ôn thạch, bảy ngày thứ năm gọi là Ba-la-xa-ha, năm pháo mở lớn, bảy ngày thứ sáu hiện tướng gối, bảy ngày thứ bảy hiện tướng tay chân, bảy ngày thứ tám hiện tướng chỉ tay, bảy ngày thứ chín mắt tai mũi miệng và đường đại tiểu tiện, bảy ngày thứ mười chắc thật có phong môn thổi thai như cái túi, bảy ngày thứ mười một bảy lỗ mở suốt, tánh mẹ đổi lường, bảy ngày thứ mười hai sanh ruột già, ruột non như sợ tơ có ba chi tiết một trăm lẻ tám lỗ, bảy ngày thứ mười ba sanh trưởng đói khát mẹ ăn tươi nhuận, bảy ngày thứ mười bốn sanh chín mạch giao xen triền nhiễu, bảy ngày thứ mười lăm sanh hai mươi mạch mỗi bên đều mười lại bốn mươi mạch, có tám muôn tên, bảy ngày thứ mười sáu hơi thở chung, bảy ngày thứ mười bảy mắt được tỏ sáng, bảy ngày thứ mười tám các căn đều sáng, bảy ngày thứ thứ mười chín các căn đều đủ, bảy ngày thứ hai mươi sanh các xương, bảy ngày thứ hai mươi mốt sanh thịt, bảy ngày thứ hai mươi hai sanh máu, bảy ngày thứ hai mươi ba sanh da, bảy ngày thứ hai mươi bốn sanh da trong, bảy ngày thứ hai mươi lăm máu thịt nhiều, bảy ngày thứ hai mươi sáu mọc tóc, bảy ngày thứ hai mươi bảy vì nghiệp lực nên phân ra tốt xấu, nam ở bên trái mẹ, nữ ở bên phải mẹ, mặt Nam quay vào trong, mặt nữ ngó ra ngoài, hai tay ôm mặt ngồi chồm hổm, bảy ngày thứ hai mươi tám sanh tám thứ tưởng là tòa ngồi, vườn rừng v.v... bảy ngày thứ hai mươi chín sanh tươi nhuận năm mầu khác nhau, bảy ngày thứ ba mươi móng tóc dài ra, bảy ngày thứ ba mươi mốt đến thứ ba mươi lăm tướng người đầy đủ, bảy ngày thứ ba mươi sáu sanh chán lìa tâm chẳng vui, bảy ngày thứ ba mươi bảy sanh trưởng ngục nhơ, bảy ngày thứ ba mươi tám sức bảy gió chuyển đầu hướng về sản môn, thò hai cánh tay ra khỏi sản môn. Mỗi bảy ngày đều có một ngọn gió thổi khiến đổi khác. Gió đều có tên đủ như kinh ấy. Sanh rồi tám muôn hộ trùng từ thân mà sanh, dọc ngang ăn hút, phải trái đều năm trăm, các tiết đều có chừng ấy trùng hộ, lớn nhỏ già yếu thường ở với trùng. Thế thì ba mươi tám tuần có hai trăm sáu mươi sáu ngày, thành chín tháng, do đó thiếu bốn là bán tiểu. Hỏi thế giáo và kinh đều nói mười tháng, vì sao chỉ có chín?

Đáp chín tức là mười. Vì sao? Vì trải qua mười như ngày mùng một đầu tháng thọ thai thì chắc chắn chỉ có chín, đã qua ngày thứ hai số đầy thì vượt đến mười phần lớn là như thế, lại có La-vân sáu năm, Hiếp Tôn giả sáu mươi năm ở trong thai. Cũng có người ít hơn như đến tháng thứ năm mới sanh (sanh non). Tuy thêm bớt khác nhau nhưng ba việc đều đủ.

Đáp: Thọ nhuyến thức ba thứ cùng thân tức tâm, nói đã khác nhau do nghĩa nào còn. Đáp: Nhuyến tức là thân, vì nhuyễn nên tinh huyết không hư, từ công năng mà nói nên gọi là Nhuyến. Thọ gọi là phong tức trước khi thác thai có một hào khí, chỉ khi căn chưa đủ thì theo hơi thở của mẹ, căn đủ rồi thì khí phân gọi là (hơi thở của con) do có hơi thở nên giữ mãi thân này từ hay giữ mà nói nên tức (hơi thở) gọi là Thọ. Thức tức là tâm nói theo đương thể, đã từ thức đầu cùng thọ nhuyến hai thứ chẳng trước chẳng sau. Phải biết thân tức tâm ba thứ không hề lìa nhau, cho nên phải ba việc mà hợp điều. Nếu điều đình được thì y theo đó mà vào đạo, tức là y nhân thây chết mà đến bờ kia, tất cả pháp thiện do đó mà sanh. Cho đến thành ba đức Bí tạng, cho nên nói nếu điều thì phàm phu ba việc rõ thành thánh ba pháp tức là ý này. Khi mới nhập định trở xuống là chánh nói pháp điều, ba nghĩa vào, ở, ra mà điều cho nên trong thiền môn điều thân nói: Phàm ngồi thì phải trước an chỗ khiến lâu không ngại. Nếu ngồi bán già thì chân trái đè lên chân phải rồi kéo gần thân khiến hai chân sát đùi. Nếu muốn ngồi toàn già, thì tréo chân phải đè chân trái, áo quần rộng rãi, toàn thân ngồi thẳng chớ để khi ngồi lại có thoát lạc, tay trái để trên tay hữu cùng ngửa ra đề trên chân phải cũng khiến gần thân phải để tâm an, lắc qua lắc lại bảy, tám cái như phép chà sát, chớ ngửa cổ cúi đầu, đầu cổ phải thẳng khiến mũi đối rún, chẳng ẹo chẳng khom, thân như tảng đà không lay động không chậm không gấp, ấy là tướng điều tức, thân đã điều rồi kế hả hong thổi hơi trong bụng ra, khiến trăm mạch trong thân đều thoát hơi ra kế ngậm miệng mũi hít thanh khí vào ba hơi. Nếu hơi thở đã điều thì một hơi cũng đủ, kế ngậm miệng môi răng vừa khít, lưỡi để trên nóc Vọng, nhắm mắt nhẹ không thấy sáng là được. Kế phân biệt hơi thở, phong khí dưới nếu điều thì dễ vào định. Kế là điều tâm, một là điều loạn khiến chẳng buông lung, hai là điều tâm khiến trầm phù vừa chừng. Nếu khi tâm trầm thì bó buộc niệm ở đầu mũi, nếu khi tâm phù thì để tâm hướng xuống. Lại có ba thứ: Một là hạ trước tâm, hai là khuynh thân thể, ba là tưởng hơi thở theo lỗ chân lông khắp thân chung nhau mà ra. Dùng ba pháp điều này mà điều ba khiến điều. Đây là tướng điều ba khi mới vào, trụ ở trong thiền, nếu

có chẳng điều thì như pháp mới vào. Như điều dây đờn v.v... trước như dây đờn vào chơi sau chẳng thành khúc, như ở trong thiền ba việc chẳng điều tâm thì chẳng vào pháp. Nếu muốn xuất định thì từ từ duỗi ra mà chà xát thân, rồi hít thở từ từ rất nhẹ, chớ để thô đốn bên ngoài xung kích vào tế bên trong, dần dần phóng tâm duyên cảnh bên ngoài. Tâm vẫn quán rõ cảnh được duyên, pháp điều ba việc rất rõ trong thiền môn. Nếu hay trở xuống là ý điều ba việc. Do đâu mà điều ba việc này? Nếu tu căn bản cho đến viên đốn, bổn ý văn nay khiến đến ba đức cho nên nói ba pháp thành bậc Thánh. Cho nên ba thứ này là lý do ba học, thành thân thường trụ, tức tâm ba thứ, nên chuyển thân phàm thành pháp thân, chuyển phàm tức để thành tuệ mạng, chuyển phàm tâm để thành tâm Bồ-đề. Bắt đầu từ đây là phàm phu ba pháp làm đầu ra khỏi Thánh thai, đến vị Diệu giác gọi là thân thành tựu. Đây tức là vị hợp điều. Kế quán tâm điều cũng là ba đoạn. Trước Điều thực, cũng đều y cứ ba đế ba quán. Trong Thực dẫn kinh Pháp Hoa nói: Không có pháp thực Trung đạo là đói khát, không có công đức muôn hạnh là ốm gầy chưa có pháp thân thanh tịnh, chỉ có trần sa vô minh các ác trang nghiêm gọi là ghẻ lở. Kế ba việc hợp điều, văn có ba phen, một phen y cứ giáo, hai phen y cứ quán. Văn tuy nêu hợp, nghĩa đều giải thích, nghĩa tuy giải thích lý thật chẳng phân. Trước y cứ thân trong giáo nói sáu Ba-la-mật, điều sáu độ vô tác khiến đầy đủ pháp thân cho nên Đại Kinh Sư Tử Hống nói: Sáu thân Ba-la-mật đầy đủ Đại Phẩm nói: Lạc thuyết nói v.v... Hỏi: Vì sao dùng lạc thuyết nói để giải thích sáu độ? Đáp: Sáu độ lấy Bát-nhã làm gốc, lại thiền tấn v.v... đều là tướng lạc thuyết. Ba thứ này lại cùng ba thứ Thí-Giới-Nhẫn cùng trang nghiêm. Cho nên sáu độ đều gọi là lạc thuyết. Trong văn Đại Phẩm lại dùng nói pháp làm lạc thuyết nói, cũng là tướng Bát-nhã. Kinh nói: Lạc thuyết chợt khởi không chợt khởi, hoặc có Pháp sư lếu láo, hoặc giỡn cười tâm loạn. Luận quyển sáu mươi sáu giải thích rằng: Ngồi trên tòa cao nói pháp Lạc thuyết chẳng sanh, người nghe buồn rầu. Nên ta ở xa lại Pháp sư chẳng nói hoặc suy nghĩ sợ hãi nên chẳng nói, hoặc chẳng biết nên chẳng nói. Tốt khởi vì sao lại là việc ma? Đáp: Pháp sư cầu danh sanh mê đắm mặc tình mà nói không có nghĩa lý nên cũng là việc ma. Đại Phẩm nói: Bát-nhã không phải lợi v.v... lợi độn là không giả, Trung đạo chủng trí khác nhau hai bên. Cho nên không phải lợi không phải độn, không phải khó không phải dễ Nhị thừa xuất giới do trải (kinh) tám, sáu, bốn, hai nên là khó. Ba giáo Bồ-tát tuy chưa khế chân diệu đã nói đã phát gọi là Dễ. Người viên sáu tức, sáu nên chẳng phải dễ, tức nên chẳng phải khó. Kế y cứ

quán hai phen, phen đầu ba quán cùng ba việc, phen kế ba quán đều ba việc hợp. Trong phen đầu điều tâm ở trước, tùy tiện mà giải thích nên không có ý riêng. Nhờ sự hiển lý, trước sau vô ngại. Hành giả trớ đi là kết vị rất dễ thấy. Như tức hành nhân chưa có chỗ được là chỉ thực hành quyền trí riêng cha thật mẹ tuệ khiến thành mầm Thánh.

Thứ năm là thực hành năm pháp. Văn nghĩa đồng như trước mà chẳng phân rasự lý, nêu ví dụ rất dễ hiểu. Trước dụ trở xuống là nhắc lại bổn vụ ở trước. Trước nhắc lại kế hợp. Văn đầu trước trái dụ không có năm pháp thì việc làm chẳng thành. Trước chẳng chịu làm là dụ không ưa thích, làm chẳng hết lòng là dụ không tinh tấn. Chẳng còn tác pháp là dụ vô niệm, làm chẳng khéo léo là dụ không tuệ, làm chẳng chuyên nhất là dụ không một tâm, thì sự chẳng thành là dụ cho chánh hạnh chẳng thành. Nay cũng như thế trở xuống là hợp với vô năm pháp. Nếu không có hai chữ quán chung ở dưới. Nếu không ưa thích kính mến là hợp không dục lạc (ưa thích), nếu không thân tâm khổ sách là hợp với không tinh tấn, nếu không niệm tưởng là hợp với (vô) niệm, nếu không phương tiện là hợp với không xảo tuệ, nếu không nhất tâm là hợp với không nhất tâm, Chỉ quán là hợp với chánh hạnh chẳng thành. Đủ hai mươi trên nếu không năm pháp còn tự chẳng thành huống chi trong hai mươi mà thiếu hoặc không có năm pháp ư? Nếu hay trở xuống là chánh hợp có năm pháp, cũng là nếu hai chữ mà quán năm câu dưới. Nếu huân tập không chán là hợp có lạc dục (ưa thích). Nếu không hay hiểu đêm phỉ giải (không biếng lười) là phải có tinh tấn, nếu niệm niệm nối nhau là phải có niệm, nếu khéo được ý ấy, là phải có xảo tuệ, nếu một tâm không khác là phải có nhất tâm. Người này trở xuống là hợp với chánh hạnh thành tựu. Kế thí dụ hai, thuyền đạo nước pháp tánh để đến bờ kia. Kế là chim như hành giả là từ mới phát tâm mà đi trong khoảng không thật tướng đến quả Niết-bàn. Nếu không có năm pháp, các hạnh chẳng thành, lại đem Sơ trụ mà làm chỗ đến. Không có năm pháp này trở xuống là nêu cạn so sánh sâu. Cho nên văn đầu nói: Việc nhỏ còn khó tức là Thế Thiền, phải biết trở xuống là kết ý. Đại tức là ba giáo, tiểu tức là ba tạng. Sự tức là Thế thiền, Lý tức là xuất thế. Lại thế xuất thế đều có sự lý. Cho nên văn trước y cứ chung tiệm đốn để giải thích phương tiện, kế y cứ văn riêng nay giáo viên đốn ở trước năm phẩm để lập hai mươi lăm pháp làm phương tiện xa. Y theo đây làm lệ. Ba giáo đều phải riêng ở trước ngoại phàm đều dùng hai mươi lăm pháp phương tiện xa, chỉ phương tiện gần sở quán đều khác. Nếu tu sự thiền thì dùng bảy cảnh làm phương tiện gần, nếu hai giáo Nhị thừa thì dùng tám cảnh

làm phương tiện gần. Nếu Nhị thừa Thông giáo thì lại dùng ba tạng làm cảnh sở quán, dùng tám cảnh rưỡi làm phương tiện gần. Bồ-tát ba tạng lấy chín cảnh giới trước làm phương tiện gần. Nếu Bồ-tát Thông, Biệt cũng lấy mười cảnh làm phương tiện gần. Cứ ý này là gá sự sanh giải, tùy việc làm lập hạnh khác nhau. Văn nay hiển hiện cũng nhờ thứ để hiển bày bất thứ. Lại tùy sự trước lập ở thứ, nếu nói nguyên ý thì chuyên ở Bất thứ. Lại bốn khoa trước nhờ sự hiển lý, thì y cứ sự mà nói chuyển. Nay năm pháp này tức sự luận chuyển, cho nên y cứ thẳng pháp tướng mà nói, chẳng cần thực hành hai lớp sự lý. Cho nên chỉ nói vì Đại Tiểu sự lý mà làm phương tiện, tùy làm giáo nào mà sanh ưa thích, cho đến nhất tâm.

Kế chánh trong giải thích ở trước xếp định thể phương tiện khác nhau. Kế chánh giải thích phương tiện. Xưa văn trước trích dẫn thành luận Anh Lạc nói phương tiện khác nhau. Anh Lạc bốn thiền đều một im lặng, song chi là định thể. Kế Tỳ-đàm trở xuống ở đây chánh dùng, tức năm pháp này đều là phương tiện. Đại luận đồng với Tỳ-đàm. Trước y cứ Sơ thiền, kế y cứ ba quán. Trong Sơ thiền nói: Thí, giới, nhẫn là thường pháp thế gian như pháp khách và chủ pháp ứng cung cấp, cho đến súc sanh cũng biết bố thí, hoặc sợ người khác mà trì giới, như sợ phép vua, hoặc sợ người khác nên thực hành nhẫn. Nay muốn biết các pháp thật tướng thực hành Bát-nhã tu thiền định. Thiền định là môn trí tuệ, vì thiền định nên phải cần tinh tấn. Lại nữa, thí giới nhẫn là đại phước đức lớn. Lại muốn tu Diệu định, Diệu tuệ cho nên thêm tinh tấn. Ví như đào giếng thấy đất bùn ướt, nếu không tinh tấn thì không được nước. Dùi lửa cũng như thế, trong đây nói nay muốn cầu Bát-nhã, lại y cứ xa mà nói. Như ở chỗ luận đã cầu Sơ thiền Bát-nhã cũng phải thế trí mà thôi. Dẫn lời Phật nói: Như kinh Thụy Ứng nói chẳng được thành Phật thì chẳng bao giờ khởi v.v... được ba việc ấy là tinh tấn, định, tuệ. Nhân quả hợp luận thì mười hai quán, trước vin là nhân, chí thượng là quả, trước chán là nhân, (luống thấp) là quả. Nếu theo lời nói này trở xuống là phân biệt. Nói theo phan yểm nhân quả này thì giống, chẳng khác ngoại đạo. Đây là đệ tử Phật tạm dùng sáu hạnh để tu Sơ thiền, dùng thiền để làm phương tiện thật tướng, hoặc làm các giáo phương tiện, đều gọi là chánh pháp. Theo văn này tuy nói Sơ thiền. Thiền này cũng là môn các giáo. Như tiệm thứ tu cho nên so sánh ở đầu ba quán. Quyết định một tâm, quyết định là cầu Sơ thiền cho đến ba quán chẳng phải đã nhập định, nếu đã nhập định, tức là chánh tu, sao gọi là phương tiện.

Kế trong y cứ ba quán trước là quán không. Lại nữa, muốn là muốn giáo hóa chúng sanh trở xuống là quán giả. Lại nữa, muốn là như trong Tát-đà-ba luân mà quán, trong đó trước y cứ cầu Bát-nhã tức là cầu giáo Trung đạo. Kế từ lại nữa lại nói trở xuống là y cứ quán, trước trong y cứ cầu Bát-nhã nói bảy ngày bảy đêm, là bảy ngày bảy đêm ở chỗ vắng mà khóc lóc chẳng biết chỗ nào nghe Bát-nhã. Bảy năm đi đứng, đến Hương thành gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nhập định, đợi ông ấy khởi định mà bảy năm chỉ đi đứng không ngồi không nằm. Chuộc mình v.v... trước nghe tên hư không có tiếng nói trong Hương thành có Bồ-tát tên là Đàm-vô-kiệt vì nói cúng dường để tự chuộc thân. Lớn tiếng khiến bị ma che người không nghe. Tuy che người khác đều chẳng thể vì ta nói cúng dường. Có con gái ông Trưởng giả ở trên lầu cao nghe tiếng Bồ-tát tự chuộc mình mà vì Bồ-tát nói rộng đồ cúng dường, nên nói ma chẳng thể che. Chích máu v.v... là ông ấy đi đứng suốt bảy năm rồi, Bồ-tát xuất định tìm nước rưới đất để rải hương hoà, bị ma che nước bèn hết, sức tinh tấn tự chích lấy máu mình. Ma tuy che nước nhưng càng khéo léo mạnh mẽ mà niệm một tâm, thường cầu Bát-nhã chẳng có niệm khác. Bồ-tát đã cầu Bất cộng Bát-nhã, cũng được dẫn chứng ý đó.

Kế y cứ quán, văn đầu là dục, chẳng tạp hạ tiến, buộc duyên buộc niệm, tu xảo tuệ trung hạ, dứt hai bên hạ một tâm. Y cứ nghĩa cũng lại phải nói ba quán Đại tâm. Vừa y cứ giáo nói cầu Bát-nhã, đã là cầu Viên Thật Bát-nhã. Cho nên từ lược chẳng lại nói, từ hai mươi lăm pháp này trở xuống là kết bày về công dụng của hai mươi pháp. Tất cả cũng chẳng ngoài xuất thế gian cho đến bốn giáo, dùng Thế thiền bốn giáo quán giải mà dắt dẫn hai mươi lăm pháp thì việc làm đều khác. Nên nói cũng chuyển. Trong thí dụ nói khúc lộng v.v... Lộng của chánh khúc gọi là khúc lộng. Điều dây đàn tức là tựa của chánh khúc. Phân kỹ vô lượng là nêu chung Thế Thiền, thiền thiền khác nhau và bốn môn các giáo, các môn khác nhau cho nên thành vô lượng. Nay dùng trở xuống là chánh nói công sâu phương tiện văn nay tức là viên đốn phương tiện xa vì đối mười cảnh làm gần là nội. Đại Phẩm trở xuống là chứng. Đã thấy lý rồi, lý không gần xa tức dùng phương tiện xa làm ngoại, phương tiện gần làm nội, dùng phương tiện này quán không thể nghĩ bàn thấy không thể nghĩ bàn ai lại nói trong ngoài xa gần. Tuy chẳng phải trong ngoài nhưng nhờ nội ngoại thành Diệu quán. Nên nói chẳng vì vô quán mà được trí tuệ ấy. Trí tuệ ấy là Trung đạo chủng trí dùng làm năng quán. Nay lại trở xuống là lại nhớ chưa thấy lý trước phải lập hai mươi

lăm phương tiện ngoài nhưng chẳng thể chấp nhất định trở xuống là phá chấp. Nếu dùng giải dẫn dắt sự và cảnh quán giới chẳng mất ý quán thì đều thành phương tiện. Nếu mất ý này thì trong ngoài đều không đúng mà người chẳng thấy, đau đớn thay! Đau đớn thay!

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 5
(PHẦN 1)

Trong giải thích chánh quán, trước nói ý tới, cũng gọi là kết trước sanh sau. Trong đó, trước lược kế rộng. Văn đầu kết trước, nay y trở xuống là sinh sau. Hỏi: Trong năm lược trước có hạnh có giải, có nhân có quả, vì sao chỉ nói sáu lớp là giải. Đáp: Nói đại ý thì quán ở hạnh giải tự tha nhân quả, y đã khỏ hiển, lại thực hành các giải thích hạnh giải nhân quả v.v..., không phải gọi đã có hạnh quả v.v... nên đại ý là chung, tám thứ kia là riêng. Riêng là giải thích riêng hạnh giải nhân quả. Như giải thích một trong mười chương thiền Ba-la-mật, cũng là đại ý. Từng ý chung riêng v.v... cũng như thế. Nếu lại có người y theo năm lược ở trước, tu hành chứng quả hay lợi tha v.v... tự là đường. Trước như quyển ba ở trước ghi. Như ý luận văn chỉ thuộc ở giải, trong thuộc giải sợ giải chẳng khắp nên phải nói rõ danh thể và nhiếp pháp. Mới kham thành mười cảnh mười thừa dưới. Như trong đại ý tuy nói phát tâm mười thứ khác nhau và bốn Tam-muội nói hạnh khác nhau. Chỉ nêu số đầu nói tướng chẳng đủ, cho nên chưa thiệp với mười cảnh mười quán. Phương tiện nhìn năm hơi giống hạnh thỉ, nếu nhìn chánh quán toàn chưa nói hạnh, cũng trải hai mươi lăm pháp y cứ sự sanh giải, mới có khả năng làm phương tiện chánh tu. Cho nên sáu trước đều thuộc giải, đều nương vào giáo mà lập, nên nói y Tu-đa-la làm phân biệt thiên thô nên nói Diệu giải. Lại chỗ nương giáo chẳng phân biệt Đại Tiểu, thiên viên khác nhau. Vì cùng thành một Viên giải, lại tên Tu-đa-la gọi chung ba tạng. Như Đạt-ma Uất-đa-la nói: Luận vốn cũng gọi Tu-đa-la, lại trong mười hai không phải cục ở một bộ, trước sau chung gọi là Tu-đa-la, cho nên chỗ dẫn trước hoặc luận, hoặc luật hoặc đại hoặc tiểu cùng thành Diệu giải, cho nên nay chỉ chung là Tu-đa-la. Nói sanh sau, là dùng các giải trước mới tiến hành được. Như trong Thích Danh trước là Đãi, kế là

Tuyệt. Tuyệt chỉ là khai chung đức gặp dị, cùng thành nghĩa tuyệt. Hiển thể bốn đoạn đều là trước Thiên sau Viên để làm Đãi tuyệt. Thể là sở thuyên, tên là khai hiển, thể cũng tùy tên, dùng sở khai thể nhiếp khắp các pháp. Pháp tướng khó nói vẫn phân ra sáu nghĩa, là ở khắp sự lý nhân quả tự tha, mỗi pháp đều chung giới nội, giới ngoại. Lại dùng sáu nghĩa lần lượt thâu nhau, lại dùng năm môn xếp pháp được nhiếp, mới hiểu trong thể sở nhiếp dung nhau lại hiển trong dung thật quyền chẳng xen lạm, lại dùng bốn chương quyền thật hiển nhau, Viên giải hơi nhanh. Lại dùng giải này dắt dẫn thanh tịnh. Sự lý dung tức nên gọi Diệu giải. Y theo Diệu giải này để lập chánh hạnh như giải hạnh này lấy ở diệu lý cũng còn khó đương, huống chi là chỉ riêng một văn trong bộ, do đâu mà bước lên diệu vị viên chân. Phải biết chưa thấy ý dung chung nên phải khéo hiểu các đại chương câu tỏa quán đãi ở trước, thâu nhiếp ý văn, nắm vào một tâm, vẫn phải mười pháp hòa hợp thành thừa. Một điều đình cảnh cảnh đều nghiên cứu, dù cho chưa ngộ có thể làm diệu nhân, các vị Thanh văn lên cực quả. Phương đẳng đờn chiết, Bát-nhã bị gia lại, đến Pháp Hoa ba thỉnh bốn chỉ cũng phải rộng lược, năm Phật khai quyền pháp thí nhân duyên hết lòng trịnh trọng, vẫn có chưa liễu hại đến Niết-bàn đâu có đời mạt độn căn ngầm chỉ một câu phân biệt Phật thừa, tuy câu khéo thông, nếu chẳng phải sáu căn phải là năm phẩm. Cho nên luận Quán Tâm nói: Hay đáp hỏi là hứa cho năm phẩm ấy. Ấy là tự tâm diệu đạt đâu đợi văn khác. Nếu đọc văn còn mê thỉnh chẳng tụ nêu, cho nên sáu lớp trước đều là Diệu giải. Cho nên trong mỗi văn đều dùng thứ lớp hiển chẳng thứ lớp và khai quyền v.v... chỉ tùy tự ý lược nói quán tâm mười giới ba đế, là chánh ý chỉ khiến một tâm quyền thật mà tu Diệu quán. Cho nên nói y giải mà lập hạnh. Ca Minh trở xuống là nói rộng ý tới, trước nói được nhân pháp, trong đó trước nói tự hành mà được, là đều dùng chánh quyển Diệu hạnh đối sáu chương trước mà diệu giải. Trước thí dụ giải hạnh giúp nhau. Cao có khả năng tục minh để thí dụ cho quán hạnh, minh có khả năng nhiên cao để dụ cho quán giải. Mắt hay dắt chân dụ cho chỉ giải, chân hay đạt mắt dụ cho chỉ hạnh, nêu cả hai dụ đồng dụ hai pháp. Tướng chi dữ canh lại chi dữ tư. Dựa văn cùng khác ý phải thông nhau lại là nhờ tư, nhờ ích, cho nên biết không có sáu chương trước, hạnh không do đâu mà đủ. Hạnh giải trở xuống là nhân hạnh mà chướng sanh, nói nguyện do chướng sanh ba chướng v.v... là bó chung mười cảnh để làm ba, bốn, đủ như văn sau trong chín song bảy chiếc mà nói. Do quán ấm nên các cảnh đều sanh, chướng ở chỉ quán khiến chẳng sáng sạch. Văn từ lời nói cách chữ

làm đối, nghĩa là tối tăm nhiều lớp che sáng, sáng tức là quán, tán lớn động định, định tức là chỉ. Chữ trùng bình thượng hai âm đều chung. Đốn vị từ bình, sâu dày từ thượng. Cự là lớn, lớn không hai tiếng nghĩa cũng chung hai, sẽ khởi cùng lậu đều được gọi lớn. Nghĩa là ma chướng thường đến, đến càng sâu nặng. Lại từ đối tiện đặt tên ma chướng là hôn tán mà nói. Hôn tán là năng chướng, trọng cự là tướng chướng, ế động là dụng chướng, định minh là sở chướng. Sở chướng tuy vốn có, Định minh tạp cũng yếu. Năng chướng là tập vô thỉ nên hôn tán năng lực rất mạnh. Chẳng thể v.v... là quán ma chướng thể tánh, nếu ma chướng khởi sẽ hại quán đọa ác. Nay muốn lập quán khiến chớ tùy chớ sợ, sợ thì một bề hại ở chánh tu, tùy thì vẫn cần xét phân biệt tiến chăng. Nếu khi chướng khởi đều làm ác thì hướng hết vào đường ác. Chướng chẳng thuần ác cho nên đọa đường ác y cứ nhiều phần mà nói, như bệnh phiền não v.v... khi bảy cảnh khởi thì tùy đó đều đọa vào sanh tử, hai thứ sau khởi thì đọa ở phương tiện, chỉ hai cảnh sau ở trong sơ tâm và bảy cảnh trước vốn là trôi lăn, đều có nghĩa kéo vào đường ác. Cho nên nói phần nhiều thuộc về trôi lăn. Lại phải phân biệt bệnh là vô ký hoặc sanh thiện ác. Phiền não một bề thêm lớn điều ác trong nghiệp tế độ tự phân ra thiện ác. Ma cũng khiến người rơi vào thiện ác. Thiền tuy độn thiện khởi bác bỏ, cho nên ác. Y kiến đạo hạnh cũng có thiện ác, mạn một bề là ác. Cho nên bên ác thì kéo rơi vào ác, bên thiện thì kéo rơi vao thiện. Nếu y cứ Lý quán mà nói Thiện Ác thì hai cảnh sau cũng gọi là ác huống chi bảy cảnh trước. Cho nên trong Tịnh Danh ở chương Tu-bồ-đề bác bỏ ba vô vi là ba đường ác, ấy thì bên sợ thì đồng, đồng ngại chánh tu bên tùy thì dị, đường ác nghĩa khác. Phải dùng trở xuống là chánh nói lập quán. Chẳng vì sợ cho nên đến được bình đẳng. Tuy Đinh Minh Hôn Tán thể đều vốn có, không có hai thể, thể một tên khác. Cho nên tên Hôn Tán gọi là không thật thể, lại dùng vắng lặng mà làm tánh. Cho nên biết hôn tán căn nói tuy mạnh phải tu vắng lặng để đạt hôn tán, chiếu thể hôn này một quán mà ba, gọi tức hôn mà minh, vắng lặng thể tán này ba chỉ mà một, gọi tức tán mà vắng lặng. Đây là bệnh vắng lặng chiếu v.v... chín cảnh, thành không thể nghĩ bàn chỉ quán đại cương. Như đây trở xuống là y giải khởi hạnh lập thí dụ. Thí dụ hướng về chỉ quán của vắng lặng, hai nhóm trên là chỉ, hai nhóm dưới là quán, nghĩa là động tán đều thêm, càng lớn chỉ tịch. Hôn ám càng mạnh thì càng nhiều quán minh. Truyền nghe bặt trần giải rằng: Trư khai dụ cho chỉ giải, các dòng dụ cho chỉ hạnh, củi cháy dụ cho quán giải, gió ích dụ cho quán hạnh, một lần giống được nhưng trái ý

văn. Trước dùng Cao Minh mà dụ cho Giải hạnh rồi, đây chỉ dụ cho hạnh tức hôn, tức tán, mà chiếu mà vắng lặng. Chỉ y hai dụ đều đối chỉ quán, giải thoát này là chánh. Trư khai v.v... dụ chỉ hạnh, là Đại luận quyển ba mươi trong giải thích Nhẫn độ có nói: Nếu người thân ác như trư khai kim sơn, thể vàng cáng chân. Nay dụ an nhẫn ba chướng bốn ma càng chuyển thêm vắng lặng. Các dòng như Đại kinh nói: Các dòng sông chảy ra biển đều mất tên cũ. Muôn dòng đều hội thể chẳng thêm bớt. Chín cảnh di thú chỉ thể không thiếu. Chi tịch ở động, động tăng ở tịch. Cho nên dùng Trư lưu mà dụ ở động, lại dùng Kim Hải mà dụ ở tịch. Sở dĩ trư di càng nhiều mà thể vàng không thay đổi. Sông càng chảy vào mà tánh biển chẳng thêm. Củi cháy v.v... là dụ quán hạnh, nhiều củi lửa càng mạnh, mạnh chẳng chọn củi. Ma chướng càng sáng, sáng chẳng chọn cảnh. Phong ích cầu la, Đại luận quyển bảy trong giải thích Phật phát ra ánh sáng. Hỏi: Từ dưới chân cho đến nhục kế, mỗi đều sóng sáu muôn ức ánh sáng, ở đây cũng đếm được. Vì ánh sáng này chiếu ba ngàn cõi nước còn chẳng khắp huống chi là mười phương. Đáp: Thân quang là gốc của các ánh sáng. Từ gốc tuôn ra vô lượng ánh sáng như trùng Ca-la-cầu-la, thân nó rất nhỏ gặp gió chuyển thành lớn, cho đến có thể nuốt tất cả. Ánh sáng cũng như thế v.v... Được cơ có thể độ, càng thêm vô hạn. Nay cũng như thế. Sức quán chưa thành, chỗ chiếu chưa sướng, gặp cảnh thành chiếu dụng nó càng sáng. Các pháp sanh nên Bát-nhã sanh, cho đến chẳng phải sanh chẳng phải chẳng sanh. Cho nên mượn Cầu-la để du cho năng sở. Quán chiếu ở tối, tối tăng ở sáng, cho nên lấy củi gió mà dụ cho tối, lại lấy lửa sâu mà dụ cho sáng. Do đó củi nhiều mà tướng lửa càng mạnh, gió mạnh mà sâu càng lớn. Kim cương này trở xuống là quán thành cùng ích. Văn trước đã dụ hạnh giải công sâu. Kim cương v.v... là khen công sâu của giải. Chỉ quán giải thành dứt ba hoặc hết. Nhọc gượng v.v... là khen hạnh đức xa. Chỉ quán hạnh chứa vượt hai tử. Văn Tuyển Cam Tuyền Phú chép: Nắm (xem) thấm nhuần cương của đạo đức. Cương tức là chất rắn của Kim thạch. Trận là bày, tức nêu bày. Thái Công trong Lục thao có các trận Thiên, địa, nhân, mây, chim. Nay Kim cương quán không trận nào chẳng phá, đã ba hoặc đều dẹp, như năm trận đều hoại. Ngoài quách gọi là giao, ngoài giao gọi là dã (dã là đồng cỏ hoang), quách như ba trăm, giao như bốn trăm, dã như năm trăm. Cho nên phá hai chết quá năm trăm gọi là vượt giả. Nếu đến Sơ trụ hạnh tuy chưa tột, lại dùng trung hạnh mà há đồng cư và phương tiện hai chết. Lý tuy không sai nhưng giải nhờ hạnh mà mãn. Được tên kim cương cắt được ba hoặc. Hạnh nhờ giải mà tiến,

được tên cao cường vượt được hai chết. Lại mượn tùy sự mà được tên chẳng phải một. Văn tuy đều nói ý thật cùng giúp nhau tuệ tịnh trở xuống là nói tướng giúp nhau. Tuệ chỉ là quán giải, hạnh chỉ là quán hạnh. Hạnh được ở giải thì hạnh chẳng lầm, giải được ở hạnh thì giải có khắc. Cho nên nói tuệ tịnh ở hạnh. Hạnh tiến ở tuệ chiếu nhuận trở xuống là tiếp nêu bốn dạ để dụ giúp nhau giải như mặt trời chiếu, hạnh như mưa thấm nhuận. Chiếu nhuận đều bằng, muôn vật sẽ thành. Hạnh giải không lệch các đức đều đủ. Giải như người buôn bán dẫn đường, hạnh như người buôn bán thành đạt. Có dẫn có đạt thật là điều đáng mong. Hạnh giải đầy đủ thật tướng chẳng xa. Giải tịnh ở hạnh, thì hạnh như ngọc không có dấu vết. Hạnh nghiêm ở giải, thì giải như vật trang sức đáng ưa thích. Kia đây giúp nhau, nên nói giao lạc. Một thế trở xuống là lấy dụ này mà dụ cho hạnh giải như Chiếu Nhuận v.v... cũng gọi dị thể. Cho nên y cứ một thật mà nói hạnh giải. Dắt dẫn lẫn nhau lại hiển ở thật. Như thể hai tay chỉ là một thể, chẳng hai mà hai lại hay tịnh thể, hai mà chẳng hai. Không phải chỉ trở xuống là nói hóa tha mà được, diệu hạnh đã mãn khởi giáo lợi ích người khác, nên nói chẳng phải tự hành mà thôi tức là vị Sơ trụ. Lại tính chung trở xuống tức là khởi giáo. Thác là rộng, là lớn. Giá là chỉ (ngăn), tức như bốn ma. Chướng là chướng ngại, tức như ba chướng. Ba, bốn đều thật đủ như sau nói. Khải là khai, đây y cứ hạ căn chân xuất giả vị. Trung thượng chẳng phải thế, như quyển sáu. Tư Tượng v.v... tượng là thành vật, là người thợ làm ra đồ vật (bình đựng v.v...). Nói tự tha công thành. Nếu hạnh giải chẳng khắp, tự tha sẽ giảm mất. Cho nên Đại sư cùng Cát Tạng Thư nói: Nếu có giải mà không hạnh thì chẳng thể hàng phục chúng sanh, có hạnh mà không giải thì ngoài thiếu hóa tha. Nhân sư v.v... là khen hạnh giải đầy đủ, đáng làm thầy người, là báu của nước đời Hậu Hán, vua Linh Đế băng rồi, lúc đó Hiến Đế có Mẫu tử rất tin Phật tông, bác bỏ bai Lão Trang, soạn luận ba quyển ba mươi bảy thiên. Thứ hai mươi mốt Sa-môn cứu bàn kế đúng sai, lập lời hỏi rằng: Lão Tử nói người biết không nói, người nói không biết. Lại nói: biện luận hay như nói ngọng. Lại nói: Quân tử thẹn lời nói có lỗi, nếu Sa-môn biết chí đạo sao chẳng ngồi mà làm. Nói không phải quấy luận suông cong ngay há chẳng phải là giặc đức hạnh sao? Đáp: Lão cũng có nói, nếu ông ấy không nói làm ao ta nói được? biết mà chẳng nói thì chẳng thật có, chẳng biết mà chẳng nói là người nghe. Hay nói mà chẳng thể làm là thầy trong nước, làm được mà chẳng nói được là dụng của nước, làm được nói được là báu của nước. Trong ba phẩm chỉ chẳng thể nói chẳng thể làm là giặc của

nước. Nay nói tự làm khuôn phép cho mình, làm khuôn phép cho người, nên nói là báu của nước. Mâu Tử lại nói: ôm vàng chẳng hiện ngoài người, ai biết trong đó có ngọc vi, có thêu nhiều màu chẳng ra khỏi cửa, ai biết trong có màu sắc?. Ngựa nằm trong chuồng, chẳng ăn thì ngựa dở ngựa giỏi đồng bầy. Học trò ngậm miệng chẳng nói thì ngu và trí chẳng phân. Nay tục sĩ trí không mao tuấn mà muốn chẳng nói lời. Chẳng nói một phu mà tự như Đại nói. Nếu đám này ngồi mà được đạo thì như không mắt muốn thấy, không tai muốn nghe há chẳng khó lắm ư? Cho nên nay tự hành đã mãn phải dùng giáo lợi người. Thí như nói làm đều được mới là quốc bảo. Như trong Xuân Thu, Tề Oai Vương năm thứ hai mươi bốn, Ngụy Vương hỏi Tề Vương rằng: Vua có báu chăng? Đáp: Không. Ngụy Vương nói: Quả nhân ở trong nước tuy thế (nhỏ) mà có châu kính tấc mười hạt, chiếu xe trước sau đều hai mươi cổ, sao cho nước muôn thừa mà không báu ư? Oai Vương nói: Gọi quả nhân báu và vua báu khác nhau. Có tôi như Đàn Tử v.v... đều giữ một cõi thì khiến Sở Triệu Yên đều chẳng dám xem thường, nếu giữ trộm cướp thì đường không lượm của rơi. Do đây làm tướng thì soi ngàn dặm đâu chỉ mười hai cổ xe ư? Ngụy Vương hổ thẹn mà bỏ đi. Đây thì nói được làm được là quốc bảo. Mà lại trở xuống là nói giống Phật thừa làm thí, tức có thể hóa tâm. Hỏi: học giả Viên đốn vốn tập vô duyên, đâu đến Sơ trụ mới nói học Phật? Đáp: kính mến cực vị gọi là học Phật mà thôi. Lại trong sách lệ trở xuống mà khiến nói như làm. Như lai cũng dùng chỗ chứng mà lợi người, cho nên khuyên nói chứng để ích lợi người, tức trở xuống là dụ. Nếu dùng quyền pháp dạy người. Pháp môn tuy khai mà chẳng gọi là khuynh tạng, nay ở một tâm mà khai môn lợi vật là khuynh, kho Bí mật bày châu chân thật. Tâm đã chẳng cùng, tạng cũng vô lượng. Tạng đã vô lượng thì châu vô biên. Chứa tất cả pháp nên gọi là Tạng.

Lý thể không thiếu dụ như lấy châu. Ấy là mở bày giác tạng (kho giác) vốn có của chúng sanh, chẳng phải từ ngoài đến. Các châu này v.v... là kế mượn dụ để khen thể dụng. Trước chung y cứ châu để khen thể, kế riêng y cứ dụ để khen dụng. Văn trước nói châu này có thể dụ cho Nội diệu thể, Hạnh giải nhân quả tất cả đều đầy đủ, phát ra ánh sáng dụ cho tuệ, mưa báu dụ định tuệ tưc trí đức, định tức đoạn đức là thể định tuệ. Hai đức này tức là hai đức tự lợi, lợi tha, trí tức là tự lợi, đoạn tức lợi tha, tự tha này hai mà chẳng hai lấy ba đức này vì tha mà nói. Nay khen chỗ nói là châu này v.v... chiếu tối v.v... là khen dụng, nói chiếu tối là năng lực của ánh sáng, phá tối không sáng kia. Nói phong phiếm là sức của mưa. Làm giàu cho kia cái thiếu pháp tài. Nói

đêm sáng là chuyển giải thích chiếu tối. Nói tế cùng là chuyển giải thích phong phiếm. Xoay vần sanh nhau trở xuống là giải thích định tuệ tức nhau trên. Phá hoặc đủ đức, trí đoạn đồng thời. Trì hai luân trở xuống là thí dụ công thành có chỗ đến. Hai luân vận xa là dụ cho định tuệ Ngang chu, hai cánh bay cao là dụ cho định tuệ dọc cực. Chữ là vô (trống) sỉ là bay. Cho nên Đại sĩ Tuyết Sơn bị Đế-thích thử tài xem là có thể gánh mang gánh nặng bình đẳng được chăng. Như xe có hai bánh thì chuyên chở được, chim có hai cánh thì sẽ bay lên được. Tuy thấy trì giới nhưng chưa biết người ấy có trí sâu chăng? Trong kinh vốn dụ thừa giới đầy đủ, nay mượn để dụ định tuệ đồng thời. Ngọc Nhuận v.v... là dụ cho chỉ quán hạnh thành công bày được ra ngoài. Ngọc Nhuận là dụ cho chỉ đức, xanh tươi là dụ cho quán đức. Lưu Tử nói: Núi ôm ngọc mà cỏ cây nhuận, sông chứa châu mà bờ chẳng khô. Hoài Nam Tử cũng nói: Suối có châu bờ chẳng khô. Bích: kinh Sơn Hải nói: Núi cao nhiều xanh tươi. Quách Phác nói: Bích là ngọc. Thuyết Văn nói: Thanh là sắc đẹp, tiện là sắc tốt. Cũng như thông trúc mùa đông vẫn mầu xanh, đều là vẻ xinh tươi. Có người nói: Chỉ quán giải hạnh như ngọc nhuận bích tiên. Đây chưa khéo ý văn. Trong đây ý nói do hạnh giải ở trước mà chỉ quán thành tựu, công năng bày ra ngoài, tự tha đều lợi ích. Nếu lại chỉ làm hạnh giải mà giải thích thì văn nào phiền tạp.

Hương thành trở xuống là nói pháp ân khó báo đền. Đã hạnh giải thành tựu thì mắc ân sâu của Phật, như tan nát thịt xương cũng chẳng thể đền đáp đức Ngài. Hương thành, là nơi Bồ-tát Ba-luân tu thấy Vô-Kiệt chẻ tủy để chuộc thân cũng như đồng tử Tuyết Sơn thấy La sát gieo mình mà chuộc bằng kệ. Những si độn ấy v.v... là kế nói lỗi tự tha đều cho thiếu Diệu giải Diệu hạnh ở trước. Trước nói lỗi tự hành vì không có lòng tin. Lại như Pháp Hoa nói: Các con ở sau uống thuốc độc khác làm mất bổn tâm, là uống chất độc kiến tư khác. Năm trược chướng nặng nên nói vào sâu vì độc sâu nên mất tâm Bồ-đề, vì không tin nên như voi không bị câu móc. Đã không có móc câu tín cho nên nghe mà chẳng thể hiểu. Cho nên Đại Kinh quyển hai mươi ba nói: Vì như voi say điên cuồng bạo ác muốn giết hại nhiều. Có người điều phục voi thì dùng câu móc lớn móc vào vòi thì nó liền nghe lời, tâm dữ đều dứt. Chúng sanh cũng như thế, vì phiền não nên gây ra nhiều điều ác. Các Đại Bồ-tát dùng câu móc Phật pháp, khiến người nghe pháp do đây mà trụ. Vì nghĩa ấy nên nhân duyên nghe pháp là gần Đại Niết-bàn, phải biết đời trước có móc câu nghe pháp, nên khiến đời này nghe liền hiểu. Thiếu mắt trí tuệ, càng giải thích mà không hiểu. Cho nên kinh

Đại Phẩm chép: phải dùng mắt trí tuệ để quán biết các pháp thật, cho nên biết phàm phu đui mù, Nhị thừa chột mắt, ngoài nghe chẳng hiểu do trong mắt trí, không có mắt trí nên nghe cũng chẳng khác. Toàn thân đều bình đẳng, đều dụ cho không thực hành vì không làm nên chẳng thể dứt hoặc, nên nói chẳng trước. Lý thấp là bệnh và cùi hủi đều dụ cho chẳng giác chẳng hiểu cho nên chẳng biết. Xưa bác bỏ bai Đại thừa cho nên hạnh giải toàn thiếu các ương kia còn chứa còn gọi là người lớn tội, vì nói những lởi ấy lại thêm tội bác bỏ bai thì có tổn mà không lợi ích. Kinh nói: Nếu chỉ khen Phật thừa, chúng sanh chết trong khổ, nên nói đâu nhọc phải nói. Nếu trở xuống là túng thích. Nếu là giả thiết, mượn khiến chán đời chẳng thể cầu đại. Cho nên kinh nói: Không phải sức tầm thường của ta mà được vật. Phạm phụ v.v... là nêu loại chứng mà giải thích. Chán Đại Tập, quen tiểu như bỏ cội rễ mà theo cành lá. Cho nên Đại Phẩm chép: Bỏ thâm Bát-nhã Ba-la-mật như bỏ cội rễ mà tu tập Nhị thừa, chỗ phải làm như vin cành lá, đó là việc ma. Vin cánh lá sẽ đọa, nắm gốc sẽ chắc, nắm cành vô thường thì rơi xuống đất Nhị thừa, nắm gốc Bồ-đề tâm ắt chắc. Cẩu hiệp làm việc, là Đại Phẩm nói: nầy người Thiện nam, gần gũi các kinh khác chẳng học Bát-nhã, như con chó chẳng theo đại gia xin ăn, lại xin người giúp việc, là việc ma của Bồ-tát. Bồ-tát cũng như thế, bỏ thân Bát-nhã, lấy chỗ hành kinh của Nhị thừa ấy là việc ma. Đại luận giải thích rằng: Có người trước ở trong pháp Thanh văn thọ giới, sau thấy thân Bát-nhã nhưng vẫn mê đắm chỗ học trước mà bỏ Bát-nhã. Lại có đệ tử Thanh văn, trước học Bát-nhã chẳng hiểu nghĩa thú chẳng được tư vị, còn chuộng kinh Thanh văn mà cầu đạo. Lại có Thanh văn trước học Bát-nhã lại muốn tín nhận kinh Thanh văn khác mà hủy bỏ lời Bát-nhã. Kinh ấy trước sau bất định, nghĩa chẳng tương ưng, cho nên bỏ đi. Trong pháp Thanh văn pháp nào chẳng có, sáu đủ Tỳ-đàm tức là Bát-nhã, năm bộ luật tạng tức là Thi-la. Trong Tỳ-đàm phân biệt nghĩa thiền, tức là Tam-muội. Trong kinh Bản Sanh khen nhẫn, tiến v.v... tức là sáu độ đầy đủ. Nay văn quen nói đủ các ý. Kính Nhĩ Hầu v.v... có người chẳng biết khỉ và Đế-thích có nghe người nói Thiên đế bay đi. Sau ở trong rừng mà thấy bầy khỉ bảo là Đế-thích mà rất kính trọng đảnh lễ. Ngói gạch v.v... cũng là Đại Kinh ý dụ ao xuân lại vin nắm cành lá và ngói gạch, như chẳng biết pháp. Cẩu Hiệp làm việc và kính lạy khỉ như chẳng biết người. Lại một thứ người thiền thấp kém dạy người pháp nhân đều lỗi. Ngầm dẫn tuệ văn về trước các lỗi hiển bị chê chẳng đạt chương nạn còn lỗi ở tiểu huống chi là đại? Trong đó trước nói nhân sai. Chẳng đạt, vì chẳng thể dùng

tha hóa an tâm sáu mươi bốn phen, cho nên thành lỗi, huống chi chín thừa ư? Thể tâm v.v... là nói pháp hóa tha là sai. Tuy thể đạt như không, chẳng phải thể pháp thật trí tuy từ chối chẳng chịu, chẳng phải vô tác xả giác, tuy điều hòa dung chung, chẳng phải lẫn lộn đồng với pháp giới, tuy giác cầu tìm, chẳng phải phản chiếu nguồn tâm, tuy mất hút rời nhau nhưng chẳng phải khế lý vắng lặng, tuy hiểu vốn Vô sanh chẳng phải trí soi cảnh mầu. Các dụng như thế đều là một đường. Cho nên nói một triệt. Triệt là vết xe đi. Cho nên biết đây là mê hẳn mười quán và cảnh sở quán. Chướng nạn muôn nẻo, là song bác bỏ tự tha. Như mười cảnh dưới cùng phát. Đã chẳng liễu tự phán, phán tha tất cả đều lỗi. Mù què v.v... là không giải như mù, không hạnh như què. Sư nói: Nếu là đệ tử thì phải biết, cho nên đều đọa lạc. Nếu mượn Bách luận người ngoài bị phá, bèn tự cứu rằng: Nếu thần không chạm thân thì chẳng nên đến. Thân thần nhờ nhau sẽ có chỗ đến. Như mù què giúp nhau sẽ đi xa. Nay một người có hai, một bước chẳng đến lên. Kế mù què là giải thích thí dụ trước không mắt gọi là mù, chân thọt gọi là què. Đã mù và què mà lại đi đêm, không giải không hạnh mất mặt trời Phật giáo, đi đêm vô minh. Chẳng nên trở xuống là tổng kết phi khí. Chẳng nên đối với người không hạnh giải trên mà nói diệu giải hạnh. Cao thượng là như trước người có tín có hạnh giải, tức cao thượng ở văn này. Thấp kém là như người không tín không hạnh giải, sẽ yếu kém giáo này.

Khai chương rất dễ thấy, cái gọi là chỉ quán khai làm mười. Phải nói chỉ quán sở quán khai làm mười. Chỉ là văn lược nên chỉ nói chỉ quán. Lại mười cảnh này tức là văn trước thể được hiển. Trước y cứ sở hiển năng nhiếp, nên đặt tên là Thể. Nay đối với cái do năng quán phát ra nên đặt tên cảnh. Lại trước từ lý mà nói nên thể chỉ là một, nay từ bên sự nên cảnh có mười. Vì sự tức lý nên mỗi cảnh đều không thể nghĩ bàn. Vì lý tức sự nên mỗi pháp đều khác nhau. Trong đây văn mười nghĩa mười. Ý khiến sở quán đồng thành một thật, và nói lên năng quán chỉ ở một cực. Cũng có thể nghĩa mười như trong phân biệt. Cũng có thể nghĩa ba, nghĩa là trái ba chướng tức ba đức. Kế ý trong sanh khởi, do quán ấm nhập mà sanh ra chín cảnh giới, năng sở giúp nhau, thứ lớp sanh nhau mà thành mười ý. Nhưng sanh khởi này lại phụ văn tướng. Một nhà soạn thuật lập ra chương môn đều sanh khởi. Nếu y văn dưới mười cảnh cùng phát thì không còn thứ lớp. Đây thì từ hạnh. Văn đủ hai nghĩa, một ở trong mười. Đại Phẩm nói: Thanh văn y niệm xứ v.v... lá dẫn chứng nghĩa kế cho nên Đại Phẩm và Đại Bát-nhã, hễ nêu pháp môn thì đều dùng năm ấm làm đầu. Năm ấm chỉ là cảnh niệm xứ mà

thôi. Lại hành nhân trở xuống là nghĩa hiện tiền. Văn dưới phân biệt dùng hai nghĩa này. Nói gánh nặng, năm ấm là gánh vác, sanh tử nhiều lần nên nói nặng. Phàm phu chẳng bỏ, Nhị thừa chẳng gánh. Người Bồ-tát vừa bỏ vừa gánh. Vì bỏ nên bỏ hẳn sanh tử, vì gánh nên vào sanh tử. Cho nên Bồ-tát bỏ gánh năng gánh. Hành nhân (người tu) cũng như thế, vì bỏ vì gánh cho nên phải quán. Sau phát tướng lạ v.v... là trong mười cảnh ấm đủ hai nghĩa ắt ở đầu, chín thứ kia đã do quán ấm mà sanh khác là thứ lớp. Như chỗ nêu dưới đây. Nay ta dùng mười pháp này làm cảnh, khác nhau nẻo thường, lập riêng thanh tịnh chân như vô sanh vô lậu. Như thế mà quán, như lìa không này lại tìm không riêng. Nay y kinh nương hạnh lấy ấm làm đầu, chín cảnh sau tùy phát mà quán, mỗi cảnh đều dùng mười thừa pháp quán. Lão Tử còn biết quán thân là tai họa, mà người thế gian gìn giữ thân nhơ tìm tịnh lý khác. Có lỗi rất nặng.

Năm ấm trở xuống là nói do ấm mà sau sanh phiền não, nói ấm hợp với bốn đại là sợ văn này lầm. Phải nói ấm hợp với bốn phần. Báo pháp năm ấm từ vô thỉ đến nay chưa từng lìa nhiễm, nếu chẳng quán ấm thì thuận phiền não. Nên nói nếu chẳng quán sát v.v... như đóng thuyền trở xuống là vì người chưa quán nêu thí dụ. Dụ gồm hai ý: Trước vì chẳng quán là thí dụ thuận dòng. Nếu nó trở xuống là do quán ấm động phiền não mà cảnh ngược dòng làm thí dụ. Hối tố như quán ấm. Thỉ giác theo dòng như phát phiền não. Thuyền là chuyên chở trên nước. Bôn, Nhĩ Nhã nói đường lớn) gọi là Bôn, trong sân gọi là Tẩu. Bôn là dáng chạy nhanh. Theo mà chẳng biết đi nhanh. Tinh là chạy tan, đi nhanh như chạy tan. Tố là ngược dòng. Đã quán trở xuống là hợp quán ấm dụ. Bốn đại trở xuống là nói quán phiền não kế sanh bệnh hoạn. Thân bệnh tức là ấm cảnh trước, tâm bệnh tức là cảnh phiền não trước. Vô thỉ thường theo thân bệnh không hề ngược dòng, nên gọi là đẳng, cũng là trước nói chẳng quán, nên nói trong tình bất giác. Nay Đại phần trở xuống là nói do quán hai thừ trước mà động bệnh hoạn. Đại là bốn đại, lại chỉ cho sắc ấm, vì bốn ấm kia chuyển thành phiền não, gọi là bốn phần nên nói đại phần. Phần có bốn phần tức phiền não ở trước. Trước đã quán ấm lại quán phiền não, nên nói đều quán. Do hai quán này kích động sắc, nên nói xung kích mạch tạng. Đủ như quyển tám giải thích. Vì xung kích nên khiến bốn mùa trái với năm tạng, cũng là năm hành khác nhau nên gọi là Trái. Nên bốn rắn độc khởi riêng thành bệnh. Vô lượng các nghiệp trở xuống là do quán ba cảnh mà sanh ra các nghiệp. Cũng trước nói chẳng quán nên chẳng phát. Cho nên tâm tán

thiện thường chẳng phát nghiệp tướng. Nay tu trở xuống là chánh nói nhân quán để phát nghiệp tướng. Kiện nghĩa là đã quán đại phần, bệnh nghĩa là đã quán bệnh cảnh, ba thứ đều quán nên nói chẳng thiếu. Nhân quán đông nghiệp nên nói động sanh tử luân, nghiệp tướng là năng vận sanh tử là sở vận. Xe chở sanh tử gọi là sanh tử luân. Nên Đại luận nói: Xe sanh tử chở các kết tạp phiền não của người nơi chỗ trống tự tại chuyển đi không thể ngăn cản. Là nghiệp đời trước mình làm tự chuyển thành các thứ hình. Nghiệp lực là lớn nhất, bậc nhất trong thế giới. Hoặc mầm thiên v.v... là nói nghiệp tướng khởi tổn ích khác nhau. Câu đầu là nhân thiện tập nẩy mầm sanh tướng. Ác hoại trở xuống là ác tập nhân hoại diệt tướng. Thiện thị trở xuống là nói thiện báo quả tướng. Ác lại trở xuống là nói ác báo quả tướng. Vì ác trở xuống là nói nhân quán ở nghiệp mà sanh việc ma. Trong văn chỉ làm tướng sanh sau, thiếu chẳng quán thì chẳng phát. Nhân quán bèn phát tướng. Nếu nhìn văn trước phải nói từ vô thỉ đến nay chỉ thuận theo hữu lậu, dẫn nếu thiện sanh ác diệt, cũng tùy cõi ma. Nay quán nghiệp khiến ác diệt, thuận theo Niết-bàn để hiện sanh, cho nên thuận Bồ-đề, ma sợ xuất gia mà gây trở ngại. Cũng có thể do quán ba cảnh, tuy sanh sự thiện cũng thuận Bồ-đề, tuy diệt sự ác cũng thuận Niết-bàn. Vì ác động nên song nhắc lại văn trước hai ác tập báo. Vì thiện sanh nên cũng nhắc lại văn trước hai thiện tập báo. Nếu thiện diệt ác sanh thì thuận cõi ma nên chẳng bị trở ngại. Nếu quá trở xuống là do quán ma nên sanh ra các thiền cũng phải nói: Nếu chẳng quán sát, tập xưa chẳng hiện. Vì dụng quán tức là hạnh lục hiện tại gây ra, cho nên đồng tập xưa có các thiền hiện nị tịnh ngang dọc. Đủ như trong Thiền cảnh ở sau nói. Thiền có trở xuống là nói thiền sau phát thấy. Dật là buông lung. Nếu biết trở xuống là nói thấy sau sanh mạn. Dùng quán mà quán thấy, tâm thấy tạn dứt. Cho nên người vô trí bảo được Niết-bàn, người tăng thượng mạn chẳng phải toàn không pháp. Chỉ là chẳng hiểu pháp môn Đại Tiểu, thềm bậc cạn sâu. Lạm sanh căng cao gọi là tăng thượng mạn, ở pháp tăng thượng chưa được cho là được mà kiêu mạn với người. Đây chỉ là nêu chung tướng thượng mạn. Từ Tiểu thừa trở xuống là nêu riêng Đại Tiểu đều có tướng ấy. Trước trong Tiểu thừa chấp ngang bốn thiền làm bốn quả như trước đã nói. Đại thừa cũng có ma đến cùng ký, là nói trong Đại thừa do ký sanh mạn. Cho nên, phẩm Bất Hòa Hợp trong kinh Đại Phẩm nói: Ma làm Tỳ-kheo đến chỗ Bồ-tát, ông ở Chư Phật được ký Bồ-đề cha mẹ anh em chị em v.v... tên đó, nếu mê đắm thì thành tăng thượng mạn. Thân tử bỏ mắt v.v... là thân tử lui sụt Đại thừa rồi liền trải sanh tử, nghĩa như kiến

mạn. Nếu Tiểu tập khởi thì trước phá kiến mạn nên nói nếu kiến mạn tịnh. Đại Phẩm nói: đẳng (v.v v.v...) là dẫn ở tập tiểu mà thôi. Kế Đại Phẩm chép: Có Bồ-tát trở xuống là nói sanh bác bỏ bai. Như Đại Phẩm chép: Chẳng lâu người tu nghe thâm Bát-nhã, khởi bác bỏ bai thì đọa vào địa ngục. Phẩm Tùy Hỷ nói: Nếu Bồ-tát chẳng thực hành sáu độ lâu dài, chẳng thường cúng dường Phật, chẳng trồng gốc lành, chẳng theo bạn lành, chẳng khéo tự tánh không v.v... chấp tướng hồi hướng, chẳng nên vì Bồ-tát như thế mà nói Thâm Bát-nhã. Cho đến chủng trí mười tám không v.v..., Bồ-tát như thế nghe sẽ khởi bác bỏ bai, đủ như ở phẩm Tín Báng ở trước. Cho nên Bồ-tát Tam Tạng ngoại phàm và tăng kỳ thứ hai còn có nghĩa bác bỏ bai người nội phàm và tăng kỳ thứ ba mới chẳng bác bỏ bai. Biệt giáo sơ tâm chẳng bác bỏ bai, giáo nói Trung đạo, Trung đạo lý sâu, biết lý sâu này nên khỏi bác bỏ bai. Đây v.v... trở xuống là xếp ba Bồ-tát đều thuộc quyền. Mười này trở xuống là xếp cảnh vị. Tám thứ trước ở phàm rất dễ thấy, hai sau nói ở bậc Thánh phương tiện, đã là Viên giáo thật đạo phương tiện. Phương tiện nhìn thật gọi thật là Thánh. Viên là Thánh pháp khiến thành cực thánh. Người được Thánh pháp nên gọi bậc Thánh. Cho nên biết mười cảnh vị đều ở phàm. Ấm nhập trở xuống là xếp cảnh ấm hiển thì ấm nhập cảnh hiển, chín cảnh kia thì ẩn. Lại chín cảnh kia phát thì hiển, chưa phát thì ẩn. Lại tám trở xuống là xếp cảnh gần xa. Phiền não v.v... bảy chuyển quán còn khó, nên gọi là xa. Hai cảnh sau mượn khiến chưa quán đã thành phương tiện, nên gọi là gần. Lại phiền não v.v... cách chân còn xa huống chi là Trung đạo, nên gọi là Xa. Hai thứ sau chẳng như thế, cho nên gọi là gần. Lại nếu chẳng hạ dục là nói phát sanh lẫn nhau, trước nói về ý nghĩa. Sợ sau phát được chẳng biết tiến chăng, cho nên phải dự nói khiến biết tướng mạo. Lại văn mười phát này tuy nêu mười, nghĩa bèn hai mươi gọi mười cặp. Dẫu trừ thứ mười cũng có mười tám. Cùng phát trở xuống là chánh nói cùng phát. Trước nêu chương môn. Chín thứ trước đối nhau nên gọi là chín cặp, hai thứ sau chẳng đối chỉ gọi bảy chiếc, bảy chiếc chỉ là ba bốn một cặp. Mỗi trong mười đều khắp mười cảnh. Lại chín cặp trước chính nói về hỗ phát, một cặp sau chỉ là thâu nhiếp mười cảnh xếp thuộc ma chướng. Thứ lớp, là dưới giải thích mười cặp. Trước thứ và bất thứ đều có ba nghĩa nhưng một hai đối tức ba chỉ quán. Đây chẳng nói ở hiện tại tu quán, chính là chỗ phát ba tướng khác nhau một cho nên khác với ba trong đại ý ở trước, đều kết hiện văn thành ba chủng tướng. Nay nói pháp bất thức, đều là pháp giới gọi là bất thứ. Phát tu hai thứ chẳng gọi là Đốn. Chỉ là đối nhau nói khác

như văn. Lại phát tu dễ thấy nên ở giải thích như trước, pháp nghĩa hơi rộng nên giải thích sau. Văn trước nói pháp là tự nêu văn làm mười, lệ cũng phải nói ấm nhập là pháp giới. Cái gọi nhãn v.v... là môn tịch tịnh đủ như quyển bốn dẫn, đâu cần bỏ đây v.v... chẳng đồng với Nhị thừa bỏ sanh tử này cầu Niết-bàn kia. Hộp đựng đầy báu nên gọi là Rương báu. Kinh này chứa đầy báu thật tướng. Phương trượng mượn bệnh, là Tịnh Danh tự giả bệnh nằm trên giường Thế tôn đại từ đâu chẳng thương xót. Phật biết ý nghĩ của ông ấy soi xét cơ duyên khiến các Thanh văn và các Bồ-tát đều kể lại việc khất thực xưa mà từ chối chẳng có khả năng đi thăm bệnh. Lúc đó gặp do đó mà nghe bị đàn sự. Lại nghe Văn-thù nghe bịnh đến thăm bệnh, tuy theo ý Phật vẫn nói là khó đối đáp. Đại chúng do đây mà kính mến phong đức vô số ngàn muôn mà theo xem đã vì các vua chúa, đại thần cùng đến nhân bệnh mà nói rộng vô thường mau chóng. Văn-thù vừa đến nói lời Phật sai, nhưng sau tự hỏi sanh diệt của bệnh. Đại sĩ đáp rộng điều phục ủy dụ, nói rộng việc không thể nghĩ bàn của Bồ-tát và xem chúng sanh là rốt ráo không Phật đạo, ở đây mở chung môn Bất nhị. Thất chứa tòa cao, cơm thơm xông khắp, khiến vời vời sự chê cười bỏ hoa, phải chịu lễ tòa khúc phục, hai Đại sĩ nói luận chỗ Nhị thừa chẳng biết, khen kính Đại thừa thành ích bơ sống và các Đại sĩ đều gặp đề hồ. Giáo này được hưng đều do mượn bệnh. Tật ích đã xong, suy công có chỗ về. Lại đến am viên phục tông ấn định. Vì đem năng nhân mà quán mình người thì bệnh đều là pháp giới. Đến quả dùng bệnh để lợi ích người, cho nên khiến Tịnh Danh lấy bệnh làm hóa đạo. Tất cả các pháp đều ở trong bệnh. Như đời Đường thỉnh tượng bình đẳng khiến vua đích thân đến thất. Đã chí kính rồi muốn đề ký trên vách, vách ở trước mắt đi lâu chẳng đến, dứt tâm dục ra gần xa như trước, khen dấu nghe nay cũng chẳng diệt. Song lâm hiện bệnh, là Phật nhân ở song lâm nhân bảo đau lưng mượn Thuần- đà thỉnh ở rộng khai Thường Tông, nhờ chiết đoạt ba tu chỉ bày ba điểm. Đáp ba mươi sáu hỏi diễn nói năm hạnh mười công đức, sáu sư phiên tà, mười tiên thọ đạo, như thế v.v... giáo hiện bệnh này hưng. Nghiệp vì pháp giới trong dẫn Pháp Hoa, tội phước là nghiệp, do đạt sâu nên gọi là pháp giới. Mười phương tức mười giới. Do đạt mười giới tức pháp giới nên thấy giới lý khắp gọi là sâu đạt sâu. Văn đầu là chân. Không nghiệp phá các nghiệp nên nói nghiệp này phá được nghiệp. Kế nếu chúng sanh trở xuống là giả nghiệp. Biết ở không nghiệp đạt khắp các nghiệp. Cho nên dùng nghiệp này mà lập giả nghiệp, kế nghiệp cùng chẳng nghiệp trở xuống là quán nghiệp Trung đạo. Nghiệp tức là giả, chẳng nghiệp tức là không, giả nghiệp gọi là phước,

không nghiệp gọi là thoát, song phi hai bên đều chẳng thật có Phổ môn thị hiện v.v... là dẫn vật riêng tốt, lại đối ba văn. Nếu hiện sáu giới là trói buộc, hiện Nhị thừa giới là thoát, Phật Bồ-tát giới là song chiếu phược thoát tự chẳng có chứng đắc nghiệp thân tự tại, Pháp Hoa Tam-muội không thể nghĩ bàn sao có thể hiện thân ba mươi ba này. Chẳng phược chẳng thoát mà hiện phược thoát. Hà thí đẳng, thí là cũng nhiều. Ngoài sư Phương Đẳng, đức ấy cũng nhiều, là sao? Thế phương đẳng sư chỉ cần xếp hữu lậu nghiệp tướng còn chẳng thể đạt nghiệp không nghiệp giả, huống chi là nghiệp trung. Nay đạt nghiệp pháp giới, đâu chỉ xứng đáng làm Thế Phương Đẳng Sư. Nếu có v.v... đã pháp quán giới ma cũng vốn như, nếu khiến ở làm cũng có ma. Như thuốc đi đường giày thoa thuốc có thể đi đây đi đó, việc ma như giày, viên quán như đồ (thừa), quán ma tức như, gọi là kham thừa ngự. Quán được tâm tánh v.v... là quán tánh ba độc còn gọi là thượng định, huống quán Thiền tâm là pháp giới? Lấy tà vào chánh, tà tức là chánh, kiến tức pháp giới. Đối với kiến chẳng động cũng gọi như thế. Văn kinh cũng chung, nếu phân biệt, đủ như trong Văn Sám Tịnh ở trên nói: Lấy kiến là môn kết trước dùng tà tướng. Môn là gọi là năng thông suốt, lấy tà vào chánh là nghĩa năng thông. Lấy kiến làm cậy nhờ kết trước đối với kiến chẳng động. Tịnh Danh chép: Bồ-tát đối với các kiến mà chẳng động, đối với sanh tử chẳng bỏ, tức là nghĩa cậy nhờ. Phàm nói cây là thuận theo người. Kiến tùy quán chuyển, mặc tình quán chiếu, kiến tức pháp giới, không chỗ nào chẳng tùy, lại là phiền não mà thôi. Lược xếp đồng khác. Nói riêng mạn thì có tám thứ. Đây thuộc về tăng thượng, trong phiền não lợi độn chẳng chuyên tăng thượng. Nay từ chung mà nói cũng thuộc phiền não, vô là không, đại mạn là giả. Chân xuất giả vị, hiện các thứ thân hình, điều phục chúng sanh, nên gọi là Đại mạn. Đại Kinh quyển ba mươi nói: Bồ-tát nếu thấy chúng sanh có kiêu mạn, thì hiện làm đại mạn. Song phi thuộc trung, so sánh sẽ thấy. Nếu chỉ kiến (thấy) ở không v.v..., chỉ quán sâu về không, thể không vốn diệu. Chúng sanh tình cách gọi là không chẳng không. Cho nên nay đạt không tức là pháp giới. Từ không hiện ra tức là dục. Đối không chẳng không, ba đế nghĩa đủ. Để ác v.v... để ác tức là tám cảnh ấm v.v..., Nhị thừa yếu kém, tứclà cảnh Nhị thừa còn là pháp giới huống chi là ba Bồ-tát. Lại Bồ-tát trở xuống là lại nhờ quyền thật để hiển bày ba đế. Quyền là tục, thật là chân. Song phi là hiển trung, mỗi sau là kết như văn. Trong Tạp chẳng tạp nói vừa phát ấm nhập, chỉ phát ấm giải cũng gọi là phát. Giáo ngang đều đạp, giao nhau mà khởi là giao ngang, song song đều khởi gọi là đồng thời, kế

nhau mà khởi gọi là đạp. Lại đều là ắt ở đồng loại như thiền cùng kiến, phiền não cùng thiền chẳng thể đều khởi. Các thứ khác so sánh sẽ biết. Thứ bất thứ, Tạp bất tạp đều nói bất cụ. Thứ cũ có thể biết, Bất thứ cụ, là tuy thấy các cảnh đều là pháp giới. Chỗ khởi cũng có Cụ, bất cụ. Chỗ khởi tạp loạn hai nghĩa y cứ mà biết. Nói chung riêng. Chung tức là đều, đều khởi mười cảnh nên gọi là Chung cụ. Tuy cụ khởi mười, ở trong mỗi đầu số chẳng đủ gọi là Chung bất cụ. Trong chung thiếu một nên gọi là riêng. Trong riêng lại thiếu gọi là riêng bất cụ, mỗi mỗi trong chín lại đầu số chẳng đủ gọi là Riêng bất cụ. Cho nên trong Thành, bất thành ở sau chỉ văn này nói trong Cụ bất cụ chỉ nói đầu số. Nay nói thể phân thỉ chung, là ở trong đầu số có thỉ chung. Kế nói ngang dọc, tên chung là bối xả, gọi là ngang pháp. Dùng thiền nhìn thiền gọi là hoại, lại trong Sơ thiền có đủ căn bản vị tịnh các pháp, nên gọi là ngang. Nhưng nếu vị nhìn tịnh tuy có cạn sâu nhưng đều ở Sơ thiền, nên gọi là ngang. Nói phát bảy bối xả gọi là Ngang bất cụ là trong diệt thọ tưởng thiếu một đường này. Các pháp khác mà so sánh là từ như phát bốn thiền, mượn thiền so sánh giải thích tướng ngang dọc, tự chín cảnh kia y theo thiền nên biết. Song trong các cảnh thiền kia tuy có ngang dọc như chẳng kịp thiền rất là đầy đủ. Muốn nói lược. Cảnh ấm nhập đầu là chẳng luận phát, chẳng luận ngang dọc cụ bất cụ v.v... kế trong phiền não lợi độn sử đầy đủ gọi là Hoành cụ, trong lợi đơn phức đến hết không lời gọi là Dọc cụ. Trong độn sát-na ba độc rất nặng gọi là Dọc cụ. Bất cụ so nói: Trong bệnh bốn đại năm tạng và quỉ ma v.v... gọi là hoành, sanh nhau khắc nhau, gọi đó là Thụ, cụ và bất cụ so sánh sẽ biết. Tế độ trong nghiệp đối nhau gọi là Thụ, trong ba thứ ma gọi là hoành. Trước ác sau thiện và rơi vào Nhị thừa gọi là Thụ, trong kiến đủ khởi ngoại và Phật pháp gọi là Thụ. Bốn câu bốn môn đối nhau là Ngang. Trong mạn bảo được các thiền gọi là Ngang. Bảo được sơ quả cho đến bốn quả gọi là Dọc. Trong Nhị thừa bốn đế đối nhau gọi là Ngang, nhân duyên đối nhau gọi là Dọc. Lại Nhị thừa đối nhau gọi là dọc. Lại trong bốn đế hai. Hai đối nhau và trong nhân duyên lấy trí nhìn cảnh cũng gọi là ngang. Trong Bồ-tát đương vị tự hành gọi là ngang. Ba giáo đối nhau gọi là dọc. Tu chẳng tu, văn dưới nói tác ý chẳng tác ý, tên khác mà nghĩa đồng. Như trong cảnh phiền não dưới mà nói, là không có câu tu phát cảnh phiền não dưới, chỉ có phiền não các pháp và pháp thân v.v... đều ba mươi sáu. Nay chỉ nêu câu pháp ấy làm ví dụ, pháp thì khác nhau. Nếu muốn phân biệt ba mươi sáu câu, trước biết tu phát đều bốn câu, một câu đều thành bốn, gồm ba mươi hai, tu phát tâm hai, bốn đều ở hai câu đầu, ý nghĩa rất dễ

hiểu, đều hai câu dưới phải nói lược. Trước tu sau chẳng tu gọi là câu thứ ba, một bề duyên lý gọi là câu thứ tư. Trước tu sau chẳng thành gọi là câu thứ ba. Khi phát duyên lý gọi là câu thứ tư. Dung tham nầy mà cùng thành ba mươi hai. Hỏi: Chín cảnh dưới chẳng phát không tu, vì sao mười cảnh đều nói tu phát? Đáp: ở đây phải phân biệt nếu quán ấm phát là thông tu thông phát, quán ấm phát chín là thông tu biệt phát. Nếu quán phiền não phát tám cảnh dưới, là biệt tu biệt phát. Nếu quán phiền não mà sanh ấm giải là biệt tu thông phát. Lại nếu quán đường chung phiền não mà phát túc tập phiền não, cũng gọi là chung tu biệt phát. Nếu quán tục tập tham dục mà phát túc tập sân nhuế, cũng gọi là biệt tu biệt phát. Lại nếu quán ấm nhập, ấm giải chưa khởi là tu mà chẳng phát. Nếu phát sanh ấm giải và chín cảnh giới chưa thể tiến quán thì gọi là phát mà chẳng tu, vừa tu vừa phát, chẳng tu chẳng phát, y theo đây sẽ biết. Nếu quán đường chung phiền não mà phát tục tập phiền não thì cũng gọi là tu phát. Chín thứ kia cũng. Cho nên chín cảnh dưới gọi là tu phát, huống chi tùy người tác ý muốn tu có phát chẳng phát. Cho nên cũng chín cảnh chung gọi tu phát. Tu phát đã thành mười sáu câu. Phát tu lại thành mười sáu câu và bốn câu căn bản hợp thành ba mươi sáu câu. Nhưng phải suy nghĩ phân biệt, nghĩa sử chẳng lạm, ích chẳng ích. Hỏi: Vì sao thiện ác đều nói tổn ích? Đáp: Vì tùy các cảnh túc tập nặng nhẹ và năng lực hiện quán thuần tạp khác nhau, cho nên đều có tổn ích khác nhau. Ở trong đó trước phải xếp vào thiện ác, kế nói tổn ích. Như ấm nhập cảnh thể là vô ký thì chẳng nói thiện ác. Nhân quán vô ký mà phát thiện ác, dụng quán khác nhau thì có tổn ích. Nếu bệnh phiền não mạnh thì đều là ác, thiền và hai sau đều là thiện, nghiệp ma kiến cảnh chung đều thiện, bất thiện. Như trong nghiệp sáu độ là thiện, sáu tế là ác. Ma hiện tướng ác và khiến đọa ác, tức thuộc về ác. Nếu hiện tướng thiện và khiến đọa thiện và Nhị thừa v.v... thì tức là thiện. Ngoại trong kiến, ngoại lấy ác làm gốc, cũng sanh khởi thiện, nương Phật pháp mà khởi, lấy thiện làm gốc, cũng có ở ác. Kế nói tổn ích, chiếu tức là quán, tinh tức là chỉ. Tuy có thiện ác nhưng do sức quán. Nếu quán thiện ác như các sông chảy về biển phong ích tìm la thì một bề là ích. Tùy cảnh mà chuyển, chướng ngại tu chỉ quán thì một bề là tổn. Cho nên quyển một nói: Tùy người kéo dắt vào đường ác tuy tổn chỉ quán lại phải dùng quán mà chiếu hôn chướng hoặc phải dùng chỉ mà vắng lặng tán chướng. Cho nên văn trước nói dùng quán mà quán hôn, dùng chỉ mà chỉ tán. Đây thì các cảnh tổn gọi là ích, chướng mà không phải chướng tức là ý này. Nếu các cảnh khởi, chẳng còn tu quán

chỉ nhờ cảnh này để làm tự được đây thì ích mà gọi là tổn. Lệ theo đó sẽ biết. Hai cảnh sau tuy có nghĩa tổn mà quán đạo dễ chánh, vừa tổn vừa ích và đều tổn ích, lệ theo đây mà biết. Trong khó dễ cũng nói thiện ác, như đã nói trong tổn ích, chỉ phải lại nói tướng khó dễ mà thôi. Chẳng lầm lấy bỏ,tức văn đều nói chẳng thể tùy chẳng thể sợ, đều dùng chỉ quán nghiên cứu. Tức văn đầu nói dùng quán mà quán hôn v.v... Cho đến mười pháp ẩn hiện xem xét. Kế trong ba chướng nói: Nhị thừa v.v... là nghiệp chướng. Có nghiệp xuất thế lại thuộc về nghiệp, lại vì năng lực suy nghĩ thù thắng nên cũng được gọi là nghiệp. Lại Nhị thừa cũng do nghiệp vô lậu mà thành. Cảnh Bồ-tát là ba người khác nhau ba tạng hữu lậu, chung với sơ, Nhị địa đồng ở ba tạng, Tam địa trở trên đồng ở người học, Bát địa trở lên đồng với người vô học, thành nghiệp lậu, vô lậu. Biệt giáo trụ hạnh nhìn Thông giáo mà nói, mười hướng phi lậu phi vô lậu nghiệp, đăng địa chứng đồng chẳng gọi là cảnh. Phân biệt tuy như thế, nếu y cứ vào bị chướng đều ở sơ tâm, nghĩa chung ở sau nên đây phân biệt. Nếu thế, năm trước là hữu lậu, phải là nghiệp hữu lậu cũng là lược nghiệp chướng. Đáp: Nói chung mười cảnh thì đều có đủ ba chướng. Nay lại tùy gọi tiện và tùy tăng hơn mà nói, nếu dùng cảnh khác đối với mình gọi là Báo ấm và phiền não, cho nên nay dùng Nhị thừa và Bồ-tát gọi là thuộc nghiệp chướng. Lại vô lậu này v.v... đều y cứ vào túc nhân, nếu trước đã chứng thì phải xuất giới (ra khỏi ba cõi) sao ở phương này lại luận phát, huống chi so với viên, gọi là chướng. Cho nên nói chẳng đến năm phẩm sáu căn.

Kế giải thích bốn ma, nghiệp thiền thuộc về hạnh ấm của Nhị thừa, Bồ-tát. Trong nghiệp thì nghiệp thiện cho đến thiền đều khởi hạnh lành, cho nên thuộc hạnh, huống trong hạnh ấm thì chỗ nhiếp rộng nhiều, cho nên trong Tiểu thừa chung Đại địa mười, Đại thiên địa mười, Đại phiền não địa sáu, Đại bất thiện địa hai, Tiểu phiền não địa mười và mười bốn Bất tương ưng hành. Trong Đại thừa biến hành năm, Biệt cảnh năm, Đại thiên địa mười một, Tùy phiền não hai mươi, Bất định bốn. Các pháp tâm sở trong Đại tiểu thừa, trừ thọ tưởng thì thuộc hạnh ấm, cho nên nghiệp thiện đều là đại thiện và thuộc Thông đại địa Bất tương ưng hành. Các thứ kia đều thuộc về phiền não ma. Hỏi: Trong Câu-xá nói: Uẩn chẳng thuộc vô vi, sao dùng hạnh ấm mà nhiếp hai cảnh Nhị thừa, Bồ-tát? Đáp: Đó là nói lấy ấm chẳng nhiếp vô vi, nay nói chưa chứng thật đạo, vẫn thuộc về ấm. Hiện tại phát tập cũng là hữu vi. Gọi ma v.v... vì nó cướp đoạt tuệ mạng và phá thực hành. Hỏi: Vì sao chỉ thuộc thân? Đáp: Nếu phước tuệ đối nhau, thì chỉ thuộc phước, mà phước thuộc thân. Nếu trí

đoạn đối nhau thì đoạn thuộc giải thoát, giải thoát hiện thân điều phục chúng sanh. Nếu thế thì chỉ thuộc thân thôi có quan hệ gì đến pháp thân? Đáp: Thể của chỉ là vắng lặng, tức là pháp thân, thể của quán là dụng, tức là Bát-nhã, huống chi ba thân một thể, nên tức là pháp thân.

Kế hỏi trở xuống là phân biệt. Hỏi rất dễ thấy không? Đáp: Kế nêu chín cặp tức dùng hai đầu mà đối ba chỉ quán, phải biết chỉ là nhìn túc tậpxưa, chẳng phải hiện tu, cho nên văn hiện tu không có ba nghĩa. Thế thì bảy dưới chỉ là phân biệt hai đối trước mà thôi, đều có thứ và bất thứ cho đến tạp, là tạp độc trong nhân duyên xưa. Hỏi: Câu trước nói xưa là nhân, nay là duyên, câu này vì sao nhân duyên ở xưa. Đáp: Vì nay tu hành nhìn tập chủng xưa, nên xưa là nhân. Nay giúp phát nên nay là duyên. Nếu quả hiện đều nói đủ nhân duyên, đều dùng nội tâm làm nhân. Tri thức và giáo v.v... lấy đó làm duyên, cho nên hai văn trước sau đều theo một nghĩa, ý cũng chẳng khác. Nếu đời trước đến nay chỉ làm Bồ-đề, tuy có ma v.v... gọi là chẳng xen lẫn. Nếu gồm danh lợi dẫu có cảnh Nhị thừa Bồ-tát Phật thì cũng gọi là tạp. Sở nhân v.v... gọi là sở y. Xưa y cảnh nào thì y đó là lâu. Lại trong sở y có mạnh yếu, có lâu mau. Nói thô tế trụ cho đến bốn thiền, vì bốn thiền có nhiều tháo bậc, cho nên mượn thiền mà xếp. Nói v.v... là cho đến vị tịnh và niệm Phật v.v... truyền luận mạnh yếu. Lại trong mười cảnh kiến mạn, Nhị thừa Bồ-tát phần nhiều nương vào thiền, ma thuộc vị đáo, phiền não nghiệp mạn hoặc thuận hậu phát (phát sau), nên được dùng thiền mà xếp mạnh yếu. Thiện dễ phát v.v... là thiện ác cũng y cứ tổn ích mà xếp, lại dùng căn giá bốn câu mà xếp vào khó dễ. Bốn câu ác sắp diệt v.v... là xếp vào canh bất canh câu đầu là biểu thị điều ác sắp diệt, nên nói cáo tạ như người ác cùng ở nay muốn bỏ đi, nên nói cáo lui. Kế thiện sắp trở xuống là biểu thị thiện dục sanh, nên nói biết nhau như khách hiền mới tới, trước phải chào chủ, nên nói biết nhau. Tướng thiện ác này một lần đến rồi chẳng đến nữa, tức là tướng ác diệt thiện sanh. Kế thiện trở xuống là biểu thị thiện dục sắp diệt. Như gặp lành biết dữ phải cầu thể giúp nên nói cầu cứu, thấy tướng này rồi cố gắng ở thân nghiệp. Kế ác trở xuống là biểu thị ác muốn sanh. Như lén làm ác cầu tha thứ chẳng bắt ra quan phạt tội, nên nói cầu thọ. Thấy tướng này rồi nguyên thân nay đền trả chẳng chịu đường ác. Tướng thiện ác này đến rồi lại đến tức là tướng ác sanh thiện diệt. Nói bốn canh là nói vềnhiều lần chẳng thôi. Trong đây đều phải nghiệp quyết dùng đạo trí pháp nhãn mới xếp được người nếu thiếu sức mình cũng phải dựa vào giáo. Như không văn y cứ thì suy trước mà hiểu. Phàm tình vội nói e lụy cho đời sau. Cho nên

lại khuyên hãy rất cẩn thận nghĩa là chớ xếp lầm, hãy rất cố gắng cẩn thận chỗ thọ nhận.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 5
(PHẦN 2)

Trong liệu gian này đều có mười sáu phen hỏi đáp:

- Hỏi đáp một là hỏi chung các cảnh vì sao chỉ có mười. Như cảnh ấm nhập các ấm khác nhau. Riêng phiền não cũng là vô lượng, các bệnh các nghiệp cho đến hai giáo Nhị thừa phương tiện chánh hạnh, Bồ-tát ba giáo các vị khác nhau, cho nên nói pháp như trần sa sao nhất định là mười? Đáp: Thật như lời hỏi. Pháp tánh như đất, hạt giống như cảnh, quán hạnh như mưa phát như nảy mầm, lược đếm pháp có đến mười. Kế hỏi mười cảnh trở xuống có chín hỏi đáp, vì bốn câu thành chung riêng. Trước chung hỏi khởi, kế trong đáp trước đáp chung mười câu văn tự có mười. Ở ấm cảnh đầu nghĩa cũng chung mười. Chỉ y theo hai nghĩa, ấm phải ở đầu. Văn dưới tuy nói riêng cũng ở đầu. Trong đó ý văn lại thuận về chung. Người tu chung lấy ấm thân làm trước, các kinh lấy chung ấm làm quán đầu. Ấm sắc ở đầu cho nên nói các kinh đều từ sắc khởi, chẳng phải ấm chung ở mười. Cho đến Bồ-tát nghĩa đều chung mười. Chung trong đây chỉ y cứ vào tên chung nghĩa nó cũng riêng. Lại như mười cảnh đều được gọi là ấm, mà từ nhân quả ấm riêng đều khác, cho nên nghĩa vốn riêng. Ấm cảnh đã thế thì chín cảnh kia cũng.

Trước gọi chung là ấm, vì ấm là gốc ấm cảnh. Phiền não và nghiệp gọi là ấm nhân, bệnh là ấm hoạn ma là ấm chủ, chẳng dục khiến người ra khỏi ba cõi. Thiền là thiện ấm, lại đối mười cảnh nên thiền là thiện ấm. Nếu nói chung thì dục sáu, nhân bốn cho đến niệm xứ các giáo phục vị đều thuộc về thiện ấm. Nay cho Nhị thừa làm ấm riêng nên chẳng y theo chung. Hai cảnh kiến mạn còn gọi là ấm nhân. Nghĩa nhân đồng trước văn ở lệ sau, nên nói lại thế. Nhị thừa Bồ-tát tuy chưa xuất giới (ra khỏi ba cõi) nhưng nghĩa trái sanh tử, trong ngoài khác nhau. Khác ở tám trước nên nói là riêng, lại

nếu cảnh này phát là thuộc giới ngoại ấm nên gọi là riêng, mười nghĩa tuy khác, chung chưa lìa ấm nhiếp riêng từ chung, nên chung gọi là ấm, chín cảnh nhiếp riêng ý cũng như thế. Thiền là nghiệp bất động, đối cõi dục động nên gọi là vô động. Nghiệp là dụng của phiền não, phiền não không nghiệp thì không đến dụng, quả vị lai tiếp tục nghiệp vô động, văn nhân tiện mà giải thích, nên nói nghiệp là dụng của phiền não ý văn chánh nói thiền là dụng của phiền não. Tuy ở giới hệ bèn có dụng trường thời thọ vui, cho nên nói dụng. Ma tấcg lãnh cõi Dục, tuy tấcg lãnh cõi Dục nhưng ý muốn khiến người kết thêm ba cõi. Hai chủ Thích Phạm đều có tấc lãnh, đều đệ tử Phật chán sợ sanh tử, nên chẳng được gọi chủ phiền não. Nói Biệt phiền não, là phát tâm xuất thế, tuy có phiền não khác nhau bảy thứ trước, nên gọi là Biệt. Đây từ nhân mà xếp: Nếu từ quả mà xếp thì bảy thứ trước có hoặc chung, hai sau có hoặc riêng, nghĩa chung nhân quả. Ý văn từ nhân, lại từ quả phải chọn ba thứ Bồ-tát, như Bồ-tát Tam Tạng chưa phá hoặc chung cũng gọi là riêng. Cho nên phải từ nghĩa đầu làm chánh vua nay bệnh nặng, là ý Xà Vương lấy thân ghẻ làm bệnh, Như lai Kỳ-bà lấy nghịch làm bệnh. Hỏi: Xà Vương chỉ có hại cha một nghịch, sao nói năm nghịch? Đáp: Một thuộc năm, nên gọi chung là năm. Nghịch tức là nghiệp nên nghiệp cũng gọi là bệnh. Ma hay làm bệnh, ma chẳng ganh vời người về sắc thân báo mạng, chỉ ghét người hóa đạo dân mình. Nay nói bệnh là do thân bệnh, mà lui đạo Bồ-đề. Ba tai là bệnh bên ngoài. Nói thiền cũng gọi là bệnh. Tai họa là tên khác của bệnh. Hồng Phạm Năm Hành chép: Hễ có hại đều gọi là Tai. Xuân Thu chép: Trời trái thời làm tai ương. Lại Liệt Truyện chép: Lửa trời gọi là Tai. Tuy có nói này nhưng thật chẳng biết, trời có chỗ tai ương chia đều, nên biết không phải chỗ Nho Tông nói. Câu-xá chép: Phải bảy lửa một nước, bảy lần nước lửa thì sau có một gió. Tức qua bảy hỏa tai kế có một thủy tai. Như thế qua bảy lần bảy hỏa tai, bảy lần thủy tai, lại thứ lớp qua bảy lần hỏa tai rồi mới có một phong tai, chung thành tám nhân bảy bằng năm mươi sáu hỏa, bảy lần thủy tai và một phong tai. Vì sao? Vì hỏa đến Sơ thiền, thủy đến Nhị thiền, phong đến Tam thiền. Khi Nhị thiền hoại thì Sơ thiền sẽ hoại, khi Tam thiền hoại thì Sơ và Nhị sẽ hoại. Cho nên kiếp kiếp đều hoại Sơ thiền, là thuận Sơ thiền một kiếp tuổi thọ. Phải trải tám kiếp mới đến Nhị thiền, là thuận tám kiếp tuổi thọ trời thứ ba Nhị thiền. Phong tai phải trải qua sáu mươi bốn kiếp mới đến Tam thiền, là thuận tuổi thọ của trời thứ ba Tam thiền. Cho nên Sơ thiền trong có giác quán hoạn, ngoài có hỏa tai, Nhị thiền trong có hỷ hoạn, ngoài có thủy

tai, Tam thiền trong có lạc hoạn, ngoài có phong tai, Tứ thiền không có hoạn cũng không có tai. Nay nói suyển tức hỷ lạc, là đối với Đệ tứ thiền không có suyển tức, nên ba thiền dưới chung với suyển tức. Văn thiếu giác quán lược nói hỷ lạc. Bồ-tát Nhị thừa là bệnh không, ba Bồ-tát này đã chưa thấy trung nên cùng Nhị thừa đồng có bệnh không. Nói bệnh không cũng không là dẫn Tịnh Danh làm chứng. Không là bệnh nên nói là bệnh không, bệnh chẳng phải không nên nói cũng không, tức là trong không, không ở thiên không nên nói cũng không. Phiền não kiến mạn là nghiệp bổn, bổn là nhân. Nhân ở ba thứ này đều làm nghiệp. Nghiệp vô lậu của Bồ-tát Nhị thừa cũng như phân biệt ở trước các thứ kia thuộc hành ấm ma. Hành nhiếp pháp rộng cho nên các thứ kia đều nhiếp trong ấy tức là thuộc về ấm ma. Phiền não kiến ma v.v... cũng gọi là Thiền. Thiền chỉ là định. Đã chung tâm sở cũng gọi là Định. Định này lại chung phiền não kiến mạn, cho nên ba thứ này đều gọi là Thiền. Ma là vi đáo định quả, vị đáo địa này cũng gọi là Định. Được định này rồi bỏ thọ mạng mà sanh lên đó, nên gọi Định quả. Bồ-tát Nhị thừa tịnh thiền. Đại Kinh đã dùng bốn thiền căn bản gọi là Trung định, cho nên nay lấy đây làm tịnh thiền. Tịnh thiền thuộc về thượng định. Cho nên kế giải thích thượng định thuộc về Bồ-tát Nhị thừa, hai định trung hạ thuộc tám cảnh kia. Nhưng trong thiền cảnh chỉ dùng căn bản thuộc về trung định Đặc Thắng chung minh phải hai câu nhiếp, chín tưởng đã qua, đều thuộc về thượng định, bảy cảnh kia đều thuộc hạ định. Nói ba định, thì Đại Kinh quyển hai mươi lăm chép: nầy thiện nam! tất cả chúng sanh đều có đủ ba định, tức thượng trung hạ. Thượng định là Phật tánh, trung định là tất cả chúng sanh đầu có đủ Sơ thiền, vì có nhân duyên nên hay tu tập. Hạ định là thuộc mười đại địa tâm số định. Nhưng tám cảnh dưới thật thuộc thiện ác, nay dùng tám cảnh đối với tâm số định đều gọi là định nên dùng đại địa chung tâm sở. Vì đại địa định chung thiện ác. Kinh giải thích thượng định tuy nói ở Phật, trung định đã nói ở Sơ thiền, cho nên nay đem tên Bồ-tát Nhị thừa làm thượng định, ấm nhập ngã kiến thuộc về chúng sanh kiến. Nếu nói chung thì mười sáu tri kiến chẳng lìa ấm nhập. Nay từ riêng mà nói nên chung gọi tên ấm là chúng sanh ấm chấp ngang trái gọi là ngã, chỗ sở chấp gọi là ấm nhập. Phiền não có đủ năm kiến, như trong chín mươi tám sử năm kiến đầy đủ, chín mươi tám này gọi chung là phiền não, cho nên nói phiền não thuộc về năm kiến. Bệnh thọ giả, mạng giả, kiến giả. Mạng là tính liên tục, thọ là tính một kỳ, tầm thường tuy khi chấp bệnh rất thiết, sợ liên tục dứt, sợ một kỳ ngắn, từ gượng mà nói nên đối hai thứ này. Nghiệp thiền v.v... tác giả giới thủ

kiến. Chấp ta có làm và tu thiền định, nên gọi là tác giả. Thiền không phải xuất đạo (đạo xuất thế) mà chấp là xuất đạo nên gọi là Giới thủ. Ma là dục chủ, cho rằng khu sách do ta gọi là sử tác giả, khổ vui do ta gọi là sử thọ giả khiến đời sau lại ở cõi Dục gọi là sử khởi giả. Lại sanh tử chỉ thuộc Biên kiến, tức sanh tử chỉ là ấm nhập trước sau. Lại giải thích thuộc biên nên nói lại. Ở sanh thì chấp thường, ở tử thì chấp đoạn, nên gọi là biên. Mạn thuộc về ngã kiến, do ngã nên có mạn, nên mạn thuộc ngã. Nhị thừa Bồ-tát khúc kiến nhiếp, không phải Đạo viên trực nên gọi là Khúc. Đại Kinh nói: Nếu thấy Bồ-tát từ Đâu-suất xuống cưới vợ sanh con, vượt thành xuất gia cho đến nhập diệt, ấy gọi là Nhị thừa khúc kiến. Tuy nêu Nhị thừa mà thật gồm giáo đạo. Như vì Bồ-tát địa tiền hiện thân gọi là báo thân, không phải tự thọ dụng, quyền bày thân khác không phải chân thật, nghĩa phải có khúc. Mười sáu tri kiến này văn ở Đại Phẩm, Đại luận có giải thích rộng. Nay chỉ đối tám, các thứ kia chưa đối là xếp vào trong tám, tức sanh giả kiến, là chấp sanh ra chúng sanh như cha mẹ sanh con. Hai là dưỡng dục kiến là chấp ta hay nuôi người. Ba là chúng số kiến, là chấp ta có năm ấm mười hai nhập, mười tám giới. Bốn là nhân kiến là chấp ta là hành nhân. Năm là thọ giả kiến là chấp ta thân sau sẽ thọ giả báo. Sáu là khởi giả kiến là chấp ta tạo quả báo đời sau. Bảy là tri giả kiến là chấp ta năm căn biết được năm trần. Tám là kiến giả kiến, là chấp ta căn trần thấy được sắc và khởi tà kiến. Nêu tên và thứ lớp đủ như kinh luận và trong Pháp giới Thứ đệ. Vừa rồi là theo nghĩa mà dẫn chẳng theo thứ lớp. Ngoài tám thứ trước nếu nhập vào tám kiến trước, thì sanh giả dưỡng dục là thuộc vào cảnh ma. Ma tuy khác nhau chỗ chấp Phạm vương nhưng khí loại rất giống. Chúng số thuộc ấm cảnh. Thọ giả, khởi giả thì thuộc về nghiệp cảnh. Nhân giả, tri giả, kiến giả thì thuộc về phiền não cảnh ấm nhập ngã, là chấp ngã, ngã sở gọi là ngã mạn. Câu-xá văn đồng, Ấm tức ngã sở, năng chấp tức ngã. Phiền não tức mạn mạn, Câu-xá nói: người khác hơn bảo mình bằng thì gọi là quá mạn, nghĩa đồng với phiền não. Bệnh chẳng như mạn. Luận nói: Đối với nhiều phần hơn cho mình kém là Ty mạn. Như bệnh chẳng bằng người mà còn sanh mạn. Nghiệp thiền kiêu mạn, luận nói bằng nhau thì gọi bằng nhau, tuy nhiên bằng nhau về tâm cao cử nên gọi là mạn, đẳng đều là được thiền mà đều tự cao, nên tụ căng gọi là kiêu, lấn hiếp người khác gọi là Mạn. Ma kiến đại mạn, luận nói đối với người khác hơn cho mình hơn thì gọi là Quá mạn. Như lai thật hơn Phật cũng mạn. Tăng thượng mạn, luận nói chưa được bảo được, Nhị thừa Bồ-tát ở vị chưa tột, cảnh này khi khởi chưa thể dùng

quán, chánh ở tăng thượng. Luận trong bảy mạn chỉ khai tà mạn nghĩa là đối với người có đức cho là mình có đức, cũng có thể nhập vào hai cảnh ma kiến vì hai cảnh kia chẳng tôn người. Gọi chung là trong Nhị thừa dùng bốn đế, bốn niệm xứ mà nhiếp chín cảnh, nhân duyên bốn đế chỉ là chung riêng, bốn đế nhiếp pháp gọi là nghĩa vừa tiện. Cho nên chỉ nói bốn đế mà không nói nhân duyên. Ấm nhập toàn là cảnh bốn niệm xứ, ấy là khổ đế, bốn niệm thuộc cảnh ấm nhập. Lại dùng bốn niệm xứ thể riêng. Biệt đối, bệnh hoạn tức là thân thọ niệm, cũng thuộc về khổ đế. Thiền là pháp niệm thọ niệm tức thuộc về tập đế, tịnh thiền cũng thuộc đạo đế. Phiền não kiến mạn thiền và tâm vương trong nghiệp nhân tập nhau, tức tâm niệm xứ tập đế nhiếp các tâm sở và tân sở trong nghiệp tập nhân, cùng ma cùng pháp thuộc niệm xứ tập đế. Bồ-tát pháp, niệm xứ, đạo diệt đế, vì trong pháp niệm thuộc pháp rộng nhiều, tức là hữu vi vô vi. Nếu luận Niệm Xứ thuộc uẩn, thì niệm xứ tức chẳng nhiếp pháp vô vi. Nếu chỉ ở trong bốn đế thì thuộc khổ đế, cho nên nói bốn niệm xứ thuộc bốn đế. Lại đối chung, chỉ dùng cảnh niệm xứ thuộc khổ đế, quán niệm xứ thuộc trí đạo đế. Như đối này là niệm xứ, chỉ thuộc bốn cảnh Ấm nhập, Thiền định, Nhị thừa, Bồ-tát, đủ nhiều ý này nên khai hợp mà giải. Nếu lại y cứ chín niệm xứ, thì bảy thứ trước thuộc phương tiện tức chỗ dùng của hai cảnh sau. Nếu nhiếp tám thứ trước phải như giải thích ở trước suy nghĩ sẽ thấy.

Bốn hoằng nhiếp chín: Bốn đế đã là cảnh bốn hoằng, y theo phân biệt trước cũng có thể hiểu. Hỏi: cảnh pháp chỉ chung v.v..., bốn câu hỏi sau chỉ dùng riêng mà hỏi chung. Ý hỏi đầu: Cảnh, pháp và danh đã chung nhau thì người năng quán có chung chăng? Pháp tức là đường thể mười cảnh, danh là tên trên pháp, dùng mười pháp này chung chưa lìa ấm cho đến gọi chung là pháp Bồ-tát. Đó gọi là pháp chung. Văn nói gọi chung ấm nhập cho đến gọi chung Bồ-tát, đó là tên chung. Pháp danh đã chung cho nên lại hỏi hành năng hành nhân là có chung chăng? Ý đáp, tức dùng đều chung mà đáp. Vì sao? Vì chín trước chưa phát tâm, trước còn gọi Bồ-tát, cho nên Bồ-tát cảnh mà được chung kia, trong văn lại nêu chín cảnh gọi chung Bồ-tát, ấy thì cũng biết người tu cũng chung. Nói chưa phát tâm gọi Bồ-tát, đây là cứ vào lý tánh tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật há chẳng phải Bồ-tát ư? Hỏi: Cảnh danh dung chung, vì sao pháp lại nói chung. Đáp: Danh mời pháp, danh ấy đã chung thì pháp chẳng cách. Gọi chung Nhị thừa v.v..., luận Pháp Hoa nói có bốn thứ Thanh văn, tức là trụ quả, ứng hóa, thối Bồ-đề, tăng thượng mạn. Nay nói Phật đạo tức là ứng hóa. Nói tăng thượng mạn thuộc tám dưới

là Nhị thừa chánh phải trụ quả. Nay nói cảnh phát không phải tám cảnh trước, lại không phải Bồ-tát nghĩa đồng trụ qua, thồi tâm Bồ-đề cũng ở chín dưới. Nếu thối là Nhị thừa thì thuộc cảnh Nhị thừa, nếu thối Viên vào Thiên thì vẫn thuộc cảnh Bồ-tát. Nếu Đại Tiểu đều mất thì mới có tám dưới. Trong thiên lại phải phân ra lậu và vô lậu để đối mười cảnh nên phải xét kỹ. Nói Phật đạo, lại y cứ phát tâm, chẳng phải viên cực. Kế một hỏi đáp. Trong đáp hợp chữ mà giải nghĩa, tức dùng nghĩa riêng tên chung mà đáp. Trước hỏi chung là vô thường chăng. Hỏi: Mười cảnh trước đã được gọi chung Bồ-tát Nhị thừa, tám thứ kia không phải ba thừa được gọi là ba thừa. Hai chẳng phải vô thường là vô thường chăng? Ý đáp: Tám không phải ba thừa mà thân hết, hai chẳng phải vô thường mà có nghĩa vô thường cho nên dẫn thật tánh ra khỏi ba cõi cũng có vô thường. Bồ-tát còn như thế huống chi là Nhị thừa? Cho nên hai cảnh sau đều là vô thường. Kế hỏi đáp, trong đáp phân chữ mà giải nghĩa. Trước hỏi chung là hữu lậu chăng. Lại dùng tám thứ trước mà hỏi lại hai sau, nếu cho là vô thường, mà vô thường là lậu, vì sao lại dẫn thật tánh mà nói trụ cõi vô lậu? Ý đáp: Chung đều là lậu, có nghĩa khác nhau. Giáng Phật đến nay đều gọi là Lậu. Có nghĩa khác, vì mười cảnh riêng nên ấm đến kiến mạn có lậu giới nội, Bồ-tát Nhị thừa có lậu giới ngoại, nội ngoại khác nhau nên nói có khác. Luận Bảo Tánh kia nói vô lậu, là nhìn nội mà được tên. Nếu ở giới ngoại vẫn gọi là lậu. Vô thường đảo nghĩa cũng giống như thế. Nếu dùng đại pháp mà hình (xử tội) thì trong ngoài đều lậu. Kế một hỏi đáp trong đáp trước hỏi chung là thiên chân phải chăng? Dùng cảnh Nhị thừa mà hỏi chín cảnh kia, hai sau không phải hữu lậu, đều được tên hữu lậu, Nhị thừa là thiên chân, chín thứ kia cũng phải thiên chân. Trong đáp cũng phân chữ mà đáp vẫn chưa hội viên, nên đều là thiên. Chân có khác nhau nên nói chân khác. Bồ-tát Nhị thừa có chân giới ngoại tám cảnh kia có chân giới nội. Kế hỏi đáp: Trong hỏi nói nghĩa không thể hiểu, như trước đã giải thích pháp Danh thân, cho đến vô thường hữu lậu thiên chân cũng chung mười cảnh, là một bề chung cũng biệt chăng? Đáp: Khác nhau vốn Biệt đâu cần lại hỏi, cho nên nói: Mười cảnh tức là nghĩa biệt. Ba câu hỏi này là thành ba câu dưới đây, tức câu Biệt thứ hai xong. Kế lại có trở xuống tức là câu thứ ba, chẳng còn hỏi Biệt, ở trong đáp Biệt liền giải thích ra. Nên nói lại có vừa chung vừa riêng, ở trong đó lại phân ra vừa chung vừa riêng, cùng là chung là riêng, tuy đều thuộc câu thứ ba mà đều đồng khác. Trước ấm nhập cảnh đều có hai nghĩa, nên gọi là vừa chung vừa riêng. Vì sao? Vì thân vốn quán đầu, hai nghĩa khác chín nên gọi là cũng riêng. Lại khiến

nghĩa ấm chung nhập chín kia, lại khiến chín kia đều được gọi là ấm, nên gọi là cũng Thông. Vì chín kia thiếu hai nghĩa, nên chỉ được các cảnh xoay vần khác nhau, nên gọi là Riêng. Xoay vần cùng chung nhau nên gọi là chung. Cho nên thì một pháp có đủ hai nghĩa, nên nói vừa chung vừa riêng. Một pháp hai hướng đối khác nên hai, chỉ nói là chung là riêng. Nói hai nghĩa: Một là Biệt đáng ở đầu; hai là cùng thông với chín thứ kia. Chỗ nói hai hướng và đối với khác, vì khác cho nên riêng, chẳng khác cho nên chung. Ấm cảnh đều khác, khác này cũng chung, có riêng Biệt ở đầu toàn khác chín kia, nên nói cũng Biệt, dùng cũng Biệt này mà đối cùng Thông nên nói cũng Thông, chín kia chẳng cho nên chỉ nói là chung là riêng. Vì không có hai nghĩa đầu. Chín cảnh dưới phát có thể làm quán, chẳng phát làm sao quán. Cho nên thiếu nghĩa đầu. Các giáo được nêu chẳng xem là đầu vì thiếu nghĩa thứ hai, không có hai nghĩa này thì chẳng gọi cũng riêng. Đã không phải cũng riêng nên chẳng thành cũng chung. Nếu thế, dưới đem phiền não bệnh hoạn để hỏi ấm nhập, hai cảnh này cũng có hai nghĩa, đâu riêng ấm nhập. Vì sao? Phiền não cũng là gốc các pháp, hỏi đồng nghĩa đầu, vốn là trị hoặc hỏi đồng nghĩa kế. Bệnh cảnh cũng như thế. Ý đáp: Trước nói phiền não trong nghĩa không hai, ngăn dùng Đại Kinh để vặn hỏi, hỏi rằng: Nếu vậy phiền não không được xem là gốc các pháp, vì sao kinh nói: Phiền não cùng thân tuy không trước sau, phải do phiền não mà được có thân, phải biết phiền não chắc chắn là gốc của thân, đâu thiếu ấm nhập làm gốc quán. Cho nên nay ngăn nói nhân, phiền não mà có thân, phiền não đã thuộc đời quá khứ vì sao lại được làm cảnh quán. Tuy vốn vì tự hoặc đâu lại tự hoặc mình đã dứt ư? Cho nên các giáo đều trước quán ấm, vì hoặc hiện tại chấp ấm mà sanh. Chỉ khiến quán ấm, hoặc sẽ chẳng sanh thì bệnh thường không khởi. Dưới đáp bệnh không hai nghĩa, rất dễ thấy. Sau đây không câu hỏi liền giải thích tướng câu thứ tư. Đều không thể nghĩ bàn. Như chẳng thứ lớp đều là pháp giới thì lại nói Thông Biệt với ai? Một ấm tất cả ấm, đủ như cảnh không thể nghĩ bàn nói: Văn chỉ nêu ấm mà chẳng nói chín thứ kia, vì ấm đã nhiếp khắp thì chín thứ kia sẽ từ ấm sinh. Lệ ấm cũng phải một hoặc là tất cả hoặc tất cả, hoặc là một hoặc, chẳng phải một chẳng phải tất cả. Cho đến Bồ-tát một nguyện là tất cả nguyện, tất cả nguyện là một nguyện không phải một, không phải tất cả. Kế là hỏi đáp, riêng hỏi ấm cảnh. Chín cảnh kia từ phát được tên, đều có tên gọi khác nhau. Khi ấm giải khởi cũng là phát được, phải lập tên riêng. Ý đáp: Ở ấm sanh giải tuy là phát được, vì không có tướng lại thuộc về ấm. Như phiền não khởi quán

đối với phiền não mà sanh viên giải. Giải thoát này khi khởi cũng không gọi tên riêng. Nay cũng như thế, giải này sanh rồi thì sanh chấp khởi ái, hoặc bệnh hoặc nghiệp mà có tên riêng. Tự do chấp v.v... không liên quan tới ấm giải, cho nên ấm giải chẳng có tên riêng, nên nói nếu giải phát v.v... Đây thì trở xuống là lược xếp vị thứ công năng. Nói khí phần, tức vào tướng trước năm phẩm chỉ được trở xuống là kết xếp. Nhân ở ấmgiải mà sanh tướng khác. Tuy cũngthuộc ấm mà chẳng được gọi vừa chung vừa riêng. Nói chỉ được chung riêng v.v... là chỉ được là Thông là Biệt. Khi giải này sanh thì nghĩa đồng với chín sau. Đồng phát sanh được, cho nên cũng chung với chín là chung là riêng. Lại chẳng phải ấm cảnh, cho nên khác nhau ấm vừa chung vừa riêng. Hỏi: Rõ ràng ngăn cách mãi, như đáp hỏi trước, mười cảnh khác nhau tức là nghĩa Biệt. Biệt này vẫn Thông cho nên lại hỏi: Cũng có mười cảnh rõ ràng khác hẳn, có cùng chung chăng? Đáp: Văn nêu đủ rọ ràng khác hẳn. Điều nghĩa là điều khoa, tức là mười khoa khác hẳn. Bốn niệm ấm riêng, là nếu chỉ nói ấm, tên ấm còn chung, nếu nói bốn niệm quán ấm cho đến vô ngã quán giới thì chẳng được gọi là ấm, nhân biệt ấm v.v... mà nói không tụ, kinh Tịnh Danh nói: Lạc quán nội nhập như không tụ. Đại Kinh nói: Như xóm làng trên hư không, nhìn xa thì có, nhìngần thì không. Nhập cũng như thế phàm phu, tức là người có trí biết là không. Vô ngã quán giới, Đại Kinh chép: Kẻ nhiều mê đắm ngã thì là phân biệt pháp mười tám giới, trong mỗi giới tìm ngã chẳng thật có. Năm pháp dừng tâm phiền não biệt. Ngũ đình tâm chỗ tự đều khác nhau, đâu lại được gọi là quả v.v... phiền não tám niệm bệnh riêng, là tu chín tưởng sợ khiến tu tám niệm, lấy sợ làm bệnh còn khác nhau. Ở bốn đại chẳng điều đâu đồng nghịch bệnh và thiền bệnh v.v... Mười nghiệp lành riêng là ba nghiệp trong mười chỗ đối đều khác còn chẳng phải mười ác đâu đồng với vô lậu và vô động v.v... Năm hệ ma riêng, bốn y chỗ răn và Lăng-nghiêm hết lời ngăn cấm, khác nhau ấm ma, hạnh ấm các ma, cho nên trong phẩm bốn y, của Đại kinh, bốn y Bồ-tát xô đuổi ma bảo rằng: Nếu Thiên ma Ba-tuần lại đến thì sẽ dùng năm hệ mà trói buộc ông. Chương An giải thích rằng: Hệ có hai thứ: Một là năm Thi hệ, hai là Hệ năm xứ. Năm thi hệ là như bất tịnh quán thì tự ái ma năm xứ y lý mà thấy biết ma. Cho nên trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, Xá-lợi-tử hỏi Phật: Nói Tam-muội này có bị các ma phá rối chăng? Phật nói: Có muốn thấy việc suy não của các ma chăng? Vâng! chúng con muốn thấy, Phật phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày thì thấy các ma đều bị năm trói buộc. Xá-lợi-phất nói: do ai làm như thế? Phật nói: Là nhờ năng lực của

Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm. Chỉ có cái gọi là Tam-muội ấy, ma muốn làm chướng ngại thì tự thấy năm ràng buộc. Phật diệt độ rồi cái gọi là Tam-muội ấy cũng giống như thế. Sáu Diệu môn thiền riêng, số sáu môn trước sau khác nhau đâu đồng tâm sở và thượng định v.v... Đạo phẩm kiến biệt, Đại Phẩm chỗ tự tức giới nội, kiến tức giới thủ, với mười sáu tri kiến và biệt kiến v.v... Vô thường khổ không mạn biệt, hai thừa Đại Tiểu đều có thượng mạn, nếu trong Đại thừa chưa được quả Phật, tự bảo đã rốt ráo thì gọi là tăng thượng mạn. Nếu trong Tiểu thừa chưa được bốn quả mà bảo đã được bốn quả thì gọi là Tăng thượng mạn. Nay trong Tiểu thừa do quán vô thường mà gọi là cực lý đâu đồng Thế Thiền gọi là bốn quả ư? Lại khác nhau tám mạn và tám cảnh ở dưới. Bốn đế nhân duyên Nhị thừa riêng, tự là Tam Tạng Nhị thừa đâu đồng Nhị thừa trong thông, cho đến thượng mạn, Phật đạo v.v... ư? Bồ-tát sáu Độ riêng, là ba kỳ hoặc đâu lại đồng với người chưa phát tâm v.v... Đây thì điều nhiên hai nghĩa nên biệt một là y theo năng trị mà lập riêng mười thứ này, như ấm giống đồng mà chia ba khoa khác. Chín năng tự kia y theo đây mà biết. Hai là mười thứ nay biệt biệt chẳng đồng, nên còn gọi là Biệt.

Hỏi năm uẩn trở xuống là sáu phen hỏi đáp là thành ý Không thể nghĩ bàn như trước đã nói. Trước phải quán ấm, ấm có sắc tâm, tức là bốn ấm xem là năng quán, hay ngoài bốn ấm mà có năng quán riêng. Nếu ngoài sắc tâm có năng quán riêng, thì cảnh sở quán nhiếp pháp chẳng hết, nếu chỉ bốn ấm xem là năng quán thì vì sao lấy ấm mà quán ấm? Trong đáp có hai y: Một là y cứ tướng Không thể nghĩ bàn mà đáp, hai là y cứ nghĩ bàn nêu so sánh mà đáp. Ý một không thể nghĩ bàn, sắc tâm từ vô thỉ vốn là lý tánh cảnh mầu diệu trí, mà tùy vọng chuyển nên chẳng hay chẳng biết nay đã nghe tên biết ấm tức là đó, tức là bốn ấm tâm mà năng quán. Cũng có thể trở xuống là nêu lên so sánh đáp, dẫn trong Tiểu thừa có thiện, ác, vô ký cho đến pháp tánh vô đẳng đẳng ấm. Sơ tâm tuy lấy ác và vô ký xem là sở quán, biệt lập thiện ấm xem là năng quán, quán mãi không thôi, thì ác vô ký ấm chuyển thành thiện ấm, tức thành hướng lai năng quán thiện ấm. Phải biết khi mới quán tuy hai mà một, khi ấm chuyển tuy một mà hai, cho đến chuyển thành vô đẳng đẳng ấm cũng giống như thế. Vì sao? Vì sở quán tuy chuyển mà lại lập năng quán, cho nên tuy một mà hai. Tuy lập riêng năng quán mà sở chuyển làm năng, cho nên tùy hai mà một. Tuy xoay vần chuyển nhau trọn thành ngoài ấm, lập riêng năng quán. Thiện ác ấm v.v... vị ở ngoại phàm, phương tiện ấm, vị ở nội phàm, vô lậu âm tột ở La-hán,

pháp tánh ấm ở cõi Phương Tiện được pháp tánh ấm, trong ấm không gì bằng, cho nên dùng vô đẳng mà giải thích pháp tánh, đâu không phải trở xuống là kết. Tiểu thừa trở xuống là so sánh Tiểu thừa, bèn trong một mà nói hai. Huống không thể nghĩ bàn cảnh giới tức nhau, cho nên không thể nghĩ bàn tức ấm là quán mà cảnh trí rõ ràng.

Kế hỏi: Đã nói ác vô ký ấm chuyển thành thiện ấm, cho đến chuyển thành vô đẳng đẳng ấm, như thế xoay vần chuyển sở thành năng, vì riêng chuyển quán, quả ấm cũng chuyển. Ý đáp: Trong hướng lập hỏi dùng hướng Tiểu thừa so sánh đáp làm hỏi. Nay đáp dùng thẳng tướng không thể nghĩ bàn trước mà đáp ý. Y cứ riêng Tiểu thừa chẳng nói báo chuyển, cho nên y hai văn Đại Phẩm, Pháp Hoa đều là nghĩa viên quán báo ấm chuyển. Nếu Báo chẳng chuyển, thì làm sao lấy cha mẹ sinh ra làm căn, đều thấy nghe Tam thiên đại thiên. Đại Phẩm sắc tịnh, ý ấy cũng như thế, cho đến khi vị sáu căn thanh tịnh cũng được gọi là Báo ấm chuyển.

Kế hỏi: Mười cảnh và năm phần. Ở đây hỏi sanh riêng không liên quán đến hướng đáp. Trong đáp trước Biệt kế đồng. Nói năm phần, là tự lấy năm này mà xếp chỗ được thiền có tiến lùi v.v... các tướng khác nhau. Nay nói mười cảnh là nói cảnh sở quán, mười pháp khác nhau, đâu được mười cảnh đồng với năm phần. Nay phải trở xuống là ép hội khiến đồng thì có hai hội chung riêng. Trước dùng năm phân phán hcung mười cảnh. Bốn thứ trước rất dễ hiểu, đạt tức tùy phát, đều dùng tự cảnh mà thể đạt ở cảnh v.v... Nếu ở hạ biệt, ở cảnh thì cảnh tự làm năm phần. Như xếp trong thiền cũng có y cứ thiền y cứ phẩm chung riêng hai phán. Cho nên nay cũng như thế. Nếu y cứ quán làm năm phần, thì Tạng Thông Biệt Viên bốn giải khi khởi, từ trước đến sau là tiến, trước ba tùy một là trụ, được một phải từ là hộ, được rồi lại mất là thối, được rồi tự biết là đạt. Nếu y cứ phẩm, thì ba giáo đều có nghĩa y cứ phẩm, nay lại từ viên, như viên giải phát thì trước từ Sơ phẩm, cuối đến Vô sanh là Tấn phần. Ngang đến hai phẩm lại cho đến sáu căn, gọi là Trụ phần. Bản chất từ Sơ phẩm cho đến mười tín tác ý căng trì, gọi là Hộ phần. Vừa được một phẩm liền sẽ thể đạt, chỗ được chưa sâu tức là Đạt phần. Nếu y cứ về cảnh, thì phiền não khi khởi lấy tham nhìn sân gọi là Thông. Y cứ các hoặc, thì trong tham cạn sâu mới gọi là Biệt. Y cứ các phẩm tiến và trụ rất dễ hiểu. Phòng chẳng dục trừ gọi là hộ, khởi rồi tụ mất, gọi là Thối, tự biết lả hoặc gọi là Đạt. Các việc khác đều như trên mà phán, hoành thụ thì ngang là chung, dọc là riêng hai phen đối nghĩa, y cứ trên mà biết, chẳng thể ghi rõ. Nhưng y cứ thiền làm chánh, chín

cảnh bàng thông. Cho nên chẳng thể lệ thiền rõ ràng. Ngang dọc trước ý cũng như thế. Nhưng năm phần trở xuống lại chung câu hỏi, hỏi rằng: Năm phần xếp thiền khác với mười cảnh, đã được gặp nhau cũng có thể gặp được sáu tức mười địa chăng? Cho nên làm chung rằng: Năm phần mười cảnh đều là pháp tướng nghĩa lý tuy khác mà gượng làm hội chung. Sáu tức mười địa cả hai đều là vị, cho nên chẳng thể dùng năm phần mà xếp. Như nói tiến đến Diệu giác, chẳng thể lại khiến lui sụt đến sáu căn. Các hộ trụ khác là nói đây. Năm phẩm có dung không phải chánh ý của văn, lại cũng chẳng thể dùng sáu tức mà xếp địa. Kế hỏi niệm tánh duyên tánh v.v... Ở đây lấy tùy tự ý văn mà hỏi. Hỏi này chánh hiển cảnh không thể nghĩ bàn. Trong đây một câu hỏi gồm có hai ý, trước hỏi duyên niệm tánh lìa, kế y cứ lìa này để hỏi mười giới. Pháp tánh lý năng niệm gọi là niệm tánh lìa. Pháp tánh lìa sở duyên gọi là Duyên tánh lìa. Đã lìa ở năng sở tánh cũng chẳng phải số lượng. Chỉ quán một pháp tánh, tánh tịnh như hư không, vì sao trong tánh không mà đủ mười pháp giới. Nếu đủ mười pháp giới tức là Duyên niệm. Nếu cũng có Duyên niệm thì đâu được gọi là lìa. Trong đáp có hai ý. Trước lược bày ý hỏi, kế giải thích không thể nghĩ bàn. Văn đầu gồm hai, trước nêu chung không thể nghĩ bàn. Vô tướng trở xuống là chánh đáp hai nghĩa. Trước nói vô tướng mà tướng. Trước đáp mười giới vô tướng mà có tướng mười giới. Quán trí rõ ràng. Kế đáp duyên niệm, tuy không năng sở mà quán trí rõ ràng. Quán là năng quán mười giới làm sở. Điểm không luận giới, giới không có giới tướng. Tuy nói năng sở nhưng duyên niệm vốn không. Nó giải trở xuống là kế giải thích nghĩa không thể nghĩ bàn. Nó giải chỉ rằng núi Tu-di và hạt cải dung nhập vào nhau. Việc này rất hiếm lạ, thế gian ít có nên gọi là không thể nghĩ bàn. Nói Tu-di dung chứa hạt cải, tức là chui vào hạt cải. Hạt cải dung chứa Tu-di, nghĩa là hạt cái chứa đựng núi Tu-di, lửa mọc hoa sen, Đại Kinh chép: Trong lửa mọc hoa sen, ấy có thể gọi là ít có. Người có khả năng vượt biển, Đại Kinh quyển mười sáu nói: Nếu có người nói: Ta vượt được biển, có thể nghĩ bàn chăng? Phật nói cũng có thể nghĩ bàn, cũng chẳng thể nghĩ bàn. Nếu người vượt được thì chẳng thể nghĩ bàn, nếu Tu-la vượt thì có thể nghĩ bàn. Như giải thích này thì chỉ là theo sự. Nếu chỉ theo sự thì làm sao hiển được lý không thể nghĩ bàn. Như Tăng Nhất A-hàm nói: Có bốn thứ sự không thể nghĩ bàn, tức là thế giới, chúng sanh, rồng, cõi Phật. kinh Hoa Nghiêm cũng nói Tự Tại Thiên Vương có cô con gái quí tên là Thiện Âm, ở trong một tiếng nói phát ra trăm ngàn âm nhạc, mỗi tiếng nhạc lại phát ra trăm ngàn âm thanh. Đây chỉ là

người chẳng thể lường biết gọi là không thể nghĩ bàn. Lại có chỗ giải thích núi Tu-di chui vào hạt cải v.v... ấy là thần lực cho nên như thế. Thần lực chính là xưa không nay có, chẳng phải pháp thường trụ. Có người nói: Lớn nhỏ không tướng nên có thể chui vào nhau. Có người phá rằng: Nếu nhỏ tự là nhỏ, lớn tự là lớn thì tự tánh lớn nhỏ chẳng được chui vào nhau. Nếu nhỏ là lớn nhỏ, lớn là nhỏ lớn. Đây là tánh nó lớn nhỏ, đâu thể chui vào nhau. Chỗ ông lập nhỏ không có tướng nhỏ, lớn không có tướng lớn, đây là tánh khác lớn nhỏ cũng chẳng chui vào nhau. Nếu nói nhỏ là nhỏ của lớn nhỏ, lớn là lớn của lớn nhỏ, gọi là cộng tánh lớn nhỏ cũng không thể chui vào nhau. Nếu nói nhỏ là không phải nhỏ của lớn nhỏ, lớn là không phải lớn của lớn nhỏ, đây là không có nhân lớn nhỏ, nên cũng không chui vào nhau. Nếu đem lý gởi sự như kinh Hoa Nghiêm thí dụ trong một hạt bụi có quyển kinh lớn bằng cõi đại thiên. Một niệm như hạt bụi, các pháp như quyển kinh. Hạt cải và Tu-di lấy thí dụ cũng như thế. Nếu mất ý nay, lý thật khó chung. Từ giải nay trở xuống tức nhà nay của chánh giải. Chỉ y cứ một niệm tâm tánh chân như khế với lý này cho nên có dụng khó nghĩ bàn. Lý tánh tuy không năng duyên sở duyên mà năng sở rõ ràng. Tu lý này nên gọi là năng hành, khế lý này gọi là năng đáo. Đáo nên có dụng y cứ chứng lý mà giải thích. Cho nên nói lý thì hơn sự. Văn nay nói lược. Phải y Tịnh Danh Sớ Giải thích Phẩm Bất Tư Nghì. Kinh nói: Bồ-tát có giải thoát gọi là không thể nghĩ bàn. Nếu Bồ-tát trụ vào giải thoát ấy, đem núi Tu-di cao rộng mà nhét vào hạt cải cho đến một phẩm đều nói như thế, vì chứng giải thoát nên sự dụng vô cùng. Nên nói cho đến cùng kiếp chẳng thể nói hết. Trong sớ chỉ dùng ba quỉ mà nêu văn kinh này, lý không gì chẳng hết. Các Phật, Bồ-tát cũng giải thoát, tức chân tánh quỉ cũng gọi là chân tánh giải thoát. Nếu Bồ-tát trụ vào giải thoát ấy tức quán chiếu quỉ, cũng gọi là thật tuệ giải thoát. Hay dùng núi Tu-di cao rộng v.v... tức là tư thành quỉ, cũng gọi là phương tiện tịnh giải thoát. Văn ấy đủ lấy ba giáo ba quỉ mà so sánh giải quyết, mới hiển bày tâm tánh viên cực ba quỉ. Nay bỏ ba giáo sáng thẳng tâm tánh đem chân tánh quỉ hợp cũng thật tuệ gọi là năng đáo. Hay theo lý khởi dụng, nên nói lý thì hơn sự. Hỏi: Chân tánh tự hòa hợp với thật tuệ, có quan hệ gì đến ngoại cảnh mà nói lớn nhỏ chui vào nhau là do khế lý? Đáp: Song tục tánh này ở khắp pháp giới. Mê nói trong ngoài, ngộ chỉ một tâm. Cho nên bốn nhãn hai trí muôn tượng sum nhiên. Phật nhãn chủng trí chân không sáng suốt vắng lặng. Nay tuy mới quán đâu khiến thuận mê. Chế tâm từ lý đều là tâm tánh. Kế hỏi: Là mỗi nhân tâm đủ nhân

mười giới hay mỗi giới quả đủ quả mười giới. Đáp: Trong đáp chung ở trước có nói đủ tướng có. Pháp nhĩ (như thế). Một niệm nhân tâm đạo lý đủ mười, một quả giới đâu phải một giới, nhưng nói một quả đủ ở mười quả, quả đã cách vượt khắp hiển giống kho, nếu biết tùy khởi một tâm trong mười, một thông cả mười, cho nên một quả đủ mười nhân, một nhân đủ mười nhân, nên nói nhân chung lý thì dễ biết. Trong văn trước nói nhân chung. Kế nói quả cách. Trở về nhân chung, chỉ nêu trước sau, khoảng giữa so sánh mà biết. Trước Từ Đồng Nữ, như Tâm Luận chép: Từ đồng nữ Trưởng giả muốn theo bạn vào biển lấy ngục. Xin pháp mẹ ra đi. Mẹ bảo ta chỉ có mình con, sao bỏ mẹ mà đi. Mẹ sợ con đi bèn ôm lấy chân con. Đồng nữ nắm tóc mẹ kéo dứt mẹ liền buông ra. Đến biển trên đảo thấy vành sắt nóng từ trên hư không rơi xuống đỉnh đầu, bèn phát thệ rằng: Nguyện tất cả khổ của pháp giới đều nhóm họp về thân con. Nhờ sức nguyện mà vành lửa liền rơi. Từ đó chết rồi sanh lên cõi trời thứ sáu, trái ý mẹ làm đứt tóc thành tâm địa ngục phát thệ nguyện lớn liền thuộc cõi Phật. Dẫn chưa được ký khinh được ký. Tuy chưa được ký đã thuộc tâm Phật. Khinh được ký mà thành cõi địa ngục. Cho nên Đại Phẩm quán không chẳng chứng phẩm nói rằng: Ta chứng bạt trí (không lui sụt), còn người khác không được, bèn khinh bác bỏ người khác. Vì việc ấy nên xa lìa Bồ-đề, xa lìa thiện tri thức. Nếu tức thân mà sám hối lâu dần lại nương Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu chẳng tức hối thì phải biết là tội nặng ở bốn cấm hơn năm tội nghịch. Phải biết là Bồ-tát Chiên-đà-la. Lại dẫn trở xuống là nói lược quả cách bày hỏi hiển tướng. Từ sự lý mà nói tức mười giới quả đều đủ mười quả. Nên nói phàm thánh đều đủ năm ấm, ấm tức là quả. Phàm tức sáu phàm, Thánh là bốn thánh. Tuy lại đều đủ, chẳng thể Thánh ấm như phàm ấm. Nói chẳng thể là ý nói phàm ấm khác nhau thánh ấm. Lại Phật đủ trở xuống lần nêu một quả Phật đủ cả mười giới. Nhưng chẳng thể vì Thánh ấm đồng phàm, tự là quả Phật hay đủ mười giới, trọn chẳng phải Phật địa ngục giới xem là phàm phu địa ngục giới. quả Phật đã mãn nói theo sự. Đã đủ mười giới. Sơ địa Sơ trụ phân đủ mười giới. Cho đến phàm phu chỉ là lý cụ. Ấy thì mỗi giới quả đều đủ mười chẳng lộn lạo nhau. Một lần từ dễ lại nói nhân chung cho đến giới cách. Lý mà nói đó, một niệm nhân tâm thật đủ mười giới trăm giới nhân quả. Vì sao? Vì như nói khởi một giới tâm đủ cả mười giới mười như mười như chỉ là pháp nhân quả mà thôi. Tướng đến nhân duyên vì thuộc về nhân, quả báo thuộc quả. Phải biết một niệm thường đủ trăm giới y chánh nhân quả. Cho nên không Phật Tạng nói: Phật thấy trong tâm tất cả chúng sanh đều có Như lai

ngồi kiết già, có đủ quả Phật, quả kia cũng như thế. Cho nên địa dưới tuy đủ nhân quả, mà chỉ là lý tánh. Do đó có quả cách mà nói. Kế hỏi: Một niệm đủ mười là nhậm vận đủ mười giới, vì đãi ngộ duyên tác ý hiện khởi tên đủ mười ư? Nếu y theo đáp trước nhân chung dễ biết. Đã nói một tâm đủ một giới xong. Nhưng quán đáp trước hình trạng giống như tác niệm, cho nên lại đặt câu hỏi này mà giải thích nghi. Trong đáp nói pháp tánh tự nhĩ, là pháp phàm thánh thảy đều tự nhĩ. Tự nhĩ chỉ là tên khác của tự nhiên. Hỏi: Đã nói tự nhĩ đâu khác ngoại chấp. Đáp: Quyển ba ở trước đã lược phân biệt. Như Pháp Hoa Huyền chép: Ngoại đạo đã bị sơ giáo phá còn khác nhau với hai giáo thông biệt huống chi so viên cực với ngoại đạo tự nhiên. Nếu trong phá tánh mà nói không phải tự nhiên, là vì phá chấp nên lý sẽ tự nhiên. Như trong quyển một giải thích một hoằng, pháp tánh tự nhiên như thế, v.v..., Tiểu thừa còn thế huống chi là thật lý. Hỏi: Một tâm đã cụ, chỉ quán ở tâm đâu cần quán cũ. Đáp: Nhà quán môn rất khác các thuyết, gồm nhiếp tất cả mười phương ba đời hoặc phàm hoặc Thánh tất cả nhân quả, bởi do quán cụ, cụ tức là giả, giả tức hư không. Lý tánh tuy cụ nhưng nếu chẳng quán và chỉ nói quán tâm thì chẳng xứng lý, Tiểu thừa cũng có quán tâm, chỉ mê một tâm thì đủ các pháp mà thôi. Hỏi: Nếu chẳng quán cụ là thuộc giáo nào? Đáp: Biệt giáo giáo đạo từ sơ tâm đến chỉ nói thứ lớp sanh mười giới. Đoạn cũng thứ lớp, cho nên chẳng quán cụ. Hoặc bẩm Thông giáo tức lý không ngơ, hoặc bẩm ba Tạng vắng lặng chân không, như thế v.v... sao người phải quán cụ. Vì sao? Tạng Thông chỉ nói tâm sanh sáu giới, quán có khéo việcng, tức lìa chẳng đồng. Cho nên hai thứ này cụ chẳng cần quán, còn chẳng biết cụ huống chi là biết hư không. Nếu chẳng như thế, sao gọi là phát tâm rốt ráo chẳng khác. Thành Chánh giác rồi làm sao hiện thân cõi ở mười giới. Lại người học dẫu biết trong tâm đủ ba ngàn pháp, mà chẳng biết tâm ta khắp ba ngàn ấy, kia đây ba ngàn cùng khắp cũng như thế. Nếu thuận phàm tình sanh nội ngoại kiến hải chiếu lý, thể vốn không có bốn tánh, ba pháp tâm, Phật, chúng sanh không khác nhau. Hay biết đây mà y theo tâm mong biết, lại mười thừa này được tên đều đồng, cùng có năng sở đối nhau.

Thứ nhất là quán ấm nhập y chương giải thích riêng. Trước trong giải thích ấm nhập, trước lại nói cảnh, kế nói tu quán. Văn đầu trước phụ tiểu tông lược giải thích ba khoa, nói cảnh ly hợp. Tức năm ấm trở xuống là nêu tên. Ấm trở xuống là giải thích tên. Văn nay chỉ dùng hai nghĩa nhân quả mà giải thích tên, tức dùng nhân quả nhiếp hết các thứ. Trong Bà-sa nói ấm nghĩa là gì? Đáp: Là các nghĩa tụ, lược tích, tổng.

Như các thứ tạp vật xem là một nhóm, sắc cho đến thức nhóm ở một chỗ, nên gọi là nhóm. Cho đến (gồm) ở ba đời nội ngoại nên gọi là Tổng. Khoảng giữa các tên y cứ nói mà biết. Hỏi: Năm thủ uẩn có gì khác với uẩn. Đáp: Uẩn chung lậu và vô lậu, thủ uẩn chỉ hữu lậu. Uẩn và ấm do mới và cũ dịch ra khác nhau. Uẩn là chứa nhóm nghĩa đồng với ấm. Y theo Câu-xá sắc nhiếp năm căn, cho đến hai vô tác. Hành nhiếp các tâm sở chỉ trừ hai thứ thọ, tưởng, thức tức là tâm vương nay là cảnh quán đầu. Nhập mới gọi là xứ. Bà-sa chép: Nhập nghĩa là gì? Đáp: Là các nghĩa thâu môn, thâu đạo, (kho), (lẫm), (ruộng), (sông), (biển). Ấy là nghĩa nhập, tùy tên mà giải thích cũng rất dễ thấy. Văn nay thiện nhập cho đến thâu môn đều là nghĩa (đường) nhưng giải thích trên nghĩa đầu nói căn trần gặp nhau. Nghĩa kế nói căn là chỗ được ngoại trần liền do tâm, tâm sở đi vào căn cảnh, khiến trần được vào gọi là thâu đạo. Nên luận ấy nói môn và đạo đều là năng chung, khiến tâm, tâm sở được đi vào. Y theo Câu-xá, pháp thân rất rộng. Giới Bà-sa nói: Giới nghĩa là gì? Nghĩa giới là phân biệt. Như trong núi có ngọc báu chủng loại khác nhau. Câu-xá loại rằng: Tụ sanh môn chủng tộc là nghĩa uẩn, xứ, giới. Lệ với văn Bồ-đề rất dễ hiểu ý. Trong Câu-xá rộng dùng ba nghĩa tộc, trì, tánh mà giải thích giới, căn, trần, thức kia như thường rất dễ hiểu. Pháp giới nhiếp bốn cũng đồng pháp nhập, cho đến rộng dùng hai mươi hai môn phân biệt nghĩa giới. Nêu tên đầy đủ nói tướng ra thể không phải ý văn nay. Chỉ nương các luận để nói khai hợp mà làm cảnh quán. Cho nên kế nói. Bà-sa trở xuống là nói cảnh cảnh khai hợp đồng với Câu-xá. Tụng rằng: ba thứ Ngu, căn, lạc, nói ba thứ uẩn, xứ, giới. Ngu tức là mê, căn là ba phẩm, lạc là ưa thích. Nay nói cảnh quán chẳng cần hai nghĩa, cho nên chỉ từ mê. Nói phần ít là đem pháp vào pháp giới gồm đủ tâm sắc. Nay văn lược giới, lại từ nhập mà nói, nên nói pháp nhập gồm sắc tâm thành hai phần ít. Ý chỉ là tâm, mười thứ khác chỉ là sắc. Nếu y cứ giới, pháp giới cũng có hai, mười giới là sắc, bảy giới là tâm, bốn ấm trong ấm đã thuần là tâm, nên không cần phân biệt. Ở pháp nhập trong pháp giới nói hai phần ít vì trong pháp nhập có bốn thứ pháp, tức là sắc vô biểu, pháp tâm sở, bất tương ưng hành, ba pháp vô vi. Cho nên vô biểu là sắc, tâm sở là tâm, bất tương ưng hành là phi sắc phi tâm, pháp vô vi là không thuộc ba nhóm. Vô vi ở dưới thuộc cảnh Nhị thừa. Đắc chẳng phải đắc, là ở dưới giúp đạo quán trung. Hai định Vô tưởng lại ở cảnh thiền, các thứ khác đều ở đây. Nếu y kinh bộ Đại thừa pháp tướng, đồng thời ý thức duyên hiện năm trần và trần pháp lạc tạ thuộc về chỗ thâu, phần nhỏ thuộc sắc, phần nhỏ thuộc tâm. Nay lại

quán tâm, tâm tức là thức. Lại y cứ năm thức và năm ý thức đều là thức thứ sáu, đều dẫn khởi ba tâm thọ v.v.... Nếu theo Thành luận thì năm thức định nghĩa không khởi ba tâm. Tuy đồng khác này nay lại trước quán các thức làm cảnh. Hỏi: Thức ấm là Vương hữu tông tâm vương cùng số đồng khởi, vì sao riêng ở tâm vương tu quán? Đáp: đây chỉ là tông chấp, ý thì chẳng thế, ngay đó nghĩa quán tâm phải quán vương. Số người trở xuống là gồm bày hai luận tướng khác nhau. Số người tức là sư Tát-bà-đa phá Thành Luận Sư nói: Tâm tụ là một sao dung trước sau. Luận sư lại phá sư Tát-bà-đa rằng: Tuy đồng tâm tụ, bốn tâm đều khác, tự có thể ấy mà cùng tương ưng. Nay, đều chẳng theo hai luận đồng khác, chỉ lại dùng tâm làm cảnh sở quán. Nói tựu hạ lại nương không môn đế xếp trước sau, hoặc trước hoặc sau đều chẳng được số thiệp ở vương. Cho nên nói chẳng được dùng số cách vương. Số ở trước sau, vương ở trung ương gọi là số cách. Cho nên tâm vương không phải trước thì sau. Bốn niệm trở xuống là giải thích nghi. Nghi rằng: Vì sao niệm xứ vương ở trung ương? Giải thích rằng: Ở lời nói chẳng phải khởi thứ lớp, cũng chẳng phải y cứ hạnh. Lại phân biệt trở xuống là chính bày cảnh tướng. Ba khoa khác nhau. Chỉ luận ấm. Vì trong giới nhập, tâm giới tâm nhập thì có phần ít và toàn phần khác nhau. Năm ấm tuy khai không có phần ít, chứng minh trước y cứ ấm, sau nêu giới nhập. Lại ba khoa này đã khai hợp khác nhau. Muốn đem thức giới mà làm cảnh đầu đâu lại chẳng được, chỉ vì thức có nhiều tên, vì ấm ở đầu, lại vì tên lược cho nên dùng trước. Cho nên y theo kinh luận nói ấm chẳng đồng, đều từ tâm tạo, kiến ái là uế, cho nên hai chỗ khởi gọi ô uế ấm, cùng khởi thiện ác đều gọi là ấm. Hai thứ trước chỉ là quả báo ấm mà thôi. Biến hóa tức là thợ khéo. Năm gốc lành, chung riêng niệm xứ chỉ hợp làm một. Và nhuyến v.v... bốn thứ gọi là năm phương tiện, cũng gọi là năm gốc lành. Năm pháp quán dưỡng tâm chỉ là đối trị năm chướng, cho nên chẳng nói. Năm thứ Niệm xứ v.v... có khả năng làm vô lậu, làm phương tiện gần. Kế dẫn Đại Tiểu giáo làm chứng, lại trong chánh pháp niệm tuy chỉ nêu sáu. Hoa Nghiêm đã nói các thứ năm ấm, tức chung mười giới. Thế gian trở xuống là kế lược bày cảnh tướng khó nghĩ lường, cho nên nêu so sánh để phân tâm rất dễ hiểu. Như loại ấm của người trong thế gian còn chẳng thể cùng tận, huống chi là ấm của sáu đường. Ấm sáu đường còn thế, huống chi là bốn thánh xuất thế. Trong đây dự lấy báo ấm để so quyết. Khiến biết văn sau nói ấm không thể nghĩ bàn. Phàm nhãn trở xuống là nêu thí dụ. Nội nhãn thế trí cũng như phàm nhãn, bị ba hoặc che chướng gọi là É, còn chẳng thấy ở chân đế gần

huống thấy được Trung đạo xa. Di sanh trở xuống là hợp dụ. Giới nội thiên chân gọi là một góc. Giới ngoại viên trung gọi là biên biểu. Bốn góc gọi là ngung, như nai khát trở xuống là dụ cho người chẳng biết tùy theo sắc thinh ở đời. Nếu thiên tiểu thì chẳng hề nghe thấy lý chân diệu. Dẫu khiến trở xuống là cùng nói ra. Chỉ thấy tiểu pháp. Đại tập trở xuống là dẫn chứng. Phật ra đời gặp Thánh cũng còn trụ tiểu, đều chấp một môn chấp khác chẳng đồng theo môn Tỳ-đàm dùng bảy phương tiện đều là thương kiến, nói khác là năng đoạn. Theo môn Thành thật chỉ quán không tâm gọi là kiến, nói một năng đoạn. Phải biết diệt rồi viên môn chẳng đổi huống chi là Phật mất rồi. Nêu Phật mất rồi chẳng biết làm so sánh. Cho nên Long Thọ sau Phật diệt độ mà soạn luận phá chấp. Một là Tỳ-đàm Vương Số đồng thời khác là Thành Luận Vương Sở trước sau. Bốn câu ba giả đều như huyễn hóa. Nhưng giới nội trở xuống là muốn bày thức tâm mà làm cảnh quán. Trước lại chung nắm tâm làm lý do sanh khởi, tức trước chỗ dẫn kinh luận. Phật bảo thọ dụng là dẫn A-hàm Đại luận để chứng tâm tạo. Nếu muốn trở xuống là nêu cả hai thí dụ thế và xuất thế ấm như điều như bệnh, một niệm thức tâm như rễ, như hoa, người khác trị bệnh, Thanh bất quá một thứ, hai thứ, đốt chẳng qua một huyệt hai huyệt. Nếu thế, quán tâm thì đủ, vì sao thứ bốn phá khắp văn cuối lại lệ với quán ở ấm giới nhập kia? Đáp: Muốn dung các pháp bày cảnh quán khắp. Cho nên văn dưới lệ với giới nhập khác. Nếu bày cảnh thể quán tâm tức đủ, vì tâm khắp nên nhiếp các pháp khác. Lại không phải chỉ tâm nhiếp tất cả, cũng là tất cả nhiếp tâm. Cho nên Bốn Niệm Xứ nói: Chẳng phải chỉ Duy thức mà cũng dung Thanh duy Hương duy vị v.v... Nay sẽ từ rộng đến hẹp chánh bày cảnh thể. Ba thứ Ấm giới nhập đều có thể làm cảnh. Khinh mạn khó bày, cho nên gấp chỉ. Lược hai ở ấm như bỏ trượng đến thước lược bốn từ thức như bỏ thước theo tấc, vì giới nhập nhiếp rộng nhiều. Ấm chỉ hữu vi, trong hữu vi nghĩa gồm cả sắc tâm. Cho nên bỏ sắc giữ tâm, tên tâm lại gồm tâm và tâm sở. Nay lại quán tâm vương mà bỏ tâm sở. Cho nên trước quán thức. Các thứ kia lệ theo đó.

Hỏi: Năm thức, năm ý thức và thức thứ sáu đều sanh ra ba tâm như thọ v.v..., những gì là thức tâm và chỗ sanh ba tâm là cảnh quán nay? Đáp: Năm thức, năm ý thức chắc chắn là cảnh nay chưa thuộc phiền não mà ở vô ký, ở trong thứ sáu thủ năng vời báo, vẫn phải phát được bèn thuộc cảnh phiền não, các phân biệt khác mới thuộc cảnh nay. Lại năm thức này và năm ý thức tuy ở cảnh nay, vẫn ở văn sau trong trải duyên đối cảnh mà nói. Lại nếu tham lấy ý không thể nghĩ bàn đề đối dụ thì

một tâm niệm mười giới ba khoa, như trượng, một giới năm ấm như thước, chỉ ở thức tâm như tấc. Nếu đạt tâm đủ tất cả pháp rồi mới độ nhập tất cả sắc tâm, như mỗi thước mà đều là tấc. Và mỗi trượng đều là thước, cho nên trượng thước toàn thể là tấc. Quán tâm trở xuống kế nói quán pháp năng quán. Pháp quán không phải mười đối căn có khác. Tuy là căn khác chỉ là không thể nghĩ bàn, quán quán không thể nghĩ bàn cảnh, bèn đến lìa ái chẳng lìa cảnh. Cho nên mười quán này văn mười nghĩa mười. Căn ba ý hai phần xa gần. Gần là hẹn Sơ trụ, xa là ở cực quả. Lại thứ vị ba dưới tuy không phải pháp quán, nhưng đều quán lực theo nhau gọi quán nên gọi là mười quán. Lại đủ mười này khiến quán sẽ thành, nên gọi là thành quán, cũng gọi là thành thừa. Suy nghĩ rất dễ thấy, đã tự đạt dưới sanh (hạ sanh) khởi thứ lớ, nay văn rất dễ thấy. Trong bốn niệm xứ lấy bốn pháp đầu đều cùng thành trên cầu dưới hóa. Cho nên văn ấy nói: Trên cầu cảnh không thể nghĩ bàn quán phiền não tức Bồ-đề. Ở phiền não này trên cầu Bồ-đề chẳng cầu gì khác. Sanh tử Niết-bàn cũng giống như thế. Vì muốn dưới hóa nên phải phát tâm, tức phát hoằng thệ. Ta dùng pháp nào trên cầu dưới hóa. Cần phải an tâm trang nghiêm trên cầu, lấy định tuệ này hóa độ chúng sanh dưới hóa. Nếu không có quả trên thì dưới hóa chẳng thành. Cho nên biết quả thành là phá khắp. Nếu phá chẳng khắp thì phải biết thông bít. Dưới trở xuống là sanh khởi đồng với văn nay. Do đây mà quán bốn pháp trước dùng không trước sau, thông bít v.v... ba thứ thành tựu, bốn thứ trước, thứ vị đều ba để xếp bảy trước. Hay khéo dùng là mười như chỉ tay, thí như trở xuống là nêu thí dụ. Tỳ-thủ v.v... Tỳ-thủ là thợ khéo nhà trời. Trường A-hàm nói Thiên đế đánh thắng Tu-la, lại tạo một nhà gọi là Tối thắng, Đông Tây dài trăm do-tuần, Nam Bắc sáu mươi do-tuần, nhà có trăm gian. Gian có bảy đài Chi lộ, trên mỗi đài có bảy ngọc nữ, mỗi ngọc nữ có bảy sử nhân, đều do Thiên đế cấp dưỡng cơm áo và đồ trang nghiêm. Trong ngàn thế giới nhà này không gì sánh nổi, nên tên là Tối hơn. Nay nói được hơn là do chiến đấu hơn mà xây nhà này. Trước lược nêu thí, văn dưới tự hợp. Chung quanh cách mỗi thước đều chung một đỉnh, mười pháp vô gián như sơ, không quá lộn lạo như chẳng kín, mười pháp khác dung nhau, mười pháp viên thừa xuất xứ từ các quán trên như trỉ Thiên thượng (đứng tưởng trời giữa trời) nghĩa là ở Cực lý nghĩa bậc nhất thiên. Nguy nga vòi voi là lời khen ngợi. Con không phải Biệt giáo giáo đạo biết được huống chi là ám chứng thợ việcng mà làm khuôn phép được. Quỉ là độ, tấc là chuẩn, là không phải ám chứng mà lường biết được. Nói khéo hoạch, là như bọn Trương Cố

được bút mực diệu. Pháp quán của nhà nay cũng giống như thế. Đồ là viết vẽ chỗ sanh, y giáo tu tập được Đại cương Phật giáo cũng như khuông quách. Khuông quách là vật bao quanh ngoài vật. Được ý Phật pháp cũng như bước chân y giáo tìm chân cũng như tả tượng. Cùng thật thể quả giáo gọi là cột pháp. Y thật sanh giải, nghĩa như tinh linh mười pháp chỗ đến như sanh khí, từ nhân đến quả gọi là phi động, huống chi người đọc văn biết được như chẳng phải ruộng, vườn, v.v... mười quán này trở xuống là hợp dụ, lấy một hợp này mà chung hợp hai dụ. Sau cùng trong kết đồng kết hai người. Song hợp này văn y cứ ý rộng, trước đối hai dụ, kế lại giải thích văn. Trước hợp thắng đường, là ngang dọc các hợp chẳng thưa chẳng kín. Từ đầu trở xuống là hợp cao vòi vọi. Ý viên trở xuống là hợp chẳng phải thợ viẹcng. Nếu hợp dụ sau thì ngang dọc v.v... hợp với khuông quách bức chân, mầu nhiệm, v.v... hợp với đồ tả v.v... Từ trước trở xuống là hợp sanh khí v.v..., không phải đọc văn là hợp người ruộng vườn,. Kế lại giải thích rõ văn hợp này. Nói ngang dọc, là mười pháp này có chung có riêng. Riêng là như cảnh không thể nghĩ bàn, cùng đáy thật tướng gọi là dọc, bao khắp mười giới gọi là ngang. Phát tâm trên cầu gọi là dọc, y cảnh phát thể gọi là ngang. An tâm thấu lý gọi là dọc, sáu mươi bốn phen gọi là ngang. Phá khắp hoặc cũng gọi là dọc. Các môn nhìn nhau gọi là ngang. Chung đến đảo châu báu gọi là dọc. Giảo giảo tắc trước gọi là ngang, Đại Phẩm đến sau gọi là dọc, phẩm phẩm đối nhau gọi là ngang. Chánh trợ đến sau gọi là dọc pháp pháp nhìn nhau gọi là ngang. Thứ vị chí cực gọi là dọc, vị vị nhiếp khắp gọi là ngang, an nhẫn tiến sau gọi là dọc, trái thuận đối nhau gọi là ngang vô trước nhập trụ gọi là dọc, lìa ba pháp tợ gọi là ngang. Đây lại đơn y cứ Viên thừa là giải. Nếu nhìn thiên thừa gọi ngang gọi dọc, cũng như ngang dọc nói lên chẳng ngang dọc. Nếu không thể nghĩ bàn chẳng phải ngang chẳng phải dọc mà hay làm ngang dọc mà nói ngang dọc. Lại luận chung ở mỗi vị mười tự tương đối nhau là ngang mỗi chí cực đương pháp dần sâu là dọc. Lại cũng có thể bảy pháp trước gọi là ngang, biết thứ vị bỏ tên là dọc. Lại huyền văn đối tín lại gọi dọc riêng nhiếp hết các pháp, nên nói thâu thúc. Mười pháp lý kín là vi, khai thô tuyệt đãi là diệu, chẳng lạm thiên tiểu gọi là tinh, an bố thứ tỷ gọi là xảo, sơ thì phân biệt cảnh viên cực là chân, lấy thiên tiểu làm ngụy. Trung thì phát tâm đến, biết thứ vị là chánh. Chỉ có thứ bảy chánh trợ làm trợ, lấy trợ thêm chánh gọi là tướng thêm sau thì thứ chín an nhẫn thứ mười vô trước. Khiến làm chẳng thôi được vào Sơ trụ. Hoặc quán hoặc nói lý ở Nhất thừa gọi là ý viên, pháp được nói chẳng xen lẫn thiên tà gọi là

pháp xảo. Pháp khắp các giáo là cai, gồm thâu nhập mười là quát. Vì cai nên chu, vì quát nên bị, khắp ở bốn giáo mười sáu môn. Cho đến năm thời tám giáo một kỳ thỉ chung, nay đều khai hiển thác nhập Nhất thừa, khắp gồm các giáo bị nhập một thật. Nếu đương phần còn chẳng phải thiên giáo chủ biết được, huống chi là ám chứng thế gian ư? Qui viên cũ phương pháp có khuôn phép, y lý an tâm trước có tắc. Chẳng thứ lớp phá không thông bít mà nói thông bít. Cho đến trong chánh trợ đều có tất. Vô Trước chẳng ở tương tự khởi ái sau có tất. Đến Sơ trụ gọi là Tát-vân. Tát-vân tuy tức vốn ở rốt ráo. Sơ trụ phần được cũng có thể chung dụng. Bởi Như lai trở xuống là khen ngợi. Mười pháp đã là Pháp Hoa sở thừa, cho nên lại nghe Pháp Hoa mà khen. Nếu nói theo tịch, tức chỉ thời của Phật Đại Thông Trí Thắng xem là nhiều kiếp. Đạo tràng Tịch Diệt xem là Diệu Ngộ. Nếu y cứ bản môn chỉ xưa ta làm đạo Bồ-tát xem là nhiều kiếp, vốn khi thành Phật xem là Diệu Ngộ. Hai môn Tích Bản chỉ là cầu ngộ mười pháp này. Thân tử v.v... Tịch Trường muốn nói vật có chưa phải lúa, sợ nó đọa khổ bèn lập phương tiện. Hơn bốn mươi năm các thứ điều nhiệt, đến hội Pháp Hoa mới được khai quyền, động chấp sanh nghi, hết lòng ba lần thỉnh năm ngàn vị đứng dậy đi mới không còn nhánh lá, điểm bày bốn, một diễn năm, Phật chương Bị người gốc lành gọi là nói pháp. Trung căn chưa hiểu cũng bày thí dụ. Hạ căn khí kém còn đợi nhân duyên. Ý Phật liên miên ở đây mười pháp. Cho nên mười pháp văn cuối đều thí dụ xe lớn. Nay văn chỗ bằng là ý ở đây. Người làm chưa thấy còn chỉ Hoa Nghiêm, chỉ biết tên Hoa Nghiêm viên đốn mà không biết bộ ấy nói kiêm đới, toàn mất ý bặt đãi của Pháp Hoa, biếm tỏa diệu giáo có khả năng hiển riêng. Nghiệm hai văn tích bản xét lời nói năm thời. Viên cực chẳng nhầm, đâu còn nghi gì, cho nên kết rằng chánh ở đây.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 5
(PHẦN 3)

Quán tâm trở xuống là chánh giải mười pháp. Trước giải thích cảnh. Hỏi: Trước dẫn các văn nói rộng cảnh rồi. Trong đây chỉ phải nói năng quán mà quán. Vì sao lại nói cảnh không thể nghĩ bàn? Đáp: Trước tuy bày thể mà chỉ thẳng tâm, tâm là văn gốc tất cả pháp, cho nên bày thể là tâm, nhưng chưa bày rõ tướng không thể nghĩ bàn, cũng sợ người mê. Như thợ tạo vật có năng có sở, năng sở giống khác. Cho nên văn nay diệu quán mà quán khiến thành cảnh mầu, thì cảnh mới xứng lý. Lại dùng sở quán mà hiển năng quán. Cảnh diệu nghĩa thành thì diệu quán ở đây lập. Vì nghĩa ấy cho nên lại nói cảnh. Lại vì biết cảnh diệu làm gốc chín thừa, xưng bản tu chín mới kham vào vị. Cho nên làm mười thừa diệu quán, ở trong đó trước nói nghĩ bàn, kế nói không thể nghĩ bàn. Trước trong khả nghĩ bàn thì văn mười nghĩa mười ý chỉ ở hiển không thể nghĩ bàn. Trong đó trước nói ý nghĩ bàn, khiến không thể nghĩ bàn dễ hiểu. Nói dễ hiểu, là đã nghe nghĩ bàn mười giới trải biệt (khác) bày mười giới này đồng ở một tâm, thì trong một tâm mười giới rất dễ hiểu. Cho nên trong khả nghĩ bàn đây là địa ngục cho đến cõi Phật không nói mà thôi. Nói thì có thứ lớp, mười giới rõ ràng thô tế chẳng trái. Người thấy chú nói chẳng phải chỗ dùng ngày nay, lại bỏ nghĩ bàn riêng cầu không thể nghĩ bàn là xa. Như vì thật mà bày quyền, quyền là thật quyền, khai quyền hiển thật, thật là quyền thật. Tương đãi và tuyệt đãi, thứ và bất thứ đều như thế. Cho nên văn dưới giải thích cảnh nghĩ bàn, hoặc đến chín giới mà ngưng. Hoặc khi đến Phật pháp giới thì cõi Phật thật là không thể nghĩ bàn, chín giới sau cũng nói là nghĩ bàn. Như cảnh nghĩ bàn sau trong văn này nói cõi Phật rằng: Quán này năng độ, sở độ v.v... rốt ráo viên cực đâu gì hơn đây. Nói nghĩ bàn là ý như vừa nói. Pháp nghĩ bàn trở xuống là nói lý do nghĩ bàn. Do Đại Tiểu thừa đều nói tâm sanh. Vì giáo quyền nên chẳng nói tâm cụ. Tuy

hoặc sáu hoặc mười đều thuộc nghĩ bàn. Nếu quán trở xuống là chánh bói tướng nghĩ bàn, trong Phật pháp giới, năng độ sở độ đều là thật tướng, đều là pháp giới mất hẳn, cái gì thiện cái gì ác. Mất hẳn giới nội trước ba thiện ba ác, cái gì có cái gì không, mất hẳn ba hữu trước và Nhị thừa không, thì ai độ ai chẳng độ, mất hẳn ba giáo bốn hoằng năng sở. Tuy mất hẳn các pháp thứ lớp rõ ràng. Nếu bỏ nghĩ bàn phải biết là hai thứ nhân pháp đều mất. Cho nên năm lược đại ý, bốn đoạn Thích Danh, bốn khoa hiển thể, sáu nghĩa nhiếp pháp, năm môn thú Thiên Viên và ý bất thứ cũng như thế. Nắm sanh giải ấy để dắt phương tiện mới thành được mười pháp diệu quán nay, còn chín cảnh dưới lại dời quán này làm các cảnh quán. Thuốc A-già-đà trị khắp các bệnh. Đây là kết xếp, đã chẳng phải một tâm lại xếp tự biệt, nên nói sở nhiếp. Biệt thì thời gian nhiều đi xa. Đây thì mượn pháp hiển viên không thể nghĩ bàn trở xuống là chánh nói cảnh không thể nghĩ bàn, văn khác mà nghĩa một, ý chẳng phải một khác. Vì ba đế pháp tướng chẳng ngoài tu tánh tự tha. Trong đó trước dẫn Hoa Nghiêm. Lại nhắc lại dẫn đầu mà bày văn cảnh tướng. Trước nói tâm tạo tức là tâm cụ, cho nên dẫn văn tạo để chứng tâm cụ. Trong kinh quyển mười tám nói: Bồ-tát Như lai Lâm nói kệ rằng: Tâm như người thợ vẽ tạo các thứ năm ấm, trong tất cả thế giới, không pháp nào chẳng tạo. Như tâm Phật cũng như thế. Như Phật, sanh cũng vậy. Tâm, Phật và chúng sanh, ba pháp không khác nhau. Nếu người muốn cầu biết ba đời tất cả Phật phải biết quán như thế. Tâm tạo các Như lai, chẳng hiểu văn nay làm sao hiểu kệ tâm tạo tất cả, ba pháp không khác nhau. Nói tâm tạo chẳng ngoài hai ý: Một, y cứ lý tạo tức là cụ; hai, y cứ sự tạo thì chẳng ngoài ba đời. Ba đời lại có ba: Một là quá khứ tạo ở hiện tại, quá hiện tạo ở đương lai. Như vô thỉ đến nay cho đến hiện tại. Cho đến tạo ra tất cả nghiệp ở hết đời vị lai chẳng ngoài mười giới trăm giới ngàn như Tam thiên thế gian; Hai là hiện tạo ở hiện, tức là hiện đồng nghiệp chiêu cảm, đuổi theo cảnh tâm khắp đó gọi là Tạo. Vì tâm có nên tất cả đều có, vì tâm không nên tất cả đều không. Như ở đời một quan chỗ thấy khác nhau, là sợ là ái là thân là oan; Ba là các bậc Thánh biến hóa tạo ra, cũng khiến chúng sanh khắp tâm chỗ thấy. Đều do lý cụ mới có sự dụng. Nay muốn tu quán chỉ quán lý cụ, đều phá đều lập đều là pháp giới. Nhậm vận nhiếp được chỗ hiện của quyền thật như vừa dẫn kinh, tuy lại các thứ chẳng ngoài mười giới ba thế gian. Pháp giới trở xuống là giải thích danh từ pháp giới. Hỏi: Pháp giới và pháp tánh danh nghĩa khác nhau thế nào? Đáp: Danh khác nghĩa khác mà thể là một. Nói pháp giới, pháp tức là các pháp, giới là giới phần, vì tường

khác nhau nên tất cả các pháp đều dùng ba đế làm giới phần. Vì nói ba đế nên phải thêm mười để hiển bày tướng trạng. Cho nên giải thích ba chữ ly hợp khác nhau, bị thành ba đế. Nói pháp tánh, cũng là các pháp có ba đế tánh, tánh cũng là tánh phần chẳng thể đổi, cho nên ba đế tánh mịt mờ thì chung không tay đổi cũng có thể giới pháp tánh pháp tức là thật tướng, thể của thật tướng ba đế đầy đủ. Cho nên nay trong văn giải thích ba chữ này. Trước là y cứ chân đế làm sở y mà giải thích. Mười số là giả, sở y là không, hay từ ở sở mà mười pháp đều không, cho nên mười thứ này dùng pháp không làm giới, nên nói mười pháp giới. Đây lại trở xuống là kế y cứ tục đế làm cách dị mà giải thích. Mười pháp khác nhau gọi là giới. Cho nên tên mười pháp có giới phần, gọi là mười pháp giới. Đây lại trở xuống là kế y cứ Trung đạo làm pháp giới mà giải thích. Mười pháp đều là chân như pháp giới, nên gọi mười pháp giới. Nếu đọc ba chữ mười pháp giới trong đây, tùy nghĩa làm câu. Phen đầu mười chữ gọi riêng, chữ pháp giới hợp gọi, phen kế chữ mười pháp hợp gọi, chữ giới gọi riêng, phen sau ba chữ mười pháp giới hợp gọi. Y đây mà đọc, văn tùy lời mà suy nghĩ thì ba đế nghĩa hiển. Ba đế vô hình đều chẳng thể thấy. Song tức giả pháp có thể mượn sự mà nói, tức pháp giả này tức không tức trung. Hai thể không, trung, hai và không hai tâm tánh chẳng động giả đặt tên trung, mất nêu ba ngàn giả đặt tên không mà gọi. Tuy mất mà còn, giả lập giả gọi. Mười pháp giới trở xuống là kế giải thích trong cảnh pháp tướng sở nhiễm. Trước nói ba thứ thế gian, kế nói mỗi thế gian đều đủ mười như. Ba thế gian chỉ là mười giới năm ấm thật pháp, giả gọi chúng sanh và cõi sở y. Trong đó trước giải thích năm ấm thế gian. Trước nêu mười thứ năm ấm. Thích Luận trở xuống là kế dẫn một luận hai kinh. Giải thích pháp giới đủ nghĩa năm ấm. Trước dẫn Đại luận, ý rằng: Niết-bàn là năm ấm vô thượng. Kế dẫn kinh Vô Lượng nghĩa mà giải thích thành Đại luận. Vì sao biết được Niết-bàn cũng gọi là vô thượng năm ấm? Kinh nói không là chẳng thể đều không. Nghiệm biết chỉ không ấm chín giới mà thôi. Kế dẫn Đại Kinh mà giải thích Vô lượng nghĩa. Vì đâu biết được Niết-bàn gọi là ấm? Đại Kinh đã nói sắc thường, thọ tưởng v.v... thường, phải biết Niết-bàn chỉ không có vô thường chín giới ấm mà thôi. Như trong Câu-xá, uẩn và thủ uẩn đều gọi là Uẩn. Nay cũng như thế, thường và vô thường đều gọi là ấm. Năm ấm trở xuống là kế giải thích chúng sanh thế gian. Như năm ngón tay thì giả gọi là nắm tay. Đại luận trở xuống là kế dẫn một luận chứng Thành thật giới cũng gọi là chúng sanh. Đại Kinh trở xuống là chứng thành khác nhau nghĩa thế gian ấy. Quyển ba mươi bốn

chép: Ngoại sắc nội sắc đều mười thời dị. Nội sắc dị, một là Ca-la-la thời dị, hai là A-phù-đà thời dị, ba là Thủ thời dị, bốn là Bào thời dị, năm là Sơ sanh thời dị, sáu là Anh hài thời dị, bảy là Đồng tử thời dị, tám là Niên thiếu thời dị, chín là Thạnh tráng thời dị, mười là Lão tử thời dị. Ngoại sắc cũng như thế. Mầm thân nhánh lá hoa quả thời dị. Cho nên dùng dị này để giải thích thế gian. Mười chỗ ở trở xuống là giải thích cõi nước thế gian. Trước nêu bốn cõi làm chỗ ở cho mười giới ấm chúng sanh. Nhân vương trở xuống là kế dẫn kinh chứng Phật có chỗ ở cũng gọi là độ. Chín giới trước gọi là ấm gọi là sanh, có cõi để ở lý ở chẳng nghi. Sợ chẳng tin Phật gọi là ấm gọi là sanh cũng có độ ở. Cho nên chỉ dẫn chứng cõi Phật ba nghĩa. Ba mươi thứ này trở xuống là tổng kết từ tâm. Hỏi: Ở trong không thể nghĩ bàn chỉ nói bốn Thánh pháp nào chẳng nhiếp, sao lại phải nói sáu đường pháp tà? Đáp: Vì thật bày quyền từ thật khai ra. Nay muốn bày thật đâu được chẳng luận. Chung y cứ một hóa có năm ý nói: Một là chỉ đường cho trời người; hai là vì khiến chán bỏ luân hồi; ba là vì biết cảnh tướng tự thệ của Bồ-tát; bốn là vì biết chỗ nhiếp pháp của cảnh không thể nghĩ bàn; năm là vì muốn cho biết khắp pháp môn tánh ác. Nay văn chánh tại thứ bốn thứ năm gồm dùng thứ hai thứ ba. Hỏi: Y giáo môn nào mà lập ba thế gian? Đáp: Theo Đại luận giải thích một trăm lẻ tám Tam-muội đến giải thích Tam-muội Năng Chiếu Nhất Thiết Thế Gian rằng: Được Tam-muội ấy nên chiếu ba thứ thế gian, tức là chúng sanh thế gian, trụ xứ thế gian và năm ấm thế gian. Đến giải thích Tam-muội Nhất thiết trụ xứ rằng: Người được Tam-muội ấy thì thích ở thế gian chẳng thích ở phi thế gian. Vì thế gian có lỗi vô thường. Thế gian có ba thứ cũng như trước nêu. Phi thế gian là chỗ không có tất cả pháp, chỗ thật là đáng sợ. Lại chỉ hữu lậu mà gọi là thế gian. Chỗ Nhị thừa ở gọi là phi thế gian, nên nói đáng sợ. Đại luận quyển mười sáu trong phẩm Phạm Hạnh giải thích mười hiệu, đến giải thích Thế Gian Giải rằng: Có sáu thứ thế gian: 1/ Thế gian gọi là ấm (năm ấm thế gian); 2/ Thế gian là gọi A-tăng-kỳ thế giới (cõi nước thế gian); 3/ Thế gian là gọi tất cả phàm phu (sáu đường chúng sanh); 4/ Thế gian là gọi Liên Hoa (Nhị thừa); 5/ Thế gian là gọi các Bồ-tát (cũng thuộc Nhị thừa); 6/ Thế gian là gọi năm dục (lại lập nhân pháp thế gian). Cho nên biết sáu thứ này tuy thêm nhân pháp, cũng chẳng ngoài ba. Vì trong mười như trên lại gồm nhân pháp. Nay y nghĩa khai mười giới đều ba. Lại mười thứ trở xuống là kế giải thích mười như. Mười như chỉ là Pháp Hoa thật tướng quyền thật chánh thể. Cũng là thể của xe, cũng là thể của đảo châu báu. Nay cảnh là thể cho

nên phải nói. Kinh nói các pháp thật tướng tức là các pháp tướng như thế. Đã nói các pháp nên thật tướng tức mười. Đã nói thật tướng, nên mười tức thật tướng. Cho nên khiến giải nay chẳng đồng với khác. Ở tâm một niệm chẳng y cứ mười giới thâu sự chẳng khắp. Chẳng y cứ ba đế y cứ lý chẳng trọn, chẳng nói mười như nhân quả chẳng đủ. Không có ba thế gian y chánh bất tận. Nói mười như, là Nam Nhạc đọc văn đều dùng như làm câu cuối. Đại sư Thiên Thai thì y nghĩa đọc văn gồm thực hành ba chuyển: Một là dùng như làm câu, như tức là không; Kế dùng tướng tánh v.v... làm câu. Tướng tánh khác nhau tức là giả; Kế dùng thị làm câu. Như ở Trung đạo thật tướng, thị tức là trung vì mỗi giới đều có ba đế. Nghĩa tuy như thế, thường đọc nhiều y tướng tánh làm câu. Theo kệ văn nói tánh tướng nghĩa v.v... trước giải thích mười giới năm ấm mười như. Trong đó lại giải thích chung, kế giải thích riêng. Trước thiện ý chung để quán ở riêng, thì khiến nghĩa linh nhiên rất dễ thấy. Trước giải thích tướng có pháp thí hợp. Trong dụ lửa nước để dụ khác nhau. Nắm mà riêng khác nên gọi là tướng, như sắc mặt người hiện ra trước nên gọi là Tướng. Nói Hưu Thủ, là Nhĩ Nhã nói: Hưu là mình. Quang Nhã nói là mừng, phủ là ác. Mười giới đối nhau thiện ác rất dễ hiểu. Xưa Tôn Lưu v.v..., dẫn sự để chứng tướng trước hiện. Cuối Thời Hán, ba người cùng đến xem tướng. Thầy tướng thấy Tôn và Lưu có tướng làm vua bèn nói cho biết. Tào Tháo chẳng được thầy tướng nói gì, biết thầy tướng bèn vén áo bày ra, thầy tướng thấy xong thì khóc lớn. Đảnh thiên hạ bốn biển phân ba. Trà khổ thái. Đến cuối đời Hậu Hán thì ba người này quả chiếm cứ ba nơi. Tôn làm vua nước Ngô, Lưu làm vua nước Thục, Tào làm vua nhà Ngụy trước sau hai vua Hán cùng Vương Mãng mười tám năm. Lưu Huyền một năm, hợp bốn trăm hai mươi sáu năm. Cuối đời Hậu Hán thời vua Hiến Đế, Đổng Trác làm loạn, giết Thái Hậu, đốc Lạc dương năm tinh thất độ năm núi lật nhào, Thiên cẩu lưu hành, đất luôn rung chuyển. Cầu vòng trắng xuyên mặt trời, khí đỏ bay vào cung vua, thóc một hộc năm mươi muôn, đậu một hộc hai mươi muôn. Châu huyện đều quyền ủng hộ, các quan chết đói. Đến niên hiệu Kiến An một Tháo làm Tư lệ giảo úy. Tháo vốn người huyện phái họ Tao, tên Mạnh Đức. Hán Tào tham chi hậu ít nhiều cơ cảnh, có quyền số thích loài chim bay chó chạy chơi bời vô độ. Người đời chưa lấy làm lạ. Chỉ có Nam Dương hà ngung đẳng dị chi. Bổn vị phải có riêng, thầy tướng chẳng biết. Ngung gọi bào rằng: Ta thấy học trò trong thiên hạ chưa có ai như ông. Thiên hạ sắp loạn chẳng phải kẻ sĩ gánh vác thế gian thì chẳng cứu được người an được là do ông đó. Khi làm giảo úy

biết Thượng thư lệnh sự, hai năm Viên Thiệu xưng Thiên tử, tám năm Tháo còn làm mục ở Ký châu, mười ba năm Tháo làm Thừa tướng, mười tám năm Tháo tự xưng Ngụy Công (vua Ngụy). Mười chín năm Lưu Bị, Lưu Chương chiếm cứ Ích châu. Bị tự là Huyền Đức, người ở quận Trác, cha của Bị thờ châu quận thuở nhỏ mồ côi, mẹ bán giày và đồ thêu mà sống. Nhà ở bờ rào gốc Đông nam có cây dâu cao hơn năm trượng. Thường thấy trên cây như có cái lộng nhỏ che xe kẻ qua lại lấy làm lạ. Có người cho rằng: Người xuất gia này có lẽ là quí nhân. Thời nhỏ đùa giỡn bảo rằng: Tôi sẽ nương cái lọng này. Con người chú bảo chớ dối nói mất dòng họ ta. Khi lớn lên chẳng thích đọc sách, chỉ thích phóng ngựa chạy chơi, nghe âm nhạc nhà trần và quần áo đẹp, cao bảy thước năm tấc, tay dài quá gối, ít nói, thương người dưới, mừng giận không hiện ra sắc mặt. Đây là danh hiển tướng, đến niên hiệu Kiến An thứ hai mươi, Tháo giết Hoàng hậu và Hoàng Thái tử, năm thứ hai mươi mốt tự xưng vua nước Ngụy. Năm ấy, Lưu Bị tự xưng Hán Trung Vương, Tôn truyện chẳng thể ghi đủ. Tào Tháo tướng ẩn như Bát giới, Tôn Lưu tướng hiển như hai giới. Hoặc đã được Vô sanh tướng bày ra ngoài, tức như Di-lặc xa gần đều ghi. Ký xa như Bồ câu và chim Sẻ thành Phật. Trong phẩm Pháp Sư nói một câu một kệ ta đều đã thọ ký và Thường Bất Khinh v.v... kỳ gần, như Di-lặc và chín trăm chín mươi lăm Phật trong kiếp hiền. Pháp Hoa hai môn Tích Bản. Các kinh hội cuối được Vô sanh ký cho đến Nhất sanh bổ xứ v.v... Cũng như Lăng-nghiêm bốn thú thọ ký. Phật bảo Kiên Chí, ác ma ấy nay trở xuống dần dần sẽ được Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm, cho đến thành Phật. Kiên Chí bảo Ma: Như lai đã thọ ký cho ngươi. Ma nói: Tôi chẳng tịnh tâm, sao Như lai lại thọ ký cho. Phật muốn dứt nghi cho tất cả chúng sanh nên bảo Kiên Chí rằng: Thọ ký có bốn thứ: Một là thọ ký kẻ chưa phát tâm, hoặc có trôi lăn sáu đường sanh chốn nhân gian ưa thích Phật pháp, qua trăm ngàn ức kiếp sẽ phát tâm, qua trăm ngàn ức A-tăng-kỳ kiếp hành đạo Bồ-tát cho đến cúng dường Phật và hóa chúng sanh, đều trải qua ngần ấy kiếp sẽ được đạo Bồ-đề. Ca-diếp bạch Phật rằng: Nay con đối với tất cả chúng sanh đều nghỉ đó là Thế tôn. Phật nói: Lành thay nhân giả. Chẳng nên vọng so lường chúng sanh. Chỉ có Như lai mới có thể lường biết chúng sanh; Hai là thọ ký kẻ vừa phương tiện, người ấy nhiều kiếp sẽ gieo trồng các gốc lành, ưa thích đại pháp, có tâm từ bi, phát tâm liền trụ ở Địa vị Bất thối, cho nên phát tâm mà thọ ký; Ba là mất ký (ngầm thọ ký), có Bồ-tát chưa được nghĩ rằng: Bồ-tát này chừng nào sẽ được Bồ-đề, tên kiếp cõi nước số chúng đệ tử như thế nào. Phật dứt nghi này

bèn thọ ký cho, cả chúng đều biết, riêng Bồ-tát này chẳng biết; Bốn là ký vô sanh nhẫn, ở trong đại chúng hiện rõ thọ ký cho. Bốn ký trong kinh thì thọ ký chưa phát tâm là thọ ký rất xa, ngầm ký là kế xa, ký phát tâm là thọ ký kế gần, thọ ký vô sanh là thọ ký rất gần. Cho nên nay nói xa gần đều thọ ký. Nay người tu quán đều tùy thật quán chẳng theo quyền, nên chiếu mình người mười giới đầy đủ. Tánh như thế, trước trong chánh giải có pháp thí hợp, tánh đã có ba, lấy tướng lệ theo đây tướng cũng phải ba, cho nên đầu cuối văn đều có ba đế. Như trong dụ dưới tu nói Toại nhân v.v... Toại là vật lấy lửa. Cõi này chưa có người chuyên lấy lửa. Sau gọi vật lấy lửa là toại. Tự Thống nói: Đêm có phong hoạch làm toại không phải chánh ý nay Trịnh Huyền nói: Kim toại là gương lấy lửa, cây toại là dùi gỗ lấy lửa. Luận Ngữ nói: Toản toại đổi lửa bốn mùa khác nhau. Đại Kinh nói: Nhân toại, nhân toản, nhờ tay, nhờ cỏ khô, bốn pháp hòa hợp mà có lửa. Văn nay nói lược chỉ nói toại nhân. Chỉ quán như dùi lửa cảnh quán như toại, trợ đạo như cỏ, vận công như tay, dứt hoặc tánh hiển như có lửa, tự mình đã trừ hoặc cũng bị người khác gọi là thiêu đốt tất cả. Thế gian trở xuống là phá khác, trước phá chung, kế phá riêng. Đây là phá chung. Từ xưa nói Niết-bàn là tông thường trụ, vì kinh Pháp Hoa chẳng nói Phật tánh thì chẳng phải Thường tông, nên nay phá đi. Lại có thầy trở xuống là phá nói riêng Pháp Hoa mười như chẳng nên phân đều nói quyền thật. Lại Niết-bàn trở xuống là dẫn văn kinh Tịnh Danh mà so sánh phá. Thể lực v.v... các ý khác nghĩ sẽ thấy. Trong giải thích nói bệnh phiền não nên v.v... là lại y cứ lực dụng bốn Thánh để nói. Nếu chuẩn chung ý, hễ kẻ có tâm đều kham nhậm dụng mười giới. Kế loại giải tức là giải riêng. Phải y cứ mười giới mà nói riêng, tướng nhiều khó thấy cho nên nói tóm tắt. Niết-bàn tức là vô dư. Pháp thô gọi là Tướng. Nói giải thoát tức là pháp lạc. Pháp tế gọi là Tánh. Người được vô dứ có thể biểu thị Nhị thừa, được pháp lạc thì tánh sẽ không đổi. Năm phần làm thể, cũng là sắc tâm dùng giới làm sắc, các thứ khác làm tên. Chia làm chi phần, năm pháp hòa hợp gọi là pháp thân, thân tức là Thể. Nói năm pháp tức là đạo đều giới, sự lý các định, vô lậu chánh tuệ hai thứ Giải thoát và Liễu giải thoát trí, rộng giải như luận. Vô hệ làm năng lực, là trạch diệt lìa ba cõi hệ. Người tu Nhị thừa thì có năng lực này. Sau đã có trong ruộng chẳng sanh. Sanh ấm ở vị lai gọi là hậu hữu. Ấm lại sanh ấm gọi là ruộng hậu hữu. Nếu vào vô dư và chỗ vô sanh thì gọi chẳng sanh. Luận nói: Bổn hữu, trung hữu, đương hữu. Đương hữu tức là hậu hữu. Vì Vô sanh nên nói vô báo. Ruộng nghĩa là sanh. Cõi này người xưa dùng

săn bắn làm ruộng, ruộng là thủ thú, thì bốn mùa khác nhau, Xuân sưu, Hạ miêu, Thu tiễn, Đông thú. Nay vì sanh năm giống lúa nên làm ruộng, xưa gọi là ruộng. Nên Nhĩ Nhã nói ruộng là đất, tức chỗ lấy năm giống lúa, tức là không có chỗ sanh báo. Đại Kinh quyển ba mươi bốn chép: Nghiệp đen thì báo đen, nghiệp trắng thì báo trắng, tạp nghiệp thì tạp báo, nghiệp chẳng phải trắng chẳng phải đen thì báo chẳng phải trắng chẳng phải đen. Chẳng phải trắng chẳng phải đen gọi là vô lậu. Ca-diếp hỏi rằng: Thế tôn trước nói vô lậu không có quả báo, nay sao nói báo chẳng phải trắng, chẳng phải đen? Phật nói nghĩa có hai: Một là vừa là quả vừa là báo, hai là chỉ có quả không có báo, ba nghiệp đen v.v... vừa là quả vừa là báo. Nhân đen v.v... sanh nên được gọi quả, hay làm nhân nên cũng gọi là báo, vì nhân vô lậu sanh nên gọi là quả chẳng làm nhân khác nên gọi là báo. Quả tức là tập quả, báo là báo quả. Từ tập nhân sanh nên gọi là từ nhân đến báo mới làm được nhân khác (vì khác làm nhân). Nay vô lậu này chỉ có quả mà không có báo. Cho nên vô lậu chẳng thọ báo sau tức nghĩa chẳng sanh ở trong loại Phật, Bồ-tát. Hỏi: Trong chung đã lấy sắc tâm làm thể, trong đây chỉ lấy chánh nhân làm thể, vì sao lại thiếu sắc. Đáp: Viên giải thích chánh nhân chỉ là sắc tâm, như khổ đạo làm chánh nhân, chẳng phải toàn tâm, huống chi tu đức tánh đức đều chẳng lìa sắc tâm. Nhân duyên có nghịch thuận, lại y cứ nhân duyên mà làm giải thích nghịch thuận. Vì nghĩa tiện nên lệ với pháp khác, thuận pháp giới nội như bốn thú v.v... nghịch pháp giới nội như Nhị thừa trước thuận pháp giới ngoại cũng như Nhị thừa chỉ vì vô minh làm duyên có khác. Khi đến giới ngoại giới nội hạnh dứt thì phải giới ngoại vô minh nhuận sanh. Nghịch pháp giới ngoại như Bồ-tát, Phật. Lại Bồ-tát nhiều loại khác nhau như ở sau nói. Nghịch pháp giới ngoại đã dùng Trung đạo làm nhân, phải biết đều lấy phá vô minh vị. Nói cách khác đến y theo đây biết là tướng tánh, thể ba thứ chỉ là ý chung nói nhân duyên. Lực chỉ là công năng của nhân duyên. Tác giả là dụ nói vận dụng của nhân duyên quả báo chỉ là tập quả của nhân duyên và quả báo mà thôi. Cho nên biết lược nói tức dùng nhân duyên làm gốc mà nói rộng thỉ chung, nên phải nói mười. Cho nên giới ngoại đều lấy phá vô minh vị. Nếu y Đại thừa ba Phật, vì Phật có Báo thân nên gọi là báo, đủ như huyền văn y cứ sau hiện đời nói chín nói mười, cho đến nghĩa dứt hết các hoặc v.v...

Lại như kinh Đại Anh Lạc quyển tám chép: Bồ-tát Tuệ Nhãn hỏi Văn-thù rằng: Tướng tốt của Như lai là có báo hay không báo? Văn-thù đáp: Sắc thân của Như lai thì có báo, pháp thân thì không báo. Tuệ

nhãn lại hỏi: Bỏ tham dục thì nội tâm tịnh mà được đại quả, pháp sáu độ không phải là báo vô tướng thì vì sao mà được thành pháp thân? Văn-thù nói: Pháp thân của Như lai có hay không? Tuệ Nhãn nói: Sắc thân là có pháp thân là không. Như tôi quán sát thân Như lai chẳng phải báo chẳng phải không báo. Theo đây thì phải dùng bốn câu phân biệt, nghĩa là sắc có báo còn pháp không báo. Sự vừa báo vừa không báo, lý chẳng phải báo chẳng phải không báo, cho nên chẳng đem không báo làm nhất định. Kế nói chúng sanh thế gian chỉ giả thật khác nhau, các thứ kia như trước nói. Kế nói cõi nước, phải dùng bốn cõi ngang dọc nêu lên giải thích, đủ như trong Tịnh Danh Sớ. Đó nói tùy thấy khác nhau, đây nói chỗ y đều khác. Nay luận phải phân ra chỗ ở đều khác. Nếu như Huyền Văn dụng giáo nhiều ít. Nay chỗ chưa luận cho nên Tịnh Danh Sớ bốn cõi đối nhau mười thứ khác nhau để nêu thiên khí mầu cơm khác nhau, chín thứ trước là nghĩa thế gian của văn nay: 1- Đồng cư tự khác; 2- Đồng cư và phương tiện khác nhau; 3- Phương tiện tự khác; 4- Phương tiện và thật báo khác nhau; 5- Thật báo tự khác; 6- Thật báo và Hạ phẩm tịch quang khác nhau; 7- Cùng Trung phẩm tịch quang khác nhau; 8- Cùng Thượng phẩm tịch quang khác nhau; 9- Các cõi chung đối tịch quang khác nhau. 10- các cõi chẳng phải cấu, Tịch quang chẳng phải tịnh. Chín thứ trước chính nói các cõi khác nhau, thứ mười chỉ nói thể các cõi mà thôi. Độ tuy khác chẳng khác tịch quang. Tịch quang tuy vắng lặng chẳng khác các cõi. Văn nay chẳng luận thể các cõi, vì thành nghĩa thế gian khác nhau. Ở trong Đồng cư khai riêng thiện ác. Văn nay nói mười giới sở y đều khác nhau, còn phải nói mười độ khác nhau, lại hợp sáu độ để làm thiện ác. Như giải thích mười như cũng hợp bốn đường và hợp trời người. vô lậu là cõi phương tiện. Cõi Phật, Bồ-tát nghĩa chung ba cõi. Phật thì chỉ ở thượng phẩm tịch quang. Phàm một tâm trở xuống là kết thành lý cảnh. Như chỗ giải thích trước vốn ở một tâm. Viên dung ba đế đã giải thích rồi. E người sanh mê nên lại kết khiến vào một niệm. Phải biết thân cõi một niệm. Phải biết thân cõi một niệm Tam thiên. Cho nên khi thành đạo xứng với bổn lý này mà một thân một cõi ở khắp pháp giới. Nói vô tâm mà thôi là hiển bày tâm chẳng phải không. Nói giới nhĩ, nghĩa tâm sát-na không xen hở, tiếp nối mãi chưa hề dứt mất, vừa một sát-na Tam thiên đầy đủ. Y cứ tám tướng dụ, suy nghĩ sẽ biết. Nếu đủ Tam thiên thì đủ ba đức. Cho nên kinh Kim Quang Minh quyển một nói: Y pháp thân khi mới phát tâm hiển bày tâm bất thối, tâm kim cương, tâm Như lai. Bất thối tức là tâm giải thoát, kim cương tức là tâm Bát-nhã, Như lai tức là tâm pháp thân. Cho

nên biết nhân tâm mà quả thể đầy đủ. Lại giới nhĩ, giới là yếu. Thi nói giới nhĩ cảnh phước, tức là tế niệm, chỉ khác vô tâm Tam thiên đầy đủ. Cho nên Đại sư đối với Tam-muội giác ý pháp quán tâm thực, lại tụng kinh pháp tiểu chỉ quán v.v... các văn, tâm quán chỉ dùng tự tha v.v... mà quán suy ba giả, du chưa nói một niệm Tam thiên đầy đủ. Cho đến trong quán tâm luận chỉ dùng ba mươi sáu câu hỏi mà trách bốn tâm, cũng chẳng thiệp ở một niệm Tam thiên, chỉ đối với bốn niệm xứ lược nói quán tâm mười giới mà thôi. Cho nên đến chỉ quán chính nói quyển pháp, đều dùng Tam thiên làm chỉ nam, chính là nói rốt ráo cùng tột. Cho nên trong lời Tựa nói: Trong tâm tôi thực hành pháp môn có lý do, vậy xin hãy tìm đọc, tâm không duyên khác.

Hỏi: Tam thiên này là sơ tâm quán hay hậu tâm cũng quán? Đáp: Sơ hậu chẳng hai. Hỏi: Trong tâm phàm có đủ các tánh Chư Phật, Bồ-tát, có thể đều quán trung tâm hậu tâm, giới như dần giảm cho đến thành Phật, chỉ một pháp giới, vì sao hậu tâm cũng đủ Tam thiên? Đáp: Một nhà viên thiện. Nói pháp giới, phải nói mười giới tức không, giả, trung. Sơ hậu chẳng hai mới khác các giáo. Nếu thấy ý Quan Âm Huyền Văn thì sự lý phàm thánh tự tha thỉ chung tự tánh v.v... các ý tất cả rất dễ thấy. Văn ấy trong phân biệt Duyên Liễu có chép: Như lai chẳng dứt tánh ác, xiển-đề chẳng dứt tánh thiện, điểm một ý này các dính mắc tự nêu. Vì chẳng dứt tánh thiện cho nên duyên nhân vốn có. Văn ấy nói: Liễu là hiển liễu trí tuệ trang nghiêm, duyên là giúp đỡ phước đức trang nghiêm. Do hai thứ làm nhân, Phật có đủ hai quả. Nguyên nhân quả này vốn là tánh đức. Tánh đức duyên liễu vốn tự có. Nay Tam thiên tức liễu nhân tánh không. Tam thiên tức giả tánh duyên nhân. Tam thiên tức trung tánh chánh nhân. Cho nên nó giải chỉ biết xiển-đề chẳng dứt chánh nhân, chẳng biết, chẳng dứt tánh đức liễu nhân, cho nên biết thiện ác chẳng ngoài Tam thiên. Đó lại hỏi: Đã có tánh đức thiện, lại có tánh đức ác chăng? Đáp: Có đủ. Hỏi: Xiển-đề và Phật dứt những thiện ác nào? Đáp: Xiển-đề dứt tu thiện, chỉ còn tánh thiện. Như lai dứt tu ác chỉ còn tánh ác. Hỏi: Tánh đức thiện ác vì sao chẳng dứt. Đáp: Tánh đức chỉ là pháp môn thiện ác, nên chẳng thể dứt. Tất cả thế gian chẳng thể hủy. Như ma đốt quyển kinh đâu thể khiến cho tánh pháp môn hết. Nếu đốt ác phổ cũng chẳng thể khiến pháp môn ác hết. Hỏi: Xiển-đề chẳng dứt tánh thiện, nên sau lại khởi thiện, Như lai chẳng dứt tánh ác phải nói sau nay lại khởi ác. Đáp: Xiển-đề chẳng đạt tánh ác nên sau này lại khởi tu ác, chẳng rõ tánh thiện nên sau này lại bị tu thiện nhiều. Cho nên tu thiện là khởi được, liền lấy tu thiện mà tự tu ác, thì khiến tu

ác chẳng được khởi. Phật tuy chẳng dứt tánh ác mà liễu đạt được tánh ác, mà đối với pháp ác được tự tại. Chẳng bị tu ác làm nhiễm. Cho nên tu ác chẳng khởi được cho nên Phật mãi không tu ác, tự tại dùng pháp môn ác. Nếu Xiển-đề đạt tu ác thì không khác Như lai. Cho nên biết ở thiện ở ác khéo đạt tu tánh. Ở tu chiếu tánh, dùng tánh liễu tu. Người biết điều nầy mới cùng nói tánh đức ba nhân sanh tử Niết-bàn phiền não Bồ-đề. Mười hai nhân duyên tức là ba đức. Như thế vô lượng lý đều chung. Văn ấy lại hỏi: Xiển-đề dứt thiện hết là Lê gia che chở, tất cả hạt giống là nội ngoại huân tập, lại hay sanh thiện. Thức này đã vô ký nào khác chân như. Lại hạt giống này trụ ở đâu mà chẳng sớm huân, cho nên biết quyền thuyết mà chẳng phải liễu nghĩa. Nếu có thuyết nói Phật khởi thần thông hiện ác hóa vật thì tác ý chung này đồng với chung của ngoại đạo và Nhị thừa kia, khác nhau với gương sáng mặc tình hiện hình ảnh. Như Đại Kinh quyển ba mươi hai chép: Hoặc có Phật tánh người xiển-đề có người nào có gốc lành không? Thầy xưa gọi là ác cảnh giới tánh. Hoặc có Phật tánh người gốc lành có, người xiển-đề không, Sư xưa gọi là tánh nhân duyên. Lại có Phật tánh hai người đều có, Sư xưa gọi là tánh liễu nhân. Như giải thích này cũng là ý bất liễu nghĩa của Biệt giáo nói. Nếu liễu nghĩa thì phải nói Xiển-đề gốc lành nhân đều có tánh đức mà Xiển-đề không tu thiện còn người gốc lành có, Kiến-đề có tu ác còn người gốc lành thì không, hai người đều không, chẳng có tánh bất thối vì chưa vào Sơ vị. Nêu lệ nói như tám tướng thiên vật, tướng là vật năng thiên hay sở thiên Câu-xá tụng chép: Đây gọi sanh sanh v.v... ở tám. Một có năng, tức bốn tướng bản và bốn tướng tùy, gọi là tám. Tướng lớn gọi là bản, tướng nhỏ gọi là Tùy. Vì tám thứ này nên khiến tất cả pháp thành tướng hữu vi. Nói sanh sanh, tức là tiểu sanh sanh đại sanh v.v..., đẳng (v.v v.v...) tức là ba tướng kia. Nói tiểu trụ đại trụ, tiểu dị dị đại dị, tiểu diệt diệt đại diệt. Ở tám - một có năng, là chung vô cùng khó. Cái gọi là tiểu tướng ở một có năng, năng tướng đại tướng, đại tướng ở tám có năng, tức một đại tướng khi khởi sẽ khởi với ba đại tướng và bốn tiểu tướng đều, cùng một bản pháp nên gọi là tám. Ba đại tướng kia cũng đều như thế. Cho nên tám tướng này nhìn ở bàn pháp chẳng trước chẳng sau. Tâm có đủ Tam thiên cũng giống như thế. Tam thiên như tám tướng, một tâm như bản pháp. Nay tâm trở xuống là hợp thí, một niệm còn không, ai nói ngang dọc. Phải biết trong tâm một niệm pháp Tam thiên này thật không phải ngang dọc, không phải thức là (chẳng nghĩ), không phải nói là chẳng nghĩa. Cho nên Đại Kinh quyển ba mươi ba chép: Phật tánh, chẳng gọi là một pháp, chẳng

gọi là mười pháp, chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là ngàn pháp, chẳng gọi là muôn pháp. Khi chưa được Bồ-đề thì tất cả thiện ác vô ký đều gọi là Phật tánh. Văn kinh đã nói không phải một cho đến không phải muôn. Lại nói: Thiện ác vô ký tức là Phật tánh. Thiện, ác, vô ký tức là Tam thiên. Cho nên biết Tam thiên không phải Tam thiên đầy đủ ba Phật tánh. Văn sau kết thành nghĩa ba đề, đều y lý cảnh. Nếu không có lý cảnh thì y cứ gì luận đế. Hỏi: Không thể nghĩ bàn này lại chỉ thứ lớp để giải thích mười giới cùng nghĩ bàn có gì khác. Đáp: Thật ra là không khác. Tư nghì bèn làm từ tâm sanh nói không thể nghĩ bàn làm một tâm cụ mà nói dùng sanh hiển cụ, đu6 cần phải hỏi.

Hỏi: Trở xuống là kế nói tu đức không thể nghĩ bàn cảnh tức là tự tánh phải nói hành tướng, cho nên dùng hỏi đáp suy xét mà làm hành thể. Như lý tánh trước vốn không lỗi tánh. Y cứ tu môn nói phải nói lìa chấp. Cho nên y cứ bốn tánh để làm nêu hỏi. Nhưng trong câu hỏi này lại y cứ sở khởi đối ý tự đủ mà làm nghiên cứu. Thật ra chỉ là suy lý tâm sẵn có, vì sợ sanh chấp nên phại hạch đây. Cho nên trở xuống là đáp văn chỉ lìa bốn câu chấp cảnh như ngang v.v..., lại qui về bản tánh một niệm Tam thiên. Lại hỏi đáp này cũng gọi là phân biệt. Trước nói lý tánh. Lại nói tu cụ tức gọi suy xét mà làm phân biệt chẳng có đường nào khác. Lại lý cụ này biến thành tu cụ, mỗi tu cụ đều là lý cụ. Do đó đem lý đi tu mà phân biệt, khiến biết tu cụ toàn là lý cụ. Bèn đạt lý cụ tức không, tức trung. Cho nên cảnh mầu văn đầu Chương An phân biệt rằng: Pháp tánh tự như thế không phải do làm mà thành, như trong một hạt bụi có quyển kinh lớn, cho nên biết Chương An hiểu sâu huyền chỉ? Đáp: là song phá tánh này khác nhau ba giáo, ba giáo trước hoặc y cứ lý xa hoặc y cứ sự hành, hoặc y cứ Tục đế. Suy pháp nhân duyên, sanh tức Vô sắc. Nay đây chẳng như thế. Y cứ lý vốn không, bốn tánh chấp tướng. Phàm tình dễ chấp, y cứ chấp phá tánh. Nhờ hai luận mà phá, luận tùy giáo đạo thuận vật cơ duyên. Sợ người mê chấp quyền tức thành lỗi tánh. Cho nên nhờ phá khiến thành viên cực. Nói không mất vô minh, tức thức A-lê-da từ vô thỉ thường có, nên nói không mất. Một là mất, hằng là chẳng mất, khác nhau đều sanh và hiện hành v.v... Nếu từ trở xuống là bày các chấp nhân để thành lỗi tướng tâm thành tự tánh duyên tức tha tánh. Nếu pháp tánh trở xuống là dùng tha phá tư. Pháp tánh chẳng phải tâm chẳng phải duyên. Lại nêu chỗ chấp mà y cứ lý phá nó. Lý pháp tánh đã không phải tâm duyên. Địa do sở chấp nghĩa phải ở tâm. Pháp tánh không phải tâm, nếu cho tâm cụ, pháp tánh không phải duyên cũng phải duyên cụ, đâu được chẳng cho nhiếp luận

lê-da. Đây tức phá Địa sư. Nếu nói trở xuống là dùng tự phá tha, lại lấy đạo lý mà phá sở chấp, ngoài pháp tánh không có lê-da riêng. Nếu cho lê-da y trì thì chấp pháp tánh y trì. Nếu chẳng liên quan, thì nghĩa lý đều trái. Cho nên chẳng liên quan nghĩa sẽ chẳng thành. Nếu tức là phải, thì đâu được chẳng cho pháp tánh y trì. Phá này nhiếp sư. Lại trái trở xuống là kế dẫn kinh luận bày chấp có lỗi. Kinh luận đều nói chẳng phải trong chẳng phải ngoại v.v... và chẳng phải tự tha v.v... hai luận sư đâu được đều chấp một bên. Kinh tức là văn Đại Phẩm. Cánh tựu trở xuống là y cứ dụ xét lỗi. Văn đầu trước định. Nếu y trở xuống là trưng trách. Bốn câu trở xuống là kết thành Vô sanh. Tâm dụ dưới họp. Sợ người viết lầm, trong dụ đã dùng miên và tâm đối nhau. Nay hợp phải nói tâm dụ cho pháp tánh, miên dụ cho lê-da. Mộng sự thì dụ cho sanh tất cả pháp. Nếu người ngủ cũng có lúc chẳng ngủ, thì chỉ phải đổi là ngủ dụ cho lê-da. Nếu nói người ngủ cũng có lúc chẳng việc mộng. Nay văn chỉ lấy lúc mộng làm dụ. Bốn câu suy mộng tuy chẳng thật có, mà việc mộng chẳng phải không. Nếu vì nó nói lại y bốn câu chẳng thể thuận chấp nói tự tha v.v... Tam thiên đây cũng giống như thế. Hai sự đâu được đều chấp một bên. Nhưng tuy phá chấp, nói thì thuận cơ. Sao chỉ nói Nhĩ quán cũng tùy nghi. Cho nên quán tâm luận trung quán ở một câu đều sanh ba mươi sáu pháp. Do đây đã nói phá theo chiều ngang xong. Kế y cứ phá dọc. Trước phá ngang chỉ y cứ lê-da pháp tánh xem là nội ngoại đã khác tạng Thông. Tạng Thông chỉ y cứ tâm cảnh v.v... sanh diệt. Cho đến chẳng phải sanh chẳng phải diệt đối nhau gọi là dọc. Trong đây thì dùng Tam thiên bốn chấp làm sanh, dùng bốn câu Tam thiên không thể được làm diệt. Cho nên sanh diệt này còn khác biệt huống chi là tạng chung. Cho nên biết nếu chấp lê-da và pháp tánh v.v... bèn thành nghĩa biệt. Nay muốn nói viên cho nên phải phá. Bốn câu này cũng là phòng bị chuyển chấp cho nên nói, suy vừa sanh vừa diệt đơn sanh đơn diệt bị phá chẳng sanh, cho nên chuyển chấp song cộng sanh các pháp, cho nên phái phá. Đều là chẳng sanh hai, chẳng sanh hợp, vì năng sanh. Cho nên nói tánh nó trái nhau cũng như nước lửa. Nước lửa hòa hợp cả hai đều tổn hoại, làm sao sanh pháp? Phá câu thứ tư diệt là năng sanh, chẳng diệt là sở sanh, đã nói song phi tức không năng sở, vì sao lại sanh pháp Tam thiên, vừa ngang vừa dọc. Hai trước bốn câu đơn y cứ ngang dọc đã bị phá đở, lại sợ song chấp ngang dọc năng sanh, cho nên lại thôi. Nói vừa ngang vừa dọc, là ở dọc bốn câu, mỗi câu chấp ngang. Câu đầu y cứ bốn tức là văn trước. Câu diệt kế là bốn, là nói sanh tự diệt tha diệt sanh, cộng diệt sanh, không nhân diệt sanh thư ba thứ tư y theo đây

sẽ hiểu. Tướng kế đã thế thì phá cũng y theo đó mà biết. Đây là dùng ngang dệt dọc mà làm tướng chấp. Nếu nói chung thì bảo ngang và dọc mới sanh các pháp. Phá cũng y cứ mà biết. Nói chẳng phải ngang chẳng phải dọc, là đơn y cứ song chấp đã đều bị phá, liền bảo đều lìa sanh pháp Tam thiên. Câu-xá còn chẳng thể sanh Tam thiên đều lìa vì sao sanh ra pháp. Hỏi: Song phi tâm tánh tướng ấy thế nào? Đáp: Ngang đã là sanh, dọc là sanh diệt, song là chỉ là sanh là diệt, song phi chỉ là song phi sanh diệt. Tâm thể thật ra chưa kế song phi, chỉ là kế đây, nghĩa là năng sanh, cho nên phải phá. Đã chẳng thể dùng ngang dọc sanh v.v..., sanh tức vô sanh. Nói năng trở xuống là kết thành cảnh không thể nghĩ bàn. Trước tuy kết thành cảnh lý tánh rồi. Nếu chẳng suy xét nào khác chim bay trên hư không, đây tức kết thành cảnh tu đức. Đại Kinh trở xuống là dẫn chứng. Sanh này sanh v.v... bốn bất khả thuyết, ý nghĩa bao gồm. Cho nên chung dẫn chứng hai trước bốn câu đều chẳng sanh, sanh sanh v.v... văn đã thành cảnh dọc xong. Nếu chứng ngang thì sanh sanh chỉ là tự, sanh bất sanh chỉ là tha, bất sanh sanh chỉ là tự, sanh bất sanh chỉ là tha, bất sanh sanh chỉ là cộng, bất sanh bất sanh chỉ là ly. Thứ ba chỉ là đều chấp ngang dọc, thứ tư chỉ là song phi ngang dọc. Chỉ chứng một, hai tức chứng ba, bốn. Hỏi: Cảnh lý tánh ở trước và trong văn phân biệt của Chương An đều nói một tâm nhậm vận đầy đủ. Nay đây đâu được đối duyên mà thôi? Đáp: Nay đây chính thôi một niệm khởi tâm đã đủ Tam thiên, nên thôi cụ này làm tâm, làm duyên, nếu thôi khởi này khởi chẳng thật có, niệm cùng Tam thiên đều chẳng thật có chẳng được mà được ba đế rõ ràng.

Phải biết trở xuống là kết trước sanh sau. Kết trước là tự hành, sanh sau là hóa tha. Nếu Tự hành xong thì có hóa tha, nên dẫn nhiều nghĩa kết trước sanh sau. Trước y cứ hai đế. nghĩa bậc nhất đế kết trước tự hành thôi pháp chẳng sanh. Nếu thế đế là muốn vì người mà nói. Nói phải bốn câu để sanh Tam thiên, cũng là nêu so sánh. Nói có Tam thiên đâu vì người nói. Như Phật bảo trở xuống, tức trong kinh Đại Phẩm, Phật bảo Đức Nữ. Thế tôn hỏi Đức Nữ đáp. Văn đáp đều là kết trước tự hành. Phật nói có như thế là sanh sau hóa tha. Kế dẫn Long Thọ và lại dẫn Đại Kinh bốn bất khả thuyết để kết trước, vì có nhân duyên để sinh sau. Tức có nhân duyên lợi tha. Tuy bốn câu dưới giải thích các văn kết trước sanh sau, bốn câu vắng lặng giải thích tự hành trước để kết trước, từ bi thương xót giải thích hóa tha trước để sanh sau. Hoặc Thánh hoặc phàm, phàm muốn lợi tha đều phải bốn câu ngang dọc phá chấp. Bèn có thể bốn câu từ bi làm tha song đây là tha cùng hậu khởi giáo, nghĩa

nó khác nhau. Đó chỉ thật báo tám tướng bị vật, phát khởi quyền thật bày khai phế v.v... Đây chỉ sơ tâm y lý sanh giải, vô tánh chấp rồi làm tha bốn nói. Cũng chung lậu vẫn ở tập quả vô sanh nhẫn vị. Bốn chấp thật phá, phó vật nói bốn. Hỏi: Trong tự hành trước phá đủ bốn tánh, nay hóa tha này vì sao đều một, đám thọ hóa lại thành tựu hành, vì sao cùng tự hành ở trước khác nhau. Đáp: bậc Thánh háo phải hợp nghi kia, người thọ thành quán thật lìa bốn chấp, nếu nó chấp tự Phật há tăng chấp mà vì nói. Ba câu kia theo đây phải biết. Hoặc làm thế giới trở xuống là chánh nói đậu vật. Y bốn tất-đàn, làm bốn câu mà nói. Tức mười sáu phen nói cảnh hóa tha. Hóa tha trùm khắp, nên nêu mười sáu. Nếu thọ giả tùy dụng một câu hoặc hai, ba, bốn trong quán tâm luận y cứ bốn tánh đều ba mươi sáu câu hỏi. Vì trách khắp nên khắp sanh pháp, vẫn lược bốn tất trực nêu tự v.v... Nay chỉ y cứ bốn tất đối với nó vẫn chung. Nay bốn trong thế giới đấu nếu nói tâm cụ tâm tức là tự, thiện tri thức tức tha. Vì thủy ngân tha hòa vàng vòng tự tức là cộng. Tự nhĩ là tên khác của vô nhân, bốn thứ này đều phải thuận nghĩa vui mừng, thành tất thế giới. Vì người trong bốn nói chỉ người tin. Tin tức là tự. Nói chỉ phát tâm, phát tâm là tự. Nếu nói thấy Phật, Phật tức là tha. Châu tự đãi tha nước trong tức là cộng. Lại tha từ gốc lành khiến ta tự thấy cũng là cộng. Chẳng phải nội chẳng phải tự, chẳng phải ngoại chẳng phải tha tức là vô nhân. Tiên ni, vì chứng bốn câu vô trước liền thuộc ở lìa, lìa tức vô trước. Nếu hữu trước thì như Tiên-ni Phạm Chí. Đối với Tiểu thừa sanh tín còn khó huống chi là Đại thừa. Đại luận quyển bốn mươi bảy nói: Nếu trong Phật pháp có trưng pháp mà có thể được Tiên ni ở trong tất cả pháp đều chẳng hề tin. Vì sao sanh tin, tin Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng vì có tướng, chẳng vì vô tướng, chẳng chấp tướng nên trụ trong tín hạnh. Luận hỏi: Vì sao trong đây dẫn Tiên-ni? Đáp: Kinh này các thứ nhân duyên nói pháp không cho đến, không có vi tướng để được. Tâm người nghi lạ, chẳng tin lý này khó thấy. Cho nên Tu-bồ-đề dẫn trong Tiểu thừa còn có pháp không huống chi pháp Đại thừa. Luận văn dẫn ý Tiên-ni có trước tên pháp không Tiểu thừa còn khó huống chi là tin pháp không Đại thừa pháp không Tiểu thừa như trong A-hàm là Lão tử ai Lão tử. Hai thứ ấy đều so đây mà biết. Phật chỉ đều tịnh trở xuống là nói Phật ý thể tánh, tức nói tự hành hóa tha tức nhau. Chẳng ở nhân duyên v.v... tức là nghĩa đế bậc nhất. Lại bốn trở xuống là trong hóa tha là pháp đầu. Nếu vì những người mà lại y cứ dụ mà nói thể tánh tức nhau vì mù bốn nói, bối v.v... đều là đó. Như trước bốn nhân bốn là mười sáu đều nói khế với tất-đàn. Cho nên nói

thấy sữa, tức người Thế đế lấy pháp kết dụ. Phải biết trở xuống là kết ý. Chẳng nói tức là im, tức là suốt ngày nói im tức nhau. Suốt ngày song phi nói nín, suốt ngày song chiếu nói nín, phá tức chẳng nói, lập tức bốn nói, lại phá tức song giá. Lập tức song chiếu, kinh luận như trước đã dẫn. Thiên thân trở xuống là lại bày bổn ý của hai luận. Trước nói lỗi, Luận chủ hợp căn cơ đều nói một môn. Luận sư đều chấp thiên hoằng thành tranh đến nỗi khiến kẻ hậu học tình thấy khác nhau. Thỉ thạch, tức như tên bắn đá, nghĩa là chẳng thể vào. Vì các chấp nên chẳng vào viên lý, như tên đá kia. Kế nếu được trở xuống là nói được. Nếu y cứ hai luận nguyên ý luận chủ và được ý tất đàn văn nay, thì bốn đều có thể nói. Theo lý đều chẳng thể nói. Tuy chẳng thể nói như mười sáu phen trước đều là tùy nghi mà nói. Nếu tùy trở xuống là đại thể của giáo môn, đậu vật tuy dùng biến thích thời ý đại thể giáo môn của Phật ra đời đều là nhân duyên hòa hợp bèn sanh các pháp. Cho nên hoặc tự hoặc tha hoặc vô nhân v.v... đều thuộc về cộng. Cho nên nay lại nói theo đại thể, nên nói vô minh pháp pháp tánh. Vô minh là pháp tăm tối, lại pháp ở pháp tánh, như đơn là thuốc pháp, lại pháp ở đồng v.v... Nhân duyên hòa hợp có thành kim dụng. Ấy thì vô minh là duyên, pháp tánh là nhân. Nói tối tăm hòa hợp sanh ra các pháp. Tự hành cũng quán nhiễm nhân duyên sanh, hóa tha thì dùng tịnh nhân duyên sanh. Tự tha đối nhau thì dùng nhiễm tịnh hòa hợp nhân duyên sanh. Lại tự hành nhiễm có trong có ngoài. Nội là vô minh, ngoại là tha cảnh. Vì nội đủ cho nên tha cảnh năng huân. Cho nên quán sở huân chỉ thấy lý cụ. Các luận giáo đạo chẳng thấy thật này tuy trong ngoài huân dùng, lập các nghĩa chủng. Chẳng rõ huân mới là ý vốn có. Cho nên hạt giống chỉ đồng minh sơ. Cho nên giáo đạo ấy chẳng phải nói chân thật. Nay quán các nhiễm tịnh này tuy khác, tức lý chẳng khác, chỉ y cứ với nhân duyên này mà thôi, nhiều thứ lớp tha cộng v.v... lý nó chẳng khác. Cho nên biết phàm suy ra pháp bốn câu, đều suy ra các pháp tánh đã hòa hợp. Do đó thôi một chí lý nhiễm tịnh duyên khởi. Nhân biên, duyên biên, đều chẳng thể sanh. Hai chẳng sanh hợp nên lý vô sanh hòa hợp còn không lìa hai đâu có. Chẳng có mà có, ba đế rõ ràng. Một tánh trở xuống là giải thích tánh phẩm. Một tánh tuy ít mà chẳng không, là duyên thành pháp sanh ra tất cả vô minh tuy nhiều mà chẳng có, là suy tánh này nên một pháp cũng không, chẳng ít chẳng nhiều. Diệu lý ở đây, là so trở xuống là giải thích lại câu trên. Chỉ pháp tánh là vô minh thì nhiều mà chẳng phải nhiều, chỉ vô minh là pháp tánh thì một chẳng phải ít. Cho nên gọi trở xuống là kết hóa tha cảnh mầu. Nếu giải trở xuống là lại y giáo thể trải qua ba

khoa ba thứ thế gian trước và giới như v.v... chuyên bày tướng cảnh mầu ba đế. Tuy trước y cứ thức tâm đến đây lại kết chung thành ba đế, biết ấm đều là cảnh mầu. Trước một tâm trở xuống là chánh nói tâm trước tạo các pháp. Một ấm trở xuống là năm ấm trước, một nhập trở xuống là mười hai nhập trước, một giới trở xuống là mười tám giới ở trước. Ba khoa tức là năm ấm thế gian một chúng sanh trở xuống tức là chúng sanh thế gian trước, một cõi nước trở xuống là cõi nước thế gian trước, một tướng trở xuống là ba xứ như trước. Nếu pháp tánh trở xuống là dùng giáo thể ý kết trước đã trải thành ba đế. Văn đầu tức là kết thành ba đế. Như thế trở xuống là so sánh. Nếu một pháp tất cả pháp trở xuống là kết thành ba quán. Một không tất cả không trở xuống là giải thích hướng ba quán thành tướng chung. Chẳng phải chỉ không (không ngơ) không cũng chẳng giả trung. Giả trung cũng như thế. Nếu Tịnh Danh Sớ cũng nói tướng chung là tướng ba quán thì khác với ý này. Cho nên văn đó nói: Có ba thứ ba quán: Một là Biệt tướng, tức là Biệt giáo; hai là Thông tướng cũng là tổng tướng, nói giống văn nay mà ý lại khác. Nó chỉ là ý chung tướng trong bộ Phương Đẳng. Như phẩm quán chúng sanh v.v... ba quán, tuy không ba quán, vẫn khác. Như Phật đạo là giả, vào môn không hai là trung. Ý nó cũng như thế; Ba là một tâm ba quán chánh đáng là tổng nay. Nếu nhân duyên trở xuống là kết thành ba trí. Lệ trên dưới tức là dùng quyền thật mà so sánh ba quán. Cũng phải như trước đối ba pháp xong kế nói tướng chung. Cho nên nói một quyền tất cả quyền. Nếu tùy trở xuống là kết thành ba lời, là hay nói tiếng lời thành giáo để bị vật. Cho nên dùng ba chỉ quán giáo như tiệm v.v... mà kết. Cho nên nói đều tiệm v.v... vì thế biết chỉ quán này tức là ba lời, tùy tha là tiệm, tùy tự là đốn, tùy tự tha là bất định. Trong đại ý trước ở một viên đốn mà kết bày ba tướng chỉ quán. Nay trong cảnh mầu thâu ba chỉ quán đồng một viên đốn. Cho nên dùng ba hội này ở ba quán và ba lời v.v... Vì có giáo nên khiến thú nhập. Cho nên dùng ba đường mà đối ba giáo, hợp chẳng thật có và thú phi thú làm đốn. Đối với tất cả pháp khai đối tiệm và bất định cho nên thuộc về giả. Trước mỗi văn đều, trước là chánh kết, kế là so sánh các pháp. Chỉ ba đường này thiếu so sánh các pháp thử đẳng trở xuống là hội dị, không thể nghĩ bàn này chỉ là cảnh mầu vì sao lại nói cũng là ba quán, cho đến ba đường v.v... cho nên lại hội nó. Cảnh mầu chẳng khác được danh xứ khác, danh xứ tuy khác, nhưng đồng qui một lý. Quĩ (khuôn phép) chỉ là pháp, dùng khuôn phép khiến đầu cuối chẳng đổi, nên gọi là pháp. Pháp là chỗ chiếu nên đặt tên Đế, ba quỉ phát ra nên đặt tên quán. Trí nhìn ở quán

nhân quả bèn khác đồng là chỗ phát ra. Chỗ phát thành quả nên có thể giáo tha, giáo tha nhưng chưa từng chẳng đồng với pháp. Giáo tha đã đủ, tự tha qui tông, gọi đó là thú. Các thứ trở xuống là khuyên răn. Như châu như ý trở xuống là nêu thí dụ để dụ về cảnh. Văn trước dùng Tam thiên v.v... nói riêng lý tánh cho đến mười giới riêng gồm quyến thuộc. Văn trước tuy dùng tám tướng làm dụ. Riêng vì phá tâm pháp trước sau. Tuy có mộng dụ riêng vì phá bốn câu chấp tánh. Cho nên nay chánh dùng châu mà dụ cảnh mầu, tức thídụ chung từ trước nay về lý tánh tự tha ngang dọc và kết thành v.v... Nay nghĩa châu là nghĩa thiên bậc nhất, là lý thể thiên nhiên, tức là của báu tốt nhất. Tánh không tạp nhiễm gọi là Tịnh, đều là Phật pháp nên gọi là diệu ở một sát-na nên nói giới túc (hạt cải hạt lúa). Đại luận chép: Xá-lợi-phất xưa giống như hạt cải hạt lúa, hay đủ tự tha diệu quả Bồ-đề gọi là đại công năng. Châu trong mưa chẳng thêm người, muốn sanh tất cả nguyện. Theo mong cầu nên gọi là dục, dục chẳng ngoài năm nên nêu chung năm. Lại lý vì bốn hoằng là cảnh sở duyên nên gọi là mong cầu. Bảy báu là vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, hỗ phách. Báu chẳng ngoài bảy thứ này nên đều nêu. Tức là dụ cho đà-la-ni Vô Tác Phẩm Bảo Cự. Chân bảo (ngọc thật) gọi là lâm, tự bảo (giống như ngọc) gọi là lang. Có người nói là lang can cầu lâm đều gọi là đá giống ngọc. Nay lại y hai báu chân tợ trước đều sanh từ châu tức hai môn chánh trợ chẳng ngoài lý. Chẳng phải tự tánh nên chẳng phải nội súc, chẳng phải tha tánh nên chẳng phải từ ngoài vào. Đã lìa tự tha, tức không cộng ly. Cho nên chỉ hai câu chẳng nói ba, bốn. Từ chẳng mưu trở xuống có dụng tha hóa. Chẳng phải tung nên chẳng mưu trước sau, chẳng phải ngang nên chẳng phân biệt nhiều ít. Mặc tình bày hóa nên gọi là chẳng mưu. Xứng cơ bày đậu nên gọi là chẳng phân biệt. Tuy năm vị khác nhau mà bí mật bất định. Cho nên tung mà chẳng tung. Tuy các giáo khác nhau mà thích thời thêm bớt, cho nên chẳng phải nhiều chẳng phải ít, hoặc cơ hoặc ứng đều chẳng phải quyền chẳng phải thật. Cho nên nói chẳng làm thô diệu, gặp duyên liền hiện. Cho nên nói xứng ý phong kiệm, nhiều gọi là phong, ít gọi là kiệm. Ích vật chẳng cùng cho nên mưa xuống tràn đầy. Tràn đầy là phước. Cho đến y chánh châu cũng mưa. Đại Kinh nói: Mưa pháp vô thượng mưa xuống ruộng thân ông, chẳng phải (xưa) không nay mới có, cho nên chẳng thêm, chẳng phải (xưa) có nay không cho nên chẳng bớt. Hoặc tự hoặc tha đều chẳng ngoài ba đế. Hai dụ dưới thì nghĩ rất dễ hiểu. Đơn nêu sự dụ ý rất dễ thấy. Cho nên đối thẳng lý để nói thể dụng. Châu là sắc pháp thế gian y cứ cảm được, còn có thể như thế

huống chi cảnh tâm thần không thể nghĩ bàn. Cho nên Đại luận quyển mười một nói: Châu này tùy niệm sanh ra bốn việc và âm nhạc v.v... Kế y cứ ba độc làm thí dụ nói nhất định có, nhất định không v.v... nhất định có là đã đủ, nhất định không là thiếu hẳn. Nếu nói đã có như trong kho có đầy vật, nếu nói mãi không như trong cát không có dầu, cho nên đều chẳng thể. Kế mộng dụ làm ba, trước là nêu chung việc mộng, việc mộng như ba ngàn, bỗng ngộ như một niệm, chưa ngủ như pháp tánh, pháp tánh chẳng phải không như chẳng giác (thức), pháp tánh chẳng phải có như chẳng mộng. Chẳng mộng nên chẳng phải nhiều, chẳng giác (thức) nên chẳng phải một. Vô minh ngủ nên gọi là nhiều, quán một niệm nên gọi là ít. Vô minh cùng một niệm chẳng ngoài pháp tánh. Cho nên chẳng nhiều chẳng ít. Trang Chu Mộng dụ cũng giống như thế. Vô minh như bướm mộng, ba ngàn như trăm năm, một niệm không thật cũng như chẳng phải bướm ba ngàn cũng không như chẳng phải nhiều tuổi. Vô minh trở xuống là dùng dụ thiếp hợp. Văn hợp cũng lược vô minh pháp pháp tánh hợp mộng bướm, một tâm tất cả tâm hợp trăm năm, hiểu được vô minh tức hợp pháp tánh tỉnh dậy biết chẳng phải bướm. Tất cả tâm một tâm hợp chẳng phải nhiều năm. Nói v.v... dài chẳng phải dài, nên mộng chẳng phải mộng, ngắn chẳng phải ngắn cho nên thức chẳng phải thức. Cho nên dùng tâm tánh làm cảnh không thể nghĩ bàn. Luận ấy tề vật một mộng là ngắn mà chẳng phải ngắn, trăm năm là dài mà chẳng phải dài. Nay mượn dụ cho diệu cảnh, lý hơi chung. Nếu đều là sơn hào v.v... là điêu hạc sợ chưa thể được, đủ như luận xung phạm thí cùng Tịnh Thái nói về Tề Vật. Thí bị thua, vì Tề Vật vô lý. Kế người An lạc hạnh mộng dụ sánh mộng Trang Chu, ý cũng rất dễ hiểu. Nếu tin trở xuống là khuyên tin. Nói ba dụ: Một là châu như ý, hai là ba độc, ba là ba mộng. Không phải miệng làm nên chẳng bàn, không phải tình làm nên chẳng nghĩ. Tin ba dụ này tức tin cảnh một niệm không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn này trở xuống là nói công năng của cảnh. Y theo đây phát thệ trở xuống là nói lệ chín pháp kia đều đầy đủ. Do cảnh mà nói thì trở xuống là thâu nhập một tâm làm cảnh quán chung. Như trước đã nói sự lý tự tha đều ở một niệm. Nói đã như trên, làm không trước sau.

Kế nói phát tâm. Trước khởi chí lớn, hẹn chỗ đến gọi là Phát. Chẳng y theo giáo đạo là Chân, y ba đế lý gọi là Chánh. Bồ-đề là quả hẹn y cứ, cảnh mầu tức là đường phải đi. Tâm tức hữu tình, hay làm hay đến. Vì từ vô thỉ đến nay thường đuổi theo trần nhiễm chẳng biết vô duyên thể trùm khắp pháp giới. Chỉ theo chấp vọng ngã. Nay y Thánh

giáo, từ mê trái mê nên gọi là Phát. Chế lự trì này khiến trên cầu dưới hóa, lại gọi là phát. Trong đây văn bốn nghĩa chỉ có hai. Đó gọi là từ bi ý ở cự quả. Nếu từ lợi tha ý ở ích khắp. Hỏi: trước phải khởi thệ, sau quán cảnh mầu, vì sao cảnh sau mới gọi là phát tâm? Đáp: Cảnh trước đều là phát tâm, đủ như trong ý năm lược. Nay phát lại làm thành quán nên phải duyên lý lợi ích người. Ở trong đó trước bi, kế từ, nếu từ danh tiện thì phải trước từ kế bi. Nay lạu từ hành tiện nên trước bi kế từ. Ắt trước lìa khổ mới cho vui, nên lý không trước sau. Văn lại gá việc. Trong giải thích bi, trước nói thệ cảnh, trong đó trước nhắc lại chung diệu cảnh ở trước nên nói một khổ tất cả khổ. Hai khổ khổ tập đều gọi là khổ, nghĩa thuộc mười giới chỉ ở một niệm, cho nên nói một khổ tất cả khổ, chẳng nói diệu cảnh một niệm ba ngàn. Làm sao biết được một nhiếp tất cả, ba ngàn chẳng ngoài một niệm vô minh. Cho nên chỉ có nhân khổ quả khổ. Do biết vô minh chỉ là pháp tánh, cho nên khởi bi. Từ bi trở xuống là trải cảnh tư duy làm lý do khởi thệ. Cũng trước nhờ thứ lớp mới hiểu Cảnh mầu. Văn trước tức là từ xưa đến nay khởi nhân Ba đường. Luân hoàn trở xuống là nói nhân Ba đường chiêu vời ba quả ác. Mà nay trở xuống là đời nay lại khởi nhân Ba đường tập của ba cõi cũng chẳng ngoài hai tâm si ái, luôn là chỗ lầm, dụ như tằm dụ như ngài. Trăm ngàn trở xuống là kinh sợ. Nếu trở xuống là nói không có đạo diệt, chỉ có trời người, nếu bảo giả lập thường ở trong trôi lăn, dù cho muốn bỏ chỉ ham giới thiện, chẳng cầu vô lậu gọi là tướng tâm, như chợ dễ đổi, đều dụ nghịch lại tướng phước càng tội. Nếu tu tướng phước sẽ được vui trời người, thay khổ Ba đường. Lại do vui này đổi khổ Ba đường được vui trời người. Đỗ Diên Nghiệp nói phước có năm thứ: Một là thọ phước (sống lâu); hai là phú phước (giàu có); ba là khang ninh phước (mạnh khỏe); bốn là du hảo đức phước; năm là khảo chung mạng phước (ông cha sống lâu). Đây là tục Nho chỉ biết có phước mà chẳng nói chỗ cảm, cũng chẳng nói phải răn để làm thọ phước khí. Vì phước nhiều nên vời tội cũng nhiều gọi là lại ích. Cái nôm là đồ bắt cá. Tướng tâm như cá như thiêu thân, tướng phước như nôm như đèn. Tướng tâm cảm quả như vào như đến, tình tưởng hư cấu gọi là cuồng kế (chấp điên) không phải tuệ xuất thế gọi là Tà Hiệt. Du là vượt, càng kiết tập đã dày gọi là càng mê, mời khổ ắt sâu gọi là càng xa. Tâm tham ái thiếu nước chân lý nghĩa như khát. Lại tướng tâm tu phước làm nhân năm dục như lại uống nước mặn càng nhiều sanh tử, như càng khát nước. Kế nói Tổn Đạo. Có phước tướng như rồng mà có da trâu. Ba thứ Giới định tuệ như thân như thể, có tướng tâm tu như cột như trói, được

quả trời người như nhập, như hướng, bỏ đọa Ba đường như cứng chắc càng đau. Cho nên Đại luận chép: Phàm lợi dưỡng như rồng bị trói buộc thân ở dưới nước, trước tổn da giới, kế tổn thịt định, sau tổn xương tuệ. Nay do tướng phước mà được lợi người trời, mất ở ba học cũng giống như thế. Vô minh như mù, giới thiện như vào, chiêu cảm quả báo như ở rừng gai góc, có tướng tâm tu cũng như chẳng chắc tướng phước có được cũng như chết chìm, sanh tử khó ra cũng như lội ngược nước. Bả nhẫn trở xuống là than không có đạo diệt, một mảy may Thiên bổn đến Bồ-đề, như cầm dao cầm đuốc phải nắm cán. Nếu dùng tướng tâm như nắm dao ôm lửa, nhìn thấy tướng tâm sanh tử khổ tập như đạp phải đầu cọp đuôi rắn v.v... Tủng là kinh sợ điệu là thương tiếc, lật là run sợ. Vì tiếc sợ nên phải khởi thề, kế là thường mình thương người. Trong văn chê phàm phu sanh tử cũng chê cả sáu độ Nhị thừa. Cho nên dưới kết rằng nay thì chẳng phải ngụy, chẳng phải độc. Bồ-tát Ba tạng gọi là Tạp độc, Nhị thừa sáu đường gọi là ngụy. Cho nên trước phân biệt chẳng phải chín lược một thoát đều gọi là phi. Phi tức là ngụy, dù cho trở xuống là nói chỉ có một thoát, Nhị thừa nhân quả cũng thành thệ cảnh. Tam Tạng cảnh quán chẳng thể tức sự gọi là dật lộ. Cho nên Đại Kinh quyển hai nói: Thanh văn Duyên giác cũng như (đường hẹp) chẳng thể hai người cùng đi. Sắc và không tức nhau nên gọi là cùng. Diệt sắc còn không, nên nói chẳng cùng, diệt, không của sắc gọi là dật lộ. Tu hạnh Bồ-tát nghĩa như công hành, (trái bỏ) sanh tử nghĩa như vốn xuất phiền não sanh tử làm tổn hại Niết-bàn. Cho nên như (kẻ thù). Ba cõi đều là chỗ ở của sanh tử, gọi là oan quốc. Biến khắp năm đường gọi là trải đủ, ba cõi không an gọi là tân khổ, mất nguyện Bồ-đề gọi là dứt hết. Lại phát chí nhỏ gọi là sống lại. Bỏ cha Đại thừa gọi là (đi), năm trần cầu giải như đến thôn nghèo, trừ phân phiền não, cầu tiên trí tuệ gọi là làm thuê. Sanh tử là đêm, Niết-bàn là ngày chỗ nghỉ Tiểu quả gọi là am cỏ, chưa phát đại tâm gọi là chẳng chịu tiến lên, việcng độ phá hoặc gọi là Bỉ sự. Chẳng tin v.v... là do thương tiếc. Do người Nhị thừa bỏ đại theo tiểu cho nên thương tiếc. Phương Đẳng về trước chưa khỏi sanh bác bỏ bai gọi là chẳng tin. Phương Đẳng tuy nghe nhưng không hiểu không làm gọi là chẳng biết. Cho nên Ca-diếp nói: Cũng như người mù chẳng biết phân biệt hoặc nên đáng thương. Chẳng biết phân biệt, lý rất đáng quái lạ. Lại rất đáng thương nên gọi là quái lạ tư duy trở xuống là chánh nói (buồn) thương, thương mình thương người. Tư duy là bắt đầu của hoằng thệ, ngạnh tấcg là bi nguyện tập thành. Ngạnh là xương cá mắc trong cổ họng. Đó là tướng rất đau đớn.

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 5
(PHẦN 4)

Tức khởi trở xuống là chánh nói khởi thệ. Trước chúng sanh khởi thệ đầu, kế y cứ phiền não khởi thệ chấp. Hoặc mình hoặc người đều duyên cảnh trải vô thỉ. Cho nên đều y cứ sự để nói bi tâm và luận phát thệ, đều phải duyên lý. Cho nên các thệ sau đều y cứ ba đế. Ba đế lại phải mượn riêng hiển chung. Từ thệ dưới so sánh đây sẽ biết. Kế chúng sanh trở xuống là chánh nói tướng thệ, cũng nhờ thứ lớp để nói chẳng thứ lớp. Văn đầu tức là tướng quán không thệ. Kế tuy biết trở xuống là tướng quán giả thệ. Kế tuy biết trở xuống là tướng trung quán thệ. Mỗi tướng quán đều có hai thệ. Thệ nguyện đã rộng khổ tập cũng dài. Vì sao trở xuống là lại giải thích tướng thệ, gồm bác bỏ thiên tiểu. Trước bác bỏ ba tạng, kế nếu thiên trở xuống là bác bỏ độn căn Bồ-tát của Thông giáo, kế nếu thiên kiến trở xuống là bác bỏ Biệt giáo giáo đạo, cũng gồm xuất giả Bồ-tát của Thông giáo. Chưa được chân ứng cũng đồng kiến ái hai quán cũng là bị vô minh buộc ràng gọi là chẳng giải thoát. Nay thì trở xuống là hiển chánh, trước là pháp, kế là dụ. Trong pháp chánh nói Trung đạo cho nên song phi độc ngụy. Độc ngụy là như trước đã giải thích. Kế trong dụ bay trên hư không mà chẳng trụ không là dụ tức không mà giả, tuy chẳng đứng đi là dụ tức giả mà không. Tuy không mà độ trở xuống là hợp thí. Độ là giả, tức là không giả chẳng hai. Cho nên trở xuống là lại dùng đấu không thiếp hợp dụ trước. Kế nói từ thệ. Cũng trước nói thệ cảnh. Trong cảnh cũng trước nhắc lại chung lạc không thể nghĩ bàn của diệu cảnh ở trước. Hai đế đạo diệt đều gọi là lạc. Nghĩa nhiếp bốn giáo, chỉ ở một niệm. Cho nên nói một lạc tất cả lạc, chẳng nói diệu cảnh ở một niệm ba ngàn. Làm sao biết được một nhiếp tất cả, ba ngàn chẳng ngoài một niệm pháp tánh. Cho nên chỉ có lạc nhân lạc quả. Do biết pháp tánh chỉ là vô minh, cho nên khởi từ. Ngã

và chúng sanh trở xuống là nói riêng thệ cảnh nói không có đạo diệt. Nói xưa tuy đẳng, là chỉ cầu lạc của trời người Nhị thừa nói không có diệt. Mà chẳng biết phát tâm Bồ-đề không có đạo. Trong bị thệ ở trước nói: Không đạo diệt nghĩa gồm ở đây. Cho nên văn này lược chỉ nêu dụ rằng: Như cầm ngói gạch là dụ chẳng biết diệt, vọng chỉ ánh sáng đom đóm là dụ chẳng biết đạo. Vọng tức là thế gian và tiểu nhân quả vì cho là thật. Nay mới hiểu trở xuống là chánh y cảnh phát thệ. Trước y cứ Đạo Đế mà khởi thệ đầu, kế y cứ diệt đế mà khởi thệ kế. Tuy biết trở xuống là kế nói tướng thệ, cũng mượn thú đệ để nói bất thứ. Văn đầu tức là quán không tướng thệ, kế tuy biết trở xuống là quán giả tướng thệ. Kế tuy biết trở xuống là trung quán tướng thệ. Vẽ không trồng cây đều là văn Tư ích, trong văn Trung quán, pháp môn là nêu thệ đầu, quả Phật là nêu thệ kế. Không phải tu v.v... là giải thích thệ đầu, không phải chứng v.v... là giải thích thệ kế. Thể Trung đạo tuy không phải tu chứng cũng có thể tu chứng. Cho nên phát thệ vì mình vì người. Đó gọi trở xuống là hiển chánh. Trong đây Viên giáo chân chánh phát tâm, phải y cứ ba giáo để phân biệt độc ngụy. Nói về chẳng phải không và chẳng phải ái kiến, Bồ-tát Tam giáo chưa chứng Trung đạo gọi chung là độc. Hai giáo Nhị thừa và tâm chín phi gọi chung là ngụy. Hai giáo Nhị thừa cho đến nhập không Bồ-tát của thông biệt đều gọi là không. Ba giáo xuất giả gọi chung là Ái kiến. Tứ mới phát tâm thường quán Trung đạo. Cho nên chẳng bào giờ đồng độc ngụy không giả. Như thế trở xuống là kết thúc. Trước nói nguyện cùng cảnh trí tức nhau. Kế từ bi trở xuống là nói trí tuệ và từ bi tức nhau. Trí chỉ là giải. Y cảnh sanh giải, y giải khởi nguyên. Cảnh là sở duyên, thệ là năng duyên. Lấy vô duyên từ bi mà duyên cảnh không thể nghĩ bàn, cảnh gọi là vô duyên, thệ gọi là vô niệm. Vận từ bi này khắp che pháp giới. Cho nên hay mặc tình cứu khổ, tự nhiên cho vui. Khác nhau trở xuống là lại chê chung thứ lớp từ bi ở trước. Hai văn trước sau tuy đều bác bỏ xong. Nay hai văn rốt lại chê chung. Đó gọi trở xuống là cũng kết chung. Nghĩa chẳng khác trước cho nên lại chỉ trên. Trong đây phải nói đủ là từ bi, nói lẽ bi là tùy tiện lời mà thôi. Lại bốn hoằng này lại giúp nhau. Một niệm đầy đủ không trước không sau. Đủ như thứ một và các văn sau v.v... quán tâm là y cứ nhất niệm tâm bốn đế vô tác, mượn hoằng thệ lược nói quán tâm cũng có thể hiểu, như tướng thệ trước tức là tướng ấy.

Ba là nói an tâm. Văn đầu là giải thích tên, khéo dùng pháp tánh tự an tâm mình, cho nên nói an tâm. Trên đạt sâu dưới kết trước sanh sau. Đã tự đạt cảnh mầu, kết chánh cảnh trước sâu. Cho nên nói sâu kín.

Kế bác vận trở xuống là kết hoằng thệ trước rộng. Cho nên nói hằng cái bác quảng. Quốc ngữ nói: Đông tây gọi là quảng, Nam bắc gọi Vận, tức ngang khắp. Hằng cũng là khắp. Cảnh nhiễm các pháp đều ngang rộng. Y lý phát tâm đều dọc sâu. Lại mượn sự lý mà giải thích tên làm tiện. Chánh cảnh là lý lý sâu, từ bi thuộc sự sự rộng, đủ như trước nói. Cho nên nói như thế. Tuy có sự lý chỉ là không nguyện. Từ phải làm trở xuống tức là sanh sau. Nếu chẳng an tâm không có chỗ ghi khắc. Cho nên kế chánh nguyện mà nói an tâm. Trong cảnh Diệu trước một niệm đầy đủ bốn đế vô tác, cho nên trong bốn hoằng y vô tác đế mà phát hoằng thệ. Nay lấy năng an mà an sở an. Năng sở xứng nhau gọi là diệu hạnh. Tâm đã rộng lợi vật mà làm tròn thệ đầu. Muốn lợi chúng sanh trước phải dứt hoặc mà làm tròn thệ kế muốn lợi chúng sanh lại phải tập pháp mà làm trọn thệ thứ ba, phần phần chứng thật mà làm trọn nguyện thứ tư. Đến vị rốt ráo bốn thệ mới tròn. Nếu thế từ an tâm này cho đến chánh trợ gọi chung là ruộng nguyện. Nếu (hiểu) vô hạnh thì gọi là người (chết oan). Như kinh Thí Dụ nói: Như có một mẹ hai con, một tập bơi giỏi, hai không học bơi đứa không học bơi té xuống nước mà chết. Bà mẹ chẳng khóc. Đứa có học bơi té xuống nước mà chết, bà mẹ khóc lớn người hỏi bà đáp: Biết bơi mà chết gọi là chết oan cho nên phải khóc. Nguyện như học bơi, vô hạnh như chết. Đại Văn có hai: Trong đó trước nói chung an tâm, kế nói riêng an tâm. Chung riêng đều là y vào cảnh diệu. Vì tùy người nên chung riêng khác nhau. Hoặc nặng quán yếu nên phải tùy sự. Cho nên khiến hành tướng hoặc tín hoặc pháp, bốn tất hồi chuyển, người chẳng thấy. Liền ở riêng an mà sanh dị chấp thì mất đại sư có khả năng hợp nghi. Trước trong am chung chỉ là chỉ quán. Trong đó trước lại nói pháp thể, xem là sở an. Pháp thể là gì? Tức là cảnh mầu. Trước pháp, kế dụ. Trước pháp là chỉ cho vô minh, tức là pháp tánh chỉ pháp quán tánh chẳng quán vô minh. Cho nên Đại luận quyển sáu mươi chín chép: Nếu dùng thường và vô thường mà cầu là đều lầm. Nếu vào pháp tánh thì không lầm. Quyển chín mươi mốt nói: Pháp tánh tức thật tướng, thật tướng chỉ là pháp tánh. Như lạnh đến trở xuống là thể nên thí dụ, lạnh là dụ cho vô minh, nước là dụ cho pháp tánh. Vô minh pháp tánh gọi là lạnh kết nước miên (ngủ) che lấp tâm y theo băng nước mà nói băng vốn là nước, mộng chẳng khác tâm. Nhờ sự dẫn mê nói là che là kết. Kim đương trở xuống là kế bày năng an chỉ quán mà an pháp tánh, quán vô minh trước chỉ là pháp tánh. Như làm chảy băng thành nước giác (thức) là không có ngủ vô minh. Trong đó trước chỉ kế quán. Trước y cứ nói dụng của chỉ. Như tuyền trở xuống là

nêu thí dụ. Chỉ tin lửa mà chẳng tin luân, chẳng tin trở xuống là hợp, dùng pháp tánh mà niệm pháp tánh. Văn giống như quán chỉ thành nghĩa chỉ, hệ nó và niệm đều chỉ pháp tánh. Thể đạt trở xuống là chỉ thành tướng. Quán giả trở xuống là kế nói dụng của quán. Thí dụ như ba thứ lửa - không - nước cùng dụ cho quán. Lửa kiếp sơ, kiếp như đã giải thích trước ba tai, lược như trong giải thích chung mười cảnh đã nói. Hư không tạng, Hải Tuệ hai vị này là Bồ-tát trong kinh Đại Tập. Kinh ấy rộng nhóm hợp mười phương Chư Phật các Đại Bồ-tát dừng trên hư không của hai cõi Dục và Sắc, nên gọi là Đại Tập. Bồ-tát này muốn đến ở trong chúng hội mà hiện tướng này. Bồ-tát đều từ đức đặt tên, cho nên vào chúng hiện tướng cùng tùy đức ấy. Sở dĩ không tạng hiện không, hải tuệ hiện nước đều chẳng thấy, đại chúng chỉ thấy không và nước. Tu quán cũng như thế, ngoài pháp không có pháp. Giới nhĩ trở xuống là nói quán thành tưởng đều kết hai không. Cũng trước là pháp, kế là dụ, sau là hợp. Trước pháp nói giới nhĩ, là không phải duyên vọng cảnh chỉ sanh một niệm, nghĩa là quán ta thành gọi là giới nhĩ. Giới là trợ, trợ là niệm yếu ớt. Niệm này khi khởi thì niệm và người niệm, tùy niệm liền mất, gọi là tánh không, không chẳng tướng không gọi là chẳng thật có, tức là tướng không. sở niệm gọi là pháp tánh, người niệm là giới nhĩ. Trong đây lại chỉ quán hạnh chưa nói vào chân. Như trước trở xuống là nêu thí dụ. Năng sở đều đốt cháy, có thể dụ cho mất năng mất sở, năng không cũng không. Pháp giới rỗng sáng trở xuống là hợp. Chẳng thật có cũng chẳng thật có. Chỉ chỉ là trở xuống là nói chỉ quán thể một tức chẳng hai mà hai, vắng lặng chiếu chẳng khác. Cho nên nói chỉ chỉ là trí. Vì khiến trở xuống là văn biết an rất dễ hiểu. Cho nên nay dụ nói tướng khác của chỉ quán. Cho nên biết trong đây khác mà chẳng khác. Văn dưới trong khác, chẳng khác mà khác. Bất động trở xuống là lại giải thích tức nhau. Trước nói chỉ tức là quán. Bất động trí trở xuống là nói quán chỉ là chỉ. Bất động trí chiếu pháp tánh trở xuống là cùng nói chỉ quán đồng chiếu pháp tánh. Chỉ quán được pháp tánh nên gọi là an. Cho nên nói quán trí được an cũng là chỉ an bất động ở pháp tánh ở dưới lại tức là phú thích. Câu trên quán an nên chỉ an, trong đây chỉ an nên quán an, đều do pháp tánh, cho nên không hai không khác. Cho nên kinh Kim Quang Minh một nói: Y pháp thân đại trí đại định. Pháp thân tức là pháp tánh. Trí định tức là chỉ quán, tức là pháp giới hệ duyên một niệm. Nếu đều chẳng an trở xuống là muốn nói biệt an. Ý riêng của tựa trước đều nói chỉ quán, đều chẳng được an, thì đều chẳng đúng. Tuy dùng pháp tánh để an tâm mình, mà càng thêm tối tăm tán loạn. Đã đều chẳng an

là vì sao hỏi sanh sau khác phàm tâm thần trở xuống là muốn nói biệt an, trước nói tướng bất định là lý do của biệt an. Mờ tối là quán chẳng an. Cái thoi đi nhanh) là chỉ chẳng an. Địch mạnh trở xuống là dẫn việc để tả tình huống tướng chẳng an, nói sự phải nói. Lế nói: Biết thiên văn là chim. Thuyết Văn nói: Chim nước biết được trời mưa. Tối tăm tán loạn như định mạnh, quán kén như sức yếu. Việc ở thời Lục quốc, sáu nước Hàn, Tề, Sở, Ngụy, Yên, Triệu cùng nước Tần là bảy hùng. Triệu đánh nước Yên, Tô Đại là Yên bảo vua Triệu rằng: Nay thần từ ngoài đến gặp chỗ nước cạn có con trai mở miệng, con còn liền mổ thịt. Con trai khép vỏ lại giữ chặt mỏ cò. Cò nói: Nay chẳng mưa, mai chẳng mưa sẽ thấy trai chết. Trai liền bảo: Nay chẳng có mặt trời, mai chẳng có mặt trời sẽ thấy cò chết. Cả hai đều không buông tha. Có ông già đánh cá đến bắt được cả hai. Nay Triệu đánh Yên, Yên Triệu đánh nhau chỉ gây hại cho dân chúng. Thần e cường Tần là ông già đánh cá. Nên xin Đại vương liệu tính kỹ. Vua Triệu bèn thôi. Nay Văn chỉ lấy nghĩa tương ách mà không dùng cường bạo để tiện ý phàm dùng sách tục chỉ lấy một phần nhỏ không phải toàn ý. Như chung tu chỉ quán mà không phải nói chỉ thêm tối tăm tán loạn. Chẳng thể thường trái với tối tăm tán loạn, phải thề dùng biệt an để phá tối tăm. Như Tô nói Triệu, phải tuẫn mạng, là chung bày nghi sự an. Sanh từ từ (đem sống đem chặt) nên gọi là Tuẫn. Như thời Ngụy có người đào mã của Chu Vương có chôn vơ con theo. Nay quyết chết chứ chẳng bỏ tinh tấn. Tiến là hiến, cơ là bì, dù cho da xương nêu hết cũng hết mình thờ đạo. Chuyên tu chỉ quán thề chết chẳng bỏ bền chí biệt an để khiến nhập phẩm, nên nói thề khéo cho đến nhập vị gọi là Sơ trụ. An tâm trở xuống là chánh nói biệt an. Chính là nhìn chung tên riêng. Chẳng được xem là riêng thứ lớp. Nếu nhìn trở xuống là văn kết trong hội số riêng vẫn thành chung. Chung tức là viên, một tâm dưới tức chỉ viên này. Vì đối với pháp tánh mà phân tín pháp và bốn tất đàn hồi chuyển lại giúp nhau cho nên riêng. Lại dùng trong chung một chỉ một quán đối pháp đối tín, tự tha đều như thế. Trong đó trước nói giáo tha. Bồ-tát thường nuôi lợi tha làm gốc, cho nên trước (người), sau (mình). Thánh sư ba sức, Trung đạo không tuệ gọi là Tuệ nhãn. Tuệ nhãn soi cơ gọi là Pháp nhãn mặc tình đâu được gọi là hóa đạo. Đây là ba năng lực không thể nghĩ bàn. Cho nên ở một nhãn mà phân ra hai tên. Như Cúc-đa trở xuống là kế dẫn các đa hóa tướng đệ tử để chứng Thánh sư. Cúc-đa tuy ở vị La-hán mà đã ở loại phó pháp Thánh sư, cho nên biết tức là bốn y nhân dạy đệ tử leo lên cây. Như quyển bốn dẫn. Nhờ ăn mà ngộ, có một Tỳ-kheo tánh thích ăn uống, do

ưa thích này mà chẳng được quả Thánh. Cúc-đa mời lên phòng đem cho sữa nai thơm, bảo đợi nguội hãy uống. Tỳ-kheo liền thổi cho nguội, bạch Tôn giả rằng đã nguội rồi! Tôn giả nói: Sữa tuy đã nguội nhưng tánh muốn của ông còn quá nóng. Vậy phải quán nước để diệt lửa tâm ông. Lại đem bát không bảo nhả đồ ăn ra rồi lại ăn vào. Tỳ-kheo nói: Đờm dãi đã nhổ rồi làm sao ăn lại được. Tôn giả nói: Tất cả thức ăn uống không khác với đây. Ông chẳng quán vọng sanh tham đắm. Nay ông phải quán tưởng ăn bất tịnh, rồi vì nói pháp mà được A-la-hán để trách cứ. Cúc-đa hiện hình giống như người nữ. Trong nhiều đệ tử có một vị Tỳ-kheo tín tâm xuất gia, được bốn thiền bảo là Tứ quả. Cúc-đa phương tiện mời đến chỗ Ngài. Giữa đường hóa thành đám giặc cướp lại hóa ra năm trăm lái buôn. Giặc cướp đến giết hại lung tung Tỳ-kheo sợ hãi liền nghĩ rằng: Ta không phải La-hán, chỉ là quả thứ ba. Bọn lại buôn chết cả rồi, có một cô gái con Trưởng giả bảo Tỳ-kheo rằng: Xin Đại đức cùng đi với tôi. Tỳ-kheo đáp: Phật không giao tôi cùng đi với người nữ. Cô gái nói tôi đi theo Đại đức sau. Tỳ-kheo thương xót cho nhìn mà đi. Tôn giả kế lại biến ra sông lớn. Cô gái nói: Đại đức hãy qua với tôi. Tỳ-kheo ở dưới, cô gái ở trên dòng. Cô gái té xuống nước la lớn: Đại đức cứu tôi, khi ấy Tỳ-kheo nắm tay kéo lên. Vì chạm tay nên khởi tâm ái dục, liền tự biết mình không phải A-na-hàm và rất mê đắm cô gái này, đến chỗ vắng muốn chung dâm mới thấy là thầy mình, bèn rất hổ thẹn đứng gục đầu. Tôn giả nói: Ông xưa tự bảo là A-la-hán, sao lại muốn làm việc ác này, bèn dẫn đến tăng bảo sám hối, rồi vì nói pháp yếu mà được A-la-hán. Cho nên biết người tu tập Thánh giáo không biết rõ thứ vị mà sanh vượt quá, cũng dễ khai giải. Từng nghe có một người tự bảo thành Phật, đợi trời chẳng sáng cho là ma chướng (che), rồi chẳng thấy Phạm vương thỉnh nói pháp, thì biết là chẳng phải Phật, nhưng vẫn tự bảo là A-la-hán. Người khác nắng chửi thì tâm sanh dị niệm, tự biết chẳng phải A-la-hán, nhưng vẫn tự bảo là quả thứ ba. Thấy người nữ khởi dục thì biết mình không phải bậc Thánh. Đây cũng do biết giáo tướng. Chẳng đãi chẳng quá, là không phải chưa dọcc mà hóa gọi là thời bất đãi, không phải cơ dọcc chẳng hóa, gọi là thời bất quá. Thời cứ tương ưng, tương ưng hành tướng phải nói pháp tương ưng hiện thân mà độ. Nay chỉ dẫn hai câu nhiếp hết ý kinh. Cho nên biết Thánh sư vị ở Sơ trụ. Sơ trụ là gốc được pháp thân, vì sanh khởi ứng hóa. Rùa mù là dụ cho Thánh sư khó gặp. Như ngoài biển lớn có một con rùa mù khi ấy trong biển có một khúc cây nổi. Cây chỉ có một lỗ chứa thân con rùa. Con rùa này ba ngàn năm mới bò ra một lần thì trăm ức ngàn

năm mới gặp được bộng cây nổi. Cho nên Đại Kinh quyển hai nói: Sanh ra đời làm người là khó, gặp Phật sanh lòng tin càng khó. Cũng như ngoài biển lớn rùa mù gặp được bọng cây nổi. Cũng như một hạt cải từ trên cung trời Đao-lợi rơi xuống làm đâu gìm được vào đầu một cây kim nhọn cắm dưới cõi Diêm-phù-đề. Phật diệt độ rồi đều có bốn y. Chúng sanh đức mỏng do đâu gặp được. Kế nói phàm sư thi hóa, kém hơn Thánh sư vì không có ba năng lực. Thí như trở xuống là dụ có ba năng lực mà cũng vô ích. Cho nên khiến phàm sư thi hóa, như thầy thuốc pháp ở đời, thầy thuộc cao cấp thì chỉ nhìn sắc mặt mà cho thuốc, thầy thuốc cấp trung thì nghe tiếng, còn thầy thuốc cấp thấp thì bắt mạch. Cũng như các Thánh sư quán thấy có ba nghiệp của chúng sanh mà hóa hiện ba luân. Nhìn sắc như quán thân nghiệp, nghe tiếng như quán nghiệp nghiệp, bắt mạch như quán ý nghiệp. Chướng nặng không cơ duyên, dầu là Thánh sư cũng chẳng thể hóa. Nên nói cũng chẳng thể khởi tử v.v... Nếu chẳng hiểu trở xuống là nói không có ba thuật hoặc có hữu ích. Chỉ nhắc lại chẳng thể quán ý nghiệp mà chỉ quán hai nghiệp kia. Y theo lời nói mà làm phương cũng có được lợi ích. Thì Đại sư tự bác bỏ ta là phàm sư. Chúng sanh đã không có duyên gặp bậc Thánh mà gặp phàm sư này thì cũng được lợi ích. Cho nên nói đào thoát. Tức Đại sư tự khiêm nhường bị vật chẳng trọn, gồm bày đời sau chớ bỏ hóa đạo. Đều hỏi bệnh cho nên nói y theo lời nói. Như các văn sau đều nói: Thầy phải hỏi. Và người ấy nếu nói v.v..., tức là tướng ấy. Thân tử trở xuống là nêu trong Tiểu thừa là người khéo nói pháp, xoay bánh xe pháp dùng trí tuệ bậc nhất mà còn tự sai cơ. Đại Kinh quyển ba mươi bốn nói: Tuy có Thân Tử, Mục-liên không phải chân tri thức, sanh một xiển-đề tâm nhân duyên. Như ta xưa ở Ba-la-nại Xá-lợi-phất dạy hai đệ tử: Một người quán xương trắng, một người đếm hơi thở, qua nhiều năm đều không được định. Vì duyên ấy nên đều sanh tà kiến, nói không có pháp Niết-bàn vô lậu. Nếu có thì tôi đã được rồi. Ta khéo trì giới đã thọ. Cho nên lúc này thấy hai người ấy sanh tâm tà kiến bèn gọi Xá-lợi-phất mà trách. Vì sao nói pháp trái ngược cho hai đệ tử ấy nghe, hai đệ tử của ông tánh đều khác. Một người chuyên giặt áo một người làm lò rèn. Người làm lò rèn phải dạy đếm hơi thở, còn người giặt áo phải dạy quán xương trắng. Vì dạy lầm nên sanh tà kiến. Ta bèn vì họ mà nói pháp thì hai người nghe xong đều được La-hán. Cho nên ta là chân thiện tri thức của chúng sanh. Luận Trang Nghiêm nói: Giặt áo dần trắng như xương, hay dọct hơi lò rèn thì khéo biết hơi thở. Phàm phu còn bị ràng buộc, nếu nói chung thì sáu căn năm phẩm đều thuộc phàm

sư, chưa phá vô minh đều còn ràng buộc. Nếu nói riêng, thì là năm phẩm vị. Sáu căn thanh tịnh lìa hai phược, tức giống Thánh sư. Y theo văn phân biệt trong quyển một, thì lấy chung sáu căn để làm Phàm sư. Trước chỉ Thánh sư ở Sơ trụ, sáu căn còn gọi là bệnh Đạo sư, huống chi là Bồ-tát ba tạng tất cả chưa dứt. Kế kết bày như văn. Tha hữu trở xuống là xếp hạnh. Tát-bà-đa trở xuống là phiếm dẫn hai luận để nêu đồng khác, không phải dụng ý của luận. Nếu ở Tiểu tông đều y theo một môn, chưa là đạo chung phương trùm khắp. Như Tỳ-đàm quyển mười lăm nói: Độn gọi Tín hạnh, lợi gọi là Pháp hạnh. Tín hạnh là ít quán sát, pháp hạnh là quán đồng với Tát-bà-đa. Đó chỉ xếp vào vị kiến đạo. Ít quán sát là môn chánh nhân. Nay dẫn hai hạnh Đàm-Vô-Đức đều ở trước đời thứ nhất, nên nói phương tiện. Song số trở xuống là từ dung hòa chung, số cứ hạnh thành, cho nên ở kiến đạo. Luận y cứ vào căn tánh nên ở phương tiện. Như nhiều luận nói sở nhân khác nhau, tức giống nhà nay một bề căn tánh, Đức tông nhiều ít khác nhau, tức giống nhà nay căn tánh (giúp nhau). Cho nên hội mà lại hai còn. Lại A-tỳ-đàm trong Sử Kiền-độ chép: Người Kiên Tín có tuệ như thế, người Kiên Pháp có tín như thế, vì sao một người chỉ gọi kiên tín, một người chỉ gọi kiên pháp? Đáp: Đều tùy sở nhân, từ hơn mà đặt tên, đều là cùng có. Đây cũng giống như ý (giúp nhau). Tỳ-đàm lại nói: Định vào gọi là Tuệ, tuệ vào gọi là Pháp. Nếu y cứ vào văn đầu định tuệ đều phải dùng nội tư làm pháp. Nghe định tuệ gọi là Tín. Cho nên văn nay chỉ quán đều lập tín. Pháp hai hạnh. Sư nay trở xuống là chánh nói tướng hai hạnh của sư, thì lấy nhân lâu làm hạt giống hiện tại. Nói hiện có, phải nhờ nhân lâu. Nhân lâu khác với Đức tông phương tiện, hiện tại cũng khác nhiều luận hạnh thành. Cho nên nhà nay chỉ luận hợp giống xưa, hiện kham tu quán cho đến nghe pháp. Nghiệm nay biết xưa được tên hai hạnh. Đại Kinh quyển hai mươi chép: Như có chú thuật như có một lần nghe thì hai mươi năm sau không bị trúng thuốc độc. Nếu có tụng trì thì đến chết cũng không bị các bệnh. Là pháp Đại thừa cũng giống như thế. Nếu có chúng sanh một lần nghe qua thì về sau bảy kiếp không đọa đường ác. Suy nghĩ nghĩa ấy sẽ được Bồ-đề, tịnh thấy Phật tánh. Nghe qua tai liền thành hạt giống tín hạnh, suy nghĩ tức là hạt giống pháp hạnh. Pháp Hoa chép: Nếu có nghe, hiểu, suy nghĩ, tu tập v.v... Lại Đại Kinh chép: Một là nghe chánh pháp, hai là suy nghĩ nghĩa ấy. Kinh luận loại này đều giống tín pháp lâu xa. Nếu luận trở xuống là nhà nay xếp vào lợi độn. Lại cùng được tên khác nhau. Hai luận một bề mà phán. Đã nói trở xuống là kết trước sanh sau. Sư phải trở xuống là muốn vì nói

pháp trước xét căn tánh. Định là chỉ, tuệ là quán, ông đối với hai thứ này có quyết chí nghe và suy nghĩ chăng? Người ấy trở xuống là nói rõ căn tánh được ưa chuộng. Đã biết trở xuống là bệnh tướng căn tánh định rồi, đối với một người y theo lời nói mà làm phương chỉ quán đều bốn cho nên chợt thành tám. Trong văn mỗi quán đều có ba ý: Một là bày pháp tướng, hai là chỉ rộng, ba là kết thành tất-đàn. Văn đầu ý đầu. Nam tử trở xuống là chánh vì nói pháp. Tướng nói pháp tùy có tương ưng, tức tiện dẫn dùng hoặc Nho hoặc Tiểu, hoặc Thiên hoặc Tiệm. Nói gần mà ý xa, lại vì giúp thành Viên giáo Viên quán, bốn tất tín pháp là tướng chỉ quán. Vì kẻ hậu lai làm nghi thức hóa tha nói pháp. Cho đến y cứ trở xuống là kết văn. Ở mỗi văn có thứ và bất thứ, ý lại ở viên. Trong văn nêu bốn giáo cho đến thứ lớp ba quán mà nói, là ý ở nghe đều vui mừng là thiện đều sanh, ác đều phá. Thấy tất cả lý cho nên nêu khắp. Cho nên biết đến kết văn dưới mới khai thứ lớp. Thứ lớp thì trải ba đế, chẳng thứ lớp thì chỉ y cứ một tâm. Ở mỗi phen lấy sau so sánh trước đều thành bốn ý. Nghĩa là thứ lớp ba quán có ba, một tâm ba quán là một, một ý ấy. Lão Tử nói: Trời được một vì thanh, đất được một vì minh. Hầu vương được một vì làm thiên hạ chánh. Ý lão chỉ vì hợp đạo âm dương vì làm trời làm đất được một, hợp đạo hợp thần vì làm hầu vương được một. Nay bỏ lý ấy chỉ mượn tên ấy để chứng lý nay. Khổ tập được một tức là diệt đế, nhân duyên được một tức là vô minh diệt thì hành diệt v.v... Sáu tệ được một tức là đền bở kia. Phàm dẫn sách tục đều so sánh như thế. Một là cao nhất của ba thừa. Cho nên nói chỉ đây là quyết. Quyển cho nên thích dục lạc, như trời quá hạn. Kháng cũng là hạng. Trăm trong muôn đều là số cực nhỏ, tùy tiện cùng bày, mãng là gọi chung các thứ cỏ. Nêu nó chẳng sanh là muốn hiển mưa xuống để thành sanh. Sanh tức là sanh thiện, rồng Ta-già là văn kinh Hoa Nghiêm. Trường A-hàm lại nói: Long vương A-nậu-đạt thân tâm làm mưa đầy khắp Diêm-phù-đề. Văn nay nói: Bốn phương mưa xuống chính là đó. Nói bảy ngày, là Long vương Ma-na-tư khi muốn làm mưa thì giăng mây trước đó bảy ngày, khiến tất cả chúng sanh rốt ráo các nghiệp, dần dần mới giáng mưa nhỏ vì sợ tổn thương vật. Người cũng như thế trở xuống là hợp dụ. Mà chẳng hợp bảy ngày cho đến bốn phương. Chỉ hợp ý đường chung mưa xuống. Hợp sông gồm do thêm cây đạo phẩm, đã không phải toàn lấy ở Chánh kinh, thừa thiếu tùy thời. Trước xếp hợp gốc lành chẳng sanh. Nếu hay trở xuống là chánh hợp gốc lành sanh. Có thể đối ba quán bốn giáo mà giải thích. Phát các thiền như mưa, là nếu phát thiền định thì vô lượng pháp lành, tất cả pháp môn đều do thiền mà phát. Nhu đảnh

v.v... là ba tạng. Nhẫn trí v.v... là vị trong Kiến đạo. Khổ pháp nhẫn là trí. Khổ tỉ nhẫn là minh, khổ tỉ trí là giác. Thuận nhẫn v.v... là các gốc lành trong Thông giáo. Ngoại phàm là tín, nội phàm là thuận. Các văn đều lược, vắng lặng vô sanh là gốc lành trong Biệt Viên. Đây đều là nhân thiền tịnh mà sanh, tức nghĩa sanh thiện. Duyên dụ v.v... là các thứ nhân duyên các thứ thí dụ. Nhân duyên chỉ là dẫn rộng xưa nay cùng thành nghĩa này. Dưới đây là so sánh như thế. Voi say như quyển đầu đã giải thích hang rắn trong Đại luận quyển ba mươi ba. Quyển bảy lại dẫn cũng đồng với ý không có móc sắt. Năm Ế, kinh luận đều nói rất giống nhau. Thành Luận chép: Thí như mặt trời, mặt trăng tánh vốn sáng sạch, mây khói, bụi mù v.v... năm ế (che mù) đều chẳng hiện v.v... là do tay của A-tu-la. Nhĩ nhã nói tối và gió gọi là ế, ế là che ánh sáng. Nay thì lấy chung năm thứ đều có thể che gọi là ế. Lại gió thổi nổi bụi mù gọi là ai, khói mây mù nổi lên gọi là ải. Ải là mây che. Diệu linh là tên mặt trời, tức là mặt trời bị che. Cũng có thể diệu là bày diệu (sao). Bảy diệu đồ chép: nhật nguyệt và năm sao gọi là bảy diệu. Nhật là dương tinh, nguyệt là âm tinh, năm sao là chấn. Nói linh là Đại Đái Lễ chép: Tinh khí dương gọi là Thần, tinh khí âm gọi là Linh. Nhĩ Nhã nói: Tám phương thần là tám linh, năm ế che tối tám phương. Cho nên, sách tục phàm giải thích thần linh biến hóa tinh vi và đạo tánh v.v... thì chẳng ngoài âm dương. Giáo ấy chưa biết đạo xuất thế. Lại Đại Kinh thí dụ nhật nguyệt lại là khói mây bụi mù và tay Tu-la che tối. Khiến các chúng sanh chẳng thấy được, đã bị phiền não che chướng, cho nên phải đối trị. Tiếp gần nêu xa. Tiêu là khí đỏ gần trời mây được ánh sáng mặt trời mầu đỏ rất dễ thấy. Mây không thật thể mà thấy được. Trung Luận, Đại Kinh đồng nhiều khác ít. Đại Kinh quyển hai mươi sáu chép: Có nhiều nhân duyên chẳng thể thấy, như dấu chim trên hư không, do gần mà không thể thấy như mí mắt, vì hư nên chẳng thể thấy như mắt hư do loạn mà chẳng thể thấy như chẳng chuyên nhất, do nhỏ mà chẳng thể thấy như bụi nhỏ, vì che mà chẳng thấy như mây che mặt trăng, do nhiều mà chẳng thể thấy như đậu trong đậu. Trung Luận thêm xa mà chẳng thấy như tiêu thì không có căn bị hư. Nay ý của văn là do phiền não nên chẳng thể thấy, do xa mà chẳng thể thấy như trong chẳng thấy, do gần mà chẳng thể thấy như chẳng thấy tục. Nương vào tán tâm lại đến đều chẳng thể thấy, là nêu các điều ác đó hiển tu định này để làm chỗ trị. Cho nên mô trần màng và bại v.v... đều là chỗ phá, đèn trong nhà kín trừ gió ngoài, phá tối bên trong. Kim bài v.v... Đại kinh thứ tám ở phẩm Như lai Tánh, Ca-diếp hỏi Phật vì sao Phật tánh khó thấy khó

vào. Phật nói như trăm người mù vì trị mắt nên đến thấy thuốc giỏi. Thầy thuốc giỏi tức là rất dễ vẹt màng mắt, đưa một ngón hỏi thì đáp thấy ít. Hợp dụ rằng: Vô lượng Bồ-tát tuy thực hành đầy đủ sáu Ba-la-mật, cho đến Mười Trụ cũng chưa thể thấy. Như lai đã nói thì liền ít thấy. Đây chính là Mười Trụ Biệt giáo, nên nói chưa thấy. Sớ dẫn giải thích khác: Một nói ba ngón tay là dụ cho ba thừa, hai nói dụ cho ba tuệ, ba nói dụ cho ba giáo. Trước dụ Tiểu thừa Sơ giáo là một. Bát-nhã đến Pháp Hoa là một, Niết-bàn là một, bốn nói: Tín, thuận, vô sanh là ba. Chương An nói: Đã thí dụ Phật tín (tánh) chẳng nên giải thích khác. Tức dùng ba đế mà làm ba ngón tay. Ngón tay đầu như quán không, nên nói chẳng thấy. Ba ngón tay như Mười Trụ, nên nói ít thấy, tức là viên mười trụ. Kim Bài như giáo. Cho nên văn sau nói: Bồ-tát thềm bậc mười địa còn chẳng rõ ràng, nay từ nghĩa quyết mô dứt hoặc, cho nên nói đối trị. Nếu tâm bình đẳng, thế gian là pháp sanh diệt, xuất thế là pháp chẳng sanh chẳng diệt. Do định mà biết rõ nên nói như thế. Cũng có thể thế gian sanh diệt là giới nội tục. Xuất thế chẳng sanh chẳng diệt là giới ngoại chân. Giới nội lược chân, giới ngoại lược tục. Nội ngoại chân tục tức là ba đế. Ba đế là lý, tức là nghĩa bậc nhất, cũng còn lạc định. Vào định lại là ý nghĩa bậc nhất huống chi các phàm phu. Phàm phu lý hợp tu nghĩa bậc nhất. Phật bảy phàm cho nên trong các kinh nhiều chỗ có văn nói Phật nhập định. Hữu Thiền định, Đẳng, lôi quang ở quyển chín đã giải thích. Kiến đạo tức là y nghĩa bậc nhất. Tuy trong Thành Luận vốn thí dụ muốn Định nay chung dụng. Mới thấy đế lý đều gọi Lôi quang, đều gọi Kiến đạo. Phá vô minh số v.v..., ý dùng Nhất thiết chủng trí làm nghĩa bậc nhất. Lời phá ác nhân tiện đến tai. Người ấy nếu nói tín hạnh dưới y cứ quán bốn tất. Hai câu hỏi trước nên nay nêu đáp. Ta nghe v.v... là bác bỏ pháp hạnh. Ba ác v.v... là nêu khổ thế gian, huống chi là khổ xuất thế. Đốt cháy là địa ngục, rắn lửa là súc sanh như thế v.v... khổ khổ có kỳ hạn, si tối vô minh chướng ba khổ đế trọn đến thật báo, nên nói là đại khổ. Phương ngung có thể dụ cho lý quyền thật. Bốn phương gọi là phương, bốn duy gọi là Góc. Góc như quyền, phương như thật. Nhĩ Nhã nói: Góc Tây Bắc gọi là ốc lậu. Góc Đông Bắc gọi là quạn, quạn âm di. Quách nói chưa rõ. Ma Cảo nói: Dưỡng dưỡng muôn vật. Góc Đông Nam gọi là Đột. Góc Tây Nam gọi là Áo, tức là chỗ ẩn kín trong nhà, cũng có thể nói bốn đế sanh diệt như góc bốn đế vô sanh như phương. Hai giáo giới ngoại phương góc cũng như thế. Học rộng phân biệt, y cứ theo bốn câu này đều lấy lạc làm tên. Câu đầu nói học rộng v.v... lạc tức lạc dục, văn tức tín hạnh có thể đối thế giới. Sửa đổi

điều ác v.v... là nói tướng từ xưa nay mà thôi. Nếu hết một bài kệ là ý đủ nghĩa bốn tất. Bốn câu thứ lớp để đối bốn tất rất dễ thấy. Như dạy chí đạo chẳng phải đạo, bốn thứ đạo phẩm gọi là Đạo. Phần đoạn biến dịch gọi là chẳng phải đạo. Giới nội lấy Ba đường làm hầm hố, giới ngoại lấy phần đoạn làm hầm hố. Phân biệt đạo, phi đạo v.v... ngăn cách khác nhau tức ý thế giới. Nguyệt khai v.v... hoa sen xanh nhân trăng mà nở, hoa sen đỏ do mặt trời mà nở. Có người nói hoa sen trắng nhân mặt trời, đều lấy nở ra ấy là nghĩa người. Đại Kinh quyển chín nói: Thí như hoa sen bị mặt trời chiếu đều nở. Nhật hưng v.v..., Đại Kinh quyển chín nói: thì như xây cất đến tối thì nghỉ, nếu chưa xong phải đợi sáng. Nghĩa đồng với mặt trăng. Chủ giao hỏa đạo đều dụ cho quán, thương hoạch lôi manh đều dụ ở hạnh hạnh tức là thiện. Từ Thắng nêu riêng trí Nhất thiết chủng cũng thôi ở quán. Chủng trí là cao nhất trong thiện, các thiện khác chỉ là quán trang nghiêm. Oán tức là ác, biết tức là tự quán. Võ tướng có mưu như Tần tướng Vương Tiễn; Ngụy tướng Ngô Khởi, Liêm Pha; nhóm Lý Mục, Trương Lương, Phàn Khoái. Vì khéo phá trận nên để dụ phá ác, đều phải giải thích rõ là phá ác ba hoặc. Kế mây nóng lửa rối đều dụ cho ác bị phá. Dây buộc so sánh thì có thể được ý. Bảy báu trong giếng, người cũng biết tối nên chẳng thấy. Có phương tiện khéo là đốt đèn sáng lớn đem đến soi rõ thì đều được thấy, người ấy chẳng hề nghĩ là nước và báo xưa nay có. Niết-bàn cũng như thế, chẳng thể nói là xưa không nay có. Bình chậu cũng như thế. Nay nói mặt trời sáng là nêu ánh sáng sáng nhất. Chúng sanh như giếng Phật tánh như báu, chúng sanh như nhà, Phật tánh như bình, và vô minh như tối, đèn mặt trời như trí, mặt trời chiếu như thấy. Nay trong văn này lấy mặt trời giúp đèn phải dùng trí tuệ bỏ kệ văn Bát-nhã thấy báo và pháp quán thật, tức ý nghĩa bậc nhất. Đẳng quán nhập, đến nghĩa bậc nhất nên gọi là nhập, biết các pháp thật và đẳng quán nhập, Bát-nhã là cao hơn biết, cho nên phải dùng quán nhập nghĩa bậc nhất. Mặc lại mặc là minh tư chẳng dời. Tổn lại tổn v.v..., là nói lý cho đến không tổn, Triệu Công đổi dụng. Nay lại y triệu, vì chân lý cực gọi là Vô tổn, phiền não tổn hết cũng gọi vô tổn. Bác bỏ tín hạnh văn thuộc hữu vi. Tọa trì v.v... Trang Chu quí ngồi mất nên nói trì vô ích. Nay mượn ý ấy quên nghe quán lý, tùy văn nói trì, ngoài tự lý các thứ kia đều nói trì. Lại ngoại thiên nói: Kính hiếu dễ, ái hiếu khó, ái hiếu dễ, mất thân khó, mất thân dễ, khiến thân mất ta khó, khiến thân mất ta dễ, mất cả thiên hạ khó, mất cả thiên hạ dễ khiến thiên hạ mất ta khó. Chú nói thứ thì khiến thiên hạ mất ta khó. Chú nói thứ thì khiến thiên hạ tự được, đâu

được chẳng mất ta ư! Lấy đó mà nói chỉ là Trang sanh không có trí quên người khác lại chê ngược người khác chẳng mất, mà khiến thiên hạ mất mình. Chú gia rằng: Thứ chưa đủ thích vong. Nay thiên hạ có thể do chẳng thứ. Kế nếu là mất sau chẳng hề mất. Mà xoay vần so rằng khó sau cùng ư! Cho nên biết ông chỗ thứ chẳng phải mất của người khác, mất của người khác đâu có liên quan gì đến thứ của ông, ấy thì ngồi mất có nói không làm. Nay mượn lời thành lý, y lý nói là mất. Phải là trở xuống là các câu đều phải biết các pháp là chỉ, tùy ý bốn tất, nói pháp nào chẳng đủ trở xuống là chỉ đủ mười độ, trong mỗi độ có đủ tất cả pháp. Thiện tuy vô lượng chẳng ngoài mười độ này cho nên cao nhất trong sanh, thiện nhất trong sanh thiện. Sáu trước rất dễ thấy. Nhân chỉ v.v... chỉ là phương tiện song phi, cho nên nói. Trong chỉ đủ các nguyện, cũng toại nguyện chúng sanh, cho nên nói tất cả có công dứt hoặc nên gọi là Lực. Đây là trung trí nên nói không hai. Chỉ đủ tất cả tức kết chung. Lại y cứ đương cơ nên nói đâu cần tu riêng. Bích định, nhà có bốn vách thì tám gió chẳng vào. Nếu được chỉ rồi lìa giới nội ngoại, trái thuận ác giác, tám gió chỉ là bốn trái bốn thuận. Tám gió trong sách. Nhĩ Nhã nói Nam là Khải phong, Đông là Cốc phong, Bắc là Lương phong, Tây là Thái phong. Từ trên xuống là Đồi phong, từ dưới lên là Đạm phong, cùng lửa là Thuần phong, hồi chuyển là Tuyền phong. Vách nhà cũng khỏi tám gió này cho nên lấy làm dụ. Cũng là tám gió bốn phương tư duy. Triệu Lộ kiến dương lộ như tán, dương như chỉ. Hy là càn, cũng như định, chỉ đại từ v.v... Từ định trị sân. Đại Minh Chú như Thích châm. Vì Đại Minh Chú là Bát-nhã, dứt trừ ác giác, tham dâm nhuế nộ si, nghi ác triêu lộ. Chỉ tức là Phật v.v... niệm Phật tự chướng đạo. Nay tu ở chỉ như Phật pháp trị chướng đạo mầu, A-già-đà và thuốc hay, cùng chú thuật khô khởi tử v.v... và nêu chỉ hay tự. Chỉ tức là thể chân v.v... dùng tên thứ lớp trong thích danh để thành lý không thể nghĩ bàn. Chỉ là Phật mẫu v.v... mẹ thật cha quyền cùng sanh con Phật. Cha mẹ tức nhau y theo trên sẽ biết, tức ý kinh Tịnh Danh. Lý thể vắng lặng chiếu soi là thầy Phật. Chỉ là thân Phật tức là hai thân pháp, ứng. Cũng có thể ba thân đầy đủ. Nhân gọi là chỉ. Quả gọi là nhãn. Định tuệ năng nghiêm, nay chỉ thuộc định nên gọi tướng tốt. Đủ tất cả pháp nên gọi là Tạng. Làm chỗ nươngcho các pháp nên gọi là Trụ xứ. Pháp nào chẳng đáng nhắc lại tiện nghi ở trước. Pháp nào chẳng trừ nhắc lại đối trị ở trước. Chính là thấy lý nên ác diệt, thiện sanh. Chánh giác v.v..., ở nhân gọi là quán, ở quả gọi là giác. Chánh Đại Biến v.v... mượn dùng khen quả trên. Năng sanh v.v... Tín giới v.v... năm thứ tức năm phần pháp

thân. Đã năng sanh năm phần tức là cao nhất trong sanh thiện. Hóa Đạo Đại Hành, tức đúng bệnh trao thuốc. Năng chiếu soi đạo, cũng là ý phá tối tăm, sanh được báu là dứt ác nghèo khổ chỉ phải siêng quán khai thị ngộ nhập, bốn thứ này đều là quán Vô sanh. Đủ như trong sớ y cứ quán tâm mà giải thích là nghĩa bậc nhất. Kế nói hồi chuyển. Trong bài tựa hai luận trước nói thỉ chung, là hai luận đều dùng thủy độn, chung lợi nay nói phút chốc nên chẳng đồng. Kế nói tự hành thì chỉ quán đều nói. Trước cũng nêu hai hạnh, giáo tha lấy nói pháp làm gốc, cho nên trước tín sau pháp tự hành phần nhiều ở suy tư cho nên trước pháp sau tín. Trong giáo tha trước mười sáu phen đều thuộc một người cho nên chỉ quán lìa nay trong tự hành đều ở một người, cho nên chỉ quán hợp nói. Lại trước đều hợp nay đều lìa v.v... Kế lạc vắng lặng trở xuống là chánh giải thích pháp hạnh. Ở trong bốn tất đều một chỉ một quán. Ở trong lạc dục trước là chỉ, nếu dục trở xuống là quán. Đều y thế giới vì đến lạc dục, vì ở đầu cho nên chưa nói lỗi sanh, cho nên chỉ nêu thẳng một chỉ một quán. Kế tâm ấy trở xuống là nói vì người v.v... ba thứ đều trước nói nhân đời trước sanh lỗi, kế dùng chỉ quán. Văn đầu là nhân trong thế gian dụng quán sanh lỗi. Lỗi tức là chút thiện chẳng sanh. Kế tức trở xuống là dụng chỉ. Nếu ngưng dừng trở xuống là nhân chỉ sanh lỗi. Kế phải giảo kế trở xuống là dụng quán. Nếu niệm niệm trở xuống là trong đối trị một chỉ quán. Văn đầu là nhân làm, vì người dùng quán sanh lỗi. Lỗi là ác lớn, tức đương trở xuống là dùng chỉ mà tự. Kế nếu tịnh trở xuống là dùng chỉ sanh lỗi. Tức đương trở xuống là dùng quán mà tự. Tu chỉ trở xuống là kế trong nghĩa bậc nhất một chỉ một quán. Văn trước tuy trong Thượng trị dùng chỉ dùng quán lý chẳng khai phát. Văn đầu dùng chỉ chẳng khai tức là lỗi vậy vốn là thấy lý, lý đã chẳng phát nên gọi là lỗi. Kế tức phải trở xuống là dùng quán khiến khai. Kế tu quán trở xuống là lỗi sanh. Kế phải trở xuống là dùng chỉ khiến khai tín hạnh dưới. Kế trong tín hạnh bốn tất đều một chỉ một quán. Trước trong lạc dục cũng như ý trước. Chỉ thẳng đến lạc dục nói một chỉ một quán. Thính quán trở xuống là kế trong vì người một chỉ một quán. Trước nói lỗi sanh v.v... là văn đầu sanh lỗi. Tức phải trở xuống là nghe chỉ khiến ích, hoặc nghe trở xuống là sanh lỗi,tức phải trở xuống là nghe quán khiến được lợi ích. Hoặc khi trở xuống là trong đối trị một chỉ quán. Trước nghe quán sanh lỗi, tức phải trở xuống là nghe chỉ mà trị. Hoặc đem trở xuống là nghe chỉ sanh lỗi, tức phải trở xuống là nghe quán mà tự. Hoặc nghe trở xuống là trong nghĩa bậc nhất một chỉ một quán, chẳng nói sanh lỗi. Thẳng rằng mênh mông rộng lớn là tướng được ích.

Trước là ba tấc như thuốc đời mà trị. Đây là nghĩa bậc nhất như Như lai mà trị, cho nên chẳng sanh lỗi. Kế là hồi chuyển rất dễ thấy.

Lại nữa trở xuống là giúp nhau trước nêu ý đến. Như pháp hạnh trở xuống là chánh bày tướng giúp nhau. Nếu pháp nhiều tín ít thì gọi là Tín giúp pháp, nếu tín nhiều pháp ít thì gọi là Pháp giúp tín. Cũng nói chánh trợ. Trước nói tín giúp pháp, đã nói giúp nhau, chính là hai hạnh tín pháp đều có ích. Trước bốn tất trong chỉ nói pháp hạnh, đã Tín giúp pháp, vì pháp làm chánh từ pháp hạnh mà đặt tên, nên nói như pháp hạnh, là trước nói chung tín dùng làm năng tư, quán bốn tất dưới. Nếu đủ nói rộng phải mỗi tất trên đều nói: Tùy nghe một câu cho đến đều trái. Vì tránh văn rườm nên nêu một câu đầu. Lại ngồi trở xuống là pháp hạnh lạc dục. Kế dưới có ba cái lại nghe, tức trong pháp hạnh vì người v.v... ba thứ. Lại nghe bốn tất trong quán dưới, Tín giúp pháp tức trong hai tất đều có nói nghe quán. Hai tất dưới lược so sánh chỉ rất dễ hiểu. Phá ác tức đối trị. Muốn ngộ tức nghĩa bậc nhất. Hỏi: Sao chẳng nói ngộ, mà nói muốn ngộ? Đáp: Đây là nghĩa bậc nhất trong bốn tất. Cần gì phải chứng lý gọi là nghĩa bậc nhất. Chỉ lấy tướng, không phải ba tất trước. Phụ lý khí phần tức thuộc nghĩa bậc nhất. Văn trước chỉ nói mênh mông rộng lớn mà thôi. Đây chính trở xuống là kết tín giúp pháp. Tín hạnh trở xuống là pháp giúp tín. So với pháp hạnh ở trước có thể lấy ý mà biết. Đó là trở xuống là kết Pháp giúp tín. Phàm tâm địa trở xuống là kết ý an tâm. Vì trong an chung chỉ có chỉ quán. Nay vì bốn tất v.v... nên nói theo nguyện thêm ăn uống hoàn tán âm dương ba cặp mà dụ. Trong mỗi cặp đều khắp ý trước, hợp thành ý bốn tất. Tùy chỗ nguyện là lạc dục. Ăn uống là sanh thiện, hoàn tán là đối trị, âm dương là thấy tánh, tức là nghĩa bậc nhất. Một thứ trở xuống là nói lỗi tu nghiêng lệch. Cho nên biết hai sư không phải chỉ có chỉ quán dùng riêng. Chính cũng không có một chỉ một quán trong tín pháp v.v... hai sư dẫn kệ đều chưa thấy chánh điển, đều tùy một môn được vào. Vì tự hành được bẩm, chưa gặp đường chung. Tiện dùng thiên môn khiến khắp người học, đến nỗi khiến người học kia đây trái nhau. Nếu thế thì thiện của trời người còn không làm sao khắc đến Diệu chân. Cho nên dẫn Đại kinh một bề uống sữa. Trong kinh quyển ba Phật bảo Ca-diếp: Thí như Trưởng giả có nhiều trâu, sắc tuy các thứ cùng đồng một bầy, giao cho người chăn khiến đến cỏ nước. Chỉ vì đề hồ chẳng cầu nhũ lạc. Lúc đó, người chăn rồi tự ăn. Trưởng giả chết rồi, bầy trâu đều bị giặc cướp bắt. Giặc được trâu rồi không có phụ nữ bèn mở ra tự ăn. Đám giặc bảo nhau Trưởng giả nuôi trâu chỉ vì đề hồ chẳng cầu nhũ lạc, phải tín kế gì mà được ư?

Lại bảo nhau chỉ có túi da có thể đựng đầy. Tuy có chỗ đầy chẳng biết dùi lay, nước cũng khó được huống chi là lạc tô. Bấy giờ, đám giặc vì đề hồ nên thêm nước vào, vì nhiều nước nên tất cả đều mất. Nay hai sư này chấp riêng Đại lý tịch chiếu định tuệ, nghĩa vì đám giặc chẳng biết dùi lay, Phật vì sao nói các thứ ư? Dẫn các bốn tất lại bác bỏ thiên mê. Nếu đến trở xuống là trải ba thứ chỉ quán để kết số trước. Nói nếu đến là lời lập riêng. Văn tuy chỉ đốn nếu lại y cứ riêng thứ lớp ba quán, thì mỗi quán đều có một trăm hai mươi tám cho nên mê đắm lời nếu đến. Thứ lớp ba hợp cho nên lập một tâm. Y trước lại nêu nên nói mà thôi. Người thấy sau ba phen lại nói một tâm, liền bảo đốn v.v... ngoài ba chỉ quán, lại lập một tâm, tức một tâm này chẳng liên quan đốn ở trước. Nay an tâm, là y diệu cảnh ở trước và diệu nguyện ở trước. Cho nên văn trước nói hạnh phải lấp nguyện thì hạnh nguyện tương xứng, cho nên hướng an tâm hoặc chung hoặc riêng, đều là viên đốn lấp nguyện viên đốn. Lại khai đối với thứ lớp ba quán, trong mỗi quán đều có một trăm hai mươi tám trước, đối bổn một tâm, thành bốn phiên một trăm hai mươi tám, hợp năm trăm mười hai, người chẳng thấy mà vọng sanh xuyên tạc, huống chi ba thứ không, giả, trung, chẳng khác ba thứ đốn, tiệm, bất định cho nên trước không thể nghĩ bàn, chưa từng trong tên khác mà phát làm ba quán. Quán thành làm ba trí, giáo tha làm ba ngữ, qui tông làm ba đường. Ba thứ tức là đốn v.v... ba thứ vì một bộ văn cùng thành một ý, còn sợ sợ lậu, đâu có ngầm trong kết số. Chỉ nói một tâm tức khiến diệu hạnh thành đây. Đây thì các văn trên dưới đều là rườm rà, như trong quyển đầu và ba, bốn đã toát yếu văn chỉ. Chẳng thấy ý này tụ mất an tâm. Tự an đã không giáo thì tha làm sao còn. Phải từ xưa đến nay, câu móc nương nhau, ngang dọc cao vời, trước sau quán đới mới thành hạnh nghi. Đâu có vội đó mà lập dị kế này như trong phá khắp mỗi câu kiến, mỗi phẩm trần sa vô minh đều nói tín pháp giúp nhau hồi chuyển, tức là kiến phẩm tư phẩm không biết vô minh đều sáu mươi bốn phen. Ngang dọc chẳng hai tức là một tâm. Cho nên tự tha đối nhau cũng đều có đủ một trăm hai mươi tám. Đây nói năm trăm mười hai phen là từ hợp nói tùy đế nói. Nếu hiển nhau mà nói tức dùng thứ lớp hiển chẳng thứ lớp, đủ như các văn trước sau phân biệt, đâu chỉ y cứ nghĩa chẳng thứ lớp. Sau lập ba cái một trăm hai mươi tám, chỉ y cứ ba thứ trong một không thể nghĩ bàn lấy làm ba phen, một trong ba mà làm một tâm. Ba - một cùng luận cũng có năm trăm mười hai. Hỏi: Người Viên đâu được ba quán luận riêng tín pháp giúp nhau có khác. Đáp: Thứ sáu sau có nói nhiều vào không, ít vào giả, trung v.v... Đã cho vào riêng

cũng có thể quán riêng. Lại phá riêng đầu, vô sanh là đầu, vô sanh tức không. Không môn đã thế, các môn khác cũng như thế. Tùy nghi bèn thành bảy câu khác nhau, còn thành bảy phen một trăm hai mươi tám, đâu những ba đế ư? Cho nên biết tự tha đều có bảy câu. Nếu quán thứ lớp chỉ được là ba. Ba đều trở xuống là nói bốn tất trước, tuy là năm trăm mười hai phen chỉ nói tín pháp hoặc dùng chỉ quán đều nhiếp hết. Vì xếp quyền thật phải y cứ bốn tất. Cái gọi là: Thuốc đời v.v... là mượn văn trong Đại luận để thành ý nay. Cho nên chỉ thuộc thế đế, xếp vào thuốc đời. Như ở thế giới sau lại hải sanh thiện. Nếu thiện chẳng sanh lại phải phá ác. Ác bỏ chẳng bỏ đều phải chấp lấy. Cho nên nói ba đều sai rồi lại sanh đến nghĩa bậc nhất, nếu chưa vô sanh ở đây sẽ khế. Cho nên nói sai rồi lại chẳng phát lại, huống chi kết rằng: Pháp thế, xuất thế giúp nhau thành hiển. Cho nên mỗi hạnh đều trải qua bốn tất. Tuy hạnh có ba tất ắt phải lý. Nếu vào nghĩa bậc nhất thấy lý chưa sâu, lại phải lại dùng ba tất mà thành, huống chi ba tất vốn là nghĩa bậc nhất. Nên nói hiển nhau, huống chi khai quyền hiển thật thứ lớp bốn tất. Còn đều vào ở bất thứ thứ tư, huống chi đây là ba trong bốn tất không thể nghĩ bàn, huống chi ba trong không thể nghĩ bàn đều là nghĩa bậc nhất. Nếu lìa trở xuống là lại bày diệu cảnh ở trước. Vì chỗ an, chỉ quán bốn tất chỉ là phương pháp năng an mà thôi. Nếu tâm an trở xuống là giải thích nghi. Nghi rằng: Vì mỗi hạnh phải như trước các câu an chăng? Nên nay giải thích rằng: Nếu tâm an ở đế một câu liền đủ. Như trước chung an, chỉ an pháp tánh, nếu chẳng an thì bỏ chung dùng riêng. Trong riêng hoặc chỉ một tất liền đủ. Dùng quán thế giới tức nghĩa bậc nhất, hoặc dùng hai câu cho đến nhiều câu, cho đến dùng đủ sáu mươi bốn phen, cho đến dùng nhiều sáu mươi bốn phen. Cho nên nói khéo dùng phương tiện giúp tâm được an. Một mắt trở xuống là nêu thí dụ. Vì đậu nhiều người hoặc một người trước sau nên phải bày rộng. Nếu tuy được vào thì chẳng cần nhiều. Cho nên nói mắc vào một mắt lưới chim. Nói một mắt là cứ vào lời sau cùng nhập pháp, một đời làm đâu chỉ một mắt, cho nên hoặc một người dùng nhiều, hoặc nhiều người dùng một. Huống chi một người trước sau chẳng phải một mà nói được. Cho nên dưới hợp nói: Như nhiều chúng, một người cũng lưới chim gọi là la, lưới thỏ gọi là để hay ta. Chúng sanh trở xuống là hợp. Bổ là thợ săn đuổi bắt trên đất bốn phá pháp khắp. Trước lược nói ý đến. Trước lập bày câu hỏi, tức y cứ cảnh không thể nghĩ bàn trên mà lập câu hỏi. Cho nên nói pháp tánh thanh tịnh chẳng hợp chẳng tan, tức là một niệm ba ngàn trong cảnh lìa bốn tánh chấp, cho nên lược nói chẳng hợp chẳng tan. Hợp tức một

niệm, tan tức ba ngàn. Chỉ chúng sanh trở xuống là ý đáp. Y cứ lý không thể nghĩ bàn và hoặc chẳng phải một khác, phá và chẳng phá tùy mê vọng nên sự phải lập phá. Chúng sanh từ vô thỉ toàn thể điên đảo, ai nói nhiều ít, chỉ thêm giải cảnh phát tâm an tâm. Tâm đã chưa an nên nói ít, hoàn toàn chưa phá nên lại nói phá. Trước dùng định tuệ ở pháp tánh nên gọi là An. Nay vì y cứ giáo bốn câu thôi trách tâm chẳng an, nên gọi là phá. Phá đều an, an đều phá, được gọi là tùy sự tâm cảnh chỉ một. Trên là thiện xảo, dưới là y cứ tâm an trên đối nói mà phá chăng. Nếu đã an ở đế, định tuệ đã phát, đó tức là phá, đâu cần đến nay lại phải luận phá. Kế nếu chưa trở xuống là chánh nói ý phá. Vì chưa an, nếu chưa phá, nay lại nói phá, nên nói: Nếu chưa tương ưng v.v... Nói có tuệ của định, vì vậy an tâm phá khắp đều là bặt đãi, đều đủ định tuệ. Nay y cứ vào sơ tâm muốn vào chưa vào, tùy sự điều phục cùng dùng khác nhau, hoặc phải có định của tuệ như an tâm trước, hoặc phải có tuệ của định như nay phá khắp. Cho nên từ hạnh đặt tên, tên chẳng dối lập. Lại trong an tâm ở trước, trước thôi pháp tánh vì nhiều từ định, cho nên nói an. Nay ở trong phá trước y cứ giáo môn nghĩa nhiều từ tuệ, cho nên nói phá. Hai văn gồm đủ, pháp thể chẳng khắp. Cho nên tín pháp trước không gì chẳng phải pháp tánh chỉ quán. Nay đây Vô sanh cũng do đồng thể chỉ quán. Song phá pháp trở xuống là muốn nói môn phá pháp Vô sanh. Lại trước nêu chung các môn khác nhau từ rộng đến hẹp để chỉ vô sanh. Cho nên trước nêu kinh luận nói về các môn tức là giáo hạnh trí lý. Văn tự tức là giáo làm môn. Bốn mươi hai Tự Đại Luân Đại Phẩm trong giải thích rộng. Đại sư Nam Nhạc chia làm hai giải: Một là y cứ chung ba thừa, hai là y cứ biệt viên đốn. Nay bỏ chung theo đốn. Đại Phẩm nói: Đại Bồ-tát cái gọi là ngữ v.v... tự v.v... các chữ vào tự môn A, tự môn A đủ tất cả pháp. Cho đến chữ trà hết các pháp, rốt ráo cùng đây chẳng trọn chẳng sanh, qua khỏi chữ trà không có chữ để nói, chẳng thể nói chẳng thể hết, tất cả pháp như hư không. Hoặc quán hạnh trở xuống là nói hạnh là môn, Tam-muội là hạnh. Đại luận nói: Bồ-tát tu ba Tam-muội gọi là các môn Tam-muội thông đến thật tướng, cho nên hay làm môn cho thật tướng. Nếu mười sáu hạnh là môn ba Tam-muội, chỉ là chân đế làm môn, không phải ý văn nay. Hoặc trí tuệ trở xuống là dùng trí tuệ làm môn v.v... Hoặc lý trở xuống là lấy lý làm môn v.v... y giáo trở xuống lại sanh khởi trước chỗ lệ giáo v.v... bốn môn thứ lớp. Giáo đã ở đầu cho nên nay y giáo. Lại vì khiến giáo có công năng, hay chung đến lý, quán trí là giáo hiển sáng. Cho nên sanh khởi. Ba môn trở xuống là lấy bỏ. Ba tạng trở xuống là trong giáo lại

phân biệt ba giáo như Tạng v.v.... Nói tạng ở trước phá kiến v.v..., nếu đệ tử Phật sẽ trước phá kiến hoặc tuệ hành tham chán, hoặc nghe thiện lai v.v... thành A-la-hán là thành Phật ba mươi bốn tâm đều cùng dứt, Thông giáo rất đồng. Nói đều há là chẳng ở Phật mà thôi. Biệt chỉ thứ lớp từ cạn đến sâu, nên nói dọc khắp, lại nhờ giáo đạo nên nói dọc khắp. Y thật chỉ dứt mười hai phẩm. Dọc còn chưa khắp huống chi là ngang ư! Nói ngang chẳng khắp. Như mới quán kiến tư, đủ nhiếp các hoặc. Trí năng quán nhiễm tất cả trí, mỗi vị đều thế, nên nói ngang khắp. Biệt giáo chẳng cho nên phải phân biệt. Nay không thể nghĩ bàn trở xuống là mở bày tướng viên môn. Một cảnh tất cả cảnh, chỉ cảnh không thể nghĩ bàn trước, một tâm tất cả tâm chỉ phát tâm an tâm ở trước. Y theo luận này mà phá, nên gọi là phá khắp. Các môn khác trở xuống là y cứ nói ý phân biệt chánh dùng viên môn. Cái gọi là trở xuống là chánh nêu viên môn. Nay ở viên môn lại nói về lấy bỏ. Lý tuy tức nhau sơ tâm từ dễ và tùy tiện nghi dùng nhiều Vô sanh, nên ở viên môn bỏ ba còn một. Môn vô sanh trở xuống là chánh bày Vô sanh ngang dọc phá khắp nhiếp pháp công năng, trong đó trước lược kế rộng. Trong sơ trước nói môn dọc. Trước nêu năng chung, làm sáng tỏ hai ý. Vì sao? Trở xuống là giải thích, giải thích chung hai ý. Trước giải thích nhân đến. Tịnh Danh trở xuống là dẫn chứng. Tịnh Danh, Đại Phẩm đều dùng giáo môn chung hành đến nhân, đều dùng vô sanh làm đầu. Cho nên trong ba mươi hai vị Bồ-tát của kinh Tịnh Danh kia, sơ pháp tự tại nói: Sanh diệt là hai, chẳng sanh chẳng diệt là chẳng hai. Chẳng sanh chẳng diệt tức là viên vô sanh. Bốn mươi hai chữ trong Đại Phẩm cũng Vô sanh đứng đầu, nên nay cũng như thế. Văn nêu tuy dùng hữu môn đứng đầu, y các trước lại dùng vô sanh. Chỉ quán trở xuống là nói chỉ quán hay hiển tuy có giáo này cần phải hành hiển. Cho nên sanh khởi trước nói y giáo chung hành. Nếu không có giáo thì hạnh cũng không có chỗ khắc. Vì có giáo cho nên khiến hạnh trí môn chung với lý. Sơ trụ thấy lý ngoại dụng tự tại, khiến môn vô sanh một lớp sáng tỏ, cho nên nói ngang dọc vô ngại, chỗ xúc chạm đều thông. Cho nên trong sanh khởi nói tuy không chỗ thông mà khắp thông tất cả. Thí như trở xuống là nêu thí dụ. Người gọi hành nhân, vị gọi nhập trụ. Nếu không có môn ấy giáo làm sao trùm khắp. Không có người ấy hạnh làm sao được bẩm. Bẩm giáo hạnh hạnh được đến lý, cho nên nói có người có vị. Như người vào tướng môn mới vinh hiển. Kế chung quả, trước nêu quả được thông, tức Niết-bàn vô sanh, kế định tuệ đều đủ nên gọi là chẳng sanh, trí đoạn đầy đủ, nên gọi là vô sanh. Cho nên hai pháp định tuệ đến quả

mới đủ. Văn Đại Phẩm, là Vô sanh lý đủ nên nói chẳng đến chẳng đi, đến Phật mới gọi là vô sanh. Ý văn Pháp Hoa so sánh với Niết-bàn rất dễ hiểu. Chỉ quán trở xuống là nói quả năng hiển. Do quả mãn nên tự tha y chánh tất cả đều mãn. Nguy nguy là cao vòi vọi Đường Đường Nhĩ Nhã nói: Đường đường dung. Bạch Hổ Thông nói Đường Đường Minh. Như trăng cao sáng tức là quả trí. Trong các sao sáng chỉ mặt trăng là hơn hết. Kinh Quán Đảnh nói nguy nguy đường đường như trăng trong sao, xua tan mây sanh tử. Nay nói quả mãn làm lợi ích cho người. Chiếu mười núi báu v.v..., kinh Hoa Nghiêm quyển hai mươi mốt nói: Phật tử, Bồ-tát mười Địa nhân ở trí Phật mà có khác nhau, như nhân đại địa có mười núi báu, tức là Tuyết Hương Kha-lê-la Tiên Thánh Do-càn-đà, Mã Nhĩ Ni Dân Đà Chiết-ca-la Túc Tuệ và núi Tu-di. Mỗi nơi đều gọi là vương. Núi Tuyết nhóm họp tất cả thuốc tất cả thuốc, hương nhóm họp tất cả hương, Kha-lê-la nhóm họp hoa, tiên thánh nhóm họp năm thông, Do-càn-đà Dược-xoa, Mã Nhĩ nhóm họp diệu quả. Ni-dân-đà nhóm họp rồng, Chước-ca-la tự tại túc tuệ nhóm họp Tu-la, Tu-di nhóm họp các trời. Nói tự tại, tức là các Đại đức, tức dùng mười núi nhóm họp các công năng. Đối mười địa, Sơ địa trở lên tâm chứng trí Phật thềm bậc khác nhau. Chỉ có Phật mới biết. Địa này cũng như thế. Cho nên nói nhân ở Trí Phật mà có mười địa. Nay văn dùng dụ cùng kinh nêu biệt. Kinh dùng mười núi để dụ mười địa. Mười núi y từng địa dụ cho trí quả. Nay cũng lấy mười núi mà dụ cho mười địa. Tràng dụ cho Trí Phật, dưới chiếu mười núi. Thí dụ quả Phật trí khởi các địa. Cho nên hợp dụ rằng: Công cao mười địa ảnh đến bốn biển dụ cho khởi ứng, quả cũng dưới hợp. Hấp dẫn bốn cơ, nước như cơ, ảnh như ứng. Bốn giáo bốn môn bốn tất đều là thùy ứng lập giáo. Kinh Kim Quang Minh Phật lễ tháp xương, tân dịch quyển hai mươi nói: Bấy giờ, Thế tôn vì các đại chúng nói bổn duyên của mười ngàn Thiên tử ngồi kiết già trên tòa, bảo các Tỳ-kheo rằng: Các ông có ưa thấy bản thân Bồ-tát chăng? Các Tỳ-kheo chúng con muốn thấy. Bấy giờ bèn dùng tay trăm phước trang nghiêm vỗ đất liền nứt ra, có chế-đa (tháp) bảy báu bỗng nhiên vọt lên các báu trang nghiêm. Khi ấy, Thế tôn liền đứng dậy đảnh lễ, rồi đi nhiễu bên phải, xong trở về chỗ ngồi, bảo A-nan rằng: Ông hãy mở cửa tháp, A-nan vâng lời dạy mở ra, liền thấy hộp bảy báu, thấy có xá-lợi trắng như ngọc kha tuyết. Bảo các Tỳ-kheo: Các thầy hãy lễ bái thân Bồ-tát. A-nan bạch Phật Như lai, Thế tôn hơn tất cả, được các hữu tình cung kính, vì sao lễ thân xương này? Phật bảo A-nan: Do đây mau chứng được Bồ-đề, vì báo đền pháp ân nay ta kính lễ, vì đại chúng nói Bản duyên Tát-

đỏa. Tát-đỏa ấy tức là thân ta. Cho nên biết Phật địa nhân quả là do chỉ quán giáo tuy được quả Phật kính bẩm giáo thân. Cho nên nay Phật lễ xương thân. Vô sinh trở xuống là kế nói nhiếp ngang. Đây tức kếp trước sinh sau. Đại phẩm trở xuống là chánh bày môn ngang. Hỏi: Trước môn dọc Vô sinh cũng thấy bốn mươi hai chữ trước, vì sao nay lại lấy tự môn làm ngang. Đáp: Trước ở Vô sinh một môn dọc nhập, cho nên có nhân quả đối nhau cạn sâu, do đó gọi là dọc. Nay dùng bốn mươi hai chữ đều đối nhau đã tự thành ngang. Lại đều nhiếp ở bốn mươi hai chữ, thì trong mỗi chữ chỗ nhiếp lại ngang. Cho nên biết ngang dọc nhiếp đủ trong đó. Đây cũng chẳng phải ngang chẳng phải dọc mà nói ngang dọc. Ý này trở xuống là muốn rộng bày công năng giải thích nghĩa, cho nên đề khởi trước. Chỉ nói nhân quả ngang dọc Vô sinh ý cũng khó thấy. Cho nên lại phải y cứ Phật Tạng. Nay trong văn này giải thích nghĩa Phật Tạng. Trước việc kế quán trong việc thích ở trước chánh dẫn kinh để nói ngoại dụng. Kế hợp môn Vô sinh. Nói ngoại dụng. Kinh quyển thượng chép: Trong không danh tướng, giả danh tướng mà nói, đều là năng lực không thể nghĩ bàn của Như lai. Thí như có người cắp núi Tu-di bay lên hư không, bè đá qua sông (chở) bốn thiên hạ và núi Tu-di. Chân ruồi muỗi làm thang leo lên đến cùng Phạm thiên. Khi kiếp tận thiêu đốt thì khạc nhổ một cái lửa liền diệt, thổi một cái thế giới liền thành, mượn sợi tơ mà treo núi Tu-di, tay tiếp mưa bốn thiên hạ, Như lai nói tất cả các pháp vô tướng, vô vi, Vô sinh, vô diệt, khiến người tin hiểu là rất khó có, rất là ít có. Nếu ít có chỗ được cùng Phật, Pháp, Tăng tranh nhau. Vào tà đạo chẳng nghe xuất gia thọ giới. Uống một chén nước phải biết kinh nói Vô sinh ngoại dụng để hiển diệu lý nhân quả Vô sinh, ấy thì chẳng rõ Nhất thể Tam bảo thường trụ, chẳng nghe xuất gia. Nói chẳng nghe, nếu chẳng hiểu để giới này chẳng đầy đủ thì đây là đồng với Thắng-man quyển cuối để giải. Kinh ấy trở xuống trong hợp Vô sinh. Khạc thổi chỉ là dụng của trí dứt. Trí dứt chẳng hai nên khạc, thổi đồng thời. Nếu có người nói được Vô sinh, thì xin xét ngoại dụng. Phải biết trở xuống là kế nói quán tâm giải thích nghĩa Phật tạng, quán tâm tức là tu nhân trí dứt. Cho nên lại phải y cứ quán tâm mà giải thích. Một sát-na khởi gọi là một chúng sinh, tức khởi tức diệt, gọi là một kỳ. Trong niệm niệm thường sanh ba độc, tức là nghĩa ba tai ở kiếp tận. Ba độc tham đứng đầu, ba tai lửa đứng đầu, dùng chỉ quán không thể nghĩ bàn mà quán ba độc này.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 5
(PHẦN 5)

Đại kinh trở xuống là dùng Niết-bàn mà giải thích nghĩa. Nhưng nghĩa Vô sinh nằm rãi rác trong các giáo, danh tướng rõ ràng chẳng gì hơn Đại kinh. Cho nên dẫn bốn câu, sáu câu giải thích nghĩa Vô sinh, chẳng ngoài tự tha, trí dứt, năng sở, việc lý, nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn đều Vô sinh. Tức là ánh sáng nhân quả hay hiển nghĩa đều ở kinh quyển mười chín. Trước giải thích bốn câu nói chẳng nghe mà nghe một câu có các thứ nghĩa. Kinh trước nêu bốn câu chẳng nghe mà nghe, v. v... Lại dùng bốn câu chẳng đến mà đến v.v... Để giải thích chẳng sinh mà sinh, cho nên nói chẳng nghe mà nghe có các thứ nghĩa. Nay trong đó lại nói thuận Vô sinh. Cho nên dùng chẳng sinh mà sinh để giải thích nghĩa Vô sinh. Nhưng người xưa dùng bốn câu chẳng nghe mà nghe, chẳng sinh mà sinh v.v... ở trước, dưới mỗi câu chỉ là chuyển thích mà thôi. Cho nên nhiều giải thích bốn câu chẳng nghe mà nghe v.v..., các câu kia chỉ so sánh. Có người nói: Nghe chẳng nghe ngay nơi tục là chân, chẳng nghe mà nghe ngay nơi chân mà tục. Nghe nghe chỉ cho tục, chẳng nghe mà chẳng nghe chỉ cho chân. Lại nói chẳng nghe nghe từ chân khởi ứng, nghe chẳng nghe nhiếp ứng về bản, chẳng nghe chẳng nghe pháp thân bất động. Nghe nghe là ứng tích chẳng thôi. Chẳng sinh sinh, v.v... xưa cũng có nhiều giải Hưng Hoàng dùng Tuyết Sơn kệ tiêu. Chẳng sinh mà sinh là các hạnh vô thường, sinh mà chẳng sinh là pháp sinh diệt sinh sinh là sinh diệt diệt rồi, chẳng sinh mà chẳng sinh là vắng lặng làm vui. Lại đem bốn xuất kệ tiêu. Nói bốn xuất là kệ này bốn chỗ xuất ra. Người xưa gọi là Niết-bàn bốn trụ, nghĩa là chín mươi lăm, hai mươi lăm, hai mươi sáu. Chẳng sinh mà sinh xưa không nay có, sinh mà chẳng sinh xưa có nay không. Sinh mà sinh ba đời có pháp, chẳng sinh mà chẳng sinh, không có việc ấy. Lại nói bốn câu Như lai chứng Niết-

bàn, v.v... mà đối. Chương An nói: y theo văn dưới nói ta nhân việc ấy liền được hiểu một câu nửa câu, được thấy Phật tánh vào Niết-bàn, phải biết đều là câu thấy Phật tánh. Chẳng nghe mà nghe là tánh liễu nhân. Nghe mà chẳng nghe là tánh duyên nhân, chẳng nghe mà chẳng nghe là tánh chánh nhân, nghe mà nghe là cảnh giới tánh. So sánh theo đây để giải thích chẳng sinh mà sinh v.v..., cũng rất dễ thấy. Tuy xưa có nhiều giải thích chưa hội được ý chỉ kinh, theo ngài Chương An giải lại là một đường. Chương An nói: Đều chẳng như thế, trí dứt nhân quả đều là Vô sinh. Chỉ vì nêu kinh riêng làm một đường, kinh kia Phật muốn nói đây chẳng nghe mà nghe, v.v..., phát ra ánh sáng chiếu khắp các thế giới mười phương. Lúc đó, phương Đông có Bồ-tát Lưu Ly Quang. Khi mới đến tất cả đại chúng không phải xanh thấy xanh, cho đến không phải trắng thấy trắng. Các Bồ-tát, v.v... thấy ánh sáng này đều hỏi nhau rằng: Đây là ánh sáng gì? Đều làm thinh chẳng đáp. Kế hỏi ngài Văn-thù. Văn-thù đáp rằng: Ánh sáng đó tức là trí tuệ, trí tuệ tức là thường trụ, cho đến tức là Như lai, tức là đại từ. Phật nói: nay Ông chớ vào Định đệ nhất nghĩa rất sâu, phải dùng thế tục mà giải thích. Văn-thù nói: phương Đông cách đây hai mươi Hằng sa thế giới có thế giới tên là Mãn Nguyệt, ở đó co Bồ-tát tên là Lưu Ly Quang, ở đó thấy ánh sáng mà hỏi Phật ấy. Phật ấy đáp rằng: Ở phương Tây cách đây hai mươi Hằng sa thế giới có thế giới tên là Ta-bà, có Đức Phật tên là Thích-ca, vì các Bồ-tát nói chẳng nghe mà nghe, v.v... Bồ-tát ấy bạch Phật ấy muốn đến đây nghe chẳng nghe mà nghe. Từ đó đến đây trước hiện tướng này. Như xưa các giải thích đều từ một đường, lấy gì để biểu thị cho chỉ quang triệu, lấy gì để sinh đại nghi mười phương. Lấy di mạng vô uổng nhục của Phật ấy, đều đủ để bổ túc tình từ xa đến. Kệ tuy nhiếp rộng các việc nhưng ý lược. Cho nên biết chẳng thể giải thích như thế. Muốn hiểu văn này phải hiểu ý dùng văn kinh của Đại sư. Nếu giải thích văn ấy và ở đây vì người, thì lấy sinh sinh ở trước dùng đối bốn giáo. Lấy nghĩa tùy sinh cho tiện. Trong đây nêu kinh giải thích nghĩa Vô sinh. Cho nên y đủ thứ lớp văn kinh. Trước nêu bốn câu, kế xét dưới đây mà lược nêu tướng nhiếp. Chẳng sinh mà sinh là nhân tự hành, là vị Sơ trụ. Chẳng sinh mà chẳng sinh là quả tự hành, vị ở Diệu giác. Sinh mà chẳng sinh tức là năng hóa tha, sinh mà sinh tức là sở hóa tha. Nếu chẳng như thế làm sao gọi là khắp. Cho nên môn phá khắp nghĩa đồng một bộ. Một bộ chỉ là tự tha nhân quả năng sở. Chẳng sinh mà sinh trở xuống là kế giải thích bốn câu, tự làm bốn văn. Nhưng trong các câu hễ nói kinh giải thích, đều là Đại Kinh Phật Tự giải thích, hễ nói nay giải

tức là Đại sư giải thích lời Phật giải đều dẫn Phật Tạng khạc thổi mà kết. Câu đầu thiếu kết theo nghĩa phải có. Trước chẳng sinh mà sinh là nhắc lại kinh câu đầu. An trụ trở xuống là kinh giải. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích. Muốn nói chỗ an nên trước giải thích Đế, kế nói năng an nên sau giải thích an trụ. Lý vốn chẳng hai, chẳng cộng chẳng lìa, y cứ việc sở an cũng giống như thế. Vì chỉ quán an nên Thế đế mới thành cảnh không thể nghĩ bàn. An tức là quán, quán này mới thành gọi là vị Quán hạnh. Vì viên quán giải nhờ ở thế đế, quán là Thánh dựng, Thánh gá thai nên gọi là gá thai Thánh. Lại sinh trong dòng Thánh gọi là gá thai thánh. Nếu vào Sơ trụ gọi là ra khỏi thai thánh. Thánh ra thai nên gọi là Xuất thai Thánh. Kế một phần lý nên nói chẳng thấy, chẳng thấy tức chẳng sinh trí đức thành. Đây giải thích chẳng sinh. Được tri kiến Phật trở xuống là kế giải thích chữ Sinh. Luận nói dưới dẫn luận chứng, các pháp tức là vô minh thế đế. Bát-nhã sinh là tri kiến Phật khai. Đây nói trở xuống là kết bày. Kinh giải thích chẳng sinh chẳng sinh trở xuống là nhắc lại câu thứ hai. Kế chẳng sinh chẳng sinh trở xuống là kinh giải gọi là Đại Niết-bàn nêu chung. Sinh tướng trở xuống là giải thích hai chẳng sinh. Sinh tướng hết cho nên tức trí dứt đức mãn. Tu đạo được nên nói quả do nhân khế. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích. Hai đức đã viên thích thì tướng sinh hết. Tức chỉ Diệu giác là quả vắng lặng. Nhân quả trở xuống là dùng Phật tạng kết. Kết tức là kết đồng. Kinh thích trở xuống là nêu câu thứ ba. Thế đế trở xuống là kinh giải. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích. Do vô minh nên hợp với pháp tánh sinh ra các pháp. Nên gọi vô minh để làm căn bản. Chỉ phá căn bản thì các pháp chẳng sinh. Tử là tên khác của chẳng sinh. Đây giải thích trở xuống là lại nói câu này chỗ dùng nghĩa chỉ, dùng dứt đức này mà giải thích trí đức ở đầu. Nếu không có dứt đức thì trí đức chẳng thành tựu, cho nên phải dùng dứt đức để giải thích trí. Nếu trong câu đầu trí đức thành thì trong câu đầu chẳng sinh chữ. Nếu trong câu này dứt đức thành thì trong câu này dưới chẳng sinh chữ. Chẳng sinh tên đồng, v.v... là phân biệt trong hai câu chẳng sinh chữ. Câu đầu trên chẳng sinh chữ câu này dy cứ chẳng sinh chữ. Hai chỗ chẳng sinh tên ấy tuy đồng mà việc lý thì khác. Câu đầu trí đức duyên lý gọi là chẳng sinh. Câu này phá việc hoặc hết mà được gọi là chẳng sinh. Dùng lý so sánh việc thì việc là dưới. Cho nên nói dưới phá. Dùng việc so sánh lý thì lý là trên nên nói trên duyên. Kế câu đầu trở xuống là phân biệt sinh chữ trong hai câu. Câu trước thuộc trí, câu này thuộc hoặc, hai chỗ sinh chữ tên tuy đồng nhưng câu đầu sinh chữ thuộc trí. Trí là thoát, câu này

sinh chữ thuộc hoặc, hoặc tức là phước. Cho nên nói rất khác. Hai chỗ đều có sinh và chẳng sinh cho nên phải phân biệt vì tên đồng mà nghĩa khác. Trí dứt hai đức đã không trước sau. Nếu dùng thứ ba mà giải thích thứ nhất, cũng có thể dùng một mà giải thích ba, vì trí dứt đồng thời. Thể tuy chẳng hai mà trước vận trí để dứt hoặc. Há hoặc tự dứt mà trí mới sinh cho nên lại dùng thứ ba giải thích thứ nhất. Lại giả sử thứ ba nêu ở thứ nhất, cũng có thể dùng thứ nhất để giải thích thứ ba. Nói chẳng lụy thư lại y theo văn thứ. Lại từ nghĩa tiện cho nên như thế. Câu đầu trở xuống là Phật tạng kết, đây đã giải thích đầu, cho nên trong kết cũng o sánh câu đầu tức nhau mà kết. Văn giống trước sau, dùng sẽ đồng thời. Cho nên nói một thời chẳng thể trước sau. Kinh lại giải thích trở xuống là thuật kinh lại giải thích câu thứ ba. Đây là sơ nhắc lại kinh lại giải thích. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích kinh lại giải thích nghĩa. Văn kinh chỉ nói một sinh chẳng sinh. Kinh trước sau giải thích hai nghĩa tự phần. Cho nên nay Đại sư xếp ra hai tướng văn khác nhau. Trước là giải thích trước. Đã nói dứt đức biết đó hoặc diệt của tự hành. Trong đây lại giải thích đã nói Bồ-tát Tứ trụ tức là Bồ-tát dứt bốn trụ rồi thì sinh tự tại. Trước dứt bốn trụ tức như Bồ-tát Thông giáo còn hay tự tại lợi ích chúng sinh, huống chi là vào Sơ Trụ chân nhân phân khai. Vì người Thông giáo dứt bốn trụ kém, hiển ở người viên dứt năm trụ hơn. Hoặc diệt trở xuống cũng dùng Phật tạng lại kết hai giải. Hoặc diệt là hiện khạc nhổ để kết giải thích đầu. Hóa hưng là hiển thổi để kết giải thích lại. Kinh giải thích trở xuống là nhắc lại câu kinh thứ tư. Tất cả trở xuống là kinh giải. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích. Vì sao Bồ-tát trở xuống là nhắc lại vừa giải thích lại xem là năng hóa. Hữu lậu là sinh tiếp nối chẳng dứt nên gọi là sinh sinh, sinh sinh tức là cảnh sở hóa. Cho nên trở xuống là nhắc lại năng hóa bày ý sinh. Ý ở sở hóa, ấy là trở xuống là kết thành công năng Vô sinh. Ba câu trước đều là năng hóa tha nhân quả trí dứt, câu này tức là sở hóa tha. Bốn trụ trở xuống là Đại sư lại dùng bốn trụ trong sáu trụ của Địa trì mà giải thích Phật trùng thích Bồ-tát Tứ trụ. Địa trì Lục trụ phải là nghĩa biệt, hướng Phật còn dùng thông kém mà hiển bày viên hơn, há không dùng biệt mà hiển bày viên ư? Huống chi nay lại có Địa trì văn biệt, cho nên dẫn ra mà hiển viên diệu. Luận sáu trụ là từ Mười trụ trở xuống mới được gọi Trụ. Nếu người không có chủng tánh, v.v... là chỉ Bồ-tát mười tín, cho nên nói tuy sinh đường lành, v.v... chẳng ở trong số sáu người, tức là chẳng thuộc sáu trụ. Vì sáu người này đều bất thối, nên gọi là Trụ. Lại nói rốt ráo, chính là Bồ-tát Địa cùng chẳng phải vĩnh viễn rốt ráo chủng tánh thành

tựu, tức là Mười trụ mãn. Đã dứt kiến tư nên nói không lui sụt. Được ở một người, là người đầu trong sáu. Cho đến hạnh hướng đều do trong trụ dứt kiến tư rồi mới tiến hành được. Cho nên nói luôn tăng tiến. Tức trụ thứ hai thân làm Sơ địa phương tiện. Trong chủng tánh ở trước đã vào quán không cũng đều là biệt địa phương tiện cách địa rất xa, đến hồi hướng thân tu Trung quán nên nói phương tiện. Tịnh tâm là Sơ địa, là phá đồng thể kiến. Cho nên nói: Địa tiền Ly ngã phàm phu đều chưa dứt. Tức là kiến địa của Biệt giáo. Hành đạo tích, là Biệt tu đạo vị phá đồng thể tư, quyết định rốt ráo đều phá tư. Kinh xưng trở xuống là dùng luận xếp kinh, đến Hành đạo tích gọi là chân xuất giả, mang giáo đạo nói lý do lập kiến tư. Thứ lớp đến đây còn hay lợi ích lớn, huống chi lại Viên giáo năm trụ cùng tận ư? Huống chi lại một thể trí dứt thành ư? Kinh lại trở xuống là kế giải thích sáu câu. Trong kinh sở dĩ lại nói sáu câu, là vì bốn câu trước nói thẳng nhân quả năng sở Vô sinh. Tên Vô sinh tuy tức là phá chưa phá Vô sinh cho nên nay nói đều chẳng thể nói lại bốn câu trước tuy nói Vô sinh nhưng chưa biết thế nào là Vô sinh, cho nên trong sáu câu nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn sinh và Vô sinh tất cả đều phá. Cho nên sáu câu đều không thể nói, bèn hiển chánh ý văn nay phá khắp. Trước giải thích bốn câu đều chẳng thể nói để nói tự hành. Trong đó trước so sánh câu kinh. Xét đây trở xuống là lược nói ý câu. Nếu phá trở xuống là Đại sư trước lại nêu kinh bản cú. Mỗi câu trở xuống là đều nói chẳng thể nói, tức là nghĩa phá văn đầu là lược xếp. Nói hoặc nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn, nên nói nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn giải hoặc. Chẳng thứ lớp giải hoặc là không thể nghĩ bàn. Giải là năng phá, hoặc là sở phá. Cho nên giải hoặc theo nhau đồng gọi là nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn. Hoặc cùng giải đều phải phá khắp, còn chẳng thể làm không thể nghĩ bàn mà nói, huống nghĩ bàn ư? Cho nên mỗi câu trở xuống đều nói chẳng thể nói. Hỏi: Nghĩ bàn phải phá, không thể nghĩ bàn đâu cần phá ư? Đáp: Lý chẳng phải khắp viên nên đều phải phá. Nếu phá viên là phá viên khác thiên. Chẳng phá lý viên, nên nói chẳng phá trong tâm bậc Thánh đã được Niết-bàn. Vì người chưa được mà chấp thành hý luận, cho nên phà mà thôi. Vì sao trở xuống là giải thích? Trong giải thích bốn câu nghĩ bàn, trong đó trước phá hoặc, kế phá giải. Trước hai câu trong hoặc, câu đầu giải thích thành nghĩ bàn kế giải thích thành không thể nói. Câu đầu nói hoặc giới ngoại, là lý thể chẳng sinh mà hoặc là sinh. Cho nên nói chẳng sinh sinh. Hoặc của giới nói nói là (ngọn ngành), là hoặc của giới ngoại đã là ở sinh, từ trên sinh hoặc lại sinh hoặc. Cho nên nói sinh sinh, giới

ngoại tức là hoặc vô minh giới nội tức là hoặc kiến tư. Có thô tế nên có trong ngoài cho nên xếp vào nghĩ bàn. Hoặc này trở xuống là bày tướng đối đãi nhau, trước nói sinh sinh là cảnh sở hóa. Nói đều, phàm là sinh sinh đều là sở hóa. Nhân sở có năng nên thành đối nhau. Sở hóa đã chẳng thật có trở xuống là giải thích không thể nói nói năng hóa sở hóa đều không thể nói, cũng như người huyễn vì người huyễn nói pháp. Hỏi: Năng hóa đã là Biệt hoặc, vì sao lại nói tự tại? Đáp: Đã dứt thông hoặc, tức đối với thông hoặc gọi là tự tại. Nếu đối với Biệt hoặc vận là trói cột. Nhánh và gốc đều là pháp tánh, tức quán pháp tánh mà quên mất hoặc gọi là không thể nói. Kế nếu phá trở xuống là phá giải nghĩ bàn. Cũng trước giải thích hai câu thành nghĩ bàn. Kế giải thích chung thành không thể nói. Giải của giới ngoại nói là song di, là từ trước được tên cũng là khác thời đối nhau gọi là song, phải nói phá hoặc. Nay nói phần dứt, biến dịch là trong nhân nói quả. Vì hoặc phá nên sinh tử sẽ phá. Phá giới nội hoặc khiến sinh chẳng sinh, nên nói sinh chẳng sinh. Hỏi: Hoặc của giới ngoại đã là năng hóa, có khác gì với giải giới nội? Đáp: Giải của giới nội phá hoặc giới nội, mà được gọi là giải. Sinh giới ngoại đã ở cụ phược kia gọi là hoặc giới ngoại. Tuy phải phân gọi hoặc mà năng chỗ khác. Giải này trở xuống là bày tướng đối nhau. Mười sáu môn khác nên nói các thứ. Từ cạn đến sâu đều thuộc tự hành, trước sau thứ lớp kịp vị hóa tha, đối bốn giáo nói nên thành nhiều thứ nhân quả khác nhau. Như trong quyển một nói bốn hoằng. Lý còn trở xuống là giải thích không thể nói. Bốn thứ Đạo đế là hạnh năng đường diệt lý pháp tánh là lý sở đường, cho nên đều không thể nói. Kế trong phá không thể nghĩ bàn cũng trước hoặc, kế giải. Giải hoặc này chỉ điểm vô minh đối với lý viên, chẳng phân trong ngoài nhánh gốc khác nhau. Cho nên gọi là bất nghĩ bàn, trước trong phá hoặc, trước lại giải thích thành bất nghĩ bàn, nên nói chỉ là vô minh. Vô minh chẳng thật có trở xuống là nói không thể nói. Chẳng thật có chỉ là không thể nói mà thôi. Kế phá giải bất nghĩ bàn, cũng trước bày tướng không thể nghĩ bàn, cho nên nói chỉ là viên giải. Ở đây xếp ra viên nhân viên quả. Lý chẳng thiên viên trở xuống là nói không thể nói. Lý chẳng phải thiên nên chẳng thể thiên nói. Lý cũng chẳng phải viên thì làm sao có thể nói viên ư? Đem nó trở xuống là nói ý dùng câu. Phật tự trở xuống là kế nói Đại sư giải thích chỗ Phật giải thích. Cho nên trong câu đầu nêu Phật tự giải thích. Kế nay giải trở xuống là nói chỗ Đại sư giải thích. Ý phù hợp Phật giải thích chỉ hơi rộng. Trong mỗi câu đều nói nương ý chỉ này của Phật, là Đại sư tự nói đã bày ý Phật. Thuật lại ý chỉ Phật để phù hợp với cái thấy của mình. Sinh tức điên đảo trở xuống là

nói không thể nói. Kế giải thích câu thứ hai. Cũng trước nêu kình giải thích. Nay giới trở xuống là nói Đại sư giải thích lại hai. Trước giải thích sinh sinh, tám tướng dời đổi toàn là hữu lậu, tám tướng dời đổi đủ như giải thích ở trước. Hỏi: Trong tám tướng nói tiểu sinh đại, trong đây vì sao lấy đại sinh sinh tiểu. Đáp: Vì có đại sinh dẫn khởi tiểu sinh. Cho nên khiến tiểu sinh, sinh ra đại. Sinh sinh cho nên chẳng sinh v.v... là nói không thể nói. Sinh của hữu lậu tức là hư không. Không chẳng thể nói hay nghĩ bàn được, cho nên không thể nói. Chỉ nói hư không, là chỉ lấy pháp tánh hư không đối huyễn giả mà nói. Thật ra phải nói huyễn giả tức là hư không. Giả này nhậm vận thành không thể nghĩ bàn, cho nên chẳng nói riêng. Trong quyển một ở trước, ý trong văn bốn hoằng cũng như thế. Giải thích câu ba cũng trước nhắc lại giải thích kinh. Kế nay giải trở xuống là nói Đại sư giải thích cũng có hai. Trước giải thích sinh chẳng sinh. Sinh tức gọi là sinh là giải thích chữ sinh ở trên. Bát-nhã khi sinh do các pháp chẳng sinh. Sinh chẳng tự sinh trở xuống là giải thích chữ chẳng sinh. Tức dùng bốn câu phá dẹp các pháp. Các pháp phá còn chẳng có câu vô, làm sao có bốn câu. Cho nên Bát-nhã chẳng phải bốn câu sinh gọi là chẳng sinh. Lại khi Bát-nhã sinh trở xuống là giải thích lại, lại dùng chẳng sinh sinh mà giải thích sinh chẳng sinh. Sinh tức Vô sinh, bởi Bát-nhã khi sinh Thế Đế đã chết. Cho nên được tuy sinh mà sinh tự tại, tức là sinh chẳng sinh. Nếu Bát-nhã sinh hạnh là giải thích thành bất khả tư thuyết. Nếu Bát-nhã sinh nhắc lại ở trên là giải thứ hai trong giải đầu, lại giải đầu trong giải kế, nói Bát-nhã khi sinh, nếu tự tại sinh nhắc lại ở trên là giải thích sau trong giải thích thứ hai. Nói mà sinh ba cõi. Hai sinh này đều chẳng thể làm sinh mà nói, vì thể không phải thứ lớp. Kế giải thích câu bốn, cũng trước nhắc lại Phật giải. Nay giải trở xuống là Đại sư thanh tịnh cũng có hai. Trước giải thích chẳng sinh chẳng sinh. Còn chẳng phải trở xuống là nói không thể nói. Y cứ vào đây là xếp câu. Đã nói cực quả biết đó là giới ngoại giải. Kế giải thích câu năm. Cũng trước nêu kinh. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích. Cũng trước giải thích sinh, giới trong ngoài sinh chỉ là vô minh, xem hai câu hoặc nghĩ bàn trước chỉ là một niệm từ duyên sinh hoặc, hoặc này chỉ là vô minh trong chướng. Duyên sinh tức không tức trung trở xuống là nói không thể nói. Giới trong ngoài sinh, nghĩa sinh tuy khác, nay xem đồng là một niệm duyên sinh. Tức không tức trung là sao? Vì thấy một niệm tức rốt ráo không. Tức trong pháp tánh trước đối sinh sinh là nghĩ bàn. Thấy nghĩ bàn này là không là trung. Nay thấy một niệm tức đủ ba hoặc, gọi là hoặc không thể nghĩ bàn đạo lý tức giả

tức không, tức trung. Đại ý đồng với trước. Kế giải thích câu sáu, cũng trước nhắc lại kinh. Nay giải thích trở xuống là Đại sư giải thích, cũng có hai. Trước giải thích chẳng sinh, cũng xem giải hai nghĩ bàn trước. Tức là giải không thể nghĩ bàn trong đây. Cho nên nói: Và giải giới trong ngoài đều là được. Được tức là đến lý, lý dứt tâm miệng trở xuống là nói không thể nói, chẳng thể lại làm viên lý mà nói. Lý không nói nên gọi không thể nói. Phật vì trở xuống là tùy kết phá khắp. Thiên viên giải hoặc đều chẳng sinh, đều chẳng thể nói nên gọi là khắp y Phật tạng trở xuống là dùng chung Phật tạng chung kết bốn câu sáu câu từ trước đến nay. Nói bốn câu trước vừa thổi vừa khạc nhổ, là kết bốn câu đầu. Trong bốn câu đầu thì câu đầu tức là thổi mà khạc nhổ, câu thứ ba kế tức là khạc và thổi. Kế câu thứ hai là thổi khạc thành tựu. Câu thứ tư là thổi khạc sở hóa. Phải biết trong ba câu trước trong các câu đều có thổi có khạc. Câu thứ tư, nếu chỉ y cứ sở hóa thì nghĩa thuộc thổi, thổi chẳng dùng riêng, nghĩa phải tức khạc. Nếu dùng sở hiển năng thì toàn là công dụng thổi khạc. Hai câu sau, tức là hai câu sau trong câu đem hai câu này mà hai hướng dụng. Ở cuối sáu câu đồng gọi là khạc, khạc chỉ là phá, phá chỉ là không thể nói. Cho nên trong sáu câu, câu câu đều nói không thể nói, nếu đem kết văn bốn câu ở trước, thì hai câu đã là giải hoặc không thể nghĩ bàn. Giải hoặc tức nhau trí dứt chẳng hai, đồng nghĩa với thổi khạc. Cho nên dùng kết trí dứt bốn câu ở trước. Đây bèn chỉ dùng thượng sinh chẳng sinh, chẳng luận hai câu dưới không thể nói. Cho nên dùng chữ sinh để kết thổi trước dùng chữ chẳng sinh để kết khạc trước. Nếu gồm câu sau trở xuống là không thể nói. Cũng kết trước, là kết thổi khạc trước đều tức nhau, cũng chẳng thể làm tức nhau mà nói. Lại Lăng-già nói trở xuống là lại dùng Lăng-già giải thích thành sáu câu. Trước giải thích Lăng-già, kế kết Đại kinh đồng với Lăng-già. Trước giải thích nghĩa Lăng-già. Kinh ấy phẩm vô thường thứ tư nói Đại Tuệ bạch Phật, như chỗ Phật nói: Vào đêm thành tối Chánh giác, đêm nhập vào Bát Niết-bàn, khoảng giữa chẳng nói một chữ, chẳng đã nói, chẳng sẽ nói, chẳng đang nói là Phật nói bạch Thế tôn, y vào lời mật nào mà nói như thế. Phật bảo y vào hai lời mật, tức là tư chứng pháp và bản trụ pháp. Nhưng một đời bày hóa há không có quyền trì giáo bị vật. Chỉ y cứ hai thứ này không hề có nói, cho nên nói chẳng nói. Nay nói tự pháp chỉ y cứ tự chứng. Tự chứng trở xuống là giải thích hai pháp trong kinh vừa nêu. Cũng trước nêu kinh mà giải thích. Giải thích đầu trong tự pháp nói Như lai, tức là Chư Phật quá khứ cho đến chư Phật mười phương hiện tại cũng Phật ấy chứng một thể chẳng khác.

Chẳng nhiều chẳng ít gọi là chẳng thêm bớt. Lìa nói năng v.v... tức là lại giải thích chỗ lìa pháp tự chứng. Giải thích rằng trở xuống là nay giải thích ý kinh. Lìa nói năng là kinh ấy quyển bảy nói: Lìa nói năng là chẳng thể nghĩ bàn. Lìa vọng tưởng là chẳng thể nghĩ, lìa văn tự nói hai đường là phức sơ giải thích nói năng giả danh trước y cứ pháp tự chứng thì có văn tự gì. Sợ tình vọng chấp chỉ lìa năng thuyết năng tự năng danh tức kính sở thuyết sở tư sơ danh, tức là chân thể, cho nên phức sơ nói hai đường đều lìa. Vì sao? Vì ở trong tự chứng chẳng thấy năng sở gọi là lìa hai đường. Bản trụ trở xuống là kế giải thích pháp bản trụ, tức là Phật tự hành đạo sở hành và Phật vốn chứng lý thật tướng, đều chẳng phải tu thành chẳng phải tác pháp cho nên khắp tất cả chỗ. Chẳng thể sửa đổi nên gọi là Trụ. Lý là chỗ đến, đạo là chỗ làm. Cho nên nêu thí dụ rằng: Đều không phải người đi, người đến ra làm. Cho nên vốn có đạo vì người chỗ làm há hành giả làm vốn có lý thành do bản đạo mà đến cũng do người thực hành mà đến được lý. Cho nên đều chẳng do người đến năng làm. Kinh trước lại nói: Pháp bản trụ, như vàng ở trong quặng và thành đến, quặng giống gồm khác thành ắt từ viên. Kinh nói trở xuống là dẫn kinh ấy giúp giải thích. Văn kế kinh ấy tức dùng thành tựu xưa làm dụ. Phật hỏi Đại tuệ: Thành ấy và đường đều là vật trong thành, là người vào đó làm ra chăng? Đáp: Không phải sĩ phu người đi chỉ tùy đường thường trụ vốn có mà đến tướng thành thật, được vật bí tạng muôn đức, vì được vui như ý Niết-bàn, vốn mong Niết-bàn nên nói như ý. Phải biết trở xuống là kết chung ý trước, không phải miệng nói là chẳng thể bàn, chẳng phải phân biệt là chẳng thể nghĩ. Xứng bản pháp nên chẳng thể thay đổi nghĩa này trở xuống là hội đồng với trung. Bèn lấy sinh sinh làm bản pháp. Trước giải thích sinh sinh mà chỉ pháp hữu lậu. Nay chỉ thể hữu lậu toàn là lý. Hỏi: Giải thích trước vì sao nói là sở hóa, nay vì sao nói là bản pháp. Đáp: Tất cả sở hóa đều là bản pháp. Cho nên Pháp sư Hiểu nói: Nước và sóng tột sóng thấu suốt nguồn nước, sinh thuận theo duyên sinh chẳng thể nói, kết sinh sinh ở trước chẳng thể nói. Cho nên văn trước giải thích rằng: Sinh tức hư không nên chẳng thể nói. Nay cũng giống như thế. Thuận theo duyên sinh chẳng thể nói, vì sinh tức trung. Nêu câu hai, ba y theo trước sẽ biết. Chẳng sinh chẳng sinh tức rốt ráo là trí dứt rốt ráo. Các thứ kia đều đồng với trước. Đại kinh nói mười nhân duyên trở xuống là kế nói có thể nói. Phàm trong các văn chẳng thể nói sau sẽ nói có thể nói. Trước tự chứng rồi sẽ hóa tha. Trong mười hai nhân duyên chẳng nói sinh tử, đây là thuộc vị lai. Nay nói từ quá khứ đến hiện tại để thành căn cơ, cho nên

chẳng lấy. Vì thế trong Đại Kinh tiếp trước chẳng thể nói văn sau. Tức nói mười hai pháp nhân duyên là sinh làm nhân. Cái gọi là mười nhân sinh làm nhân. Vì hạt giống xưa ở trong hành vô minh lại đến đời này, lại y bổn nhóm họp mà khởi ái thủ hữu. Hiện tại nghe pháp phát nhóm họp, trong đây nhân duyên lại nói bên chúng sinh mười nhân duyên, cũng phải nghĩa gồm cảm ứng nhân duyên, nghĩa là cảm Phật bốn nói tức nghĩa nhân duyên. Văn Địa Trì kia lập bốn chủng tánh. Trong đó chủng tánh Thanh văn gọi là nhập diệt hẳn, không phải nay dùng. Nhưng luận Du-già, Kinh Giải Thâm Mật, v.v... đều thuộc bộ Phương Đẳng. Bắt Bẻ rằng: Vĩnh viễn vào sách phát khiến khởi. Như trong kinh Tịnh Danh. Ca-diếp tự kể rằng đối với Đại thừa này như hạt giống hư, hạt giống hư làm sao sống lại được. Đến hội Pháp Hoa thì căn cơ được thọ ký. Cho nên văn nay lại phụ vào Phương Đẳng. Chỉ lấy bốn tánh đối với bốn giáo, nghĩa vị thầm hợp. Hỏi trở xuống là trong phân biệt văn đầu khiến lập câu thứ tư, phó cơ là lập, câu thứ sáu là phá. Trong bốn câu trước có trí có dứt tức là nghĩa phải vừa phá vừa lập. Trong đáp cũng dùng văn Đại kinh mà đáp. Văn ấy giải thích cảnh năm hạnh đã xong.

Kế nói mười công đức rằng: Mười việc công đức chẳng thể nghĩ bàn, không khó không dễ, v.v... phải biết mười đức đều chứng Trung đạo. Năm hạnh mười đức này từ xưa có nhiều giải thích. Dao Lượng nói: năm hạnh là lược, mười đức là rộng, đều dùng hai đức mà đối một hạnh. Tống sư phá rằng sáu trước đối ba tướng mạo có thể như thế, bốn sau đối hạnh hoàn toàn chẳng tương ưng. Quang Trạch nói: Hạnh và công đức là một thể mà khác tên, đều từ nhân đến quả. Khai Thiện nói: Năm hạnh cạn, mười đức sâu. Năm hạnh, là bắt đầu từ sơ tâm chót đến Địa tiền. Mười đức, bản chất từ Sơ địa cho đến Kim cương tâm. Nếu làm nghĩa riêng Khai Thiện rất thân, nếu y nghĩa viên, rất giống Quang Trạch đủ như Huyền Văn nói viên năm hành. Nhưng cũng chẳng toàn dùng kinh ấy. Chỉ văn kinh ấy gồm Viên mang Biệt, mười địa chứng đạo tuy đồng với viên. Địa tiền giáo đạo chưa hề nghe, cho nên nói chẳng thể nghĩ bàn, người nghe quái lạ. Hà Tây nói: Nếu y theo bản Phạm thì phải nói ít có đặc biệt. Độn căn tiểu trí nghe thì quái lạ sợ hãi, người dịch lược bỏ, chỉ nói chẳng thể nghĩ bàn. Chương An giải thích rằng: Sâu không có đáy nên sợ, rộng không bến bờ nên quái lạ. Không phải phân biệt mà biết được nên chẳng phải khó, trí Nê-hoàn chẳng bằng nên không phải dễ, không phải chân nên không phải trong, không phải trục nên không phải ngoài, không phải sắc nên không phải tướng, không phải tâm nên không phải phi tướng, không có tới lui xưa nay nên

chẳng phải thế pháp, không ở giữa không ở một bên nên không có tướng mạo, dứt bốn lìa trăm nên thế gian không có. Trong sớ chẳng giải thích không phải vuông tròn tà nhọn. Nay giúp giải thích rằng: Không biệt nên không phương (vuông), không thông nên không viên (tròn). Không không nên không nhọn, không có nên chẳng tà. Nếu nói theo chẳng phá chẳng lập, vì chẳng phá nên chẳng khó, chẳng lập nên chẳng dễ. Chẳng phá nên chẳng trong, chẳng lập nên chẳng ngoài, chẳng lập nên chẳng phải tướng, chẳng phá nên chẳng phi tướng. Chẳng phá nên chẳng viên, chẳng lập nên chẳng phương. Chẳng lập nên chẳng nhọn, chẳng phá nên chẳng tà. Kế là hỏi: Viên có bốn môn, nếu Vô sinh nhiếp hết thì đâu cần dùng môn. Ý đáp: Nay nói Vô sinh thì nói Vô sinh nhiếp hết, nếu nói các môn khác thì phải mỗi đều nói nhiếp hết. Nay từ hạnh tiện lại nói Vô sinh. Cho đến khai thành ba mươi hai môn, đâu chỉ có bốn. Đã nói trí dứt hai đức để đều lập môn, ba mươi hai môn không hề khác nhau, tùy nêu một môn thì nhiếp hết ba mươi mốt. Trăng Không thêm không bớt. Thí dụ chẳng khác mà khác y cứ bên hoặc trí mà nói có thêm bớt. Thấy có thêm bớt mà thể trăng luôn tròn. Các môn y vào hai đức trí đoạn chỉ từ năng nhập khác nhau, mà lý thể không hề sinh diệt. Đại Kinh nói: Nhân núi Tu-di nên có đầy vơi (tròn khuyết) Câu-xá lại nói gần mặt trời nên tự thể bị che. Các kinh Tiểu thừa phần nhiều nói bạc trắng lưu ly dần dần giúp hiện nên có thêm bớt. Nay lấy ý này dụ cho không thêm bớt, ý rất tiện. Nếu Vô sinh trở xuống là dùng môn kết khắp. Hỏi: các môn Vô sinh đều gọi Vô sinh v.v... Môn gọi Vô sinh thì tất cả đều phải gọi Vô sinh, trong các câu trước vì sao lại nói Vô sinh sinh, v.v... Vô sinh sinh là câu thứ nhất trong bốn câu đầu, sinh sinh là câu thứ tư. Sinh tự tại nên là câu thứ ba. Dẫn ba câu sinh để hỏi Vô sinh. Ý đáp: Ba câu nói sinh đều là công năng Vô sinh. Kế chánh nói trong phá pháp khắp trước nêu ba chương. Trong mỗi chương đều nói từ thỉ đến chung hết nguồn cội, là trong Tiêu thăm nói ý trong chương. Hết nguồn cội là ngang khắp, hết đáy là dọc cùng. Dọc phá rõ ràng có thủy có chung. Trong mỗi kiến, mỗi phẩm tư đều là pháp giới. Môn dọc mỗi pháp cũng đều lại có từ thỉ đến chung, trong môn chẳng hai đều ngang dọc, như thế đều ngang dọc chẳng hai. Nếu muốn lại từ ba chương đều nói, thì ba hoặc đều khắp nên gọi là ngang khắp chung đến thật tướng nên gọi là đến cùng. Mỗi hoặc trí lý chẳng phải ngang dọc. Trong ngang mỗi pháp cũng giống như thế. Lại nhiếp ngang tất cả gọi là ngang khắp, không gì chẳng viên cực nên gọi là dọc sâu. Tuy có ba văn chỉ thành hai nghĩa, tức là thứ và chẳng thứ. Ngang dọc chỉ thành thứ lớp. Tuy có hai

nghĩa cùng thành một tâm. Phải biết trong dọc đầy đủ có ngang cho đến chẳng hai hai thứ kia cùng loại. Cho nên nói dọc thì nói cao, cho đến không dọc mà chẳng rộng. Pháp Hoa ý xe lớn cũng như thế. Phải biết chỉ là xe lớn cao rộng. Cho nên biết ngang dọc chỉ nói tương nhập, chẳng được chẳng hai chưa khỏi tung ngang. Tuy ngang dọc đều khắp phải biết chẳng hai. Cho nên kế giải thích rằng: Không phải ngang không phải dọc. Tùy văn mà thấy, đâu hề gì mê sâu. Cho nên một nhà giải thích nghĩa trước chung kế riêng, sau lại kết nắm chỗ về của ý đầu ý tuy vì hiển chẳng hai, lại y chương môn ngang dọc giải thích, thì ở trong một, thì ngang dọc phân xét cạn sâu chẳng loạn, một môn Vô sinh trở xuống là trước nêu chương dọc, cũng trước nêu xong. Kế như đây trở xuống là nói ý chương dọc. Văn này rõ ràng mượn, ba hiển một, vì sao bỏ đây mà mạn chỉ thiên văn. Đại luận trở xuống là dẫn luận chứng ý mượn ba hiển một. Cho nên trong đây văn ba nghĩa ba. Ý ở độ nhập qui ở chẳng hai, trong một tâm phá cho nên mỗi câu trong văn sau đều có một văn một nghĩa một ý. Chẳng phiền văn nên lại lập sáu chỗ. Hoa Nghiêm trở xuống là lại dẫn ý Hoa Nghiêm để hiển bày nay. Kinh ấy hai căn mà phân ra hai ý. Đây cũng trước nói thứ, sau nói chẳng thứ. Cho nên giống đó. Nói thứ, là ý cũng thành viên đốn, chẳng thứ đồng với nay. Nếu luận văn nay y cứ quán chỉ là mượn riêng hiển chung. Toàn chẳng phải ý Biệt giáo lại thành khác. Pháp Hoa chỉ một thì khai độn thành lợi. Người đều khai, pháp cũng không hai, chính phải ý nay. Nay muốn trở xuống là hiển nguyên ý văn các giáo đã thế, nay cũng ý đó. Cho nên bày tiếp nối, là dự ở văn trước xa điểm sáu chỗ, kết toát yếu. Một là phá kiến vị sau, hai là phá tư vị sau, là trong bốn môn phân biệt, bốn là xuất giả lợi ích vị, năm là kết phá pháp khắp văn sau, sáu là văn đầu tu Trung quán. Với sáu văn này hết lòng chỉ ra, hiển bày rõ ràng Tục giả còn tối. Nếu trầm mật ẩn ánh làm sao hiểu rõ. Cho nên nghịch đế võng lãnh đến văn nêu lại, đây vẫn chẳng luận tiêu chương chỉ ý chỉ thẳng trong văn có sáu lớp này. Trước giải thích từ thấy giả vào hư không, trước nói từ giải mà được tên. Kế giải thích đương thể thọ xưng (do tên gọi). Trong văn trước lại giải thích chung rằng kiến hiện tại, v.v... là nói thấy chỗ theo mà sinh cho đến công năng hay chướng. Như ngọn lửa trở xuống là nêu thí dụ. Lửa mộng (mộng thấy lửa) là kiến hoặc, không giác là chân thể, hoặc này trở xuống là hợp. Nhưng thấy thì thấy lý trở xuống là giải thích từ giải mà được tên. Kiến hoặc trở xuống là nêu giải thích. Riêng trong bốn kiến cũng trước nêu bốn kiến. Trong một trở xuống là trước nói mười sử lợi độn trong có kiến.

Trước trong lợi nghĩa là có ngã, người ngoài chấp ngã hoặc như mè đậu chỉ hoặc chấp khắp thân, thần thân bốn câu và một khác v.v... chấp ngã chẳng mất gọi là ngã kiến, chấp ngã dứt thường gọi là Biên kiến. Do chấp dứt thường mà chẳng tin nhân quả, lại chấp ngã này xem là tự nhiên minh sơ thể tánh. Thể tánh tức là hai mươi lăm đế và sáu đế v.v... hoặc chấp từ cha mẹ, cát bụi, Phạm thiên sinh ra, đều gọi Tà kiến. Chấp tà là đạo gọi là chẳng phải nhân chấp nhân gọi là giới thủ kiến, nghĩa là nhân kiến này chung đến Phi tưởng. Tin nầy chẳng phải khác gọi là kiến thủ, là pháp của mình, ái trở xuống là nói nhân kiến hoặc mà khởi độn sử. Như thế trở xuống là trải ba cõi bốn đế hết tám mươi tám sử. Như văn sẽ thấy. Ba cõi gồm có năm mươi hai độn, ba mươi sáu lợi độn năm mươi hai là cõi dục hai mươi, bốn đế đều năm, thượng giới không sân chỉ có mười sáu, hai giới trên hợp thành ba mươi hai, cùng dục hai mươi hợp thành năm mươi hai. Lợi ba mươi sáu, là ba cõi đều có mười hai. Như trong cõi dục khổ trở xuống đủ năm, đao trở xuống có ba trừ thân biên, nhóm họp diệt đều hai trừ thân biên giới thủ, hợp thành mười hai. Hai giới trên cũng như thế ba mươi sáu và năm mươi hai hợp thành tám mươi tám. Hỏi: Bốn đế trở xuống hoặc y lý giáo vào mà phân biệt khác nhau. Đáp: Theo A-tỳ-đàm, coi trên không có sân. Hỏi: Vì sao thân biên chỉ ở khổ? Đáp: Kiến này y thân nên gọi là thân kiến, y ở thân kiến mà khởi biên kiến. Trừ ba không phải thân nên không có kiến này lại kiến khổ dứt cho nên ở khổ dưới. Hỏi: Giới thủ vì sao chỉ ở khổ đạo? Đáp: Chỉ chỗ khởi của nó. Hỏi: Giới thủ là nhân khổ đế là quả, vì sao ở khổ. Đáp: Chấp nhiều khổ hạnh coi là nhân thật, cho nên ở khổ dưới, chẳng phải ra khỏi đạo nên là vọng, gọi là xuất đạo. Cho nên lại ở chỗ đạo năng khởi. Nhóm họp diệt khác ở đây, nên không có thân kiến ví không thân kiến nên cũng không có biên kiến. Nhóm họp diệt chẳng phải đạo nên không sinh giới thủ. Lại giới thủ ở hai đế khổ đạo dưới, vốn là trong đạo thấy khổ năng đoạn, vốn là ngoài đạo thấy khổ năng đoạn, nên chỉ ở hai. Hỏi: Trong tám mươi tám, sơ quả chỗ đoạn, đã chỉ kiến hoặc, vì sao trong đó lại có năm mươi hai tư? Đáp: Tư này y kiến, kiến là căn bản, chỉ đoạn ở kiến, vì rễ hư thì cành khô, nếu mê việc tư thì trong đây chẳng nhiếp. Nên nói là pháp của mình. Ái tức chỉ cho năm kiến là pháp của mình. Hỏi: Trong tu sở đoạn vì sao không nghi? Đáp: Kiến đạo đã đoạn lý hợp không nghi. Còn ba kiến kia trở xuống chỉ lệ ở có thì ba kiến có thể hiểu. Chỉ lấy vô đẳng làm căn bản. Như chấp ngã là không, cho đến chẳng phải có, chẳng phải không. Nếu trải trở xuống là nói trải sáu mươi hai đều sinh tám mươi tám. Lãng mạn là

sóng trôi. Mạn là tản mạn, chơi bời buông lung nói đảo hoặc này như sóng dồi. Năm mươi giáo kế trở xuống là nói sinh một trăm lẻ tám. Kinh này do An Thế Cao dịch vào đời Hậu Hán, chỗ lập pháp tướng hơi khác các kinh. Kinh nói được ở tại Vương-xá Bồ-tát, mười phương hỏi Phật vì sao các hạnh nhân duyên khác nhau. Phật nói: so sánh năm căn cho đến ý thức là gốc tất cả pháp, được trí mười phương Phật. Hỏi: Vì sao đầy đủ hạnh đạo? Nghĩa là thường giữ căn thức mà tu so sánh là Bồ-tát sáng, nếu không tu so sánh là Bồ-tát si. Hỏi: Vì sao chẳng tu so sánh là si mà tu so sánh là sáng? Phật dùng năm mươi pháp mà đáp trong mỗi pháp đều nói so sánh, nên nói năm mươi so sánh. Trong mỗi pháp đều có một trăm lẻ tám. Trước là một trăm lẻ tám si, kế một trăm lẻ tám dục, cho đến được một trăm lẻ tám chân, chứng minh một trăm lẻ tám tận lực. Các Bồ-tát hỏi: Một trăm lẻ tám gồm những gì? Phật nói có chỗ nghỉ chẳng tự biết trong tâm sinh tâm diệt có ấn có nhóm họp, chẳng biết là si. Chuyển nhập ý địa cũng giống như thế, thức cũng giống như thế. Đó là ý ba, là thấy sắc tốt, sắc trung, sắc xấu, chẳng tự biết trước, chẳng tự biết diệt, có ấm có nhóm họp. Cho đến xúc cũng giống như thế. Kinh ấy chỉ nêu sáu căn đều sáu, tuy chẳng nói ba đời mà kết là một trăm lẻ tám. Cho nên biết là y cứ sát-na mà làm ba đời. Đã dùng ba thứ tâm ý thức làm ý địa ba, cho nên chung ba đời. Như nói nhóm họp khởi gọi là tâm sáng lường gọi là ý, phân biệt biết gọi là thức. Ý ba đã thế. Cho nên khiến chỗ y năm căn cũng như thế. Ba đời có cái ba mươi sáu, cho nên có một trăm lẻ tám. Kinh lại hỏi rằng: Nếu con biết một trăm lẻ tám si diệt là si hay là sáng? Phật nói: Chưa sáng. Các Bồ-tát hỏi: Vì sao như thế? Phật nói: Cũng có một trăm lẻ tám si, cho đến chưa được một trăm lẻ tám tận lực. Vì trong niệm niệm chẳng lìa sáu căn sát-na ba đời. Cho nên mỗi kiến đều có một trăm lẻ tám. Cho đến năm mươi cái một trăm lẻ tám phiền não. Cho nên kinh ấy chép: Khởi tâm động niệm sinh tử vô tận. Nếu theo Đại luận sáu căn đều ba thọ, ba thọ đối ba trần, ba đời thành một trăm lẻ tám. Đây là y cứ quả báo để nói ba đời. Nếu trong các luận lại dùng mười triền thêm tám mươi tám thành chín mươi tám, thêm mười tư chỉ hợp một trăm lẻ tám. Nói mười triền, luận rằng: Triền có tám là tàm, quí, tật, san và hối miên, và trạo cử, hôn trầm. Hoặc mười thêm phẩn - phú. Cho nên biết niệm niệm có đến một trăm lẻ tám. Lý chung nghĩa riêng. Đại Luận lại dùng chung mười bốn câu hỏi mà nhiếp sáu mươi hai kiến. Nghĩa là ba đời đều bốn câu và hai câu căn bản. Có câu hỏi này chẳng nên đáp. Phải biết trở xuống là kết. Tâm tối mắt mù nên chẳng thấy, tối nên chẳng giác (biết)

tức là tâm vô minh tối, mắt trí tuệ mù. Nên chẳng thấy chẳng biết lý chân đế. Thế giảng trở xuống là chê lầm vì nó chẳng biết đều là kiến, nên lầm sinh lấy bỏ. Giảng là giải riêng, lời này trở xuống là nói nhầm thấy sót kinh phụ tâm. Người đời chỉ nói ba thứ trước là kiến hai bốn không phải kiến, trong sáu mươi hai có phân nửa. Nên nói thiếu ít. Cho nên sót kinh. Nói phụ tâm, nếu thực hành kiến này chỉ có lỗi sót kinh, nếu dấu biết dối lời thì có lỗi phụ tâm, trung luận trở xuống lại chứng có không đều là tánh chấp chấp tức là kiến. Không đã thành kiến, phải biết câu thứ tư cũng đều là kiến. Lại đây trở xuống là nghiệm đều chứng, cho nên biết thuộc kiến. Các ngoại đạo trở xuống là chỗ được của người tà. Nghiệm biết kiến ấy văn trước nêu chung chỗ chấp của ngoại đạo để nói người quấy. Nói bản kiếp, bản kiến, v.v... là Trường A-hàm quyển mười ba nói: Phật bảo Phạm Chí Thiện Niệm bản mạt kiến này chẳng ngoài sáu mươi hai. Bản kiếp, bản kiến mười tám, mạt kiếp mạt kiến bốn mươi bốn, hợp thành sáu mươi hai. Nói mười tám có bốn mươi bốn câu và hai căn bản. Bốn câu đầu, là một kiến, hai mươi kiếp thành bại. Hai kiến bốn mươi kiếp, ba kiến tám mươi kiếp, bốn là ùng trí nhanh chóng mà nói. Bốn câu thứ hai, một ngã và thế gian, nửa thường nửa vô thường, hai kế do cười giỡn. Ba là chấp thất ý sinh, bốn dùng trí nhanh chóng mà nói (là nói trí nhanh chóng). Bốn câu thứ ba: Một thần và thế gian có biên (bờ bến?), hai là vô biên, ba là phương trên dưới có biên, bốn là phương vô biên. Bốn dùng trí nhanh chóng mà nói. Bốn câu thứ tư: Một là ta chẳng biết chẳng thấy thiện ác có báo không báo ư? Hai là ta chẳng biết chẳng thấy có đời khác không có đời khác chăng? Ba là ta chẳng biết chẳng thấy gì là thiện gì là ác chăng? Bốn là ngu si ám độn tùy người khác hỏi đáp. Hai câu căn bản gồm: Một là định ý biết chúng sinh vị lai không nhân duyên mà có, hai là trí nhanh chóng mà nói. Kế mạt kiếp mạt kiến bốn mươi bốn câu, trong bốn mươi bốn câu đầu, bốn câu thứ nhất cótưởng: Một là ta chết đây đời sau sinh có sắc có tưởng, hai là sinh không sắc có tưởng, ba là sinh có sắc không sắc có tưởng, bốn là chẳng phải có sắc chẳng phải không sắc có tưởng. Bốn câu thứ hai: Một là có tưởng, hai là chừng ấy tưởng, ba là thiếu (ít) tưởng, bốn là vô lượng tưởng thứ hai, có hai mươi bốn câu. Bốn câu đầu, dùng có sắc không sắc đối không tưởng thành bốn câu. Như bốn câu đầu, chỉ dùng vô tưởng thay cho có tưởng. Bốn câu kế, dùng có biên vô biên để đối vô tưởng thành bốn câu. Như trong văn đều kế nói bốn câu chỉ đổi vô tưởng để thay có tưởng. Thứ ba có hai mươi bốn câu. Bốn câu đầu, có sắc không sắc đối với chẳng phải có tưởng chẳng phải

không tưởng thành bốn. Bốn câu kế, có biên vô biên đối với chẳng phải có tưởng chẳng phải không tưởng thành bốn câu. Hai trăm hai mươi bốn này đều bốn mươi bốn trước hợp thành ba mươi hai câu. Lại có dứt kiến bảy câu: Một là nếu Sa-môn Bà-la-môn soạn luận ấy, thân ta từ cha mẹ bú mớm áo cơm nuôi lớn mà sinh, chết rồi thì tiêu mất; hai là trời sinh cõi Dục đầy đủ dứt diệt; ba là các trời sinh cõi Sắc có đủ dứt diệt; bốn là không xứ; năm là thức xứ; sáu là bất dụng xứ; bảy là Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Kế thường kiến có năm câu: Chấp tất cả chúng sinh hiện tại Niết-bàn, một chấp hiện tại năm dục tự vui được Niết-bàn; hai là Sơ thiền; ba là Nhị thiền, bốn là Tam thiền; năm là Tứ thiền, hợp thành mười hai câu, và ba mươi hai câu trước hợp thành bốn mươi bốn câu. Kinh giải thích rất rộng, số tuy sáu mươi hai nhưng chẳng ngoài đơn bốn cú kiến. Nắm đầu nhổ tóc, tức trong sáu mươi hai kiến có vô đẳng kiến, đúng sai lẫn nhau. Như Đại Kinh quyển mười tám trong Dực: Kỳ-bà vì Xà vương làm ngoại đạo, nói rằng: Thấy hai đứa trẻ đánh nhau nắm đầu nhổ tóc. Chương An giải thích rằng: Hai đứa trẻ là dứt thường, có không, đúng sai lẫn nhau là như nắm đầu nhổ tóc. Nhân đã chẳng thiện, quả khổ vô biên, cho nên sinh tử rõ ràng. Như Trường Trảo v.v... kế nêu Trường Trảo cũng chẳng ngoài bốn câu. Đại Luận quyển một chép: có ngoại đạo Phạm Chí tên là Trường Trảo, cũng gọi là Tiên-ni hay Bà-sai, hoặc Tác-giá-ca, hay Ma-kiện-đề, là Đại luận sư chấp tất cả luận có khả năng phá, tất cả lời có thể hoại, tất cả chấp có thể chuyển, cho nên pháp không có thật pháp đáng tin đáng kính. Như trong kinh Xá-lợi Phất Bản Mạt có nói: Mẹ Xá-lợi-phất là chị của ông. Chị mộng thấy một người, đủ như trong Pháp Hoa Sớ nói duyên Xá-lợi-phất, v.v... học xong trở về nước tìm cậu mà chẳng thấy, đến hỏi Thế tôn rằng: Tất cả luận có thể phá v.v... Phật dùng một câu trách rằng: Ông thấy là nhẫn chăng, suy nghĩ lâu chẳng được một pháp vào tâm bèn bảo Sa-môn Cù-đàm chấp ngã bỏ vào hai phụ môn. Nếu ta đáp nhẫn là phụ môn thô thì mọi người đều biết mà bảo rằng: Vì sao tự nói bất nhẫn mà nay nói nhẫn, hiện thấy nói dối? Nếu đáp rằng tôi thấy bất nhẫn là phụ môn tế. Không người biết thì liền đáp rằng: Kiến ấy cũng bất nhẫn. Phật nói bất nhẫn là kiến lấy gì là phá người khác, mọi người chẳng khác, vì sao tự cao mà sinh mạn? Trường Trảo do đó chẳng thể đáp, Phật tự biết đọa phụ. Thế tôn chẳng bày lỗi ta chẳng nói phải quấy, tâm điều mềm mỏng, được pháp nhãn thanh tịnh. Tức thuộc đơn bốn câu chẳng thuộc có kiến, chẳng thuộc không kiến. Nếu theo văn sau cùng ý trong đây. Trường Trảo nghĩa phải trong đơn bốn kiến ba kiến sau và không nói

kiến. Nếu nói tất cả chẳng thọ tức giống như vô kiến. Cao trước trở xuống là so sánh giải thích, tức chỉ Trường Trảo là bậc cao cấp trong hàng ngoại đạo, chỗ học đã (nổi tiếng) còn chưa xuất đơn, huống chi các người khác ám độn tùy thời hỏi đáp ư? Nay xếp trở xuống là nhà nay xếp Bản mạt chấp trước, v.v... đều chẳng ngoài đơn. Kế nói phức kiến, cú biệt có hai nên gọi là Phức. Mỗi câu đều duyên pháp trần mà khởi v.v... Ở mỗi câu trở xuống là nói phức kiến sinh hoặc. Đầy đủ trở xuống là nói câu đầy đủ, câu pháp đến bốn, nay trong một đủ bốn, nên gọi đầy đủ. Tuy là đơn phức khác nhau, đều dùng bốn làm câu pháp. Cho nên đều nói bốn chỉ trong ba mươi bốn đơn phức đủ khác, được ba câu danh mà thôi. Đơn thì bốn người, phức thì tám người, đủ mười sáu người trong phức một lấn nêu câu. Tuy giống đơn trên bốn câu đều thêm có không. Nhưng có có đồng đơn, có không chẳng đồng, đơn không chỉ ở trên có thêm không, trên không thêm có. Thứ ba thứ tư đều thêm hai câu (thêm hai câu ba, bốn). Câu pháp phải nói vừa có vừa không vừa có vừa không, chẳng phải có, chẳng phải không có, chẳng phải có không phải không không. Văn nay khai ở hai, cũng song phi hợp có không. Khai hợp này hoặc viết lầm, hoặc có ý riêng. Trong bản thứ hai, đều chẳng nêu câu, chỉ nêu thẳng rằng: Phức đủ mà thôi. Đây là khi sửa mà thêm vào, phải là vốn nghe đủ văn mà nêu giải thích. Nay thêm chẳng là nói riêng. Cho nên trên bốn đơn lại thêm sáu câu để làm câu phức, đầy đủ bốn câu một lần cũng giống đơn bốn trên đều thêm bốn câu. Nhưng cũng có có đồng đơn có không, không đồng đơn không. Lưỡng diệc (cũng hai) ở trên tuy thêm lưỡng diệc (cũng hai), đồng đơn lưỡng diệc (cũng hai). Trên song phi tuy thêm song phi, đồng đơn song phi. Cho nên ở trên đơn trước thành thêm mười hai câu, ở trên phức trước chỉ lại thêm sáu cùng đơn phức trước thành mười sáu. Ấy thì ở trên mười bốn câu lìa mà làm hai mươi tám người, kế (chấp) chỉ thành mười sáu câu mà thôi, cho nên trong sáu mươi hai đều không đủ phức. Kế một câu dưới là đủ chỗ sinh hoặc. Kế nói bặt lời nói, bặt thấy nghe, mỗi pháp trở xuống là các bốn câu sau, đều có bặt lời, đều sinh chừng ấy các hoặc chẳng thôi, cho nên nói mỗi một. Lại y cứ trở xuống là kế nói y Phật pháp mà sinh kiến. Cũng có bặt lời cùng chỗ sinh hoặc. Các thứ ấy đều như văn. Lại nữa trở xuống là đương thể gọi kiến, kiến chỉ là giả, giả chỉ là nghĩa chẳng thật. Được tên tuy khác thể kiến vẫn không khác. Sở dĩ lại ở đương thể mà lập giả danh là muốn ở mỗi lập nghĩa ba giả. Biết thể kiến là giả, cho nên trước nói thể kiến là giả, giả tức ba giả. Lại văn trước nói: Từ giải được tên thấy lý mới dứt. Vì sao thấy lý ắt thôi ba

giả? Cho nên lại nói: Đương thể gọi là giả, phải dùng bốn câu phá giả. Giả đã phá nên thấy lý, cũng phải hợp rằng: giả đã sinh hoặc. Đây giải thích ba giả, vì phá hoặc nên chẳng sinh hoặc. Nếu không có bốn câu và tánh tướng thì không còn sinh hoặc. Cho nên đây chưa nói sẽ nói ở văn sau. Pháp trần trở xuống là giải thích tướng ba giả. Trước y cứ tâm mà giải thích, nhân trong nhân ngoài hòa hợp mới thành. Cho nên pháp sinh ra gọi là nhân thành giả. Vì niệm chẳng thật cho nên niệm trước diệt, diệt rồi lại sinh, sinh rồi sẽ diệt, kể hay nối tiếp gọi là tiếp nối giả. Người đãi ở mình nên đặt tên ngườ,. Mình đãi ở người, giả lập ở mình. Tướng đãi chẳng thật nên gọi tướng đãi giả. Nếu dọc đãi ý cũng giống như thế.

Nói ba vô vi: Một là hư không, hai là trạch diệt, ba là phi trạch diệt. Xưa gọi số duyên chẳng phải số duyên Câu-xá tụng rằng:

Trong đây không vô ngại.

Nghĩa là hư không vô ngại làm tánh, không phải nói chỗ thấy không một hiển sắc và lỗ dòm nhỏ. Tụng rằng:

Trạch diệt là lìa hệ,
Tùy hệ việc đều khác.

Tùy hệ ba cõi kiến, thấy các phẩm đều gọi là hệ. Chỗ hệ khác nhau gọi là tùy việc. Lìa một hệ niệm được một trạch diệt. Trạch lực chỗ được diệt gọi là trạch diệt. Trạch là dứt trí, thôi độ khiến diệt, nên gọi là trạch diệt. Phi trạch diệt, tụng rằng:

Rốt ráo ngại sẽ sinh
Riêng được phi trạch diệt.

Phi trạch diệt này có hai loại khác nhau, tức là căn trần thiếu duyên, kịp vị đã chứng, các hoặc vô tri chẳng được nối tiếp khởi, gọi là ngại đương sinh. Như khi duyên một sắc, đối với các sắc khác và bốn trần kia được phi trạch diệt, là chánh duyên là ngại đương sinh. Ba đều vô tâm đãi ngã là có. Cho nên có là giả. Khai thiện dưới đây là nói tha giải, văn sau sẽ phá. Kế y cứ sắc, là niệm trước diệt thì giả sau niệm kế tiếp, nên gọi là giả. Trong đãi cũng phải có đủ ngang dọc, đãi qua diệt thân gọi là chẳng thân là dọc đại. Người khác chẳng phải thân ta gọi là chẳng thân là ngang đãi. Phàm văn tương đãi đều có hai nghĩa, đều phải nghĩ biết. Kế y cứ y báo, chánh báo đã giả, y báo cũng như thế. Y sẽ theo chánh như bóng theo hình. Giải thích rõ như Luận sư. Như Thành Luận sư nói rõ ba giả. Văn nay tuy giải thích nghĩa cũng giống như lược. Đã nói sắc tâm y chánh ba giả, đủ hiểu phá kiến nên không có kèm theo. Chỉ đây trở xuống là nói tùy lý ba giả. Nói Đại thừa, tức

là diễn môn ba giáo, vô minh huyễn hóa tên gọi đều thông. Ngoài bốn đại trụ đã từ bốn vị hòa hợp mà thành. Ngoài bốn đại trụ lại hiện trong gương, trong gương há có năng thành bốn vi, năng thành còn không đâu có sở thành huyễn trụ trong gương. Gương trụ như huyễn nên nói huyễn trụ. Lấy huyễn dụ tượng nên lại nói huyễn. Gương trụ đều không vốn là ngoại trụ. Do gương sáng nên hình ảnh hiện trong đó. Gương là ngoại trụ hiện duyên tương. Nếu thế, ngoại trụ cũng như thế. Trụ thể là do bốn đại chủng là ngoài mà khiến mộc hiện. Lại do công thợ giả đặt tên trụ phải biết ngoại trụ cũng giống như thế, v.v...

Nói bốn vi là sắc, hương, vị, xúc. Do bốn đại hòa hợp tạo sắc trụ này. Ở ngoài tức là chỗ tạo trụ, đối với tượng tức là trụ năng thành. Do có bốn vi sở tạo trụ, mà khiến trong gương sở thành trụ hiện. Cho nên ở trong gương thôi vị năng tạo và trụ sở thành, chẳng bao giờ được. Nhân thành đã không làm sao có tục đãi. Cho nên chỉ so sánh rằng: Huống trải thời tiết, tức dùng tiếp nối mà so sánh. Vì huyễn hóa trường đoản, tức dùng tương đãi mà huống. Cho nên kết chung rằng: Đâu thật có được, dùng một chữ so sánh mà quán hai câu dưới. Đại Luận quyển bốn mươi sáu rộng nói: Diễn môn tướng ba giả. Tuy nói tùy lý, mà lý có quyền thật. Thông giáo tùy quyền lý, Biệt giáo tùy thật lý. Nay nói ba giả phụ vô minh mà khởi. Cho nên biết vô minh cũng chung cạn sâu. Nay đã phá kiến lại từ nghĩa dọc, lại Thông giáo ba giả. Biệt giáo ba giả ở quyển sáu, trong Tu Trung quán ba phen. Cho nên có thứ đệ ba, bất thứ đệ ba, v.v... Lại luận chung tuy thế, nếu nói Biệt thì như Chương An nói: Thanh văn quán nhân thành, Duyên giác quán tương tục, Bồ-tát quán tương đãi. Tuy đây là đầu, sau sẽ đủ ba. Nêu dễ so sánh khó, như gương trụ vừa rồi để so sánh ngoại trụ, tức tướng nó. Nói chẳng thật, là chỉ vì các pháp từ nhân duyên, cho nên niệm niệm chẳng trụ nên đợi tha giả lập. Phải biết gương trụ và ngoại trụ, đều là ba giả chẳng thật nghĩa đồng. Tuy đồng chẳng thật tượng, v.v... dễ giải thích, ngoài trụ khó hiểu. Cho nên kinh Đại thừa lập mười dụ. Nói mười dụ thì Đại Luận quyển bảy chép: Một là như huyễn, là dụ như nhà ảo thuật làm các thứ. Tuy không có thật nhưng là sắc pháp rất dễ thấy nghe. Các pháp cũng như thế. Vô minh huyễn hóa mà rất dễ thấy nghe; Hai là hơi nóng, vì ánh sáng mặt trời gió động bụi cho nên giữa chỗ trống (sa mạc) như ngựa hoang. Người vô trí cho là có nước. Các pháp cũng như thế, ánh sáng kết sử, bụi trần các hành, gió tưởng nhớ, trong chỗ hoang vắng sinh tử mà chuyển động. Người vô trí cho là thật; Ba là như trăng đáy nước, trăng ở trên hư không bóng ở dưới đáy nước. Mặt trăng thật

tướng ở trên hư không thật tế, trong nước tâm của phàm phu, tướng ngã sở hiện ra; Bốn là hư không, chẳng những chỉ có tên mà còn chẳng chân thật, hư không chẳng thể thấy. Ở xa nhìn ánh sáng chuyển khiến thấy có sắc. Các pháp vốn không xa trí vô lậu, nên thấy các tướng; Năm là như tiếng vang, ở trong núi sâu nghe có tiếng, và tiếng vỏ cây mà có tiếng vang. Người vô trí nói là có, tất cả các lời cũng giống như thế. Chỉ là trong miệng gió Ưu-đà-na chạm bảy chỗ hòa hợp mà có tiếng; Sáu là như khi mặt trời mới mọc thì thấy trên hư không có thành quách, lâu đài và người qua lại. Mặt trời lên cao thì mất. Người vô trí cho là có thật. Các pháp cũng như thế, vọng chấp ngã của ta; Bảy là như mộng trong mộng không có thật gọi là thật. Thức rồi biết không lại tự cười. Các kiết trong miên không có thật mà sinh mê đắm. Được đạo thức rồi bèn biết là không thật; Tám là như bóng, thấy mà chẳng nắm bắt được. Các pháp cũng như thế. Tuy tình cho là thật mà tìmchẳng thật có; Chín là như bóng trong gương. Chẳng phải gương, chẳng phải mặt bốn câu không thể được, chỉ có (tên gọi). Các pháp cũng như thế, không phải tự đều bốn, chỉ có tên gọi; Mười là như hóa, các trời và bậc Thánh có các biến hóa, các biến hóa không thật. Các pháp cũng như thế, đều không sinh diệt, cũng như người hóa vốn tự không sinh đâu có già chết. Lại Thích Luận dưới là hội dị, tức là hội ba hữu và ba nhiếp đề đồng với ba giả. Đại Luận quyển bốn mươi sáu giải thích rộng ba hữu ba nghĩa Nhiếp đề và ở trong phẩm ba giả mà nói cho nên được hội đồng. Nhưng luận văn ba hữu cũng ba giả, danh nghĩa có đồng có khác, thì tên tương đãi đồng, hai thứ kia khác tên. Trong hai khác tên pháp đồng nhân thành. Giả danh chỉ xem pháp giả mà lập, cho nên khác nhau nối nhau. Trong văn chỉ giải thích mà không thấy hội văn nay nêu ý giải thích, vốn ở hội đồng, cho nên phải hội, giả danh thì phải tương tục giả, vì sao? Vì đối với pháp giả đặt tên, thì bảo các pháp nối nhau gọi là trụ. Văn nay trong giải thích tương đãi có toàn dùng văn ấy. Như vật năm tấc đối một thy cứ là ngắn đối ba tấc là dài. Kia đây cũng như thế. Ở đây thì cho kia là kia, ở kia thì cho đây là kia. Vật ở Đông, v.v... như người kia ở phía Động vật thì cho vật này là Tây, cho nên nói ở Đồng cho là Tây. Ở Tây thì cho là Đông, Ta ở phía Tây của vật thì cho vật này là Đông. Kế giải thích giả danh mà có. Nói tuy có nhân duyên khác nhau, v.v... đối với pháp hòa hợp đặt một tên giả, giả danh này là thật có hay không. Hay nói cho nên có, chẳng thật cho nên không. Cho nên khác nhau, nhân duyên thật có và sừng thỏ không. Là sao? Như lạc bốn vì không phải tô bốn vi, mới có tên lạc, cho nên biết tên lạc khác nhau sừng thỏ. Như

bình v.v... các tên dưới (dưới tên bình, v.v...) thì có bình thật, sừng thỏ tên dưới thì sừng thỏ không thật. Lông rùa cũng như thế. Tuy có nhưng khác nhau thể của pháp thật. Thể thì có thật tên thì giả đặt. Cho nên giả có khác nhau thật có. Nói bốn việc như sắc, v.v... hòa hợp nhân duyên. Đây không phải hòa hợp tạo lạc nhân duyên tạo lạc. Phải dùng nhân sửa duyên người mới gọi là lạc. Nhân duyên được thành phải đủ bốn việc, nên gọi bốn việc là pháp hòa hợp. Hòa hợp đủ bốn giả đặt tên là lạc. Lại như trở xuống là lại y cứ đoan nhắc lại đặt ra nhiều lớp thật pháp, lập nhiều lớp giả danh, giải thích có giả danh, Trung Luận rộng phá đoạn nhắc lại vô thường, vô ngã. Như người ngồi thiền quán đoạn nhắc lại làm đất nước lửa gió, xanh vàng đỏ trắng, v.v..., hoặc lại đều không. Cho nên đoan nhắc lại chỉ có tên gọi. Văn nay lược năm luận rất rộng, từ một sắc rất bé, hương vị xúc xem là pháp thật, giả gọi mao phần. Mao phần, là phần nhỏ của lông gọi là mao phần. Cho nên rất nhỏ đều gọi là mao phần. Hợp nhóm nên gọi là thuế, thuế là sợi lông rất nhỏ. Nên biết bảy phân tử nước là đầu một sợi lông thỏ, thỏ cũng là loại lông nhỏ. Cho đến thành áo, áo là giả danh. Nhắc lại là pháp thật. Như thế xoay vần lần lượt thành giả thật, giả danh có không so sánh như trước nói.

Luận lại nói trở xuống là kế hội ba niếp đề là tiếng Tây Trúc, dịch là giả thi thiết (giả đặt). Muốn hội khiến đồng, nên trước hỏi khởi. Đáp: trở xuống là trước hội tên kế giải thích nghĩa. Trong pháp đã nói năm chúng hòa hợp cho nên thành nghĩa đồng với nhân. Kế trong thọị giả, thọ là lãnh nạp. Do rễ thân cành lá cho nên cây có thể lãnh nạp. Lãnh nạp cây nên có cây thỉ chung, tức gọi là tương tục. Cho nên có đồng với giả danh ở trước. Dùng danh tự ấy trở xuống là hội tương đãi giả, dùng ở tên cây và tên nhánh lá. Lấy hai tên trở xuống là hai thứ pháp. Dưới tên cây nhánh lá là pháp đãi không phải cây, có cây tên sinh. Tất cả các pháp cho đến tâm sở cũng giống như thế. Luận nói: Hành giả (người tu) trước hoại tên đến thọ, kế hoại thọ đến pháp. Vì hoại pháp nên được thật tướng các pháp. Y theo nói thứ lớp, tức trước phá tương đãi cho đến nối nhau. Sau phá nhân thành, nếu luận ba giả khởi thứ lớp, thì trước nhân thành cho đến tương đãi. Xoay vần sinh kế xoay vần phá đi. Cho nên phá tương đãi cho đến nhân thành được thật tướng không thứ lớp hơi khác. Văn ý đều khác phải khéo suy nghĩ phân biệt. Anh Lạc trở xuống là chứng ba giả trước, dẫn kinh Anh Lạc. Kinh ấy có đủ nên chứng chung. Kinh Bản nghiệp quyển hạ chép: Các pháp duyên thành, giả pháp vô ngã. Có pháp tương đãi tất cả tương hư. Tương

tục gọi một không chẳng thật có, đều câu trên mà nói giả tướng. Ở câu dưới là nói chung phá vì phá nhân thành cho nên tìm ta không thể được. Vì phá tương đãi nên tất cả tương hư. Vì phá tương tục nên không thể được. Thứ lớp lại chẳng đồng với văn Đại Luận. Ý Phật sâu xa ta riêng có ý. Đại phẩm trở xuống là dẫn riêng ba kinh đều chứng một giả. Đây tức nghĩa ba giả của Diễn môn. Đại phẩm, vì có duyên ngoài nên khiến nội tư sinh. Tư sinh tức là pháp được sinh. Văn Đại Kinh thứ hai giải thích trong ngoại đạo chấp thường, nói như đọc tụng pháp từ một A-hàm đến một A-hàm. Như người muốn tụng bốn kinh A-hàm có thể từ một bộ đến một bộ, do vì tương tục. A-hàm, Hán dịch là pháp vô tỷ. Pháp thọ thực cũng như thế, tiếp tục nên no. Vì ngoài kể thật gọi thế tục là thường, nên khiến phá. Tương tục là giả đủ như ở sau phá. Tịnh Danh v.v... từ phá biên mà nói là chẳng tương đãi. Bốn câu phá rồi, đãi chẳng thật có, không một niệm trụ. Dẫn diễn văn này, vì muốn hiển Tiểu Đại đồng có. Cái gọi là trở xuống là đủ nêu Tiểu Đại đều đủ ba giả. Văn trước tuy nói Tiểu môn ba giả, chưa nói bốn môn đều đủ ba giả và hoặc sinh ra. Nay đối diễn môn nên nêu lại. Như lai trở xuống là nói lý sinh hoặc, vì do sinh mê đắm nên bản ý Phật dạy người không tranh giành. Tranh giành là lỗi người nào có liên quan gì với lỗi pháp. Chỉ ba tạng môn vụng dễ sinh tranh giành. Nhưng văn Đại Luận vốn bác bỏ ba tạng xem là tránh pháp (pháp tranh giành), tức dùng diễn môn làm pháp vô tránh. Cho nên Luận nói: Phật pháp có hai: Một là chỗ tranh giành, hai là chỗ không tranh giành. Các kinh khác đã nói chỗ tranh giành, nay muốn chỉ người pháp không tranh giành, cho nên nói kinh Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật. Cho đến có tướng không tướng, có y không y, có đôi không đối, có trên không trên, phân ra làm hai môn cũng giống như thế. Nay thì dùng chung Phật pháp Đại Tiểu, đều vốn chỉ người pháp không tranh giành. Cho nên nói sinh ngữ kiến, ở mười sáu môn mà khởi giả. Như cam lộ cõi trời vốn giúp cho sống lâu. Ngu ăn chẳng tiêu lại khiến sống yểu. Phật giáo cũng như thế. Vốn khiến thông đến thường trụ Niết-bàn. Vì sinh tranh giành lại vào Tam đồ, nói ngữ kiến: Ngữ là lời dạy, y môn đều kế, tùy sinh bất cứ một kiến nào. Đã chẳng thể hiểu ý sau lời nói gọi là ngữ kiến.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 5
(PHẦN 6)

Kế nói phá giả quán trung. Văn tự có hai, tức là hai phá lược rộng. Trước lược phá, lược là chung. Trước nói lược cảnh, kế nói lược quán. Cảnh bốn quán hai, hợp thành sáu lược. Nói cảnh bốn: Một là kiến lược bốn câu chẳng nêu có, v.v..., chỉ nói phải thuộc một kiến; hai là giả lược, chẳng nói tướng ba giả, chỉ nói luống dối không thật; ba là chỗ sinh hoặc lược, chẳng nêu tám mươi tám. Chỉ nói mênh mông như trước; Bốn là chỗ phòng lỗi lược chẳng ngoài tướng sinh lỗi. Chỉ nói đủ như sau nói. Nói quán hai: Một là chỉ quán lược, chẳng nói thôi đến hai không tánh tướng. Chỉ nói song tịch chẳng hai; hai là kết lược. Chẳng nói mắt trí không sinh, chỉ nói từ giả vào không. Ý sáu lược này đều thông đây trở xuống là bốn kiến đầu. Sau nói rộng sáu thứ này nên gọi là rộng. Nói như trước, là đủ như năm mươi so sánh đã nói. Nói như sau, là như ở cuối quyển nói về được mất, là bốn lược trước. Thứ lớp ở văn có thể dùng ý mà được. Nên phải trở xuống là nói chỉ quán lược. Văn trước là chỉ. Từ lại quán trở xuống là quán. Trong đây cũng là chỉ quán dùng chung, cũng là riêng mà chẳng riêng. Cho đến làm thành văn sau sáu mươi bốn phen chẳng riêng mà riêng. Cho nên biết dùng thẳng bốn tánh để suy ra ba giả, gồm đủ chỉ quán. Văn trước nói: Dương y diệm. Gió thổi gọi là dương, tức ánh lửa chuyển động, phải y vào ánh lửa. Diệm nương vào hư không, hư không chẳng có chỗ nương, như kiến nương vào vô minh, vô minh nương vào pháp tánh, pháp tánh không có chỗ nương. Vì sao? Vì pháp tánh không có tự thể, hoàn toàn là vô minh. Nên nói không chẳng có chỗ nương. Miên (ngủ) dụ cho đồng diệm (ánh lửa). Là sao? Tâm Miên như pháp tánh, hôn miên (tôi ngữ) như vô minh, việc mộng như các kiến. Vô minh là gốc, các kiến là ngọn. Vô minh không nương, các kiến không trụ, cho nên nói song tịch. Kế giải

thích quán trung nói vô minh đã tức là pháp tánh, chẳng hai chỉ là chẳng khác, cũng có thể chẳng hai từ tánh, chẳng khác từ tướng. Pháp tánh xưa nay trở xuống là giải thích chẳng hai chẳng khác ở trên. Vô minh đã là pháp tánh, pháp tánh chẳng bị vô minh ô nhiễm gọi là vốn thanh tịnh. Khi ở vô minh pháp tánh chẳng diệt, khi ngoài vô minh pháp tánh chẳng khởi. Lại khi ở vô minh pháp tánh chẳng khởi, khi phá vô minh pháp tánh chẳng mất. Vô minh và pháp tánh thể nó là một. Cho nên tự thể vô minh cũng chẳng sinh diệt, nên nói vô minh cũng giống như thế. Nên biết vô minh từ vô thỉ chẳng khởi, nay tức pháp tánh cũng lại không diệt, không người chấp có người cho nên đều nói ai. Nếu bảo đây trở xuống là lại giải thích vô minh đồng với pháp tánh. Pháp tánh không khởi trở xuống là lại dùng thể pháp tánh để giải thích vô minh. Năng quán, v.v... là vô minh pháp tánh đều là sở quán. Tức quán không tức là năng quán, không phải chỉ quán vô minh pháp tánh. Thể tánh chẳng hai, năng quán quán trí tức là vô minh. Vô minh như hư không nên quán trí cũng không. Như đây trở xuống là lược kết. Vì nói nên cùng đặt tên vô minh pháp tánh. Nay y theo thứ lớp lại y cứ vô minh phá kiến, pháp tánh chân đế, nên nói từ giả vào không. Kế trong giải thích rộng trước phá có kiến, tuy đối bốn kiến lìa chung gọi là riêng. y cứ vào chưa phân tín pháp hồi chuyển, v.v... các pháp riêng, vẫn gọi là chung. Trước lập lợi căn hai hạnh tín pháp. Như trước lược phá văn ấy đã đủ. Vì người chưa hiểu lại phải nói rộng sau. Độn Căn trở xuống là nói quán rộng. Trước nói ý rộng và dùng pháp rộng. Nếu chẳng dùng rộng thì tăng thêm các lỗi. Cho nên nói: Nay y pháp quán rộng của Trung luận. Trung luận chánh giúp cho người đời Mạt pháp. Đời quán tâm vì sao lại bỏ. Long Thọ chẳng nhận làm thầy, lại biết thầy là ai cho nên văn này đều là quán pháp Trung Luận của Long Thọ. Nên nói nay cũng giống như thế. Nay cũng trở xuống là y luận lập quán. Nếu một niệm trở xuống là lại thuật từ trước chỗ nói ba giả, làm chỗ phá giả, phải quán trở xuống là chánh nói dùng quán. Văn đầu trước dùng bốn câu phá nhân thành giả. Trong đó trước nêu bốn câu. Nếu tâm trở xuống là kế chánh suy phá. Trước phá tự sinh nói: Niệm trước là căn, niệm sau là thức. Căn không có tự thể riêng, lại chỉ vô gián diệt ý làm thể. Căn gọi là năng sinh, do ý trước diệt mà sinh ý thức sau. Cho nên Câu-xá nói: Tức do sáu thức của thân vô gián diệt thành ý. Thân là thể. Khi Vô gián diệt làm thể ý căn. Bấy giờ năm thức cũng y vô gián diệt ý để làm thân duyên, dùng năm sắc căn để làm sở duyên mà sinh năm thức, năm thức vô gián phân biệt, khi sinh thì gọi ý thức. Nay ý văn này chẳng phải năm thức mà là

thức thứ sáu duyên, có kiến để làm pháp trần, tức gọi là Thức. Tức dùng thức này đối căn nghiên trách. Cho nên nói căn là có thức nên sinh thức căn là vô thức nên sinh thức. Đại Luận hỏi rằng nếu niệm trước diệt thì làm sao sinh sau. Đáp: Có hai nghĩa: Một là niệm niệm xứ, hai là niệm niệm sinh. Có hai thứ này nên diệt được sinh. Sợ sinh dứt kiến cho nên phải lập, nay vì phá nên phải trách. Sinh diệt tuy khác, căn và thức đều là tự tâm, từ căn từ thức đều thuộc tự tánh. Ở trong tự tánh, căn thức đều cùng trách, cầu chẳng thật có. Lại tâm và thức đều đối trần để đặt tên là tâm. Cho nên trong văn hai tên cùng dùng, chẳng được dùng pháp tướng phân biệt tâm ý thức khác mà câu nệ văn này. Cho nên trước lập đây đều gọi là sinh tâm, câu dưới trong lời hỏi đều nói sinh thức. Cho nên ý văn này hai tên không còn vì từ căn sinh hỏi là diệt sinh, vì từ thức sinh hỏi là sinh sinh. Nếu căn sinh trở xuống là trước phá câu trên. Tiểu tông tuy cho căn sinh ra thức, nay phá diệt sinh, cho nên phải trách. Nếu từ thức sinh thì thức trước chẳng diệt, lại sinh một thức.

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

Do quá ngăn ngại nên không thể đợi tìm kiếm. Cho nên trong văn này chỉ phá căn sinh. Từ căn sinh thì trước sau cả hai phải xác định rõ ràng. Nếu Căn có thì ở sau phải tìm cả hai. Ban đầu tìm có thức, nếu căn có thức thì có hai điều chướng ngại. Nghĩa là căn thức đều là năng sở, thì có lỗi sinh sinh không cùng và nếu không năng sở thì nghĩa sinh không thành.

Sinh là thế nào? Không ngừng diệt mới gọi là Thức sinh. Nếu căn có thức thì sinh diệt trái nhau, cho nên có lỗi. Nếu căn không có thức sau thì tìm ở câu sau, tức là thứ bỏ không có thức năng sinh ra thức. Căn tuy tìm ở sau có thức tánh, do đó phá theo chiều dọc.

Trước lập hai câu, đã tìm ở sau. Có đồng với có cũng thành sinh, không cùng với khác nhau với vô tình sinh.

Thức tánh sau tạo thành khác. Nếu một thì tìm trong câu một. Hễ nói tánh thì sau mới sinh, thức và tánh là một nên không có năng sở. Nếu khác thì tìm ở câu khác. Nếu tánh khác thức thì đồng với cảnh bên ngoài, cảnh bên ngoài sinh ra thức thì đồng với những thứ khác.

Làm sao tự biết? Nếu ở sau thứ lớp phá tánh khác. Như trước đã tìm thì biết tâm không thể tự sinh, cho nên chấp nhận không tự sinh.

Tuy nói tâm không tự sinh, do có cảnh ngoài sau đó tâm khởi lên. Mắt nhìn trần, trần là cảnh khác. Kinh nói phần sau sẽ dẫn văn Đại Phẩm để chứng minh tánh khác.

Trần là duyên bên ngoài sau đó phát sinh căn bên trong, phát sinh suy tư chính là pháp sở sinh.

Phật ra đời vì một căn cơ nên tạo ra thuyết tha tánh. Vì người chấp nên không rõ phải dẫn kinh để phá chấp. Nếu vậy thì phần sau xác định thuộc tha sinh. Nay suy tìm quán dụng ở sau trước cũng xây dựng hai câu. Trần nếu tìm xét ở sau, trước tìm xét là tâm thì có ba điều ngăn ngại:

1. Trần không ngăn ngại tâm, thì tâm không gọi là Trần
2. Trần không phải cảnh bên ngoài cùng tự sinh ra ngăn ngại.
3. Đều ngăn ngại.

Nếu Trần chẳng phải tâm thì dung nhiếp để sinh ra trần, nếu trần là tâm thì trở thành chỗ tâm sinh ra tâm, gọi là đều sinh. Nếu ông sinh mạ non thì có năng sở, nếu ông sinh ra ông thì hai ông đều sinh, có gì là năng sở.

Nếu trần chẳng phải tâm, ở phần sau sẽ tìm cầu câu phi tâm khác nhau nghĩa thức với căn trước. Tìm ý cũng như vậy, cho nên nói phá như trước.

Trần có thức tánh nên biết như trước đã ví dụ, nếu căn ở sau tìm cầu hợp sinh, chỉ là chấp vào tự tha, thì đã tìm cách phá. Cho nên chấp vào hợp sinh cũng muốn không rơi vào tự tha, cũng lập hai câu ở trước. Nếu mỗi câu đều tìm ở sau, nếu mỗi hữu lại đồng với hữu trong hai câu văn ở trước, cho nên nói rơi vào tánh tự tha.

Tại sao gọi là cùng sinh?

Nếu mỗi việc không như đường phèn và dầu hòa hợp cũng không gọi là cộng. Thí như ví dụ dưới nêu ra, trước cũng lập hai câu. Nếu mỗi hữu ở sau tìm hai câu, thì có như trong pháp. Nếu mặt gương hợp thành một, thì mỗi hữu mỗi vô e biến thành phương khác không thể sinh hình tượng. Hòa hợp thành một nơi chốn mới sinh ra hình tượng được, cho nên kết lại sự tìm cầu nói thật không hợp nhất. Nếu gương đến mặt gọi là hợp nhất. Nay chụp lấy hình tượng pháp trần không gần không xa, thì sẽ thấy được hình tượng. Nếu vậy, thì mình không gần không xa, có thể sinh hình tượng, vậy có liên quan gì đến mặt gương? Lìa gương thì chẳng thể biết không có hình tượng, căn trần lìa hợp ở sau, nhưng hợp như mặt gương hợp ở văn sau. Những điều này ở văn trên trong pháp đã có, nên mỗi việc lại đem căn trần với mặt gương hợp thành một như

văn trên.

Lại căn trần ở phần sau sẽ tìm trong tánh và đưa đến một thứ khác giống như thuyết tự sinh ở trước. Nếu căn trần ở sau và tìm cầu chấp thành ly sinh, thì ba điều trước thứ bỏ không sinh được, cho nên ngoài ba thứ chấp riêng vào ly trong phán xét ở trước thì thuộc không nhân duyên, không nhân thì không sinh. Kế đến xác định hai câu trước. Nếu có sự yêu cầu ở sau, thì trước phải tìm cầu hữu ly. Ly tức duyên này đồng với sinh khác. Vì sao nói là ly? Vì nếu không tìm cầu ở sau thì đồng với vô tâm. Nếu nói ở sau tìm cầu tánh, thì trước nên xác định hai câu. Kế đến gạn hỏi câu thứ hai, hữu đồng với tha, vô đồng với vô tâm. Ở sau Trung luận sẽ dẫn thứ lớp Trung luận chứng minh chung bốn câu, lẽ ra hoàn toàn không nên sinh vì sao mỗi pháp lại chấp khắp. Nếu suy xét ở sau kết thành hai không tánh tướng. Trong nầy ban đầu trình bày tướng hai không, nhưng không có tánh chấp khắp gọi là Tánh không, cũng không có bất trụ phần sau tánh đã phá, nhưng có tướng sắc tâm trong ngoài, đã không trụ trong không bốn câu, cho nên tướng cũng được gọi là tướng không. Nói không trụ trong ngoài, v.v... trong chỉ là nhân, ngoài chỉ là duyên, giữa là cộng, thường tự có. Chỉ không nhân này, không chấp khắp này cho nên không có bốn tánh. hai không này tuy nói có trước sau, ý không phải là khác thời. Nếu bốn câu sau lại dùng hai đế thì kết thành hai không, nếu có tánh chấp là thế nhưng chẳng phải đế, phá chấp tánh mới gọi là Thế đế, cho nên nói phá tánh thế đế, chấp tánh phá rồi nhưng còn danh tự. Danh là giả, tức là tạm mượn tướng này. Vì không tướng cho nên quán tánh của pháp, quán lý chứng chân, gọi là Chân đế phá tướng, rỗng rang không còn trước sau, hai đế đồng thời, vì biết được tánh tướng nên nói trước sau. Suy xét kỹ điều này, không thấy ý này dầu nói rỗng rang, cho nên trong Đại phẩm nói rõ từng pháp đều nói không ở trong, ngoài và chính giữa, điều này thì Ba thừa quán cả hai không. kế nữa trong phẩm khuyến học: "Đại Bồ-tát đều nên tu học". Ba giả này đều là rỗng không đã phá được giả.

Kế nữa, phẩm Tập Tán trong mỗi câu đều nói chỉ có tên gọi, là chữ không trụ chẳng phải không trụ.

Nói Tập Tán: Tản mác đã gom lại nên gọi là hai không Tánh tướng. Cho nên các Bồ-tát, v.v... đều học hai không này đạt được hai không có đủ không, tánh tướng đều không, gom chung để trình bày tướng không chung và riêng. Trong nầy nói chung nhưng chỉ hai không vì tên chung dùng hai không này rỗng rang khắp tất cả, nên gọi là Chung. Nếu thấy văn ở đầu chung này vẫn còn riêng, vì trong bốn câu,

mỗi câu đều phá. Nếu nhập được một câu cũng đủ hai không, chẳng cần bốn câu mới gọi là hai không. Văn ngôn bốn chữ là chuyển biến, đến chỉ tột cùng không có nhân, cho nên nói phá bốn câu gọi là tánh tướng không, đều chung trong đây. Xem sáu mươi bốn câu sau gọi là Chung. Cho nên Trung luận... trước dẫn văn này để chứng minh bốn câu đều là Tánh. Tánh thì phải phá phá luôn cả tên không, tức là tánh không. Trong nầy dẫn điều này để chứng minh không có tự tánh cho đến không có tánh vô nhân, cũng không có tên gọi là hai không, cho nên nói dụng quán đồng với Trung luận. Nếu căn xem xét lại phần sau có hai không thì có mười tám, trong ngoài này đều là sở không, rỗng không mười tám điều được mười tám tên. Nếu trình bày mỗi thứ không thì đều biết được năng và sở, sẽ thấy tiêu tan, trong thứ lớp của pháp giới nói chung cũng tiêu tan, ý này rất rõ ràng, lấy nầy đối với kia mà nói thì tuy hơi khác nhưng ý rất giống.

- Từ hữu pháp đến vô pháp có pháp không đã đối với ba câu, vì sao câu bất không phi hữu, phi vô?

- rốt ráo ở trước rỗng rang phá bất sinh, bất diệt, tức là phá câu thứ tư, cho nên văn sau không nói.

- Sáu không trước đã trình bày hai không, cần nói lại không của bảy không chăng?

- Vì hướng đến tướng tánh mà trình bày lại các pháp, cho nên phải trình bày lại bảy không.

- Bên trong đạt đến rốt ráo phá hết các pháp, đâu cần năm thứ sau.

Đại luận chép: Phá hết mười ba thứ, nói lại năm thứ sau. Mười tám không này đại luận có ba mươi bốn giải thích rõ tướng trạng của nó.

Lại chín mươi hai thứ, mười tám tánh không này cũng là tự không, tức là năng không cũng là đều không. Đại kinh có mười một không và hai mươi không cũng đâu cần nêu ra mười tám không?

Lăng-già chỉ nêu bảy không: Một tướng không phân tích tự, tha chung là không sinh.

2. Tự tánh không: Không đối với tự tánh các pháp chẳng sinh.

3. Vô hạnh không: Ấm vốn là Niết-bàn.

4. Hành không: Vì ấm nhập hòa hợp, lìa ngã, ngã sở.

5. Bất khả đắc không: Các pháp do vọng chấp sinh không thể nói được.

6. Nghĩa đệ nhất không: Tự chứng thánh trí lìa tập khí xa xưa.

7. Bỉ bỉ không: Trong không sau cùng không có kia đây, cũng hợp thành mười tám là bảy không. Nhưng ý kinh kia chẳng phải không có khác chút ít với Đại luận. Cho nên biết bảy không trong kinh Lăng-già phần lớn ở chung trong tạng, vì trong tự chứng nói lìa tập khí xưa, thong dong nhận được Thông Viên Biệt. Như mười tám không trong đại phẩm cũng chung cả ba giáo, kế nữa trình bày nối tiếp so sánh thuyết thành nhân cũng sẽ thấy được, nhưng phải nêu ra tướng trạng, trong đây nói rơi vào đoạn thường tức là định hữu và định vô. Ở trong đối đãi biết đối đãi nhau khác với hai giả. Ban đầu nếu không được thì sau sẽ trình bày nguyên nhân của khác. Do chấp khắp hữu tâm đối với vô tâm, nhân thành ở sau trình bày tướng khác chỉ ra trong nối tiếp là diệt khác nhau. Biệt là đối với tâm sở hữu tình diệt. Dị là đối với hư không ở trong đó sinh diệt. Dị là đối với trạch diệt là hữu vi, ở trong phi trạch diệt, lại không cùng kia đồng với nghĩa thiếu duyên, đối với chỗ sở duyên tâm sinh diệt, cho nên đồng nghĩa sinh diệt kia, chỉ đối với diệt này tâm sinh niệm sau, gọi là nối tiếp. Nếu đối đãi nói là đối thông. Ba pháp vô vi chung cả vô sinh này, gọi là nghĩa Vô sinh đồng với diệt, đối với ba diệt kia biết ta có tâm, nói tuy không cùng chung với thị, nghĩa là ba vô vi tuy không cùng với diệt sinh diệt này, nhưng đạt được vô sinh này, vì ba pháp vô vi đồng với vô sinh, nghĩa diệt của sinh diệt giống như vô sinh, vì ba vô vi kia là vô sinh. Vô sinh là diệt, vì đối với diệt biết sinh. Nói về hư không nêu ra một, nêu hai. Từ trên xuống dưới mượn tên gồm nhân ở Khai Thiện để giải thích đối đãi nhau. Đầu tiên trình bày giải thích của Khai Thiện xưa. Xưa là do Pháp sư Tạng chùa Khai Thiện lập ra. Trong nhân gồm luôn điều này, nên gọi là nhân gồm. Trên chỉ có hai, nay đến thứ ba, nên nói là hơn. Lại nhân gồm phần sau giải thích khác xưa, trong thành nhân đưa đến nối tiếp, hoặc chưa phá được duyên vô sinh, giải thích dùng vô sinh này đối với ý căn sinh, tức là trong sự đối đãi tướng nhân thành. Nhờ tâm giả trên đưa đến đối đãi nối tiếp, tức là trong đối đãi nhau có tướng nối tiếp, trên nhân đến nầy gọi là Nhân. Vì nầy đầy đủ hai điều trên nên nói gồm, cho nên giải thích nhân phần lớn ý đồng với gồm xưa, đồng thời vượt hơn khác với giải thích xưa. Khai Thiện chỉ dùng cộng khởi gọi là gồm, không nói đủ hai thứ, nghi hoặc ở trên không bỏ, lại khởi hoặc này, nên gọi là gồm, không nói chung với diệt, gọi là vượt hơn, giải thích rồi kết thúc bác bỏ ở sau, tuy dùng tên khác nhưng nghĩa khác với kia, chỉ mượn tên xưa trình bày nghĩa đối đãi nhau, tức dùng nghĩa hôm nay lại phá kia. Nay xem xét lại giải thích phần sau, như thế cú phần sau kết thành hai không, mười tám không,

văn trên thiếu lời tuệ nhãn, chỉ lược lại.

Lại nữa cũng nên nói trí Nhất thiết. Văn không lược, chẳng những phần sau nêu phá các kiến, mà kiến hoặc này do thấy lý nên phá hữu kiến. Khi kiến lý chỉ còn lại ba, lại dứt nói năng tất cả đều phá, nầy gọi là hạ kết.

Chỉ quán hiển bày và nêu rõ do kiến phá, cho nên giáo môn trình bày rõ. Nhưng phá đối với kiến vẫn còn nêu rõ, huống chi là phá các kiến tư, trần sa, vô minh, huống chi là nhất tâm phá hết như trước đã nói. Nhưng theo viên môn ở trước, thì đây là nhờ phá kiến mà đạt được ý, đâu có gì khác. Diệu chỉ như ban đầu, đối với hữu kiến này cũng gọi là chung tu. Nếu không ngộ thì phần sau đối với sáu mươi bốn tín pháp lại gọi là biệt, lại lìa sơ chung chỉ quán ở trước vì đối trị Bốn tất hạnh đàn, bỏ phần sau nêu rõ ràng, như trong thuyết an tâm ở văn trước, đối với mỗi kiến đều tạo thành kết này. Cho nên biết văn trước lìa Ba đế và dùng nhất tâm, cũng gọi là chung. Dùng chung riêng này hữu kiến tức phục, thấy ít giống giai vị Bốn gốc lành, cho nên kết thành ấm thiện hữu lậu, dùng kiến độ phá chuyển phần sau vì không khởi liền khởi vô kiến, hữu kiến còn gọi là tâm khởi vô cũng thành kiến. Hễ phá kiến sau muốn phá vô kiến, trước nói nguyên nhân phá tức là hai hạnh ba căn, nương vô khởi chấp khắp thành căn sau. Trước như sau chung cũng xếp đoạn lợi độn khác nhau, bỏ phần sau cũng như vậy, hoặc chỉ lược văn, trình bày trong ba căn, văn quán đối với sinh, sinh tức hữu kiến, nghĩa là hữu vi không thật gọi vô vi, cho nên kiến này phải biết phá.

Lại nữa phần sau phải phá đúng và nêu ở trước, gọi chung là tu thắng quán phá. Biệt là ba giả bốn câu, cho nên ở đây chung tức đồng với văn trên. Trước đối với đơn kiến gọi là chung, tuy đối với bốn kiến gọi là chung. Nay văn sẽ trình bày lại, cho nên đối với nhất kiến đối với riêng gọi là chung. Lại cũng không giống với hữu kiến thành nhân chung riêng của văn sau. Nếu đối với sáu mươi bốn tín pháp, chung riêng này lại thành với chung. Phá chung phần sau nói phá không. Trước dẫn hai kinh nói phá tướng. Phần đầu dẫn Đại phẩm, dùng thức rõ biệt đối với sinh tức là hữu kiến vô sinh tức vô kiến. Hữu vô đều phá cho nên giúp đỡ lẫn nhau, huống chi đều nói không thể được, tức là nêu ra sâu thì càng cạn, nêu ra cạn thì càng sâu. Suy đi nghĩ lại kế đến dẫn Lăng-già, phần thứ tư trong kinh ấy nói:

Nếu khởi không kiến gọi là hư hoại rơi vào tự cộng. Văn ấy thứ lớp phá chẳng phải một, kế nữa trình bày rõ về vô sinh phần sau sẽ bác bỏ. Bỏ hữu chấp vào vô khác gì bước vào chỗ khuất phục. Kế đến phá

riêng, cũng theo thự tự nguyên nhân của kiến. Do hữu kiến ba giả ở trước thành cảnh vô kiến sở chấp hôm nay. Chung riêng cả hai đều phá gọi là dùng chỉ quán, không thấy Ba giả giống như tánh tướng không, cho nên nói lặng lẽ nhập định, không thấy trong ngoài giống như phá nhân thành, cũng không có thứ lớp giống như nối tiếp phá. Không hình đối đãi nhau giống như phá đối đãi. Tịch nhiên, phần sau nói tướng sở chấp vô kiến, nhưng khởi kiến chấp phần sau tìm cầu kiến quá tướng, cho nên kệ trong luận nói:

Chư Phật nói pháp không vì phá các kiến, nhưng lại chấp vào không, Chư Phật đã không giáo hóa.

Giải thích luận sẽ so sánh quyết giản khác. Đại luận quyển mười tám chép: "Ngoại đạo phần lớn ái mạn, không bỏ tất cả pháp". Luận hỏi rằng:

- Ngoại đạo quán không thì bỏ tất cả vì sao không bỏ.

- Ngoại đạo tuy quán không nhưng chấp vào tướng không. Tuy biết tất cả pháp không nhưng chẳng biết ngã không. Ái chấp vào quán không trí tuệ. Nếu người ái chấp vào thì thành ngã kiến, ngã kiến thì còn đủ tám mươi tám kiết sử.

Luận lại chép: "Ngoại đạo đạt được định vô tưởng, diệt pháp tâm sở đáng lẽ không còn chấp vào quán không trí tuệ?"

- Sức định vô tưởng chẳng phải sức trí tuệ.

Như vậy phần sau xuất hiện nguyên nhân kiến quá kết thành chấp không. đệ tử Phật phần sau trình bày phân biệt về khác, biết rõ nguyên nhân của lỗi. Vì nói chấp tâm, chấp tâm nếu sinh biết lỗi chắc chắn lìa, lìa tức tu quán, đâu cần nói đây là chân vô sinh.

Vì sao phần sau trình bày đầy đủ ba giả trong vô kiến. Nguyên nhân hữu kiến đưa vào trong đây, vô sinh pháp trần phần sau nêu ra tướng ba giả trong vô kiến. Phần sau sẽ suy tìm chánh dụng quán trước phá nhân thành, phải biết phần sau kết thành hai không, mười tám không, chẳng những phần sau nêu phá các kiến, ý như trước đã nói, chưa phải biệt phần sau theo sáu mươi bốn. Như trước đã nói siêng tu trở xuống thấy độ chấp chuyển. Kế đến phá cũng có cũng vô kiến, trước cũng nhắc lại kiến ở trước thành thể của kiến này, hoặc tiến đến phần sau sẽ biết kiến tướng này. Như Trường Trảo trở xuống là diễn ví dụ. Tất cả năng phá cũng là vô kiến này, chấp khắp có kiến này cũng là hữu kiến.

Lại kiến tâm cũng phá hữu thành tựu khác. Nói ngộ được là: Trình bày chấp khắp là kiến nhờ chỉ bày được ngộ. Nếu chẳng phải kiến thì

làm sao bị phá. Phát kiến thì phần sau trình bày giống nhau.

- Vì sao phần sau trình rõ kiến thấy tâm là tướng khổ đau.

- Nói năm bất thọ phẩm hành tướng thứ ba nói: "Đại Bồ-tát khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, hành cũng không thọ, không hành cũng không thọ, vừa hành vừa không hành cũng không thọ, chẳng hành chẳng phải không hành cũng chẳng thọ, không thọ cũng chẳng thọ.

- Xá-lợi-phất hỏi: "Thưa ngài Tu-bồ-đề! thế nào là không thọ?"

- Vì Bát-nhã Ba-la-mật rỗng không, tự tánh không thọ, không thọ còn không thọ, ông thọ cũng là hữu là vô này, tức thọ là câu thứ ba.

- Vì sao phần sau ông trình bày thấy khổ trong tâm, tức là ô uế năm ấm?

- Lại phần sau tôi trình bày thấy tập trong tâm, lại phần sau này chỉ điểm vừa kiến vừa vô kiến ba giả trong tâm, này phần sau phá kết thành nhãn trí. Nếu không đưa vào thì phần sau trình bày biệt có sáu mươi bốn. Kiến này văn đầu cũng nên có chung, văn không lược, cũng là hữu phần sau kiến chấp kế chuyển.

Kế nữa phá phần sau trình bày lược lý do kiến. Sở dĩ vì sao phần sau trình bày lược lý do kiến, vì hoặc không phá thành kiến này. Nếu không nhất định phần sau trình bày đúng thể kiến. Vì sao phần sau kiến được dẫn luận để chứng minh mình chấp. Pháp chánh người tà tên đồng mà nghĩa khác, chấp chặt vào kiến sau thành kế khởi, tức là kiến tướng, cũng là tìm cầu đã qua, dùng bốn đức chứng pháp để tìm cầu, người đời ai không tự nói là thường, đều chấp đắm sở đắc khởi lên uế, ái, si, dù chẳng phải là sáu vị giáo hcủ ngoại đạo nhưng nhất định thuộc về kiến chấp. Nếu không nói chứng thô không tiêu tội, tự nói cao sâu đúng là thượng mạn. Vì tâm tôi sinh nên phần sau trình bày kiến đã sinh ra lôi khổ tập, nói là khởi lên tất cả. Phẩm Vô Thường thứ tư trong Lăng-già nói: "Thà khởi ngã kiến như núi Tu-di, không nên có kiến chấp sai lầm, khởi tâm tăng thượng mạn, mới có được chút phần tương ưng". Cho nên nói: "Thà khởi ngã kiến cùng khắp pháp giới, chứ chẳng nên chấp không như hạt bụi". Không biết kiến nay là vua thuốc độc. Như Kinh Kỳ-bà nói:

- Đồng tử Kỳ-bà trong bó củi lớn của người bán củi có một cây cháy sáng rực gọi là vua thuốc, nương vào một thân người bệnh thấy sáng trong thân tất cả người bệnh. Đạo diệt cũng như vậy có thể soi sáng phá bỏ các phiền não cho chúng sinh.

Sơ lược về lỗi có mười: Như hướng về chỗ nêu mười sử, rộng không thể cùng tận. Nói do mười Sử sinh ra tất cả lỗi. Lại mỗi thứ bằng

nhau, tất cả lỗi này mỗi lỗi đều có ba giả, như văn dụng quán.

Lại phần sau kết trình bày văn trước không ngoài Bốn đế. Sở dĩ phần sau trình bày rõ Bốn đế, vì phần sau dẫn chứng lời Như lai:

Ban đầu xoay bánh xe pháp chính là phá kiến. Sơ chuyển tuy chưa gồm hết trong bốn bộ A-hàm. Bốn bộ A-hàm là Bốn đế sinh diệt, nghĩa đồng với sơ chuyển, cho nên nói năng lực của Bốn đế A-hàm.

Như Trung A-hàm chép: Xá-lợi-phất hỏi Câu-hy-la rằng: "Có việc do nầy mà thấy đế chăng?"

- Có. Nghĩa là biết thực, biết thực tập, biết thực diệt, biết dấu vết của thực diệt đạo.

Như trong Thích Sấm dẫn: Sinh diệt còn như vậy, huống chi là ba phiên, ba chủng, Bốn đế ở sau, vì sao không phá?

Nếu chẳng phải hữu thì ở sau nêu ra phá các hoặc, gồm kết thành nhãn trí, cho nên nói phát ra chánh trí tuệ gọi là theo giả phần sau kết thành quán không, nếu không có ba mươi bốn biệt phá phần sau thì Kiến này kiến độ kế chuyển phần sau, cho nên phần sau kết thành khuyến nên nói không lẫn lộn. Trong mỗi kiến đều nói ba giả, sở chấp không đồng với mỗi khác nhau, đều phá bốn câu. Phá thể mỗi câu khác nhau, bốn câu sau đều kết hai không, nghĩa sở chẳng khác nhau đều mỗi tu sáu mươi bốn phen, mỗi phen hiển bày khác. Vừa thấy giống như lẫn lộn chương tiết tự phần, có thể biết là bằng nhau. Khuyên sâu dạy sâu, nếu hiểu được thì có thể luận đạo quán hạnh với nhau, không biết một câu, thì làm sao biết được chân đế. Huống chi ngang dọc không hai, nhất tâm với các phiên. Kế nữa là phá vô ngôn cũng là trình bày nguyên nhân của kiến đầu, do dùng quán phá bốn câu trên, lại khởi phần sau trình bày thể kiến, nghĩa là nêu ra phần sau tìm lỗi. Lược hữu phần sau lại dùng dứt hết nói năng và tìm cầu chung. Nếu nói phần sau phán xét về biệt, phán xét điều này không nêu ra sự phức tạp bốn câu, vì sao gọi là dứt đường ngôn ngữ? Cho nên nói không nêu ra phức tạp cũa câu đệ nhị kiến, nghĩa là không có vô cú. Bặt lời này của ông chẳng khác với vô vô, cho nên nói không nêu ra đầy đủ câu kiến ban đầu, tức là trong câu đầu và câu thứ tư. Nghĩa là hữu phi và hữu phi vô cho đến câu đầu trong bốn câu, nghĩa là phi hữu phi vô hữu. Cho nên biết phần sau kiết kiến hoặc này khó nêu ra.

Kinh Pháp Hoa chép: "Dẫn chứng phần sau văn này dụ cho chung thấy lưới mênh mông". Trong kinh, Cưu-bàn-trà trở xuống là ví dụ riêng thấy hoặc Ngọc thiên chép: "Sơn thần yêu quái, thủy thần yêu ma".

Tây Kinh Phú chép: "Sơn thần hình cọp là quỷ. Trạch phần hình

người đầu chó là yêu”.

Thông Tục Văn nói: “Cây đá biến điều lạ là yêu quái”. Dùng để đưa ra hai ví dụ thống lãnh hết yêu quỷ, cho nên quỷ này dụ cho Nhất thiết kiến. Kế nữa trong phức cụ cũng nên có phức cụ, mỗi pháp đã trình bày lược cảnh lược quán ở trước. Kế nữa là dùng bốn câu mỗi câu vặn hỏi điều này cho đến cũng dùng chung của hai không để đối lại biệt bốn câu, mỗi kết thành hai không, mười tám không, chỉ nêu ra ở trước có thể biết, nên văn không phiền chép nữa. Thấy bặt lời ở sau tuy không có tướng riêng đối với chung, nên chỉ dùng riêng. Cụ như hữu kiến, cho đến trước nêu ra kiến tướng. Kế nữa nêu ra bặt lời, nay văn vẫn còn sơ lược. Trước cũng lược ra kiến cuả phức cụ, ở trong lược ra kiến do thể kiến. Chính phá kiến tướng, kết thành chuyển cháp. Lại sau nêu ra tướng bặt lời sau phức cụ, cũng lược ra kiến do thể kiến. Như vậy sau khi phán xét thuộc kiến. Vì sao giải thích phán xét sau? Vì sao phán xét này thuộc về kiến?

- Vì đối đãi sinh, vì ngôn ngữ không ngừng. bốn câu vốn dứt, đâu cần tránh câu riêng tìm cầu ở tuyệt. Dụ cho không có thể biết. Sau dọc lại dọc phá chấp bặt lời. Trước dùng các tuyệt đối nhau cho nên ngang. Lại dùng bất tuyệt đối nhau phá ở tuyệt, tuyệt lại không tuyệt nên gọi là ngang. Nay dùng nhân quả lần lượt đối nhau nên gọi là dọc. Nhân không dứt nên quả cũng không cùng. Từ trên xuống dưới phán xét lại từ trước đến nay đơn phức bằng kiến đã phá được ngang dọc. Như trong một hữu kiến ba giả, bốn câu, đối nhau thành ngang dần dần tiến vào, đến tứ gọi là dọc. Ở trong nhất kiến thành nhân trong ngoài đối nhau cho nên ngang. Niệm niệm nối tiếp đối nhau cho nên dọc. Đối đãi nhau đợi diệt trước nên gọi là dọc. Đợi ba vô vi gọi là ngang. Mỗi ban đầu đều có phá chung. Thẳng đến dùng không phá chưa phần ngang dọc. Đường rộng chỉ là phá ngang. Nếu phân chia quanh co uẩn khúc phán xét như trước đã nói. Đại khái vì lời chỉ thành phá ngang. Vì sao? Các thể chấp ngang, trở lại dung ba giả, bốn câu để phá nó, cho nên phán xét năng sở đều ngang. Ở sau nay sẽ nói về phá dọc, dùng phương pháp dọc vặn hỏi nên nói phá dọc.

Nói phương pháp dọc: Vì có cạn sâu, mới từ ba Tàng, năm dừng, cuối cùng kết thúc Diệu giác Viên giáo, đẳng vị này phát ra tên là Sinh. Nếu ông nói sinh tại thì làm sinh?

Lại phá dọc không giống dọc thứ lớp ba đế. Kế tự ba đế nương vào đế để phá hoặc, thứ lớp khác nhau nên gọi là dọc. Trong nầy chỉ dùng cách dọc đến vặn hỏi. Vặn hỏi thành kiến này, kiến cho nên phải

phá, cho nên nói phá dọc. Như trước giải thích giả, lại theo phương pháp của Phật. bốn giáo gọi là giả, giả nên đều phải phá. Nay nói phá giả, lại theo pháp Phật bốn giáo phân biệt giai vị, vặn hỏi tâm kiến này. Các giáo hoàn toàn đều thấy, vì sao nhất định thuộc hữu kiến hoàn toàn chẳng phải vị sinh, đó là sau Năm Định vị Ba Tạng sinh.

Nói khổ nhẫn: Vô lậu có mười sáu tâm này đứng đầu trong đó, cho đến đạo sinh với thứ mười sáu, đó là sau Càn Tuệ Địa vị Thông giáo sinh, đó là sau ba Hiền vị Biệt giáo sinh, đó là sau vòng sắt vị Viên giáo sinh. Biệt không phải tín vị, Viên không phải Năm phẩm chỉ là lược thôi.

Nói trùng lự: Lự là tư lự, kiến đạo quán chân phát sinh vô lậu. Nay quán lại nên gọi là trùng lự.

Nói thần thông: Vào Bồ-tát vị, đạo chủng trí minh, dùng thần thông đi khắp cõi nước thanh tịnh của Phật.

- Đại luận quyển chín mươi ba hỏi rằng: "Thần thông tạo tác đâu thể gọi là Du hý?"

- Giống như nhà ảo thuật biến hiện ra tất cả thứ. Bồ-tát cũng như vậy nên gọi là Hý.

Lại nữa, trong ba Tam-muội hư không là trên hết, còn các hành pháp khác ở sau. Như trẻ nhỏ vui đùa nên gọi là Hý.

- Luận quyển bảy lại hỏi: "Bồ-tát chỉ phát sinh Tam-muội, đâu cần du hý".

- Tâm Bồ-tát phát sinh ra Tam-muội an vui ra vào, cũng gọi là du hý, đã khác nhau với kiết sử du hý. An vui ra vào tức là ra khỏi giá.

Nói thệ phù tập giả: Đại Phẩm chép: Để lại một chút tập khí, dùng năng lực thệ nguyện và giữ gìn tập khí sót lại để sinh vào ba cõi làm lợi lạc hữu tình. Nếu sau chấp dọc phá vô sinh, văn đầu theo đúng vô sinh để phá, kế đến theo người sau gạn hỏi Trung luận sư nhờ vào phi đế phân biệt khác. Văn đầu trình bày, sau là chánh trách. Ban đầu y theo ba chướng để nói về bất sinh, ba thứ kiến, tư, v.v... thuộc chướng phiền não, vì sau hạnh phá sự lý, vì phá ba chướng phải theo hạnh ly, cho nên nói hạnh cùng lý mãn, gọi là Bất sinh. Sau người đời theo pháp của ba Phật. Như trước phá người đời giải thích sai.

Nói bất sinh: Tức là pháp Phật, tuy rất hiểu lý. Nếu chỉ pháp Phật thì chưa phải thông suốt. Nhưng bất sinh ở đây, bất sinh không được tạo thành lời để tụng, phải có thời gian. Chữ bất sinh ở dưới là đầu câu dưới. Nay sau chữ giải thích đúng. Văn vẫn còn bốn giải. Ban đầu theo sự lý giải thích ẩn hiện. Pháp thân sẵn có gọi là ẩn, báo thân, ứng thân

phá hoặc mới hiển bày, cho nên ba hoặc đều đối với hai thân, phá hết vô minh, hoàn toàn trí tuệ viên mãn, nên gọi là báo thân. Trần sa làm chướng ngại pháp môn, kiến tư chướng ngại việc giáo hóa, hoặc này đều làm chướng ngại ứng thân, cho nên hai hoặc không sinh gọi là ứng thân.

2. Giải thích đối trị ba hoặc: Cho nên ba thân đối trị ba hoặc vô minh làm chướng ngại lý, nên pháp thân hiện bên trong. Kiến tư làm chướng ngại lý không, rỗng rang hiện báo thân. Trần sa chướng ngại tục lý, nên ở thế nhân giáo hóa.

3. Giải thích theo năng trị sở hiển. Nghiệp hạnh vị trí dùng làm năng trị. Thật tướng chân như dùng làm sở hiển. Lại do hạnh nghiệp và vị trí. Ba thứ phiền não hết, vì phiền não hết nên báo ứng thành tựu. Vì báo ứng thành sẵn có nên lý hiển. Cho nên pháp thân sẵn có, báo ứng tu mới thành.

4. Giải thích riêng đối với ba duyên, tu tánh đều như vậy, cho nên dùng để đối trị. Giải thích nghĩa bốn điều này chung cả Viên, Biệt. Ý chỉ ở viên, cho nên giải thích một hai ba để giúp cho Biệt. Giải nghĩa bốn hai để giúp cho Viên, dùng Biệt giúp Viên cộng thành nghĩa trách.

Lại ba nghĩa ban đầu đều y theo các pháp bất sinh nên ba Phật sinh. Giải thích thứ tư và thứ nhất theo các pháp sinh nên ba Phật sinh. Sau ba Phật theo lý kết, nên biết bốn giải thích nói chung các pháp bất sinh nên ba Phật sinh, cho nên kết chung rằng: "Sinh tức vô sinh, vô sinh tức sinh. Giải thích thứ khác bất sinh chỉ ở Phật, còn không thấy Phật pháp bất sinh tức sinh, huống chi là thấy bốn thứ ba Phật sinh vô sinh?

Nhưng nay ý văn vốn trách vô sinh, giải thích nghĩa ba Phật nhờ phá giải thích khác cho nên nói tức nhau, cho nên biết ba Phật sinh thì đều sinh, nếu vô sinh thì đều vô sinh, cho nên phải lập lý tức nhau. Nếu nghe dẫn chứng sau chữ A, nghe một bất sinh giải thích tất cả nghĩa. Như nghe bất sinh thì biết ba Phật đều sinh Vô sinh, cho đến thứ tư giải thích ba Phật Vô sinh. Vì sao chỉ hiểu pháp thân? Nếu như nay giải thích thể ba Phật trùm khắp, bất sinh cũng trùm khắp, đem chư sau kết thành trách ông vặn hỏi chấp tâm không đưa vào trong các bất sinh này, phi kiến là sao? Sau có người theo nghĩa của sư Trung luận bị phá nên phân biệt rõ phi. Ban đầu trình người khác phá sư Trung luận. Luận sư chuyển giải thích bất sinh bất diệt, tuy soạn thành nhiều nghĩa nên không trình bày phá sâu cạn chia đều, cho nên bị người khác theo vặn hỏi phá mê hoặc, nhưng trở thành nhập không.

Nói chỉ là bất: Bất là phá, là phi. Các Luận sư Trung nói về sau không hiểu bị họ phá, thì thêm chữ bất, kiến trong hội sử. Nếu như vậy, thì chẳng sinh phiền não, chẳng phải hướng đến diệt thiên diệt, giống như nói lên Trung đạo đâu khác kiến chân. Sau giải thích này là chánh phá. Ban đầu giải thích sơ lược. Nay cùng bất kia là bất sinh, cho nên nói giải thích này giúp cho Trung đạo. Vặn hỏi kia không trùm khắp nên nói thương văn mất nghĩa. Vì thế ở sau giải thích, trước giải thích thất nghĩa, kế là giải thích thương văn.

1. Thất nghĩa: Mất cả gồm chung bao hàm nghĩa riêng. Tông viên của luận có gồm kiêm này. Vì sao bị phá khuất phục không có Trung đạo. Như ông bị phá phải bàn luận văn gồm thông với tàng, tức là văn đầu. Sau hoặc sinh, hoặc diệt là nêu ra là nêu ra nghĩa luận văn gồm chung. Sau sinh diệt là trình bày luận văn bản ý viên tông. Ban đầu nói phá hai thân kiến, quả này phá kiến kinh luận nêu ra số nhiều ít khác nhau.

Tỳ-đàm nói: Như Kinh Tư-đà-hàm Dụ chép: "Dứt vô lượng hoặc gọi là Tu-đà-hoàn. Vì sao Đại kinh chỉ dứt ba kiết? Hoặc tùy theo bệnh, hoặc tùy theo căn. Nói tám mươi tám cho độn căn. Hàng căn cơ lanh lợi nói dứt ba kiết. Nay văn Đại luận này, theo Xử Trung nói phá hai mươi, lại có khi vì độn căn nói dứt ba kiết".

Bà-sa chép: "Khi xưa, có Tỳ-lê-tử xuất gia trong Phật pháp bấy giờ Phật chế hai trăm năm mươi giới, bảo các Thích Tử tùy theo đó thực hành được an vui. Lê-tử nghe được sinh tâm lo buồn, ai giữ gìn nổi các giới như thế. Lê-tử đến lễ chỗ Phật thưa:

Con không thể giữ được hai trăm năm mươi giới.

Bấy giờ, Phật hiện tướng thân thiện và không quở trách, nói lời thân thiện an ủi Lê-tử:

Lành thay! Lành thay! Ông giữ được ba giới chăng? Đó là giới, tâm, tuệ.

Lê-tử nghe xong rất vui mừng thưa: "Con giữ được ba giới"

Dứt hoặc cũng như. Nếu Thế tôn nói dứt tám mươi tám sử và vô lượng khổ gọi là Tu-đà-hoàn, thì người được sự giáo hóa tâm sinh lo buồn. Đâu thể nhổ được tám mươi tám cây, lội qua tám mươi tám con sông, hút cạn tám mươi tám biển cả, san bằng tám mươi tám ngọn núi lớn, tu tám mươi tám pháp đối trị. Nếu Phật nói chỉ dứt ba kiết sử, thì người được sự giáo hóa rất vui.

Nói về hai mươi: Năm ấm mỗi thứ có bốn, đó là sắc đại ngã tiểu ngã ở trong sắc. Ngã đại sắc tiểu sắc ở trong ngã. Ngày sắc là ngã, lìa

sắc có ngã. Bốn ấm cũng như vậy, cho nên hai mươi thứ này gọi là thân kiến. Tám mươi tám kiết sử như giải thích ở trước, xét văn trở xuống là kiết.

Gồm cả hai là Thông và Tạng. Sau, Luận chủ Long Thọ ra công suy tìm, giải thích tự, ngã ý luận sẵn rõ ràng, làm thế nào để mở mang truyền bá luận chấp nhận người khác thầm phá tự hài lòng với hư không. Nếu sau khi mở miệng giải thích thương văn. Người chịu đựng không có lợi, nhờ việc bác bỏ Luận sư như bị thiệt. Tức là Luận ngữ quyển chín có Sở cuống tiếp xe, thấy Khổng Tử lãnh đồ chúng đi ca rằng:

Phụng chừa, phụng chừ, đâu phải là đức kém.

Nhĩ Nhã nói: "Hùng là Phụng, thư là Hoàng. Ý là chê Khổng Tử chỉ như Phụng, khi đi ra không gặp. Chu đạo nếu muốn thực hành Lễ giáo này, cũng như Phụng chừ đi ra không đúng lúc. Cho nên Đăng Ngải đối với Ngụy chủ dùng điều này để chê và cảnh cáo. Ngụy chủ khiến Thục phá họ. Ngải vì Tánh Ngật, đối với Ngụy chủ thì thường gọi là Ngải Ngải. Ngụy chủ đùa rằng:

Ngải Ngải là có mấy Ngải?

- "Phụng chừ phụng chừ chỉ có một phụng". Nay dùng ý này bác bỏ Luận sư kia. Như Đặng Ngải dùng phụng chừ phụng chừ để trả thù sự chê bai. Nên biết không trở xuống thêm không bằng thêm tiếng Ngật. Tuy nói bất bất chỉ là một chữ bất, dầu muốn hiển bày bên trong mất ý luận gồm, cho nên bác bỏ đã nói trong thương văn. Sau khi trích dẫn chính là bác bỏ tác phẩm thương văn. Thương là tổn, đã làm tổn viên văn, dầu theo điểm niệm, đã có khả năng biên soạn theo Thạp Trừu Bút, nhuộm một mảy tơ trong nghiên mực không thể khai phá giảng nói đến tận cùng, nên đối với chữ bất ở sau thêm điểm niệm? Dầu thêm âm bất bất, lại mất đi gồm chứa, chỉ còn song phi, nhưng trong một ý hoàn toàn mất đi Thông Tạng và luận Viên Tông. Sau huyền vu thêm dụ cho trách. Vu là thịt dư. Cục thịt mọc ngang chấp vào thể là Thừa. Thừa lại mọc thêm bướu, chữ bất thêm điểm cũng như thừa một thêm bướu. Bị phá ý vô trung muốn giúp thêm cho thành lại mất Viên và Tạng Thông. Nay giải thích ở sau gồm theo phi kia để hiển bày thị này. Vì giúp hiển bày hàm còn gốc bất sinh. Ông nương vào đó thêm bất, cũng có nhiều thứ bất sinh bất bất sinh, cho nên nay vặn hỏi kiến tâm kia, thế nào là bất sinh bất bất sinh?

Cho nên ban đầu nêu rằng: "Hơn nữa lược ra mười thứ kia, trong đó chia thành ba ý: Thứ nhất, thứ hai trình bày chẳng những phá sinh bất sinh. Bất sinh phải phá, cho nên thêm bất bất sinh. Từ đây dùng

chánh phá tà, từ thứ ba đến thứ chín dùng hai bất phá hai hoặc sinh, cho nên nói bất bất sinh, tức là dùng chữ Sinh đối lại với hai chữ bất ở trên, nghĩa và văn khai mở thành hai chữ sinh, cho nên bất sinh ở trên là một chữ bất bất kiến sinh. Kế nữa một bất sinh là một bất bất tư sinh và luận bàn câu kết, mỗi câu chỉ nói bất bất sinh vì vẫn còn lược. Cho nên dùng chữ bất ở câu sau, theo thứ lớp chữ bất trước sau, cho nên nói bất bất, các câu bỏ chữ sau có thể biết y cứ theo đây. Cho nên nói chánh tập đến Biệt Viên, thứ mười theo Diệu giác vị, trí dứt hẳn cả hai sinh và bất sinh, gọi là bất bất sinh. Ba điều giải thích trong đây đồng với Diệu giác.

1. Chỉ trình bày mười ý trong đây, lại theo thứ ba đến thứ chín, mỗi trong văn đều giải thích cảnh trước, kế đến sinh câu sau. Trước tuy không sinh sau nhưng xét lại vẫn còn sinh. Như giải thích ba Tạng, Hai thừa, hai bất kiến bất tư cuối cùng bất sinh, tức là sau mới sinh nên nói tập khí vẫn còn. Nếu không như thế, thì sau phá chỗ nào? Đầu văn Trường Trảo trở thành câu thứ tư và bặt lời. Tất cả là năng phá, nghĩa giống như song vi. Lời nói đều chuyển nghĩa giống như bặt lời, cho nên nhất kế lần lượt nêu ra bốn. Nghĩa là vô kiến vừa là vừa cũng là vô cho đến bặt lời. Nay xét chung giống như nhất bất sinh. Không sinh tà kiến cho nên phải phá, gọi là bất bất sinh. Như sau phi tưởng lại dẫn Tu-bạt phi tưởng vô sinh. Vô sinh phải phá gọi là bất bất sinh.

Độc tử bộ nêu như dưới nầy: "Nói thứ năm không thể nói Tàng".

Đại luận quyển một nói: Trong Phật pháp cũng có đạo nhân Độc Tử nói bốn đại hòa hợp nên có Nhãn, năm chúng hòa hợp nên có Nhân. Như trong thuyết A-tỳ-đàm Độc Tử Bộ: "Năm chúng không ly người người không lìa năm chúng. Năm chúng không người, người không phải năm chúng. Người ở trong thứ năm không thể nói thuộc tạng trung, cho nên tất cả đạo nhân đều nói, Nhất thiết chủng, Nhất thiết thời, trong tất cả pháp môn tìm không được. Như lông rùa sừng thỏ thể nó thường không. Ấm giới nhập, v.v... thường không có tự tánh, đây là nhất bất sinh. Độc Tử đã chấp trái với tiểu tông, cho nên bất sinh này còn phải phá, vì thế nói là bất sinh cũng bất sinh. Trong ý Bồ-tát ba Tạng chưa đạt được bất sinh, cho nên không nói. Duyên giác bị tập khí xâm nhập, tập khí chưa hoàn toàn hết sạch chẳng phải bất bất sinh, cho nên cũng không nói.

Nói thể bất kiến tư: "Trí quán khéo léo nên gọi là Thể bất". Bồ-tát Thông giáo khác nhau với Nhị thừa, giả đồng với Biệt giáo, cho nên nay trong văn cũng không nói. Biệt hai bất bất thông thì không biệt nên

thượng địa còn sinh, các hoặc khác chưa cùng tận. Biệt Phật theo giáo vả lại nói rốt ráo. Cho nên, Đại luận quyển chín nói: "Tiểu tiểu nhân duyên làm mê mờ đại quả. Huống chi nghe Thật tướng Ma-ha Bát-nhã, bất sinh bất diệt, bất bất sinh bất bất diệt".

Nói Tiểu tiểu nhân duyên: "Như người tiểu thí tiểu giới, ở xa nguyện hướng dẫn chúng sinh còn chiêu cảm đại quả, huống chi nghe viên trung bất bất sinh".

Ý thứ ba và kết thúc bác bỏ như văn, dọc phá câu thứ ba thứ tư, trong tâm Bồ-đề như trên. Quyển nhất phát đại tâm, chẳng phải ràng buộc đã lâu cho nên phi hữu, chẳng phải vừa giải thoát cho nên phi vô. Nếu như vậy, câu thứ ba thì sao?

- Song phi tức là thứ tư, song chiếu tức là thứ ba, nếu trình bày suy theo lý cho đến khỏi tội nghe pháp, khai mở thứ tư, cho nên năm mươi sáu thứ song phi song chiếu, còn phải Bát địa của Thông giáo trở lên, cho đến Biệt Viên Địa trụ trở lên, vị vị không phải chẳng song phi song chiếu. Nay tôi đem câu thứ ba, thứ tư xem xét tâm chấp của ông. Thế nào là câu thứ ba, thứ tư? Thích danh tuyệt đãi: "Trước phá ngang dọc, mỗi thứ có câu thứ ba, thứ tư và dứt đối đãi cùng tuyệt thể. Thể là câu song phi song chiếu. Tuy chỉ lược, nhưng lại trải qua giải thích giáo. Hai văn mỗi văn có ba: 1. Sở chứng khởi; 2. Chánh thích; 3. Kết. Diệu trần không sinh thông dụng sinh. Phá mỗi hoặc tức đạt được vô lượng tục đế Tam-muội. Lợi sinh tự tại tức là thông dụng sinh".

Nghiệp báo trong ngoài: Chỉ là theo giới bàn luận bên ngoài.

Phân tích đoạn thường: Nhị thừa cũng được nhưng không được gọi là song phi. Nghĩa của song phi như trong quyển ba. Ba thừa Thông giáo cũng lìa đoạn thường. Ý như ba Tạng. Bồ-tát Bát địa Thông giáo trở lên. Đạo là hóa đạo. Quán là quán không, kẹt vào không ra khỏi giả gọi là song lưu. Vào không chẳng phải hữu, nhập giả chẳng phải không gọi là song phi. Biệt viên địa trụ diệu trong song phi. Sơ địa bỏ biệt này. Trong văn thừa chữ Đắc, nói song giá thuận theo bốn câu, lý chẳng khác thời.

Dọc phá tuyệt giả: 1. Nêu v.v... sáu tuyệt như ngoại ngoại để hỏi điều này.

Nói Bà-la-môn thọ pháp câm: Trong ngoại đạo kia có người học pháp câm, không nói chuyện với nhau cho là chí đạo. Bỏ ba Tạng lại dùng Phật pháp dứt hết để vặn hỏi điều này.

1. Chánh trách. Bốn giáo đều dùng bốn Môn thông lý, đạt được lý mới dứt.

Đổ: Như trước giải thích, không thể nói rất nhiều trở xuống là so sánh quở trách, vì nầy trở xuống là nói lỗi. Lại ở sau dùng mười thứ bốn câu bên ngoài để hỏi.

1. Nêu mười thứ nêu ra câu: Nhất vãng giải thích ở sau, lập thẳng bốn câu nên nói là nhất vãng. Trên bốn thứ lại có bốn thứ nên gọi là Vô cùng. Như bốn kiến ở trước trên mỗi kiến, lại dùng ba giả bốn câu để phá. Mỗi kiến mười hai thành bốn mươi tám. Kiến lại khởi kiến cho đến phức cụ không nói đẳng kiến đều dùng bốn câu ba giả để phá. Cho nên nói vô cùng. Từ môn được ngộ môn có bốn gọi là ngộ được bốn câu.

Nói nhiếp thuộc: Như bốn môn gọi là hữu đẳng, tùy theo người tu tập được vào pháp nào, hoặc chân hoặc trung dùng pháp nhiếp môn. Môn thuộc về pháp.

- Nhiếp thuộc và nhiếp tập khác nhau thế nào?

- Nhiếp tập thì xếp pháp vào câu. Nhiếp thuộc thì xếp câu vào pháp.

Quyền thật: Quyền thật mỗi thứ có bốn.

Vì sao ngoài bốn câu?

- Là khai hiển, tất cả đều thật, ông có ra ngoài bốn câu thật này chăng hoặc thật, hoặc khai ngoài câu không có pháp. Vì sao nói ra?

Một thời Phật giáo rốt ráo trong kinh Pháp Hoa, cho nên nói bằng điều này. Nay nương Pháp Hoa cũng chỉ bằng điều này. Sau khi diệt nổi lên tranh giành cho nên mất ý. Soạn luận thông kinh cho nên đạt được ý, không có phần kết trách ở sau. Khiếp là phục. Hoành trước phá nên ở đây phán xét văn ngang dọc. Cụ như trước theo ngoại ngoại đến phụ Phật pháp. Cho nên Phật pháp vừa thành mười, đã theo bên ngoài đến sau đó diệt Phật nên gọi là dọc. Đời này phần nhiều bác bỏ ngụy giải thích nghi. Ban đầu tà nhân, tà giáo, tà chánh lạm dụng nhau. Ban đầu theo người giải thích dùng chánh lẫn lộn với tà.

Nói Tỳ-kheo ác ma nghĩa là xuất gia, sau đó về nhà phá giới, lại làm đạo sĩ phá diệt Phật pháp”.

Lại đâu chỉ Tỳ-kheo việt tế gọi là ác ma. Như kinh Đại Phẩm quyển mười sáu: Thiên ma Ba-tuần cũng làm Tỳ-kheo được, vì Bồ-tát nói đạo giống nhau. Đã nói cốt tưởng cho đến pháp A-la-hán, nói lời Bồ-tát, ông thực hiện đạo này diệt khổ, đâu cần ở trong sinh tử chịu các thứ khổ. Bốn đại hiện giờ còn không muốn nhận, huống chi là thân sau.

Lại Đại kinh quyển chín chép: Có Nhất-xiển-đề làm tượng A-la-hán ở chỗ trống, phỉ báng các phương. Phàm phu thấy, cho là A-la-

hán chân thật. Những người này thân thì Tỳ-kheo, nhưng phá diệt Phật pháp. Hoặc xả giới về nhà như Vệ Nguyên Tung tức là thân tại gia nhưng phá hoại Phật pháp.

Nói diệt tế: Kinh Báo Ân quyển sáu chép: "Tặc trụ việt tế là người dứt mất gốc lành, là người phạm năm tội nghịch, không được thọ giới, đây là là chính dùng ngoại đạo phá bên trong, tức là làm cho phá nghĩa. Phá ngoại đạo trước, sau xuất gia trong Phật giáo, giữa đường lại theo tà tông. Nếu trở lại nữa thì thành nạn chướng giới, nay văn không nói đến lại thành chướng nạn, hơn nữa dùng nầy kia đều phá nghĩa gọi là việt tế. Người này trộm chánh giáo giúp tà giáo.

Hoài Nam Tử nói: "Kẻ trộm là tên giặc nguy hiểm trong thiên hạ". Yêu là yếu, giá là tiệt. Không thể mưu cầu hơn, lại cầu bình đẳng.

Áp cao đẳng giả: Cây bằng một đấu là khái. Dùng tâm Đạo sĩ thành hai khái niệm giáo khiến cho nghĩa tà chánh chẳng phải lý này.

Từng vào Phật pháp trộm chánh giúp tà, đè cao tám mươi hai ngàn, y cứ thấp thành năm ngàn hai thiên. Dùng để giải thích giáo điển tá kia, gọi là suy tôn hạ thấp. Như Pháp sư An soạn luận Nhị Giáo, dẫn một ban chín dòng. Đạo giáo là một trong chín hạng ấy, gọi là đạo lưu. Nếu khiến đạo lưu lập thành một giáo, thì tám hạng khác pháp nhĩ chia nguồn. Nếu chín hạng này hợp thành một nhà Nho, thì đối với Thích chỉ còn hai giáo, còn không hợp thành một giáo như, huống chi là ngược lại muốn hòa lẫn với nhau. Từ xưa bậc Tiên hiền phán xét chân ngụy, gần nầy các bậc danh đức khó khăn đối với đúng sai, không giống Nho tục còn phân chia trong đục. Như văn Thập khác của Lý Tư Thận, lại Mâu Tử nói: "Nghiêu thờ Y Thọ, Thuấn thờ Vụ Thành, Khâu học Lão, Nhiễm, Đán thờ Lữ vọng". Bốn Sư tuy là bậc Thánh nhưng so với Phật, cũng như Nai trắng so với Kỳ lân. So sánh giáo này cũng như quạ đen và loan phụng, so sánh hình này giống như Khâu Chí với Hoa Hằng.

Người khác lại hỏi: "Vì các đạo hưng thạnh hay suy tàn gồm chín mươi sáu phái. Vô vi đạm bạc không chuộng Phật, thuật bộc thần tiên cho là cao tột, sợ Phật pháp không bằng sao?"

Mâu Tử nói: "Chỉ Nam thành Bắc tự nói không mê hoặc, như ông đã nói: Giống như dùng diều hâu cười Phượng hoàng, bắt Bít kè, Chuồn chuồn mà giễu cợt với rùa rồng, nhưng người đời xoay lưng với mặt trời, mặt trăng mà hướng về đèn đuốc, bỏ sông rãnh sâu mà đến sông cạn, không phải sai lầm ư? Ông xoay lưng với Phật pháp tôn thờ Thần tiên, nói điều này dùng đạo đúng với đạo sau bác bỏ tà lẫn chánh. Như Tân Chư Vương nói: "Nếu nói đạo chân thường, chẳng phải đạo người

thường hành đạo”.

Cựu chú chép: “Nói về đạo chẳng phải đạo chân thường, tên có thể là tên, nêu ra sẽ biết. Tuy có hai thuyết giải thích nhìn lầm lý nhân quả và giai vị trí, hạnh không thể bắt chước theo. Bốn đức thường lạc của Biệt Viên, cho nên không thể chia đều Phật pháp nên không thể nói.

- Tại sao lại dẫn kết trách? Các pháp ở sau giải thích tướng lại không đủ. Như Đạo sĩ Lý Trọng Khanh soạn Luận Thập Dị, Pháp sư Lâm soạn Luận Thập Du để dụ cho khác này và khác với kia. Dụ là hiểu. Biệt kia sai, cho nên dùng văn nay hướng về kia. Giống như bảy dị kia lại thêm oai nghi và Tộc vị không đủ, hợp thành chín khác:

1/ Lý vốn không đủ, cũng nhờ pháp lạm dụng từ xưa đến nay. Đạo và đạo bình đẳng đem pháp thường trụ chân như hướng về đó, thì làm sao đầy đủ được: Nhưng nhiễm tuy có nói vô vi, vô dục, phần sau lại nói không có ý chỉ. Tuy có thuyết thường danh, thường đạo, cho rằng không có chỗ trở về. Nếu nói thường vô dục quán điều nhiệm mầu này, nhiều lý nhiệm mầu. Dục chẳng phải là một đạo, thì làm sao dục là nhiệm mầu được? Cho nên không thể dùng tên thường đạo, đều ở trong thật tướng. Sao giáo tướng phần hai nói giáo tướng không đủ. Nay văn chỉ nêu ra sơ lược một thuyết không đủ. Nhưng năm ngàn lời văn chỉ bỏ xà, thái, tự ướt, tự kiểm; lấy hùng, lấy nhược, hoạn trí, hoạn thân. Cho nên nhiễm giáo hóa dùng hư vô làm gốc, đạm bạc là trên hết. Đâu giống tám mươi bốn ngàn pháp môn và mười hai phần giáo của Phật. Đậu đại, đậu tiểu, hoặc thiên hoặc viên, tứ tất phó cơ, năm thừa giáo hóa chúng sinh, thầm lợi ích và lợi ích hiển vang, giáo hóa nghịch giáo hóa thuận, muốn sinh hơn kém đâu thể đồng nhau? Huống chi là đem ba điều sau dùng làm khổ tập thì không đủ ví với điều này. Lão tuy bỏ hoại về thân nhưng chưa đạt được cội nguồn của tội lỗi. Trí xứ đoán nhọc, thần không tận cùng cội gốc tệ hại. Khổ tập lớn mạnh cách đạo càng xa, đâu thể khỏi được trói buộc của ba cõi để xa quả báo sáu đường? Huống chi ba hoặc, hai tứ, bốn trí năm nhãn, nó không phải tên này thì đâu thể biết được nghĩa này. Khổ tập trình bày rõ như trước đã nói. Huống chi muốn đem bốn điều sau làm đạo diệt không được, cho nên ba mươi bảy phẩm giúp đạo kia không có tên, bốn đức Niết-bàn trở về giáo thích, luống nhọc trình bày thuyết hoạn thân tin không có môn bất tịnh ở đầu. Thân niệm đã không, đạo phẩm đâu còn, thì phẩm sinh diệt đạo đã cách xa. Huống chi lại giảng môn kia không còn mảy may. Vốn thuộc năm điều sau trình bày, dấu vết không đủ. Lý diệt là gốc, ứng hóa là tích.

Người đời dùng ba mươi năm thành một đời. Nay chỉ dựa vào vua trước vua sau cho là một đời. Trong năm Thiên nên gọi là chính. Thân độc, Thiên-trúc, Ấn-độ đều là âm Phạm nặng nhẹ, Chư Phật ba đời đều sinh ở Ca-duy nên gọi là chánh.

Nói Kim Luân làm vua bốn thiên hạ, cho nên Câu-xá Tụng:

Vàng bạc đồng thiết vòng quanh một, hai, ba, bốn châu. Trong luật nói từ kiếp sơ cho đến kế thừa thứ lớp. Tám mươi bốn ngàn hai trăm năm mươi hai ngôi vua có Mười Luân Vương đều họ Túc Tác và đều làm vua ở Thiên-trúc, sinh chốn vua Tịnh Phạn kia, nhằm vào năm Giáp dần vua Chiêu Vương nhà Chu, Trung Hoa. Nếu Ngài không xuất gia thì làm vua Chuyển luân, không nối ngôi vua, nửa đêm vượt thành, dốc chí cầu đại đạo. Khi thành đạo rồi hiện thân hơn kém, nói pháp quyền thật, cho đến nhập diệt lợi ích vô số chúng sinh.

Lão ra đời vào năm Hoàn Vương mượn dã hợp của Mục Mẫu trụ huyện khổ ở Trần Châu, làng Lệ Hương Khúc Nhân Chi, tự Bá Dương, Thụy là Lão Đạm. Lạc Trụ Sử ở vào cấp Tiểu thần. Trang đảm nhiệm Tất viên đức vị rất dễ biết.

Nói biên địa: Hướng về năm thiên kia, thì đây là biên địa. Tức là như Pháp sư Viên Quán cùng Hà Thừa Thiên nói về việc Trung biên, như Thích sấm, sáu tướng tốt Phật về sau không đủ. Như lai tụ hội mầu vàng rồng dung hợp với ánh sáng mặt trời, tức là trình bày điềm ít có. Chữ muôn là ngàn điềm lạ, nêu lên tướng chân thật của bậc Thánh. Huống chi phân thân trăm ức chiếu ánh sáng mười phương giáo hóa đến Ni-lê, tiếng vang đến Ni-trất, Thân hợp lý tầm thường xấu xí, tay cầm Thập văn, chân đạp lên Nhị ngũ, nói đồng năm với Ngài, hoàn toàn không thể được. Sau Phật nói thất hóa xong không đủ, trước Lão sau Trang, Lão Tử thầm nói: Chữ thuyết âm Thuế, là kể lại, tuyên là ý, không phải Tư gọi là công, chước là sáng. Thầm trộm riêng tư nên nói y thích một người cho nên chẳng thể làm sáng tỏ công đạo.

Liệt Truyện chép: "Hỷ nghĩa là Chu đại phu, gọi là Tinh tượng, nhân thấy luồng khí lạ liền đi về hướng Đông đón ry cứ quả nhiên gặp Lão Tử thỉnh Ngài viết thơ năm ngàn câu, Hỷ cũng tự làm năm bài thơ, gọi là Quan lệnh Tử y theo Hóa Hồ kinh. Lão qua cửa Tây. Hỷ muốn xin đi theo Nhiễm. Nhiễm nói:

Nếu tâm chí muốn đi theo phải đem cha, mẹ và bảy người đến mới đi theo được. Hỷ làm theo lời dạy và bảy người đều biến thành heo. Nhưng tục điển biếu Nho vẫn còn thờ tượng Ngỗ. Lão Nhiễm giáo hóa khiến cho Hỷ hại cha mẹ.

Giáo môn Như lai lấy đại bi làm gốc, thì làm sao họ Lão trái lại nguồn giáo hóa.

Lại sau Tất Viên trở xuống là soạn Trang Tử. Trang Tử là người đất mộng tên Chu, bạn học là Lương tuệ Vương viết hơn mười muôn lời thơ ngụ ngôn. Nay là thành Cố Mộng châu Bắc đời Tống, hiện còn quê hương Tấc Viên sáng tác ở đó, chữa lại câu cho đủ, từng điểm viết thành đề thì đâu giống như Thánh chúng kết tập? Đâu đồng với vô duyên từ? Tiếng bánh xe quay chạm nhau đâu đồng với viên âm tiếng Phạm? Tự khích lệ hiển đạt, đâu giống như lòng từ vô duyên? Vô văn vô đắc đâu giống nhớ rõ trần giới? Tiếng bánh xe quay chạm vào nhau, là vẻ chậm chạp. Lại nữa oai nghi thứ tám sau không đủ, cửu tộc vị không đủ, có vẻ kính mến.

Nhĩ Nhã nói: “Ngẩng đầu kính mến đức của người ấy”.

Thi nói: “Muôn người có vẻ kính mến, về sau chê trách là người mù”.

Lại nữa, ở sau chỉ trình bày pháp lạm dụng. Trước trình bày đồng khác, trước đã nói nhiều thứ bặt lời. Trước bặt lời nên có nhiều thứ bốn câu, Trung luận bất sinh bất diệt chính là tướng Biệt Viên bốn câu, tức là Trung đạo chánh bặt lời, cho nên chánh bặt lời ngoài câu không pháp. Vì sao dùng ngoại ngoại bặt lời để phá viên biệt khác? Ngoại ngoại vẫn là ba Tạng đã phá, dịch nào thấy điều này liền phá môn Đại thừa.

Thứ nữa hỏi đáp trong phân biệt ban đầu đều hỏi ý, đã không chấp nhận dùng ngoại kiến để phá Trung luận bất sinh bất diệt. Nếu đối với Trung luận bất sinh bất diệt khởi kiến thế nào? Trong lúc đáp lại khai mở sáu câu phân biệt phán xét giải thích. Giải thích trong ý, vốn dùng Trung luận bất sinh bất diệt nhưng vì gạn hỏi văn từ, cho nên nay dùng ý Trung luận để đáp. Trung luận đều bao gồm đầy đủ bốn ý cũng dùng bốn ý bất sinh bất diệt là đối với cái thấy bặt lời của người bên ngoài, lại dùng bốn thứ bất sinh diệt kiến, đối với bốn giáo bốn chánh bặt lời ở sau, cho nên có sự phá tướng tu tướng, vả lại ba Tạng đối với phân biệt bên ngoài. Ba Tạng bất sinh bất diệt phá bặt lời kiến, ba Tạng bặt lời phá bất sinh bất diệt kiến. Bặt ngôn kiến lại tu ba Tạng bất sinh bất diệt. Bất sinh bất diệt kiến lại tu ba Tạng bặt lời. ba Tạng bặt lời tức là ba Tạng bất sinh bất diệt, ngược lại cũng như.

Lại nữa dùng ngoại ngoại đối với giảng nói, cho nên thành ba cái sáu cú. Lại trừ ngoại ngoại chỉ ở giáo giáo. Từ đây dùng bặt lời phá bất sinh bất diệt, lại thành bốn cái sáu câu. Lại dùng tạng đối thông, đối biệt, đối viên, lại thành ba cái sáu câu. Lại dùng thông đối Biệt Viên,

lại thành hai cái sáu câu. Lại dùng biệt đối viên, lại thành một cái sáu câu. Cứ như thế thành mười bốn cái sáu câu. Nếu nói về đáp hỏi, thì một câu phá tà sáu câu liền đủ. Theo văn Lăng-già trình bày rõ phá kiến và dùng văn này nương vào giáo phải kiến, cho nên phải bàn kỹ. Phần bốn trong Lăng-già, ngài Đại Tuệ Bạch Phật:

Ngoại đạo cũng nói bất sinh bất diệt đâu khác với pháp Phật?

Phật nói: Khác. Như huyễn mà sinh, như huyễn mà diệt gọi là bất sinh diệt. Ở đây là là dùng chung Đại thừa bất sinh bất diệt, phá bất sinh bất diệt bên ngoài. Nêu ra một dụ cho đều y theo đây.

Lại như đã nói phá tướng tu tướng ở trước. Phá chính giữa đều dùng đại phá tiểu. Nếu theo phải kiến đều dùng tạng để phá. Lại phải dùng tạng đối với ba, dùng tạng phá ba. Tu trung cũng dùng tiểu tu đại. Giúp trung cũng dùng đại tu tiểu. Kế nữa theo phàm phu chẳng phải không thấy. Ngư Vương khi thực hành hai điều các loài cá và sò hến đều theo.

Nhĩ Nhã nói: "Sò ở dưới nước gọi là hàm ở trên khô gọi là tao".

Đại kinh quyển mười một nói: "Như vua Chuyển luân làm như binh lính và đại thần, thường dẫn trước binh lính theo sau, cũng như Ngư vương, Nghị vương, Loa vi diệu, Thương chủ, Ngưu vương khi đi tùy tùng đi theo".

Vu Man: là Một loài có cao tốt gọi là vu, loài cỏ dài gọi là man.

Lại nói dây leo gọi là thảo man. Nên biết phần sau trình bày thấy lỗi lầm khuyên siêng tu quán. Hơn nữa theo ngoại ngoại cho nên nói: Tránh cụ nhập tuyệt. Nếu theo Phật pháp thì cũng nên lánh biệt nhập viên đều dùng chỉ quán theo đó phá, đầy đủ như một trăm mười bốn sáu câu ở trước cho nên nói không xa không hạn cuộc, cho đến như đao Kim cương theo phá kiến này để thành tựu đạo. Nếu được thì phần sau nói thành đoạn đạo, dùng kiến vọng tư gọi là Đa, cho nên nói từ Đa mà nói. Hơn nữa, theo phá kiến nóivề chiều dọc gọi là Biến, hướng về ngang nhìn về sau dùng nhất tâm thì không gọi là biến. Bỏ phần sau nêu rõ.

Nói Ba kết: Kiến hoặc đã có tám mươi tám kiết sử, vì sao chỉ nói dứt ba kiết thì đạt được quả.

Luận nói: "Ba thứ kết này là ba Tam-muội gần pháp đối trị. Thân kiến là rỗng rang gần pháp đối trị. Giới thủ là vô ngại gần pháp đối trị. Nghi là vô tướng gần pháp đối trị. Lại nữa ba kiết sinh hoặc lớn mạnh, thân kiến sinh sáu mươi hai, giới thủ sinh tất cả hành khổ. Nghi ở trong tất cả xứ quá khứ vị lai sinh do dự, cho nên trong kinh chỉ nói ba kiết".

Đại kinh quyển ba mươi ba chép: "Tu-đà-hoàn là người dứt phiền

não, như rộng lớn bốn mươi dặm nước, nói sơ lược là ba kiết. Vì ba lớp này, như Đại vương khi đi tuần du, tuy có bốn bộ binh đi theo, nhưng người đời chỉ nói vua đi tới đi lui".

- Ở sau giải thích nghi, trước giải thích phá nghi. Ban đầu hỏi ý, chỉ quán năng phá đã có ba thứ, quán không đã nói phá vô lượng chủng còn Hai quán sau thì phá chỗ nào?

Nói vô lượng kiến: Như trước nêu đơn, phức cho đến viên môn bặt lời. Viên tuyệt còn phá huống chi là những thứ khác?

Nên biết quán sau không còn chỗ phá lại. Đáp trong ý, ban đầu quán chỗ phá gọi là kiến và tư, gom hai phá này chỉ còn phá hữu. Kiến tuy vô lượng nhưng vẫn chưa phá được Tư, lại còn nói biên kiến. Nếu chung đường dùng kiến làm tên. Hai quán sau phá trong vô kiến và dùng song phi, mỗi thứ đều có nguyên nhân, lo gì không phá, cho nên giải thích luận sẽ dẫn chứng sau.

Trung đạo, song phi mới dứt hết hai kiến, cho nên biết cho kiến kiết ý ở sau. Dùng chung các hoặc đồng tạo thành tên kiến. Các kiến nội giới tuy là dọc ngang, nhưng vì mới quán đã phá, cho nên nói không bị quán thứ hai phá. Vì sao nói quán thứ ba không chỗ phá? Tại sao gồm luôn yêu cầu các kiến chấp ngang ở trước? Các kiến vẫn còn chưa đạt được sơ quán huống chi là thứ hai, thứ ba. Vì sao các kế tự nói chân đạo, cho nên trong đại luận hoặc có hoặc không chung cả kiến. Ông còn chưa ra khỏi hữu kiến, huống chi là là vô ư? Thì trong tựa đại luận văn kệ đều là quy kính. Lại dùng chung các kiến nên gọi là Hữu. Vì bác bỏ Nhị thừa là vô kiến, cho nên nói. Hữu và vô đồng chê là kiến. Hữu tức là vô lượng chẳng ở đâu không rõ.

Đáp: theo ý: Văn tụng đại luận, vừa bác bỏ tiểu chung cả danh kiến, vọng chấp đoạn nên không còn dọc, ngang.

Thứ hai đoạn lớn bị mất trung. Ý hỏi: Kiến đã phá thị mất phi còn. Năng phá chỉ quán từ riêng đến chung, cho đến viên môn theo bất xả. Vì chỉ đạt được điều này còn mất đều không chăng?

- Trung, chia thành bốn câu trước nêu ra bốn câu, kế đến nêu ra dụ cho. Hai điều trước phê bình ở sau. Hơn nữa theo thuyết sau, cho nên giải thích ở sau. Hai câu đầu là được mất của ngoại đạo, cũng nói về tu chỉ quán. Vốn là đệ tử Phật, nhân quán khởi kiến lỗi đồng với ngoại đạo, ở giữa lại trình bày việc cảm phục và gọi là Đắc. Mê lầm việc chưa phục, chỉ nổi lên các điều ác gọi là Thất.

Lại dùng trung ngoại đạo có hai chấp đoạn, thường. Người thường thấy dứt độn sử, gọi là Đắc. Người dứt kiến bác không nhân quả nên gọi

là mất, đây là nhờ bên ngoài bàn luận được mất.

Lại nữa đệ tử Phật bàn luận hai câu được mất, tùy dùng quán kiến nhưng hoặc chưa dứt, giai vị ở phương tiện gọi là thất, hoặc dứt vào chân mới gọi là Đắc. Nếu hướng theo ngoại đạo thất lại thành đắc. Vì sao? Vì ngoại đạo tuy đắc vẫn còn khởi kiến, cho nên ngoại đạo đắc lại thành thất. Dùng bốn chủng này phê phán phá giả quán ở trước được thất khác, tức là như văn trước phá từng kiến một, ba căn khác nhau. Thượng căn là các đệ tử Phật đạt được. Trung căn là hàng trung thất đệ tử Phật, hạ căn thì đồng ngoại kế đắc thất. Nếu thành đắc thất bên ngoài và đắc thất của Phật pháp đều ứng với chánh quán.

Ba minh vị: Đưa ra vị rất dễ thấy. Văn tuy có nêu ra bốn phá kiến vị, nay văn đã dùng quán ba giả, bốn câu bất sinh, tức là ban đầu theo thứ lớp giảng môn. Vì muốn biết khắp nên ý chỉ văn còn dứt phục, phê phán đồng khác ở sau.

Kế nữa, trong phân biệt ý hỏi: Nếu đều trình bày ý chỉ văn thì phải còn thứ đệ dùng hiển thì không còn thứ, tức là nên nói thẳng địa vị Biệt Viên, dùng ý thứ lớp giống như biệt vị, cho nên song là hỏi. Nếu nói về ý chỉ cao siêu của văn, vì sao không trình bày thẳng viên phá kiến vị? Đâu cần dùng ba giáo vị ở trước? Đây là tụng chánh văn chỉ quán còn lờ mờ, hoặc lược văn chỉ nói thứ lớp, hoặc tu quán riêng cầu viên dung. Nhưng xem văn đáp nghĩa lý tự rõ. Quyển nhất trước cuối văn phát tâm, đã lược bốn tất phân biệt Bồ-tát Tam giáo phát tâm. Nay ở trong đây lại trình bày bốn ý: Một theo trình bày trên dưới sợ e tu quán phát khởi tập khí xưa, phải biết thứ vị dứt kiến của các giáo.

2. Theo dục sau đó khiến người thực hành biết nửa bán vị. Như kia không biết quyền thật giúp đỡ lẫn nhau.

3. lại từ phân nửa trở xuống là nói thức ba giáo ở trước, đều là pháp viên đốn giúp đạo. Nếu người không biết lật đổ Viên thừa là thị giả thừa sự.

Vệ là hộ.

4. Theo khải sau hiển bày đồng. Thấy pháp giới không có giai vị không thật có. Nếu sợ phân biệt khác thì đâu thể tránh không.

Nói Bồ-tát Vô sinh nhẫn: Mượn Đại Phẩm để nói, nói chung cả ý viên khéo đạt được ý. Thể giả sau dùng thứ lớp chỉ quán để kết. Kiến hết nhập không gọi là Chỉ, đạt được kiến hai không gọi là quán. Chung cả kết, xưa nay tất cả các kiến đều đạt được tức là rỗng không, đây là tiết thứ nhất trình bày về diệu chỉ.

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 6
(PHẦN 1)

Kế nói phá tư giả, đầu tiên là nêu từ ngữ tư giả, cũng gọi là chánh ba độc,tư hoặc có bốn mạn thuộc về si, nên chỉ nói ba:

1- Phi bối sử

2- Phi tập khí, nên gọi là chánh, trải qua ba số sau, ba cõi chín địa hạ phẩm số, cõi dục bốn cõi trên cả hai đều có ba, thượng giới không sân nên ba cõi chỉ có mười

Cõi Dục có sáu cõi trời, địa ngục châu khác, đồng là tán địa nên chỉ là một, bốn thiền hợp ở xứ đại ý cũng như vậy, Vô sắc vô xứ do sinh có bốn. Nói chín phẩm, là do trí dứt hoặc trí phần rõ ràng hoặc lần lần hết, sao kêu có chín, lập giáo phán quả lại lược có chín như phán thường sinh y cứ hạnh hơn kém, sao gọi là chín phẩm, cũng là tiếp theo phàm đại lược mà nói, đều có thể đồng, là nói công năng của hoặc. Ở vị chưa dứt mỗi vị đều có thể cùng lực nhuận sinh, tùy theo quả nào dứt hết không sinh, sơ quả bảy lần sinh trở xuống cùng kiến nói khác, thậm chí ở thất định không đến tám, nên gọi là bảy phản, không cần hết tất cả ở bảy phản. Nên Lăng-già thứ ba nói: Hạ là thất trung là ba năm thượng tức sinh nhập Niết-bàn. Luận Thành Duy Thức chép: Trong bảy đời trí vô lậu thuần thục, như uống sữa pháp bảy ngày bệnh bớt, như Ca-la-la, v.v... bảy ngày một biến, như bà con dòng họ đến bảy đời, như bảy bước đi giống bốn đại lực của rắn, nên đi đến bảy bước, sức của rắn độc không đến bảy bước, sức của rắn độc nên không đến tám bước hoặc sức lực bảy đạo sức lực chẳng phải tám. Trong luận Bà-sa chép: Lẽ ra nói mười bốn, vì sao nói bảy.

Đáp: Trong đó có số bổn hữu không nêu ra bảy nên chỉ nói bảy. Lại bảy chỗ sinh, nên người và sáu tầng trời, lại tu bảy đường cho nên dứt bảy sử, nói bảy sử là:

1- Dục ái
2- Nhuế
3- Hữu ái
4- Mạn
5- Vô minh
6- Kiến
7- Nghi.

Lại trong nói chung về sinh, nên nói: Bảy người bảy tầng trời, mười bốn trung hữu hợp thành hai mươi tám sinh, lại y theo thuyết trước không đưa bảy, nên chỉ nói bảy, như trong Nghĩa đèn bít mới thạnh.

Như trước tùy theo tự trong ý dẫn trong kinh Xuất Diệu, tuy là hữu dục, v.v... sức đạo cộng giới tánh lìa tà hạnh, cảnh khác tự cho tất cả không phạm, cho đến tự cho cũng lìa phi thời phi xứ. Trùng thường nhậm vận lìa mũi nhọn bốn tấc, đã dứt kiến hoặc được vào không trì, tuy có trong sự độc đầu tương ưng liễu pháp từ duyên không chấp tánh thật, do ở ba độc không tà gọi là chánh, tuy là nhuận sinh mà chiêu lấy bốn đường, khác nhau ởsau phân biệt kiến hoặc, kiến là tâm chấp tùy theo cảnh sinh chấp, do năng tạo nhân bốn đường, nên chánh ba độc có đủ ràng buộc thánh là trong thân, chẳng những không bị bốn đường làm nhân, mà khởi cũng lìa hợp có lấy có bỏ, nên khác nhau với thấy sóng lớn sinh chấp, xưng tư duy ở sau giải thích tên. Đây hoặc nhân ở trọng lự tư duy, mới có đoạn, nên gọi là tư duy, số người ở sau nói hai bộ đồng khác. Trong Thành luận gạn số người, ban trên tham dưới ái tương đối đều khó, kế nếu nói ở sau do tên khác nghĩa đồng làm nạn, không nên nặng nhẹ mà phân chia tham ái. Nói một và đều, là y cứ theo Luận sư ấy, lại phải dùng sân nhuế làm đều, thượng giới đã dùng khinh tham gọi là ái, sao thượng giới không có khinh sân gọi là nhuế, mà nói thượng giới không thực hành nhuế?

Cho nên Tỳ-đàm ấy tâm sử phẩm trung, cũng nêu bảy sử như trước đã nêu bày, chỉ đời thứ nhất gọi là tham, bảy sử nầy giới hành phân biệt có chín mươi tám, hai sử tham nhuế giới chủng phân biệt đều có năm sử, nghĩa là cõi dục năm bộ đều có một cho nên ái do giới chủng phân biệt có mười (tham không chung ở trên) nghĩa là hai cõi năm bộ trên đều có năm (ái không chung ở sau). Mạn vô minh giới chủng phân biệt đều có mười lăm, nghĩa là ba cõi năm bộ đều có một. Kiến sử chủng có năm nghĩa là năm lợi, bốn đế phân biệt gồm có mười hai, nghĩa là khổ hạ lại có năm, tập diệt đều có hai, đạo hạ có ba, ba cõi gồm có ba mươi sáu, nghi bốn đế đều có một ba cõi có mười hai đều thành chín mươi tám,

để rõ tham ái thượng hạ xin không thông nhau, nên nói Luận sư có hai đều khó. Nhưng Phật có lúc hạ thông hòa, chỉ khiến ở sau rõ ý đặt tên, vì khiến cho thức cảnh nhọc gì tranh khổ, nêu dụ cho chỉ bày bổn luận ý kết bổn đều như ở văn.

Trong hai nói thể quán: Là không bao gồm phân tích thể nên phải nêu riêng, phá kiến cũng vậy môn Đại thừa đầu tiên. Nay lại nói phân tích môn dụng trí, là nói thỉ chung ấy đều phân tích, nói khác cho nên lại chẳng phải chánh dụng. Thánh nói rõ trong pháp quán ban đầu nêu, dục hoặc ở sau lại nêu chung một phẩm đều có ba giả, ban đầu giải thích nhân thành, dẫn sáu dục của nữ làm duyên ngoài, đối tâm làm nhân, phát khởi dục tưởng gọi là pháp sở sinh, cảnh sáu dục, đại luận có hai mươi mốt, giải thích trong chín tưởng. Chín thứ nầy, năng trị hạnh nhân bảy thứ nhiễm dục.

1. Có người nhiễm trước ở sắc: Nghĩa là xanh, vàng, đỏ, trắng.

2. Có người dù không chấp sắc, chỉ nhiễm hình dung da mịn tay nhỏ, mắt dài mày cao.

3. Có người không chấp hình dung, chấp ở oai nghi, tới lui ngồi đứng, lễ bái cúi ngước, co duỗi nhướng mày ma nói thứ thái là dung mạo đẹp, khéo léo tiến lùi.

4. Có người không chấp oai nghi, chỉ chấp ngôn ngữ nhẹ nhàng khéo léo nói năng, tùy lúc mà nói, phải nương ý chỉ tâm người năng động.

5. Có người không chấp ở đây, chỉ chấp da thịt mịn màng, lúc nóng thân thể mát khi lạnh thân thể ôn hòa.

6. Có người đều không chấp như trên, chỉ chấp tướng người hoặc nam hoặc nữ

7. Có người tuy được sáu thứ trên không có người sở chấp cũng không có chỗ giải, bỏ đời chú trọng năm thứ dục lạc, theo đó mà chết. Trong nầy pháp thứ bảy chấp trước nhân dục, đã bao gồm trong sáu, cầu người sở chấp, nay để chung còn riêng nên chỉ nói sáu, dùng chín trị bảy đủ như trong thiền môn, sáu pháp nầy ở sau tướng tham ngoại hiện, tức là hướng sáu đối nội ý căn thành phân ra sở sinh, nêu Sơ quả so sánh vô học so sánh như văn, Nan-đà dục tập như trước đã dẫn, trong kinh Pháp Hoa nói dục tưởng, v.v... vì dục rất phòng lỗi dục, còn không khởi tưởng huống chi lại nêu bày xen nhau, nói dục tướng. Trong luận Câu-xá nói, sáu thọ dục bao gồm lẫn nhau, cầm tay cười thân dâm, chỗ ở hình tướng giao nhau, nhưng trời Đao-lợi, lấy do làm sự, trời Dạ-ma ôm giữ, trời Đâu-suất cầm tay, trời Hóa Lạc gần gũi cười, Tha Hóa chỉ gần gũi, còn

không sinh tưởng huống chi là gần gũi cưới. Cho đến luận Bà-sa lại nói người ở bốn châu dục có nặng nhẹ, Châu nầy rất nhiều không thể đếm. Đông Châu Cực có mười hai, so với trung hạ hoặc mười. Tây Châu có nhiều đến bảy tám là bốn năm, Bắc Châu nhiều năm thiếu ba bốn, cũng có tu phạm hạnh, nên nhiều dục mà không bằng súc sinh. Châu nầy cũng có người ít dục cho đến phạm hạnh, như vậy tướng tưởng nhiều ít thô tế, nếu chấp ở sau là chánh nói nhân thành, chấp sáu tướng trước bên trong động ý căn, tức là sở sinh, trong nối tiếp nói về hành sự, là ngăn hành sự chế bên trong nối tiếp, chẳng phải nói nối tiếp đã có hành sự, giả hư ở sau đều biết không thật. Nói đạo lý, đối cảnh sinh tâm cũng biết hư giả, đâu lại tính dùng lễ cưới hỏi lại càng thọ, một tháng hai giờ thần thông dưỡng sinh, ngoại đạo phương Tây vì cầu các định Phi tưởng phi phi tưởng, còn trừ tất tham dục ở cõi hạ, huống chi là tính lý nầy dùng làm chánh đạo.

Kế là chánh tu quán suy trong nhân thành cũng bốn câu ví dụ ở trước, nếu theo ở sau dụng quán suy xét, bốn câu sau dứt hoặc chứng chân kết thành hai không, không tánh dục không câu tướng không, lợi căn ở sau kết lợi độn căn hai hạnh khác nhau, lợi căn hai hạnh như trên trong phá kiến có nói, người thượng căn phá hữu kiến xong liền được nhập chân. Nếu chưa tương ưng cũng phải dùng sáu mươi bốn lần, từ khi lập ra chưa ở sau nói sáu mươi bốn lần, hoặc độn ở sau nêu sự nối tiếp chỉ bày pháp quán, nêu thuyết nhân thành.

Kế trong hai không nói bốn câu vô dục tức là tánh không, cũng không có bốn tức tướng không, trước trong phá kiến phá ba giả sau đều kết hai không, mỗi không trong đây sau giả, cũng đều kết vô sinh và dùng hai không, văn khác mà ý đồng. Ban đầu phẩm hạ nói các phẩm cũng có ba giả, nêu bày phẩm đầu nói phá các sử tham ở sau cũng có nêu, chín phẩm hạ kết thành vô sinh phá hết.

Hỏi khoa sau phân biệt, ban đầu hỏi như văn. Trong lời đáp nói hai luận phán xét phẩm, do dụng đạo khác nên phẩm khác nhau, nên trong A-tỳ-đàm soạn luận duyên khởi chép:

Hỏi: Vì sao gọi là A-tỳ-đàm?

Đáp: Là phân biệt hay chưa phân biệt, là đạo phương tiện hay đạo thắng tấn, là đạo vô ngại hay là đạo giải thoát, ở sau trong văn các kiền độ chỉ nói: Hai đạo phục, hai đạo đoạn, nếu theo ở sau phán xét hai đạo khác nhau.

Kế phá cõi sắc trong suy nghĩ trước nói trì sở dụng khác nhau. Nói thế trí, là y vào thế thiền sáu hạnh ưa thích nhàm chán, y lý vô lậu gọi

là trí vô lậu, chung người giải thoát chung được hai trí. Khi dứt hoặc tùy dụng một trí, nếu ban đầu tu tập ở sau phán sự tánh hai chướng, như muốn vào Sơ thiền, hoặc thấy có cõi dục trong định các việc trải giường, gọi là sứ chướng, dục hoặc chưa dứt tánh chướng vẫn còn, hoặc nầy nếu phá thì phát Sơ thiền, Nhị thiền cũng vậy, giác quán chưa dứt không phát trung gian, hoặc Sơ thiền phá mới phát Nhị thiền, ba bốn hai chướng y theo các thuyết nên hiểu, ở trong Sơ thiền văn đầu tức là Sơ thiền phát tướng, kế là chặng giữa ở sau nói hoặc tướng Sơ thiền, kế phẩm hạ nói ba tướng giả trong Sơ thiền, nếu không ở sau nói ý phá, nay dụng ở sau cũng nói sáu mươi bốn lần. Kế Nhị thiền nói nhân thành, đều dùng định thể hạ địa làm nhân, nối tiếp đối đãi nhau so sánh thuyết Sơ thiền. Trong Đệ Tam thiền nói vui nầy cho đến thành khó bậc Thánh và đệ tử Phật khi tu thiền nầy trong mỗi địa có Thánh chủng quán, nên xả thành dễ phàm phu do ở các địa sinh ái nên cả thành khó. Định Vô tưởng trong thiền cảnh lược giải thích. Năm Na-hàm, là nếu dùng địa đặt tên chỉ gọi là Đệ tứ thiền, thiền nầy có chín chỗ. Năm là Thánh ở gọi là trời Chánh Hàm, Vô Tưởng tuy có phàm, ba chung phàm thông, sinh ở Năm Na-hàm, nhưng do tu huân thiền có năm bậc khác nhau, đại phẩm chín định huân chung cửu địa, trong đây chỉ có huân Đệ tứ thiền, trước tu đắc rồi lại do phần nhiều vô lậu nối tiếp hiện khởi, từ đây dẫn sinh nhiều niệm hữu lậu, từ đây lại sinh nhiều niệm vô lậu, như vậy hậu hậu lần lần bớt bớt, cho đến rốt sau hai niệm vô lậu. Lại nữa dẫn sinh hai niệm hữu lậu Vô gián lại sinh hai niệm vô lậu, gọi là huân gia hạnh hành tướng, kế chỉ có một niệm vô lậu, lại nữa chỉ có một niệm hữu lậu. Vô gián lại sinh một niệm vô lậu, gọi là căn bổn thành. Cho nên Câu-xá chép: Thành do một niệm tạp, nói có năm khác nhau. Đó là hạ trung thượng thượng thắng thượng cực, một phẩm có ba hậu phẩm bao gồm ở trước, cho nên phẩm thứ năm hợp thành mười lăm, như vậy năm phẩm như thứ lớp, ba sáu chín đồng sinh Năm Tịnh cư, nói hiệp huân, nghĩa là trước sau vô lậu trung gián hữu lậu khiến niệm nhiều các lậu, đều thành một niệm vô lậu nên gọi là Hiệp huân. Nói Năm thiên, là Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến, Sắc Cứu Cánh, từ đây trở lên đều là Vô phiền xen lẫn, đầu tiên của Vô phiền được gọi Vô phiền, phục phiền não nên gọi là Vô nhiệt, quả dễ nêu bày nên gọi là Thiện hiện, thấy trong suốt nên gọi Thiện kiến, trong cõi Sắc không có tên trên Sắc Cứu Cánh, Tam thiền ở sau lại đều có ba cõi trời. Nếu theo hữu tông chỉ có mười sáu chỗ, ở trong Sơ thiền chỗ cao đẹp gọi là Phạm vương, nên không đặt tên riêng. Kế phá trong Vô sắc nói ba thứ sắc, Hữu đối v.v...

Từ Đệ tứ thiền vào Không xứ, phải làm phương tiện diệt ba thứ sắc. Trong Đại luận hai mươi ngàn một trăm bốn mươi mốt.

Ba thứ sắc là:

1. Kiến hữu đối.

2. Bất khả kiến hữu đối.

3. Bất khả kiến vô đối.

Trong Đại Phẩm chép: Vì qua tất cả sắc tướng diệt hữu đối sắc tướng, không niệm các thứ tướng, vào vô biên không xứ, qua tất cả sắc diệt khả kiến hữu đối sắc, không niệm các thứ sắc tướng diệt bất khả kiến vô đối sắc, tất cả sắc pháp chỉ có mười một thứ, đó là năm căn trần pháp nhập chút phần. Thiểu phần, là Vổ biểu sắc.

Trong A-tỳ-đàm chép:

1- Khả kiến: Đó là sắc.

2- Hữu đối có mười: Đó là năm căn trần.

Nếu nói bất khả kiến hữu đối, chỉ nên nói, năm căn bốn trần.

3- Bất khả kiến vô đối: Đó là pháp nhập chút phần.

Trong Đại kinh quyển hai mươi mốt nói: Nhãn kiến sắc hoại gọi là quá sắc, năm căn trần hoại gọi là quá hữu đối, ở hai chủng khác và không có giáo hoại gọi là quá khác tướng. Ba sắc nầy đều ở cõi sắc, muốn vào Vô sắc nên diệt ba thứ nầy, nay nầy nên nói và bối xả thắng xứ trong nhất thiết xứ có tám sắc.

Nếu vô biểu sắc tuy chẳng phải văn nay quán không sở quán, khi được quán không quyết định lìa biểu, vô biểu sắc. Lại đối với khả kiến hữu đối, lại phải nói ở ba nghĩa hữu đối, chẳng phải nay ý chánh, cho nên không nói, diệt sắc phương tiện đủ như trong thiền môn, trước tưởng thân nầy như nồi đất, như lồng như lưới cho đến lần lần không.

Trong Đại luận quyển mười chín chép: Như chim ở trong bình, bình bể thì ra được.

Hỏi: Trong cõi Vô sắc là định Hữu sắc, định Vô sắc, chép đủ như trong Thích Thiêm. Lại có nghe có một Tỳ-kheo được định Vô sắc, khởi lên thoạt không.

Người khác hỏi: Vì sao lại cầu?

Đáp: Tìm thân ta, người đứng cạnh nói, thân ở trên giường, ở đây đắc định còn không thấy thân, nên sinh cõi ấy ở định Tiểu thừa xếp vào Vô sắc. Nếu trong Đại thừa như trong Đại kinh Tránh Luận chép: Cõi Vô sắc thì sắc chẳng phải các hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Nay lại y theo Tiểu thừa, lúc này ở sau chánh tu quán để vào không xứ thức xứ, kế là trong Vô sở hữu xứ trước phát lầm xưa, như trong Thiên

môn có hỏi: Vô sở hữu xứ ấy thủ ít nhập định thừa nhận thức duyên. Việc nầy thế nào?

Đáp: Không đúng, phải nói: Trong tất cả thời chỉ duyên Vô sở hữu xứ, nói có ít thức, chỉ dùng ý căn đối với pháp trần Vô sở hữu, sinh ít thức tưởng, chẳng phải thủ ít thức duyên nhập định, nay văn do đây lại phá sở hữu và hữu dụng, v.v... thức xứ trước kế ở sau nói Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, y tám Thành chủng trong đây văn lược, nên nói, không xứ như bệnh thức xứ vô sở hữu xứ như văn, phi tưởng phi phi tưởng xứ như đã chọn lọc, nay không nói lại dựa hữu lậu, nghĩa là đây là cực tột nên nói thắng định, hoặc thông suốt nương Thánh chủng quán, dụng các bệnh có bốn và vô thường đồng với bốn, bốn thứ trước đối trị bốn duyên đế sau, nên dùng tám duyên nầy ở Vô sắc có chung có riêng.

Tổng: Dùng tám quán quán bốn ấm kia hòa hợp không thật.

Biệt: Bốn thứ trước trị bốn ấm sự, thọ như bệnh, tưởng như ghẻ nhọt, hành như nhọt, thức như kim, do vô thường, v.v... mà trị bốn ấm lý, vô thường quán thức khổ quán ở thọ, quán không, ở tưởng vô ngã quán hạnh, do có tám tâm nầy dễ sinh nhàm. Tật có thể xa lìa tu tập vô lậu.

Hỏi: Chỉ dùng khổ thô ba chướng mà làm phương tiện. Không v.v... bốn xứ đâu cần dùng tám?

Đáp: định Không xứ vi tế không nói tám lỗi, lỗi lầm khó biết, phàm phu cũng có nương sáu hành không kịp Thánh chủng lìa mau chóng. A-tỳ-đàm ở sau có giải thích tên Phi tưởng, dẫn văn sơ lược.

Luận Lập Thế nói: Chẳng phải như bốn sắc và dùng ba không nên gọi là trời Phi tưởng, Phi vô tưởng và định vô tâm, gọi là Phi phi tưởng, văn dẫn trong luận Bà-sa vẫn không nói hết Tứ thiền, nhân sư còn không thừa nhận dẫn sắc ở cõi trời Vô tưởng, huống chi là chung diễn Tứ thiền, đã là văn luận thủ cũng không lỗi, do sư giải thích nghĩa cũng chưa hoàn toàn sai, nay nhà dung còn nên không phá bẻ, mong ba không trước lần lượt lìa hoạn để giải thích tên, nên biết phi tưởng, nương đồng giới giải thích không nghĩa vô kia, không phá ý của Nhân sư ở đây. Trong Đại luận chép: Một thường hý luận. Kinh luận Tiểu thừa phi tưởng một địa đều có hữu lậu. Nên luận Bà-sa chép: Lậu nghĩa là gì?

Đáp: Trụ là nghĩa lậu, phàm phu đến nầy bị lưu trụ, thấm ướt là nghĩa lậu, ba Hữu đảnh thường thấm ướt, lưu xuất là nghĩa lậu, tận khắp ba cõi lại ra, nghĩa trì, nghĩa suy, nghĩa trong nghĩa buông lung đều là nghĩa lậu, y theo ý đầu để giải thích, cho nên Hữu đảnh chuyên thọ tên lậu. Luận nói: Vì sao Phi tưởng cho đến cõi dục không có vô lậu?

Đáp: Chẳng phải điền khí, pháp vô lậu trụ Trung đạo, lại Dục địa bất định Phi tưởng ngu đần, pháp trở thành trái với đây nên hai xứ không có. Nếu theo Đại luận, luận Thành Thật, thì phi tưởng đồng không có cõi dục thì có, định nầy ở sau có nói phi tưởng có hoặc.

Nói tế pháp: Là địa ấy còn có bốn ấm, hai nhập, ba cõi. Đã nói mười thứ là thọ cho đến tuệ. Thọ là sở thọ của thức, tưởng là sở tưởng của thức, hành là pháp hành, xúc là Ý xúc, tư là pháp tư, dục là muốn nhập định, giải là pháp thắng giải, niệm là niệm Tam-muội, định là tâm như pháp trụ, tuệ căn tuệ lực, mười pháp nầy và Vô sắc ái vô minh vô minh trạo cử ngã mạn, tâm không tương ưng các hạnh, nhân duyên khổ tập hòa hợp được sinh ở đó, muốn nhập diệt định thì trước diệt pháp nầy, v.v... nên biết ở sau nói ý dụng quán, đã biết địa ấy có đủ phiền não tế tức có ba giải, dụng quán phá phiền não giúp vào Vô sinh, phiền não hết nên gọi là sự Vô sinh, lý chân đế cùng tận gọi là lý Vô sinh, nên không do địa mà trụ hữu lậu, nếu dụng ở sau kế phán hai trí được gọi là khác nhau, nầy gọi là hạ kết biến. Đây tức là phá tư giả biến.

Ba minh phá tư vị chặng giữa, ban đầu nói vị ba tạng, trước nêu ra dụ bộ, ngoài Thành luận đều thuộc khác bộ, các luận A-tỳ-đàm đều nói kiến đạo ở mười lăm tâm. Kế chánh giải thích trước giải thích Thanh văn, lại y tu đạo đến hết v.v... nếu giải thích mỗi nhà thì trước phải nên hiện dục hoặc có chín phẩm để nhuận sinh bảy lần dứt phẩm nhiều ít đối quả cao thấp, nghĩa là thượng thượng có thể nhuận sinh hai lần, thượng trung thượng hạ trung thượng đều nhuận sinh một lần, ba phẩm hạ cùng nhuận sinh một lần, dứt nhiều ít. Luận Câu-xá chép: Dứt dục ba bốn phẩm, vài ba lần sách dứt đến năm hai hướng, đoạn sáu mốt quả.

Giải thích rằng: dứt ba phẩm thượng thì dứt bốn loài, còn ba lần sinh làm sáu phẩm nhuận sinh mỗi nhà, tiến đến dứt trung thượng lại bớt một lần sinh và bớt năm lần trước, còn hai lần sinh gọi là hai lần sinh mỗi nhà, lại dứt mỗi phẩm trung chưa bớt một lần sinh chỉ gọi là hai hướng, lại dứt trung hạ bao gồm mỗi phẩm trung trước thành tổn sáu lần sinh, còn ba phẩm hạ chỉ nhuận một lần sinh gọi là nhất lai.

Hỏi: Vì sao không dứt một phẩm, hai phẩm và dứt năm phẩm mà gọi là Gia gia?

Đáp: Nếu không dứt hai thì không đến thứ ba mà qua đời, cũng không dứt năm không đến dứt sáu mà qua đời, nghĩa là do Thánh khởi đại gia hạnh sẽ không đâu mà không dứt đại phẩm hoặc hết mà qua đời. Nói Đại phẩm nghĩa là ba phẩm, lìa ba thành chín nên có ba tên Đại. Nếu dứt hai với ba là đoạn Đại phẩm đầu. Nếu đoạn đến nắm sẽ đến

sáu là Đại phẩm thứ hai, lại không có một phẩm làm chướng quả, cho nên dứt nắm sẽ đến sáu. Kế nầy nghĩa dứt đồng với văn nay.

Hỏi: Nếu đều dứt Đại phẩm mà qua đời, thì vì sao dứt tám không đến với chín mà qua đời?

Đáp: Đoạn chín hai nghĩa nên khác ba phẩm.

1. Đắc quả

2. Việt giới

Phẩm chín mươi mốt do có chướng quả và có thể vượt cõi, nên dứt tám có qua đời, sáu phẩm chỉ có đắc quả mà không có nghĩa việt giới, cho nên dứt năm sẽ đến sáu, hai ba phẩm trung hoàn toàn không có hai nghĩa, dứt hai ắt ở ba lý không nghi, nay trong văn nói siêu đoạn, tức là văn sau hàng Tiểu thừa siêu đoạn, vốn ở phàm địa chưa được Sắc định, hoặc tu Dục định, dục hoặc chưa dứt, người này có mười sáu tâm siêu dứt năm phẩm gọi là Gia gia, năm phẩm nầy đồng với bốn phẩm, tùy theo gốc đoạn phẩm kia nhiều ít, mà được gọi là Gia gia hạt giống và dùng các tên Vô học hướng quả. Nhưng sở dụng của Đại sư đều theo luận Bà-sa xưa. Nếu muốn biết lại xem xét văn kia. Lại Gia gia, có hai cách khác nhau là Người và Trời, trời là dục thiên, hai ba gia sinh mà chứng viên tịch, nhân là người ở, hoặc hai ba nhà, hoặc hai ba châu mà chứng viên tịch, hoặc trời ba đời sinh thiên, ba người có hai, hoặc trời có hai lần sinh trời có hai, người có một, người sinh hai ba lần nầy nên biết, nên các cõi trời trước ở trong loài người được thấy đạo rồi, nếu vượt qua thứ lớp tiến dứt ba bốn lần, sau ở trên cõi trời sinh hai ba chỗ. Trong loài người trở lại nầy. Thiên gia gia, ở sau cùng sinh lên cõi trời dứt kiết dư tàn gọi là được viên tịch, trong loài người nhà nhà y cứ theo đây mà nói, sáu thứ Na-hàm ở trong ấy. Trong Đại quyển luận ba mươi ba nói: Năm Na-hàm: Nghĩa là Trung sinh hạnh bất hạnh, lại có sáu thứ, năm như trên thêm hiện, lại có bảy thứ, sáu thứ như trên thêm Vô sắc. Trong Câu-xá không lập hiện chung nhưng lấy Vô sắc chung và năm thành sáu.

Bài tụng nói: Trong nầy sinh hữu hạnh, không hạnh Bát Niết-bàn, bậc thượng lưu xen tu, sẽ đến Sắc Cứu Cánh, siêu bán siêu biến hết còn đến được Hữu đảnh. Hành Vô sắc có bốn, trụ Niết-bàn ở đây.

Giải thích rằng: Bất hoàn có năm

1- Trung: Nghĩa là cõi dục không ở sắc trung ấm mà nhập Niết-bàn.

2- Sinh bát: Sinh cõi sắc rồi mà nhập Niết-bàn.

3- Hữu hành: Sinh cõi sắc rồi tu hành thời gian dài mới nhập Niết-

bàn, nhưng có siêng tu không mau tiến đạo.

4- Vô hạnh: Sinh ở cõi sắc rồi không trải qua thời gian lâu tu vô công dụng hạnh mà nhập Niết-bàn siêng tu mau chóng hai đạo đều không.

5- Thượng lưu: Ở cõi sắc muốn chuyển qua chỗ ở của Tứ thiền thiên mới nhập Niết-bàn. Thượng lưu lại có hai:

1. Có xen tu: Tức lạc tuệ nầy

2. Không tạp tu: Tức lạc định.

Có xen tu thì đến Sắc Cứu Cánh.

Không xen tu đến Hữu đảnh. Chữ dư trong bài tụng là không xen tu, lại có ba thứ:

1. Toàn siêu: Nghĩa là ở cõi dục trong Tứ thiền rồi xen tu khắp, gặp duyên lui sụt, từ Phạm chúng không sinh Sắc Cứu Cánh, trung gian vượt hết nên gọi là Toàn siêu.

2. Bún siêu: ở cõi trời Phạm chúng qua đời rồi ở trung gian lần lần thọ mười bốn thiên xứ, hoặc vượt lên một hai, cho đến mười ba, sau mới sinh lên cõi trời Sắc Cứu Cánh, đều gọi là bán siêu, chẳng phải hoàn toàn siêu nên thọ tên thông bán, hoàn toàn không thể siêu vượt gọi là biến một.

Không xen tu là sinh ở cõi Vô sắc, nhưng không có sinh ở cõi trời Tịnh Cư, từ Quảng Quả không sinh ba cõi Vô sắc, sau sinh Hữu đảnh, mới nhập Niết-bàn. Cho nên Na-hàm đây là dù sinh ở Vô sắc cũng thuộc về sắc. Nếu cõi dục không sinh cõi trời Vô sắc thì thuộc Vô sắc. Lại có chín thứ trung sinh thượng lưu đều có ba thứ, như trong Thích Tiêm có dẫn. Trong sáu chín nầy chưa nhập chung ở trước, hoặc được gọi là La-hán hướng về nhiếp. Khi ở cõi sắc hoặc có siêng tu mau chóng.

Thứ chín: Vô ngại đẳng. Từ dứt chín hoặc đều có một vô ngại và một giải thoát, dứt tên vô ngại chứng tên giải thoát, trong A-tỳ-đàm thêm hai tên như trước, ba cõi ở sau kết thành vô sinh, nói tận vô sinh là trong A-tỳ-đàm nói: Tận trí: Nghĩa là ta biết khổ cho đến biết đạo. Trí Vô sinh: Nói tu biết khổ rồi lại không biết cho đến ta tu đạo rồi không tu trở lại.

Lại nói: Ngã lậu đã hết không còn sinh, lại nói: Thế trí trí vô lậu dứt. Lại nói: Tuệ giải thoát người đều giải thoát, đều từ đây được tên gọi hai trí, các tướng trang phân biệt rộng như trong các luận. Kế giải thích thông vị chặng giữa, ban đầu nêu bày kinh để phán xét, nói cộng Thanh văn, v.v... là hai thừa thông giáo Thất địa trở xuống cùng Bồ-tát cùng tên là Thanh văn. Bát địa trở lên hơn người Nhị thừa, vì sao cũng

gọi là cộng Bồ-tát?

Đáp: vì tên ban đầu sau từ gốc mà đặt tên khác nhau Biệt Viên thỉ chung khác nhau, trong Ba tạng giáo tuy có Nhị thừa Bồ-tát hạnh xa, thỉ chung phục hoặc thường khác Nhị thừa, nên không gọi là cộng, không nghe biệt lý lại không có bất cộng.

Hỏi: Thất địa tư hết, vì sao sáu địa gọi cộng Thanh văn, Bát địa gọi là Bích-chi Phật địa vì sao Thất địa gọi là cộng Bích-chi Phật?

Đáp: Thông vị từ theo chứa đủ như ở sau có phân biệt.

Nói ở sau lược giải thích. Ý nầy chánh nói Ba thừa cộng địa, vì sao các giáo phán dứt hoặc vị cao thấp khác nhau. Vì sao Ba thừa hoặc dứt trước sau, trí hạnh khác nhau. Tuy là khác nhau mà liên quan đến cộng vị, do nầy nên được gọi là cộng. Càn tuệ ở sau chánh được giải thích.

Ban đầu giải thích Thanh văn, chặng giữa năm pháp quán dừng tâm, Bốn niệm xứ, lược như trong văn huyền và Thích Tiêm có dẫn, đều mong ba tạng lập trong ngoài phàm. Nếu nói quán hạnh khéo léo nêu ra tuy có khác nhau, các tướng chung riêng nào ngại hơi đồng, chưa có nước lý nên gọi là "làng" tạm có lý giải nên gọi tánh nhẫn là nhân, kiến là kiến đế, dục hoặc hơi nhẹ nên gọi là Bạc, dục hoặc hoàn toàn mất nên gọi là lìa, trí đoạn công xong nên gọi là nói, ba tên khác gọi là Thông vị trung. Trước phá lập tựa, xưa nói dứt vị kiến tư đều khác nhau, nay ngăn ở sau trước phá chung đoạn vị kiến ấy khác nhau, chỉ là không hiểu nghĩa Thông giáo. Sao ở sau trách riêng.

Thông vị dứt kiến hai địa khác nhau, dứt kiến lại đúng không xuất nhập quán, nhân sư ở sau nhân sư không hiểu suy lỗi cùng kinh, nên nay phân tích nói không hiểu ý kinh nay nói ở sau lược chỉ bày, biệt kiến ở sau lược giải thích, nhưng tên ở sau phán đoán, lệ như ở sau dẫn nêu, mười sáu tâm nầy đồng là một vị, còn phán đoán hai đạo nào ngại dứt kiến hai địa khác nhau.

Hỏi: Ngay trong Thông giáo phán đoán kiến vị, tự phân ra hai địa, cần gì phá tha tự lập mượn biệt, lập dứt kiến vị lại đồng Thông giáo.

Đáp: Chỉ duyên đồng thông cho nên được là thông, thông tuy hai, địa khi đoạn vẫn rút bớt, Ba thừa chung nên tuy rút bớt mà lại dài, cho nên phải phân ra ba địa bốn địa, hoặc khi mượn biệt, biệt kiến lại dài, vẫn có hai ý, nếu y cứ lý nói thông đến Phật địa. Nếu y cứ giáo đạo nói ba bốn địa, tuy hai ý đều là nghĩa biệt kiến đều dài, vì riêng dài nên mượn giáo đạo dùng phán xét hai địa dứt kiến không hẹp. Nếu nói theo nghĩa thông thì không xuất quán, nếu y theo nghĩa biệt, thì chỉ nói mỗi địa đều có thể phá kiến, do đây thành khác, vì riêng dài nên ở sau hai

lần, thông dụng bốn địa đều dứt kiến vị, nhiều người không thấy gọi là nghĩa thông đủ, cần gì mượn biệt, đây là Đại sư nêu bày chung kinh luận, có phán xét đây là thuộc về mượn tên khác gọi là vị chung. Hà: nếu định thuộc về thông không nên Địa tiền mà lập phục vị. Nếu định thuộc về biệt thì không nên hành hướng thuộc về gốc lành căn bản, cho đến bốn địa cộng dứt kiến hoặc cũng giống như vậy, cho nên lập cách nầy chỉ bày người hậu học, khiến xưa nay khác thuyết rõ ràng rất dễ thấy. Nói mượn biệt ở sau là nói mượn vị, trước mượn Biệt giáo thỉ chung gọi là Thông, Thông giáo Địa tiền không có vị để nói, nên mượn Biệt giáo trong ngoài phàm vị, chỉ gọi là Thông giáo Sơ địa, Nhị địa Thông giáo địa hậu cũng không có phục vị, nên chỉ dùng Biệt giáo Pháp vân Phật địa, do gọi Thông giáo Cửu địa Thập địa cho là bất định, nên có hoặc để nói. Đại phẩm chép: Thập địa như Phật, phải biết tức là tên khác gọi Thông, nên trong Lăng-già kệ thứ bảy tụng phẩm rằng: "Viễn hành Thiện tuệ Pháp vân Phật là chủng tánh Phật". Ngoài ra đều là chủng tánh Nhị thừa, nầy cũng có tên khác là Thông vị. Nếu là biệt vị đâu phải viễn hành trở xuống thuộc về Nhị thừa ư? Cận đại giải thích vị Địa tiền phục hoặc chánh là ở đây nêu. Nếu mượn ở sau thứ lớp là chỉ mượn riêng Thập địa gọi là thông Thập địa, thì kia đây Địa tiền chung làm đạo hoặc, thông tuy không vị, tức chưa dứt hoặc thi1 không vào địa. Bốn tên khác là Bồ-tát thông vị, nầy chỉ y cứ theo Bồ-tát, tu quán dứt kiến bất định. Như đây trở xuống là Bồ-tát vị dứt kiến, phân cựu sư trước ba địa bốn địa dứt nghĩa kiến, bạc tức bỏ Bồ-tát ở vị dứt kiến tư. Cựu Sư nói: Ở sau bài tựa trùng lặp, cựu sư hai địa sáu bảy là vị dứt tư, nhưng lục địa ở sau nay nhà khó, trước nạn lục địa, lục địa lìa dục, dứt lìa dục hoặc, vì sao nói đồng với La-hán kế đó dù nói, dù trệ ở Ba quả hành bốn quả hướng, còn một phẩm cũng gọi là Hướng. Vì sao được đồng với La-hán? Nếu Thất địa ở sau thứ lớp khó địa thứ bảy, nếu phẩm sau cùng hết gọi là đệ thất, nầy thì có thể như vậy trong sáu địa trước chỉ gọi là lý dục sắp hướng đến thuộc quả, Sơ thiền phẩm đầu cũng thuộc về đã nói, dứt một phẩm đầu thật chưa nói vong, nên cũng không thể đồng với La-hán, nay như ở sau, nay vì nêu bày thì không chấp tên chung Thập Địa, chỉ dùng mười độ đối quả gọi là Tiện, do Biệt giáo nhiều nghĩa dùng mười độ đối với Thập địa, nên cũng y theo đây để nêu bày ý nầy.

Lập ý nầy, cũng sợ người sau không hiểu kinh luận đối với quả có cao thấp, không biết Biệt giáo gọi là ý thông, kế nầy đều là ở sau gồm lui sụt suy ra công.

Kế là hỏi: Ba thừa cộng vị mượn nghĩa đã thành, lập riêng Bồ-tát

e không thành chứng, kế ý đáp, kinh luận đều có hai chỗ nói văn, ý đều nói riêng Bồ-tát trí đoạn, ban đầu dẫn Đại luận ba chỗ, ý dẫn Càn tuệ riêng ở vị Bồ-tát dứt hoặc, nếu cùng Nhị thừa thì không gọi là sơ diễm, sơ diễm tức là đoạn vị, trong luận lập riêng Bồ-tát do Sơ địa mà thành đoạn vị, cho nên trong Đại luận bảy mươi tám phẩm Đăng Chú nói: Thập địa có hai:

1- Bồ-tát Sơ địa là diễm

2- Thinh văn kiến địa là sơ diễm.

Nếu riêng Bồ-tát địa tức Hoan Hỷ địa là sơ diễm, văn luận đã do Bồ-tát Sơ địa mà làm sơ diễm, nên nay lấy đó để so sánh giải thích, ở cộng phục đạo còn được dùng làm Bồ-tát sơ diễm, nay chỉ lấy lại cộng đoạn vị, làm riêng Bồ-tát sơ diễm, có gì không được, nên biết văn này riêng phán vị Bồ-tát Thông giáo, văn sau tự có riêng vị Bồ-tát, tức Biệt Bồ-tát vị.

Nói ba thứ Bồ-tát:

Tức Bồ-tát cộng địa trung căn, cũng đồng Nhị thừa ba bốn địa dứt. Lại trong Đại phẩm ở sau dẫn Đại phẩm so sánh giải thích.

Thứ mười Phật địa còn gọi là Bồ-tát, so sánh các vị trước không có Bồ-tát ư? Nên nói đâu được không có chặng giữa và ban đầu?

Nói lân cực: Là từ riêng Phật địa sang Thập địa, nay mượn tên khác, bèn nói Thập địa lân cực. Nếu không có ở sau nhiều lần dẫn trong Đại phẩm, từ Sơ địa, đều nói Bồ-tát tu trị địa nghiệp, nên trong Đại phẩm nói:

1- Mười, 2- Tám, 2- Năm, 4- Mười, 5- Mười hai, 6- Sáu, 7- Hai mươi mốt, 8- Năm, 9- Mười hai, 10- Phật (nay lược bỏ bài tụng) văn ấy mỗi đoạn nêu bày giải thích đầy đủ, nên biết nầy cũng khai riêng về Bồ-tát, kế dẫn trong Đại luận, từ Bồ-tát mà được gọi là nhẫn, cho đến các tên du hý thần thông, nên biết tên nầy riêng thuộc Bồ-tát, tên Nhẫn trong Đại phẩm cũng giống như vậy, như đây về sau chánh nêu bày ý nay, nương hướng sở dẫn còn được riêng khác địa vị Bồ-tát, y theo đây dùng làm mượn tên khác thông, riêng đối Bồ-tát có lỗi gì?

Kế hỏi: dứt chín phẩm dục sao chế hai quả. Ý đáp: Thánh chế tên quả thôi dứt mỏi mệt, tán địa hoặc trùng đặt tên thành khó nhiều, e là khó lui sụt đặt hai tên quả.

Kế hỏi: Phàm thiền vì trị tán loạn, dục tán đã nhiều nên đặt ra nhiều cách trị?

Ý đáp: Thiền từ địa lập định tán trái nhau, đâu thể có dục mà lập nhiều thiền.

Kế hỏi ý: Trước riêng vì Bồ-tát đặt tên nhẫn, Lục Thất địa về trước đã có trí đoạn đồng với Nhị thừa, vì sao Bồ-tát đặt riêng tên Nhẫn.

Trong lời đáp có ba nghĩa nên Bồ-tát gọi Nhẫn, ban đầu dẫn mười lăm mười sáu tâm nêu bày, như mười lăm tâm. Tuy đã có bảy trí tám nhẫn, chưa vào quả vị nên nói so sánh Nhẫn cũng gọi là Nhân. Bồ tuy dứt kiến tư các địa nhưng tập chưa hết, vị chưa đủ, nên chỉ gọi là Nhẫn, còn hai ý nên thấy.

Kế y cứ Biệt giáo phá tư giả, trước mượn tên khác chỉ hiển bày nghĩa chung, nay chánh ở biệt lại hiển bày nghĩa dọc, nên kế nói.

Hỏi: Khai đầu chương không nêu bày Biệt Viên, vì sao đến nầy lại giải thích Biệt Viên?

Đáp: Chỉ nói về không vị chánh ở Tạng thông vì hiển nghĩa thông lại mượn tên khác, nếu nói về thỉ chung nghĩa trụ dường như biệt. Nếu nói về văn chỉ cần biết viên dung, nên ở trong đây nói vị Biệt Viên. Nói Mười hạnh xuất giả lại không liên quan với trước, trong đây ý dọc từ giả nhập không, nên riêng Thập hạnh không liên quan đến không trước, chỉ nêu bày Tạng Thông ý là ở đây, nên hiển bày trong thể rằng: Nếu nói ba người thì có các vị Đại Tiểu.

Kế trong vị Viên chỉ nói Bát tín đến tín thứ mười dứt hết tập, tập thông giới ngoại trần sa vô minh, nêu bày cũng nên nói không liên quan gì đến trước, ở đây không nói, từ ban đầu đến nay ba đế viên tu, cùng nghĩa thứ lớp không hề liên quan nhau, đây nói thô hoặc nhậm vận dứt, đồng với thứ lớp, cho nên không cần nói không liên quan nhau, dẫn trong kinh Hoa Nghiêm, sợ người không hiểu thô hoặc trừ trước, ban đầu chứng Sơ trụ lại mong Thập tín nên nói giới nội tập hết.

Kế Hoa Nghiêm ở sau chứng vị Sơ trụ, cận đại giải thích nghĩa Địa tiền đều phục.

Thế nào là bỏ Thông trụ qua Mâu-ni? Đây là lần thứ hai văn ý chỉ viên dung.

Vì sao ở sau giải thích ý Hoa Nghiêm? Ban đầu văn giải thích lược, nếu vậy ở sau gạn khó, đã có Bồ-tát qua Phật, há không có Thinh văn qua Bồ-tát ư?

Ở sau đáp: Phật đạo thuộc về Biệt Viên địa trụ, còn có thể qua Tạng Thông Mâu-ni, rõ ràng qua Bồ-tát Tạng Thông, nầy y cứ đường phần, so sánh như đây quyết định, lại nữa ở sau nói đồng khác, đồng dứt kiến tư được gọi là công dụng, khéo léo nêu ra khác nhau. Đây tuy hiện trước phá tư giả vị trí dụng đều khác, cùng là xét phân trong các kinh luận, trí đoạn khác đồng, văn đầu nêu bày bốn giáo dứt tư trí dụng

đều khác.

Kế nếu nói ở sau phán xét một bề đã nói văn đồng khác, văn đầu là phải Thông giáo Ba thừa tự tướng so sánh. Kế nếu nói ở sau tức dùng Bồ-tát Biệt Viên so sánh Thông Tạng, Nhị thừa đồng dứt kiến tư mà trí đều khác, cũng có thể nói trí đoạn đều khác, tức là Thông giáo không dứt biệt hoặc, trong đây chưa nói dứt biệt hoặc, nên không nói.

Lại thông Ba thừa tự tướng mong, cũng có thể nói: Trí đồng dứt dị tập hữu tận khác với bất tận.

Kế hỏi: Khoa sau phân biệt siêu quả đồng vô bốn.

Ban đầu hỏi nên hiểu.

Trong lời đáp ban đầu nói có siêu vượt tuy không ở sau nói quả tuy vượt qua phẩm số không lỗi, như người có thần thông và người thường đi chậm mau khác nhau, há không có số dặm.

Kế hỏi: Phàm luận siêu: Phải là lợi căn. Ngài Thân Tử lợi căn sao không siêu vượt ư?

Ban đầu nghe ba đế chỉ được Sơ quả.

Trong lời đáp nói bảy ngày hoặc mười lăm ngày. Trong Đại luận quyển ba mươi tám chép: Thân Tử thấy cậu luận nghị với Phật, có thuyết nói: Nghe Át-bệ nói ba đế hoặc nói: Trải qua bảy ngày, hoặc nói: Trải qua mười lăm ngày được quả Vô học, A-nan làm thị giả, trong Đại luận nói: Phật tìm thị giả tâm sở A-nan như mặt trời hướng Đông chiếu phía Tây khi kết trong pháp hội, Ca-diếp quở trách: "Ông như lừa vào bầy ngựa. A-nan nghe rồi: Ở chỗ vắng lặng siêng năng tu tập, chưa vô học, buông thân muốn nằm đêm đầu đến gối, chưa đến giữa gối đắc quả A-la-hán, nên biết vậy trước chẳng phải không có trí lực, do A-la-hán không được làm thị giả, cho nên không thủ chứng, như ngài La-thập đến Thiên-trúc, người trong nước kính trọng do năm vị Sa-di làm thị giả, y theo ở đây theo Phật rồi trở lại, đều không nên dùng Đại tăng làm thị giả, Bồ-tát Thông Giáo ở sau một phen đến lại rõ nghĩa không siêu việt, nên nói: Cũng sẽ có siêu việt, Bồ-tát không đâu mà không gánh vác chúng sinh cho nên bất luận siêu việt.

Trong luận siêu việt là tự y cứ người đi khác nhau suy nghĩ tạm chẳng được không phá. Siêu quả ở sau bốn thứ luận khởi. Nói bốn đoạn, vốn ở ngoại đạo khi tu thế thiền đã dứt tư hoặc, gọi là bổn đoạn, khi tùy theo bổn đoạn phẩm số nhiều ít, nên khiến ngày nay nhập mười sáu tâm quả siêu khác nhau, vốn được Phi tưởng, tức là đã dứt tư hoặc Bát địa ở sau, mười sáu tâm nên gọi là A-la-hán hướng, chỉ gọi là A-na-hàm, do khi phàm địa dùng trí hữu lậu trí lực kém nên chỉ gọi là Na-hàm, khi đắc

Na-hàm, mười sáu tâm nầy khởi vô lậu được hữu lậu trước gọi là ấn Trì định, vốn được Sơ thiền đến Nhị ,Tam, Tứ so sánh thuyết nên biết chín phẩm cõi dục, tùy theo thế trí dứt nhiều ít. Nếu vốn dứt chín nay gọi là Tam hướng, nếu bảy tám phẩm được gọi là Nhị quả, dứt sáu phẩm gọi là Nhị quả hướng, dứt năm bến, v.v... chỉ gọi là sở quả, khác nhau kế đoạn ý như nói hướng, hoặc ba hai phẩm gọi là Gia gia nên nói ba bốn phẩm, hoặc sợ văn lầm, hoặc trong luận Bà-sa khác nhau. Thiện lai: Như trong thứ tư có nói, chánh tập hết chỉ là ba tạng Phật. Viên Nhân nói tối siêu.

Hỏi: Trước nói gánh vác cho nên không siêu việt vì sao khác nhau?

Đáp: Đây nói siêu: Do viên mong khác nhau nên được gọi là siêu, nên dẫn kinh Anh Lạc chứng minh siêu việt hay không siêu việt. Trong kinh Bổn Nghiệp nói: Bồ-tát Kính Thủ bạch Phật rằng: Chư Phật Bồ-tát dùng đại phương tiện đại tuệ bình đẳng chiếu các pháp giới, làm đốn Đẳng giác làm tiệm tiệm giác. Đức Phật nói: xưa Ta ở pháp hội có một ức tám ngàn Đại sĩ Vô Cấu, tức ở pháp hội đạt nguồn pháp tánh đốn giác không hai, tất cả các pháp đều một hợp tướng, đều ở mười phương nói Anh Lạc nầy. Đại chúng đều thấy một ức tám ngàn đốn giác Như lai, nên biết kinh ấy chỉ có Chánh giác, Huyền Văn thứ năm phán xét là Sơ trụ, ta Long nữ cũng vậy đều gọi là đốn giác.

Nói Vô Cấu: Lại y cứ sáu, tức để rõ Vô Cấu Tịnh Danh. Tuy thành Phật đạo, nói Sơ trụ siêu việt, hành đạo Bồ-tát, đây là không siêu việt, lý thật tướng ở sau tức câu thứ tư.

Ba bốn môn phân biệt, văn đầu nói cần ý môn, là vì thông lý, nên mười sáu môn đều phá kiến tư, nay nói nhập không phá kiến tư rồi, nên lại phải phân biệt môn năng nhập, là nghĩa nầy nên phải nói các môn, các môn tuy đều có trí đoạn có thứ lớp hay không có thứ lớp, kiến tư đều chướng nên phải nói môn. Nếu trong tức môn thông, là nay văn chánh ý, còn ba năng sở vì hiển viên cực, kia đây trở thành một trăm mười sáu môn quán ở tư nầy. Lại nếu biết các môn, quán các kinh luận rõ ràng sẽ thấy, do các kinh luận không ngoài mười sáu.

Ban đầu, giải thích ba tạng bốn môn, ban đầu nói trong hữu môn.

Ban đầu dẫn luận khởi quán, như đây ở sau lập quán phá hoặc. Vườn Nai ở sau nói người được lợi ích. Nói Câu-lân năm người: Nghĩa là Trần-như, Át-bệ, Bạt-đề, Mười lực Ca-diếp và Câu-lợi Thái tử. Khi Đức Phật mới thành đạo muốn độ hai vị tiên, do ban đầu xuất gia ở chỗ hai vị tiên tu tập định thế gian, muốn báo đáp đến ân, nên muốn độ

trước.

Trên hư không có tiếng nói rằng: Hai vị tiên đã chết, kế đó Phật nghĩ độ năm người nên đi đến Vườn Nai, năm người lập chế, Đức Phật đến thì chế phá, năm người cung kính trải ngọa cụ nghe pháp đắc đạo, năm người đắc đạo trong cõi Diêm-phù-đề, là đầu tiên của tất cả trời người, đều là lực hữu môn.

Lại Át-bệ nói ba đế: Như luận kệ nói: Tất cả trí chúng sinh trừ Phật Thế tôn, muốn so sánh Xá-lợi-phất, trí tuệ và học rộng, ở trong mười sáu phần, vẫn còn không bằng một, vì thấy Át-bệ có thứ lớp oai nghi mà đến hỏi: "Thầy ông là ai?"

Át-bệ đáp: Thái tử Tất-đạt bỏ sinh già bệnh xuất gia tu đạo, đắc Tam-Bồ-đề, là thầy tôi.

Thân Tử lại hỏi: Sư nói pháp gì?

Đáp: Tuổi tôi còn nhỏ, học giới còn cạn, đâu thể diễn được nghĩa đệ nhất.

Ngài Thân Tử nói: hãy nói lược pháp yếu.

Át-bệ nói: Các pháp từ duyên sinh, pháp nầy nói nhân duyên, đều là pháp nhân duyên, thầy tôi nói như. Thân Tử nghe rồi chứng được Sơ quả, đầu tiên Át-bệ sáng sớm ra Phật bảo rồi, ngày nay những việc đã gặp ắt là lợi người, nên nói lược pháp, cho nên nói lược ba trong bốn đế, các pháp từ duyên sinh khổ đế. Pháp nầy nói nhân duyên tập đế, là pháp duyên và tận diệt đế.

Thân Tử nghe rồi lại dừng chỗ ấy, ngài Mục-liên thấy đi trước đón rước mà nói rằng: Ông được cam lồ nên cho tôi được cùng nếm.

Thân Tử lại làm như nghe mà nói, Mục-liên nghe việc đó cũng chứng sơ quả. Một người thấy Phật, Phật bảo: Thiện lai, đều được La-hán.

Ngàn hai trăm người: Ba anh em Ca-diếp có một ngàn vị, Ưu-lâu Ca-diếp có năm trăm, hai anh em đều có hai trăm năm mươi người, Mục-liên, Thân Tử có hai trăm năm mươi người, nay văn thiếu năm mươi người.

Trong Đại luận hỏi: Các Tỳ-kheo nầy vì sao thường theo Đức Thế tôn.

Đáp: Như người bệnh được lành thường theo thầy thuốc giỏi, như các sao vây quanh mặt trăng, là nói lên đức cao quý của Phật. Trong Đại luận ở sau nói dụng môn là khéo cần phương tiện.

Nói phương tiện: Bát-nhã lấy không chấp làm tông, nếu không có phương tiện ở môn khởi chấp, dụng có thì rơi vào cái có, cho đến các

môn cũng. Trong Đại Tập ở sau dẫn Phật thế nhập y môn được lợi ích.

Thế nói không môn, nên ở sau chứng thể môn, nói là già chết ai là già chết, trong Đại luận dẫn Tạp A-hàm nói: Mười hai nhân duyên từ vô minh đến già chết, nếu có người nói là già chết, nếu nói ai già chết đều là tà kiến, cho đến vô minh cũng giống như vậy, nếu nói không có ai già chết phải biết là luống dối, nầy gọi là sinh không, nếu nói không có già chết nầy phải biết là luống dối, đây gọi là pháp không, cho đến vô minh cũng giống như vậy, kinh Phật kia ở xóm làng điều trâu, bảo các Tỳ-kheo, ban đầu, chặng giữa và sau thiện, cho đến phạm hạnh thanh tịnh, đó gọi là kinh đại không, nếu có hỏi nói: Thì ai già chết, già chết thuộc về ai, kia tức đáp, ngã tức già chết nay già chết thuộc về ngã già chết là ngã sở, nếu vô minh lìa mà sinh minh thì ai già chết, già chết thuộc về ai, già chết thì dứt, dứt căn bản ấy thì vô minh diệt, vô minh diệt thì các hạnh diệt. Đủ hai không nên gọi là Đại không, nên biết Tiểu thừa không ở ngã sở, gọi là pháp không, không ở ngã nhân gọi là chúng sinh không, nếu các Bồ-tát dùng không Niết-bàn Hằng sa Phật pháp, gọi là pháp không nhân, nghĩa là Tiểu thừa chẳng nói pháp không, chưa hiểu ý kinh, dù có dạy bảo nói người Thanh văn chỉ được sinh không, lại nhượng lời Bồ-tát cùng đoạt.

Tu-bồ-đề không trí nói riêng, v.v... tuy được La-hán nào phát thiên trường, nhà đã quán không. Đức Phật ở Đạo-lợi an cư một hạ, Phật dùng thần lực chế các trời người, không biết nơi chốn, thọ tuổi hạ rồi, Phật nhiếp thần túc muốn trở lại Diêm-phù-đề. Lúc bấy giờ Tu-bồ-đề ở trong hang đá, tự nghĩ rằng: Phật ở Đao-lợi xuống ta sẽ đến chỗ Phật lễ Phật, hay không đến, lại tự nghĩ, Phật thường nói pháp. Nếu người cùng trí tuệ lực quán pháp thân Phật đây là thấy Phật tối tôn. Khi Phật đã từ Đao-lợi xuống Diêm-phù-đề, bốn chúng nhóm họp trời người thấy nhau, trong tòa có Phật và vua Chuyển luân, các vị trời nhóm họp, chúng hội trang nghiêm, trước chưa từng có. Tu-bồ-đề nghĩ: nay đại chúng nầy tuy là đặc biệt thế không dừng lâu, pháp ma diệt đều quy về vô thường, do đây vô thường quán môn đầu, đều biết các pháp không, chẳng có thật, khi khởi pháp quán nầy liền được chứng đạo, lúc bấy giờ tất cả chúng đều muốn thấy trước Như lai lễ bái cúng dường.

Có Tỳ-kheo Liên Hoa sắc thường bị người khác kêu là dâm nữ muốn trừ tên xấu lại hóa thành luân vương có bảy báu và ngàn người con, mọi người thấy việc ấy đều tránh tòa, hóa thành Luân vương, thấy Phật rồi trở lại thân cũ, Tỳ-kheo đầu tiên lễ Phật, Phật bảo cô ni rằng: Chẳng phải ông trước lễ ta, chỉ có Tu-bồ-đề đầu tiên lễ ta. Vì sao? Vì

Tu-bồ-đề quán pháp không là thấy pháp thân, được chân cúng dường trong cúng dường là hơn hết, chẳng phải cúng dường sinh thân gọi là cúng dường.

Chỉ Quán Phụ Hành Truyện Hoằng Quyết phần một trong quyển sáu.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 6
(PHẦN 2)

Đại phẩm được che chở: nói Thêm là ở chỗ có thể thêm, do không của Tu-bồ-đề tương ưng tương tự với không của Bát-nhã, cho nên Phật thêm khiến thuyết ấy không. Bát-nhã là trí nên cũng thêm ngài Thân Tử, nên chỉ thêm hai vị nầy, nên nói muốn dùng đại không đều là tiểu không, do trong Bát-nhã nói đủ hai việc nầy, cho nên chỉ thêm hai người nầy.

Trong kinh Pháp Hoa nói: Chúng ta tuy vì các Phật tử nói các pháp Bồ-đề, trong Đại phẩm Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông phải vì các Bồ-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật như các Bồ-tát đã được thành tựu. Tu-bồ-đề nói rồi: lúc bấy giờ các Bồ-tát Thinh văn bốn chúng tám bộ trời rồng khởi ý nghĩ nầy, vì tự lực của Tu-bồ-đề là Phật lực, Tu-bồ-đề biết tâm niệm của đại chúng bảo ngài Thân Tử rằng: đâu chỉ có đệ tử Phật có nói pháp, đều là Phật lực, Phật nói pháp tướng không trái nhau, người Nhị thừa không có sức năng thuyết. Trong Đại luận quyển năm mươi ba chép: Lúc bấy giờ Tu-bồ-đề khởi ý niệm nầy. Chư Phật ba đời từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh ra, Tu-bồ-đề là hàng Tiểu căn, vì sao Đức Phật khen ngợi muốn nói Bát-nhã phải biết chỗ ông nói?

Đáp: Tu-bồ-đề nói đều là nương ý chỉ của Phật, chính như các Đại Bồ-tát Đại Phạm vương không nương ý của Phật còn không thể nói, huống chi Tu-bồ-đề ở trước Phật có thể tự ý nói. Thân Tử có nói cũng giống như vậy. Trong Đại luận ở sau khéo dùng phương tiện, ý cũng đồng với trước trong Hữu môn có nói môn thứ ba so sánh nói rất dễ thấy, trong môn thứ tư nói Xa-nặc: Là dẫn người phân biệt lẫn lộn. Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, tâm A-nan buồn lo. A-nê-lâu-đậu nói: Đức Như lai không bao lâu sẽ nhập Niết-bàn, nếu có nghi gì đều nên thưa hỏi.

Vì sao ưu sầu? vì mất lợi pháp. A-nan nhân trước nầy bạch Phật rằng: Ở đầu tất cả kinh để chữ gì, cho đến Xa-nặc ác miệng làm sao trị tẩn.

Đức Phật nói: ở đầu tất cả kinh đều để các chữ Tôi nghe như vầy, Xa-nặc ác miệng y phạm pháp trị, nếu tâm điều hòa mềm mỏng nên vì họ nói kinh Na-da Ca-chiên-diên, lìa có lìa không mới đắc đạo được, nói lìa có lìa không tức là đều sai. Nếu quán cảnh, cũng nên nói tạm khác nhau với trước chẳng phải pháp thật trước có sau không ở đây cho nên đều phi đây là cảnh, thực hành quán nầy gọi là quán, như đây ở sau nói trong môn được lợi ích. Nói câu cảng, xưa nay tân dịch chưa thông, lại vì Dự lưu dịch là câu cảng, nước thông, thông nước gọi là nước câu ngòi rảnh gọi là cảng, bốn môn sau là nói môn khác lý đồng.

Ban đầu chánh nói rõ môn khác lý đồng, hữu pháp thì chứng, y lý thông tranh cãi chặng giữa ban đầu chánh thông.

Bạt-ma: Thời Tống Văn Đế đến cõi nầy, được vua sắc ban cho trụ Kỳ-hoàn, khi lâm chung để lại sách tự nói đã chứng, truyền đến cõi nầy và tăng chúng nước ngoài. Bài kệ có ba mươi sáu hàng. Trước quy kính ba bảo rồi, kế nói quán bất tịnh, sau nói đắc hai quả; cuối cùng nói: Kia đây A-tỳ-đàm nói năm pháp nhân duyên, thật nghĩa tu ở trì gọi là không thể thấy, các luận đều khác đoan lý tu hành không hai, tìm nương theo Tỳ-đàm mà đắc đạo nên phân tích thành luận không đắc đạo, nhưng chấp khác đoan không thực hành khế lý. Nhưng Chân đế vắng lặng chẳng phải văn kệ khư là khứ là hoặc. Luận chủ, quở trách Lê-bạt-ma soạn Luận Thành Thật, vì sao ở sau tranh biện có không, luận văn tuy phân ra đại tiểu nói tranh nay thông dụng, thuận lý ắt không có lý của lỗi cho nên tranh, Bồ-tát không tranh chặng giữa, Đức Thích-ca ban đầu gặp trong ba A-tăng-kỳ. Luận Câu-xá nói: Ở ba vô số kiếp đều cúng dường bảy muôn, lại như kế cúng dường năm, sáu, bảy ngàn Đức Phật. Giải thích: Sơ tăng-kỳ cúng dường bảy muôn năm ngàn Đức Phật. Tăng-kỳ thứ hai bảy muôn sáu ngàn, tăng-kỳ thứ ba bảy muôn bảy ngàn bài tụng rằng: "Ba vô số kiếp mãn.

Nghịch kế gặp Thắng Quán Nhiên Đăng Bảo Kế Phật". Sơ Thích-ca Mâu-ni: Giải thích rằng: Đệ nhất tăng-kỳ sơ gặp Thích-ca Mâu-ni, đệ nhất tăng-kỳ mãn gặp Phật Bảo Kế, đệ nhị mãn gặp Phật Nhiên Đăng thứ ba mãn gặp Phật Thắng Quan. Đại luận: tăng-kỳ thứ hai kế-na Thi -khí, thứ ba là Tỳ-bà-thi, là chia nầy âm khác, sáu độ đủ như quyển ba có dẫn, nhân luận thì chỉ Thích-ca, v.v... trong Bà-sa kia giải thích Bồ-tát, nói nhân thì chỉ Thích-ca ba tăng-kỳ kiếp, nói quả thì chỉ

Di-lặc sắp thành. Vì sao vậy ư? Thích-ca quả đã thành cho nên chỉ nhân hạnh, vì khiến mến mộ quả mà hành nhân, nhân Di-lặc đã mãn cho nên chỉ đương quả, đều khiến quán nhân để biết quả, nên các Thánh giáo đều nói nhân Thích-ca, như nói khổ hạnh xưa của Bồ-tát, đều nói quả của Di-lặc, như trong kinh nói Di-lặc há sinh:

Ngài Long Thọ gạn rằng: Trong Đại luận giềng mối quyển bảy hỏi: Quán thật tướng các pháp và tu từ bi khiến ba độc kém mỏng, kém mỏng nên hay nhóm họp công đức thanh tịnh, như người lìa dục ở học địa kết còn có thượng hoặc nên gọi là bạt, như Sơ quả kiến hết tư còn cũng chưa gọi là bạt, như Phật đã nói dứt dâm nộ si gọi là Tư-đà-hàm, nên gọi là Bạt, các nghĩa bạt như vậy tức là dứt, sao ông chưa dứt mà gọi là bạt.

Luận nói: Nếu khi được Vô sinh nhẫn là dứt chánh phiền não, khi được quả Phật dứt các tán tập, là thuyết chân thật, nầy vẫn còn thông để phá ở tàng. Lại trong Đại luận quyển năm, phân tích rộng Bồ-tát Sáu độ rằng: Ca-la-diễn kinh nầy không đọc diễn kinh chẳng phải Đại Bồ-tát, không biết thật tướng, tự cho lợi căn ở trong Phật pháp làm các luận nghị, làm kiết sử trí căn, v.v... kiến độ còn các chỗ mất so sánh luận Bồ-tát, nên văn nầy ban đầu giải thích luận dẫn Ca-chiên-diên-tử nói nghĩa Bồ-tát, phải biết đại luận vì phá nên dẫn, nên luận phân tích rằng: như người tiểu nhân không thể nhảy qua nương ngòi, rãnh nhỏ huống chiso sánh sông lớn há không chìm mất. Thế nào là chìm mất? Như nói xưa Bồ-tát làm Đại Tát-tha-bà-độ, nước biển lớn gió giữ thổi thuyền, bảo người đi buôn rằng: Ông nắm tóc tôi sẽ đưa ông qua, các người năm rồi dùng năng lực tự sát, nước biển lớn không chứa thây chết, tức thời mau chóng gió thổi đến bên bờ, đại từ như vậy mà nói không phải Bồ-tát, được Đức Nhiên Đăng thọ ký thân bay lên hư không thấy Phật mười phương đứng ở hư không khen ngợi Đức Nhiên Đăng được thọ ký rồi, ông ở đời sau thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, được thọ ký như vậy sao nói chưa phải Bồ-tát, ba A-tăng-kỳ chưa có tướng tốt cũng không có chủng tướng nhân duyên, thấy Đức Phật Nhiên Đăng thân bay lên hư không thấy Phật mười phương, há chẳng phải đại tướng, vì Phật đã được thọ ký sẽ được thành Phật, cũng là đại tướng, bỏ đại tướng nầy mà lấy ba mươi hai thanh tịnh, ba mươi hai tướng Luân vương ma-la cũng có thể làm. Điều-đạt cũng có ba mươi tướng, người khác đều có phần, nhiều như mắt xanh tay dài, ông sao dùng trọng tướng, sao kinh nói ba tăng-kỳ Bồ-tát không trồng nhân tướng tốt như ngài Na-đà Phật Tỳ-bà-thi. Nguyện được thân xinh đẹp sắc vàng đời đời được vui thọ sinh

khắp nơi, thường được khổi ngô, do là các phước nầy, sinh trong dòng Ca-tỳ-la họ Thích, được ba mươi hai tướng xuất gia được Vô học, Phật nói năm trăm Tỳ-kheo trong đó Nan-đà thứ hai là tướng dễ được, vì sao trong chín mươi mốt kiếp gieo trồng, trong một đời được, đây làm đại phu, lại sơ tăng-kỳ không biết thành Phật hay không thành, v.v... hoặc ẩn hoặc diễn chỗ nào nói lời nầy?

Ca-chiên-diên-tử nói: Phật nói tuy trong ba tụng không nói nghĩa lý nên như. Tỳ-đàm Bà-sa nêu ra thuyết nầy, như trong Thủ-lăng-nghiêm nói bốn lần thọ ký, có người tâm chưa phát cùng thọ ký hoặc vừa phát tâm cho thọ ký, người khác đều biết mình không biết, có người khác mình biết hết. Vì sao hai tăng-kỳ không biết thành Phật.

Lại nói: Gieo trồng tướng tốt, duy ở cõi dục, cõi sắc vì sao không được gieo trồng, như các Phạm vương thường thỉnh Phật xoay bánh xe pháp, vì sao nói thượng giới không được, lại không tiếc thân mạng gọi là Đàn, chẳng biết ba không nên không gọi là Tịnh, cho đến Bát-nhã cũng phải biết ba việc đều không. Nói phân địa dứt tranh: Là nói Nhị thừa và Bồ-tát còn không thể chia, chia đất thành bảy phần là pháp toán số, là thế tục, trong Bát-nhã ít thừa nhận.

Lại nói: Muốn ở trong loài người gieo trồng nhân tướng, như Bà-già Độ rồng là Bồ-tát Thập Trụ, A-na-bà-bạt-đa Long vương là Bồ-tát Thất Trụ La-hầu A-tu-la vương cũng là Đại Bồ-tát, vì sao nói đạo khác không gieo trồng tướng ư? Nói một tư mười tướng, là trong khoảng sát-na có sáu mươi sinh diệt nhất tâm không trụ không thể phân biệt, làm sao có thể trồng đại tướng, không nên không rõ tướng tâm gieo trồng, nhiều tâm hòa hợp mới gieo trồng được, cũng như vật nặng nhiều người có thể gánh vác, một người không thể gánh vác. Nếu nói căn cơ của đệ tử Thích-ca thuần thục, tạng diễn các kinh cũng không có nói ở đây, phát ra từ tâm ông, các thứ như vậy phá phá ba tạng tướng tốt, nếu vậy diễn tướng làm sao?

Đáp: Đại luận quyển hai mươi chín chép: Thế nào gọi là tướng tốt trong đại thừa, Chư Phật mười phương ba đời đều vô tướng, vì sao nói tướng, một tướng còn không có vì sao nói ba mươi hai tướng.

Đáp: Trong Phật pháp có hai thứ thế đế, nghĩa đệ nhất đế, thế đế hữu tướng. Nghĩa đệ nhất đế vô tướng. Lại phước đạo, tuệ đạo, lại hai thân sinh pháp.

Lại tướng tốt nghiêm thân vô úy bất cộng trang nghiêm chúng sinh, lại vì hai thứ chúng sinh nên hiện hai thân, đặt tên là vì nói tướng tốt, biết pháp giả danh không vì họ nói ba mươi hai tướng.

Hỏi: Năng lực vô úy cũng có tướng tốt, vì sao nói pháp thân vô tướng?

Đáp: Tất cả các pháp đều vô tướng. Hiện sắc thân là vì thấy sắc sinh vui phát đạo tâm, nói tướng không có lỗi, ở trước giải thích nhiều, mỗi đều khai thành ba giáo ý, do bác bỏ ba tạng mới xứng ý chỉ kinh.

Hỏi: Vì sao không nhiều không thiếu, chỉ có nói ba mươi hai tướng ư?

Đáp: Thân trượng sáu thiếu thì trang nghiêm không đủ, nhiều thì lẫn lộn.

Hỏi: Sao gọi là hảo?

Đáp: Tướng thì đại trang nghiêm thân hảo thì tiểu trang nghiêm thân. Nếu nói Đại thì đã nói tiểu, lại nữa tướng thô hảo tế, chúng sinh thấy Phật thì thấy Phật, tốt của Phật thì khó thấy.

Hỏi: Phật đoạn ngã của chúng sinh, vì sao tướng tốt tự nghiêm thân kia?

Đáp: Đã có pháp mầu trang nghiêm tâm ấy, thân không có tướng tốt hoặc sợ độ tâm sinh kiêu mạn, nghĩa là thân tướng của Phật không đủ, không thể nhất tâm thọ đạo, như đồ đụng không sạch đựng thức ăn ngon người thấy không vui, cho nên tướng tốt tự nghiêm thân kiaLại tâm trang nghiêm khai đạo Niết-bàn, tướng tốt trang nghiêm khai đường trời người, lại tâm trang nghiêm ba cõi tâm tức. Thân trang nghiêm là tâm ba ác dứt.

Nhưng trong đây nói ba kỳ trăm kiếp, hơi khác với Câu-xá. Câu-xá thì đạo thọ về trước bốn Ba-la-mật đủ, đến vị quả Phật hai Ba-la-mật đủ, nên tụng rằng: Chỉ do bi khắp thí bị phân tích thân không giận, khen ngợi Phật Để-ca.

Kế là Vô thượng Bồ-đề, sáu pháp Ba-la-mật-đa ở bốn vị như vậy, một hai lại một hai như thứ lớp tu viên mãn.

Ban đầu một- Là bố thí

Kế hai- Là giới nhẫn

Kế một- Nói tinh tấn

Kế hai- Nói thiền trí.

Như kế đối bốn câu, do khen ngợi Để-ca siêu vượt chín kiếp, nên từ Tỳ-bà-thi Phật chín mươi mốt kiếp thần trí hai Ba-la-mật đủ, nếu theo trong Đại luận ba A-tăng-kỳ đủ sáu Ba-la-mật, không trái nhau ư? cũng không trái nhau.

Trong Đại luận, ba tăng-kỳ chỉ là sự thiền sự trí đủ. Nếu đến dưới thọ cương cũng là duyên lý thiền trí mới mãn.

Trong Câu-xá chép: Nhân thời đã dứt, Bát địa hoặc là đã chưa dứt Hữu đảnh, mà chỉ dùng hữu mãn, nên trong Đại luận chẳng có tên hữu mãn trước đến dưới thọ vương, mới nói dụng ba mươi bốn tâm dứt hoặc kiến tu trong ba cõi, nên biết bấy giờ mới được vô mãn. Nay văn lại dùng Đại luận phân tích lập nghĩa Bồ-tát ba tạng, nên cón có tên là Phục đạo. Chữ bán là dẫn chứng chỉ có tiểu. Kế năm nói. Thí như ông Trưởng giả chỉ có một người con, tâm thường nhớ nghĩ, đi đến minh sư, sợ không mau thành, tìm đem trở về, vì nhớ nghĩ nên ngày đêm hết lòng, dạy bán tự mà không dạy luận Tỳ-đà-la, vì sức chưa kham nhậm, hợp dụ mà nói. Nói bán tự vốn là chín bộ kinh, luận Tỳ-già-la: Nghĩa là kinh Phương Đẳng.

Giải thích rằng: Luận đây là Tự bổn.

Hà Tây nói: Căn bản của văn tự thế gian, kinh nhờ âm thinh, luận nói thông bốn hiện tại, quở trách thế pháp, khen ngợi pháp xuất gia, ngôn từ thanh nhã, nghĩa lý sâu xa. Tuy là ngoại luận mà không tà pháp, sẽ là điều quyền xảo mà Đại sĩ đã làm, nên dùng luận nầy dụ kinh Phương Đẳng, Pháp Hoa gọi là mười hai năm, y cứ người quyền đồng với Nhị thừa, y cứ lý tức hai đế chân tục y cứ hoặc thì kiến tư đều phá.

Hỏi: Nghĩa có thể như vậy là sao?

Đáp: Nhị thừa đều có mười trí lại dứt kiến một vô ngại một giải thoát, dứt tư chín vô ngại chín giải thoát. Bần nghèo của pháp, v.v... như chồng cày ruộng không nghĩ đến Đế vương, vợ dệt vải không để ý đến Hoàng hậu Nhị thừa cũng. Pháp Hoa về trước tuy nghe tuy nói tự thấp kém chẳng có phần mà không mong nhận lấy.

Kế là Thông giáo bốn môn:

Ban đầu là hữu môn, là nói có huyễn hóa, tức hữu môn chánh thể, như vậy ở sau phá hoặc kiết thành, nếu nói giả thật ở sau không môn chánh thể, như đây ở sau phá hoặc kiết thành, nếu nói tất cả pháp ở sau thể không hữu môn, như vậy ở sau phá kết thành. Đã nói ở sau chẳng phải không chẳng phải thể hữu môn, như đây ở sau phá hoặc kiết thành. Ban đầu trong hữu môn nói các pháp không sinh mà Bát-nhã sinh. Trong Đại luận quyển sáu mươi hai trước dẫn kinh nói:

Ngài Thân Tử bạch Phật rằng: Thế nào là sinh Bát-nhã Ba-la-mật?

Đức Phật nói: Sắc không sinh Bát-nhã Ba-la-mật sinh, cho đến trí Nhất thiết chủng không sinh Bát-nhã Ba-la-mật sinh.

Thân Tử hỏi: vì sao sắc không sinh?

Đức Phật nói: Sắc không khởi không sinh không được mất, cho

đến chủng trí cũng như vậy, đây là Bát-nhã sinh, sinh tức là có cho nên chứng hữu môn, tuy đủ ba giáo nay ý ở thông. Trong Không Môn nói: cho đến Niết-bàn cũng huyễn hóa. Trong Đại luận quyển năm mươi ba dẫn trong kinh nói: Các Thiên tử nghĩ: Ai sẽ nghe Tu-bồ-đề nói: Tu-bồ-đề biết các Thiên tử nghĩ nên bảo các Thiên tử rằng: Như huyễn như hóa nghe pháp như vậy, cho đến Niết-bàn cũng như huyễn như hóa.

Luận giải thích rằng: Phật là bậc nhất trong tất cả chúng sinh, Niết-bàn ở trong tất cả pháp là bậc nhất, do hai pháp danh tự từ nhân duyên sinh, giả khiến hữu pháp thắng Niết-bàn là khiến cho như huyễn, huống chi Niết-bàn, do không có pháp thắng Niết-bàn nên giả lập nói phân tích ba tạng như trong văn, thể mà luận phá, nầy phục nạn chung.

Nạn rằng: Người thông đã quán các pháp như huyễn, huyễn vốn không sinh nay không có chỗ diệt, gọi là thể, thể thì không phá, nay vì sao nói thể phá kiến tư gọi là phá pháp biến.

Đáp: Đây y cứ tức thể mà luận phá không phá mà phá nên nói thể phá.

Kế dẫn trong chứng nói: Hỏa diệm, v.v... đều chứng bốn môn mà không thể chấp, cho đến giải thích trong nghĩa đệ nhất.

Nói: Bốn câu tất cả thật, v.v..., bốn môn nhập trì, v.v... đều là ý nầy, nên bài kệ khen Bát-nhã chép:

Bát-nhã Ba-la-mật dụ cho
Như lửa lớn nhóm họp bốn bên
Mà không thể chấp
Không chấp cũng không thể chấp
Tất cả chấp đều xả
Đây gọi là không thể chấp
Không thể chấp mà chấp
Đây tức gọi là chấp.

Giải thích rằng: Câu đầu nói thật tướng Bát-nhã tức là sở thông, câu kế dụ cho sở thông, câu thứ ba dụ cho năng thông không thể chấp, câu thứ tư môn quán đều vong, câu thứ năm năng sở đều vong, câu thứ sáu chung kết, câu thứ bảy thứ tám, nói không chấp, nên gọi là đắc nhận nghĩa cũng bao gồm ba pháp lại giải thích thành thông. Nếu không ở sau nói môn thể lìa tranh cãi.

Hỏi đáp ở sau cùng ba tạng nói khác chữ đáng, nghĩa là bằng đáng. Trong hữu môn sẽ có mà bát không, không môn sẽ không mà bác có, cũng gọi là như thật khéo độ. Trong Đại luận quyển bảy khéo dưa ra hai thứ thuốc để dụ cho: Như dùng kim, thuốc gọi là chuyết độ,

dùng chú thuật gọi là xảo độ, cũng như hai độ. Nếu dùng bè cỏ gọi là chuyết độ, dùng phương tiện thuyền gọi là xảo, hai thuyền gọi là phương, Thinh văn hóa nhân khổ hạnh đầu đà, đầu hôm, nữa đêm, gần sáng tâm siêng năng thiền quán, khổ nhọc hành đạo gọi là Chuyết độ. Bồ-tát hóa nhân quán các pháp thật, không ràng buộc, không giải tâm được thanh tịnh, gọi là xảo độ. Xảo như hỷ căn, chuyết như thắng ý, xảo chuyết hình tướng tuy như vậy, tâm lượng so sánh hạnh không khiến lẫn lộn sai trái, nầy phân tích tiểu tông sự tướng đầu đà chuyên căn bản thiền quán các vô thường, khổ hại thân miệng không biết các pháp rốt ráo thanh tịnh, nầy do diễn giáo rốt ráo thanh tịnh, nầy do diễn giáo dụng phân tích chuyết độ, người hành đạo khéo tự linh động. Ba con thú qua sông là trong Đại kinh có dụ cho. Ba người như thú đáy nước chân như, tượng tuy được vẫn phân ra hai biệt, tiểu tượng được bùn, thông Bồ-tát, đại tượng được thật tức thấy bất không, thấy bất không, lại có hai thứ: Nghĩa là nhưng không nhưng, nay văn lại dùng Bồ-tát đắc nê để cùng Nhị thừa.

Kế phân biệt bốn môn chặng giữa ban đầu nói lược khác nhau, trong Đại kinh ở sau nói đồng khác. Kinh nói: Nghe Đại Niết-bàn có đạo Vô thượng, v.v... đủ như trong Thích Tiêm nói trong Thánh hạnh, nay nói sự tướng thứ lớp không khác ba tạng, lại như giới định và tuệ sinh diệt, ba Thánh hạnh nầy hoàn toàn như ba tạng, nếu vô sinh, v.v... ba tuệ Thánh hạnh thì khác ba tạng, nay theo thuyết ban đầu nên nói chẳng khác, lại y cứ giáo đạo ban đầu không biết viên, còn bỗng nhiên trong Thích Tiêm thứ lớp năm hạnh.

Trong môn ban đầu nói giải thoát tức là bất không, là trong Đại kinh câu thứ năm trong văn giải thoát, trăm giải thoát ấy bao gồm mà nói không ngoài bốn môn, phần nhiều nói chẳng phải có chẳng phải không, phải biết trăm câu là môn năng thông.

Ba Đức Niết-bàn là lý sở thông, vì nghĩa trăm câu ấy bao gồm Biệt Viên, nên nay khiến ở môn biệt dẫn ra, Như lai tạng mười dụ, hai văn khác nhau, các văn dẫn dụng, hoặc nói Phật tạng là tùy theo tiện nói, văn ở trong Phương Đẳng Như lai Tạng Kinh, một quyển kinh ấy Đức Phật nói cho Bồ-tát Kim cương Tạng nghe, văn tuy có mười nghĩa nhưng giống như chén, do hai văn đầu đồng một nghĩa. Văn đầu nói: Ta dùng mắt Phật quán sát tất cả chúng sinh, trong phiền não có trí nhãn của Phật có thân Như lai, ngồi kiết già an nhiên bất động. Nầy Thiện nam, thì như mắt trời chưa xem xét trong chỗ rải hoa trừ bỏ hoa rồi lại được hiển hiện, Phật thấy chúng sinh cũng giống như vậy. Về sau chín

dụ cho bao gồm chín lần kệ tụng, văn xuôi đều có bốn, năm hàng, nay lược theo cốt yếu đều lấy một hàng để biết tướng dụ.

Ban đầu nói: Thí như biến hoa héo tàn hoa kia chưa nở, người có mắt trời xem thấy thân Như lai không nhiễm.

2- Thí như cây cao có vô lượng mật bầy ong vây quanh phương tiện khéo léo lấy, trước xua bầy ong kia đi.

3- Thí như tất cả lúa gạo mà cám chưa được chà sạch, người nghèo cho là vật đáng bỏ.

4- Như chốn giấu chỗ không sạch không thể thấy, người có mắt trời bèn thấy liền bảo cho mọi người biết.

5- Như trong nhà người nghèo có cất châu báu, người chủ đã không hay biết, thấy của báu lại không thể nói.

6- Thí như hột trái yêm-ba không thể đập vỡ, trồng nó dưới đất sẽ thành đại thọ.

7- Thí như cầm kim tượng đi đến ở phương khác bên trong ngăn che vật uế bỏ ở chỗ vắng.

8- Thí như cô gái nghèo chan sắc rất xấu xí, có mang con tướng quý sẽ làm vua Chuyển luân.

9- Thí như đúc đài lớn dùng vô lượng vàng vòng người ngu tự xem bên ngoài chỉ thấy đất cháy đen, trong văn đều dùng tánh Phật hợp dụ, như trong kinh Ni-kiền nói: Có tên thành là Uất-xà-đình, vua tên là Nghiêm Xí có Đại Tát-giá vào nước ấy, vua từ xa ra đón rước Đại Tát-giá thấy vua ngồi dưới một gốc cây, vua rất cung kính, do đó vì vua mà nói pháp trị nước, cho đến vì vua nói thân tướng Phật và chủng tánh, cho đến khiến vua quán thân Như lai rằng: Đại vương phải biết y thân phiền não quán thân Như lai, y ấm giới nhập quán thân Như lai, vì sao, thân đây là là Như lai tàng, tất cả phiền não các cấu chứa trong Phật tánh đầy đủ, như vàng trong đá, lửa trong cây, nước trong đất, lạc trong sữa, dầu trong mè, lúa trong hột, tượng trong khuôn, thai trong bụng, mặt trời trong mây, cho nên ta nói trong phiền não có Như lai tạng.

Trong kinh Ni-kiền tuy cũng có tên Như lai tàng mười dụ cũng phần lớn đồng với văn nầy, nhưng đã dẫn lụa xấu trong Tát-giá không có, nên biết phải dẫn trong kinh Phương Đẳng. Trong kinh Niết-bàn không có đồng, Niết-bàn chẳng phải là năng danh sở danh, nên nói là phi hữu, nhân tục lập bày gọi là Niết-bàn hữu, đã chẳng phải sắc thinh, làm sao mà nói kiến diệu hữu sắc, nghe tên Niết-bàn. Như các bình nước rượu lạc, v.v... cũng trăm câu văn, văn ấy nói: Lại giải thoát gọi

là bất không, như các binh nước rượu lạc tô mật, không có nước, v.v... lúc bấy giờ vẫn cố gọi là các bình nước, các bình như vậy chẳng thể nói không và dùng bất không. Nếu nói không thì chẳng được có sắc, hương, vị, xúc. Nếu nói bất không mà thật không có các rượu nước, trong môn phi hữu phi vô nói tuyệt bốn, v.v... trong ý chỉ là lý sở chứng, vì lý không có bốn, cũng không có bốn câu làm sao có trăm phi, môn thứ tư nầy tuy thuộc bốn câu, nay nói theo lý nên nói tuyệt tứ, cho đến hữu môn cũng giống như vậy, nên dẫn trong Đại kinh phi thường phi đoạn gọi là Trung đạo, do chứng ở lý lại là đều phi, như đây trở xuống phán xét được mất. Nếu được ý thì được nhập Sơ địa gọi là kiến thật. Nếu không được ý chỉ thành Địa tiền phương tiện vị. Nếu y theo trước nói ba tạng bốn môn, sau mỗi môn đều nói được mất, vì lìa văn rườm rà ở đây nói chung.

Kế nói viên trong bốn môn ban đầu phân biệt đồng khác, vì sao ở sau chung gạn khởi, quán kiến tư ở sau chánh giải thích.

Ban đầu nói hữu môn, tức chỉ kiến tư là nhân sinh ra pháp không thể nghĩ bàn, sinh pháp tức giả, giả là hữu môn, do chẳng có không trung mà chẳng có giả, nên nói cho đến nghĩa đệ nhất cũng là nhân duyên. Trong Đại kinh ở sau dẫn chứng, pháp ba-bồ-đề cũng là nhân duyên nên biết tất cả không phi hữu.

Kế trong không môn nói ba đế: Cũng là ba đế đều không, cũng là giả trung đều không. Nói hai pháp ngã và Niết-bàn nầy đều không, ngã là tục, Niết-bàn chân, hai đế đều không, chỉ có trung không, trung không cũng nên nói bệnh không cũng không. Đây tức ba đế đều không.

Kế là môn vừa không vừa hữu, một trung tất cả trung, y cứ song chiếu nên tên môn thứ ba, không có chân thật cũng không, phân biệt bất tận cũng có.

Kế dẫn văn nhiều dùng làm chứng, trong một hạt bụi cũng không, quyển kinh lớn bằng cõi Đại thiên cũng có. Nghĩa Đệ nhất cũng không, khéo phân biệt cũng có, đại địa một cũng không, các thứ mầm cũng có không, có danh tướng cũng không, giả danh tướng cũng có, cho đến Phật cũng không, nhưng có chữ cũng có. Đã y cứ Trung đạo chiếu cả hai đế, tất cả không phi vừa không vừa có.

Kế phi không phi hữu môn: Cũng là mười trung tất cả trung, y cứ vào song chẳng phải nói tên môn thứ tư, không hữu cho đến phi không phi hữu cón ba môn trung, đều nói một hữu tất cả hữu, chỉ có môn thứ ba nói tuy hỏi ẩn ý mà thật đủ khắp.

Vì sao ở sau nói môn hỗ dung lại nương bốn môn riêng mà nói tướng ấy, lý ba đế mỗi đối không thiếu. Vì sao ở sau giải thích, một môn

tức là ba môn.

Ban đầu nêu nhân duyên, nhân duyên tức không, không tức giả, giả tức pháp giới, nay nói về hành tướng bốn môn đều thuận theo căn tánh đều có riêng biệt tùy theo nương một môn.

Ban đầu y theo giáo môn thấu suốt đại thể, tất cả lại dùng vô sinh làm đầu, nay nói ý chỉ giáo phân biệt mười sáu môn đều dứt kiến tư, cho nên trong phân biệt nêu ra nguyên ý ấy, ý ở viên môn, nên nêu chung bày bốn, lại mỗi giáo tuy có bốn tùy theo giáo kinh luận, trong mỗi giáo mới nhập lại khác nhau. Nên Bốn niệm xứ nói: Tạng giáo nhiều dụng hữu, Thông giáo nhiều dụng không, Biệt giáo nhiều dụng vừa không vừa hữu. Viên giáo đa dụng phi không phi hữu, lại chỉ do không hữu đối nhau mà nói. Hai giáo Tạng biệt phần nhiều y theo hữu môn, hai giáo thông viên phần nhiều y theo không môn, chỉ cần phân biệt giới nội giới ngoại, riêng dụng tuy vậy lại thuận theo con đường lớn, cho nên nay văn vô sinh làm đầu, trong văn lại phải đầy đủ nêu bày bốn vì riêng giản nên nêu chung bày, như thượng hạ kết thành vô sinh, nếu vậy ở sau khai quyền.

1- Gạn khởi

2- Chánh khai.

3- Dẫn chứng.

Nếu vậy chỉ nên dẫn văn kinh Pháp Hoa để chứng minh hiển thật, cần gì lại dẫn Đại phẩm Tịnh Danh?

Đáp: Trong bộ ấy thật không khác Pháp Hoa, đã hiển thật đồng nên được làm chứng, đã dẫn trong kinh Pháp Hoa khác các quyền rồi, Tịnh Danh đại phẩm bao quyền không khai, nên khai quyền ấy lại nhập vào thật tức là Pháp Hoa ý quyền bổn thật, người khác không nói mười sáu môn nầy, sẽ lấy gì làm con đường năng thông, phá giả khác nhau lẫn lộn khó hiểu, lấy gì để phân biệt các không các hữu, cho đến các giáo phi không phi hữu, như trên đã nói lại nương một pháp lấy đó làm cách thức. Nếu thấy các giáo vị dụ chuẩn đích nên theo.

Lại mười sáu môn nầy, ba giáo Tạng Thông viên, tùy theo môn đã nêu bày liền có thể quán sát, chỉ có phân biệt bốn môn hỏi khác trước sau, như nay đã nêu bày, chỉ là luận tâm ban đầu dứt kiến tư khác nhau. Nếu nói về lý xa thẳng ở giáo đạo trông mong tâm cực quả duyên lý sinh tín, tức dùng sở tín lập thành bốn môn, chúng sinh lý đủ bị hoặc ràng buộc, ban đầu tâm đốn văn mà tu hạnh tiệm, đến sau mười hai hạnh mới tu tạo, đến địa sau cùng mới bạt chứng chút phần, sau tín tập quán ban đầu dứt kiến tư đủ như Tạng Thông, nên nói thứ lớp chẳng

khác ba tạng, từ đầu đến sau trải qua mười sáu môn, tự hành hóa tha hoặc ngang hoặc dọc, nếu được ở sau mở nói tức lý để kết ý môn dẫn chứng như văn, trên không sinh sau chung kết bổn ý dụng môn, nầy nói y môn vô sinh, tức Đại kinh ở trước viên môn vô sinh, phá dọc kiến tư, tức dọc mà chẳng phải ngang dọc đều nhiếp tất cả, nếu chỉ phá dọc chưa liên quan đến các hoặc, nếu được nguyên ý vốn ở viên dung, nên ở trong đây nêu đủ các môn phá vị kiến tư, trước phân biệt sau khế hội nên viên bốn môn đều thông suốt kiến tư tức là pháp giới đều có đủ ba đề, e người mê ý chỉ nên ở trong đây là chỉ bày ý môn, nếu được ý, suốt ngày thứ lớp ý chẳng phải thứ lớp, nên nói chẳng phải môn phương tiện, đây là thứ ba chỉ bày ý chỉ văn quy về. Nếu tiêu thế văn không thể ở trong mỗi câu chấp, mỗi phẩm tư thường là ý chỉ văn luận. Nếu người tu quán, và tìm văn chỉ, không thể một câu mê ở diệu thể, nên trong Bốn niệm xứ hỏi rằng: Nếu vậy nói thẳng Đại, vì sao trước Tiểu.

Đáp: Kinh đủ hai ý. Nếu trước đại là như chiếu núi cao thuần giúp ở Đại, vẫn bao gồm hai cơ lợi độn khác nhau. Nếu trước tiểu, như ban đầu ở Vườn Nai, nhưng nay trước tiểu ý ấy có mười:

1- Vì dụng, cũng như trong Tịnh Danh trước vì chúng thường.

2- Vì phá chày của đệ tử ở trước, sau là cây chùy của Tịnh Danh.

3- Vì nhiếp, như trong thất của ngài Tịnh Danh trước vô thường.

4- Vì hội, trong Đại phẩm hội tông đều là Đại thừa.

5- Là khai, như trong Pháp Hoa quyết liễu các pháp.

6- Học giả, hiểu biết nội điển, ngoại điển lìa tà yểm sai lầm.

7- Là vì biết, biết Phật phương tiện không nên phá ngay.

8- Chỉ bày đời sau ngồi thiền nội chứng tà chánh không phân biệt.

9- Người Học, biết trong ngoài lời nói hành động thô lỗ.

10- Người Học, biết môn đại tiểu thành biên tập.

Nay y cứ tự hạnh dường như thiếu ba pháp ở trước, bao gồm lợi tha phải đủ mười ý, vì ý nầy nên phải lập môn khắp, nên dùng ý nầy gồm thông trên dưới.

Kế nhập giả phá khắp, ý văn đầu là đại bi lợi vật, cho nên Nhị thừa chỉ trụ ở không, chẳng thể từ không xuất giả lợi vật, phân biệt tiểu chánh nói xuất giả lợi vật, phân biệt tiểu chánh nói xuất giả ý như văn, khéo léo ở sau chỉ bày tướng giả quán. Giữa hư không trồng cây giống như tướng xuất giả, đã dùng đại bi làm lợi ích chúng sinh, nên ở trong sinh tử có phương tiện, như trồng cây giữa hư không biết bệnh biết thuốc. Trong Đại luận quyển hai mươi tám dẫn kinh Võng Minh Bồ-tát

nói: Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật, là Bồ-tát đã nói có năng giải, là được công đức lớn, vì sao Bồ-tát nầy cho đến được nghe tên kia, được lợi ích lớn, huống chi nghe pháp đã nói ư?

Bạch Đức Thế tôn! Như người trồng cây, không nương vào đất mà muốn khiến hoa trái, nhánh lá ấy thành trái hột, điều nầy khó có thể được, hành tướng các pháp cũng giống như vậy, không chấp tất cả mà được Bồ-đề. Nay cũng như vậy, Bồ-tát chứng không mà chẳng trụ không, có khả năng ở giữa hư không phân biệt thuốc bệnh, tuy biết không thật mà thường để lòng, từng mũi tên chống nhau.

Đại luận chép: Bồ-tát tuy thực hành các pháp chưa đủ Phật pháp nên không chấp chứng, không chấp chứng là nói chẳng trụ không, như Phật đã nói: Thí như người mặt bắn mũi tên lên hư không chống nhau không để rơi xuống đất, Đại Bồ-tát dùng tên Bát-nhã bắn ba không môn, sau dùng phương bắn tên Bát-nhã, không để rơi xuống đất Niết-bàn, tâm đại bi này vì lợi ích chúng sinh, đây là bổn ý nhập giả, nếu trụ ở sau ý kết.

Kế trong duyên nhập giả mới nói đồng thể buồn thương, lại y cứ xuất giả, thấy chúng sinh khổ đồng với khổ của mình, gọi là đồng thể, chẳng phải nói là duyên đồng thật thể. Nhớ bổn thệ, vốn làm lợi sinh sách phát khiến cho nhớ, nên dẫn người Nhị thừa để khích lệ ý chí trước. Người lợi trí, nên biết trụ không hữu, bỏ lỗi người mà không theo lỗi pháp. Khéo léo, đã xuất giả rồi mà không bị giả làm ô nhiễm, khiến trí giả ràng buộc mạnh. Tinh tấn, là thệ giữ vững bổn nguyện không để một niệm tưởng sợ sệt.

Kế dẫn ngài Tịnh Danh ba là an ủi dẫn dụ, đây là Đại sư phán, thích luận Trí Độ trong phẩm hỏi bệnh vì ba lần an ủi dẫn dụ, nói ba, cũng gọi là ba quán cũng gọi là ba giáo. Nói nhập không, là kinh ấy nói thân có các khổ, đây y cứ Thông giáo, cũng do ba tạng giúp thành ở thông, trong hai giáo thuộc về Bồ-tát. Người Nhị thừa không có bi nguyện làm sao ủy dụ. Ở trong văn ấy ban đầu y cứ theo quả, kế y cứ theo nhân.

Trong ban đầu y cứ theo quả là nói khổ ở sau bốn, nói thân vô thường là khác nhau với vô thường của phàm phu chấp, không nói nhàm lìa chẳng đồng với Nhị thừa tự cho đầy đủ đối với thân sinh nhàm chán, nói thân có khổ, không nói vui với Niết-bàn. Nói thân vô ngã mà nói dạy bảo chúng sinh, nói thân vắng lặng, không nói rốt ráo vắng lặng, đều như ban đầu giải thích.

Kế y cứ theo nhân, tức y cứ theo Tập đế, nói hối tội trước, Bồ-

tát vì người khác lý phải hối tội, người Nhị thừa trách với không đồng, phàm phu thuận theo tội không hối khác nhau hữu bộ chấp ở tội tánh từ hiện mà nhập lỗi, nên nói không nói nhập ở quá khứ, khiến các chúng sinh quán nhân quả nầy, đều là ba giả chung thuận nhập không. Ở sau trong văn nhập: Nay bệnh của ta phi chân phi hữu, bệnh của chúng sinh cũng phi chân phi hữu, văn nhập giả ở hư không trung gian, nên nói trung gian tức là nhập giả ủy dụ, cũng gọi là Biệt giáo ủy dụ, văn nhập giả ấy có năm ý đầy đủ, nên dẫn Biệt giáo chứng minh thứ lớp giả, văn ba quán ấy đều y cứ lợi tha, cho nên ba quán đều nói ủy dụ, nay nhập không tức thuộc về tự hành, tuy không dẫn ra mà ý kia vẫn đồng. Nói nhận giả có năm ý.

Trong kinh nói: Do bệnh của mình mà lo bệnh người, chứng minh trong văn nay đồng thể đại bi, v.v... tự bi bi tha. Ta xưa có hoặc sinh tử luân hồi cho nên khởi bi lợi loài hàm thức kia, nghĩa đồng thể đầy đủ như trước có giải thích. Nếu dùng văn chỉ thích đồng thể, thấy các chúng sinh thể tánh đồng với mình không khác thể tánh mười phương ta đã biết chúng sinh không biết, chẳng phải thệ mà thệ quán lợi mình bốn ý sau y theo đây nên biết.

Hỏi: Do bệnh mình lo bệnh người, tự đã bị bệnh làm sao có thể lợi tha, trước đã nhập không lại không nên có, như không kia do mình lo họ, nghĩa đó làm sao thông.

Đáp: Có hai ý:

1- Bốn trụ đã dứt còn có vô minh nên sinh niệm nói: Vô minh của ta cũng vậy, huống chi kiến tư của chúng sinh, do nhẹ lo nặng cho nên xuất giả.

2- Vô minh nhẹ, bốn trụ nặng, đâu được lấy nhẹ mà lo ở nặng, chỉ do khổ xưa thương nhớ nay nên ý thứ hai dẫn kinh nói: Phải biết đời trước khổ vô số kiếp.

Ý thứ hai: Như bố y đăng cực biết khổ vui của người, nhớ bốn hoằng thệ nguyện xưa làm lợi ích cho họ, nên ý thứ hai chánh đúng nghĩa nay, kế dẫn trong kinh nói: Phải nghĩ lợi ích chúng sinh, nhập không thì bỏ tha, nhân giả thì nghĩ họ.

Kế dẫn trong kinh nói: Nhớ tu phước nghĩ tịnh mạng, ở đây nói đủ hai nghiêm phước tuệ.

Phước là phước nghiêm, tịnh mạng là tuệ.

Nói tịnh mạng: Là không có tà năm tà, cho đến không thấy lý trung đều gọi là tà mạng, nên dùng tuệ nghiêm phán xét thuộc về tịnh mạng, đương niệm ở tuệ thì phước lợi sinh.

Kế dẫn trong kinh nói: Chớ sinh lo buồn v.v... là duyên khởi tâm mạnh mẽ. Nên như trong kinh nói Bồ-tát ở trong sinh tử mà có sức mạnh, nếu có lo buồn hoặc đọa hai đường, nên khuyên chớ lo mà thường khởi tinh tiến, nếu không có tinh tấn thì sinh lui sụt, từ không ở sau phân biệt, có pháp thì dụ hợp.

Trong pháp ban đầu nói lợi căn độn căn trụ không xuất giả, bốn câu khác nhau, dụ cho xen nhau nêu bày với văn pháp trước sau, trong pháp hai căn lợi độn, nhập không ở trước nhập giả ở sau, trong dụ cho nhập giả ở trước nhập không ở sau, lại pháp nói trong nhập không nhập giả, đều lợi trước độn sau, thí như trung nhập không lợi trước độn sau, nhập giả độn trước lợi sau, tùy văn nói tiện nên không có ý riêng. Lại pháp nói trung bèn dùng lợi căn đối với trụ không, mà năm việc phân biệt, lợi căn tức là lợi trí, trụ không tức chẳng có bốn việc, nên đem lợi căn để đối với bốn việc mà làm phân biệt, thiếu bốn việc, chưa hẳn độn căn, đủ bốn việc chưa hẳn lợi căn.

Kế dụ cho năng lực trong thân thì như lợi trí mạnh mẽ thí như tinh tấn, còn ba việc đều phải có tiến để nhiếp ba việc khác, cũng có thể mạnh mẽ bao gồm dụ cho bốn việc, để đối với thân lực, năm dụ cho đầy đủ, sao có thể có công, chỉ là độn căn Thinh văn năm việc đều không, làm sao có thể có công lợi tha. Nay trụ không ở sau hợp năm duyên, lại lặp lại có dụ cho ở đây thích hợp, văn đầu bao gồm nói: Trụ không xuất giả đều có hai thứ, đủ như pháp, thì dụ là dùng lợi trí đối với bốn việc mà nói.

Kế có năm duyên: Là giải thích câu thứ hai có năm việc đầy đủ, nếu đối với năm pháp trước thiếu không có thứ lớp, có thân thuộc như thiên tánh tức đồng thể, có y cứ lược là cốt yếu, tức là bổn thệ, có kế sách nói ỷ mưu kế tức khéo léo. Có sức nghĩa là mạnh mẽ tức lợi trí, có gánh vác cho là mạnh mẽ tức tinh tấn.

Kế nhập giả quán trung, nêu bày ba pháp, thiếu một không thể được, như trong Đại kinh hai mươi ba giải thích trong công đức thứ bảy chép: Này người thiện nam: Phật và Bồ-tát là thầy thuốc hay gọi là thiện tri thức, vì sao, biết bệnh biết thuốc, ứng bệnh cho thuốc, thì như thầy thuốc khéo làm tám món thuật, trước xem tướng bệnh sau cho thuốc. Trong Đại kinh dạy đạo chân vị, nên ở Thất địa. Nay nói về tợ vị nên ở Địa tiền, giải thích biết bệnh chặng giữa ban đầu nêu bày.

Kế giải thích, giải thích sơ căn bản, trước khởi kế dứt.

Ban đầu lại có ba.

1- Nói thấy căn bản

2- Từ đây trở xuống nói từ bổn khởi chấp.

3- Từ đây trở xuống khởi thành khổ tập, từ trên chìm đắm ở sau gọi là đọa trụy, thăng trầm lại xen nhau gọi là hồi, kết nghiệp thành tập đọa lạc là khổ, khổ tập lại xen nhau xoay vần vòng lửa ở sau nói dứt. Trước dụ cho, biết tâm ở sau hợp, biết khởi nhân duyên chặng giữa ban đầu nêu bày.

Kế giải thích chặng giữa trước dùng năng nói sở, đó gọi là tướng trong ngoài.

Kế chánh giải thích, kế giải thích tướng ngoài sản là dưỡng vậy, dục là gồm thâu. Chữ súc bộ thảo nên viết chữ Súc có bộ Hòa, nghĩa là chứa nhóm, là tán khí. Bần là không có phước đức, không có tài sản. Phú là phước. Trong Châu Lễ nói: Tài của đầy đủ là hình mạo, tướng bên trong là đầy đủ vĩ đại, cũng như Hốt Tươi bỏ ngôi vị, như trong các kinh bỏ quốc thành thê tử, và đời trước ở cõi nầy.

Như Trung Tử nói: Xưa gọi là đắc chí, chẳng phải là nghĩa của hiên ngang là ở thân chẳng là có trong tánh mạng, các vật đến nương nhờ mà không thể đi được, đi ấy cũng không thể dừng, cho nên không thể dùng hiên ngang buông lung ý kia. Phá nói: Trang Tử bác bỏ, người đời nay trang nghiêm há chẳng phải nay cũng như đến đi nương nhờ mà không thể đi, tuy tợ phân tích ý kia còn tạm tìm cầu, tìm cầu chưa khế hội phân tích trở lại tìm cầu, cùng Phụ Đảnh, v.v... cong thẳng khác nhau, cùng Hốt Tươi, v.v... phải trái cách nhau nhiều, lấy củi đánh cá tự vui, hái củi như Trịnh Hoằng, đánh cá như ngủ phủ, nầy thời an bần để tự xử. Đánh trâu không liên quan đến: Chẳng phải lý đến tìm cầu thành can. Phụ giúp vua gọi là tướng. Như Nịnh Thích đội Tề Hoàn Công, bèn ở bên thành trâu ăn, đến đêm tối gõ sừng trâu mà ca rằng:

"Bờ núi Nam có đá trắng sáng
Dưới là suối lạnh văn chương sáng
Có con cá chép dài nửa thước
Sống không gặp lửa ăn của Nghiêu và Thuấn
Quần áo vải thô đến cẳng chân
Từ sáng giữ trâu đến nửa đêm.
Đêm dài vằng vặc lúc nào sáng
Huỳnh độc huỳnh độc nêu bày quan
Lúc nào dùng ông làm Tướng quốc".

Tối Tề Hoàn Công nghe kêu vào làm tướng quốc.

Phụ đảnh: Là chỉ việc cầu lợi gọi là "yêu" cũng trái lại với Nghiêu xưa.

Y Doãn mời tướng thường đội đảnh mà bảo rằng: “Nếu sai ta làm tướng quốc, thì như đảnh gia vị?”. Đảnh: Trong văn nói: Ba chân hai quai là đồ báo của năm gia vị.

Trong sách Nhĩ Nhã nói: Tuyệt đại gọi là “nãi”, trong sách Hán Thư Giao Tự Chí nói: Xưa Thái Hạo nói dựng một đảnh tượng trưng một thông, Huỳnh Đế làm ba đảnh tượng trưng ba tài. Hạ võ làm chín đảnh tượng trưng cho chín châu, nên Y Doãn đảnh đội nhà Thương.

Thái Tông cũng dùng mưu kế mà đợi Văn Vương. Chuyên văn chuyên võ, v.v...: Thị hiếu khác nhau, thường là hiền lương xưa riêng về thị hiếu chẳng phải một, văn võ nên biết. Như trong kinh Ni-Càn chép: Hắc Vương Tử nhiều ganh ghét, có Vương tử Thắng Tiên vì tánh ưa giết nhiều, có Vương Tử Vô Úy đại bi thái quá, có Bà-tẩu Thiên tử hành sự quá chậm, có Thiên vương tử lả lơi đùa giỡn, vua Ba-tư-nặc vì tánh tham ăn, có Vương Tử Nghiêm Xí vì tánh bạo ngược.

Nghiêm Xí hỏi Ni-càn-tử rằng: Có ai không có lỗi hay chăng?

Đáp: ở đây có Phật là người không có lỗi, Bồ-tát xuất giả cần phải tu tiệm, để biết bịnh chúng sinh khác nhau, lập ra thuốc để trị bệnh, như đây ở sau kết ý, như văn, thì như văn có xa gần, biết trong trùng số có nhiều bổn văn khác nhau, nhưng y toán pháp mà hợp lại, nên biết trong văn, có hợp số, có đối căn bản số hợp, tìm xem nên biết.

Phái: Là dòng nước khác nhau, như dòng nước lớn có dòng nước nhỏ, nay cũng như vậy, kiến tư trùng số nầy, mỗi văn đều có các chỉ quán tín pháp, chánh là xuất giả sáu mươi bốn lần, nhưng văn còn lược không giúp nhau, trong tướng bệnh hết khổ tập.

Nói kia đây: Là do có trông mong không cho đến không nói.

Nói sâu cạn, v.v...: Từ hữu cho đến phi hữu phi vô là đơn phức cho đến bặt lời.

Nói nặng nhẹ: Là đối với mỗi kiến đều có nặng nhẹ, lại trong các kiến nặng đều do năng trị trị sở trị, sở trị chưa phá, pháp phá chưa hết có các kiến nặng sinh, lại nhập không ở sau làm thành nhập giả phương tiện.

Ban đầu chánh chỉ bày: Nói làm tu thì rõ, là do ban đầu có phương tiện và kiến tư đã phá. Ở sau các ý nêu bày như.

Người Nhị thừa ở sau bác bỏ tiểu, mà Bồ-tát ở sau quán thành phá biến, biết bệnh tư chặng giữa ban đầu nêu bày, giải thích trùng số chặng giữa ban đầu chánh giải thích.

Kế nêu rộng so sánh lược, ba y cứ nêu bày đều như văn, nầy duyên một đế. Chữ đế phải từ nơi nói, bốn mươi dặm nước là bốn đế hạ hoặc,

dứt tư chỉ gặp duyên một chân đế, hoặc trong bốn đế tùy duyên một đế, như mười dăm nước, nên gọi là một đế, chữ giả nên tùy theo nước, nên trong Đại kinh nói Tu-đà-hoàn đã dứt như bốn mươi dặm nước, còn bao nhiêu ngại như đầu sợi lông. Tư hoặc tuy nhiều mà chẳng khởi khắp.

Nhị thừa nhập thẳng, v.v... là kế nói phương tiện nhập giả, đều phải trước dụ phân biệt, để xuất giả phương tiện, các giáo đều như vậy, nhưng cốt yếu trông mong khắc quả, dài ngắn khác nhau, mà phân giáo khác, như đây tập đâu đồng với tập pháp tướng, nên trước gồm biết, sau quán giúp phát, riêng tu đều có phương pháp, tu quán kết thành, đối với pháp dùng chung chỉ quán nghiên cứu, so sánh lại tục đế Hằng sa Tam-muội sự tu đều khác nhau, tu tập như thế giúp khai pháp nhãn đâu cùng giúp thuận hoặc đời trước nếu tùy theo hiện tình, độc sách Xuân Thu tụng Tả Truyện, suốt ngày tâm dạo ở chiến trận miệng diễn âm mưu, nói trợ Phật pháp là xa.

Lại như trong hướng thuyết vẫn thuận giáo đạo, nếu theo thật nghĩa lược dự biết nầy, nhưng chuyên về Tam-muội đến thanh tịnh sáu căn, thì thấy nghe khắp ba ngàn sắc thanh, muốn nói một kệ không thể cùng tận, huống chi đến Sở Trụ phát không thể nghĩ bàn, trên thì kiến tư dưới thì kết khuyến, năm bộ chẳng thể không để lòng, khuyên khiến dự làm giúp nhân pháp nhãn, nêu biết năm bộ dùng làm so sánh ví dụ, nói năm bộ: Như kinh Di Giáo Tam-muội, nhân La-tuần dụ Tỳ-kheo khất thực không được Phật sai chia cho Tăng năm bộ để suy nghiệm phước của tăng, đồng tên sau khi Phật diệt độ, việc ấy thì khác nhau.

1- Bộ Đàm Vô Đức pháp tên là bốn Phần
2- Bộ Tát-bà-đa pháp tên là Thập Tụng
3- Bộ Sa-di Bít pháp tên là năm Phần
4- Bộ Bà-thô-phú-la luật vốn chưa truyền đến
5- Bộ Ca-diếp-di pháp tên là Giải thoát.

Tăng-kỳ là bộ căn bản, phản xuất năm bộ trước năm bộ như vậy tu tập ở trong tâm, há để vào hông ngực, Tập Chỉ Quán, cũng giống như vậy, rộng tu tập các câu làm lý do khai phát không thể nghĩ bàn đối với lý cùng rõ đối với trí càng hiển bày.

Kế nói biết thuốc pháp. Trong kinh Lăng-già cũng nói: Trí có ba thứ, thứ năm lại nói, năm độ có ba, đều nói thế gian cho đến thượng thượng, nhưng kinh ấy phân thuộc về ba người. Trong Đại Phẩm nói hộp cơ cho thuốc, tức như ở văn sau trao thuốc, tông nầy khiến tu tập ở trong tâm, nên có khác với hai kinh.

Ban đầu nói: Trong thuốc pháp thế gian.

Ban đầu dẫn trong Đại luận.

Kế dẫn trong Đại kinh Kim Quang Minh, đều nói thế pháp, tức pháp xuất thế, nhưng hai kinh nói đồng mà có hiển mật, Đại kinh ở sau Pháp Hoa, đã khai quyền rồi, cho nên hiển nói. Trong Kim Quang Minh chỉ nói thế gian đều nhân kinh nầy, nầy chính mật chỉ bày. Lại trong Đại kinh tuy nói là Phật nói nhưng không nói sở thuyết tức là diệu lý hiển thầm tuy vậy ý thuận theo thứ lớp, vả lại dẫn văn làm chứng thế pháp là thuốc, cũng là trị thế bệnh của chúng sinh, dùng làm thềm thang xuất thế, biết rõ thế pháp tức pháp xuất thế, trong mỗi thế pháp không đâu không vì muốn cho chúng sinh xuất thế, lấy năm giới làm pháp xuất thế, do Phật xuất thế mới chế giới nầy. Thế tức xuất thế, nên dẫn năm hành năm thường và mười pháp lành, tức là năm giới.

Hỏi: Trong biết bệnh chỉ nói kiến tư mà không nói bệnh trần sa vô minh.

Kế biết trong thuốc, vì sao nói xuất thế và xuất thế thượng thượng pháp ư? Thuốc pháp thượng thượng nên trị bệnh trần sa vô minh vì sao thuốc và bệnh không đối đãi nhau.

Đáp: Nói chung thuốc và bệnh nên đã hỏi, nay nói biết bệnh biết thuốc và cách trao thuốc, đều là Bồ-tát từ không xuất giả, phá hoặc trần sa, phải biết khắp thế pháp đồng có ba, cho nên ở đây Bồ-tát khi mới nhập không, trước dùng một môn phá bệnh kiến tư, sau khi xuất giả trước cũng phân biệt kiến tư của chúng sinh, khiến họ trước phá, phá rồi cũng giúp họ rộng tu thuốc pháp, trị bệnh vô minh, nên bệnh vô minh chẳng phải chánh ý nhập giả, nếu chúng sinh có chỗ phải dùng thuốc pháp thượng thượng, cũng nên vì họ nói pháp thượng thượng, ở đây khiến tu giả trung hai thứ pháp quán, Trung đạo cũng thuộc về quán giả.

Nói ngã thường tợ như năm giới, như trong kinh có Trưởng giả hỏi Phật, vì sao chỉ có năm giới không nói bốn và sáu.

Phật nói: chỉ nói năm là căn bản nhất trong trời đất. Ban đầu là đầu tiên của thần khí, do biết trời đất chế ngự âm dương thành tựu muôn vật linh hồn chúng sinh, trời chủ trì hòa âm dương, địa chủ trì sinh muôn vật, người chủ trì năm tạng. Tổ của thần muôn vật của trời đất, cho nên chỉ có năm.

Lại nói: Năm giới sở trì, khiến thành năm thể đương lai, thuận theo pháp ngụ thường năm đức. Sát sinh trái với nhân từ, trộm cắp trái với nhân nghĩa, dâm loạn trái với lễ nghĩa, tửu điếm trái với trí tuệ nói dối trái với tin trọng.

Thương xét không giết gọi là nhân, thanh liêm không trộm gọi

là nghĩa, phòng hại không dâm gọi là lễ, giữ tâm ngăn rượu gọi là trí, không nói lời phi pháp gọi là tín, năm pháp nầy chẳng thể không làm theo thứ lớp mà thiếu, không thể trong chốc lát mà phế bỏ, quân tử vâng giữ để lập thân, dụng không tạm ẩn, nên nói năm giới, lại nói: Lỗi không giết ở trong hai nghi, không trộm như Thái tổ không tà hạnh như hư không, không nói dối như bốn mùa.

Lại Năm hành tợ năm giới: Là lược dùng Bạch hổ thông bát vật chí ý, để hội giải thích tướng ấy, mộc chủ phương Đông, phương Đông chủ can, can chủ nhãn, nhãn chủ xuân, xuân chủ sinh, sinh tồn thì mộc an, nên nói không sát để phòng mộc, kim chủ phương Tây, phương Tây chủ phế, phế chủ tỷ, tỷ chủ thủ, thu chủ thâu thâu tạng thì kim an, nên không trộm để phòng kim. Thủy chủ phương Bắc, phương Bắc chủ thận, thận chủ nhĩ, nhĩ chủ đông, dâm thạnh thì thủy tăng, nên không dâm để cầm thủy, thổ chủ trung ương, trung ương chủ tỳ, tỳ chủ thân, thổ chủ bốn mùa, nên nói trong kinh nói: Không nói dối như bốn thứ, thân biến bốn căn, nói dối cũng vậy, khắp ở các căn trái tâm thuyết, hỏa chủ phương Nam, phương Nam chủ tâm, tâm chủ thiệt, thiệt chủ hạ, rượu loạn thêm hỏa, nên không uống rượu để ngăn hỏa. Năm kinh giống ngũ giới: Đã lược như trước có giải thích. Trong đây khai lễ nhạc làm hai, không nói xuân thu, lại cùng đề vị đối với nghĩa hơi khác, do tên năm hành cùng tên năm kinh khác nhau, nên khiến cho như.

Trong Lễ Nhạc nói: Tức là nhân cúng tế mà dùng, chẳng phải nói uống thường, chẳng phải cúng tế mà uống cũng trái với lễ nghi ở đời, huống chi là Phật chế.

Xưa chế Lễ nhạc để ngăn dâm loạn, nay tập quán nước Trịnh, nước Vệ lại tăng thêm tà trược, nên nhạc khí xưa chỉ thổi quả bầu, gõ phẫu gõ khánh chuông chung mà thôi, nên Nguỵ Văn Hầu hỏi Tử Hạ rằng: Ta trang nghiêm mà nghe nhạc xưa thì chỉ sợ nằm, nghe âm thanh của nước Trịnh nước Vệ thì không biết mỏi mệt.

Xin hỏi: Nhạc xưa ở các nước như thế nào? Nhạc tân ở nước nầy như thế nào?

Tử Hạ nói: Nói về nhạc xưa là vua Thỉ Tần dùng văn lại loạn dùng võ, tu thân tề gia binh thiên hạ, nên ở đây phát nhạc xưa.

Nói về Nhạc Tân: Ưu tạp tử nữ không biết cha con, đây là phát ra nhạc tân.

Nói về nhạc thì trời đất thuận theo bốn thời, dận có đức mà ngũ cốc được hưng thạnh, tật bệnh không khởi, chẳng có yêu quái, được an lành, nên nói nhạc dùng để phòng dâm, trong kinh Thư nói phòng sát

hại: Nghĩa là mao thư thứ thượng chuyên phòng bạo sát, nghĩa là thượng dùng phong hóa hạ, hạ dùng phong thứ thượng.

Thượng thư phòng trộm: Là chuyên nói về đức của Đế Vương nghĩa nhượng, nên phòng về trộm, dễ dàng so lường với âm dương. Như Khổng Tử có ba bị bốc kinh, biết thiên văn, trong đó biết việc người, hạ biết địa lý, sai khiến dối gạt không vâng làm, như vậy ở sau kết khuyên. Nhập giả ở sau chỉ bày pháp quán sở tu. Muốn biết các pháp nầy, như hướng sở đối chưa thành khéo tu, nếu chung rõ quán dùng năng lực Tam-muội, biết thân nầy đủ giống như trời đất, biết đầu tròn giống trời, chân vuông giống đất, không chủng trong thân tức là hư không. Đại tiết có mười hai pháp mười hai tháng, tiểu tiết có ba trăm sáu mười pháp, ba trăm sáu mươi ngày, pháp mũi thở ra vào gió trong núi đầm khe hang, pháp hơi miệng ra vào, gió giữa hư không, nhãn pháp nhật nguyệt, cách mở đóng ngày đêm, pháp tóc như ngôi sao, pháp lông mi như Bắc đẩu, pháp mạnh như sông suối, pháp cốt như ngọc thạch, pháp nhục như địa thở, pháp mao như tòng lâm. Năm tạng ở pháp trời, năm sao ở pháp địa, năm nhạc ở pháp âm dương có năm hành, ở pháp thế có năm thường, ở pháp nội có năm thần, pháp tu hành có năm đức, pháp trị tội có năm hình phạt, nghĩa là Hắc nhị phí Quan đại tịch, chủ lãnh làm năm quan, năm quan như ở sau quyển tám dẫn trong Bác vật chí, nghĩa là câu mang, v.v...

Thăng Thiên nói: Năm mây hóa thành năm rồng, tâm vì Chu Ty cứ, thân vì Huyền Võ, gan vì Thanh Long, phế thành Bạch hổ, tỳ vì câu trần.

Lại nói: Năm âm năm minh lục nghệ đều từ đây khởi. Cũng lại phải biết pháp nội trị, giác trong tâm là trong Đại vương của bạch tụng, xuất thành ngũ quan thị vệ, phế làm tư mã, can làm tư đồ, tỳ làm tư không, tứ chi làm con dân, tả làm tư mạng, hữu làm tư lục, chủ tư nhân mạng, cho đến tế (rốn) làm Thái nhất quân, v.v... Trong thiền môn nói rộng tướng ấy, đại bi ở sau nói nhãn trí khai phát, nhưng thế ở sau kế phán xét sâu cạn.

Nói lậu khí, v.v...: Là pháp thiền như nước, tâm tánh như khí, tâm hạnh như lậu, thế thiền như thái y, tâm hạnh như vũ vũ, thối thất như sắc thoát.

Kế biết thuốc pháp xuất thế.

Ban đầu nêu bày chung các pháp, ý chung hai giáo.

Kế lại như ở sau y cứ lược tăng thêm số, đủ như trong huyền văn y cứ số tăng số, hai giáo số trước, tức là tướng ấy, nay văn không y cứ

giáo, chỉ có thông suốt dùng giáo phán xét lại đồng với y cứ giáo, trong đây trời người cũng thuộc về Ba tạng. Như tăng thêm một trong đó cũng thêm số nói giáo trời người, nay lại không nói, mà nay thêm số khắp giáo Đại Tiểu. Lại như trong Tăng Nhất A-hàm có bài kệ nói:

"Do phương tiện nầy rõ một pháp".

2- Từ hai pháp

3- Từ ba pháp

4- Năm, sáu, bảy, tám, chín, mười.

Pháp mười một chẳng đâu mà không rõ, từ một tăng một đến các pháp, nghĩa phong tuệ phúc không thể hết, mỗi pháp khế hợp với nghĩa kinh cũng sâu xa, cho nên gọi là "Tăng Nhất A-Hàm" ba tạng giáo hóa không khác nhau, cho đến tất cả kinh luận Đại thừa, cũng từ một pháp tăng đến vô lượng, lại như trong Đại kinh có hai mươi văn, cũng từ hai pháp cho đến mười pháp, là mỗi ởsau nói ý tập thuốc pháp, vì muốn ở sau phá hoặc kết thành.

Kế thuốc pháp xuất thế thượng thượng trong đó có pháp thí hợp.

Ban đầu nói pháp, trong đó y cứ tăng số, vì muốn nhiếp khắp, trong mỗi số, tuy đến vô lượng, gồm nhiếp hạnh cốt yếu không qua hai pháp, như tức hành nhân nếu có thể gồm biết mười lớp hai pháp thì chung không thiếu, mới có thể nói đạo, nghĩa là chân tục, giáo hạnh, tín pháp, thừa giới, phước tuệ, quyền thật, trí đoạn, định tuệ, bi trí và chánh trợ, mười pháp nầy thiếu một không được, do nhiếp hết tất cả tăng số, nên suy nghĩ kỹ dùng làm hành tướng. Nhưng thuốc pháp gặp văn tướng danh mục, tuy cùng thuốc pháp xuất thế mà danh đồng. Giải thích nghĩa đều phải quy về Viên Biệt, như các văn Bốn niệm xứ sáu niệm, văn tướng tự hiển bày, còn các văn tên cũng bao gồm, như các văn tám chánh, chín tưởng, mười trí v.v... không thể tạm trái với thâm giáo. Như trong chín tưởng tức do bốn kiến làm ô uế ấm v.v... như vậy bốn kiến phàm phu gọi là Tịnh, đắc quán mà biến nên gọi là bất tịnh, cho đến xương trắng, tức là kiến chân, tiến đến tưởng thiêu thật tướng vô tướng, trước sau đã như vậy trung gian so sánh nói, mười trí cũng vậy, ắt không thể y theo mười trí Tiểu thừa, mà tiêu văn nầy, thí như ở sau dụ cho biết tướng thuốc pháp, ban đầu chung dụ cho tăng số, vì bệnh dùng thuộc nên có thêm bớt. Lại thế xuất thế không đâu mà không vì trị bệnh kiến tư, nên nói gần mà ý xa, nhập giả ở sau đúng như văn, lại như ở sau dụ cho riêng.

Ban đầu dụ cho nương kinh Phật để rõ thuốc pháp. Da thịt chất nước trái cây như thứ lớp để đối với bốn tất-đàn, gốc cộng nhánh lá như

thứ lớp để đối với tín giới định tuệ, núi sông đất bằng dụ cho bốn môn, vì trong bốn môn đều có bốn môn tất và tín v.v... thổ địa bốn phương dụ cho bốn giáo, trong mỗi giáo đều có bốn môn, như mỗi phương đều có núi, nói rõ khô y cứ, dụ cho chung bốn giáo đều có quyền thật chân tục định bất định, v.v... Có định như đốn tiệm, bí mật như bí mật bất định.

Lại Bồ-tát nhập giả dùng chánh giáo của Phật đối với định bất định dùng cùng khác nhau, dùng mầm để bẻ dùng gốc để đào, dùng quyền làm mầm dùng thật làm gốc, gốc mầm đều có khô y cứ khác nhau, dụng chân như khô dụng tục như ướt. Lại biết ở sau rõ dụng dược đối trị khác nhau, khéo biết trao pháp hợp thời không sai, Bồ-tát nhập giả tuy chưa thể khởi chân bí mật hóa, trong vị tương tự cũng có nghĩa phần tợ bí mật, như quyển nhất nói hoặc được hoặc không được, v.v... Bồ-tát nhập giả ở sau hợp trung, nhưng hợp với bốn tất, bốn tất ở ban đầu khắp vào các giáo, nêu ban đầu nhiếp ở sau đều ở trong tất, nên ở sau tin, v.v... lược mà không thích hợp, muốn trị ở sau nói thể thuốc pháp khắp đại y là riêng vị xuất giả, tức mười hạnh. Lại như đại kế ở sau dụ cho khai quyền tức thuốc pháp sở y của Bồ-tát, y vào nơi mặt đất, vì tùy theo bệnh, nên có thêm bớt, địa không có phân biệt mà dùng dược khác nhau, thuốc pháp ở sau hợp, văn tợ ở một thuyết hay nhiều, chánh đáng ở nhiều khế hội một. Sao khi chưa khai quyền không nói nhiều và một, quán hợp đại địa, dứt hợp đại hà, lại như ở sau lại do bốn đế dụ cho, chỉ quán đã khai không nêu ra bốn đế, cho đến từ trước đến nay thế và xuất thế đến thượng thượng v.v... không ngoài bốn đế, nên mỗi đế đều nói các thứ. Thang ẩm v.v... lại dụ cho bốn đế lập trị khác nhau, mỗi bốn đế đều có định tuệ, tức là chỉ quán, định tuệ là đạo, nêu đạo liền biết đầy đủ bốn đế, nghĩa là tuệ thang định ẩm, trong sinh diệt có hai, tuệ thổ định trở xuống, trong vô sinh có hai, định viêm tuệ châm. Trong vô lượng có hai, định hoàn tuệ tán. Trong vô tác có hai, phải dùng ý giáo giải thích, nhập giả ở sau hợp, trong cái hợp trước hợp bốn đế, khổ tập khác nhau tập đế. Tập của khổ gia gọi là khổ tập, khổ quả khác nhau tức khổ đế, đạo diệt như văn, các thứ ở sau hợp bốn chỉ quán đủ bốn bốn đế, lập trị khác nhau nên nói các thứ.

Lại nữa, ở sau Bồ-tát xuất giả soạn luận thông kinh, trước dụ cho.

Kế hợp, trong dụ cho trước gồm nêu dụ cho, vì sao trở xuống là giải thích.

Văn đầu nói: Thần nông, là y dược thời Huỳnh Đế, sau tuy có diệu y đều ở thần nông.

Hoa tha là: Trong Liệt Tuyện chép: Tự văn hóa, người Tiểu nước Bái, chuyên du học nêu cao hiếu kinh liêm sỉ, tránh mà không đến, hiểu thuật dưỡng sinh, người đương thời đến năm ấy lại trăm năm, giống như hai mươi, tinh chế phương thuốc, tâm hiểu phân ra tiêu lượng, không cần cân lường, nếu bớt thuốc không kịp thì uống mè nóng, chốc lát như say mổ bụng lấy chỗ bệnh, nếu còn trong ruột thì lại cắt ruột rửa sạch may ruột lại thoa dầu hai ba ngày thì bình phục trở lại. Đây ví dụ rất nhiều. Biển Thước: Ở sau có nói: Là thầy thuốc nước Việt nhân qua nước Tề gặp Hoàn Hầu nói: "Vua bị bệnh trên thớ thịt".

Hoàn hầu nói: "Quả nhân không bị bệnh, vì sao? Muốn trị không bệnh làm công.

Năm ngày sau gặp vua nói: "Vua bị bệnh ở huyết mạch".

Năm ngày sau gặp lại nói: Vua bị bệnh ở ruột và dạ dày. Năm ngày sau Biển Thước lui về. Hoàn Hầu sai người theo hỏi lý do.

Biển Thước nói: Bệnh trên thớ thịt có thể là thuốc sao nóng, ở huyết mạch có thể là châm cứu, ở ruột và dạ dạy có thể là rượu thuốc. Qua mấy chỗ nầy sau đó ở cốt tủy, mạng Ngài không thể trị kịp.

Thần Nông như Phật. Hoa tha, v.v... như Bồ-tát xuất giả, y kinh soạn luận gọi là tác phương.

Kế giải thích trong hương thổ v.v... là các nơi không đồng, lập thuốc cũng khác, tợ như trung biên căn cơ thấy đều khác, ở phương Tây thì Đại thừa Tiểu thừa hạn cuộc ở các bộ, cõi nầy thì tu tập dung thông lẫn nhau, lấy Tiểu thừa giúp Đại thừa, việc làm không ngăn trệ mà chơi thuận hòa nghi. Có người khỏe mạnh, v.v... là lợi căn độn căn, các nơi đều có lợi độn, khỏe bệnh, ăn vì bệnh duyên cho nên chua lạt đến khác, lợi căn độn căn do bệnh đều có khác.

Như trong Đại kinh nói: Hoặc do hiểu nghĩa mà sinh kiêu mạn, hoặc do đọc tụng mà sinh kiêu mạn, quý tánh nhan mạo, ăn uống lợi dưỡng, ở chỗ bạn mới, sinh kiêu mạn khác nhau, sinh kiêu mạn đã như vậy, các hoặc cũng vậy, thuốc có nặng nhẹ: La đốn tiệm, trong tiệm viên đậm ba lạt, cũng có thể lần lượt thay nhau thành đậm lạt. Bệnh có nặng nhẹ.

Một tham một sân đều có dày mỏng, vì quá khứ hiện tại duyên tập khác nhau, trong đây đều giải thích ý soạn luận. Đức Phật đầu tiên nêu ra hợp thần nông, đời sau hợp hoa tha v.v... Giải thích luận ở sau dẫn chứng ý soạn luận. Bồ-tát ở sau nói thỉnh Phật thêm ý, làm thành pháp nhãn đại bi lợi vật.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 6
(PHẦN 3)

Trong ba lần trao thuốc, cũng trước gồm nêu thuốc và bệnh, chúng sinh ở sau nói riêng trao thuốc, trước nói trao thuốc thế pháp như Khổng Khâu, v.v... Họ Khổng tên Khâu tự Trọng Ni, Châu Công là họ tên Đáng. Trước lễ nhạc theo chân đạo sau khai mở, lại nương đất nầy đầu tiên giáo hóa. Ta sai ba Thánh cũng nói là Chấn Đán, đủ như trước đã nói.

Trong kinh Thanh Tịnh Pháp Hạnh chép: Bồ-tát Nguyệt Quang khen ngợi Nhan Hội, Bồ-tát Quang Tịnh khen Trọng Ni, Bồ-tát Ca-diếp khen ngợi Lão Tử, Thiên-trúc là chỉ Chấn Đán nầy thành ở kia, y theo các mục lục, du suy theo kinh nầy dùng làm nghi ngại, văn nghĩa đã chánh hoặc là mất tên người dịch, cho đến nay đã dẫn kinh Tượng Pháp Quyết Nghi các ý diệu thắng định cũng như vậy, như sau khi nhập Niết-bàn phân bổn ở mục giả, đến Đại Đường khắc định mới nhập vào chánh kinh há cho là người bấy giờ chưa quyết tiện xếp vào ngụy giả.

Đại sư thân chứng vi ban đầu nương không nên dùng lầm.

Kế là trao trong xuất thế.

Ban đầu nói chung tùy theo căn cơ trao thuốc, là cùng thuốc pháp thượng thượng hợp nói, tuy hợp hai văn mà vẫn lìa bốn giáo, nên biết dùng Tạng thông mà làm thuốc pháp xuất thế, Biệt Viên dùng làm thuốc pháp thượng thượng, nên tiêu văn trước phải dùng bốn giáo mười sáu môn, mỗi môn có bốn tất, nếu không thế thì dùng cái gì trao cho người?

Kế nói trong biệt do bốn giáo giúp nhau, tên hạ trung thượng thượng, như trong Đại kinh bốn người quán nhân duyên trí, ở trong một căn đều đủ bốn nghĩa, chỉ là bốn tất.

Ban đầu trong ba tạng.

Trước nói kinh Phật, tuy là ở sau nói luận Bồ-tát đều có nêu thích kết, còn ba căn y theo đây nên biết. Trong luận Bồ-tát, thích nghe tức thế giới, sinh thiện tức là người, phá trược là đối trị, kiến chân là nghĩa đệ nhất, ba giáo sau y theo đây nên biết. Ở sau bỏ văn lược chỉ có hai đoạn, trước nói bốn tất, tức là kinh Phật.

Kế nói bốn môn tức là luận.

Dù không nêu bày riêng một luận, hoặc bao gồm hoặc đầy đủ, so sánh nên biết. Nếu nhập ở sau là nói chung trao thuốc phải đúng nghi.

Pháp ban đầu nói nghiệp mười sáu đạo diệt, trị mười sáu khổ tập. Trong mỗi môn nói bốn tất, so mười sáu môn có bổn kinh của Phật, Bồ-tát xuất giả lại ở trong bốn môn, đều nêu bày ý Phật để làm lợi người khác, tức là chánh ý của giả trí.

Nói tùy theo thứ âm thanh ấy v.v... Lại do xuất giả hợp cơ khéo nói gọi là diệu âm, chẳng phải nói một âm pháp thân hiểu khác, cho đến một mây cũng giống như vậy. Nếu từ ý văn thì diệu ích, diệu ích nầy còn ở văn sau trong lợi ích có nói rõ, cho nên văn nầy từ dọc mà nói, như một này ở sau mây hiện thân, mưa nói pháp, trời mưa không có riêng tư mà bẩm thọ có khác, ba cỏ hai cây đều được lợi ích khác nhau, tùy theo thấy nghe kia chẳng ai không mong được lợi ích, nên nói là sinh trưởng, nên biết trong đây nếu hoàn toàn không bao gồm nguyên ý của văn, thì làm sao vị thứ lớp xuất giả, liền trao cho họ bốn môn Viên giáo.

Kế nói vị nhập giả: Trong giải thích ở trước nói ý vị. Nếu chuyên dùng ba giáo trước ở sau căn phá vị giả, thì khiến phàm phu tự dứt bờ mé, lúc nhập không trước kiến sau tư vị hạnh dài xa. Như bảy lần sinh tư hết, nếu một phen qua lại, cho đến như trên phá kiến phá tư trùng số vô lượng, thì vị nhập còn không thể đến, huống chi nhập giả, nên nói lần lượt xa xôi, vì thế phải biết các giáo để rõ vị, quyền vị hạ căn nhập giả chưa trông mong, thật vị thượng căn một đời sẽ được, một tư một kiến còn tức pháp giới, huống chi là xuất giả. Nhai là bờ.

Trong sách Nhĩ Nhã nói là thủy tân, lại nói: Bờ trùng lặp gọi là ngạn, nay ngay ở sau chánh giải thích. Ban đầu nói ba tạng, ở chặng giữa trước là Nhị thừa.

Kế là Bồ-tát, đầu tiên nghe pháp trước, như văn, thí như v.v... là dụ cho người Nhị thừa nên trong phẩm Sư Tử Hống trong Đại kinh quyển hai mươi sáu, bắt bẻ rằng: Nếu chúng sinh có Phật tánh, vì sao có lui hay không lui ư? Đức Phật dùng dụ để đáp, thí như hai người đều nghe ở phương khác có núi bảy báu, núi có suối trong, vị ấy ngon ngọt,

nếu có ai đến thì sẽ mãi dứt được nghèo khổ, uống nước ấy thêm lợi ích sống lâu, nhưng đường đi thì nguy hiểm khó khăn. Hai người ấy một người thì trang nghiêm, một người thì Không Vãng, trên đường gặp một người ôm nhiều của báu, hai người lại hỏi: Nơi ấy có núi bảy báu phải không?

Người ấy đáp: "Thật có", hai người nói "ta đã được rồi, chỉ có lo đường nhiều nguy hiểm có giặc trộm, sỏi sạn gai gốc thiếu ở nước cơ, đến thì ngàn muôn con đường rất ít, nghe việc nầy rồi có một người hối hận, có một người lại nói: Có người đến được ta cũng đến được như họ, không đến để chết vì trông mong ở chỗ ấy được nhiều như nguyện uống nước, của báu nhiều lại có chỗ dừng nghỉ, như cúng dường cha mẹ cung cấp cho bà con dòng họ, lúc bấy giờ hối hận trả lại thấy tâm kia nóng họ thông suốt rồi trở lại với ta làm sao thành ở lại đi đường, hành nhân ở sau hợp, núi Niết-bàn có nước Phật tánh.

Hai người, như hai hạnh Bồ-tát thực hành khác nhau, sinh tử như nguy hiểm, gặp người như Phật, giặc như bốn ma, các như phiền não, thiếu ở có nước như không tu đạo, lại dụ lui sụt, vãng dụ cho không lui sụt, thối là người Nhị thừa nầy, thối Đại rồi sau về Vườn Nai chấp Tiểu, đến trong Bồ-tát thấy các việc của Bồ-tát không thể nghĩ bàn đều phải gào khóc tiếng rung chuyển cõi Tam thiên. Ở Đại thừa nầy rồi như hạt giống hư, đến pháp mới sinh lo lắng hối hận, hối mà không đối với hối trước không đợi ở sau, bỗng nhiên chấp chứng nay mới được nghe nếu y theo nghĩa nầy thì Pháp Hoa về trước không có việc xuất giả, nhưng đối với nghĩa Bát-nhã mà dường như xuất giả.

Kế nói trong hàng Bồ-tát, nói tâm lại một phen chuyển, là không đợi trải qua tóa tịch của Tiệm giáo, bổn tập huân tức năng tu tập.

Kế nói Thông giáo phá kiến giải của họ nói là một thuyết, ở trong các kinh có một thuyết nầy tùy theo căn cơ, chưa thể thông khắp các ý, cho nên thiên chấp, nhưng Phật ở sau chánh giải thích.

Người Nhị thừa độn căn Bồ-tát, đến kinh Pháp Hoa mới khai nhập thật, nhập thật rồi sau mới vận đại bi, gọi là Xuất giả. Nếu không đến tòa tịch Pháp Hoa, người như vậy phần nhiều chấp diệt độ, Duy thức sở chấp tức dòng ấy, mà ở cõi ấy cầu trí tuệ Phật, thì chẳng phải chỗ giải thích của luận ấy. Nếu lại có người cho rằng: Pháp Hoa nầy riêng giúp hàng căn, phán xét thành Tiệm giáo. Nếu vậy Pháp Hoa Huyền Văn giải thích trong dụng rằng: Tích môn là sinh thân, chưa nhập là nhập, bèn là hai thân sinh pháp đã nhập là tiến, bổn môn chánh là sinh pháp, hai thân đã nhập là tiền, bên là sinh thân chưa nhập. "Lại bổn môn tăng

đạo tổn sinh ở sau, có tám thế giới vi trần số người, đầu tiên mới phát tâm, đã chưa dạo tiệm, đây là là người đốn, há từ số ngàn Nhị thừa và độn Bồ-tát, mà phán Diệu giáo, huống chi lại hai môn càng được số bội ở các kinh, sao không tìm bổn văn của kinh, ngay thẳng bỏ phương tiện, chỉ nói đạo Vô thượng, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói, nay phải nói thứ hai, không nghe kinh nầy không gọi là hạnh lành, khai môn phương tiện chỉ bày tướng chân thật, đồng ban cho các con mỗi người một xe lớn, cỏ cây đều y theo mỗi nơi một trận mưa, các văn như vậy không thể nói đủ, sao không nương đây làm Đốn giáo ư? Nếu hàng Thất địa ở sau dẫn trong kinh phân tích người hạ căn, trong Đại Phẩm quở trách cần gì phải tư hết mới xuất giả, tư hết tức đồng với đệ Thật địa, nên dẫn trong Đại Phẩm, nếu nhập Thật địa rồi rơi vào người Nhị thừa, cho nên bị Chư Phật Bồ-tát quở trách. Có chim lớn ở sau nêu dụ cho.

Trong Đại luận quyển bảy mươi hai hỏi rằng: Hằng không, vô tướng, vô nguyện, vì sao một người thành Phật một người thành La-hán?

Đáp: Nói Tát-bà-nhã tâm đi trên hư không cho nên thành Phật, tự độ tâm tu nên thành La-hán. Nói đại điểu, là chim lông cánh vàng, có thể từ một núi Tu-di đến một Tu-di, chim Công ở chư thiên như chim cánh vàng ở chư thiên như chim Công ở nhân gian, cho nên không đến nhân gian, cánh nó có gió độc làm cho người mù mắt, chim nầy khi mọc hai cánh chưa thành, ý muốn bay đi rồi rơi xuống duyên phược đoạn, hoặc chết trong câu khổ, trong tâm hối hận ta muốn trở lại cây thiên Xa-ma-lê, do thân lớn nên hai cánh chưa thành nên không thể bay được.

Trong Luận Hợp chép: Thân chim là Bồ-tát, thân lớn là phần nhiều tu tập sáu độ, không cánh là không có trí phương tiện, núi Tu-di là ba cõi, hư không là vô lượng Phật pháp, chưa phải bay mà bay, là công đức chưa đủ, muốn từ Bồ-tát ba môn giải thoát, dạo ở Cực lạc Phật pháp hư không mà muốn lui sụt, tuy muốn thành Phật mà không thể được, nếu chết, là quả La-hán chết đồng với khổ, là Bích-chi Phật. Thống não, là mất bổn công đức của Bồ-tát. Nay văn có hai cách giải thích đều là Đại sư tùy theo nghĩa chuyển dụng, nghĩa là các khổ đối với cái chết gọi là chết, v.v... mà cũng chưa chết nên gọi là đẳng, dùng phương tiện và vị dứt kiến, gọi là Tứ đẳng. Do người Sơ quả tư duy hoàn toàn còn, nghĩa đồng với chưa chết. Chim đây ở sau mượn dụ cho thích hợp, như người ở sau nêu lên dụ cho để hiển bày công đức Pháp Hoa, bài tựa trị bệnh nặng, nói không thể có năm dục, do không thể nam, thông vì không thể

năm dục, dùng dụ cho căn Nhị thừa lại tâm chết. Yêm là yểm, là đóng cửa. Cũng gọi là hoành môn. Huỳnh là bậc Thánh ở giữa thiên hạ mà thông lý của muôn dân. Chủ là cửa của Huỳnh gia, nên gọi là Hoành môn, cũng nói là Huỳnh hôn bế môn, nên gọi là Hoành môn.

Trong kinh Hoa Nghiêm ở sau muốn hiển bày Pháp Hoa, bài tựa trước các kinh, Hoa Nghiêm về sau ở trong Đại Phẩm như thuốc của thế gian không thể trị người bị ngăn che. Trong các kinh Đại thừa dung thông các pháp. Bồ-tát quán môn nguyện hạnh bao gồm mà không thể khiến người Nhị thừa phát tâm, đồng là dung thông, sao không dung thông giúp cho người Nhị thừa thành Phật, như nói ở tòa như điếc như câm, cho đến tự buồn bại chủng khát ngưỡng thượng thừa, mà không được ta nói chân yếu ở đây, chỉ có Pháp Hoa được thọ ký sinh hỷ tìm khắp các giáo về trước trong kinh Pháp Hoa, thật không có văn Nhị thừa thành Phật, và nói chỗ Đức Như lai thành đạo nói, nên biết đều do kèm theo phương tiện. Nếu không như vậy thì chẳng lẽ bộ viên diệu riêng cách Nhị thừa.

Hỏi: Nếu nói Phương Đẳng không thọ ký cho người Nhị thừa, vì sao phẩm biến hóa thứ hai trong kinh Lăng-già, ngài Đại Tuệ hỏi vì sao Phật, Như lai thọ ký cho hàng Thinh văn?

Phật nói: Có ba ý nên thọ ký:

1- Vì nhập không có cõi khác, thầm khuyên tu hạnh Bồ-tát.

2- Vì cõi nầy cõi khác, Bồ-tát ưa cầu Niết-bàn Thinh văn, khuyên bỏ tâm nầy tu hạnh Đại thừa.

3- Đức Phật biến hóa thọ ký cho hàng Thinh văn không có pháp tánh Phật.

Ngài Đại Tuệ thọ ký cho Thinh văn là Bí Mật nói rằng: Nay nghe Pháp Hoa là hiển bày thọ ký, khác nhau với Phương Đẳng ẩn mật cùng thọ ký. Nếu y cứ lý nầy Đại Phẩm, Tịnh Danh đều phải có, đâu riêng Lăng-già, nên Phương Đẳng chép: Thứ hai, thứ ba thọ ký cho chúng ta, ý đầu tự vì mình nhập diệt.

Kế nghĩa thứ hai chỉ là phân tích ở Bồ-tát độn căn đối với thuyết ấy thọ ký đâu có quan hệ đến Nhị thừa.

Thứ hai phán phi pháp tánh Phật, đây là dùng thật mà cách quyền, chưa bằng Pháp Hoa hiển bày bổn lâu xa, cõi ta không hủy hoại mà chúng sanh thấy thiêu đốt, huống chi là Phật pháp tánh còn không thọ ký cho Bồ-tát, đâu chỉ có Thinh văn. Nên biết ba nghĩa đều khác với Pháp Hoa phải biết ngài Đại Tuệ phát khởi mật thuyết, cho nên phát hỏi việc thọ ký, nên biết nghĩa kinh ấy thuộc về Phương Đẳng, khác với

Pháp Hoa, đâu đợi cố luận, thường phân tích đoạt người Nhị thừa, nên trong Pháp Hoa ba châu thọ ký nói riêng về Thinh văn: Là vì hiển bày điều các kinh không nói, cho nên trao cho tên kiếp, tên nước Bồ-tát thọ ký có văn khắp nơi, nên chỉ thông suốt nói sẽ thành Phật, cho đến bổn môn mưu sinh phải được.

Trong kinh Pháp Hoa xưng diệu tư, nói đáng nương tựa. Lại xứng đề ở sau lại đem Niết-bàn đối với giáo của Pháp Hoa. Trong kinh nói cũng có thể trị đoạn gốc lành xiển-đề, mà chỉ gọi là Đại không, gọi là Diệu.

1- Có tâm dễ trị vô tâm khó trị, khó trị có thể trị nên xưng là diệu.

2- Kinh Pháp Hoa đã khai chẳng phải họ được, đại trận đã phá các là đăng không khó. Tuy đồng đề hồ chẳng phải không có biệt nầy. Nhưng lại Niết-bàn riêng bị đời sau, kèm theo phương tiện nói nên lại hơi khác. Biệt giáo rất dễ thấy, sáu căn bên Viên giáo gọi là hạ căn xuất giả tên đồng công vượt Thập hồi hướng, đây là tương tự viên dung ba đế khác nhau thứ lớp vị xuất giả.

Lại năm phẩm hạ trung căn, lại tâm ban đầu trở xuống là thượng căn.

Tâm ban đầu tức là đầu năm phẩm, trong đại phẩm ở sau dẫn văn Đại phẩm chứng thượng căn. Lại y cứ theo Thông giáo, đầu năm phẩm cũng y cứ quán hạnh luận ngồi đạo tràng độ chúng sinh, lại y cứ sáu tức do ở đây, thượng đến hạ kết phán xét như văn.

Kế trong phân biệt có năm lớp hỏi đáp.

Ban đầu ý hỏi: Dùng không nêu bày giả, nghĩa là tình hạ mà đáp trung. Trước phân biệt ba căn để nêu bày xuất giả, do tình là thượng tợ trung chân hạ, tình ở năm pháp quán dừng tâm, Bốn niệm xứ, tợ ở suyễn đồng với bốn gốc lành, chân ở kiến đạo về trước. Tình nhập hạ lặp lại giải thích thượng căn. Nói xác nhân, ở trước tự chân trong vị niệm xứ, duyên khổ đế quán, chưa phát tương tự, cảnh sở duyên hoàn toàn đồng với pháp trần, tương ưng với không tưởng pháp trần, cũng được gọi là tình nhập không, chẳng phải nói vậy, phàm tình trước gọi là nhập. Nhưng Bốn niệm xứ nầy mọi người đều gọi là năng nhập, nên nói là xúc nhân, e lẫn lộn với ngoại phàm về trước, nên nói chẳng phải nói tán tình, hoặc nói phát ra tám xúc nhân mới gọi là tình nhập, chưa xét ý nầy, nếu vậy ở sau lại khó, chỉ là tình nhập ở không, làm sao có lợi ích.

Đây có ở sau đáp, cũng chỉ là tình có lợi ích, tuy chưa chứng

không, khác với tán tình, tức nầy gọi là ích cần gì tợ chân, vì thông nạn trước để nói ba căn, ở thật nhập không chưa được chân ích, nếu ích ở sau lại khó, phàm nói: Lẽ ra khác với thối nhân, đã nói có ích phải nên Bất thối, không riêng thối mà đáp. Tuy chưa gọi là vị bất thối, vị nầy cần gì tất cả thối hết, lập ở sau giải thích. Nếu có thối cũng có thể thường tu. Vì sao? Vì người nầy do dùng năm pháp quán dừng tâm để trị, hoặc sâu nặng hết, nên có thể thường tu bốn quán niệm xứ.

Kế hỏi: Thông biệt thượng căn khi sơ tâm, thì có thể nhập giả, phải biết tức giả lại có thể nhập không, cho nên hai quán không giả tức nhau, cùng viên không giả tức nhau nào có khác.

Đáp: nêu bày ra ba người khác nhau, hàng Thông giáo tuy tức lúc chánh xuất giả, tợ tức nhập không, giáo thỉ chung nầy không thể nhập trung, nên biết Viên giáo tức nhau khác nhau, hàng Biệt giáo tuy cũng sơ tâm xuất giả lại tức nhập không, giáo thể chung phải trước không kế giả, tu tập Phật pháp đủ ở sau mới tu trung, nên gọi là thứ lớp, nên hai giáo nầy hằng trái với Viên giáo, huống chi Thông biệt nhập không chỉ chiếu sáu cõi, hai giáo xuất giả dài ngắn không đồng, còn chưa thể ra khỏi cái giả của pháp giới Phật, đâu thể tức trung?

Cho nên hai giáo không đồng với Viên giáo, huống chi lại sơ tâm không giả đều dùng, một đến tợ tức cả hai đều chưa đủ, dù kèm theo không nầy, tức giả mười cõi đã không có pháp tánh chẳng phải viên dung, cần gì gạn nói nào có khác với Viên giáo. Từ hàng Viên giáo bỏ nói Viên giáo khác Biệt giáo, mà nói nhất tâm cũng có thể thành biệt: Nghĩa là thắng có thể bao gồm liệt năng Biệt năng Viên, nghĩa là phần nhiều nhập kế sau giải thích tướng thứ lớp của Viên giáo văn nêu bày năm câu nhưng thành bốn câu, do câu thứ năm đồng với câu đầu, chỉ là văn lầm nên không có ý riêng. Nghĩa suy ra nên có sáu câu khác nhau, bốn câu trước như văn, trừ ban đầu đồng câu, lại thêm giả trung đối lại với không vì hai câu nói phần nhiều nhập không, ít nhập giả trung, phần nhiều nhập giả trung, ít nhập không, văn không có lược. Nếu vậy ở sau gạn về sáu câu tuy có nhiều ít, ba quán đồng thời.

Sao gọi là Viên giáo năng quán thứ lớp? Nếu nói thì chẳng phải Biệt giáo của thứ lớp. Nhưng ở sau đáp như hướng có sáu câu, tức là thắng biệt, thứ lớp của Biệt giáo gọi là liệt biệt. Viên quán tự bại hơn kém đều năng, cho nên dùng hơn mà so sánh với kém. Cả hai đều nói lợi ích của xuất giả. Muốn nói chân thật lợi ích của xuất giả, phải ở Sơ địa Sơ trụ của Biệt Viên, nầy biết ba căn tuy lợi ích mà gạn thông suốt. Đây là chỉ bày văn diệu chỉ, nên biết nói ích chánh chỉ bày ý văn, thứ

lớp lợi ích của giả tướng chẳng phải không. Ở trung lại trước bao gồm bài tựa chân ứng, ở trung trước nói lý do của chân ứng. Văn nói chân ứng lại nói pháp nhãn, nên nói pháp nhãn đây chẳng phải Địa tiền, do giả không thể nghĩ bàn. Cho nên pháp nhãn chẳng phải Địa tiền, do giả không thể nghĩ bàn làm pháp nhãn.

Kế nên lấy ở sau nói lược ưng ích để sửa Tạng Thông, suy nghiệm nên biết, ích nầy quyết định ở pháp thân, ba tạng ở sau trải qua giáo chánh giải thích, phán xét hàng Bồ-tát của hai giáo trước, chẳng phải chân khởi ưng, dù y cứ theo Phật cũng chẳng phải chân ứng, huống chi lại Bồ-tát, nói Phật sai, cũng lại y cứ chân giáo đạo, theo giáo môn ấy chưa rõ pháp thân, cho nên đương giáo không có nghĩa chân ứng, nếu khai hiển nói tức là pháp thân, cùng hình tướng của ai nói không chân ứng, tức là ngài Huyền Văn vượt qua nghĩa tiết, nên có ở sau nói tướng chân ứng để phân tích Tạng Thông, như Đức Thích-ca ở đời quá khứ qua đi lâu xa được Pháp thân, ở trong sáu đường kết duyên với vật, nay ở thành vua xuất gia thành đạo, nên gọi là “ứng hữu thỉ chung” Địa tiền của Biệt giáo còn chẳng phải chân ứng huống chi lại là Tạng thông. Biệt giáo ở sau chánh nói ứng chân, tức hàng Đăng địa trở lên cho đến Diệu giác.

Ny cứ sâu gọi là uyên, thấy chúng sinh bệnh biết bệnh căn bản, như người thấy nước biết đáy của nguồn nước, thấy các thuốc pháp biết thật trong thuốc, như người thầy thuốc biết thể tánh của thuốc.

Ấn nghĩa là phù ấn, dùng đồng làm khiến cho thiên hạ đồng, nay cũng như vậy, sử dụng các giáo cùng căn cơ không sai, nên gọi là đồng, cho nên vô minh là nguồn gốc của bệnh, Trung đạo là thuốc phụ tạng, chân chủng trí biết như in không sai, không thể nghĩ bàn là mắt thấy không lầm. Hòa quang ở sau giải thích hiện thân, đồng bốn trụ trần xứ xứ kết duyên, làm nhân Tịnh độ là đầu tiên lợi vật, căn cơ chúng sinh biết rành về tám tướng thành đạo, đích thân nghe pháp cuối cùng được lợi ích chân thật, nhưng có giáo đạo để y cứ lược về Sơ địa.

Kế là nói về Viên giáo, chứng đạo không có riêng, cho nên chỉ nói, cho đến cũng giống như vậy, nếu được ởsau đối với tà phân biệt, mà cũng có thể làm nên phải quyết tránh.

Vì sao ở sau giải thích giản tà? Nói do thân hữu lậu giống như vô lậu. Như Ưu-ba-cúc-đa điều phục ma xong, muốn thấy Đức Như lai như hình mặt trời, bảo ma rằng: “Ông hãy hiện thân cho ta thấy”.

Ma nói vâng theo lời dạy nhưng khi hiện thân Sư không được đảnh lễ. Liền ở trong rừng phát ra ánh sáng rực rỡ, tám bộ chúng nương hư

không mà xuất hiện, Cúc-đa thấy rồi, sinh tâm ít có, bất giác làm lễ, dùng kệ khen rằng:

Vui thay nghiệp thanh tịnh
Thành tựu diệu quả nầy,
Chẳng trời Tự Tại sinh
Không đâu chẳng khởi nhân
Mặt như mầu vàng tía
Mắt tịnh như hoa sen
Xinh đẹp hơn nhật nguyệt
Kỳ diệu hơn rừng hoa
Lắng trong như biển lớn
Bất động hơn Tu-di
Ấn bước như Sư tử
Xem nhìn đồng trâu chúa
Vô lượng trăm ngàn kiếp
Tịnh tu thân miệng ý
Nên được thân thù diệu
Vừa thấy cũng vui mừng
Huống chi ta không vui.
Ma được lễ hiện lại.

Trong Phẩm Tứ Y Đại kinh chép: Nếu ma biến thành hình Phật, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm như vậy đến với ông, ông phải xét định hư thật ấy.

Bạch Đức Thế tôn! Các ma còn biến hóa được hình Phật, huống chi không thể làm giống A-la-hán.

Phẩm Tà Chánh chép: Thiên ma Ba-tuần làm hoại pháp, làm giống bốn chúng, làm giống bốn quả Phật. Lão Tử v.v... Là họ biến hóa kinh hồ chính là Đạo sĩ Vương Phù ngụy soạn, nay lại làm theo, mượn sai Lão Tử hóa thành Phật, cũng là dùng hình hữu lậu làm tướng vô lậu, cũng nêu bày đồng với ma trời hóa thân, huống chi lại kinh ấy hóa thành mười hồ, đâu quan hệ gì đến ngã ấn, thay đổi giải thích làm các dê. Trong Đại kinh có ba mươi lăm văn, có đủ như trong Thích Tiêm đã dẫn, còn chẳng phải ba tạng năm thông, là chưa dứt hoặc, nên không có vô lậu thông, thần thông sở đắc cũng y căn bản mong tâm khác nên thông dung cũng cao siêu, các ngoại đạo ấy còn không có các pháp niệm xứ noãn đảnh, nên nói Thế trí, như vậy hiện chỉ là thân như ý thông chút phần, vì sao so sánh ba tạng năm thông, còn nêu ba tạng, đâu đồng Biệt Viên, hóa ngữ ở sau trách đoạt.

Lôi đồng: như âm dương phát lôi đồng sinh ra muôn vật, cũng là chữ lôi, nghĩa đồng với trước, nên biết ởsau chỉ bày lợi ích chân ứng.

Ba kết phá pháp biến, y theo văn thứ lớp phá hết vô minh mới có thể nói buồn cũng là thủ ý, không có thứ lớp để nói, trước nương ba đề dùng ý để phân tích văn.

Kế nêu chỗ cốt yếu để kết chỉ bày. Ban đầu ba đế, chặng giữa trước y cứ theo chân đế, trước nói về chân tướng, ở trong văn tướng, trước lại nêu ra phàm tình, chưa phá kiến vị còn chưa có thứ lớp nhập chân, huống không có thứ lớp nhập thật.

Ban đầu nêu riêng kiến ý thì bao gồm cả tư, nên kế văn nầy kiến tư điều nêu, trong dụ cho lược ba dụ cho, như người mù hỏi mầu sữa, đủ như trước đã dẫn, như dây như chày.

Trong phẩm Tánh Như lai của Đại kinh nói: Thí như có vị vua sai một vị Đại thần dắt một voi trắng đến trước các người mù, mỗi người mù đều dùng tay rờ voi.

Vua hỏi các người mù: Voi giống như gì? Người sờ trúng vào ngà thì nói voi giống như gốc củ cải, người đụng tai nói voi như cái sàng, người sờ mũi nói như cây chày người đụng vào chân, nói voi như cái cối, đụng vào lưng nói voi như cái giường, sờ vào bụng nói giống hũ, chạm vào đuôi nói như sợi giây, thứ lớp hợp các dụ nói: có thuyết nói sắc là Phật tánh, có thuyết nói thọ là Phật tánh, tưởng hành thức ngã cũng giống như vậy, đều chấp câu phi nên nói nào có quan hệ gì, lìa cái không có voi nầy mới biết đều phải. Cho nên bao gồm nói bất chẳng tức chẳng lìa, chẳng tức nên phàm phu khởi thị, chẳng lìa nên phàm phu lại không, cho nên đều chấp đều gọi là kiến, dùng sáu pháp như sắc, v.v... hợp thành bảy pháp như ngã, v.v..., nên bảy dụ thông không cần phải đối chiếu nói mê sảng v.v... là nên làm chữ nghệ nầy trong giấc ngủ nói. Trong Đại kinh quyển mười tám chép: Thí như hai người làm bạn với nhau.

Một người là Vương Tử (năng hóa), một người là người nghèo (sở hóa), hai người như vậy làm bạn với nhau. Lúc bấy giờ, người nghèo (tà ngã gọi là bần) thấy Vương tử này có một con dao tốt bậc nhất (Phật tánh) trong tâm tham đắm (ưa thích Phật pháp) Vương tử cầm con dao trốn đi nước khác, (Bồ-tát xả ứng việc cảm ứng mật ý nên nói trốn đến chuyển hóa phương khác, nên nói "tha quốc" người nghèo sau ngủ nhờ nhà người (thọ thân trong năm đường) tức ở trong mộng nói mê con dao con dao" (vô minh tối tăm vọng nói có ngã từ đây về sau Thinh văn lập bày giáo hóa tức do tương tự một tên là bàng nhân) bàng nhân nghe rồi,

đi đến chỗ vua. Lúc bấy giờ vua hỏi rằng: Ông nói dao vì sao chỉ bày ngã, người này tâu với vua đầy đủ việc trên (sơ quả) nay vua dù giết hại thần phân chia tay chân, muốn được giao ấy cũng, thật không thể được (tích quán) Thần và Vương Tử làm bạn (từng thọ tiểu hóa) cùng ở một chỗ (cơ cảm tương ưng) tuy từng mắt thấy (văn tuệ) cho đến không dám dùng bàn tay chạm (tư tuệ) huống chi là phải cố lấy (Tu tuệ chỉ được văn tuệ, không có tư tư).

Vua lại hỏi rằng: Khanh thấy tướng mạo con dao giống cái gì?

Người nghèo đáp: Dao của Đại vương như sừng dê đực (sát-lợi chấp thần mầu vàng).

Vua nghe rồi vui vẻ cười nói: nay ông tùy ý đi chớ sinh tâm lo sợ, trong kho của ta đều không có dao nầy, huống chi ông từng thấy ở bên vua.

Vua hỏi các quan ông từng thấy mà không nói rồi lại thôi, tìm lập các vua tiếp nối ngôi vua.

Vua lại hỏi các quan ông ở trong kho có thấy con dao chăng?

Thần đáp: thấy.

Vua hỏi: Giống cái gì?

Đáp: giống sừng dê đực.

Lần lượt như vậy đến vị vua thứ tư đăng vị (tức quả thứ tư).

Lại hỏi các quan đều đáp rằng thấy.

Vua lại hỏi: Tướng mạo giống như cái gì?

Đáp: Như hoa Ưu-bát-la (Bà-la-môn chấp thần mầu trắng).

Lại có thuyết nói: Mầu hồng đỏ kia như đống lửa (Tỳ-xá chấp thần mầu đỏ) có thuyết nói: Cũng như Hắc-xà (Thủ-đà chấp thần mầu đen). Vua nghe cười to nói: Các khanh đều không thấy chân tướng của con dao ta, văn chú giải ở trên đều do Chương An Sớ giải thích, trong kinh tự hợp lại mà nói, nói rồi bỏ đi như Vương Tử trốn, phàm phu nói ngã như ở trong tối nói mê. Thinh văn Duyên giác hỏi các chúng sinh ngã có tướng gì? Có thuyết nói như ngón tay mẹ, hoặc nói như lúa gạo trong thân cháy đỏ như mặt trời. Đức Như lai vì dứt ngã tướng nên nói không có con dao nầy, dẫn đủ như Mị Tuyết Hạc rờ voi nói mê đều dụ cho tà thường. Tuy nói Phật tánh mà đều chấp ngã nên thuộc về kiến, nên nay dẫn ra, phá hết kiến tư chỉ là nhập không, y cứ văn tự ở sau nói ý. Văn phụ chỉ là phá hết kiến tư nên nói như thế. Nếu nói về nguyên ý thì một kiến một tư không đâu chẳng phải pháp giới. Không đồng thứ lớp nên nói ý thì không như vậy, kiến tư tức là ở sau chánh nêu ra ý văn, nếu theo văn nói chướng chân vô minh ở trong chướng, nếu theo ý

nói ngoài kiến tư không có vô minh riêng, không có thể tánh riêng tức là pháp tánh. Phải biết kiến tư cũng tức là pháp tánh, nên thấy kiến tư vô minh pháp tánh. Đây y cứ tên, v.v... có năm tức luận khắp. Nếu thấy kiến tánh lẽ ra chỉ có thứ năm, thứ sáu, nay nói chung phá cần gì phải phần chứng rốt ráo danh biến.

Kế nương từ không xuất giả, cũng trước nói văn tướng kế hiển ý văn, nên nói cũng.

Ban đầu trong văn tướng đã là thứ lớp, lại y cứ pháp nhãn nói khắp không khắp, sáu căn về sau kế nói ý văn, ý văn vốn có thứ lớp giả, không thứ lớp giả, tuy tức từ ban đầu không phá thứ lớp.

Lại y cứ không thứ lớp mà nói về vị kế, tức sáu căn trần thô hoặc dứt bỏ trước, phát được tương tự giả không thể nghĩ bàn, tương tự tức là Trung đạo tướng ở trước, tức là khí phần biến vị. Chướng chung ở sau y cứ nói về quán Trung đạo để chỉ bày phá biến, Trung đạo đã là pháp phá biến, cho nên thẳng y cứ song chiếu luận biến không cần ở ý luận ngoài văn, tức chỉ vô minh bị hoặc chướng không thể nghĩ bàn hóa đạo thần thông, nếu phá hoặc nầy thì nhậm vận song chiếu, tuy ở trong văn lại không nói về tướng văn, nhưng Trung đạo nầy ở sau hai quán, lại phải văn tướng thứ lớp. Nên nêu cốt yếu ở sau lại nói chung văn chỉ, nghĩa là không có thứ lớp, có đủ như văn trước, tức quán kiến thanh tịnh, tức kiến pháp tánh, lại càng không luận thức lớp ba hoặc ba quán, kết yếu như thế mới gọi là Biến. Quán pháp sau chỉ bày kết ý biến, kết biến phải ở sau văn Trung đạo. Vì sao ở đây dự nói phá biến, nhưng văn sau nói lý biến thường là như vậy, chỉ sợ thấy hai quán không giả quán pháp trước trùng lặp, mê ở văn chỉ.

Nói văn chỉ: Là một bề trùng lặp không nêu ra nhất tâm, nên ở trong đây trước lược chỉ bày kiến tư tức là pháp tánh, đâu có trần sa ở ngoài kiến tư, có vô minh ở sau hai quán, ba hoặc đã tức ba quán thì hẳn dung thông, đây là thứ năm chỉ bày văn chỉ.

Kế giải thích Trung đạo bốn môn khác nhau, ở chặng giữa trước lại lập không giả, trước sau nêu nhập trung, ba văn đối nhau để hiển bày viên diệu.

Sinh, không sinh v.v... Thứ lớp chẳng phải thật đều nói "nhất vãng", tự tha và song chiếu tự tha, đều chẳng phải văn chỉ, nói đồng mà ý khác nên đều gọi là Tợ. Sinh bất sinh lại lập từ giả nhập không ở trước, tức bất sinh sinh v.v... là nói ý văn. Tự tức không tự v.v... là nói lại văn thứ lớp ý hạnh văn ở trước, ý vốn không ở thứ lớp, y theo thứ lớp của văn không là tự hành, ngay tự hành, ngay tự hành đây là là hóa

tha, tức chẳng phải tự tha, không sinh sinh lại lại lập xuất giả ở trước, không sinh không sinh dẫn nhập trung ở sau, hai văn giả trung so sánh nhập không mà nói, có thể do ý mà được, nên dùng ba văn lần lựa tức nhau, khiến không thành diệu không cho đến giả trung thành diệu giả trung, đây là thứ sáu chỉ bày văn chỉ, các thứ ở sau kết ý nói ở trước. Ý chỉ phụ thêm thứ lớp của văn mà nói, nên giải thích Trung đạo lại khai ra bốn chương.

Bốn chương văn đầu nói ý Trung quán, trong thứ lớp văn đầu lại trước nói về văn chỉ, nay tuy thứ lớp tức là Viên giáo, hai hoặc trừ trước chẳng phải bổn ý ý ở tâm ban đầu viên tu ba quán, nên trải qua bốn giáo phân biệt hai giáo của quán tướng kia nhưng trong đó vẫn không có, huống chi là viên diệu. Biệt giáo tuy nghe Trung quán như mù, cho nên ba giáo chẳng phải nay bàn luận, ba tạng rất dễ thấy.

Kế là Thông giáo, chặng giữa ban đầu nói lý đồng với ba tạng nên không có lý riêng để quán. Tuy không, v.v...: Giáo nầy không có trung giả, đặt tên trung cũng nói là bất sinh bất diệt. Nên biết tha y cứ lược về duyên sinh, sắc tâm làm tên ba đế, không thể nêu ra nầy, cũng được ở sau tuy nói thông xa mà nói đến được tiếp cận cho nên phải giáo chung không có thứ ba.

Kế là Biệt giáo, chặng giữa ban đầu y cứ sơ lược về đế ly hợp trung, nhưng biết mà thôi. Ban đầu tuy chưa quán nhưng khác Thông giáo đến hậu tâm mới biết, nên nói vốn biết.

Chiếu hai đế nầy, v.v... Là đà lấy có không làm tục đế, vì trong Phật pháp làm thành chân đế, có khác Tiểu nên nói là "Thung dung". Tuy hợp chân tục mà lấy đó làm tục, chân đế không nêu ra lý thể Trung đạo, Thông giáo tuy có tên ba đế, mà thật không có thể của Trung, lý nầy ở sau y cứ theo quán dụ cho hiển bày phần chứng của chân nhân.

Ban đầu là pháp, kế dụ cho, như mắt mù, v.v... là ban đầu nêu, làm sao ở sau giải thích, cũng là hợp dụ, tuy nêu tâm vốn là mắt, do mắt mù nên chỉ xuyên qua bên mắt, bên thật không mắt gọi là bên có mắt. Bồ-tát Biệt giáo cũng giống như vậy, tuy mới biết thường mà theo thứ lớp, ngoài lý trung thật không có chân tục nghĩa là có chân tục gọi là bàng nhãn, cho nên giáo nầy trước phá hai hoặc, bên ngoài không có, bên trong trông mong tâm bên ngoài, nên biết ba đế gọi chung là bàng nhãn, ví dụ ở sau có nêu bày. Phương tiện như hai đế, kiến đế như kiến trung.

Kế nói Viên giáo hữu pháp dụ cho hợp, trong pháp ban đầu nói: Trước phá hai hoặc, v.v... Chỉ là viên quán thô hoặc dứt trừ trước, nên

biết một đời Sơ trụ có thể được, nên ngài Nam Nhạc nói: Mong vào đồng luân dự chúng rất sớm, chỉ tịch sáu căn.

Thứ lớp hạnh: Sai khiến một đời trừ trước hai hoặc, tuy không trải qua cũng thành thứ lớp, hoặc Viên giáo tiếp Biệt giáo hoặc Biệt viên tiếp Thông giáo hoặc giải viên hạnh tiệm, đều hai hoặc dứt trừ trước, đều chẳng phải ý nầy, ý nầy một bề chuyên ở Viên giáo.

Kế dụ cho chặng giữa ban đầu y cứ theo dụng binh, dùng dụ cho năng sở.

Kế đối trị thiết Biệt dụ cho năng, đồ gông cùm dụ cho dừng, thân lực dụ cho đế, trí mưu dụ cho quán, gông cùm là tên chung của bệnh khí. Binh là năm binh: Nghĩa là cũng đao gươm giáo mác. Thù âm là thù, dài một trượng hai nhận là vũ khí có chuôi cầm.

Nên trong sách Hoài Nam Tử chép: Dụng kinh như quyết chứa nước ở bờ đê ngàn nhận, chuyển đá viên thạch ở hóc muôn trượng, tức binh lợi, nay dùng thân mạnh khỏe dụ cho viên ba đế, binh lợi dụ cho dụng viên ba chỉ, nhiều quyền dụ cho viên ba quán, trí xiềng xích đều nương thân lực.

Một ngày là một đời. Hai dụ cho sắc là y cứ giáo để nói mới có các thứ thiêu đốt để trị.

Kế tu duyên Trung quán.

Ban đầu chánh giải thích năm duyên, năm tên gọi tuy đồng mà nghĩa khác với giả.

1- Trong giả có năm việc đầy đủ mới xuất giả được, nay đây làm đủ năm việc nên phải nhận trung, lại mong tâm có năm việc mới tu trung được, nhập không năm duyên ý cũng như.

Kế giải thích chặng giữa ban đầu nói vô duyên từ bi, đầy đủ ba từ mới gọi là Vô duyên, chữ từ đây ở sau kết thành đều chẳng phải tướng ba đế. Trong Đại kinh mười bốn phẩm văn phạm hạnh. Phẩm đầu nói: Từ có ba thứ:

1- Duyên chúng sinh

2- Duyên pháp

3- Vô duyên.

- Duyên chúng sinh: Là duyên theo tất cả chúng sinh, tưởng như cha mẹ.

- Duyên pháp: Thầy tất cả pháp đều từ duyên sinh.

- Vô duyên: Là không chấp tướng pháp và tướng chúng sinh.

Trong Đại luận quyển hai mươi cũng chép: Từ có ba thứ:

- Duyên chúng sinh: Nghĩa là duyên kẻ oán thân mười phương

trong cõi người.

- Duyên pháp: Nghĩa là duyên La-hán Bích-chi-phật vô lậu. Chư Phật, bậc Thánh, phá ngã tướng của ta, chỉ quán bốn duyên không năm chúng pháp.

- Vô duyên: Là không trụ có, không chỉ có Chư Phật có, cùng văn Đại kinh văn y rất giống, phải giải thích ra. Trong Đại luận quyển năm nói bí cũng có ba pháp như chúng sinh, v.v..., nên biết đem ba pháp từ bi để đối với ba đế, nghĩa rất rõ ràng, nay từ thắng mà nói chỉ nói là vô duyên. Nếu được vô duyên phải đủ hai pháp trước, nên biết nói về rốt ráo từ bi, không giải thích được ba thật nầy chưa đủ khắp, hai pháp trên chung với Bồ-tát, so sánh phân tích, bèn chung với Bồ-tát của hai giáo Tạng Thông, pháp duyên cũng cùng Nhị thừa chung, cho nên lại phải quán thứ ba.

Từ nếu có không, v.v... Là kết thành ba đề, trong Phẩm Phạm Hạnh của Đại kinh nói: Từ nếu có không chẳng phải có chẳng phải không từ như vậy chẳng phải cảnh giới của các Thinh văn, Duyên giác, không đâu mà chẳng khác với các thiện Bồ-tát, các thiện Bồ-tát nghe pháp dễ chuyển, nhưng có chút phần, người Nhị thừa hoàn toàn thiếu nên riêng đối với Bồ-tát, cho đến mười hai nhân duyên bảy giác chi, tám chánh đạo, mười lực vô úy Chư Phật thần thông, không ở đâu chẳng dùng lòng từ làm căn bản. Cho nên trong kinh trải quả hết các pháp đều kết rằng: Từ là Như lai, Như lai tức là từ. Ca-diếp ở sau nói: Từ đủ đức từ ở trên, sau kết thành.

Thủ xuất sư tử, v.v... Là nói từ có dụng chiết phục.

Phẩm Phạm Hạnh chép: Đề-bà-bạt-đa xúi dục A-xà-thế thả voi say, muốn hại Như lai và các đệ tử. Lúc bấy giờ, voi đạp chết vô lượng chúng sinh, voi nghe hơi máu càng thêm say cuồng, thấy bọn ta muốn uống máu đỏ, trong hàng đệ tử của ta chưa lìa tham dục chạy tứ tán, nhân dân trong thành cho rằng ta chết mất. Điều-đạt vui mừng thỏa nguyện, lúc bấy giờ ta dùng định từ bi đưa tay chỉ bày, lập tức ở năm đầu ngón tay xuất hiện năm sư tử, voi thấy rồi sinh tâm sợ sệt, ra chất đại tiểu tiện, cúi mình lạy tạ. Này người thiện nam, lúc bấy giờ ngón tay ta thật không xuất hiện năm con sư tử, từ năng lực gốc lành điều phục được voi, cho đến văn sau nếu đã giữa hư không, lực sĩ kinh sợ, hiện làm trang nghiêm hàng phục các ngoại đạo, khiến các người nữ điên cuồng thấy như con mình, mụt ghẻ người nữ được thuốc bình phục lại. Như vậy đều là từ năng lực vô duyên, như đá nam châm nhậm vận hút sắt, trong kinh nêu sáu dụ cho, lấy nghĩa dụ cho từ, cũng như lửa mạnh

không thể đốt củi, lửa đốt củi hoại nên gọi là thiêu, như cây quỳ hoắc hướng tùy theo hướng mặt trời, lỏi chuối, sấm sét, v.v..., nghĩa ấy không khác tức là khác pháp tương ưng đá nam châm có thể thâu hút. Nói về sắt ở sau có giải thích ý tu trung, nay nói từ, v.v... đủ phá nghĩa lập. Nói phá là đá vốn không hút, lửa vốn không cháy, Như lai cũng vậy, vốn độ chúng sinh.

Nói lập: Vô tình còn có thể khác pháp xuất sinh, huống chi lại pháp thân y năng lực bổn thệ, mà không thể nhậm vận thu hút chúng sinh ư?

Nếu vô minh chưa phá, lý tuy đầy đủ như đá bị nam châm ngăn cách, mà không thể hút sắt, như nước sinh lửa, v.v...

Nói từ có dụng năng dứt hoặc. Trong Đại luận quyển ba mươi lăm giải thích tánh lửa bất định nói: Nếu lửa thật nóng, vì sao có người bị rơi vào lửa mà không bị cháy? Lửa trong thân người không thể đốt thân người, trong mây nổi lửa là do sức rồng, nước không thể dập bít, dùng lửa chiếu soi lửa ấy thì diệt, nay vô minh cũng như vậy, nhân ở hai quán mà sinh vô minh, nước của hai quán không thể diệt lại dùng lửa trí Trung đạo để diệt, vì diệt vô minh, cho nên phải nói quán thứ ba. Lại trong Đại luận quyển bốn mươi chín nói: Nếu tâm đắm thiện phá thì dễ, nếu tâm chấp không phá thì khó, cho nên chấp không lại phải có phá, như trong cỏ nổi lửa có nước thì diệt, như khởi trong nước không có vật gì diệt được, cho nên lại phải dùng lửa để diệt, nay cũng nêu bày như vậy, nếu chấp hai hoặc hoặc trí để diệt, nếu chấp hai bên, hai trí thì không thể diệt. Lại trong luật nói: Vốn cho rằng nước diệt được lửa. Ý không có trong nước sinh nước, nay cũng như. Vốn cho rằng: Hai trí diệt hoặc, mà không muốn hai trí sinh hoặc, cho nên phải dùng lửa trong trí diệt lửa hai trí.

Kế đầy đủ bổn thệ thệ tức bốn thệ nguyện rộng lớn bốn thệ nguyện cũng nương bốn đế mà khởi, nhánh lá tức dụ cho hai quán cắt đứt khổ tập ở trước, sở chưa biết dứt tức là vô minh, nên dùng vô minh dụ cho ở căn bản, kế dùng đèn đuốc dụ cho hai quán sở tu đạo diệt ở trước, kế sau là tuy tu, phân tích riêng về bốn đế để nói lên vô tác. Trăm sông như hai quán trước đã tu bốn đế, Bà-dà ở sau hiển chánh, một phen mưa dầm, là như nay bốn đế vô tác sở tu, Trung đạo ở sau hợp dụ cho thể vô tác nghĩa khắp, ba phen cầu trí Phật chặng giữa ban đầu nói về thể trí, trí phải có nhãn nên bao gồm nói nhãn, nhãn trí tức là năng hiển rộng lớn, năng hiển đã rộng, sở hiển sẽ sâu sâu, dọc sâu ngang xa đều do nhãn trí giác liễu châu liền từ nhân đến quả, rốt ráo đầy đủ, hai pháp

trên ở sau dùng dụ cho so sánh phân tích, nếu tu ở sau dùng dụ cho gồm hợp, tức là công năng của Trung quán.

Mắt chân là dụ cho hạnh viên giải. Hình và hai quán nhãn trí ở trước mù què, giải hạnh thiếu nên không bao giờ khế hợp với Trung.

Đến ao, v.v... giải hạnh đã khế hợp với hình trước đọa lạc, v.v...

Ẩm phục, v.v... Đích thân ăn lý vị nước của bốn đức, thể nước không khác mà có bốn tánh như lạnh, v.v... khác nhau, lý Phật tánh là một mà có bốn đức như thường, v.v... khác nhau.

Thấy tướng ao, v.v..., Khắp ao là nước, toàn nước là ao, ao Niết-bàn. Tận mé quả đức cùng tột đáy Phật tánh, gọi là thấy tướng ao, thấy pháp ngang khắp, gọi là thấy vuông tròn, thấy lý dọc cùng gọi là thấy sâu cạn, đồng thể quyền thật gọi là vuông tròn.

4- Tức khác nhau nên nói sâu cạn, thấy tức Phật nhãn thấy. Uống tức trí Phật thấy biết thể một ao nước không hai, pháp tánh không nhiễm gọi là thanh tịnh, bốn học đại phương tiện, văn đầu tựa chung nương thể khởi dụng, vô mưu, v.v... là đại trí không nhờ niệm trước là vô mưu, trụ Thủ-lăng-nghiêm: Là đại định, không thể nghĩ bàn ở sau khen ngợi dụng của trí định khéo léo, khéo léo chỉ là phương tiện trong thể, nên lý xứng cơ hợp thời hóa dụng, chỉ bày không phong, v.v... việc xưa hiển dụng, cõi gió Vô sắc chỉ bày rất dễ thấy, lửa thế gian còn đốt cháy cỏ, có thể vào kiếp hỏa mà khiến không thiêu đốt được, được thể trong, nên có khéo léo phương tiện nầy, nên phương tiện nầy gọi là Đại, vì đại dụng nên học phương tiện nầy, như ngài Di-lặc xuống nương hai bậc Thánh để hiển bày khéo léo, ngài Tịnh Danh quở trách ngài Di-lặc thọ phân tích, hai bậc Thánh đều nương đồng thể khéo léo vì sao ngài Di-lặc mong Phật thọ ký một đời? Nếu thọ ký một đời chắc chắn sinh ở Đâu-suất, nên Thiên tử ấy dự đến tư kính, thiên vị ngài Di-lặc ở thiên giáo bất thối, Thiên tử đời trước phát tâm viên Bồ-đề. Ngài Di-lặc răn dè các vị trời không lẫn lộn các vị trời viên cơ mới thành, nên cảm ngài Tịnh Danh chánh thuần thục đối với các vị trời, phân tích ngài Di-lặc, trước y cứ ba đời để phân tích, nói quá khứ hay vị lai hay hiện tại, ba đời không trụ, vì sao tự cho rằng được một đời thọ ký? Tịnh Danh kế dùng như lý mà quở trách, như vô sinh diệt làm sao được thọ ký Bồ-đề, chú giải rằng: Trong kinh nói có đồng, nghĩa là do chúng sinh cỏ cây Thánh hiền mà làm tịnh kết, như chung phàm thánh và tình, phi tình. Nếu ngài Di-lặc được thọ ký, là tất cả chúng sinh Tiểu thừa Hiền thánh vô tình cỏ cây, cũng nên được thọ ký ư? Nếu chúng sinh, v.v... không được thọ ký, ngài Di-lặc cũng vậy, đâu riêng chúng sinh và Thánh hiền, v.v...

có được hay không được thì không nên đồng, nếu thể đồng, thọ ký sao không đồng? lại ngăn che đều quyết lời lẽ mầu nhiệm cùng tột, cảm hóa căn cơ thành năng hóa lẫn lộn, thầm nhận phân tích riêng, chuốt lấy chê bai, cho nên chê bai rằng: Chớ khởi kiến chấp nầy ba giáo Bồ-đề tâm chấp đã phá, ngài Tịnh Danh vì nói Viên thật Bồ-đề, tùy theo yếu nói lược hai mươi lăm câu, khắp tất cả pháp không đâu chẳng phải Bồ-đề, nên nói là vắng lặng, là Bồ-đề, nên lược có sáu tức là giải thích phát tâm, mà nói vắng lặng và không hai, v.v... Các vị trời nầy nghe Bồ-đề rồi, đều ngộ Vô sinh, hai Đại sĩ nầy lại cúi đầu, v.v...

Ngài Di-lặc dùng quyền để ẩn thật, Đại sĩ dùng thật để ẩn quyền, nên ngài Di-lặc nói hạnh không lui sụt như cây chùy gõ thớt của ngài Tịnh Danh, ngài Tịnh Danh quở trách một đời Bổ xứ, như cây chùy gõ thớt của ngài Di-lặc, xen làm cháy thớt thành món đồ của Thiên tử, nên được pháp nhẫn do nghe Bồ-đề khiến người khó ngộ, v.v... các vị trời đấm vui gọi là khó ngộ, lý mầu nhiệm, gọi là khéo ngộ pháp, ngộ khó ngộ, ngộ về tiệm pháp rồi tự thành khó, nghe viên Bồ-đề, được Vô sinh nhẫn, nếu chẳng phải sự khéo léo của hai bậc Thánh cây chùy gõ thớt, làm sao khiến Thiên tử được mầu nhiệm nầy, đâu riêng vị cao sơ tâm nêu bày như vậy, lấy nầy mà quán riêng quở trách không dễ, thoạt vậy chê bai tổn thương mầm thiện người khác, đều không biết cơ ứng thuận hạnh an vui, còn phải đợi hỏi đáp dùng Đại thừa, người rất ưa thích pháp còn răn dè nói nhiều, nói phải có phép bít không trái hòa nghi, được tịch nhẫn y, ở thất đại từ, ngồi tòa diệu không, mới làm được lợi ích khéo léo, lợi tha như vậy trong vị danh tự đã có lợi ích lớn, đâu đợi năm phẩm cho đến Vô sinh. Lại Đức Như lai, thứ lớp nương Phật hóa tiểu để nói khéo léo, lại y cứ vườn Nai mà thực hành tiệm ban đầu, một phen đến xưng làm bất tức nói đại, nói chủng chủng, bốn thời bảy giáo đầy đủ, rút lại khác nhau, dẫn dắt khiến lìa chấp thiên tiểu, đều khiến quy hội Nhất thừa, mới được gọi là phương tiện khéo léo, trong căn nói lược chỉ nói chủng chủng, ý bao gồm từ Vườn Nai đến trước Pháp Hoa, nói lìa chấp là thông bảy phương tiện nên nói rồi sau khai tri kiến Phật, cho nên về sau soạn ý hóa, các thứ phương tiện chân thật, chân thật được hiển bày mới có quy về, lại do, v.v... là nói lại ý khéo léo dùng quyền, nên ba giáo ở trước là khác phương tiện, chớ không phải đều vì hiển bày Pháp Hoa. Trí Phật, v.v... Khen Phật đồng thể quyền mưu so sánh, thật trong quyền khó có thể nghĩ bàn, thể thật trong quyền khó có thể nghĩ bàn, thể thật quyền bao dung không thể bằng, nên bỏ trùng lặp văn trước dùng y phương tiện, kết độn căn Bồ-tát lai đến Pháp Hoa đều nhập thật,

đây là càng hiển bày công khéo léo.

Nói Hoàn trung: Nghĩa là pháp giới là thủ đô thành Pháp Vương, Pháp Vương không có lý riêng không ngoài thọ hóa khế lý, gọi là ngộ Hoàn trung nếu làm chữ Hoàn nầy như trong Trang Tử có giải, do trong vòng tròn thể không không bờ mé gọi là Hoàn Trung, nay cũng giống như vậy, như lý vô tướng vô thỉ vô chung, khế hội hoàn không ở đây nên nói diệu khế, trên hai cái ở sau.

Kế nương Văn-thù hóa ngoại để rõ khéo léo, Bảo quyển sau nói: Nhân ngài Xá-lợi-phất khen ngài Văn-thù-sư-lợi thần lực trí tuệ không thể nghĩ bàn. Lúc bấy giờ, ngài Phú-lâu-na bảo ngài Xá-lợi-phất, ta cũng có thấy việc làm ấy, đồng thời Phật ở thành Tỳ-xá-ly, lúc bấy giờ Ni-càn-tử có sáu muôn quyến thuộc, ta nhập Tam-muội thấy trăm ngàn Ni-càn-tử đương thọ hóa đến vì họ nói pháp, lại thấy cười khinh nói thô ác, trong ba tháng không có thọ hóa mà lại bỏ đi, lúc bấy giờ ngài Văn-thù hóa thành năm trăm đồ chúng của Dị Dạo Sư, đến chỗ Ni-càn-tử đảnh lễ bạch rằng: Tôi nghe danh đức từ xa mà đến, ông là thầy của tôi, tôi là đệ tử, xin hãy nạp thọ, để tôi không thấy được Sa-môn Cù-đàm, không nghe pháp ấy.

Đáp rằng: Lành thay! ông đã thuần thục không bao lâu nữa ông sẽ hiểu pháp điều phục của ta.

Ni-càn-tử bảo chúng rằng: Cùng Ma-nạp nầy hòa hợp ở chung, thăm hỏi lẫn nhau, các pháp họ nói ông chuyên nghe thọ, thứ lớp mà ngồi dùng pháp Ni-càn-tử. Văn-thù-sư-lợi oai nghi đặc biệt, lúc bấy giờ khen ngợi công đức ba bảo, cũng khen ngợi công đức của Ni-càn-tử, khiến họ đích thân kính phục, sau vào lúc khác biết chúng đã nhóm họp, liền nói rằng: Chúng ta đã thực hành chú thuật kinh Thủ, nên khi tán tụng công đức của Cù-đàm vào đến trong kinh của ta, là thật công đức của Cù-đàm.

Vì sao? Vì cha mẹ của Cù-đàm là dòng chân chánh vua Chuyển luân, trăm phước nghiêm thân, lúc sinh đất rung chuyển, Phạm vương đều nâng đỡ, tự đi bảy bước, miệng nói rằng: “Trong tất cả chúng tuy có ta là tôn quý nhất” cho đến rộng khen một đời hóa vật, lần lần thứ lớp khai mở chỉ bày chánh pháp kia, năm trăm ngoại đạo được pháp nhãn thanh tịnh, tám ngàn ngoại đạo phát tâm Vô thượng. Lúc bấy giờ ngài Văn-thù hóa thành năm trăm đệ tử, năm vóc gieo sát đất nói rằng: “Nam mô Phật-đà, Nam mô Phật-đà” trong ngoại đạo kia có người chưa tin hiểu, cũng đều cùng nhau cúng dường ngài Văn-thù. Văn-thù dẫn đến chỗ Phật rồi, Phật nói pháp cho họ nghe, không có ai chẳng được

lợi ích.

Như ngài Văn-thù xét cơ trước đồng sau khác, mới được gọi là phương tiện khéo léo. Năm minh đại tinh tấn, ban đầu văn lược nêu ra, tức do Phật thừa gọi là Phật sự, y thừa khởi hạnh gọi là đại công lực, trong kinh Pháp Hoa ở sau có dẫn chứng, lên năng đến thật, nên nói mạnh mẽ, ý lý khởi tấn nên nói nan sự, khiến Phật luân vương giải quyển bàn thật, bất động ở sau dẫn trong kinh Kim Quang Minh tinh tấn trên quả, huống chi ở nhân không làm hai bên lay động, không bao giờ lui sụt vào ba đường ác, không mất thật tướng chánh lý, mới gọi là Bồ-đề tát-đỏa.

Tát-đỏa: Là Vương Tử Tát-đỏa, bổn duyên của kinh ấy là em thân cho hổ đói ăn, không tiếc thân mạng, huống chi các tài vật lấy đây làm nhân thành đạo Vô thượng, tuy được quả Phật tinh tấn không dừng, ở trong chúng đứng dậy đảnh lễ thân cốt, nên nói tuy được Bồ-đề vẫn còn không dừng, huống chi phàm phu thành kính ư? Nên trong pháp bất cộng có tinh tấn không bớt, hai pháp quán trên ở sau trùng lặp y cứ lược ban cho châu báu. So sánh quyết khai quyền, đế rõ công năng mầu nhiệm của tinh tấn. Nên Phật Luân Vương thấy chúng Tiểu thừa phá giặc kiến tư, có công năng mầu nhiệm, tứ sự thiền định vô lậu ruộng vườn. Nếu thấy Đại sĩ nên phá đại hoặc được bậc đại trí, nên nói công do thiên hạ, ở đảnh thật pháp giới khai quyền kế đồng thể, cùng thật tướng minh châu, được Pháp vương thọ ký, cùng tột pháp tử ở Phật ký, nên nói: “thường cùng”, nên nói ý của thi hóa ý ở khai quyền, nên nói giải kế, như thế đều do sức đại tinh tấn.

Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết phần ba trong quyển sáu.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 6
(PHẦN 4)

Thứ ba là chánh tu Trung quán: Văn đầu trước nêu khó biết khó quán, nếu nói sơ tâm khiến quán thẳng trung, phá tế vô minh hiển bày thật tướng, phàm còn không kiết cõi dục vô minh, nên nói huyền tuyệt, chẳng phải bốn nhãn hai trí ở trước đã nói, há là nhục nhãn căn suy biết ư? Chữ cách trong văn nên nói nhãn lự kiến trí, hai trí bốn nhãn đã chưa biết lý của kiến Trung đạo, cho nên phận tích chẳng phải nhãn lự, v.v... so sánh như ở sau nêu bày giải thích, ví dụ dễ so sánh, khó dẫn khó theo dễ nên dùng hai quán không giả so sánh với Trung quán, sao chỉ có Trung đạo khó quán, hai quán nên biết không dễ. Tuy nói không dễ, mà cũng do quán thành nên biết Trung quán cũng có thể nêu bày, ban đầu nêu chân so sánh mà nói: Khi quán chân, cũng không giống Vô sắc mới quán được, nhưng quán hiện tại thô quán nhập tâm, Chỉ Quán nghiên cứu cùng tột ba giả bốn câu, tiệm sinh nhu giải phát chân vô lậu, thấy chân rõ ràng, gọi là chân trí phát, sở kiến như vậy là do quán ấm.

Kế dùng giả để so sánh, Hằng sa Phật pháp vô lượng Tam-muội, làm sao quán được, vì phát nhãn trí chỉ quán chân không, ở trong tâm không tiệm tư các pháp, các pháp tiệm phát tâm, thâm tiệm quảng tiệm, lợi tiệm dần sáng, sáng suốt thuốc bệnh, chủng trí khai phát, nên tục trí phát là chỉ do nghiên cứu chân, nay quán là ở sau chánh nêu Trung quán, nêu bày hai quán trước để có thể quán, nhưng nghiên cứu hai trí dần thấy lý Trung. Vì sao? Hễ thấy Trung đạo phải biết vô minh, thể của hai trí đã là vô minh, do quán nghiên cứu lý Trung nên hiển bày rõ, tức ở sau ba lớp quán pháp nầy, nhưng quán hai trí thể là vô minh, pháp tánh vô minh chẳng phải một chẳng phải khác, quán pháp không thôi, tự nhiên đều vọng tự nhiên đều chiếu, nói dọc như thế, chặng giữa còn chẳng phải xa, huống chi quán ấm nhập tất cả đều thật, nên biết hai trí

năng phá sở phá, đều là cảnh Trung đạo sở quán, ở giữa trước giải thích trí chướng.

Nói trí chướng, có ba thứ giải thích

Giải thích lớp đầu: Hai trí tức là gia chướng của Trung trí, nên gọi là trí chướng.

Kế lại trí chướng nầy ở sau nói Trung trí bị chướng gọi là Trí chướng.

Kế lại năng chướng ở sau, nói năng sở đối nhau được gọi là trí chướng.

Giải thích lớp đầu: Hai chữ trí chướng đều thuộc về năng chướng.

Giải thích lớp thứ hai: Hai chữ trí chướng đều thuộc về sở chướng.

Giải thích lớp thứ ba: Chữ chướng thuộc chữ năng chữ trí thuộc sở.

Đến cuối quyển nầy dẫn Đạt-ma Uất-đa-la, tuy có nhiều cách giải mà không ngoài ba lớp nầy. Chuẩn theo văn hợp ở trong đây dẫn giải thích, lời giải ấy hơi phiền e ngại ý chỉ văn nên ở sau có nói.

Vì sao ở sau muốn quán Trung đạo trước phải xét ý quán? Tại sao quán hai trí vô minh nầy, để quán xét biết chẳng phải trí tướng, đã chẳng phải trí tướng tức vô minh, nên ở sau dụng quán tuy chia ra ba pháp khác nhau, chỉ vì phá vô minh hiển bày Trung quán từ đây trở xuống chánh nói về dụng quán, trước nêu bày ba phen, ba phen chỉ là tên khác của ba giả. Mỗi giả trung cũng dùng bốn câu suy nghiệm nghiên cứu. Ban đầu quán vô minh, tức thành nhân thành giả, nói trí không giả tương ưng với tâm, pháp tánh làm nhân, hai trí làm duyên tương ưng với tâm, gọi là pháp sở sinh. Tức vô minh, tức trùng lập vô minh dùng làm quán cảnh.

Quán từ đây trở xuống là chánh dụng quán. Bốn câu suy nghiệm hai trí đều được.

Hỏi: Đã nói hai trí tức là vô minh, nên dùng tự tha suy xét vô minh nầy, vì sao lại nói là từ vô minh, là từ pháp tánh?

Đáp: Trí Trung đạo gọi là vô minh, nay quán vô minh nhưng suy ra hai trí, là từ pháp tánh, là từ vô minh, cho đến cùng lìa phú suy nghiệm đều trách, đủ như nhân phá kiến thành thuyết Trung, thực hành các thuyết nầy: là kế nói: Năng suy tướng chỉ quán.

Ban đầu nói quán tướng hữu pháp dụ cho hợp, pháp nói rất dễ thấy, đến nầy cũng nên kết thành hai không, hai đế, v.v... Văn chỉ cũng

vậy, đều là văn lược.

Kế dụ cho như ở sau dụ cho nói Trung.

Nói xa mong, v.v... Trong Đại luận quyển mười bốn chép: Như ban đêm thấy, cây như pháp tánh, người như vô minh, người và cây chưa xác định, nên nói bất liễu. Khởi bốn câu ở sau hợp, đã nói khởi bốn câu chấp, v.v... Nên biết là sơ tâm quán trung làm thành thứ lớp, nên hai quán ở sau nói ở Trung. Nếu chấp bốn câu không hội về lý Trung, nên thành vô thường. Nếu lìa tánh chấp tức ở vô minh, kiến ở Trung đạo, hai không sinh pháp, nên gọi là Thường.

Trước kiến tư, v.v... Lại soạn ở sở phá khác nhau, hai quán chỉ phá kiến tư, trần sa vô minh, nên nay đã phá chỉ có hai quán trí, tức là vô minh.

Nói Kim cương: Là cũng dùng Đại kinh Lợi Quắc Chúc Địa, chỉ đến Kim cương không thể xuyên suốt, tức dụ vô minh chẳng phải chỗ năng phá của hai quán trước, năng phá tức là giáp rùa sừng dê trắng của trung trí. Quyển phá ở sau kết tên, hai quán như văn, lý nầy không thể ở sau tức quán không mà quán, nên nói chẳng phải trí chẳng phải không trí.

Lại nữa, ở sau nói ba chỉ. Ban đầu nói chung dụng chỉ, cũng dùng bốn câu suy xét vô minh, cho đến hai không không khác với quán, nên lược nêu bày mà thôi, nhưng thể là tịch, thành khác với trước, cho nên phải nói về tướng, như trí ở sau nêu dụ cho. Cho nên trong Đại kinh quyển tám chép: Thí như Tỳ-kheo trì giới, quán nước không trùng thấy bụi giống trùng, tức khởi niệm nầy. Động trong đây là trùng hay trần ư? Quán lâu không thôi tuy biết là trần cũng không rõ ràng, Thập Trụ thấy tánh cũng giống như vậy, nay hoàn toàn chưa thấy nghĩa đồng không rõ, nên được mượn dùng Thập Trụ ấy làm ví dụ, vô minh như trùng pháp tánh như trần, tuy dùng bốn câu suy xét đều được, cũng chưa thấy rõ pháp tánh, người và gốc cây ở trước dụ cho ý cũng như vô minh. Nếu nói ở sau hợp dụ nên biết, trước sinh tử sau kết tên, nên biết. Lại nữa, trở xốung là dùng sáu mươi bốn lần, như vậy ở sau lại chỉ bày tướng phương pháp bốn câu. Câu tức là mỗi môn thì gọi là Năng Thông, do mỗi câu đều là lý năng thông, tùy dùng một môn đều nên kiến thật, vì người bất liễu cho đến nhiều người, lập bày nhiều môn, tuy lập nhiều môn kiến sẽ tùy theo một, tức dùng bốn câu làm chỗ tu quán, chẳng phải lý sở quán gọi là xứ. Nên trong quyển năm chánh dùng bốn câu làm pháp tu quán. Pháp nghĩa là phương pháp, tức là pháp nhập lý năng thông, cho nên pháp nầy cũng có thể gọi là Xứ, vì chỗ năng thông đến

chỗ sở thông, nên nói nhân môn, hai chỗ tên đồng năng sở khác nhau, tùy dùng một câu đã được thấy lý, lại không có câu khác nên gọi là dung, từ hành đã vậy hóa tha cũng vậy, tha cơ khác nhau tùy câu thấy lý, tức gọi đắc nhập, lấy đó làm dung, nên cần các câu mỗi câu nghiên cứu thử, khế hội có tương ưng tức là dung. Nếu chấp, v.v... là phải phán dụng tướng được mất, tuy phá bốn câu phải lìa năng chấp, chấp tức môn hoại tức gọi là Thâu.

Kế quán pháp tánh tức nối tiếp giả. Vì sao? Vì quán vô minh cho rằng vô minh diệt chỉ có pháp tánh, tuy làm lời giải thích nầy chưa phá vô minh, phải biết đây là giải của tình tưởng, cho nên lại phải quán chấp của pháp tánh là từ đâu sinh, vô minh là niệm trước, pháp tánh là niệm sau, ở giữa trước lặp lại nêu pháp tánh để giải, giải nầy thành hoặc làm cảnh sở quán.

Trước là pháp, kế là dụ cho. Trong dụ cho nói trốn gốc cây, v.v... đều chỉ từ trước đến nay quán thì dụ vô minh, trước quán vô minh tức là pháp tánh, như quán bụi và gốc cây, trùng và người đều được. Nay quán pháp tánh như quán bụi và gốc cây, lại chẳng phải minh liễu, tức ngay ở sau chỉ bày pháp quán, nên phải quán phá tướng bất liễu, nên đổi quán mà suy ra pháp tánh, chép đủ như phá kiến nối tiếp giả trung, y theo trước cũng nên kết thành các tướng ba quán ba chỉ, văn lược không nói. Như vậy ở sau dùng sáu mươi bốn lần cũng nên được mất như trước, văn lược không nói, tuy chưa, v.v... là khuyên ở hành là phải dùng chỉ quán, tuy nói sáu mươi bốn mà không nêu ra chỉ quán, nên khuyên thường học, không được đường khác, ba quán chân duyên tức giả đối đãi nhau.

Ban đầu nói tự hành, trước nêu ra đối đãi nhau làm cảnh sở quán, tức trước quán ở quán trí pháp tánh vô minh. Vì trí vì chẳng phải trí là lập chung. Nên biết trí nầy chưa thấy lý Trung tức là vô minh, vô minh chẳng phải trí, chẳng phải trí nầy đợi ai đặt tên, nên có hai đối đãi tự tha, ngang dọc, Chư Phật hiện đang đối ngã là ngang, ngã ngộ ở ngay trông mong nay thành dọc, như vậy ở sau thứ lớp nêu bày câu quán pháp, nếu duyên tu ở sau y cứ câu phá chấp, nhưng phá nhân duyên cộng lìa tự thứ, duyên ở Địa tiền, nên nói vô thường, chẳng phải nói phần đoạn sinh tử vô thường, nếu nói duyên tu sinh trí minh: Nghĩa phải vô thường sinh ở thường, vì không có lý nầy nên nói làm sinh thường, nếu Chư Phật và ngã ấy tương lai là chân tu, chân tức là chứng, chứng không gọi là tu, giải thích ở sau nầy nương giải thích khác ấy để nói lỗi tánh. Từ chân trở xuống chánh phán xét bốn câu ở sau nói lược quán thành không chấp

bốn câu, cầu tướng ngang dọc không thật có, nên trí cũng không thật có, vì sao ở sau giải thích? Vì sao thể vô minh không thể được, đãi trí Chư Phật nói là vô minh, Phật trí vốn không có vô minh đều được. Vô minh sở quán không thật có, quán trí năng quán cũng chẳng thật có, nên nói cũng không, nếu chấp ở sau nói mất.

Ban đầu xếp thuộc về trí chướng tức là mất. Kế nếu không chấp ở sau tức là được.

Ban đầu nói: Bốn môn tức môn năng thông, để thành môn, nên gọi là đắc năng thông, nếu được khế hợp ở sau nói lý sở thông, khế hợp lý nầy nên gọi là đắc sở thông, tuy quán lý thật bốn câu mà chẳng phải bốn. Trong nầy thiếu sáu mươi bốn lần chỉ là lược. Nếu có ở sau kế nói hóa tha.

Hỏi: Quán hai giả trước vì sao không nói tướng hóa tha?

Đáp: Quán pháp trước chưa khắp tự hành chưa đủ, cho nên đến nầy mới gọi lợi tha, văn đầu gồm nêu, đó gọi là ở sau giải thích riêng.

Ban đầu giải thích duyên tu trung, pháp trước kế là dụ, trong pháp đầu nói vô thường sinh thường như trước nói thường, trước vì phá nên nói không nên vô thường, sinh thường, nay nói tùy cơ nên nghe được lợi ích, nói đồng mà ý khác không thể một phen chuẩn, vô thường trông mong thường vô thường La-tha, nên trong Phá Mười Tiên của Đại kinh nói: Như trong pháp của ông nhân là thường quả là vô thường, ngại gì ngã pháp nhân là vô thường mà quả là thường, nay cũng như vậy, nhân ở nhân duyên tu vô thường, sinh ở quả chân tu thường trụ. Lại nói: ở sau dụ cho tha sinh, Y lan như vô minh, Chiên-đàn như pháp tánh, nên trong Đại kinh Xà Vương nghe pháp được thọ ký rồi, tự khen rằng: Ta thấy thế gian, từ hạt Y lan sinh cây Y lan, mà không thấy Y lan sinh cây Chiên-đàn, nay ta thấy được từ hạt Y lan sinh cây Chiên-đàn.

Cây Chiên-đàn: Tức là tâm ta không có căn tín. Nói không căn: là ta ban đầu không biết cung kính Như lai, nay mong sinh tên nên nói không có căn Như lai mong Như lai ta vì người khác là tự Pháp vương chủng tánh, tự lúc sinh lúa nên gọi là chủng, giống lúa không thay đổi, nên gọi là Tánh, pháp tánh từ trong thân ta mà sinh nghĩa như chủng, từ vô thỉ đến nay giống ấy không tahy đổi nên gọi là Tánh, khác nhau từ Phật mà sinh tín tâm, nên gọi là tự, các nhân diệt cộng sinh. Do pháp tánh bên trong và quán trí bên ngoài vô minh diệt rồi, liền được Bồ-đề, nên gọi là Cộng. Hoặc nói ở sau ly sinh, chẳng phải trong chẳng phải pháp tánh, chẳng phải ngoài chẳng phải duyên tu, lìa hai pháp nầy nên gọi là không nhân, mà được nầy, v.v... chẳng phải ngoài nói là chẳng

phải duyên tu, lìa hai pháp nầy nên gọi là không nhân, mà được các pháp nầy, v.v... tuy chẳng phải trong ngoài mà không đâu không có trí của Trung đạo sở đắc.

Nói, v.v... Mỗi cuối câu đều phải kết nói được trí tuệ nầy, do lìa chấp nên gọi là đắc tu vô đắc, v.v... là kết giải thích văn trước để thành ba quán lìa lỗi của tánh nên gọi là Vô đắc, lìa lỗi được trí nên gọi là đắc, chứng vô đắc nên gọi là được Vô đắc, tức Vô đắc nầy tạm gọi là đắc, đắc và vô đắc đều không thật có. Nghĩa bao gồm song giá lại có thể song chiếu đắc và vô đắc, các Bồ-tát kế ở sau nói Bồ-tát soạn luận lợi tha, tức Bồ-tát soạnluận nêu bày môn. Địa Luận Pháp Tánh Y Trì của ngài Thiên Thân, tức thuộc tự sinh, đây là luận chánh ý, nên nói chánh chủ, tha cộng vô nhân nêu bày ở đây nên biết. Trung luận nêu bày không, Không làm chánh chủ, các cõi, v.v... ba pháp y cứ theo đây cũng vậy, há là bày bốn môn nhiếp giáo hiển môn, thuộc về tất cả các giáo bốn môn, bốn môn tuy khác mà thông lý chẳng khác, nếu được ý nầy không có chỗ sai trái.

Mâu thuẫn: Chữ mâu là binh khí, dài hai trượng lập ở binh xa, chữ Thuẫn cũng là binh khí, tức là bàng bia, thuẫn đây là chữ lan thuẫn mâu đây là ngưu minh đều chẳng phải ý văn như nước Sở có bán cái mâu và cái thuẫn, có người đến mua mâu, nói mua là lời, mâu nầy đâm thủng ngàn thuẫn, có người đến mua thuẫn nói mua là lời, thuẫn nầy không có mâu nào đâm thủng. Mua mâu vẫn ở, mua thuẫn là đến, người mua mâu người nói bán, lại cùng với mâu của ông hoại thuẫn của ông là được mấy thuẫn, người bán không đáp tự trái nhau. Nếu dùng ở sau dùng trong bốn môn luận bốn tất để tu chỉ quán, kinh luận ở sau nói công năng của môn, như thế ở sau nói công năng quán hạnh trong môn. Duẫn cũng là hợp. Minh nhãn ở sau nêu được nói mất.

Hỏi phân biệt ở sau. Ban đầu hỏi chặng giữa vô minh pháp tánh đã là tức nhau. Pháp tánh tức vô minh, nên cần phải phá, vô minh tức pháp tánh, nên cần phải hiển bày, hai pháp chẳng hai nên đều phá hiển, nếu hai pháp có hai thì lý không thành.

Ý đáp: Hai pháp không thể chỉ có giả danh, nếu có giả danh ắt không có tịnh trụ, nên pháp tánh hiển bày vô minh, khi vô minh phá hết, pháp tánh vẫn không, huống chi đặt tên vô minh, nên không phá hiển mà phá mà hiển.

Kế ý hỏi: Như đến chỗ đáp, vô minh đã tức là pháp tánh, nhưng chỉ có pháp tánh mà sao có vô minh, mà văn trước nói, hai pháp tức nhau. Nếu tức nhau, sao chỉ có vô minh tức là pháp tánh, lại có pháp

tánh tức vô minh, nay văn chỉ nêu một bên để hỏi nên nói không mà lại vô minh cùng ai tức nhau, cũng lại nên nói: Pháp tánh tức vô minh, vô lại pháp tánh cùng ai tức nhau, nên không luận một bên ở sau, là ở mê chỉ bày lý rõ lý không hai, cho nên tức nhau, suy tìm lý không hai mật đối tức đủ cần gì trùng tập đều ở sau một đối ư?

Nếu chỉ bày tánh mê nên còn đối sau, trong lời đáp có hai dụ.

1- Ý dụ: Là đủ dụng hai đối, vô minh như băng pháp tánh như nước, như làm một câu không biết đầu tiên hai câu ở sau. Vì mê băng là chỉ nước thành băng, vì mê nước chỉ băng thành nước, như mê pháp tánh tức chỉ vô minh, như mê vô minh tức chỉ pháp tánh, nếu mất ý nầy đều mê hai pháp, nên biết người đời chẳng những không biết tức pháp tánh vô minh, cũng chính là không biết tức vô minh pháp tánh, cũng như tánh y cứ vốn không có hai tên, giả lập hai tên để chỉ bày mê, vì chấp hai tên không rõ không hai, nên dùng hai pháp lại xen tức nhau, e mê băng nước lại dẫn châu để dụ, châu chẳng phải nước lửa gặp duyên nên sinh, lý tánh chẳng phải hai từ duyên nên nói.

Kế nói vị: Ban đầu giải thích trung vị tu tướng, chứng tướng cũng là còn văn thứ lớp, nên nói hai quán dùng làm phương tiện, Địa tiền thể chân và do tùy duyên, có thể nhập địa song giá phương tiện, nên đến Sơ địa nhậm vận song giá, Địa tiền không giả có thể nhập địa song chiếu phương tiện, nên đến Sơ địa nhậm vận song chiếu, nên thể chân chỉ do chỉ kiến tư, tức dùng quán không mà chiếu chân đế, giả quán tùy duyên y cứ theo đây nên biết. Cho nên Trung đạo gọi là Trung đạo vị.

Kế tu từ đây phân tích trở xuống quyền vị. Trước lập ba vị: Nghĩa là Thông giáo bát địa Biệt giáo Sơ địa Viên giáo Sơ trụ, nếu biệt tiếp theo ở sau bao gồm bài tựa thông biệt vị tu chứng, muốn phân tích ở quyền cho nên trùng lặp bài tựa.

Ban đầu nói Thông giáo do Biệt tiếp theo mới được nói Thất địa luận du, Bát địa nói chứng.

Hỏi: Quyển ba nói biệt tiếp theo trong thông, vì sao nói Bát địa nghe Trung đạo, Cửu địa phục vô minh, Thập địa phá vô minh mới được gọi là Phật.

Không đồng với đây?

Đáp: Ban đầu từ Tứ địa, cuối đến Cửu địa đều được gọi là tiếp, ba căn khác nhau nên vị khác nhau, bốn địa là trên sáu bảy là giữa, tám chín là dưới, văn từ giữa nói nên nói Thất địa, trước hơi khác kinh nên từ ở sau mà nói. Nên trong Đại Phẩm chép: Bồ-tát Thập địa như Phật, trải qua ở sau vị định ấy, nên trong các kinh luận phần nhiều nói ở sau.

Nói như Phật: Thập địa của Thông giáo gọi là Phật địa, được người tiếp năng phá vô minh, vô minh phá rồi, như Phật địa kia đồng được tám tướng, nên gọi là như. Như đây trở xuống phân tích quyền vị. Hai ý Thông biệt, tuy phá vô minh mà quyền vị còn cao nên phải phân tích phá.

Hỏi: Càn Tuệ chính là sở tu của sơ tâm, làm sao phân tích nói sơ không được tu?

Đáp: Nêu kém so sánh hơn một để phân tích, như trong Càn Tuệ bao gồm tam Hiền, sơ tâm chỉ có thể tu năm pháp quán dừng tâm còn không có niệm xứ huống chi có Bát địa đạo quán song lưu, tức khiến bị phá vô minh tiếp. Lại sơ tâm kế ở sau phân tích. Biệt giáo ban đầu lập tín tâm, còn chưa nhập tín, há nói về hồi hướng, trong văn chỉ nói đến hồi hướng văn lược. Nên quyền vị phàm phu kia không có phần, nói tu trung cũng nương thứ lớp, thật mà nói ba quán Viên tu, do hai quán tâm tu ở Trung đạo, cho nên đến đây là gọi là Viên tu, nên Bốn niệm xứ nói, Bồ-tátthường viên tu tức là ý nầy. Kế nay nói ởsau chánh hiển viên vị, ban đầu lập năm phẩm dẫn trong kinh Pháp Hoa giải thích thành ba quán, giữa tòa trống nương nhà giả, lại do định tuệ trợ giúp giải thích nhẫn y, tòa rốt ráo cho nên không viên, y vắng lặng nên trung viên, thật từ lớn nên giả viên, lại thật y tòa cả ba đều nói Như lai, cho nên viên, bắt đầu từ sau vị tương tự, thấy hạt ở sau nêu dụ cho tợ. Trong Đại kinh quyển mười bốn nói: Thấy có hai thứ.

1- Thấy Tướng mạo.

2- Thấy rõ ràng.

Thấy tướng mạo, như xa thấy khói gọi là thấy lửa tuy không thấy lửa thật chẳng phải luống dối, hư không thấy hạt bụi lại nói thấy nước, nếu thấy hoa sen lại nói thấy gốc, giữa hàng thấy sừng lại nói thấy trâu, thấy người nữ mang thai lại nói thấy dục, nếu nói thân ngữ lại nói thấy tâm, trong mỗi câu rộng như câu đầu, như vậy đều gọi là thấy tướng mạo.

Thấy rõ ràng: Như mắt thấy sắc, Bồ-tát thấy đạo, Bồ-đề Niết-bàn, cũng giống như vậy, và xem trái cây trong lòng bàn tay nghĩa cũng đồng, như vậy đều gọi là thấy rõ ràng. Nếu thấy tướng mạo gọi là thấy tương tự, thấy rõ ràng gọi là thấy rốt ráo, phần chứng cũng được gọi là phần liễu, nên tợ vị nầy dẫn tướng mạo ấy gọi là thấy tương tự, thật chẳng phải kiến tánh, tuy chưa kiến tánh khác nhau với phàm phu luống dối xưng là kiến, cho nên các dụ cho nói: Thật chẳng phải luống dối, năm phẩm còn được quán hạnh gọi là kiến, huống chi lại tương tự

mà chẳng phải kiến, nêu bày như ở sau kế dẫn nêu giải thích thành, nay năm phẩm ở sau chánh nói trung vị.

Kế dẫn trong kinh Hoa Nghiêm để chứng Sơ trụ, sáu căn tịnh vị giới nội hoặc hết, lại gọi là vô dư, tiến phá vô minh mới qua mâu-ni, ba tạng mâu-ni chưa dứt biệt hoặc, giáo môn quán hạnh lại xếp vào viên, nên sở trụ tâm qua Mâu-ni.

Bắt đầu từ đây trở xuống là hiển bày công năng quán Bất đãi, v.v... Là lặp lại phân tích Thông giáo Thất địa mới tiếp.

Hà là hoan hỷ: Phân tích Sơ địa của Biệt giáo mới chứng Trung: Nên trong Lăng-già quyển năm nói: Đại Bồ-tát trụ Như như rồi lên Hoan hỷ địa, thứ lớp như vậy cho đến Pháp Vân, nên biết đều là Sơ địa trở lên nói giáo đạo. Trước giáo sau chánh phán quyền thật, giáo càng thật, vì càng thấp, giáo càng quyền vị càng cao, nên Thông giáo ở Bát địa Biệt giáo ở Sơ địa, Viên giáo ở Sơ trụ. Trong kinh Pháp Hoa ở sau dẫn chứng quyền thật. Phương tiện chứng quyền thật sự chứng thật.

Ngã tức Thích-ca, các vị mười phương ba đời, v.v... mượn lời phát tích ấy, để thành văn khai quyền, lại kế ở sau lại trải qua giáo phán, trước chỉ nêu bày hai song lưu nhập trung, nay lại nói chung nên bao gồm ba tạng, giáo ấy lại ở thấp mà vị ấy rất cao, nên vị song lưu chỉ ở Phật, nên nói phải phân khoa tiết hai nghĩa, dù nói đi đến là nói lược, nói vị viên thật, vị ấy tuy thấp mà phá công nhiều, đến Sơ trụ thì lúc bấy giờ một phen nhiếp thì nhiếp tất cả. Tuy nói một phẩm mà thật có vô lượng.

Kế nêu dụ cho như văn.

Kế lại như ở sau dẫn nêu bày giải thích như bốn thiền là một nhập khác nhau, do đó mà nói, phẩm chẳng phải chỉ có chín, nên biết Sơ trụ phá phẩm nhiều, hai quán trước sau đồng, y theo văn thứ lớp, đến nầy mới biết dọc phá khắp e mê văn xa, nên dự ở hai quán trước sau kết, nay đến trong đây chánh phải kết xứ, nên chỉ lược kết lại chỉ ở trước, nay Trung đạo quán ở sau lược kết ba lần Trung quán ở trước để thành hai không, gọi là phá pháp khắp, vô minh là kết lần đầu ở trước, pháp tánh là kết lần kế ở trước, không y các kiết thứ ba ở trước, không nương bốn câu kết thánh tánh không, không nương không chấp kết thành tướng không, y theo trước phá kiến ở hai giả sau, mới kết hai không, nên nay cũng phải như.

Kế dẫn ngài Tịnh Danh để chứng hai không. Phật có đủ hai không nên cúi đầu đảnh lễ, đủ hai không nên sạch hết các pháp, lấy không dụ không nên nói như không, lại không có tánh tướng nên nói vô y. Nếu

nhập Sơ trụ nhiếp tất cả trụ, trụ đã phá hoặc cho nên một phá nhiếp tất cả phá, từ đầu đến sau đều trừ một phần, nên gọi một phá tất cả khác.

Kế y cứ ngang môn: Ban đầu nói ra ý.

Trước là pháp

Kế dụ cho, từ cạn đến sâu nên gọi là thẳng bít môn, môn ý, v.v... nên gọi là đồng, đều nêu bày ý nên gọi là Tịnh, nếu hoành, v.v...

Kế nói ý môn, ngang dọc tuy khác không đâu mà chẳng thấy thật, cũng là thứ thông, thông tất cả hạnh, đều đến cùng tột.

Hoành môn: Ở sau chánh giải thích Hoành môn, trước nêu tám bất, một là luận nêu bày đủ nên trước nói. Luận thứ nhất bài tựa quy kính chép: Không sinh cũng không diệt, không thường cũng không đoạn, khác nhau cũng không khác, không đến cũng không đi, có thể nói là nhân duyên khéo diệt tất cả hý luận. Con cúi đầu lễ các pháp của Phật, trong thứ nhất là tám bất nầy? Nói Phật đã nói nghĩa đế bậc nhất, một luận ở sau nêu bày chỉ rộng, Trung luận ở sau dẫn luận nhiếp tướng, dùng hai nhiếp sáu và cấu tịnh, v.v...

Luận hỏi: Các pháp có vô lượng vì sao chỉ dùng tám phá nầy?

Đáp: Pháp tuy vô lượng, tám phá nầy hết, phải biết các văn nêu bày môn tướng không ngoài tám phá nầy, đến duyên gọi là dị thế, nên nói rộng cho nên trong luận nói:

Nói bất sinh là tất cả tà chấp và bốn tánh, sinh và vô sinh đều không thật có. Bất sinh vô sinh đâu được có diệt, vì diệt vô sinh, nên sinh vốn không, còn sáu câu y theo đây nói.

Hỏi: Không sinh không diệt đã gồm phá tất cả các pháp, cần gì lại nêu sáu câu khác ư?

Đáp: Vì thành hai pháp đầu nên nêu bày sáu câu khác. Lại tin ưa khác nhau tùy nghi nói khác nên kinh Bổn Nghiệp Anh Lạc, quyển hạ Đại kinh Đại luận quyển sáu, nói phá các pháp đều nêu bày tám, đồng không với Trung luận. Nên kinh Anh Lạc chép: Tám phá không tức nhau Thánh trí không hai, không hai cho nên là mẹ của Chư Phật Bồ-tát nầy. Chư Phật Bồ-tát đều nói tám bất, nên biết tám bất không nhiếp hết môn nghĩa. Lại nay Thụ môn ba đế nghĩa đủ, độ nhập hoành mỗi môn môn ba đế, nên khiến hoành môn không ngang không dọc, do dọc mong ngang không dọc không ngang, từ đầu đến cuối đều có ngang, như một vô sinh tất cả vô sinh, cho đến không ngoài cũng giống như vậy. Nhiếp ngang dọc nầy đều nhập nhất tâm, đủ như thuyết sau, tám bất nầy đã vậy các môn nêu bày như vậy, cho nên nay văn độ nhập các môn, đủ như Trung luận ban đầu hai nhập và sáu pháp. Cho nên nay văn trước

dùng các pháp đều nhập Vô sinh, còn bảy pháp xoay vần lại xen nhau nhập, cho đến tất cả hoành môn cũng vậy, cho nên lại nói vô sinh độ nhập.

Ban đầu nói: Nếu môn vô sinh đến cũng như vậy là đem môn vô sinh trung ấm nhập cảnh giới cả mười đều xen nhau phát, đến nhập các môn.

Kế nếu môn vô sinh quán tâm ở sau, là đến trong môn vô sinh mười pháp thành nương văn đầu và cảnh không thể nghĩ bàn, trong cảnh có mười như mười giới thành ba ngàn lại vào các môn, trong đây còn lược chỉ nói các thứ năm ấm, tức là lược nêu năm ấm thế gian, một tánh tướng, v.v... tức là lược nêu văn mười như trong thế gian ba đời, lại vào các môn.

Kế nâu môn vô sinh phát chân chánh đẳng, là dùng môn vô sinh phát tâm Bồ-đề, lại vào các môn, nếu môn vô sinh an tâm ở sau là đem an tâm chỉ quán lại vào các môn, ba pháp trước nầy nêu bày văn đều lược, nhưng đến phá khắp văn tướng hơi rộng.

Chánh y cứ phá khắp nói độ nhập, từ các văn tướng nương đến, không trụ không hạnh, lý cũng phải đủ. Trong hai môn ấy hoặc lúc không là thiếu lược.

Kế nếu môn vô sinh biết có không, v.v... ở sau là dùng phá khắp dọc ba quán trung nhập không văn đến chỉ là văn hư không phá kiến, cũng lược phá tư, cho đến các vị bốn môn phân biệt. Nếu môn vô sinh phá kiến, v.v... ở sau là đem nhập giả trung biết bệnh, trong biết bệnh trúng số, trong trúng số thấy biết có văn trúng số, còn trong biết bệnh các nghĩa và các văn biết thuốc trao thuốc đều lược. Nếu môn Vô sinh quán trí chướng, v.v... ở sau, là đem nhập chặng giữa ban đầu quán văn vô minh, văn trước đã dùng bốn câu suy phá, phá rồi bèn nói: nếu đối với một quán được ngộ, các câu liền dùng chung, nên biết một câu được ngộ, ngộ tức ba quán hiện tiền, kèm theo hai quán trước tu trung, còn ba câu như ở văn, từ tự diệt ở sau là có văn sắp nhập Trung quán pháp tánh, từ tự đãi ở sau là văn sắp nhập Trung quán chân duyên.

Ban đầu trong môn Vô sinh nói nhân thành giả, y cứ vô minh pháp tánh dùng làm tự tha cộng vô nhân, v.v... khiến nhập Trung đạo, văn Trung đạo ban đầu lấy không giả trước tương tức với trung, đã đủ ba đề nên nay bốn câu, trong mỗi câu đều kết ba đế, nối tiếp tương đãi cũng giống như vậy. Lại trong mỗi giả đều ban đầu nói tự sinh.

Kế nói ba câu, ở văn rất dễ thấy. Trong văn nối tiếp nói tự diệt, v.v... Trước quán pháp tánh nói: Vì ngay vô minh diệt pháp tánh sinh,

nên trong văn nầy lấy diệt đặt tên, vô minh sinh diệt, vô minh tức là tự diệt, pháp tánh sinh, tức là tha sinh, không sinh mà sinh tức là tha diệt, pháp sinh gọi là tự, diệt không diệt sinh, tức là cộng, diệt lìa diệt không diệt, tức là không nhân, pháp tánh cũng vậy, vì sao? Vì không diệt sinh là tự, không diệt mong diệt diệt tức thành tha, nay chung vô minh mà nói, nên đều nói diệt, trong tướng đãi nói: Tự đãi, v.v... Trong tướng đãi ở trước, nói đãi trí, nói vô trí đợi ở Chư Phật, gọi là Tha đãi, đãi ngã đương lai gọi là tự đãi, cộng và vô nhân nêu bày ở đây nên biết. Nếu môn vô sinh ba quán kết thành ở sau, là văn tương kết phá pháp khắp, trước ở hai quán sau kết xong. Đến sau quán thứ ba, chỉ kết ở trước, nay văn độ nhập đã ở sau quán thứ ba, sau quán thứ hai nên lược không nêu ra, nên biết kết biến chánh nên hợp ở cuối quán thứ ba nếu môn vô sinh như trên, v.v... chung kết nếu được ở sau kế nói rõ hai kinh.

Ban đầu nói chung nhập tướng.

Kế vì sao ở sau là chánh nói hai kinh.

Trước nói không hạnh; kế nói Kim cương; ban đầu trong không hạnh nói đế không hạnh, tức là cảnh mầu, trí là y cảnh khởi giải, Bồ-đề là phát tâm, an tâm như văn phá kiến tư, v.v... tức là phá khắp sinh tử Niết-bàn chặng giữa tức là nêu chung thỉ chung hạnh vị giáo, v.v... chỉ ở sau trong văn đạo phẩm thông bít cho đến chánh trợ, vị là thứ vị, thông nhiếp an nhẫn cho nên lý ái, đều ở trong vị, qua ly ái rồi nhập vị Sơ trụ, ắt có khởi giáo nên nói giáo.

Kế Kim cương: Ban đầu lại dẫn kinh sáu trần không trụ.

Kế là cảnh trí ở sau nói mười thừa. Cảnh trí không trụ cho đến không thể vô minh, v.v... Lại nêu mười thừa ba văn đầu, để phá khắp văn là vốn độ nhập. Không có Sơ địa, v.v... lại dẫn trong văn kinh không trụ, nhập địa bèn nói không nên trụ, do chưa cùng tột, huống chi lại trụ ở cảnh trí sơ tâm, cho đến nếu chưa phá hết, cho nên không phải trụ, tức là vô trụ mà trụ, nầy thì cũng gọi là không nên trụ, nên nói tuy các pháp không trụ, do không có pháp trụ mà trụ Bát-nhã, nầy thì ba đế lại chung sơ hậu, sáu tức đều được gọi là vô trụ mà trụ, vô trụ nầy ở sau lại phán vị, cho nên Nhân Vương ở sau giải thích phán. Thông Đồ chép: Ba chỗ nầy đều phá vô minh, cho nên được phần Kim cương vô trụ. Thích-ca ở sau nói rốt ráo Kim cương, nếu vậy ở sau giải thích nghi thường dùng đã giải thích nhưng nói Kim cương chỉ ở phục đạo, nên nói đoạn đạo vô Kim cương, nên dùng Đẳng giác làm Kim cương, Diệu giác chỉ có dứt mà không có Kim cương. Trong Nhân Vương nói Thích-ca sở nhập, nên nay trích dẫn. Phật có Kim cương chung đến Sơ trụ tột ở Phật, không ở

đâu chẳng có nghĩa Kim cương vôtrụ , vì phá tha giải nên dẫn Phật có theo để dễ giải thích, có không chẳng ở tại dụng mà ở Đẳng giác, công quy về Diệu giác. Hai luận đã nói cũng không ngoài mười thừa vô trụ.

Nói độ khác: Khác nghĩa là âm khác, do nghĩa vô sinh độ nhập môn khác như ở đời dây đàn ông trúc, dây đàn ông trúc mà khác nhạc có khác, đàn ống trúc như ngang, các khúc như dọc.

Chương đầu căn bản diệu tuệ chỉ quy, công rộng lớn của độ khác nếu như vậy, nhập đạo và lý còn ba pháp thuộc về sự, ngàn lời đều giải có chút phần để nói.

Kế lại phân biệt: Ban đầu hỏi nên biết.

Ý đáp: Vô sinh đối với các tên thành hai nghĩa.

Ban đầu chánh chỉ bày môn tự hành năng thông, nên nói: Ba mươi hai Bồ-tát, mỗi vị đều nói môn sở nhập, nếu nói ở sau nêu ra giải tha. Nay giải ở sau nêu ra nhà nay chánh giải, ban đầu chỉ bày môn năng thông. Bồ-tát nầy nói ở sau tự hành. Duyên lợi tha ở sau kế nói hóa tha, trước nói các Bồ-tát đều tự nói môn sở nhập, nên thành tự hạnh, trong đây nói ba mươi hai Bồ-tát, mỗi vị đều nói, chẳng phải riêng thuật rồi cũng làm lợi tha, tha duyên khác nhau nên phải nói mỗi mỗi duyên. Đây thì, v.v... là khen môn có vô lượng không ở đâu chẳng có lợi ích tha, những gì, v.v... Là kết trả lời câu hỏi trước. Lại kế ở sau lại ở mỗi môn để rõ bốn tiết được bốn tất lợi ích, tức là cái đúng ấy. Nếu không có bốn món tất thì phải độ nhập, hoan hỷ tức thế giới, tin thiện tức là nhân, chấp pháp tức đối trị, muốn độc tức nghĩa đệ nhất, lại phải kế ở sau nói các môn không diệt có bốn môn tất lợi ích hỷ sinh, trở xuống là chữ Bát tức môn Bốn tất, dụ cho kết như văn.

Kế nói nhất tâm: Ban đầu nói lại ý. Bắt đầu từ ngoài, ngoài cùng đến Phật pháp, đều có tà chấp, cho đến các tư, đều quán phá hết, phá lập đều nêu bày tất cả kinh luận, nên kiến tư phá vị đại tiểu khác nhau, bốn môn phân biệt sở nhập đều khác, nêu ra mượn thuốc và bệnh trao thuốc, v.v... trải qua tất cả. Nhập trung lại có các vị khác nhau, độ nhập hoành môn môn lại có vô lượng, cho nên mỗi môn đều nói tất cả tướng ấy đã rộng, người muốn tu quán là để tâm khó đúng nên phải kết rút chỉ bày ý chánh kia, gọi là nhất tâm, đây là chánh nói ý môn nhất tâm vô sinh, theo như môn vô sinh có ngàn lớp.

Kế nói các môn hành dọc, độ nhập nhất tâm, tuy các thứ ở sau kết thành nhất tâm, nhưng nhất tâm ở sau chia môn giải thích, trước giải thích chung môn, đối ở sau, v.v... có các tướng khác nhau nên gọi là chung. Lợi là nêu chung với riêng, vì chưa rõ ở sau riêng, ở chặng giữa

ban đầu lược chỉ bày pháp quán. Nếu không được, là kế nói ý độ nhập, tìm văn rất dễ thấy.

Nói huyền siêu là trong nhất tâm đầy đủ, không còn có thứ lớp, khác nhau với dọc trước nên nói huyền siêu. Xuất Giả Độ Nhập Trung chép: Lặp lại lược đã nhập, tự hạnh tuy phá nhưng chưa bỏ phân biệt, nên gọi là sơ.

Kế vì lợi tha lại phân biệt rộng, nên gọi là phức phá rồi lại nên gọi là đáo nhập. Cũng gọi là nhập lại vì chưa đến trước, các tướng như vậy cũng nhập nhất tâm, nên nói diệu không, cho đến song chiếu, tất cả đều chẳng đúng ý cũng như. Nói song chiếu giả của hai đế, do giả tức trung, vì sao ở sau giải thích kết như vậy, v.v...

Kế y cứ nhất tâm khi tri kiến Phật đã ở mỗi niệm chỉ quán hiện tiền, y cứ tâm niệm nầy gọi là chúng sinh. Sao trước nay hoặc ngang hoặc dọc đã nhập nhất tâm, một niệm khởi không lìa ngã, ngã tức Chúng sinh, trái mỗi niệm tâm, tâm tịch mà chiếu, tịch nên gọi là chỉ, chiếu nên gọi là chỉ, chiếu nên gọi là quán, nhất tâm đã. Các tâm nêu bày cũng vậy, chỉ quán làm nhân nhãn trí làm quả, trong mỗi niệm không đâu không có chỉ quán nhãn trí, cần gì sơ tru mới gọi là khai, như khai Ba thừa chỉ là nghĩa khai chấp cận ấy, nghĩa là ngay chúng sinh cũng là điểm chỉ bày nói tình vắng lặng, tức là Phật tri kiến Ba thừa. Nay nầy chỉ là khai thừa nhận khai của khai thông, chưa phải khai phát khai của khai kiến, nên văn sau nói nầy quán Thánh, v.v... để phán khai vị, nên trong kinh Pháp Hoa nói dẫn chứng trong thanh tịnh sáu căn, nhưng chỉ dẫn ý căn, do ý tịnh nên các căn thanh tịnh, nên chỉ dẫn ý để nhiếp các căn. Hai Hiền mười Thánh đều dẫn Nhân vương. Hiền Thánh ở nhân nên có quả báo, Phật không có quả báo, nên gọi là Tịnh, nay nói chung tịnh uế đã khác, có nghĩa báo khác nhau có thể chứng rốt ráo. Trong Đại kinh cũng nói ở sau mượn tiểu nói đại chứng báo Diệu giác, Tiểu thừa cũng do có hiện báo, gọi là hữu báo nên trong quyển hai mươi bảy chép: Chúng sinh ràng buộc gọi là sắc, danh sắc ràng buộc chúng sinh. Sư tử hống khó nói, nếu có danh sắc là ràng buộc, các A-la-hán chưa lìa danh sắc, cũng còn ràng buộc.

Phật nói: Nầy thiện nam: Hai món giải thoát là:

1- Tử đoạn

2- Quả đoạn

Nói tử đoạn là các bậc A-la-hán đã dứt phiền não, các kiết hư hoại, chưa dứt quả nên gọi quả ràng buộc, không được nói danh sắc ràng buộc, tuy chưa dứt quả mà quyết định đoạn, phiền não tức là hột

của quả, ấm quả tức là quả của tử gia, Đại thừa tuy đồng. Tiểu thừa khi nhập Vô Dư dứt hẳn quả, chỉ có hiện báo vô sinh hậu báo, nghĩa ấy hơi đồng nên được tướng hiển. Có báo thân nên đồng với tử quả, không vời lấy hậu báo gọi là không quả tử, thế dẫn trong kinh Kim Quang Minh cũng chứng báo thân tuy đồng danh báo, nghĩa báo lại khác, khác nhau Tiểu thừa, cách thế báo, nên lặp lại dẫn, cảnh gọi là pháp thân, trí gọi là báo thân, cảnh trí tương ưng năng khởi hóa dụng, gọi là ứng thân, y cứ theo ý kinh ấy chữ ưng bình hô, trí nên ở cảnh gọi là ứng thân, kinh ấy tức dùng báo thân là ứng thân.

Khởi hóa dụng: Là nên đọc khứ thinh, tức hóa thân, cho nên phẩm Tam thân kinh ấy chép: Hóa thân ứng thân thối thất, tùy các chúng sinh hiện các thứ thân, gọi là hóa thân, tương ưng như như như như trí nguyện lực, được hiện tướng tốt đầy đủ, gọi là ứng thân, dứt tất cả phiền não, đầy đủ tất cả pháp, chỉ có như như, trí như như, pháp thân như như làm trí như như là nơi nên nương tựa.

Kế dẫn tánh báu giải thích Kim Quang Minh.

Kế trải qua nhất tâm, do một bề ngang dọc không hai nhất tâm, trải qua các tâm, tất cả các tâm không đâu chẳng phải vô minh, cho nên sơ tổ quán chung vô minh, chung đã chẳng phải nên khai chung xuất riêng, trong tâm vô minh đầy đủ các tâm.

Hỏi: Văn trước chỉ nói quán thức ấm vì sao có các tâm dục?

Đáp:

1- Các tâm không ra khỏi thức.

2- Vì đối với người tiện nghi, nên phải gồm nêu bày.

Hỏi: Tham, v.v... tức thuộc về phiền não sao gọi là quán tâm?

Đáp: Tuy là phiền não thuộc thiện ác ấm, huống nầy chỉ quán các dục tâm vương. Nếu vậy, có gì khác với phiền não?

Đáp: Đây là phiền não chẳng phải cảnh phiền não, do quán pháp ấy xưa quá khứ hiện tại xưa tập sinh, không đồng với sau nên hợp ở đây, thật phiền não ấy chẳng phải báo ấm, tuy tức thuộc về ấm mà ấm bất tận, cho nên văn sau lại nêu các ấm, nói lịch nghĩa là xem xét, do biệt mong chung nên gọi là dư, không ngoài vô minh nên nói nhất tâm.

Kế: Trước nay ở sau nêu bày các ấm nhập

Hỏi: Lẽ ra ở cuối quyển bảy nói mười thừa xong nêu bày các ấm nhập đều tu mười thừa, vì sao ở đây nêu bày ư?

Đáp: Do nghĩa tiện, từ sơ đến nầy riêng y cứ thức tâm, từ đây trở đi, cho đến lìa ái, y cứ đủ về năm ấm mới thành pháp tướng, nên trong thông bít, đã xem xét đế duyên, đế duyên phải đầy đủ năm ấm, đạo

phẩm niệm xứ không thể nói riêng một thức ấm, chánh trợ chỉ là giúp cho đạo phẩm, ở sau ba pháp chỉ là nói các vị thứ lớp của quán ấm, nên phải ở đây nêu bày các ấm nhập, đem các ấm nhập cộng thành cảnh quán.

Hỏi: Trải qua các nhất tâm cái nào khác với bốn ấm?

Đáp: Có đồng có khác đủ như trước có phân biệt. Lại trải qua các nhất tâm, dùng tâm đối tâm mà nói chung riêng, nếu nêu bày các ấm dùng ấm đối ấm, mà nói thô tế báo phi báo khác nhau vì pháp tướng khác nhau, nên phải nói riêng, tuy là nói riêng nên biết đồng khác, ấm không ngoài tâm tâm không lìa ấm, ấm năng ngăn che, tâm thường tạo tác, tạo thân che sơ đều do tâm làm cảnh.

Kế là hỏi đáp phân biệt, đáp chặng giữa, trước đáp nhập không nhân duyên, ở chặng giữa trước gồm đáp, sao ở sau nêu bày riêng, nói về sinh tử ở sau có giải thích.

Văn đầu giải thích vì tự nêu ra, tự đã có ở sau giải thích vì nêu ra tha. Hiền thánh giải thích là tuệ mạng, các thần thông ở sau giải thích là vô lậu. Lại pháp vị ở sau giải thích là pháp vị, nhưng phải suy nghĩ phân biệt nêu bày đồng xuất giả tướng nhân duyên, tự thoát đồng đại bi, thoát tha đồng bổn thệ, tuệ mạng đồng lợi trí. Vô lậu đồng phương tiện, pháp vị đồng tinh tấn, mỗi pháp khế hội khiến nghĩa tương đương, giả ở sau không nên nói nêu bày ở sau, muốn dùng trước sau một nêu bày năm duyên nên cũng có năm duyên. Phàm quán không ở sau kế đáp nhập giả không có bốn môn, ý không chung đại tiểu, v.v..., tiểu tạng đại diễn thiên ba viên một, các pháp nầy đều phá kiến tư nhập không, quán năng phá y môn khác nhau, nên nêu bày mười sáu môn để phân tích thể không lẫn lộn, như thể hư không các không lại khác nhau, kiến tư đoạn xứ Ba thừa chung hữu, Biệt giáo nhập không tuy riêng ở Bồ-tát, trí dứt lại đồng, nêu tâm hằng khác, nay văn nói dọc tương tự Biệt giáo, ý văn lại khác, nên nay văn nói những việc đã nêu, nên đối biệt phân biệt khiến cùng nêu khác, để lập thứ lớp, bổn nguyện không thứ lớp, nên nói phân biệt nhàn. Sợ người mê nên nương bốn giáo để phân biệt, ý văn vốn ở một viên dụng.

Trí chướng ở sau nương văn sau nầy để dẫn Đạt-ma Uất-đa-la giải thích nghĩa trí chướng. Đạt-ma Uất-đa-la Hán dịch là Pháp Thượng, sau khi Phật diệt độ tám trăm năm, là A-la-hán ở trong Bà-sa, dùng ba trăm bài kệ làm một bộ, gọi là Tạp A-tỳ-đàm. Vua của luận nầy giải thích nghĩa, văn thường phân biệt. Đại sư trích dẫn hoàn toàn leo phá phân tích. Cũng như Huyền Văn có giải thích mười hai bộ kinh, tuy không

chánh dùng mà còn đủ ý ấy, nay văn đầu từ phiền não đến làm sao nói trí thành chướng, tức gạn khởi, trí có hai thứ:

Đáp: Đã thuật nghĩa ấy lại thuận tông ấy, chớ đem văn nay để xen lẫn ý kia.

Ban đầu gạn rất dễ hiểu. Trong lời đáp nói chứng trí, là trí của Phật và Bồ-tát. Nói thứ trí là trí Nhị thừa, trí Nhị thừa tuy được gọi là trí nhưng chưa thuận thật tướng, nghĩa phải nên biết, có công năng phá phiền não nghĩa phải ở trí, nói thể trái, v.v... là giải thích thức trí, thức thuận ở tưởng tánh là phân biệt, trí nầy trái thể nên gọi là thể trái, trí nầy thuận tưởng nên gọi là Tưởng thuận, thuận trí Nhị thừa trái với trí Phật, làm chướng trí Phật và Bồ-tát nên nói trí chướng.

Lại Phật có hai chướng, v.v... phiền não chướng của Phật trước đã dứt trừ xong, vô minh lại hết gọi là lìa hai chướng, nên dẫn trong kinh Niết-bàn chứng hai giải thoát. Tâm nghĩa là trí vô lậu, nghĩa là chứng trí, trí không bị chướng gọi là trí giải thoát.

Kế dẫn trong Địa Trì giải thích ý Niết-bàn. Địa Trì gọi là tuệ Niết-bàn gọi là trí, tên khác mà nghĩa đồng.

Kế nếu dùng ở sau giải thích Địa Trì tuệ giải thoát, trong Địa Trì đối với tất cả sở tri, biết không chướng ngại, gọi là trí tịnh, nên giải thích rằng: Do minh cho nên đối với trí có ngại. Nếu phá vô minh biết không có chướng ngại, tức là vô minh chướng chứng trí, gọi là trí chướng, phá vô minh nên được trí không chướng.

Kế dẫn nhập Đại thừa, để chứng vô minh là nghĩa trí chướng, nhưng vô minh gọi là đồng cho nên phải phân biệt vô minh xuất thế mới gọi là Trí chướng, hai chướng đều gọi là phiền não, lại càng khó. Vô minh và ái đều là phiền não, vì sao chỉ dùng vô minh phiền não, để làm trí chướng. Từ vô minh trở xuống giải thích, ái là phiền não, phiền não khác trí, vô minh tuy cũng gọi là phiền não, phiền não tức trí, cho nên vô minh chẳng đồng với ái, cho nên phân ra hai chướng khác nhau.

Kế dẫn nêu bày giải thích trí chướng, phần đoạn là sinh sinh tử chẳng phải vô vi. Nếu vô vi sinh tử sinh tử tức vô vi, vô minh cũng như vậy, tức thể được gọi là trí, cho nên nói vô minh được gọi là trí chướng, ái tức bốn tục ở sau giải thích phiền não tức hoặc của trí, nên khi có trí tuệ thì không có phiền não, khi có phiền não thì không có trí tuệ, cho nên trong văn nói, giải hoặc không chung, phiền não tức chướng gọi là phiền não chướng.

Nói vô vi sinh tử: Là nhiếp vào Đại thừa lập bảy món sinh tử, có phương tiện sinh tử, tức vô vi sinh tử, có nhân duyên sinh tử, tức pháp

giới sinh tử, hai sinh tử nầy ở cõi biến khác, nên sinh tử ấy tức vô vi, nên mượn nêu bày nay tức hoặc của trí. Lại nữa, ái khiến cho các cõi nối tiếp nói. Lại giải thích trùng lập ái và vô minh, thể ấy khác nhau, ái từ quả khởi làm nối tiếp quả sau, nên nói khiến cho các cõi nối tiếp, đây là nói công năng của ái, khiến cho tâm phiền não ở sau giải thích công năng của ái chỉ là phiền não, tuy vô minh ngăn che ở sau, nêu ra công năng của vô minh, để nói phiền não.

Chiêu vời sinh tử không gì hơn ái, nên từ cương mà đặt tên, cho nên ái chỉ gọi là phiền não, không gọi là trí chướng, vô minh không rõ ở sau, là chánh giải thích, công năng của vô minh là nghĩa trí chướng, vô minh và ái đều trái với giải thoát, mà vô minh không đồng với nhanh gốc của ái, vô minh là gốc trái với giải thoát, trái tức là chướng.

Kế tánh ái ở sau nói ái là nhánh, gốc đã có tên trí chướng, cho nên ái chỉ gọi là phiền não. Kế vô minh tánh mê ở sau giải thích lại vô minh đích thân chướng trí, cho nên nghĩa chương trí hiển bày. Kế vô minh có hai thứ ở sau, lại phân biệt vô minh đồng thể khác, để nói thể tướng của hai chướng khác nhau.

Trước hỏi, tuy có cái khác của mê sự mê lý, cả hai đã đồng được gọi là vô minh, vì sao vô minh được gọi là trí chướng; kế dẫn trong Địa Trì để đáp, nếu chung, thì sở chướng đã chung gọi là trí, nên khiến năng chướng chung gọi là chướng, nay nói riêng là trí thể của sở chướng đã khác nhau, nên khiến năng chướng vô minh khác nhau, cho nên Nhị thừa có trí vô ngã, mà thành sở chướng, tức do phiền não mà thành năng chướng, pháp của Chư Phật, Bồ-tát vô ngã trí, mà thành sở chướng, nhân vô ngã trí mà thành năng chướng, do sở chướng của Nhị thừa, làm năng chướng đối với Phật và Bồ-tát. Đối với Nhị thừa được gọi là trí, ở Phật Bồ-tát chỉ gọi là Chướng, đây cũng tức trí là chướng, gọi là trí chướng. Nếu vậy ở sau phán xét đến Địa Trì, nhân pháp vô ngã đều là mê nhân pháp vô ngã, cả hai đều gọi là lý, cả hai trí vô ngã đều gọi là tịnh trí, phiền não là trí đều là gia chướng của lý trí, từ trì sở tri trở đi, tức là sự trí bị chướng làm trí chướng.

Kế nếu vậy ở sau gạn vể sở giải, mê sự mê lý đều gọi là trí chướng.

Sao là định, từ chiếu sự chiếu lý, khế hội hai giải đều có đạo lý, do người xưa giải thích có hai khác nhau, hoặc do các pháp bị chướng, gọi là trí chướng, hoặc do vô minh chướng đối với trí Phật gọi là trí chướng, luận chủ đều thừa nhận nên nói tuy hai hai mà không hai, chỉ là một trí năng chiếu lý sự, sự lý tuy khác mà trí thể chẳng khác. Lại tâm trí là

chướng ở sau lại nêu ra khác giải. Có người nói: Tâm trí là chướng, tâm là phân biệt, phân biệt là sự, sự ngại như thật, ở đây giải thích chấp mê lý, gọi là trí chướng, do diệt tưởng diệt tâm, nêu pháp Tiểu thừa pháp đối với giải thích về đại, như người Tiểu thừa nhập định diệt tận tưởng diệt tâm, cũng gọi là diệt trí, đây là đoạn diệt, nay diệt trí chướng tâm không tự thể diệt, tức bỏ phân biệt nhập vô phân biệt, nên biết phân biệt thật không thể vả lại chẳng phải điều nhiên ở sau giải thích lại trì chướng và trí Trung đạo, chẳng phải điều nhiên ở sau giải thích lặp lại trí chướng và trí Trung đạo, chẳng phải rõ ràng khác nhau, trí chướng là vô minh vô minh là pháp tánh, cho nên trí chướng không thể cắt đứt.

Kế ở sau dẫn kinh chứng minh, phước còn một mảy may, không đâu chẳng cùng tột. Phải biết phân biệt trí thể không xả, vì giúp đạo môn trước phá phiền não, nếu phá phiền não, phá hoặc trí nầy, thể là chứng trí cho nên không lỗi, người làm ở sau phá kiến chấp. Kiến tư cho là khác nhau của hữu đoạn không đoạn, nói về trí thể ấy thể vốn không khác nhau, như các ý giải thích ở trước nói lên vô minh tuy nói trí chướng, thể chướng tức trí, lại từ trước nay các giải cũng không ra ngoài giải thích Trung quán ở trước; ban đầu nói nghĩa trí chướng, chia làm ba cách giải thích.

Ban đầu nói trí là chướng, tức là trí là năng chướng, hai chữ trí chướng đều thuộc về Năng.

Kế nói từ sở chướng, gọi là Trí chướng, tức là chứng trí bị chướng, gọi là trí chướng, hai chữ sở chướng ngại đều thuộc về sở chướng.

Kế nói lại trí sở tri ngại, gọi là trí chướng, tức chữ chướng làm chữ trí, chữ sở.

Kế hỏi đáp: Lặp lại giải thích ngăn ngại; Ban đầu ý hỏi: Trong kinh Anh Lạc nêu bày vị thỉ chung, chỉ nói Sơ địa ba quán hiện tiền văn song lưu ở trước vì sao có được ba chỗ song lưu.

Ý đáp: Mượn nghĩa tướng thành ở lý không có lỗi mượn bát địa Biệt giáo thành thấp, bên Thông giáo mượn Sơ trụ Biệt giáo thành cao bên Viên giáo, không thể chuyên chấp trong kinh Anh Lạc vị định của Biệt giáo ở Sơ địa. Nói vị phân biệt đều không gì hơn kinh Anh Lạc, cho nên mượn đó để thành cao thấp. Một hỏi đáp lượm lặt mà có, văn cũng không có thứ lớp.

Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết phần bốn trong quyển sáu.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 7
(PHẦN 1)

Kế giải thích trong thông bít trước nêu bày tên khác, kế nói ý có pháp dụ cho hợp, y cứ trong pháp ban đầu trước chánh nói ý cũng là kết trước sinh sau, trước phá pháp khắp là kết ở trước. Song nhập, v.v... là sinh sau, đều dùng ba tên để làm đời sau, nên nói nên nhập, không nhập, phải tìm được mất ắt dính mắc phải quấy, được mất chỉ là có chấp không chấp, nếu đồng ngoại đạo nổi tiếng mất tiếng, phải dùng môn nầy xem xét trừ lỗi. Nếu không mất thì chỉ nương môn trước phá bít còn thông, cho nên nay ý môn ở xem xét, e ở trong thông lại khởi ra bít.

Kế thông được ở sau khuyên răn, nếu một bề tác giải chỉ có dùng phá biến, e ở thông khởi bít ở bít không thông, nên lập một môn thông bít nầy, xem xét phá khắp kia khiến bít được thông, khiến phá môn ấy ở thông không bắt.

Kế sao ở sau là nói ý, ở năng sinh chấp đồng với ngoại đạo, phải dùng bốn câu thông bít phá khắp, nên biết trước phá khắp trong đó chỉ dùng năng phá ở sở phá, còn chưa ngộ phải ở năng phá tâm sinh chấp trước, đối với năng sinh chấp quán pháp tuy chánh chấp tâm đồng với tà, cho nên phải phá, nên nói ái chấp quân không trí tuệ, vì thế phải dùng bốn câu ba giả phá tâm năng chấp khiến không có chỗ lập, phá trí năng chấp như hoặc sở phá, nên nói năng phá như sở phá. Tuy không ái chấp quán năng phá, mà còn ái chấp hoặc sở phá, nên nói nếu không ái chấp quán không trí tuệ thì năng phá không như sở phá, cho nên chỉ dùng biến phá hoặc cho nên phải dùng hai câu phân biệt, thì khiến văn nầy khác với trước:

1- Thông trừ thông bít thì dùng sở phá làm bít năng phá làm thông.

2- Biệt tướng thông bít thì dùng ở năng khởi chấp làm bít phá bít

không chấp làm thông, nên văn sau nói: Pháp tướng cạn sâu mặc tình có thông bít, huống chi lại ở trong đó khởi khổ tập, v.v... câu trên tức là thông đường thông bít, câu sau tức dùng biệt tướng so sánh. Nhưng nay trong đây gồm có bốn nghĩa:

1- Ngang thông bít.

2- Dọc thông bít.

3- Ngang dọc thông bít.

4- Nhất tâm thông bít.

Văn có bốn, nghĩa có hai, ba pháp trước thành nhất tâm, mỗi pháp đều phải bốn câu để so sánh, nếu ở bốn thông mà khởi chấp bít, đều phải phá bít để còn thông, như vậy lần lượt phá làm trông mong, nên văn sau nói ở mỗi năng, mỗi sở, mỗi tâm đều xem xét, vì nghĩa nầy nên lập môn thông bít nên lại phải chia ra bốn câu:

1- Trong bít được thông.

2- Trong thông có bít.

3- Bít tự là bít.

4- Thông tự làm thông.

Hai câu đầu tức là nay văn biệt tướng thông bít, hai câu sau nếu bít đã phá thì thuộc về phá khắp, nếu bít chưa phá độ nhập, nay văn thành hai câu trước. Lại câu thứ nhất gồm ở hai câu, nghĩa là tướng chung, tướng riêng hai ý: Kế nêu dụ cho giữa dụ cho trước trừ nuôi dưỡng châu chỉ thành phần dụ. Nếu phá giặc được tướng liền thành dụ biến. Vì sao? Trừ nuôi dưỡng châu không thể châu lại thành màn, tức lẫn lộn, hai câu thứ ba thứ hai, cho nên lại dụ phá giặc được tướng. Nếu tướng là giặc, giặc nầy cũng phá, nếu giặc là tướng, tướng nầy cũng được, như vậy lần lựa tướng đều thành giặc, mỗi tướng đều phá, tức là chánh ý của văn nầy. Cái gọi là mô là giữa da có màng mỏng, màng nầy che mắt gọi là nhãn mô. Nếu vậy ở sau hợp dụ, nếu được như vậy mới dẫn dắt người đến đảo châu báu, ở giữa trước chánh hợp dụ cho.

Kế nghĩa chung năm trăm do-tuần. Cũng là chánh ý thông bít, phá bít tồn chung đến đảo châu báu, cho nên lược trải qua năm trăm do-tuần. Trong kinh nói Đạo sư khéo biết thông bít, nên dùng kinh Pháp Hoa dẫn dụ, cho nên phải phá các giải thích xưa nay, mới rõ, văn nay nhất tâm thông bít, ở trong chung có sáu sư khác nhau, phá sơ gia nói: Đạo Nhị thừa chẳng phải Thất địa Bát địa.

Hỏi: Người Nhị thừa chánh đương Thất địa Bát địa, sao nói là không?

Đáp: Trong nầy dùng ý luận giải thích để phá chấp ấy, giải thích

đã nói hết sáu địa kiến tư dùng làm ba trăm, Thất địa Bát địa dùng làm bốn trăm, cho nên nay văn đế luận phá. Luận dùng Nhị thừa mà đối với bốn trăm, ông lấy Lục địa hết kiến tư, chánh đương Nhị thừa không làm bốn trăm, lại dùng Thất địa Bát địa mà làm bốn trăm, nên ông đã giải thích trái với nghĩa trong Đại luận, ý của Thông giáo trong Đại luận dến sau lại giải thích, hai nhà sau đều y cứ phiền não làm năm trăm, mà trước không đếm trần sa nhà sau không đếm ở thấy cho nên đều có lỗi. Sau nói trong lỗi lại không phá, danh nghĩa nầy trở xuống là chung cho kinh nầy.

Trước chánh thông kinh, kinh có ba nghĩa nên biết các sư không hội với kinh khế, các sư kế ở sau nói lỗi. Trước chung kế riêng. Ban đầu nói chung là dụng riêng như quá vuông dụng thông như quá tròn, người Nhị thừa làm hạnh như quá động, trong giới lập thành nhau quá tĩnh.

Lại y cứ phiền não, mà không thường thấy và trần sa, y cứ sinh tử, mà không thường có sau không sau là rất tĩnh, nên biết các sư đều tùy theo một phen thấy, hoặc được thông mà lỗi có hai, hoặc dùng Biệt mà trái Viên, hoặc đến ba trăm mà không lập hóa thành hoặc có thiện hành ở bốn trăm, năm trăm, hoặc y cứ phiền não mà thuộc về hoặc không hết y cứ sinh tử mà lấy bỏ không khắp, muốn phán viên kinh mà sợ chưa được, như đem một lỗ, v.v... không thể dùng một sư giải riêng, có thể giải thích bao gồm ba văn, nhà dầu ở sau phán riêng, nhưng bốn sư, không phán sư thứ năm thứ sáu, lược không dễ thấy, phán nhà ban đầu nói bốn trăm lập thành. Nếu y theo nghĩa thông địa thứ bảy, địa thứ tám thuộc về Nhị thừa sư ấy địa thứ bảy thứ tám đối với bốn trăm, hoặc thành bốn trăm để lập hóa thành, nhiếp gia cắt hai tử, ở ngoài hoang sơ nhiếp Đại thừa sư, lập bảy thứ sinh tử:

1- Phần đoạn nghĩa là quả báo ba cõi.
2- Lưu lai nghĩa là ban đầu mê chân.
3- Lai đưa ra nghĩa là ban đầu trái vọng.
4- Phương tiện nghĩa là Nhị thừa nhập diệt.
5- Nhân duyên nghĩa là Sơ địa trở lên.
6- Hậu hữu là địa thứ mười.
7- Vô lậu là tâm Kim cương.

Ông đã lập bảy thứ sinh tử giải thích có năm trăm nghĩa, vì sao bỏ hai, vì sao chỉ dùng phương tiện và dùng nhân duyên đủ ở ba cõi làm năm trăm ư? Như ông đã giải thích ngoài các báu lại có hữu lậu và dùng vô lậu, xả mà không dùng nên gọi là cắt. Hoang là trong tám hoang tám cực cũng nói là ngoài bốn biển, cũng nói là ngoài chín châu,

cũng nói là ngoài hoang phục, nên nói là hoang ngoại, như quyển nhất có trích dẫn.

Trong sách Nhĩ Nhã chép: Cửu Di, v.v... bốn thứ chấp đây là nước rất xa. Cô Túc, v.v... bốn thứ đây là nước rất xa, nay dùng cùng tột của đất gọi là xa xăm, tức dùng chỗ cùng tột dụ cho ở gò báu, ngoài gò báu chẳng lẽ có đất. Nhiếp sư cũng có hai thứ sinh thây chếtếu không luận đến, cho nên phá.

Kế phán trong giới ở chỗ đất lập thành, đã đem trụ vị để đối với hai trăm, trụ vị lại là vị dứt kiến tư, hai trăm đối giới chỉ là cõi sắc, nên biết tức là giới nội lập thành nên không thật.

Gia kế tức là do Nhị thừa làm đủ năm trăm, trải ba trăm để lập hóa thành người Nhị thừa đến nầy liền phải vào thành, vì sao đem đối với bốn trăm năm trăm, nên biết khéo thực hành bốn trăm năm trăm, chỉ có đến Pháp Hoa khai quyền hiển thật, mới ra được khỏi thành đến bốn trăm năm trăm. Nếu khai quyền thì đã thành đại Bồ-tát, đâu được lại nói cũng là Nhị thừa, nói Nhị thừa làm đủ năm trăm, nói kinh đình: Người Nhị thừa vốn bị quyền ngăn che, liền tự khai quyền nên nói kỉnh đính, đến hội Pháp Hoa Phật vì chúng sinh khai phát quyền thừa, không gọi là thiện hành cũng chẳng phải cách nhau quá xa. Đính là nghĩa vượt thứ lớp lại khai quyền vong người Nhị thừa đồng nhập, cũng chẳng phải Nhị thừa đều đối với một trăm cho nên không dùng. Thành: Là thạnh, thạnh ở sở trụ tức hành nhân, nhân sư qua như thế, ở sau giải thích nghi.

Trước gạn khởi; kế chánh giải thích, sợ người thấy luận nghi phá ban đầu.

Luận dùng Nhị thừa làm bốn trăm, vì sao không thừa nhận bốn trăm lập thành, ở trong đó bài tựa trước nói về văn. Ngôn luận có hai văn, đại luận quyển sáu mươi tám chép: Thí như muốn qua chỗ vắng nguy hiểm một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm do-tuần. Nói đường hiểm tức là thế gian, một trăm cõi dục, hai trăm cõi sắc, ba trăm Vô sắc, bốn trăm Nhị thừa. Lại nữa, bốn trăm cõi dục, ba trăm cõi sắc, hai trăm Vô sắc, một trăm Nhị thừa. Đại Bồ-tát phải biết không bao lâu được thọ ký Bồ-đề, phải biết không sợ đọa vào hai địa, lại quá bốn trăm cần thành Bồ-đề, trong văn luận không nói năm trăm, đã nói ý thông hơn bốn trăm chỗ hoang vắng gần thành Bồ-đề, thành tức năm trăm, nay chung ở sau, tức là nay phán ở văn luận chỉ thuộc về nghĩa thông, cho nên chỉ dùng Nhị thừa đối với bốn trăm, Bồ-tát đến nầy đồng với người Nhị thừa, vẫn y cứ độn căn chưa thấy trong căn, cho nên không nói năm

trăm do-tuần, nên chỉ hàng Ba thừa cùng được giải thoát, gọi là Niết-bàn. Lại do Nhị thừa làm một trăm, như trước có dẫn trong luận, tìm văn nên biết, nay nói ở sau nay chánh giải, chánh hiển bày nay y Pháp Hoa nói nghĩa thông bít. Trong văn kinh đã nói hơn năm trăm, nay y theo kinh, dung làm ba cách giải thích. Nếu y cứ sinh tử và phiền não không nên nói quá. Nếu y cứ quán trí thì được nói quá quá phiền não sinh tử ở trước hai trăm, năm trăm, tức đến Niết-bàn trí Nhất thiết chủng, nên nói quán không trí biết ba trăm, v.v..., biết tức là quá.

Ban đầu y cứ sinh tử, năm trăm đều là sinh tử, cho nên không dùng Tịnh Quang đối với năm trăm.

Kế y cứ phiền não, kiến chung ba cõi nên hợp thành một, ở sau phân ra ràng buộc ở dục nên hợp thành một.

Trong Câu-xá chép: Do hai nên không vượt ham muốn do ba lại ở sau. Hai nghĩa là tham sân thông ở trên gọi là thứ nên hợp thành một. Ở sau có phân ra năm, nghĩa là thân kiến, giới, thủ, nghi, tham, sân. Nói phần trên là trên có phân năm, nghĩa là trạo cử, mạn, vô minh, vô sắc nhiễm, lấy ba cái nầy giải thích tức là một niệm năng sở không chấp, mới gọi là khéo biết. Lại các Sư ở sau kết chẳng phải hiển chánh, phân tích các sư giải thích, chỉ có y theo quyền giáo phán vị rất cao, ở trong quyền vị giải thích không rõ, nên ở sau chánh dùng ngang dọc phán quyền và ngang biệt, mới hiểu quyền là pháp của nhân sở hành, hoặc ngang hoặc dọc đều phá, năm trăm nhưng chẳng phải một niệm, nên xếp vào quyền, gần mà cũng xa, xa mà lại gần nên gọi là liêu. Ngoài hai bên lập riêng năm trăm, nên gọi là liêu viễn, đây là kết chung các sư phán vị rất cao. Ban đầu sư dùng Thập địa làm năm trăm nhiếp sư ở Sơ địa địa sư ở Thập địa, như đây phán xét phàm ở sau tuyệt phần, hóa thành chẳng phải mong đảo châu báu, mong bờ mé. Phàm đã mong bờ vì ai nói giáo, nếu kia đây dạy ai làm bậc Thánh, trong kinh không nên nói vì khiến chúng sinh định ở Thập địa, người Nhị thừa được khế hội cũng còn chưa đến, hà huống phàm phu, nay nói viên môn thật tướng đảo châu báu, phàm thánh thông đủ sáu tức để phân biệt, xưa y môn quyền phán lập rất xa, nay y theo thật giáo cho nên không dùng, nay luận ở sau chánh dùng do-tuần giải thích ý thông bít, trước ngang dọc, kế nhất tâm, ban đầu có ba nghĩa: Nghĩa là: 1- Ngang, 2- Dọc, 3- Ngang biệt.

Ban đầu ngang, như trong văn.

Kế Dọc trong văn trước chánh nói dọc.

Kế Ngang chức dọc, dọc ba như trải qua ngang có ba như vĩ, dệt

lại khiến thành ba đế văn chương. Nếu trong ba đế có khổ tập, v.v... thì ba đế không thành, như khi nhập không, đủ đế duyên so lường, suy xét tâm pháp và năng sở khiến không có khổ tập vô minh sáu tệ, trong giả suy xét cũng giống như.

Ban đầu nhập giữa hư không phân tích thể khác nhau.

Ban đầu nói phân tích giữa hư không trước nói ba bít; ban đầu là khổ tập, đã không biết ở sau là mười hai duyên, kế không diệt ở sau là sáu tệ, trong sáu tệ chỉ nêu một san còn năm cái đều được; kế dẫn trong Đại kinh để chứng minh sáu tệ, tệ tức là bít. Thư mười một nói: Như trẻ nhỏ đồng tử Bà-la-môn bị đói ép ngặt, thấy trong phân người có trái Yêm-la liền đến lấy ăn, người hiểu biết liền quở trách: Ông dòng tịnh hạnh sao lấy quả dơ nầy mà ăn? Đồng tử nghe rồi hổ thẹn, liền đáp rằng: Tôi thật không ăn, rửa sạch rồi bỏ, người hiểu biết quở rằng ông là đại ngu si, nếu muốn bỏ thì không lấy. Trong Chương An nói: Người Bà-la-môn tức dụ cho mới tu Bát-nhã tịnh đạo, trẻ nhỏ dụ cho giải hạnh cạn yếu, ba đường khổ ép ngặt dụ cho trong cái đói vô thường có quả trời người, như phân dơ ấy có quả Yêm-la, hạnh sâu quở trách là can nên nói là trí ba, đồng tử bỏ hạnh cạn trong lòng hổ thẹn, chẳng phải tham cái vui cõi trời, vì muốn ở Trung đạo xả bỏ, nên nói rửa bỏ, người trí nói bỏ, Bồ-tát khuyên khiến tất cả đều bỏ, không cần thọ rồi lại quán mà bỏ nên biết ý kinh, chánh dụ cho Bồ-tát ba tạng, quán sinh thọ sinh gọi là rửa rồi bỏ, nên biết trong ba kỳ trăm kiếp, trong tâm hữu lậu tu sự sáu độ, độ cùng hoặc chung nghĩa đều ở ngăn che. Kế ở sau nói ba thông, tức đều duyên độ, đế duyên độ tướng tìm văn nên thấy, phải dùng kế ở sau nói xem xét nói mỗi là bất luận năng sở và dùng tâm pháp, có bít đều phá như trước phá giặc, nên biết thông bít đều phải xem xét, trong ba đế nói các tâm, v.v..., tâm nghĩa là thể phân tích tâm kiến tư. Pháp nghĩa là giả quán biết bệnh đồng với ba, và vô minh trong Trung quán đồng có qua đây, v.v... đều có năng sở. Lại tâm nghĩa là tâm năng duyên. Pháp nghĩa là pháp sở duyên, hoặc quán hoặc cảnh đều có tâm pháp đều phải xem xét, ở sau nêu bày như. Lại nữa kế ở sau nói thể không, văn cũng ở trước nói tướng thông bít, như La-hán ở sau dùng Thánh so sánh với phàm, Thánh còn gọi là âm, phàm sao không được, nếu chấp ở sau chỉ bày khổ tập, hết nghiệp tức tập, sinh tử tức khổ. Nếu không biết ở sau sẽ nói mười hai nhân duyên, nếu ái kế ở sau nói sáu tệ, cũng chỉ nêu một san còn năm pháp đều lược, dùng tức không ý ở sau xem xét nhập không theo canh pháp bệnh, kế ở sau nói xem xét nhập giả, đều rất dễ thấy.

Hỏi: Trước nhập hư không nói mỗi tâm, nay nhập giả trung nói mỗi pháp là sao?

Đáp: Ba quán sở quán, không ở đâu chẳng phải tâm pháp. Ban đầu phá kiến tư, khởi tâm gọi là tiện, nhập giả tập pháp tác pháp gọi là tiện, do mình tha tâm sở tập thành pháp, khi nhập trung đều là pháp giới, từ pháp lại tiện, văn lược rất dễ thấy, kế xem xét Trung đạo chánh quán lại xem xét dọc phá, Trung quán ba lần, trong đây còn lược, chỉ nói quán ở pháp tánh vô minh chân duyên ba giả, để chỉ bày thông bít, mỗi duyên ở sau chỉ bày tướng xem xét, nếu làm như thế ở sau đến bít mới được thông, nói quyền vị rất cao, Thông giáo sáu địa Biệt giáo Sơ địa, hai giáo như vậy trải qua kiếp số, cho đến vị thật tướng đảo châu báu, vị nầy chính là tướng dọc ba đế, kế dẫn trong Đại kinh để chứng quyền vị trải qua kiếp số, thứ lớp trong Đại kinh đều có bốn văn, đại đồng tiểu khác. Trong thứ mười nói: Trải qua số kiếp sẽ được Bồ-đề, quyển mười chín nói, đến Bồ-đề, thứ hai mươi nói được Bồ-đề, thứ hai mươi mốt nói trụ Bồ-đề, trụ chỉ là trụ ở trụ xứ, Sơ trụ Bồ-đề, phải nói trải qua nhiều kiếp mới được Bồ-đề, đến Bồ-đề được tên khác mà nghĩa đồng, đến nghĩa là từ trong phương tiện, được là được ở nơi chốn phát tâm.

Nói Tu-đà-hoàn: Là theo xưa đặt tên, trải qua bảy lần sinh rồi nhậm vận nhập Niết-bàn, sinh rồi trải qua tám muôn kiếp mới phát đại tâm. Nhất lai là có sáu muôn, Bất hoàn có bốn muôn, Vô học có hai muôn, Bích-chi-Phật có một muôn, so sánh nói nên biết tệ căn tánh lợi độn nên khiến ra khỏi trải qua kiếp dài ngắn, phát tâm rồi sau tu Trung đạo quán, dứt vô minh hoặc được thầy Phật tánh, mới gọi là năm trăm. Đây nói Nhị thừa ba tạng nhập diệt. Thông giáo phần nhiều liền sinh năng phát như luận đây là không có lợi ích cho Sơ tâm, nhưng đến năm người đều nói phát tâm hoặc đến hoặc được, cho nên cùng nghĩa Duy thức đồng thời gian dài mới phát giáo cũng là quyền, huống chi chấp hằng diệt, đâu không có phương tiện nếu chấp quyền luận phá kinh thật của Phật chút lấy quả sâu nặng, bởi sơ chưa được, tướng dọc nầy tuy vốn là thành chẳng phải dọc chẳng phải ngang, cùng quyền giáo ấy vị kế đồng, nên phải phân tích phá ở sau ngang cũng.

Kế nói ngang khác nhau, pháp trước dụ kế, ban đầu nói trong pháp trước nương ba người để rõ quán tướng, trong mỗi văn đều nêu ra tướng quán trước, kế nói xem xét, ba quán nầy y theo văn Đại phẩm. Trong kinh nói: Có Đại Bồ-tát, khi mới phát tâm thực hành sáu pháp Ba-la-mật, ngôi vị Bồ-tát trở lên được A-bệ-bạt-trí, có Đại Bồ-tát, khi

mới phát tâm lại thành A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề xoay bánh xe pháp, cùng vô lượng chúng sinh hóa ích sâu dầy rồi nhập Niết-bàn có Đại Bồ-tát, từ khi mới phát tâm tương ưng với Tát-bà-nhã, cùng vô lượng trăm ngàn muôn ức, từ một cõi Phật đến một cõi Phật thanh tịnh thế giới Phật, nay văn dẫn khai vị thứ ba ấy là thứ nhất thứ hai, lấy thứ hai làm thứ ba. Lại trong kinh nêu bày trước sâu sau cạn, nay nêu bày từ cạn đến sâu, y theo nghĩa lại đối với lý không có lỗi. Văn thứ nhất nói: Sáu pháp Ba-la-mật, tức là nêu hạnh; văn thứ hai nói lại thành Bồ-đề tức nêu vị, hạnh vị tuy khác mà đồng hiển bày một ý, cho nên nay văn lược ở thứ nhất, thứ ba trong văn đầu nói Tát-bà-nhã, lại nói: Thanh tịnh cõi Phật, tuy đồng một văn đã đủ hai nghĩa cho nên khai làm thứ nhất thứ hai, các văn đã dẫn và dự tính ba giáo ban đầu phát tâm. Thông tuy có ý giả phần nhiều ở không, Biệt giáo tuy có Trung quán, văn nhiều ở giả, Viên giáo tuy ba quán từ ban đầu quán trung, cho nên nay dẫn để đối với ba quán, đồng mới phát tâm nên gọi là ngang phân thuộc về ba người nên gọi là Biệt, như đây trở xuống phân tích quyền khác thật, trong Viên giáo tuy nói từ sơ tâm tu, bộ Bát-nhã ấy kèm theo hai giáo quyền, cũng chưa khai hiển cho nên phân tích nói ba pháp đều có khác nhau. Trong Đại luận chấp ở sau dẫn văn luận ba dụ, cũng chứng ngang khác nhau, ở Trung quán trước dụ kế hợp, nên trong Đại luận quyển bốn mươi ba nói ba Bồ-tát nầy khi chưa phát tâm, nghe Phật nói, đại phát tâm Bồ-đề, thí như đi đường hoặc đi xe dê, hoặc đi xe ngựa, hoặc đi thông suốt, cho nên đến đó có chậm mau.

Ban đầu là độn căn, kế là tiệm hành sau liền đến. Lại nói, ban đầu là tội nhiều phước ít; kế là phước nhiều tội ít, sau không tội chỉ có tịnh, nay trong văn nầy do đi xe dê, vì dê chậm chẳng khác đi bộ, nên biết văn nay dùng ý Pháp Hoa, nên được phá quyền bộ kia ngang dọc, nói về năm mươi sáu lại nói như ba người đi, một người đi tránh, một người tìm tiền, một người theo vua, ý phá cũng vậy, ngang sai biệt ý nghĩa như trước đã giải thích.

Kế nói nhất tâm, là ban đầu phân tích ngang dọc. Kế chánh nói công năng nhất tâm phá quyền, ban đầu phân tích trong ngang dọc, trước lặp lại nêu bày nêu ra tướng thông bít, đây là hai quán không giả năng phá không thể năng phá kiến tư trần sa, ở trong đương vị tuy được làm thông mong ở Trung quán vẫn có vô, nên gọi là bít, nếu sau Trung quán hơn ở sau hai quán, tuy được gọi thông cách ở không giả, nên gọi là bít, trong ngang thông bít tìm văn nên biết, pháp tướng ở sau so sánh nêu ra văn nay ngang dọc biệt tướng bít trong thông, pháp tướng ngang

dọc đã có thông bít huống chi lại đối với khởi chấp thành bít, phải biết ngang dọc chung riêng đều bít, nên nói đều bít lại có thông, muốn nêu ra tướng chung nhất tâm làm chung, nên trước nói ở bít của ngang dọc, nếu nhất tâm ở sau chánh nói nhất tâm, tức là xem xét nhất tâm phá khắp, trước phá trong khắp đã kết thành nêu ra nguyên ý ấy, chỉ nên lập ở nhất tâm xem xét, ở nghĩa thì đủ. Lại làm thành y cứ môn ngang dọc trước, nên mỗi tiết lại dùng luân để suy xét, lại dẫn trong kinh Pháp Hoa khéo biết thông bít hiển bày nay suy xét phải phá các sư luận ý chánh kia chỉ ở một niệm, nên ba thứ trước là nói lên nhất tâm nêu phá khắp, v.v... nêu bày rất dễ thấy, lại ba thứ trước nói về phá khắp chỉ thành ở dọc đến sau độ nhập mới bắt đầu dùng dọc mà vào ở ngang, như đế duyên độ ngang dệt dọc thành dọc ngang của ngang khác nhau cả ba đều sơ phát, tuy gọi là ngang, mà ba quán mong về chung gọi là dọc, nay công năng phá quyền hiển bày nhất tâm.

Ban đầu phá ngang dọc trong ngang dọc: Thụ là thông tiệm nhập tuy thuộc về một người thứ lớp kế thời thứ ba đều khác nhau, do mỗi thời khác, nên chẳng phải một và ba, nay nhất tâm đủ ba phá ba của thứ lớp nên nói nhất tâm ba quán phá dọc thông bít, ba quán nhất tâm năng phá ngang ngang ấy ba quán thuộc về người đều ở sơ tâm, nên cả ba không hợp một, nay dùng ba chỉ là một phá trong ấy chia ra có ba, nên nói ba quán nhất tâm phá ngang thông bít, nên biết nhiếp thọ ba quán cùng ba quán nhất tâm, nói xen lý đồng, vì phá ngang dọc lại đối chứng mà nói ngang dọc như đây trong mỗi đế, đủ đề duyên độ hoặc thông hoặc bít, ngang dọc nếu phá, trong đế duyên độ thông bít tùy theo đó phá, nên không phiền phá đế, v.v... thông bít, nên đến văn nói, huống chi lại ở trong khởi khổ tập vô minh ngăn che, v.v... huống chi lại nêu ra bít nầy để viên phá. Có người nói: Phá đế duyên độ ngang gọi là phá ngang, thật không thấy ý chỉ văn, nên trong văn trước trước nói dọc đã xong.

Kế là ngang dệt, mỗi pháp đầy đủ đế duyên độ ba, huống chi lại vô minh ở chung lại khởi các bít khổ tập vô minh, nên biết phá dọc khổ, v.v... tự phá, không cần lại chỉ chỉ khổ, v.v... là ngang. Không tức ba quán, v.v... Kế viên ba quán, quán quán đủ ba để phá ngang biệt, mỗi quán sở phá đều khác nhau khác nhau, nên nói không tức ba quán cho đến trung tức ba quán, có người nói: Phá thần thông, phá quyển nhất viên đốn chỉ quán thông là nương hư không, nương hư không bị phá nước trước chẳng phải đốn, như ở đây nói, như đây mà nói là trái với văn nghĩa, luận văn thiền thông ở gần trước mắt, cần gì cầu xa, nói

trong bài tựa. Lại nếu phá đốn kia thì lại ở chỗ nào truyền, thầy trò không thành phó pháp an trụ. Tổ tức ngài Long thọ nói Ngài lập bày luống uổng. Lại nói đốn là văn dụ cho ở trong bái tựa, khi nói chỉ quán chưa có bài tựa nầy, đâu được đem chánh thuyết của mình dự phá bài tựa đệ tử? Lại trong bài tựa đã nói lại sở truyền của thầy trò, nếu phá sở truyền bèn thành tự hoại, bởi ở sau chánh khen ngợi công năng, năng phá ngang dọc và ngang biệt. Là do nhất tâm viên diệu. Chúng ma, v.v... Chúng ma tức là thiên ma, quần đạo, tức là ngoại đạo. Lại quần đạo là tên của thiên tiểu thông, nên do nhất tâm đều có công năng đối phá, rốt cuộc khác nhau, nếu đi bộ qua nước đi xe cởi ngựa phài tránh nguy hiểm, nếu thần thông nương hư không từ hư không tránh đi, cho nên ban đầu tu hai quán, trước phá hai hoặc.

Kế tu Trung quán lại phá vô minh, nay ba quán nhất tâm trước sau vô ngại, khác nhau với ba dụ cho, nên nói rốt ráo không đồng, cũng là bỏ thấp lên cao phân tích trước nương hư không, không giả như ở thấp Trung đạo như ở cao, tránh núi từ hang phân tích đi bộ đi ngựa ở trước, cuối cùng không có chữ nhĩ hai câu quan thấp, như ở sau nói trong nhất tâm dụng ý thông bít, nhất tâm không phải ngang dọc thông bít, ở đây nhất tâm lại khởi chấp bít mà sinh khổ tập vô minh che lấp, v.v..., các khổ tập đây là là kiến tư, kiến tư đã sinh tức quán không cũng có lỗi: há lại có bỏ bên đi tìm giữa, nên nói chẳng những lỗi ở thần thông Trung đạo, cũng lỗi không giả, đi bộ đi ngựa đây là bít của tướng khác nhất tâm, cũng phải suy xét khiến bít được thông, nếu ở sau khiến cho suy xét nhất tâm thông bít nầy, đây là ở sau chánh phán xét, như ở đây giải thích: Tất cả chúng sinh lý tánh có năm trăm cho đến Chư Phật rốt ráo năm trăm, khác nhau nghĩa xưa, khiến phàm phu mong đến bờ.

Kế hỏi đáp phân biệt; ban đầu một phen hỏi đáp khác tên phân biệt, văn hỏi rất dễ thấy; kế văn đáp là trước chung kế riêng. Đã nói nhất ý nên gọi là chung, cũng có sai bệt nên gọi là riêng, trong riêng chia làm ba ý khác nhau.

Nói y cứ giải: Giải viên không chấp nầy gọi là chung, giải thiên khởi chấp gọi là bít. Nói về hạnh: Giải là hành bổn hạnh từ giải sinh, do giải thiên viên khiến hạnh có lỗi. Nói về "tự", tự tức giáo, có danh có thật gọi là tri tự, có danh không chỉ gọi là phi tự, như con trùng đục khoét tượng gỗ đặt tên là y, con trùng nầy không biết là tự hay phi tự, huống chi là tự có chi hay không có chỉ.

Kế dẫn trong kinh Kim Quang Minh, là bao gồm chứng minh ba tên, tức phẩm văn Tán Chỉ; kế có một hỏi đáp phân biệt thông bít.

Hỏi: Trong đó có bổn: Là y cứ quyển nầy ban đầu lập nghĩa ngang dọc, mà làm lời hỏi nầy, lại nêu bày văn trước khiến ở đây rất dễ hiểu. Bốn đế, mười hai nhân duyên sáu độ gọi là ngang thông, khổ tập vô minh sáu tệ gọi là hành bít, trước không kế giả sau trung, là dọc thông. Kiến tư, trần sa, vô minh gọi là dọc bít, ngang dọc thông bít lại xen đối nhau, dùng làm bốn lời hỏi, hỏi nêu ra ý viên để hiển bày ý chỉ của văn, nhưng ý hỏi nầy, tuy dùng ba hoặc ba trí làm dọc, riêng chỉ về vô minh dùng làm dọc bít rất là nhỏ nhiệm, riêng chỉ về Trung đạo dùng làm dọc thông, vì rất cao xa. Nếu ngang dệt dọc cho đến xem xét ba pháp, bốn đế, mười hai nhân duyên sáu độ, tuy đến Trung đạo nếu không kết hợp với dọc, chỉ ở tức không, nên ở sau văn đáp chỉ giới nội có ba pháp khổ tập, v.v..., riêng làm ngang bít, tức không chân đế, riêng làm ngang thông, hỏi thì thông hỏi rộng, đáp thì chia ở hai đường, trước lập hai đường.

Kế giải thích hai ý:

Ban đầu như vậy là ở sau trước giải thích một phen, đến nhiên nghĩa là như vậy có thể được, như đến chỗ hỏi ngang dọc đều xen thông bít, đây là viên đốn không có thứ lớp, ý hơn nữa trước đã nói đủ kế cùng không thứ lớp.

Hỏi: Trong đó một phen đến tợ như hỏi không có thứ lớp mà thật thông hỏi thứ lớp và không thứ lớp, cho nên trong lời đáp chia làm hai ý, do hoặc sở trị có tức có lìa nên khiến năng trị cũng có tức lìa. Nếu thứ lớp tu thông bít đều khác nhau, như ở sau hai lần đến, nếu không có thứ lớp một thể chẳng khác như trước một phen đến vô minh không có tự thể riêng hoàn toàn chỉ ở kiến tư, kiến tư chướng đế duyên vô minh cũng năng chướng, đế duyên đã bị chướng cũng làm bít trong ngang, nầy chỉ y cứ sơ tâm ba hoặc hoàn toàn chưa phá, nên chân đế duyên cũng bị vô minh ngăn cản, trung trí trị tất cả, viên nhân tu trung trí chẳng phải chỉ phá vô minh mà còn trị khổ tập của chân đế làm chướng giới nội, cho nên gọi dọc thông cũng chung ở ngang bít, cũng y cứ sơ quán trung được làm thuyết như thế, trong văn nếu y theo văn hỏi ở trước, vẫn thiếu hai câu khác, cho nên lại phải nói ngang thông, thông dọc bít đó gọi là đế duyên độ chẳng những trị kiến tư, mà còn phá ở vô minh, một không tất cả không nên ba hoặc đều phá, ngang bít chướng dọc thông đó gọi là khổ tập, v.v... chẳng những chướng chân đế cũng chướng Trung đạo, một khổ tất cả khổ nên chướng ở ba đế. Nói hai lần đến: Trong kiến tư khổ tập và vô minh sáu tệ có chướng ở chân đế, không thể chướng Trung đạo, chân đế đế duyên độ nhưng năng phá kiến tư không thể phá

vô minh, vô minh tự chướng Trung đạo nên không liên quan đến chân đế, trung trí phá vô minh cũng không liên quan đến kiến tư, cho nên văn nay nói nghĩa dọc đối lại với sai biệt.

Kế nói đạo phẩm thích hợp, là trước nêu bày chung giải thích tướng bốn đạo phẩm, văn có bốn nghĩa, bốn ý ở điều đình, bốn pháp nầy nói chung đều chung đại tiểu, nói riêng thứ ba chỉ có Tiểu còn ba pháp ở Đại. Nói đương phần là xen lẫn mà không nhờ nhau, đã nói phải nương niệm xứ đắc đạo niệm xứ đã vậy phải biết các phẩm đều là sở y đều có thể đắc đạo, nên nói đương phần. Lại nói ở sau dẫn chứng, cũng phải niệm xứ để nêu bày các phẩm, nên nói cũng như vậy, nầy từ nghĩa khác nên dẫn niệm xứ là đạo tràng cho đến rộng lớn, v.v... nếu từ nghĩa chung mỗi giáo có bảy khoa, không đâu chẳng phải là đương phần. Nói nhiếp nhau, Đại Tiểu thừa giáo phàm luận đạo phẩm, khoa phẩm ấy đều thâu nhiếp lẫn nhau, nên kế dẫn luận chứng, ý văn nên biết. Nói về vị: Như Đại sư tự có văn Bốn niệm xứ, bốn giáo đều dùng niệm xứ làm vị phán ở ngoại phàm, nên vị các giáo đều đối đạo phẩm, văn nầy từ tiểu lại đối tiểu vị. Nếu từ nói chung các giáo đều được do nội phàm làm nhu đảnh, v.v...

Nói sinh nhau nên sắp xếp bảy khoa sau theo thứ lớp, cũng gọi là sinh nhau, đều đính chính là điều chỉnh các phẩm, sao tương ưng có thể nhập pháp tánh, nên bảy khoa nầy ban đầu tâm có thể tu, tuy có bốn văn, cũng chỉ có hai nghĩa ba pháp trước thành thứ tư, cũng cho nên kế ở sau nói ra ý, trong văn đầu nói lược ý, ở trên phá biến cho đến thông bít, nếu không ngộ là do không sắp xếp, chôn pháp ở sau giải thích pháp sở chứng của đạo phẩm, Sơ trụ trở lên phân được vô lậu, tự ông về trước đều gọi là hữu lậu, cho nên sơ tâm xếp vào đạo phẩm, có thể làm Sơ trụ vô lậu làm nhân, như cất rượu, ở sau có nếu dụ cho, phương nầy dùng men rượu lúa mạch làm men, ở phương Tây hoặc dùng các hoa cỏ làm men, chân pháp ở mê cũng như nước gạo, sắp xếp đạo phẩm cũng như hèm rượu, sắp xếp được sơ biến gạo hữu lậu, thành rượu vô lậu, sắp xếp so sánh vị lý không thành, kế dẫn trong Đại luận chứng minh đạo phẩm, năng làm vô lậu, làm nhân gần, như trong Đại luận nói: Bất tịnh khai thân niệm xứ, thân niệm khai Bốn niệm xứ, bốn niệm khai đạo phẩm, đạo phẩm khai ba thuyết, ba thuyết khai Niết-bàn, Niết-bàn là vô lậu, cho nên hữu lậu năng làm vô lậu, mà làm nhân duyên, văn luận tuy dùng bất tịnh làm đầu, nói hơn nữa tiểu chánh ở môn Đại thừa, tùy giáo đồng lý quán đều có sai khác, đều là hữu lậu làm nhân vô lậu, và đạo phẩm. Kế sau nói hai thuyết.

Kế hỏi đáp trong khoa phân biệt; Ban đầu đại tiểu trong phân biệt, hỏi đáp đủ trong Đại luận hai mươi mốt, nay trong văn đáp trước dùng ý luận; kế dẫn ngài Tịnh Danh, Đại kinh Đại Tập, giúp ý luận đáp, ngài Tịnh Danh vì thành Phật, chỗ đắc đạo và Đại thừa, trong Đại kinh thấy tánh và ví dụ đề hồ.

Đại Tập nầy gọi là đuốc báu của Bồ-tát, báu đủ các pháp, đuốc có công năng phá tối, nhiếp tất cả pháp gọi là Đà-la-ni, nên chung kết nói đều không nói tiểu, như Đại kinh ở sau phân tích thừa nhận chuyên về Tiểu thừa. Kế lại dầu nói chung cho đại tiểu, nên nói pháp Bồ-đề vô lượng kiếp, là nhân Đại Niết-bàn cũng là giải thích nghi, e người nghi rằng: Lại có pháp Bồ-đề vô lượng kiếp, mới được gọi là nhân Đại Niết-bàn, nên biết đạo phẩm chẳng phải nhân Đại thừa, cho nên liền giải thích rằng: Ngoài đạo phẩm không có đạo phẩm khác, tuy nói vô lượng mà không ra ngoài đạo phẩm, cho nên đạo phẩm là nhân Đại thừa, nên lại dẫn Bốn đế trong Đại kinh mà nêu bày giải thích, ngoài bốn đế không có bốn đế khác, ba mươi bảy phẩm, đã là đạo đế, nên ngoại đạo phẩm không có đạo phẩm nào khác, nên trong bốn A-hàm có nói Bốn đế là Thinh văn, như trong Ương-quật và các Đại thừa nói bốn đế, đều vì Bồ-tát nên biết chung, nên trong Ương-quật nói: Pháp Bốn đế là: cái gọi pháp bốn đế, đây là tông Thinh văn, nầy chẳng phải Đại thừa, Đại thừa vô lượng đế. Nói như móng đất, trong Đại kinh ba mươi mốt phẩm Ca-diếp, Đức Phật lấy ít đất dính trên móng tay, bảo Ca-diếp rằng: Đất trên móng tay so với đất trong mười phương, nay mượn văn nầy so lượng vốn bốn đế, ba tạng bốn đế như đất trên móng, chưa nói là đất như mười phương, tức hai giáo pháp bốn đế, nếu chưa nói như đất ở mười phương, lẽ ra có bốn đế. Đức Phật nói chẳng có đế thứ năm, nhưng nói bốn đế có tướng vô lượng, các Thanh văn, Duyên giác chẳng biết được, lại chỉ bốn đế bên Biệt giáo dùng làm vô lượng, nên trong Ương-quật nói: Trong Đại thừa có vô lượng đế, nói mười sáu môn, tuy mượn Biệt giáo thỉ chung mười sáu môn, ý thành chung ở bốn giáo có mười sáu, lại hữu lậu ở sau nói về năm vị để phán xét, do nêu bày mười sáu môn đều có đạo phẩm, nên nói vô lượng, mà không ở đâu chẳng có nghĩa sâu cạn, nên dùng năm vị để phán xét hơn kém ấy.

Ban đầu nói hữu lậu đã thuộc về giới nhiếp tùy theo nhiều ít đều thuộc hữu lậu, nay ý sở dụng ở đề hồ, hai mươi hai, v.v... Trong Đại luận quyển mười chín chép: Cõi dục có hai mươi hai, trừ bảy giác chi, tám chánh đạo, chưa đến ba mươi sáu trừ hỷ giác, Sơ thiền có ba mươi bảy, Nhị thiền có ba mươi sáu trừ chánh hạnh, chánh hạnh là chánh tư duy,

Tam thiền Tứ thiền cho đến trung gian đều ba mươi lăm trừ chánh hạnh và hỷ, ba cõi Vô sắc ba mươi hai trừ hỷ giác, chánh hạnh, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, Hữu đảnh ham muốn hai trừ giác đạo, như trong Bà-sa không nói cõi dục, ở trong Vô sắc chỉ có ba mươi hai, không nói ở sau có ba cùng với Phi tưởng khác, trong Đại luận nói Chánh hạnh, Bà-sa nói Chánh giác, các văn đều đồng Đại luận. Trong luận Bà-sa phân biệt mấy pháp hiện tiền.

Hỏi: Trong các địa đều có mấy pháp hiện tiền?

Đáp: Chưa đến ba mươi sáu, ba mươi ba pháp đồng thời hiện tiền, Sơ thiền có ba mươi bảy, ba mươi bốn pháp đồng thời hiện tiền, trung gian có ba mươi lăm, ba mươi hai pháp đồng thời hiện tiền, ba mươi bốn ba mươi lăm, Nhị thiền có ba mươi sáu, Vô sắc có ba mươi hai, đều trừ ba niệm để duyên khác, ba niệm nghĩa là thân, v.v... không chung, nên có vô lượng văn phải bao gồm năm vị.

Kế có chỗ nói: Ở sau chánh phân biệt trợ giúp, giải thích điều nghi của kinh, trước dẫn trong Đại kinh nói vô lượng A-tăng-kỳ giúp pháp Bồ-đề, là nhân Đại Niết-bàn, và trong năm vị có chánh có trợ. Nay văn vì sao lại dùng làm chánh nên dẫn hai văn hoặc chứng hoặc trợ, tùy theo sâu cạn kia, đều do trợ trước, trước ở sau sau, văn ý của giáo bao gồm nên đều nói tợ, nên nay ý văn phải có chánh trợ, văn đây là chánh, trợ đạo là trợ, cho nên dẫn dạy hai văn đều còn, trong năm vị trước dẫn đủ trong các kinh, nên đều có chánh trợ. Lại như nói ở sau phân biệt hữu lậu vô lậu, do trong năm vị trước nói hữu lậu đạo phẩm cõi dục có hai mươi hai, văn đầu gạn cái khó, y cứ theo văn Bà-sa, bảy giác đã là vị tu đạo, đâu được phán chung đạo phẩm hữu lậu, nên dẫn trong kinh Pháp Hoa chứng thành vô lậu, vì sao ở sau lại khỏ, trong luận Bà-sa. Bảy giác đã tu đạo phải biết tám chánh đạo ở trước bảy giác, tức là kiến đạo y theo đây mà hỏi, vì sao tám chánh ở trước bảy giác, đây ở sau đáp, do hai văn trước trái nhau không nhất định, nên phải khai thành ba câu giải thích, trước nêu ba câu như trong Đại luận ở sau có giải thích, trước lược giải thích hữu lậu, vì sao ở sau giải thích ba mươi bảy phẩm là tướng hữu lậu, từ trước đến nay nhiều lần thừa nhận ở trước dẫn văn Đại luận, mà trong Bà-sa bỏ giải thích nghĩa thứ ba vì sao ở sau giải thích văn Bà-sa, nếu Tám chánh ở sau Bảy giác Tám chánh ở trước tuy là hữu lậu, nếu đến Tám chánh nhập vô lậu, nên đạo phẩm nầy vừa hữu lậu vừa vô lậu, nếu nói Tám chánh ở trước Bảy giác là vô lậu, thì như thường đã nói, trong kinh luận đều vậy, nên nói có thể hiểu tức thuộc ý thứ hai. Lại trong luận Bà-sa quyển năm mươi ba chép: Bốn niệm xứ có hai thứ, đó

là hữu lậu vô lậu, cho đến Tám chánh, cũng giống như vậy, cho nên thỉ chung đều thuộc thứ ba. Lại trong A-hàm quyển sáu nói: Bảy giác Tám chánh mỗi pháp đều hữu lậu và vô lậu, cho nên trong luận Bà-sa cho đến Tạp A-hàm có đủ ba nghĩa, đều thứ ba, nay văn chỉ nêu bày nghĩa đầu chứng thành, dẫn trong luận Bà-sa chứng thành hai ý, cũng là hữu lậu và vô lậu, cho đến vô lậu, và cũng lậu vô lậu là đối vị, lặp lại để đối vị giải thích tám chánh ở trước bảy giác, trước Thế đệ nhất cũng hữu lậu kiến đạo trở đi cũng là vô lậu, cho nên tám chánh ở trước bảy giác, đủ hai nghĩa, nghĩa là thứ hai thứ ba các đạo đế, kế ở sau chánh giải thích ở đạo phẩm vô tác, nay văn ý chánh cũng lại còn ba.

Ban đầu nói ý cũng là bỏ thư, bảy khoa nầy văn có bảy, nghĩa có bảy, ý tùy theo ích thuận căn cơ khác nhau, nầy chỉ chung luận văn nghĩa và ý, trong bảy khoa đều nói về văn nghĩa đủ như ở sau có nêu bày, ở trong bảy khoa, trước nói niệm xứ có chung có riêng, sáu khoa sau mỗi biệt mà dùng, nay ban đầu giải thích niệm xứ, văn có bốn, nghĩa có bốn đồng hiển một cảnh, cảnh có một phẩm có bốn, theo đâu tương ưng, ở giữa ban đầu chánh giải thích.

Kế kết trước sinh sau; ban đầu chánh giải thích, lại dẫn ra ba kinh mà dùng hậu hậu giải thích ở trước trước nữa, ban đầu dẫn Đại Phẩm giải thích ở niệm xứ khiến thành ba đế.

Kế dẫn trong Hoa Nghiêm để giải thích Đại Phẩm, nói Bốn niệm xứ đủ tất cả pháp, tức cảnh niệm xứ. Như đại địa một phen đủ các thứ một; kế dẫn trong Pháp Hoa kết ý Hoa Nghiêm. Thế nào là các thứ nói tánh tướng, v.v... chánh dùng, mười như dùng làm cảnh quán, nên kết rốt sau phàm nói tất cả, không ngoài trăm giới ngàn như. Lại ở sau giải thích chặng giữa đều là trước nói về một giới, kế dùng phàm để nêu bày.

1- Chặng giữa đều nói tất cả, v.v... vì trong một giới lại có mười, lại có trăm, ba ngàn, thông thường nói: Kế ở sau phân tích giải xưa. Trong kinh thứ nhất, tất cả các pháp tướng tánh thể, v.v..., chỉ là kinh thứ ba một tướng một, và thứ ba một địa thật sự, chủng tướng thể tánh chỉ là một thứ, nên một thứ nầy nói là Phật tánh: Kế là hủy mộc ở sau tức là chánh giải, "hủy" là tên chung của các thứ cỏ, "mộc" là gọi chung của cây, các thứ có thành rừng, các cây thành rừng, cỏ cây chỉ là ba cỏ hai cây, ba cỏ hai cây dụ cho thất phương tiện, bảy phương tiện nầy vốn là nhất thật, nay một niệm bỏ chánh giải thích niệm xứ, trước lặp lại cảnh không thể nghĩ bàn ở trước, vì cảnh niệm xứ mỗi giới đều đủ mười giới nên không ngại nhau, trước đặt chung tên ấm quán đã

không ngộ, nên lìa làm bốn mà sắp xếp, pháp tánh nhân duyên bỏ chỉ bày niệm xứ quán, phân biệt rõ đủ như quyển bốn, biệt hạch viên niệm xứ mà nói: Bốn văn đều do một niệm trăm giới ngàn như, ba ngàn thế gian nhiếp thành ba đế mới được gọi là vô tác niệm xứ, cho nên biết trước nay các cảnh năm pháp, đều nương ấm cho đến giác đạo cũng giống như vậy, nay mỗi niệm xứ đều trước nêu ra một cõi làm cảnh, kế do còn chín pháp nêu bày nên biết nói thì thức lớp bốn pháp, quán thì không ra ngoài một niệm ở trong một niệm có chung có riêng, lại nói về pháp tướng khiến đầy đủ, và chỉ bày thức tâm dùng làm cảnh đầu tiên, nên trước phá pháp sau nêu bày các ấm dùng làm bổn thông bít đạo phẩm, nếu muốn hiển bày ở bất khả nghĩ bàn lại phải y cứ một niệm tâm mà nói, thì đủ quán ấm nhập giới, v.v... tất cả đều nhhư vậy, như vậy ở sau chung kết niệm xứ, nghĩa ý bao gồm rộng phá lý điên đảo, ở sau giải thích bao gồm văn rộng tự có bốn, mỗi niệm xứ đều trước nói không giả phá đáo, kế dùng Trung đạo kết thành bí tạng, tự tha đều có hai nghĩa, bao gồm đại tiểu.

Nói chung phá, là đã dùng Trung đạo hiển bày tạng bí mật, nên Bốn niệm xứ đều phá đáo, vì sao, do tức không nên tức phá thường đảo nghĩa bao gồm tiểu, do tức giả nên phá vô thường nghĩa đảo ở Đại, Trung đạo làm chánh, nên nói nghĩa bao gồm, do tức Trung nên song chiếu đại tiểu đều chẳng phải tức là song chiếu song phá bát đảo, ba đế tức nhau bao gồm không có trước sau, phá không có thứ lớp, tức phá tức lập, tức chiếu tức già. Nói tươi khô, v.v... là trong Đại kinh nói, ở phương Đông đều là dụ cho thường vô thường, phương Nam đều dụ cho lạc, không lạc, phương Tây đều dụ cho ngã vô ngã, phương Bắc đều dụ cho tịnh và bất tịnh, phương Tây mỗi mỗi song, nên gọi là song thọ, phương diện đều là một khô một tươi, tươi dụ cho thường, v.v... khô dụ cho vô thường, v.v... Đức Như lai xoay đầu về hương Bắc nằm nhập Niết-bàn tiêu biểu chẳng khô tươi, tươi biểu hiện cho giả, khô biểu hiện cho không, tức là trong không giả kia mà nhập bí tạng, sau phân rằng: Phương Đông một song ở sau Phật, phương Tây một song ở trước Phật, phương Nam một song ở chân Phật, phương Bắc một song ở đầu Phật, nhập Niết-bàn rồi Đông Tây hai song hợp thành một cây, hai song Nam Bắc cũng hợp thành một hai hợp, đều cho bóng Như lai cây ấy buồn bả đều trở thành mầu trắng, thường vô thường, v.v... hai tức không hai, thường, lạc, ngã, tịnh cho khắp pháp giới, cho nên hai hợp ngăn che Đức Như lai tức là Như lai khế hợp với bí tạng, cũng là niệm xứ không đâu chẳng phải vắng lặng. Bạch là gốc của các mầu sắc, thường, v.v... xưng

là gốc nên gọi là Biến. Nói đầu xoay về hướng Bắc trong Tăng Nhất A-hàm tiêu biểu cho Phật pháp cửu trụ ở phía Bắc. Trường A-hàm quyển tư nói: Phật bảo A-nan, để đầu ta phía Nam, xoay mặt về hướng Bắc, khiến cho Phật pháp cửu trụ ở Bắc thiên, căn cơ thấy khác nhau, không cần hòa hợp, trong kinh Tiểu thừa văn còn tiêu biểu Phật pháp cửu trụ không diệt, huống chi Niết-bàn rốt ráo biểu hiện bí nêu bày tàng. Song một đời giáo môn phàm các chỗ biểu hiện văn nghĩa hiển bày chẳng gì hơn song thọ, do Bốn niệm xứ làm quán hạnh sơ môn của Đại thừa, Tiểu thừa, cho nên như vậy, ân cần di chúc ý ở đây, đối trị điên đảo ở sau giải thích tên niệm xứ, tất cả ở sau kết thành ba đế ba đế, chỉ là tàng bí mật tức là giải thích thành giải thích tên, mà chỉ là một, v.v... chung kết thành hành tướng, khuyến hạnh là quán, có thể quán như vậy tức là một, đồng với Như lai ở giữa song thọ mà vào bí tàng, cho nên niệm xứ là nơi đắc đạo, tràng là nơi nương tựa, sở y tức lý, trị bốn chỗ sâu kín vô minh hiển bày đạo thật tướng bốn đức, y cảnh nầy nên từ nhân đến quả, cảnh là thể của thừa, trí là trâu trắng, không giả phá điên đảo gọi là trang nghiêm cụ, phát tâm khởi quán gọi là Thừa thỉ, nên nói nếu quán sâu thì, rốt ráo đến quả gọi là thừa chung, nên nói nhập Niết-bàn, pháp giới chẳng phải bốn mà không lìa bốn, do không sở trụ trụ ở bốn pháp nầy, chẳng phải thỉ mà thỉ chẳng chung mà chung, vì các pháp đầy đủ nên không có các tu, chỉ là chưa nhập, nên đến phẩm sau, tự hành hóa tha, thỉ chung đầy đủ, niệm xứ đã vậy các phẩm cũng vậy, danh khác mà nghĩa đồng, dùng làm tùy nghi ưa thích đắc nhập khác nhau.

Kế nếu không có kết trước sinh sau ở sau, kế nói chánh cần, chỉ là ở niệm xứ trước tinh cần trừ ác sinh thiện, nên bốn văn nghĩa nầy tuy có thiện ác, ý ở bốn phẩm thứ lớp dọc tiến, văn từ lời tiện, trước trừ hai ác, kế sinh hai thiện, y cứ hạnh ắt do minh sinh thiện ác y cứ ở kế, và trước diệt ác kế nói sinh thiện, tuy nói đã sinh chưa sinh thiện ác, văn tợ thứ lớp ý thật viên dung nên ở bốn món siêng năng trước mà quán, nhưng thô hoặc bên ngoài, tế hoặc ẩn sâu, nên phân ra tướng đã sinh chưa sinh, trước do ba quán siêng năng quán, quán đã sinh khiến mau không sinh, lại siêng năng khiến pháp các chưa sinh làm cho không sinh, là do thô hoặc nhậm vận trừ trước, lại đặt tên là đã sinh bất sinh, nhập sáu căn tịnh tiến tu ba quán lại phục tế hoặc gọi là dứt đoạn, thô hoặc bỏ trước chân đế, thành trước, tức gọi là chân đế vì đã sinh thiện chưa được Vô sinh gọi là chưa sinh thiện.

Kế nói như ý tức là bốn pháp nầy văn có bốn nghĩa có bốn, ý ở tùy nhập tùy chỗ tương ưng, bốn pháp nầy thuộc về định, trong sáu món

thần thông thân như ý tức mượn nầy mà hiển. Lại chung nhân định sinh, cũng có thể sáu thông do đây mà phát, phải là không siêng năng, v.v... bốn món siêng năng đây là tuệ có định, tuệ quán không siêng năng, thì niệm xứ không thành lại chuốc lấy tán động, nên giải thích trong dục nói như đèn trong gió, nay tu như ý như thêm mật thất, đối bốn pháp nầy mỗi pháp điều chỉnh định tuệ nếu đồng, mới được gọi là định có tuệ, ba trí viên phát, ba hoặc viên trừ, cho nên bốn thông nầy gọi là đoạn hạnh, bốn pháp đều là hạnh dứt hoặc gọi là đoạn hạnh.

Nói thành tựu là: Từ quả mà đặt tên, nên bốn chánh cần bốn pháp đồng quán, hai hai khác thời vị tướng khác nhau, nay bốn pháp như ý túc đều dùng.

Ban đầu nói dục: Là mong mến mộ ưa thích trang nghiêm pháp ấy là nói pháp ấy: Nghĩa là cảnh niệm xứ, nói trang nghiêm: Là tu mong hướng tâm khiến pháp ngay thẳng, phàm sở tu tập tất cả pháp, nếu không ưa muốn việc sẽ sơ sót. Nói tinh tấn là chỉ có chuyên quán lý không để xen lẫn không xen lẫn nên tinh, không gián nên tiến, phàm sở tu lập tất cả các pháp, nếu không tinh tấn việc sẽ không thành nói nhất tâm, là chuyên chú cảnh ấy nhất tâm chánh trụ, nếu có nhất tâm quán pháp dứt bặt, nói tư duy là tư duy lý ấy, do tư duy nên tâm không rong ruổi tán loạn, nên biết bốn pháp là phương tiện nhập định.

Kế nói năm căn, năm pháp nầy văn có năm nghĩa có năm ý cũng tùy nhập tu các phẩm trước, dù mầm thiện mới phát, gốc vẫn chưa sinh, vì gốc chưa sinh nên mầm thiện dễ hoại, nay tu năm pháp khiến gốc lành sinh, nên pháp nầy đều gọi là Căn, giải thích năm pháp nầy mỗi pháp có đủ hai giải thích căn đương thể.

2- Nhiếp sau quy về trước.

Lại hai nghĩa nầy trước sau không nhất định.

Ban đầu giải thích trong tín ở trước giải thích đương thể: Nghĩa là tin ba đế. Kế là từchỉ niệm xứ tu sau nhiếp ở sau quy về trước, nghĩa là tín căn nầy, phải nương niệm xứ, nếu không tin cảnh căn làm sao sinh được.

Hỏi: Trước tu niệm xứ đã không được nhập, cần gì nương cảnh niệm xứ?

Đáp: Chỉ vì niệm xứ chưa thể đắc nhập, lại đối với cảnh nầy tu khiến căn sinh, cho nên năm căn đều nương niệm xứ chánh cần như ý cũng như vậy, kế giải thích trong tiến trước nhiếp tiến nhập tin, nên nói tin nhiếp các pháp, kế tin các pháp cho nên ở sau giải thích đương thể.

Kế giải thích trong niệm trước giải thích đương thể, do niệm trí

không để tà vọng thiên tiểu được nhập, lại từ pháp nầy ở sau nhiếp niệm nhập tấn, niệm tấn không sót, nên nói không mất.

Kế giải thích định, trước giải thích đương thể, nhất tâm yên tĩnh nên gọi là Định, theo mà thực hành tinh tấn ởsau trước nhiếp định nhập tiến, lại từ pháp nầy ở sau chánh nhiếp định nhập niệm, hữu niệm nên không vong, có tiến nên không động.

Kế giải thích tuệ, trước nhiếp tuệ nhập định, từ nội tánh ở sau giải thích tuệ đương thể, có tuệ của định chiếu bổn hữu tánh, cho nên gọi là nội tánh tự chiếu, kết trước sinh sau trong đó nói ngăn các phiền não, tức do trong tuệ phá ba hoặc.

Kế là năm lực, văn nghĩa và ý, y theo căn nên biết.

Hỏi: Danh đồng làm căn, cần gì lặp lại.

Đáp: Gốc lành tuy sinh mà ác cũng chưa phá, lại tu tập khiến căn thêm lớn, cho nên năm căn nầy lại thọ tên lực, căn thành ác phá, nên gọi là lực, nên trong Đại luận quyển hai mươi mốt chép: Thiên ma ngoại đạo không thể làm tổn hoại, cho nên năm lực nầy còn gọi là Lực, hoặc tự hoặc tha đều được gọi lực, tín lực tin chắc không thiên tiểu các nghi làm lay động, tấn lực quán sát kỹ sẽ không lẫn lộn, vốn cầu cực quả chưa chứng không dừng, niệm lực trí chắc phá tưởng biên tà, không để ba hoặc phá hoại định lực nếu thành, có thể ở trong các xen không ngăn ngại, khác nhau riêng tu tướng căn bản. Nói phá bán, có thể phá tất cả tán hoại ở cõi dục, hoặc lại tuy dùng cõi dục nói pháp mà không ngại chi lâm ở Sơ thiền, hoặc trụ pháp Sơ thiền giác quán mà không ngại ở nhị thiền nội tịnh, hoặc trụ Nhị thiền tương ưng với hỷ, mà không ngại thọ vui ở Tam thiền, hoặc tương ưng với xả thọ Tứ thiền mà có thể giáo hóa tất cả chúng sinh, dầu ngại Tứ thiền mà không ngại các định. Phương nghĩa là phương ngại, ngại nghĩa là ngăn dừng, dầu có nhân duyên không vào tứ thiền, không ngại tất cả thiền định tự tại, tóm lại, chỉ là các định xen không ngại nhau, đã nói không xả không tùy, v.v... không xả thế thiền, không tùy thiền sinh, nên trong kinh nói: Tuy hành thiền định giải thoát Tam-muội mà không tùy thiền sinh là hạnh Bồ-tát, tóm lại mà nói, chánh dùng trong định, cho nên mới có thể không xả không tùy.

Kế giải thích tuệ: Năng phá tất cả các tuệ thiên viên, năng phá tất cả các chấp quyền thật, mà năng song chiếu chấp thật tướng của tuệ.

Kế giải thích Bảy giác: Là văn có bảy, tướng có ba, nghĩa có hai, ý cũng tùy nhập, chung có một, riêng có hai, nên nói tướng có ba, không ngoài định tuệ nên nói nghĩa có hai, lại do tịch chiếu để trừ, v.v... tiến,

v.v... mà điều chỉnh, mà dùng tịch chiếu để xét khởi, định tuệ đều có ba đều tùy dùng một, đắc ích lại dừng không giả khắp tu, nếu hoàn toàn không lợi ích mới là phẩm sau, niệm năng thông trì định sáu phần, cho nên niệm phẩm chung ở hai chỗ.

Kế giải thích Tám chánh, văn có tám nghĩa có tám ý cùng bất định, phẩm vị đã cùng tột, lại không có sinh sau, hai pháp đầu như văn.

Giải thích Chánh ngữ: Nghe pháp nói pháp, đều được giải thoát, công giáo hóa quy về mình, nên lợi ích tự tha, giải thích chánh nghiệp trước nêu bốn nghiệp.

Kế giải thích bốn nghiệp, nói Tiểu thừa có thể giải, nếu trong Tiểu thừa thì không được nói phi bạch phi hắc, mà có lai báo, đủ như trong quyển nhất phân biệt có không, nay nói có là nói theo Đại thừa vô lậu làm nhân, vô minh làm duyên, sinh ở ngoài giới, thọ thân pháp tánh báo đáp do đây gọi là Báo, trong văn lại y cứ ba quán giải thích nghiệp. Không có thứ lớp gọi là viên chánh nghiệp. Nói tà mạng, ngoài tự viên gọi là tà. Ca-diếp tự thuật là ý ấy.

Hỏi: Vì sao giải thích nghiệp mà nói là tà mạng?

Đáp: Duyên lý nghĩa chung nên được giải thích xen nhau, viên nghiệp bất chánh thường mạng thành tà, phá không đâu mà chẳng khắp nên gọi là tận, y khắp mà hành mới gọi là chánh, thấy tha đắc lợi mình ở sau, văn tuy việc nêu bày ở trước cũng nên dùng làm lý giải thích, lại y cứ về sự, người viên tu phải lìa bốn tà mới gọi là chánh mạng, thấy tha đắc lợi sự giải nên biết. Nếu lý giải thích, hoặc thiên hoặc tiểu gọi là tha lợi, đủ ba đế gọi là lợi mình, suốt ngày viên tuy không nghĩ viên, mà đối vô tưởng không sinh đắm nhiễm gọi là tri chỉ túc thiện, nên gọi là Tinh, nhập nên gọi là Tấn, đắc trung gọi là chánh, tâm không động, v.v... không động nên ngay thẳng không lỗi nên không mất. Câu trên là nhân câu sau là quả, Trung đạo bất động ở niệm không mất, nên gọi là chánh niệm, dời trụ giải thích chữ Chánh, quyết định giải thích chữ Định, chánh trụ ở lý quyết định không dời, nhân là ở sau kết Tám chánh đạo, như vậy ở sau kết chung đạo phẩm, ban đầu kết chung chỉ bày đạo phẩm trong một niệm tâm, sơ tâm có thể tu, chưa luận vị sâu, Đại luận ở sau dẫn chứng đạo phẩm đều ở niệm xứ, cho nên đạo phẩm sơ tâm đều tu, nên biết, v.v... là nói công năng tu đạo phẩm, như đây ở sau kết phán.

Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết phần một trong quyển bảy.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 7
(PHẦN 2)

Kế nêu dụ cho trong Đại luận Bà-sa đều nương cây dụ cho đạo phẩm, nên gọi là Đạo thọ, hai luận đều rất giống với văn nầy, nhưng nay kết quả vị ở Sơ trụ có khác với Bà-sa, trong đó lại có hai.

Ban đầu khác nhau y cứ về đạo phẩm vô tác, kế y cứ chung ba quán, văn đầu có dụ cho hợp kết, thí và hợp văn đều thiếu như ý, thí như trong đó nói: Thân cây vượt lên cao vót, tức như y tác, pháp tánh ở sau hợp, trước chánh hợp.

Kế nói quả trên khác tên, đạo phẩm thiện tri thức ở sau kết trước hợp dụ cho, theo trong phương tiện có ba thứ tri thức.

1- Dẫn dắt khiến đến đảo châu báu, tức đồng hành.

2- Do đạo phẩm nầy khiến thực hành không lầm, là nghĩa Giáo thọ, các phẩm phòng hộ vọng lầm không xâm phạm tức nghĩa ngoại hộ.

3- Nhẫn nhục là y pháp hỷ làm thức ăn, giúp cho tuệ mạng được lợi ích để định thân, đều là nghĩa ngoại hộ.

Do ba tri thức nầy khiến vào Sơ trụ ba thân chánh giác, có thể vì chúng sinh làm chân thiện tri thức, thông suốt ở sau y cứ ba đế, trước chỉ y cứ viên biệt biệt đối vị, nầy y cứ chung đế mỗi đế, đều nói rõ ở giữa trước biệt đối.

Kế đối chung, hai đối chung riêng chỉ nương văn dụ, chẳng phải y cứ tu hành. Lại y cứ dọc vị để dụ cho viên, quán hạnh làm lá, tương tự làm hoa, phân chân làm quả, hoặc y cứ chung bốn giáo y cứ theo thuyết nên biết.

Kế nói ba môn giải thoát: Là nói công năng của đạo phẩm.

Trong Đại luận hai mươi mốt hỏi: Niết-bàn chỉ có một môn vì sao là ba ư?

Đáp: Pháp một mà nghĩa có ba, ba chỉ là một, lại tùy theo người khác nhau nên chia ra có ba pháp khác nhau kiến hạnh từ hư không, ái hạnh từ vô tác, kiến ái, v.v... là từ vô tướng, luận hạn cuộc về ba tạng nay chung ba giáo, Biệt giáo sơ tâm đồng hai giáo, các giáo đều do chứng đạo làm thành vô lậu, chỉ có Viên giáo nghĩa thông, trong sáu tức nói khác, cho nên nay văn giải thích đạo phẩm xong.

Kế cũng nói ba môn giải thoát, nếu theo văn chánh ý, chỉ nên nói ba giải thoát vô tác cùng là so sánh biết khiến cho biết vô tác, cho nên nói đủ các giáo ba thoát, ở giữa trước nói ý nêu bày tên gọi.

Kế chánh giải thích chặng giữa trước gồm giải thích.

Kế trải qua giáo, ban đầu văn trước nói Vương thần bên chánh thân sơ; kế y cứ phục đoạn; ba y cứ danh thể, vì chung riêng, các giáo đều có ba nghĩa khác nhau, y cứ theo mong Thánh giáo, không thể chuyên nhất, nên đều nói hoặc, ở sau y cứ giáo để giải thích, nhưng chú giải nói rằng: Lại không có phân biệt, nên tùy theo giáo ấy nêu ra tướng trạng kia.

Ban đầu Vương thần giữa và trước nói Tam-muội là Vương.

Kế nói ba môn giải thoát là vương, ba môn giải thoát từ tuệ Tam-muội từ định, hư khác nhau với trên đặt hai tên, do hai thứ người vào vô lậu khác, nên có Tam-muội ba thoát khác nhau, do đích thân vào vô lậu là vương, bàng trợ giúp phát là thần, kiếm cùng tư duy thuộc về tuệ, tức là từ tuệ phát định, từ định phát tuệ, theo đây nên biết, đoạn phục danh thể tì mười văn rất dễ thấy.

Kế lịch giáo: Ban đầu ba tạng giáo y cứ mười sáu hạnh để chia ra ba môn. Trong Câu-xá Bà-sa các văn đều như vậy, chỉ tâm Tam-muội cho đến ba môn giải thoát, xen làm vương thần, các luận không nói, nên trong ba tạng do quán hạnh nầy, trên nhẫn phát chân, nên dùng hạnh đây làm ba môn. Lại hành tướng nầy chỉ lấy ba môn ấy thứ đồng phán xét thuộc về môn. Thông giáo từ ban đầu chỉ quán huyễn hóa, cho nên lại không y mười sáu hạnh, nhưng y cứ quán không để nói rõ ba tướng, lại y cứ định tuệ để nói vương thần, ba nghĩa như không, v.v... tuy đều thuộc quán huyễn, không ngại cũng có vương thần khác nhau, cũng do nhập đạo căn khác.

Ban đầu trong môn không dẫn đủ xưa nay giải thích bổn luận, đã là xưa nay xen nhau nêu ra khác nhau, nay đều dẫn ra để chứng quả thật, giáo nầy có ba môn khác nhau ba tạng ba môn thể khác, trong đây đắc không tức vô tướng nguyện.

Kế nói Biệt giáo trước y cứ chung ba quán. Kế y cứ Biệt giáo nói

xuất giả. Ý văn đầu, tức dùng ba quán làm ba Tam-muội, ba môn giải thoát cũng như vậy, trong mỗi đế chỉ tức Tam-muội, quán tức ba môn giải thoát, vương thần phục đoạn đồng y theo ba trang đế nói, tức do Sơ địa làm thành vô lậu.

Kế Biệt giáo nói về xuất giả, y cứ một đế nầy đã là nghĩa lập ba, nên biết cũng đủ các nghĩa Vương thần, ở trong Biệt giáo lập hai giải thích, y cứ giáo thì chung tuy có đủ ba đề, không đắc ý là chỉ ở giả, cho nên giáo nầy cần phải giải thích hai cách, lại một giáo thì chung tuy đủ ba đế, nếu nhập chứng đạo thì không còn gọi là biệt, cho nên Biệt giáo chỉ ở giả, phàm giải thích nghĩa Biệt đều y theo đây, đã y cứ lược xuất giả để giải thích ba môn, cũng chung hạnh hướng làm thành vô lậu, nên trong kinh Đại Tập chép: Muốn độ chúng sinh tu ở không, được thì các pháp tu vô tướng, không xả các cõi tu vô nguyện, há chẳng phải thuần ở xuất giả để lập ba môn, xuất giả còn như vậy, làm sao nhậm vận đủ giả nghĩa cầu.

Kế nói Viên giáo. Trước giải thích ba giáo giải thích thẳng như vậy. Nay nói Viên giáo là riêng tóm lược, là phải biết ba pháp trước thông suốt nêu bày sơ lược, văn nầy chánh ý, Biệt giáo ở ba môn Viên giáo khác với trước, Viên giáo Vương thần cũng lại cách xa, nên trong Viên giáo không tức vô tướng, vô tác. Nói tợ thông giáo ý lại thường trái, định tuệ thể một, viên phục viên đoạn, nên gọi là diệu thể hai nghĩa dung thông, ở trước dẫn văn luận bao gồm so sánh quyết định.

Kế chánh giải thích

Ban đầu so sánh quyết định, sở duyên khác nhau môn năng thông khác, sở duyên tức là Sơ trụ vô lậu, nên cũng khiến cho cận viễn của năng thông cũng khác, trí là đồng. Là nói thể không chẳng đồng, người trí nói cũng thông Biệt giáo cho đến tiếp cận với thông, nay chỉ ở Viên thành viên ba môn giải thoát, không tức bất không đều cùng tột của năng thông, nên đều gọi là Trung, đều thấy được tánh, lại không của sở kiến không chẳng có đại tiểu, do trí khác đại tiểu nên gọi là sinh, vì thế trong đây do trí phán xét không, trí đã viên dung hai không thì hợp, hợp nên gọi là Trung lại có thể thấy tánh, lại Nhị thừa ở sau nói nhân nói rả đại tiểu mười tám không khác nhau, nếu được không nầy sẽ đủ mười tám, cho nên kế đây nói rõ mười tám không, nếu không chẳng đồng thì các môn tự khác nhau, cho nên Nhị thừa quán mười tám không, như xem việc trong mộng, nay Viên giáo ở sau Đại có phân mười tám không, hàng Viên giáo quán như quán manh pháp, pháp như vô minh việc mộng như chấp tướng, chấp tướng nhánh ngọn vô minh làm gốc,

cho nên việc mộng phải nương manh pháp, nên quán vô minh, tức thấy thật tướng, chỉ quán chấp tướng thì chỉ có thấy chân lý, nếu phân biệt với Nhị thừa thì không khác nhau, thì hai giáo Nhị thừa và thông biệt nhập không, nhậm vận rất dễ biết, dầu khiến Biệt giáo nói ở bất không, chẳng phải sơ tâm quán cần gì so sánh quyết, nên đều không đồng với Viên giáo chẳng, nên chỉ y cứ Nhị thừa, không nói các giáo, do trong văn nầy nghĩa còn hàm ẩn cho nên văn sau lại phân biệt trùng lập. Như trước ở sau chánh chỉ bày môn tướng, trước nương trước tu Trung quán trong ba giả để nói ba tướng, nên nói như trước, đã dùng bốn câu quán phá vô minh tức, đủ hai không đều chẳng thật có, tức là không môn chẳng thấy tướng bốn môn, tức nối tiếp giả phá, còn không có pháp tánh đâu có vô minh, cho nên phân ra bốn môn khác, tức môn vô tướng, môn chỉ là câu, tức là bốn câu, cũng có chân có duyên nên có năng sở, vì có năng sở nên có tác giả, nay chẳng phải nhân duyên nên không có tác giả tức môn vô tác, tuy nương ba giả thật không có trước sau, trước trong Thông giáo còn không tức vô tướng và vô tác, huống chi viên diệu lại lập thứ lớp. Vương thần nói: Cũng đủ ba nghĩa không đồng với trước, nói ba môn tức nhau như vậy, v.v... lại bốn môn ở sau nói mỗi môn ba thoát, mỗi môn xen thông, như đây ở sau lại lập y cứ giáo để nói không khác, ban đầu kết thành viên môn, nên nói ba môn ý chẳng phải thứ lớp, Biệt tuy ở sau vẫn thừa nhận Biệt giáo cũng duyên thật tướng, vì thứ lớp nên không đồng với Viên giáo, lại khác, v.v... cũng khác nhau biệt so sánh lại Tạng Thông, có thể biết khác tướng mới có thể quán đồng, cho nên khuyên chúng sanh phải khéo biết, lại trong Hoa Nghiêm ở sau y cứ năm vị để phán xét.

Văn đầu chánh y cứ năm vị để phán.

Nói Bốn niệm xứ chỉ là quán ấm, nếu đối Niết-bàn thành năm giải thoát, giải thoát chỉ là tạng bí mật, niệm xứ đã ở đầu đạo phẩm, nhưng thọ khô tươi lại nghĩ tiêu biểu chỗ, cho nên lại y cứ khô tươi để phán xét. Ban đầu trong Hoa Nghiêm tuy có hai nghĩa, văn thường nói riêng, nên nói thiên nhiều bốn món tươi khô, cho nên trụ trước mười món phạm hạnh hoàn toàn nói nghĩa riêng, Sơ trụ tức nói lược nghĩa viên.

Nhị trụ trở đi cho đến phẩm Thập địa nói nhiều về nghĩa biệt. Tuy trong hành hướng phân biệt ở hai môn hành bố của Phổ Hiền, mà trong các vị Phổ Hiền nghĩa ít, phẩm nhập pháp giới chỉ có thấy ngài Di-lặc, Văn-thù, Phổ Hiền nói rộng về viên dung, còn bao nhiêu thiện tri thức, phần nhiều nói tướng riêng, nên nay nói hơn bốn pháp tươi khô

trong ba tạng rất dễ hiểu. Trong Phương Đẳng Bát-nhã, khắp nơi tuy có nghĩa Viên, phần nhiều điều phục Bồ-tát độn căn và người Nhị thừa, cho nên trong kinh Tịnh Danh phân tích Thinh văn thấp hơn Bồ-tát, nghĩ đến cái gốc, bỏ đi cái hoá chuốc lấy chê bai, nghe việc không thể nghĩ bàn cũng như gốc hư, thấy Đại sĩ hiện kiến tư thấp như mù, mới tin Đại thừa rất sâu, phục các chí lớn của Bồ-tát, đến hội Bát-nhã mới bỏ được nghiệp, nên Phật thêm vào để nói hai không, cho nên hai thời ý giáo phần nhiều điều nói khô để nhập tươi, khiến người Nhị thừa hơi thành Thông Biệt, tuy chưa hiển bày nói nghĩa đã thành tươi, đến thời Pháp Hoa hội các tươi khô nhập chẳng phải khô tươi, bấy giờ mới được Phật thọ ký, hơn nữa thuận theo Đại kinh, chưa có nói, tức nói hạc lâm lập bày giáo hóa đã đủ, hai kinh đồng vị tuy vượt mà bao gồm, cho nên phán xét là rất độn căn, lại đến song thọ, Phương Đẳng Bát-nhã hiển mất nhập mật nên nói Bồ-tát xứ đắc nhập đã dẫn trong kinh Niết-bàn, xa chỉ trong kinh Pháp Hoa, cho nên kinh Pháp Hoa là để hộ chánh chủ, cho nên trong kinh dụ mùa thu thâu, mùa đông chứa, đến thời Niết-bàn cũng như thu hoạch, nên trong Đại kinh quyển chín nói. Thí như đêm tối hoặc tất cả việc làm, tất cả đều dứt, việc ấy chưa xong, phải đợi ngày mai. Người học Đại thừa phải đợi ngày Vô thượng Đại Niết-bàn, kinh nầy xuất thế như quả hột kia phần nhiều được lợi ích an vui tất cả khiến cho chúng sinh thấy tánh Như lai, như trong Pháp Hoa có tám ngàn Thinh văn được thọ ký, như mùa thu thì thâu hoạch mùa Đông thì chứa để lại không có sở tác bọn nhất-xiển-đề đối với các pháp thiện không làm đầy đủ được, tám ngàn Thinh văn tức là trí phẩm tám ngàn vị, ở đây nói theo tướng năm thời, nếu nói về giáo chỉ thì Pháp Hoa chỉ có khai quyền hiển viễn làm chỉ giáo chánh riêng được gọi là diệu ý ở đây, lại nói ở sau người kết thành biểu hiện chánh ý, chỉ là kết thành công niệm xứ xong, nói sáu người và Như lai, quyển hai mươi tám chép: Lúc bấy giờ, Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là Tỳ-kheo trang nghiêm Ta-la Song Thọ, Đức Phật nếu sáu người cho đến Như lai, sáu người ở nhân Như lai ở quả, nhân quả đều được gọi là trang nghiêm, nhân quả thỉ chung bốn đức đầy đủ, tiêu biểu nghĩa hiển nên nói Trang nghiêm.

Nhân sáu người: Trong kinh nói: Nếu có Tỳ-kheo thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, chánh văn cú ấy, như vậy Tỳ-kheo mới trang nghiêm được Ta-la Song Thọ, Sư Tử Hống chép: Như ta đã hiểu nghĩa Phật nói, A-nan Tỳ-kheo tức là người ấy, được tịnh thiên là chỉ ngài A-na-luật, ít muốn biết đủ là Đại Ca-diếp, vô tránh không hạnh là chỉ ngài Tu-bồ-đề, khéo tu thần thông là chỉ Mục-kiền-liên, đắc đại trí tuệ là ngài

Xá-lợi-phất, mỗi vị đều hiểu rộng như A-nan, sau nếu quả và người, nếu có Tỳ-kheo hay nói chúng sinh đều có Phật tánh, đắc Tam-muội Kim cương đầy đủ bốn đức, tám ngã tự tại, Tỳ-kheo như vậy rất có thể trang nghiêm Ta-la Song Thọ, Sư Tử Hống nói: Như ta hiểu nghĩa Phật nói, chỉ có Như lai mới có khả năng trang nghiêm Ta-la Song Thọ, như không kia thì không trang nghiêm, cúi xin Đức Như lai thường trụ ở đây.

Phật nói: Tất cả pháp tánh trụ ở vô trụ, làm sao thỉnh trụ, sáu người trước tuy nói phần nhiều nghe cho đến đại trí phải nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đã ở hội Pháp Hoa được nghe thọ ký rồi không ai chẳng thể nói nhưng kịp quả và người, nên nói Như lai rất có khả năng trang nghiêm, nhân nhân quả nhân đều có đủ bốn đức, nhân nhân mới nhập nên nói tuy có Phật, Thinh văn còn như vậy, ở sau nêu lên để so sánh cao siêu, nếu nhập Niết-bàn, thành năm giải thoát, kết bốn niệm tiêu biểu để thành bí tạng, bí tạng chỉ là Niết-bàn, Niết-bàn chỉ là giải thoát Bốn niệm xứ quán đã quán năm ấm, niệm xứ đã thành trung gian Niết-bàn, tức là năm ấm thành năm giải thoát, nên trong kinh nói: Sắc giải thoát cho đến thức giải thoát. Biết tức, v.v... Là kế kết Bốn niệm xứ cho đến giải thoát thành ba Phật tánh, ba Phật tánh nầy cùng chấp sáu pháp, biết tức là không lìa, bất tức chẳng phải chẳng lìa nên lý đủ, cho nên bổn mê nên sai. Nói sáu pháp: Nghĩa là năm ấm thần ngã, nên trong Đại kinh quyển ba mười nói, làm người mù rờ voi dụ cho đã xong, tức hợp dụ cho hoặc có thuyết nói, sắc là Phật tánh, cho đến có thuyết nói ngã là Phật tánh, phải biết Phật tánh cùng sáu pháp ấy chẳng tức chẳng lìa.

Ba Phật tánh: Là theo ý quyển ba, văn trong niệm xứ, chánh nhân không tức không lìa với sắc, liễu nhân không tức không lìa ở thức, duyên nhân không tức không lìa thọ tưởng hành và ngã, phải biết sáu pháp chỉ là ba nhân, nên ba do đây cùng năm ấm, v.v... không tức không lìa chuyển năm ấm để thành bốn đức, ba đức ba nhân, đủ như quyển ba văn ba đức ở cuối trong ấy, đủ Viên giáo Biệt giáo, nay chỉ ở Viên, Đại thừa đồng Tiểu thừa khác đều có ý chỉ, hai giải trước dùng năm ấm Bốn niệm xứ đối với ba đức ba đức nay đối với năm ấm lại thêm thần ngã, để ở bốn đức chỉ có đối với ba nhân cho nên khai hợp có chút đồng và khác.

Kế giải thích đối trị để trợ giúp khai.

Ban đầu nói trong ý, trước khắc thể trợ giúp, nên nói vì tất cả Tam-muội làm gốc, nên bốn pháp Tam-muội phải nương Viên giáo

không thể nghĩ bàn ba pháp Tam-muội làm gốc, đây là sáu tên trước làm chánh hạnh, chánh hạnh không hiển rõ bởi có ngăn, lại phải phân nói. Đương giáo Tam-muội tức là gốc của đương giáo các hạnh, nay văn chỉ có y cứ Tam-muội vô tác làm gốc các hạnh, nếu nhập ở sau nói làm riêng văn nay hạnh bổn, căn lợi ở sau chánh y cứ căn ngăn phân biệt để phân biệt giúp ý, trong bốn câu ba câu không cần, chỉ có căn độn có ngăn dùng để đối trị, trong câu kế nói chỉ chuyên ba môn giải thoát, nhưng trước chuyên tu đạo phẩm vô tác để khai ba môn giải thoát, phàm sơ quả ở sau so sánh giải thích, nầy phải là quả thứ hai vì căn lợi có ngăn, và thế trí dứt kết, tuy chẳng phải xuất thế căn lợi nhưng cũng là hạn cuộc không ngắn.

Nói hai điều: La hai quả thành một điều thế trí làm một điều, hai điều như thế, điều ban đầu còn có sự hoặc, điều kế không sự vì lý thành chướng, phá sự lý chướng, nghĩa phải dùng trị, so sánh căn độn ngăn trùng lặp không đối trị, quả thứ ba người thứ ba muốn kết tận nên không nói phải trị, thế trí tuy đoạn, ở sau Bát địa suy nghĩ, vì chấp ngã nên phải trị đạo, nên trong năm pháp quán dừng tâm chấp ngã nhiều, còn phải đối trị để nói pháp giới, nếu theo ý nầy chỉ có căn lợi không ngăn, căn độn không ngăn, và trí vô lậu tận muốn kết, không cần đối trị, nhưng ban đầu hai quả chỉ duyên lý trị hoặc, gọi là dụng trị, thật khác nhau với phàm phu trị tướng, phải biết không ngăn nhưng chuyên trước nay cảnh đồng với sáu pháp, nếu có ngăn căn độn, thì trị đạo không thành Tam-muội yên khắc, giúp đạo vô lượng ở sau nói dùng sở trị sở y, giúp đạo vô lượng chỉ dùng sáu pháp là đối sáu tệ, nên lại lập sáu pháp để chỉ bày tướng trị, y cứ theo ý văn sau, tuy các giáo lần lựa thành trị, nhưng khoa nầy chánh làm trị ở ngăn che nhiều lớp. Cho nên lại lập sự có sáu để trị.

Hỏi: Trước trong thông bít, bít có ngang dọc, trong đây trị bít vì sao chỉ đem sáu độ trong ngang để nói tướng trị.

Đáp: Ngang thì sự lý đều chướng, sáu độ thì nhiếp sự lược khắp, huống chi lại khổ tập vô minh gọi là lược đối trị không đủ, và hoặc trần sa trong dọc chẳng phải trị chánh ý nay nói sự trị nên không nói dến, lại nếu có khổ tập thì có vô minh, có vô minh nên sáu tệ đầy đủ, nhưng trị sáu tệ còn hai thì bỏ, tướng tệ nầy lại ở ấm cảnh trải qua các tâm, cho nên biệt sinh, văn nầy dùng quán, như người ở sau ban đầu trị san lận, nói nếu người tu bốn pháp Tam-muội đến giải thoát môn, không khai văn đây là đầu tiên ở sau năm độ, năm pháp ở sau chỉ nói khi tu Tam-muội, còn các văn đều lược.

Chữ “kích” là nước bắn lên.

Kế trong phá giới: nói che lấp, là dáng mạo thô rít trong phòng quá là nói chế phần hạn gọi là độ. Thuần là thuần phát, cũng là ít, là yêu. Bột nầy chẳng phải là thể của chữ, nghĩa là trái nghịch, nên làm chữ đổi là sai. Chữ sự là thát bạt, đúng nên là chữ lại. Ngọc Thiên nói: Có tâm mà không lực, nghĩa là biếng nhác Xuân oa: là loài ểnh ương.

Diện tướng là không có sở kiến, các tệ ở sau có chung kết, trong sáu tệ trước đều có dày mỏng, nếu cần thì ở sau nói đủ bốn món tùy hồi chuyển tướng trị, đối trị ở trước đã dùng một đối trị trong bốn thứ đã xong, thoạt chẳng phải việc thích nghi kia nên phải chuyển dùng, hoặc gồm hoặc đủ, hoặc nghĩa đệ nhất, cho nên nói chung là phải y theo bốn món tùy.

Ban đầu nêu chung.

Kế chỉ bày riêng chặng giữa, như trị một xan, lược ở một tệ chỉ bày tướng bốn món tùy.

Hỏi: Trong văn nếu đã rõ đối trị, trong đây chỉ nên nói lại ba món tùy, vì sao y cứ lược về san nêu bày có đủ bốn?

Đáp: Trước tuy nói: Dối là thẳng dùng trị, mà chưa nói rõ dùng trị có lợi ích hay không, nghĩa là ác phá thiện sinh, v.v... nay chỉ bày tướng tùy giáo ấy hồi chuyển, cho nên nêu đủ tướng bốn món tùy, lại trong bốn món hoặc vui hoặc không vui để nói tướng chuyển, do không ưa thiện tức chuyển dụng hộ cho đến Bát-nhã, nếu tâm thiện sinh cho đến khai mở, là gồm chuyển đủ và nghĩa đệ nhất, lại trong đối phá tức là đối phá chung, tức gồm chuyển đủ, nên nêu chung các cách chuyển.

Nói chuyển: Là hoặc chuyển dùng hộ cho đến Bát-nhã hoặc thứ lớp hoặc vượt một đến bốn, nghịch thuận lẫn lộn bệnh bỏ biến dừng, năm độ làm dầu chỉ vượt bổn vị, còn đồng với thiện, bệnh nầy không chuyển mà trị chuyển, một độ chuyển dùng còn năm độ liền thành năm câu sáu độ, gồm có ba mươi câu trị, nếu thuốc bệnh đều chuyển tên cũng đối cũng chuyển, thành ba mươi câu, là chuyển là đối là chuyển chẳng phải đối, một phen đến lại lập thành ba mươi câu, nếu vượt xen lẫn thì câu tướng không nhất định.

Hành là tự biết, đâu thể ghi đủ lại một độ chuyển dùng đến hai ba bốn, cũng có thể gọi chuyển, cũng có thể gọi bao gồm, nếu đến năm độ danh chuyển danh đủ, không được đủ danh là dùng chuyển dụng, nếu nói đủ là không được nói chuyển, nhưng dùng đủ sáu tệ trị một tệ, cũng dùng chuyển nên lại mất bao gồm cả tên, nên tuy gồm đủ chỉ gọi là chuyển, cho nên chuyển đến năm không gọi là đủ, chuyển thì riêng

dùng đủ thì gồm chung, nên khác nhau cũng như bệnh chuyển mà thuốc không chuyển, không gọi là chuyển trị cũng chẳng phải gồm đủ, hoặc nghĩa đệ nhất gọi là nhất hướng trị, cũng có siêu thuận nghịch, v.v... tùy theo bệnh ấy chuyển dùng làm năm tệ cũng thành ba mươi câu nhất hướng trị.

Nói bao gồm: Là thuốc bao gồm một lượng cho đến ba bốn, đến năm tên đủ cho nên chỉ có bốn, sáu độ phân biệt có bốn câu thành hai mươi bốn, một độ đến năm chỉ thành sáu câu, chánh gọi là trị đủ, nay văn không đủ, chỉ là văn lược trong quyển tám có. Đây y cứ Viên giáo dùng tướng sự trị, nếu sơ tâm Tạng, Thông, Biệt tu Bốn niệm xứ, dùng tướng sự trị y cứ theo đây nên biết. Nói nghĩa đệ nhất, là chỉ có quán lý vô tương chân như vắng lặng. Nếu theo giáo, đều do đương giáo chân lý làm trị, cho đến viên nhân dùng ba giáo lý làm đối, v.v... Lại sơ tâm bốn giáo đều phải sự trị, như hướng sở thuyết, hoặc dùng bốn giáo tranh chấp làm trị do trước giúp sau, lại dùng sáu chuyển trước mong tướng sáu tệ giáo sau, làm đối chuyển, v.v... như bên Thông giáo dùng sáu độ trong ba tạng, hàng Biệt giáo thì dùng Tạng Thông lượng sáu, hàng Viên giáo dùng ba đều có chuyển, v.v... như trị một san xem san thế nào, tài thân và mạng chỗ san khác nhau, đã biết san rồi dùng sự làm trị, người Biệt giáo dùng hai ví dụ nầy nên biết, người Viên giáo dùng ba, như dùng sự trị san, san tuy tợ phá do đây mới chấp ba xả làm thật, nhưng tăng thêm sinh tử không chánh có thể nói chuyển dùng tức không trị chấp thật ấy, nếu phá thật chấp, thì sẽ được tương ưng với pháp giới, phá thật tồn không, thì nên chuyển dùng hằng sa Phật pháp, xả thân mạng dài mười cõi không biết, khi thực hành quán nầy chấp giả làm thật, chỉ được gọi là ái kiến đại bi, thì nên chuyển dùng quán thân mạng, tài sản đều là pháp giới, Viên giáo quán pháp được đối trị gọi là do đây. Trong nầy chỉ có thuốc và bệnh đều chuyển, không bị bệnh chuyển mà thuốc không chuyển, cũng có thể được có thuốc chuyển mà bệnh không chuyển vì vì sao? Chấp thật không chuyển mà cũng cho dùng ba thứ thuốc sau, đều đủ so sánh nói suy nghĩ nên biết, lại nầy chuyển trị bắt đầu từ sinh diệt cuối đến vô tác, gọi là tiệm chuyển, nếu từ vô tác chuyển đến sinh diệt cho đến xen chuyển gọi là bất định, nếu nghĩa đệ nhất gọi là đến chuyển, một tệ đã vậy các tệ cũng. Cho nên đối với một bệnh chuyển dùng Tạng giáo năm tệ cho đến ba giáo sáu giáo, thành hai mươi ba độ, sáu tệ gồm có một trăm ba mươi tám trị đều chuyển danh đối và cũng danh chuyển đều có một trăm ba mươi tám trị, đều đủ các tướng suy nghĩ nên biết, hoặc thấy ý ấy mới rõ văn nầy trợ giúp sáu độ ở sau. Kế lại nói chung

trong hành thức, nói trị tướng ấy thì việc chẳng phải một, đối với mỗi việc đều có hợp hạnh, chẳng phải nầy có thể đủ, nên chỉ văn sau trong tướng nhiếp mà nói, có người ở sau muốn nói hợp hạnh trước nêu ra khác giải rồi sau phá khác nói phải hợp hạnh, cho nên nay văn sau thì có bốn thứ sáu độ.

Văn đầu chánh nêu ra khác giải, hiển bày mười và sáu chỉ là khai hợp, người xưa không thấy ý khai hợp, làm dụng văn Lăng-già tông giáo. Trong Lăng-già ấy nói: Người Bồ-tát Nhị thừa có hai thứ:

1- Tông thú pháp tướng, tự sở chứng lìa tướng phân biệt, nhập cõi vô lậu.

2. Ngôn thuyết: Nói chín bộ lìa bốn câu khiến chúng sinh nhập, sau đó Thông giáo nêu Bồ-tát Nhị thừa sở chứng và nói, chung thành tướng lý giáo của Ba thừa, Tổ sư không rõ là tông, không nói là lý là đại vì thuộc về Bồ-tát, nghĩa là giáo có nói là sự là tiểu vì thuộc về Nhị thừa, tông giáo có không đủ như trong Huyền Văn Pháp Hoa, Duy-ma đã phá.

Kế dẫn Đại kinh, Đại phẩm để làm chứng sáu độ nhiếp tất cả pháp, nên biết sáu vị giáo chủ ngoại đạo không có pháp khác, như bốn đế trước chỉ nói bốn đế có vô lượng tướng, không nói bốn món ngoài lại có pháp khác vì sao nói sáu pháp chỉ ở Thông giáo.

Kế nếu được ở sau lược chỉ bày ý văn, hoặc sáu hoặc mười, đã là khai hợp, không nên lấy nầy mà phán xét đại tiểu tông giáo đồng khác, như thiền ở sau chánh tông khai hợp, hợp nên tức là sự lý nói chung, khai thì là sự lý nói riêng. Lại nói sáu thì chung cho đại tiểu, nói mười thì chỉ chung ở Đại. Lại mười pháp trong đây thông thỉ chung ở bốn giáo, biệt thì chỉ ở Biệt viên, như Bồ-tát Tam Tạng lấy phục hoặc làm trí Nhất thiết, do ba Tạng chỉ giả làm trí đạo chủng, quả Phật dùng làm trí Nhất thiết chủng, năng khởi thần thông, có nguyện dụng cao siêu, nên Bồ-tát Tam Tạng cũng có mười, nếu theo bên chưa dứt hoặc thì Bát-nhã cũng không, chẳng phải từ không xuất chủng trí không thành, chưa được pháp thân vô nguyện trí lực. Lại do phân địa mà làm Bát-nhã thì chỉ có sáu. Bồ-tát Thông giáo từ không biên khai ra phương tiện quả Phật chủng trí và nguyên trí lực, mà thực hành mười độ, chưa được pháp thân đồng với ba tạng, đã dứt Thông hoặc tử không xuất giả, từ dễ tiến lùi nhiều ít khác nhau, cho nên hai giáo hoặc sáu hoặc bảy hoặc tám hoặc mười, nay văn lại y cứ nghĩa biên của Biệt viên, khai sáu thành mười, còn trong các văn thêm bớt chưa nói đến, lại còn giáo đạo hơn nữa bao gồm ở Biệt, mà ý vốn ở viên, cặn bùn cùng nguyện Bà-sa và

lực phương âm khác.

Nói định thủ thiền độ, hoặc khai thiền thành ba thì định căn bản thủ độ thứ năm gọi là thiền độ, các chỗ khai là lực là nguyện, không trí thủ ở Bát-nhã thứ sáu, các chỗ khai gọi là âu-hòa, v.v... Âu-hòa xuất giả trí, Xa-na nhập trung trí, cũng là phương âm khác nhau.

Kế nói nhiếp pháp là chánh tông hợp hạnh cho nên có thể nhiếp pháp, nếu không đạt được tất cả các pháp đều nhập vào môn đối trị nầy, vì sao đối trị nhiếp tất cả pháp?

Ban đầu nói sáu độ nhiếp đạo phẩm, văn sau giải thích rộng, ý tuy rất dễ thấy nhưng nay dự nói chung đến văn dễ rõ.

Vì sao? Đàn nhiếp hai giác nghĩa là trừ xả, trong văn thiếu một văn sau nêu bày đủ hộ nhiếp ba nghĩa là chánh nghiệp ngữ nghiệp mạng nghiệp, nhẫn nhiếp có bốn, đó là niệm căn niệm lực niệm giác chánh niệm, tấn nhiếp có tám, nghĩa là bốn chánh cần, tấn căn tấn lực tấn giác phần chánh tinh tấn, Thiền nhiếp có tám, đó là bốn như ý, nghĩa là bốn như ý định căn, định lực, định giác, chánh định.

Tuệ nhiếp mười, đó là Bốn niệm xứ, tuệ văn, tuệ lực, trạch giác, hỷ giác, chánh kiến, chánh tư duy, hợp lại có ba mươi lăm, còn có hai tín thông ba mươi lăm, tất cả các pháp tín làm gốc. Nếu theo luận Bà-sa do thật thể có mười một nhiếp ba mươi bảy, nên trong luận Bà-sa trước dùng bảy giác bao gồm sáu khoa, còn không nhập, nghĩa là hai tín làm một và chánh tư duy một, do ngữ nghiệp mạng ba thật thể chỉ có hai, đủ thành mười một, trong luận Câu-xá chỉ có mười, do hợp giới chi. Nói nhập bảy, nghĩa là Bốn niệm xứ và tuệ căn, lực, chánh kiến nhập trạch pháp giác phần, bốn món chánh cần tấn căn lực và chánh phương tiện phương tiện, là tấn nhập tấn giác phấn, bốn pháp như ý túc và định căn lực chánh định nhập định giác phần niệm căn lực chánh niệm nhập niệm giác phần, cho nên hai mươi bốn pháp nhiếp nhập bảy giác, và bổn bảy giác hợp thành ba mươi mốt và sáu pháp tín, v.v... hợp thành ba mươi bảy. Nay ở trong bảy nhiếp hỷ nhập trạch nhiếp trừ nhập xả, thì hiện bảy thành năm, dùng niệm làm nhẫn ngữ, v.v... là hộ trạch hỷ thuộc tuệ trừ xả là đàn định, v.v... là thiền, hai tín ý theo trước dùng làm nhập chung, cho nên bảy giác, sáu độ đầy đủ, nên nay khai hợp cùng luận chẳng khác, khai hợp tuy vậy mà nghĩa cùng nói khác nhau, nay sáu văn nghĩa nầy thông bốn giáo, mỗi bao gồm mười, tức văn sáu độ đây là sáu đoạn, trong mỗi đoạn, ba tạng văn đầu là sự trị chánh ý, nên văn hơi rộng.

Ban đầu nói sự thiện nhiếp hai, văn tướng rất dễ thấy, nếu sau ba

tạng, là chánh nói sự xả vẫn còn nêu lý để so sánh, tuy chưa thánh lý thiện có lợi ích của sự trị.

Kế dẫn luận gạn hỏi, xả có thể ở sau đáp, lại xả ở sau nói thiện có thể thành năm, chung riêng như văn.

Kế nói trong viên xả, viên là văn nay hợp hạnh chánh ý với sự, lại thuận văn nay thể chánh tu, thế nên nay dẫn văn nói rộng tướng kia.

Ban đầu chánh nói trong văn xả, nói mười pháp giới sắc thân, v.v... Là chỉ quán ba việc, tâm khắp pháp giới thì mười cõi ba việc thầm như vậy tự mất, chánh báo là thân, y báo là tài.

Nói mạng: Là liên trì làm nghĩa, tức trong các cõi đều có liên trì, như trong sáu đường báo thọ mạng khác nhau, và trong Thánh đế có các tuệ mạng thường trụ mạng, tức ba việc nầy ở một niệm tâm ba đế đầy đủ có thể dứt ba hoặc, nên gọi là Xả. Không vào hai bên, chỉ là xả Trung đạo không hai, đây y cứ sau cùng lý quán thiện nghĩa, nếu nói về hợp hạnh, nên đủ sự lý, nên trong văn sau kết lỗi lầm nói: Lý quán sâu nhẹ, mà không tồn sự hạnh, tức lại nêu tướng sự trị, văn sự trị xong lại phân tích nói: Mà không tồn lý quán, tức dùng độ phẩm sáu câu phân biệt, cho nên phải biết tu lý quán, nhiều lớp nếu hoặc khởi thì phải có sự trợ giúp, sự và lý chung gọi là hợp hạnh, cho nên sáu câu chánh hiển bày độ phẩm đều có lý sự, nên hữu tướng phá tương tu tức nhau, người không thầy chỉ là thoạt phân biệt mà thôi, nếu vậy thì tu hành có lợi ích gì? Vì sao ở sau giải thích, trước nói xả chung hai.

Kế là dẫn Ương-quật để chứng viên xả ở chặng giữa ban đầu nêu bày văn kinh, từ hữu biên ở sau giải thích ý kinh.

Nói không hoại, tức là thân sinh tử trăm cõi thông suốt lý thường trụ, nói về san thành trị lại hiển bày pháp thân, pháp thân đã vậy tài mạng cũng.

Kế là dẫn Kim cương bốn câu là giáo, y giáo tu quán quán giáo tức đủ ba thứ Bát-nhã, nên thật tướng Bát-nhã giúp ở pháp thân, xả tất cả thân, quán chiếu Bát-nhã giúp tuệ mạng, xả tất cả mạng, bốn câu văn tự giúp tài thường trụ, xả tất cả tài, lại dùng ba món tư lương đối với lý có ba, nên khi hiển lý thì tất cả năng xả. Lại văn tự có thể nêu bày ba thứ Bát-nhã quán chiếu tu đắc ba thứ Bát-nhã, thật tướng vốn có ba thứ Bát-nhã, nên người xưa nói: Ngà xả ba Hằng chưa khỏi hữu sinh, bốn câu Bát-nhã chứa nhóm diệt đạo thành, cho nên phải biết, công bốn câu sau ba hằng lực kém, nên biết bốn câu cùng xả thân, đâu thể so sánh hơn kém kia, như đây trở xuống là bác bỏ thiên. Văn đầu tức là tướng xen lỗi, nên nói cả hai đều có lỗi, hoặc chỉ có tu viên quán sự hành toàn

không, hoặc chuyên tu sự độ viên lý tuyệt phần, cho nên hai lỗi đều thiếu hợp hành, đàn độ đã như vậy năm pháp khác đều như vậy, lại hai lỗi mong nhau đều có hơn kém, nay khuyên hạnh cho nên đều trách.

Nói oan, thân, v.v... Dẫn là việc của Bồ-tát ba tạng, trong kinh Báo Ân nói: Bồ-tát Thích-ca khi làm Luân vương, khoét thân đốt ngàn ngọn đèn để cầu nữa bài kệ. Sinh thì có chết, diệt đây là vui, được bài kệ nầy rồi khiến các đại chúng đọc tụng ghi chép ở vách đá ngay đường, khiến người phàm thấy phát tâm Bồ-đề, thân đèn sáng chói cũng nói bài kệ nầy, người nghe đều phát tâm Bồ-đề, ánh sáng ấy lên đến cõi trời Đao-lợi, ánh sáng các vị trời đều không hiện, các vị trời hỏi nhau nhân duyên ánh sáng nầy, liền dùng mắt trời thấy luân vương ấy, do đại từ bi vì chúng sinh cầu nửa bài kệ, khoét thân đốt ngàn ngọn đèn, ánh sáng đây là thân đèn kia phát sáng, thiên đế nhân đó liền đến chỗ Bồ-tát.

Hỏi: Bồ-tát rằng: Thực hành cúng dường nầy vì cầu làm thiên đế phải không?

Đáp: Vì chúng sinh nên cầu Bồ-đề.

Thiên đế hỏi rằng: Lấy gì làm chứng?

Đáp: Nếu không hư dối thì thân sẽ bình phục lại, nói xong thân kia bình phục như cũ, đủ như trong kinh ấy có nói rộng, cũng như kinh Nguyệt Quang Bồ-tát, có vị vua tên là Trí Văn, cắt thịt ở bắp vế để cứu tỳ-kheo bệnh.

Trong Đại luận chép: Thái tử Nguyệt Quang chích máu tủy để cứu người bịnh hủi, cắt gân thịt để đổi con khỉ, lộ bày xương sống để giúp thỏ què, v.v...

Bỏ quốc thành: Như trong Đại luận, vua Tỳ-thi-già làm bạn với nước lân cận, bốn binh dẫn đến an nhiên không sợ, các quan bạch rằng: Pháp nào lại bỏ?

Vua nói: Có pháp, như vậy đến cả đều nói hữu pháp, giặc đã đến vua bảo các quan: các ông thờ chủ sao có kia đây, ông hãy thờ kia nay ta bỏ, bèn từ cửa sau trốn ra, sau vua ngồi rồi liền bảo rằng: Nếu có thể được trước vua, phải thêm trọng thưởng, lúc sau người khác biết trước, vua nầy vì tánh bố thí đi đến vua xin, không biết vua nầy bỏ quốc thành, đi đường gặp vua nầy mà lại không biết, gặp rồi lại hỏi rằng: Ta nghe vua Tỳ-thi-già tánh ưa bố thí, ta muốn đến xin, vua bèn bảo rằng: Ông hãy trói ta giao cho vua mới, sẽ được trọng thưởng, người ấy nghe rồi sinh tâm rất cung kính, không dám nhận lời.

Vua nói: Theo ông đến thành ông hãy trói dâng lên, đến rồi các

quan thấy vua khóc to.

Tân vua hỏi: Các quan đáp lại đầy đủ, mọi người đều theo xin cũng nói việc ấy, Tân Vương xuống bệ rồng, lễ bái làm huynh đệ, giúp nhau trông coi việc nước.

Cứu chim bồ câu cho cọp đói ăn đều là xả thân mạng, nay nói ở sau nói được tướng, hoặc người ở sau nói rộng tướng mất.

Vũ là đánh; ức nghĩa là hung ức, theo tự trách biết hạnh không không khắp, bảo hộ ở sau không thể xả tài, sợ quở trách ở sau không thể xả tài, tham tiếc ở sau không thể xả mạng, gặp việc ở sau là tổng kết không có ba.

Nay ở đạo tràng, v.v... là lập hạnh thỉnh thêm, tự hành giáo tha v.v... Là trong Đại luận quyển năm mươi sáu chép: Đại Bồ-tát tự không sát sinh, cho đến chủng trí, dạy người bất sát, khen ngợi pháp không sát, cũng hoan hỷ người bất sát, cho đến chủng trí, là Bồ-tát ưa mến Phật pháp, vì biết thân miệng ý vô thường, không nói lời vô ích, khiến cho pháp thiện được tăng thêm lợi ích, khiến các phiền não không thể che tâm, hành giả khi khởi hạnh nầy, kiết sử tuy khởi trí tuệ tư duy không để che tâm, nếu buông lung kiết sử, mất ở đời nầy đời sau chướng ngăn Phật đạo, nếu tâm khởi thì không cho miệng khởi, không cho thân khởi, nếu thân khởi thì không cho gây tội lớn, như người phàm phu, là Bồ-tát tuy là lùn xấu thấp hèn, do trong số người thực hành thắng pháp được cao siêu, người này rất ưa thích công đức, có thể thực hành bốn món hạnh cao siêu, người Nhị thừa không thể đầy đủ bốn món, do không thâm ưa Phật pháp, là Bồ-tát nầy tự đã không sát sinh vì dùng từ bi, dạy người không sát, từ bi là tất cả pháp thiện của Thánh hiền, cho nên phải khen ngợi, Bồ-tát thường muốn cho người được vui, thấy người khác không sát hại tâm sinh vui mừng khen ngợi, cho đến chủng trí, cũng giống như vậy. Nếu không tự hành làm sao có thể lợi tha, nếu không lợi tha làm sao thành tựu tất cả chúng sinh, nếu không thành tựu tất cả làm sao thanh tịnh cõi nước Phật. vì sao? Vì chúng sinh thanh tịnh nên thế giới tịnh. Lại quyển tám mươi tám chép: Bốn món hạnh đây là cốt yếu của Đại Bồ-tát sơ tâm, không thể không biết, vì sao bốn thứ nầy không đủ, không gọi là Đại Bồ-tát, vì sao? Hoặc có thể tự hành không thể hóa tha, v.v... bốn pháp xen nhau làm câu, lẫn nhau nói rộng, ban đầu từ không sát, không trộm cho đến chủng trí, do không đủ nên không thành cực quả, nếu tâm chân thật, v.v... là mong thêm được lợi ích, có thể cảm cho đến tư ích, v.v... trong kinh ấy Phật phát ra tất cả ánh sáng pháp, nay văn lại dẫn ra sáu văn để chứng sáu độ, trong kinh nói: Lại ánh sáng Đức Như lai gọi là năng xả,

Phật dùng ánh sáng nầy phá được tâm san tham của chúng sinh, khiến cho hành thí, lại ánh sáng Đức Như lai gọi là Vô đối nhiệt, Đức Phật dùng ánh sáng nầy phá được tâm phá giới của chúng sinh, khiến cho trì cấm giới. Lại ánh sáng của Đức Như lai gọi là An Hòa, Phật dùng ánh sáng nầy phá được tâm tức giận của chúng sinh, khiến thực hành nhẫn nhục; lại ánh sáng của Đức Như lai gọi là siêng tu, Phật dùng ánh sáng nầy phá được tâm biếng nhác của chúng sinh, khiến hành tinh tấn; lại ánh sáng của Đức Như lai gọi là nhất tâm, Phật dùng ánh sáng nầy phá tâm vọng niệm của chúng sinh, khiến thực hành thiền định; lại ánh sáng của Đức Như lai gọi là năng giải, Phật dùng ánh sáng nầy phá được tâm ngu si của chúng sinh, khiến thực hành trí tuệ, cho đến bốn nghi tất cả các pháp cũng giống như vậy. Ở sau, trong các văn lại không dẫn ra, vì nhờ ánh sáng, đều phải giải thích ra, đã nhờ ánh sáng tùy theo túc duyên và hiện gia hạnh, được tương ưng với bốn món hành tướng, trong văn nói lược chỉ nói xả nếu chỉ coi nhẹ, mà không thật rõ ràng quán hạnh sâu cạn, nên khiến người sau mỗi giải thích nêu ra bốn món tướng đàn, để đối bốn giáo, khiến được lợi ích, biết lợi ích, biết gia hạnh. Nếu muốn giải thích, nên nói: Nếu tương ưng với ba tạng đàn xả, hay trong sự xả thân mạng tài, tương ưng với thông biết ba việc không, tương ưng với biệt đạt thí các pháp, tương ưng với viên, kiến thí pháp giới, qua hiện hòa hợp cùng bốn món tương ưng, đàn độ đã vậy, năm pháp khác cũng vậy, có thể rốt sau ở sau nói lý đủ sự thành. Nếu không có nhân duyên thì các thân ta nầy không có lợi ích với duyên vật, tạm nương thân hôi thối để tiến đến đạo mình, bỗng nhiên người khác có chút lợi ích, xả thân này cũng như bỏ chuyện vặt, trong thông thường còn có thể giết thân thành nhân, há là bậc xuất thế cao sĩ mà mê thân hôi thúi hay sao?

Thị vị v.v..., là gồm kết được lợi ích chánh trợ hạnh thành, do phân tích không thành, chánh trí như lửa ấn cảnh như hơ, việc độ như dầu, nếu lửa không thắp sáng thì không cháy, bèn do sự hành dầu cạn, do dầu cạn, vô minh rất tối do đâu diệt được, nếu như trên bỏ thứ lớp nói hộ độ nhiếp ba.

Ban đầu nói nhiếp pháp nêu bày giáo phân tích lỗi như văn. Trong Thỉnh Gia nói: “hà điếm” là ngọc có vết, tỳ là chất ngọc bị thiếu, hủy trong như điếm, phá khinh như hà.

Độc long, v.v... Trong Đại luận quyển mười ba chép: Như Bồ-tát Thích-ca bản thân từng làm Bồ-tát đại lực Độc Long, nếu chạm thân hôi thúi, người chạm thíu chết biến người mạnh khi hư bèn chết, rồng

nầy có thọ một ngày một đêm giới, vào trong rừng vắng một mình ngồi tư duy, ngồi lâu mỏi mệt rồi lại nằm ngủ, pháp rồng nếu ngủ thì thân hình hiện lại như rắn. Văn chương bảy báu, người thợ săn thấy kinh sợ chạy nói: Da như thế thật ít có khó được, nếu dâng lên Đại vương cũng nên chăng? Rồi dùng gậy đè đầu lấy dao lột da, rồng tự nghĩ, "sức ta như ý nghiêng úp nước này như trở bàn tay, hạng tiểu nhân nầy đâu thể bắt ta, nay ta trì giới không chấp thân nầy, phải theo lời Phật, cho nên tự nhẫn nhắm mắt không nhìn nín hơi bặt dứt, thương xót người này một lòng lột da không sinh hối hận, đã mất da nầy rồi thịt đỏ nằm ở đất, lúc bấy giờ nắng mặt trời nướng quay trong đất muốn đến nước lớn thấy các trùng kiến mở ăn thân nó, vì hộ giới nên không dám nhúc nhích, tự nghĩ rằng: "nay Ta thân nầy đem thì các trùng kiến vì thành Phật đạo nay đem thịt thí để no đủ mạng kia, khi thành Phật phải dùng pháp thí lợi ích tâm kia, như vậy thệ nguyện rồi thân khô mạng tuyệt liền sinh lên cõi trời Đao-lợi thứ hai. Người thợ săn là Điều-đạt lục sư, v.v... các trùng nhỏ nay là xoay bánh xe pháp lần đầu có tám muôn các vị trời đắc đạo nầy. Tu-đà-hoàn, v.v... là tên trong Đại luận, tên Nhân Vương là Phổ Minh Vương.

Trong kinh nói: Bị vua Ban-túc bắt đem đi, theo cầu xin, một ngày làm việc bố thí, Sa-môn ăn cơm đảnh lễ ba bảo, vua Ban-túc nhận lời trả về nước y theo bảy Phật pháp thỉnh trăm Pháp sư, một ngày hai thời giảng kinh Nhân Vương Bát-nhã, pháp sư bậc nhất nói kệ cho vua nghe rằng:

Kiếp thiêu hết rồi
Trời đất rỗng rang
Tu-di biển lớn
Đều thành tro bụi
Trời rồng phước hết
Ở trong ly tán
Hai nghi cũng vậy
Ny cứ có gì thường
Thần thức vô chủ
Tạm cỡi bốn rắn
Vô minh nuôi dưỡng
Dùng làm xe nhạc
Thần không chủ thường
Hình không nhà thường
Hình thần còn lìa

Há có nước ư?
Có vốn tự không
Nhân duyên thành tán
Thịnh vượng sẽ suy
Việc thật sẽ hư
Chúng sinh lúc nhúc
Đều như huyễn hóa
Ba cõi đều vậy
Cõi nước cũng như
Sinh già bệnh chết
Trôi lăn không bờ
Sự trái với nguyện,
Ưu bi làm hại,
Dục sậu họa nặng
Ung nhọt không ngoài
Ba cõi đều.
Cõi nước nương gì.

Ý bài kệ đều khuyên vua xả thân và cõi nước, trong Đại luận nói: Lúc bấy giờ, Pháp sư nói bài kệ tụng nầy rồi, vua lại đến nước Thiên-la chỗ vua Ban-túc, ở trong đại chúng bảo với chín trăm chín mươi chín vua rằng: Đến khi sắp chết, mỗi người đều tụng bài kệ của kinh Nhân Vương bảy vị Phật ở thời quá khứ, các vua đều tụng, vua Ban-túc nghe rồi hỏi các vua: Là tụng những gì?

Vua Phổ Minh dùng kệ đáp vua Ban-túc, vua Ban-túc nghe rồi đắc Tam-muội Không bình đẳng, các vua đồng chứng, vua Ban-túc do đây mà thả các vua, tâm thành ở sau mong che chở được lợi ích.

Tội của hai đời: Là tội quá khứ và tội hiện tại, cũng nên mỗi việc giải thích cũng nêu ra bốn tướng thi-la, ba tạng nên biết, trong Thông giáo nói phi trì phi phạm là không thấy tướng trì, nên nói phi trì, tướng trì còn không, tướng phạm vốn diệt, nên trong Đại luận nói: Nếu thấy người trì giới ưa thấy người phá giới sân giận, trì giới như vậy gọi là nhân duyên của tội, mất tướng trì phạm mới gọi là không thấy, nên trong văn Thi-la ở sau nói tương ưng với lý quán chánh nghiệp, v.v..., chánh nghiệp trong sự tức là sự thi, thi ở đây là tương ưng với viên lý, mới gọi là cụ túc, hai thi Biệt viên nêu bày ở đàn rất dễ thấy. Sau nầy bốn độ kết văn khác nhau, nhẫn độ văn sau chỉ nói tương ưng, không giải thích từng việc, chỉ là văn lược, nên sau văn tấn độ tức nêu bày đủ sinh sinh, v.v... có bốn, sau văn thiền độ chỉ nói đắc tương ưng với bốn

quán, thường còn nghĩa lược, cho nên lặp lại dẫn thiền tướng năm môn, ở sau mỗi môn có nói đủ bốn thứ, cuối văn Bát-nhã nêu bày bốn món đảo, lại nêu ra ba tạng Ba thừa, văn sau nêu bày đủ bốn thứ mười tuệ, tuy xin còn mất phải biết một phen y cứ.

Lại trong thí giới thẳng nói tướng độ, mà không nói tướng tệ, trong nhẫn trước thật rõ tệ kế, mới rõ độ trong tiến lược chỉ bày tướng tế, trong thiền có nêu bày đủ, tùy văn mà theo cốt yếu nên ở đây khác nhau, nếu giải thích nghĩa, phải nên mỗi việc còn đủ tế độ và bốn món tướng, kết được tướng ích như văn, văn phần sau rất giống.

Kế giải thích nhất, tức dùng bốn nhẫn làm bốn giáo, trong các kinh luận nói nghĩa năm nhẫn thường y theo Biệt giáo, vì trong Biệt giáo. Thu đủ bốn nghĩa, nay mượn nghĩa dùng lại trừ tín nhẫn, tức dùng bốn pháp khác đối bốn giáo chỉ nương ở nghĩa mà không nương lời, lại dùng nhẫn làm tên chỉ ở Bồ-tát, ý nầy chỉ ở Đại thừa, ba tạng không dứt nên gọi là Phục, chung ở diễn ban đầu, giúp thuận theo lý, cho nên phải gọi là thuận, sau Biệt giáo tâm cũng phá vô minh, nên gọi là vô sinh, viên lý bổn tịch nên gọi là Tịch diệt.

Kế phân tích trong lỗi nhưng nêu ra tướng sân mà chỉ có lý giải, không có sự nhẫn, sự sân đủ như quyển hai có giải thích, từng tiết là tướng không an, cũng gọi là "tỏa tỏa" là tướng mạo thấp nhỏ.

Quách Phát nói: Là dáng mạo qua lại, cũng là dáng mạo nghiền nát, tức ít sân; long: Là cao. Trong sách Nhĩ Nhã nói: "Uyển trung long"; Quách Phát nói là cao nhất giữa núi: Nghĩa là khi sân khởi như cao rất dễ thấy, đã biết ở sau lập hạnh thỉnh che chở, trong tất cả hạnh rất là sân hại, nên nhẫn rất khó. Trong Đại luận nói: Như Thiên đế hỏi Phật: Như thực hành nhẫn: Là chỉ có một việc thật không thể chịu, người nhỏ khinh mạn cho là sợ sệt, cho nên chẳng phải nhẫn. Đức Phật nói: Nếu do người nhỏ khinh mạn nói là sợ sệt. Muốn không nhẫn, tội không nhẫn thật là ở đây. Vì sao? Vì những việc không nhẫn của Hiền thánh thiện nhân không nhẫn, người nhẫn nhục, người nhẫn nhục mà làm việc khinh mạn tiểu nhân. Trong hai việc khinh cái nào lấy cái nào khinh, nên biết đâu là những việc khinh mạn của tiểu nhân, không làm những việc nghèo hèn của Thánh hiền. Vì sao? Người vô trí khinh những việc không đáng khinh, người Hiền thánh nghèo những việc đáng nghèo, là nghĩa nầy, nên cần phải thực hành nhẫn. Như ngài Phú-lâu-na, v.v... Trong Tăng Nhất nói: Thành đạo ấy rồi muốn trở lại bổn quốc làm lợi ích người trong xóm, người trong cõi nước kia phần nhiều tệ ác.

Ông nói thế nào?

Đáp: Ta phải tu nhẫn, nếu người muốn hủy nhục ta ta phải tự vui không được đánh đấm, khi đánh đấm phải tự vui không được dùng gậy cây, khi được dùng gậy cây tự vui, không được dùng dao nhọn, khi có dao nhọn tự vui là sớm lìa năm ấm độc thân. Phật dạy: Nếu vậy thì cho đến lợi ích có thể về bổn quốc, như kiếm vàng, v.v... nhẫn lực như vàng như gương, cảnh trái như lau chùi, nên càng chủi càng mài được lợi ích sáng sạch.

Sằn-đề, v.v... Đủ như trong quyển ba có dẫn, cắt tiệt là cương, vua hối hận việc yếu mềm nầy, mạnh yếu không thay đổi nên thân bình phục, hai cảnh không thay đổi gọi là câu an.

Kế nói: Trong tiến độ Đại luận ở sau nêu bày giáo, văn lược, ba pháp trước dễ hành, đủ như quyển nhất, thứ ba có dẫn, đây thì nêu Biệt biết Thông, nếu không thông thì cả hai đều không thánh. A-nan nói tinh tấn giác, v.v... theo Đại luận quyển ba mươi Phật bảo A-nan, nay ta đau lưng nghỉ ngơi, dùng y Uất-đa-la Tăng-già-lê làm gối, khiến A-nan nói pháp cho các Tỳ-kheo nghe, ngài A-nan nói bảy giác chi.

Đức Phật hỏi rằng: Nói tinh tấn giác chưa đủ.

A-nan nói: Đã đến rồi như vậy ba lần hỏi ba lần đáp, Phật liền đứng dậy bảo rằng: Ông khen ngợi tinh tấn, do được Bồ-đề nầy, hoặc trong quyển mười bảy nói.

Phật nghe rồi liền đứng dậy.

Lại trong Trường A-hàm có tám thứ tinh tấn, tám thứ biếng nhác, đối với bốn việc đều có trước sau sinh ở tinh tấn, biếng nhác. Nghĩa là khất thực giữ làm hành lý bệnh hoạn, như khi khất thực, hoặc khi không được, liền khởi niệm nầy, khất thực không được thân thể mỏi mệt, không thể có khả năng ngồi thiền, đọc tụng siêng năng hành đạo, nên lại phải dứt nghĩ.

2. Nếu khất thực lại được khởi niệm nầy, thân thể rất nặng, không thể thực hành được, đây là khất thực thứ lớp sinh tâm biếng nhác, dù thiếu chấp tác lại khởi niệm nầy, nay ta mỏi mệt, lại không khả năng, nếu muốn chấp tác lại khởi niệm nầy, nói phải chấp tác sẽ có mỏi mệt, dù ít đi đến lại khởi niệm nầy, tôi sáng đi đến thân thể mỏi mệt, dù muốn ít hành lại khởi niệm nầy, ta nói phải hành, sẽ có mỏi mệt, dù gặp ít hỏi lại khởi niệm nầy, nay ta bệnh nặng nhân rất mỏi mệt, hỏi có chút bệnh, lại nghĩ bệnh chưa bao lâu thân thể mỏi mệt, ở sau mỗi câu đều nói chưa được muốn được chưa chứng muốn chứng, do tám việc nầy nên đều không thành tựu, nên gọi là biếng nhác.

Tám món tinh tấn: Nếu xin thì không được, nghĩ đến thân thể của

ta thiếu ngủ nghỉ có thể thực hành tinh tấn, nếu xin được thức ăn, nay nghĩ đến khí lực no đủ, có thể thực hành tinh tấn, ta đến chấp tác phế bỏ hành đạo, nay phải tinh tấn, nếu phải chấp tác nghĩ phải ngăn hành đạo phải dự tinh tấn, nếu khi đi đến, nghĩ sáng đi đến phế bỏ hành đạo của ta. Nếu nói phải thực hành niệm phải bỏ hành đạo, nếu bị bệnh nặng phải nghĩ đến qua đời, hoặc bệnh nhẹ sợ lại tăng thêm, mỗi câu sau đều nói, phải nên tinh tấn, chưa được cho là được chưa chứng cho là chứng, ý nầy phải đối trị tùy theo tự nhớ nghĩ, tuôn ra biển lớn như quyển ba. Trữ là trừ, trong Thiên Thương Giáp nói: “Chy cứ” là lấy, mà nay ở sau phân tích lỗi, như huyệt tỷ, v.v... trong Đại luận quyển ba mươi ba nói: Như lạc đàn xuyên qua mũi tất cả tùy theo người. Trong pháp hữu vi nếu người có trí tuệ thượng thánh đã gần gũi, nếu không có trí tuệ cũng như lỗ mũi, trái ngược tất cả công đức có trong sinh tử, voi say không người dẫn. Trong Đại kinh quyển hai mươi ba chép: Thí như voi say không có người dẫn, điên cuồng buông lung bạo ác, giết hại nhiều người, có người thợ điều voi, dùng móc sắt lớn dùng bia rập đầu nó, tức thời điều thuận, tâm ác liền dứt, trong luận Bà-sa có nhân duyên điều voi, dụ cho tám giải thoát. “Vì”: Vốn là tên cỏ, cũng là họ người. Nay dùng lời nói quá độ, mượn dùng chữ thử để thay thế mới nói, “đạo” là tự sinh lúa, e làm chữ “lữ” ở đây, tâm không năng lực nên ngày giờ luống qua, sẽ phát ở sau lập thệ thỉnh che chở.

Khắc cốt, v.v... Phát nguyện thân tinh tấn như khắc vào xương, thệ tâm tinh tấn như khắc đá ấy, minh la tên, viết là dạy khắc đá ghi công, nay cũng như vậy, như khắc đá ghi công, không để bị mê mờ, vì pháp khinh thân gọi là hứa đạo.

“Đường” là chư; là không còn, v.v... lại không có tâm khó. Kết hạnh trên không biếng nhác, không lấy hạnh làm hạnh khó, lại không có tâm khổ kết trên ngay thẳng thân ấy, không lấy thân làm khó nhọc. Cảm Phật ở sau mong che chở được lợi ích, do đời đời đối với bốn món tinh tấn. Tần là tướng phát khởi siêng, cho nên chúng sinh sinh, v.v... giải thích thành bốn tinh tấn.

Ba tạng ba kỳ tinh tấn còn nhuận sinh, nên gọi là sinh sinh, Thông giáo mất tướng Tấn gọi là sinh bất sinh, Biệt giáo đã nhập không vì sinh nên Tấn, nên không sinh sinh, Viên giáo lý vốn lặng, tấn cũng không sinh, nên không sinh không sinh. Lại ở cảnh tấn quên năng quên sở.

Kế giải thích trong thiền. Trước gồm y cứ thiền độ, chỉ là, v.v...: Là nêu bày ở giáo. Ban đầu nói căn bản tức ba tạng, vượt trong hai giáo nên nói cho đến. Tuy nói vô tác, Lăng-nghiêm không thành, trung gian

nên nói, tuy nói lý vô sinh nhưng quyết định không thành. Tuy nói hằng sa Phật pháp, tục đế Tam-muội không thành, nếu không ở sau phân tích mất trung.

Nói không định, v.v... Là dẫn trong Đại kinh so sánh, giải thích, như người thế gian, nếu trong đó không có mười đại địa thì tâm thường định, ở đời Đường đất bằng còn nghiêng đổ huống tu xuất thế mà không quyết định mà thành hay sao? Vì là ở sau gồm nêu thỉnh ba vị, lược nêu phải nên tu thiền, nên nói chung nhất tâm đến ở sau Biệt giáo bèn nêu ra bốn môn, cảm Phật ở sau mong cầu che chở, đây là nói chung về thiền, thiếu văn kết là ở sau trong năm môn có nói đủ. Vì tránh văn rườm rà nên xen còn mất.

Kế trong Đại luận ở sau nói năm môn thiền.

Ban đầu nói ra ý, vì trong thiền môn có nhiều môn hộ nên lại nói tướng của năm môn thiền, như thiền ở sau chánh giải thích.

Ban đầu nói sở tức, đến quyển chín lại giải thích, nói bảy y định. Trong luận Thành Thật phẩm Tam-muội thứ bảy nói: Nghĩa là y Sơ thiền đắc vô lậu, cho đến y vô sở hữu xứ đắc vô lậu, y bảy xứ đấy đắc Thánh, nên gọi là bảy y. Có người tự cho rằng: Hữu lậu là đủ, cho nên Phật nói bảy vô lậu.

Hỏi: Vì sao y thiền đắc vô lậu ư?

Đáp: Khi đắc Sơ thiền quán ấm Sơ thiền, khởi tám thánh chủng tâm sinh nhàm lìa, cho đến Vô sắc quán bốn ấm cũng giống như vậy.

Hỏi: Vì sao không nói cõi dục làm y?

Đáp: Như trong kinh Tu-thi-ma, lại có vô lậu, đó gọi là cõi dục, nên biết cũng có thiếu nên không nói.

Hỏi: Vì sao không nói Phi phi tưởng xứ là vô lậu ư?

Đáp: Kia không rõ, định nhiều tuệ ít nên không nói y.

Hỏi: Bảy tưởng tức là bảy y phải không?

Đáp: Ngoại đạo không chân, nên nói là Tưởng, bậc Thánh phá tưởng nên nói là y, cho nên trong văn nay lại nói rằng: Phát được sắp định, cho đến thất y, chưa phán xét hữu lậu và vô lậu, y theo luận phân biệt hai nghĩa đều chung, thỉnh ngài Quán Âm ởsau nói trợ giúp lợi ích hạnh thành.

Kế nói bất tịnh trị trong tham dục. “Đam” trong sách Nhĩ Nhã nói: Là “cửu lạc”, từ “chữ Dậu” là rượu độc, chẳng phải của văn nầy, cũng có thể dùng rượu độc dụ cho dâm, nên làm chữ “Trấm”, cũng đồng nghĩa với chữ “miện”, là chìm đắm ở rượu, cũng có thể làm men, nên trong Đại kinh nói: Nếu thường buồn khổ buồn theo thêm lớn, cho đến

tham dâm nếm rượu cũng giống như vậy.

Quán Bất tịnh: Tức giả tưởng quán, như trong kinh Cầu Chứng chép: Đức Phật ở nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo đến gò mả mà đi ở ruộng khác, chủ ruộng mắng rằng: Tại sao Tỳ-kheo không tu đạo nghiệp, thường dạo ruộng ta? Liền đến hỏi người ấy?

Tỳ-kheo đáp: Ta có việc tranh cãi đến cầu người chứng.

Chủ ruộng hỏi rằng: Người chứng là ai?

Tỳ-kheo liền kêu, chủ ruộng đi theo thây thây chết ngổn ngang.

Tỳ-kheo nói: Các loài chim trùng đây là người làm chứng cho ta.

Chủ ruộng hỏi:

Tỳ-kheo đáp: Tâm lo quán rồi trở về phòng, quán thân cũng vậy, nay ta muốn biết nguồn gốc của tâm, cho nên xem xét. Chủ ruộng nghe rồi rơi lệ nghẹn ngào. Chủ ruộng ấy là Ca-diếp ở trong Phật pháp, ngàn năm tu lập quán bất tịnh, Tỳ-kheo và chủ ruộng đều được sơ quả. Chín tưởng ở quyển chín, dẫn trong Đại luận nói tám bối xả, v.v... nhân tiện gồm nêu bày chẳng phải chánh ý của văn, nhưng nói đều do chín tưởng mà thành, nên nói đều do chín tưởng mà làm môn đầu, ở đây nói công năng của chín tưởng.

Nếu thật quán là như duyên phân biệt trưởng giả.

Kế dùng từ bi để trị sân. Trên giải thích trong nhẫn nhưng thông suốt mà nói là như cầu đất, v.v... nên nói thông trị chưa trị sân nặng, nay chuyên tu từ bi để trị tức giận, cho nên nói biệt, do đây nói từ định gồm nói ba pháp khác, e tu từ tâm chẳng phải đã thích nghi, nên nói còn ba pháp tâm hoặc ưa muốn, đồng chấp ba pháp khác, là y bốn món tùy tu bốn vô lượng. Đối chuyển gồm đủ y cứ theo trên nên biết. Giải thích trị ngu si văn tướng rất lược, nên nêu bày các văn. Trong Tỳ-đàm do giới phương tiện phá các ngã, ngã và đoạn thường cùng chấp tánh cả ba đều thuộc si. Ban đầu phá ngã là kinh luận khác nhau, nên trong Tạp A-tỳ-đàm nói: Chấp kiến hạnh là do giới phương tiện, người ngu không rõ tức nghiệp phiền não chứa nhóm năm ấm duyên chấp ngã, phải tự thân dùng giới phương tiện, quán sát các thứ tánh, các thứ tướng, nghĩa là sáu giới như địa, v.v..., địa giới ấy là nước thấm nhuần, mà không lìa nhau, thủy giới ấy là địa giới trí, nên không lưu tán, hỏa giới thành thục nên không hư hoại, phong giới động nên được thường trụ, không giới không nên ăn được xuất nhân, có thức giới nên có sở tạo tác, do các duyên nên biết vô ngã. Lại quán thân nầy bất tịnh đầy đủ, như thổi bay cát, đối với pháp Vô sắc trước sau nối tiếp, quán sát như vậy thì được hạt giống của môn không giải thoát, ở đó sinh nhàm chán, được vô nguyện giải thoát

nên thành hạt giống, chánh hướng về Niết-bàn, được hạt giống của môn Vô tướng giải thoát, đây gọi là giới phương tiện, nếu theo Đại kinh nói. Người nặng về chấp ngã, thì bị phân biệt mười tám giới pháp, nầy cùng mười tám giới khác chung riêng, luận bốn đại giới là nửa mười cõi sắc. Nói về thức giới là nửa bảy tâm giới, nhưng hợp sắc thành bốn, hợp tâm thành một, lại thêm không giới, giáo môn tùy cơ lìa hợp bất định. Nay theo Thiền kinh, nhân duyên phá ngã. Trong Đại Tập cũng dùng hai đời phá ngã vì phân biệt khác, nên cố nêu chung giải thích.

Nói ba đời đoạn thường, ba đời nối tiếp nên không dứt; ba đời thay nhau ra đi nên không thường. Lại quá khứ phá thường, vị lai phá đoạn, hiện tại nhân quả đều phá đoạn thường.

Hai đời phá ngã; Là hai đời hiện tại vị lai có mười hai duyên, đối với cha sinh ái, đối với mẹ sinh sân, gọi là vô minh, di thể của cha bấy giờ gọi là mình có, gọi là hành, từ thức chi đến chi già chết, đồng với ba đời.

Nói một niệm: Đủ như trong cảnh diệu quyển ba của huyền Văn có nói: Niệm Phật trị thùy miên như ở văn.

Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết phần hai trong quyển bảy.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 7
(PHẦN 3)

Trong Bát-nhã độ ban đầu có nói nhiếp pháp, lý nầy ởsau có phân tích lỗi như văn, phải nên ởsau thỉnh che chở.

Lại có hai:

Trước lập hạnh.

Kế thỉnh che chở.

Trong lập hạnh, trước gồm nói niệm xứ có công phá điên đảo, như ở văn.

Kế nói riêng về Bốn niệm xứ.

Ban đầu bất tịnh có năm.

Ban đầu có năm thứ bất tịnh, trong Đại luận quyển hai mươi mốt nói rộng:

Ban đầu nói hạt giống, như trong luận kệ nói, thân chủng nầy bất tịnh chẳng phải là vật báu, không từ bạch tịnh sinh, cha mẹ tà tưởng nhớ nghĩ gió thổi lửa dâm dục, dòng tủy xương lưu nhiệt biến thành tinh, nghiệp nhân duyên nên thức gá vào hạt giống, ở trong tinh trắng đỏ nên nói gá di thể của người khác.

Thổ lệ, v.v... Trong Đại luận chép: Trong thân dục trùng và người hòa hợp, lúc bấy giờ trùng nam tinh trắng như nước mắt mà ra, trùng nữ tinh đỏ như đồ ói mửa mà ra, xương cốt chảy khiến hai trùng thổ lệ mà ra, sống ở chỗ bất tịnh, như luận kệ nói: Thân nầy hôi dơ không từ hoa nở, cũng không từ hoa đảm bặc, lại không ra núi báu.

Nay nói nơi chốn: Chỗ ở gọi là Trụ, tùng xuất gọi là sinh, cho nên hai văn chỉ là một ý. Ổi Là tạp ác, cũng là nhiều vậy. "Tử" là thấp hèn bị sai khiến. Bốn tướng bất tịnh y phục tắm gội các thứ hoa hương, sắm sửa đãi đằng các món ăn ngon, qua đêm đều thành bất tịnh, tạm cho y thiên y thức ăn cõi trời dùng thân tánh, cũng thành bất tịnh, huống chi

thức ăn y phục, như trong luận nói kệ: Đất, nước, lửa, gió chất nó có thể dứt trừ bất tịnh, nghiêng biển rửa thân, đây không thể trong sinh được, thí như thây chó chết dùng nước biển rửa, còn một bụi trần hôi cũng như ban đầu, phẩn uế cũng. Đính là đầy, là ráy tai. "Si" là hiện nước mắt chảy ngưng đọng "Lâm thỉ" là nên làm chữ ma nầy, tức là bịnh, vì nó là phân hôi kia, tự tánh không sạch, đường đại tiểu tiện, mắt thường chảy ghèn không dừng. Như trong luận kệ nói các vật bất tịnh đầy đủ trong thân, thường chảy không dừng, như đãy lủng đựng đầy vật. "Nùng": Ngọc thiên chép: là máu của nhọt độc, trong thân có những thứ ấy không khác với mụt.

"Cao" là thân trơn láng, nói văn: Có sừng gọi là "chi", không sừng gọi là "cao", trong thân bất tịnh giống như kia.

Trong Kinh lễ nói: Mỡ chó, mỡ gà tanh hôi, mỡ dê cũng tanh hôi. Nếu nói ca hôi thì nên nói cá tầm phương là mỡ béo, san cũng là mỡ béo, nay nói tanh hôi cũng như chó gà, v.v... Nên trong Bốn niệm xứ nói; Ngoài mười hai vật danh tướng bất tịnh, mười hai vật ngoài gọi là tánh bất tịnh, mười hai vật trong gọi là tánh tướng bất tịnh, nay văn chỉ phân ra hai thứ tướng, tánh không lập chung làm tánh tướng bất tịnh, nên hợp trung gian để thuộc về Tánh.

Rốt ráo bất tịnh. Như trong luận có bài kệ nói: Quán xét kỹ thân nầy rốt cuộc quy về chỗ chết, gạn nói không trái lại, trái ân như đứa trẻ.

"Cứ" là rất lắm, như vậy ở sau kết, "khương cang" cũng gọi là "kết khương", tức phân viên của trùng là nầy. Trùng nầy chỉ biết phân biệt vị tốt ngon, mà không phân biệt vị hoàn toàn hỷ.

Kế nói quán khổ. Trong luận nói, lại nữa, thân nầy tất cả đều khổ, co duỗi cúi ngược không có gì chẳng phải khổ, như mới ngồi là vui, ngồi lâu là khổ, đi đứng nằm, v.v... cũng giống như vậy, như dâm là vui khi cầu nữ sắc, được càng nhiều sinh càng nặng, như bệnh ghẻ lở được thuốc lửa là nhân khổ, thực hành mà biết thân chỉ là vô thường, khổ, bất tịnh, bất đắc dĩ phải nuôi dưỡng, thí như cha mẹ sinh con ác, con tuy cực ác mà từ mình sinh, cần phải nuôi dưỡng khiến cho thành tựu, thân thật không vui, vì sao? vì không tự tại, như người bị bệnh gió không thể cúi ngước tới lui, như bệnh cổ, không thể nói năng, vì thế mà biết thân không thể tự tại, nên nói ở sau trong khổ nghĩa là vui một cách ngang trái, theo các văn luận nên cho ba đường là khổ khổ, gọi là thượng khổ, năm tướng suy của các vị trời hiện, khi vui cõi trời hoại sinh rất khổ, gọi là hoại khổ, nhân gian là hành khổ, niệm niệm thường khổ nên gọi là

Hạ, phàm phu chấp ngang cho là vui, nên trong Câu-xá chép: Như đem một sợi lông mi để trên bàn tay thì không biết, nếu để trên mắt thì bị tổn và không an, phàm phu như bàn tay bất giác hành khổ về lông mi, người hiểu biết như con mắt duyên theo rất sinh lo sợ, nói về ba đường khổ là hạ khổ, nay văn theo nghĩa nói thẳng về nhân gian để lập ba khổ, tuy là hạ khổ đủ ba khổ, không nên ở trong đó nghĩ là vui một cách ngang trái, nên trong Đại kinh quyển một, Ca-diếp gạn rằng: Nếu ở hạ khổ sinh lạc tưởng, ở hạ sinh khổ, cho đến ở hạ năm ấm thạnh khổ, cũng sinh lạc tưởng. Hạ đọa ba đường ác, trung sinh loài người, thượng sinh lên cõi trời, lại cũng nên nói ở hạ lạc trung sinh ở khổ tưởng?

Phật nói: Như ông đã nói cho nên xưa vì Thích-ma-nam nói ba thọ ba khổ, trong mỗi thọ đều có ba khổ, nên nay trong văn ở trong hành khổ tập ba nghĩa khổ.

Kế nói vô thường quán trong, nói như bắt các loài chim. Như trong luận bài kệ nói: Chim bay vào trong bình dùng lưới che đậy miệng bình, lưới thủng chim bay, thần minh theo nghiệp.

Giải thích rằng: Nương nghiệp thọ báo, như chim vào bình, bị nghiệp ràng buộc như lưới che đậy miệng bình, quả đi theo nghiệp như lưới thủng chim bay, đi sẽ theo nghiệp nên gọi là Tùy tẩu. Nay trong văn nầy dùng lòng dụ quả dùng bình dụ nhân. Nói được sợi dây làm trong Hữu Bộ, lập do đắc mà đắc, tiệm dùng hậu đắc mà đắc ở đắc trước, nên khiến nghiệp trước có thể đến vị lai, nên trong Hữu bộ thì nghiệp xếp vào quá khứ, đắc đến vô lượng, thân chết đi đến quả báo vị lai khởi, như một nghiệp thành do một đại đắc, đắc ở nghiệp pháp. Lại do tiểu đắc ở đại đắc. Sát-na thứ hai dùng ba đại đắc, đắc hai đắc trước cho đến nghiệp pháp, đắc của niệm đầu đều thành pháp. Lại ba tiểu đắc đắc ba đắc ở trước và sát-na đầu có chín pháp thành tựu; sát-na thứ ba có hai mươi bảy pháp, nghĩa đắc ở đây phát xuất từ pháp tự tướng, giải thích tác vô tác dẫn luận rằng: Niệm đầu làm hiện tại thành; niệm thứ hai quá khứ thành. Nếu vô tác; niệm đầu hiện tại thành, thứ hai niệm hai đời thành. Nói tác, là trong niệm thứ nhất chỉ có pháp chung, trong niệm thứ hai chỉ có pháp hậu, nói pháp chung, nghĩa là sơ niệm bổn pháp và đại tiểu đắc. Nói pháp hậu, niệm thứ hai cách trước niệm trước chuyển thành pháp, cho nên hậu niệm hậu đại tiểu đắc đắc. Nói vô tác ban đầu niệm thứ nhất ban đầu chỉ có pháp chung, cũng như niệm đầu trong tác nói: Đến niệm thứ có pháp chung đắc và pháp hậu đắc.

Nói pháp hậu: Cũng như niệm thức hai trong tác ở trước nói: Nói pháp chung là cùng pháp hậu đắc, đồng thời sanh khởi mười pháp vô

tác và đại tiểu đắc, cho nên trong niệm thứ hai có ba đại đắc và ba tiểu đắc, đắc ba pháp đầu, đồng thời lại có ba pháp khởi chung, nên niệm thứ hai có chín pháp câu sinh và ba niệm đầu, thành mười hai pháp, cho nên trong niệm thứ hai có sáu đắc đắc ở quá khứ, gọi là quá khứ thành, lại có hai đắc đắc pháp hiện tại, gọi là hiện tại thành, nên nói sơ niệm vô tác hiện tại thành, niệm thứ hai vô tác hai đời thành.

Phàm nói đại tiểu đắc, đều do đại đắc đắc ở bổn pháp, lại do tiểu đắc đắc ở đại đắc, lại do đại đắc đắc ở tiểu đắc, nên đại tiểu đắc lại xen nhau đắc, nên biết niệm thứ ba bỏ, như vậy lần lựa đắc khắp hư không, hễ có làm ra các nghiệp thiện ác như tâm thấp kém, chỉ có ở tác thì không có vô tác, như tâm tăng thượng thì có ở tác cho đến vô tác, tác và vô tác đều khởi đắc đắc, nghiệp vào quá khứ đắc đến vị lai, có công năng chiêu vời hậu báo, tác vô tác đắc chỉ cùng hình chúng, cho nên đắc danh đắc sắc tâm, nên cầu luận Câu-xá nói Bất tương hành có mười bốn thứ, nghĩa là đắc phi đắc đồng phần vô tưởng hai định mạng danh thân các thứ, đây thời trong một đời, ở chỗ một nghiệp tư khởi đắc, cũng đã vô lượng, huống vô lượng sinh vô lượng nghiệp đắc đến mé vị lai, như tông kinh bộ, đắc đã là giả, chỉ nói ý hòa hợp với thân miệng thành nghiệp, giả lập làm chủng cho đến đời vị lai, lại nghiệp gọi là thông ở phương tiện căn bản hậu khởi, nay đối căn bản đặt tên là nghiệp. Như trong Đại thừa tàng thức thạnh trì cho đến đời sau, tuy có khác đây, phàm thọ chỗ báu, hẳn là tinh huyết bốn đại ràng buộc, chưa được trạch diệt thì phi đắc đã đến, thường bị sợi dây trói buộc, trói buộc chưa mở đã buộc trở lại, hiện ấm nếu hoại gọi là “khứ dĩ”, lại thọ sinh có tên là “phục hoàn”, đến quả Vô học mới gọi là phá lồng, sinh hữu nghiệp kết gọi là bất phản, ấm chất không nối tiếp gọi là lồng trong còn. Hoại đây, v.v... là phân tích phàm phu, năm ấm nầy hoại sinh hữu ấm thanh, xuất ấm nhập ấm hiện sinh hậu, v.v... Ấn hoại văn thành, v.v... Lặp lại hiển bày văn, lồng và bình vẫn hơi khác, hai dụ lồng và bình nhưng dụ nhân quả, sáp nầy nhiễm dụ lại thêm Trung ấm, nên trong Đại kinh quyển hai mươi bảy chép: Như sáp ẩn in bùn in cùng bùn hợp ấn diệt văn thành. Văn chẳng phải từ bùn mà ra, không từ chỗ khác đến, để nhiễm nhân duyên mà thành văn nầy. Kinh hợp dụ nói: Hiện tại ấm diệt trung ấm ấm sinh, là ấm hiện tại không hề thay đổi thành trung ấm năm ấm, cũng chẳng phải tự sinh không từ chỗ khác đến, nhân hiện ấm nên sinh ấm trung ấm, nêu ra dụ cho hợp nói: Như ấn ấn bùn ấn diệt văn thành: Tên tuy không sai mà thời đều khác, cho nên ta nói trung ấm năm ấm chẳng phải nhẫn nhục, thấy mắt trời mới được.

Giải thích rằng: Hiện ấm như ấn, chỗ sinh trung ấm nghĩa đó như bùn, hiện tại ấm diệt, gọi là ấn hoại, Trung ấm ấm khởi gọi là văn thành. Ở đây lại dùng trung ấm làm ấn, nghiệp ép thọ thai gọi là ấn bùn, ấm trung ấm diệt, gọi là ấn hoại, ấm vị lại khởi gọi là văn thành, nghiệp chủng chưa dứt văn lại thành ấn, ấn lại thành văn, văn ấn thành nhau, không thể cùng tột, trung ấm sinh ấm gọi chung là ấm, khi các ấm nầy diệt chung gọi là ấn hoại, nầy, v.v... khi thành chung gọi là văn thành, sinh diệt là đồng nên nói không sai. Chỗ sinh khác nhau nên gọi là đều khác. Nếu văn không thành ấn gọi là nhân diệt, ấn không thành văn, văn cũng tự hoại, gọi là quả vong. Nên trong Đại luận nói: Đời trước nghiệp tự tác chuyển thành các thứ hình, hư không chẳng bị hại không nghiệp cũng như. Mạng Tỳ-đàm là pháp phi sắc phi tâm, cũng thuộc về mười bốn món bất tương ưng hành. Trong Đại Tập có dẫn chứng mạng, một phen trông mong giữ gìn thọ mạng gọi là mạng. Một thời kỳ tuổi thọ kéo dài gọi là mạng, cho nên xuất nhập nghĩ gọi là Thọ mạng, Tỳ-kheo không giữ gìn bảy ngày, v.v... Đại luận quyển hai mươi lăm chép: Đức Phật vì Tỳ-kheo nói nghĩa tư tưởng. Có Tỳ-kheo bạch Phật: Con có khả năng khéo tu tư tưởng.

Phật hỏi: Thầy tu làm sao?

Tỳ-kheo đáp: Không quá bảy năm.

Có người nói: Không bảo đảm bảy tháng.

Có người nói: Bảy ngày cho đến sáu, năm, bốn, ba, hai, một ngày.

Phật nói: Đây gọi là buông lung, không được gọi là khéo tu vô thường.

Có Tỳ-kheo nói: Không giữ gìn từ sáng đến bữa ăn.

Có người nói: Ăn trong khoảnh khắc.

Phật nói: Đều là lung tung.

Có một vị Tỳ-kheo nói: Thở ra không giữ được thở vào, làm sao được.

Phật nói: Đây gọi là tinh tấn khéo tu vô thường. “Ương” là lỗi, là tội.

Trong sách Nhĩ Nhã chép: Là thịt nát, nếu khi gặp tai ương thì nghĩa như thịt nát, không cha nương cậy, không mẹ nhờ ai, lý tánh pháp thân cũng như trẻ nhỏ.

Nếu không có hai trí cha mẹ nuôi dưỡng, cho nên sẽ chết không nghi ngờ, làm sao an nhiên mà sống tướng thường.

“Khạp” là khứ. “Minh” là u minh ở Bắc, tức là ấm mới là đường

u tối, hoặc tinh tấn diệt lửa, nước tinh tấn phá lửa biếng nhác, cũng như cứu lửa không thể tạm nghỉ. Lửa biếng nhác tất nên nói lửa diệt, tuy không tạm nghĩ cũng trái với đạo, thân tuy tinh tấn mà không ngộ vô thường, không được gọi là thân tâm tinh tấn. Trong Đại luận quyển mười tám chép: Đại Bồ-tát hành tinh tấn, bốn oai nghi không phế bỏ, thà mất thân mạng mà không bỏ đạo nghiệp, thì như lửa cháy bình nước đổ vào, duy còn dập tắt lửa mà không tiếc bình, các hạnh như nhà biếng nhác như lửa, thân như bình nước tâm như nước đầy, thân tâm tinh tấn, như hợp với bình và đổ, cho nên tinh tấn dùng tâm làm gốc, thân làm giúp, cho nên cần phải chánh trợ đầy đủ, nếu dùng bình không đổ vào lửa ngấm tắt, mà không biết nước dập tắt được lửa, luống tự mỏi mệt mà lửa không hề tắt, nhưng thân tinh tấn cũng giống như vậy.

Lại tinh tấn: Cũng như chim trĩ thấy cây đại thọ bị lửa vây quanh, sợ các loài chim không nơi nương tựa dùng hết sức mình bay xuống nước, thấm lông chim đến dập tắt lửa lớn, lửa lớn nước nhỏ bay đi bay lại mỏi mệt, không cho là khổ. Lúc bấy giờ, Thiên đế đến hỏi. Ông làm việc gì?

Đáp: Tôi vì chúng sinh, nhờ rừng cây nầy che mát các nơi trong mát vui sướng, tôi có các thứ các tông bà con và các chúng sinh, đều nương tựa ở đây, thân lực của tôi đâu dám biếng nhác.

Hỏi: Ông nầy tinh tấn phải mất thời gian bao lâu.

Đáp: Lấy chết làm kỳ hẹn.

Thiên đế nói: Mặc dù ông nói như vậy nhưng ai tin ông? Liền tự lập thệ nguyện, nếu không luống dối thì lửa sẽ tắt ngay.

Lúc bấy giờ, các vị trời ở cõi Tịnh Cư biết Bồ-tát thệ nguyện rộng lớn, liền làm lửa tắt, từ xưa đến nay chỉ có rừng nầy thường tươi tốt sum suê không bị lửa đốt.

Trong sách Ngạn Ngữ nói: chữ Ngạn có bộ khẩu Là ngạn truyền, nên viết chữ ngạn có bộ ngôn nếu viết chữ Ngạn có bộ khẩu là điếu. Phàm các ngạn ngữ đều tợ lời Thánh, nên từ xưa đến nay làm thật để ghi chép.

Nhà họ Nhan dạy phải dẫn dụ, đáng thương như tinh tấn, năm mi như đạo tâm. "Mi" là hiếu sắc; núi biển hư không chợ, v.v... Trong kinh Pháp Cú quyển hai chép: Có bốn anh em Phạm chí, đều đắc thần thông, biết bảy ngày nữa sẽ chết, nên bàn với nhau: Bốn anh em tôi có sức thần thông, lại ngăn che trời đất và mặt trời mặt trăng, nhưng không tránh được cái chết.

Một người nói: Tôi xuống biển lớn, xuống không đến đất lên,

không ra khỏi mặt nước.

Một người khác nói: Vào bụng núi Tu-di, lại hợp núi ấy lại.

Một người nữa nói: nhẹ lên hư không.

Một người sau cùng nói: Vào trong chợ lớn. Mỗi người đều nói: Nơi tránh như vậy quỷ vô thường giết người làm sao biết chỗ ta được, bàn xong từ biệt vua, qua bảy ngày, mỗi người qua đời như quả chín rụng.

Thị giám bạch vua: Có một Phạm Chí chết giữa chợ.

Vua nói: Có bốn người tránh đối mặt, một người chết còn ba người chẳng lẽ tránh khỏi.

Vua liền hỏi Phật

Phật bảo vua rằng: Có bốn việc không thể lìa:

1- Đã ở trung ấm chẳng thể không sinh.

2- Đã sinh chẳng thể không già.

3- Đã già chẳng thể không bệnh.

4- Đã bệnh chẳng thể không chết, là bạch câu nhật, ô thố nguyệt.

Lại trong điển tích thế tục chép: Trong mặt trăng có con thỏ, trong mặt trời có con chim, như Dã can, v.v... trong quyển bốn có dẫn đủ.

Kế lại ở sau nói quán vô ngã, bỗng nghe khen mắng, v.v... Người người cầm bình nghe mắng, người cầm hoặc khen người cầm.

Như ôm lấy người khác thuyết ấy nói: Khen mắng mình tất cả việc như vậy, huống chi lại mắng mình hoàn toàn là mắng người, do thân xác chạm người khác bốn đại tạo tác nên nói tâm tánh như tay cầm, như thoa kẹo, thủ cảnh gọi là tùy chấp, tùy đấm. “Khốc” là “ngược”, hách là dáng mạo dữ dội.

Long: Như trước, như dạ phòng kia, v.v... Trong Đại luận quyển chín mươi ba chép: Sân vốn tất cả đều không vọng sự, nên sinh ra tức giận như nghịch hại, cho đến đoạt mạng khởi nghiệp tội trọng, do đây nghiệp nặng sẽ đọa ba đường ác, cẩn thận chớ không có việc mà chịu đại khổ. Như trong một ngọn núi có một tượng Phật, trong có phòng riêng, thường có quỷ đến, nên các đạo nhân đều bỏ phòng nầy, Tỳ-kheo có dịch buổi chiều vào ngủ, vị Duy-na bảo ở phòng nầy, mà nói rằng: Phòng nầy có quỷ ưa đến não hại người, thầy ở được chăng?

Tỳ-kheo Dịch nầy tự ỷ mình có giới lực là năng lực học rộng nên không sợ, bảo tiểu quỷ nầy có gì mà sợ Ta có khả năng điều phục nó, rồi lại vào phòng. Đến tối lại có một Tỳ-kheo dịch tìm chỗ ở, vị Duy-na cũng cho ở phòng có quỷ nầy, cũng nói như trước, vị dịch cũng nói giống như người trước, vị Tỳ-kheo ở trước đóng cửa ngồi thiền rình đợi

quỷ đến Tỳ-kheo đến sau đêm tối mà gõ cửa đi vào, Tỳ-kheo trước cho là quỷ nên không mở cửa, Tỳ-kheo sau dùng hết sức đẩy cửa, Tỳ-kheo ở trong lại dùng hết sức chống đỡ, vị ngoài mở được cửa vào, vị trong dùng hết sức đẩy ra ngoài, người ngoài cũng dùng hết sức đẩy vào, đẩy nhau như vậy cho đến sáng, gặp nhau chính là bạn đồng học cũ, mỗi người đều hổ thẹn từ tạ nhau, mọi người trong xóm lấy làm lạc, chúng sinh cũng vậy, năm ấm xưa nay không nhân không ngã, không chấp tướng ấy mà sinh tranh cãi, nếu vạch đất ra chỉ có xương thịt, lại không có nhân ngã, lúc bấy giờ ai nói kia đây, cho nên Bồ-tát bảo chúng sinh rằng: Ông cẩn thận chớ ở trong vốn không khởi tội tranh cãi. Hai con quỷ tranh thây chết, v.v... Trong Đại luận quyển mười ba chép: Như người đi xa ngủ riêng ở đình trống, giữa đêm có một con quỷ vác một thây chết đến để ở trước, lại có một con quỷ đến sau, sân mắng quỷ trước nói: Đây là thây chết của ta vì sao mang đến.

Quỷ trước lại nói: Vốn là vật của ta, ta tự mang đến.

Hai quỷ đều dùng một tay tranh nhau. Quỷ trước bảo rằng: Nên hỏi người nầy.

Quỷ sau liền hỏi: Ai chết người nào mang đến? Người nầy suy nghĩ, hai con quỷ nầy đều có đại lực, nói thật nói dối đều không khỏi chết, nay ta không nên nói dối bảo quỷ.

Lại đáp với quỷ sau, quỷ trước mang đến, quỷ sau tức giận đưa tay chân ra để trên đất, quỷ trước hổ thẹn, lấy thây chết để thêm vào cánh tay chân cả thân đều đổi, lúc đó hai quỷ đều cùng ăn đã đổi thân cho người sống, mỗi lau miệng rồi phân đầu mà đi. Người ấy suy nghĩ, cho mẹ sinh thân ra chính mắt thấy ăn hết, nay ta thân nầy đều là thịt của người khác là có thân hay không?

Suy nghĩ như vậy ôm lòng mê loạn không biết bị bỏ, cũng như người cuồng, trời đã nói tìm đường mà đi, đến trước cõi nước thấy một ngôi tháp Phật, hễ thấy chúng tăng bất luận việc khác, chỉ hỏi thân mình là có hay không. Các Tỳ-kheo hỏi: Ông là người nào?

Đáp: Tôi cũng không biết là người hay chẳng phải người, tức là chúng tăng nói rộng việc trên. Chúng tăng đều nói: Người nầy tự biết thân mình vô ngã dễ có thể hóa độ liền bảo họ rằng: Thân ông xưa nay hằng tự vô ngã, chỉ do bốn đại hòa hợp tu tập, chấp làm bản thân, như bản thân ông không khác với nay, lúc bấy giờ các Tỳ-kheo độ làm Sa-môn, dứt hết phiền não, chứng được A-la-hán. Cho nên có lúc đối với thân người khác cũng chấp làm ngã, do vì vô ngã, có lúc ở ta cho là người khác. Nên trong Kinh Văn-thù Vấn chép: Có người già ban đêm

nắm tay cầm hai gối, mà lại hỏi, sao có hai đứa trẻ này? Nếu thân có ngã vì sao không biết cho là trẻ nhỏ? Nên biết chấp ngang đều không nhất định là thật, nếu tu ở sau kết thành Ba thừa hạnh khác.

Ban đầu Thinh văn, trong pháp trước nói như bị oán đuổi theo, bốn đảo như oán ép tâm như duỗi, thân như oán quốc, quán như kẻ làm phản.

Không nêu ra năm ấm mà ở trong đó thực hành, nếu đến kiến đạo mới có đường ra, nghe dụ cho ở sau hàng Ba thừa tuy lại quán đế duyên độ biệt, Thông giáo nói đều quán niệm xứ, tuy đồng niệm xứ tự hành hóa tha, có bi không bi phước đời trước khác nhau, nên phân ra ba pháp khác nhau, nên sau nầy phân ra Ba thừa.

Văn đầu văn dụ cho, Thinh văn quán nghĩa pháp như con hươu, sinh già bệnh chết cũng như vườn săn, ba cõi năm dục cũng như nước cỏ, không gấp xem nghe, như không nhãn rồi ăn uống, mong lìa hai phược như chí ở miễn thoát.

Kế là Bích-chi Phật trong hình tướng, Bích-chi Phật quán pháp nghĩa như nói, trí quán nhân duyên cũng như rõ ràng, dứt kiết tập khí như có chút thoát nạn, tự trí như rong ruổi thương xót người khác như xem xét, bi trí gồm hạnh nên gọi là tinh, trong bộ hạnh nói pháp gọi là bi minh, nhưng khen ngợi nêu ra cái khổ gọi là “ối chà!” ối chà tiếng thô. Chữ “yên” nên làm là chữ “ế”, ăn uống không xuống, tâm bi thương vật, như ăn không được, tự nhàm chán có dư gọi là Thống, cũng thương xót người khác gọi là luyến, xưa đồng với khổ ấy gọi là bổn quần, muốn bỏ niệm trụ sợ chẳng phải thường được lợi ích, tên tuy là do dự, mà nói trì trù là hạnh không có dáng mạo trước, có chút tâm bi dường như trụ sinh tử, việc lợi vật tạm gọi là được lợi ích gì? Nói rồi nhập Niết-bàn, gọi là “ăn khí” giáo pháp không trụ danh gọi là “nuốt tiếng”, “như” là uống. Tuy thương xót mà thệ như ôm lòng bi tiến về trước, tự nêu ra ở sau hợp dụ cho, văn lược. “Điệu” là buồn thương, thương hại.

Kế nói: Bồ-tát là văn dụ cho nên biết; kế hợp trong dụ cho, văn tướng đều là lợi ích giúp việc, cho nên lý sự cần phải hợp hạnh, nên văn sau nếu hoàn toàn không ở sau, lại nói ý hợp hạnh, nếu không thấy làm sao tiến hành. Trong Thanh văn ở trước, trước là pháp, kế là dụ, kế trong Bích-chi Phật; trước dụ; kế hợp, hai pháp nầy văn hợp, văn tướng đều lược không giao phó đối hợp, cho nên ở dụ phù hợp với văn ủy thác trừ bỏ. Nay trong Bồ-tát dụ hợp văn đủ, nên thẳng hợp lại không giải thích riêng. Đại tượng hợp với Bồ-tát, từ vô thường đi đến nước lửa. Hợp tuy nghe đều hợp, lại khởi từ bi đi đến đi một mình là hợp, không

nở đi một mình, an chịu sinh tử, hợp tự biết năng lực lớn, do trí đi đến đều an, phải làm cho mọi người được an ổn, sự độ là công đức, ngã phần là pháp thân, phục đạo là tuệ mạng, hậu hậu là thêm lớn, ba kỳ là đại tượng, nếu con của tiểu tượng đi trầm bổng, nhỏ thì không bằng lớn. Người sơ tâm có thể khen ngợi. Tăng kỳ đầu tiên gọi là Tiểu Bồ-tát, tuy chưa khỏi lui sụt mà thật khác với phàm tiểu, nên có thể khen ngợi.

Kế: Trong dẫn chứng không trụ, không điều, v.v... Bồ-tát Sơ tâm sự độ thệ nguyện khác phàm phu, gọi là không trụ không điều, khác người Nhị thừa nên gọi là không trụ điều, tuy biết bỏ ba câu lệ theo đây, mà không chấp chứng nên đều nói tuy nhưng do phục đạo làm vô ngã, v.v... khác nhau chung riêng hai chủng Bồ-tát, tu nhiều ở sau kết hạnh thành.

"Lang" là thú. Giống chó mà sói, trí Ba thừa trong ba tạng nầy, đồng quán vô thường, khổ, không, vô ngã, vì hạnh Ba thừa khác, đều có thể dùng làm sự trí trợ đạo.

Tự hành ở sau chánh thỉnh che chở, mong như kết ích đều như văn, nếu hoàn toàn ở sau nói ý hợp hạnh.

Trước phân tích lỗi; kế nói về đắc.

Phật ấn: "Ấn" nghĩa là ấn khả, có thể nói là "xứng khả", sự lý tương xứng nên có thể là Thánh tâm, vì Thánh thầm ấn, chướng bỏ hiển lý, đã đủ các lỗi, lại mê lý quán, ấn không có lý đó.

Kế sở dĩ ở sau dẫn hóa xưa, nghĩa là hội xưa ràng buộc nghĩa châu như chánh đạo, lui sụt đại luân hồi như ngăn che trùng lập, do nghĩa tiểu khởi như dụng trợ. Ban đầu có bẩm thọ đại, lui sụt lại trôi lăn không thể đại hóa, trước là phương tiện dẫn dắt mới bước vào đại cho nên gọi là Tiểu khởi.

Kế lại từ Phật ban đầu muốn ở sau, dẫn hiện hóa nghi để chứng ý trợ, vốn là nghĩa duyên lớn như chánh đại cơ chưa thuần thục nghĩa như trong tế tìm dụng nghĩa phương tiện như dụng sự, do phải thích nghi nên như Phạm âm khen ngợi, mười phương Chư Phật còn khen ngợi trợ đạo, huống nay trọng tế mà không trợ giúp ư? Như con nhà giầu kế ở sau nêu dụ cho.

Nếu nói về quán tế nên dùng vô sinh, sự không xong được dụng sự trợ. Như trong Đại kinh quyển mười chín nói: Thí như có người đóng cửa ở nhà tù rồi từ lỗ nhà xí mà ra, thí như có người sợ kẻ thù, nương Chiên-đà-la, như Bà-la-môn bị bệnh ăn thuốc bất tịnh, Đại Bồ-tát thực hành sự độ, cũng giống như vậy, vì nghĩa nầy nên cần phải sự trợ, huống chi nay văn chánh trợ hợp hạnh, tất cả trợ hạnh đều là pháp giới,

hợp dụ cho rất dễ thấy, văn sáu độ nầy đều ở Đại luận thứ mười lăm đến thứ hai mươi mốt, thường nói về một phen độ chúng sinh giải thích khác nhau, nhưng cũng không ngoài bốn ý nầy.

Kế dùng sáu câu phân biệt sự lý, trước y hỏi là sự độ thuộc về ba tạng, đạo phẩm là vô tác, vốn dùng vô tác làm đạo phẩm, chung đến ba môn Tam-muội, nay nầy bèn nói không tu sự độ thì Tam-muội vô tác không thành tựu, sự độ nên thắng đạo phẩm vô tác.

Kế là ý đáp, độ và phẩm đều có sự lý, huống chi đạo phẩm lại nhiếp lẫn nhau, cho nên hơn kém cũng xen nhau được tên, chỉ làm tên độ ở nghĩa trị cho tiện, nên đối trị từ độ mà đặt tên, nay văn dùng sự mà giúp cho lý, nên văn trên nói: Không có sự lý thì quyết định không thành. Văn trước đã y cứ theo Đức Phật giáo hóa xưa nay, cho đến văn dụ cho trong các Đại kinh, đủ nói lên ý dùng sự để giúp lý vì hiển hạnh môn, sao luận hơn kém vì muốn càng hiển tướng chung riêng để trị, cho nên lại làm ba cặp sáu câu ở trong đó trước nêu bày sáu câu.

Kế giải thích, giải thích chặng giữa ở trước Biệt giáo, kế Thông giáo, chỗ nói biệt là ba cặp khác nhau, lại do sự độ đối lý đạo phẩm, sinh diệt đạo phẩm đối viên sáu độ, do rõ tướng phá tướng tu tức nhau, nói phá tướng, văn nói như đạo phẩm trên không thể khế chân, chỉ thứ sáu trước chánh tu đạo phẩm nên biết tức đạo phẩm vô tác, nếu tu sáu độ tức tệ năng phá, tức văn nay đối trị giúp khai, tức là sáu độ phá đạo phẩm. Nếu tu viên sáu độ không thể khế chân, tu sự đạo phẩm tức năng phá hoặc, nầy gọi là đạo phẩm phá sáu độ. Sau sáu độ nói Ba-la-mật, nên gọi là bỉ ngạn. Tướng tu, tu sự sáu độ vì đối trị xong, lại phải tiến tu vô tác đạo phẩm, trị đạo thành tựu nên nói là nhậm vận, nếu tu sinh diệt đạo phẩm vì đối trị xong, lại phải tiến tu sáu độ vô tác, nói như trên đã nói: Là như sáu độ ở trên nhiếp sinh diệt đạo phẩm trung, tức là đạo phẩm sinh diệt phá sự tế xong, mà lý quán hoàn toàn không có mảy may, phải tấn sáu độ vô tác, nói tức nhau: Sinh diệt sáu độ tức viên đạo phẩm, sinh diệt, y cứ sự tuy có sinh diệt đồng khác, y cứ thể các pháp xưa nay tức nhau, nên dẫn trong kinh nói đều là Đại thừa, đàn độ nêu đầu tiên của sáu độ, niệm xứ nêu đầu tiên của đạo phẩm, nên biết tướng phá tướng tu y cứ phàn quyền thật, mà thành giúp đạo, tức nhau tức là y cứ khai quyền thật, mà thành hợp hạnh. Nếu lại một phen đến là vô tác, tu sự làm trị như trước đã nói, nếu dùng bốn giáo thay nhau trợ giúp, nên dùng Thông giáo đối sự sáu độ, Biệt giáo đối sự Viên giáo đối sự, Biệt giáo đối Thông giáo, Viên giáo đối thông giáo, Viên giáo đối Biệt, chung hợp sáu lớp đạo phẩm khác nhau nói chung ở sau kế nói

chung các pháp, đều được tương đối, để nói sáu câu, trong văn lược nêu bốn đế nhân duyên, nói hữu học, v.v... "Hữu": nghĩa là hữu ích. "Vô" nghĩa là vô ích, chẳng phải hữu vô, tức là tức nhau nhân thấy có không cho đến đều ba đế phi tác giải thích rất mất ý chỉ văn, nếu không nói trợ, thì ở đương giáo, tùy theo thích nghi, để luận hữu ích, vô ích, v.v... cho nên đương giáo cũng có tướng phá tướng tu tức nhau.

Kế nói nhiếp điều phục các căn: Ban đầu chánh nói bổn giáo trong điều phục khác nhau, trong mỗi giáo đều có sáu độ. Trong mỗi độ đều điều phục sáu căn, tức là trong mỗi căn đều đủ sáu độ, bốn giáo cho đến thành hai mươi bốn lần sáu độ, cũng là hai mươi bốn lần đạo phẩm. Nếu nói về tùy tư trong ý lại đối với sáu tác, lại thành độ phẩm đều có hai mươi bốn, mới thành tựu độ phẩm đều có bốn mươi tám, ở một trợ trị dồi dào như thế, thì người đời không biết đọc là còn mê, nay văn đã nói điều phục các căn, tức là để soạn luận thọ dụng, trong mỗi giáo đều rõ. Trước giải thích chấp hết, nay trong đàn ban đầu lại không nói là tài. Hơn nữa từ điều phục căn đầy đủ nên như tùy tư trong ý, nhưng y cứ sáu tác sáu thọ để rõ sáu độ, đó có bốn dụng, bốn độ, điều phục các căn, nên điều phục các căn cũng có bốn món khác nhau, tức là giúp đạo khắp ở tác thọ, trị tướng sáu căn sáu tệ, mà đối sáu căn hiển bày rốt ráo sáu món, cho nên nhân môn nầy đã nhiếp các căn, bốn giáo sáu độ sáu căn nầy, nếu giải thích rõ ràng, thì phải thuận với ý của đương giáo, đều do hậu giáo xoay vần dung nhiếp ở trước, mới gọi là trợ đạo xoay vần thành trị.

Kế nói trong giới không tổn hại, tổn hại chỉ là phá, hộ giới không thiếu nên nói vô thường.

Nói Tập Ứng: Tu tập như vậy cho được tương ưng, nên trong đại phẩm tập ưng phẩm, Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát: Làm sao tu tập Bát-nhã Ba-la-mật-đa, cũng tương ưng với Bát-nhã Ba-la-mật.

Luận giải thích: Xá-lợi-phất biết Bát-nhã Ba-la-mật khó thực hành khó chứng đắc khó có thể thọ trì, nên khởi lời hỏi nầy.

Trong Đại Phẩm chép: Phật bảo ngài Xá-lợi-phất rằng Đại Bồ-tát tu tập sắc không cho đến trí Nhất thiết chủng không, nầy gọi là tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật.

Luận hỏi: Tập ưng nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa là tùy Bát-nhã Ba-la-mật mà tu hành không ngừng, chẳng nghĩ nầy gọi là Tập, thí như đệ tử thuận theo thầy dạy không trái ý thầy, nầy gọi là tương ưng thuận theo Bát-nhã không thêm không bớt, như hộp và nắp tương ứng, đó gọi là tương ưng trong Viên giáo ở trước

dẫn kinh.

Trong kinh Ương-quật nói: Theo kinh Ương-quật giáo ấy có ngàn người chỉ thiếu một người, muốn hại người mẹ kia, Đức Phật theo đến lại muốn hại Đức Phật kia. Duyên đầy đủ như trong quyển hai có dẫn, Đức Phật đi từ từ không mau, trong kinh Ương-quật nói đi mau đuổi theo không kịp, nói bài kệ rằng:

"Đứng lại Đại Sa-môn, v.v... có ba mươi sáu bài kệ, Đức Phật dùng hai trăm bảy mươi sau hàng kệ đáp, thường có ba hàng kệ kết thành một lời đáp, hợp thành chín mươi hai lời đáp trong ba hạnh ấy chỉ đổi câu đầu hạnh thứ hai, còn các câu khác đều đồng.

Ban đầu nói:

"Đứng lại Ương-quật-ma
Ông nên trụ tịnh giới
Ta là Đẳng chánh giác
Hơn ông kiếm tuệ bén
Đồng trụ mé vô sinh
Mà ông chẳng hay biết
Ông Ương-quật-ma-la
Ta là Đẳng chánh giác
Nay phải hơn tuệ ông
Vô lượng nước pháp lành
Nay ông phải uống mau
Trừ nước sinh tử ông".
Câu đầu hạnh thứ hai
Ta trụ mé vô tác
Ta trụ mé vô vi
Ta trụ mé không già
Cho đến mé không bệnh"

- Mé vô nhiễm, v.v... Ương-quật hổ thẹn cũng như người mù bị bọ cạp độc căn. Đức Phật nói kệ rồi, lại bảo Ương-quật rằng: Thế nào gọi là Học?

Ương-quật đáp: Tất cả mạng chúng sinh đều nương ăn uống mà sống, đây là Thinh văn y cứ theo đây, chẳng phải Đại thừa. Nói Đại thừa lìa ăn mà thường vững chắc.

Sao gọi là một? Nghĩa là tất cả chúng sinh đều do Như lai tạng rốt ráo hằng an trụ, như vậy trong tăng số tăng đến sáu sao gọi là sáu, đó là sáu chỗ nhập, đây là Thinh văn y cứ theo đây, chẳng phải Đại thừa, nếu nói Đại thừa, nghĩa là nhãn căn ấy đối với các Đức Như lai thường

thấy rõ, đến nhậm môn tu đầy đủ không bớt bớt, đó gọi là nhĩ căn nghe rõ đến nhập môn (ở sau đều được câu thứ hai thứ tư) nghĩa là tỷ căn ấy ngửi rõ đến nhập môn, thiệt căn ấy từng nếm nhập môn, thân căn ấy xúc chạm rõ đến nhập môn, ý căn ấy nói rõ đến nhập môn, tăng số cho đến mười lực, đáp xong Phật dạy: Lành thay! thành A-la-hán. Trong kinh không nói rõ ràng, văn nghĩa nay nói một niệm nhãn căn đủ lý quyền thật nên nói "liễu biễu và rõ ràng". Lại nay ý căn khác với kinh, cũng là tùy theo nghĩa cho nên như.

Kinh dùng từ bên ngoài nên gọi là minh thuyết, nay từ bên trong chứng gọi là tri, trong kinh dùng từ bên ngoài gọi là thuyết, như trong Pháp Hoa giải thích ý căn: Tháng đến bốn tháng phân biệt không cùng tận tức là ý căn để nói dụng, như vậy giúp là mới là giúp viên cực, tức gọi là hợp hạnh, chín cõi ấy ở sau giải thích kinh. Tự nghĩa là đồng, v.v..., chín cõi tự cho là đương giới là cực tột, không biết lý thể rốt ráo chân thật, cho nên gọi là "tự vị cho là chẳng phải chân". Lại ở sau giải thích sáu độ đủ nêu bày kết thành nhãn trí, kế nêu bày chung kết sáu trần, nầy thì ở sau hợp hạnh, nên biết ở sau kết khắp, đều như văn. Trong Đại Phẩm nói ở sau, kế dẫn Đạo Phẩm để chứng minh.

Nói "quên ba": Viên vong ba nầy nói tự Thông giáo phải phân biệt đồng khác khiến cho giáo tướng Biệt giáo, Thông giáo chỉ do năng sở tài vật là ba, Biệt giáo y cứ ba quên nói về mười cõi, thuốc và bệnh trao thuốc, v.v... có ba. Viên giáo y cứ ba quên ở không giả trong ba pháp. Lại nếu dùng tài vật, năng, sở cả ba mà làm sở vong, ba giáo năng vong quán hạnh khác nhau, nghĩa cũng có thể như vậy, Thông giáo tức không mà làm năng vong, Biệt giáo tuy duyên Trung quán dụng không quán chẳng khác nhau. Viên giáo tức dụng không thể nghĩ bàn không, tức nầy chánh là vong ở ba đế, thường vong thường chiếu, nói vong nói chiếu, cho đến không chấp cũng phải phân biệt, như vậy gọi là sự lý hợp hạnh, phải là đầy đủ ở sau chánh giải thích tướng hợp hạnh, trước lược lập; kế tự tha ở sau giải thích. Đầy đủ sự lý tự hành hóa tha, mới gọi là cụ túc. Nhưng lý chung ba giáo lại theo thuyết cao siêu, dùng Viên đối sự mới gọi là cụ túc, sự thì phá pháp san, v.v... Nói lược xả tài, y theo ví dụ cũng nên giải thích xả thân mạng, nên nói lau chùi nặng một chút, sức không nêu ra, gọi là pháp tức thân, đồ dùng nuôi dưỡng không thể bỏ hết gọi là tiếc mạng pháp, tàng ẩn không muốn cho người biết, gọi là tiếc tài pháp, nay không tiếc thân mạng mà hành sự thí, thân như bọt tụ mạng như điện chớp, tài như phân đất, gọi là phá pháp san. Tuy có thể sự thí cũng trệ xa ở lý, không thể xả khắp mười

cõi y chánh, nghĩa san cũng đặt tên là "san tâm" tâm quán lầm dần sáng không thấy tướng thân mạng tài mười cõi thường tương ưng với pháp lý đàn, nên nói lý thì phá tâm san ấy, tâm ấy, nếu phá thì là xả khắp một niệm, y chánh mười cõi trăm cõi, nên khi nhập vị khắp có thể hòa hợp khế hội cơ duyên của mười cõi, cho nên gọi là pháp năng xả, tài thí trợ pháp pháp thí dung tài, là nghĩa chánh trợ hợp hạnh ở đây, hai phá trong kết, nghĩa là phá pháp phá tâm.

Hai xả nghĩa là xả tài và thí pháp, sự lý hai viên hai xả khắp đủ, lý thì làm thể sự thì làm dụng, nầy y cứ tự hạnh để nói thể dụng, nên nói thể dụng sự lý đầy đủ, qua hai biển tử đến bờ ba đức, gọi là Ba-la-mật, khi thực hành quán nầy gọi là quán hạnh, nếu thanh tịnh sáu căn gọi là tương tự vị, đủ như trong kinh Pháp Hoa sáu căn thanh tịnh. Nếu vào vần đầy đủ như mười thứ sáu căn trong Hoa Nghiêm.

Kế nói nhiếp oai nghi của Phật: Là hai khoa trước lược nhiếp nhân hạnh, cách nầy mười khoa lược nhiếp quả đức, Đức Phật dùng từ bi vô duyên độ chúng sanh, pháp tánh bất động hiện các oai nghi, ắt nương bất cộng mười lực vô úy, nên mười lực, v.v... gọi là oai nghi của Phật.

Văn đầu gồm nêu ra ý, nay bèn thôi ở sau Biệt giáo nói về nhiếp tướng, đã dùng sáu độ mà làm trợ đạo, thì phải là sáu độ nhiếp oai nghi của Phật, tên sáu độ hẹn nhiếp nghĩa không khắp, nên tùy theo tên tiện, dùng đạo phẩm in, trước sáu độ đã nhiếp đạo phẩm, nên biết đạo phẩm chẳng khác sáu độ, lại đạo phẩm chỉ là một trong bốn đế, nếu có đạo đế mới có Bốn đế, nếu không có đạo đế thì khổ tập chẳng phải đế, huống chi diệt đế ư? Tên đạo lại hẹn nên dùng đủ bốn, trong văn tuy phân ra bốn thứ mười lực, ngoài mười lực không có mười lực khác, cũng như bốn đế có vô lượng tướng, nên dẫn năng lực của Ương-quật có vô lượng, chẳng phải Thanh văn Duyên giác biết được, như xứ phi xứ trong kinh Thinh Văn, tức dùng lục đạo làm phi xứ, Niết-bàn làm xứ. Nay Đại thừa y cứ lược có bốn, bốn đế mười cõi bốn độ, nói về xứ phức xứ, nên năng lực Đại thừa như mười phương cõi.

Trong Đại kinh đã đối với Nhị thừa bốn đế để nói vô lượng, nay cũng lại đối với kinh Nhị thừa dùng năng lực để rõ mười lực, ở chặng giữa ban đầu chánh nhiếp bốn thứ mười lực, nên trong mội thứ mười lực đều phải có bốn nghĩa.

Ban đầu giải thích xư xứ. Nói cho đến vô tác: Là ở chặng giữa vượt hai giáo, nếu muốn nêu bày để biết, tức dùng vô sinh ví dụ cho sinh diệt, vô lượng ví dụ ở vô tác, khéo léo nêu ra tuy khác lý sở duyên, trong chín năng lực ở sau mỗi năng lực đều phải có các giáo đối nói,

mới hiểu bốn món rộng hẹp sâu cạn, nên biết ba lực, tức ba minh. Trong Đại luận quyển hai mươi bảy nói mười lực, người cần tìm, hỏi: Mười lực đã không nêu ra bốn đế, sao không chỉ nói bốn đế. Cần gì nói lực?

Đáp: Đế chung cho cảnh sở quán, năng lực nói như lại thắng năng, bốn đế ở nhân mười lực chỉ có quả, bốn đế thông tiểu lực duy ở đại, nên phải nói riêng, là một pháp môn, v.v... Là giải thích nghi ngờ.

Ban đầu giải thích bốn nghi, năng lực phải lợi sinh, sinh cơ không đồng, năng bị sẽ khác, nên phải bốn món bệnh thuốc đối nhau để nói về bốn pháp. Bất linh, v.v... Là hiển bày pháp luân lợi ích không, đồng một pháp mà bẩm thọ đều khác, tiểu không nghe đại khiến không chê bai đại, đại rất mật văn, cho nên không mong.

Năng Nhân: Cũng nói là Năng nhu, Trực tâm, Độ ốc tiêu, v.v... đủ như trong phẩm Danh Hiệu Hoa Nghiêm có nói. Bồ-tát là vị quan thông minh biết rõ trong năm thời các Đại Bồ-tát biết miệng mật hợp cơ của Phật mà hỏi, như vua chỉ nói, đem tiên-Đà-bà đến, vị quan thông minh khéo biết muối, nước, đồ, ngựa, ở mỗi ngôn âm mật được bốn thứ, cơ hợp chủ bạn không sai mảy may. Trịnh cũng là trọng. Nên trong Hán Thư nói: “Hoàng Thiên nên trịnh trọng, tức nhiều lần ban lịnh, Bồ-tát cũng như vậy, vì chúng sinh nên nhiều lần phiền hỏi bậc Thánh”.

Hỏi: Mười Lực giải thích nghi nhân quả.

Ban đầu ý hỏi. Trợ đạo chỉ ở Sơ tâm Mười lực chỉ ở quả vị, đâu được sơ tâm mà nhiếp quả lực?

Đáp ý: Dẫn ba chỗ văn, để chứng sơ tâm có thể tu mười lực, huống chi trợ môn đủ khắp nhiếp thỉ chung, mười lực đã vậy các pháp nêu bày cũng như vậy, cho nên chỉ gạn các lực lại không nói, cho nên văn sau chỉ thẳng như vậy giải thích cho đến bất cộng và tướng tốt.

Ban đầu dẫn đại luận có hai cách giải thích đều là sơ tâm đã tu mười lực, dẫn văn đầu, đã thừa nhận Bồ-tát khi tu Bát-nhã mười lực không nên trụ, nếu trụ thì sơ tâm nói Phật có lỗi, chẳng phải Sơ tâm vô cớ nói Sơ tâm, nhưng chưa rốt ráo là vì nghĩa nầy, vì thế không nên trụ, phải biết sơ tâm đã có phần lực. Lại Bồ-tát ở sau giải thích là phần đắc, nếu vậy ở sau kế dẫn trong kinh Hoa Nghiêm, trước lại gạn luận, trong luận chỉ nói sơ tâm thừa nhận tu đâu gọi là đắc, nầy phân tích lời giải ban đầu nói phần nhiều sinh chấp, nên biết tức là tu mà chưa đắc, sau nói nhập vị, kế gạn ở sau giải thích chưa rốt ráo, nên ở đầu mới gọi là nhập vị, đâu có liên quan đến sơ tâm, theo hai nghĩa nầy không gọi là sơ tâm đầy đủ mười lực, nếu y theo sau chánh dẫn kinh để đáp, trụ trước đã được phần mười lực, cho nên phải biết sơ tâm không. Sau nói cho

đến quán như vậy lại thành Chánh giác, tức là Sơ trụ phần chứng mười lực, nói trước phải phân biệt mười thứ pháp, từ tu xưa giảng, nói mười phạm hạnh, tức ở trụ trước tương đương với nghĩa Thập tín, văn nói ba nghiệp và Phật Pháp Tăng giới, trong đây nói lược, nên nói mỗi thân nghiệp, mỗi miệng nghiệp, mỗi ý nghiệp và Phật, v.v... có bốn. Kinh xưa quyển mười bảy nói: Bồ-tát Pháp Tuệ nương thần lực của Phật nói Thập Trụ xong, kế Chánh niệm Thiên tử hỏi, đủ như văn nay đã dẫn, ngài Pháp Tuệ đáp: Bồ-tát nầy một bề duyên cầu Vô thượng Bồ-đề, trước phải phân biệt mười món pháp thân cho đến giới nên quán như vậy, quán mười pháp nầy đều đồng pháp giới, lại từ đều chẳng phải phạm hạnh mà nói, do Bồ-tát nầy xả bỏ tục xuất gia tu phạm hạnh, vì đạo Vô thượng, lại quán sự hành không thật có. Vì sao?

Nghĩa là đủ giới thanh tịnh gọi là phạm hạnh, theo duyên mới đủ. Duyên là ba nghiệp, ba bảo giới pháp đối với tâm người mới thành tựu được, nay ban đầu suy nhân duyên đều không có tự tánh, đồng lý pháp tánh nên nói như không, nên trong kinh nói: Nếu thân là phạm hạnh, phải biết phạm hạnh thì không thanh tịnh, là phi pháp, là hỗn trược, là xú uế, trần cấu siễm khúc tám muôn hộ trùng, mỗi thứ đều như câu đầu mà nói, nếu thân nghiệp là phạm hạnh, phải biết bốn nghi tức là phạm hạnh, còn bao nhiêu như văn nay, mỗi pháp đều nên nói là phạm hạnh, nếu miệng là phạm hạnh, thì nên biết lưỡi động là phạm hạnh môi răng hòa hợp tức là phạm hạnh, nếu miệng nghiệp là phạm hạnh phải biết lời nói là phạm hạnh sở thuyết tác vô tác khen chê hủy nhục, tức là phạm hạnh, nếu ý là phạm hạnh, phải biết giáo quán nhớ nghĩ không quên tư duy mộng huyễn, v.v... là phạm hạnh, nếu ý nghiệp là phạm hạnh, thì phải biết tưởng là phạm hạnh, lạnh nóng đói khát là phạm hạnh, khổ vui lo mừng là phạm hạnh, nếu Phật là phạm hạnh, thì sắc thọ tưởng hành thức là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp thần thông biến hóa, là phạm hạnh, nếu pháp là phạm hạnh là các pháp chánh pháp, tà pháp vắng lặng Niết-bàn, sinh chẳng phải sinh, thật không thật đều là phạm hạnh.

Nếu tăng là phạm hạnh: là bốn quả hướng là sơ quả cho đến quả A-la-hán Tăng là phạm hạnh sao? Là ba minh sáu thông tám giải thoát, thời không phải thời đều giải thoát là hồi hướng? Nếu giới là phạm hạnh ở đủ văn nay, lại y cứ ba đời, năm ấm, các thứ suy cầu phạm hạnh không thật có, quán mười pháp nầy rồi kế tu mười lực, đã là sơ tâm thừa nhận tu tức là hữu phần.

Kế dẫn trong Địa Trì nói Bồ-tát biết Như lai tạng là nghĩa thông

Biệt Viên ý nay ở viên, nên trước sau văn dẫn chín đại thiền, hoặc chứng chung hai hoặc chỉ chứng Viên giáo, nên nay nghĩa tạng nên từ Viên giải thích, nếu vậy, vì sao lại nói ở Sơ địa ư?

Đáp: Nghĩa bao gồm biệt nên nương giáo đạo nói: Biệt giáo thứ lớp sơ tâm vẫn đủ, huống chi là viên ư? Nên dẫn trong Địa Trì Trợ Hành Hoa Nghiêm, văn tư vị trước đã là Thập tín, trong tín đã tu sinh ra mười lực, cho nên theo Hoa Nghiêm không cần phải nghi, người Nhị thừa trừ nhập, "trừ" là "xả", "nhập" là "giải", xả bỏ phiền não nên được giải ngộ, ngộ tức là nhập sở nhập, sở nhập là xứ, tức tám thắng xứ, cho nên trong Đại luận, Nhân Vương đều nói: Bát trừ nhập, nên biết trong Sơ địa tự tánh thiền nhiếp được tất cả các định đại tiểu, há chẳng phải, v.v... Thập tín tâm tu Sơ địa hữu phần, ba phen y cứ để rõ, trước kết ba văn, đạo phẩm ở sau kết nhiếp như văn. Thập trụ ở sau giải thích tên, Chư Phật, Bồ-tát như thật trí dung thông đạt tất cả rõ ràng, không thể hoại được, lại không có lỗi lầm, cho nên rốt ráo gọi là không lỗi, nên nói đắc thắng, phương tiện hóa vật nên nói khả năng kham nhẫn. Lại khi đến quả báo dụng tối thắng gọi là thắng kham năng, nay nói về nghĩa nhiếp pháp tuy chung ban đầu, lại y cứ theo cực quả để giải thích tên lực, cho nên trong luận Tỳ-đàm, Bà-sa hỏi: Vì sao trí trong thân Như lai dùng đặt tên lực mà chẳng phải khác ư?

Đáp: Nghĩa chẳng chướng ngại là nghĩa lực, thấy rõ ba cõi ba nghĩa lực, tên tuy ở nghĩa tiểu, ý thông ở đại, rộng hẹp thành khác, so sánh mà nói nên biết.

Nói giúp đỡ là có năng lực nầy có thể giúp pháp thân, dụng không cùng tận trong Địa Trì ý có tự hành, ngoài dụng không cùng, song Phật lực ở sau lặp lại giải thích nghi, nói hai cách giải thích nầy, mười hóa sinh chân đây là một cách giải thích. Ngài Ương-quật có vô lượng lực là một cách giải thích, lực nầy nói mười lại nói có vô lượng, phải biết mỗi lực đều có vô lượng, tuy nói vô lượng, mà không ngoài bốn, nên nói "Di hiển" mười lực nầy và chín khoa ở sau, Đại luận pháp tướng rốt ráo không thể hết, nay lược còn danh mục để nói lên nhiếp pháp.

Kế nhiếp bốn vô úy: Là các trí Mười lực bên trong minh liễu đầy đủ, nên đối với duyên ngoài không sợ, nên kế nói mười lực nhiếp vô úy như giải thích tên lực trong thứ hai, hoàn toàn từ hóa dụng được gọi vô úy, ở chặng giữa ban đầu là chánh giải thích.

Kế là đạo phẩm, ở sau kết thành; kế dẫn Đại luận giải thích tên gọi chung là Vô úy, nghĩa là ở đại chúng nói rộng tự tha và trí đoạn, v.v... quyết định không mất, không có tướng sợ sệt gọi là vô úy, do các

đức trong tâm đầy đủ, nên ở trong đại chúng nói rộng vô úy. Nói đại chúng: Nghĩa là hoặc người hoặc trời, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc ma phạm, v.v... và chúng khác. Thập Trụ ở sau, kế dẫn Thập Trụ giải thích nghi, văn đầu khó khởi, đối với bốn việc kế sau chánh giải thích, Phật đối với tất cả ở sau gạn hỏi nhiều lần, nếu đại cốt yếu ở sau giải thích trùng lập văn đều do lược mà gạn, ở sau giải thích trùng lập văn đầu do lược mà gạn ở bốn, văn dùng rộng mà gạn ở bốn, nên biết bốn là nói trong xứ, bốn pháp thứ lớp nầy. Trong Đại luận nói: Ban đầu như thầy thuốc chỉ bày tất cả thuốc; thứ hai như chỉ bày tất cả bệnh diệt; thứ ba như chỉ bày pháp thuốc cấm kỵ; thứ tư như chỉ bày thực vật thích hợp nên tùy theo bốn giáo phân biệt tướng trạng, nay văn tồn lược, sức nêu bày nên biết.

Trong Đại luận quyển bảy hỏi: Bồ-tát vô úy đâu khác với Phật.

Đáp: Ở đây có hai ý:

1- Nhất thiết xứ

2- Phi nhất thiết xứ.

Phi nhất thiết xứ là pháp của Bồ-tát, nên biết Sơ tâm cũng tu vô úy. Trong Đại luận quyển hai mươi tám giải thích rộng vô úy.

Kế nhiếp mười tám pháp bất cộng, văn đầu chánh rõ nhiếp: Đã trong Mười lực đầy đủ ngoài dùng vô úy, hiển bày oai đức vượt hơn mọi vật khác hơn tất cả sở đắc của phàm thánh, nên vô úy nhiếp pháp bất cộng, văn thiếu giải thích tên, cho nên nói Thông giáo nói pháp bất cộng, văn thiếu giải thích tên, nên nói Thông giáo nói pháp bất cộng, pháp cực quả không cộng với các hạ địa. Nếu Biệt giáo giải thích, nên nói Viên giáo của không đồng với trời tiên người. Trong Đại luận quyển hai mươi bốn hỏi: Ca-chiên-diên-tử lại dùng Mười lực bốn vô sở úy ba niệm đại bi, thành mười tám pháp bất cộng là sao.

Đáp: Do đó nên gọi là Chiên-diên-tử đã nói. Nếu giải thích Câu Tử đã nói, nên như văn nay đã nói ở đây. Lại Mười lực, v.v... người Nhị thừa hữu phần, mười tám pháp bất cộng người Nhị thừa không có phần. Lại nói mười tám pháp bất cộng Nhị thừa hữu phần, nhưng có lỗi lầm, phải biết không lỗi mới gọi là bất cộng. Văn nói: Mười hai pháp, e văn nầy lầm, y theo văn hội số nhưng thiếu mười một, văn đầu bảy pháp đã thuộc về ba độ, nghĩa là thân miệng không lỗi hai pháp nầy thuộc về giới, không có tâm bất định không đâu mà chẳng biết, vả lại hai pháp nầy thuộc về định, muốn tiến niệm không bớt, ba pháp nầy thuộc về tiến, còn mươi một món nghĩa là tuệ không bớt, giải thoát không bớt, giải thoát tri kiến không bớt, ba nghiệp hành theo trí tuệ, sáu pháp nầy

đã nêu bày ở văn, còn năm pháp nghĩa là trí tuệ biết ba đời ý không lỗi chẳng khác tưởng năm pháp nầy văn tuy không nêu bày, mà hợp ở tuệ không bớt giải thoát không bớt ở chặng giữa có nói, do mười một pháp đồng thuộc về tuệ, cho nên hợp nói, tướng ấy thế nào? Luận nói: Đối với các chúng sinh độ khắp các tâm gọi là không khác tưởng, ý nghiệp của Như lai không cần phải quán lại, thường là vô lậu gọi là ý không lỗi, trí của Phật rõ thấu cùng tột quá khứ vị lai hiện tại gọi là biết ba đời.

Luận giải thích tuệ không bớt, nhưng nói mười lực vô úy viên cực. Nay văn giải thích tuệ không bớt ở trong đó, nói thường chiếu đến mà nói pháp cho họ nghe thuộc vô khác tưởng, không có lỗi niệm trước, một câu thuộc ý không lỗi, hai nghĩa nầy mười lực vô úy viên cực, còn ba pháp hợp lại ở trong giải thoát không bớt, là sao? Luận giải thích trong giải thoát không bớt, chỉ nói đầy đủ hai thứ giải thoát hữu vi, vô vi. Hữu vi nghĩa là trí tuệ tương ưng vô lậu, nói vô vi nghĩa là phiền não đều hết. Trong văn nay nói nhớ việc ba đời không quên trí tuệ thuộc biết ba đời, do giải thoát đầy đủ nên sẽ biết ba đời, do nghĩa đồng nên được nói chung trong sáu độ chỉ nêu ra ba môn học và tấn độ, do ba môn học nầy lược nhiếp sáu độ đầy đủ, thêm tinh tấn do ba môn học nầy chẳng phải tấn không thành nên thêm tinh tấn, thiếu thì nhẫn, như trước có dẫn trong phân biệt dễ hành, lại có thể chỉ là văn lược, nếu chấp nghĩa nên dùng niệm làm nhẫn, không ở đâu chẳng biết đã xả làm đàn, tức nghĩa sáu độ đầy đủ, kết thành nhiếp trong pháp, nói ý như trên đã nói, lược kết bất cộng, cùng kết các nghĩa trước lần lựa nhiếp nhau, kết thành trợ đạo, y theo cuối đạo phẩm so sánh thuyết nên biết.

Kế nhiếp bốn món vô ngại, Chư Phật đối với bốn pháp nầy trí tuệ tự tại, mau chóng vô ngại rõ ràng thông suốt nên gọi là vô ngại, trong thứ lớp pháp giới phán xét pháp Bồ-tát, Bồ-tát pháp thân đều có bốn món nầy, đây cũng là thông suốt phán xét đại khái, tức như nghĩa mười lực thông nhân, bốn pháp nầy hai pháp đầu là biết thuốc thứ ba là biết bệnh, thứ tư là trao thuốc, nên giải thích thứ nhất tức y cứ theo bốn giáo; thứ hai đồng vào một thật đều là thuốc pháp; giải thích pháp thứ ba tức y cứ tướng bệnh mười cõi; giải thích pháp thứ tư lại theo bốn giáo để nói trao thuốc, nên biết trao bốn pháp thuốc, giúp mười cõi chúng sinh dùng lạc để nói, khiến họ biết tên nói thứ nhất ở trước, khiến họ biết nghĩa nói thứ hai ở trước, nên dùng thứ tư nói thứ hai trao và thứ ba trước.

Kế giải thích lặp lại nói: Lời lẽ y theo bốn thứ khổ đế, không nói mười pháp giới, y cứ cơ duyên mà nói nên quả thật đều theo bốn cơ

trong pháp giới chẳng đồng, nên ban đầu giải thích.

Kế đối với bốn đế; kế là tổng kết lạc thuyết, nên trong lạc thuyết, khiến người khác nghe tất cả chữ, tất cả nghĩa, v.v... dùng hai pháp trước, đến tất cả âm từ, tức là đến cõi ba mươi âm từ, lại làm đối đế cho nên giải thích trùng lặp, hơi khác với trước.

Kế nhiếp sáu thông đến ở sau thiền cảnh giải thích nói trong sáu món chung. Kinh Anh lạc giải thích tên. Thần gọi là thiên tâm gọi chung là tuệ tánh, tuệ thiên nhân chiếu suốt vô ngại, nên gọi là Thần thông, nhãn nhĩ như ý, chỉ điều phục trong các căn, tùy theo các thông nào chỉ nhập giáo nào điều phục các căn, còn ba chỉ chung mười lực, tha tâm tức dục lực còn hai pháp danh đồng, cũng tùy theo nương những gì mà lậu hết, mà biết những gì tha tâm túc mạng, cũng nên đều có kết thành nhiếp pháp, văn không thì lược.

Kế nhiếp ba minh, nói như trong sáu thông, thiên nhãn, túc mạng lậu tận trong sáu thông ba pháp đều thuộc về minh, nên trong Bà-sa hỏi vì sao còn ba pháp chẳng đặt tên là minh?

Đáp: Thân chỉ chung là công xảo mà thôi, thiên nhĩ chỉ là nghe tiếng mà thôi, tha tâm duyên tha biệt tướng mà thôi, cho nên chẳng đặt tên ba pháp đây là minh, còn ba pháp lập, túc mạng biết quá khứ, khổ rất sinh nhàm lìa, mắt trời biết khổ vị lai rất sinh nhàm lìa, lậu tận có thể làm chánh quán dứt các phiền não. Lại nữa, thế trí trước chứng biết quá khứ nối tiếp, nhân quả vị lai trí chứng rõ biết như tán cát bụi, lại thế trí trước chứng minh biết rõ tự thân suy, trí vị lai chứng minh biết rõ thân người khác suy, lại nữa thế trí trước chứng minh trị thường kiến, trí vị lai chứng minh trị dứt kiến, trí vô lậu chứng minh trị hai bên, lại đời trước môn không sinh, vị lai sinh môn vô nguyện vô lậu sinh môn vô tướng.

Hỏi: Đối với người vô học vì sao đặt tên là minh, về người học vì sao không đặt tên là minh?

Đáp: Tư thắng lập, lại vô học không có vô minh, không xen lẫn vô minh nên đặt tên là minh. Đại luận quyển ba hỏi. Thông sao nói biệt?

Đáp: Thẳng biết quá khứ gọi là Thông, biết nhân duyên hành nghiệp quá khứ gọi là Minh, thấy thẳng chết đây sanh kia gọi là Thông, biết bờ nhân duyên nhóm họp gọi là minh, nói thẳng gọi là Thông, biết lậu tận không sinh tử lại gọi là Minh, minh đây là là sở đắc của Đại A-la-hán. Nếu vậy có khác gì với Phật?

Đáp: Đủ không đủ khác nhau, cho nên thông thông ở sáu nói chỉ hạn cuộc ba, trong Tiểu thừa các A-la-hán đều năng đắc, nay trong văn nầy nói Phật và Bồ-tát, khác với thiên tiểu, sở y Biệt giáo nên quán trí

khác. Lại Tiểu thừa duy tu Đại thừa phát đắc, nên phân biệt bốn giáo rộng hẹp khác nhau.

Kế nhiếp đồng sự trong bốn nhiễm. Lại cũng nên nói: Đồng với khổ tập, ví làm cho đoạn, trước đồng sau khác. Đà-la-ni, Biệt giáo thì chỉ ở Đại không chung ở Thông giáo, Thông giáo còn ở thông Bồ-tát ba tạng, huống chi lại Thông giáo hậu tâm, như vua Tỳ-thi được quy mạng Đà-la-ni cứu hộ, tức nghĩa ba tang. Trong Đại luận quyển sáu nói: Đà-la-ni là năng giá năng trì trí tất cả pháp thiện không để cho tán loạn, như món đồ đầy đủ đựng nước nên gọi là Trì, tất cả dục ác ngăn khiến không tạo tác nên gọi là giá, lại hoặc tâm tương ưng, hoặc không tương ưng, hoặc hoàn toàn hữu lậu hoặc là vô lậu, nếu nói Vô sắc không thể thấy, hành ấm pháp nhập chín trí trừ tận trí, ý thức sở thức, v.v... đều ở trong A-tỳ-đàm nghĩa Đà-la-ni, nếu chỉ nói hoặc tương ưng hoặc không tương ưng, thì chung ở Đại tiểu, nếu nói Đại Bồ-tát đắc Đà-la-ni, thì tất cả thời tất cả xứ thường theo nhau, thì chỉ ở đại.

Nếu nói về Biệt giáo: Thí như văn đã chỉ bày duy ở vô tác chánh cần. Nếu nói về Thông giáo, thì chỉ nói ngăn an trí thiện, có thể dùng bốn giáo bên thông giáo để giải thích. Khổ tập là đường ác, diệt là thiện. Khái là rưới nước.

Kế nhiếp ba mươi hai tướng, nên nói đủ tướng tốt bốn giáo khác nhau, trong ba tạng đầu, dẫn ở luận Bà-sa nói tướng phẩm A-tỳ-đàm, Thập trụ luận Bà-sa dẫn thể tướng nghiệp quả trong Tiểu thừa, dùng làm Bồ-tát tu sơ tâm lập quán pháp, đủ như quyển hai có ghi, từ trở lại dụng cho đến cuối cùng không đưa thì giới tuệ, lấy ba trong sáu để nhiếp nhân tướng, thì giới sinh trời, người dùng tuệ dẫn dắt các hạnh lược nêu ba nhiếp tướng nầy cũng đủ.

Kế trong Thông giáo khác nhau ở trên, tức không có tâm tu chẳng lẽ sau ba kỳ một trăm kiếp ư? Nên biết tướng thể nghiệp quả bên Thông giáo đều khác với Tạng, nên dẫn tướng Bát-nhã tức phi tướng, và dẫn Thập trụ không làm tướng thể, đã khác ba tạng khác nhau tướng hải, nên biết thuộc về thông, nên trong Đại luận quyển mười ba. Ban đầu dùng một thí sinh ba mươi bảy phẩm; kế dùng một thí mà làm nhân tướng.

Lại nói: Mỗi độ đều làm nhân tướng, nầy đều thuộc về lý Thông giáo.

Lại nữa, hai đạo phẩm ở trước muốn nói Biệt viên, lại trùng lặp so sánh quyết có bổn hay chẳng có bổn như đồng, như gương, do phân ra trước sau.

Kế từ Vô Lượng Thọ quán trở xuống, chánh nói hiện tướng pháp thân Biệt giáo Viên giáo. Trong Tát-già Hoa Nghiêm, v.v... Trong kinh Tát-già-ni-càn nói: Ni-càn-tử đây là Nghiêm Xí Vương, nói không hơn người chỉ có Cù-đàm, nhân nói rộng tướng tốt chủng tánh của Như lai hóa vật. Hoa Nghiêm nêu rộng bốn mươi tám tên, ở mỗi tên đều nói các mây tướng tốt.

Ban đầu nói: Đức Như lai có đại tướng tốt gọi là Trang nghiêm đẳng có mười bên hoa tạng hải vi trần số Phật đại nhân tướng tốt. Lại phẩm tiểu tướng quang minh công đức, nói mười bậc Bồ-tát từ Đâu-suất xuống phát ra ánh sáng rực rỡ, tên là Tráng Vương Phổ Chiếu, chiếu mười cõi vi trần số Phật, khiến chúng sinh mười cõi ấy sáu căn thanh tịnh, tướng tốt như vậy há đồng với một trượng sáu ba mươi hai không tuệ? Nên biết hai bậc trước chỉ là nói theo giáo môn quyền.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 7
(PHẦN 4)

Kế nói biết thứ vị, trước nói ra ý, đã dùng bảy pháp trước làm sở tu, hai đời thời phát nhập vị bất định, hoặc chưa nhập vị, chưa đắc nghĩa là đắc, sợ cực hạ căn sinh tội trọng, nên phải nói vị khiến thực hành để biết, bốn giáo đều có hai vị chân tợ, ở hiền gọi là "tợ" nhập Thánh gọi là Chân, chân vị rốt ráo gọi là giải thoát, đã chứng rồi vị có thể làm thuyết khác, gọi là tri kiến, tri kiến chỉ là tên khác của trí nhãn.

Kế nêu dụ để nói: Chu tử, v.v... đỏ là mầu chính như chân vị, mầu giữa sắc tía như tợ vị, như đỏ đen hợp thành mầu tía, chân vọng còn xen lẫn nên gọi là tợ, cuối cùng không ở sau chánh giải thích kế vị, ở trong đó giải thích bốn giáo khác nhau, văn đồng Thông giáo Bấy giờ bốn môn nói mỗi ý của giáo vị, mục đích là dứt hoặc chứng chân, nên trong ba tạng bốn môn gọi là khác, nghĩa là bốn môn không hữu, v.v... vị Bấy giờ tức thất Hiền thất Thánh hai mươi bảy Hiền thánh, v.v..., nên nói có khác trong mỗi môn đều dứt kiến tư duyên lý chân đế, nên nói đoạn và đế lý yếu kém như vậy ch khác. "Sàn" là hiện, người Nhị thừa luận nhiều một đời, v.v... nói người Nhị thừa trong mỗi môn khác nhau, nói một đời, tuy có trăm kiếp ba đời sinh chủng giải thoát phần, v.v... từ niệm xứ trở đi cho đến một đời, hoặc hai hoặc ba hoặc bảy đời, v.v... nói nguyên ý ấy thì sinh chấp chứng, nguyên ý tuy vậy chẳng phải đều một đời cho nên nói nhiều, tuy có bốn môn nói vị khác tiểu đắc quả đại đồng, như phán xét tâm thứ mười lăm kiến tu khác nhau, nên nói tiểu khác, tự ba quả khác phần nhiều nhất định, nên nói không vượt qua thứ lớp, Bồ-tát ba kỳ trăm kiếp nên nói thời gian dài, trăm phước sáu độ gọi là hạnh viễn, k đồng với Nhị thừa một đời đoạn kết, nên nói cũng biệt, rút ngắn khác nhau gọi là đường bít khác nhau đều đến chân đế, gọi là quy về một đường, các Bồ-tát mong ở Viên giáo, tuy quyền thật khác,

mà tâm nguyện hồi hướng k đồng với tiểu.

Năm công đức đủ như trong quyển ba có dẫn.

Kế giáo nầy ởsau phân tích lẫn lộn, khoa nầy chính là lựa lẫn lộn, cho nên phải phân tích; kế nói rõ trong thông vi tên Biệt mà nghĩa Thông, như huyền văn đầu quyển năm nói mười nghĩa phân biệt, tin Thông mà nghĩa Viên, tên Biệt mà nghĩa Viên.

Kế nói trong Biệt vị, trước nói ý của biệt vị, kế lược chỉ bày kinh luận, trong Nhiếp luận Hoa Nghiêm phần nhiều nói thứ lớp bốn mươi hai vị, nói một phen đến các giáo khác nhau, lại chỉ bày giáo đây làm lược đại khái, nhưng trong Hoa Nghiêm có Biệt có Viên chẳng phải chuyên một giáo, như kinh nêu bày mỗi vị đều có hai môn hành bố Phổ Hiền, lại trong các kinh luận biệt vị có nhiều đường nên nói một phen đến, nhưng Biệt giáo ở sau chỉ bày tướng biệt vi.

Ban đầu chỉ bày kinh; kế chỉ bày luận, nói chung là như trong nhiếp, v.v... Thông giáo giải thích Đại thừa, Biệt giáo luận là như Trí luận Địa luận, v.v... Biệt giáo giải thích một kinh đâu được, v.v... là phá chấp. Luận nêu bày đương môn là dẫn tốt riêng, người chậm không thông suốt mong có nêu bày không, lỗi có phương tiện, hủy bỏ không khen có lỗi không thông suốt, hai môn ba, bốn cũng giống như vậy, tuy muốn dẫn tiến mà lại nghẽn tắt, nay nói, v.v... kế nói ý luận ý còn lý thông. Thiên mạch, v.v... Nam Bắc là thiên, Đông Tây là mạch, “kinh” như “thiên”, “vĩ” như “mạch”, bốn môn như vĩ các vị như kinh, mỗi môn vị khác nhau đều đến cực quả, nên nói một, phương nầy, v.v... là chuẩn theo đây mong ở kia, văn nêu thông biệt, ý bao gồm Tạng viên, trong đây chánh nói kế vị Biệt giáo, nên lại nêu Biệt để nói Thông giáo, nói sở thông trong chân khác nhau, cho nên chưa nói hai giáo Tạng Viên, nếu dùng bốn môn thì lý chung nhiếp giáo, mượn khiến phương Tây các luận đều độ lý môn so sánh thì rất dễ biết, tự ý tranh luận mâu thuẫn không sinh. Kinh nói, v.v... chứng minh hướng minh khác mà lý môn đồng, khai quyền bày thật, ba giáo các môn quy về nhất thật, huống chi đương giáo các môn không dung nhiếp. Đời không rõ suốt, nghĩa là trí là Đại sư phần nhiều ưa phá phân tích, mà không thấy dung hội khiến quy về Nhất thừa, huống chi do ý dung thông trừ giải thích ngăn trệ, tiêu thông kinh luận giáo pháp không ngăn ngại, kết và chỉ rộng như ở văn.

Kế dùng mười ý dung thông kinh luận, người đầu tiên thấy mười ý có nói đế lý, lại dùng mười thừa để đối mười ý sâu xa không tiện, nếu dùng đối cảnh thì lý tự tương đương, vì sao phát tâm dùng đối tám

giáo, huống chi tám nghĩa sau đối ý hằng khác, như bốn môn đều tiêu, kinh phiên dịch tiếng Hán tiếng Hồ đem đối an nhẫn thật là ch giống, lại môn thứ tư văn tuy nói phá hết, bèn cùng thông bít, cộng thành một văn, huống chi tên thông bít trong văn nay, cùng trong mười thừa thông bít ý khác, huống chi lại tự nói dung thông Phật pháp, Phật pháp thì chỉ một thời kỳ Phật giáo, nên mười pháp thành quán lại ở hạnh môn, nên biết định không được dùng mười thừa giải thích ở đây, lại các vị kinh luận Viên giáo dễ đồng hỏi sinh ra tranh chấp, Biệt giáo đã vậy giới ngoại phân tích pháp, nói rõ vị thứ lớp phụ thêm giáo đạo văn nhiều xen khác nên có nhiều đường, cho nên nhân dùng mười ý dung thông, thứ vị nầy tức là một ý trong mười, song mười ý nầy mỗi ý đều khắp tất cả kinh luận, cho nên sáu ý trước mượn dùng giải thích kinh năm lớp huyền nghĩa, bốn ý sau dùng y phụ văn ở trong sáu pháp trước năm pháp đầu chánh năm lớp huyền nghĩa, thứ sáu tức là phương pháp nay khai phá dụng nghĩa, giúp người hậu học biết một pháp bao gồm vô lượng quy nhất, y cứ thứ nhất trong năm pháp trước nói đạo lý cho đến khai hợp, v.v... một thời kỳ Phật giáo đều dùng sở thuyên làm giáo thể, giáo đã bán mãn thiên viên thông đồng, thể cũng tùy theo giáo quyền thật khác nhau, các đế ly hợp tùy trí tùy tình, quy hội về Pháp Hoa chỉ một thật tướng đủ như trong cảnh mầu có nói, dụng nầy ý hiển thể, ý thứ hai, trước nêu dụ cho, kế tức là ở sau hợp dụ cho lại toan hợp nghĩa để giải thích ý dụ cho.

Cương nghĩa là hỷ cương như vòng ngoài cương, "cánh" nghĩa là tư cách chân chánh như đại thể của vật, dùng giáo để phân tích giải thích được giáo độ xa, nên nói cương cách, giáo tùy cơ khác như cương mục, ngoài chánh gọi là "khuông", trong thật gọi là cốt, bốn môn ngoài chánh một lý nội thật, "ngang chu" là "bàn dọc". "Cùng" gọi là "trĩ" các hạnh mỗi môn đều có ngang dọc. Lại dùng tiệm đốn bí mật bất định như khuông, dụng Tạng thông Biệt viên như cốt, ngang dung các môn như "bàn", dọc quy về một lý như "trĩ", do tám giáo nầy thâu nhiếp không ngoài gọi là bao gồm, trong tám pháp bí mật là mật, còn bảy pháp hiển bày nên gọi là lộ. Nhưng còn bảy pháp trong đó đều có mật lộ, lại bí mật bất định gọi là mật, hiển bày bất định gọi là lỗi, kinh thanh vị trược. Đốn giáo như thanh Tiệm giáo như trược, trong đốn giáo Biệt trước Viên thanh, trong Tiệm Tạng được còn thanh, lại trong kinh Pháp Hoa chỉ có thanh Lộc Uyển chỉ có trược, Phương Đẳng Bát-nhã có thanh có trược, lại dụng tám giáo nầy đều có ý, bốn giáo như Tạng, v.v... là pháp thức giáo môn. Bốn giáo như Đốn, v.v... trải bày dẫn nhập, Đức

Như lai quyền xảo khéo rõ căn cơ chúng sinh tuy nói tạng, v.v... dùng làm đốn giáo, hoặc khai hoặc hợp, phải tiến phải lùi, tên tuy có tám dụng thì không chung, đủ như trong kinh Pháp Hoa quyển một trong huyền văn giải thích và quyển một trong Thích Thiêm có nói, dụng nầy phán ý giáo.

Ý thứ ba, một đời giáo pháp đầu đề danh tự, tên bao gồm một bộ, nghĩa trong bộ bao gồm đại tiểu thời tiết nhân quả xen nhau, các tướng như vậy không gì chẳng trái nhau, hoặc một nghĩa nhiều tên, hoặc lìa hoặc hợp, hoặc chỉ hoặc gồm, nói nghĩa trái nhau một và nhiều chống trái, không thể dùng thế tình hòa hợp, không thể dùng văn tự giải bày, từ xưa đến nay, chẳng thể thông suốt, đắc bốn món ý không chỗ nào mà không thông các pháp xen nhau làm kia đây, hợp cơ giáo tình nghi chỗ nào? Dụng nầy giải thích tên ý, ý thứ tư bỏ hết mê chấp, có chấp đều phá, đơn phúc đầy đủ không nói các chấp, các giáo tiệm đốn phá lập khác nhau, chấp năng chấp sở chấp tánh khác nhau, dùng ý Pháp Hoa, phá khắp lập khắp, tình không ngăn trệ, năng sở rõ ràng, dụng nầy nói dụng ý. Ý thứ năm, hễ có việc muốn nói kết thành pháp môn, để đối chân tự tiệm đốn các vị, vị là sở giai hành là năng tu năng sở theo nhau thì phương tiện cùng chứng quả không lẫn lộn, tất cả quyền vị đều quy về quả thật. Dụng nầy nói ý tông.

Thứ sáu ý là khai phá pháp môn khiến ý Phật không dính mắc, tuy rộng khai phá mới phù hợp bổn văn vẫn không không mất chánh ý trong bộ luận là sợi dây cột. “Chư” là đầu sợi dây, tung ngang khai hợp không mất thứ lớp. Vỉ vỉ: Là thể văn thuận, cũng vẫn ngó ngửng cỏ, nghĩa là thinh vẫn nghĩa lý không có lỗi lẫn lộn. Kế bảy ở sau phù hợp trong ý văn.

Khai chương, v.v... Như các nghĩa sớ phàm khai chương đoạn, không gì chẳng sinh khởi, như lưu lại bỏ đi, như nay chỉ quán mười phương mười thừa, không gì chẳng có thứ lớp trước sau sinh khởi, tám đoạn để giải thích, v.v...: Tuy văn trước rút ra yếu nghĩa huyền môn để giải, ngang dọc đều là hợp chung riêng ly hợp hoặc rộng trải khăn bàn, hoặc một vết xe rất lâu, lại phải phụ văn thứ lớp đoạn giải thích, không rộng không lược, có sự có lý, chung dụng bảy pháp trước y cứ lý bỏ giải thích, không liên quan đến lời trau chuốt ở văn chỉ.

Chín đoạn phiên dịch, v.v... phía trước tranh cãi khinh chưa nhiều phân tranh buồn là tiếng phương Tây, đều nói là âm nước Hồ, sau nhân ông Huỳnh Quan hư cấu ngụy chế, vào thời cận đại mối bắt đầu từng Hồ tiếng Phạm soi xét để phân, thống lãnh đã là phía Tây đều thuộc về

dòng pháp, bên trái của thiết môn đều nói là Hồ Hương.

Nói Phạm chủng, từ Quan Âm ban đầu trở xuống lần lượt phát sinh, cho nên Năm thiên đều nói là phạm chủng, thời cận đại biên soạn là đặc biệt húy âm Hồ.

Ý thứ mười phụ văn thành quán, văn không luống lập, quán cùng gọi chung là ấn tâm.

Như giải thích Pháp Hoa, mỗi câu kinh đều có bốn cách giải.

1- Nhân duyên

2- Theo giáo.

3- Bổn tích.

4- Quán tâm.

Nếu giải thích kinh khác, chỉ có thiếu bổn tích, ba ý đều chung, sự lý cò như vậy.

Hạnh giải đầy đủ, lại như trong Huyền văn mỗi khoa nghĩa, cũng có bốn cách giải:

1- Phân biệt.

2- Thô diệu.

3- Khai hiển.

4- Quán tâm.

Huyền văn giải thích phụ văn không gì mà chẳng thành quán, chẳng phải như kẻ đếm của báu cho người. Trong kinh Hoa Nghiêm có bài kệ rằng: Thí như người nghèo cùng ngày đêm đếm của báu cho người khác, tự mình không được nửa đồng tiền, nghe nhiều cũng như vậy, thí như người mù cố khả năng vẽ, ưa thích việc ấy mà không tự thấy, nghe nhiều cũng như. Thí như người đức khéo bấm lên các âm nhạc, ưa thích việc ấy mà không tự nghe, nghe nhiều cũng như vậy, nầy phân tích thiên văn, chỉ có phiên dịch ở sau bao gồm lui sụt phân tích đoạt, phương âm khác nhau chẳng quan hệ đến nghĩa lý không thể đầy đủ, nên nói chưa rảnh, văn tự Pháp sư, trong quán không giải, chỉ có tướng giảng pháp. Sự tướng Thiền sư không có cảnh trí nhàn, mũi cách dừng tâm, cho đến định căn bản hữu lậu, v.v... một Sư chỉ có quán tâm nhất ý, v.v... đây lại cùng với luận, đoạt thì quán giải thoát đều thiếu thế gian thiền nhân duyên còn lý quán đã không âm giáo dùng quán chọn kinh, thường là tám tà tám phong là Phật trượng sáu, hợp năm ấm ba độc gọi là tám tà, dùng sáu nhập là sáu thông, dùng bốn đại làm bốn đế, như đây giải kinh ngay trong ngụy, làm sao can có thể nói được, dù dùng tâm vương giải thích vương năm ấm, niệm một thể là trí bát, lìa hai chấp là rửa chân, đem giải tên Bát-nhã trí bát, thì không thể được,

dùng thành tựu xưng Pháp Hoa vương xá, đâu không suy nghĩ, đã không phân biệt giả tạo nào nghi, cho nên nay quán tâm trừ bỏ kinh tùy kinh bộ sai khác, nghĩa thế khác nhau dùng lý làm gốc, nêu bay hạnh vị đều có khác nhau.

Vị kế ở sau chánh chỉ bày mười thừa kế vị một ý, tức một kế vị trong mười ấy, vì nói kế vị Viên giác khó hội, nên giảng nói mười ý chỉ bày một thông. Nếu là mười thừa, sao không chỉ nói mười pháp đây là mười thừa, đến nầy chỉ một trong mười.

Kế giải thích kế vị Viên giác. Trước nói năm hối là phương nhập vị, người khác viên tu đều không có ý nầy, toan lấy gì làm đầu mối tu tạo công hạnh, chỉ nói một niệm tức là Như lai. Ngài Không Đàm nêu tâm không đâu chẳng phải pháp giới, suy xét tâm hành hoàn toàn không có mảy may, nếu tu bốn thứ Tam-muội cho đến trùng lập làm phương tiện, nói ý phương tiện, bốn món Tam-muội thông dụng hai mươi lăm pháp làm phương tiện chung, nếu thực hành Pháp Hoa Biệt giáo thêm năm hối, không chung các hạnh, nên nói là chỉ. Nếu trong Phương Đẳng do cầu mộng vua làm phương tiện khác nhau, thường đi thường ngồi và tùy tự ý, thẳng như vậy mà thực hành, mười tâm nghịch thuận tất cả thông đủ, trước biết ở sau nói năm hối ý làm phương tiện nhập quán, cho nên trung lập văn quán pháp, nhưng tâm lý ở sau nói dụng hướng quán pháp không thể phát chân, cho nên cần phải thêm năm hối, năm hối đây là nhân đầu của vị Viên giáo, nếu lại đạo pháp lâu dài an nhẫn. Tên sám kế ở sau chánh nói năm hối, tuy có khuyến thỉnh, v.v... bốn pháp chẳng đồng, không điều gì chẳng hối tội, nên gọi là năm hối, đủ như văn sau nói trong ý hối đều có sở trị, nay nghi thường của băng nêu ra mười trụ Bà-sa, văn nguyện ở trong kinh Đại Niết-bàn, như kinh Chiếm-sát cũng nêu bốn thứ. Trong Nam Sơn nói: Chiêm-sát không cần phải thêm phát nguyện, do bốn hối ấy đều là nguyện, nếu vậy kinh luận đều có bốn, nay vì sao có năm?

Đáp: Như trong Kinh Di-lặc Vấn chép: Ngày đêm sáu thời siêng năng thực hành năm ấm, không nhờ khổ hạnh mà đắc được Bồ-đề, nên cần phải nguyện, thứ lớp năm pháp kế nầy: Nếu đều gọi là hối thì không có gì chẳng trị tội lẽ ra không có thứ lớp. Nếu theo Bà-sa, Chiêm-sát thì lớp đều đồng, nếu vậy các văn sám hối dài, cũng có nghĩa năm hối đầy đủ, ban đầu như vậy ởsau tức là sám hối, kế nay Chư Phật ở sau tức hồi hướng, các tội kế bỏ một bài kệ, tức lặp lại nêu sám hối, lược nêu bày ba pháp khác; kế một bài kệ lặp lại nêu Đức Thế tôn dùng làm quy lễ, nên không có thứ lớp, lại y theo thứ lớp làm sinh khởi. Nếu tội

không trừ, luống lập bày khuyến thỉnh, đã khuyến thỉnh rồi thấy tiếng nghe giáo, y giáo tu hành. Nếu ganh ghét không bỏ thì điều thiện của mình kém yếu, còn không ưa người khác, làm sao có thể hồi hướng, bốn pháp đầy đủ dùng nguyện dẫn dắt, như năm pháp nầy còn có thể nhập vị, huống chi diệt tội ư? Xưa nay hành nhân đều không để ý luống nhọc khen ngợi gấp tụng chưa tương ưng với nhĩ thức, một đời nếu chuốc lấy luống uổng tín thí nầy, nghiệp không thọ khác hay thử suy nghĩ.

Ban đầu sám hối: Là văn đầu giải thích tên. Trần lộ: Là trình bày đầu tiên. Hối là nhiếp phục, trong kinh Kim Quang Minh sớ giải thích phẩm sám hối, trong đó giải thích rộng tên gọi.

Sám gọi là Bạch pháp, hối là Hắc pháp, Bạch pháp còn phải Hắc pháp phải xả. Lại sám là cải vãng, hối là tu lai. Lại sám là trình bày tội. Hối là dứt nối tiếp.

Năm thể như trước đã giải thích, lại văn nầy chỉ là nói ý sám ấy, lời sám chép đủ trong Pháp Hoa Tam-muội, cũng có thể tùy theo trí lực của mình mặc ý trình bày rộng.

Kế khuyến thỉnh an, đại khái có hai ý.

1- Thỉnh trụ ở đời

2- Thỉnh xoay bánh xe pháp.

Trong Đại luận nói, v.v... Trong Đại luận mười lăm có giải thích đủ.

Hỏi: Pháp của Chư Phật, pháp nên nói pháp, cần gì khuyến thỉnh. Lại nếu Chư Phật hiện thấy ở trước có thể thỉnh Phật, nay không thấy làm sao thỉnh được?

Đáp: Phật tuy quyết nói mà không đợi thỉnh, thỉnh thì được phước, sao lại không thỉnh? cũng như Đại vương tuy nhiều thức ăn ngon, nếu có người thỉnh sẽ được ân phước, ghi chép tâm ấy cho nên có lợi ích như tu từ tâm, khiến chúng sinh vui, chúng sinh tuy không được vui, niệm thì được phước, thỉnh Phật cũng như vậy. Lại nữa, Phật pháp đợi thỉnh nói cho họ nghe, lại chúng sinh tuy không diện kiến Chư Phật, Chư Phật chẳng hề không thấy, tâm chúng sinh nghe những việc thỉnh. Tạm để Chư Phật không nghe không thấy thỉnh cũng được phước, huống chi nghe thấy mà không có lợi ích? Lại phá ngoại đạo khởi lời nói như vậy, tạo pháp thường định cần gì nói nhiều, ngăn lời chê bai, nên phải đội thỉnh. Lại ngoại đạo nói, Chư Phật không nên tham thọ trụ đời, vì ngăn chê bai nầy, cho nên phải thỉnh. Lại nếu không thỉnh thì cho là Phật ái chấp, khiến cho biết không chấp nên phải đợi thỉnh. Lại, các ngoại đạo đều không thỉnh nói, nên nay phải thỉnh.

Kế nói chuyển ở sau trụ đời, đều là văn luận, có các ý nầy nên phải thỉnh hai lần. Nếu Phật mới thành đạo trước chuyển bốn đế, nay vì cầu Viên giáo cho nên thông thỉnh. Mạng được trụ, v.v... nói chỗ chỉ khuyến thỉnh, cái gọi là thỉnh là thỉnh những gì, nghĩa là thỉnh Phật đại bi, không thỉnh sắc ấm, nếu đại bi chẳng dứt thì thân cửu trụ, nên nêu mạng nghiệp dùng dụ cho để thỉnh trụ, báo mạng như Phật ngã tâm như nghiệp. Lại báo mạng như sắc thân, nghiệp như tâm đại bi, ngã tâm thỉnh Phật không dừng, nguyên Phật đại bi trụ thế, biến hóa cũng vậy, khởi ý thần thông tùy tâm mong cầu, tâm mong cầu chưa dứt thì biến hóa chẳng ngừng, ngã tâm như Phật tâm thân như hóa, ngã tâm không dừng thì nguyện Phật không diệt. Lại thân Phật như hóa, đại bi như tâm, nguyên không dứt đại bi, thì sắc thân không diệt, nay ta thỉnh Phật như đuốc lửa lớn vì phá vô minh, ngã tâm không dứt thì nguyện Phật không diệt.

Kế là tùy hỷ: Phật xoay bánh xe pháp chúng sinh được lợi ích ba đời, ta giúp họ tùy hỷ, trước tùy hỷ khuyến thỉnh, quá khứ gieo trồng ở sau, hiện tại nghe nhiều lần được thành thục, lợi ích chưa gieo ở sau hiện tại thành chủng vị lại, mới được lợi ích, nên lợi ích ba đời đều do xoay bánh xe pháp, nên ta tùy hỷ chúng sinh được lợi ích. Trong Đại luận sáu mươi mốt chép: Tùy hỷ có hai thứ:

1. Thế gian.
2. Xuất thế gian.

Nếu người không có gốc lành xuất thế, nay ta tùy hỷ phước thế gian của chúng sinh, cho nên tùy hỷ chung ở hữu lậu vô lậu, đều gọi là phước. Lại phước đức là căn bản của Đại Bồ-tát, làm cho đầy đủ Bồ-đề, bậc Thánh khen ngợi, hành xứ của trí giả. Vô trí thì xa xứ, phước nhân duyên nầy sẽ được Luân vương, các vị trời cho đến trí Nhất thiết chủng, biết như vậy được chánh tri kiến, cho nên thấy phước mà sinh vui mừng, lại nữa ta phải cùng chúng sinh vui họ tự tu phước cho nên ta vui.

Lại nữa chúng sinh có thiện tương tự với ta là đồng bạn với ta, cho nên ta tùy hỷ. Lại nữa Đại Bồ-tát ở ba đời mười phương và Bồ-tát Nhị thừa tất cả tu phước, mà sinh vui mừng nên gọi là tùy hỷ, nếu không có phước đức thì không khác súc sinh, nhưng đồng ăn uống dâm dục tranh cãi, người tu phước được chúng sinh tôn kính, cũng như thời tiết nóng mà có trăng tròn trong mát, cho nên tùy hỷ. Trong Đại luận ba mươi hai nói như mua bán hương, v.v...

Hỏi: Vì sao tâm tùy hỷ hơn người Nhị thừa.

Đáp: Do tùy hỷ nên thiện đến với chúng sinh, quán chúng sinh

đến chánh duyên liễu ngộ. Như phẩm Thường Bất Khinh trong Pháp Hoa. Bồ-tát Bất Khinh thấy các chúng sinh đầy đủ ba nhân, đều sẽ thành Phật, nên không dám khinh, nầy chỉ cung kính nhân ấy, ba nhân trong chánh nhân đầy đủ, huống chi từ thời vô thỉ có nghe một câu liền liễu nhân chủng, búng ngón tay, chấp tay tức gieo trồng nhân duyên, nên Bồ-tát nầy hễ thấy chúng sinh đều thọ ký cho, nhân đến thân hành hạnh bất khinh, v.v...

Trống độc: Trong Đại kinh quyển chín nói: Thí như có người dùng các thứ thuốc độc thoa vào trống lớn, đánh lên trong đại chúng khiến cho phát ra tiếng, tuy vô tâm muốn nghe nếu có người nghe thì xa gần đều chết, chỉ trừ một người không chết ngang, nghĩa là một người xiển đề vừa nghe liền sẽ phá vô minh hoặc gọi là cận tử, nghe những điều chưa nghe liền khởi nhân đời sau, gọi là viễn tử, các giáo các vị và kinh thời tiết để nói xa gần.

Trong Bốn niệm xứ chép: Nếu có người nghe xa gần không chết, nghĩa là chỉ phá kiến, tư, trần sa, trong Pháp Hoa tùy hỷ các pháp: Là trong phẩm Tùy Hỷ: Từ pháp tòa đứng dậy đến chỗ khác nói cho người nghe, người nghe rồi lại tùy hỷ chuyển giáo, xoay vần như vậy đến người thứ mười lăm so lường nghe pháp mà sinh tùy hỷ, nên nói pháp Tùy hỷ. Đại phẩm nói người tùy hỷ, trong kinh nói: Nếu người nghe tiếng có thể phát tâm thì ta cũng tùy hỷ, nghe tiếng người nầy tùy hỷ người kia gọi là tùy hỷ người, người phải có pháp, pháp phải nhờ người, nên nói xen nhau nêu. “Hồi hướng” do vì tùy hỷ phước cùng chúng sinh, cùng hướng đến Bồ-đề, Bồ-đề như văn.

Thí chúng sinh: Song tu nhân phước chẳng thể cùng được. Nếu khi được quả, thì đem phước nầy, thì cho chúng sinh. Cho nên Bồ-tát được bốn việc lợi ích lớn cho chúng sinh, lại tự mình được phước, thanh tịnh thân miệng người thấy vui mừng nói ra được tin nhận, khiến được mười điều thiện cho đến chủng trí, cho đến ngài Xá-lợi-phất khiến cho tất cả chúng sinh đắc đạo, cho nên quả báo cùng chung với chúng sinh. Nay trong nhân nói quả nên nói cùng chung. Nếu nói nhân phước chung với người khác, từ mới phát tâm tu các gốc lành đều cùng chúng sinh, lúc sau lấy gì làm nhân thành đạo? Do thể hiện pháp không thể cùng người, nên nay dùng thẳng vô úy vô não chỉ bày cho chúng sinh, dung thông sở đắc nên đến Bồ-đề. Vì thế trong kinh Tịnh Danh nói: Hồi hướng Bồ-tát là Tịnh độ của Bồ-tát, hồi hướng là lợi ích lớn, v.v... nên trong kinh Pháp Hoa nói Phạm thiên lập bày cung điện, đều phát nguyện rằng: Nguyện đem công đức nầy, v.v... như hồi thinh nhập giác, v.v... Trong

Đại luận quyển hai mươi ba chép: Hồi hướng như có chút vật dâng lên vua, như "hồi thinh nhập giác".

Hỏi: Công đức Bồ-tát cao siêu hơn Nhị thừa có gì đặc biệt.

Đáp: Nay nầy không đem công đức so sánh, mà chỉ đem tâm tùy hỷ hồi hướng mà so sánh, như người thợ khéo giỏi chỉ bày được giá trị gấp bội, người cầm búa dùng công lực gấp bội, nói mãi không hết. Tự hạnh Thinh văn như cầm búa, Bồ-tát dạy người thực hành hạnh hồi hướng cũng như người thợ giỏi.

Trong Đại luận hỏi: Vì sao gọi là Nhị thừa? Vì tự điều tự tịnh tự độ mà không hồi hướng.

Đáp: Giới là tự điều, thiền là tự tịnh, tuệ là tự độ, người Nhị thừa chỉ tu ba pháp nầy. Không thủ, v.v... giải thích đoạn trên ba cõi có bốn: Nghĩa là không chấp khổ, không niệm tập, không thấy diệt, không đắc đạo, ở trong bốn pháp nầy không phân biệt các tướng nhân quả thế và xuất thế, gọi là không phân biệt, như vậy gọi là chánh hồi hướng, thật tướng không chấp cho đến chẳng có phân biệt, có thể hồi hướng cho đến các vọng tưởng không sinh.

Trong Đại luận nói: Tâm Bồ-tát không. Có Đàn Ba-la-mật cho đến chủng trí, tất cả đều chẳng một tướng vô tướng như Phật đã nói, hồi hướng như vậy như tên bắn người khác chẳng có gì không trúng, do thấy vô tướng không thấy không được tất cả các pháp như. Có thể nói tâm hồi hướng, đã nói quả Phật của chúng sinh, như vậy năng sở và tất cả pháp, nhất tâm suy cầu đều không thật có, quên năng quênsở, như vậy tất cả các pháp hồi hướng, chẳng có gì không quy về thật, nên không thật có. Không rồi nay sẽ, v.v... ba đời suy cầu năng sở, đây không diệt không trụ, lại phát tâm vì mình, hồi hướng vì ngày nay chỗ hồi hướng là đương, trong chỗ hồi hướng cực quả là đương chúng sinh là hiện tại. Lại chúng sinh cũng có đương hiện, tức các chúng sinh gọi là hiện, cùng phước sẽ được gọi là đương, như vậy ba đời tất cảnh không thật có. Như Chư Phật ba đời sở tri, v.v... chỉ có một thật tướng là Phật sở tri sở kiến đã thừa nhận, ở trong năng tri tức chủng trí, năng kiến tức Phật nhãn, năng hứa tức bốn lời hoằng thệ và tất cả hạnh, nầy gọi là chân thật, v.v... như sở tri của Phật mới gọi là chân thật chẳng phải hướng về quả tạm, quả tạm luống dối, tức đối với quả phá tạng thông trông mong, nói tối thượng chẳng phải thượng của thượng trung hạ, tức chỉ bên Viên giáo gọi là tối thượng, tối thượng cho nên đầy đủ, đây là phá Biệt giáo. Thì không chê bai Phật, v.v... chấp quả Phật là có, cho đến phi hữu phi không, đều gọi là chê bai Phật, vì sao? Vì quả Phật phi hữu cho đến phi

hữu phi vô, chẳng phải khổ nên không có lỗi, chẳng phải tập nên không ràng buộc, có đạo nên không độc, có diệt nên không mất, nầy y theo bốn đế vô tác là hồi hướng. Nói không có khổ tập chỉ có đạo diệt. Lại nói theo sự mà nói, lý tức khổ tập vốn là đạo diệt, sao chỉ có, v.v... Ba pháp trước nghĩa là sám hối khuyến thỉnh tùy hỷ, một pháp sau nghĩa là phát nguyện, trước sau đều nêu bày nay ý hồi hướng, y bốn đế vô tác mà không thấy đế, gọi là chân ngã hối, năng phát chân vị, nên dẫn dắt luận Bà-sa chứng thành ý Viên giáo, nên biết năm hối đều y theo vô tác, mới khiến sám hối thấy tội tánh vốn không, khuyến thỉnh biết pháp thân thường trụ, tùy hỷ rồi phước đồng chân như phát nguyện đạt được năng sở bình đẳng.

Kế nói phát nguyện.

Ban đầu giải thích tên nói như thừa nhận người và vật, v.v... là trong quyển y cứ sơ lược. Nói văn, v.v... sách để phân biệt dùng dao phán xét chê bai nên nói đó là khế hợp, nên chữ từ đạo, "ngự" là thị, là chủ tất cả các pháp dùng nguyện để chăm lo, do nguyên làm chủ, cũng gọi là dưới đến vật hạnh. Trong bốn hoằng thệ chúng sinh phiền não là ác, pháp môn Phật đạo là thiện, ngăn ác là gia trì, trì thiện là chung trì, các hạnh như thệ, nguyện như lửa. Đồ gốm là ngói gạch chưa nung, có thể mặc tình lợi tha gọi là thạnh vật, bốn hoằng là nguyện chung, v.v..., tất cả các nguyện bốn hoằng nhiễm hết, nên gọi là chung Pháp Tạng, v.v... Trong quán kinh Bi Hoa đều nói: Nhân Vệ-đà gọi là pháp tạng, ở chỗ Tự Tại Vương Như lai có hai trăm mười nước ức cõi Phật phát nguyện, lại trong Quán Kinh chép: Tỳ-kheo Pháp Tạng vì muốn nhiếp thủ cõi Phật, nên phát bốn mươi tám lời nguyện phát nguyện nầy rồi mặt đất phát ra sáu cách rung chuyển, được Phật thọ ký. Trong kinh Đại A-Vệ-đà chép: Khi làm Bồ-tát phát hai mươi bốn nguyện: Nếu không thành nguyện nầy thì không thành Phật, số nguyện không đồng, lộ khác kiến biệt, không cần cùng hội. Trong kinh Bi Hoa thì không có Biệt nguyện, nhưng nói là thủ cõi Phật, nên phát bốn hoằng thệ nguyện, nên biết tất cả Bồ-tát phàm phu thấy Chư Phật, không ở đâu mà không phát nguyện chung biệt nguyện riêng, nên trong đại luận quyển tám hỏi: Bồ-tát tu hành tự được tịnh báo, cần gì phát nguyện?

Đáp: Có phước mà nếu không nguyện, như trâu không người chăn thì không đến đâu được, như Phật đã nói: Không người nghe pháp như nhạc ở giữa cõi trời trong lòng lại suy nghĩ.

Hỏi: Nếu không nguyện: Là không được quả báo ư?

Đáp: Tuy được nhưng không bằng có nguyện, nguyện thì chẳng

thiếu phước mà được quả rộng lớn.

Hoa Nghiêm: Trong tân kinh quyển mười bốn chép: Trải qua sự biệt nguyện. Lại trong Phạm Võng phát mười đại nguyện, mười ba thệ, trong Đại kinh Thánh hạnh văn nguyện rất giống, lại thứ mười bốn phẩm Phạm Hạnh nói, nếu thí thực, khiến các chúng sinh được đại trí ăn món ăn pháp hỷ ăn món ăn Bát-nhã, nếu khi thì nước khiến các chúng sinh đến sông Niết-bàn uống tám vị nước, được vị cam lồ, theo đây nêu bày và Hoa Nghiêm, v.v... tùy cảnh phát nguyện tùy theo trí lực của mình, cần gì như văn, nếu có văn thì may mắn y theo Phật nói, các văn như thế đều là biệt nguyện, nay trong năm hối nghĩa bao gồm chung riêng, nên biết năm hối chẳng phải thích nghi của hạnh nhỏ.

Như trong Kinh Di-lặc Vấn: Đức Phật bảo A-nan, Đức Di-lặc thuở xưa không tu khổ hạnh, chỉ tu đạo phương tiện khéo léo an lạc, tính tập Vô thượng Chánh Đẳng Bồ-đề. Ngài A-nan nói: Thế nào gọi là phương tiện khéo léo?

Đức Phật nói: Ngài Di-lặc khi xưa hành đạo Bồ-tát, ngaỳ đem sáu thời siêng tu năm hối mà được Bồ-đề, trong kinh ấy văn hối có hai mươi ba hạnh, cũng không nêu bày riêng lời câu năm hối, nhưng thường thỉnh Phật thường nói hối, còn ba pháp cũng vậy, như nói có tội ắt sám hối, phước nầy đều tùy hỷ, nay con thỉnh Phật, nguyện Thánh trí Vô thượng, nếu theo đây nêu bày chưa chắc mỗi đều nói, nhưng người tu hành trí kém, tâm duyên khó đúng, nên phải một phen y cứ, như trong luận Bà-sa bốn hối tuy nghi thường của tăng, cũng phải khéo ý kia dùng làm vận niệm, đủ như trong nghi Nam Sơn Chánh Hạnh có chú giải, từ nay ở đạo tràng, chung kết ý hối, đều vì phá tội, xưa gây ra đại ác, ba nghiệp đều nặng, nên nay sám hối ba nghiệp đều vận dụng, phát tâm mạnh mẽ mới phá đại ác, khuyến thỉnh phá tội chê bai pháp, cũng nên trước nói sám hối các tội ở nghiệp giá tánh, văn thiếu nghĩa đủ.

Văn kế: Xưa nghe các pháp mà sinh phỉ báng nay thỉnh Phật nói khiến tất cả nghe, cho nên tội lại chê bai pháp. Tùy hỷ phá tội ganh ghét, xưa đối cảnh sinh ganh tỵ, nay tùy hỷ tất cả nên được lại phá tâm xưa ganh ghét, hồi hướng phá các tội, xưa làm phước nhưng thuận theo sinh tử, vì các hữu nhân không thể tự miễn, đâu thể khiến người khác há hữu nhân, nay đủ hai hồi hướng tự miễn, miễn cho người, cho nên hồi hướng, thuận môn Niết-bàn, nên nói thuận không, vô tướng, v.v... Cũng nên nói: Người phát nguyện phá tội tà nguyện, tức dẫn bốn pháp trước khiến đến chỗ ở. Nếu có thểcó thể ở sau chánh giải thích vị Viên giáo, ở giữa ban đầu nói rõ công năng năng nhập phẩm vị của năm hối, do

năm pháp nầy giúp khai phẩm đầu, cho đến nhập trụ, xa do năm pháp nầy, văn phẩm trước đều chánh giải thích.

Kế dẫn chứng minh giải thích, phẩm đầu dẫn văn, y cứ phần văn, chính là văn của bốn tín hiện tại.

Nói bốn tín là:

1- Niệm tùy hỷ

2- Giải ngôn thú ấy

3- Nói rộng cho người nghe

4- Tin sâu quán thành.

Cùng với Phật diệt đầu tiên của năm phẩm, hai chỗ tùy hỷ văn nghĩa rất đồng, nên nay xen dẫn để chứng minh phẩm đầu, phẩm thứ ba dẫn trong văn. Nói không phải xứng chùa tháp, v.v... phẩm thứ ba nầy quán hạnh. Vả lại do nói pháp tăng thêm quán tâm, quán tâm thành tựu, mới thành thứ tư, thứ tư chưa thể sự lý tức nhau nên nói bàng hành đến phẩm thứ năm sự lý không hại, nên nói ngay người khởi lập thêm lớn. Cúng dường khen ngợi chúng tăng Thinh văn, cho đến đủ sáu, đâu chấp thứ ba hằng khiến bỏ việc đâu chấp một đại khái trong pháp chấp năm khiến cho thực hành, nên người tu hành phải khéo giáo ý, nhập phẩm thứ năm, làm việc chưa muộn, hành nhân sơ tâm phải dùng năm pháp nầy khéo tự điều phục, quả thật biết tiến hay phải dừng nên thực hành. Lại mỗi phẩm trong năm phẩm khiến tu năm hối, huống chi là người thường ư? Vì trong mỗi phẩm đều có chướng, cho nên trong Bốn niệm xứ lấy năm phẩm nầy suy xét năm pháp quán dừng tâm, vì phòng sơ tâm, tướng ấy thế nào, ba tạng đầu dạy dùng sổ tức để ngừng dứt tán loạn, nay vì tùy theo lý trừ ở nghi tán, ba tạng dùng quán bất tịnh để dừng tham, nay do đọc tụng, dứt trừ tạp nhiễm, ba tạng dùng từ tâm trừ sân, nay do nói pháp, thầm trị pháp thân, ba tạng dùng nhân duyên trừ si, nay dùng sáu độ tối tăm trị vô minh, ba tạng dùng niệm Phật dứt trừ chướng, nay dùng lý quán từ ở sự tướng, nếu vậy chung riêng làm sao?

Đáp: Trong Biệt giáo chỉ dùng hại hạnh giới định mà định tâm kia trong Thông giáo có năm, nên quán sở tức, v.v... không sinh không diệt mà làm dừng tâm. Nếu vậy ở sau nói đồng khác. Lại nữa, ở sau y cứ ấm giới nhập để nói vị kế, trước tuy y cứ giáo để nói vị Viên giáo, nay lại y cứ phàm thánh để nói vị năm ấm. Nói năm chủng nhân là quả địa Nhị thừa và ba giáo sau dứt hoặc Bồ-tát sinh giới ngoại, sau vị nầy đã đối với bốn đức dùng làm ngôi vị Phật, nên biết Phật nêu ra đều thuộc ba thứ Bồ-tát. Cho nên phẩm kế nói vị ấy, ở trong đó kế nói ngôi vị Thập tín năm phẩm đã viên phục được năm trụ, há đến vị nầy riêng

dứt kiến tư, chỉ là viên tu thô hoặc dứt trước, cũng như luyện sắc thô cấu trừ trước, v.v... người không thấy lại cho rằng Pháp Hoa sáu căn là viên, nhân vương trường biệt ba cõi là tiệm, đã nói kinh Pháp Hoa là tiệm đốn, làm sao giải thích vị tức là đốn đốn, huống chi là sở dẫn nhân vương bổn chứng Pháp Hoa, làm sao ly khai phân thuộc hai món lại trừ vị viên, rồi tất cả các vị không có Thập tín phá kiến tư, so sánh giải thích viên tín đủ như văn Bốn niệm xứ, nay văn chỉ lược giải thích Sơ tín mà thôi, nay y theo giới Bồ-tát sớ giải dùng mười pháp Thánh thừa so đối Thập tín, lại dùng mười pháp ngang nhập Thập tín. Nói dọc đối: nay văn Sơ tín dùng đối với cảnh.

Kế tu từ bi để đối niệm tâm khéo tu tịch chiếu để đối với tấn tâm, khéo tu phá pháp tức nhập tuệ tâm, khéo tu thông bít, tức nhập định tâm, khéo tu đạo phẩm, nhập tâm bất thối, khéo tu chánh cần nhập tâm hồi hướng, khéo tu các vị nhập tâm hộ pháp, khéo tu bất động tức nhập giới tâm, khéo tu an nhẫn, thì nhân tâm nguyện, nay văn chỉ quán thiếu không có thứ lớp và tên khác nhau, nay nói Đà-la-ni, tức bất thối ấy, còn không có thứ lớp chỉ toan nêu bày văn giới sớ, so sánh rất dễ thấy. Nói nhập ngang là mỗi tín tâm đều đủ mười pháp, nên trong kinh Anh Lạc nói: Một tín có mười, mười tín có một trăm.

Lại trong Bốn niệm xứ nói: Năm phẩm đều có mười pháp thành quán, năm phẩm còn như vậy huống chi Thập tín, cho nên Mười tín đều đủ mười pháp, cho nên đến Sơ trụ chuyển gọi “Mười đại”.

Kế nhập ở sau vị chân, trong Bốn niệm xứ và giới sớ Bồ-tát, đều nói lược Sơ trụ trở lên Viên giáo Thánh vị, cũng lược ghi chép. Vì sao?

Ban đầu phát tâm trụ ba món khai phát tức chánh duyên liễu, là nói ba pháp cảnh trí hạnh tương ưng cho nên gọi là phần chứng ba đức, nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: Tất cả công đức Sơ trụ Chư Phật ba đời đều khen ngợi không thể hết, khi mới phát tâm lại thành Chánh giác, rõ đạt tánh các pháp chân thật, những việc nghe pháp không co người khác ngộ.

Kinh Tịnh Danh chép: “Biết tất cả pháp đây là ngộ đạo tràng”. Trong Đại Phẩm nói: Sơ phát tâm ngồi đạo tràng. Chữ “a” là môn, v.v... đều là vị tướng Thập trụ bên Viên giáo, nếu vị Thập địa của Biệt giáo mới đồng với Thập trụ Viên giáo, nên trong kinh Anh Lạc nói, Sơ địa một phân pháp thân vô tướng, trí hạnh thành tựu, trăm muôn A-tăng-kỳ công đức, song chiếu hai đế, v.v... đủ như trong quyển ba có dẫn, cho đến Đẳng giác công đức khó nghĩ bàn, chỉ y cứ hóa đạo để nói công dụng, như Sơ địa trăm cõi Nhị địa ngàn cõi cho đến muôn ức các cõi, hiện thân

cũng vậy, sau Thập trụ Thập tín lại tăng thêm mười phần, lại mười lần trí đoạn phá mười phẩm vô minh, niệm niệm lưu nhập bình đẳng biển pháp giới, các pháp Ba-la-mật nhậm vận sinh trưởng, gọi là Thập hạnh, sau Thập hạnh là đạo vô công dụng, chân minh lại tăng thêm mười lần khai phát, nguyện hạnh sự lý tự nhiên dung hòa, hồi nhập biển pháp giới bình đẳng, lại phá mười phẩm vô minh, gọi là Thập hồi hướng, sau hướng lại phá mười phẩm vô minh, đạo vô công dụng cũng như đại địa sinh ra tất cả công đức, gánh vác tất cả Phật pháp, gánh vác chúng sinh pháp giới, nhập ba đời Phật trí địa, sau địa quán suốt nguồn gốc vô thỉ vô minh, bờ mé trí mãn rốt ráo thanh tịnh, dứt cùng tột nguồn vô minh nhỏ nhiệm sau cùng, lên đảnh núi Trung đạo cùng cha mẹ vô minh phân biệt, nầy gọi là hữu sở đoạn, có tên thượng sĩ gọi là đắc giác vị, vị nầy hậu tâm rốt ráo giải thoát Phật trí Vô thượng. Vô sở hữu đoạn, gọi là Vô thượng sĩ mười pháp đến nầy mới được gọi là đại, gọi là lý đại nguyện đại, trang nghiêm đại trí đoạn đại, biến tri đại đoạn đại, dụng đại quyền thật đại lợi ích đại vô trụ đại, thứ lớp để đời mười pháp thành thừa, giải thích tên gọi so sánh nghĩa cũng có thể hiểu.

Thứ chín an nhẫn chặng giữa ban đầu cũng là pháp trước.

Kế dụ cho; Sau hợp; trong pháp ở đầu nói: “Hiệp” là nói. Trong dụ kế nói: Mũi nhọn, v.v... lại lấy sương bay mà dụ với mũi nhọn, thông khéo ở cái nghe tâm minh mẫn với sự.

“Duệ” là trong văn nói: Hiểu sâu, là trí, là dụ quá là vượt.

Sớ là ghi; Đổng là chảy nhanh, tức là thấu suốt, cũng là sâu xa. “Hoài” là “cõi” trong kinh Thơ nói: Ta an ủi là âm tốt, “Thuật” là nghệ thuật của đạo. Thiền sư Nghiệp Lạc: Nói Thiền sư Nghiệp ở Tương châu tức kinh đô của Tề Ngụy, là nơi Phật pháp rất hưng thạnh, một vị vua của Thiền tổ hóa trị nơi ấy, được lòng người đương thời mà ý không muốn nổi tiếng. “Lạc” tức “Lạc Dương”, “quần” là “bạn” là “bối”. Võ Tân khen rằng: Đại sư Nam Nhạc là người ở Võ Tân Trần Châu Hạng, Võ Tân là địa danh, trong truyện nói Ngài lãnh chúng rất sớm. Nhưng nói có Trí Đoạn sư thưa hỏi những chỗ nghi của thiền, Ngài suy nghĩ nhân đó vì Trí Đoạn mà nói pháp môn Thập địa tâm mắt của sư rất lạ.

Sư Trí Đoạn nói: e giai vị Thập địa của Sư.

Sư nói: Ta là Thiết luân Thập tín, đúng là người mới học truyền nghe lạ, người viết văn nguyện văn ấy đang hiện hành, nhưng văn dẫn có bốn cách phân biệt, có người so sánh văn nầy với ba thuật, chẳng những thường không tương đương, mà cũng chính ý văn thường có khác nhau. Ba thuật là mật ý của Thiên Thai, bốn trạch là văn nguyện của

Đại sư Nam Nhạc, dẫn văn so sánh với nầy e chưa tiện, nay nói Đại sư dẫn ra ý, dùng để răn dè người học đời, sau phải khéo quyết trạch, siêng năng không thôi nói bốn độ, cho nên Đại sư Thiên Thai chỉ ngài Nam Nhạc là người cao siêu, nêu ra răn dè thâm sâu để làm phép tắc cho người sau, người học đời sau hãy lấy đó làm gương soi, gương soi có công năng chiếu soi hình không ngay.

Kế dẫn Đại luận, Bồ-tát ở núi sâu, v.v... Trong Đại luận quyển mười chín giải thích trong Thiền độ.

Hỏi rằng: Đại Bồ-tát nên giáo hóa chúng sinh thành Phật sự, mà vì sao ở trong núi sâu tự tu tỉnh là trái với thực hành từ bi lợi tha?

Đáp: Thân tuy xa lìa mà tâm không xa lìa, cũng như người bệnh uống thuốc để thân mạnh khỏe, sau đó mới trở lại sự nghiệp hoằng hóa.

“Khang” là “an hòa”, Bồ-tát cũng như vậy, uống thuốc Bát-nhã bệnh phiền não tiêu hết pháp thân khỏe mạnh bình phục, làm việc giáo hóa chưa muộn, cho đến sáu căn, v.v...: ở đây nói ban đầu nương cực vị sau cùng, chung năm hoặc trước đều thuộc nương ban đầu, cho nên trong Đại kinh nói: có tánh phiền não có thể biết tạng bí mật của Như lai, vô minh hoàn toàn ở danh đầy đủ phiền não, đại tượng ngăn cách, v.v... tức là do chín hạnh gọi là đại tượng, không đồng với văn trước đối trị trong văn, nhưng do ba ký gọi là đại tượng, không sợ sinh tử gọi là ngăn cách, “Hãn” là “Vệ” cách nên từ đất trong Kinh Lễ nói: Phát rồi sau cầm thì ngăn cách mà không cao siêu: Trong chú giải chép: Ngăn cách là bền chắc mà không thể vào, từ cây từ tay đều chẳng phải ý nầy, trước dùng năm phẩm là tiểu tượng, nay lại dùng sáu căn là đại tượng, đã lìa giới ràng buộc tự tại khả năng kham nhận, phiền não không nhiễm như dao tên không lập bày, chủng trí hóa vật như ánh sáng mặt trời chiếu thế giới, vật từ vô thỉ khổ cũng như băng lâu dài, căn cơ thuần thục được lợi ích gọi là tự trị, “tượng” dụ hiện thân ứng hiện đời lợi vật, nếu được danh dự, bị ba việc làm nghiêng đông hư hoại, hai việc trước như ngăn một khiến quán pháp tàn diệt gọi là nội xâm, quyến thuộc như tập khiến các hạnh phá hoại, gọi là nhánh lá ngoại tận, cũng như ngoài cây đại thọ các loài chim nhóm họp bên trong các loài trùng bò cạp cắn rỉa cây sẽ chết, sâu mọt là loài trùng hại vật, cũng nói trùng ăn quế. Nói ba thuật: Như văn trên tự nêu bày:

1- Không thọ, không chấp

2- Thiếu đức hiện bày dấu vết

3- Một phen nêu muôn dặm

Trong ba thuật: Nghĩa là thông giả tung, ngoại chướng là nhuyễn tặc nghĩa là danh dự; nội chướng là cường tặc nghĩa là phiền não, v.v... cho nên trong ngoài dùng thuật khác nhau, "luân" là "một" chìm đắm; Tỳ phụng là gió mạnh, gió nầy ở ngoài núi Thiết Vi. Nếu không có núi Thiết Vi thì khởi núi Tu-di, cũng như có thối nát, nên dẫn ra để so sánh, văn nêu bên thiền thiếu ác là đầu mối trái thuận, nên biết trái thuận chưa được lãnh chúng. Như trong Di-sa-tắc, Đức Phật nhân Điều-đạt lãnh chúng bèn dẫn việc mà nói: Xưa có vị tiên ở trong núi đọa sách Sát-lợi, có một con chồn lại đọc, tự suy nghĩ rằng: Ta hiểu sách nầy đủ làm vua loài thú, do đó ra ngoài đi dạo, bắt gặp một con Cáo mà nó muốn giết, con Cáo bị vây nói: Vì sao gặp tôi lại giết?

Dã hồ nói: Ta là vua loài thú, ngươi không phục ta nên ta phải giết ngươi.

Con Cáo nói: Ông chớ giết tôi tôi sẽ theo ông, như vậy lần lựa phục đến các loài sư tử, phục sư tử rồi lại khởi niệm, nay ta lại không lấy thú làm vợ, bèn dẫn các loài thú đến vây quanh nước Ca-di, trăm ngàn muôn vòng.

Vua sai sứ hỏi: Sứ về đáp lại ý, các thần đều chấp nhận, chỉ có một thần nói: Từ xưa đến nay, chưa từng thấy Nhân Vương lấy con gái gã cho thú, thần muốn phải giết con Cáo nầy.

Vua hỏi làm thế nào?

Thần này nói: Sai sứ khất cầu một kỳ ước, ắt khiến cho Sư tử đánh nhau trước sau đó rống lên, Cáo cho rằng chúng ta sợ Sư tử rống, sẽ cho Sư tử rống trước sau mới đánh, mà nếu Sư tử rống các thú sẽ chạy tán loạn, vua y theo lời thần tính, đến ngày ra quân sự việc quả như đã tính, loài Cáo vừa nghe tiếng Sư tử rống, tim bể thành bảy phần, bị voi đạp mà chết, các loài thú đều chạy, Phật nói bài kệ rằng:

Dã hồ rất kiêu mạn
Ham muốn cầu quyến thuộc
Đi đến thành Ca-di,
Tự xưng là vua thú.
Người kiêu mạn cũng vậy
Hiện đời lãnh đồ chúng
Ở nước Ma-kiệt-đề.
Chư pháp dùng tự hiệu.
Sớm lãnh chúng cũng vậy,
Danh thành tổn mình lợi,
Ích người khác càng ít.

Trang Tử nói: “Danh” là món đồ của công, chẳng thể lấy nhiều, “đồ gốm am hoa” là đều ở trong Đại luận, dụ dùng sơ tâm “đôi” là đống đất. Nếu làm chữ “đôi” nghĩa cũng chung ở “đôi phụ”.

Hoa Yêm-la là nhiều hoa mà ít trái, nếu được ý nầy không cần phải chín cảnh, nếu có thể đối với ấm cảnh nầy an nhẫn, thì được nhập căn thanh tịnh, cũng lìa hai cảnh Bồ-tát Nhị thừa, huống chi là bảy món phiền não, nên y cứ người nầy không cần nói lại chín cảnh sau, không nhẫn trái thuận nên chín cảnh sinh, trái tức là ác, thuận tức là thiện, đủ như văn trước xen nhau phát hiện phán xét chặng giữa có các tướng thiện ác, nên biết thượng căn chỉ quán âm cảnh cho nên ấm an nhẫn không thuận, chín cảnh ở sau.

Mười trong không có pháp ái, thực hành chín việc trên việc qua các chướng trong ngoài, trong ngoài như hướng phân biệt, an nhẫn nầy rồi, đã nhập sáu căn, không được phát chân, vì do trụ chấp, chấp pháp tương tự gọi là đảnh đọa, nên Thông giáo trải qua bốn giáo, nói nghĩa đảnh đọa.

Văn đầu lại nương ba giáo đảnh đọa, bắt đầu đã không nhập vị khứ, là chánh nói nghĩa đảnh đọa của văn nay.

Ban đầu nói đảnh đọa của ba tạng, chép đủ như trong luận Tỳ-đàm có nói, trong văn trước phân biệt chẳng phải ngôi vị đảnh đọa, nghĩa là như một bề lui sụt thì không gọi là đảnh đọa, Nhẫn vị qua đảnh lại không gọi là đọa, ở giữa hai vị trụ đảnh gọi là đọa. Vì sao? Vì năm căn nhẫn vị lại không xuất quán, nhẫn trên phát chân cho nên không đọa, ở trong đảnh pháp phần nhiều sinh tâm ái, thì nên nhập đảnh mà không đắc nhập, vì lui sụt đảnh nên tạo ở trong nghịch, được gọi là đọa, đảnh đọa bên Thông giáo nêu bày ở đây nên biết đảnh vị Biệt giáo ở trong Thập hạnh, nên không có nghĩa đọa, nhưng chưa có nhân địa gọi là đảnh đọa, cuối cùng không gây ra lỗi.

Trong Đại luận nói: Ở sau nêu ra vị Viên giáo tương tự hữu ái, người đời nay ở sau nay nói về Viên giáo đến khi Thập tín, hoặc sinh tâm ái không nhập Sơ trụ mà sáu căn tịnh định vị không đọa tiểu, thì do trụ đảnh gọi là đọa chẳng phải thối đọa. Vì trong sáu căn không có nghĩa thối, huống chi lại có tạo trọng nghịch ư? Nên đảnh đọa nầy khác với Tạng giáo, Thông giáo ở trước, nên trong Đại luận quyển ba mươi nói nghĩa đảnh đọa có hai thứ khác nhau:

1- Đảnh thối gọi là Đọa.

2- Trụ đảnh gọi là Đọa.

Trong giáo Tiểu thừa, tuy đủ hai nghĩa trụ đảnh phần nhiều thối,

cho nên nay Viên giáo kiến tư đã rơi rụng chỉ có trụ đảnh một nghĩa đọa.

Trong Đại luận quyển bốn mươi hỏi: Đảnh không lễ đọa, vì sao nói đọa?

Đáp: Đưa ra cận lẽ ra đắc mà lại mất, gọi là Đọa. Nếu được đảnh thì trí tuệ an ẩn, không sơ đọa, đâu theo nghĩa đầu, dùng thối làm đọa, nếu nghĩa thứ hai chỉ dùng trụ đảnh không tiến không lùi gọi là đọa đây thì Thập tín sơ tâm cũng gọi là nhu, nay chỉ quán ở sau chung kết chỉ bày, ban đầu từ cảnh mầu cuối đến lìa ái, hạnh giải đầy đủ, chánh trợ không thiếu. Đã tiễn đi là đến ở Sơ trụ, nhập vô công dụng tự có thể tiến đạo, nhập trụ trở đi nay văn không nói đến, nên nói đồng với nầy. Trong các kinh luận Sơ trụ trở lên, phần nhiều nói tướng giúp Phật hóa tha, lại không chọn lựa luận ở tự hành, cho nên nay nói công đức nhập trụ đã không nói đến, nay ý lại đến đời sau tu hành, sau phải nói lại, đến cảnh Bồ-tát, lại phải nói rộng, cuối hạ không nói ở sau không luận đến, bắt đầu từ đầu quyển năm đến đây, chánh đáng nói pháp, nói mười pháp cảnh ấm thành thừa xong, mười pháp nầy kế ở sau dẫn đại xa trong kinh Pháp Hoa, để dụ cho mười pháp.

Ban đầu lược nêu; kế nêu bày văn kinh; kế nữa hợp, kế nữa kết, lại thuận thứ lớp của kinh lại không nương thứ lớp mười pháp, nay dùng mười pháp tùy theo so sánh đầy đủ. Cảnh đại xa cao, rộng không thể nghĩ bàn, từ bi ngăn che, giây báu xen nhau liền phát tâm, đặt để gối đỏ, gối có trong ngoài, hoặc trong xe gối ngừng nghỉ các hạnh, tức an tâm, hoặc gối ngoài xe hoặc động hoặc tịnh, động tịnh chỉ là nghĩa thông bít, phá bít còn thông ngay bít mà thông, mau kia như gió tứ phá vô minh, là phá nghĩa biến.

Trong Đại Phẩm chép: Pháp ái khó dứt, cho nên xứ xứ nói phá vô minh Tam-muội, bắt đầu từ dê trắng cuối đến bằng thẳng, nghĩa đạo phẩm, lại phần nhiều là đi từ chánh trợ, trong bài tụng nói “Tân tùng” là lễ, dẫn dắt.

Lại nói, đội bên. Đạo ở bốn phương, tức vị kế an nhẫn lìa chấp ở đầu vị kế, cho nên thân lại nữa kết vị, bắt đầu từ sơ tâm cuối đến rốt ráo, an nhẫn chỉ là nhẫn ở năm phẩm hai cảnh trái thuận, khiến nhập sáu căn, lìa ái chỉ là lìa trong sáu căn tương tự pháp ái.

“Uyển duyên” trong Bì Thương nói “uyển” là áo xiêm gấm, “Diên” là chiếu, nên làm chữ “Diên”, chữ “Diên” đây là mũ cho Thiên tử gọi là “Diên” cũng nên dùng chung. Lại vị kế chỉ là giai cấp của hạnh, e hạnh sinh lẫn lộn, nên ở trong vị kế Biệt giáo nêu ra năm phẩm, sáu căn thanh

tịnh.

Khuyên lệ hạnh: Là khiến cho lìa ái lìa chướng, nên biết bảy pháp trước chánh nói thể xe cho đến độ đủ, ba pháp sau chỉ là sở thiệp của thừa, nếu không có sở thiệp thì nghĩa vận không thành tựu, cho nên mười pháp gọi chung là thừa. Kế kết vị: hễ có tâm là đủ ba phép bít, ba phép bít nầy thông ở lục tức, lý tánh thể xa độ đủ giúp thành, trâu trắng quán chiếu ở một tâm niệm, tức là lý tánh, nghe danh khởi quán gọi là đồng ban cho, các thừa thừa nhận vị khác nhau, nên có quán hạnh tương tự đẳng biệt, cho đến bôn phương thẳng đến đạo tràng đạo tràng còn có hiệu quả thừa, cho nên nghĩa nhân quả thừa chẳng phải không, người đời nay ở sau phân tích tá, thiết” là giả thiết. Chữ “tá” là tư phản tạ, nếu mượn tên thừa, chỉ là tà thừa, thừa vốn lấy vận tải thành nghĩa, tà pháp không vận tải nên gọi là “tá”, đã là tà pháp không ngoài các chấp, các chấp có đủ sáu mươi hai kiến chấp, từ chánh pháp đến sau hiển bày chánh, chẳng đồng với ác không, nên nói là chánh pháp, chánh pháp ngăn tà nên nói đại Thánh, không thể hoại nên gọi là Kim cương, đầy đủ các pháp gọi là Bảo tàng. Cụ túc nghĩa là giải thích bảo tàng, vô quyết là giải thích Kim cương, như diệu thừa nầy đâu đồng với ác không, cùng mà nói chỉ có thể xa, đã không đủ độ nên gọi là “ngốc”. Đoạt mà nói là thể dụng đều phi nên gọi là “ngốc” vì thế dẫn trong Đại kinh thừa là thứ xe lửa chẳng những thiếu trâu trắng Bát-nhã là sở thừa của lửa, nhậm vận chẳng phải chánh nên chẳng phải cao rộng. Lại nói hoại đều không trang nghiêm, huống chi là khởi chấp vào ba đường ác. Ngồi thẳng quán ấm giới nhập xong.

Chỗ nói rằng: Ngồi thẳng há cách các nghi, trong bốn Tam-muội thường để ở đầu, cho nên trước nói ba pháp thường hành, v.v... cũng có thể dùng chung, các duyên đối cảnh tự nhiếp ba pháp khác, cho nên lại phán xét dùng làm ngồi thẳng.

Hỏi: năm ấm đều ở quán ngồi thẳng ư?

Đáp: Ấm chung ba tánh không cách các nghĩa, văn trước lại nói dụng quán ngồi thẳng, các nghĩa ở sau các duyên đối cảnh.

Kế nói các duyên đối cảnh, bài tựa trước nêu ra ý.

Kế ở sau chánh giải thích, chánh giải thích trong văn trước nói các duyên.

Kế nói đối cảnh, y cứ trong duyên. Ban đầu ở hành duyên nói đủ mười pháp.

Kế là y cứ ở sau kết ý; kế hành duyên đã vậy ở sau nêu năm duyên; kế ba pháp Tam-muội ở sau giải thích nghi; kế là xưa có Quốc

vương, ở sau dẫn chứng, nên trong Đại luận quyển hai mươi chép: Xưa có vị Quốc vương đi dạo trong vườn, sáng thấy rừng hoa sum suê đáng yêu, ăn rồi nằm nghỉ, phu nhân thể nữ đều bẻ hoa, cây rừng gãy, vua thức dậy thấy việc ấy, ngộ tất cả pháp đều vô thường, suy nghĩ như vậy, ngộ Bích-chi-phật, phước đời trước đã sâu dày, nhờ chút nhân duyên dễ được quả Thánh.

Kế so sánh trong cảnh trước cũng y cứ theo nhãn sắc, đầy đủ mười pháp; kế nêu bày các căn, trong cảnh đầu kế kết thường dẫn nêu bày dẫn chứng kết phi. Nếu cảnh quán ở sau không thể nghĩ bàn.

Ban đầu dẫn kinh lập chung ba trí năm nhãn; kế giải thích riêng ba quán, trong giả quán nói: Ngoại đạo đánh đầu lâu thành tiếng. Trong kinh tăng Nhất A-hàm nói: Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, cùng năm trăm vị Tỳ-kheo từ tịnh thất xuống núi Linh Thứu, cùng với Phạm chí Lộc Đầu, đến rừng Đại Úy, lấy trao đầu lâu người chết cho Lộc Đầu mà nói rằng: Nay Phạm chí nầy nói các ngôi sao bao gồm thầy thuốc hay, khéo hiểu các tiếng biết nhân duyên chết.

Hỏi: Đây là đầu lâu của ai?

Đáp: Của người nam.

Hỏi: Vì sao chết?

Đáp: Các bệnh nhóm họp năm trăm lóng đốt đau mỏi nên chết. Dùng thuốc gì trị? Ha-lê-lặc hòa với mật trị sẽ không hết.

Lại hỏi: Sinh ở chỗ nào?

Đáp: Sinh vào ba đường ác.

Lại đánh một đầu lâu hỏi là ai?

Đáp: Người nữ.

Hỏi: Bệnh gì chết?

Đáp: Mang thai chết.

Có thuốc gì trị?

Uống bơ đề hồ.

Sinh vào chỗ nào?

Trong loài súc sinh.

Lại lấy một đầu lâu đánh, hỏi: Vì sao chết?

Ăn ít quá chết.

Có thuốc gì trị?

Ba ngày tuyệt thực

Sinh ở chỗ nào?

Sinh vào loài ngạ quỉ, vì tưởng là nước.

Lại lấy một đầu lâu đánh. Hỏi: ai đây?

Người nữ.

Vì sao chết?

Vì sinh chết.

Sinh ở chỗ nào?

Trong loài người.

Lại đánh một cái đầu đâu. Hỏi: Vì sao chết?

Bị người hại chết.

Sinh ở chỗ nào?

Sinh ở cõi trời.

Phật nói: Bị người hại chết sẽ đọa trong ba đường ác.

Lại đánh một đầu lâu nói: Người nầy giữ mười điều lành, lại bị chết đói, người sinh lên cõi trời không có việc đó.

Mỗi câu đáp lời Phật, Phật đều bảo rằng: Như ông đã nói: Phía Nam núi Hương có Tỳ-kheo Ưu-đà-diên, vào cõi Vô dư, Đức Phật đưa tay lấy đầu lâu, hỏi: Sinh về cõi nào?

Không có gốc chẳng phải nam chẳng phải nữ, không thấy chỗ sinh, chẳng thấy đi lại qua khắp tám phương, đều không có âm thinh, chẳng hay là ai.

Phật nói: Thôi thôi, lại hỏi lại Phật, Phật đều đáp đủ.

Lộc Đầu khen rằng việc này chưa từng có, ta quán sát con kiến, con biết xuất xứ âm thanh chim thú và thú còn phân biệt được trống mái, quán sát vị La-hán nầy không thấy chỗ sinh, chánh pháp của Đức Như lai rất đặc biệt, chín mươi lăm đạo ta đều có thể biết, pháp của Như lai không biết thú hướng, cúi xin Đức Thế tôn nghe đạo kế. Đức Phật nói "thiện lai" liền đắc quả Vô học, nghe tiếng đã vậy, các trần cũng vậy, pháp của ngoại đạo nghe chết xương tiếng có thể thấu suốt được việc xa. Bởi trong tiếng vốn có đủ các pháp nên khiến ngoại đạo được chút phần kia, thầm nương nhật dụng hằng ngày mà không biết, huống chi nay diệu quán quán thẳng bổn lý, lý đủ các pháp, không đáng nghi ngờ. Trung quán như văn, tuy không có ở sau giải thích thành năm nhãn.

Kế dẫn hai kinh để chứng minh; kế kết thành nhất tâm; kế nói xen dùng, hỏi đáp đều như văn. Trong dẫn chứng ngài Tịnh Danh nói: Không có tướng, v.v... nêu sáu tác chặng giữa ban đầu hành duyên, không thấy tướng, v.v... là nêu sáu thọ, chặng giữa ban đầu thấy sắc, phải biết căn trần không đâu chẳng phải pháp giới, nên nói bất lai mà lai, v.v... như trong Bốn niệm xứ dẫn Duy thức chép: Nói Duy thức: Duy là một thức, lại chia ra hai thứ:

1- Phân biệt

2- Vô phân biệt.

Phân biệt thức gọi là Thức thức. Vô phân biệt gọi là trợ trần thức, tất cả thế gian đều là sở thành của Tợ trần thức, ba món vô tánh và các pháp sắc tâm xưa nay không hai, pháp đã phân ở hai thức, nêu bày cũng phân ở hai sắc.

Hỏi: Sắc và thức vì sao đồng và khác?

Đáp: Nếu sắc tâm đối nhau thì có sắc có tâm, nói về thể tánh ấy thì lìa sắc vô tâm, lìa tâm Vô sắc. Nếu tướng sắc tâm tức hai thì có hai, một thì đều một, cho nên trong Viên giáo nói cũng nên được nói duy sắc duy thinh, duy hướng, duy vị duy xúc, đâu chỉ xúc được nói Duy thức ư? Như trong Hợp luận nói: Không ở đâu chẳng đầy đủ pháp giáo, lại nữa nếu nói theo mạt thì tất cả chúng sinh có hai thứ khác nhau, thượng giới phần nhiều chấp thức, hạ giới phần nhiều chấp sắc. Nếu y theo thức thì chỉ có thức xem bên ngoài đến bên trong để quán sát nội thức đều là một thức, đã không rồi thì mười cõi đều không. Nếu thức là giả thì mười cõi đều giả, nếu thức trung thì mười cõi đều trung, chuyên quán nội tâm quán tất cả pháp, quán mười cõi bên ngoài thì thầy nội tâm, cho nên phải biết hoặc thức, hoặc sắc đều là duy sắc, hoặc thức hoặc sắc đều là Duy thức, tuy nói sắc tâm, chỉ có hai tên, nói về pháp thể ấy chỉ là pháp tánh, như vậy tức là pháp môn tâm địa, bất động tịch tràng hiện thân bát hội, Chư Phật giải thoát cầu ở trong tâm, tâm là hạt giống Phật, tâm tức Bồ-đề, phải dung ý nầy chung cho tất cả tâm, chung cho tất cả giáo, lý hạnh vị, v.v... là nói theo đây, thức trong vị kế, hoặc tiệm thấy, v.v... Trong Phổ Hiền Quán nói nếu hạnh có thể tùy Phổ Hiền giáo chánh tâm chánh ý, tiệm dụng tâm nhãn thấy Phật Phương Đông thân mầu vàng ròng trang nghiêm mầu nhiệm, thầy một Đức Phật rồi lại thấy một Đức Phật, như vậy thấy khắp Chư Phật Đồng pháp, tâm tưởng mãnh mẽ nên thấy khắp tất cả Phật mười phương. Đốn giáo thấy: Trong phẩm Bất Khinh nói: khi Tỳ-kheo sắp qua đời ở giữa hư không nghe Đức Phật Oai Âm Vương nói kinh Pháp Hoa trước có hai mươi muôn ngàn muôn ức bài kệ, đều có thể thọ trì liền được sáu căn thanh tịnh, trong văn kinh không nói. Tiệm giáo thấy một Đức Phật cho đến Chư Phật, nên gọi là Đốn giáo thấy.

Kế dụ cho Đại xa kết thành Phật sự, hoặc nhập, v.v... tức tự hành.

Kế dẫn ngài Tịnh Danh, hoặc có cõi Phật ánh sáng, v.v... tự hành hóa tha đều gọi là Phật sự, hoặc nói nếu có cõi Phật, v.v... tức là hóa tha. Như trong Lăng-già quyển ba nói: Thế giới không nháy mắt, thế

giới diệu hương khiến các Bồ-tát trố mắt nhìn không hề chớp mắt, được vô sinh nhẫn, tức nhãn là pháp giới, lại có thành giáo, theo đây mà suy nghĩ.

Kế nêu bày chặng giữa trước nêu bày các thọ; kế nêu bày các căn; kế nói đại xa, như ở văn. Nếu ở sau khuyến tu, ban đầu bao gồm chặng giữa pháp trước. Kế dẫn dụ cho phân tích trong đó, nói chỉ là rắn dài, văn tự nói xen nhau, không tu chỉ quán như con rắn dài, khéo hiểu chỉ quán như ôm châu, hiểu mà không dùng là không có lợi ích. Trong Đại luận thứ mười giải thích nhân không đồng nên quả khác nhau với trung, có một con rắn đen ôm ma-ni mà ngủ, có vị La-hán khất thực không được, luận nói phá giới mà còn có phước, nên khiến đọa làm con rắn còn ôm châu báu, nay mượn phân tích, để dụ cho có giải mà không có hạnh, như con rắn ôm châu, với con rắn có ích gì?

Kế Biệt giáo dẫn ba dụ cho, đều là trước dụ cho kế hợp.

Ban đầu dụ cho Trung quán. "bốn" là cho, cũng là ban; "lộc" trong sách Nhĩ Nhã nói: Là phước.

Trong Hiếu Kinh Chú giải rằng: Kho đựng gọi là lộc. Trong Đương Thừa nói: Thời thượng cổ không có lộc, người ăn lúa hoang do triều đình thiếu ăn, người thợ săn ban cho con Nai dùng làm thức ăn, nên biến thành chữ Lộc, người dân cũng được phước mỏng. "Giới" là tên chung của đồ binh khí, "kích" là giáo ngắn, là móc câu cây giáo: Quách Phác Chú giải rằng: Trong giáo, có cây đâm nhỏ nghĩa, là giáo to, nếu là mầm men, v.v... Thượng thư Ân Cao Tông hỏi thăm truyền thuyết về dân dã Phó Nham rằng: Nếu giúp sông lớn dùng ông làm thuyền bè, nếu tuổi lớn thì dùng ông làm mưa dầm, nếu làm rượu nếp thì chỉ có mầm men, nếu làm hòa canh, thì chỉ có dùng muối và hoa mai "duy trướng". Trong văn nói: Trên màn gọi là "mạc", "trướng", trong văn nói: Có bốn hợp là tượng cung, thất trương gọi là trương.

Trong sách Hoài Nam Tử nói: Màn rèm của tướng quân, "chiết xung" là cắt rọc, "xung" trong văn nói: Là đường thông. Trong Quảng Nhã nói là đột, là quá kích, mà dùng lũ bắc. Trong văn nói: Bắc là trái. Lại quân tẩu gọi là bắc, lại bắc chủ ấm phương là ấm chủ sát tức bị giết là quân bại, mở búi tóc, v.v... Thượng Thư nói: Đức siêng năng Quan Công thưởng khuyến thỉnh, "mậu" là miễn, nay Viên giáo phá phiền não được thưởng thật tướng, rất tột trong thưởng, như mở búi tóc cho châu, như các Thinh văn đến Pháp Hoa, cùng tột của công nên dụ cho luân vương mở giải dùng quyền là búi tóc, hiển bày hột châu là thật tướng. "Dã vu", Nam Sư nói: Vu.

Nữ sư nói: "Hích" nghĩa là âm thần. Trong văn nói "Vu" là chú thuật. "Chú" là chủ cúng tế, trình bày lời khen ngợi, ba việc không nói, thi không thể pha ma quân, không thể dứt phiền não, không thể hiển bày pháp tánh, đối với ba dụ trước như văn nên biết "khu khu là thu mình nhỏ lại suốt ngày cớ như vậy". Quân là chúng Mười hai ngàn người, gọi là quân, nay ma quân đâu cần định số, chỉ nói là chúng.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 8
(PHẦN 1)

Giải thích cảnh phiền não, từ đây trở xuống hiện văn sáu cảnh v lược ba cảnh, đều sẽ phát được đây là phiền não do cảnh bên ngoài sanh khởi, cho đến bốn hoằng chỉ thuộc về ba ấm của ấm cảnh, cho nên bình thường chẳng phải không có phiền não cho đến phát tâm, cũng đều phải quán chẳng phải không có danh cảnh, nay văn cho rằng nói về quán ấm phát được, nên phải nói khác. "Độc": Là hành, là không mê mờ bổn tông, như bảy pháp ở trước đều phân biệt Trung quán, nói mười cảnh đây là thuộc về ba chướng, chẳng phải ngay hiện tại khởi ba chướng.

Hiện ba chướng: Như trong Đại kinh quyển mười chép: Đại Bồ-tát cầu chủng trí, vì trừ ba món chướng cho chúng sinh.

Chướng phiền não: Là ba độc triền cái, tám mạn, bốn tà, v.v...

Chướng nghiệp: Là năm vô gián.

Chướng báo: Là ba đường ác, phỉ báng chánh pháp và nhất-xiển-đề, nên biết nêu ác năng chướng nên gọi là chướng, nay dùng lưu thứ nhiếp hai pháp sau ấy.

Ban đầu nói chung trong ý: Đầu tiên kết trước sinh sau, thượng ấm hạ kết trước mà quán sát sinh sau.

Kế, 1 trước quở trách ham muốn ở sau chánh nói ý, trước lại cùng các văn trên nói khác có pháp dụ cho hợp.

Ban đầu nói cùng với trên trong phương tiện quở trách muốn bỏ nói khác; kế nói khác với ấm cảnh trên, trong dục cái trên và ấm nhập, tuy có hoặc tướng mà chưa quá tăng thạnh chẳng phải cảnh phiền não, nên quở năm dục lại biết năm trần là sinh hạnh là duyên tham dục, sinh dục là lỗi, nhân lỗi sinh tội cho nên phải quở trách, trong cái chỉ là duyên hình bóng còn rơi rớt lại, trần ngăn ngại nhập quán, phải nên xả bỏ, lại hai và năm nầy hoặc quở hoặc bỏ, chỉ thành phương tiện chưa

chánh dụng quán, trước quán ấm nhập quán về báo ấm, báo ấm vô ký đối với ấm kia cầu diệu giải nên ấm cảnh ấy chưa gọi là phiền não, lại trước trong văn nhất tâm phân biệt rõ ràng, tuy quán tham sân chẳng phải ý cảnh nầy, chỉ là hiện khởi các hoặc thiện ác, đều thuộc ấm nhập, nầy do nhân ấm sơ khởi phiền não, đều gọi là ấm cảnh, nay cảnh cần phải nhân quán ấm phát, phát các tham trọng mới gọi là cảnh nay, từ nay quán bỏ, chánh nêu cảnh nầy khác với ấm cái, v.v... nên nói khởi tham sân nặng. Bắt đầu như lập bày ở sau nêu dụ cho, thiết như ấm hỏa như quán, ấm chưa gặp quán hoặc đời trước thầm phục nên nói chỉ có "thức", do quán ấm cảnh ấm giải chưa sinh tập khởi khác trước nên nói hành nhiên, lại báo thân pháp thân kế ở sau nói về khó dễ, lặp lại dục cái cho đến ấm nhập, cùng phiền não nầy bao gồm phân biệt khó dễ, cho nên thể của dục cái đều thuộc về ấm nhập, nên cùng ấm nhập thông giáo gọi là tầm thường, vì sao ở sau bên Biệt giáo giải thích, cùng ba pháp trước so sánh nói khó dễ. Ban đầu chánh nói tương đối chặng giữa trước pháp kế dụ cho trong pháp nêu ra ba độc trước so sánh với nay, trước là báo pháp và hiện phiền não, cho nên dễ dừng nghỉ, nay phát đã trọng cho nên dễ dừng nghĩ, nay phát đã trọng cho nên khó chế, đảo tưởng là si. "Tham" là rất dễ thấy, nói ngựa chết là trong Thập tụng giới đầu nói ma trời muốn hoại Nan-đề biến thành người nữ dụ đến chỗ ngựa, lại ẩn hình, người nầy nặng về dục bèn đến không phân biệt, hoặc nầy ở sau lại nói về trợ duyên, đã phát phiền não rồi lỗi ở thường, lại thêm duyên bên ngoài đến nỗi làm cho cuồng vọng, thí như ở sau nêu dụ cho, dòng nước như ấm pháp, dùng quán như khái mộc, động tập như báo khởi "liên y", gió đi mà dòng nước thành văn, nay dùng chung gỗ, gió kia đi dòng gấp nước rút khởi lên dữ dội.

"Liên y" là trùng ba, trên sóng lại thêm sóng nên gọi là "trùng ba". Báo tức báo biến, nay là nước khởi mượn từ nước mà làm người mạnh khỏe, dụ cho rất đồng với nước phiền não ở sau hợp dụ cho, như đụng chạm sư tử nằm ở sau lặp lại dùng thì dụ giải thích thành dụ cho trước, nếu không ở sau kết khuyến để cho biết không chỉ ở sau nói do cảnh khởi lỗi, như quyển năm có nói tùy theo dẫn người đến ác tức ý nầy, kế chánh giải thích chặng giữa ban đầu giải thích tướng, trước giải thích danh, chặng giữa có hai cách giải. Ban đầu hợp chữ để giải thích, ba độc là năng phiền, tâm thần là sở phiền.

Kế phân chữ để giải, phiền là năng phiền, não là sở não, phải biết thông là chung cho kiến tư, ở đây một phen đến phân ở sau nói trong độn có lợi, như trùng thú phàm phu cũng có thể khởi ngã, ngã là lợi, vì

lợi thuộc độn nên nói là thật, không suy lý cho đến tự đại: "Như" là loài trùng nhỏ có tánh thức có thể máy động, nêu chữ "Thích", v.v... (bò cạp) là thứ của. Bì Thương chép: Một bò cạp lớn khắp, gọi là ôm kiếm, cũng gọi là cầm lửa, do đó cũng nói: Các bò ngựa đánh nhau. "Kế" là lông trên cổ, trong văn nói: Bờm ngựa, như sói, v.v... nổi giận thì bờm nó dựng lên và tức giận hơn, ở đây nêu các pháp loài trùng thấp kém để so sánh với người. Đây còn chấp ngã huống chi là người ư? Thấp nhất là phàm phu kém cỏi ở sau nêu độn sử, phàm phu mà cũng có lợi, năm lợi đến chứng nào?, v.v... Kế nói trong lợi có độn, như các ngoại đạo nương các chấp mà khởi tức giận, chưa phát được thiền, v.v...

Hỏi: Như đệ tử Phật tu hành thứ lớp cũng chưa phát thiền, vì sao gọi là Tu-đà-hoàn đã dứt kiến hoặc?

Đáp: Nay phán xét lợi độn y theo hiện phát kiến kiến sanh khởi hoặc, như chưa đắc thiền, dù khởi tức tập đã có phiền não, và nhân hiện ấm khởi ra ngã kiến, vẫn thuộc về độn sử, sơ quả đã dứt phàm phu đều có, thầm phục ở thân chướng chân vô lậu, hoặc thấy đế lý, hoặc ở đây tự dứt trừ nên gọi là hoặc, đây cho đó là kiến, nên khác nhau với thiền sau sanh khởi, hoặc các ngoại đạo do chưa thấy đế, được thiền định rồi tuy dứt độn sử, mà vẫn không hề dứt một may kiến hoặc, kiến hoặc hiện hành, nên không đồng, chưa phát thiền đã có kiến hoặc và thầm phục, cho nên không do trong tám mươi tám sử kiến hoặc nêu bày, nên nghĩa tám mươi tám sử thuộc ấm cảnh, so sánh phân biệt lợi độn mới được gọi là kiến, lại khác với thiền sau tướng kiến hoặc, nay chỉ đối với thiền, hậu kiến phân biệt, cho nên nói, nếu đắc thiền khởi chấp, dù có tham sân đồng thuộc về lợi, như hai người học nêu bày ở sau, được lợi như độn, được ý như lợi, cả hai đều được lợi được ý tranh cãi, cả hai đều chấp ngã đắc thiền kiến thạnh, hoặc phát ở sau phân biệt chỉ bày thể cảnh, trong thân tuy có tám mươi sử. Nhưng chỗ khởi chỉ thuộc về độn sử mà ở cảnh nay, hoặc đối với lợi kế sau phán xét câu đầu, trước lại gạn khởi, hoặc trong lợi có độn, người dứt kiến hoặc chỉ gọi là đoạn lợi, đoạn trong lợi hoặc nầy lẽ ra còn, nếu không như vậy, thì trong lợi có độn, không gọi là độn. Nên kế dẫn trong luận Tỳ-đàm giải thích rằng: Lợi tuy có độn, độn nầy thuộc lợi, từ độn sử trái với trên mà khởi, người thấp nhất tuy khởi ở lợi nhưng lợi nầy thuộc về độn, nên nói tư duy cũng như vậy, hoặc khai, v.v...

Kế nói khai hợp, khai thành tám muôn hợp chỉ có ba độc, tám muôn đã không ngoài ba độc, nay quán ba độc tức quán tám muôn, là nghĩa nầy, nên phải nói khai hợp, ba độc ở sau nói là chướng khác

nhau.

Ban đầu nói bốn phần đều năng chướng định, chỉ có vô ký không thuộc về thiện ác, tức không chướng định vẫn thuộc về ấm cảnh. Nếu là chướng thì cả hai thuộc về không đồng, nghĩa là phát hay không phát, như trước đã phân biệt.

Trong kinh nói: Ở sau dẫn Đại phẩm để chứng minh vô ký không chướng, tức sư tử, v.v... định sở nhập tán tâm nầy đều y theo ý của luận Tỳ-đàm; kế là cũng y theo ý của người, Thành luận cũng thừa nhận bốn phần trong Tỳ-đàm đều phân tán mà không nói bốn chướng chung, nhưng nói trong tán đều có si hoặc tương ưng, nên nói tám gồm vô tri, năng chướng định thì thuộc về si nếu vậy ở sau gan thành luận nhân, bốn phần chung tán bao gồm không biết, si làm chướng định, đây là tương ưng si, si thì sân dục, si đã chướng định, si có sân dục làm sao không chướng định, mà lập riêng nói: Si năng chướng định, nay giải thích ở sau, ngày nay chánh giải, nói ý riêng, như trên giải thích bởi tùy theo người khác nhau, hoặc nặng về tham, tham tức là cái, sân si là chướng cũng giống như vậy nên nay thành chướng y theo đó nên biết, nên trong luận Tỳ-đàm đã dẫn Đại phẩm dùng làm chứng, nghĩa nầy không phải như vậy, trong Đại phẩm kinh nói Tam-muội siêu vượt, từ diệt định khởi nhập tán tâm nên nói tán nầy mà không chướng định, nay nói tán chương v không chướng, nên nói phàm phu đã có ba độc, vì sao dẫn các tướng thắng định A-la-hán xuất tán, nhưng các phiền não trở xuống là nói nay phân biệt tướng làm cảnh sở quán, nhưng nói bốn phần tướng thật chưa khắp, nếu nói tự hạnh đủ thì được làm cảnh, nên dẫn trong Pháp Hoa nói ý cảnh quán, ý ở dứt bỏ phân biệt chẳng phải gấp, nói hai mươi năm. Trong sớ có nhiều cách giải, kiến tư chưa dứt, đại cơ chưa thuần thục, cho nên hai mươi năm lại sai hốt phân, lại phá kiến hoặc dùng một vô ngại một giải thoát, phá tư duy hoặc, dùng chín vô ngại chín giải thoát, hợp thành hai mươi. Lại trong hai đường dứt kiết chung gọi là hai mươi, lại phần trên phần dưới gọi chung là hai mươi, lại y theo hai mươi khiến người cùng dứt kiến tư cũng gọi là hai mươi, ban đầu giải tức do lìa phược đắc số mà nói hai mươi, sau giải đều dùng hai nghĩa để làm hai mươi, nếu vậy ở sau giải thích nghi. Nghi rằng: Nếu ý dứt bỏ, thì năm trăm vị La-hán há chẳng phải dứt bỏ, mà trong luận Bà-sa nói các thứ phân biệt ư? Là đem ở sau giải thích nghi, năm trăm vốn ở một môn nhập đạo, cũng chưa phân biệt được La-hán rồi vì trì Phật pháp làm cho tồn tại lâu dài, đã đứng đầu chúng phải thông ngoại nạn cho nên năm trăm rộng diễn phân biệt, nếu không làm chúng thủ dù

thành La-hán cũng không nhập vị giả, cũng chưa phải các thứ phân biệt. Lại nữa ở sau, nói hoặc tướng nầy chánh là cảnh mười quán sở quán, cho nên phải nói là chung và riêng không thể nghĩ bàn, v.v... đã nói: Đều có đủ bốn phần, nay cảnh chỉ là bốn phần trong độn, đều có đủ bốn phần, nay cảnh chỉ là bốn phần trong độn, nay văn nói lược không rảnh phân biệt, nhưng lại phân biệt chung riêng, v.v..., nếu lựa bỏ, thuộc về ấm lợi độn chẳng phải sở quán nay, sở phát lợi độn là sở quán nay, sở phát lại có hai, lợi của thiền hậu thuộc về ở sau chấp cảnh, thấy ngoài mạng nghiệp là sở quán nay. Ban đầu nói trong Thông Biệt, nói lợi độn hợp thành bốn phần, là so sánh với trước khai thành tám muôn, nên nay nói hợp lại chỉ có bốn phần, ngoại giới đã đặt tên bốn phần, nghĩa khai hợp, nghĩa đồng giới nội, chỉ là biệt hoặc khác giới nội, nếu làm tưởng có liên quan, v.v... Kế nói nghĩ bàn hay biết nghĩ bàn, v.v...

Nói hướng chung riêng tùy giáo khác nhau, nếu khởi tương quan tức là nghĩa riêng, không rõ tức nhau nên nói tương quan, thông hoặc như mỗi nhánh, nghĩa là nhánh lá biệt hoặc bổn bổn nghĩa là cội gốc, nhánh gốc chỉ được tương quan mà thôi, tức nghĩa biệt. Nếu khởi không thể nghĩ bàn, nên nói hoặc chung như hoa pháp tánh như không, do mắt bệnh cho nên thấy hoa đốm đầy hư không, nếu thể nhận được bệnh biết hoa tức không, không hoa thể đồng, tức là nghĩa viên. Đã như quyển một, do ba chỉ quán kết phát tâm trong tâm mà nói, nên biết nghĩ bàn hay chẳng nghĩ bàn cả hai đều quán giới nội thông hoặc làm cảnh, do sở phát nên chẳng phải biệt hoặc. Ở sau khởi quán trung trước nói nghĩ bàn, nên nay dự nói, cũng đều nói, ý ở tức nhau, đối với thông hoặc hai nghĩa trên đều thông, nên nói nếu khởi; kế giới thích nhân duyên có ba, như ở sau nói, nghĩa là có ba như tập, v.v..., khởi tướng ở sau, trước dùng bốn câu phán xét, chặng giữa trước nêu bày bốn câu; kế phán xét cảnh tướng, văn trước tuy là hiện rõ các nghĩa lìa hợp chung riêng, mà chưa nói tướng trạng của nội khởi lặp lại hiện tướng khởi, nên biết nay khởi khác với dục cái và ấm nhập, nhân duyên ở sau chánh nói nhân duyên. Tập nhân nghĩa là nhân, huân tập nối tiếp làm duyên, ý nghiệp là nhân, thân miệng ác hạnh làm duyên, ma hành làm nhân mười quân thâu nhiếp thành duyên, có ba pháp nầy nên nay tu đạo, ba pháp nầy lại phát còn gọi là duyên, ban đầu tập hữu pháp thì dụ hợp, nói Đạo phẩm chỉ là chánh quán cảnh ấm nhập. Thuận lưu gọi là "duyên", không tu quán nên thuận dòng sinh tử, nêu tu đạo ở sau thì hiện tại quán ấm, lại phát chủng tánh đời trước "nghịch lưu" nói là "tố" "hữu" tức hai mươi lăm cõi, nghĩa là bốn cõi, bốn đường ác, sáu dục và Phạm thiên, Bốn

thiền, Bốn Vô sắc vô tưởng, Năm Na-hàm, "ngôi" nghĩa là khởi dáng mạo cao lớn.

Chữ "ngôi" (năm hồi năm phi năm vĩ ba thiết) hoặc bị quán chế, cho nên khởi dáng mạo cao; kế nói trong nghiệp. "Na" là sao? "Trác" là "cao". Nghiệp tướng đã khởi gọi là thành tựu, phẩm vị không thành gọi là bất lập, trong dụ cho nói như sông, v.v... nước định lặng lẽ chảy, không nước là "phỉ". Song như núi liền.

Trang Tử nói: Sóng trắng như núi. Trong văn Tuyền Hải Phú nói: Sóng như núi liền, ấm cảnh như sông lặng lẽ chảy, tu quán như gió đi, hoặc phát như sóng lớn, dù thân miệng như quăng buồm, mất nhất tâm như buông bánh lái, do đó buông bỏ đi thuyền phá hoại, như tâm là bánh lái quyết đoán chánh thân miệng là buồm thì thuyền chánh quán sẽ khỏi bại nghiệp, qua sông phiền não đến bờ Niết-bàn.

Kế nói trong mà có người quân, trong Đại luận giải thích bốn ma.

Hỏi: Chỗ nào giải thích phiền não là ma?

Đáp: Như trong kinh Tạp Bảo Tạng, Đức Phật nói bài kệ về ma rằng:

"Dục là quân đầu tiên của ông
Ưu sầu là thứ hai
Đói khát là quân thứ ba
Khát ái là thứ tư
Thứ năm là quân ngủ nghỉ,
Bố úy là thứ sáu
Nghi là quân thứ bảy
Ngậm độc là thứ tám
Thứ chín quân lợi dưỡng
Chấp danh quân lợi dưỡng
Chấp danh tiếng luống dối
Quân thứ mười tự cao
Khinh mạn người xuất gia
Các vị trời thế gian
Người không thể phá hoại
Ta dùng sức trí tuệ
Bẻ dẹp các quân ông
Ông tuy không muốn bỏ
Lợi ông không đến chỗ".

Nay phiền não khởi do ma làm duyên, do mười quân nầy ngăn

che người tu hành, không cho ra khỏi cho nên thuộc về cảnh ma, vì vậy chỗ khởi tuy là phiền não chẳng phải thuộc phiền não, chỉ gọi là mười quân, đều do ma lập nên nói ma quân. Dụ biển, v.v... dù không có hai ma trước năng kích động, dòng như tập chủng, phong như nghiệp lực hấp như ma quạt. Hấp: là nội dừng, nước tùy theo dừng nghỉ mà vào nên nói cấp thủy. Trong Đại luận quyển bảy chép: Năm trăm người đi buôn xuống biển lượm của báu, gặp phải cá Ma-kiệt vua mở miệng thuyền đi rất nhanh, người thuyền trưởng hỏi người trên lầu, có thấy gì không?

Đáp: Thấy ba ngày đến núi Đại Bạch, dòng nước đi nhanh như vào hầm lớn. Thuyền trưởng nói: ba ngày:

1- Suốt ngày

2- Mắt cá.

Núi bạch là răng cá, nước chảy là vào miệng cá, ta gặp rồi, lúc bấy giờ người trong thuyền đều xưng là việc, đều không có suy nghiệm, trong đó có Ưu-bà-bít bảo mọi người, chúng ta phải cùng xưng danh hiệu Phật, cá nầy đời trước có thọ năm giới, được trí túc mạng, nghe danh hiệu Phật, liền tự hối trách, cá lại ngậm miệng mọi người nghe theo, ma quạt như hút nước Ma-kiệt hoặc trong như dòng nước chảy, thân miệng tán thiện không thể ngăn chế, như không thể dùng sức chống cự chỉ quán tịch chiếu mới thông suốt được, như chuyên xưng danh hiệu Phật.

Kế bao gồm dùng lửa để dụ cho như ở văn ma nghiệp ở sau phân biệt chỉ bày cảnh xứ, tuy nêu bày chung ba pháp, nay chỉ có quán tập, kế nói pháp trị.

Ban đầu nói hai thừa Đại Tiểu pháp trị khác nhau; kế y cứ về bốn món để phán xét Đại Tiểu, văn đầu trước tiểu kế đại, ban đầu nói trong tiểu trước lược nêu bày; kế chỉ bày nơi chốn văn thiếu, đem năm môn thiền đối trị bốn phần, chỉ thiếu trị chướng đạo đồng, nên nay chỉ văn sau, tức trong nghiệp cảnh sáu tệ và chướng, v.v... ở đây, năm pháp như đối trị, v.v... đủ như trong Trợ đạo có ghi, nầy lại thêm không chuyển một thứ, đối trị sáu tệ ở đây so sánh với bốn phần, câu số nhiều ít y theo thuyết nên biết, nay trong đối trị nói mười hai, ở đây trong văn sau có mười pháp thành quán thứ bảy trong văn thứ bảy có giải thích đủ. Thật quán bất tịnh như trên trong pháp thứ bảy thuộc trợ đạo đối trị có nói, cũng như Hoa Thủ tuyển chọn Trưởng giả, giả tưởng như trở xuống là trong cảnh thiền có nói, nhưng chỗ phát kia nay có nói tu do nầy thành khác, các tâm từ, v.v... đủ như trong thiền cảnh.

Ban đầu bệnh không chuyển mà trụ chuyển, như cảnh bất tịnh chuyển thành thân tưởng, tức chỉ thân tưởng lấy đó làm tịnh, không đối

với thân khởi dục tưởng, tức là bất tịnh nầy mà sinh thân tưởng, gọi là từ quán, từ nếu chuyển thành quán bất tịnh, tức thấy phù thủng sưng lên hư hoại, bản thân không nên sân, huống chi khiến cho hư hoại, trong si tu nhân duyên thành trị, nếu không phá si, lại dùng tà tuệ suy nghĩ biên vô biên, độc đầu si tâm nầy phần nhiều bị chìm đắm, nên dụng tư duy, dùng làm đối trị, biên vô biên đây là vị lai trong sáu mươi hai có bốn câu, vốn là tà tuệ nay lại thành trị. Nếu dùng sổ tức không thể trị tán, nên suy nghĩ pháp tướng vô lậu xuất thế, duyên theo tạp cảnh tán loạn liền dứt, bốn món thuốc xen chuyển thành mười hai câu, chung chuyển thành chuyển, cũng gọi là đối, y theo trước nên biết.

Kế nói Đại thừa phi đối, v.v... chỉ có nghĩa bậc nhất, như thuốc A-dà-đà, nầy một phen đến đoạt tiểu để nói tướng trị, chưa nói đủ dụng các giáo xen nhau trị cho đến đối trị trị nhiếp pháp, v.v... ở sau tu quán trong môn thứ bảy. Nay nầy lại dùng nghĩa đệ nhất trị gọi là A-dà-đà trị, Đại thừa trị nầy đủ như văn trên tùy theo tự ý Trung quán tham dục, cho nên ở sau răn dè khéo lấy ý ấy. Nếu thất ý, đủ như lỗi thầy trò trong tùy tự ý.

Kế nói trong Tiểu thừa đa dụng trở xuống, do bốn món tất-đàn xếp trị. Trong Đại luận nói, các kinh thường dùng ba món tất-đàn, tức chỉ cho ba tạng kinh gọi là "dư", hoặc nói chung, Đại tiểu đều có bốn, nay xả chung theo riêng cho nên lại y theo luận, trong ấm nhập trước ý cũng như vậy, tuy là Thông giáo đủ, nhưng ở Thông giáo, Viên giáo, Tạng giáo, Biệt giáo ắt không có dụng nghĩa bậc nhất, mà thành trị, trong không vô sinh, chánh chỉ bày tướng vô sinh nghĩa bậc nhất, như trong mộng cứu lửa, năng sở đều không.

Kế tu Chỉ quán, từ đây vềsau hết cảnh Bồ-tát, quán pháp đồng với trước, nhưng đối cảnh có khác, tùy bệnh nói riêng, nay trước là nói mười quán; kế hội tên khác, mười pháp ở trước, trước suy nghĩ trong cảnh, súc sinh vô tàm làm gốc, nên khiến mất lệ độ, lễ độ ở người, nên thất lễ độ gọi là mất nhân chủng, cũng là xen tiếc với người khác, không muốn cảnh mình mà cũng không muốn người xâm phạm, cũng không muốn người xâm phạm cảnh dục của người khác. Quỷ do san tham làm gốc, lại do siểm nịnh nên xan tham của người khác. "Chậm hãm" là hãm hại người khác như chim độc. Trong kinh Quách Thú Sơn Hải và Quảng Nhã nói: Chim ấy thân có chất độc, lớn như chim ưng mầu xanh lục, cổ dài mỏ đỏ, dài bảy tám tấc nó ăn rắn, con trống gọi là "vận nhật", mái gọi là "ấm giải", do nó ăn hết đuổi nó ăn thì giết người, cho nên nói "hôn" là mê mờ, lúc mê mờ hành lễ nên gọi là hôn.

Trong sách Nhĩ Nhã nói: "Tế" gọi là "nhân", "phụ" gọi là hôn, "sính" là cưới.

Trong sách Châu Lễ nói: Mọi người đến nói là đem sinh lễ đến gọi là "sính", chữ "thiếu" là "thở điều thiết". "Sính" nghĩa là cầm khăn ngọc đến hỏi "tiết kiệm" là có lễ nghi. Trong sách Chu Lễ nói, quân tử cung kính có lễ nghi, người thấp hèn dục thô, như Nan-đà, v.v... Lại quán dục tâm quở trách bỏ, bỏ như bỏ trong dục cái, quở trách như quở trong dục, do quở bỏ cho nên phát được sơ tuy Nan-đà cao siêu còn chưa ra khỏi sắc. Lại nếu quán dục là ngăn che mà hạnh ở xả, cho đến si, lược nêu sáu món tệ chặng giữa ban đầu sau hai tệ. Kế trong không thể nghĩ bàn, trước chánh giải thích.

Kế là thứ bỏ các ý kinh để giải thích thành cảnh diệu.

Ban đầu chánh giải thích chặng giữa trước dẫn kinh lập cảnh.

Kế giải thích, trong giải thích ban đầu nói lược có tinh tấn hay không.

Kế dẫn trong kinh luận Tịnh Danh không dứt, v.v... giải thích không tùy, v.v...; kế dẫn không trụ, v.v... giải thích các bất đoạn.

Văn đầu chánh do Tịnh Danh chuyển giải thích vô hạnh, không dứt si nên khởi ba minh, si tức vô minh, vô minh tức minh, khác nhau với Nhị thừa đoạn vô minh khởi tiểu ba minh, không đoạn ái nên khởi tám giải thoát, ái tức là ràng buộc ràng buộc tức giải thoát, khác nhau với Nhị thừa dứt tham ái đã khởi tám giải thoát Tiểu thừa, ở minh ở giải thoát các pháp đầy đủ, cho nên khác nhau với phàm phu Nhị thừa, và trong giáo đạo các giáo Bồ-tát, kế dẫn không trụ, v.v... giải thích không dứtn, v.v... trước nêu câu.

Kế nói lý do vì sao ở sau giải thích, ban đầu giải thích ý kinh khai thành bốn câu; kế từ nay nói trở xuống là khai thành tám câu. Bốn câu đầu: Ban đầu giải thích kinh phân tích lỗi, kinh ấy vốn lập ý không thể nghĩ bàn, chánh vì hàng Bồ-tát phân tích cả thiện tà, kế lập cảnh diệu, nên phán phàm tiểu trụ lỗi ở câu thứ nhất, câu thứ hai. Kế từ không dứt phiền não trở xuống là phân tích tà ngụy, tức là trụ ở lỗi câu thứ ba, thứ tư, ban đầu phàm phu trở xuống phân tích trong phàm phu nói rất tội ác, rất là tranh cãi, cũng là lệ. "Lệ" là khác, như chó ra cửa mà thân uốn lượn, lệ đây là bi ngậm, chẳng phải ý nay "thuần". Trong Tự Lâm nói: Tánh hạnh điều hòa, chữ "thuận" là (dư luận thiết) cũng là âm tuần, Nhị thừa kế ở sau phân tích tiểu. A-la-hán ở sau nói lặp lại nói lỗi tiểu, hoặc ba cõi hết không hoặc có thể điều phục, nầy giải thích ý không điều hòa, khác nhau với Đại thừa bất sinh bất sinh, gọi là bất điều, do

dùng trí vụng về phân đoạn thông hoặc, chỗ thông hoặc hết phân minh không điều hòa, không điều nầy chánh gọi là điều, từ tiêu chủng bỏ lại phân tích lỗi tiểu, cho nên trong kinh Tịnh Danh nói, như rang mầm lúa, cũng như việc Ca-diếp thấy các Bồ-tát không thể nghĩ bàn, bèn hạ mình nói, chúng tôi ở đây như bại chủng, Bồ-tát ở sau nêu cao siêu so sánh liệt để diện ở đấc.

Ban đầu song lập; sắc song giải thích, trong giải thích trước giải thích có năm, nói như hoa mọc trong, v.v...

Trong kinh nói: Ở cao nguyên lục địa không mọc hoa sen, thấp ướt bùn đọng có mọc hoa nầy, nên biết Niết-bàn cao nguyên không mọc hoa đại bi Bồ-tát, trong bùn sinh tử có thắng dụng Bồ-tát lợi tha, tuy ở trong sinh tử mà sinh tử không nhiễm, lương y dụ cho rất đồng.

Lại hoa dụ cho thân luận Bồ-tát, thầy thuốc dụ cho ý luân Bồ-tát, cũng có thể đều dụ cho ba luân của Bồ-tát.

Nên trong Đại luận nói: Phật như thầy thuốc giỏi kinh dạy như phương thuốc, Tăng như người khám bệnh, nên biết đến Phật mới gọi là Đại y vương (thầy thuốc giỏi).

Lại nói Bồ-tát hóa sinh tuy thấy các thứ phiền não của chúng sinh mà không chịu giáo hóa, lại sân Bồ-tát lúc bấy giờ cũng là Đại y vương trị bệnh cho người, người bệnh mắng trở lại, Đại y vương không trách người bệnh đồng sân giận liền biết người ấy là quỷ sai khiến, Bồ-tát cũng vậy, biết các chúng sinh bị quỷ phiền não sai sử.

Kế giải thích trong không có vị, nói như chim bay giữa hư không, Đại Bồ-tát dứt hoặc nhập không mà chẳng trụ hư không, phải xuất giả lợi ích chúng sinh.

Ban đầu dụ cho bùn lắng, là dụ cho khổ mà không bị ô nhiễm; kế dụ cho trị bệnh, dụ cho tập không thể ô nhiễm, sau dụ cho chim bay không chấp diệt đạo, trong văn tuy so sánh xuất giả Bồ-tát ý chánh là thành cảnh không thể nghĩ bàn, tức thành xuất giả dụng không thể nghĩ bàn, cho nên Bồ-tát khác với nhị biên, chánh hiển bày cảnh mầu Trung đạo chân thường, trước dẫn kinh Tịnh Danh, văn đầu nói không dứt si ái khởi nói giải thoát, phải biết văn nầy y cứ theo về vô tác để nói ứng chân tự tại của Bồ-tát, không dứt phiền não, ở sau phân tích tà ngụy.

Ban đầu chánh phân tích không trụ lỗi câu thứ ba thứ tư, ở chặng giữa ban đầu chánh nói lỗi của câu thứ ba, thứ tư.

Kế lặp lại nói lỗi câu thứ tư; ban đầu nói câu thứ ba thứ tư, trước nêu ra tướng bị mê; kê do kết trước bao gồm lỗi sau sinh; kế nay đời mạt pháp người si phân tích lỗi khắc chân thật thái quá. Trong Đại kinh

thứ mười nói:

Này người thiện nam: Thí như có người ăn trái Yêm-la, nhổ hột xuống đất, mà lại nghĩ rằng: Hột nầy vị ngọt, rồi lại lấy nếm, vị ấy rất đắng, tâm sinh hối hận, sợ mất giống trái, lại lượm hột trồng dưới đất, siêng năng chăm sóc, dùng bơ dầu sữa lạc, tùy thời tưới bón, có thể sống được không? Dạ không bạch Đức Thế tôn, dù chotrời mưa cam lồ Vô thượng cũng còn không sinh, không sinh gọi là nhất-xiển, người nếm thử vị người si đời sau cũng giống như vậy, nghe không dừng cho là điều trái, nói song phi đây là không ngại song trụ, cho là vô ngại, lại trái với hạnh hai bên ở vô ngại, trái mất pháp điều phục như mất vị ngọt, trái pháp không điều phục, như mất giống trái. Bồ-tát không như vậy, vì được minh thuyết, nên nói song phi, song chiếu hai bên giáo hóa lợi ích không cùng, nên nói song trụ, nên biết người si chỉ trái với phương tiện điều phục hoặc của Đức Như lai, gọi là Tám trụ điều, dầu ở trong sinh tử mà không trụ quán sát, gọi là không trụ không điều, nên biết hai hạng người nầy đều mất, mất câu thứ tư, nói không ngại ở điều không điều, nghe vê song phi nghĩa không ngại song trụ, làm nhiều việc phi pháp, nên biết tức là lỗi câu thứ ba, đây là ở sau dùng dụ cho kết lỗi, phân tích vô ngại ác không ở trước.

Hám viêm thái quá: Ở đây Thổ Tề Linh Công Thần nấu nước biển thành muối, xứ ấy có đã lâu, nói không biết phải là bắt đầu có muối, hoặc là giả thiết làm dụ cho, nên trong Đại luận quyển mười tám chép: Như ruộng nhà người ban đầu không biết muối, thấy người và các thứ rau thịt mà điều gọi là muối.

Hỏi người khác rằng: Vì sao?

Đáp: Muối nầy có thể khiến cho các mùi vị ngon, người đây lài nghĩ: muối làm cho các mùi vị đều ngon, có lẽ mùi vị rất nhiều, lại đồ vào đầy thức ăn, chua đắng làm tổn thương miệng, mà lấy làm lạ nói khác. Vì sao ông nói muối làm cho ngon, người khác là nói, người si, nầy sẽ so lường nhiều ít hòa hợp lại khiến cho ngon, vì sao ăn hết được, người vô tác nghe môn không, giải thoát, không thực hành các công đức chỉ muốn đắc không, đây là tà kiến dứt các gốc lành, hoặc giải không Tam-muội, thì biết các nghĩa, không trái bỏ nhau, có thể biết việc đây là là năng lực Bát-nhã, nếu được nhập Bát-nhã tất cả pháp đều không có tà kiến. Lại luận quyển chín mươi chín nói, thí như có người ăn tương thái quá, thì như không thực hành năm độ, chỉ thực hành Bát-nhã, có dục chấp nên sinh tà kiến, không thể tăng thêm tất cả pháp lành, nên dùng năm độ hòa hợp với công đức, đầy đủ nghĩa vị, mới gọi là vô ngại,

nay văn mất đối với các ý song phi, nghĩa cũng đồng, phải biết người tu hành thất ý đối với vô ngại, chẳng những lỗi với vị ở trong các pháp, mà còn tổn thương với cửa thường trụ, như tham muối tương bị lỗi vị tổn thân. Trong kinh nói ở sau dẫn chứng, ban đầu dẫn lỗi vô hạnh chứng minh với trái pháp.

Kế dẫn trong Đại kinh do chẳng phải tu vãng suy nghiệm, người nầy ở sau phân tích chung, lại có người tu hành ở sau lặp lại nói luận người trong câu thứ tư, không trụ điều phục, cùng không điều phục mong cầu Trung đạo, tuy cầu Trung đạo mà nầy chỉ thành trụ ở câu thứ hai, cho nên gọi là thất.

Kế là phương Bắc ở sau kết phương Bắc đều đủ lỗi ba bốn câu, trong văn tuy kết thành trụ câu thứ nhất thứ hai, lỗi nầy vốn từ câu thứ ba, thứ tư sinh. Lại sơ học Trung quán ở sau kết tương lỗi.

Ban đầu kết song trụ tức thành lỗi, trong tất cả kinh luận không nói, tâm ban đầu dứt bỏ tham dục. Lại nói tu trung phi viên phi tiệm, cho nên trái nhau huống chi ở sau hạnh buông lung vô ngại, nhà Chu ở sau dẫn việc làm suy nghiệm, như trước tùy tự trong ý dẫn Vũ Văn Ung, v.v... đều lỗi câu thứ tư, cũng là trụ không điều và trụ điều, là lỗi trụ song trụ, sơ học Trung quán dứt bỏ tham dục tợ trụ ở điều, trụ điều càng không buông tâm làm điều ác, gọi là trụ không điều, người nầy chấp trung dùng làm bất trụ điều và không điều, sau lại buông tâm thành trụ bất điều, và thành trụ trước, ở lỗi điều, không điều đâu có liên quan với không trụ. Chánh phân tích lỗi song phi, nầy gọi là đại ngại, v.v... phân tích lỗi câu thứ ba thứ tư vô ngại ở trước, nầy đều mất ý kinh Tịnh Danh Vô Hành, như vậy ở sau chung kết bốn câu văn trước, lại thành trụ lỗi câu thứ hai, nên nói không điều phục, cho nên đều lỗi ý không thể nghĩ bàn, từ nay nói ở sau rộng khai tám câu nhiếp tất cả pháp thành không thể nghĩ bàn, trước nêu bày hai bốn câu, vì sao ở sau giải thích. Trước giải thích bốn câu bất trụ, hai câu đầu rất dễ hiểu. Kế câu thứ ba nói tức trung nên không trụ hai cũng như vậy, cả hai cũng tức là Trung đạo song chiếu, song phi tức là Trung đạo song giá, do song chiếu nên không trụ song phi, do vì song phi nên không trụ song chiếu, tóm lại, chỉ là phi một, hai, ba.

Kế tuy không trụ ở sau nói trụ bốn câu và bốn câu không trụ nhập tức nhau, trụ trong không trụ mỗi câu chỉ nêu hai câu đầu, các chấp có hai, theo văn đủ nghĩa, cũng nên lại giải thích bốn câu trụ rồi mới cùng bốn câu bất trụ nhập nhau tức nhau, là tránh văn rườm rà nên lại nói tức nhau, theo nghĩa bất trụ giải thích bốn câu trụ, tức không nên trụ điều

phục tức giả, nên trụ bất điều phục song phi nên trụ câu thứ ba, song chiếu nên trụ câu thứ tư.

Hỏi: Trụ và bất trụ đều có hai câu thứ ba, thứ tư đều là già chiếu hai văn khác nhau thế nào? Bất trụ là bất trụ giá chiếu, trong trụ là trụ ở giá chiếu, tuy có trụ và bất trụ đều là thểdụng Trung đạo, trụ là dụng Trung đạo, bất trụ là thể Trung đạo, nếu theo ý nầy cũng phải hỏi lại, trụ và bất trụ đều có thứ nhất thứ hai, cùng thứ ba, thứ tư đâu có khác nhau, nên nói hai câu ban đầu nói riêng trụ và bất trụ, ba bốn đều nói trụ và bất trụ, nầy vẫn phân biệt so sánh nên thực hành thuyết nầy. Hoặc trong Nói chung, tám câu đều là thể dụng của Trung đạo, do bên tức Trung, nên có hai lớp ba bốn câu, vì Trung tức bên, nên có hai lớp hai hai câu đầu, đã quán tham dục tức là tám câu phải biết tham dục tức là pháp giới, vì sao ở sau giải thích pháp giới. Dụng kế sau nầy kết tham dục khắp tất cả pháp tùy theo sở thuộc ấy, hoặc lại đối với câu tức nhau nầy, ở sau thực hành thuyết tùy nghi nầy thời thuận theo phương tiện ý giáo và pháp mê, đều làm tám câu nhiếp hết, y theo đây mà nói thì được gọi là Tự tại thuyết, nên biết y theo cảnh diệu quán mới có thể cùng kiếp không nói ra ở đây, thể đạt như vậy, v.v... có thể nương giải thích tướng được mất trụ bất trụ, ở giữa và trước mắc lỗi kế, ban đầu nói được ở trước nói phần lợi ích để giải thích đắc, ở giữa lại trước nói trụ, bất trụ được lợi ích.

Kế là thế nào giải thích ở sau. Trong văn dẫn Hòa Tu Mật đủ như trong quyển hai, bốn câu trụ nầy đều nói là lợi ích, do mỗi câu đều có đủ các câu, tuy lại hoặc nói trụ điều cho đến quán chung, vì trong mỗi câu đều không thể nghĩ bàn, cho nên đều lợi ích, cũng nên lại nói bất trụ điều, v.v... không ở đâu là không được lợi ích, không có văn là lược. Như hỷ căn kế ở sau nói lợi ích xa. Trong Đại luận thứ bảy giải thích khéo vụng về trong hai độ, là căn cơ là vụng về, thuyền vuông là khéo léo. Vụng về là Thinh văn "khéo léo" là Bồ-tát, như ngài Văn-thù bạch Phật: Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp có Đức Phật hiệu là Sư Tử Âm Vương, và các chúng sinh thọ mười muôn ức na-do-tha tuổi, dùng Ba thừa giáo hóa chúng sanh, người, cây báu thường phát ra âm thanh bất sinh bất diệt, người nghe đắc đạo, các chúng Bồ-tát đều được pháp nhẫn Vô sinh, Đà-la-ni Tam-muội, người mới nhập đạo không thể xưng tánh, sau khi Phật nhập Niết-bàn cây không phát ra âm thanh nữa. Lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-kheo:

1- Tên là Hỷ Căn
2- Tên Thắng Ý.

Hỷ Căn dung nghi ngay thẳng không bỏ thế pháp, cũng không phân biệt pháp thiện, pháp ác, đệ tử Hỷ Căn thông minh ưa nghe nghĩa sâu xa, thầy ông chẳng khen, ít muốn, giữ giới, thực hành đầu-đà, chỉ nói thật tướng các pháp, bảo đệ tử rằng: Tướng si của dâm dục tức là thật tướng, không có ngăn ngại, đó là phương tiện ở trong mọi người, không sân không hối, được vô sinh nhẫn, ở trong ý pháp bất động như núi.

Thắng Ý trì giới, hành hạnh Đầu-đà tu Tứ thiền, đệ tử độn căn cầu nhiều phân biệt. Vào lúc khác Thắng Ý đến nhà đệ tử Hỷ Căn, khen nói trì giới, hành hạnh Đầu-đà vắng lặng chê bai Hỷ Căn, người nầy dạy người khác ở trong tà kiến nói dâm nộ si không ngăn ngại, là người tạp hạnh chẳng phải thuần thanh tịnh, mà là đệ tử đã được đắc pháp nhẫn.

Hỏi Thắng Ý rằng: Thưa Đại đức! pháp dâm dục đây là những gì?

Đáp: Là phiền não.

Lại hỏi: Ở trong hay ở ngoài?

Đáp: Phiền não nầy không ở trong không ở ngoài, hoặc ở trong, không nên đội duyên, hoặc ở ngoài là ở vô sự của ta.

Ở đây nói: Nếu thế phiền não chẳng phải ở trong chẳng ở ngoài, chẳng phải ở mười phương, tìm không thật có, tức không sinh diệt, làm sao có thể gây ra phiền não ư?

Thắng Ý nghe rồi tâm mình không vui, không thể nói thêm, liền đứng dậy nói: Hỷ Căn làm mê hoặc mọi người, khiến chấp tà kiến, Thắng Ý chưa được âm thanh Đà-la-ni, nghe Phật nói liền thích nghe, bên ngoài nói thì sân, nghe ba điều lành thì vui, nghe ba việc ác thì sân, từ nhà cư sĩ đến trong rừng, đến Tinh xá bảo các Tỳ-kheo, phải biết Hỷ Căn làm mê hoặc mọi người đi vào tà kiến, người nói dâm dục là pháp vô ngại. Lúc này, Hỷ Căn nghĩ rằng: Người nầy đại sân, nghiệp ác che giấu phải đọa vào đại tội, nay ta phải nói cho ông nghe pháp sâu xa làm nhân đời sau, liền nhóm họp chúng tăng, đồng thời nói kệ:

"Dâm dục tức là đạo
Sân si cũng như vậy".

Hơn bảy mươi hàng kệ, ba muôn vị trời được Vô sinh nhẫn, tám ngàn Thinh văn đều được giải thoát. Thắng Ý tức thời hiện đời rơi vào địa ngục, chịu khổ ngàn muôn ức năm, khi ra sinh vào loài người bị bảy mươi bốn muôn đời thường bị chê bai, trong vô lượng kiếp không nghe danh hiệu Phật, tội nầy lần lần mỏng, được nghe Phật pháp, xuất gia hành đạo mà lại xả giới, như vậy sáu muôn hai ngàn đời thường xả giới

trong vô lượng đời làm Sa-môn tuy không xả giới mà các căn tối tăm. Bồ-tát Hỷ Căn nay ở Phương Đông, qua mười muôn ức cõi Phật thành Phật, hiệu là Bảo Nghiêm, Phật hiệu là Quang Du Nhật Nguyệt, Thắng Ý lúc bấy giờ, tức là thân ta ngày nay.

Văn-thù bạch Phật, có người cầu đạo Ba thừa không nên chấp tướng, mà ôm lòng tức giận.

Phật hỏi ngài Văn-thù, ông nghe các bài kệ được những lợi gì?

Đáp: Tôi nghe các bài kệ được lìa các điều ác, đời đời lợi căn, được các pháp căn bản, khéo nói các pháp, đối với pháp Bồ-tát được bậc nhất, khéo quán hạ kết được tướng lợi ích. Cận nghĩa là cư sĩ nghe Hỷ Căn nói được Vô sinh nhẫn. Viện nghĩa là Thắng Ý, trải qua lâu mới được lợi ích, được lợi ích không ra ngoài tướng tám câu. Nếu không trái lại ở sau dùng lỗi kết đắc, tự hành phải nương cảnh mầu, dạy người ắt vị ở pháp thân, mới có thể xưng thể dùng tám câu, nếu một niệm, v.v... là chánh nói tám câu thành cảnh không thể nghĩ bàn. Pháp trước dụ kế, trong dụ nói: Bóng cây trong tối, v.v... ban đầu dụ cho lý tánh trong tối có sáng, ba dụ cho thần châu Trung đạo trí quang, ba ý nầy nói sáng tối không hai, để thành cảnh không thể nghĩ bàn. Ý văn đầu, trong Đại kinh thứ hai giải thích thường trụ ba bảo trong đó nói: Thí như do cây mà có bóng sinh, nếu có ba bảo thì có quy y. Ngài Ca-diếp gạn rằng: Trong tối có bóng mà không có bóng.

Đức Phật nói: cây trong tối chẳng phải không có bóng nhưng chẳng phải nhục nhãn thấy được, trí nhãn của Đức Như lai mới thấy được.

Ban đầu, Phật lập dụ rằng: Nếu có cây thì có bóng, nếu có ba bảo thì có quy y. Ca-diếp gạn là cây trong tối không có bóng, lẽ ra có ba bảo mà không có quy y. Đức Phật lại đáp rằng: Cây trong tối có bóng, phải biết ba bảo có quy y. Nay nói hễ chỗ nào có cây thì chướng ánh sáng, nếu chướng ánh sáng thì có bóng, những chẳng phải nhục nhãn thấy được, như trong vô minh có pháp tánh sáng, nhưng chẳng phải bốn thứ nhãn thấy được, cho nên thể phiền não vốn không thể nghĩ bàn, những chẳng phải chỗ thiên tiểu thấy được, nay chỉ bày phiền não tức là pháp tánh nên biết thể của tối và sáng không hai, cho nên gọi là cảnh không thể nghĩ bàn. Trí chướng ở sau nói trong sáng có tối, thể trí của hai trí, tuy nói sáng, mà thể là vô minh, nên biết thể sáng và tối không hai cho nên gọi là cảnh không thể nghĩ bàn, cũng như kế ở sau làm trí chướng ban đầu làm dụ cho đèn, đèn như trí chướng, tối như vô minh, như vậy ở sau quán tánh sáng tối, trước dụ, kế hợp, trong dụ trước lập, vì sao ở sau

giải thích. Ý trong giải thích thể tối tức sáng, thể sáng tức tối, là chỉ trí chướng tức là vô minh, trong nghĩa nói tối đến, mà tối thật không đến, chỉ là hai trí tức là vô minh nên nói đèn bít, cũng chỉ hai trí năng phá hai hoặc. Trong nghĩa nói tối đi mà tối thật không đi, tự tìm tối mà không có tôi đi, chánh dụ cho dụng trí mà khởi chiếu, chiếu ở sáng tối, từ tuy không bỏ hợp, trong hợp trước chánh hợp. Thể tuy không hai, cái đâu rõ ràng, phá nghĩa là phá tối, nghĩa là che sáng. Không thọ, v.v... trùng lặp hiển bày hình tướng cảnh mầu.

Ban đầu không thọ, v.v... trước là nêu bày bốn câu, kế mới khởi ở sau giải thích, trung trí là tân, vô minh là cựu, lý tánh là trong các pháp là ngoài, nếu dùng mười hai nhân duyên căn trần làm tân cựu, tự là ý các ba tạng Thông giáo, nếu từ đèn thế trí bỏ, lại dùng thần châu dụ hiển bày trung trí, trung trí thường sáng, không đồng hai trí, gồm sáng gồm tối, bắt đầu từ bóng cây cuối đến thần châu, do thức trí chướng và dụ đèn, nên thể trí sáng trong thức không hai, tức chỉ phiền não, dùng làm cảnh diệu, nên chung kết nói: Quán cái tối của phiền não tức cái sáng của Đại trí, hiển bày cực quả của Phật vô minh hết hẳn, mới gọi là bất lai, theo trên, v.v... thì âm cảnh không khác với vô minh, như vậy khi quán ở sau hai minh phát tâm, lại y theó phiền não dùng làm sáng tối, y theo sự sáng tối nầy mà khởi hoằng thệ, y theo sáng khởi từ, y theo tối khởi bi, tức y theo tứ đế vô tác đủ phát bốn hoằng thệ, nên nói chung khởi, đủ như ấm cảnh, thành đủ kế ở sau nói an tâm. Trước nương thứ lớp ba môn chỉ quán, kế khéo léo ở sau chỉ bày tướng chung riêng an tâm, như năm trăm mười hai lần ở trước, để nói nhất tâm, nhãn trí thành tựu, nếu nhãn trí chưa khai.

Kế nói phá khắp, y theo văn trước chỉ thiếu trao thuốc và ba món giả trung vô minh pháp tánh, chỉ là văn lược, ở ngay không trung, sau nói thông bít.

Nói phiên cấu thông khởi bít, nên nói phiên cấu, đây thì chính là tướng riêng của thông bít.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 8
(PHẦN 2)

Lại quán kế ở sau nói đạo phẩm, văn tướng đã lược, lại kết tươi khô cho đến ba thoát, hoặc ngăn chướng, kế ở sau nói đối trị ý, chỉ nêu bày việc trị không rảnh ở tướng hợp hạnh, ngoài tham dục, v.v... có mười hai trị, văn trước đã chỉ bày tức văn nầy, bốn phần đều có ba nên thành mười hai.

Kế giải thích trong văn, quán ở thân khác thành chín tưởng, nên trị tham bên ngoài. Bối xả trước quán xương tự thân tiêu hao, cho nên trong năng trị, thắng xứ nhân ở xương của tự thân mình, quán thành tiệm kiến y chánh mười phương, cho nên năng trị tham dục của tự tha, trái pháp sân và sân thuận lý người khác, nên quán chúng sinh khởi tưởng thân mình, thuận pháp sân là sân trái lý người khác, sự tuy thuận lý nhưng sân trái quán tâm, nên quán các pháp và chúng sinh không, cho đến Niết-bàn cũng không thật có. Hý luận sinh, khắp ở các pháp mà chấp tánh thật, hoặc chấp quyền phá thật, hoặc chấp thật phá quyền.

Như trong Tịnh Danh nói: Nếu nói ngã phải thấy khổ đoạn tập, nầy thời hý luận chẳng phải cầu pháp. Người Nhị thừa chấp quyền còn thành hý luận, huống chi nay phàm phu tranh chấp đúng sai, phải quán pháp tánh không quyền không thật, dứt bặt các tên gọi, hai đời ba đời nói đủ như trong quyển bảy. Nói một niệm là chẳng phải nói cực ngắn trong một sát-na, nghĩa là nghiệp thiện ác thành gọi là nhất niệm, khác với tướng hai đời ba đời trói buộc, nên gọi là nhất niệm, đều là vô thường nên không có tánh thật, có đủ như trong thứ lớp pháp giới có giải thích, danh nghĩa trong Câu-xá, Bà-sa lựa bớt luận, có đủ bốn thứ mười hai nhân duyên;

1- Sát-na

2- Liên phước

3- Phân vị

4- Gần xa.

Ba thứ sau chỉ là nhân duyên ba đời để y cứ năng thuận sinh các thọ sau nên khai thành ba, trong luận vẫn thiếu nhân duyên hai đời.

Trong Đại luận hỏi: Phật nói nhân duyên rất khó hiểu, làm sao khiến người si quán sát ư?

Đáp: Chẳng phải trâu, v.v... khiến quán nhân duyên, cầu thật đạo sinh ra tà kiến gọi là người si, ở trong chưa khai kế sau nói trong vị kế.

Nói: "Thử tức", v.v... là không thấu suốt đế lý lầm nói tức danh, sao lấy làm lạ chuột làm tiếng ri rỉ ngay tiếng là không có ý chỉ lẫn lộn vối sinh tử tức là Niết-bàn, cũng như chim lạ phát tiếng giữa hư không đâu được lẫn lộn đồng với trùng lặp không Tam-muội, nên ở sau hợp lại nói, cho nên thành quái "thao", là tham, hoặc trong ngoài ở sau an nhẫn, được là ở sau lìa ái, dùng xe lớn làm dụ cho như ở văn, sau bỏ mười pháp đều dụ cho xe lớn, đâu thể không tin Pháp Hoa là diệu thừa. Kế là sinh ở sau kết tất cả các pháp không ngoài mười thừa, cho nên dùng mười thừa kết nhiếp chung chỉ bày, cũng gọi, v.v... hội với phiền não mười thừa quán pháp ở trước, tên khác khiến đồng, trước quán phiền não tức là pháp giới, cũng gọi là hạnh ở phi đạo cho đến bất đoạn mà nhập Niết-bàn v.v... tức là hội tên khác của mười quán trước, nói rộng trở xuống nói rộng tên khác, gồm có ba lần ba mươi sáu câu, ba mươi sáu câu đầu đã nói Niết-bàn, Niết-bàn tức là đức ở giải thoát, nầy khai ngài Tịnh Danh không dứt phiền não mà nhập một câu Niết-bàn, thành ba mươi sáu câu, ở đâyhiểu khác văn y theo ý Đại luận, trong Đại luận nói: nếu pháp quán Bát-nhã cùng Niết-bàn của Phật, là ba thì một tướng, thật ra không khác, tuy là không khác, nhưng không khác mà khác, trong đây lại thuộc về đức giải thoát. Nay ban đầu nêu chỉ nói ba mươi sáu, lại từ một thứ căn bản mà nói, theo ban đầu nêu văn, tức là xuất nhập đều làm căn bản, cho nên căn bản ban đầu chỉ làm tên nhập, cho đến ra khỏi Niết-bàn mười sáu câu đầu, tức tự nêu bày nêu ra bốn câu căn bản, do đó ở sau kết nói, nếu đều lập hai bốn câu căn bản thì thành bốn mươi câu.

Hỏi: Vì sao lập hai bốn câu căn bản?

Đáp: Nơi phát sinh đều có khác nhau, lại có thể chỉ là khai hợp khác.

Khai: Tức là xuất nhập đều có bốn, hợp cùng làm một với căn bản, tức dùng xuất nhập xen nhau thành bốn, như nói đoạn nhập, không đoạn nhập, đoạn xuất hai căn bốn câu, ở hai câu nhập lại thêm câu thứ

hai thứ ba, ở hai câu xuất cũng thêm câu thứ ba, thứ tư, cho nên có ba mươi sáu và ba mươi khác nhau, song căn bản có bốn không cần chuẩn bị giải thích, đến sau giải thích văn hai câu căn bản đều ở trong nhập xuất hai cái mười sáu câu, nên biết thật cú chỉ có ba mươi hai.

Hỏi: Căn bản đều ở trong mười sáu câu, câu nào đúng?

Đáp: Đồng tức là đúng, văn nêu ở đầu bốn câu, nay cũng giải thích sơ lược.

Kế trong giải thích riêng tìm kỹ các câu, văn rất rõ ràng không phiền phải giải thích. Nay y cứ văn tướng hơi ẩn, lược là nêu ra tướng trạng ấy. Trong bốn câu đầu đều dùng phàm phu ràng buộc gọi là bất đoạn, bốn câu thứ hai bỏ đều y theo thể chiếu, gọi là bất đoạn, trong bốn câu thứ hai, vừa đoạn vừa bất đoạn, nghĩa phải gồm cả hai.

1- Phân tích pháp gọi là đoạn, thể gọi là bất đoạn.

2- Đã là người học đã đoạn gọi là đoạn, còn các tên không đoạn.

Nói nhập là hoặc chưa hết phần được hữu dư, cũng gọi là nhập, cũng có thể nên nói phân tích thể vô học, sợ văn lầm, phi đoạn phi bất đoạn, lý thể song phi tánh ấy thầm chân, được gọi là nhập. Trong bốn câu, câu thứ nhất không được y theo trước làm cả hai đều giải thích, tức là lẽ ra trước sẽ vừa đoạn vừa không đoạn, là phân tích thể xong.

Kế đem hoặc đã dứt gọi là vừa nhập, các nghĩa chưa hết gọi là vừa không nhập, là câu khác nêu bày ở đây nên biết. Trong bốn câu thứ tư, câu thứ tư nghĩa cũng gồm cả hai, nêu bày trong bốn câu thứ hai, trước gồm hai nghĩa giải thích, mười sáu câu nầy phàm nói nhập, ý đều ở từ giả nhập vào không là so sánh khiến thành mười sáu câu, do phàm phu ngoại đạo làm bốn câu thứ nhất, nên bốn câu đầu đều là quán không sở quán sở phá, mười sáu câu sau đều nói xuất, đều từ không nhập giả gọi là xuất, cũng thành mười sáu câu, so sánh nhập không mà nói, không giả nầy chánh ở tạng thông, nhưng nghĩa bao gồm ở Biệt Viên, như ở sau hỏi đáp trong phân biệt đủ nêu ra ý kia, lại mười sáu câu trước câu bốn căn bản ban đầu, tùy đều dùng nghĩa, mà gồm so sánh xong.

Đến sau, trong giải thích lại thuộc đối là chỉ bày tướng đồng nên so sánh trùng lập, trong xuất nêu bày nhập lẽ ra cũng nêu bày trước là vì biết đồng, nên chỉ thẳng nêu bày bốn câu căn bản, mà không giải thích tướng.

Kế nói xuất, trong bốn câu thứ nhất, câu thứ ba, đây là trung căn xuất giả Bồ-tát, phân đoạn phiền não cũng gọi là bất xuất, lại có thể xuất giả gọi là cũng xuất, nếu người hạ căn dứt hết kiến tư mới được xuất giả, thời không nên nói vừa xuất vừa không xuất.

Câu đầu trong bốn câu thứ hai. Ban đầu ở Vườn Nai đã nhập vô học, không nhập Niết-bàn mà thường giúp Phật, cho đến trong Phương Đẳng và Bát-nhã, cũng được nghĩa rằng Nhị thừa xuất giả, trong bốn câu thứ ba, câu đầu đây là thể môn gồm dụng phân tích, phân tích cũng là đoạn, thể là bất đoạn, lúc đầu nhập không gọi là vừa bất xuất, sau ắt xuất giả gọi là vừa xuất, chẳng phải nói chánh dùng ba tạng phân tích pháp, nên đều nói là bao gồm, người Nhị thừa cũng vậy dùng thể bao gồm phân tích, trong câu thứ ba có phân tích có thể, nên nói vừa đoạn vừa không đoạn, đều là người Nhị thừa nên nói bất xuất, trong bốn câu thứ tư, hễ nói lý, tức là song phi, câu đầu nên nói phân tích thể chân lý, nói thể pháp chỉ là nói lược, ba câu sau đều nên nói lý, nói lý thể pháp Bồ-tát xuất giả, do xuất giả nên gọi là xuất, khi xuất giả đã có chân lý, dù là thượng căn cũng duyên lý trước, câu thứ ba, thứ tư là nói theo câu thứ hai.

Kế hỏi đáp trong phân biệt, nói thể pháp ý thông chung ba giáo nên so sánh phân tích thành bốn. Lại nói: Lại y phân biệt theo Biệt viên bốn môn, bốn môn như văn, nên nghĩa trong văn trước ở Tạng Thông nên lại so sánh hai giáo sau, hoặc lại y theo trước làm các tên phân tích thể nhập không xuất giả thầm chân, nêu ý Viên giáo nghĩa cũng nên như vậy, chỉ là biệt giới ngoại không giả, và thần với lý Trung đạo không thể nghĩ bàn, do nầy mà thành khác, văn dùng bốn môn Biệt viên, trong mỗi môn có bốn môn bốn tất, tùy theo tướng mạo ấy không đâu mà không có khác nhau.

Ban đầu nói nhập trong bốn câu căn bản, đã dùng Biệt viên cộng thành bốn môn, cho nên trong bốn môn nói bất đoạn, giới ngoài thể viên thể hoặc tánh không, nghĩa phải không môn, không vô sở đoạn cũng lại không nhập, nói đoạn nhập là giới ngoại phân tích pháp, thứ lớp dứt hoặc, đã có nghĩa sở đoạn thì phải có môn, có sở đoạn cho nên gọi là có nhập, môn thứ ba gồm dùng phân tích thể, môn thứ tư là phân tích lý thể, kế mỗi câu ở sau nói bốn môn khai thành mười sáu, lại do trong mỗi môn đều có đủ bốn nghĩa đoạn, lại dùng bốn nghĩa thuận theo bốn tất, do mười sáu tất thành mười sáu câu, như trong không môn, tuy thể thông suốt hoặc, gọi là bất đoạn, thế giới đã không sinh thiện diệt ác đến thấy lý, nên gọi là bất nhập, ba tất ở sau bất đoạn như trên, nếu là người trung thiện đã sinh, hoặc trong đối trị y theo trị về bệnh biên, gọi là nhập, không so sánh với bệnh nên gọi là bất nhập. Trong nghĩa bậc nhất lý tánh không đúng nhập và không nhập, còn ba môn, môn ấy tuy khác so sánh với bốn món tất nghĩa ấy chẳng khác.

Kế lại ở sau, để bốn món tất ở trong mỗi môn lại khai ra bốn môn, dùng mười sáu môn làm mười sáu câu, tức dùng không, v.v... so sánh bất nhập, v.v... đầy đủ như trong căn bản ở trước có nói, câu căn bản kia tuy gọi là không, vì không, v.v... trong đó lại có không, v.v... bốn nghĩa khác nhau, cho nên dùng sở khai không, v.v... bốn nghĩa cũng có thể so sánh với bốn nghĩa bất đoạn, v.v..., cho nên phân tích thể của hai giáo đều đủ ở nhập bất nhập, v.v... bốn nghĩa khác nhau. Nhập nghĩa là đến lý ắt như. Bất nhập nghĩa là lý vô sở nhập, câu thứ ba dùng lý nghĩa song chiếu, câu thứ tư lại dùng lý là song phi, song nầy cùng bất tức dùng thể phân tích, đều dùng đức làm Niết-bàn. Đã nói xuất là vì khởi dụng, nói nhập là khế hợp với lý, đoạn và bất đoạn nghĩa đồng với trước, một môn đã vậy ba môn cũng vậy, trong xuất tuy tức nhưng so sánh bốn môn, y theo nêu bày cũng phải so sánh bốn tất, chỉ là văn lược, kế nầy thì ở sau lại dùng Biệt Viên, gồm chung thông tạng, do thể xuống nhập phân tích tên đồng, nên suy nghĩ kỹ không thể ghi nhớ đủ.

Kế nói ba mươi sáu câu Bát-nhã, v.v... tuy nhân Niết-bàn y theo luận vấn khởi?

Đáp: Trong đây cũng ngay nơi đồng là khác thuộc Đức Bát-nhã.

Nói sinh, v.v... ở Đây y theo Đại phẩm chiếu nói phẩm trung, ngài Xá-lợi-phất hỏi Phật, vì sao là phải Bát-nhã Ba-la-mật?

Đức Phật đáp: Sắc không sinh Bát-nhã sinh, cho đến trí Nhất thiết chủng sinh Bát-nhã sinh, tuy trải qua các pháp, chỉ thành một câu, nay y theo câu nầy khai thành ba mươi sáu câu trong kinh từ sắc tâm cho nên chủng trí là thuộc về ý kinh, không thể bỏ qua mà chỉ nói các pháp, các pháp đã xa Bát-nhã thông sâu, nên y theo ba trí để giải thích Bát-nhã, cũng y theo ba đế, để giải thích các pháp, nếu làm cùng tên trước khác mà nghĩa đồng, các pháp chỉ là phiền não, Bát-nhã chỉ là Niết-bàn, Niết-bàn từ đoạn Bát-nhã từ trí, trí đoạn tuy khác mà đều phá các pháp, nên nói là tên khác mà nghĩa đồng. Lại từ trí đoạn khác nhau nghĩa biên, lại gọi là Biệt. Lại Bát-nhã nầy các pháp có mười sáu câu, đều thuộc về trước đến hai chỗ ba môn giải thoát sáu câu, nầy chính là mỗi câu nói theo viên, nếu từ thứ lớp, tức như trước nói phiền não Niết-bàn xuất nhập, trước y theo Tạng Thông nhập không xuất giả, nghĩa bao gồm Viên Biệt, thuộc về môn Đại thừa, y theo đây thì lẽ ra các pháp các trí sinh bất sinh, đều chung bốn giáo, cho nên văn trước ba mươi sáu câu.

Kế do tướng phân biệt mới lại Biệt xuất Biệt Viên, nay trong Bát-nhã tức so sánh ba trí ba cảnh, thời trong nhất trí đã bao gồm phân tích

thể, còn hai trí, tức là giả trung, ba trí rõ ràng không cần phải lặp lại câu hỏi, cho nên không có văn phân biệt, lại trước gọi là phiền não cho đến Niết-bàn, mà nói xuất nhập, lại phải y theo hai giáo trước để nói. Nay nói Bát-nhã Bát-nhã vốn không cho nên liền y theo ba trí giải thích chung. Lại phiền não ở trước một bề y theo lược hiển thô định giáo, cho nên luận đoạn và bất đoạn nhập không xuất giả, nay trong Bát-nhã cho đến hiển bày đối thuyết bất định, nên có cảnh trí so sánh phát ra chẳng đồng, căn bản khai hợp y theo trước nên biết, ở trong đó trước nói xen phát mười sáu câu.

Kế nói xen chiếu mười sáu câu. Chỗ nói phát là phát có hai nghĩa.

1- Y theo không thể nghĩ bàn trong đó không biệt mà biệt dùng tướng luận để phát, phát trí đã vậy, chiếu cảnh cũng. Lại nếu cảnh xen phát trí nên nói về túc tập, nếu chuyển trí xen chiếu thì không nói phát tập, hoặc theo cảnh xen chiếu cũng là phát tập. Lại nếu hai trí không giả xen chiếu hai cảnh, thì thông thông biệt nghĩa cũng chung ở ba tạng Bồ-tát, trung trí chiếu hai, chỉ ở Biệt viên, nghĩa cũng chung ở Viên Biệt nhiếp thông. Nếu đặt tên Trung thì không có thể trung, cũng thông thông giáo bát địa và ba tạng Phật, nhưng không thông ở không giả chiếu trung, chiếu trung chỉ ở Biệt viên và nhiếp bốn xứ, lại nếu nói theo Biệt thì Bồ-tát ba tạng đến cây Bồ-đề mới được chiếu chân, cho nên phải dùng các giáo các vị, cao thấp các trí, quyền thật hữu vô, hoặc thiếu không thiếu, đoạn vị phục vị, thượng trung hạ căn, hoặc đơn hoặc phức, dùng lập cảnh trí, tự tại mà nói, nghĩa có chung riêng nên phải nói khắp, nếu được ý nầy nêu bày giải thích các câu các nghĩa nên theo, bao gồm các văn nầy xen phát xen chiếu, bao gồm văn chỉ cho đến khai quyền, chỉ là trí mầu cho đến cảnh mầu chiếu nhau phát nhau, thành mười pháp thành thừa ở Viên giáo, cho nên được mười sáu pháp mà tên khác, Bát-nhã đã vậy đến thân cũng giống như vậy, lại không phân biệt nói, rất là sâu xa.

Kế là nói ba mươi sáu thân, y theo trước dẫn luận làm lời hỏi đáp. Như pháp quán Phật. Phật tức là pháp thân, pháp thân nghĩa đúng với Niết-bàn Bát-nhã, sở ưng sở chiếu nghĩa tương đương với các pháp phiền não, nên được gọi là một tướng trong ba tướng, hoặc không biệt mà biệt, trong đây chánh đáng đức pháp thân, thân tướng của thân mong thành ba mươi sáu, hoặc tên khác mà nghĩa đồng, không cần phân biệt, đủ như ở cuối quyển hai dùng ba Bát-nhã mà so sánh ba thân, cảnh trí đã xen phát xen chiếu, nên khiến thân cũng xen khởi xen nhập, chiếu cảnh như nhập phát trí như khởi, nay nếu lại y theo nghĩa biệt, phân biệt

thẳng ở thân Phật làm ba mươi sáu, lẽ ra lại khai ra hóa thân, do so sánh pháp báo, nên được làm bốn. Nói xuất nhập, hóa hưng là xuất hóa, dừng nghỉ là nhập.

Hỏi: Chỉ nghe ba thân từ pháp thân khởi, vì sao không nghe ba pháp khác từ hóa thân khởi, cho đến pháp báo từ ứng thân khởi?

Đáp: Từ thắng khởi biệt tức là thi quyền, từ biệt khởi thắng tức là khai quyền, "khoa tiết" là nói nghĩa không thể nghĩ bàn, không ở đâu chẳng phải pháp giới, nên được tướng khởi tướng nhập không ngại, tướng ấy thế nào?

Như hóa ứng tự nói nay thân ta đây là là pháp thân, huống chi là không có báo, năng khởi đã vậy, tướng nhập nêu bày ở đây, lý không khởi nhập là nói theo hóa duyên, đâu thể từ duyên mà quên ở lý. Lại nên dùng ba mươi sáu câu cảm ứng trong huyền văn mà so sánh. Ba thân hóa, ứng, báo gọi là hiển pháp tức là Minh.

Lại báo thân, cũng được gọi là minh, cũng được là hiển, vì phần báo thân ở tự thọ dụng khác nhau, cho nên nay văn cùng luận thầm hợp. Trong luận nói ba là một tướng, cho nên nghĩa đồng, tuy một mà ba nên lại nói biệt.

Kế giải thích cảnh bệnh hoạn, là trước gồm nói trong ý.

Văn đầu nói lược hai bệnh quyền thật.

Ban đầu nói trong bệnh thật Nói: Bốn rắn là dụ cho bốn đại, trong đó lại dùng cú mèo tánh thăng để dụ cho hỏa phong, mãng xà chuột ở hang để dụ cho địa thủy, đều là văn trong Kim Quang Minh. "Xi" là loài chim bất hiếu ăn thịt cha mẹ. "Mãng" là loài rắn lớn khí độc nặng, mật rất đắng, ba việc nầy đều dụ cho ấm khổ "Tẩu" là đầm lớn, trong đó không có người chỉ có nước tụ lại, cho nên dùng để dụ cho khổ không có chủ tể, do các pháp nhóm họp, nếu có đại nghịch lại có thể gây ra các điều ác, nên trong Đại kinh hai mươi mốt nói: Bốn rắn hại người, không rơi vào các ác, bốn đại hại người, quyết định rơi vào đường ác, bốn đại trái nhau nên gây ra các điều ác, gọi là hại người. Khí độc nặng, mật đắng suy nghĩ nên biết. Bốn nước làm lân cận, v.v... nghĩa là tiếp cận, bốn đại hòa hợp là nghĩa lân cận, nầy cũng là văn kinh Kim Quang Minh "hư" là "nhược", "thừa" là "tiếp", cũng là tiện, "hữu" là "mỹ", "phủ" là "suy". Cho nên trong Phẩm Không nói: Nghiệp lực cơ quan giả đối không nhóm họp, như nước lửa gió cùng tàn hại nhau, như bốn con rắn ở chung một giỏ, bốn đại rắn rết tánh nó đều khác, hai thượng hai hạ, các phương cũng vậy, hai tánh tâm thức tháo động không yên, Chư Phật thăm hỏi, v.v...: "hỏi" là "mạng", nầy dùng thượng hỏi hạ.

Cho nên trong Trịnh Huyền nói: “tửu sính” nói là hỏi, lại dùng hạ để khai thượng làm lời hỏi, nay ý văn đồng hỏi trái nhau.

Trong Hán Thư chép: Hỏi dứt dự định, “tấn” cũng là hỏi, cũng là lời rộng. Rộng là dùng ý mình nói lời hỏi, như trong kinh Pháp Hoa Đức Phật nhóm họp các phân thân, đều sai thị giả thăm hỏi Đức Thích-ca ít bệnh ít não, v.v... trong Đại luận rộng giải lời Phật thăm hỏi. Đức Phật chỉ bày đồng với người nên nói thiểu. Bệnh có hai nghĩa: Kế sau phân ra quyền thật, hoặc nằm ngửa ở sau, ban đầu nói tạm bệnh, tức như trong kinh Tịnh Danh nương phương trượng bệnh, Quốc vương Trưởng giả Đại thần nhân dân đều đến hỏi bệnh, vì thân bệnh rộng nói pháp cho họ nghe , tức dùng phàm tục. Nói phân tích tiểu là như phẩm Đệ Tử, nói quở trách như phẩm Bồ-tát, lại do ngài Văn-thù truyền ý chỉ Như lai hỏi quả bệnh xong, tức tự hỏi rằng: Cư sĩ: bệnh gì, do đâu mà sinh cửu trụ, phải làm sao đã diệt.

Hỏi: Nhân bệnh, ngài Tịnh Danh do đó nói rộng về nhân bệnh, do đây để nói ba quán điều phục bốn giáo dẫn dụ, nói rộng nhân bệnh, cho đến quả bệnh. Người nói ngài Tịnh Danh quở trách riêng Thinh văn, cho nên đầu kinh không ưa Thanh văn, văn sau cũng quở Bồ-tát. Vì sao đầu kinh cũng khen Bồ-tát? Có khen hay không khen từ kinh nầy hoặc tồn hoặc lược, nầy chính là không liên quan quở trách hay không quở trách.

Lại người xưa nói: Ý kinh Tịnh Danh bẻ dẹp Thinh văn, nêu cao Bồ-tát, thất ý đồng với trước, nay chỉ nói bẻ dẹp Tiểu thừa riêng khen ngợi Viên giáo, đồng dùng tám chữ, được mất cách nhau như trời với đất, nên nay nói lược phân tích tiểu quở đại, ba quán chiết phục, v.v... đã nói như ở trước.

Kỳ diệt đàm thường: Trong văn Đại kinh là nương ứng tích diệt độ bàn luận pháp thân viên thường, nên trong bài tựa ngài Thuần-đà thỉnh trụ qua lại với Văn-thù, đã khai tông thường, đến quyển năm chép: Ta vì các đệ thây chếtnh văn nói luận Tỳ-già-la, nghĩa là Như lai thường tồn không có đối khác, nên có ngôn thuyết là Như lai vô thường.

Thế nào là hai người không đọa lạc, khắp nơi trong văn nghiên cứu tỉ mỉ hỏi đáp, hiển bày Phật tánh thường hằng không thay đổi, nếu không do xương diệt thỉnh trụ, thì không nhờ đâu nói về thân thường không diệt, nhân bệnh mà nói lực, trong phẩm Hiện Bệnh, Ca-diếp hỏi Phật: Đức Như lai thuở xưa đã ở trong vô lượng muôn ức kiếp, tu hạnh Bồ-tát, thường hành ái ngữ, lợi ích chúng sinh, không làm cho họ khổ não, ngày nay tự nói bị bệnh, bạch Đức Thế tôn, người đời bị bệnh,

hoặc ngồi hoặc nằm thân ở không yên, hoặc xin ăn uống dạy bảo thân thuộc xây dựng sản nghiệp, vì sao Đức Như lai nằm yên lặng, không dạy đệ thây chếtnh văn, vì sao không nói Thi-la, các thiền và giải thoát, v.v..., vì sao không nói kinh điển Đại thừa, vì sao không dùng vô lượng phương tiện, dạy tượng vương trong hàng Đại Ca-diếp, giúp cho không lui sụt tâm Bồ-đề, lại không trị các Tỳ-kheo ác, vì sao nằm yên lặng nghiêng hông bên phải, như trong kinh nói rộng. Lại nói: Đức Như lai bốn đại điều hòa thân lực đầy đủ. Ngài Ca-diếp lại dùng ba con trâu, mười bốn con voi, lực sĩ Bát-kiền-đề, ba Tỳ-na-la-diên, sau sau nữa tăng thêm mười mươi so sánh một tiết Thập trụ, cho nên năng lực Bồ-tát rất lớn, huống chi là Đức Như lai thành đạo ban đầu ngồi dưới đạo tràng chứng được mười lực, ngày nay không thích hợp như trẻ thơ kia, nhân Đức Như lai liền phát ra ánh sáng rực rỡ các thứ thần biến, bảo Ca-diếp rằng: Thuở xưa, từ vô lượng vô biên ức na-do-tha trăm ngàn muôn ức kiếp ta đã dứt trừ gốc bệnh, lìa hẳn dựa nằm, các chúng sinh nầy không biết Mật Ngữ Phương Đẳng Đại thừa, lại cho rằng Đức Như lai thật bị bệnh não, nói như vậy là đều do Ca-diếp hiện bệnh thưa hỏi, lại do bệnh là ba hoặc, quả bệnh là hai món sinh tử, chúng sinh thật hoặc và dứt chưa hết, quyền bệnh là các Đại Bồ-tát tùy theo dứt hoặc gì, thì sẽ chỉ bày hiện quyền đồng thật bệnh, như vậy quyền thật chẳng phải sở quán ngày nay, từ sở quán ngày nay ở sau có nêu. Nay cảnh sở quán là phàm phu bốn đại thật bệnh, nhưng do quán ấm và phiền não, v.v... bốn đại thêm bớt tức ở trước dẫn kinh Kim Quang Minh nói về tướng bệnh làm cảnh ngày nay. Thượng trí lợi căn, v.v... là chánh nói ra ý, trước là pháp kế là dụ.

Trong pháp ban đầu nói thượng trí, v.v... người thượng trí hiểu trong cảnh ấm nhập ở trước, an nhẫn không theo cương nhu. Đã vào Thập tín không cần đến nầy, nên văn trước nói: Nếu an nhẫn là không cần chín cửu, nghĩa là an ở trong ngoài bệnh hoạn phiền não, đây là bệnh hoạn về trước đã an xong, “tích” là nghiêng đổ, “trác” là như trong quyển ba có giải thích, độn căn bệnh nặng nên phải lớp lớp nói về quán hạnh, như đại thọ đá lớn chẳng phải một, một phen xuống một búa có thể xuyên đứt, nên nhắc lại ở đây nói về mười thừa, như ức xuống muôn búa, phàm bệnh lâu, v.v... nêu chung trong kinh có thể thành chướng ngại, nay ý văn nầy chưa chắc lâu dài, nhưng có khả năng chướng thiền, nên phải quán sát. Cho nên kinh A-hàm nói bốn pháp làm cho lui sụt quả A-la-hán, nghĩa là bệnh lâu dài, đi xa, can ngăn nhiều việc, nay chẳng phải hoàn toàn ở sau kết nói bốn tất.

Văn đầu tức thế giới, theo kinh nói ở sau chứng minh làm người, đã nói ba món học, tức sinh thiện ý, giới định như văn theo khởi tà đảo, ở sau tức là thất tuệ, do mất hiển đắc, đắc tức sinh thiện, giới định cũng vậy, lại nữa ở sau tức ý đối trị, trở lại ở sau tức là nghĩa bậc nhất.

Kế trong chánh giải thích văn tự thành năm, ban đầu trong tướng bệnh trước nói rõ, cho nên trong đó nói: "Chẩn là hầu mạch, nói nay không cần phải chuyên tinh phán xét, v.v... không cần phải như đến thượng trung hạ y dược, quả thật là nói về pháp chẩn mạch, nay nói lược: Mạch là khí huyết của đạo sở hành, mạch pháp là vốn ở đạo thầy thuốc, chẳng thể biết đủ được, nay phải lược biết tướng của năm tạng mà dùng pháp trị. Tướng mạch bốn thời: Xuân huyền hạ hồng thu phù đông trầm, bốn mùa thổ vương, đối trị tướng ngã tạng, ngã hành, sinh ra tương khắc, để nói về tướng mạch, nói lược hầu pháp, từ ngư (cá) đến quán suốt gọi là xích trạch, tức ở mẩu chỉ, sau đại ngang văn trước gọi là "ngư" sau văn rộng khắp gọi là quán, quán sau ba tấc gọi là "thốn miệng", xích sau thốn trước, gọi là "quan dương", gan tim ra trái, tỳ phế ra phải, thận trái là "mạng môn", thận phải là "mạng căn", khi phổi mạch đến thuận là cây du gọi là "kính", như gió thổi lông gọi là "bệnh", như liên châu gọi là "tử", khi tim mạch đến như ống gọi là "bình", như liên châu gọi là "bệnh", trước cong sau thẳng như mang móc câu gọi là "tử", khi gan mạch đến kém yếu gọi là "hình", như gương cung huyền gọi là "bệnh", như gà đạp đất gọi là "tử", khi tỳ mạch đến, hà hà như diên, gọi là "bình", như gà đưa chân gọi là "bệnh", như chim mổ nước lậu gọi là "tử". Khi thận mạch đến vi tế mà dài gọi là "bình", như đạn đá gọi là "bệnh", như giải thích sách gọi là "tử", các mạch tạm lớn rồi lại nhỏ thành "ấm", tạm nhỏ lại lớn gọi là "dương", nhưng trong các thể văn dễ rõ, mà chỉ ở sau khó rõ, nay lại lược biết chưa phiền thật rõ ràng, nay văn nói tướng năm tạng chẳng phải tướng sinh, cũng chẳng phải tướng khắc, nhưng ngay tạng quá tăng thêm mà thành bình, như tánh cây phần nhiều thẳng, nay quá to thẳng.

Kế là đại tánh thắng, nay phần nhiều nhẹ nổi, tánh vàng cứng lợi, nay rất bén nhọn, tánh nước lưu chú nay thì giọt nước lách tách, tánh đất cứng rít nó rất trầm nặng, hoặc tánh quá phần đến nỗi bệnh, hoặc suy nhược mà gây ra bệnh hoạn, hoặc xung khắc nhau là y theo ngã hành nên biết, từ dưới mặt không có sáng bóng, thể ngã tạng giảm bớt cho nên thành bệnh, gan là chủ của cây, nếu nhánh lá khô héo thì cây bị bệnh, cho nên không có sáng bóng, v.v... như cây không trơn, là tâm chủ lửa, nếu lửa mất mầu không đỏ là lửa bị bệnh, bệnh phổi mầu

trắng là chủ vàng, mà nay mầu đen là phổi bị bệnh, thận chủ nước, chỗ trôi chảy ngăn trệ làm cho thể không có năng lực, nên thận bị bệnh, tuỳ chủ đất, nếu như đồi gò không bằng thì tỳ bị bệnh, từ trên gan có vật trắng, năm hành tương khắc bệnh năm tạng sinh, nên dùng sáu khí để trị ở năm tạng, pháp trị phải ở trong pháp trị sau, nay văn so sánh ở đây nói lược là tiện, nên định trước ví dụ. Trong pháp trị văn sau lại không nêu ra, nhưng sáu khí nầy chỉ dùng hô hấp ngăn trệ tiếng phát ra hơi thành trị, cũng không hoàn toàn dùng thể chữ làm nghĩa, như thổi cũng có hơi lạnh.

Kế là hơi thở nói là xuất khí. “Hô” là hơi ấm. “Hy ha thi”, ba chữ nầy hoàn toàn không có thể chữ, chỉ có chữ “Hy”, tức tiếng bệnh, chỉ cần hô hấp, tiếng tợ như năm ấm, tức thuộc năm tạng lại trị năm tạng, dùng thì phải răng nếu môi lưỡi điều hòa ra tiếng khiến không mất năm âm, “ha” thuộc về tiếng thương hơi thổi thuộc tiếng vũ, hơi thở thuộc tiếng trưng hy thuộc về tiếng cung, thị thuộc về tiếng giác, lấy năm hành so sánh thức thứ năm tạng. Nay đều dùng hơi trên bổn tạng để trị bổn tạng, cho nên dùng bổn tạng.

Đã khắc tha tạng, khiến cho tha tạng bệnh, nên dùng bổn khí kéo về bổn tạng, không để hại người, như phế hại gan là kim khắc mộc, lại dùng khí phế thâu lấy kim hành, còn bốn tạng y theo đây nên biết. Chữ “Lâm” là bệnh quỷ ấy như táo quân, chỉ là mầu đen, thận bị tỳ hại, tức thành bệnh thận, bệnh quỷ lại theo mầu bổn tạng, cũng như táo quân, trong bổn thứ nhất theo đủ năm mầu nói quỷ năm tạng. Nay văn chỉ lược về thận tạng để rõ, y theo thứ lớp của văn lẽ ra ở trong nhân duyên bệnh tức quỷ bệnh. Văn tùy tiện nên phó thác ở đây để nêu bày.

Kế giải thích tỳ nói mầu lồng thùng kia: Nên nói là lồng thùng mầu vàng, lại có nhiều mờ mịt là tướng bệnh sáu thông, ở đây là nói theo thế tục, cho nên một thần đều giữ một tạng vương ở sáu căn, ấm là căn bổn của thân, thông ở năm tạng năm căn như trong Kinh Luật Dị Tướng có chép: Xưa, có vị Quốc vương bảo người tìm sư tử con rằng “nếu ông tìm không được thì sẽ bị giết mạng ông”, sợ lịnh vua nên tìm khắp nơi, được sư tử con đem dâng lên vua, giữa đường nằm ngủ, sáu căn sáu thần đều tranh công. Mục thần nói “do ta nhìn thấy biết chỗ sư tử con”, nhĩ thần nói: “do ta nghe được nên biết được chỗ sư tử con”; Túc Thần nói: “do ta ta đi đến được nên mới bắt được sư tử con nầy”; Thủ Thần nói: “do ta nắm bắt được sư tử con”; Tỷ Thần nói: “do ta ngửi được nên bắt được sư tử con” các thần đều nói: “lưỡi thật không có công, “Thiệt thần không phục, hết lòng xin công ấy”.

Có một vị La-hán nhân đi qua gặp các vị thần nầy tranh cãi, sợ vua giết lầm, liền theo sư tử con đến chỗ vua, sư tử con đến trước. Vua hỏi sư tử con: Đây có phải là sư tử con chăng?

Đáp: Không phải.

Vua sai người giết.

La-hán trình bày đủ với Đại vương, người ấy được miễn tội chết.

Văn ấy vốn dụ cho người ở các nơi đều có công chinh phạt, nếu người không có đức, thật là rất hại. Đây dụ tuy tợ mối người đều có căn thần, chẳng có hữu tình khác.

Kế là nói nhân duyên bệnh trong văn có sáu.

Kế là ăn không có chừng mực nên thành bệnh, cũng như trong Bát Vật Chí chép: Nếu người tạo ăn thì đồng với trăm bệnh yêu tà, ăn càng ít tâm càng sáng, ăn càng nhiều tâm càng tổn, nên ăn không được ăn quá độ, trong Yếu Lãm chép: Nói về "bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra" nên người quân tử cẩn thận nói năng tiết độ ăn uống.

Kế nói tướng tổn ích: Nói từ ba lỗ lưng mà vào bốn chi. Trong Đại luận quyển hai mươi sáu có giải thích mười tưởng rằng: Thí như cất rượu, cặn đục thành phân, trong thành nước tiểu. Lưng có ba lỗ, gió thổi nước mồ hôi bay vào trăm mạch, cùng máu trước ngưng tụ biến thành thịt, từ thịt sinh ra mỡ sáp cốt tủy, từ đây sinh gọi là thân căn, cho đến sinh ở năm tình và các căn, như đều do nuôi dưỡng thành sinh. "Phích" là nước không thể lưu hành. Lại lửa của thân ở sau dạy pháp điều hòa ăn uống.

Kế dẫn ngạn ngữ ở đời; kế ăn năm vị ở sau y theo tạng tăng tổn, rất dễ thấy: Ngồi thiền không có tiết độ thành bệnh.

Ban đầu nói nghi của thân không ngay, tâm thêm biếng nhác, kiêu mạn chuốc lấy bệnh ma.

Kế cùng trong phát ánh trái nhau, nói trong như trần, v.v... nói tám tướng xúc, tám xúc nầy có bốn thượng, bốn hạ, nói so sánh nói xúc, xúc thuận theo bốn đại, nên thuận theo tám xúc, nếu phát xúc trọng ở sáu, nói xúc trái thành bệnh, lại chỉ ở sau nói dùng chỉ quán do động bệnh.

Ban đầu dùng chỉ quán Trung quán quá mức nên tăng thành bệnh.

Kế nói dùng quán không điều hòa, năm trần năm tạng năm hành sinh nhau khắc nhau, trong mỗi trần lại đều có năm, phải nên khéo biết tướng sinh nhau khắc nhau chủ đối.

Ban đầu là năm sắc: Như Bạch Hổ Thông Bác Vật Chí chép: Gỗ Phương Đông, vua Thái Hạo, giúp Câu Mang giữ phép bít mà trị thanh

xuân, sao thái tuế, là loài thú rồng xanh, âm giác kia, là ngày giáp ất, vị ấy chua, mùi hôi Hỏa phương nam; là vua Diêm Đế, giúp Chúc Dung giữ sao Hoành mà trị hạ, sao hỏa, loài thú chim đỏ, âm Trưng, là ngày Bính đinh, vị đắng, hôi cháy.

Kim phương Tây; vua Thiếu Hạo, giúp Nhục Thâu giữ khuôn phép mà trị thu; sao Thái bạch, thú Bạch hổ, âm thương, ngày Canh tân vị cay, hôi tanh, phương Bắc thủy; vua Chuyên Húc, giúp Huyền Minh, nắm quyền mà trị đông, sao Thần kinh, thú Huyền võ, âm vũ, ngày Nhâm quý, vị mặn, hôi thối nát, trung ương thổ, vua Huỳnh Đế, giúp Hậu Độ, nắm cương lãnh mà chế phục bốn phương, sao Trấn tinh, thú Huỳnh long, âm cung; ngày Mậu kỵ, vị ngọt, hơi thơm, giúp Quan chủ năm hành, đủ như trao thề thuốc pháp trong đó có nói, nên năm thinh cũng thuộc năm hành ngũ âm. Hô Hoán thuộc Giác mộc, ngôn ngữ thuộc trưng hỏa, khóc thuộc trưng kim, ngâm thuộc vũ thủy, ca thuộc cung thổ, trong năm xúc, thể mộc thật hỏa tánh ấm, nếu so sánh bốn đại phương Tây thuộc phong nên nhẹ, như ở văn, so sánh y theo ý kinh Đại Tập. Nếu theo tục văn, như trong Bát Vật Chí, v.v... các hơi tanh hôi như trước đã giải thích.

Trẻ thơ là anh cảnh sức, như trong Thiên Thương Hiệt nói: Con trai gọi là nhi, gái gọi là anh, là chung cả nam nữ, cho nên giải thích tên, người mới sinh gọi là trẻ thơ, trước ngực gọi là anh, dìu dắt anh trước đó mà nuôi dưỡng gọi là anh, như Quốc vương, v.v... thứ hai vốn không có văn nầy. “Cung” là chắp tay, cũng như Trương hoa trị bệnh cho Lý Tử Dự, bị bệnh quỷ rất nặng mà không chịu trị. Hoa là đi tránh, Dự tự đi ngựa đuổi theo. Hoa bèn xuống đường núp, nghe trong cỏ có quỷ, mà hỏi nhau rằng: “Đế sao không trốn”

Đáp: Tôi đang bị bệnh nặng kim châm không được, cần gì phải trốn, chỉ sợ dùng tám độc hoàn. Chốc lát Tử Dự đến, Hoa lại dùng tám độc mà rửa, bệnh quỷ ấy kêu la mà đi ra khỏi đám cỏ, quỷ cũng không lừa dối người bệnh sau đó nói vì bị bệnh, do hành giả tà niệm, cũng như dụ cho trong kinh, có thanh tín sĩ, ban đầu giữ năm giới tinh tấn không sát, lúc sau già suy thường bỏ quên. Lúc bấy giờ trong núi có vị Phạm Chí tên khát, đến khất thực, việc ruộng nhà bận rộn không rảnh để tham kiến, bèn hận mà đi, Phạm Chí có thể khởi thi sai quỷ giết người rằng: Tôi bị nhục, tôi đến giết nó. Trong núi có vị La-hán biết được, đi đến điền gia bảo rằng: nay ông sớm tối nhang đèn quy y ba bảo, miệng tụng giữ miệng thân, đừng để phạm kệ, từ niệm chúng sinh sẽ được an ổn. Sau khi Sa-môn đi người chủ y theo lời dạy, thông hiểu niệm Phật tụng

giới, quỷ đến sáng đi tìm Điền Gia, lờ mờ muốn giết, quỷ thấy điền gia có từ tâm không thể hại được, phép bít của quỷ thần người sai phải giết, liền đến muốn giết, nhưng Điền Gia có đức không thể giết được, theo phép lại phải giết Phạm Chí sai quỷ thần, quỷ thần bèn tức giận muốn hại Phạm Chí, La-hán ngăn che để quỷ không thấy. Điền Gia ngộ đạo Phạm Chí được sống, không phạm tội sát, Điền Gia chuyên chú niệm Phật, suốt đời chỉ một pháp môn, phải biết chánh niệm quỷ không có dịp hại được, các việc nầy nên so sánh văn tụng bài tựa giới ngăn được quỷ ma, chánh là trong kinh Quan Âm chép lại văn của bổn nhân, cũng như Thái Công làm đàn quán đảnh khiến cho Long Thần con không thể đến cảnh làm gió to mưa mạnh, huống chi là người dùng pháp Phật dưỡng tâm chánh niệm ư? Phải biết tà quỷ được nhập, là đều do tà niệm. Dẫn quỷ Hê-la, v.v..., tức trong văn trước có quỷ năm mầu, có thể bị bệnh năm tạng. Trong bệnh năm ma, ban đầu cùng bệnh quỷ nói có khác.

Kế nói lý do bị bệnh, cũng do hành giả sinh tà niệm, trong bệnh sáu nghiệp nếu có các tội giết, đây là bệnh phá năm giới bệnh thuộc về năm tạng, tạng thuộc về năm căn, đồng với trước các ý không giết hại. Nếu muốn trị tùy theo tạng nào bệnh, biết phá giới nào để tăng thêm trị hay bớt. Nếu người trị giới thay đổi được bệnh túc nghiệp, tùy theo căn phán xét giới để suy nghiệm tội diệt, rồi sau dùng trị, quán tâm trị song sáu trị.

Kế nói pháp trị.

Trước chỉ bày trong đồng khác nói không thể cầm dao cầm mũi nhọn, v.v... dùng trị mất nghi như cầm dao mất cán, cầm mũi nhọn tổn thương tay, bệnh cũ không trừ hại, lại thêm bệnh mới.

Kế trong chánh dùng trị; ban đầu trong đồng đều nói khí điều hòa quân bình, "tuân" là "quân", dẫn dắt theo ở rốn: Rốn đã là nguồn gốc của các ruột già và bao tử, khi ở trong thai từ rốn mẹ đi vào rốn con nên mẹ ăn từ rốn mà vào, để nuôi con, hơi thở cũng. Ban đầu con ở trong thai nương hơi thở mẹ, nên quen gọi là lấy mẹ làm hơi thở.

"Lữ" là xương sống.

Kế là dừng ở tâm đa điền, v.v... nên biết, tâm phần nhiều là các duyên trên, trên nóng là lửa giúp, hỏa tiêu các thức ăn năm tạng dễ điều hòa, phần trước thuộc về âm, thái âm tổn thương lạnh thiếu lửa nên loạn. "Tưởng Ngô Mao": Nghĩa là nước Tưởng thêm văn, Ngô rõ suốt, Mao vui vẻ, đây là trình bày cơ quan cốt yếu, đều là cách bẩm thọ hơi thở lại khí được dứt, có nói đủ như trong Bích Nham Lục, đây là đích thân nương Đại sư Trí Giả để bẩm thọ pháp dạy bảo, được lợi ích việc

trị, cho nên dẫn ra.

Dẫn Hoàng đế năm hành sinh nhau khắc nhau: Là Hoàng Uông Chánh "đế" là đức giống như trời đất gọi là "Đế". Ban đầu, từ vàng hóa thành nước sinh ra ở sau rõ sinh nhau, từ lửa được nước ở sau nói tương khắc, nước gặp đất mà không trôi chảy, chữ "Hành" và năm hành nghĩa đồng, là lấy vận nên mượn âm nầy, như vàng khắc mộc ở sau là nói dụng trị, như vàng khắc mộc, phổi mạnh mà gan yếu, gan là gan bệnh, thì tìm dừng ở phổi, nên biết không bít ở chỗ bệnh tim. Lại dùng chỉ quán trị bốn đại, trong đây là là tướng đối lại thành trị, như tánh nước rộng trị gấp, còn các đại y theo đây.

Sáu khí trị: Là văn chỉ nói lược, trước nêu bày; kế giải thích, giải thích so sánh trong bệnh bốn đại.

"Đàm ấm" chánh thể làm âm, năm tạng như trong tướng bệnh trước đã nói, nói bình thường nhổ ra, đưa vào, v.v..., nhổ ra nghĩa là tán trừ thô khí, nạp nghĩa là nạp vào an nghĩ, như bình thường ngồi thiền, đều phải làm cho lớn mạnh và đưa ra khí thô trong thân, chỉ một vài lần là đủ, chẳng phải chuyển thành trị bệnh, dùng trong hơi thở nói nương hơi thở, giả tưởng có mười hai tức y theo báo tức mà khởi giả tường, như sân do tâm biến mà làm cho hơi thở thô đầy, nên biết đều là tâm chuyển báo tức, khiến báo tức thô, nay giả tưởng cũng giống như vậy.

Kế trong giả tưởng chép: Biện cách trị bướu. Bổn thứ nhất nói: Như ở Cao-ly (Hàn Quốc) nói về cách trị bệnh bướu, giả tưởng bướu nầy, như bày lộ tổ ong, con ong ở tổ, chốc lát qua lỗ mà ra, mủ sưng chảy ra, con ong đi hết, các lỗ nhỏ nhủ tổ ong trống, tâm tưởng thành rồi thì tiêu bệnh bướu, như người bị bệnh bít ruột nên dùng cách châm, nên làm chữ "Trưng". Bổn thứ nhất nói: Như người lo lắng bệnh tắt ruột ngưng tụ ở bụng, tưởng thành kim châm vào bụng khiến cho ruột bị bít thông qua, như vậy thường làm không dừng, khi thông qua thì bị ngưng bít rồi lại đi, từ đây được lành mà thường bị bệnh lo thắc mắc, sau đó lại hỏi người rằng: Bệnh lo nầy đã khỏi, mà thắc mắc thường sau.

Người khác đáp rằng: Tưởng ông châm phá bít nghẽn, bít nghẻn phá mà kim châm vẫn còn, nay lại tác tưởng trừ kim châm, y theo đời nói mà khỏi.

Như trong kinh A-hàm dùng bơ, trong bổn thứ nhất nói: Tương nhu như bơ ở đảnh nhỏ giọt vào não, rót chảy vào năm tạng nhuần thấm khắp thân, trị người lao tổn rất có hiệu nghiệm. Nếu theo Tạp A-hàm thì có bảy mươi hai pháp, dùng tưởng để trị, nhưng chẳng phải giải thích cho người độn căn đời sau.

Có thuyết nói: Đức Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, có vị Tỳ-kheo trong ba tháng hạ ở trong rừng tu Tam-muội. Vương tử Lưu Ly cùng năm trăm vị Thích Tử cỡi voi dạo chơi, các voi đấu nhau, có voi đen tiếng như sấm sét, lại có tiếng nhỏ như con mèo, Tỳ-kheo Thích Tử vào phong quán sát phát tưởng cuồng si, xuất định như voi say chạy, các Tỳ-kheo đóng cửa sợ bị tổn thương, có một Tỳ-kheo đến chỗ ngài Xá-lợi-phất hỏi: Cúi xin thương xót cứu giúp các Thích Tử.

Ngài Thân Tử đứng dậy dẫn A-nan đến chỗ Phật, bạch Phật rằng: Các Thích Tử phát cuồng năm việc:

1- Loạn thinh

2- Do tiếng xấu

3- Do lợi dưỡng

4- Do ngoại phong

5- Do nội phong.

Phải làm sao?

Phật nhân đó nói Tỳ-kheo Lan-nhã có bảy mươi hai bệnh, nói pháp Tu-na Bát-na, tiếng xấu bên ngoài chạm tâm căn bên trong, bốn trăm lẻ bốn bệnh mạch chậm tim gấp, đồng thời động loạn, sức gió mạnh đồng thời vào miệng, nên dạy pháp uống sữa mật và Ha-lê-lặc, nghĩa là buộc tâm một chỗ, trước tưởng gương pha lê, tự quán thân mình ở trong gươngấy thấy các việc cuồng, thấy rồi lại dạy, ông ở trong gương trừ tiếng, lưỡi để trên hàm ếch, tưởng hai ma-ni ở trong hai tai, tưởng ở trong như sữa nhỏ giọt chảy ra đề hồ, thấm nhuần nhĩ căn làm cho không nghe được tiếng, như dầu mỡ trơn không hề lay động, tưởng nầy thành rồi.

Kế tưởng chín lớp Kim cương từ ma-ni phát ra che thân hành giả, ở sau có Kim cương hành giả ngồi trên đó, có núi Kim cương vây quanh bốn phía, bặt dứt tiếng bên ngoài, trong mỗi núi xuất hiện bảy tòa Phật.

Nói Bốn niệm xứ, lúc bấy giờ vắng lặng không nghe tiếng bên ngoài tùy theo Phật dạy, ông phải tu tập cẩn thận chớ quên sót, nay lại nương bổn thứ nhất dùng bơ có lợi ích, lại nói: Mùa xuân nhập lửa Tam-muội ấm quá thành bệnh, nhập địa Tam-muội thấy thân thành núi không đá, phải mau trị, nhập nước Tam-muội thấy thân như suối nước lớn, nhập Tam-muội phong thấy thân như rồng chín đầu, phải mau mà trị, các văn rộng như trong kinh đã nói.

Như cách nuốt rắn: Bổn thứ nhất nói: Như người ăn nuốt bóng con rắn, cho là rắn, do đó mà thành bệnh.

Người khác hỏi việc ấy biết nguồn gốc của bệnh rồi, liền đem mật

thuốc để rắn chết, người bị bệnh kiết lỵ, nói là rắn ra, bệnh liền khỏi. Vẽ bóng rắn trên vách vào trong chín rượu cũng giống như vậy.

Như trong kinh A-hàm chép: Ở nước Xá-vệ có vị Trưởng giả tên là Thần Cư, ông có một đứa tớ gái rất xấu, thường sai khiến các việc bên ngoài như cắt cỏ, lấy nước, v.v..., ngoài đồng có con suối, trên con suối có cây, trên cây có một cô gái xinh đẹp, tự thắt cổ chết, bóng hiện dưới suối, đứa tớ gái thấy cái bóng đó cho là bóng mình, liền sân với mọi người "tôi xinh đẹp như thế mà sai tôi làm ruộng vườn, bèn đập bể bình về nhà vào ngồi trong màn báu, mọi người cho rằng đứa tớ gái bị bệnh cuồng bèn hỏi, đứa tớ gái liền trả lời bằng những việc trước, vì sao mọi người không phân biệt, không thấy việc đã thấy gặp, liền cho soi gương, bèn thấy hình xấu, vẫn chưa tin, bèn cho rằng gương xấu, mọi người biết trước chỗ suối ấy có người nữ chết, bèn đưa đến chỗ suối, thấy bóng người con gái chết, tâm hiểu ra và hổ thẹn, quán tâm trị cũng như Đại sư Nam Nhạc khổ vì thủng đầy chân, dùng lực quán đuổi bệnh tiêu khỏi.

Kế nói về phương thuật, ở giữa trước trị đời, nói như pháp trị nôn mửa, trong bổn thứ nhất nói, do sợ sệt liền khỏi.

Trong Tạp A-hàm nói, dùng tâm thở quá gấp, lại chỗ ngủ sợ kém do phong hàn bên ngoài, do chuyển bao tử ống thận, v.v... trên nghịch ngực bít, mỗi tiết nước chảy dừng ở trong ngực, gọi là nôn mửa phải trị gấp, pháp trị như trong kinh có nói rộng.

Như cách trị răng. Trong bổn thứ nhất nói: Hướng về sao Bắc-đẩu chú nguyện rằng "nếu răng đau, Bắc đẩu trị tự biết", đau liền hết. Ại dùng răng chó từ ấm địa hướng về dương địa chú nguyện rằng: "Khiến cho răng người hết đau, không khỏi ông mạnh, khỏi lại như cũ ", thì đau liền khỏi.

Như dùng ngón tay cái trị gan, năm ngón tay đứng đầu năm tạng, nên ngón tay cái đứng đầu về gan, đầu ngón tay đứng đầu về phổi ngón tay giữa đứng đầu về tim, ngón vô danh chủ tỳ, ngón út chủ thận.

Kế trong đó dùng chú nguyện cũng không trái. Như sớ kinh Pháp Hoa, dùng bốn món tất nhân duyên nên không trái, nay văn nhiều là ý đối trị, mạng sống trong hơi thở ra vào mà nói: Là miệng khiến qua đời chú nầy rồi vẫn phải thân nói rằng "A-NA-BẠT-NA"

Đau đánh bốn mươi năm mươi, khiến tâm dứt chỗ đau, như người Giang Đông lo chết, đều dùng tay đánh vai đến một vài trăm, lo liền khỏi.

Kế nói về tổn ích, tâm lợi bệnh nhẹ đốn ích, tâm lợi bệnh nặng

tâm ích, tâm độn bệnh nhẹ tiệm tổn, tiệm độn bệnh nặng đốn tổn, hơn nữa tuy tâm đốn khéo giải quán pháp cũng được thành tiệm đốn trong ích.

Nói về thế gian ở sau thương thán, nói "dong", v.v... Dong là bọn phàm thường.

Không ỷ người, trong Quãng Nhã nói là ngu. Vận cao, v.v..., như Tượng Bá Tuyết ở Sính Nhân Bá Nha, cắt đứt dây đàn ở Tử Kỳ, nên Tăng Bưu có làm bài thơ rằng:

"Chủng Kỳ không thể gặp,
Ai nói khác giữa tâm".

Chủng Kỳ nghe Bá Nha vỗ Sơn nói rằng:

"Vòi vọi toàn bộ đều cao"

Nghe đờn khác nước rằng:

"Mênh mông đầy tai ư?

Nên biết thanh vận nếu cao thì người hòa phải ít, nay cách trị hay nên người tin cũng ít.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 8
(PHẦN 3)

Kế nói trong mười pháp có nêu giải thích kiết. Trong giải thích nói, như người bệnh hủi, tin máu là sữa, cho đến tin xương lạc đà là xá-lợi, cũng như Kinh căn đắc giới, xương dê phát ra ánh sáng, v.v... “chẩn” là “chẩm”. Nếu tu bốn pháp Tam-muội mà không điều phục được: ở đây có bốn ý nên không bị bệnh nào không khỏi:

1- Đạo lực

2- Thần che chở.

3- Pháp trị

4- Không tiếc thân mạng.

Đại sư huynh Trần Hàm; Sư Tạng Pháp ở chùa Khai Thiện, nầy nêu người tội diệt chướng chuyển.

Trần Hàm tuổi ở mạng quan, ban đầu được tướng sư Trương Quả xem tướng sẽ chết vào cuối tháng âm lịch, sau đó Đại sư sai thực hành sám Phương Đẳng, thấy trên cõi trời có tấm bia đề: Thiên Đường Trần Hàm đến năm sáu mươi lăm, đây là một phen thực hành sám Phương Đẳng tăng thêm tuổi thọ mười lăm năm, sau gặp lại Trương Quả. Trương Quả hỏi do làm phược lực gì? Đây chẳng phải một vài trăm muôn tiền phước, tính ra ông không có nhiều tiền như thế, vậy phải làm phương tiện gì?

Trần Hàm đáp: Có chút hành pháp không nói với ông, nên biết nghiệp phải chết, hành pháp có thể chuyển, như Đế-thích có nêu ví dụ. Tâm tinh tấn mạnh mẽ như Đế-thích, làm đạo tràng riêng như cõi trời Đế-thích, đạo tràng thần biến như phụ tướng, tiểu ngang các lỗi như tiểu quỷ, nên biết đạo tràng thần biến các bệnh không xâm phạm.

Chủ thành, v.v...: Nhạc sợ, lo sợ, bận rộn. Thành như thân, chủ như tâm, người giữ như thân thần, đồng với thân gọi là cùng thân đồng

sinh, gọi là thiên thần, tự nhiên có nên gọi là thiên, tuy thườnghộ người phải nhờ tâm vững chắc, thần giữ thì mạnh, thân thần cũng vậy, ở sau so sánh ở trước. Thân có hai vai, thần thường hộ người, huống chi là thần đạo tràng. Trong Đại luận nói các quỷ tinh tấn, quyển mười sáu chép: Đức Thích-ca đời trước từng làm Thương chủ, đem các dịch mua hàng vào chỗ hiểm nạn, trong đó có La-sát dùng tay ngăn rằng: Ông đứng đừng nhúc nhích, thương chủ dùng tay phải đánh, đánh liền dính quỷ, tôi kéo không thể lìa được, lại dùng tay trái đánh chân phải chân trái, như vậy thứ lớp đều bị dính vào nhau, lại dùng đầu đánh, đầu lại dính vào

Quỷ hỏi: Ông muốn làm việc gì, tâm ngừng dứt chưa?

Thương Chủ đáp: Ty đánh năm chỗ mà tâm còn không dừng, do năng lực tinh tấn đánh nhau với ông, không muốn biếng nhác lui sụt.

Quỷ nghe sinh tâm vui mừng nghĩ rằng người nầy sức gánh vác rất mạnh, bảo rằng: Ông tinh tấn sẽ không dừng, nay tôi thả ông. Hành giả đối với pháp lành, đầu hôm, nửa đêm, gần sáng, thân tâm không biếng nhác cũng giống như vậy.

Kế nói tu chỉ quán, trong cảnh nghĩ bàn cũng nên có tội thượng trung hạ, trong văn đã có tội địa ngục xong. Nếu do bệnh cho nên siểm cuồng cầu sống tức cõi quỷ, hoặc cầu quyến thuộc toan dưỡng thân bệnh tức cõi súc sinh, tạo ba cõi thiện, trong văn chính là nói thông dung, tuy biết nhân quả mà thường chê bai nghi ngờ người không bệnh, cho rằng tâm thiện của ta mạnh hơn, là cõi Tu-la, tâm thiện không thay đổi đây là cõi người, giữ gìn mười điều lành đây là cõi trời, sợ sệt sinh tử là cõi Thinh văn. Cũng như luận Tỳ-đàm Bà-sa nói: Tỳ-kheo Ta-ma bệnh rất nặng, các Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo Đà-ma đến thăm hỏi. Ta-ma nói: Bệnh tôi không khỏi, cũng như người tráng sĩ lấy hạ liệt, là sợi dây ràng buộc đầu hai tay quấn chặt vào nhau, đầu tôi đau cũng giống như vậy.

Lại như người hàng thịt cầm dao mổ bụng trâu, bụng tôi đau cũng giống như vậy, cũng như tráng sĩ lấy một hạ liệt, treo trên lửa, lửa đốt chân kia, chân tôi đau cũng giống như vậy. Đà-mà thưa đủ các việc như trên với các tỳ-kheo, các tỳ-kheo lặp lại các lời nói. Đức Phật nói năm thọ ấm, ông có chút phần quán sát phi ngã phi ngã sở chăng?

Đáp: "Có thể quán". Sau lại bảo Đà-ma hỏi việc ấy quán được năm ấm có chứng quả A-LA-HÁN hay chăng? Cũng như dạy bảo, quán sát như vậy nên được lậu tận bình phục hết đau.

Lại, trong Tăng Nhất có Tỳ-kheo Quân-đầu bị bệnh, oán trách Đức Như lai không đến thăm, Đức Phật và các Tỳ-kheo đến thăm.

Hỏi rằng: Có bị khổ não làm tổn hay không?

Đức Phật lại hỏi: Ông tu Bảy giác y chăng?

Tỳ-kheo đáp: Bị bệnh.

Đức Phật nói: Vị thuốc quan trọng nhất trong các vị thuốc không gì hơn Bảy giác chi, khiến Tỳ-kheo thọ trì.

Kế theo lại quán bệnh đây là cõi Duyên giác, văn nầy khó thấy phải chia làm năm:

1- Ban đầu suy niệm quả biết nhân xưa.

2- Kế suy hiện nhân biết hiện quả.

3- Từ cuồng khát nhân ở sau.

Quán hiện quả, dứt nhân hiện.

4- Tỳ-kheo hay không tùy theo trở xuống, hiện nhân dứt nên nên mười hai chi dứt.

5- Bắt đầu đã không được ở sau, kết thành chi cõi Phật.

Văn kế lại có hai:

Ban đầu quán hữu chi cho đến danh sắc; kế theo quán căn đại nầy trở xuống là suy hiện danh sắc cho đến thức.

Ban đầu như văn; văn kế lại có hai, trước suy hiện sắc; kế suy ở thức. Văn đầu lại có hai:

Ban đầu suy sắc từ duyên sinh, nên không có tự tánh; kế suy sắc từ tâm sinh nên không có tự tánh. Văn đầu lại có hai:

Ban đầu suy năm hành; kế suy năm tạng. Ban đầu lại có hai; trước ngang kế dọc; kế suy tạng cũng có hai, trước ngang kế dọc, từ như thị trở xuống, kế suy sắc từ tâm sinh nên không có tự tánh, ở trong đó trước ngang kế dọc.

Ban đầu ngang: Là nói do tâm giữ bốn đại nên bốn đại không hai, thức sinh các tâm nên thức như địa, tưởng giữ tướng mạo, như gió động chuyển, tánh thọ lãnh nạp như vật lửa bền chắc, hành tâm là làm như nước đi đến.

Kế sau đây là dọc suy bốn tâm xoay vần tưởng sinh đều không có tự tánh; kế thức từ ở sau; kế đó suy hiện thức theo đến nghiệp sinh như cuồng khác ở sau, kế suy hiện quả, dứt hiện trong nhân.

Trước dụ cho suy; cũng lại không được bốn chữ dụ cho tức, phía Nam ở sau hợp suy như vậy ở sau hợp tức; kế nếu không tùy theo ở sau nhân tức, đã không được ở sau chung kết mười hai chi diệt nên nói không được, khác với tiệm phá, nên gọi là không được, là thành nghĩa mười cõi, cho nên ba tạng chỉ nêu ra Thinh văn. Bên Thông giáo chỉ nêu ra Duyên giác. Lại quán ở sau Bồ-tát ba tạng, trước nêu sáu tệ.

Kế nay từ đây về sau nói nguyện hạnh, trong sáu tệ đầu, đầu tiên

là xan, cũng là trì giới ở sau phá giới, cũng là tâm chí ở sau tức giận, cũng là tinh tấn sau đó biếng nhác nói "Bổ nhương" là người có tinh tấn, bên trong thì giúp chánh đạo ngoài thì cứu giúp cầu nạn, cũng là không thiền sau đó loạn ý, đã bị bệnh rồi chỉ có duyên mến thân quên ở chánh niệm, nên nói bị động, cũng là trí tuệ kém, sau đó ngu si, chẳng thông suốt khổ không.

Kế trong nguyện hạnh trước nguyện kế hạnh, nguyện là bốn hoằng thệ nguyện, hạnh tức sáu độ, bốn chữ đầu là đàn, hai chữ thuận lý là cửa, hai chữ an nhẫn là nhẫn, hai chữ cần gia là tấn, hai chữ chánh ý là thiền, bốn chữ giác ngộ vô thường là trí.

Kế là Bồ-tát Thông giáo, Biệt giáo, như văn rất dễ thấy, trong cõi Bồ-tát đã là ba biệt, do phát tâm trông mong, trí nguyện đều khác, đồng có tâm lợi vật đều gọi là Bồ-tát. Hai giáo Nhị thừa có lý có hợp, một cõi trí khác, nên suy nghĩ rất dễ biết.

Lại ban đầu nêu mười cõi đều gọi là nghĩ bàn, nay nầy trong giải thích chỉ đến Biệt giáo. Cõi Phật cũng có thể chỉ cho Sơ địa Biệt giáo, do Sơ địa Biệt giáo chứng đạo đồng viên, cũng có thể một giáo chung gọi là Bồ-tát, do đạo Biệt giáo thông thỉ chung, đủ như trong quyển hai đã phân biệt xong.

Kế nói trong không thể nghĩ bàn. Nói thẳng nghe, v.v... Trong kinh quyển ba phẩm Trị Bệnh chép: Phật bảo thần cây Bồ-đề: Ở quá khứ có Đức Phật hiệu là Bảo Thắng, sau khi diệt độ có Trưởng giả tên là Trì Thủy khéo biết phương thuốc cứu các bệnh khổ. Trì Thủy có người con tên là Lưu Thủy, lúc ấy trong nước có thiên tai biến loạn, Lưu Thủy thấy vậy tự nghĩ; Cha ta tuổi già không thể đến thành ấp xóm làng ấy được, lại đến chỗ cha hỏi phương thuốc, do đó biết được tất cả phương thuật, đến khắp thành ấp nói rằng: Ta là thầy thuốc, ta là thầy thuốc, biết rành các phương thuốc trị tất cả bệnh, tất cả mọi người nghe rồi bằng lòng trị bệnh, mãi nghe nói bệnh đều trừ, thí như nghe cảnh mầu được nhập Sơ trụ.

Nói sơ quán, tức sơ quán cảnh không thể nghĩ bàn ở sau lại có dụ cho chín pháp. Trong kinh nói: Lại có vô lượng trăm ngàn chúng sinh, bệnh khổ rất nặng khó lành, đến chỗ Trưởng giả trao cho thuốc hay, cũng được bình phục, nay văn từ nghĩa tức dụ cho quán cảnh vô minh chưa dứt, phát tâm như vậy cho đến lìa ái, nên nói các thứ thuốc, dụng quán như vậy cũng được nhập vị Sơ trụ. Dù chưa nhập vị đắc nhập Ngũ phẩm, danh tiểu trừ khỏi, còn tất cả kế sau nói phát tâm, văn đầu nói chung tướng phát tâm, trước cũng nương thứ lớp ba quán, trong mỗi

pháp quán đều có bốn văn.

1- Ban đầu do hoằng thệ tự điều hòa.

2- Kế từ bị hiện sinh.

3- Hiện sinh đắc ích.

4- Kết tên giáo quán.

Như vậy ở sau kết thành nhất tâm, chỉ có ở sau dẫn người làm chứng, nay y theo bệnh khởi bốn hoằng thệ nguyện, tức đồng với ngài Tịnh Danh trụ Thường Tịch Quang, mà hiện hóa trong ba cõi, nên biết Bồ-tát pháp thân tất cả đều như vậy, chỉ có ngài Văn-thù, v.v... ngài Tịnh Danh đã nương hóa không thể nghĩ bàn, nếu chẳng phải đạo lực của ngài Văn-thù kém ngài Tịnh Danh thì làm sao có thể hợp cơ, nương ý chỉ hỏi bệnh, trước truyền ý chỉ vô lượng của Đức Như lai.

Kế tự lập khởi ba lần hỏi.

Đáp: Ở sau cư sĩ đáp; ban đầu đáp nhân bệnh khởi, chúng sinh bệnh nên ở sau đáp bệnh lâu, chúng sinh khỏi bệnh ở sau đáp phải làm sao diệt. Khi Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề, gọi là đại bi, phải biết bệnh nầy cùng phát tâm đồng có, chúng sinh từ vô thỉ bị bệnh nhân quả, Bồ-tát cũng nghĩ bệnh từ vô thỉ, cho nên Bồ-tát tự niệm niệm tha, nên biết bệnh nầy cùng phát tâm đồng khởi, Bồ-tát duyên khắp tất cả chúng sinh, các chúng sinh đều bị bệnh, nên tất cả chúng sinh bệnh thì Bồ-tát cũng bệnh, bệnh chúng sinh lành, bệnh Bồ-tát cũng lành. Nói về chúng sinh ở sau, tức do sở hóa hiện ở năng hóa, phương trượng, v.v...: Là đều nương xưa y bệnh mà khởi thệ nguyện, nên thành đạo rồi có thắng năng nầy. Nói thành tranh đau lưng; Thanh tranh đều là đều là thành nhà, vũ tên đủ như trong quyển một có giải thích.

Nói đau lưng, như trước do bệnh mà nói trong năng lực có dẫn, theo kinh Hưng Khởi Hạnh, Phật bảo ngài Xá-lợi-phất, thuở xưa lâu xa ở đại thành La-duyệt, trong nước có ngày lễ hội, Quốc vương có hai lực sĩ:

1- Dòng Sát-đế-lợi

2- Dòng Bà-la-môn

Đều đến chỗ hội tự đánh nhau, Bà-la-môn bảo Sát-đế-lợi rằng: Khanh đừng đánh ta, ta sẽ cho tiền báu, Sát-đế-lợi không đánh hết sức, để Bà-la-môn khuất phục được, cả hai người đều được vua ban thưởng, Bà-la-môn rốt cuộc không giữ lời hứa, đến sau ngày hội đánh nhau, Bà-la-môn lại cầu xin như trước, Sát-lợi lại hiểu cũng không phục, như vậy đến ba lần, Sát-lợi nghĩ: Bà-la-môn thường lừa dối ta, lại bảo Bà-la-môn: Ông ba lần dối gạt tồi, tôi không dùng vật, lại dùng tay phải

đánh đầu, tay trái đánh lưng, chân quì lưng gãy như cây mía gãy, đánh ba vòng khiến mọi người thấy, rồi sau đánh đất, ngã xuống đất chết ngay. Vua rất vui mừng và ban mười muôn đồng. Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: Lực sĩ Sát-lợi chính là ta, Bà-la-môn là Điều-đạt, ta do sân nên đánh giết lực sĩ, do nầy đọa vào ngục thiêu đốt, hình phạt trị tội trải qua mấy ngàn năm, nay tuy thành Phật mà do nhân duyên còn sót lại nên bị bệnh đau lưng. Đây là nói theo tinh dùng pháp môn lịnh, để lợi ích cho người.

Trong Đại kinh nói: Nay thân nầy của ta tức là pháp thân, vì độ chúng sinh chỉ bày đồng cây độc, do bệnh lợi vật tức là ý nầy.

Thệ Nguyễn nói rõ sơ tâm thệ rộng, hậu tâm mới xứng, tức thể của thệ. Từ bi ở sau nói công năng của thệ, nói pháp hỷ, v.v... đây là Chương Cư nói bổn thứ nhất rằng: Thiền sư Như Hỷ, Đại sư Thiên Thai phát tâm chân thật tùy niệm liền trừ, nếu nói tâm khác nhau thì không chân thật, nầy lại tu sữa văn chân thành, là ở sau được mất.

Thiền sư Hỷ, ban đầu từ Quang Châu cùng bảy người như Pháp Hỷ, v.v... đồng đến Kiến Nghiệp, tức người ấy. Hỷ Sư lớn tuổi hơn Nhĩ Thuận. Đại sư lúc bấy giờ mới hai mươi bảy. Mao Hy đùa rằng: Sao Tôn Sư trẻ, mà đệ tử lại già?

Hỷ Sư nói: Cung kính ở đức, không ở tuổi.

Mao Hỷ hỏi: Thế nào là đức?

Hỷ Sư nói: Khéo nói pháp tức Phú-lâu-na đời sau, hàng ma trừ chướng tức Ưu-ba-cúc-đa đời sau.

Mao Hỷ khéo biết người ấy, triều đình và dân chúng cho là lời chân thật, có lần thật hành Phương Đẳng chim Trĩ đến đòi mạng, Thần vương ngăn rằng: Pháp Hỷ phải đến phương Tây kế đó sinh đắc đạo, há đền mạng cho ông, sau ở Kiến Nghiệp đều thấy thiên hạ cùng biết, nếu phát tâm ở sau phán xét được mất, nói không chân thật, cốt yếu là ba thứ báu, v.v... nầy. Yếu nghĩa là yếu lặc, vừa ngăn vừa ước lược, tự mình không chuyên chí. Trong Yếu Phật Gia Trì chép: nếu Phật không giaa tâm đại bi làm sao tồn tại, cho nên thông thường nói vua phài là Vô thượng.

Nói quy là hoặc cầu quả gần hoặc cầu mau khỏi, có hai lỗi nầy gọi là lừa dối chúng sinh, nếu chân thành thì trái lại hai lỗi trước còn có đến lực Sơ trụ, cho đến cực quả đâu chỉ trừ bệnh mà thôi.

Kế trong an tâm nói: Thể giải, v.v... hễ muốn an tâm, thì trước biểu cảnh; kế khởi hoằng thệ, nên nay an tâm trước lặp lại hai pháp. Thể giải: Là biết canh; phát tâm là khởi thệ. Duy chỉ duy quán là duy

tịch duy chiếu, không còn cầu gì khác; kế là khéo léo dùng năm trăm mười hai lần. Nói thuốc hay, nghi trị thứ nhất là bao gồm vô duyên từ bi, nầy gọi là thuốc hay không cần phải lo lắng đối chuyển bao gồm đầy đủ.

Kế phá pháp khắp, từ ban đầu đến nầy bệnh suy bệnh do tâm, từ nay quán chánh nói dụng quán, ở trong từ đâu đến như huyễn, phá nhân thành, không được bệnh tâm sinh diệt là phá nối tiếp còn đối đãi nhau và giả trung các văn ấy đều được. Ban đầu nhân thành trung phi địa đại không lìa địa đại, bệnh do tâm tạo nên phi địa đại, bệnh thật bệnh thân nên không lìa địa đại, nêu địa là đầu tiên còn cũng giống như vậy, bốn đại không bệnh nên không có thân hợp, tâm đã như huyễn, huyễn vốn không bệnh, thông bít như văn.

Kế trong Đạo Phẩm chép: Chẳng phải các ý bốn đại, cũng đồng với trước, nói phi tịnh, v.v... là nói theo phá đảo, có chân, v.v... là nói theo đế cảnh, tức văn trước nói, bệnh của chúng sinh tôi đều chẳng phải chân, chẳng phải có, cũng là quán bệnh dùng làm Trung đạo cùng ở trong đây mà nói, không giải, v.v... là nói theo quán trí, khô tươi, v.v... là nói về tiêu biểu mà nói, đủ như văn trước nghĩa bao gồm đại tiểu, khô tươi đều lập, chỉ là một niệm viên Bốn niệm xứ, trong trợ đạo nói nếu tu chánh quán tức là chánh hạnh. Chánh hạnh tức là đạo phẩm, v.v... có sáu, nhưng quán sáu chướng trước nếu không trừ, phải là trước kia chỉ quán khí tức tưởng thuật sáu trị, lấy đó làm trợ, chánh trợ hợp hạnh có đủ như trong quyển bảy, còn nhập Sơ trụ được Vô sinh nhẫn, huống là bệnh bốn đại mà không tiêu khỏi.

Giải thích trong vị kế như lưu ly ấy, v.v... nước trong nên thấy sâu, vì thế chưa được, tuy quán tức đây là chưa nhập vị, nên nói theo sáu tức thì đầu cuối không khỏi các tai nạn, tức ba tiểu tai, nghĩa là đao bịnh, ôn dịch, đói khát, hoặc ba đại tai là hỏa tai, thủy tai và phong tai, sáu căn tuy tịnh thật quả trói thân, ở cõi cõi dục, cõi sắc hoặc gặp ba tiểu tai, dù gặp mạt kiếp pháp nhĩ lìa tai, nếu nhập vô sinh như Đàm-vô-kiệt còn có quả thân gọi là quả bệnh, nay ta không chứng các vị như trên, đâu được tự cho là bằng thượng nhân ấy.

Kế là đại xa thí như văn; kế nói nghiệp cảnh, trước nói trong ý rằng: Nay tu chỉ quán, chỉ quán như ánh sáng mặt trời, nghiệp tướng như muôn tượng, người nghi nói phân biệt ở sau.

Ban đầu dẫn hai kinh, để chứng minh đại tiểu đều có tướng, kế dẫn trong Pháp Hoa, do đạt sâu nên thấy tướng mười cõi.

Kế dẫn ngài Tịnh Danh, do nghĩa bậc nhất khéo phân biệt nghiệp,

bốn kinh nói văn đại tiểu hữu tướng, vì sao nghi nói Đại thừa vô tướng; kế khai chương giải thích riêng.

Ban đầu trong nhân duyên trước chỉ bày nhân duyên trong ngoài, trong nội nhân duyên nói tâm lần lần sáng sạch cũng có thể nói sáng tịnh, sáng sạch nói thông suốt chỉ quán, nếu nói sáng tịnh thì dùng hai chữ biệt đối chỉ quán, do chỉ quán nên thiện ác có sinh diệt, do hai đời thiện ác, ác có nặng nhẹ, thiện có tà chánh, và tu chỉ quán động nghiệp quá khứ, lại do chỉ quán thiện ác sinh diệt, chỉ là do ở Chỉ Quán thấy tướng sinh diệt chẳng phải cho rằng: Chỉ Quán khiến thiện ác sinh diệt nên nêu dụ cho rằng: Như gương được mài, v.v... lý tánh như gương bóng tối tan như trần. Chỉ quán như mài, nghiệp như bóng tượng hiện.

Kế nói duyên ngoài: Chư Phật, Bồ-tát nói mình là ngoài trong văn chỉ bày tướng tuy tức trong ngoài hai duyên đều nói, theo lý thì phải trong ngoài hòa hợp, văn nói riêng, từ mạnh mà đặt tên, như quyển một trong cảm ứng cũng có các thuyết nhân duyên, ở đây cũng như vậy, tu quán là hiển cơ. Chư Phật là hiển ứng, vừa được là vừa minh vừa hiển cơ, vừa minh vừa hiển ứng, cũng có không tu mà cảm, tu mà không cảm, không tu không cảm để phán xét cơ ứng minh hiển bốn câu. Chúng sinh, v.v... có bốn món rõ cơ có thể khiến Chư Phật không khởi diệt định, chỉ bày tướng thiện ác, thiền lực có thể chỉ bày gọi là thiền thiện ác, chỉ bày tướng hiển rõ như hoa chỉ bày cho người. Nếu được, v.v... là nói tướng thức đã tự ích, ích tha, nay chỉ, v.v... là nói lý do lập cảnh.

Kế chánh nói nghiệp tướng phát trong đó nói có sáu ý, là thứ nhất thứ hai phát riêng tập nhân báo quả, thứ ba thứ tư nhân quả xen nhau phát, thứ năm đều phát, thứ sáu xen lẫn, tóm lại thì chỉ là tập nhân báo quả pháp tướng, sáu món nầy phát thông đầu tiên ở sau hai tướng thiện ác. Đến sau giải thích văn chỉ nói hai tướng, còn chỉ lược chỉ văn nầy mà nói trước sau đều xen lẫn nên dùng ý mà biết. Văn đầu trước giải thích tập nhân tập quả; kế giải thích báo nhân báo quả, tập quả báo nhân văn thì không lập hai nghĩa nên cũng phải giải thích:

1- Tương đối nên giải thích.

2- Hoặc xen đặt tên.

Cho nên trong văn dẫn luận giải thích chung. Nói tập nhân là tự phân thân, v.v... trong luận Tân kinh gọi là nhân đồng thứ, nên trong Câu-xá nói, có thể tạo tác và có chung, đồng loài cùng tương ứng biến hành và khác thục thừa nhận nhận chỉ có sáu món, nay lại y theo Đại luận lược nêu ra tướng sáu nhân.

Kế bỏ bớt văn nay, luận ba mươi hai nói: Nói sáu nhân là sở tác

nhân cộng nhân, tự chủng nhân, biến nhân, nhân tương ưng và báo nhân.

Nói bốn duyên; là nhân duyên, thứ lớp duyên, duyên duyên, duyên tăng thượng, tân dịch duyên thứ đệ gọi là Đẳng vô gián duyên, duyên duyên gọi là sở duyên duyên, còn hai tên đồng. Nhưng ngài Long Thọ đặt tên ngài La-thập phiên dịch, tuy tiểu khác nhau nên chẳng phải hoàn toàn sai, vì trong Đại luận là một nhà thường dùng, danh tự hơi giống nên lại nương. Trong Đại Phẩm nói: Muốn biết bốn duyên, phải học Bát-nhã, trong Đại luận giải thích rằng: bốn duyên trong Bát-nhã đều không thật có, vì sao nói muốn biết bốn duyên phải học Bát-nhã?

Đáp: Ông không biết tướng Bát-nhã cho nên nói Bát-nhã không có bốn duyên, Bát-nhã đối với tất cả pháp không xả, rốt ráo thanh tịnh không có các nói suông, như Phật đã nói bốn duyên, nhưng nói thiểu phần, người không có trí chấp bốn duyên mà sinh hý luận, vì phá chấp nên nói thật tướng, các pháp là không vô sở hữu, phá các tâm nầy như mộng như huyễn, nên biết bốn duyên chẳng phải rất sâu, các pháp thiểu phần Bát-nhã, cho nên tuy nói nên biết lìa chấp. Thế nào là chấp, nghĩa là rốt ráo đầy thời danh chấp, nay vì nói sự độ sự che tướng phát thiện ác, là thuộc bốn nhân trong sáu nhân trong bốn duyên, có nhiều ít khác nhau, cho nên nói lược bốn nhân cho đến sáu nhân, như ở sau tu quán nên quán nhân duyên tức là pháp giới, muốn biết bốn duyên trước nói sáu nhân, nhân sở tác là không ngãi đối với tha. Nhân tương ưng là pháp tâm, tâm sở, đồng tướng đồng duyên, do tâm, tâm pháp tương ưng nhau, gọi là nhân tương ưng, pháp tâm, tâm sở dùng tâm tương ưng làm nhân, gọi là nhân tương ưng, như thân hữu tri thức hòa hợp thành sự. Cộng nhân, tất cả pháp hữu vi đều cộng sinh nhân, do cộng sinh cho nên lại giúp nhau, như anh em đồng sinh thành tựu giúp đỡ lẫn nhau. Tự chủng nhân, là pháp thiện quá khứ làm nhân với pháp thiện hiện tại, pháp thiện hiện tại làm nhân với pháp thiện vị lai, pháp ác vô ký cũng giống như vậy, tất cả mỗi pháp đều có tự chủng nhân. Biến nhân là khổ tập đế ở sau mười một biến, gọi là biến nhân. Báo nhân là làm nhân thiện ác được báo thiện ác, gọi là báo nhân.

Nói bốn duyên là như năm nhân trên gọi là nhân duyên, pháp tâm, tâm sở thứ lớp vô gián tương trụ mà khởi gọi là duyên thứ đệ, pháp tâm, tâm sở nương gá duyên sinh, gọi là duyên duyên, khi các pháp sinh không sinh chướng ngại, gọi là duyên tăng thượng. Lại nữa, pháp tâm, tâm sở từ bốn duyên sinh, vô tưởng diệt định từ ba duyên sinh, trừ duyên duyên, còn các tâm số bất tương ưng hành và từ hai duyên sinh,

trừ duyên thứ đệ và duyên duyên, còn pháp hữu vi liệt không có từ một duyên sinh, báo sinh pháp tâm, tâm sở từ năm nhân sinh, trừ biến nhân, vô lậu pháp tâm, tâm sở từ ba nhân sinh, nghĩa là tương ưng cộng và vô chướng ngại, trong thành luận chỉ hợp ba nhân bốn duyên, đủ như trong Huyền Thích Tiêm thứ mười có ghi, nay nghiệp tướng phát thuộc hai nhân tập, báo.

Tập nhân là tự chủng nhân, văn bao gồm giải thích ở tập quả báo nhân nhân đời trước niệm thiện ác trước, nên đời sau niệm thiện ác sau được khởi đều gọi là tập nhân, đã pháp tâm, tâm sở cộng tướng nhân y cũng được gọi là nhân tương ưng, vì không chướng ngại nên cũng được gọi là nhân sở tác, đều có trợ tác nên cũng gọi là cộng nhân, nếu tế tướng khởi cũng gọi là biến nhân, do tập do đây chưa thể chiêu vời quả báo, nên không gọi là báo nhân.

Nói báo quả, cũng chỉ có bốn nhân, sở tác tự chủng, cộng nhân, báo nhân, ngay quả tướng hiện nên nói báo quả, y cứ lý thật là báo nhân mà thôi, không cùng nhiễm pháp của năm bộ làm nhân chung, chẳng phải nhân biến hành, chẳng phải tâm, tâm sơ không nhân tương ưng. Nếu dùng nhân tập so sánh trong bốn duyên được nhân duyên nầy có ba không nương gà duyên mà khởi, không có duyên sở duyên. Khi tập nhân khởi cũng có nghĩa tăng thượng và có vô gián nối tiếp, cũng gọi là thứ đệ, quả báo chỉ ở nhân duyên tăng thượng. Luận về nghĩa nhân duyên căn bản của Phật pháp là bỏ tà theo chánh, nguồn gốc nhập đạo tu quán, nên tập Phật pháp, không thể hoàn toàn mê, nay vì phán xét nghiệp tướng chưa có nói rộng, cũng là tu quán nói rộng chẳng phải gấp nên y theo Đại luận lược được ra danh tướng, văn từ đâu ở sau giải thích trước.

Kế nói phát tướng; ban đầu trước nói tập nhân tập quả, ở giữa trước chánh giải thích; kế phán xét ba tánh, nói tập quả là y quả, y theo tập nhân mà có tập quả, tức quả đẳng lưu, do y cứ theo sát-na giải thích tập quả, nên y theo niệm trước niệm sau để nói rõ; kế từ nghĩa nầy trở xuống phán xét ba tánh, từ sát-na mà nói, hoặc đầu cuối mà nói, tức quả vô lậu không chung ba tánh; kế theo luận gia ở sau giải thích tập nhân, tập quả không thông ba tánh; Kế nói bào nhân báo quả đã hợp tập nhân, tập quả, dùng làm báo nhân, phải biết tên tuy có bốn mà chỉ thành ba nghĩa, chỉ dùng hai tập mong ở hai báo, lại đặt tên nhân; kế y cứ nay ở sau luận gia lại giải thích tập nhân tập quả, cách đời phát khởi đồng thứ tập quả, do hai tập nầy về sau gọi là nhân nói danh quả trước, nầy thời trên nhân quả lại lập nhân quả, mong nhân trước cùng quả đều gọi

là quả, nói ở sau thì nhân và quả, đều gọi là Nhân, nầy cũng là hữu lậu cho nên y theo ba đời, đây và Tỳ-đàm có hai cách giải thích khác nhau, luận ấy có hai cách giải thích đều không nói về ba đời.

Kế số gia ở sau lại nói số gia và luận, phán xét báo quả tập quả ít khác, tuy phán xét thuộc về dâm nhiều khác nhau, nhưng giải thích nghĩa cũng không sai biệt với luận gia, thường y luận Tỳ-đàm theo trước mà giải thích. Lại đời nay ở sau luận gia lặp lại giải thích hơi khác cách giải thích trước, hai nhân hai quả đều cách đời, y theo luận thành nghiệp, chưa thành nghiệp, v.v... do phán xét tập nhân báo nhân, y theo cách đời lặp lại khởi dùng làm tập quả, đền đáp báo đời trước gọi là báo quả, bốn tên nầy có bốn nghĩa, khác nhau cách giải thích trước chỉ thành ba nghĩa, hoặc từ ngồi thiền kế sau nói tướng hiện.

Ban đầu nói báo quả trong tướng hiện nói xen đặt tên, khi tướng nầy khởi thì gọi là quả tướng, do báo nhân xưa nên có chiêu cảm quả báo, gọi là báo quả, cũng được gọi là nhân, chưa đền đáp nhân, nên lại có thể ở sau nói khi tướng quả báo nầy hiện, tức là nhân năng khởi, do đây quyết định chiêu vời lấy quả đương lai, cho nên tướng nầy cũng được gọi là báo nhân, nay chỉ ở sau phán xét tướng, hậu báo quả tướng sẽ ở hiện tại cho nên gọi là báo quả tướng hiện, gọi là xen thọ đặt tên.

Kế nếu ngồi ở sau nói tập nhân phát tướng ở trong đó cũng nói xen thọ tên, vì hý luận nầy khi tâm tập khởi gọi là tập nhân, có thể dẫn dắt ở sau có thể làm sau đó thành tựu tập quả, cũng được gọi là tập quả, nói tập nhân khi tâm khởi, do xưa có khởi nên nói đền đáp xưa, thì gọi tướng nầy cũng được gọi quả, gọi là xen nhau thọ tên, nên biết tập nhân quả báo trong đây đều y cứ về ta hiện gọi là xen thọ tên, nếu như Tỳ-đàm, tập quả đương lai mong bào làm nhân, và cách đời tập quả mong sau làm nhân, tuy cũng gọi là xen thọ tên ấy, nhưng nghĩa ý thì khác với tướng hiện nay, hoặc đem ý nầy để phán xét tế độ, thiện ác tuy khác tướng ấy rất dễ thấy, từ thiện tướng chúng nhiều ở sau phân biệt nói phát tướng.

Ban đầu trong Sáu độ trước nói tướng bố thí, các tướng khác nhau, tùy theo thấy một thứ, tức tiêu biểu cho báo tướng, trong ấy tuy có thấy người mà không thấy vật, hoặc có thấy vật mà không thấy người, v.v... nhưng khiến cho thấy tướng và tập nhân khác nhau tức gọi là báo tướng, năm độ sau y theo đây nên biết.

Kế đều không thấy ở sau nói tập nhân phát trong ấy, mãi như vậy khởi tâm gọi là Tập, tiêu biểu quá khứ tiêu biểu hiện tại, tướng ấy không khác năm độ sau cũng y theo đây nên biết.

Nói pháp môn: Là hai đời quá khứ hiện tại, hoặc phân biệt riêng pháp môn bố thí, hoặc khi muốn thì trước phải phân biệt các tâm tà chánh thiên viên, cho nên tâm nầy hiện chung gọi là Tập nhân, độ nầy đã như vậy các văn đều nêu bày như.

Kế trong giới tướng nói Thập sư, lại nương một pháp Trung quốc mà nói, là nói quần áo, trên gọi là áo, dưới gọi là xiêm, nên phục sức của người xưa như Đạo sĩ không có áo choàng nầy, đến thời Ngụy, Đạo sĩ mới bắt đầu thêm áo choàng ngang, nay người xuất gia cũng dùng ca sa Niết-bàn tăng để ví dụ áo xiêm. Bổn thứ nhất nói, một người Trần Lưu ngồi thiền phát tập bỗng nhiên giảng luật, các tướng nhẫn thiền lược nên biết. Trong trí tướng nói cảnh Bồ-tát, nói chung thông thủ Bồ-tát ba giáo, nếu nói về hiện tướng phần nhiều ở sự, Bồ-tát ba tạng cũng có trí vô thường phục hoặc, cho đến Biệt giáo trụ tiền mong lý, cũng được gọi là sự, nếu trí Nhị thừa thông thủ cũng nên nương vào văn Bát-nhã. Sáu độ biệt luận duy ở Đại thừa, tuy nầy phân biệt Thông giáo, Biệt giáo bỏ lấy tướng định ấy quyết định thuộc về trong cảnh Nhị thừa Bồ-tát, cho nên chỉ ở hậu cảnh, tập báo sáu độ ở sau khuyên răn. Quyển năm ở trước, đã khuyên rằng: Cẩn thận siêng năng chú trọng, nhưng tìm rõ sáu ý chẳng việc nào không rõ, các sư ở các phương ở sau kế nói phán xét phải bồi thường trong cái khác nhau. Chữ “thác” là nên làm, là cầu vật tiếng ở trong Tam bảo, mượn vật chưa trả lại, (tức được người khác trả lại). Nếu viết chữ “Thải”, thì trước có mượn cho họ (tức thay người khác trả lại) chẳng phải ý trong đây, Tiểu thừa chấp quả còn thừa nhận không đền trả, huống chi nay bổn Đại thừa làm lên tha, gần thì trong mong đến cực quả, rộng năng ích cúng dường ba bảo. Nên biết hai thừa Đại Tiểu chánh vì nhập đạo đều chưa đền trả, xưa mắc nợ tuy như vậy rốt cuộc không có mới tạo, chữ “để” cũng có thể làm chữ “để”, để là chống cự.

Kế nói hiện tướng sáu tế, trong san nói là mỏi mệt, cấu là sỉ nhục (thừa nhận tay chạm nhau khi chạm trái ba lần).

Kế nói trong phá giới chỉ nêu tướng tánh giới của bảy chi, giá giới chẳng phải một lược đưa một giới rượu, nêu bày chung các già, sân cho nên liền giết, tham cho nên dâm, hai giới nầy và trộm đến miệng có bốn lỗi, tức bảy chi, nếu miệng có bốn lỗi thì đồng một nói dối, tức năm giới.

Lại nữa, trong tâm ở sau lược nêu tướng bốn phần tập nhân, còn bao nhiêu lược không nói đến, kế phân biệt.

Ban đầu y cứ lược về chướng không chướng trong phân biệt, trước

nêu bày bốn câu.

Kế giải thích; sau nữa phán xét; ban đầu y theo sự sinh diệt để phán xét; kế y theo ba đế trong đó nói ban đầu thiện, gồm y theo hữu lậu cho đến ba đế, nên gọi hữu lậu là sơ thiện; kế y theo tác, vô tác nói tánh và vô tác, tập nhân đã dùng nội tâm suy nghiệm, chỉ y tâm phán xét thiện ác dễ, báo quả tướng ở trong thiền tâm, bỗng hiện cảnh ngoài do ở tâm, cho nên khó phán xét hoặc thiện báo tướng ở sau chánh phán xét, nay do tánh thiện ác, lúc nhân ắt quả giúp nhau mà khởi, nên sau tướng hiện cũng phải giúp nhau. Nếu vô tác thiện ác một phen phát về sau chưa xả lỗi, nhậm vận thường có, cho nên nay tướng hiện không nhờ nội tâm, ở đây lại y cứ phát được hình dáng đều là vô tác, nếu tác đều vô tác cũng nhờ nội tâm dùng khi làm việc, ắt phải là ở tâm, cho nên nếu có ngoại tướng lại có nội tâm, hoặc là lúc nhân làm đều vô tác, đã thành vô tác, lúc sau trái giáo và trái bổn, gọi là trái vô tác, cho nên vô tác ở sau lại dùng mười pháp ba tướng đến suy nghiệm. Lại nữa các ác ở sau lại y cứ ba thời để phán xét tánh thiện sinh ác diệt, văn nói ban đầu sân sau hỷ thời tướng ác diệt, lấy nầy nêu bày trước hỷ sau sân, tức tướng thiện diệt, trước sau đều sân tức tướng ác sinh, trước sau đều hỷ tức tướng thiện sinh. "Gián" viết chữ rằng: Dùng đạo dạy bảo người gọi là "gián" "gián" có năm: Nghĩa là thuận tụng cám dỗ sa đọa, trong đây là tụng khuyên can.

Phàm phát tâm ở sau y cứ giải hạnh để phân biệt, nếu tự chánh chánh tha ở sau y cứ sư chứng minh để phân biệt, vì người khác phán xét tướng thật không dễ dàng, nên phải tự chứng mới nêu bày lời nói được. Cái gọi là chứng, chẳng phải cho là nhập vị, chỉ là từng cảm lấy tự để chứng cho người, hoặc hoàn toàn chưa cảm mất không có họ sư, nên dùng văn nầy và trong thiền môn suy nghiệm tướng thiện ác và miệng quyết của Đại sư so sánh thêm để sơ lược để biết, nếu không như vậy, thì chỉ dùng quán không thể nghĩ bàn mà quán xét, khiến thành cảnh không thể nghĩ bàn, tất cả các chướng không bằng là sao? tức như văn trước mà quán hiểu, trong văn sở dĩ răn dè là e người học đời sau tự không cố gắng thực hành nương tựa theo kiểu cạn, luống chiếm ngôi vị họ sư, phán đoán rộng, trái lại tự mình làm chìm đắm sự lợi ích người khác, không có bao nhiêu, nếu cận sư thị lý phải bàn luận hỏi nghi, nhưng phải khéo dụng sức quán chống cự. "Thị" là họ tộc, người xưa từ chữ sư mà làm dòng họ, cho nên từ xưa gọi là "sư thị", tự an công đến nay đồng gọi là thích chủng.

Hỏi: Ở sau phân biệt hiện tướng nghi, trong lời hỏi vốn hỏi các

tướng hiện nghiệp ác.

Trong lời đáp không đâu chẳng hỏi tướng hiện. Cho nên văn đầu chỉ nói thật. Phàm đạo tràng thần bảo hộ oán trách, như quân ngu hầu. Nhưng nghiệp là thật trách chẳng phải thần ngăn ngừa. Nói phòng, là ngăn nhiễu loạn. Nói "ngu hầu" là vị quan trong quân đi tuần tra hầu hạ, "ngu" là trợ giúp, là chuyên, là đầy đủ, hầu là tư, cũng nói là vị quan, cũng nói là vị quan coi giữ núi sông, việc coi giữ núi sông chẳng phải thường, dò xét cũng là hầu, cũng là trông coi.

Lại nữa các nghiệp ở sau giải thích thiếu sơ lược cho nên nghi, nói hai nhà ấy làm thiếu lẫn nhau, trong luận Tỳ-đàm thiếu pháp quán, trong luận thiếu nghiệp tướng, nay nói lược nghiệp, tướng đủ nói rõ tà chánh, khắp nói pháp quán nhập môn sâu xa, tự hành nhập đạo trở thành hữu dư. Nếu mong hai nhà tuy nói chưa đủ, hai luận chỉ nói khắp pháp tướng mà thôi, y theo pháp thành quán luận ấy sơ lược.

Kế chánh nói trong tu quán; ban đầu văn nghĩ bàn sáu cõi, lược nêu mà thôi, kế chung kết, nói các nghiệp như vậy vời lấy sắc tâm, các nghiệp thiện ác không ngoài giới nội phân đoạn sinh tử, nên nói sắc tâm, sắc tâm cũng thuộc mười cõi thiện ác, đâu chỉ có sáu cõi, nay lại nêu có sáu, đủ như cảnh ấm nhập, ban đầu nêu ra kinh luận; kế Thinh văn quán nghiệp cùng tận, Duyên giác quán nghiệp là hạnh, đều không nói vô thường cũng huyễn hóa, ý chung cho hai giáo Thanh văn, v.v... Thông giáo không Bồ-tát là chung Ba thừa. Lại trong văn không nêu Bồ-tát ba tạng, trước đã phát so lường nghĩa tương đương với Bồ-tát ba tạng.

Kế nói cảnh không thể nghĩ bàn; ban đầu lặp lại so sánh quyết định, nêu ra trong Pháp Hoa chiếu khắp mười phương, v.v... văn sau đã nói hai báo y chánh, mười phương đây là đủ hai ý, nếu thực hành chánh báo tức dùng mười phương tiêu biểu cho mười cõi, tuy nói trăm cõi ngàn pháp, v.v... không ra ngoài mười cõi, nếu thực hành ý báo, ba ngàn thế gian cũng không ngoài mười phương, năng chiếu tức là quán không thể nghĩ bàn, sở chiếu tức là cảnh không thể nghĩ bàn, mười cõi y chánh hai ý đầy đủ nên rất sâu xa.

Kế chánh nói chặng giữa trước nêu cảnh; kế là dẫn chứng.

Hỏi: Trong chứng cứ đã dẫn trong Hoa Nghiêm, là đồng với Biệt giáo trong kinh trước dẫn, nay thành Viên giáo vì sao nói khác?

Đáp: Trước nói Biệt giáo chỉ nói địa là năng sinh, năng sở khác nhau nên thành nghĩa biệt, nay nói Viên giáo thể địa sinh tánh tất cả đầy đủ, huống chi lại bền chắc đều là đất cứng, năng sinh sở sinh không

đâu chẳng phải pháp giới, đã đạt sâu nghiệp rồi sau đó phát tâm, là vì đối nghiệp, ở sau mỗi văn đều y cứ về thiện ác, trước cũng nương tựa ba tướng ba đế, kế đó mới gồm lược nhất tâm ba đế, mỗi pháp đều nói chẳng phải trái chẳng phải thuận, phải biết đều nương thứ lớp mà nói điều không thứ lớp; kế trong an tâm từ nghiệp không trở đi, cũng nương thứ lớp để nói không thứ lớp, trong mỗi đế đều nói thiện thuận ác tức là thiện thuận, tức quán ác tức tức chỉ, kế phá khắp chặng giữa trước dẫn ra hai luận, tuy lại đều tính cộng thành ba đời, ba đời tức là cảnh sở quán; Kế theo nay quán ở sau tức quán năng quán, cũng lại y theo lược thứ lớp nên trước quán không, sau kết thành ba đế tướng ba đời gọi là dọc; kế nếu nói ở sau trong quá khứ hiện tại, do thời gian đối nhau là ngang, đó gọi là tế chủ, chủ là ngã, trong mỗi đời đều suy ra bốn câu, lại gọi là ngang, ba đời ở sau kết thành quán không mà nói giả quán ở sau, cho nên Trung quán ở sau; kế là trong thông bít có bốn câu, nghiệp tức hữu lậu, phi nghiệp tức vô lậu, vừa nghiệp vừa phi nghiệp tức xuất giả. Trước đã nhập không, gọi là phi nghiệp, lại tên xuất giả cũng là Nghiệp. Song phi tức là Trung đạo nghiệp phi lậu phi vô lậu trong mỗi câu góp nhặt năng sở đủ như âm cảnh; kế trong đạo phẩm từ thành luận đến thân niệm xứ là niệm xứ. Ý nghiệp khởi riêng là tâm niệm xứ, ý được thật pháp, gọi là thọ niệm xứ, tướng được giả gọi là tướng ấm, hành thì đồng duyên là hành ấm, tưởng hành hai ấm cộng thành pháp niệm, và thân miệng nghiệp gọi là thân niệm xứ, chúng thành Bốn niệm xứ, y kinh bộ tông thứ lớp mà khởi, được thực hành thuyết nầy, như văn trong Tỳ-đàm, ở đây lại lược thuật ba tạng, niệm xứ từ nay quán bỏ chánh nói Bốn niệm xứ vô tác. Nói đồng thứ, tuy mười cõi khác nhau, nhưng đồng gọi là năm ấm, nên gọi là đồng thứ, còn bao nhiêu như trong ấm cảnh có nói.

Kế nói trong trợ đạo, niệm Phật trị chướng, chướng tức là nghiệp, nên dùng niệm Phật để làm đối trị niệm ba mươi hai tướng và công đức báo Phật, nghiệp ác thô trọng phải thêm sắc tướng, cho nên phải niệm ba mươi hai tướng của Phật, lại niệm công đức sở hữu báo Phật, mới thành trị được, nếu chỉ nhân thiện tập tâm khởi, thì chỉ niệm pháp môn Phật, dùng làm đối trị, nếu quả tướng thiện báo hiện, báo là sắc pháp, cho nên chỉ niệm sắc tướng ứng Phật làm đối trị, nếu quả tướng ác báo hiện khiến niệm pháp môn Phật, y theo nêu bày tập nhân nghiệp ác, đã niệm ba mươi hai tướng cho đến báo Phật vô lượng công đức, nay chỉ khiến niệm pháp môn Phật, văn từ cao siêu mà nói, nêu lý bổn duyên không thể trị ác. Nói nghiệp ác chướng chuyển là nói chung thiện ác đều là chướng, sáu tệ nghiệp nặng nhất là năng chướng, nên nói theo

ác.

Kế nói cảnh ma, nói việc ma, là thiên ma chánh do thuận theo sinh tử tham năm dục, lui sụt Bồ-đề, ganh ghét quyến thuộc là sự.

Hành: Là hành nghiệp ma, nay trái nhân đời trước việc đời trước lại ngăn, nên nói việc ma, trong Đại luận ma do phá pháp thiện của người thành sự đủ như trong phẩm Việc ma có nói: Ban đầu trong ý có đủ phá bốn tất, nói tu bốn món Tam-muội, lặp lại trước tu chung ấm nhập, từ ác đến dục bỏ hết, lặp lại nghiệp cảnh ở trước. Trước quán nghiệp cảnh là không thể nghĩ bàn, việc ác đem bỏ lý thiện sẽ sinh, ma sợ xuất cảnh làm tổn hoại việc, cho nên phải quán cảnh việc ma nên có cảnh nầy kế đó có nghiệp cảnh.

Nói xuất cảnh là ý phá thế giới lại phải bỏ, e sinh lý thiện phá ý của người, lại ý suy nghĩ bỏ phá đối trị, được thần thông rộng lớn, được trí tuệ quán rộng lớn.

Chỉ quán ấy có thể hoại ngã, cho nên nay ta phải dự phá, vội vàng đến.

Nói hoại gốc lành, phàm ma chỉ có ganh ghét thiện Bồ-đề mà không ganh ghét hữu lậu, hữu lậu đồng với ma nên ma không ganh ghét. Nói đương cõi, cận cõi Dục thành cõi xa là phi tưởng thành cõi. Nếu biết chúng sinh không ngoài sinh tử, không kính mến Phật thừa, ma đối với người cũng nghĩ là thân.

Mậu: Trong sách Nhĩ Nhã nói là ngăn trở, giữ để dứt giặc chỗ cố từ người cầm binh, nên Phật đối với ma như kẻ thù. Trong kinh nói khứ, nghe phẩm Ma sự trong Đại phẩm, có người nói là tội, vì ma có sự nhận sự có tội, nên gọi là tội ma, lại chỉ thuận theo sinh tử đều gọi là ma tội, trong Đại Phẩm nói: Giáo Bồ-tát lìa Lục Ba-la-mật đều gọi là việc ma, lại có ác tri thức cũng gọi là việc ma.

Lại tội ma: Đại Bồ-tát không nói chúng sinh lời này, ma làm tượng Phật, Bồ-tát tượng tăng đến dạy rằng: Dụng là Lục Ba-la-mật. Có chỗ nói: Ông không có chân thật Bồ-đề, chẳng phải hạnh không lui sụt, cũng không được Bồ-đề, có chỗ nói: Giữa hư không không có tất cả pháp dụng Bồ-đề nầy, hoặc nói: Giữa hư không cũng không có dụng Ba thừa là Bồ-đề, không gọi Bồ-tát mà đều gọi là việc ma ma tội. Trong kinh Đại phẩm quyển tám mươi nói: Có việc ma vi tế, chưa được Bạt trí mà cuồng nói đã được, theo văn nay tức là ma-la có thể làm các việc như trên, cho nên phải lược biết các việc như vậy, nếu không vì người khác khéo phân biệt, gọi là ác tri thức, đều gọi là tội ma, nếu thông suốt ở sau lược chỉ bày cảnh quán phá tướng ác, ác nếu đã phá hoại hoài bão

như vậy, biết cõi ma như ở sau ý nghĩa đệ nhất, ma và Phật lý là một nên gọi là như.

Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Khi Phật nói kinh nầy thì thọ ký trong chúng có hai trăm ma nữ, đã từng ở chỗ năm trăm Đức Phật trồng sâu gốc lành, trải qua bảy trăm A-tăng-kỳ kiếp, sẽ được thành Phật đồng hiện là Tịnh Vương, ma nghe các nữ được thọ ký thành Phật, đến bạch Phật rằng: Nay ta đối với quyến thuộc của mình không được tự tại, lúc bấy giờ ma nữ thị hiện tưởng yếu đuối mà giảng nói diệu lý, lại nói lời ma: Ông chớ sầu não chúng tôi ngày nay, không ra ngoài cõi ông, vì sao? Vì cõi ma như cõi Phật như, không hai không khác, chúng ta không lìa cõi ma như vậy, vì cõi ma tức cõi Phật, cõi ma không có pháp nhất định để chỉ bày, cõi Phật cũng không có pháp nhất định để chỉ bày, tất cả các pháp đều không có tánh nhất định, vì không có tánh nhất định nên không có quyến thuộc và phi quyến thuộc.

Kế giải thích riêng chặng giữa ban đầu nói khác là cùng bốn cảnh trước đối diện tướng khác, trong văn nghiệp cảnh sơ lược không đối nói, song bỏ bốn đảo, cùng bốn đảo nói khác, vă nói bốn đảo chỉ là ma phiền não, như trong cảnh phiền não trước đã dẫn ra mười quân, trong mười quân nầy đầy đủ bốn đảo. Nên nói bốn ma tuy chỉ phiền não, do phiền não nên sinh ba ma sau, nếu mười quân trước là ma gây ra lại thuộc cảnh nay, nếu ngoại giới ở sau y theo giới mà nói về khác, y theo văn thứ hai mươi đã dùng bốn món vô thường, là bốn ma ngoại giới, nầy chính là thông suốt đặt tên ma, chẳng phải nay là cảnh ma, nếu lại do Niết-bàn mà nêu bày văn nầy, giới nội phiền não cũng là bốn đảo đối với các ấm thây chếtên tử đồng với ba, hợp thành bảy ma, y theo nêu bày giới ngoại cùng thành bây trong ngoài, hợp thành mười bốn ma, nên phải phân biệt trong ngoài ấm thây chếtên tử ba ma. Nay nói khác nhưng không được dùng tên bốn món vô thường để đối trị ấm, v.v..., nếu trong các luận, là giới nội gọi là thường, v.v... bốn món, giới ngoại gọi là bốn món vô thường. Bốn ma nầy tên thể đều khác, Thiên tử ba món nội, ngoại, ấm tử, thể khác tên đồng, cho nên phải nói đồng và khác.

Trong Đại luận quyển sáu hỏi, chỗ nào nói ấm là ma?

Đáp: Phật ở núi Mạt-câu-la dạy La-đà rằng: Sắc là ma cho đến thức là ma, đây là lại nói theo giới nội, nói cho đến Đẳng giác ba ma đã qua, đây là trong kinh Anh Lạc dạy nói, nếu từ thật mà nói lỗi thì đều lỗi, nói không có thiên ma thứ sáu, đã đến Đẳng giác ba ma đã qua, duy còn có một phần tử ma, nầy vẫn từ giáo, nên Đẳng giác về trước bốn ma đầy đủ.

Hỏi: Lúc bấy giờ chỉ nên có phiền não ấm và biến dịch sinh tử, làm sao có ma Thiên tử được? Nên văn giải thích rằng: Thật không có sáu cõi trời, ma Thiên tử chỉ là mầu đỏ Tam-muội chưa cùng tột, ở trong nghĩa lập Thiên tử ma, cho nên gọi là đầy đủ bốn ma, nên biết phàm giới nội gọi là chung đến giới ngoại, đều là nghĩa lập thể không được đồng, nên mầu đỏ Tam-muội quán ở cõi trời Tha hóa tự tại, phá ba hoặc cõi trời ấy chưa hết, cho nên gọi chung là ma Thiên tử, trong Đại kinh mười ba có nêu đủ tên hai mươi lăm Tam-muội, văn thứ tư giải thích chân thật.

Kế dẫn văn kinh để nói đồng khác, trong tân kinh quyển năm mươi tám, phẩm Ly Thế Gian nói: Đại Bồ-tát có mười thứ ma:

1- Ma Ấm, sinh các thủ

2- Ma Phiền não, vì sinh tạp nhiễm

3- Ma Nghiệp, vì chướng ngại

4- Ma Tâm, vì khởi cao mạn.

5- Ma chết, vì bỏ chỗ sinh.

6- Ma trời, vì tự kiêu mạn, buông lung.

7- Ma gốc lành, vì hằng chấp thủ.

8- Ma Tam-muội, vì đắm vị lâu dài.

9- Ma Thiện tri thức, vì tâm khởi chấp.

10- Ma Bồ-đề pháp trí, vì thường không xả.

Nếu dùng mười pháp nầy để nói văn nay có hai ý thông biệt, đó nói là Thông.

Mười ma trong mỗi giới trong ngoài, nghĩa là giới nội ấm và giới ngoại ấm, cho đến Nhị thừa Bồ-đề pháp trí, Bồ-tát Biệt giáo, Bồ-đề pháp trí, hoặc trong Biệt luận, sáu pháp chỉ có giới nội còn chung giới ngoại, trong sáu pháp giới nội ban đầu một năm sáu, giới nội ba ma, thứ hai ba bốn, hộp thành giới nội phiền não ma. Còn bốn thông như trước đã giải thích, cho nên cùng bốn tên giới nội, đồng thì từ biệt mà giải thích, hoặc tên khác, tức từ thông giải thích, nghĩa biệt lại thông, cho nên như trước giải thích tùy có Thông Biệt vẫn không ngoài bốn pháp, còn bốn nhiếp ở trong ma phiền não, nầy thì trong ngoài đều là mười bốn cũng như văn trước, chung bảy đều có bốn, kinh ấy lại có mười thứ ma nghiệp mười pháp lìa ma, đủ như trong kinh ấy không thể dẫn ra. Lại trong Đại Phẩm văn mười ba Ma sư đều là thứ sáu ma Thiên tử, trong Đại luận sáu mươi bảy, sáu mươi tám tướng Ma rất rộng đâu chỉ hiện trong Tam-muội, cho đến trong tất cả sự nghiệp não loạn hành giả, hoặc ma hoặc dân ma vì nhân duyên ác, vào trong thân người nhiễu

loạn tâm người, hoặc khiến người viết mỏi mệt, cõi nước sự khởi, hoặc thủ giả không được cúng dường, hoặc đọc tụng thầy trò không hóa, hoặc trong đại chúng nói có người đến nói lỗi lầm Pháp sư, nói Pháp sư không thể như lời nói mà thực hành, làm sao đáng tin thọ, hoặc nói tuy trì giới, mà lại độn căn không hiểu nghĩa sâu, nghe có lợi ích gì? Hoặc nói Đại thừa là pháp không diệt, chỗ không thể hành, hoặc khi làm tốt kính tin Sa-môn nói, Bát-nhã Ba-la-mật không, chẳng có tên tội phước, không có đạo lý, như ở sau trong phát tướng có nói khiến người đọa vào đường ác, tức là ý ấy, hoặc nói có thể chấp Niết-bàn, tức trong phát tướng khiến rơi vào hàng Nhị thừa.

Lại nói: Hoặc Pháp sư không nhận tín thì của đệ tử, hoặc thầy thích bố thí mà đệ tử không nhận. Trong luận giải thích rằng: Đệ tử nên cúng dường pháp ở sư, vì sao nói sư bố thí cho đệ tử, nhưng đệ tử khởi niệm nầy, Sư có chút vật còn không xả làm sao có thể xả thân? Tuy khen ngợi bố thí chính là lừa dối, gọi là không hòa hợp, cho nên sư phải bố thí đệ tử, đệ tử lại dùng bốn việc cúng dường Sư, sư ít muốn nên không chịu thọ, lại hổ thẹn nói, như pháp mua bán, cho nên không nhận, hoặc sư nhiều tri thức không thiếu, có thể nuôi dưỡng đệ tử, đệ tử tự nghĩ, người phải nói là tham y thực của sư, cho nên thọ pháp, hoặc nói đức mỏng, không hơn sư bố thí, đẳng tâm như vậy tuy tốt, không thành Bát-nhã Ba-la-mật, cũng là ma sư, nầy, v.v... tức trong tướng phát trước khiến cho người đọa thiện. Tuy chẳng phải nhân quán mà phát, hoặc cũng là tương quan với túc duyên, hoặc thực hành Tam-muội sư cùng đệ tử có các việc ngăn ngại Tam-muội trên nên chẳng thể không biết, nầy, v.v... đã vậy thì các hành nêu bày như vậy, nên lược ghi để chỉ bày người học sau.

Kế nói pháp tướng chặng giữa ban đầu nói về dân chủ, nên biết; kế khai mở giải thích văn chặng giữa ban đầu rất dễ thấy. “Thu sát”, Sở Từ nói: Tiếng trùng kêu ti tỉ, lại nói tiếng chim líu lo.

Sát là tiểu ngữ (nói nhỏ) ma tợ tiếng ấy nên nói như vậy, thời kế gần gũi chặng giữa ban đầu nói về quyền thật, trong kinh Đại tập có mười hai loài thú, hoặc trong năm hành gọi là mười hai tiêu, “tiêu” là tợ, mười hai thần nầy tợ với tiêu. Trong kinh Đại Tập quyển hai mươi bốn nói giữa biển Phương Đông có núi Lưu ly, cao hai mươi do-tuần, trong đó có thỏ, hổ, rồng. Giữa biển phương Nam có núi Pha-lê, cao hai mươi do-tuần, trong đó có rắn, ngựa, dê, giữa biển phương Tây có núi Bạch ngân, cao hai mươi do-tuần, trong đó có khỉ, gà, chó, giữa biển phương Bắc có núi Huỳnh kim, cao sáu do-tuần, giữa biển có heo,

chuột, trâu ở trong hàng (trong kinh đều có tên quật) thần cây Phương Đông, Hỏa thần phương Nam, Hỏa thần phương Tây, Thủy thần phương Bắc, mỗi phương đều có hai La-sát nữ và năm trăm quyến thuộc, tùy theo phương diện ấy đều tự cúng dường ba thần phương ấy, hang ấy là chỗ ở của Bồ-tát, mỗi thú đều nói tu từ Thinh văn, ngày đêm thường đi trong cõi Diêm-phù-đề mọi người đều cung kính, đã từng ở chỗ Phật quá khứ phát nguyện, một loài thú thường đi khắp một ngày một đêm ở cõi Diêm-phù-đề, còn mười một loài thú ở yên tu từ, từ hủy báng ngày mùng một chuột làm đầu, ngày mùng hai trâu cho đến ngày thứ mười ba lại từ chuột đi, cho nên cõi nầy có nhiều thú nuôi, có khả năng đi giáo hóa, nên phương khác cung kính.

Trong kinh nói: Nếu bốn bộ đệ tử Phật nầy muốn được đại trí đại định đại thần thông, muốn thọ tất cả sách cổ sở hữu, tăng tấn pháp thiện, nên làm núi Bạch độ, vuông rộng bảy thước, cao một trượng hai thước, làm các thứ hương bùn kim bạc mỏng, bốn phía cao hai trượng, rải hoa Đảm bặc, dùng đồ bằng đồng đựng các thứ nước phi thời, đặt ở bốn phía, trì giới thanh tịnh ba ngày tắm gội, kính tin ba bảo, cách núi ba trượng đứng tụng ở chánh Đông, chú nguyện như vậy, trải qua mười lăm ngày phải ở trên núi thấy tượng, tháng đầu liền biết đã thấy mười hai loài thú, thầy rồi có nguyện cầu tùy ý liền được, mười hai loài thú nầy có lúc làm các tượng quỷ chim, v.v..., đi khắp cõi Diêm-phù giáo hóa đồng thứ, Bồ-tát chỉ làm các tượng trời người là chưa bị nạn bị thú thì khó, thú nầy đã nói, một ngày một đêm đi khắp cõi Diêm-phù-đề, nên biết tức là quyền hóa, nay văn sau nói tùy thời ấy đến não hại người đi, chính là bọn chi lưu thực hành, hoặc tà tưởng ở sau chính là nói phát tướng, nay muốn ở sau dùng thời gian suy nghiệm, chín thứ nầy thuộc về các thứ cây Phương Đông, như chín thú Phương Đông nhưng có ba loài là chánh, nên dùng ba thứ chánh mà đối trị Mạnh Trọng Lý.

Nói trước sau: Mạnh là đầu, chánh thú thì ở sau giữa của ba loài, trọng là trung, chánh thú thì ở giữa ba thu, quý là cuối, chánh thú thì ở đầu trong ba loài, còn ba phương cũng giống như vậy, ở sau của đầu ở đầu của sau, nên nói truyền làm phần trước sau, còn pháp năm hành đều chỉ là mười hai, chỉ có sáu nhâm thử nêu bày chặng giữa có ba mươi sáu, y theo văn ấy có ba, chim chuột núp bay, nay văn nói mèo, vẫn sợ lầm còn các tên thú đều cùng cách thức đồng, chó soi là chân chó.

E ở thời gian không biết, nên lại khai thành một trăm lẻ tám, tùy thời phân ấy lại dùng mười hai thân, tùy theo thời ấy đến chỉ xưng tên mười hai loài thú, hoặc xưng ba mươi sáu tên, gần gũi ấy thì bỏ, nên biết

pháp quỷ sợ người biết tên, biết tên còn không dám đến, huống chi lại biết hình, nên biết hình tên ấy không dám làm quấy.

Kế là Ma-la phát, ban đầu nói ý phá và cách phá, gần gũi đều thuộc Ba-tuần xa, nay Ma-la đều thuộc Ba-tuần, hoặc Thiên Chủ tự đến rất là khó điều phục, hai thiện hai ác, bốn hoằng thệ là thiện các hạnh là chưa thiện, kiến tư là đã ác vô minh là chưa ác, trong Đại luận nói ở sau dẫn chứng. Nói hoa tiễn, v.v... trong Đại luận hỏi rằng: Thế nào gọi là Ma?

Đáp: Ma phá tuệ mạng hoại đạo pháp, cho nên gọi là ma, các bọn ngoại đạo nói là muốn chủ dẫn người sinh chấp, lại gọi là hoa, từ năm căn vào phá hoại năm căn, lại gọi là ngũ tiễn, phá pháp thiện Phật pháp nên gọi là Ma-la.

Lại nữa, tạo nhân duyên kiết sử ở thế gian, cũng là lực Ma vương, bị oán thù với Chư Phật phá hoại tất cả bậc Thánh, ngược dòng việc người, không ưa pháp Niết-bàn. Lại nói là ma có ba thứ việc có thể phá hành nhân, cười giỡn nói năng, ca múa tà thân, v.v... là từ ái sinh, trói đánh tra khảo chẻ đâm, phá chặt, v.v... là từ sân sinh, năm thứ nóng đốt thân tự đói gieo mình xuống sườn núi là từ si sinh, những thứ nầy tức là dòng ba giặc, cho đến tham nhiễm thế gian đều là việc ma. Lại nói hoặc làm các thứ thân hình khủng bố Bồ-tát, hoặc làm năm dục hấp dẫn não loạn Bồ-tát, hoặc chuyển tâm người thế gian, làm việc đại cúng dường, tham cúng dường nên mất đạo pháp, hoặc chuyển tâm người để não loạn hành giả, tùy theo nhân thú, trước đến nhân mà não loạn, luận văn rất rộng thủ trần ắt là nơi được dịp làm hại của Ma-la, Ma-la được dịp làm hại bởi do thất niệm, thất từ căn nên nói ngũ căn đều một sát-na, nên luận Bà-sa thứ chín nói: Đức Phật đắp y ôm bát vào thành khất thực, ma Ba-tuần nghĩ, phải hoại đạo pháp, lại làm xa giá nhân thứ cầm roi tìm trâu, mặc áo xấu rách, đầu bạc rồi bù, đi đến chỗ Phật, hỏi Phật có thấy trâu tôi ở đâu không?

Đức Phật nghĩ ma não loạn, liền bảo ma rằng: Ác ma đâu có trâu dùng làm trâu.

Thiên ma nghĩ Sa-môn biết ta là ma, liền bạch Phật rằng: Nhãn xúc nhập xứ là thừa của ta, cho đến ý xúc nhập xứ là thừa của ta, Sa-môn ở đâu?

Đức Phật nói: Ta đến chỗ không có sáu xúc, chỗ ông không đến, chỗ ta sẽ đến, ý của Ba-tuần cho ta như xa giá, sáu xúc như thừa, có thể chở thừa nầy chuyên chở các chúng sinh, đến ở ba cõi, cho nên Niết-bàn chẳng phải chỗ đến, nên Phật nói, ta đến không có sáu xúc, và chỗ

ông không đến nơi, tức là Niết-bàn, cho nên các văn trong Đại Phẩm Ma-la làm não loạn không ngoài sáu xúc cho nên trong văn nay ngoài quạt trong não loạn, không ngoài sáu xúc, Thiên ma Ba-tuần còn dùng sắc não loạn Phật làm người tu hành mê man, nay nói ý năm xúc tức bao gồm sáu, do từ năm căn chuyển nhập ý, tức có pháp xúc, nên nói cộng hoại, căn trần đối nhau nên có mười tám.

Lại nữa, ở sau giải thích rộng ngoài đến, ban đầu khiến đọa ác, kế khiến dứt thiện, nếu vốn là cao sĩ xuất thế thực hành được thuyết nầy, hoặc vốn là người tán thiện vốn là quyến thuộc của ma, chỗ nào nói về đọa, người như đây nếu bỏ pháp thiện lại thành việc ma.

Kế khiến cho đọa vào người Nhị thừa, ngôn hạnh phải là chỉ bày; kế khiến đọa vào không vô phương tiện, v.v... là ác không giả, trước quán không ở bốn câu duyên sinh, không rõ các pháp đều chẳng có tự tánh, chẳng hiểu tướng các pháp tánh không, tuy sinh không giải không tổn phiền não, gọi là vô phương tiện không, nếu không thực hành Bồ-đề, không có tâm đại bi, tuy nói hóa vật chỉ thêm sinh tử, như vậy gọi là thiên sự là giả, còn không bằng giả của Bồ-tát ba tạng, huống là các giáo ư? Nhẫn đến cũng có thể khiến người vào giả của Ba tạng, như làm A-nan cũng tợ Biệt giáo, nhưng chẳng phải từ không nên nói thiên, A-nan ở sau nêu sâu để so sánh cạn, này A-nan Đức Như lai khi sắp nhập Niết-bàn ở ngoài rừng Ta-la bị sáu muôn bốn ngàn ức ma não loạn.

Phật hỏi các đại chúng, A-nan nay ở đâu?

Đáp: nay ở ngoài rừng Ta-la mười hai do-tuần bị sáu muôn bốn ngàn ức ma não loạn, các ma đều tự thấy hình thành tượng Như lai, hoặc nói các pháp từ nhân duyên sinh, hoặc nói không từ nhân duyên mà sinh, hoặc nói từ duyên sinh, đều là vô thường, hoặc nói là thường, hoặc nói ấm nhập là thật, hoặc nói là hư giả, hoặc nói mười hai nhân duyên có bốn thứ, hoặc nói như huyễn hóa, hoặc nói do văn do tư, do tu, hoặc nói quán bất tịnh xuất nhập tức, Bốn niệm xứ, bốn thiện căn, ba không môn vô học, Sơ địa cho đến Thập trụ mười hai bộ kinh, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, hiện mười tám biến tám tướng thành đạo A-nan nghĩ rằng: Các tướng như vậy từ xưa chưa thấy, ai làm mà cho rằng chẳng phải Như lai làm? Muốn khởi muốn nói đều không từ ý, vì ma nhập cốt, lại tự nghĩ rằng: Đức Phật ngày nay nói khác nhau, ngày nay ta vì ai nói?

Này A-nan nay rất cực khổ, Đức Phật sai ngài Văn-thù dùng năng lực chú thuật phá hoại các ma, nhưng những điều các ma nói, duy không thể nói pháp môn viên đốn, do pháp viên đốn chẳng phải cảnh giới ấy, nói bao gồm phần nhiều là ma Đột-la quốc, nửa tháng nói pháp, đó gọi

là thí luận giới luận nói về sinh thiên, muốn làm bất tịnh xuất yếu bậc nhất, Ma Ba-tuần lại sinh sầu não, mà khởi niệm nầy, Ưu-ba-cúc-đa làm hội Đại tập, phải giải để ra khỏi cảnh giới của ta, nay ta phải đến hoại ý chúng, ở chỗ nói pháp, mưa hoa chân kim hoa anh lạc, v.v... hóa thành voi trắng bảy báu, hóa thành người nữ xinh đẹp đặc biệt, nêu hội quán sát không có nghe pháp, trong ba ngày giảng nói pháp sâu xa, không có một người đắc đạo quả, Ma vương rất vui mừng, Cúc-đa liền nhập quán Tam-muội, ai đã gây ra, liền biết Ba-tuần Ma vương gây ra, lại dùng anh lạc đeo trên cổ Tôn giả, biết rồi lại nghĩ rằng: Ác ma ganh ghét xấu ác, có tâm não loạn chánh pháp, vì sao Đức Như lai không điều phục, liền quán tâm Phật biết Phật sai khiến rồi điều phục, liền dùng ba xác chết rắn, người và chó, hóa thành anh lạc, cảm ma sai đến nói rằng: Ông và ta tình cảm sâu dày, nay lại lấy vật nầy tặng ông, ma rất vui mừng đưa cổ nhận, đến trên cổ lại thấy thây chết trùng giòi sắp bò ra, ma thấy việc nầy rồi rất sinh nhàm ghét, bảo Cúc-đa rằng: nay ông vì sao lấy thây chết nầy mà cột cổ ta

Đáp rằng: Tỳ-kheo không nên dùng tràng hoa để trang nghiêm, ông trước vì sao đeo cho ta, nay được ông đeo chánh được phải lúc, ma dùng thần lực muốn chỉ bày mà không được, thây chết nầy ở cổ như núi Tu-di không thể động chuyển, thận vọt lên hư không thỉnh cầu các vị trời vì họ bỏ thây chết nầy, các vị trời đều nói: Đây là việc làm của Đại Thánh, ta chẳng thể ung dung mở được, đến chỗ Phạm vương xin cởi bỏ. Phạm vương nói: Đệ tử Mười lực đã làm ta không thể cởi bỏ được, dù cho kiếp gió, dù cho bị gió mạnh sương mù thổi, cũng không thể động, như nhân đất đổ lại từ đất đứng dậy. Nếu quy y Ưu-ba-cúc-đa, thì sẽ mở được, ma thọ giáo Phạm vương đến chỗ Cúc-đa, rất sinh kính trọng năm vóc gieo sát đất bạch rằng:

Thưa Đại đức: Đức Phật mới thành đạo ta dẫn đến quyến thuộc của quan mà bức não, không hề một lời mà thấy khinh nhục, ông A-la-hán thấu lực từ bi ở trước trời người thấy lăng nhục ta.

Cúc-đa nói: Ông đại ngu si không có trí tuệ, so sánh người Thinh văn với Đức Như lai, muốn so sánh hạt cải với núi Tu-di, ánh sáng đuốc, đom đóm đồng với ánh sáng mặt trời, mặt trăng, nay ta yếu kém nên hủy nhục ông. Lại Đức Như lai sai ta điều phục ông, ông vì do đây mà có tâm lành sinh không rơi vào đường ác, ma nghe vui mừng sinh tâm ít có, nay hãy cởi bỏ ba thây chết nầy dùm ta.

Tôn giả đáp rằng: Ông không làm não hại chánh pháp, thì ta sẽ cởi bỏ thây chết cho ông, ma nói thọ giáo cho đến vì hiện các tướng

Đức Như lai, sao khỏi tự tha mươi sáu tiễn, một có ba ba trăm năm mươi lăm, chuyển vào ý địa lại có ba tiễn, nên thành mười tám, ma tự làm não loạn gọi là tự, quạt động đàn việt gọi là tha, tự tha đều có một trăm mười tám tiễn, nên có ba mươi sáu, nếu biết ở sau chánh y cứ lược lý điều, trái với thật tế nên thấy qua khác Phật. Nếu vào thật tế ma Phật không hai, ma không trái Phật cũng không thuận Phật. Trong Đại kinh ở sau dẫn chứng. Tiểu thừa dứt hoặc, nên nói điều ma như Cúc-đa, v.v... thể pháp Đại thừa ma là pháp giới, như trong kinh Lăng-nghiêm nói Tam-muội, ma muốn não loạn tự thấy bị trói buộc, không có người điều phục. Lại người Tiểu thừa đã có thể phá, chỉ gọi là phục, người Đại thừa, không có ma để điều, gọi là đoạn.

Kế nói trong phòng loạn, đồi không, v.v... mười pháp phân biệt hai mươi tà pháp; văn nói chánh pháp đều gọi là thái quá, thật ra nếu quá không bằng mỗi pháp có mười, đến trong cảnh thiền phải nói luận.

Kế kết trong số nói ba trăm tà pháp, lại y cứ tà thì từ ngoài đến, nên nói ba trăm tà pháp, lại y theo tà từ thì ngoài đến, nên nói ba trăm, nếu bao gồm độ nhập ýđịa thì ba trăm sáu mươi, nên trong văn nói; mà sơ nhập ấy phải nương năm căn, nên lại từ nhân để nói ba trăm.

Trong Trị Đôi Địch nói: Là trộm năm tăng pháp, ý tránh tăng sai, mong lợi tham ăn nên có tên nầy. Lạp là săn bắn, trong tháng nầy săn bắt cầm thú để cúng tổ, từ sự mà lập nên gọi là lập, có chỗ nói lạp là tiếp. Trong Sử Ký nói: Đời Thỉ Hoàng gọi lạp hạ là da bình, nhà Ân nói Thanh Tự, nhà Châu nói đại thố, từ đời Hán về sau là lạp cho đến nay, kết chi là tên quỷ, quỷ nầy vốn do phá giới, nên nghe bài tựa giới cũng sinh tâm hổ thẹn, huống chi là giới thần ủng hộ khiến quỷ phá giới đi, cũng như trước đã dẫn năm giới duyên khởi, thì tất cả quỷ thần đều sợ giới pháp, ở đời có lời tương truyền rằng: Thỉnh tăng cầu tai nạn, tăng tụng bài tựa giới bị giới thần đuổi ra ngoài chỗ vắng lặng, tức là việc ấy. Trong trị Ma-la, nói tất cả vật chẳng thọ không, không sở đắc, đủ như trong đầu quyển bốn có dẫn, thêm quyển một trăm hai mươi bảy nói, ma có năm lực gọi là năm trần, một lực đệ tử Phật và Thánh có thể chống cự, cho rằng không buông lung.

Trong Đại luận hỏi: Bồ-tát Tân học đạo lực còn kém, làm sao sai khiến được ma không có dịp làm hại?

Đáp: Các Bồ-tát hộ, lại nói người nầy khéo tu không nên ma chẳng bằng, như thân không có ghẻ độc không được vào, cho nên tu không ma chẳng được dịp làm hại.

Kế nói tu quán, ban đầu ba ác, v.v... trong Đại kinh nói có bốn

việc thiện đọa vào ba đường ác:

1- Vì hơn người nên tụng kinh điển.

2- Vì lợi dưỡng nên gữi giới cấm.

3- Vì quyến thuộc người khác nên thực hành bố thí

4- Vì Phi tưởng nên buộc niệm tư duy.

Nói tha thuộc là bố thí vật vốn là nhiếp tha từ mình, nay dùng tha thuộc làm ba việc lành, lại y cứ bên thí từ sự mà nói, hoặc từ tâm mà nói thì thuộc ba ác, tuy sinh thiện đạo đời đời tướng nhiễm, v.v... Ý khiến thuộc người khác mà trái lại thuộc về ma, cho nên đời đời bị ma nhiễu loạn. Trong kinh nói: Ở sau trong văn Đại phẩm, trong Đại luận quyển tám mươi mốt nói. A-nan hỏi Phật, ma vì nhiễu loạn tất cả Bồ-tát, cũng có không nhiễu loạn ư?

Đức Phật hỏi: Có khi nhiễu loạn hay không. A-nan bạch Phật: Vì sao bị nhiễu loạn?

Đức Phật nói: Hoặc có Bồ-tát đời trước nghe Bát-nhã không thể tin hiểu, xa thiện thiện tri thức gần gũi bạn ác, lìa Bát-nhã, làm các việc ác, nghe Bát-nhã sâu xa nói với người rằng: Ta cũng không được nguồn gốc ấy ông cần gì học.

Lại khinh các Bồ-tát rằng: Ta hành Bát-nhã ông không có hạnh nầy. Lại có Bồ-tát ỷ dòng họ khinh khi người khác, ma vui trời vẻ nói: Cung điện của ta không luống uổng lợi ích trong ba đường ác. Lại có Bồ-tát tranh cãi với Đức Thích-ca.

Ma nói: Uế Tát-bà-nhã, hoặc cúng cầu Tát-bà-nhã tranh cãi.

Ma nói: Hai Tát-bà-nhã nếu không có việc nầy thật rất thanh tịnh thì không có ma não loạn, tuy ở đường lành có quan hệ với ma, Bồ-tát bị ma não loạn như vậy nói suy lường Thông giáo đến Biệt giáo, như vì A-nan nói các pháp.

Kế trong cảnh không thể nghĩ bàn nói một ma tất cả Phật, là ma đã tức lý nên một ma tức tất cả Phật, như đây ở sau nói công năng diệu quán.

Nói trị ma hiển lý, hàng ma là đạo tràng, tức là trị ma cám hiển bày lý dạo, ma làm thị giả, hễ làm thị giả thì thuận theo ý người, nên quán cõi ma thuận theo thật tướng, duyên tu không thể tịch chiếu, v.v..., tức trong Tịnh Danh Bồ-tát Trì Thế trụ ở tịnh thất, Thiên ma Ba-tuần đem theo một muôn hai ngàn thiên nữ hình dáng giống như Đế-thích, trống nhạc đờn ca, đến chỗ Trì Thế, Trì Thế cho là Thích-đề-hoàn-nhân mà an ủi nói rằng: Lành thay! Kiều-thi-ca, kế lại trách rằng: Tuy phước có không nên tự buông lung, phải quán năm dục vô thường để cầu gốc

lành.

Ma nói: Nhận một muôn hai ngàn thiên nữ nầy đủ để quét dọn, ý nghe pháp dụng nêu bày cúng dường do đây làm não hoại tâm Bồ-tát, Trì Thế chưa hiểu nên chỉ đáp rằng: Không dùng vật phi pháp nầy mời Sa-môn Thích Tử ta, v.v... Lúc bấy giờ ngài Duy-ma-cật vì điều phục quyến thuộc ma, quở trách Trì Thế rằng: Đây là người đến chẳng phải Đế-thích. Lúc bấy giờ ngài Duy-ma-cật liền bảo ma rằng: Hãy cho ta người nữ nầy, thì ta sẽ thọ, ý Đại sĩ nói: Ta là dòng tục đáng được thọ, người xuất gia chẳng phải việc nên làm. Nay văn lại giải thích ý kinh.

Trì thế chỉ là Bồ-tát Biệt giáo, duyên tu xuất quán không biết ma nhiễu loạn, ngài Tịnh Danh là Bồ-tát Viên Giáo chân tu tịch chiếu, quán vô xuất nhập, nên bác bỏ Trì Thế không thể tịch chiếu bị ma mưu hại, từ cõi ma tức cõi Phật bỏ phát tâm, từ cùng chúng sinh cõi Phật tức điều vui cõi Phật, cho nên nói từ vô lượng Phật, bi cứu vớt chúng cõi Phật, tức khổ cõi ma, nên nói bi vô lượng ma, từ ham muốn đầy đủ nguyện nầy bỏ an tâm. Trong văn nương việc nên y cứ việc Tất-đạt hàng ma để nói chỉ quán, nhưng do ở sau kết thành hành nhân dùng tướng an tâm.

Kế tùy ma ở sau phá khắp, ban đầu chung kết trải qua giáo, trải qua giáo trong ba tạng nhiếp phục bốn và ba kỳ trăm kiếp, khi ngồi đạo tràng ba mươi bốn tâm phá ma phiền não, lúc bấy giờ gọi là đạo Bồ-đề, sau khi nhập Vô dư, gọi là thân pháp tánh, do Bồ-đề đầy đủ nên thành quả Phật, do vì thành Phật, nên nhập Vô dư, nhập vô dư nên phá ấm ma, do phá phiền não và được thân pháp tánh, không hề có phân đoạn, cho nên hai pháp nầy đều phá ma chết, nên ba tạng Phật, tuy hàng phục ma trời, dứt ma phiền não, thân Hữu dư còn, vẫn chữa khỏi ấm, tám mươi tuổi nhập diệt vẫn chưa khỏi chết nên được Bồ-đề, đến khi nhập diệt rồi đến thân pháp tánh mới khỏi hai ma ấm tử, trong văn tồn lược chỉ nói tử, được Tam-muội Bất động, đủ như trong kinh Đại Tập nói: Thiên chủ ban đầu sai các quân, kế sai Thái tử; kế sai ba phi, đều không thể hoại, sau tự lãnh quân bị Phật hàng phục, đại quên lui bại vua điên đảo rớt mão kiếm cả ba đều ở một chỗ, nầy đều là văn quyển sáu của Đại luận. Nay văn nghĩa thông đến sau ba giáo, Thông giáo kiếm vị đồng phục ba tạng, đến khi sáu địa đắc đạo Bồ-đề, đồng với ba tạng dứt, hai giáo Thinh văn, không phá Thiên tử ma nên ban đầu bị não loạn, tu đắc thần thông, tuy là điều phục cũng không gọi là Đoạn, theo giáo thì hoàn toàn chưa biết ở Tam-muội xích sắc. Biệt giáo nương giáo đạo nên trước sau đều đoạn, nầy thời ba giáo trước đều thuộc về giáo đạo. Nếu không như vậy, đâu có dứt thông hoặc, phục lợi hoặc mà phá ma được.

Viên giáo đều phá, không có trước sau, nên y theo sáu tức để nói cạn sâu, Sơ trụ đều phá tám ma. Trong Đại luận quyển hai mươi nói: Nếu muốn tu tập định Thủ-lăng-nghiêm thì phải phá tám ma, phải nên gần gũi Đại Bát Niết-bàn, nghĩa là ấm, v.v... bốn thứ và bốn món vô thường, nghĩa chung trong ngoài như trước đã nói, từ trên mỗi ở sau thông bít, đạo phẩm như văn, từ cửa nếu chưa mở ở sau trợ đạo, sáu món nầy đối với ma thành độ, đối với hành nhân thành tệ vì sinh tử nên trở thành ma độ, trái đạo Bồ-đề, cho nên thành tệ, nay dùng y lý mà bác bỏ sự độ, do sự nầy có sáu trị đối với ma có sáu, sáu tệ nầy tuy tợ sáu độ mà không nhận Bồ-đề đều thuộc về ma, bốn độ trước đốt cháy sinh tử, đã được thiền định thông Bát-nhã với quỷ, đã thông Bát-nhã mà không lìa kiến chấp.

Nói chánh độ: Là bốn giáo sáu độ đều gọi là chánh, đủ như trong pháp trợ đạo nói.

Gồm trị, vì trong ma gồm có hai nên phải mượn dùng, nếu xen lẫn phiền não và nghiệp như trong hai cảnh trước dùng trị, tạp nghiệp mượn niệm hai Phật, đó là sắc thân pháp môn thân, trong tạp có ác phải dùng niệm sắc, trong tạp có thiện phải niệm pháp môn.

Văn tuệ: Bốn giáo đều ở ngoại phàm, nên nay Viên giáo ở năm phẩm “truất” là thối”biếm” là bỏ, sau mười pháp nầy cũng nên dùng xe lớn làm dụ cho, văn không có lược, mà chỉ nói thẳng đến đạo tràng. Kế lại dùng chung một ý làm quán, kết quán chung riêng, mười thừa quán pháp có chung riêng hai ý.

1. Do ấm cảnh đầu tiên của pháp sau có chín cảnh, gọi là Thông, chì là một pháp quán không thể nghĩ bàn người căn độn nên khai đối với mười pháp, trước nói ý liễu chung mỗi tiết nhập biệt mỗi quán đều vậy, quán pháp dễ rõ, nên dẫn Trung luận chung riêng làm ví dụ.

Kế trong phân biệt hỏi như văn, trong lời đáp ở trước trái hỏi đáp, nên nói duyên biệt.

Kế dẫn văn luận để chứng minh thì thuận hỏi đáp, tuy thuận hỏi đáp nhưng đây thành bất định, nên khác nhau với lạnh đi xuân đến, nếu ma đi rồi thì pháp lành sẽ đến, không hẳn đều như vậy, cho nên khác nhau. Trong Đại luận nói: Ưa pháp Phạm Chí trong mười hai năm đi khắp Diêm-phù-đề, cầu biết pháp Thánh, mà không thể được, lúc bấy giờ đời không có Phật Phật cũng hết, có Bà-la-môn nói: Ta có một bài kệ pháp Thánh, nếu thật ưa thích sẽ đem cho ông.

Đáp rằng: Thật ưa thích.

Bà-la-môn nói: Nếu thật ưa pháp, phải dùng da làm giấy, dùng

xương làm bút, dùng tủy làm nước, dùng máu làm mực, liền như lời nói ấy viết được bài kệ Phật, bài kệ rằng:

"Như pháp nên tu
Phi pháp không nên tu hành
Đời nay hoặc đời sau,
Người hành pháp an tuệ".

Lại có thuyết nói: Ma đến dối ưa pháp khiến cho lột da, v.v... ý muốn lui sụt tâm ưa pháp, tâm ưa pháp chắc chắn liền lại lột da, v.v... ma lại ẩn đi, cảm động rồi Phật vì họ nói kệ, sau giải thích hợp với văn, hơi khác với luận.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 9
(PHẦN 1)

Ban đầu giải thích trong cảnh thiền, trước giải thích ý.

Trường bệnh: Là y theo các bộ A-hàm gồm có năm pháp làm lui sụt quả A-la-hán.

1- Bệnh lâu ngày.

2- Đi xa.

3- Phân biệt.

4- Làm ăn buôn bán.

5- Đọc tụng nhiều.

Còn có thể lui sụt quả, huống chi lui sụt thiền, văn tuy ở tiểu ý thời thông đại, như bốn pháp Tam-muội người có năm việc nầy không chỉ có cảnh mầu không thành, cũng không phát được các định túc tập, cho nên dẫn ra. Trong kinh Văn-thù Vấn có ba mươi sáu câu chưa xem xét.

Kế từ các cảnh trên ở sau chánh nói, đến sau là Sơ trụ, nhập lưu xong: Sơ trụ trở lên vô công dụng. Nếu vị nầy gồm phát tất cả sự thiền, nhậm vận là lý không cần quán lại, nay khiến người quán giả quán gọi là trong năm phẩm vị, nên nói nhập lưu không cần quán.

Hỏi: Nếu nhập lưu rồi làm sao được sự thiền?

Đáp: Như cửu thiền ban đầu tự tánh các thiền, đều là sự thiền tức so sánh Sơ địa. Cũng như ngài Nam Nhạc phát được tương tự, cũng đều phát với tất cả sự thiền, nhưng vị nầy phát khác nhau vị sau, nên phải quán. Nếu việc ma, v.v... việc ma đã qua cảnh để so sánh, nên không có tu riêng y quán ấm trước nên nói tu chung, trong giải thích nói "nhơ bẩn ngày càng thêm, các thiền đã phát, nếu không ở thiền lại tu pháp quán, phiền não ngày càng thêm, khởi chấp khởi ái, cho đến nhân thiền có thể khởi lỗi nặng, như các ngoại đạo và Điều-đạt, v.v... đều là nhân người thiền khởi lỗi, làm nghĩa nầy nên phải quán cảnh thiền, nếu cho

là đạo đến phương tiện, lại từ cho tinh tấn lui sụt phán xét, nếu tồn mà quán không xét, tức như văn sau không có người sở tri, đắc định cõi dục hay chưa đến định, mà cho là vô sinh, hoặc bỏ mà không tập lại vào tán tâm, tán tâm làm cảnh dụng quán thì khó, nếu dùng thiền làm cảnh dụng thì dễ, nếu dùng thế thiền làm cảnh mầu phương tiện, phần nhiều nhập năm phẩm nên không thể bỏ, nhưng thiền chi, v.v... dẫn giáo khen tốt. Nói Đại thừa Tiểu thừa đều tu sự thiền, địa trì cửa thiền tuy chẳng phải cảnh nay, lại dẫn Đại thừa, Tiểu thừa chung hiển tu thiền, huống trong chín thiền chung có sự thiền, nhưng y cứ tự hạnh hóa tha mà phân ra Đại Tiểu, nên biết sự thiền Đại Tiểu khen ngợi, nói bốn thiền tám định, bốn tại tâm số trùng lập gồm nêu, hoặc Sắc hoặc Vô sắc hai cõi đối nhau, thì cõi Sắc gọi thiền, Vô sắc gọi Định, hoặc bao gồm thượng giới mong ở dục sau, thì hai cõi trên đều gọi là định địa hạ dục tán loạn tự tánh, v.v... có chín. Hai luận Địa Trì Thập Địa đều y theo sáu độ nói chín, chín pháp tên đều đồng, như luận ấy giải thích rộng pháp giới thứ lớp lược giải thích, hoặc thẳng phát chín thiền tức thuộc cảnh giới Bồ-tát, nay đối dẫn khen ngợi chẳng phải là nói phát, kế khai chương giải thích riêng.

Ban đầu nói khai hợp, trước nêu bày văn nay có mười môn; Kế dùng năm môn và mười lăm môn gạn hỏi đồng và khác.

Nói năm môn tức trong Tiểu thừa có bảy phương tiện ban đầu môn năm pháp quán dừng tâm, hai thừa Đại Tiểu ban đầu môn Ngũ Đình. Hai thừa Đại Tiểu ban đầu đều nhân nhập, nên gọi là Môn, xa làm lý do đối trị nhập lý, cho nên nay văn dùng làm đối nói.

Mười lăm môn: Ở môn năm Đình đều chia ra làm ba nên thành mười lăm, thì các thiền lý sự đều đủ khắp nhiếp tất cả giáo Đại Tiểu thừa, nay nói tu phát chỉ ở sự thiền, lý thuộc về thông tu và hai cảnh sau, nên văn sau nói, nếu năm môn có chỗ không bao gồm, nếu lấy mười lăm nghĩa lẫn lộn ở lý, nay diễn lược cho rộng nên khai năm thành mười, bỏ lý tồn sự nên rút mười lăm thành mười, e người không hiểu các môn nhiều ít hoặc khai hoặc hợp ý lấy bỏ, nên nay dùng mười mà đối với rộng, lược hỏi đáp phân biệt nên nói mười môn và năm môn. Thế nào là đồng khác lời đáp, trước chung, kế riêng, trong biệt khai ra năm môn dùng làm mười môn, nhưng so sánh trong năm môn việc không đủ, thì từ nơi sự lại khai, nếu không có sự để khai thì tồn sự giữ bổn, cho nên sở tức bất tịnh đã khai thuộc sự, tùy theo khai hợp thủ, nên hai môn nầy và bổn đều có ba, từ tâm nhân duyên niệm Phật, ba pháp nầy chẳng có sự để khai, nhưng tồn sự giữ bổn nên chỉ có một.

Về niệm Phật, Tỳ-đàm nói giới phương tiện, như trong đệ thất trợ đạo có dẫn thiền thôn trước chẳng phải số của năm môn, nhưng từ thiền khởi dụng, chín môn đều có nên phải nói, ở đây thì hai pháp trước khai mà không hợp.

Kế ba pháp hợp không khai một môn thần thông chẳng phải hợp, bao gồm chỉ có năm môn, vừa khai vừa hợp.

Kế nói hợp mười lăm thành mười, sáu môn đầu khai mà không hợp.

Kế có chín môn nhưng hợp thành ba, từ tâm có ba chỉ lấy chúng sinh duyên một, không có hai pháp khác, do pháp duyên vô duyên thuộc lý, nếu khai thì thuộc về cảnh Bồ-tát Nhị thừa, liền khai pháp duyên do thuộc Nhị thừa, khai vô duyên thuộc Bồ-tát, văn không riêng đối nhưng chỉ chung hai cảnh, do cảnh Nhị thừa riêng ở pháp duyên, Bồ-tát thì chung pháp duyên vô duyên, nên không có đối riêng.

Hỏi: Vô duyên lẽ ra ở Bồ-tát Viên giáo cớ sao nói ở cảnh Bồ-tát ư?

Đáp: 1- Sơ địa của Biệt giáo cũng thuộc vô duyên.

2- Viên giáo cũng nương cảnh Bồ-tát nói ở sau.

Lại Địa tiền của Biệt giáo thuộc chúng sinh duyên duyên pháp, chung bát Địa cũng giống như vậy, Bồ-tát ba tạng ba kỳ đều là chúng sinh duyên từ nay y cứ Bồ-tát ban đầu khác với Nhị thừa và phàm phu, cho nên pháp duyên vô duyên chỉ chung trong hai cảnh mà nói.

Kế là môn nhân duyên, duy còn ba đời, hai đời một niệm suy xét nên giúp lý. Nói quả báo tức là hai đời, một niệm tức là sát-na, đủ như trong quyển bảy, quyển tám ở trước có dẫn, hai nhân duyên nầy tuy chẳng phải tức lý tế nghĩa thuận lý, nên cũng thuộc về lý, nếu khai cũng thuộc về trong cảnh Nhị thừa, pháp báo niệm Phật thuộc về lý, ý nầy dễ biết nên không nêu riêng thần thông, nếu chấp vô lậu thông, thì cũng thuộc về cảnh Nhị thừa, nếu ở sau kết trong mười lăm môn trước phân biệt lý, trong năm môn khai sự, thần thông đã nương sự thiền mà có, nên cũng thuộc sự, tuy khai hợp, v.v... nếu khai hợp làm năm trị chướng nghĩa đủ, có thể làm phương tiện chung nhập đạo khai mười lăm thành sự lý Đại Tiểu quán pháp, hợp thành mười môn, vì phán xét pháp tập, tập tuy thông ở hữu lậu vô lậu trong ngoài tà chánh, nay vì khai khác hai cảnh ở sau và ấm khác, v.v... cho nên phải nói.

Kế phán xét lậu, vô lậu: Trước lược phân tích hai luận, hai luận đều phán xét sự thiền hữu lậu, đế không tâm mới gọi vô lậu, nay tiểu ở sau bao gồm phán xét nay chẳng phải đoạt hết nên nói khác ít.

Nay nói sự thiền là hý luận, như hai luận đã nói không có duyên đế trí thì khác hai nhà, nên nói Hồ qua có thể làm bệnh duyên, hữu lậu cũng vậy, là vô lậu duyên, như thiền căn bổn là hý luận không làm vô lậu nhưng nương căn bản, nên nói chuyên tu tức thuộc về hữu lậu, cho đến bốn pháp tự hành hóa tha, v.v..., đều gọi là hữu lậu đủ như văn sau chẳng phải một bề hữu lậu nên nói tiểu phải phân biệt.

Bốn mươi tám năm: Là dẫn chứng bốn pháp hữu lậu, tự hành, v.v... đều có mười hai môn, nên bốn mươi tám đều là hữu lậu, kinh thứ hai ấy cựu y nói tân y rằng: nay khanh nếu có thể theo ta làm học trò sai khiến bốn mươi tám năm, sau đó sẽ dạy y pháp cho ông, bốn mươi tám nầy xưa có nhiều cách giải thích.

Tông sư nói: Trong Pháp Hoa về trước cũng là đệ tử ngoại đạo, nên nói bốn mươi tám năm. Khai Thiện chép: Tám thiền đều có sáu hạnh, nên nói bốn mươi tám. Chương An nói: Bốn chấp đều có ba giả một giả đều có bốn câu, cho nên ba giả hợp thành bốn mươi tám. Như trong A-hàm nói ngoại đạo trước bốn mươi tám năm, cung cấp đồ chúng sai khiến, sau đó cho pháp, nay văn chánh đáng pháp cựu y, tân y quyền đồng pháp cựu y, gọi là theo đồ chúng sai khiến. Nếu vậy kinh A-hàm đến nay đã dẫn hai lần bốn mươi tám bao gồm đúng ý, nên nay văn nói: bốn pháp Tự hạnh, v.v... hợp thành bốn mươi tám.

Mười hai môn: Bốn thiền Bốn không, Bốn tâm vô lượng. Nhưng kinh Bổn Nghiệp Anh Lạc quyển thường nói địa thứ mười nhập Tam-muội như huyễn, cũng nói mười hai môn thiền, trong đó cũng có, bậc Thánh hiện đồng như pháp phàm phu, như Ca-hy-na ở sau dẫn chứng sự thiền đều thuộc về vô lậu, như trong kinh Thiền Pháp Bí Yếu chép: A-nan hỏi Phật, Tỳ-kheo Ca-hy-la nầy, vì sao tùy xoay bánh xe pháp, năm trăm Tỳ-kheo nói pháp cho nghe đều không có lợi ích.

Phật dạy: Tỳ-kheo nầy vào đời quá khứ xuất gia với Đức Phật Nhiên Đăng, tên là A-thuần-nan-đà, thông minh hiểu rộng kiêu mạn buông lung, không tu niệm xứ, khi chết đọa vào địa ngục Hắc ám, ra khỏi địa ngục năm trăm đời làm rồng, năm trăm đời làm khỉ, do làm lành nên lại được sinh thiên, thọ mạng cõi trời hết, sinh xuống loài người, trước nhờ sức đọc tụng ba tạng nên nay được gặp Phật, vì buông lung nên nay không giác ngộ. Đức Phật do đó mà nói quán bất tịnh, trước từ chân khởi quán đến một lóng tay đủ như vậy như thứ lớp quán tám Bối Xả, trong chín mươi ngày không thay đổi tâm niệm, đến khi tăng tự tứ được quả thứ tư, ba minh sáu thông, đã do quán nầy thành A-la-hán, không nên gọi là thiền hữu lậu, nên biết hai luận chưa hoàn

toàn đúng.

Kế dẫn trong Đại kinh, v.v... quyển mười một trong phẩm Thánh Hạnh nói giới định tuệ, đều là sự giới cho đến sự thiền, đã là bậc Thánh hạnh Bồ-tát, thì trong văn kinh vẫn nói chẳng phải là chỗ biết của Thinh văn Duyên giác. Lại Giới Thánh Hạnh, phần cuối nói: Sở hành của Chư Phật, Bồ-tát bậc Thánh gọi là Thánh hạnh, giới hạnh còn như vậy huống chi là định?

Phật nói: v.v... Tuệ Thánh Hạnh phần cuối nói: Khai thị giảng nói như vậy, Nhị thừa và các Bồ-tát nghe rồi vâng hành, nên nói Phật nói pháp hạnh Nhị thừa nầy, cũng gọi là Thánh hạnh, huống chi pháp nầy, vốn là pháp của Chư Phật, Bồ-tát, lại nói: chẳng phải là chỗ biết của Nhị thừa, Nhị thừa có chút phần hạnh tự, cho là chân cực, cho nên bác bỏ nói Nhị thừa không biết, nầy chỉ sinh diệt tuệ Thánh hạnh. Tuệ sinh diệt thuộc Phật Bồ-tát, hạnh Nhị thừa cũng gọi là Thánh hạnh, nên các sự thiền cũng thuộc về Bồ-tát, làm sao nói là hữu lậu ư? Dẫn trong Đại phẩm, đã là pháp thí xuất thế lại là Niết-bàn sơ môn, suy nghiệm sự thiền nầy không chỉ hữu lậu nói, đã dẫn trong chín tưởng trong Đại phẩm, chín tưởng có thể khai các môn bất tịnh, nên đại tiểu bất tịnh đại tiểu Bối xả cho đến thắng xứ Nhất thiết xứ, v.v... đều dùng chín tưởng mà làm sơ môn bất tịnh thành nên thân niệm xứ thành, thân niệm thành nên ba niệm thành, bốn niệm thành nên ba mươi bảy phẩm tất cả đều thành, vì thế không nên duy là hữu lậu. Thí như hai tảng đá là dụ các sự thiền năng phát vô lậu, như Nam thạch tánh lạnh, Bắc thạch tánh nóng, hai thạch cao nầy tuy đều gọi là thạch mà lạnh nóng khác nhau, nên sự thiền tuy đồng mà hữu lậu vô lậu khác nhau, nếu vô lậu duyên kế sau chung tha mạn.

Hỏi rằng: Nếu chín tưởng, v.v... làm duyên vô lậu, nên xưng là chín tưởng, là vô lậu, là y thiền căn bổn Lục địa dứt kiến, Thất địa dứt tư, địa nầy cũng là tác duyên vô lậu, phải nên căn bản cũng gọi là vô lậu, đâu chỉ riêng ở chín tưởng? v.v...

Đây theo luận Bà-sa quyển sáu mươi mốt chép: Vì sao thiên đạo là được quyết định, là được lậu tận?

Đáp: Nếu quyết định thì chỉ nêu Lục địa, nghĩa là chưa đến trung gian và bốn căn bản, trong văn Câu-xá đồng, Thành luận không chưa đến, nên thủ dục định trung gian bốn món căn bản là Sáu địa, nếu lậu tận, nên nói Cửu địa, ở sáu địa trước lại thêm ba không, cũng lấy nầy quyết định, cũng dùng đắc vô lậu nầy khí được sơ quả gọi là quyết định, được đến Vô học gọi là lậu tận, nên trong Câu-xá nói: Đạo xoay vần

Cửu địa, nói Thất địa, Hữu Dư sư nói: không thủ chưa đến, cho đến trung gian, như trong Đại luận, nói vì tùy người nên đều có dục định chưa đến trung gian, trong luận Bà-sa, Điêu âm cũng đồng với thuyết nầy.

Nói trung gian, hoặc nói duy ở Sơ thiền, hoặc nói duy ở trên Sơ thiền dưới Nhị thiền. Có thuyết nói mỗi tiết đều có tám định, lại từ ý ban đầu nên chỉ là một, chỉ các thuyết khác nhau đều từ căn bản mà được vô lậu, vì sao riêng pháp là hữu lậu ư?

Kế từ Lục địa trở xuống đáp, trước nói sự thiền có thể tác duyên riêng, nếu Lục, Thất địa phải nương đế trí đã không nêu bày, cần gì nghi nầy, nên riêng căn bản chẳng phải duyên vô lậu, nên kế ở sau nói bỏ bảo thủ, nên không chấp mười tưởng, v.v... mười tưởng dứt hoặc nên không thuộc sự, vì sao? Như pháp giới thứ lớp và trong thiền môn, y theo Đại luận đều nói mười tưởng đây là ba đoạn chấp trước trong đó bốn đoạn tư sau ba món vô học, trong thiền môn ấy nói tu theo thứ lớp, cho nên nêu đủ các thiền sự lý, nầy nói phát tập nên chỉ ở sự.

Kế từ tâm ở sau phán xét từ sở y. Từ tâm, v.v... ban đầu từ tâm thiền cuối đến thần thông đều y cứ lược về giai cấp của người. Trong thiền căn bổn chẳng phải không có từ, v.v... phán xét thuộc căn bản, các thiền cũng vậy nên tùy theo người khác phán xét.

Kế ý khác nhau, v.v...

Trước hỏi: Vì sao có mười môn thiền nầy, mà thiền cảnh nầy và thứ lớp trong thiền môn nói các sự thiền, cùng năm môn đối trị sự thiền vì sao khác?

Đáp: Trước cùng thứ lớp thiền môn đối nói, đều có lợi độn nên thứ lớp khác nhau, trong thiền môn ấy nêu lên thứ lớp chương, đến chương sáu nói trong phương tiện, phương tiện có hai, đó là nội và ngoại. Ngoại là hai mươi lăm pháp, nội có năm môn khác nhau.

1- Chỉ.

2- Suy nghiệm căn tánh thiện ác.

3- An tâm.

4- Trị bệnh.

5- Việc ma.

Chỉ môn lại có ba:

1- Buộc duyên

2- Chế tâm

3- Thể chân.

Thể chân dứt sau, minh phát năm luân, năm luân thiền sau mới bắt đầu suy nghiệm ở căn tánh thiện ác, nên nói thiền môn phát, mỗi

môn lại dùng môn thiện ác suy nghiệm, thiện ác là nghiệp và bệnh hoạn việc ma, v.v... đều ở sau năm luân thiền, may văn trước cảnh thô phiền não cảnh nghiệp cảnh ma mới phát thiền, cho nên phải biết lợi độn khác nhau, nầy lại y cứ văn trước sau phát tướng, thì thành hai chỗ lợi độn ý biệt, nếu vậy nay văn trước quán ấm nhập, tức phát các thiền lại thành thiền lợi, nếu tu thiền kia thì trước phát tướng phiền não nghiệp ma, rồi sau đó phát thiền lại thành thiền độn, y cứ quán không ấm hoàn toàn thành trí độn, cho nên được so sánh giải thích với văn nầy.

Kế đối trị trung hạ, cùng năm môn đối nói rất dễ thấy.

Kế nói về sâu cạn, tức là mười môn sinh khởi thứ lớp.

Ban đầu nói căn bản, vì sao đặc biệt cao siêu, kế căn bản, cho đến thần thông; kế niệm Phật, trước sâu sau cạn, nên nói sâu cạn cũng gọi là mười môn đều có ý.

Ban đầu nói phàm thánh chung, do gồm chung nên được tên căn bản, như có nhánh lá cùng một gốc, đều từ đó sinh, nên nói căn bổn, ngoại đạo và Phật pháp tất cả đều tu, nên nói căn bản xuất thế. Trong đặc thắng thiền có niệm xứ quán được gọi là tịnh thiền căn bổn nhưng vị chỉ có thầm chứng, nên kế vị sau mà nói Tịnh thiền, đắc thắng tuy tịnh kiến tướng cũng bao gồm, gọi chung là đế nên thuộc về biệt, nên kế chung ở sau để nói biệt, ba pháp nầy đồng là căn bản, căn bản đặc thắng chung để rõ ba thứ nầy y cứ chung căn bản chung mà có, cửu tướng trở đi không nhớ căn bản, trị hoặc lại mạnh nên kế ba pháp sau.

Hỏi: Đặc thắng nói chung khi Phật chưa xuất thế phàm phu cũng tu, làm sao có khác với căn bản?

Đáp: Phật khi chưa xuất thế, do năng lực túc tập có thể biết các ấm khổ vô thường, v.v... cho nên đặc thắng khác nhau với căn bản, nhưng Phật chưa xuất thế không có tên niệm xứ ở đạo phẩm, đạo phẩm tức là bốnđế pháp luân, nên biết tên ấy Phật xuất thế mới có, khi Phật chưa xuất thế tuy được thần thông, cũng không có từ ngữ thông minh, từ đây về sau gọi chung là bất tịnh, từ đây về sau gọi chung là bất tịnh, nên chín tưởng nầy gọi là sơ môn, trong chín tưởng trị ngoại cảnh, chưa trị tự tâm cho là từ ngoài trị trong, nay bối xả chuyên từ nội trị, nên nói trị tâm, tuy phá trong ngoài: Chín tưởng đã trị ở ngoài bối xả lại trị ở trong, huống chi bối xả lần lần đến mé biển, không đâu chẳng phải xương trắng, đối trị tự tha, nên nói trong ngoài, tuy chung riêng chín tưởng chỉ chung, thật bất tịnh khác nhau, mười hai nhân duyên gọi là thế chánh kiến, năng quán ba đời phá đoạn thường đã phá đoạn thường cũng trừ nhân ngã, trước trong đối trị từ biệt mà nói, nên nói hai đời phá

ngã, nay nói theo Thông giáo thì ba đời đều phá nhân ngã cho đến tánh, v.v... phàm vị ở sau nhân đối với Thánh làm thượng quả. Kế nói xen phát khác nhau ở trong, trong văn đầu nói tám món, trong ấm cảnh trước có chín song bảy chiếc, bảy chiếc chỉ là nghĩa nhiếp mười cảnh ba bốn ma không ngoài mười, nên nay không nói ba chương bốn ma, trong cửu song lại trừ tác ý, trước dùng chín cảnh đối với ấm cảnh, ấm cảnh tác ý tu tập phiền não chín pháp sau đều là nhậm vận phát đắc, nay duy phát đắc cho nên không nói, nên trong mười song chỉ có tám thứ, nên biết chín cảnh không tác ý, không thể so sánh, nên hoàn toàn không nêu.

Đại chương thứ hai thiền phát nhân duyên; nội chủng làm nhân, ngoại thêm làm duyên.

Ban đầu nói nội chủng, pháp dụ cho đều có hai. Văn đầu trước phát; kế dụ cho; ban đầu dẫn Đại kinh, tất cả chúng sinh đều có vị thiền Sơ địa, v.v... tất cả chúng sinh đều có hai duyên đắc định căn bản, từ cận tình ở sau giải thích trên kiếp tận không tu mà đắc. Khi hỏa tai khởi tất cả nhậm vận đều được thiền định thứ hai, nước gió thứ lớp y theo hỏa tai nên biết, kiếp nầy mới thành bắt đầu trải qua chín kiếp bớt, bỏ hết kiếp trước trải qua thời gian chưa xa gọi là cận tình, từ lâu xa trở xuống giải thích tiếng tu đắc dù chẳng phải kiếp hết dục năm cái, nên biết chúng sinh không ở đâu mà không có hạt giống căn bản, nên nhân thông tu đắc bất định.

Kế dụ cho tập cận viễn; kế nói nhân tập khác nhau; ban đầu pháp, kế thí dụ, sau hợp; Trong pháp ban đầu nói: Phải biết xưa có, v.v... kế không thứ lớp, đầu của tám song nầy, cho đến sự tu sự phát, tức tu không tu, tu tức tác ý, không tu tức là không tác ý, môn tu không tu tuy chẳng phải sau cùng lược bỏ còn bảy. Lại chấp tác ý nên nói cho đến, muốn nói quá khứ từng tu sự lý các thiền nay phát bất định, cho nên lại chấp môn tu không tu, như ban đầu tu ấm nhập, tu là tu phi sự phi lý, phát đắc các thiền gọi là sự phát, trong thiền môn ấy có nêu lên đủ bốn pháp tu nghĩa là hữu lậu vô lậu, vừa lậu vừa vô lậu, phi lậu phi vô lậu, lậu tức là sự, vô lậu tức chân lý, thứ ba tức bao gồm cả hai, thứ tư tức là trung lý, trung lý tức là phi sự phi lý, sự lý tu phát, tương đối hợp thành mười sáu câu, nay văn chỉ quán, thì không có sự tu lý phát sự phát, v.v... mười hai câu, nhưng có phi sự phi lý tu sự phát, v.v... bốn câu, nên luận sơ lược các câu sự tú, nay văn bốn câu, sự phát chánh ở trong đây, lý phát chánh ở trong cảnh Nhị thừa, vừa sự vừa lý phát nửa ở trong đây, phi sự phi lý phát ở cảnh Bồ-tát và trong tâm cảnh.

Kế trong dụ cho nói: Mai có bốn, v.v... tánh của bốn cây tuy đồng

bẩm thọ thời tiết mưa nóng khác nhau, như phát khác nhau; kế túc tập bỏ trong hợp, bao gồm nói tám thứ, xen phát tám song, xưa có tu tập gọi là nhân duyên, nay phát khác nhau có tám thứ khác nhau. Lại tuy có kế ở sau nói ngoại gia.

Trước nói sở gia, kế nói năng gia, ban đầu trong sở gia, có pháp có dụ cho; ban đầu văn pháp tuy có gieo trồng từ đời trước mà hiện tu nhân duyên, phải nhờ Chư Phật thầm gia bị ngoại hộ.

Kế văn dụ cho, trong văn tâm tánh địa tuy có các hạt giống thiền đời trước phảit nhờ mưa chỉ quán Thánh thêm mặt trời, mới thành các thiền, nhánh lá quả hột. Kế có thể thêm trung, có pháp dụ cho hợp, trong pháp ban đầu thứ lớp hay không thứ lớp, chúng sinh tự tại Phật thường giúp khắp không mưu cầu mà thích ứng.

Kế trong dụ cho nói: Hồng là lớn, nên đại gọi là hồng, tửu gọi là nhạn.

Kế hợp như văn. Trong Đại luận ở sau dẫn chứng cảm ứng.

Kế dẫn kinh Tịnh Độ, kinh ấy quyển hạ nói: Bọn người như vậy nhớ Phật không thể độ huống chi là một Đức Phật ư? Cho nên người là tự độ, Phật không độ người. Kinh Tịnh Độ Bồ-tát chép: Chúng sinh phải nghe mười hai bộ kinh, v.v... đồng là một kinh hai văn, nay ý nhà, nói ý thì trái mà ý thuận đều cộng thành một ý cảm ứng, chỉ duyên chúng sinh tự độ hợp cơ, thì cảm Phật nói mười hai bộ kinh, nên biết chỉ là cảm ứng một ý, tức cùng Đại luận sẽ thêm ý đồng.

Kế là chánh nói phát tướng, trước nói trong căn bản phát, văn đầu lược y cứ bốn thứ Tam-muội, để phán xét nhiều ít, nên nói ba pháp Tam-muội, nói riêng Bát Chu, thường đi rất ít, thường ngồi rất nhiều, nên đối nói, cũng chẳng phải hoàn toàn không nên chỉ nói ít. Như trước dẫn trong kinh nói Tam-muội trụ xứ, tức y theo căn bổn nhị ba tứ thiền, v.v... phải biết thường hành cũng phát căn bản, nhưng không bằng ở thường ngồi nhiều.

Kế nay lại ở sau chánh nói phát trung cửu địa khác nhau. Ban đầu trong cõi dục nói về dục định hữu vô, hai là nói khác không đồng, nay theo Thành Luận, trong Thành Luận nói mười thiện tương ưng, v.v... mười thiện là pháp thiện cõi dục, phát đắc dục định, tương ưng với mười pháp thiện, chánh pháp như văn.

Kế chánh nói cửu; kế dẫn chứng nói Di giáo điện sáng, kinh ấy nói: Ban đầu nhập pháp nghe Phật đã nói, đều được độ ngay thì như điện sáng, chánh chứng sơ quả.

Ban đầu được vô lậu nên nói sơ nhập; kế dẫn trong Đại luận A-

nan, chưa được Vô học đến chỗ kết tập. Ngài Ca-diếp quở rằng: Ông chưa được Vô học, nhập chúng kết tập như lửa vào bầy ngựa.

A-nan nói: Phật thọ ký cho tôi rằng: Nếu lấy vô lậu như quăng đá giữa hư không, chưa đến đất, liền được Vô học, lại ở chỗ văng vẻ mà tu tập, chưa được buông tâm đến gối, đầu chưa đến gối đã được vô học.

Phải biết điện sáng chẳng những riêng phát Sơ quả cũng thể lậu tận, cho nên điện quang cũng gọi Kim cương, từ Kim cương ở sau giải thích nghi, nghi rằng: Tại sao muốn định gọi Tam-muội Kim cương? Giải thích rằng: Đây là tận vô sinh trí gọi là Kim cương nầy dùng dục định dứt phẩm tối hậu nhập định vô lậu, nên gọi là Kim cương, dùng làm điện quang, chẳng phải hoàn toàn dục định được gọi là Kim cương.

Kế nói kinh Định Pháp Như Văn, từ đây trở xuống nói chưa đến tướng định là quang, trăng tròn sáng. Trong bài Thương Hiệt nói rất sáng, vô sở trước ở sau bác bỏ ngụy tà trong đó có pháp dụ cho, trong dụ cho nói như tro đậy lửa, hữu lậu như lửa, chưa được như tro lầm chấp như giẫm đạp. Trong kinh quyển cchín nói: Người ngu làm ác không biết thọ báo, như sửa thành lạc, như tro lấp trên lửa người ngu khinh đạp, nay mượn dùng dụ cho, người ngu không biết chưa đến thô cạn, vọng chấp định nầy cho là vô sinh, chấp thành đọa khổ, nếu y ở sau nói chưa đến hữu vô, trước nêu ra hai luận, luận gia duy nói dục định, tức chỉ Tỳ-đàm chỗ nói chưa đến, chỉ là ý dục định, bác bỏ Tỳ-đàm không có vị lai thiền. Tỳ-đàm có, là chỉ thông giáo mà Cù-sa đã nói, chẳng phải không nương tựa y cứ, giải thích luận kế ở sau dẫn giải thích luận y heo ý Phật mà nói, khác nhau với hai luận tùy theo vật nêu riêng, nay thì ở sau phán xét ý Phật. Cơ duyên khác nhau không thể thiên chấp, hoặc mỗi tiết ở sau nói Bát địa của thượng giới.

Ban đầu do các thiền đối với cõi dục nói về nạn có không, kế thông pháp bốn phần, ban đầu nêu, nói thông có bốn phần, tức bốn món tướng phần vị khác nhau, dục thủ tấn phần làm văn tướng nay, thiền môn gọi là đạt phần trong đây nói, hộ phần, "đạt" là thể đạt, "hộ" là phòng hộ, do đạt tự ngăn nên gọi là hộ, còn ba tên đồng.

Nói thối phần, là có nhân duyên thôi gọi là duyên xúc thối, không có nhân duyên thối gọi là nhậm vận thối hai mươi lăm thứ là duyên ngoại xúc thối "thổ" là bỏ, "nạp" là thủ, năm duyên năm pháp là thủ, quở trách muốn bỏ cái là "khử", điều hòa trong năm việc có bỏ có lấy, trừ không điều hòa gọi là Khử sai khiến điều đình gọi là Thủ, ở sau tịnh tâm trong nội duyên xúc thối, ba chướng bốn ma, là nói chung đều đã nhiếp mười cảnh, được dùng ba chướng nhiếp ở ba ma, thêm ma Thiên

tử tức là bốn ma.

Nếu vậy, cũng có thể bốn ma xếp vào ba chướng.

Kế trong phần hộ nói thiện do phương tiện trong ngoài như trước đã dẫn, thiền môn nói hai mươi lăm pháp tướng trong ngoài, trụ phần từ sơ tâm cho đến thượng địa, hoặc thủ hộ trụ, hoặc nhậm vận trụ. Ngang dọc, như quyển năm nói xen phát trong đó nói trong bốn phần mỗi phần đều đủ bốn, nói bốn phần xen thông. Trong thiền môn nói: Thối phần trong thối phần, từ chín phẩm đến sơ phẩm là sai lầm.

Thối trụ, đến sơ phẩm lại trụ. Thối tấn là đến sơ phẩm rồi lại sách tấn đến hai phẩm, cho đến cửu phẩm cũng có thể lại tiến, "Thối hộ" thối rồi toàn hộ khiến từ sơ phẩm cho đến cửu phẩm, chớ để lui sụt, còn ba phần bày nói nên biết.

Kế chánh giải thích chặng giữa trong bốn phần. Lại nói tấn phần: Ý muốn nói chung các thiền phát, ở trong tấn phần trừ siêng năng sách tấn, lại từ nhậm vận tiến đến phi tưởng là nói.

Ban đầu trong Sơ thiền, trước nói tám xúc; kế nói mười công đức; kế năm chi; kế phẩm số. Đầu tiên là nói trong tướng xúc; đầu nói nội phát; kế nói ở sau. Nói xúc nội phát, nói tất cả chúng sinh đều có vị thiền Sơ địa, đầu tiên trong bát địa trên, nên nói Sơ địa, đã nói chúng sinh đều có, cần gì ngoài đến, nên trong Đại kinh quyển hai mươi ba nói: Như chúng sinh cõi dục tất cả đều có vị thiền Sơ địa, nếu tu hay không tu quyết định sẽ được, hai nhà ấy đều y cứ trong ngoài chưa phải đúng lý, nên nay bình rằng: Nếu định chấp tự ra ngoài, rơi vào tánh tự tha, y theo thiền căn bản, nên phá tánh tự tha, nay thủ ý môn Đại thừa phá xen chấp ấy, nên ba tạng học giả còn chưa phá tánh, huống là căn bản? Lại bát xúc ở sau phán xét thể dụng, nói thể dụng tướng thêm, nhẹ ấm lạnh nặng là thể, động nhám rít trơn là dụng, nếu động kế sau, ở sau y theo bát xúc dùng bốn phần để phán xét, hoặc từ đầu phát, v.v... đã biết ba phát là ba món tướng, phải nên tác ý để phòng tướng thối, động xúc kế ở sau nói mười công đức. Trước trong cảnh ma chưa rảnh luận nói, nay nầy chánh nói nên phải trình bày rộng.

Hỏi: Vì sao văn trước cho giải thoát là ái tắng, cho tương ưng là họa phước?

Đáp: Tên khác mà ý đồng.

Nói giải thoát, chỉ là lý, cái vì thái quá không kịp, không thể lìa cái nhưng sinh ái tắng, tương ưng chỉ tương ưng với Sơ thiền, cũng do hoặc, quá hoặc không kịp, không được tương ưng, không tương ưng nên gọi là họa, nếu khi tương ưng cũng gọi là phước, giải thích trong tâm

thiện, nói tin tất cả Hiền thánh đủ pháp sâu mầu, ý cũng như trước phân biệt tánh lỗi mà nói, nên biết căn bản tức là hạnh của Hiền thánh, hoặc là quá khứ hiện tại đều dùng tâm Đại thừa tu căn bản nầy, "long lệ" là dáng mạo không điều hòa, viết chữ "xuất", như não, v.v... là thuốc thuộc da gọi là não não là tủy trong đầu. Kế hoặc một ở sau nói công năng của xúc.

Kế phán xét ngang dọc; kế kết nam chi; kế chỉ bày không được chung thành, đều như văn; kế ở sau nầy nói khác nhau. Ban đầu là pháp; kế dụ cho, phất canh nhiệt cù, v.v... nói mỗi xúc đều có đủ mười đức, tuy là một xúc mười đức khác nhau, phất canh cùng nhiệt cù đồng một nhiệt xúc, mà vị nhiệt khác nhau, thinh ngủ trầm lý, đồng một lãnh xúc, mà vị lạnh đều khác, còn sáu pháp cũng vậy, phải biết một xúc mười vị khác nhau. Nếu muốn ở sau lược chỉ bày tà chánh.

Kế giải thích chặng giữa ban đầu khuyên biết, nói như mở cửa, v.v... kèm theo tâm cõi dục như mở cửa tà pháp được nhập, như giặc tiến vào, nếu tà pháp vào, quỷ theo tà nhập, gọi là quỷ thiền, thiền thật ra chẳng phải quỷ.

Kế chỉ bày tướng tà xúc; kế chỉ bày tướng hai mươi tà pháp, kết số phán xét có không đều như văn, nếu riêng ở sau phán xét ở chỗ rất dễ thấy; kế nói công năng tà pháp.

Nói Đại luận có gió, v.v... Trong Đại luận quyển hai mươi ba giải thích giác là tham sân não, ba thô giác đây làm hoại thiền, như gió hoại mưa, có ba thiện giác làm thành tựu thiền, như gió thành mưa, tức không có tham, v.v... Nay mượn dụ cho hai xúc tà chánh. Đông bắc, v.v... là bổn thứ nhất nói: Gió mây Đông Bắc thuần làm mưa, gió mây Tây Bắc tan thì tạnh, giải thích dụ cho gió trên, nếu một pháp ở sau nói chủ bạn như văn.

Kế nói trong năm chi. Ban đầu trong tướng minh chi

Nói "điềm du" là điềm tĩnh. Trang Tử nói: Vô vi "Du" là vui, là ưa thích, là hòa. Trong Tỳ-đàm ở sau nói về phương tiện chánh thể, hai mươi ba tâm số, trong Bà-sa quyển tư nói: Làm sao có giác có quán thiền nghĩa là thông đại địa mười, và tâm, vì sao không giác mà có quán thiền, nghĩa là thông đại địa mười, đại thiện địa mười, và tâm, vì sao không giác quán không thiền, nghĩa là cũng như vậy, tâm là thức thứ sáu, các thức không thể nhập định thứ lớp, nên không nói, giác quán và hai mươi thành hai mươi hai, ưa và nhàm tùy theo một thành hai mươi ba, trung gian trở lên tùy theo nghĩa bớt một, nghĩa là trung gian không có giác, thứ hai trở lên giác quán đều không, nay nói năm chi nên ở Sơ

thiền hai mươi ba tâm nên khi năm chi khởi chẳng phải không có các số, nhưng năm chi cương trong hai mươi ba được gọi là năm chi. Trong Bà-sa hỏi: Ba pháp đầu vì sao có năm, hai và bốn vì sao có bốn?

Đáp: Từ xưa truyền trao giải thích nói: năm dục ở cõi Dục là ngoại loạn, hai thần đều vui vẻ là nội loạn. Sơ thiền trị đầu tiên ngoại loạn, Tam thiền bắt đầu trị nội loạn, nên đều có năm, hai thiền ngoại loạn dứt, Tứ thiền nội loạn dứt, cho nên hai và bốn chỉ lập bốn chi. Lại Sơ thiền năm chi trị năm dục cõi dục, là trị hỷ nhị thiền, ba thiền lập năm, hai và bốn không có việc như vậy, nhưng lập bốn chi, trong Đại Tập mặc nhiên chi, Đại Tập ở ngoài bốn, năm chi đều lập một mặc nhiên chi. Có người nói phán xét chỗ chi khác nhau. Ban đầu nêu ra cách giải thích khác.

Nói tâm cõi dục thứ chín, là dục định cửu phẩm, thuyết khác nói, tâm thứ chín tức thuộc năm chi, nếu nói ở trước dục định, tức chỉ thô tế trụ dùng làm năm chi nầy rất sơ lược, kế nay chánh giải thích như văn; kế nói trong mạch yếu.

Ban đầu gồm nói năm chi, trong pháp đầu nói, năm chi đồng khởi, v.v... là y theo môn Tỳ-đàm, hoặc y Thành luận trước sau thứ lớp năm chi sinh nhau. Kế như một phen ở sau nêu dụ cho, ban đầu ở sau khi đánh gọi là đại thinh, chẳng phải không có nhỏ ở chặng giữa, nhưng đầu tiên tiếng thô che ngăn ở trong tế, tiếng thô nếu qua thì nhỏ ở chặng giữa mới hiện.

Ban đầu từ mạnh mà đặt tên, gọi là đại thinh, năm chi cũng vậy, ban đầu từ mạnh mà đặt tên gọi là giác chi, giác chi dứt rồi, các quán mới hiện. Năm chi ở sau nói riêng năm chi, cũng là sơ pháp kế dụ cho; kế như ban đầu mở kho báu, v.v... thứ lớp sinh nhau mà hiển bày nhất tâm, nên trong Đại luận quyển mười chín có bài kệ nói: Ly dục và pháp ác có giác và có quán, ly sinh đắc hỷ lạc, là người nhập vào Sơ thiền, như người nghèo mở kho báu rất vui mừng biết chuyển tâm, phân biệt thì là quán, nhập Sơ thiền cũng vậy, nay ý giác văn đây là vật báu, gọi là giác chi, giác chi thành rồi, cũng biết trân quý giá là có chi quán, hỷ lạc là có chi hỷ lạc, định tưởng là có chi nhất tâm. Tuy ở giác chi mà đã có bốn pháp khác là giác bị ngăn che mà chưa thành tựu, chưa được bốn tên, quán, v.v... chưa hiện, cũng giống như vậy. Kế phân biệt ở bỏ dụ cho đối với các tướng chi thành tựu, phân biệt là quán thành, sinh hỷ đến nhất tâm là ba chi thành.

Kế như người ở sau hiển bày nhất tâm, như người khi ăn dụ cho bốn chi trước, hoặc ăn đủ rồi không cần ăn nữa, thí như nhất tâm, cũng

như ở sau trùng lặp lại dùng dụ cho hiển bày nhất tâm. Đối với dục tuy mà lâu ngày mệt mỏi, nên trong Đại luận quyển mười chín có bài kệ nói: thí như khi người đang ngủ say, nếu có tiếng kêu tâm ấy rất bực bội, khi nhiếp tâm nhập thiên bị giác quán làm não loạn, trong Đại luận thì dùng tiếng kêu ví dụ bốn chi, nay văn dùng năm dục dụ cho bốn chi, nên bốn chi tuy yên mà không bằng nhất tâm, nên sau bốn chi nói nhập nhất tâm, như sau năm dục mệt mỏi thì ngủ, trong luận nói nhập nhất tâm, không cần bốn pháp khác, nên nhập nhất tâm bị bốn chi làm não loạn, dùng dụ cho khác nhau mà hai ý không khác, hoặc Tứ thiền trở xuống giải thích nghi, nghi như văn; kế nay phân ở sau giải thích, như tấn ở sau giải thích ý chi biệt; kế giải thích danh nghĩa năm chi, nay văn chỉ ở trong tu chứng, văn ấy nêu đủ danh nghĩa năm chi. Trong luận Bà-sa hỏi: Chi nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa là thuận theo thành tựu nghĩa đại sự, nghĩa kiên cố, nghĩa biệt khác, nghĩa tối thắng.

Nói thuận theo: Là thuận theo địa ấy mà lập chi, các nghĩa so sánh nói cũng rất dễ biết. Lại hỏi: thiền chi mười tám thật thể có bao nhiêu?

Đáp: Thật thể mười một, Sơ thiền có năm, hai pháp chỉ ở nội tịnh, tam thiền có bốn chi, Tứ thiền chỉ có không khổ không vui. Lại có thuyết nói: Thật thể chỉ có mười. Sơ thiền Nhị thiền, Tam thiền đồng một vui, không nên nói riêng, bốn không chẳng có chi, không được gọi là Thiền, nếu trong tu chứng bắt đầu từ Sơ thiền, mỗi thiền đều dùng ba môn phân biệt.

1- Giải thích tên gọi.

2- Tu tập.

3- Chứng tướng.

- Trong tu tập có hai:

1- Tu phương tiện.

2- Chứng trung gian.

- Trong chứng tướng có sáu:

1- Nói thiền chi.

2- Nói nghĩa chi.

3- Nói thể dụng của nhân quả.

4- Nói cạn sâu.

5- Nói tiến lùi.

6- Nói công đức.

Các văn trong Bốn không xứ, đều đồng, nhưng đến thứ hai nói

trong nghĩa chi, nói hữu chi vô chi, cho nên Bốn không chẳng có chi để lập. Lại thiền chi nói xúc có mười sáu, bốn đại đều có, địa đại có bốn: Nặng, chìm, cứng, rít. Thủy đại có bốn: mát, mềm, trơn, lanh. Hỏa đại có bốn: ấm, nóng, đau, ngứa. Phong đại có bốn: Động, điều, nhẹ, nổi.

Hỏi: Bốn đại vì sao đều có bốn xúc?

Đáp: Xen nhau bao gồm, lửa bao gồm nước, ấm gồm địa nên cứng, gồm gió nên ngứa, nhiệt là thể của lửa, trong gió địa điều hòa lửa nước nhẹ nổi, gió trong nước lạnh, đất mềm lửa trơn, trong đất gió nặng nước chìm, lửa trơn.

Trong luận Bà-sa lại dùng bốn câu phân biệt.

Hỏi: Chi Sơ thiền có phải là chi Nhị thiền hay không?

Đáp: Không có chi Sơ thiền, chẳng phải chi nhị thiền, nghĩa là giác quán, có hai chi thiền, chẳng phải chi Sơ thiền, nghĩa là nơi tịnh, có cũng chi Sơ thiền cũng chi nhị thiền, nghĩa là nhất tâm có chẳng phải chi Sơ thiền, chẳng phải chi nhị thiền, nghĩa là trừ được việc như vậy, tức chi tam thiền, chi Tứ thiền, kế do Sơ thiền đối với Tam thiền; kế dùng Sơ thiền đối với Tứ thiền, kế dùng Nhị thiền đối với Tam thiền; kế dùng Nhị thiền đối với Tứ thiền; kế dùng Tam thiền đối với Tứ thiền, ở đây, v.v... ví dụ ban đầu đều làm bốn câu. Nói năm chi nghĩa là gì?

Đáp: Giác ngộ gọi là giác, tế thiền phân biệt gọi là quán, vui vẻ gọi là hỷ điềm du gọi là lạc, tịnh giống như nói nhất tâm, vì đối với năm dục gọi là ngũ chi hoặc đối với pháp thiện gọi là ngũ pháp. Lại nữa, ở sau nói lý do phẩm số; kế là nói phẩm số; kế nêu dụ cho, nói nên đối là nên làm chữ "ưng", hoặc tác ứng là ý cảm ứng, xuất tán ở sau công năng, hoặc dục chấp ở sau nói Nhị thiền, trước lập phương tiện, nói chỉ quở trách giác quán, cũng nên nói bao gồm quở trách năm chi, nhưng hai pháp đây làm đầu quở trách hai pháp nầy rồi còn tùy theo đó bỏ, lại pháp nầy khó dứt nên chỉ quở trách, nói tức phát trung gian đơn định; là quở trách lìa Sơ thiền tức năm chi, gọi là đơn định, trước tuy nhất tâm, nhất tâm từ ở sau năm chi mà được nay đơn định nầy từ ở sau một nhất tâm mà được,sau chi nhất tâm lại nhất tâm, nên nói chuyển tịch.

Nói thối thiền là dùng xả làm lui sụt chẳng phải nói lui sụt, không có công đức trước nên nói không đáng kể, nếu không ở sau phát Nhị thiền. Nói lẫn lộn bốn đại sắc, hoặc ở Sơ thiền tám xúc, bốn đại thể dụng sai khác, hoặc vào Nhị thừa đồng thành một sắc, nên gọi là "hỗn", chiếu tâm ở sau giải thích.

Nói bốn chi: Là lìa giác quán cấu y nội tịnh tâm sáng sạch rõ ràng, gọi là nội tịnh, nội tịnh nầy định và hỷ đều phát, gọi là khánh gọi

là hỷ, thọ cái vui trong hỷ cao siêu sâu dày đẹp vui, gọi là lạc, tâm thọ lạc dứt, gọi là nhất tâm, nếu muốn quở trách hỷ y theo Sơ thiền mà nói, nên thiền thứ ba ở trước cũng lập phương tiện giống như pháp Sơ thiền, bỗng phát ở sau chánh nói phát tướng, nói năm chi: Lạc sinh xả hỷ gọi là xả, hộ giúp cho thêm lớn gọi là Niệm, khéo léo lìa chấp gọi là Tuệ, vui sướng khắp thân gọi là lạc, lạc nầy khác nhau, với lạc trong Nhị thiền, lạc trong Nhị thiền nương hỷ mà sinh. Lại cũng không đồng với giác quán sinh lạc, thọ lạc nầy dứt gọi là nhất tâm; kế dẫn giáo như văn. Kế nói Tứ thiền trước cũng lập phương tiện; kế là trong chánh phát nói bốn chi, tương ưng với không khổ không vui, gọi là không khổ không vui, xả ở sau thắng lạc, không sinh ưu hối gọi là xả, đẳng trí chiếu rõ gọi là niệm, không nhiễm hạ địa gọi là thanh tịnh, định thể bất động gọi là nhất tâm; kế nói, diệt ba thứ sắc như quyển sáu. Lại trong các kinh luận, chỉ có Đại Anh Lạc nói. Bốn không xứ đều có năm chi, tên gọi đều đồng, sâu cạn đều khác. Năm chi là:

1- Tưởng.
2- Hộ
3- Chỉ
4- Quán
5- Nhất tâm.

Trong Thiên Thai nói: Chi danh tuy đồng chỗ mà có bốn pháp khác nhau, e là khi tu phương tiện đã dùng tám Thánh chủng, nêu ra khác nhau của năm chi.

Trong Đại luận quyển mười chín hỏi: Nên nói thiền Ba-la-mật sao sự nói là thiền định?

Đáp: Do chúng sinh chỉ đối với năm dục cầu vui mà không biết thiền vui, vì Bồ-tát biết, chỉ bày tướng vui ấy; kế liền để nhập ở đạo vị, nay tuy nói phát bao gồm chỉ bày cho người biết. Nếu người không biết, thì có hai lỗi:

1- Không biết thiền lạc.
2- Lẫn lộn cho rằng có gì ghi.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 9
(PHẦN 2)

Kế nói thiền vừa lậu vừa vô lậu, ban đầu nói ý y theo trong thiền môn căn tánh có ba, nên tuệ nhiều định ít, vì đó nói sáu diệu môn nầy phần nhiều ở cõi dục phát vô lậu, thế chưa phải đủ địa trên, lại trải qua tất cả nhân duyên sáu độ, cho nên phán xét thuộc tuệ nhiều định ít, hoặc định nhiều tuệ ít, vì đó nói đặt thắng, trong thiền đặc thắng tuệ tánh ít, nên đến Thượng địa mới phát vô lậu, nếu định tuệ đồng vì đó nói thông sáng, thông sáng trong thiền định tuệ tánh, v.v... quán tuệ sâu xa đủ phát tâm căn bản, từ hạ đến thượng đều phát vô lậu, đây là tùy cơ thuận tập mà nói. Nếu đối trị, trầm nhiều nên tu tuệ nhiều định ít, tán nhiều nên tu định nhiều tuệ ít, trầm tán, v.v... nên tu các quán, luận nói pháp tướng thì nói tùy cơ đối trị, nay nầy nói phát chỉ phán xét tùy theo phát.

Hỏi: Nay văn vì sao không nói sáu diệu môn?

Đáp: Số đầu và tùy theo ở trong căn bổn trước nói bốn pháp sau nhập lý chẳng phải nay bàn luận, huống chi là chung tu tướng, nên ở đây không nói.

Nói ý: Sao gọi là Đặc thắng? đây quán đặc biệt xuất thắng ở chín tưởng, như trong luật nói, luật Thập Tụng chép: Đức Phật ở nước Bạt-kỳ trên sông Bà-Cầu. Luật bốn Phần chép: Vườn Bà-Cầu, vì vườn ở trên sông, dạy các Tỳ-kheo tu quán bất tịnh, các Tỳ-kheo đúng như lời dạy mà tu tập, đối với thân sinh nhàm chán, như cột rắn vào cổ, hoặc có các Tỳ-kheo tâm nghĩ muốn chết, khen chết, tìm dao tự sát, hoặc uống thuốc độc tự trói tự đọa, hoặc chuyển tướng hoại. Có một Tỳ-kheo lại đến chỗ Phạm Chí Lộc Trượng khen rằng: Thiện nhân! ông hãy giết tôi, tôi cho ông y bát. Bấy giờ Phạm Chí ấy liền dùng dao bèn chặt đứt mạng căn, máu dính dao bèn xuống sông rửa. Lúc ấy, có ma trời từ nước trồi lên

đứng ở trên nước khen Phạm Chí rằng: Thiện nhân! ông được phước lớn, Sa-môn Thích tử nầy chưa độ thì độ, chưa thoát thì thoát, được cả y bát, như vậy bèn giết hại sáu mươi Tỳ-kheo, nhân đến nửa tháng nói giới. Đức Phật hỏi ngài A-nan sao không thấy các Tỳ-kheo, ngài A-nan đáp đủ, do đây mà lập chế, nên sau đó đổi quán dạy tu đặc thắng.

Hỏi: Nếu vậy sao không ở sau quán bất tịnh mà ví dụ?

Đáp: Nếu y theo đối trị nên như đã hỏi, nay y theo sâu cạn nên nêu bày ở trước, nên trong Phẩm Quảng Thừa, của kinh Đại Phẩm nói cửu tưởng, v.v... thiền đều Đặc thắng, ở sau có nêu. Đây thì kinh cũng nương sâu cạn, lớn rộng, ở sau nói ưa sách tấn. Ban đầu dụ cho, là quán vô lậu như thân tham dục như nhiệt bệnh, chín tưởng như thuốc, vốn tự hại như đại lỗi, chưa biết lậu hết gọi là thân yếu, duy chuyên nhàm thân như xú uế, thuốc vốn trị bệnh giúp thân bình phục, nay bệnh tuy bỏ nhưng khiến thân khốn khổ, nên nói là tệ, lại tu Đặc thắng như thêm vào, còn kèm theo bất tịnh ở sau, tấn phát vô lậu như thân bình phục, sinh thắng ở sau phán xét, hữu quán ở sau nói quả thật. Pháp đầu, kế dụ cho, nói như người xét thức ăn, tức trị người tham dục. Tồn thân tu quán như ăn mỡ heo, niệm xứ quán thân như dính vật dơ, bất tức tự hại, cũng như ăn mạnh, chín tưởng quán thành cũng như heo hôi mướn người tự hại, như không ăn lại. Chữ liêm chẳng phải thể nên làm tức ăn ít, hợp như văn. Đặc thắng phát, ở sau chánh hói phát tướng, mười sáu pháp nầy đối với Bốn niệm xứ và bốn món căn bổn, trong mỗi niệm xứ đều nói: Nếu đối với đạo phẩm, thì niệm xứ thuộc về đạo phẩm, đây là nói theo thông, nên chỉ cho đạo phẩm, từ ban đầu biết ra hơi thở đến trừ các thân hành, có năm đặc thắng gọi là thân niệm xứ.

Ban đầu nói hơi thở ra vào, vào đến rốn, ra đến mũi soi chiếu không loạn, cho đến biết vào nhẹ ra nặng, vào thô ra tế, nhập trơn ra rít, nhập lạnh ra ấm, biết thở dài ngắn. Trong Đại luận quyển năm mươi ba nói, như đệ tử Toàn sư, Toàn sư biết dây dài ngắn, mà căn bản thầm chứng, nêu căn bổn trước nói khác với đây, như tro đậy lửa, v.v... ba dụ cho, và dụ cho căn bản không có quán tuệ, phụ nữ ăn lửa như có thân, tro ban đêm mà tối như căn bản, nay có quán tuệ như trừ tro, ngày sáng mở mắt, nên biết Đặc thắng khác với căn bản, tám xúc trước xúc thân bỏ, cũng bác bỏ căn bản. Thương là kho lúa, lúa là năm thứ lúa, lúa là tên chung của năm thứ, lúa là hột, năm thứ thành hột gọi là lúa, năm thứ: Lúa nếp, kê, mì, lúa, mè.

Kế từ tâm thọ vui ở sau, ba Đặc thắng đối với thọ niệm xứ; kế tâm khởi vui ở sau, ba đặc thắng đối với tâm niệm xứ. Trong Đại Tập,

v.v... ở đây dẫn trong Đại Tập chứng minh không có nội tịnh, nay chỉ nói tâm tác hỷ, tức tợ không có nội tịnh nên đồng Đại Tập, từ quán vô thường ở sau, năm đặc thắng gọi là Pháp niệm xứ, nói các chỗ cũng quán. Chưa phải trị riêng, theo biết hơi thở ra vào và quán vô thường, ở đây chỉ tướng chung biết vô thường. Đến thiền thứ tư, thiền đây hơi thở dứt, nên ngoại đạo chấp cho là thường, nên quán vô thường riêng trị địa nầy. Lại đến Tứ không càng phải nói khác, nên căn không xứ vẫn là nói lược, nên nói không tán là muốn biết dục tán ấy, nên gọi là ly dục, gọi là quán ly dục. Vô sở hữu xứ nói hoặc nhiều hoặc ít, thức xứ là nhiều vô sở hữu xứ là ít, nay có quán tuệ lìa là nhiều ít, nên nói đều không thiếu, tức là diệt, nên nói quán diệt, mười sáu pháp nầy ở sau chung kết. Hoành đối niệm xứ lý khác căn bản, dọc đối căn bản lại nương niệm xứ nên khác riêng căn bản, nếu dụ cho rằng: Như thức ăn không muối, v.v... riêng phát căn bản như ăn lạc, đặc thắng hữu quán như thêm muối, căn bản sâu cạn nên nói dọc, các pháp niệm xứ nên nói ngang, văn đầu tuy không nêu số, danh nghĩa đã đủ, không cần giải thích riêng, chỉ có ban đầu thân niệm năm pháp, danh tướng hơi ẩn. 1- Biết hơi thở vào; 2- Biết hơi thở ra; 3- Biết thở dài ngắn; 4- Biết hơi thở khắp thân; 5- Trừ các thân hạnh. Các văn nên thấy. Trong thiền môn hỏi Đặc thắng nương vào địa nào?

Đáp: Người giải thích khác nhau, có sư nói: Chỉ ở cõi dục, chưa được đến Sơ thiền, địa trên chẳng phải không được, do quán pháp không đủ, như thiền thứ tư không thở ra thở vào, cho đến hỷ lạc, để nói niệm xứ bất tiện.

Lại có một sư, đủ như văn nay và pháp giới thứ lớp trong thiền môn nói, đều y kinh nên dùng thuyết nầy để giải thích.

Có một sư nói: Đối Bốn niệm xứ có thể như vậy, nhưng phân ra không đều, nên như mười sáu hành tướng vô lậu, một đế đều có bốn, ở mỗi niệm xứ đều có bốn Đặc thắng, thân hành giả cần gì chỉ hơi thở ra vào, phải tâm thọ mới có thể tạo làm. Cho nên thứ năm nhập thọ niệm xứ, sư nầy đối với địa cũng đồng với nay, nhưng đối niệm xứ tiểu bất định.

Kế nói thông minh: Ban đầu trong, nói thấy ba mươi vật, trước trong Đặc thắng nói ba mươi sáu, không khác với đây, lại các văn đều nói trong ngoài, trung gian đều có mười hai vật, chỉ có trong thiền môn nhưng phân ra trong ngoài, ngoài có mười vật, trong có hai mươi sáu, ở giữa có hai mươi hai là địa, mười bốn là thủy, mà không phân danh tướng thuộc địa thủy, nên nói: Râu tóc móng răng, da mỏng da dầy, gân

thịt xương tủy, tỳ thận gan mật phổi, ruột non ruột già, tim bao tử, phân tiểu dơ mồ hôi, nước mắt nước miếng mủ máu, mạch, đàm vàng, đàm trắng mỡ màng não, trong ba mươi sáu thứ nầy, tóc lông móng răng nước mắt nước miếng phân tiểu, mười thứ nầy thuộc về bên ngoài, còn bao nhiêu thuộc bên trong, trong mười pháp trừ tóc lông móng răng thân máu như mỡ, đàm trắng đàm vàng tủy não mười bốn thứ nầy thuộc về nước, còn bao nhiêu thuộc về đất, nếu mỗi thân ra mười hai thứ tùy theo tướng nên biết. Trong kinh Hoa Nghiêm, v.v... trong thiền môn hỏi thế nào gọi là Thông sáng?

Đáp: Pháp thiền quán nầy không phân biệt được danh mục, ở các nước phương Bắc có sư tu đắc thiền nầy, muốn chỉ dạy cho người, đắc không biết danh mà không danh bất định thử muốn đặt để trong thiền căn bản, mà pháp tướng quá khác, hoặc đối với Đặc thắng danh mục hoàn toàn khác, ban đầu đối với Bối xả quán hạnh đều khác, cho nên các sư gọi là thông sáng, lại có hai cách giải thích.

Ban đầu nói: Khi tu ba việc thông quán, nên gọi là thông, pháp nầy sáng sạch, khai mở mắt tâm, quán một đạt ba chỗ, thấy không chướng ngại, nên gọi là minh, nầy giải thích khác với văn nay, lại có một cách giải thích đồng với văn nay, nên được gọi chung là trong nhân nói quả, nên nói thông minh.

Hỏi: Nếu vậy, các thiền cũng được, nào có khác với ở đây.

Đáp: Các thiền tuy được không bằng bệnh nầy. Cho nên các sư lấy đó đặt tên.

Hỏi: Trong Đại Tập giải thích tên gọi là như tâm, cho đến trụ trong Đại Tập, sao không nương theo mà gọi là thông minh?

Đáp: Trong kinh Đại Tập chỉ nói "bảo cự", tên còn thông bít, chưa đủ để dùng các thiền nói khác, thỉnh trong Quán Âm, quán ở tim mạch cũng tợ như thiền nầy, nên nói là ý nầy, cũng chưa đủ giải thích danh thiền nầy. Phải biết ở sau đã không phán xét, cho nên chỉ dùng thông minh đặt tên.

Kế chánh nói trong phát. Ban đầu y theo năm chi Đại Tập.

Trước nêu bày; kế giải thích, giải thích văn lại y theo Đại Tập, Bảo Cự, để giải thích tướng ấy, trong thiền môn tuy nói không có danh mục, nhưng giải thích nghĩa thì phải nương văn Đại Tập, khác nhau với các sư nói, không có an trí.

Ban đầu giải thích Giác chi.

Trong kinh có năm câu hợp lại thành ba; ban đầu riêng y theo hai đế giải thích hai giác.

Kế hợp y theo chân tục giải thích hai tuệ, ba y theo ba đế để giải thích tâm tánh, ban đầu giải thích như tâm rất dễ thấy; kế lại biết tục đế ở sau giải thích Đại giác, tập thiền môn giải thích chín mươi chín, xương lớn nhỏ có ba trăm sáu mươi, tủy có chín trăm chín mươi chín lớp, trong xương nầy lại có các tràng, bốn đầu bốn miệng chín mươi chín đuôi, số ấy chẳng phải một, não có bốn phần, mỗi phần có mười bốn lớp, năm tạng mỗi tạng che nhau như hoa sen, lỗ trống trong ngoài thông nhau, đều có chín mươi chín lớp, cũng có tám mươi con trùng, ở trong đó khiến lẫn nhau, âm thanh ngôn ngữ đi lại động tĩnh, đủ như trong thiền môn tu chứng có nói: Từ tư duy bỏ nói chân tục, chỉ là đến chỗ rõ được chân tục, cho đến định chi lần lần sâu xa, nói khác như văn, tâm hạnh ở sau giải thích quán chi, nói chi thượng giác là giải, thượng căn bản chi trực giác tám xúc, thầm chứng quán không nên bác bỏ nói giải, tâm trụ ở sau giải thích định chi, không giải thích hai chi hỷ an chỉ rộng như văn, phát từ đây về sau các địa vị, nói Sơ thiền như bọt bóng, cho đến thứ tư như hình bóng trong gương, lần lần mong nhau lần sâu xa, cho nên y cứ thể dụ để nói về tướng mạo, vào cõi Vô sắc, Vô sắc có thể dụ, cho nên văn dụ nhưng đến Tứ thiền, cõi Vô sắc chỉ nói ba việc không, v.v... diệt phi tưởng ba thứ thọ tưởng, hoặc pháp hạnh Tỳ-kheo, khởi suy nghĩ nầy, hoặc có thức tưởng xúc tưởng và hư không tưởng, hoặc tu vô tưởng diệt hẳn tưởng nầy, tưởng tuy có ba đều là đã diệt, lại diệt đại địa thông tâm ở trong đó thọ tưởng tâm sơ cho nên gọi chung là diệt thọ tưởng. Luận Bà-sa nói: định nầy cũng diệt các pháp tâm sở, vì sao chỉ nói diệt thọ tưởng ư?

Đáp: Có thuyết nói chỉ diệt hai pháp nầy, có thuyết nói, hai thắng nầy, có thuyết nói, cũng diệt các pháp tâm sở là nói theo thù thắng. Lại nói: hai cực đây là hành giả làm mỏi mệt, thọ ở sắc khởi tưởng mỏi mệt ở Vô sắc làm mỏi mệt, lại hai pháp nầy ở trong hai cõi làm cao quý, thọ ở sắc thắng tưởng ở Vô sắc thắng, lại sinh ra ở hai thứ hoặc, thọ sinh ái tưởng sinh kiến.

Lại hỏi: Định đây là hữu tâm hay vô tâm?

Đáp: Tôn giả Đà-đề-bà, hữu tâm hoặc vô tâm, làm sao nói từ định ấy khởi gọi là tử, như có Tỳ-kheo đầu tháng muốn đi khất thực, bấy giờ mưa to sợ lạc mầu y, lập thệ nhập diệt định cho đến mưa tạnh, mưa suốt trong hai tháng mới tạnh, Tỳ-kheo xuất định liền chết, cõi sắc không phải đoạn thực nhập thì trải qua thời gian lâu.

Hỏi: Khi nhập không lập thệ pháp nào mà khởi?

Đáp: Như khi nhập định trước diệt khẩu, kế diệt thân, sau diệt

tưởng, khởi thì nghịch; kế trước khởi ở ý, không thể thân khởi mà ý không khởi.

Hỏi: Diệt định vì sao khác?

Đáp: Diệt là một sát-na, định là lâu liên tục.

Hỏi: Tâm không động gọi là định, định nầy vô tâm, làm sao chẳng động?

Đáp: Tuy vô tâm bất động, có bốn đại nối tiếp; kế có tục quán phán xét lậu vô lậu, trong đây phán xét trước như tâm đồng hành đại hạnh trong đó chân tục và lậu vô lậu, nhưng kèm theo các tướng da thịt, nên gọi là tục và hữu lậu, có quán sâu xa như hư không, gọi là chân vô lậu, thiền nầy, v.v... phân tích Thành Luận sư, hữu lậu gọi sự vô lậu gọi là lý, nên biết nầy giải thích thiền trong mỗi địa, đều có quán tuệ chân tục tức nhau, huống qua phi tưởng đến diệt thọ tưởng, cũng qua Đặc thắng, huống chi là căn bản? Cho nên phân tích Luận sư không biết dùng đó làm tám giải thoát, mà chỉ dùng căn bản làm sự thiền? Đạo là đạo cộng, định là định cộng.

Kế dẫn luận Tỳ-đàm phân tích Thành Luận sư. Tỳ-đàm nói nghĩa không mất nghĩa lý, như ông đã giải thích, chỉ có lý định vô lậu, không có tám giải thoát sự thiền, phải biết luận ông không có chúng giải thoát, theo ngoại đạo thì bỏ chánh Thành Luận sư, lại đem luận giới tuệ ấy gạn Luận sư ấy, nầy thì ở sau kết gạn.

Dịch y, v.v... là đã không có tám giải thì không có dịch định, lấy gì để khác thiền ngoại đạo. Nói tám thuật: Trong Đại kinh quyển hai nói lại có minh y hiểu tám thứ thuật từ phương xa đến, trong văn kinh tự giải tám thuật có tám lần lại nữa, mỗi lần lại nữa đều tự kết dụ rằng: Trừ một xiển-đề. Người xưa cùng nói: Dạ ở bát chánh để trị tám đảo. Trong Chương An nói có mười thứ y, chỉ trừ Viên giáo hậu tâm tức là Như lai. Còn có mười người đều phải trị, quả chưa mãn, nghĩa là sơ tâm trung tâm Viên giáo, ba giáo Bồ-tát hai giáo Nhị thừa, ngoại đạo dứt kiết ngoại đạo khổ hạnh, ngoại đạo không kiến, hai trong mười y đây là viên y, thiện ở sau tám pháp gọi là hiểu tám thuật, phải biết Thành Luận đã không dịch định, chỉ có ba pháp dứt hết khổ hạnh, v.v....

Lại nói: Ba đạt năm căn gọi là tám thuật. Lại nói: vô thường, thường, v.v... mỗi pháp có bốn thành tám, y cứ hai nghĩa nầy thì người Thành Luận có tám thuật hoàn toàn không, vô thường, v.v... bốn pháp còn tự không thành, làm sao khác với ba pháp dứt kiết, v.v..., còn ở trong Thích Tiêm có nói: Kế là tịnh ở sau nói vô lậu, v.v... Thiền môn nói tu nên nêu chung có chín, nghĩa là chín tưởng tám niệm mười tưởng

tám xả, thắng xứ nhất thiết xứ, chín thứ lớp sư tử siêu việt, nay văn không có tám niệm mười tưởng, đã phân biệt như trước, thắng xứ nhất thiết xứ hợp ở trong Bối xả có nói, chín định, v.v... là quả địa pháp, nếu xưa đã được không sinh ở đây, cho nên ba pháp nầy nay cũng không nói, nay văn, nay văn thêm đại bất tịnh từ tâm nhân duyên niệm Phật thần thông: Đại bất tịnh cùng chín tưởng chỉ là sự khác nhau của thô tế, chung riêng, từ tâm văn ấy hợp ở căn bản thành mười hai môn, niệm Phật văn ấy ở trong tám niệm, thần thông đã là dụng của các thiền mà luận chỉ nói tu cho nên không nêu bày, nay sợ tập phát, nên phải nêu bày pháp tướng rộng lược, đều nói ý ấy, nay chín tưởng ban đầu, là nếu muốn tu tập nên đến thiền môn tìm xét tướng ấy, nhưng hành giả nầy phải có giới định, niệm tâm không hối hận, dễ thọ pháp quán phá được tham dục. Ban đầu nêu hai người kế nói hai người phát tướng trước nói hoại pháp người, ban đầu người nầy ở sau nói ý hoại pháp, đã không có người để quán, cho nên tiến đến thiêu tưởng thứ chín, đã không ở sau nói khác, nguyện trí đảnh thiền hoại pháp, do đây không tu Bối xả cho đến siêu việt thiền rất cao thượng, nên gọi là Đảnh, thiền nầy lại có thể chuyển thọ thành phước, chuyển phước thành thọ gọi là nguyện trí Đại luận quyển mười chín nói: Muốn biết việc ba đời thì tùy nguyện liền biết, cũng gọi là vô tránh, có thể khiến tâm họ không khởi tranh, nầy siêu việt thiền cũng có đủ bốn nói. Câu-xá quyển hai mươi bảy nói: Lấy nguyện làm đầu, dẫn khởi trí mầu, như nguyện mà liễu ngộ, nên gọi là nguyện trí, tuy nói thiêu diệt, v.v... thân tưởng tuy không mà thân thật còn, như diệt thọ tưởng, thọ tưởng tuy diệt mà thân thật chứng, người nầy ở sau hoại pháp người có lui sụt hay không lui sụt, như Tỳ-đàm, v.v... Trong luận Bà-sa hỏi: A-la-hán lui sụt, không nên hai quả thứ hai và thứ ba cũng lui sụt.

Đáp: A-la-hán lui sụt dẫn đến hai quả lui sụt, cũng như cát giếng, trên dưới có trong ngói chỉ có sỏi vụn, ngói trên nếu giống, từ trên đến dưới sỏi trong ấy đâu được không giống, bốn quả như ngói ở trên, hai quả như sỏi trong ấy, quả đầu như dưới đáy, nếu đến đáy xong thì không còn đi được.

Hỏi: Nếu đến sơ quả cũng nên nói lui sụt quả thứ hai thứ ba sao?

Đáp: Như người rơi vào nhà ba tầng, trong ấy cũng giống như vậy, tuy tức không nói lui sụt thứ hai, thứ ba, quả thứ hai, thứ ba thật lui sụt. Lại nữa quả thứ hai thứ ba là nhân thứ tư, quả ấy đã lui sụt nhân ấy cũng lui sụt, nếu vậy, sơ quả cũng vậy là nhân quả thứ tư, cũng nên nói lui sụt?

Đáp: Trước sơ quả không còn có quả, nếu quả lại lui sụt thì không chỗ trụ, nếu thừa nhận, sơ quả lui sụt thì có nhiều ngăn ngại, vốn là kiến đế, nay chẳng phải kiến đế vốn là đắc quả nay chẳng phải đắc quả, vốn là quả quyết định, vốn là bậc Thánh nay chẳng bậc Thánh, lìa lỗi như vậy nên không nói lui sụt.

Hỏi: Lui sụt trải qua mấy thời?

Đáp: Trải qua mấy thời cho đến tự không biết lui sụt, hoặc tự biết lui sụt phải tu phương tiện thắng tấn.

Lại nữa phiền não ấy hiện ở lúc trước, tâm sinh hổ thẹn mau làm phương tiện, như người mắt sáng ban ngày đất bằng nghiêng đổ, tầm tức lại khởi nhìn thấy bôn phương hay không thấy, trong ấy cũng như vậy, hoặc Phật, hoặc Thánh đệ tử, thiện nhân không thấy ta chăng, cũng như thân thể ấm, người có chút lửa rơi trên thân. Tầm tức từ bỏ.

Hỏi: Đã lui sụt hai quả hai quả không cần tác giác tạo tác ư?

Đáp: Không phải tạo tác, quả nhân sở hành khác với phàm phu, nhưng tuệ giải thoát cũng không lui sụt, nghĩa có lui sụt nên nói có lui sụt, trong kinh A-hàm ở sau dẫn quả thứ ba lui sụt vì ví dụ giống, cũng không được người sự thiền, người nầy tuy lui sụt mà không mất đạo cộng, đây sau lại được, nên biết A-hàm và luận Bà-sa ý đồng, đã nói muốn no thì tự đến tức là sơ quả trong thân, làm bậc sơ quả tạo tác các việc, đều không mất đạo cộng, nên được làm ví dụ, nếu vậy ở sau phán xét vô sự thiền thành tuệ giải thoát, đều y dụng thế đạo ưa thích, nhàm chán mà dứt, nên gọi là thế trí, nên vô lậu lại tùy theo nương một địa, đoạn từ thượng hạ ba cõi, các hoặc đều được diệt định, cho nên không lui sụt, hoặc không hoại, ở sau kế là giải thích không hoại pháp nhân.

Ban đầu nói không hoại pháp tướng. Nói quán luyện huân tu, là đủ như trong thứ lớp pháp giới có nói. Nói luyện thiền tức chín thứ lớp định, chép đủ trong kinh Ma-da, vào Sơ thiền rồi, kế đó vào Nhị thiền, thứ lớp như vậy đến định diệt thọ tưởng, y nơi chín chỗ thứ lớp mà vào, nên đặt tên. Lại vào Vô gián nên gọi là thứ lớp.

Nói huân thiền: Bốn sư tử phấn tấn, như sư tử làm tung lên các bụi đất, nghĩa là phấn tấn ra vào, đó gọi là nhập, là đủ, vào chín định, từ sau cho đến diệt định là thuận.

Nói nghịch: Từ diệt định xuất rồi lại nhập phi tưởng, thứ lớp như vậy, lại đến Sơ thiền.

Nói xuất: Là nghịch thuận đều vào một tán tâm, nói tu thiền tức là siêu việt, nghĩa là siêu nhập siêu xuất đều có hoặc nghịch hoặc thuận cho đến nghịch thuận. Thuận: Là lìa dục vào Sơ thiền, từ Sơ thiền siêu

nhập phi tưởng xứ, phi tưởng xứ siêu nhập diệt định, diệt định siêu nhập Nhị thiền, nhì thiền siêu nhập diệt định như vậy cho đến Phi tưởng.

Nói nghịch, là từ diệt định khởi nhập Sơ thiền, Sơ thiền khởi nhập phi tưởng, phi tưởng khởi nhập Sơ thiền, như vậy vô sở hữu xứ, cho đến nhị thiền.

Nói nghịch thuận là từ trên siêu vượt xuống, siêu vượt lên, đối nhau qua lại đến diệt định cho đến Sơ thiền, ba thứ xuất là như nhập chẳng khác, chỉ có nghịch và thuận đều phải trải qua trong một tán tâm rồi kế vào các định, thật ở thứ lớp pháp giới và Đại phẩm Đại luận, hoặc y Niết-bàn sau phân luyện huân nghĩa đồng, tu thiền thì hơi khác.

Trong kinh nói: Có hai thứ:

1- Đồng với văn đây.

2- Siêu một, siêu hai.

Hoặc đến hoàn toàn đều siêu. Nói một hai là không thể vượt xa, nói vượt xa là có thể một hai, hoặc khi tu thấp đối tu nói phát.

Ái nhiều, v.v... nay nầy đều y cứ chín tưởng tự thân tha thân dùng làm trong ngoài, rộng như trong Đại luận quyển hai mươi mốt có giải thích, trong Bối xả có nói.

Lại nói: Lúc đầu tập quán đều quán, tập thuần thục trừ bên trong cũng có thể ái nhiều quán ngoài, gọi là chín tưởng, thấy nhiều quán thân gọi là Bối xả trong ngoài đều quán gọi là thắng xứ, nói về ngồi rồi sau đó nói về phát tướng, không hoại pháp nhân nhưng đến quyển tám. “Tằng hội” là tánlà dáng nước chảy, chữ không có chánh thể. “Bàn đà” là dáng nước chảy ràn rụa, chưa thấy ở sau nói công năng, ban đầu nói công năng trị dục. Pháp ban đầu hai dụ cho nói quán thành sinh nhàm, như nắm tịnh pháp Bà-la-môn. Trong Đại luận quyển hai mươi hai giải thích mười tưởng đến trong tịnh khiết, có việc nhân duyên đến nước bất tịnh, ta phải làm sao lìa bất tịnh nầy được ăn thức ăn thanh tịnh ư? Thấy một bà lão mua một chiếc bánh tủy trắng, lại bảo rằng: Ta có duyên trụ trăm ngày ở đây, thường làm bánh, nầy đem đến cho ta, phần nhiều cho ông, bà Lão thường ngày đem đến, Bà-la-môn vui mừng tham đắm ăn no, lúc sau làm bánh lần lần mỗi ngày không có mầu sắc không có vị, liền hỏi vì sao?

Bà Lão đáp: Mụt ghẻ lở đã lành.

Bà-la-môn: Đây là lời gì?

Đáp: Đại gia phu nhân của ta chỗ kín có mụt ghẻ, dùng mi tơ cỏ ngọt mà truyền, mụt ghẻ mủ nóng chảy ra trộn với sữa bánh, mỗi ngày như vậy, cho nên vị bánh và mầu đều tốt, nay mụt ghẻ của phu nhân

lành, làm sao còn được. Bà-la-môn nghe việc ấy, dùng tay tự đấm chùy vào ngực nôn khan, ta làm sao phá được pháp nầy ta vì liễu ngộ xả bỏ duyên sự chạy về bổn quốc, Hành nhân cũng vậy, đấm vị ăn uống ngon quán thấy bất tịnh không còn tham, nay mượn giả tưởng ý cũng như vậy, thân như ghẻ lở, bánh gọi là tịnh, nếu biết bất tịnh trở về bổn quốc Niết-bàn thanh tịnh, hoặc chứng ở sau quán thành, còn không ở sau nêu so sánh tướng nhàm chán. Chữ minh nên làm các miệng gần nhau. Nếu làm chữ Minh gọi là chữ hô, tưởng như vậy sau cùng nói khác với Đặc thắng, như người tham ăn, v.v... mến tiếc thân như tham ăn thân uế như heo lợn, thật quán xét kỹ để biết, thân còn như gượng ăn, thấy giồi như giả tưởng, thật nhàm chán bèn không ăn. Trước Đặc thắng, sau hợp dụ, Đặc thắng là thật quán, chín tưởng là giả tưởng, nên ở sau dẫn chứng. Sáu tặc là sáu dục. Cửu thông ở đây có thể trị sáu dục, hoặc trị riêng, tư tưởng trị oai nghi nói năng hai dục, bụng hoại nuốt ba thứ trị hình dáng một dục, máu dính mủ tan xanh ứ đọng ba pháp trị sắc một dục, xương cháy hai pháp trị một dục mịn trơn, chín tưởng lại trị chung người ham đắm, trị khắp dục nhân tướng, có thể lay động chín mươi tám núi sử, chỗ trị rất mạnh. Nói oán đối, ái như kẻ thù, đối như bạn thân, khiến người khởi tham như đối bạn thân, dẫn người vào chỗ ác như kẻ thù, đủ như trong Đại kinh quyển hai mươi mốt, như vậy ở sau nói, công năng giúp sức Đại thừa, Tiểu thừa.

Ban đầu là chánh giải thích; kế dẫn chứng, văn đầu hoặc tùy theo bổn tập, hoặc tùy hiện quán, nên Đại thừa Tiểu thừa đồng bị tham dục làm ngăn ngại, chướng bỏ tập phát theo các việc trông mong. Thời nay hành giả nói tuy sâu làm sao tránh khỏi ái ràng buộc, không tin quán đây làm sao thể hội được chân lý? Giải thích luận ở sau phá lầm, chứng chín tưởng năng phát Đại thừa, nên biết các sư không thể nói ý.

Kế giải thích Bối xả; ban nhiều lần phán xét cạn sâu, ba pháp trước là căn bản, là hữu lậu, gọi là vị căn bản, Đặc thắng thông minh gọi là căn bản tịnh, chín tưởng trở lên quán phân biệt huân tu gọi là bốn sự định, nay đối với sự định chỉ nói quán thiền, đối với quán thiền văn cũng chưa hết; kế chín tưởng về sau nói Bối xả, lại phải phân biệt huân tu chẳng phải nay đã nói, văn ở sau phân biệt đại tiểu khác nhau, bao gồm cùng không hoại nhân cộng, khác nhau ở Thánh hạnh Bồ-tát. Lại Bối xả ở sau phán xét nhân quả để giải thích tên gọi. Trong nhân nói quả: Là có người nói: Bối xả là tên khác của giải thoát, nay dùng môn Đại thừa đến suy nghiệm ý thì không phải như vậy.

Trong Đại Phẩm chép: Bồ-tát y theo Bối xả vào chín định và thân

chứng Na-hàm, tuy đắc chín định, cũng lại chưa thọ tên tám giải thoát, nên biết lúc nhân nhàm Bối xả lìa phiền não, gọi là Bối xả, lúc sau đầy đủ quán luyện huân tu, phát chân vô lậu, kiết ba cõi hết. Bấy giờ, Bối xả đổi tên thành giải thoát, nên biết Bối xả ở nhân, giải thoát ở quả, nếu gọi Bối xả là giải thoát, tức là trong nhân nói quả, cho đến trong quả nói nghĩa nhân, cũng có thể thông, nên nói tên khác, trở thành rất ngăn ngại.

Trong luận Bà-sa hỏi: Bối xả nghĩa là gì?

Đáp: Bối xả nghĩa là bỏ, hai pháp đầu bỏ tâm sắc ái, thứ ba bỏ tâm bất tịnh, từ thứ tư trở đi phi tưởng xứ, bỏ pháp hạ địa, pháp diệt thọ tưởng, bỏ tất cả hữu duyên.

Tôn giả Hòa-tu nói: Được nghĩa giải thoát vì được thoát khỏi phiền não, lại hư tưởng được giải gọi là giải thoát, nên biết văn luận cũng là Bối xả từ nhân, giải thoát từ quả, nên nay trong văn từ bối trở xuống soạn từ bên nghĩa nhân để giải thích Bối xả.

Nói tịnh khiết ngã dục: Trong thiền môn nói: phàm phu cõi dục mê tình, tham đắm pháp bất tịnh, cho là tịnh diệu, gọi là năm dục bất tịnh, từ định cõi dục cho đến Phi tưởng, tuy có tâm chấp, cũng gọi là tịnh khiết năm dục, nay dùng Bối xả vô lậu đối trị nhàm lìa không chấp, nên gọi là Bối xả tịnh khiết năm dục, nếu phá chấp sau nói đối trị, ngoài y theo chín tưởng, trong y theo Bối xả, tùy người khác nhau nên lập quán đều khác.

1- Trong có bỏ, lược nêu bày hai tên trước sau trong giải thích mỗi nêu tên giải thích nghĩa, nên không phiến dự định nêu bày, chỗ nói ở sau chánh nói; ban đầu trong Bối xả phát, ban đầu lược giải thích; kế hoặc tu ở sau giải thích rộng, ở trước giải thích, so sánh thiền môn nói luận khác; hành giả ở sau chánh nói phát; ban đầu có sắc chặng giữa trước chánh giải thích, nói bỗng thấy tự thân, v.v... vì lúc đầu tu đều từ chân mà khởi, nay phát cũng vậy, lại từ chân mà khởi dễ thành, như phát tám xúc, đủ phát nhiều tấn, v.v... “Hác” cũng làm là hang núi sâu, thây bất tịnh nầy như hang núi trống, nên nói. Tát-đỏa, v.v... là nói pháp quán nầy giúp hạnh Bồ-tát Đại thừa, nên khiến Tát-đỏa tự nhàm chán thân ấy, tức Vương Tử Tát-đỏa trong kinh Kim Quang Minh, đem thân cho cọp đói ăn, đều do được quán Bối xả nầy. Trong Đại kinh ở sau có dẫn chứng. Phẩm Thánh Hạnh chép: Y nhân chỉ xương để chống xương chân, nương xương chân để chống xương mắt cá, nương xương mắt cá để chống xương cánh tay, nương xương cánh tay để chống xương gối, nương xương gối để chống xương đùi, nương xương đùi để chống xương

bánh chè, nương xương bánh chè để chống xương lưng, nương xương lưng để chống xương sống, nương xương sống để chống xương cổ, nương xương cổ để chống xương hàm, nương xương hàm để chống xương răng, trên có đầu lâu, lại nhờ xương cổ để chống xương vai nương xương vai để chống xương cánh tay, nương xương cánh tay để chống xương cổ tay, nương xương cổ tay để chống xương bàn tay, nương xương bàn tay để chống xương ngón tay, như vậy ba trăm ba mươi sáu xương lần lượt nương nhau. Trong chấp quán đều biết khắp, nay văn nầy nói ngón tay như bọt bóng, cho đến đảnh, trước tưởng hoại da thịt từ dưới lên trên, một bàn tay hay ngón tay cho đến đảnh đầu, cho đến nghịch duyên, từ trên xuống dưới đến tưởng cốt thành. Kế nói ngoài quán sắc chặng giữa ban đầu dục định; kế chưa đến, pháp nầy tăng đến, v.v... kinh luận khác nhau, hoặc nói xanh vàng đỏ trắng, ánh sáng tùy theo trên, v.v... đây là ánh sáng chưa thành tướng, lần đến thành tựu, thì khắp mười phương, như núi Tu-di, như bốn phía núi Tu-di đất đai hữu tình biển nước, đều tùy theo mắt núi mà làm một sắc, nay bốn sắc nầy cũng giống như vậy, đều khắp mười phương đều đồng sắc ấy, mỗi sắc xứ lại không ngại nhau, như vậy ở sau phát Sơ thiền.

Ban đầu chánh nói tướng định, lâu xa, v.v... là lặp lại ở trước, ánh sáng lúc đầu mới phát nhưng quán lâu ánh sáng vương phải tự phát. Kế một sắc ở sau nói rừng công đức, ban đầu gồm nêu, sắc ở sau giải thích năm chi, nói tám sắc, kiến địa sắc như đất vàng nhạt trong sạch, thấy mầu nước như ở vực sâu nước lắng trong, thấy mầu lửa như lửa không khói trong sạch, thấy sắc gió như gió không có bụi trần trong sạch, thấy mầu xanh như núi tinh vàng, thấy mầu vàng như hoa Chiêm-bặc, thấy mầu đỏ như sương sáng mùa xuân, thấy mầu trắng như ngọc kha bối, thấy mầu rõ ràng mà không có chất ngại, lại luyện xương người từ đầu đến chân, nghịch thuận thường duyên sai khiến mau thành tựu. Huyền văn giải thích trong Bối xả: Nói trong ánh sáng thấy Phật ánh sáng ấy môn Đại thừa Thánh Hạnh, nay lại nói sự nên lược bỏ không nói, bỗng phát túc tập y theo luận nên biết. "Cám cám" là quên, nhưng dưới đây nói khác.

Nói kèm theo da thịt: Là Đặc thắng kia thông minh cũng kèm theo ba mươi súc vật, chín mươi chín thứ, v.v... nếu lở sau nói tướng tà, thầm chứng ở sau nói khác.

Kế nói Đại Tiểu, ban đầu trong Tiểu thừa nói nếu Tam tạng, v.v... là Tam tạng Chân đế. Nếu theo ba tạng giải thích xúc từ ngoài đến, nầy nương ở sau nay luận phán xét ba tạng để giải thích, nhưng ở hý luận, từ

Đại thừa bỏ nói Đại thừa, nay văn tham khảo lấy ý môn Đại thừa khai quyền mà nói, nên ở sau kết rằng: Pháp giới ngoại, trong văn trước nêu ba học so sánh giải thích tám sắc, nên biết trong ba học chẳng những tuệ đạo trải qua sinh không mất, giới định cũng vậy, là sao? Giới là sắc pháp hữu vi, định là tâm pháp hữu vi, khi thân mạng mục nát thân hình đều vô tác, hình thể tuy từ tạ vô tác, giới nghiệp được không diệt, do tùy nghiệp đạo đến vị lai, do các sự định năng phục kiết hoặc, như chứa các côn trùng, do phục cho nên dứt, như trùng hại mạng, do tuệ vô lậu được sơ quả rồi, tuệ đạo thế phần đến hay chưa đến, trải qua bảy lần sinh để hết tàn hoặc, cho nên phải biết do giới nêu tuệ, sự pháp Tiểu thừa còn đến vô lậu trải qua sinh không mất, nên biết thật nói tất cả sự pháp đều thuộc ngoại giới, phải biết pháp nầy vốn là pháp không thể nghĩ bàn trong Như lai tàng, ẩn tướng hợp cỏ cho là quyền nóit, Nhị thừa không rõ lấy đó làm chấp gần, nên biết không được chuyên nương hữu lậu, hoặc phát ở sau kết vị như văn.

Kế nói giải khác, trong đây đã dẫn Thành Thật Tỳ-đàm, Thành Thật Luận đồng với Vô Đức, Tỳ-đàm đồng với Tát-bà-đa. Nhưng Tỳ-đàm nói: Hai quả đầu còn chưa đến trung gian và Nhị thiền, trong đây nói cõi dục và Nhị thiền, y theo Diệu Âm Sư mà nói, lại có người bảo rằng: Lại có một cách giải thích và hai luận ba ý ở trước khác nhau, nay nương ở sau chánh giải thích, nay nương vào Đại luận đều khác với ba cách giải thích, ba cách trước tuy khác mà đều có lý do, Luận Thành Thật y cứ hai pháp bất tịnh trước ở cõi dục thứ ba đã sạch nên thông Tứ thiền hai thuyết trước nói y cứ bên xương người nên ở cõi dục, y cứ bên ánh sáng phải ở cõi sắc về sau sự y cứ thiền thứ tư đã chứng nghĩa xả thọ không nhàm bối xả, tuy đều một đường nhưng chẳng hề phải thông suốt đầy đủ, nên nay các nhà luận giải y văn Đại luận đều phá ba cách giải, một vị nầy đã như vậy, về sau các vị đều y theo Đại luận.

Kế các tướng nội Vô sắc, nói thứ hai Bối xả ở giữa trước nói tướng nội Vô sắc nhưng trước nói phá diệt; kế nói thể diệt, trong thể diệt lại có hai: Trước pháp, kế dụ, dụ như ngựa tốt, v.v..., muốn diệt xương người, xương người liền diệt, gọi là mặc ý người, người tốt cũng vậy, dùng nầy để phân tích thể hai thứ quán, y theo hai môn Tạng Thông, dựa vào văn trước nói là pháp giới ngoại cũng có thể chung đối với pháp Biệt Viên, cũng sợ túc tập từng tu môn nầy. Nếu chỉ dùng tiểu mà không cần môn Đại thừa. Nếu Thông giáo sự thiền cũng có thể dùng môn Đại thừa, có các ý nầy nên dùng hai môn, xương người trở đi là tân pháp chưa phát, vị ở trung gian chưa phát nội tịnh, do bất tịnh ở sau nói ngoại quán sắc,

ban đầu phân biệt chỉ bày sắc thể; kế giải thích lý do, nếu tu ở sau nói phát khác nhau, bỗng thấy ở sau chánh giải thích văn trước tướng định trung gian, lại thấy ở sau phát Nhị thiền; kế là nói kết vị năm chi, như ở văn, ba pháp nói về tịnh Bối xả, chặng giữa ban đầu nêu ra giải thích khác. Trong Thành luận, Tứ thiền cộng tịnh Bối xả: Là trước nói Thành Luận phán xét thứ ba, Bối xả ở cõi sắc, nên biết Tứ thiền cộng tịnh Bối xả, nay dùng hai thiền ở sau văn nay chánh phán, dùng một ý nầy phá hết ba pháp trước, vì sao? Do cực tịnh nên ở thiền thứ tư, thắng xứ nhất thiết xứ chẳng phải thứ tư không thành, có thân chứng nên ở thiền thứ ba, nhưng y theo trước sau để phân thứ ba thứ tư, hoặc định kết vị phải quy về thứ ba, nên y theo đây giải thích ba pháp trước đều hoại. Duyên tịnh nên tịnh, đệ tử thiền làm duyên cực tịnh, khi sắc nầy khởi phát sáng tám mầu, khi thứ ba, thứ tư khởi phát sáng luyện hai pháp đầu, nên gọi là ba bốn dùng làm tịnh duyên hai sắc đầu, cho nên ba bốn được gọi là tịnh, cho nên lại khai ra bốn câu để giải thích, ba pháp trước thuộc hai pháp đầu thứ tư thuộc thứ ba.

Câu đầu: Thật là bất tịnh trên lại thân giả tưởng, trong thiền môn nói: Bất tịnh có ba:

1- Xuất xứ bất tịnh, nghĩa là cốt nhân.

2- Nơi chiếu bất tịnh, nghĩa là cảnh ngoài bất tịnh.

3- Thể sáng chưa được tịnh duyên luyện sáng, nên hai thiền đầu tuy có sáng suốt nhưng chưa gọi là tịnh, nay nói tịnh tịnh lìa ba nghĩa bất tịnh tịnh đầy đủ, gọi là tịnh Bối xả. Trong không xứ nói qua tất cả sắc, v.v... đủ như quyển sáu có lược giải thích, nhưng nương căn bổn ấy nay ở tịnh thiền, cho đây là khác. Lại căn bản cũng diệt ba pháp như hữu đối, v.v..., nay Bối xả nầy rất dễ thấy hay không thể thấy hữu đối, hai Bối xả trước đã diệt, thứ ba chỉ có không thể thấy vô đối, nên đến Không định, chỉ diệt vô đối do nầy thành khác, hoặc phàm phu, v.v... phân tích căn bản, bậc Thánh, v.v... là lập Thánh bác bỏ phàm. Nhưng Bối xả là thật chung phàm phu. Lại thức sinh diệt ở sau giải thích vô sở hữu, trước Không Thức xứ có đủ năng sở nay vô sở hữu diệt ở sở duyên, nên nói: Vô sở hữu; kế giải thích Phi tưởng, là năng vọng ba pháp trước nên nói xả thức vô thức, vô thức tức là không dụng xứ nên gọi là Phi tưởng Phi phi tưởng, nói thức xứ như mụt ghẻ, v.v... Tám Thánh chủng quán cũng đủ như quyển sáu có nói; kế nầy không ở sau giải thích diệt thọ tưởng, là nói còn có phiền não nhỏ nhiệm, là tế hoặc có mười, nghĩa là thọ tưởng thành xúc tư dục giải niệm định tuệ, nầy bác bỏ Phi tưởng có hoặc, nay xả thọ tường năng duyên, v.v... là giải thích tên gọi diệt

thọ tưởng, y theo tên mà nêu ra thể, trong Phi tưởng địa còn có tâm năng duyên phi tưởng, nay trong diệt thọ tưởng diệt năng duyên kia, lại diệt năng diệt mới được gọi là diệt tự tha địa.

Nói băng cá là lấy mạng căn dụ như con trùng châm đốt, "triết" là tạng. "Dị" là loài trùng rồng rắn để ẩn thân, do đó diệt gọi là bỏ, chánh phá cách giải xưa. Nếu chỉ diệt tha địa vì sao khác căn bản? Từ nay về sau chánh giải thích, trước giải thích ban đầu giải xả năng duyên, v.v... tức diệt tha địa, lại không thể diệt tức diệt tự địa, nên đồng với xưa, riêng từ sở diệt.

Kế nêu hai luận, như văn, bác bỏ Thành Luận sư nói bốn pháp sau, v.v... là duyên Thành Luận nhân chấp không dịch định, nhưng do vô lậu nương vào căn bản cho nên trong văn dùng Bối xả, chặng giữa trba pháp Bối xả để gạn luận nhân, nhưng lời gạn nầy có bung ra, có đoạt lại, trong tám pháp lại trừ một diệt thọ tưởng, trong bảy pháp, trước bốn pháp, sau Không xứ đã diệt cốt nhân, duy duyên không, v.v... đã không có pháp khác, chỉ dùng tâm vô lậu tu bốn không nầy, đây có thể như vậy thì dùng Bốn không Bối xả buông ra. Nếu ba Bối xả trước quán cảnh bất tịnh, tám sắc quang minh khác với căn bản, gọi là Bối xả, nầy thì chánh là chung nghĩa giải thoát, ý nào bỏ ở đây mà không chịu dùng. Nhưng y theo thiền căn bản của ngoại đạo, đây là là đoạt, nên biết Thành Luận chỉ dùng thế thiền thật là trái lý, nếu quá thì ở sau phán xét tập, thuộc về bảy pháp giải thoát ở trước được bát định, nên y theo tám định dùng luận phát tập, định diệt thọ tưởng không nói về phát tập, cho nên văn trước không lấy để gạn. Lại định thứ tám không liên quan đến căn bản, nên không gạn, thứ lớp chín định, v.v... là giải thích chín tưởng, ban đầu đã ví dụ đủ bốn món sự định, chưa rảnh phân biệt, nên nay giải thích lại. Theo Tiểu thừa thì không phát ở nghĩa luyện huân tu, Đại thừa hoặc có, như Đại sư Nam Nhạc thông suốt Bối xả đồng thời đều phát, tức là tướng ấy.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 9
(PHẦN 3)

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT (PHẦN 3) CỦA QUYỂN 9

Sa-môn Trạm Nhiên ở đất Tỳ-lăng Đời Đường soạn.

Kế nói đại bất tịnh. Ban đầu nêu tên khác, việc trước ở sau nói khác, nói y theo đây, v.v... là trước tiểu bất tịnh sau nói Bối xả, gồm chung Nhị thừa riêng ở Bồ-tát. Nay đại bất tịnh cũng giống như vậy; kế trong chánh giải thích ban đầu chỉ bày tướng. “Khâu” là tụ, là lăng nhỏ, “mộ” là mả. Trong sách Lễ nói hễ mai táng mà không có “phần” gọi là “mộ”.

Trong Bạch Hổ Nói chung: Phần mộ của Thiên tử cao ba nhẫn, một nhẫn bảy thước, như cây thông, chư hầu làm bằng phân nửa như cây bách. Đại phu tám thước như cây Huyền. Cây Huyền: Trong văn nói giống như cây Lan, quan chức bốn thước như cây Hòe, thứ nhân không có phần mộ như cây Dương liễu, ở đây biết phần mộ đều chung sang hèn, “uông” là nước sâu. Trong Quảng Nhã nói: Là “muôn khoảnh bi”. “Canh” là làm nước dơ, v.v... Trong Đại kinh quyển mười ba, nhân ngài Ca-diếp gạn Đức Phật rằng: Suy nghĩ như vậy không có thật lợi, cũng như lúc Tỳ-kheo quán bất tịnh, thấy đã đắp y đều tưởng như da mà thật chẳng phải da, đã có thể ăn uống đều nghĩ là giòi trùng, quán canh ngon dở nghĩ là nước dơ, quán vật đã ăn cũng như tủy não quán xương nát vụn cũng như cốm rang. Nói về nguồn là ở sau chánh nói phát tướng.

Kế là dụ cho, như văn, ban đầu quán ở sau so sánh tu nói luận phát, như văn. Lại nữa, ở sau nói lý chuyển cảnh, vì tâm chuyển, nên dẫn hai duyên để nêu bày cảnh tưởng quả cảm khác nhau, như quán bất tịnh, v.v... quả cảm là tâm lực quá khứ, bất tịnh là tâm lực hiện tại,

nay nói phát tướng cũng DO đời trước, quá khứ hiện tại tuy khác nhưng đều là tâm tạo, cho nên được dùng hai thứ làm ví dụ cầm đá, v.v... như trong Đại kinh chép: Thích-na-nam cầm các ngói gạch đều thành của báu, cũng lại do tâm lực quá khứ gây nên, Tăng Hộ biết ý cũng giống như vậy. Trong kinh ấy chép: Ở nước Xá-vệ có năm trăm người đi buôn, muốn vào ra tìm của báu, có một Trưởng giả bảo mọi người rằng: Ta có môn sư tên là Tăng Hộ, nên thỉnh làm thầy, đều đến thỉnh.

Tăng Hộ nói: Nên bạch Hòa-thượng Xá-lợi-phất, lại đến chỗ Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất lại đến chỗ Phật, bạch việc ấy lên Đức Phật, Đức Phật cho đi biển, liền cùng nhau ra biển chưa đến chỗ báu, có một vị Long vương từ biển mà ra, mọi người nói: Ông là thần gì?

Long vương hiện thân nói: cho ta Tăng Hộ, các người đi buôn liền cho Tăng Hộ đến chỗ tìm của báu, lại đến chỗ mất Sư nói rằng: Đến chỗ Thế tôn phải nói thế nào?

Long vương biết các người đi buôn trở về, liền trả Tăng Hộ lại cho các người đi buôn, thế là mọi người đi buôn cùng Tăng Hộ đi về, người thương buôn tham gần đường bằng trở lại, mọi người ban đêm lầm bỏ Tăng Hộ, mất bạn đi một mình, đến một nhà địa ngục Tăng Lam liền thấy Tăng Ôn, Tăng Ôn vào lửa cháy.

Hỏi: Đây là ai?

Đáp: Người cõi Diêm-phù-đề khó tin, ông nên hỏi Phật như vậy thứ lớp thấy năm trăm mười ba ngục, đến hỏi Đức Phật, Phật giải thích cho nghe.

Ôn Thất ngục: Thời Phật Ca-diếp buông lung dùng đồ của tăng.

Kiền-chùy ngục: Là không đánh kiền chùy, vì dùng vật của tăng.

Nhục địa bị thiêu ngục: Là lén cày đất của tăng.

Nhục ngõa địa ngục: Làm tăng là bậc Trung, Thượng tọa mà không có thiền luật, ăn no ngủ rồi nói chuyện thế gian, ăn ngon tự ghét tu hành ở trong tăng, tịnh nhân trước tự ăn đồ thô tu hành ở trong tăng, chịu các tướng khổ cũng giống như vậy, bình thịt lửa ngục thiêu đốt, làm việc nhà bếp trong tăng thức ăn buổi sáng để lại buổi chiều. “Vãng”: Là để lại đến ngày sau, đàn việt giấu thức ăn cất đợi dịch đi cũng giống như vậy, hạnh không bình đẳng, quả của tăng cũng giống như vậy. Dao lửa cắt mũi ngục đốt, vì khạc nhổ trong đất sạch của tăng. Ngục đánh đập xác thịt tăng, đóng đinh trên vách treo y bát của mình, đài ngục lửa đốt thịt, tăng nằm đủ trên các móc câu mà đi vì ngăn Tăng thọ dụng, tự mình ở phòng tốt, cho người khác ở phòng xấu, khổ cũng như.

Ngục đốt phòng: Ở phòng tăng như mình có vì không đổi, không

y theo thứ lớp phân chia.

Ngục thiêu đốt giường, vì dùng giường của tăng, không theo lớp phân chia, phá đốt cháy cây của tăng, khổ cũng giống như vậy.

Ngục lửa thiêu đốt ngọa cụ, vì chân đạp ngọa cụ của tăng.

Ngục thiêu đốt thịt nhà xí: vì đại tiểu tiện trên đất sạch.

Ngục thiêu đốt ngồi tòa cao, vì nói luật đảo ngược vì lợi mà nói pháp, khổ cũng như.

Ngục thiêu đốt trái cây, vì lén ăn trái cây của tăng và cho người tại gia.

Ngục thiêu đốt bốn thứ rừng thịt, không có đức xử đoán việc nên không bình đẳng, nằm ngủ với Tăng khổ cũng như.

Ngục thiêu đốt hai vị Sa-di trong mền, vì hai Sa-di ôm nhau mà ngủ, hai vị ấy vẫn vì lợi ích cho đàn việt và Tỳ-kheo.

Bèn nói Tỳ-kheo như vậy, tuy không trì giới, tứ sự cúng dường cũng được đại quả, huống chi lại cúng dường tăng chúng bốn phương. Các ngục như vậy ở bờ Hải Châu tùy chỗ mà có, hoặc thân làm giường dây, bình, v.v... phải biết sắc pháp tùy người cảm, sắc không có tự thể nhất định tùy tâm biến hiện, nếu quán pháp thành đều chuyển được sắc. Nếu chấp ở sau nói do cảnh chuyển, có công phá kiết. Nói quán nầy khế hợp với đạo chuyển biến: Là nếu giả tưởng thành, thật thấy các cảnh chuyển thành bất tịnh, như người có thần thông khiến vật thật thay đổi, giả tưởng biến cảnh như người được thần thông, nên nói khế hợp với đạo chuyển biến, lại trong tất cả vật đều có lý để chuyển, nên người có thần thông và người tu quán có thể chuyển, lý nầy vốn là pháp không thể nghĩ bàn trong Như lai Tạng, tùy tâm thủ chấp thành ngoài thành tiểu, sở hành của các ông là đạo Bồ-tát, bình đẳng pháp giới gang tấc không thiếu, hoặc căn bổn ở sau nói lậu vô lậu, hoặc căn bản một bề hữu lậu đã nói như trước, tiểu đại bất tịnh và Bối xả, v.v... và duyên vô lậu chưa tức vô lậu, hoặc dùng trí để dứt hoặc, nương bất cứ một địa nào nên nói từ trên đều bỏ. Trong Câu-xá nói: Đạo xoay vần Cửu địa, hoặc người ở sau y theo đại bất tịnh, để rõ Bối xả, hoặc người, v.v... trước sau đều phá hai báo y chánh, hoặc luận ở sau y theo Bối xả để nói Thắng xứ và Nhất thiết xứ, trước nêu. Trong luận Bà-sa nói: Thắng ở phiền não, gọi là Thắng xứ, do y chánh đều không chấp, nên đối với y chánh chuyển biến tự tại. Trong Đại luận nói: Ở sau dẫn luận nói căn. Trong Thiền Môn nói: Tu Bối xả xong thì tu riêng Thắng xứ là hạ căn, hoặc ở trong đó nói đủ như văn nay lại không nói riêng ban đầu tu Thắng xứ, nhưng ở trong Bối xả thứ ba lại quán hai Bối xả ở trước

thành bốn Thắng xứ, kế thứ ba ở sau thành Thắng xứ. Cho nên không cần lại tu riêng. Hoặc là thượng căn: Cũng không cần đợi đến lúc thứ ba xong, mới trọng tu hai Bối xả ở trước thực hành bốn pháp trước. Đối với bốn Bối xả liền có thể phân biệt, hoặc nhiều hoặc ít tốt xấu thấy biết, thành hai Thắng xứ; kế ở đây sau thành các Thắng xứ, nầy vẫn y theo giáo nói về thượng, trung, hạ, cũng y cứ Bối xả để nói pháp quán, hoặc thượng thượng lợi căn, lại cần nương pháp hướng về ba căn. Như kinh Dục Vương quyển mười tám nói nước Ma-thâu-la có một người nam theo xuất gia với Cúc-đa, nghe nói pháp quán bất tịnh tự cho mình làm việc mình đã làm. Sau đến nước Kiến-phục-la thấy người nữ mà sinh dục tưởng, liền lấy cốm khô trong bát đem cho người nữ, người nữ thấy nhe răng cười, cũng sinh dục tưởng với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thấy rồi cho đến quán thân như thấy răng xương, tưởng xương thành rồi, chứng A-la-hán, hoặc nhiều hoặc ít cho đến tốt xấu đều là bất tịnh, chánh nói tướng phát. Ban đầu là nói tướng phát; kế phán xét vị; văn đầu: Là y cứ ban đầu Bối xả lập hai thắng xứ, đại thiên là nhiều, giảm là ít, nhiều ít như thế đều có tốt xấu, cho đến rốt sau tốt xấu đều bất tịnh. Trong Bối xả trước tuy quán sắc bất tịnh đều là bất tịnh, chưa thể lần lượt so sánh quyết định tốt xấu, nay khéo quán biết nên nói là thắng tri. Lại thắng y theo lược tiểu bất tịnh, nhưng y chánh báo để rõ tốt xấu, hoặc y đại bất tịnh khởi Thắng xứ: Cũng so sánh hai báo y chánh được thắng tri kiến, đủ như Bốn niệm xứ Biệt giáo ở trong đó có nói, hoặc ở trong đó y cứ Bối xả thứ hai lập hai Thắng xứ, đầu tiên nói phát tướng.

Kế giải thích tri kiến; kế phán vị, hoặc Thắng xứ ở sau nói công năng, từ thượng cổ trở xuống dẫn sự việc, thôi vị nhường nước: Như Ngô Thái Bá làm trưởng tử Thái Vương, thứ lớp Trọng Ưng, ấu đệ Lý Lịnh, Thái Vương bị bệnh nhường cho em là Thừa Đích, nên mượn hái thuốc vào Đông Ngô, còn trong trợ đạo có nói, trả lại trâu, v.v... vua Nghiêu mời Hứa Do làm trưởng chín châu, Hứa Do nghe việc ấy xuống sông rửa tai. Sào Phủ nhân dẫn trâu đi uống nước thấy việc ấy bèn

Hỏi: Nói về người rửa thì trước phải rửa mặt, sao ông rửa tai.

Hứa Do đáp: Vua Nghiêu mời tôi làm trưởng chín châu, tôi ghét nghe tiếng ấy nên rửa tai.

Sào Phủ đáp: Tôi nghe cây của Dự Chương mọc trên núi sâu, trên đó không có đường xe qua ở dưới không đi qua hiểm trở, công thợ tuy khéo mà không thật có, ông muốn lánh đời sao không ẩn sâu, mà đi trong nhân gian mong cầu danh lợi, ta cho trâu uống nước thì dơ miệng trâu, ông bèn dẫn trâu lên dòng trên mà cho trâu uống nước. Lại trong

luận Bà-sa hỏi: Thắng xứ nương thân nào mà được?

Đáp: Nương thân dục mà được.

Hỏi: Có thể đối với thân Phật cho là bất tịnh chăng?

Đáp: Có thể, nhưng chỉ có Phật mới có thể, Thinh văn chẳng thể cho, thân Phật là vô cấu.

Tất cả quán bất tịnh: Là không thể đối với thân Phật nghĩ là bất tịnh. Ba minh ở sau bốn Thắng xứ.

Ban đầu so sánh vị, kế nói đại tiểu; kế nữa nói giả thật.

Trong Đại luận nói xanh vàng, v.v... là sau bốn Thắng xứ chỉ có bốn sắc, nay nêu bày tám sắc, ý ấy thế nào?

Đáp: Trong kinh luận khác nhau nay văn đều nêu bày, cho nên phán xét, xanh, v.v... từ nơi thật địa, v.v... Từ nơi giả: đây là y cứ theo Tam-muội ý duyên sắc phán xét, chẳng phải sắc của năm căn sở đắc, nên Tam-muội thấy mười phương khắp đều bốn sắc, nên bốn sắc là thật, nếu thấy địa, v.v... cũng là bốn sắc, mà lại đặt các địa có bốn tên, cho nên là giả. Do mười nhất thiết xứ thấy tám sắc, nếu chỉ nói tám sắc thì đều từ thật mà nói. Nếu phán xét sắc năm căn sở đắc, nên nói xanh, v.v... từ các giả địa theo thật, như trong Câu-xá nói: Đại chủng nghĩa là bốn cõi tức đất, nước, lửa, gió có thể giữ gìn các nghiệp tánh cứng ướt ấm động, đây nói thật bốn đại chủng có thể giữ gìn bốn đại dụng, nghĩa là địa năng thành trí, "đẳng" là đẳng thủ còn các thủy đẳng có ba, tức thủy năng thành thuộc, lửa năng thành nhiệt, năng phong thành trưởng.

Kế nói địa: Nghĩa là hiển bày hình sắc tùy thế tưởng đặt tên, nước lửa cũng giống như vậy, phong tức là cõi cũng giống như vậy, đã nói thế tưởng nên hình dáng hiển bày sắc đều là giả.

Hiển sắc: Nghĩa là sắc, v.v...

Hình sắc: Nghĩa là phương, v.v... nước lửa cũng bày hai sắc, nên nói cũng.

Phong: Trong luận nói: Phong cõi là Vô sắc rất dễ thấy. Có thuyết nói: Cũng vậy là cũng như nước lửa, nghĩa là gió đen, v.v... và toàn phong (gió lốc), v.v... giả thật sắc nầy, trong năm căn, nhãn sắc thì làm nhãn thức sở đắc, thật sắc thì làm thân thức sở đắc, hoặc Tam-muội sở kiến đều chẳng phải thân nhãn hai thức sở đắc nên phán xét giả thật có đây khác nhau, huống chi Tam-muội sở kiến xanh, v.v... địa, v.v... đều thấy không lẫn lộn, hoặc như Câu-xá chỉ ở trên thật pháp như địa, v.v..., có hiển bày hình sắc không có địa khác, cho nên khác nhau, nên trong Bốn niệm xứ nói: Trong Đại luận chỉ chép: Xanh, v.v... trong Anh

Lạc nói địa, v.v... nầy cũng không tồn tại, bốn sắc nầy gọi là địa, v.v... là thể, danh tức giả danh thể tức thật thể, văn ấy vẫn nói có sắc so sánh thành thuyết như vậy, mà không nói Tam-muội sở kiến, nên biết Chỉ quán từ bên Tam-muội sở kiến mà nói, nếu Tam-muội thành thì khắp mười phương không có hình sắc. Hoặc thế ánh sáng chưa thành thì có hiển có hình, hoặc từ thành phán xét nên chỉ có hiển, nay văn tuy tức giả thật đều nêu, phải còn bốn do không có bốn, bốn bao gồm bốn pháp ở trước gọi là Tám Thắng xứ, bốn pháp nầy ở sau nói pháp hữu vô. Trong ngoài sắc tận: Là tự cốt nhân làm trong, tha cốt nhân làm ngoài, đã không có trong ngoài chỉ có tám sắc nên không có tốt xấu, nhưng có nhiều ít, cốt nhân tuy hết chẳng phải tám sắc hết, nói nhiều ít là tám sắc rộng hẹp.

Kế nói mười nhất xứ, ban đầu lược phán vị trong tám Thắng xứ trừ bốn pháp trước rồi, đối với bốn pháp sau giả thật đều quán, nên được nói là tám, lại thêm không thức nên được thành mười, đều khắp mười phương nên gọi là biến xứ. Chỉ có bất động niệm tuệ đến thiền thứ tư không bị các tai trong ngoài làm lay động, tức là chi đầu vậy, và niệm tuệ tức ba chi.

Lại y theo Tiểu thừa như đây phân biệt, kế dùng xanh ở sau chánh nói phát ở trong, trước nói mười nhất thiết xứ; kế nói mười nhất thiết nhập. Giáo có hai văn e người không rõ, nên bao gồm giải thích. Biến nhất thiết xứ ở mười phương cõi, khắp nơi đều biến, nên gọi là biến xứ, mười pháp tướng nhập lại được nhập danh, từ đây trở xuống phà giải người khác.

Nói tám Thắng xứ, là duyên tám sắc bên ngoài, nay ý không phải như vậy, đây là cốt nhân tự buông, vì pháp nội tâm có sắc, hoặc nội Vô sắc, sao có thể biến ngoại khiến trùm khắp mười phương, nên văn trước phán xét làm giới ngoại sắc, ý cũng như vậy, nên biết không cần duyên theo dục trần.

Kế dẫn trong Đại luận nói lấy Ưu-bát-la, v.v... là mầu hoa sen xanh, e người không hiểu nội tâm buông sắc nên mượn bên ngoài để dụ nội tâm, văn nầy lại gồm chung nêu bày phục nạn, e người dẫn luận mà nạn rằng: Nếu không duyên: Nếu không duyên là vì sao luận văn duyên Ưu-bát-la, nên dẫn văn luận tiêu phục nạn ấy, nếu thông minh quán sát ở sau, vì nói cái khác ấy lại buông ra, hoặc thông minh quán sau là tu Thắng xứ, nói chung Vô sắc dễ mượn ngoại sắc, nay sau Bối xả mới tu Thắng xứ, trong tịnh Bối xả tự có tám sắc, nên nói pháp nhân bất hoại trong tự buông.

Lại nữa, Bồ-tát ở sau lại nói Bồ-tát tu phát. Thắng xứ chuộng đủ các độ, huống chi là tám sắc, nên sau kết rằng: Tỳ tâm tức thành, nầy do thông biệt Bồ-tát sơ tâm làm so sánh. Trong văn đàn đầu Sáu độ rất dễ thấy. Kế trong hộ nói lược ba giới. Hại người ở sau là sát; dẫn vật ở sau là trộm; luống dối ở sau là vọng, cho đến trong tuệ nói không sinh không diệt, nên biết không phải Bồ-tát ba tạng, tất cả ở sau đâu chỉ đầy đủ sáu độ mà thôi, tất cả pháp môn đều đầy đủ, đạo chỉ là tuệ, thuộc về định tuệ, trong tất cả các hạnh Thắng xứ. Như ngựa đi nhanh, v.v... là dụ cho ở Thắng xứ, tâm đối với các pháp đi ở tự tại, lúc nầy ở sau nói công năng của Thắng xứ.

Ban đầu nói công năng điều ma, thực hành bốn pháp Tam-muội của hành nhân, có công năng nhập vị, viên nhân phát rồi chuyển thành cảnh nầy, phần nhiều nhập năm phẩm, do năm phẩm cho đến sáu căn, cận ở Sơ trụ nên nói Cận trí.

Đồng với nầy, v.v... Là nói đồng với nầy, hơn nữa nói phần chứng sở phát, cũng được Đại thừa đầy đủ như văn trước phá các sư không đạt ý các luận, tức là ý nầy. Còn được nhập phẩm cho đến sáu căn, huống chi là nói chung Đại thừa ư?

Kế nói định từ tâm, ban đầu nói lược trước sau, kế là nói sở phát. Nói khéo tu đắc giải, nương tu nói phát, y cứ theo giáo tu tập nên gọi là Thiện, tu thành tựu rồi gọi là Đắc giải. Sở duyên có ba, đó là người trong oán thân y cứ về xứ tức là rộng lớn vô lượng, duyên ba người nầy, cho đến mười phương, khiến được thượng lạc, tức là tướng từ tâm thành tựu. Luận Bà-sa chép: Oán thân đều có ba. Một phẩm trung nhân, Đại kinh phạm hạnh ý văn rất đồng, hai văn kinh luận đều có tướng tu. Trong thiền môn cũng nói pháp tu, nghĩa là khi mới tu khiến bậc thượng nhân được hạ lạc; kế tu khiến thượng thân được trung lạc, trung thân được hạ lạc; kế tu được thượng lạc, trung thân được trung lạc, hạ thân được hạ lạc; kế tu khiến trung thân được thượng lạc, hạ thân được trung lạc, trung nhân được hạ lạc; kế tu khiến hạ thân được thượng lạc, trung nhân được trung lạc, hạ oán được hạ lạc; kế tu khiến trung nhân đắc thượng lạc, hạ oán được trung lạc trung oán được hạ lạc; kế tu khiến hạ oán đắc thượng lạc, trung oán đắc trung lạc thượng oán đắc hạ lạc; kế tu khiến trong oán đắc thượng lạc, thượng oán đắc trung lạc; kế tu khiến thượng oán đắc thượng lạc, nầy gọi là tướng tu Từ thành tựu, hai tâm bi hỷ cũng giống như vậy, nếu tu xả tâm thì từ trung nhân mà khởi, hoặc trước xả thân e sinh ái chấp, hoặc trước xả oán e sinh tức giận, cho nên cần phải trước xả trung nhân, ở trong oán thân vì oán dễ xả; kế xả

oán nhân, ở trong oán nhân, trước thượng kế trung kế đó hạ; kế xả thân nhân trước hạ kế trung, kế nữa là thượng, nếu tâm xả thành tựu, đồng không khác nhau tu đã khác nhau, lúc phát thì y cứ mà biết.

Hỏi: Người nào không thể tu Bốn tâm vô lượng?

Đáp: Có hai hạnh người?

1- Người muốn cầu hơn người thì không thể tu.

2- Người không muốn cầu hơn người thì có thể tu.

Người cầu hơn người cho đến La-hán cũng cầu hơn người, người cầu thiện mà có thể tu, người cầu thiện cho đến xiển-đề cùng cầu thiện, hiện tại tuy không, lỗi chưa hoặc có, trong luận Bà-sa có nói tướng ấy. Nói rộng lớn vô lượng, v.v... đã y cứ theo ba hạng người như trong văn, ba hạng người tuy khắp nơi, nếu chưa khắp thì không gọi là thành tựu, nên lại y theo phương hướng, nên trong luận Bà-sa nói: Vì duyên một chúng sinh hay vì duyên nhiều chúng sinh?

Đáp: Lúc mới tu duyên nhiều chúng sinh, khi thành tựu hoặc một hoặc nhiều, nơi chốn cũng vậy. Trong Đại luận hai mươi mốt nói rộng về tu tướng.

Nói ẩn một, v.v... Là hoặc nương căn bản, trong ngoài đều chìm ẩn, và ngoài chìm ẩn trong không chìm ẩn, còn bao nhiêu trong ngoài đều không chìm ẩn, nhân duyên về sau nêu đồng với nầy phán xét. Hoặc trước trở xuống nói cùng các thiền, phán xét xen nhau. Ban đầu nói phát Sơ thiền, ban đầu nêu trước sau; kế nói phát năm chi, giải thích ở cõi quán chi, hoặc nói trong người được các điều vui trên cõi trời, v.v...

Trong luận Bà-sa có hỏi: Thế nào là chỗ vui của chúng sinh?

Đáp: Có thuyết nói: Cùng vui Ba thừa trong cái vui cao siêu. Có thuyết nói: Cho bốn việc vui đã từng được. Có thuyết nói: Từng cho điều vui kinh hành xứ sở hữu, đến chỗ sở trụ suy nghĩ khiến cho được. Thâu: Cũng là vui, trong Luận Ngữ chép: Thâu châu như vậy nầy danh đồng với căn bản, v.v... là nói đồng khác, tên chi tên xúc đều đồng căn bản, căn bản như nước từ như mật hòa vào nước. Hoặc phát, v.v... cũng là nương theo tu để nói công năng.

Phạm dân là Phạm chúng, Phạm thần là Phạm phụ.

Trong luận Bà-sa có hỏi: Phạm phước là thế nào?

Đáp: Có thuyết cho là: Phước của tất cả chúng sinh; có thuyết nói: Phước của Luân vương; có thuyết nói: Phước của Đế-thích; có thuyết nói: Phước của Tự Tại; có thuyết nói: Phước của Phạm thiên; có thuyết nói: Ngoài phước gần của Phật, Bồ-tát còn của tất cả người; có thuyết

nói: Phước của Phạm vương thỉnh Phật xoay bánh xe pháp.

Bình Gia nói: Phạm phước vô lượng như trên đã nói đều gọi là Mỹ; có thuyết nói có bốn việc được Phạm phước.

1- Tìm nơi xây tháp để xá-lợi.

2- Chỗ chưa có tăng phường xây dựng tăng phường.

3- Phá tăng hòa hợp.

4- Tu bốn tâm vô lượng.

Trong kinh Tịnh Danh chép: Tu bốn vô lượng khai đạo Phạm thiên.

Kế nói Sơ thiền phát định từ; kế nói định từ phát ra nhị ba tứ thiền, như trong văn; kế chỉ từ tâm ở sau phán xét Đại Tiểu thừa, Phật hoặc khi, v.v... Trong luận Bà-sa chép: Đức Phật nói định từ không qua Biến tịnh, cho đến xả tâm không qua Vô sở hữu xứ, đủ như văn nầy, trong luận Bà-sa nói Tiểu thừa cho đến bất dụng xứ, huống chi là pháp của Bồ-tát ư? Phải biết Tiểu thừa có đủ hai thuyết, theo Bồ-tát thường cùng từ bi ở sau mới thuộc Đại thừa, mỗi địa đều có bốn tâm vô lượng. Trong luận Bà-sa lại hỏi: Còn ba tâm vô lượng, vì sao ở Vô sắc.

Đáp: Việc nầy ngài Di-lặc nói biết, phải biết giáo quyền hợp cơ mà nói, chưa cùng tột thật lý nên nói nhất vãng, hoặc trước phát căn bản ở sau nói Nhị Tam Tứ thiền phát định từ, nhưng nói căn bản là từ lược đầy đủ phải nên nói vì và phán xét Đại thừa, Tiểu thừa, v.v... Nếu y Đắc thắng ở sau; kế y cứ theo căn bản tinh thiền phát định từ, nói định sở y tự là nhất biên, v.v... Đặc thắng trở đi đã có quán tuệ khác với bốn tướng, lại cùng từ tâm khởi chung và trước sau, v.v... nên được gọi là "Tự tại nhất biên".

Bất tịnh thủ chúng sinh phá hoại tướng, v.v... là câu hỏi, quán phá hoại ấy cùng đắc lạc, lại từ định không thành, tuy không mà ở sau có đáp. Tướng phá hoại, thuận với vui Niết-bàn, tức nghĩa tương ưng với pháp duyên từ, huống chi cùng tột trong cái vui Niết-bàn, nên biết lại dùng pháp duyên từ đáp: Đây gạn chung về định vô lậu, tợ như Niết-bàn, nên quyền lập pháp duyên, pháp duyên ở trong cảnh thừa.

Hỏi: Từ duyên chúng sinh, v.v... là lặp lại ý hỏi, hai nghĩa trái nhau làm sao tướng phát. Ý đáp: Định pháp khó suy nghĩ nhưng phải tin sâu. Đại thừa cũng được các thiền đều phát, nhưng nay từ tâm và thiền bất tịnh lại xen nhau phát chưa đủ làm ngăn ngại, từ định cũng có thể trở xuống, lặp lại làm nghĩa trang nghiêm để giải thích, nhưng sao thẳng phát mà thôi, hai thứ lại xen nhau từ định càng tốt đẹp, từ tâm đã vậy, bi hỷ cũng vậy, hoặc xen nhau phát bốn chữ nầy, nói Đại Tiểu thừa

bất tịnh phát ở từ tâm, nay văn còn lược. Nói tướng phát: Là lời tuy bao gồm, mà văn trước đây là nói rõ bất tịnh phát từ. Còn ba tâm Vô lượng để nói theo từ nên biết, nêu ba tâm để nói theo từ tâm. Lại trong luận Bà-sa hỏi: Trong bốn vô lượng tâm nào cao siêu?

Đáp: Tâm là xả tối thắng, trong Đại kinh quyển mười bốn cũng gọi là tứ đẳng, tứ đẳng từ tâm, vô lượng từ cảnh, cảnh đã vô lượng từ cũng không khác nhau, đẳng tâm so sánh bốn, nên nói Tứ đẳng, nếu bốn vô lượng ở sau phán xét lậu vô lậu, tức từ sở phụ để phán xét lậu, v.v... nhân duyên khác nhau, v.v... nói từ định sở y, nương người thần nào mà phát từ định, sở nhân đã nhiều từ cũng vô lượng, nên nói trăm ngàn không thể xưng nói. Kế là dụ cho chẳng những nói thẳng hữu lậu, v.v... khác, trong mỗi thiền mỗi địa, mỗi phẩm mỗi công đức, vị chi tướng khác không thể nói đủ, nên dùng y chánh cõi dục làm ví dụ, trong dụ cho lại thành hai lần khác nhau.

Ban đầu dụ cho pháp dụ cho pháp thể sâu rộng; kế dụ cho pháp nhiệm mầu khó tin. ban đầu dụ cho như văn; kế hợp giữa ban đầu chánh hợp từ kế bao gồm hợp bốn; kế giải thích hợp như vậy; kế dụ cho có pháp có dụ có hợp, dụ cho nói sơn tả, v.v..., như thái hoa dĩ đông gọi là tả nhị, không biết bao nhiêu vị ngon quý, có làm chữ tu là sai, tu trong sách Chu Lễ chú giải rằng: Đủ trăm vật gọi là Tiến, để vị bổ ích gọi là Tu. Trân: là nói sự quý trọng vị bổ ích.

Tỉnh oa, v.v... là chữ (tỉnh) lẽ ra trung tâm viết điểm, bốn bên trụ tượng điểm tượng bình, do Nghiêu Thần Bá Ích tạo, thế tục nói thị tĩnh là nhân giếng tạo chợ nên thị tĩnh, mà nay chỉ nói tĩnh, chỗ ở trong giếng chẳng phải hải tộc. Oa: làcon ểnh ương nhỏ, nói biển hoặc là tên của thần biển, phi là bác bỏ. Vì muốn bác bỏ biển hẹp mà giới thiệu giếng rộng.

Kế nói nhân duyên thiền: Là môn nhân duyên, đây là hành giả lập yếu cảnh quán, bỏ tà hương về hạnh, đầu tiên của chánh, huống chi thành tựu thừa Đại thừa. Thể tức hạt giống chánh của ba nhân Phật tánh, nên ở trong môn nầy nói rộng tướng thừa, trong đây đã nói nhân duyên ba đời, nói mười hai thời, v.v..., rộng như trong huyền văn dẫn trong luận Bà-sa đã giải thích. Hiện tại là khổ, thức danh sắc sáu nhập ở trong thai, xúc thọ ở ngoài thai, ái thủ có ba cũng thuộc về hiện tại, hai pháp đầu là hoặc, một pháp kế là nghiệp, sinh già chết thuộc vị lai, cũng là khổ, ở giữa và ban đầu nói trong ngoài. Nói có đại công huân trong mười lực. Chư Phật ban là thêm năng lực bên ngoài. Kế chánh nói phát chặng giữa ban đầu suy ra ba chi hiện tại. Nói năng duyên, sở

duyên, v.v... là quán mười hai duyên, gồm có hai thứ.

1- Suy quả biết nhân, như trước sau thọ cho đến vô minh, đã biết vô minh sinh ở thọ, v.v..., thì không khởi ái, v.v... khởi ở đương quả, có đủ như trong huyền văn đã giải thích nhân duyên.

2- Suy nhân biết quả tức như văn nầy, văn nói phát đắc trở lại nương tu để nói.

Ở trong định tâm sở duyên thiện ác năng sở hòa hợp, được gọi là nghiệp, nghiệp chiêu vời quả nên gọi là hàm, nghiệp tức có nhân nên có quả năng hàm. Kế suy nghiệp nầy lại do ở thủ, thủ ở thiện ác, cho đến vô minh, nên dứt hiện nhân khiến diệt đương quả, nhân ái ở sau suy hiện năm quả.

Mụt nhọt: Đầu thân hai tay hai chân. Lại nói: mắt, tai, mũi, miệng và hai mươi lóng đốt thành hai mươi bốn pháo.

Thức do ở sau suy hai nhân quá khứ; kế suy quá khứ vị lai; kế kết; kế như thị trở xuống là nói xen phát.

Ban đầu là nói phát căn bản, nhân duyên nầy nói ly do phát, hoặc là căn bản trở xuống nói đồng khác; kế phán xét ẩn một; kế nói mười công đức; kế kết, cho đến trở xuống phát các thiền, hoặc nhân trở xuống căn bản phát nhân duyên, thì căn bản các thiền đều thuộc nhân duyên. Ban đầu nói chung chín địa hữu chi là thế nào, bắt đầu từ thô trụ cuối cùng đến phi tưởng, đều là nhân duyên, nhân duyên hòa hợp gọi là sở thành, tức do kính mến định tâm làm nhân, bẩm thọ giáo pháp duyên, định thể thành tựu làm pháp sở thành, tức gọi là nhân duyên dùng làm năng thành, suy định thể nầy từ nhân duyên sinh, sinh là hữu chi, tùy theo địa định nào thành hữu chi nào.

Nói các định: Đã lại y theo căn bổn, luận khắp các định, thô tế nầy trở xuống là nói riêng chín địa hữu chi, như vậy, v.v... đến chấp tướng Sơ thiền, nói chấp địa phát mười một chi, nên nói cho đến chấp tướng phi tưởng. Sơ thiền ở đầu là nói theo ban đầu, trong văn tuy có các trụ thô tế, chẳng phải tâm trông mong, nhân, nhưng nhân hy vọng tâm mong cầu ở Sơ thiền mà phát đồng với nầy, cho nên không luận các trụ thô tế, như hai mươi lăm phương tiện trước, người tu Sơ thiền vốn vì Sơ thiền lập hai mươi lăm pháp, cho đến Phi tưởng cũng giống như vậy, nên dùng hai mươi lăm pháp trước mà làm hành pháp, đủ như trong quyển bốn giải thích năm pháp.

Y cứ Sơ thiền giải thích năm pháp, tức là tướng ấy.

Nói các thứ hy vọng tức trong năm pháp muốn làm hy vọng, hoặc nói chung: Ban đầu tu tịnh giới, cho đến nhất tâm, đều là hy vọng Sơ

thiền. Lại biết thọ nầy do nhập xúc, v.v... nầy y theo cảnh quán đặt các tên gọi xúc nhập, khác nhau với các luận, mười hai thời, v.v... trên đến phi tưởng, đã y theo cảnh quán để nói mười hai, nhưng thuộc về giới ràng buộc đều có nhân duyên, khác nhau với luận Bà-sa phân biệt theo giới, nói vô cõi sắc Vô sắc có các tên, đây là căn bổn phát nhân duyên xong, như hướng đến nhân duyên, nghĩa là suy ra ba đời thêm bớt bốn đời khác nhau, đủ như trong cảnh nhân duyên của huyền văn, và các văn Câu-xá, luận Bà-sa, hơn nữa cũng có trong thai sinh, không do tinh huyết mà sinh, nghĩa đồng chỗ thấp hóa nhiễm hương, nghĩa chi cũng đủ, như kinh Công Đức Phân Biệt quyển năm có nói: xưa, ông Trưởng giả có cô con gái tên là Thiện Thí, chưa gã chồng, do hơi lửa ấm vào thân rồi mang thai, cha mẹ trách mắng cho đến Đạt Vương.

Cô gái nói: Không còn đổi khác, vua bằng lòng giết, cô gái nói: Nay có vị vua vô đạo nầy, luống giết người vô tội, nếu ta không tốt có thể đem giết, vua liền giết thử quả như lời nói ấy. Vua bảo với cha mẹ nàng muốn cưới cô gái này.

Cha mẹ bảo rằng: Đem con gái chết đây làm vợ liền đưa vào trong cung, sau sinh con trai, khôi ngô đi xuất gia, chứng quả La-hán, lại có nhiều duyên có thai khác nhau, mỗi đều khéo thông suốt đều ở trong định sở kiến phân biệt, cho đến tưởng ba đời lập khác mười hai tên, suy căn bản, v.v... là để thành mười hai, lại từ mười hai phát căn bổn, v.v... cho đến Đặc thắng nói chung các vị dụ: Nói các thiền phát nhân duyên, nên nói các nhân Đắc thắng nhân duyên phát, do các nhân duyên phần nhiều nương theo căn bản, nay theo sở y nên nói nhân căn bản phát.

Lại các nhân: Cũng đồng với ở đây nương tâm y căn bổn phát, phán xét thuộc hữu lậu, Đặc thắng nói chung cũng đồng với từ tâm, nên nói ví dụ nầy nên biết. Kế nầy quán xét ở sau nói tên thọ khác nhau, thiền kinh và năm dừng đặt tên khác nhau. Năm dừng gọi là Tuệ Thiền kinh, tức là đặt tên Tam-muội, nên nói Tam-muội nhân duyên, ba đời, v.v... Kế là phán xét sự lý, nhân duyên nầy quán tuy tuệ tánh mà không thể phá hoặc, như mật thất ở sau nêu dụ cho. Năm dừng như ngôi thất kín, niệm xứ như đèn sáng, do năm dừng nên có thể làm lý tuệ, phải biết năm pháp quán dừng tâm tuy gọi là Tuệ mà chỉ là Quán, không thể phá hoặc, như Phú-na ở sau chứng minh nghe nhân duyên liền có thể phá hoặc, mới được gọi là lý quán nhân duyên.

Nói văn tuệ: Là chỉ cho vị Bốn niệm xứ.

Nói Phú-na lãnh giải, trong Đại kinh quyển ba mươi lăm chép: ngoại đạo Phú-na.

Đức Phật hỏi: Ông thấy thế gian có thường chăng, cho đến thế gian hữu biên, vô biên, v.v... Nếu nói thế gian là thường thì là thật, còn lại đều nói dối, nầy gọi là chấp tên thấy tên nghiệp, cho đến biên vô biên cũng giống như vậy.

Lại hỏi: Nếu ông đốt lửa là khi lửa tắt ông biệt tắt chăng?

Đáp: Đáp.

Lại hỏi: khi đốt lửa lửa từ đến, diệt đến chỗ nào?

Đáp: Nhờ duyên mà sinh, duyên hết thì diệt, khi diệt không đến tất cả nơi chốn.

Đức Phật nói: Nếu năm ấm ái sinh thì sẽ như vậy, nếu ái diệt thì hai mươi lăm cõi diệt. Phú-na lại nói: Nếu có một cây chết đến trăm năm, nhánh lá rơi rụng, chỉ có trái hột.

Đức Phật nói lành thay thành A-la-hán, nhưng trong mười vị tiên phàm có lãnh giải, phần nhiều nói: Ta đã biết rồi, ta đã hiểu rồi, trong văn Phú-na tuy không có lời nầy mà đã được La-hán, cũng có thể dùng chung lời lãnh giải, nhân duyên quán nầy, phán xét nhân duyên nay, đã thuộc về sự quán, cho nên không bằng Phú-na có năng lực phá hoặc. Kế dẫn kinh luận nêu ra nhân duyên khác nhau và có thể làm văn quán cảnh ngày nay, Anh Lạc có mười thứ mười hai duyên. Quyển thượng nói trong địa thứ mười, mười thứ quán pháp thứ sáu là quán duyên khởi trí quán mười thứ nhân duyên đủ như quyển hai có dẫn.

Kế nói quán, hoặc mười thiền nầy biệt biệt tu quán, thì ban đầu từ căn bản đến cuối nói thần thông, mỗi chỗ đều nói mười thừa quán pháp, hoặc chung làm, tức ở sau nêu lên là nầy, nay ở sau nhân duyên thiền lập quán riêng là khác với chín thiền, chín thiền duy đợi phát mới có thể quán, nhân duyên nhất thiền nghĩa tuy phải phát, cũng có thể tức quán, huống chi là nhân duyên môn đã gồm nhiếp rộng, hoặc Thiên hoặc Viên hoặc chánh hoặc trợ, hoặc nhân hoặc quả, hoặc tự hoặc địa, không đâu mà không nhiếp ở trong nhân duyên quán, cho nên ở đây lập pháp quán riêng, ở chặng giữa ban đầu ngài Long Thọ ở sau có dẫn, ngài Long Thọ nói ý dụng quán. Ngài Long Thọ nói Trung luận nêu bày chung Đại Tiểu, ý luận cũng quán nhân duyên làm tông. Luận sư ở sau nói các sư hiểu lầm, chỉ dùng hai đế làm tông Trung luận, nay nói ở sau phá các sư xưa.

Nói luận tông là nên nói luận nầy riêng hiển tông hoặc nói hai đế nầy thuộc thông suốt, nói phẩm gì? Là chỉ mỗi phẩm luận nầy, không đâu chẳng phải ý hai đế, huống chi lại hai đế khắp các giáo môn, nên không thể hai đế làm tông Trung luận, nói mà đều phá hết, là luận đề

của các phẩm đều phá mà đặt tên. Như nói phá phẩm Lục tình phá phẩm nhiễm, v.v... pháp quán trong phẩm đều phá sạch hết, sáu tình là tục, phá hết là chân, nên hai đế phá chẳng phải nói biệt tông, luận ban đầu, ở sau là chỉ bày luận tông, hoặc chung hoặc riêng đều quán nhân duyên, cho nên ở đây luận nhân duyên làm tông, nên luận văn đầu gọi là phẩm nhân duyên, quán chung văn sau nên gọi là Thông. Trong các phẩm sau tuy tùy theo nghĩa biệt, mà thật không ra ngoài quán nhân duyên. Các sư phương Bắc ở sau lặp lại bác bỏ lời giải thích xưa, các sư phương Bắc tuy dùng nhân duyên làm tông, không rõ ý một bộ thông biệt, mà lại chỉ giáo nghĩa Tiểu thừa ở phẩm sau, Tiểu thừa chẳng phải nghĩa chánh cứu lại nghiêng lệch, vì sao lấy luận đây làm tông luận, nên luận văn ở sau lập phẩm nhân duyên và phẩm tà kiến, trình bày pháp quán Nhị thừa trong tạng, nên lập sáu nhân bốn duyên để nghiên cứu Tiểu tông.

Trong luận nói: Đã nghe Đại thừa nay nói nghĩa Nhị thừa, cho nên kế là nêu các phẩm nhân duyên, huống chi lấy nghĩa của phẩm nội nghiên cứu làm tông, luận tuy nói tiểu, tiểu là sở phá, vì sao dùng nghĩa sở phá làm tông, nên không thật có. Đức Phật bỏ đời ở sau chánh nêu ra Trung luận dụng ý quán. Nếu Phật là người ở đời lợi căn nghe liền được lợi ích, cho nên không phải nói pháp quán. Sau khi Đức Phật từ giả cuộc đời, hoặc nghe nhân duyên trái lại chấp ba đời quyết định có trôi lăn, cho nên ngài Long Thọ rộng làm pháp quán, nhưng phá nhân duyên không có sự phân biệt tướng nhân duyên, nay đã trở xuống kế nói văn nay dùng ý Trung luận, rộng lập quán pháp mười thừa nhập đạo, rộng phá phát đắc tu tướng đắc, nên biết luận nói chung không ngoài mười thừa.

Kế nghĩ bàn ở sau là nói pháp quán, ban đầu nói trong cảnh dẫn Đại kinh có bốn thứ nghĩa quán nhân duyên, thì ba trước là có thể nghĩ bàn, một pháp sau là không thể nghĩ bàn, nên các văn trước nói cảnh nghĩ bàn, hoặc có đến Biệt giáo mà dừng, tức đồng với văn nầy, hoặc có đến Viên giáo, ý thì hơi khác, đủ như trước đã phân biệt, nói trở xuống bốn trí như trí, v.v..., ban đầu sáu đường nhân duyên chánh đáng cảnh bốn trí sở quán, ở sau trí quán, nên được Thanh văn Bồ-đề, tức là trí năng quán, trí có khác nhau.

Trong phẩm Sư Tử Hống của Đại kinh quyển hai mươi lăm, mười hai nhân duyên gồm có bốn loại: đó là hạ, trung, thượng, thượng và thượng, dủ như quyển mười có dẫn, văn nầy trong vị Thập trụ Viên giáo, nói không rõ tức là hoàn toàn không thấy, Viên giáo tức y theo

phán vị sáu tức, đều gọi là liễu liễu, cho nên thể bốn trí lại là bốn Thánh giới của văn nay, và sáu giới trước tức mười pháp giới mười hai nhân duyên, Thinh văn cho đến thượng thượng đều nói hoặc chuyển, nay y cứ chung ý Đại thừa nói, là chỉ chuyển mê hoặc là trí vô biệt thể. Trong Thanh văn bảy thứ học nhân: Là ba quả bốn hướng, tùy theo các suy nghĩ sinh số nhiều ít sinh cõi Dục giới nên thiện giới, từ đây trở xuống trong trí nếu từ giáo phán nên có Duyên giác, nay văn lại phán xét theo Thanh văn.

Kế nói Duyên giác trong đó nói kết nghiệp hết hay không hết, đồng với ở trước, trước là Thinh văn có hết hay không hết, nay nói Duyên giác không nên cách sinh, đã nhiếp thuộc về Thông giáo, cũng y theo giáo luận có nghĩa Thinh văn, nên được dứt hoặc nêu lên Thinh văn ở trước, hết thì ra khỏi cõi dục, không hết thì đồng với bảy học nhân trước.

Kế nếu chuyển ở sau nói Bồ-tát Sáu độ, trước là hạ trung trí Thinh văn Duyên giác khí hoại đồng khác, nên có thể xen nhiếp, Bồ-tát phát tâm không chung với Tiểu thừa, lại vì thành mười pháp giới nên ba giới Bồ-tát đồng làm một cõi, cho nên các văn nhiều ít đều như vậy. Bồ-tát Sáu độ tuy nói Bát-nhã nhưng vẫn còn ở phục hoặc. Trong Bồ-tát Thông giáo có nói chuyển vô minh tức là không tuệ, v.v... Không tuệ đã thành độ Bát-nhã xong, lại nói chuyển hành hữu thành sáu độ, trong sáu pháp tức là sinh diệt giúp quán dùng làm Bát-nhã, lại dùng tuệ tức không dẫn dắt sinh diệt ấy, ở đây chung Bồ-tát Bát địa trở lên, thì nên tùy theo nguyện lợi vật thọ sinh, Bát địa trở xuống hoặc chưa dứt, cho nên nay văn tùy hoặc xếp vào sinh nên nói đồng với trước, dùng tâm hạnh tức không so sánh với năm độ, nên nói phước cao quý, tức không thắng chia chẻ nói tuệ thắng, phước tuệ đã thắng báo sinh cũng vậy, nhưng có thể thắng ba tạng hai thừa ấy, không bằng đến sơ tâm bên Viên giáo, nên gọi là Tiểu, nên nói Bát Cửu địa trở xuống, vì sao chỉ nói sáu bảy địa trở xuống, Bát cửu là vị đoạn hậu, Lục Thất là vị chánh đoạn, nên chánh đoạn viên để nói chưa đoạn, nên nói sáu bảy.

Kế nêu chuyển thành thượng trí, đã nói biệt rõ ràng là nghĩa biệt, chuyển ba môn vô minh như kiến tư, v.v..., thành trí Nhất thiết, v.v... ba thứ trí sáng, trong đây chỉ đến hạnh hướng, lại y theo không được ý biên, lại bỏ Sơ địa để làm cõi Phật và thượng thượng trí, lại hiển bày chứng đạo vô khác nhau.

Nói đồng với trước là trụ trong kiến tư đồng với Nhị thừa ở trước, giới nội trần sa đồng với Bồ-tát hai giáo Tạng Thông ở trước, giới ngoại

trần sa tuy khác nhau với trước, đồng là trần sa nên lại đồng với trước, kế nêu chuyển hạ mà rõ trí thượng thượng, trước nói trí thượng thượng quán làm cảnh không thể nghĩ bàn; kế lặp lại giải thích cảnh không thể nghĩ bàn, ban đầu chặng giữa trước lập chung ba Phật tánh; kế hoặc Thông giáo ở sau nói Thông Biệt, tuy có Thông Biệt cộng thành nghĩa Viên. Cái gọi Thông: Là trong mỗi chi đều có ba Phật tánh; kế nếu Biệt sau riêng đối với ba Phật tánh. Vì sao ở phán xét Biệt giáo so sánh ý, do ba đạo nầy tức là ba đức, nên so sánh riêng. Nếu vậy, vì sao lại giải thích chung ở trước?

Đáp: Nếu Biệt so sánh lại đối với nghĩa tiệm hơn, nếu Thông giáo so sánh thì y cứ lý thông, cho nên Biệt giáo so sánh trong ba Phật tánh, mỗi tánh không ở đâu mà không có đủ chánh nhân; kế tánh đức ở sau giải thích ba đức ở trước không dọc không ngang trước sau không hai. Trong kinh Tịnh Danh dẫn chứng trước sau không hai, chúng sinh là ban đầu, vì tức là Phật. Nên biết không hai, hoặc năm phẩm ở sau phán xét địa vị Phật tánh.

Nói chưa dứt là đồng với người học: Là đồng với Sơ quả hướng, Thiết luân đồng với vô học: Là nói theo chung, hoặc nói theo Biệt, nên từ Sơ tín cho đến thứ mười, mỗi tiết nương hoặc để phán xét cạn sâu, nên Sáu tín trở xuống cũng đồng với học nhân, đã nói đồng là trí tuy phân ở hạ trung thượng khác nhau, y cứ Thông giáo hoặc dứt đồng, thế nói đồng, nếu phục biệt hoặc một bề khác nhau, cho nên văn sau Ba Hiền Mười Thánh tức cùng hai giáo Ba thừa khác nhau.

Tuy là biến khác, v.v... sáu căn tịnh vị, y cứ Thông giáo hoặc hết, tuy đồng Nhị thừa thọ thân biến khác chỗ ấy cũng đồng, y chánh hơn kém khác hẳn Nhị thừa, năm căn thuộc phước nên nói sinh phước, nội trí khéo léo nêu ra từ ban đầu thường sai biệt, giải thích luận ở sau dẫn chứng thân kém biến khác Nhị thừa, đã nói căn độn tức là năm căn kém hơn người Viên giáo, hoặc Biệt giáo Viên giáo ở sau lại nói Biệt giáo Viên giáo phước hơn giáo trước, đây là Thánh vị khác nhau với trước, chứng đạo đồng với Viên cho nên hợp nói, nhưng tùy theo giáo đạo lập bổn tên khác, hoặc ba hiền ở sau chứng nhân vị Thánh đầu cuối đều thắng, cho nên văn trước nói vị Biệt giáo chỉ ở hạnh hướng, Sơ địa trở lên nhiếp trong ba Hiền vị nầy, cho nên y theo chứng không phân biệt khác của Biệt Viên, chỉ nói ngôi vị Ba Hiền Mười Thánh. Hoặc sau cùng kế sau nói quả vị ở giữa, trước nói ba đức; kế ba Niết-bàn.

Ngài Tịnh Danh nói: Ở sau chứng thiện ác trước thành phương tiện tịnh, thiện ác ràng buộc, tức ràng buộc để nói, không ràng buộc

không cởi mở, trong ác nêu cùng tột nên nói năm nghịch, lý cực ác là lý nầy cực thiện, cho nên gọi là ngay nơi ràng buộc mà nói mở cởi.

Lại, ở sau so sánh mười như, mười cảnh, v.v... không thể nghĩ bàn, và hỏi đáp phân biệt, tức nói lên nhân duyên ba đức trước không thể nghĩ bàn.

Ban đầu so sánh mười như, trong văn hai lần so sánh: Là vì dùng mười hai nhân duyên hai lớp nhân quả.

Kế so sánh mười cảnh, hoặc nói chung, mỗi cảnh không đâu chẳng phải là lý mười như, nay đặt tên để tiện nên lại so sánh riêng, văn tuy khác nhau chánh ở một niệm, mười hai nhân duyên thuộc về mười cảnh.

Hỏi: Nếu vậy, mười cõi âm, v.v... thuộc khổ phiền não và nghiệp ma thuộc hành hữu, ở đây có thể như vậy, vì sao mười cõi hành hữu cũng thuộc về cảnh Bồ-tát Nhị thừa?

Đáp: Hoặc nói chung: Bồ-tát Nhị thừa có đủ ba đạo, nay từ nghĩa Biệt nên Bồ-tát Nhị thừa không thuộc các khổ.

Hỏi: Nếu từ nghĩa Biệt thì Bốn Thánh lẽ ra cũng không thuộc khổ và phiền não, vì sao từ thông.

Đáp: Tuy đều chung Thông Biệt, Bồ-tát Nhị thừa từ nghĩa Biệt tiện lợi nên một lần lại như vậy, phàm so sánh đương nghĩa lý không thể hết.

Kế mười hai nhân duyên ở sau nhiếp mười như, mười cảnh để vào một niệm, đủ như văn trước ấm nhập trong cảnh nói không thể nghĩ bàn.

Trong Hoa Nghiêm, Đại Tập, v.v... văn kinh chỉ nói tâm nhất niệm có đủ, không nói mười cõi nên biết tồn lược. Các Đại thừa nói một niệm là ý đều như vậy, nếu không như vậy thì tại sao thâu khắp tất cả các pháp, nầy cũng trở xuống là nêu lược nhiếp rộng.

Hỏi: Mười hai môn, v.v... là giải thích nghi. Duyên là nhân duyên, pháp là nhân duyên sở sinh, pháp sinh đều vô sinh, nầy do Trung luận ý hỏi mà hỏi văn nầy, nay văn ở khắp nơi đều nói duyên sinh ở một tâm niệm, trong luận nói là ở nhất tâm vì ở khác tâm. Ý luận hỏi, vì ở tâm một người, vì ở tâm nhiều người, vì ở một người nhiều người một niệm tâm ư? Một niệm khác niệm như vậy, đều ở trong một niệm tâm, văn nầy đều đầy đủ phải không?

Đáp: Chặng giữa ban đầu dẫn trong kinh Hoa Nghiêm một và nhiều tức nhau bao gồm đáp ý luận, nhiều người một người so sánh một niệm nay đều đầy đủ, tâm nhiều người một người phát khởi không

ngoài trăm cõi, trăm cõi là nhiều một niệm hay là một, một nhiều tức nhau chẳng phải một chẳng phải nhiều.

Kế dẫn Đại Phẩm để giải thích tức nhau, tất cả các pháp đều đến nhân duyên, trăm cõi nhân duyên không ngoài một niệm, cho nên gọi là đến không lỗi, nên được gọi là một niềm đầy đủ, nay nói ở sau lại phá nạn trước, lại trong Trực nhĩ nói mười hai nhân duyên: chỉ cho hai văn Hoa Nghiêm Đại Tập trước, đều nói một niệm đủ mười hai duyên, thật ra ý hai kinh bao gồm mười cõi. Lại nữa, ở sau định một niệm trước để thành cảnh quán. Lại có hai nghĩa.

1- Dùng thiền làm cảnh, không đồng với thế tâm.

2- Tức cảnh nầy tâm lại phải lìa chấp.

Nói về thiền tâm đã nói một niệm một và nhiều tức nhau, làm những gì nhất tâm có thể đầy đủ, nên phân biệt chỉ bày nói không được đồng với vọng chấp một niệm, có thể rõ vọng niệm không có tướng một khác, thông suốt vô tướng đủ tất cả tâm, ba ngàn đầy đủ mới có thể chiếu suốt ở một và nhiều tức nhau, nầy y cứ người sơ tâm tập quán, e lầm lộn cảnh quán vọng tình, cho nên phải phân biệt chỉ bày nhập môn, nếu y cứ lý luận không đâu thì chẳng phải pháp giới, cũng nào ngăn cách ở chấp chặt vọng tình, một văn và quyển nhất trong đây cõi Phật pháp thuộc về có thể nghĩ bàn. Bậc Sơ địa trong quyển ba, tức là Sơ trụ, quyển bốn dùng nghĩ bàn giải thích không thể nghĩ bàn, quyển năm không thể nghĩ bàn ban đầu nói nhất tâm nhậm vận đủ ba ngàn đến sau y theo mười thiền tu quán nói: Hành nhân quán pháp cùng tột đến chánh trợ, và cảnh ma sau nói ấm nhập mười thừa độ vào biệt, như vậy bảy văn xem xét các bộ, chỉ có một chỗ nêu ra, nếu tìm văn xin nêu bày khắp, thí như ở sau nêu dụ cho, đủ như trong ấm cảnh ba dụ có nói, nên chỉ phẩm An Lạc Hạnh trong kinh Pháp Hoa, v.v...

Chân chánh kế sau nói phát tâm, ban đầu trong thiên phân biệt, trở lại y theo không thể nghĩ bàn một niệm mười hai duyên, mà phân ra nhân quả để nói về cảnh đầy đủ.

Chuyển nhân quả nầy để nói cảnh từ nên phân biệt giả danh sinh diệt không sinh diệt, giả danh tức là Biệt giáo, tức là phân biệt lại các tạng ba giáo.

Kế dẫn Hoa Nghiêm là ba giáo đều là tâm Bồ-đề ma, vẫn ở Biệt giáo phải phân biệt giáo chứng, kế hoặc nương ở sau hiển chánh, là cứu khổ ở sau nói thệ cảnh; kế y cứ ở đây trở xuống là chánh nói phát thệ, y theo một niệm tâm sinh mười cảnh nầy, trái lại cảnh nầy để phát hoằng thệ; kế trong an tâm tức do mười cõi trong một niệm tâm mà phân ra

ba đạo, pháp khổ tức tánh chẳng phải chỉ chẳng phải quán, nghiệp tức giải thoát, giải thoát là chỉ, phiền não tức Bát-nhã Bát-nhã tức quán, kết nghiệp phiền não không lìa một niệm, phải biết hai pháp nầy cũng tức là pháp tánh, nên y theo pháp tánh mà nói tịch chiếu, tâm an pháp tánh gọi là an tâm; kế phá pháp trong đó khác với cảnh ấm nhập rộng hẹp, văn ấy rộng nên trước nói ngang dọc; Kế chẳng phải ngang dọc, trọng nầy văn lược, tức ở song phi để nói ngang dọc, hoặc ngang hoặc dọc và suy ra một niệm; kế trong văn thông bít cũng trước nương thứ lớp để nói không thiếu. Trong văn xuất giả không thông không bít: Không chỉ chung là bít, không bít chỉ là thông, tùy văn tiện nên là cố nói khác. Kế từ nơi mỗi lần ở sau suy xét năng sở, cũng là nhất tâm để nói năng sở, y cứ có bốn pháp tạo tác, v.v... và hoặc thông biệt. Ba giả, v.v... đều là nói theo thứ lớp; kế trong Đạo phẩm cũng trước nói Đạo phẩm; kế nói ba không, Đạo phẩm đã dùng niệm xứ làm đầu, nên dùng nhân duyên trước so sánh niệm xứ, trong đó lại y cứ Thông Biệt hai lần, ban đầu y cứ mười cõi, nên ở sau ba niệm chỉ nói nhất thiết, mười cõi đều có bốn nên gọi là Thông; kế trong biệt lại có hai nghĩa, chỉ là hai nghĩa hai lần so sánh, lần đầu lại thiếu thọ niệm xứ, nên nói vô minh hành danh sắc sinh tử, trong chỉ ái thủ hữu thọ ấm, thuộc về thọ niệm xứ, nhưng trong biệt hai lần đồng lập mười hai chi, đều đủ năm ấm mà nghĩa thủ hơi khác, ban đầu chỉ lấy văn hiện đương thể, vì thuộc về niệm xứ, hoặc kế văn sau tức dùng đương lập cho đến hiện tại mong ở hai nghĩa quá khứ, vị lai khác nhau, nên hai chi quá khứ và hai chi vị lai, nên thuộc về pháp. Hoặc đương vị rất đồng với trước. Kế phân biệt chặng giữa trước hỏi chặng giữa, v.v... thế nào là ba niệm: Là nương số người sinh tử là bất tương ưng hành, thuộc về pháp niệm xứ, vì sao giải thích chung đều có bốn niệm, nên trong Tỳ-đàm Câu-xá có mười bốn món bất tương ưng hành, sinh tử thuộc bốn tướng, nên thuộc bất tương ưng hành, và lần đầu trong giải thích riêng chị sinh tử vì sao nói có ba niệm xứ? Nghĩa là pháp thân tâm.

Ý trong lời đáp: Là ở trước giải thích chung e nghĩa không rõ, nên dẫn trong Đại kinh giải thích thành nghĩa thông, trong văn kinh đã nói, hoặc sinh hoặc diệt đều có năm ấm, tức là sinh tử đều có bốn niệm, như trong Câu-xá nói mười hai nhân duyên, mỗi nhân duyên đều dùng năm ấm làm thể, không đồng với kinh bộ, đối với biệt so sánh hai nghĩa trong mỗi chi đều lập năm ấm, tức là từ thắng, tuy mượn quyền ấy văn nói theo sự tướng, mà phân vị khác nhau, đều phải y theo một niệm mười cõi, phải biết đây là y theo một niệm tâm, hai pháp thông biệt mà

so sánh, tất cả phần sắc tức thân niệm xứ, tất cả phần tâm tức ba niệm xứ, cho nên đồng với cảnh ấm nhập nghĩa đạo phẩm, hoặc thông biệt, v.v... Chỉ hai pháp thông biệt trước so sánh kết thành bốn đức, đều phải quán là cảnh không thể nghĩ bàn; kế bốn pháp nầy ở sau kết tươi khô Trung đạo Phật tánh; kế nêu chung các phẩm, đều như văn, quán căn bản ở sau kết thành ba không, ở văn rất dễ thấy, y theo ấm cảnh trước có thể do ý mà được, cho nên lại y cứ quán vô minh, v.v... ba giả để nói: Không chấp pháp tánh bốn tướng, là trước nêu bày bốn pháp như không thọ, v.v..., kế nêu bày bốn pháp tân, cựu, v.v... tức là không thọ tân không chấp cựu, không niệm trong không phân biệt ngoài. Tân là ái thủ. Cựu là vô minh. Nội là nội tâm; ngoại nghĩa là ngoại cảnh, ở một niệm tâm mười cõi pháp tánh quên bốn tướng nầy, không nương tựa, v.v... không nương bốn câu tức bốn tướng; Không sở kiến: Là không thấy bốn câu chẳng, thấy không có bốn câu, không trụ cũng vậy, lý vốn chẳng phải tu cũng chẳng phải làm tác, không có nhân để tu không có quả để đắc.

Kế nói đối trị: Là trong văn đầu nói lược ra ý. Đạo phẩm ở trước, v.v... Là trong Đạo phẩm trước, tuy quán mười giới niệm xứ, đều là một bề quán lý, nên lại nói chuyển vô minh, vì sau ở sao giải thích dùng ý trị, vô minh hành hữu đều chung ý cạn sâu, nay nói theo biệt, tức do trong chướng vô minh làm lý ác, trong sự hành hữu làm sự ác, lý ác đã che lấp lý tuệ, sự ác lại trợ giúp ngăn che, nêu nêu dụ cho mà nói thì giặc nhiều ta một, sự lý hai ác là giặc nhiều, lý tuệ chẳng phải nhiều vì ta một, như giặc nhiều tướng một, lẽ ra phải dẫn trợ giúp, chân lý như vua lý tuệ như tướng, hai ác như giặc, nên giúp thêm để phá, khai đạo phẩm trước ba môn ở giải thoát sau.

Ba thông là môn Niết-bàn, đạo phẩm chánh hạnh tức là ta một, sáu tệ đã ngăn che gọi là giặc nhiều. Y theo các văn trước, cũng phải dùng chuyển bao gồm đủ và nghĩa đệ nhất bốn giáo xoay vần làm trị lẫn nhau, v.v... Nếu khởi ở sau chánh nói dụng sự, hoặc có ở sau phán xét tấn, sáu món chung lại sáu trọng đều gọi là tệ, hoặc một trọng còn bỗng nhiên khinh, chỉ trị một trọng còn khinh là tự đi, nếu sáu món đều trọng, sự phải trị khắp, giúp đạo kế ở sau nói nhiếp, điều phục các căn.

Ban đầu nhiếp mười hai khoa trước, lại oai nghi của Phật trở xuống lặp lại nói pháp bất tận, như mười lực pháp bất cộng trước, v.v... Ban đầu nêu lên bốn pháp thành đạo dùng làm oai nghi, văn trước chỉ nói công đức bất cộng, không riêng hiển bày tướng ba mật bốn oai nghi lợi sinh, nên nay lại dẫn Đại phẩm nầy gọi là ngồi đạo tràng, giải thích

thành Pháp Hoa Chư Phật ở đây mà ngồi đạo tràng xoay bánh xe pháp nhập Niết-bàn, v.v...

Nói ở đây, chỉ là ba đức thật tướng Nhất thừa, ba đức chỉ là mười hai nhân duyên, bốn pháp nầy nương vào nhân duyên, nên được dùng nầy giải thích oai nghi của Phật, cho nên bốn Đức Phật khi ngồi đạo tràng, đều quán nhân duyên mà thành Chánh giác, đạo tràng là sở y, giác trí là năng y, năng khế hợp sở, nên thành Chánh giác, trong Đại phẩm ở sau giải thích, trong mỗi văn có nêu giải thích kết, giải thích thành đạo trong đó có bốn thứ khác nhau, đều ở đồng cư hiện bốn tướng nầy, cũng nên kết rằng, đây là tướng đồng cư thành đạo, văn không có lược, nên một đời giáo pháp không ngoài bốn tướng thành đạo ấy; kế trong xoay bánh xe pháp cũng nêu giải thích kết, trong giải thích có đủ tướng tám giáo.

Ban đầu Đốn giáo; kế là bốn giáo; kế là bất định; kế là bí mật, bốn Đức Phật thành đạo vốn vì lợi sinh, cho nên kế nói nghĩa xoay bánh xe pháp, văn nầy đã nương ý kinh Pháp Hoa, không nói tám giáo không dùng hiển diệu, cho nên ở đây quả thật đều nói, trước đã phân biệt nay lại nói lược, nhưng bốn giáo tạng, v.v... thâu khắp tất cả nhân quả hiển rõ của kinh Đại thừa, Tiểu thừa, đều lập giáo chủ, đều giúp cơ duyên, trước sau nầy đủ không gì hơn bốn pháp nầy. Bốn giáo đốn, v.v... chỉ là lực của Như lai không thể nghĩ bàn, để khắp trong các tạng sắp xếp đầy đủ, thành thục căn cơ chúng sinh há tà tu chánh, dẫn Tiểu thừa quy về Đại thừa, bỏ thiên bày viên, hội quyền nhập thật, nên có các bộ năm vị sinh nhau, lợi vật vô phương hợp thời ra vào, hoặc vắng lặng đạo tràng là căn cơ Biệt Viên, một pháp hội nầy chưa từng trải qua tiệm, gọi là Đốn, tức văn nầy dẫn trong Hoa Nghiêm, đây là y theo bộ y theo vị được gọi là Đốn, mỗi giáo trong bộ vẫn bao gồm Tiệm, y theo giáo bèn thành có tiệm có đốn có quyền thật có thô có diệu. Nên trong kinh Pháp Hoa riêng hiển, ở đây là thô, trong kinh Hoa Nghiêm cũng vậy, huống chi là kinh Phương Đẳng, cho đến Bát-nhã kèm theo hai đối hai, cho nên hai vị cho đến thô đều gọi là Tiệm, huống chi trong kinh Pháp Hoa vốn hiển, các bộ không có, đủ như trong huyền văn thứ nhất có giải thích rộng, nếu vậy, đâu được đốn bộ ở ban đầu, gồm thô kèm theo biệt, văn đủ hai giáo nghĩa là qua bốn giáo, có thể không lầm ư? Nên biết không thể đối với diệu kinh nầy sinh ra khác chấp, nhưng tám giáo nầy chẳng những chỉ là phán giáo mà thôi, quán hạnh rõ nghĩa cũng nhờ tám pháp nầy thâu nhiếp môn Đại thừa khiến hạnh khắp đủ, trước trong Thiên Viên tuy nói tám giáo, văn vẫn xen lẫn lại thiếu bí mật, nay ở

trong đây văn tướng đầy đủ, lược bàn đại xong; kế nêu tướng văn. Ban đầu Hoa Nghiêm là đốn, kế hoặc vườn Nai ở sau, Pháp Hoa Niết-bàn chẳng thuộc tiệm đốn, chỉ là hội tiệm mà quy về đốn, nên hội đốn cùng trong Hoa Nghiêm viên đốn không khác nhau, nhưng bộ ấy bao gồm sai biệt, lại phán chung là thô, trong Niết-bàn nói: Như sữa có tánh đề hồ, thí như trong Niết-bàn phàm phu xiển-đề còn biết Phật tánh, huống chi các hàng người khác ư? Nên nói sữa có tánh đề hồ, bốn giáo như tạng, v.v... nói khắp nơi, nên nay chỉ nói hai chữ bốn giáo, năm vị khác nhau, gồm thâu, nay hoặc tiệm hoặc đốn, bèn khai hiển, năm vị nầy, là văn trước tuy dùng đều là lập bày, nay văn chánh là bổn ý của năm vị. Trong Đại kinh giải thích hai mươi lăm Tam-muội xong. Lúc bấy giờ, có Bồ-tát tên là Vô Cấu Tạng Vương bạch Phật rằng: Như Đức Phật đã nói Chư Phật, Bồ-tát thành tựu công đức trí tuệ, trăm ngàn muôn ức thật không thể nói, ý ta cũng cho rằng: không bằng kinh nầy sinh ra Chư Phật Bồ-đề, Đức Phật ấn khả xong.

Phật nói: Thí như từ bò mà có ra sữa dụ cho từ Phật có ra mười hai bộ kinh, từ sữa mà ra lạc, dụ cho từ mười hai bộ kinh nêu ra Tu-đa-la, từ lạc mà ra sinh bơ, dụ cho từ Tu-đa-la có ra kinh điển Phương Đẳng, từ bơ sống có ra bơ chín, thí như từ Phương Đẳng có ra Bát-nhã Ba-la-mật, từ bơ chín có ra đề hồ, thí như từ Bát-nhã Ba-la-mật có ra Đại Niết-bàn, đề hồ dụ cho Phật tánh, Phật tánh tức là Như lai, như vậy đều do quán nhân duyên mà được, lại nữa để thuốc độc ở sau là giáo bất định, lại kế ở sau dẫn chứng giáo bí mật, đây là Đại kinh quyển ba, ngài Ca-diếp lập ba mươi sáu lời câu hỏi xong, Đức Phật khen ngợi ngài Ca-diếp, lành thay lành thay, nay ông chưa được trí Nhất thiết chủng, ta đã được, nhưng chỗ ông hỏi như trí Nhất thiết, v.v... không có khác, này người thiện nam: Ta ban đầu ngồi dưới cây Bồ-đề đạo tràng mới thành chánh giác, bấy giờ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp Hằng hà sa, v.v... thế giới Chư Phật có các Bồ-tát, cùng từng hỏi thăm nghĩa như vậy, nhưng công đức đã hỏi cú nghĩa, cũng đều như vậy, v.v... không có khác, hỏi như vậy, có thể làm lợi ích vô lượng chúng sinh, nên biết lần lần ban đầu đã có Bồ-tát thầm nghe nghĩa, vì sao trở xuống chí ý, đây là các nhà nay y theo văn Trung luận, dùng ý Đại kinh lập các tên nhân duyên nầy sinh diệt, chứng nghĩa thầm nghe.

Kế y theo nhân duyên nói nhập Niết-bàn, cũng nêu giải thích kết, trong giải thích nói giả danh Trung đạo, hai giáo trước nói về không đã xong, nên lược bỏ không nói, vì nói khác chỉ có luận ở sau, nên nói giả trung, y theo giáo chứng đạo đồng biệt chỉ có giả, đủ như trước đã nói,

đây là kinh Xuất Tượng Pháp Quyết Nghi, trong kinh ấy nói: Hoặc thấy ở nơi rừng Ta-la nầy, đều là đất cát cỏ cây vách đá, hoặc thấy vàng bạc bảy báu thanh tịnh trang nghiêm, hoặc thấy chính là Chư Phật ba đời đã an trụ, hoặc thấy nhiều lần cảnh giới Chư Phật nầy, cho đến hiện thân nghe pháp cũng như vậy.

Kế nêu bày trong hai cõi Phương tiện và Thật báo thật nên hiểu, hoặc xoay bánh xe pháp y theo quyển nhất ngang dọc so sánh đế, và sớ của ngài Tịnh Danh nói các cõi nói pháp dùng giáo thêm bớt, so sánh lời nói nên biết, nếu vào tướng hai cõi Niết-bàn, trong cõi Phương tiện chung Phật Niết-bàn, không thể cũng đồng giới nội chung với Phật nguôi thân nhập diệt, chỉ để lại xá-lợi, bộ máy pháp tánh Phật ấy an nghỉ phải chuyển, gọi là diệt, nếu ở cõi ấy khi khởi, liền thấy vô lượng thân tướng tốt viên cơ, liền thấy thân hư không không sinh không diệt, phương tiện đã vậy, Thật báo y theo đó nên biết, tên nầy ở văn sau có nói lược, nên nói nghĩa mười hai nhân duyên giúp đạo nhiếp pháp.

Kế nói: Vị kế, cũng y theo nhân duyên chứng ngộ sâu cạn, ban đầu hữu lậu; kế là bốn giáo, Ca-la nên biết, đã dùng Ca-la nêu lên hai giải thoát, tức do có thông gọi là đại như chung giải thoát, không thông gọi là tiểu như tuệ giải thoát, trong Đại luận quyển hai mươi mốt chép: Ca-la, Hán dịch là Nhân duyên giác, cũng dịch là Độc giác, ra đời gặp Phật nghe pháp nhân duyên gọi là Duyên giác, ra đời không gặp Phật tự nhân được ngộ gọi là Độc giác, hai bậc nầy đều có khác nhau về Đại Tiểu, hoặc bảy lần sinh chứng Sơ quả, không có Phật ra đời gọi là Tiểu Ca-la, trăm kiếp chủng tướng gọi là Đại, chủng tướng khác nhau, hoặc ba mươi hai tướng chín mươi tám vẻ đẹp, cho đến một tướng, đây là Độc giác Đại Tiểu. Lại nếu hết bảy lần sinh gặp Phật ra đời gọi là Tiểu, chủng tướng tu phước, gặp Phật nghe giáo gọi là Đại, đây là Duyên giác Đại Tiểu. Lại trong hai đại đều có hiện thông hay không hiện thông. Hiện thông là Đại, không hiện thông là Tiểu, trong hiện thông thuyết pháp là đại, không gọi là Tiểu, từ năm độ đến vị ba kỳ, Bồ-tát ba tạng, trái năm độ, v.v... theo ý câu sau nên nói trái lại vô minh dùng làm Bát-nhã, trái hạnh hữu vi năm độ, văn dường như ngược, nếu trái lại vô minh đến sau là Thông giáo.

Bốn nhẫn: Phục nhẫn, Tín nhẫn vị càn tuệ, Thuận nhẫn vị tánh địa, và Vô sinh nhẫn các vị bát nhân kiến địa, Trong nhân vương dùng năm nhẫn để phán xét biệt vị, tức thêm tịch diệt nhẫn, kế từ vô minh đến sáu luân, hạnh vị cao thấp khác nhau. Trước nói trí hạnh chỉ nói về xuất giả. Tuy nói vô minh chỉ là vô minh chướng tục đến kết vị thì đủ

nêu bày sáu luân, nói trí hạnh thì phân biệt đến sau, đủ như trước đã phân biệt, nói sáu luân, là y theo kinh Anh Lạc nói vị có sáu, sáu vị xoay vần từ cạn đến sâu, nên gọi là Luân, lại mỗi vị đều phá kiết hoặc, nên y theo nghĩa Luân để nói về phá, nghĩa là Thập trụ Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, như kế so sánh với thiết đồng bạc vàng lưu ly ma-ni thủy tinh luân, kinh có nhiều sáu để giải thích sáu vị, nay nói nhân vị lui sụt thêm Thập tín, dùng làm sáu luân, không chấp Diệu giác, từ trái vô minh đến cao thấp: là nói Viên vị tức có sáu tức khác nhau, ban đầu là lý tức, nói một người một niệm đều đầy đủ, tức trước lập lý cảnh. Si như hư không, v.v... si tức vô minh vô minh tức pháp tánh, pháp tánh như hư không già chết cũng như vậy, không tức pháp tánh, pháp tánh vô tận. Kế lại chuyển giải thích không nói: Vì sao không thể tận thể không, không có tận và bất tận; kế lại chuyển thích không, đã không có tận và bất tận, phải biết không đây là Đại thừa.

Vì sao biết được không là Đại thừa? nên dẫn luận Thập Nhị môn làm chứng, kế dùng Phổ Hiền quán làm chứng: Lại do lý sở thừa của hàng năng thừa, chứng không là đại, nếu không chẳng phải Đại vì sao người năng thừa là Phổ Hiền, v.v... năng thừa đại nên sở thừa phải đại, đại nên lý khắp, nên dẫn trong Đại phẩm bất động bất xuất, để chứng lý khắp, nếu người ở sau lại dùng Đại phẩm so sánh giải thích lý khắp, pháp tánh thật tế vốn chẳng động xuất, dù làm cho pháp tánh động xuất, nhưng Đại thừa nầy cũng bất động xuất, pháp tánh là lý Đại thừa, lại dùng thể ấy làm so sánh mà nay trong văn nghĩa bất động xuất riêng ở Viên. Hoặc nói chung, cộng trong Bồ-tát, động nghĩa là nhu thuận nhẫn; xuất nghĩa là Vô sinh nhẫn, hoặc cộng Thinh văn thừa; động học nhân; xuất là Vô học, hoặc Bồ-tát; động nghĩa là xuất giả; xuất là Đăng địa, nên nay viên nhân không dứt phiền não là bất động, không phá sinh tử là bất xuất, cho nên động xuất chung ở các giáo, bất động bất xuất duy ở Viên.

Bảy lần: Nói vị kế bảy lớp quán pháp trước, nên biết bảy lần lớp trước tức là sở hành nên nói hành xứ, nay nói vị kế tức là sở giai. Trong phẩm bốn nói: Giới hỏi gấp, ba pháp trước chẳng phải hoàn hoàn không trì,nhưng chánh còn là lý quán sự tướng, chẳng phải chánh, cho nên tự được dừng, làm thì không thiếu điểm, các pháp tác hạnh hoặc phải hỏi ấm.

Lại trong Chỉ trì, song trì, song phạm, sự cần phải đủ, đơn trì riêng trong phạm tác trong không có Chỉ trì, hoặc phải chưa đủ, lại trong Chỉ tác tự hành từ chế, sự không được bỏ, vì vật từ khai hoặc có thể chưa đủ,

lại lý toàn sự thiếu thì gọi là rộng, nên bốn phẩm trước gọi là Hoãn, vào phẩm năm sự lý không hai, các hạnh biệt hạnh, hoặc tác hoặc chỉ hoặc tánh hoặc cơ, tất cả đầy đủ, phần chứng chặng giữa ban đầu giải thích chung; kế riêng dùng nguyệt ái kết thành ba đức và rốt ráo tức, như ở văn, các vị Đại Tiểu đều y theo mười hai nhân duyên, tiểu vị nói bảy tám pháp giới, mười hai nhân duyên, nói chín mười pháp giới, tức bốn vị Bồ-tát Biệt Viên, v.v.... Lại, Bồ-tát Tạng Thông hoặc sáu hoặc bảy, hoặc tám chín mười, chưa dứt hoặc nên sáu, nhập không nên bảy tám, hoằng thệ nên chín, quả mãn nên mười, quả đầu không người tất cả đều chín, do thật hình quyền tất cả bảy tám, khai quyền hiển thật tất cả đều mười, Biệt giáo hoặc chín hoặc mười phần giáo chứng, Viên giáo thỉ chung không hai mà hai, nầy, v.v... đều có dứt trừ, hàng phục cao thấp, hoặc vắng lặng ở sau giải thích nghi, trước lập nghi, nghi nói, các địa tức nhau như vô phân biệt, huống chi là chúng sinh tức là Niết-bàn, chúng sinh rất thấp Niết-bàn rất cao, cao đã tức hạ, có gì vị kế?

Kế không sinh không sinh rất có các duyên ở sau giải thích, như tuy không vị, vị y theo sự sinh, sự nghĩa là hoặc trí nhân quả, v.v... cho nên kiến như các vị tùy sinh, pháp mê như, há có các vị? kiến như hoặc diệt, diệt như thật không diệt, chân tục không hai, sinh diệt nghĩa một, tự hạnh đã đủ có thể vì người khác mà nói khắp như vị, cho nên gọi là "vi sinh tác nhân", như vẽ hư không, v.v... tự hạnh chân mãn cũng như hư không, đại bi lợi ích chúng sanh như hoa như chủng, cho nên Bồ-tát vì chúng sinh, không mưu cầu không tạo tác mà họa mà trồng, được gọi là phương tiện khéo léo. Hoặc người sau kết thúc bác bỏ.

Bồ-tát Chiên-đà-la, Hán dịch là Sát, tự lầm lộn vị trên Sát thường trụ mạng, hoặc vì người khác nói hại tuệ mạng người, từ đây suy ra các khổn khổ nầy.

An nhẫn: Là ban đầu nói cảnh sở nhẫn, tức ba chướng, ba chỉ là mười cảnh, đủ như quyển năm có nói. Nghiệp ở sau nói tướng năng nhẫn, nay lại biệt đối, nghiệp ma thiền ba pháp riêng thuộc về nghiệp chướng. Hai cảnh kiến, mạng thuộc về phiền não chướng, Bồ-tát Nhị thừa thanh tịnh đã có hai hạnh chánh trợ, cho nên phân đối phiền não và nghiệp, báo chướng nên biết. Lại dùng mười giới nhân duyên so sánh mười cảnh, tức một niệm tâm đầy đủ mười cõi, trong mỗi cõi không đâu chẳng phải ba chướng, không đâu chẳng phải mười cảnh. Nếu tợ giải chưa phát, nên đối với mười cảnh hoặc trái hoặc thuận mà sinh an nhẫn, kết như văn, trụ địa nhẫn nhục, v.v... Là chứng an nhẫn, cũng là quán hạnh vắng lặng nhẫn, tức là Trung đạo tịch nhẫn, an ba đế trụ ở chân

đế, gọi là nhu hoa thiện thận, trụ ở tục đế gọi là "Bất toái bạo". An trụ tục đế mà làm tục động, gọi là tâm cũng không kinh sợ, do đó nhập tương tự ba đế, như Thanh văn ở sau nói khác, như văn không pháp ái trong đó nói có chân tợ.

Ban đầu lược nêu hai vị, ban đầu giải thích tợ vị, trước nêu ba pháp tương tự. Do trí ở sau răn dè chớ đối với tợ pháp mà sinh ai chấp ngại nhập chân vị, hoặc ở sau chỉ bày tướng Đảnh đọa. Vì sao ở sau chỉ bày khởi tướng ái, nếu không ở sau chỉ bày không pháp ái đắc nhập chân vị, chân vị cũng không chấp, huống chi là chấp tợ vị, nhập lý ở sau chánh chỉ bày tướng chân vị lìa ái. Từ đây ở sau nói nhập vị, kế dẫn Đại luận nói chứng chân vị, có với chân pháp khởi, pháp khởi ái gọi là pháp ái, tên ái tuy đồng mà chân tợ nghĩa khác, cho nên trụ trước chưa nhập đạo vô công dụng, không gọi là tự nhiên chẳng chân pháp tánh không gọi là lưu nhập, nêu được Sơ trụ vô sinh trăm cõi thành Phật, chín đạo nêu bày hình, phân thân chín cõi, giúp Phật hành hóa, công hành hóa quy về mình không nhờ siêng tu, nên gọi là Nhậm vận.

Kế nói niệm Phật: Ban đầu nói lược có trước sau với các thiền; kế nói tướng phát, kinh luận khen ngợi không thể nêu đủ, nay văn lại nói tướng phát đắc, thần lực từ giải thoát đức mà khác, trí tuệ từ đức Bát-nhã mà khởi, phước đức là nhân tướng, từ đức pháp thân mà khởi, khi niệm Phật khởi các tướng nhân kiến, biết đủ ba pháp từ ba đức sinh, lại biết ba pháp làm lợi ích cho người, người lợi ích không đồng, cũng phân ra ba pháp khác nhau, cũng biết tướng tốt tu nhân khác nhau, nên nói tướng tốt như vậy từ các công đức nầy sinh, tướng tốt như vậy có phước như vậy, như vậy biết tướng dụng thể nghiệp quả đủ như trước đã nói.

Nói hiểu sâu tướng hải: Chỉ là sắc thân tướng tốt vô biên, nên gọi là hải, chẳng phải nói Báo thân không thể nghĩ bàn hải, định tâm ở sau nói phát năm chi căn bản, niệm Phật căn bổn đều là một bên, niệm Phật và thiền căn bản đều không ngại nhau. Như vậy ở sau nói lý do khác nhau, nhưng Phật ở sau là nói khác nhau, đây là ở sau lược kết các vị. Đặc thắng ở sau nói niệm Phật phát các thiền.

Kế trong các thiền phát Phật; ban đầu nói các thiền phát niệm Phật.

Ba thứ pháp môn: Tức là cảm động tướng tốt nghiệp thiện, cảm động là tướng dụng, tướng tốt là tướng quả thiện nghiệp là tướng nhân; kế nói lược các thiền phát niệm Phật, như văn; kế phán xét tà chánh; ban đầu nêu hai môn; kế trong giải thích trước chánh kế tà.

Ban đầu nói ba niệm tự tha, v.v... Trong Đại luận giải thích sáu

niệm trong ấy nói: ba pháp Phật, Tăng, Thiên là tha, ba pháp pháp, xứ, giới là tự, luận phán xét sở niệm ở tự tha, nay nói sở phát đầy đủ nghĩa tự tha, trong Đại luận quyển tám hỏi: Thế nào gọi là Tam-muội niệm Phật?

Đáp: Có hai thứ khác nhau, trong pháp Thinh văn ở mỗi thân mắt tâm của Phật lần lần mở, đủ ở một phương, pháp Bồ-tát ở trong cõi Phật mười phương ba đời, Chư Phật thường hiện ở trước.

Trong luận hỏi: trong sáu Niệm chỉ khen ngợi niệm Phật.

Đáp: Tam-muội niệm Phật có thể dứt trừ các phiền não, diệt các tội, việc lành đại phước có công năng độ chúng sinh, nay phát nghĩa túc tập cũng đồng. Nếu được ở sau nói ý niệm Phật.

Hiện văn quang, v.v...: Trong Đại luận quyển chín chép: Một văn quang là chúng sinh thiếu phước thiếu trí, nếu thọ nhiều văn quang thì nhãn căn không kham nổi, nếu lợi căn phước dày thấy vô lượng quang, nay ý văn nầy chung cho lợi độn đã nói phát đắc, phải nương sự mà nói, nên nói văn quang. Văn quang là nói người xinh đẹp, ý chánh mật nói vô minh quang minh, cho nên được nói theo bốn món tất, tùy theo các chúng sinh thích nghi khác nhau, há gặp văn quang, hoặc lại xếp vào văn quang, như thấy thân tạp thứ, v.v... ở đây.; Vui vẻ là thế giới, thích nghi là người, đối trị như văn, được độ là nghĩa đệ nhất.

Kế nói trong thần thông có các luận không thật, chỉ lược biết tướng trạng để đủ phát đắc.

Ban đầu nêu số nêu tên. Trong Đại kinh quyển hai mươi hai, nói lược Đại Tiểu, trong kinh giải thích công đức thứ hai nói, có hai loại chung:

1- Ngoài.

2- Trong.

Ngoại chung với ngoại đạo, trong có hai loại:

1- Nhị thừa

2- Bồ-tát.

Bồ-tát tu hạnh Đại Bát Niết-bàn, thần thông sở đắc không chung Nhị thừa, cho nên Bồ-tát xưa không được mà nay được (thân như ý), xưa không nghe mà nay được nghe (thiên nhĩ), xưa không thấy mà nay được thấy (thiên nhãn), xưa không biết mà nay được biết (tha tâm túc mạng lậu tận) nay nói phát thông chẳng nói vô lậu, trong kinh nói rộng tướng tu chung trong Đại luận cũng nói lược tu tướng đều chẳng phải chánh ý nầy, nay nói lược để toan phát. Mắt trời thông là như trước đã giải thích năm nhãn nói thiên nhĩ, được cõi sắc thanh tịnh bốn đại tạo sắc, nghe

tiếng sáu đường đã nghe nhiều ít, xa gần, v.v... ví dụ nhãn nên biết. Pháp tu là nhớ niệm các thứ âm thanh, biết túc mạng là Đại La-hán biết tám muôn kiếp, Đức Phật biết vô lượng kiếp, tu pháp là thường nhớ ngày tháng năm cho đến trong thai và đời quá khứ trong ngàn muôn ức đời, tha tâm là biết sở cấu vô cấu sinh diệt của tâm người khác, tu pháp là thường nhớ những người hỷ nộ sợ sệt, thấy tướng biết tâm, thân như ý gồm có ba thứ;

1- Chuyển biến.

2- Thánh.

3- Năng đáo.

Năng đáo lại có bốn:

1- Thân bay đi.

2- Đời xa khiến gần, không đến mà đến.

3- Vào nầy sinh kia.

4- Một niệm đến được.

Nói Thánh: Ngoài sáu trần trong không thể ưa thích vật không có vật thanh tịnh, khiến cho đáng ưa thanh tịnh, chỉ Phật mới có, nên nói là Thánh.

Chuyển biến: Đại Tiểu một và nhiều lại xen có thể làm, cho đến có thể làm tất cả việc, nếu ngoại đạo biến hóa cùng tột không hơn bảy ngày, hai đệ tử Phật chẳng luận lâu gần, tu pháp là nương bốn như ý túc khởi thân khinh nêu tưởng. Nhưng các thần thông chưa được quả Thánh, đều không thừa nhận tu, cho nên không được nói rộng tu tướng, huống chi nay trong văn vì nói phát đắc, nói lược đại đạo khiến biết tạo tác ấy. Lại các pháp từng được vô lậu thông, như Đại Bồ-tát, Đại Tiểu La-hán, Bích-chi Phật, Chư Phật. Lại không nói về phát, nay nói phát, chỉ là quá khứ có tu sự thông, đã chẳng phải vô lậu thì chưa ra ngoài cõi, nay nhân Chỉ quán phát tập quá khứ, trong Đại luận lại nói rộng sinh đắc báo đắc như các trời quỷ thần, v.v... phát đắc như Bồ-tát Vô sinh nhẫn, v.v... tu đắc như các Thánh, v.v... đều chẳng phải ý nầy, chỉ được ở sau nói xen phát hữu vô, hoặc nói chung ở sau nương thần thông riêng phán xét phát. Ban đầu nói lược thần thông khác nhau, nói Đặc thắng nói chung phần nhiều phát thân khinh nêu, v.v... do hai thiền nầy có thân quán, thấy thân dứt tâm, ba việc nhỏ nhiệm, dứt tánh khinh nêu, tâm như tượng trong gương thân như bóng mây, cho nên thần thông từ hai thiền nầy sinh đối với lý hơi tiện, còn bao nhiêu không ở đâu mà không phát cho nên nói nhiều, Bối xả thắng xứ phần nhiều phát thân như ý thông, chuyển biến tự tại, đã so sánh tốt xấu Đắc thắng tri kiến, tâm thắng

được sắc cho nên chuyển biến mà được tự tại, nhiều nghĩa như trước; kế nói về thông minh, nói thẳng như chẳng phải vô lậu minh: Trong ba minh dễ phát, còn hai định chẳng phải vô lậu, ý hữu lậu như trước đã phân biệt, trong quyển bảy đã phân biệt rộng, cho nên trong đây chỉ được hai minh năm thông. Minh là thắng trong thông, sở phát đã tế gọi là minh, thật chưa đắc minh, huống chi là vô lượng ở sau hợp, trong mỗi thông đều có năm chi, ở đây nói lược, nên nói trong mỗi thông các thứ năm chi, do thông nhiều hơn các thiền.

Chánh nói tu quán, chặng giữa ban đầu nói ý, nói tham chấp thiền vị, v.v... trong kinh ấy vốn bác bỏ Bồ-tát trụ thiền, không thể lợi ích chúng sanh, nghĩa phải ở ràng buộc, nên nói do phương tiện sinh là Bồ-tát giải, nay cũng nêu bày, được chín thiền trên không thể quán sát khiến thành cõi Phật, tùy thiền thọ sinh, nầy thì tự thiếu xuất yếu, làm sao có thể lợi tha, huống chi là nhờ thiền mà khởi sáu pháp giới, dụ cho dưa chuột thật có lý do.

Kế là tu quán, chặng giữa ban đầu nói cảnh nghĩ bàn, trước dùng dưa chuột thì dụ thiền là lý do mười cõi, do được thiền nên nương vào thiền sinh lỗi sinh đức, nên có mười cõi khác nhau khác nhau, cho nên đắc thiền phải nên quán sát, làm thành Nhị thừa còn phải quán sát, huống Vô thượng thừa, nên nói quán sát mười ý. Kế ban đầu tuy ở sau chánh, giải thích chặng giữa, Tứ thiền Tỳ-kheo đến hỷ căn là cõi địa ngục.

Phi ly là súc sinh, danh lợi là cõi quỷ, thắng ý đọa ngục như khéo léo nêu ra hai độ trong đó nói.

Bàng hỷ căn, bởi chấp ở sự thiền căn bản mà chê bai đại hóa. Phi ly là trong Đại luận quyển mười chín, như quyển bốn có giải thích, hoặc dụng thiền quán huân mười điều thiện, v.v... Hai cõi thiền trên, hoặc huân tánh giới, hoặc huân vô tác, nay lại từ huân tánh thiện giảng nói cho người nghe, do giới vô tác đến giải thoát, hoặc căn bản chưa phát tức chỉ cho dục thiên, do vì nghiệp thiện, ở trong dục thiên Không Cư bốn Thiên, do thô tế trụ, v.v... huân mười điều thiện, như vậy mỗi tiết khác nhau gọi là thượng giới nghiệp, văn thiếu Tu-la chỉ là lược, vì tu thắng tha, v.v... đại ý nên biết, như đại thông đến một trăm tám mươi, v.v... kiếp ấy các Phạm thiên đến nay không đến, tức giới gấp và người được thế thiền thừa rộng, ba ác tức thừa giới đều rộng, nên biết các Phạm đến: Tuy được thế thiền thừa giới đều gấp, nêu bày xưa đều rộng và thừa rộng, nên nói hiểu rõ không có một người thấy Phật được ra khỏi sinh tử. Nếu chuyên tu bất tịnh, v.v... đi đến pháp giới Thanh văn,

nói nương vô lậu thiền như chín tưởng, v.v... nên được cõi Thanh văn. Đã nói, v.v... Là đẳng Đặc thắng thông minh và đại bất tịnh, v.v..., do Đặc thắng thiền bao gồm hữu lậu, nên không nêu ban đầu. Nếu quán đến pháp giới Bồ-tát, lại làm hai nghĩa để giải thích.

Nếu y theo năng quán phá tệ biên mà nói gọi là giới Bồ-tát, hoặc y cứ đủ bốn đế nói gọi là giới Thanh văn, văn đã đủ cả hai nên nói cũng là giới của Bồ-tát sáu độ. Lại thiền phải bỏ đi nói riêng giới của Bồ-tát sáu độ, trong bốn đế trước tuy liền phá tế thành nghĩa sáu độ, nhưng thành pháp giới Thanh văn, chung tưởng phá tế, Bồ-tát nương thiền biệt biệt phá tế. Lúc bấy giờ trường hàng xa lại thêm hoằng thệ, nên lại nói riêng Sáu độ Bồ-tát. Nếu vậy, cả hai gồm giải thích ý nào có khác Thanh văn?

Đáp: y theo xuất khổ biên thì thuộc Thinh văn, y theo bi thệ biên tức thuộc Bồ-tát, nếu giải thích riêng là y theo đây nên biết, nương hai pháp trước bao gồm giải thích nghĩa tiện cho nên lại giải thích Bồ-tát, lại quán thiền là nhân duyên, hai giáo Duyên giác giới, vì sao vậy? Vì đã không sai biệt, nói sinh và vô sinh khác nhau, chỉ nói nhân duyên. Lại trong văn đã nêu bày ở sau Bồ-tát ba tạng, Thinh văn, trước Thông giáo Bồ-tát Thinh văn, trong văn ba tạng ở trước, lại chưa nói Duyên giác chỉ nói hai thừa Thinh văn, Bồ-tát. Trong Thông giáo nói, v.v... Là cũng đồng chấp Duyên giác.

Kế Biệt giáo: Là trong văn ba đế tuy đều nói tức, y theo kế nói tức chẳng phải nói dụng tức, tên tức đã lẫn lộn nên phán xét riêng mà nói mười cõi Tứ thiền có sinh có diệt, vì sao ở sau giải thích tướng sinh diệt có văn năm tiết, hoặc ban đầu sinh sáu diệt bốn, hoặc sinh vô sinh cộng diệt sáu cõi, thì không được nói vô sinh diệt bảy nay văn lại từ truyện truyền diệt bên, nên từ bảy pháp giới vô sinh diệt, cho đến nhất thật khéo độ diệt chín pháp giới, từ thứ bát trở lên xoay vần chỉ là diệt nhất pháp giới, do trước như một cho nên nói diệt bảy cho đến tám chín. Thành vương hoặc nhập chứng đạo không còn có sinh diệt, đồng quy về nhất thật. Lại trước tuy nói sinh sinh rồi lại diệt, hoặc đến thứ mười thành vô sinh diệt, cho nên các pháp Địa tiền hoặc đến Sơ địa, nhiếp ngọn về gốc, đồng một vị mặn, đến nỗi khiến sự thiền đến hội thật nầy, xét vị nhập thật không cần đổi đường, nhiếp thành Sơ địa cho đến quả đức kết thành năm hành, trong đó nói nêu tóm tắt đến hạnh trẻ thơ vốn là thứ lớp năm hạnh, đến Sơ địa Vương Tam-muội đều thành một pháp không thể nghĩ bàn, nói chín pháp giới định tuệ. Bồ-tát cũng ở trong chín cõi, nên nói chín cõi, lại ở trong chín cõi đều tu ba học, duy

ở địa ngục dù không hiện hành, cũng dễ phát tập, đến nầy gồm chung vào năm hạnh, phạm hạnh do từ bi làm thể, không được nói riêng còn bao nhiêu như văn, chỉ là một hạnh mà lập năm tên, một năm tướng tức chẳng phải một, chẳng phải năm, gọi là một năm hạnh, vẫn do bổn nhân cho nên thành thứ lớp. Kế do năm hạnh nầy sinh mười công đức, là y theo thứ lớp nói, do năm hạnh đầy đủ được nhập Sơ địa, nên nói năm hạnh sinh mười công đức. Sơ địa tức là con đường thứ nhất cuối văn năm hạnh tuy nhiều lần giải thích công đức thứ nhất, chính là nhiều lần nói về tướng công đức Sơ địa, cho đến thứ mười đem so sánh Thập địa, hoặc làm giải tổng biệt. Bắt đầu từ Sơ địa đến địa thứ mười, hằng đủ năm hạnh và mười công đức, mười đức đối địa lại rõ ràng, như trong Thích Tiêm có nói, kế là tên ở sau kết thành tư nghi; kế nói trong cảnh không thể nghĩ bàn. Nói vô lượng định tán, là nói một niệm thiền tâm đủ mười cõi định tâm, vì sao ở sau giải thích, nêu chưa biết pháp tánh thì mười cõi chung tán, nếu hiểu pháp tánh mười cõi chung định, định tán như thế chẳng phải mê chẳng phải giải, nên biết một niệm định tán không hai, pháp tánh vô minh chẳng đồng chẳng khác, gọi là không thể nghĩ bàn, tuy siêu vượt ở sau giải thích về pháp tánh vô minh định tán tức lìa, v.v... Nhị thừa chẳng biết được, Nhị thừa không biết cũng thuộc về thường tình, cũng nên nói Bồ-tát ba giáo đều không thể biết, lý tánh vốn vắng lặng nên nói siêu việt, từ vô thỉ chưa từng hiển bày nên nói chẳng lìa, trong kinh nói ở sau dẫn trong kinh để chứng minh, tuy tức ở sau giải thích kinh, diệt hết vốn là tiểu tông sự định, trong văn kinh đã nói tức chúng sinh, cho nên không được dùng Tiểu thừa mà nói tức thị, phải biết tức chỉ cho tâm tánh của chúng sinh, lý vốn diệt hết nên bất phi bất thị, vì sao ở sau chuyển giải thích, lý tuy vốn diệt, hoặc do lý nầy mong ở chúng sinh chẳng phải tức chẳng phải lìa tánh cũng là vô tánh, làm sao có chúng sinh, sợ mê lý cảnh nên chưa có thỉ phi, e phàm lẫn lộn Thánh nên chưa có thỉ phi (bắt đầu đúng), vì bất tức nên chưa bắt đầu dùng, do chẳng lìa nên chưa bắt đầu sai. Nói chưa bắt đầu, v.v... nghĩa là từ vô thỉ, v.v... trong đây nói lược nhưng nói bắt đầu, tức từ vô thỉ chưa đúng từ vô thỉ chưa sai, nên nói không tức không lìa, cho nên phải dùng sáu tức để xét vị, sáu cho nên bất tức, tức cho nên chẳng lìa, thường tác là quán, tất cả diệu định không ngoài chúng sinh. Kho lượng như hư không: Là hiển bày rốt ráo chỉ có Phật mới liễu ngộ được, không xen lẫn các thứ độc, như phát tâm thứ năm ở trước đã phân biệt. Trong phẩm an tâm nói khéo léo, v.v... tức sáu mươi bốn lần, hoặc quán bỏ nói không thứ lớp ba chỉ ba quán, nương tên trong hiển thể ba chỉ ba quán,

mỗi chỉ quán ba đế đầy đủ. Như trong thể chân nói hai bên vắng lặng, phải biết ba đế đều vắng lặng gọi là thể chân, nên nghĩa thể chân không đồng với thứ lớp thể chân.

Trong Quán không nói chiếu pháp tánh tịnh, phải biết ba hoặc là không thanh tịnh, chiếu ba đế không gọi là không quán, sơ chỉ sơ quán cũng đủ ba đế, còn hai chỉ quán chỉ theo ví dụ nên biết, vì muốn thức biết chỉ quán không thể nghĩ bàn.

Không biệt mà biệt, cho nên ban đầu quán chỉ nói tức không giả, nói tức không tức giả, trong đó mới đủ ba, sơ liên quan đến thứ lớp nên sau kết nói ở một niệm tâm, vì phá hai bên gọi là một, gọi là trung, v.v... thể ba đế vốn không khác một ba trung biên, y cứ phá hai nên gọi là một, vì phá bên nên gọi là trung, vì phá Thiên nên gọi là Viên, vì phá sinh diệt nên gọi là vắng lặng, vì phá thứ lớp nên gọi là nhất tâm, lý mầu thật không khác nhau như vậy, từ ý nào mà không ngộ. Y theo thiền trị tế, sáu món trị khác nhau rộng như văn trước, vị mê đắm mười thiền mong lý chân đế cũng tự là tế nên nói tùy thiền thọ sinh, huống mong lý mầu mà chẳng phải tế ư?

Hỏi: Chín tưởng trở đi đã nói là vô lậu, tạo sao gọi là Tế?

Đáp: Đây chỉ có thể lấy vô lậu làm duyên, chỉ là vô lậu cũng là trung chướng, huống chi đối với duyên và với duyên sinh, nên gọi là Tế. Hoặc nhiều lần giải thích, trải qua mỗi thiền mỗi vị, đều phải biết tướng sáu tế, đều dùng sáu vị trị mà trị các tế, cho nên dùng không để bỏ mười thiền, gọi là San, trong đàn cũng xả mười cõi y chánh, vì sao chỉ sự tướng mười thiền mà thôi, hoặc chấp thiền vị cũng phá không giả đạo cộng tự tại các giới, huống chi lại tùy đạo giới cụ túc ư? Còn bốn pháp tế y theo ví dụ nên biết. Phạm Thiên Hắc Xỉ: Là từ thiền sinh ra, trong đó cũng tự có sân, huống chi là phát bạc thiền làm sao khỏi tức giận, đều nói: Dương khổ đáo, v.v... thể thiền là tế, còn phải bị khổ, huống chi là phiền não nghiệp ma buông lung mà không hối hận, người đời tự cho mình là vô tội, không cần sám hối lỗi lầm, trong mỗi pháp trị đều dùng sự độ trị ở sự tế, khiến sau lý độ, nên nói phá tùy đạo giới, v.v... kế trong kết đủ như trong quyển bảy sự lý nhiếp pháp, hành nhân quán pháp cùng tột đến đây, bắt đầu từ cảnh quán cuối cùng đến trợ giúp trị quán pháp đã đủ, ở sau ý ba lần như văn đã nói. Lại kế vị là chánh ngăn lẫn lộn, còn hai pháp sách tấn quán cạn khiến cho sâu, phải biết đều chẳng phải thể chánh quán, còn các văn y theo mong ấm nhập lẽ ra cũng thấy được.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 10
(PHẦN 1)

Ban đầu giải thích trong kiến cảnh, trước gồm giải thích, kế là khai chương riêng giải thích; Ban đầu nói "chư" tự giải thích chẳng phải một là nhiều. Đã khởi tuy nhiều không nêu ra một trăm bốn mươi khởi không đúng lý gọi là kiến, lại ở sau lặp lại giải thích chữ kiến, đối với một trăm bốn mươi đều khởi một kiến, đều suy lý không đúng, nên gọi là Tà.

Phàm thích học, v.v... là nói thấy sai lầm người nghe học tự cho là có chỗ nương, nghĩa nó như sinh, bác bỏ người tu gọi là Vô chứng, nghĩa đó như chết.

Trong sách Trang Tử chép: Có nói thì có thể được không nói thì chết. Phàm tu tập thiền ở sau nói người tu tập quán nội quán, quán lý, tự cho là tình thông dùng làm diệu ngộ, bác bỏ người học vấn, gọi là ôm cây, như đời Tống có người cày ngoài đồng, có con thỏ cahỵ đụng gốc cây mà chết, sau bèn bỏ việc cày cấy, cứ giữ gốc cây nầy, mong thỏ đụng vào chết nữa, người bàng quan dẫn dụ càng không chịu dừng, nên ở đời tương truyền do người chấp mê gọi là "ôm cây", hai người nầy vốn là tin phải hai thứ căn tánh, do không thông hiểu ý mà xen nhau trái, lại chưa thành kiến, nên phán xét bị phá và năng phá, đều chẳng phải kiến phát nên đều có dính mắc, nay bèn phê bình gọi là thất lạc. Nếu là kiến giải, thì lược chỉ bày kiến phát, hỏi và đáp đều không cùng tận. Ban đầu là hỏi không cùng. Nếu giải thích ở sau là đáp không cùng. Khúc xạ: Là dụ phát lời hỏi không cùng.

Trong Như Hậu Nghệ khéo bắn, thời vua Nghiêu bị chín năm nạn hồng thuỷ, vua điều khiển trong bảy ngày đều ra khỏi, Hậu Nghệ bắn rớt sáu thứ, nầy cũng là trong sách Nho nói hơi quá.

Lại nói: Như Dưỡng Do Cơ khéo bắn, cách giữa cây lá một trăm

trong một trăm bước để bắn, cùng Sở Nhượng Vương đi săn thấy bầy vượn vây quanh cây, vua ra lệnh bắn hai bên cây, bầy vượn càng nhảy lên cây. Vua ra lệnh cho Do Cơ xạ bắn, vượn bèn ôm cây kêu dài, kiến giải là thiền sở phát kiến, danh tự là văn sở phát kiến đủ hai nghĩa nầy, nên không đồng với những người học vấn ở trước ngồi thiền vô kiến, cho nên hỏi khác như vây quanh bầy chim, tùy theo văn ngữ lại nêu một bên, nên nói đầy đủ như vây quanh cầm thú khiến cho loài chim bay thú chạy đều thất lạc, do người nầy phát kiến rõ ràng, người năng phá tập thiền vô kiến, như khiến cho loài chim bay thất lạc, người năng phá học vấn vô kiến, như khiến loài thú chạy thất lạc, một trăm bốn mươi mốt đều như.

Chữ "Xước", Quách Phát nói là: Đầy đủ.

Trong kinh Thi nói: "Xước xước hữu dụ", như bắn giữa hư không, dụ cho đáp không có cùng tận, ở đây thì người nói khác vô kiến, người ngồi thiền học vấn đều do học thành, khác nhau phát kiến, từ định mà sinh, kiến nầy ở sau nói sở nhân khác nhau, ví dụ như ở sau nêu ví dụ, tính hạnh như nhờ vào nghe, pháp hạnh như là do Thiền, văn tư y theo đó nên biết, nói chung hỏi đáp: Người phát kiến khéo hiểu vấn đáp đều tợ như biến hiện.

Có như diệu đạt: Đã có phá từng như đạt diệu lý, hai pháp nầy thuộc về kiến, không liên quan đến nói ngộ, người ở phương Nam tu tập thiền ít, v.v... ở sau, là nói về sai, xưa trình bày đất bằng ngăn cách chỉ trình bày là phía Nam, nầy y theo chỗ người nói phát kiến nhiều ít có không.

Nói chân đạo, nhân thiền phát kiến là lẫn lộn. Nói Đa-la-ni là nhân nghe phát kiến là lẫn lộn, tối tăm hơn người biết, v.v... trong ấy người không biết vì tối tăm hơn người biết. Phán xét phát kiến là do chấp vị cao, cho đến cho là vô sinh phật địa, hoặc lại không tin phán xét là quỷ cuồng, cả hai phán xét đều sai, nay nói ở sau phán xét kết chẳng phải cuồng chẳng phải thánh, từ phàm quỷ chấp sở ở sau giải thích chẳng phải cuồng chẳng phải thánh.

Kiến thuộc tuệ tánh, nên nói kiến tuệ, nói chung ở sau chánh nói ý kiến cảnh. Nói hai nghĩa thì nhiều. Thiền đã phát kiến và thiền kiến đều phát, hai pháp nầy thì nhiều, hoặc trước phát kiến sau mới phát thiền, nghĩa nầy thì ít, chẳng phải hoàn toàn không có, nên chỉ nói ít, nay ý văn nầy không nói trước sau, kiến nầy đều quán bao gồm nói khác nhau, nên nói nhiều ít, ví dụ như các thiền ở sau, ví dụ giải thích thiền kiến, trước sau khác nhau.

Cái gọi là các thiền phát chung, v.v... Là nêu chung cõi dục cõi sắc cõi vô sắc, tức Lục địa, Cửu địa phát, là như hai nghĩa trước, nhưng không bằng nương thiền phát nhiều, cho nên nói ít, nên đem ví dụ đây là kiến đã phát thiền.

Lục địa: Là dục định chặng giữa Tứ thiền.

Cửu địa: Trên Lục địa trước càng thêm ba không, nầy y theo Thành Luận để phán xét, chẳng phải ý văn nầy. Nếu theo Tỳ-đàm thì thủ phát chưa đến mà trừ dục định, nên nói Lục địa, Cửu địa phát chung vô lậu, mà chưa đến phát ít, còn các địa thì nhiều, nhưng đây dẫn ví dụ hơi giống chưa đồng. Nếu nói thiền và vô lậu đều phát, và sau thiền phát vô lậu, hai nghĩa nầy nhiều, hoặc nói sau khi được vô lậu phát thiền nghĩa nầy thì ít, thì hỏi giống đồng, nghĩa tuy giống đồng cũng là một lần, thiền và vô lậu tuy có trước sau, cũng không hoàn toàn đồng, thiền và kiến phát, định có nhiều ít trước sau khác nhau, hoặc người ở sau nơi tổn ích, có thể tự sửa đổi cho đồng. Nghĩa là tìm kinh luận gặp thiện tri thức, đều có thể tự sửa lỗi chấp kiến, chỉ trừ tánh chấp, chẳng phải trừ thể kiến, kiến đã nhân thì thiền phát thiền là ít, được thiền phát kiến lại có thể chia chẻ, nên nói khó được, dưỡng kiến nghiên cứu tâm tức là ý nầy.

Chân pháp, v.v... Là dẫn trong văn Đại luận người chứng khó được chân pháp chứng kinh luận sở tầm, nói là chứng thiện tri thức, thính chúng là người tự phân tích, chân pháp nói là người đã tự khó được, huống chi là người chấp kiến mà vì thính chúng bẩm thọ chân pháp, do tà nhập chánh đổi chấp nghiên cứu tâm nầy gọi là khó được, trong bộ Châu Lâm, v.v... có trích dẫn, cũng có thể viết chữ Duệ. Trong Tự Lâm nói: “ngọa dẫn”. Sinh tử như Chu Lâm, tà họa như khúc gỗ do không gặp thầy lại không tự tu sửa, thấy tâm không dừng, khó ra ngoài sinh tử như khúc gỗ. Nên trong Đại luận quyển ba mươi tám nói: Tâm như tà khúc khó được khỏi cứu giúp, như Chu Lâm kéo khúc gỗ khó ra.

Kế là khai trong chương để giải thích, ba người tông chấp: Là tất cả sở chấp của người ngoài không qua nhị thiên, tam tiên.

Nói hai vị trời: là trời Ma-hê-thủ-la, trời Tỳ-nữu, cũng nói là trời Vi-nữu, cũng là trời Vi-nhữu, Hán dịch là Biến Thắng, cũng dịch là Biến Muộn, cũng dịch là Biến Tịnh.

Trong A-hàm nói là Sắc thiên; trong Câu-xá nói Đệ Tam thiền đảnh thiên. Trong Tịnh Ảnh nói: Là chỗ ở cùng tột của cõi dục. Trong Đại luận chép: trời Biến Tịnh là bốn tay cầm nắm trí luân báu của chim cánh vàng, có thần lực lớn mà nhiều sân hại, người bấy giờ sợ oai lực

bèn thêm tôn kính, kiếp sơ tay một người nước sóng biển đến ngàn đầu hai ngàn tay, trong sớ Pháp Hoa chép: Hai mươi bốn tay ngàn đầu thiếu một hóa sinh trên nước, ở trong đó có ngàn hoa sen, trong hoa sen có ánh sáng như muôn mặt trời đều chiếu, Phạm vương nhân hoa nầy mà hạ sinh, sinh rồi khởi niệm rằng: Vì sao trống không, chẳng có chúng sinh, khi khởi niệm nầy thế giới chúng sinh phương khác nên sinh về đây, có tám vị Thiên tử bỗng nhiên hóa sinh, tám Thiên tử là cha mẹ của chúng sinh, Phạm vương là cha mẹ của tám Thiên tử, Vi-nữu là cha mẹ của Phạm vương, suy xét nguồn gốc ở đời tôn kính, nên nói là Thế tôn. Dụ cho trong kinh nói, các ngoại đạo chấp Phạm vương sinh ra bốn dòng, ở miệng sinh Bà-la-môn, ở vai sinh Sát-đế-lợi, ở hông sinh Tỳ-xá, ở chân sinh Thủ-đà-la.

Trong A-hàm nói: Sát-lợi Phạm Chí, cư sĩ, công sư gọi là bốn họ.

Trong Trường A-hàm chép: Sát-lợi Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà sự nghiệp đều đồng mà tên hơi khác.

Trời Ma-hê-thủ-la, Hán dịch là Đại Tự Tại ở trên đảnh cõi Sắc, có ba mắt tám tay cỡi trâu trắng cầm phất trần mầu trắng, có oai lực lớn có khả năng làm nghiêng đổ thế giới, nếu Thế tôn dùng làm hóa bổn.

Trong Đại luận chép: trời Đại Tự Tại có Bồ-tát ở, gọi là Ma-hê-thủ-la, trong kinh Hoa Nghiêm chép: Là Địa Bồ-tát thứ mười, cho đến cõi trời bốn thiên vương là Bồ-tát Sơ Địa, phải biết tích của các vị trời vì phàm hạ vốn là đại quyền.

Nói Ba Tiên: Đệ nhất Ca-tỳ-la, Hán dịch là Huỳnh Đầu, đầu như Kim sắc, lại nói đầu mặt đều như kim sắc, do đó mà đặt tên, sợ thân chết đến cõi trời Tự Tại.

Hỏi: Lệnh đến núi Tần-đà lấy các cam tử ăn được sống lâu, ăn rồi ở trong rừng hóa thành đá như chiếc giường lớn, có người không đến được trong sách có bài kệ hỏi đá, sau vì Bồ-tát Trần-na mà phân tích, trong sách ấy có bài kệ nói chẻ đá, v.v... chứng được năm thông, trước sau đều biết tám muôn kiếp, quán khắp thế gian ai có thể độ, thấy một vị Bà-la-môn tên là Tu-lợi đi khắp nhân gian.

Hỏi: Ông đùa giỡn hay sao?

Đáp rằng: Dạ

Lại qua hai ngàn năm.

Hỏi: Ông Tu đạo được chăng?

Đáp: Được! do đó mà nói ba khổ.

1) Nội khổ, như đói khát, v.v...

2) Ngoại khổ, như cọp sói, v.v...

3) Thiên khổ, như gió mưa, v.v...

Nói kinh có mười muôn bài kệ là Tăng khiếp luận, Hán dịch là Số thuật, dùng hai mươi lăm đế nói trong nhân là quả, tính một làm tông.

Nói hai mươi lăm đế là:

1- Minh sơ sinh giác, qua tám muôm kiếp trước mờ mịt không biết, chỉ thấy tối sơ trung ấm mới khởi, do sức túc mạng thường nhớ tưởng, gọi là minh đế, cũng gọi là Thế tánh, nghĩa là chúng sinh thế gian do minh sơ mà có, tức bổn tánh thế gian, cũng gọi là Tự nhiên, không chỗ từ nên từ đây sinh giác, cũng gọi là Đại tức là thức Trung ấm.

Kế từ giác sinh ngã tâm, đây là ngã phi thần ngã của ngã mạn, tức đế thứ ba từ ngã tâm sinh sắc thinh hương vị xúc, từ ngã trần sinh năm đại, nghĩa là bốn đại và không, trần tế đại thô, hợp trần thành đại, nên nói từ trần sinh đại. Nhưng đại đây sinh nhiều ít khác nhau. Từ thinh sinh không đại; từ thinh xúc sinh phong đại; từ sắc thinh xúc sinh hỏa đại; từ sắc thinh xúc vị sinh thủy đại; ngã trần sinh địa đại, địa đại nhờ nhiều trần nên năng lực ấy rất kém. Nhẫn đến không đại nhờ trần ít nên năng lực ấy rất mạnh, nên bốn luân thành thế giới, không luân rất thấp.

Kế là phong, hỏa, thủy, địa: Từ năm đại sinh mười một căn, nghĩa là nhãn, v.v... căn có thể hiểu biết, nên gọi là căn, gọi là năm tri căn, tay chân miệng đại tiểu để căn có thể hữu dụng, gọi là năm nghiệp căn, tâm Bình đẳng căn, hợp thành mười một căn, tâm có thể duyên khắp gọi là Bình đẳng căn, hoặc năm tri căn đều dùng một Đại, nghĩa là sắc trần thành hỏa đại, hỏa đại thành nhãn căn. Nhãn căn lại thấy sắc, không trần thành nhĩ căn, nhĩ căn lại nghe tiếng, địa thành tỷ, thủy thành thiệt, phong thành thân, cũng giống như vậy, hai mươi bốn đế đây là là ngã sở, đều nương thần ngã gọi là chủ đế, năng sở hợp luận tức hai mươi lăm.

2- Ưu-lâu-tăng-khư chấp rằng: Biến tạo, nhưng nhãn căn hỏa nhiều, cho đến thân căn phong nhiều, đủ như luận Kim Thất Thập nói, đây là trong một ngoại đạo có một chúng thủ đến nước Kim Địa, đầu đội lửa chậu sắc để ở bụng người, nghe vua nói về trống, ra lệnh cho Tăng-khư bàn luận, có vị Tăng ở Đông Thiên-trúc luận nghị với Tăng-khư, Tăng Thiên-trúc lập thế giới là thường.

Tăng-khư gạn rằng: Nay ắt có diệt, do thế giới hoại thì thế giới sẽ diệt, nên chứng biết nay diệt.

Tăng Thiên-trúc nói sẽ không diệt như núi vàng, v.v... Vị vua lúc

ấy là bạn của ngoại đạo, bèn sai vị Tăng Thiên-trúc cỡi lừa chịu nhục. Vua trong ngoại đạo đem bảy mươi cân vàng ban tặng, do đây soạn luận tên là “Kim Thất Thập”. Sau ngài Thế Thân tạo bảy mươi bộ luận rộng phá tông ấy để cứu nghĩa tăng trước. Vua trọng vị Tăng trước lại ra lịnh người trong nước rộng lưu hành bộ luận do ngài Thế Thân tạo, phát thây chết ngoại đạo và chứng nghĩa, dùng roi đánh xương ấy.

Tông ấy lại chép trời Tự Tại có ba thân, cỏ đủ như trong quyển ba có dẫn.

Ưu-lâu-tăng-khư, Hán dịch là Hưu Lưu Tiên, sách người ấy ban ngày ở trong hang núi để việt kinh sách, ban đêm thì đi khắp nơi nói pháp để giáo hóa, cũng như loài chim nên có tên nầy, cũng gọi là Nhãn Túc, chân có ba mắt, luận bàn với trời Tự Tại, trời Tự Tại mặt có ba mắt, đem chân mà so sánh, nên có tên ấy, vị Tăng-khư ở trước Phật tám trăm năm mới ra đời cũng chứng được ngã thông, nói luận cũng có mười muôn bài kệ, gọi là Vệ-thế Sư. Hán dịch là Vô Thắng, dùng sáu đế làm tông.

1- Đà-phiếu-đế Hán dịch là Chủ Đế nghĩa là năm đại và ý thời phương Thần, chín thứ đây là chỗ nương của muôn vật, nên gọi là chủ.

2- Cầu-na, Hán dịch là Y Đế, nghĩa là năm trần sắc, v.v... đồng khác, lìa hợp số lượng tốt xấu, ngu trí ái tắng, khổ vui cần đọa, hai mươi mốt thứ nầy y chín pháp trước, nên gọi là Y Đế.

3- Yết-ma-đế Hán dịch là Tác Đế, nghĩa là cúi ngước, co duỗi, ra vào, tới lui, v.v... nên gọi là Tác.

4- ba-ma-nhược-đế, Hán dịch là Tổng Tướng Đế, nghĩa là gồm thâu muôn pháp thành một đại hữu, nên gọi là Tổng Đế.

5- Tỳ-thi-sa-đế Hán dịch là Biệt Tướng Đế, nghĩa là sum-la muôn tượng mỗi đều khác nhau, nên gọi là Biệt tướng.

6- Bà-ma-dạ-đế, nghĩa là bụi trần, thành bình không ngăn ngại nhau, ở trong Cầu-na tính một ngày ba lần rửa, lại cúng dường lửa, dùng làm pháp lành, lại chấp nước sông Hằng có thể làm tiêu tội chướng, nên phải rửa ba lần. Lại cho rằng lửa là miệng trời, trời do đây mà ăn nên nói là “thiên miệng”, lúc mưa đốt hương tô khiến cho hơi bốc lên trên để cúng dường mong cầu phước tội diệt.

7- Lặc-sa-bà Hán dịch là khổ hạnh, chưa biết phát xuất thời tiết, dùng toán số làm Thánh pháp, tạo kinh cũng có mười muôn bài kệ gọi là Ni-càn-tử, người nầy dứt kết dùng sáu chướng bốn trược làm pháp, chấp trong nhân vừa có quả vừa không quả, vừa đồng vừa khác làm tông, trong Đại luận có đủ bốn chấp, ba pháp như trước lại thêm Nhã-

đề-tử, sau cùng biết thời tiết xuất thế, và soạn ra kinh nhiều ít, chấp trong nhân chẳng phải có quả, chẳng phải không quả, chẳng phải một chẳng phải khác làm tông. Ni-càn-tử nói sáu chướng, như trong luận Phương Tiện Tâm nói:

1- Chướng Không kiến.
2- Chướng Ngu si.
3- Chướng Thọ khổ.
4- Chướng Mạng tận.
5- Chướng Tánh.
6- Chướng Danh ngôn.

Nói bốn trược, là sân, mạn, tham, siểm. Lại trong luận Phương Tiện Tâm nói Ưu-lâu-tăng-khư Ca-tỳ-la chấp không đồng với đây, luận ấy lại có Na-da-ma chấp mười Đế. Lại y theo hai tuệ văn, tư, văn tuệ có tám:

1- Thiên văn.
2- Toán số.
3- Y phương.
4- Chú thuật và bốn Vệ-đà.
- Đó là tám, tư tuệ có tám:
1. Trời Trường thọ.
2. Trời Tinh tú.
3. Trời Tứ thiên vương, cho đến trời Tha hóa tự tại, đây là tám.

Khổ hạnh tức hạnh trời Trường thọ, năm nguồn nhiệt thiêu đốt thân, v.v... gồm có sáu hạnh.

1- Tự nhịn đói.
2- Gieo mình xuống vực.
3- Nhảy vào lửa.
4- Tự mình đọa.
5- Im lặng.
6- Trì các giới gà, chó.

Có người nói: Ý cho là hơn Sa-môn nên có Sa-môn khổ hạnh hở vai, tức, Sa-môn cạo tóc tức nhổ tóc, như trong đây nói là sâu mà không soi xét. Sa-môn dùng khổ hạnh làm tông, khổ nầy đều thực hành, bất luận là hơn Sa-môn ấy.

Nay nói tự tướng thắng, do thấy các sư khổ, chưa tha thiết, cho nên nhổ tóc, v.v... họ chưa nhảy xuống vực, nên ta nhảy xuống vực, thấy họ ba lần tắm rửa nên ta nhảy vào lửa, thấy họ năm pháp thuần thục nên ta tự đọa, nếu y theo ngoại đạo vốn là do kinh nói.

Có một vị Tỳ-kheo bị giặc trộm y, có Bà-la-môn thấy đều bắt chước, lộ bày thân hình cho đến tự ngã xuống, v.v... như ở sau có nói, do đây nên thành tông ngoại đạo, lại chấp thờ ngựa cho là phước thường, nên trong kinh Văn-thù Vấn nói: Giết ngựa bốn ngàn, vất bỏ năm tạng trong dùng bốn báu bố thí cho Bà-la-môn, giết của báu trong người cũng giống như vậy, lại bắn tên bốn phương hoặc ngựa chạy đến chỗ của báu, đem cúng thí cho Bà-la-môn, hoặc giết rồi thừa nhận chúng sinh trong đất, hoặc thiêu đốt tất cả, hoặc lễ tất cả cây cối, hoặc lễ tất cả thần núi, như vậy gồm có hai mươi sáu tà.

Lại người ngoại đạo có chấp năm thứ là thường:

1- Lý Không chẳng phải không cho nên thường.

2- Thời chẳng phải sinh diệt cho nên thường.

3- Phương nghĩa là mười phương đều có nên thường.

4- Vi trần do cực tế nên không thể phân cho nên thường.

5- Niết-bàn do vì không biến đổi nên thường.

Hỏi: Vì sao không chấp chẳng phải số duyên diệt?

Đáp: Là nghĩa trong Phật pháp, do trong Tiểu thừa có ba vô vi, các chấp như vậy chẳng thể không biết, nếu người không biết tự hành khó phân, chỉ như hư không cho đến Niết-bàn cùng chấp Phật pháp, có gì khác nhau.

Kế nói luận nhập Đại thừa bốn tông, làm và làm là một, trong Đại luận nói thân, tay, chân, v.v... gọi là tác, vọng chấp thần ngã năng hữu sở tác gọi là tác giả, nếu chấp tay, v.v... cùng thần ngã là một, là chấp thần đồng với tác nghiệp, nghĩa đồng chấp ở sắc tức là ngã, tướng và tướng là một, v.v... tướng nghĩa là thân sắc do bốn đại sinh, v.v... bốn tướng, tướng tức là thần ngã, nầy chấp thần ngã đồng với bốn tướng.

Phần đồng với hữu phần. Phần nghĩa là tay, chân, đầu, v.v... chút phần của các thân, hữu phần nghĩa là mỗi thân đều có các phần tay chân. Chấp thân tức là đầu, tay, chân, v.v... tuy có từ trước đến nay nhưng có ba thứ khác nhau, hai pháp trước chỉ là chấp thân đồng với thần, một pháp sau chỉ là chấp ở phần thân đồng với thân, hoặc Ưu-lâu-tăng-khư chấp dị, cho đến trong bùn có bình, v.v... cũng giống như vậy, tế trải qua bốn chấp, v.v... chỉ là thần khác với thân, tướng, phần, v.v... y theo trước nên biết, hai câu ba bốn ví dụ cũng nên biết. Lại phá bốn tông luận rằng: Tăng-khư chấp một tỳ thế chấp khác, Ni-càn chấp một khác, Nhã-đề chấp chẳng phải một chẳng phải khác, lại y theo phá luận Niết-bàn, có hai mươi sư chỗ chấp khác nhau, mỗi sư chấp một loại làm Niết-bàn, hai luận nầy do Nhã-đề tạo, y theo kinh Ương-quật nói nguyên do lập khác.

Đức Phật hỏi ngài Văn-thù: Ông nghe có ngoại đạo chăng?

Vào thời quá khứ có Phật Câu-lưu-tôn, khi Đức Phật ấy ra đời không có ngoại đạo chỉ có một Phật thừa, khi Đức Phật nhập Niết-bàn, có một Tỳ-kheo ở A-lan-nhã, tên là Phật Tuệ, có người cúng dường y báu vô giá bị thợ lặn cướp mất, dẫn vị Tỳ-kheo nầy vào trong núi thân hoại lõa hình treo đầu trên cây, có Bà-la-môn thấy vậy bèn than rằng: Trước mặc ca sa mà nay lõa hình, hẳn biết ca-sa chẳng phải y phục giải thoát, do đây bắt chước tự treo lõa hình, để làm chân đạo. Tỳ-kheo nầy tự mở được thân, dùng đá đỏ bôi thân, da cây tự che kết cỏ để đuổi muỗi mòng, mọi người thấy vậy cho là mặc y như thế, cầm phất trần như thế, là đạo giải thoát, liền bắt chước theo, xuất gia với ngoại đạo Bà-la-môn do đây phát khởi. Tỳ-kheo đến chiều xuống sông rửa mụt ghẻ lấy y trùm đầu, lấy áo xấu của người chăn trâu quấn thân, người thấy lại bắt chước, mỗi ngày rửa ba lần, khổ hạnh ngoại đạo, do đây mà sinh. Tỳ-kheo nầy rửa mụt ghẻ, thân mình rồi lại bị ruồi ong cắn, bèn lấy đất trắng thoa ghẻ, người thấy lại bắt chước, ngoại đạo thoa thân từ đây mà làm theo. Tỳ-kheo nầy đốt thân người thấy lại bắt chước, đốt thân càng đau không thể chịu được, nhảy xuống vực tự hại, người thấy lại bắt chước, cho đến chín mươi lăm thứ đều là các Bà-la-môn, bắt chước Tỳ-kheo nầy đến nay chưa dứt.

Kế là nêu bảy Sư. Thỉ Tổ tức là Ca-tỳ-la, v.v... ngài Chi-lưu phân khác bèn thành sáu tông, nay trước nêu ngài Thập đã dịch.

Kế nêu Đại luận nói khác.

Ban đầu nói Phú-lan-na.

Ngài La Thập nói: Ca-diếp Mẫu là mẹ, Phú-lan-na Mẫu là tự, chấp tất cả pháp cũng như hư không, chẳng sinh chẳng diệt.

Người họ Triệu nói: Người ấy chấp tất cả pháp đoạn diệt như hư không, không có đạo quân thần, cha con trung hiếu.

Mạt-già-lê: La Thập nói, là Ma-già-lê tự là Câu-xa-lê Mẫu, chấp tội phước, chúng sinh không có nhân duyên.

Họ Triệu nói: Chấp khổ vui của chúng sinh không do nhân dứt, tự nhiên như vậy.

San-xà-dạ: Ngài La Thập nói: San-xà-dạ tự Tỳ-la-chi Mẫu, chấp phải trải qua sinh tử, lại trải qua nhiều kiếp số, sau đó nhậm vận tự hết mê khổ.

Ngài Tăng Triệu nói: Chấp đạo ấy không thể cầu, như sợi tơ chuyển từ trên cao xuống, chỉ hết thì dừng, đâu phải nhờ cầu.

A-kỳ-da-xí, v.v... ngài La Thập nói: A-kỳ-da-sí-xá khâm-bà-la

cho rằng thô y, chẳng phải do chấp mà do đắp y thô, nhổ tóc khói xông vào mũi, v.v... do các hạnh khổ mà hành đạo.

Ngài Tăng Triệu nói: Thân nầy khổ hạnh, thân sau thường vui.

Ca-lưu-cưu, v.v... ngài La Thập nói: Ngoại đạo tự, người ấy ứng vật khởi chấp, hoặc có người hỏi nói có liền đáp có, không, v.v... đều như.

Ngài Tăng Triệu nói: Ca-chiên-diên tánh, còn là tự, chấp các pháp vừa có vừa không.

Ni-càn-đà, v.v... Là Nhã-đề mẫu. Chấp tội phước khổ vui hết do đời trước, cần phải đến trả, nay tuy hành đạo cũng không thể dứt, sáu sư vị giáo chủ ngoại đạo nầy đều lõa hình, tự xưng là bậc Trí Nhất thiết. Lại bốn tông sáu tông nầy đều không ngoài sáu mươi hai câu bổn kiếp bổn kiến mạt kiếp mạt kiến, v.v.... Đủ như trong quyển năm có nói, so sánh nên biết.

Ngài Tăng Triệu nói: Ni-càn là tên chung của ngoại đạo xuất gia, như tên Sa-môn trong Phật pháp, sáu vị nầy thời Phật chưa ra đời, đều là Đạo vương Thiên-trúc, đến khi Phật ra đời thì tông ấy đã thạnh hành, nên nói đến thời Phật ra đời.

Kế dẫn trong Đại kinh để nói trong đồng khác, nói nêu ra các sớ của ngài La-thập. Ngài La-thập không khác với sớ của ngài Tịnh Danh, chỉ có cùng phát sinh các kinh của các bậc thạc đức chú giải, nay văn đã dùng nghĩa bao gồm sinh đầu tiên, đem chỗ giải thích ấy để trông mong Đại kinh, sáu người danh đồng chỗ chấp thì có ba danh đồng ba danh khác, nghĩa là ba bốn năm văn kia đây có khác. Nói ba đồng, nghĩa là đầu Đại kinh đồng với ban đầu của ngài La-thập, hai cùng với sáu, sáu đồng với ba, trong kinh do Xà Vương chướng động, khắp mình sinh mụt ghẻ, lại không có thầy thuốc chữa trị được thân tâm, có sáu Đại thần đều bạch với vua rằng: Nếu thường sầu khổ thì sầu sẽ thêm lớn, như người thích ngủ, thì ngủ càng nhiều, tham dâm uống rượu cũng giống như vậy. Nay có Đại sư đều ở thành nào, vì các đệ tử nói các pháp như thế.

Ngài Phú-la-na nói không có hắc nghiệp, không có hắc nghiệp báo, không có thượng nghiệp, cho đến hạ nghiệp, nầy đồng với chú giải văn kinh đầu.

Trong chú kinh nói: Tất cả các pháp cũng như hư không, chẳng có nghiệp báo, v.v...

2- Mạt-già-lê nói tất cả thân của chúng sinh có bảy phần là địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc, thọ mạng. Bảy pháp nầy không thể hủy

hoại, an trụ bất động như núi Tu-di, nhảy vào rừng đao bén cũng không tổn hại, không có người hại cho đến người chết, nên văn Đại kinh có khác với Chú kinh thứ hai.

Trong Chú kinh thứ hai ấy nói: Khổ vui không có nhân duyên, v.v...

3- San-xà-dạ nói: Trong các chúng sinh, vua là sở tác tự tại như chỗ các thứ đất sạch dơ, ba đại cũng như vậy, các thứ rửa các thứ đốt các thứ thổi. Như mùa thu thì cây lá trụi mùa xuân thì nẩy mầm trở lại, do sống trở lại nên phải có tội gì, ở đây chết đi rồi sống lại, các báo khổ vui không có hiện nghiệp, do ở quá khứ, hiện tại không nhân, vị lai không quả, do hiện tại trì giới hiện quả ác, đây đồng với Chú kinh thứ sáu.

Chú kinh thứ sáu Sư nói: Tội phước khổ vui đều do đời trước.

4- A-kỳ-da-sí-xa Khâm-bà-la nói: Nếu tự mình giết, hoặc xúi giục người giết; Trộm, dâm, vọng, v.v... cũng giống như vậy, hoặc giết một thôn, một thành, một nước, đến sông Hằng phía Nam thí khắp chúng sinh, đến sông Hằng phía Bắc giết hại chúng sinh không tội, không phước, đây có khác với Chú kinh thứ tư.

Trong Chú kinh thứ tư ấy nói, thân nay chịu khổ thân sau thọ vui.

5- Ca-la-cưu-đa nói giết hại tất cả, nếu không có hổ thẹn không đọa địa ngục, cũng như hư không không thọ trần nước, người có hổ thẹn lìa đọa địa ngục, tất cả chúng sinh đều là sở tác trời Tự Tại, trời Tự Tại sân thì chúng sinh khổ não, trời Tự Tại vui thì chúng sinh an vui, đây có khác với chúng sinh thứ năm, thứ năm ấy nói: vừa có vừa không, tùy theo hỏi đáp.

6- Ni-càn-đà-nhã-đề-tử nói không thì không thọ, không có đời nay, đời sau, trải qua tám muôn kiếp tự nhiên giải thoát, có tội vô tội đều như vậy, như bốn sông lớn đều chảy ra biển cả, không còn khác nhau, đây đồng với Chú kinh thứ ba. Trong thứ ba ấy nói: Chấp tất cả chúng sinh đạo không cần cầu, như cùng tột sợi chỉ lại nêu bày tông đã dẫn trong văn luật lại có khác với đây, mà khai thành mười người nhưng tông chỉ có sáu:

1- Ca-diếp Phú-lan-na.

2- Mạt-già-lê.

3- Cù-xa-ly.

4- A-di-đầu.

5- Sí-xá Khâm-bà-la.

6- Mâu-đề-di Bà-hưu.

7- Ca-chiên-diên.

8- Tiên-nhã.

9- Tỳ-la-tra.

10- Ni-càn-tử.

Bèn giải rằng: Niết-bàn bậc nhất phải là bậc nhất nầy, Niết-bàn thứ hai phải thứ hai, thứ ba nầy, Niết-bàn thứ ba phải là thứ tám thứ chín, Niết-bàn thứ tư phải thứ tư, thứ năm, Niết-bàn thứ năm phải là thứ sáu thứ bảy, Niết-bàn thứ sáu phải là thứ mười. Nhưng ba Tạng La-thập đích thân đến năm xứ Thiên-trúc, phiên dịch chuyển đổi lưu hành ở đời. Vì sao dùng mẹ để hiển bày con? Nêu bày tông phân ra làm hai người, chưa xét ý nầy. Lại các ngoại đạo họ tuy nhiều thứ phần nhiều ở trong Bà-la-môn, thông chấp họ Bà-la-môn, trong họ tối thắng, như trong kinh Trường A-hàm quyển mười có nói: Có Phạm Chí tên là A-thư, cùng năm đệ tử đến chỗ Phật, bạch như vầy: Các dòng họ Sát-lợi thường tôn kính Bà-la-môn, Đức Phật nghĩ: Phải điều phục họ, lại nói rằng: Ông họ gì?

Đáp: Họ Thinh Vương.

Đức Phật nói: Ông là dòng họ tôi tớ của họ Thích, năm trăm đệ tử đều đưa tay nói: Ma-nạp đây là dòng họ chân thật, tướng mạo khôi ngô nói tài đầy đủ, nói chung với Cù-đàm.

Đức Phật bảo năm trăm đệ tử: Nếu thầy ông không bằng ông, phải bỏ thầy bàn luận với ông, nếu thầy hơn ông ông phải im lặng, cho nên năm trăm đệ tử liền im lặng.

Đức Phật bảo Ma-nạp: Vào thời quá khứ lâu xa có vua Hiến Ma sinh bốn người con là:

1- Quang Diện.

2- Tượng Thực.

3- Lộ Chỉ.

4- Trang Nghiêm.

Bốn người con có chút sai lầm nên bị đuổi ra khỏi núi Tuyết. Hiến Vương có áo xanh tên là phương diện đem cho một Bà-la-môn để kết thông giao, bèn có thai sinh một người con tên là Ma-nạp, vừa sinh ra trên đất đã nói được, nên gọi là Thinh Vương, từ đó đến nay dòng họ Bà-la-môn, bèn lấy Thinh Vương làm họ.

Lại hỏi Ma-nạp: Ông xưa có nghe tiên cựu đại Bà-la-môn nói chủng tánh nhân duyên chăng? Người ấy im lặng. Đức Phật hỏi lại, đều không đáp.

Đức Phật nói: Ta hỏi ba lần không đáp, Mật Tích cầm chày Kim cương ở hai bên ông sẽ chẻ đầu ông thành bảy phần. Lúc bấy giờ lực

sĩ cầm chày Kim cương ở trên đảnh Ma-nạp đứng giữa hư không, nếu không đáp liền hạ xuống.

Đức Phật bảo rằng: Ông ngước đầu lên xem, liền ngước xem lại thấy, thấy rồi sợ sệt liền dời tòa đến gần Phật nương tựa Đức Thế tôn vì cầu cứu hộ, liền bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn! Ngài hỏi con sẽ đáp.

Đức Phật liền hỏi. Ma-nạp đáp: Con cũng từng nghe tiên cựu các Bà-la-môn nói, năm trăm đệ tử đều đưa tay nói lớn Ma-nạp là tôi tớ dòng họ Thích. Đức Phật lại nghĩ, sợ năm trăm đệ tử kiêu mạn xưng họ là tôi tớ, nay phải phương tiện mà diệt tên tôi tớ.

Đức Phật liền bảo năm trăm đệ tử: Mọi người các ông chớ nói Ma-nạp là tôi tớ dòng họ Thích, Bà-la-môn là Đại tiên nhân có oai đức lớn, thay cho vua Hiến Ma xin con gái, vua do vì sợ nên đem con gái cho, do nầy Đức Phật nói khỏi tên tôi tớ.

Kế nói giúp Phật pháp ngoại đạo; Cũng do kinh Phật dùng làm lý do sinh chấp, hai tông nầy chấp nêu ra Đại luận thứ nhất, hai tông nói chung lông rùa sừng thỏ vô thường vô ngã, mới rộng chấp không huyễn làm tông. Nói Độc Tử sở chấp ngã ở tạng thứ năm, ra ngoài bốn câu.

Hỏi: Luận nói bốn câu vì sao khác với văn nầy, văn nay và năm ấm đều có bốn hợp, lại hai mươi câu, tức ngoài chấp hai mươi thân kiến, trước nêu bốn câu xong.

Kế dẫn luận chứng, văn luận đều không đồng với Tỳ-đàm, đáp văn khác mà nghĩa đồng, trong luận thứ nhất giải thích Độc Tử: Như Độc Tử A-tỳ-đàm bốn câu nói: Năm chúng không lìa, mỗi người không lìa năm chúng, không thể nói năm chúng là người, không thể nói người là năm chúng, người là thứ năm không thể nói thuộc về tạng, nên biết hai câu Tỳ-đàm ở trước, tức nhiếp thân kiến hai mươi câu, hai mươi câu chỉ là bốn câu, y theo năm chúng thành hai mươi, hai câu sau Tỳ-đàm, nói ngã ở ngoài bốn câu, nên nói không thể nói năm chúng là người, v.v... nay Độc Tử ở sau nói đồng khác, nay Độc Tử chấp ngã cùng ngoại đạo bên ngoài gồm có bốn khác.

1- Ngoại chấp ngã bên ngoài, trong bốn câu nay Độc Tử ở ngoài.

2- Ngoại từ ngoài vốn có bốn người, khai thành hai mươi người, nay Độc Tử chấp chỉ là một người.

3- Ngoại ngoài chấp ngã là chân, hoặc thường, hoặc đoạn. Nay Độc Tử chấp vẫn là tục đế.

4- Ngoại ngoài chấp thần ngã, nay Độc Tử chỉ là nhân ngã, vì nghĩa nầy nên gọi là Phật pháp, khác với Lục Sư, cho nên nay vẫn dẫn

hai mươi thân kiến, chánh đáng Độc Tử đã phá ngã tức bốn câu một khác đại tiểu.

Lại nói: Ba đời và vô vi, ba đời có thể hiểu vô vi tức là hư không vô vi, do ngoại đạo cũng chấp hư không là thường, v.v... nên nay Độc Tử nói ngã hơn ngoài bốn câu, ắt không dùng số duyên làm câu thứ tư và không thể nói Tạng. Độc Tử cũng dùng số duyên mà phá ngã.

Kế giải thích Đạo Nhân Phương Quảng: Ban đầu nêu ra sở chấp, nói độc mười dụ của Phật, v.v...: Trước sở chấp Độc Tử nương Tiểu thừa, nay Phương Quảng sở chấp nương Đại thừa, nên nhân mười dụ mà sinh chấp. Mười dụ như trước đã giải thích, nên biết Phương Quảng cũng có bốn nghĩa, chẳng phải môn Đại thừa.

1- Không biết sở ý chân lý.

2- Không biết sở khởi hoặc tướng.

3- Không biết năng chấp sinh sử.

4- Quán pháp không thể phá chấp.

Cho nên tông tuy gá vào Phật pháp cũng gọi là ngoại đạo, nên ngài Long Thọ trong Đại luận dẫn ra bác bỏ, trong ba môn học Phật pháp trước tiểu kế đại.

Ban đầu dẫn Đại luận, không được Bát-nhã phương tiện, v.v... Độc Tử mất phương tiện Tiểu thừa, Phương Quảng mất môn Đại thừa phương tiện. Ý của luận văn nói: Học Phật pháp còn rơi vào hữu vô, cho đến môn Đại thừa thiết ý cũng bị lửa tà thiêu đốt, huống chi lại Độc Tử Phương Quảng, v.v...

Nói phương tiện: Nghĩa là môn thông chân chấp cho là thật, mất môn năng gọi chung là thất phương tiện, huống là Độc Tử năng sở đều thất, đâu chẳng phải ngoại đạo ư?

Trong luận nói: Chấp phi hữu phi vô, v.v... dẫn đại dụ tiểu, môn Đại thừa tuy cao siêu mà nếu chấp đều chẳng phải do phá không hữu, cũng thành ngu si, huống chi lại Tiểu thừa chấp môn thứ tư mà chẳng phải chấp ư? Nên có trăm bài luận, v.v..., các ý trong đây là bác bỏ Luận sư phá tiểu thành ngoại, hoặc sinh chấp kiến đại cũng thành ngoại, đâu riêng Tiểu thừa. Nếu không chấp kiến tiểu môn cũng đâu riêng Đại ư?

Vì sao? Vì Đốn phá đồng với người ngoài.

Ban đầu nói ý Chánh Bách Luận, Luận sư Đại Thừa ở sau nói lầm phá lỗi.

Nói Viêm, như đốt lửa lửa là bàng, lập đại phá tiểu là chánh, phá tiểu là ngoại là bàng, cũng nói: Luận sư gọi là viêm phá như vậy nếu phá hai tâm năng chấp của Luận sư, khởi ái khởi sân, thật đồng với

ngoại đạo, nay Luận sư Đại thừa phá thẳng hai luận khác là ngoại đạo chấp hữu vô, nên thành lỗi, nên văn sau chống chế rằng: Chỗ luận khởi người đều đắc đạo, cho đến không thể rung chuyển đồng với Ca-tỳ-la, v.v... hoặc Đại thừa phá Tiểu thừa chỉ có thể khéo vụng hình tướng Thiên viên, một phen chê bai dẫn tiến mà thôi, không nên vội cho đồng với ngoại đạo, nên trong các Sư Đại thừa nầy phá thành lầm, song Thành luận nói ở sau, dẫn văn luận để chống chế thật là nghĩa không khác nhau với ngoại đạo chấp.

Nói tợ không: Không tợ của chánh không ở vô kiến, mà thật hiển lý, thường khác với tà không, hoặc do tiểu không tợ với tợ không, mà lại phá, Đại thừa cũng tợ đâu riêng Tiểu thừa, lại đồng với bách gia, v.v...

Kế các nhà bình luận phán xét ở Luận sư phá lập đồng khác với Tông Bách Luận, hai nhà đều dùng luận tông vì phải phá là quấy, Luận sư và Bách luận đồng là tông Đại thừa, nên nói đồng với đều phải của Bách-gia, Luận sư phá Tiểu bài luận phá ngoại đạo, nên nói khác điều quấy của Bách-gia.

Kế nêu ra phá tông tợ tiểu tợ ngoại, chấp nghĩa nêu ra không, v.v... Nếu nói về Đại thể Bách-gia phá ngoại cũng nên phá tiểu, nay chỉ phá ngoại, tức là không phá tiểu mà nêu ra phá ngoại đạo, Luận sư phá Tiểu thừa cũng nên phá ngoại đạo. Nay chỉ phá tiểu tức là không ở phá ngoại mà nêu ra phá tiểu, cho nên tông Tăng-già ở Đại thừa khắp nơi trong văn phá ngoại phá tiểu, tức là song tồn song phá. Lại trong tợ nhân, v.v... ở đây trách cứ Luận sư Đại thừa, phá hai luận khác đồng với ngoại đạo ấy nào có khác với Lặc-sa phá trong nhân có quả không quả, tự lập vừa có vừa không chấp ư? Cũng chẳng phải hoàn toàn đồng nên chỉ nói tợ, lại tợ như côn lặc: Trùng lặp lại cùng với luận, đâu chỉ tợ ở Lặc-sa đãchấp, cũng tợ Tiểu thừa môn chấp thứ ba, cũng chẳng phải hoàn toàn Tiểu thừa nên cũng nói tợ.

Đương thời ở sau chánh phá lỗi của sư lầm phá. Hai luận chánh cứu khác nhau ba pháp ngoại đạo lưu hành luận xứ, người vào đạo thì nhiều, vì sao đốn phá đồng tông ngoại đạo, dù chấp thành quấy nào có liên quan với chánh pháp, nên nói nầy ứng hợp thì dễ, có chấp thì sai, không chấp thì chánh, trụ tiểu thì sai, thông nhập là chánh, nên nói không thể xem là đồng, v.v... Đồng thủ Ưu-lâu, hoặc dùng đại phá tiểu, v.v... Đây thông phục nạn, nạn rằng: Nếu nói hai luận khác nhau chấp với ngoại đạo, vì sao ngài Tịnh Danh bác bỏ Tu-bồ-đề rằng: sáu vị giáo chủ ngoại đạo là thầy ông, thầy ông bị đọa ông cũng đọa theo, cho nên nói chung, nầy lại bác bỏ ông không thấy Trung đạo rời rạc đồng

với sáu vị giáo chủ ngoại đạo, chẳng phải đoạt Tiểu thừa làm môn Đại thừa.

Kế là vì đắc pháp khác nhau với Trung đạo, ban đầu dẫn có liên quan trong sớ nói: Mỗi sư đều ba chấp.

Ngài La-thập nói: Một sư có ba nghĩa là tất cả trí thần thông Vệ-đà, sáu Sư đều có ba, hợp thành mười tám, Trí Nhất thiết thần thông như ba vị tiên và quyển năm ở trước bổn kiếp bốn kiến, v.v... có nói. Lại trong thần nói chung biến tường thành muối, là đất muối mặn, tay sờ mó, còn bao nhiêu như trong Thích Tiêm quyển hai có ghi.

Nói Vệ-đà: Tức là tất cả kinh điển của ngoại đạo như kinh Ma-đăng-già quyển thượng có chép: Có Chiên-đà-la tên là Đế-thắng-già, cưới con gái Bà-la-môn để làm vợ, các Bà-la-môn và mọi người đều chê bai dòng họ Chiên-đà-la.

Đế-thắng-già nói: Dòng họ Bà-la-môn ông hoặc do Vệ-đà gọi là Bà-la-môn, như xưa Phạm thiên tu học thiền đạo, có bậc đại tri kiến soạn luận Vệ-đà lưu truyền giáo hóa, sau đó có vị Tiên tên là Bạch tịnh, tạo ra bốn bộ Vệ-đà.

1- Tán tụng

2- Tế tự

3- Ca vịnh

4-Cúng tế cầu tiêu tai.

Mỗi Vệ-đà đều có bốn muôn bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi hai chữ, lại có Bà-la-môn tên là Phất-sa, có hai mươi lăm vị đệ tử, trong mỗi Vệ-đà phân biệt rộng, bèn thành hai mươi lăm Vệ-đà, sau đó lần lượt đệ tử tạo riêng, bèn thành một ngàn hai trăm mười sáu Vệ-đà, nên biết khi Vệ-đà phân tán, dòng họ Bà-la-môn cũng sẽ phân tán, nếu khi Vệ-đà hoại, dòng họ Bà-la-môn không tán hoại. Vì sao được gọi là dòng họ Bà-la-môn do Vệ-đà? Nay nói Vệ-đà lại từ căn bản dùng bốn món làm định, đó là Tán tụng, v.v... các sao, thuốc men, v.v...

Nói văn: Là tinh của muôn vật dùng để nêu các sao, phần nhiều ở cúng tế cầu tiêu Tai hai Vệ-đà, cõi nầy cũng có, vị ấy như Ma-đăng-già, lại có Bà-la-môn Liên Hoa Thật hỏi Đế-thắng-già rằng:

Ông biết các sao chăng?

Đáp: Mật Yếu cũng biết, huống là tiểu thuật nầy nói rộng hai mươi ngôi sao và bảy sao, nhưng kinh nêu lên bốn phương bảy sao hơi khác với phương nầy.

Phương nầy: phương Tây có bảy: sao khuê, sao câu, sao vị, sao mão, sao tất, sao tuy, sao sâm.

phương Nam có bảy: sao tỉnh, sao quỷ, sao liễu, sao tinh, sao trương, sao dực, sao chẩn.

Phương Đông có bảy: sao giác, sao cang, sao thị, sao phòng, sao tâm, sao sĩ, sao ky.

phương Bắc có bảy: sao đẩu, sao ngưu, sao nữ, sao hư, sao ngay, sao thất, sao bích.

Trong kinh đã nêu. phương Tây từ sao mão bắt đầu, cuối đến sao liễu, như vậy thay nhau dời đổi mỗi phương đều có bảy, phải là đất khác nên ngôi sao dời ba tòa, trong kinh mỗi phương đều xuất hiện số ngôi sao nổi tiếng, pháp cúng tế phải có, mặt trời vận hành đi qua. Lại có sáu ngôi sao một ngày một đêm vận hành cùng mặt trăng, nghĩa là sao tất, sao tỉnh, sao thị, sao dực, sao ngưu, sao bích.

Nói bảy sao: Là mặt trời, mặt trăng và năm ngôi sao.

Năm ngôi sao là: sao hỏa, sao trần, sao tuế, sao thái bạch, sao thìn, lại có sao la hầu, sao tuyết thông hành chín ngôi sao, lại nói nhân ở ngôi sao vận hành cách mặt trời xa gần là nói về tướng người sinh thiện ác. Lại xem tướng các ngôi sao cách mặt trăng xa gần, nói tướng khởi lập thành hoại, lại xem mặt trăng ở ngôi sao, trời mưa nhiều ít và mặt trời mặt trăng ngăn che làm chủ các việc, lại xem tướng mặt trời mặt trăng lành dữ động đất, sau được Phật rộng phá tướng ấy, trong Đại luận quyển mười cũng nói lược pháp ngôi sao. Nghĩa là nếu mặt trăng đến sao mão, sao trương, sao thị, sao lâu, sao thất, sao vị động đất thuộc thần thủy địa, là sao tuế không mưa không được lúa, hoặc đến sao liễu, sao vĩ, sao ky, sao bích, sao khuê, sao nguy động đất, thuộc long thần thiên tai đồng với trước, hoặc đến sao sâm, sao quỷ, sao tinh, sao chẩn, sao cang, sao dực động đất thuộc về chim cánh vàng, thiên tai đồng với trước, hoặc đến sao tâm, sao giác, sao phòng, sao nữ, sao hư, sao tỉnh, sao tất, sao tuy, sao đẩu động đất, thuộc về thiên đế, an ổn dồi dào an vui được năm thứ lúa, còn các, sách chép sao chẳng phải cốt yếu ngày nay.

Y pháp: Như ở xứ nầy có Hoa Đà, Ký Bà, Biển Thước, Thần Nông, Huỳnh Đế Các vị Tiên, Công Trương, Trọng Cảnh, v.v... đã biên tập.

Ở phương Tây như Kỳ-bà, trí thủy, lưu thủy, v.v...

Binh pháp: Như Huỳnh Thạch Công Thái Công Bạch Khởi, v.v... sáu lần ghi chép đã rõ.

Kế đối với ba món niệm xứ, văn trong Đại luận quyển hai mươi mốt, ba mươi bảy có nói rộng:

"Cộng" là sự lý đều được.

"Sự" là được định diệt tận.

"Lý" là vô lậu duyên lý dứt hoặc.

Duyên: Nghĩa là đương giáo, giáo pháp. Giáo pháp đều do sở duyên làm cảnh, cảnh là nơi chốn niệm nghĩa là thân thọ, v.v..., nên nói cảnh pháp.

Kế dẫn Tỳ-đàm nói phiền não chướng ngại giải thoát, v.v... phiền não là năng chướng, giải thoát là sở chướng. Thiền định chướng giải thoát. Thiền định tức giải thoát, giải thoát là sở chướng, tất cả pháp cũng giống như vậy, nếu chướng đã phá, thì được thiền định và tất cả pháp, cho nên nói. Lại nương ba tạng, phân biệt như.

Kế chấp ba môn Đại thừa ở sau, y theo Bốn niệm xứ bốn giáo đều có ba thứ niệm xứ, ba tạng như trước, chánh là văn nầy ba tông dịch để so sánh. Nếu là Thông giáo: Do bốn câu như tự tha, v.v... quán phá ái kiến bốn đảo, đều như huyễn hóa, gọi là tánh niệm xứ, cũng do chín tưởng, v.v... tất cả sự thiền, gọi là cộng niệm xứ, thấy Bốn đế sinh, vô sinh, tất cả Phật pháp gọi là duyên niệm xứ. Biệt giáo có ba loại, có Thông có Biệt, Thông giáo thì mỗi vị đều có ba thứ, Biệt giáo thì Thập trụ làm tánh.

Thập hạnh là cộng, Thập hồi hướng là duyên, ba thứ Đăng địa phân ra mà phát, tánh hiển pháp thân, cộng hiển Bát-nhã, duyên huyễn giải thoát. Viên giáo có ba pháp.

Tánh nghĩa là quán mười cõi sắc, một sắc là tất cả sắc, tất cả sắc là một sắc. Trong liễu đạt sắc chẳng phải tịnh, chẳng phải tánh bất tịnh, còn ba pháp cũng như vậy, gọi là tánh niệm xứ, quán mười giới sắc phi cấu phi tịnh, song chiếu tịnh bất tịnh tánh ấy không hai, tánh không hai tức là thật tánh, còn ba pháp cũng như vậy, nầy gọi là cộng niệm xứ, quán thân thọ tâm pháp nầy, khởi vô duyên từ, tịch mà thường chiếu, bất động mà vận hành, trùm khắp pháp giới gọi là duyên niệm xứ, ba món niệm xứ trong nhất tâm đầy đủ, dùng trí tuệ quán gọi là tánh niệm xứ, định tuệ quân bình gọi là cộng niệm xứ, sở hữu từ bi, duyên chín niệm xứ, gọi là duyên niệm, ba pháp sau tức là ba thứ môn Đại thừa phá kiến, ba giáo bốn môn sau. Trước nói chỉ có Phật được thứ ba.

Hỏi: Vì sao nói: Ngàn vị Đại La-hán đều là vô ngại, nay nói chỉ có Phật?

Đáp: chẳng phải La-hán không được, nhưng suy ra thì Phật là trên hết.

■

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT

QUYỂN 10
(PHẦN 2)

Kế nói kiến phát, trong đó có nêu, có đều giải thích hai nhân, có khai giải thích hai duyên, có dụ cho có hợp.

Ban đầu nêu dụ cho hai nhân, quyết lại ở sau đều dụ cho hai duyên.

Hác là sâu. Ám chướng ở sau hợp, không hợp hai nhân mà chỉ hợp hai duyên, như vậy ở sau nói lý do kiến phát.

Kế nói việc kiến phát nêu dụ cho; kế nói kiến thành chăng? Từ đây trở xuống chánh nói kiến phát, sáu người như ngoại, v.v... và ba tạng bốn môn đến kết, đều như văn.

Tuấn là tên đẹp của ngựa, cũng là mau chóng, đâu chỉ ở sau trong môn Đại thừa. Ban đầu sinh khởi dẫn đồng, nay ở sau chánh giải thích.

Ban đầu Thông giáo thấy môn chân như; đầu tiên là giải thích; kế là kết; kế hoặc ở sau nói nhập vào bốn môn, chánh môn đã có lợi căn kiến trung. Nay nói phát kiến cũng có lợi căn sinh ra trung kiến. Khi kiến nầy khởi cũng là nói chướng trong huyễn hóa, từ trong chướng vô minh manh pháp mà sinh, vô minh nầy cũng tức pháp tánh, hoặc nói ở sau Biệt giáo.

Ban đầu là nói bốn môn; kế kết; Đầu tiên trong Viên giáo; ban đầu chánh nói bốn môn; kế nói xen lẫn, đã phá ở sau lặp lại nói tướng phát kiến để phân biệt lẫn lộn nghĩa là Vô sinh nhẫn, đắc chưa đến định cũng cho là vô sinh, huống chi là viên môn khởi kiến mà sinh hữu lầm, ở đây biết thời đại ít có người biết; kế kết như văn, Đại thừa ở sau chung kết thành nội tà, thật ngữ là các hư ngữ, Đại thừa Thật giáo vốn là thật ngữ, do nói y ngữ đều sinh chấp, nên thành hư ngữ. Niết-bàn là sinh tử, v.v... Nêu ví dụ để giải thích tướng ngữ kiến, pháp sinh tử vốn là Niết-bàn, nay thành sinh tử. Do sinh chấp, uống nhiều cam lồ, v.v... Nếu dụ cho

trùng lập giải thích tướng ngữ kiến, Phật giáo như cam lồ khởi chấp như uống nhiều, mất lý như thiên mạng. Phàm bốn chấp vì gốc bốn chấp, v.v... nói phá lập nhánh gốc, như riêng bốn chấp đều là đầy đủ không nói các gốc, nhưng phá ở đơn phức, v.v... tự đơn, như đơn trong bốn câu có chấp hoặc phá, còn ba pháp tự phá, nên thứ năm là phá, trong chấp nói: Đây phá chấp rồi tất cả đều trừ, tự tha lại có cộng, không nhờ ở gốc. Nhưng bốn câu tư, v.v... cũng cùng có bốn câu, v.v... nghĩa đồng, cũng đồng với trong nhân có quả, v.v..., cho nên nay văn kia đây xen dùng, như chấp trong bùn có bình, cũng gọi là có, cũng được trong nhân có quả, cũng gọi là tự chấp, câu đầu đã vậy, các câu khác cũng vậy, cho nên nay văn y cứ tự, v.v... có bốn pháp mà vì đó phá lập, đã biết bốn câu tự, v.v... nhánh gốc, còn hai bốn câu y theo đây nên biết, vì sao tự tha là chung các gốc, do tự tha hợp nên được có cộng, do phá cộng nên cố lập không nhân, nên biết tự tha là gốc chung. Kế dẫn ngài Long Thọ để chứng minh, nhưng rộng phá tự tha, cộng sinh đã dùng tự tha làm gốc, hoặc phá cộng sinh cho nên chỉ nói hoặc nói cộng sinh, đều có hai lỗi tự tha, cho nên không thể còn chấp tự tha, không nhân đã dùng cộng sinh làm gốc, hoặc phá không nhân cho nên chỉ nói từ nhân duyên sinh cũng không tự thể, huống chi lại không nhân duyên mà có sinh, cho nên chỉ nói không nhân thì không thể, phải biết đơn có bốn chỉ phá tự tha, cộng không nhân chấp, tùy theo ví dụ mà phá, gốc đổ nhánh gãy tức là ý nầy. Nay Đại thừa, Tiểu thừa, kế sau dùng Phật pháp ví dụ giải thích, trong ngoài tuy khác, nhánh gốc nghĩa đồng, nếu muốn bẻ phá, chỉ phá cội gốc thì cành nhánh tự gãy, đây chỉ nêu chung bày ví dụ, kế nếu ba tạng sau y theo giáo giải thích tướng, ở trong đó trước nói Tạng thông; kế nói Biệt Viên. Ban đầu trong Tạng Thông trước nói hai giáo.

Kế phán xét tự tha trong ngoài giới khác nhau, hoặc Thông giáo nói, bốn giáo đều có nghĩa bốn tánh, hoặc Biệt giáo nói, như quyển ba tức dùng bốn câu đều so sánh một giáo. Ba tạng là tự cho đến Viên giáo dùng làm không nhân, nay trong văn nầy lại chẳng phải Thông giáo Biệt giáo, tức dùng hai câu trong bốn câu y theo nhánh gốc mà nói, nên dùng bốn giáo so sánh nội giới ngoại giới tự tha căn bản, nếu phá cội gốc thì ngoại nội giới phá, cộng và không nhân ví dụ cũng nên biết, nên nêu ra các văn trước sau, không nêu ra ba ý nầy, nhưng biết so sánh tuy tức khác nhau, ý của tên sau đều có lýdo.

Kế giải thích Biệt Viên trước chánh giải thích; kế phán xét vua quan, nói mạnh yếu, v.v... Quân: Có thể dùng lý thiên hạ, cũng tôn trọng. Tức là giáo chủ có thể lý muôn cơ. Thần: Là trợ giúp, là sau.

Nay nói xen có mạnh yếu: Tạng giáo, Biệt giáo phương tiện trong đạo chủ chưa có công nên nói quân mạnh, chủ đã không công, công quy về thần, nên nói thần mạnh, hai giáo Thông Viên cùng diệt đều do pháp tánh, pháp tánh là quân nên nói quân mạnh, sinh và diệt chẳng liên quan đến phương tiện, phương tiện là thần, nên nói thần yếu, trong đây lại phán xét hai giáo Biệt Viên, trước cho rằng: Biệt giáo, người Biệt giáo nói sinh cũng diệt, đã do Lê-da và duyên khởi tu trí, duyên tu Lê-da đã chẳng phải chánh chủ, gọi là thần, tuy chẳng phải chánh chủ sinh diệt do họ, nên nói thần mạnh, chân tức là quân khởi không do chân, nên nói quân yếu, nay tức người Viên giáo cho rằng mê ngộ do lý không liên quan đến Lê-gia và duyên tu trí, nên nói thần yếu, sinh diệt do chân nên nói quân mạnh, nói có hai là hai giáo Tạng, Thông, tuy không thấy trung do chân làm quân, ba tạng sinh diệt đã không do chân, nên nói thần mạnh, Thông giáo quân mạnh so sánh Viên giáo rất dễ thấy. Quân thần mạnh yếu tuy như vậy, phán xét tánh tự tha y thì hơi có kết quả, do nội giới, ngoại giới đối hoặc đối chân tự tha ngược lại, nên khiến sở đối tự tha xen nhau.

Kế từ phàm phu do nghe ở sau nói lược nhiều ít; kế nói phát khác đã phục, kết sinh trước sau như văn; kế hạnh là ở sau là chánh nói kiến phát, tuy nói nhân nghe phải có thiền định, thiền định chưa thể phát kiến, ở sau thiền nầy lại nhờ chút ít lực nghe, nên nói do nghe, chẳng phải hoàn toàn tín tâm được làm nhân nghe, vì trong tán tâm không phát nghĩa kiến, ban đầu bên ngoài trong ngoài nói còn ba pháp cũng giống như vậy, theo ba tổ ban đầu chỉ nói còn hai, y nhập Đại thừa nên nói còn ba.

Kế phụ trong Phật pháp nên đủ nêu hai người văn chỉ nêu bày một, cái gọi là, v.v... là thủ Phương Quảng, quyển năm không thể nói là pháp Độc Tử, cho đến huyễn hóa là pháp Phương Quảng; kế nói Phật pháp, trước là Tiểu thừa; kế Đại thừa; trong Đại thừa ban đầu là nói phát, tuy phát kiến giải nầy ở sau phán xét thể tánh của kiến, kiến nầy tuy nương môn Đại thừa phát, kiến sinh chấp sâu dày, không thành phương tiện nhập đạo Đại thừa, nên nói chẳng phải Đại phương tiện, nên biết kiến nầy chẳng phải là môn Đại thừa ba giáo hiền vị, cũng lại không vào trong ngoài phàm phu ba tạng, nên nói không vào trong Tiểu Hiền.

Ở Chấn Đán (Trung Hoa) có hai thứ phước:

1- Không có La-sát.

2- Không có ngoại đạo.

Dù cho cõi nầy có được thần thông ngoại đạo, xứ đây đạo tục ai không quy về. Như thời Diêu Tần có ngoại đạo Thiên-trúc, đến xứ nầy, dung mạo đáng sợ, mắt sáng chiếu xa. Vua Diêu thấy thỉnh cầu thử.

Vua hỏi ngài La-thập

Ngài La-thập nói: Sợ cõi nầy không người có khả năng sánh với ngoại đạo.

Rồi lại nói: Ở trong chúng nầy Dung Công ứng đáp được, rồi ra lệnh đến hỏi, Dung Công nhận lệnh nầy, bèn ra lệnh vua Diêu mời thầy trò ngoại đạo nầy, bảy ngày vào trong cúng dường, Dung Công trộm đọc sách ngoại đạo trong bảy ngày nghiên cứu tông chỉ, liền định ngày luận nghị, vừa lên tòa luận nghị, Dung Công trước nêu bày tông ấy mà phá rộng.

Kế dẫn kinh sách cõi nầy để hỏi ngoại đạo, ngoại đạo không nói.

Ngài La-thập chế giễu nói: Ông không nghe biển học Đại tần mà muốn dùng miệng muốn múc đổ hay sao?

Cho nên ngoại đạo trở về Thiên-trúc, dù cho lúc này không phá được tông ngoại đạo, thì tông học cõi nầy đều bị hoại. Suy nghiệm mà biết đất nầy có phước mà không thọ tà.

Lài ngoài tông phương Tây và kinh luận Đại thừa có chép, cõi nầy đều am hiểu, nên ngoại tông xứ ấy phân nhiều không dám đến (ngoại tông là ngoại đạo).

Kế nương nầy để nói về ngoại đạo, xứ nầy đã không có tông chấp ngoại đạo, vội đem Trang lão để ví dụ Vệ-đà.

Kế kết số: Một thứ có ba y theo người mà thành bảy hợp thành hai mươi mốt, theo nhập Đại thừa cũng nên cộng chung có hai mươi tám người.

Kế nương Phật pháp khác nhau, chặng giữa ban đầu tiểu, kế Đại,

Ban đầu nói: Thông tuệ tự tại, thông là thần thông, "tuệ" là Trí Nhất thiết, ở sau thông Vệ-đà, v.v... Ca-tỳ-la chấp còn trộm đọc ba tạng và Đại thừa, nay người tin họ đã dẫn kinh luận, nghĩa là có nương, không tìm nguồn tông thật rất sai lầm.

Kế nói riêng trong khác nhau; ban đầu trong trí Nhất thiết nói về luận Lực. Trong Đại luận nói: Có ngoại đạo tên là Luận Lực, tự cho mình luận nghị không ai bằng, v.v... lực ấy rất lớn nên nói luận lực, thọ năm trăm lê xương mộ soạn năm trăm vấn nạn, đến vặn hỏi Đức Thế tôn, đến chỗ Phật hỏi Phật rằng: Có một đạo rốt ráo hay nhiều đạo rốt ráo.

Đức Phật nói: Chỉ có một đạo rốt ráo, Luận Lực nói: Các sư chúng ta nói có đạo rốt ráo, do trong ngoại đạo mỗi tự cho là hủy bỏ pháp người khác phải quấy lẫn nhau nên có nhiều đạo. Đức Thế tôn lúc ấy đã hóa Lộc Đầu thành quả Vô học, đứng ở bên Phật.

Đức Phật hỏi Luận Lực, chúng nhiều Trung đạo ai là bậc nhất?

Luận Lực nói: Lộc Đầu là bậc nhất.

Phật nói: Nếu Lộc Đầu là bậc nhất vì sao bỏ đạo làm đệ tử ta vào trong đạo của ta?

Luận Lực thấy mình hổ thẹn cúi đầu quy y nhập đạo, trong thần thông dẫn Đại luận nói các chỗ sở nhân, như trong cảnh thiền căn bổn Cửu địa, đều có thông dụng, do các ngoại đạo không được Đặc thắng, y nhân địa dụng thông thì rộng, chẳng phải chỗ sở nhân dụng thông thì hẹp, Cửu địa lần lượt chuyển nhanh thành mạnh yếu, đây thì Tứ thiền dùng phán xét mạnh yếu, cho đến tà trong Phật pháp hoặc Đặc thắng, chỉ phát nhẹ khởi thân thông, đủ như trong quyển chín phân biệt. Trong Vệ-đà nói "Trị gia tế thế, v.v..., như sách của Không Khâu nói Cơ Đán kinh tạ Ba hoàng Ngũ đế lấy hiểu để trị gia, lấy trung để trị nước, giúp nước lợi dân, nên nói tế thế, kết trong hội trước nêu bày ý.

Kế như Ca-la ở sau nêu ra pháp tướng; kế chánh chỉ bày, nói suy nghiệm, do nguyên thỉ, v.v...

Hỏi: Trí Nhất thiết nhờ đâu mà được, quán sở chấp ấy có từ tông nào, nên nói nguyên thỉ, quán chỗ dẫn ấy làm chứng cái gì? Do nầy mà suy biết nơi quy thú nên nói suy xét quy về tông, lại dùng cựu hoặc tân hoặc so sánh thì chánh và tà rõ ràng nên biết đỗ đậu, trong đục tự phân, như đậu lúc khác nhau mỗi thấy khác nhau như trong đục có khác, nên nói rằng khác thứ ý nào ở sau kết trách tà chánh, đã dùng hòa trộn, v.v..., tà chánh cũng tư không phân, làm sao phân biệt đại khác tiểu được? "Bạt" nghĩa là phân biệt ra không để lẫn lộn giống nhau.

Kế nói lỗi lầm chặng giữa trước giải thích, ban đầu y theo xứ nầy, nói cùng khắp chánh giải thích ba huyền.

Trong Quảng Nhã nói: Mầu đen huyền nghĩa là u tịch, ba huyền nầy tợ u mà không ra ngoài các đạo âm dương.

Ban đầu trong kinh Dịch nói, kinh Dịch phán xét âm dương, v.v... y cứ có minh huyền, như nói Thái cực sinh lưỡng nghi, chia thành trời đất, biến thành âm dương, nên nói sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi đã lập, biến hóa sinh ở trong đó.

Lại nói: trời đất biến hóa năng sinh năng thành, quân thần biến hóa năng an năng lý, nên biết đạo vua tôi cha con không ngoài âm

dương tám quái sáu hào cũng không ngoài âm dương biến hóa, tướng biến hóa dễ sinh lành dữ, lành dữ tuy sinh cùng lý tận tánh, cho đến thiên mạng, nên biết tức là y cứ có minh huyền. Trở lại Chu Dịch chỉ nói về đạo quân tử đế vương, lý bói toán âm dương, nên không ngoài cái có. Lão Tử lấy mềm yếu mà bỏ cái to lớn. Như nói có sinh ở nơi vô, không thể gọi, lại quy về không, như vậy, v.v... đều y theo vô minh huyền, trong thiên Trang Tử tự nhiên làm gốc, như nói mưa làm mây, mây là mưa, cái gì nêu ra nầy đều là tự nhiên. Lại nói hữu vô, nội thiên nói vô ngoại thiên nói hữu. Lại trong nội thiên nghĩa Huyền cực, đều nói hữu vô, như nói phàm không hình nên không ở đâu mà không có hình, không có vật nên không đâu là không có vật, không có vật là có thể của vật vật, không hình là có thể của hình hình, nên hình hình, vật vật là chẳng phải hình chẳng phải vật. Phàm chẳng phải hình chẳng phải vật, là cầu ở hình vật, không phải lầm hoặc ư? Do nầy mà nói tuy có nói song phi, cũng tợ bốn câu mà phần nhiều ở không có hình mà có hình, v.v... tức là hữu vô.

Lại nói: Hữu tín hữu tình, vô vi vô hình, như đây, v.v... ví dụ tướng ấy chẳng phải một, nên biết nhiều là y theo hữu vô minh huyền. Lễ chế ở sau nói phá quả mà không phá nhân, thừa nhận có vệ thân an quốc, v.v... là không phá nhân, nhưng lập đức ở sau giải thích không phá nhân, chỉ lập đức vệ thân mà không nói chiêu báo, tức là cũng không, đời sau khánh lưu tức là cũng có.

Kế bác bỏ hình tướng chặng giữa ban đầu bác bỏ hành lành, ở chặng giữa, ban đầu như nói ở sau nói hành tướng.

Kế được có ở sau bác bỏ, bác bỏ chặng giữa ban đầu phán xét thuộc về Sơ thiền; kế dùng tiểu Niết-bàn để vặn hỏi.

Lại pháp ở sau Đại Niết-bàn để nạn, nói diệu nầy, v.v... tức do diệu nầy điệu các dục nầy, chỉ có diệu không dục là dục đều diệu, diệu không thật có, nên nói đều không. Diệu là Niết-bàn, dục là cõi ràng buộc, nên chứng chân là dục diệu được không, không được nêu bày nói thuyết liễu nghĩa, dù là tích Bồ-tát ở trong giáo ấy, chưa được hiển bày, nói giáo chủ ấy tức là đại quyền. Người đời thường nói: Khổng Tử là Bồ-tát Nho Đồng, nên ba giáo khác đường mà đồng quy về.

Đây y theo giải thích giáo khai tích mà nói, mới có lời nầy, hoặc khai hay chưa khai, giáo hoàn toàn là tục, chỉ duyên giáo pháp cũng là pháp lậu thế gian, cho nên giáo chủ chưa được nêu bày gọi là khác đường, nhưng dứt ở sau kết hành tướng.

Bí là hiểm, siểm nịnh hư không; kế nói vô ký chặng giữa trước nói

hành tướng; kế bác bỏ, như văn. Nói hạnh ác chặng giữa, ban đầu nói hành tướng lược bác bỏ; kế dẫn ví dụ, nói như Trang Chu bác bỏ nhân nghĩa, v.v... Trang là Khổng Tử là nhân nghĩa giặc, do hạnh nhân nghĩa tuy phòng tiểu trộm, không muốn đại trộm. Đại trộm nghĩa là hết nhân nghĩa dùng mưu quyền nước. Chữ kiệt chẳng phải nên làm chữ yết là dáng mạo nêu cao, như dựng trống mà cầu trốn con, có thể được hay sao? Vong là đào. Đội trống mà đánh để cầu trốn là chưa được. Nghĩa là Khổng Tử đội nhân nghĩa mà cầu tự nhiên, chưa thể được, cốt yếu về sau kết bác bỏ, bác bỏ Khổng Tử mang nhân nghĩa làm ác, không muốn Trang Chu mang tự nhiên mà làm ác.

Kế nói phương Tây; ban đầu nêu ý; kế vì dụ ngoại chấp làm ba là phá nhân chẳng phá quả, không nói về nhân gọi là phá nhân, vẫn còn hiện quả gọi là không phá quả, lập hiện nhân nên gọi là không phá nhân, không nói đương quả gọi là phá quả, thứ hai phá chung tất cả pháp, vãng nhân hiện quả, hiện nhân đương quả, đều phá rằng: Vô cớ mà nói đều phá, nhưng không thể phá ba pháp vô vi, gọi là không phá tất cả pháp. Do ngoại đạo lập hư không là thường, hoặc trạch diệt phi trạch diệt, trong pháp ngoại đạo vốn không có hai pháp nầy, vẫn còn không phá nên nói không phá tất cả pháp, hoặc lại không thừa nhận lập ba pháp vô vi, gọi là phá nhân quả và tất cả pháp thứ ba ngoại đạo đâu có khác Phật pháp. Do thứ ba sư vặn hỏi Phật pháp, Phật pháp cũng phá nhân quả thế gian, như dứt ba cõi tất cả kiến ái, cũng phá ba pháp vô vi là sao? Vì thường diệt duyên xứ còn chẳng phải chân, nhưng diệt do đây mà hội ở chân chứng vị chẳng phải số cũng giống như vậy, hai pháp nầy chẳng phải so sánh lại còn một, nên biết Phật pháp cũng phá nhân quả và ba món vô vi. Lại Đại thừa cũng phá nhân quả Tiểu thừa và ba món vô vi, phải biết thứ ba không khác Phật pháp.

Trong Đại luận chép: Đáp tà chánh khác nhau trong chánh pháp của ta tuy thể phân tích khác nhau đều là chánh pháp, ngoại đạo cũng có ở sau lặp lại gạn, ngoại đạo tà nhân duyên ở sau lặp lại đáp, tà chánh đã riêng thể, phân tích khác nhau, có người ở sau lại nêu ra nạn khác.

Người khác nói: Ngoại đạo chỉ nói phá nhân phá quả chỉ là phân tích, không gọi là thể, phải biết ngoại đạo chỉ có phân tích là thể, nay nói bỏ chánh giải thích, phá ngữ ý gồm chung ở thể phân tích hoặc tà hoặc chánh đều có phá danh, như trong Phật pháp Đại thừa gọi là Thể, trước sau Trung luận Đại Thừa đều phá, đâu có dùng tên mà phá chẳng phải thể ư? Nên biết phá danh gồm ở thể tích, cho nên chỉ nương theo Đại luận nhân duyên tà chánh, để phán xét đại tiểu và tà chánh, v.v...

Kế nói hành tướng, có ba:

Ban đầu giải thích hạnh ác, trước nêu để so sánh nói chân quán vô nhân, v.v... bậc xuất thế quán ở vô lậu chân không, cũng không khởi ở các điều thiện hữu lậu, huống chi gây ra ba đường ác hữu lậu, nên biết làm ác chẳng phải bậc xuất thế, khởi không ở sau nói không kiến là hoặc sở y, đồng ngã ở sau chánh giải thích ba pháp chấp không.

Ban đầu trong trí Nhất thiết; ban đầu nói không kiến sinh tử, nói người chẳng biết không, kiến tha tất cả không giải không nhân, mạn tha như đất.

Kế dẫn sáu vị giáo chủ ngoại đạo làm ví dụ, nói hoặc có hổ thẹn, v.v... ở đây chỉ cho sáu tông Ca-la-cưu-đà, đủ như trước đã nói lén thái thịt, v.v... Là người không hổ thẹn đem lưng tượng gỗ dùng thái cá đem kinh luận của Phật để dán làm bình phong.

Khi trời sấm sét mà tiểu trong giếng, nhân quả Phật pháp cách đời mới hiện, chẳng lẽ dùng quả báo hiện tại, vị lai mà nói vô ngại.

Kế tư hạnh ở sau phân tích lời; kế là thẳng phát ở sau nói thần thông, chấp không đã thạnh nhưng thành ba pháp quỷ thông, v.v..., lại rộng tìm ở sau nói Vi-đà do Vi-đà thấy rộng phá ở tha, “nhai” là khuyển trù, “sài” là răng không ngay. “Hào” là chó giận, “phệ” là tiếng chó, bao gồm lược giải thích nghi sử.

Kế nói hóa tha, cũng có ba pháp khác nhau, từ ác khuyên thiện, đã cho ác là thật dùng thiện làm quyền, văn sau tự hành thiện, tự hành vô úy, lại dùng thiện và vô ký, cho đó là thật còn bao nhiêu thì làm quyền.

Kế nói nội tà, trước tiểu kế đại, văn đầu trước nêu môn tướng; kế nói bốn môn hành tướng:

Ban đầu nói hữu môn trong tự hạnh; ban đầu nói lược ba hạnh, chín mươi trở xuống là dẫn chứng tà môn; kế nói bổn ý chánh pháp; kế bác bỏ người thành lỗi; kế lược ví dụ hóa tha; kế ví dụ có ba; kế đại chặng giữa ban đầu tự hạnh; kế hóa tha; kế bác bỏ lỗi để chung kết, đều như văn, đều quyết chặng giữa ban đầu nêu bốn dụ cho; ban đầu nói hai khóa vàng sắc. Trong Đại luận quyển hai mươi lăm chép: Dụ cho ở ngục tù bị bắt gông cùm, tuy nhờ thả lại càng ràng buộc khóa vàng, người bị ái ràng buộc, như ở ngục tù, tuy được xuất gia lại mặc cấm giới, như bị ràng buộc bởi khóa vàng, nay mượn dụ cho trong ngoài nẩy sinh chấp, ở ngục khóa sắc như chấp ngoài, được thả khóa vàng như nội chấp, vàng sắc tuy khác bị các nghĩa trói buộc. Phật pháp tuy hơn ràng buộc không sai. Ngọc thử hai phát: Phát là ngọc, trịnh trọng ngọc phát,

nếu người có được cùng thân hậu ban cho. Người nhà Chu nghe việc ấy khuyến khích ban cho nồng hậu, phong tục nhà Chu gọi "tử thử" là ngọc phát bèn đem đến nước Trịnh người nước Trịnh cười, người nhà Chu hiểu rồi đáp, người nước Trịnh nói: Người nước Sở có con Phụng hoàng nhưng thật ra là gà rừng, vì Sở vương coi trong Phụng hoàng mà có điều là không biết Phụng hoàng, Vương sở đi đường thấy người gánh gà rừng, hỏi người rằng: Đây là chim gì? Người gánh biết không phải Phụng hoàng bèn nói đùa là Phụng hoàng, người ấy cho là thật lại hỏi có bán không? Người gánh đáp là bán.

Người kia hỏi bao nhiêu tiền?

Đáp: Mười ngàn đồng.

Bèn đem tiền mà mua, đem dâng lên vua rồi liền bị chết. Vương sở nghe việc ấy liền hổ thẹn mà vời đến hỏi, vua cũng cho là thật, bèn cho mười ngàn đồng, nên biết thể sinh uế của Trịnh Chu hằng có khác nhau, không chấp như Trịnh Khởi chấp như Chu, tên đồng mà thể khác, là nghĩa nầy. Có tên ở ba tạng cho đến Viên giáo bốn môn, nghĩa đó như ngọc phát khởi ái như tử thử.

Bò lừa hai thứ sữa. Trong Đại luận quyển hai mươi nói: Các chỗ hoặc có nói tốt cũng từ trong kinh Phật mà ra. Nếu chẳng phải Phật pháp ban đầu nghe dường như tốt, mà nghe lâu thì không hay. Thí như sữa lừa, tuy đồng phê bình chỉ thành phân. Nên ngoại ngữ Phật pháp đồng có nói từ bi không sát sinh, suy cứu cùng tột các điều thật ấy đều quy về luống dối, nay nầy cũng vậy, ngoại chấp tuy có các lời có không, nghiên cứu điều thật kia đều quy luống dối, Đại Tiểu Phật pháp có một trăm mười sáu môn, tuy nói có không, mà chỉ phá tâm chấp tự quy về nẻo chánh nên nói có thành bất thành. Ở ngoài khởi chấp như sữa lừa, các tạng khởi chấp như sữa trâu, tên sữa tuy đồng mà thể thường khác, chấp tên tuy đồng mà sở chấp đều khác, ngoài tuy dứt chấp không mà lý có thể thành các tạng lìa chấp tự vào nẻo chánh, mài luyện nghĩa là quy về bổn tông. Ca-la-trần-đầu, v.v... trong Đại kinh quyển sáu phẩm bốn Y phân biệt trong rộng nói: Này người thiện nam: Như rừng Ta-la cây rừng rất nhiều, chỉ có một gốc cây Trấn-đầu-ca, hai trái giống nhau, là khi quả chín, có một người nữ đều lượm lấy quả Trấn-đầu-ca, chỉ có một phần, quả Ca-la-ca có mười phần, người nữ không biết đem đến chợ, kẻ phàm ngu không biết mua trái Ca-la-ca, ăn rồi chết ngay. Người hiểu biết nghe việc nầy rồi, hỏi người nữ: Ông được quả nầy ở đâu người nữ chỉ bày chỗ mọi người liền nói phương ấy có nhiều cây Ca-la-ca, chỉ có một gốc cây Trấn-đầu-ca, mọi người biết rồi cười mà bỏ đi.

Trong kinh dụ cho Tăng lẫn lộn chúng ác chúng thanh tịnh, nay mượn để dụ cho nội kiến ngoại kiến, hai kiến tên đồng có hại hay không hại, như ngoại kiến phát nói không nhân quả, quy về tà không, hoặc trong chấp khởi, cũng chấp đại tiểu kinh luận giải thích.

Hại là tổn gốc lành ấy; kế rộng bác bỏ chặng giữa ban đầu y theo thần ngã để bác bỏ đều chấp ở sau gồm bác bỏ phi đế, tự cho rằng ở sau, bác bỏ có khổ tập mà không có đạo diệt, tự nói ở sau bác bỏ chẳng phải chánh giải, tuy khởi ở sau nhưng y theo nguyện hạnh bác bỏ.

Kế y theo ba pháp để bác bỏ. Căn bản biến hóa y theo mười bốn món biến hóa căn bản, đó gọi là Sơ thiền Sơ thiền hóa, Sơ thiền cõi dục hóa, nhị thiền ba biến hóa, ba thiền tứ biến hóa, tứ thiền ngũ biến hóa. Trên có thể bao gồm dưới, thông thành mười bốn món biến hóa khác nhau.

Mười tám món biến, cùng thuộc về thần thông:

1- Hông phải ra nước.

2- Hông trái ra lửa.

3- Bên trái ra nước.

4- Bên phải ra lửa.

Trên dưới thân ra nước lửa là bốn, và trước là tám, chín lần nước như đất, mười lần đất như nước.

11- Từ hư không chìm mà lại hiện đất.

12- Đất chìm mà hiện hư không.

Hư không đi đứng ngồi nằm thành bốn.

17- Hoặc hiện thân lớn đầy trong hư không.

18- Đại lại hiện Tiểu.

Phàm như ý thông đều gọi là biến hóa. Lại trong kinh Thụy Ứng Đức Phật vì ngài Ca-diếp hiện mười tám món biến hóa, cũng là tướng như ý thông đã đọc Vi-đà đến phi pháp giới lưu đẳng. Đã là thế trí thì phi pháp giới nhậm vận lưu xuất lực Đà-la-ni Trí, chẳng phải lợi ích không thể nghĩ bàn ba luân hóa. Tuy dứt độn sử ở sau, là y cứ chung tà đạo để phân tích, đã chấp phi tưởng, v.v... dùng làm Niết-bàn, chỉ có thể dứt tám địa hoặc ở sau, nhàm dưới thích trên, cũng như có bước, phi tưởng thọ tận, thuận thọ nghiệp sau dẫn dắt sinh, tùy đạo thọ báo, hai là y theo pháp trong sở y, ban đầu ba pháp ngoài ở sau phân tích lỗi, nầy tuy ở sau khai quyền; kế dẫn để so sánh, nêu hoa lá vô tình còn ngộ là Chi Phật, nên như phát kiến có thể giúp chánh đạo, cho nên kiến phát không cần dứt kiến. Nhưng Bích-chi Phật ở sau so sánh pháp tà chánh sở y khác nhau, hoa lá tuy chẳng phải chánh pháp có thể khiến cho

ngộ lý, ngoại kiến cũng vậy, dù do ngoại kiến khiến nhập chánh pháp. Nhưng sở y kiến thể hoàn toàn là tà, đời mạt pháp người ngu si nghe mật được thấy ý, lại nghe hoa lá là nhân Bích-chi Phật, lại do đã kiến nghĩa là chân thật, cho nên lặp lại bác bỏ nói: Đều do tâm chấp nên pháp chẳng phải chánh, hoặc ba tạng ở sau kế trong nội pháp.

Trước y theo bốn giáo, ban đầu trong ba tạng trước kinh; kế luận dẫn các kinh Diệu Thắng Định, v.v... Trong kinh ấy Phật bảo A-nan: Hai tháng sau ta sẽ diệt độ ở thành Ca-tỳ-la, trong tám mươi năm có nhiều chúng sinh ngồi thiền dưới gốc cây, quán trừ nhập xả, mười ức chúng sinh có chín ức người đắc Tứ quả, lúc hai trăm năm mươi ức chúng sinh có mười ức người đắc Tứ quả, ba trăm năm sau, năm trăm năm trước các đệ tử ta lần lần làm việc ác, có tâm ganh ghét tà mạng tự sống, năm trăm ức người làm Sa-môn, một ức người đắc quả Sa-môn, năm trăm năm sau các đệ tử ta mặc y phục thế tục, nuôi chứa mèo chồn lừa ngựa, cất giữ lúa gạo, tự làm tự ăn nuôi dưỡng tôi tớ, phải biết lúc bấy giờ có mười muôn ức người xuất gia, thì một muôn người quả sinh mạng, tám trăm năm sau ngàn năm trước, có ức ức người xuất gia làm Sa-môn, thì có trăm người đắc tứ quả Sa-môn. Nay ban đầu nêu một trăm tức tám mươi năm, gồm nêu số lớn nên nói trăm năm. Nên biết cách Phật quá xa căn cơ người ám độn đắc đạo càng ít, hoặc dùng tâm chấp nghe pháp không chấp, cũng được khởi chấp, như Bích-chi-phật dùng tâm không chấp duyên vào hoa lá cũng được ngộ ở quả không chấp, phải biết ở sau kết ý. Thí như ở sau phân tích y pháp khởi chấp. Tri môn ở sau hợp, mau chóng nêu ra khuyên tấn.

Lại nữa ở sau phân tích người năng chấp có lỗi thiếu hạnh, sơ quán như văn, thí như nói đứng lâu ở cửa thành, v.v... Chánh pháp đều làm thành, giáo thông pháp nói môn, tướng bốn môn có tinh thô khéo vụng, v.v... lẫn nhau Khéo vụng chỉ là lặp lại nói tinh thô, do vì tâm chấp nên tập chép môn nhiều năm mới thành, khi tu tập nghĩa đệ nhất đế, đời này chẳng trông mong, nói Nam là Bắc phi, lược nêu hai môn, tức là bốn môn xen phải quấy, không thể nhập đạo, người chấp ở sau hợp. “Môi” là chủ của hòa hợp. “Diễn” là mua thân kia, nay do tự thân làm chủ lỗi lầm chấp ấy, tự mai mối tự khoe khoang để cầu hiển đạt, giảng nói mai mối khoe khoang nên nói tự đánh trống lớn, các chỗ tự cao nên nói: Dựng cờ ngã mạn. Trong Phương Đẳng hỏi Kiều, v.v... là dụ cho nhiễu lỗi, trong kinh Phương Đẳng Đà-la-ni quyển ba nói: thuở xưa Ta làm một cư sĩ có tánh kiêu mạn không cầu kinh điển xuất thế.

Có một vị Tỳ-kheo đến chỗ ta, theo ta cầu giúp những đồ cho bản

thân, bấy giờ ta hỏi Sa-môn Thích Tử ông từ đâu đến? Cầu xin việc gì? Họ gì? Học luật gì? Tu tập kinh điển nào? Trong ba nghiệp thường cầu nghiệp gì? Như vậy thứ lớp hỏi không cùng, bị bệnh liền chết, cho nên lúc bố thí, không cần phân biệt, không lựa chọn thượng hạ, lại ta thuở xưa làm một Tỳ-kheo, bấy giờ có cư sĩ lập hội đại thí, cúng thí tất cả Sa-môn Bà-la-môn nghèo cùng hạ tiện, những việc cần dùng châu báu, y phục, uống ăn. Bấy giờ ta nghèo cùng nên đến hội, đi đến giữa đường thấy một cây cầu lớn, ở trên cầu đó thấy có rất nhiều người bỗng đi đến. Bấy giờ trong các người có một người hiểu biết, Ta dùng ý ngu hỏi người ấy rằng: Cầu nầy do người nào làm, sông nầy từ đâu đến? Nay đi đến chỗ nào? Cây nầy mọc ở rừng nào? Người nào chặt? Voi nào chở? Cây đây là thông xanh hay thông trắng? Như vậy thứ lớp lập bảy ngàn tám trăm câu hỏi rồi.

Lúc bấy giờ Trí giả liền nói với ta rằng: Ôi! Sa-môn ngu si, cư sĩ thỉnh ông đi đường sông đến nơi hội được vừa ý, nay ông hỏi các việc như vậy, không có lợi cho thân. Ôi! Sa-môn ngu si, nay hãy đi mau, lại phải bảo ông. Bấy giờ ta nghe việc nầy liền đến hội thí, ăn xong rửa hết tài vật không còn, thấy rồi áo não kết hận kêu gào, vì sao phải khổ?

Lại lên trên cầu thấy người trí đến.

Người trí hỏi: Ông bị tiều tụy có điều gì không tốt ư?

Ta đáp: Tôi hỏi những lời vô ích, khiến cho ta quả thật không gặp ăn uống tài vật.

Người trí nói với ta rằng: Hễ làm Sa-môn đối với thân không có lợi ích lẽ ra không nên hỏi, nên quán các pháp có lợi cho bản thân phải nên hỏi, nên quán các pháp có lợi cho bản thân phải nên hỏi thế nào là lợi, nghĩa là không khen ngợi mình, không chê bai người quán pháp bình đẳng, tự đã lợi mình lại có thể lợi người. Lúc nầy có chín mươi ức các cõi trời Đao-lợi, nghe Trí giả nói liền phát tâm Bồ-đề. Cho nên phải biết bốn môn chánh pháp đều có thể nhập đạo, nhưng đối với một môn vì mình sở nhập, ba môn chẳng phải đúng cũng chẳng phải lợi mình, huống chi là pháp hữu lậu thế gian, người cũng ở sau hợp, lão không có ba vị là Đại kinh quyển mười một nói: Thí như cây mía đã bị chán bỏ, cặn lại không có vị, tráng niên đầy đủ sắc đã già, không có ba thứ vị.

1- Xuất gia.

2- Đọc tụng.

3- Ngồi thiền.

Kế trong Thông giáo, trước phán xét đồng khác, có pháp dụ cho hợp, thiền môn gặp hoa, v.v... không có giả quán ở các khổ vô thường,

trải qua quán lý nên gọi là Trực, khéo vụng dụ cho như hai y trước. Hoa: Nghĩa là hoa chỉnh, quán huyễn không, v.v... khác nhau phân tích có cái vụng của lông rùa, Biệt Viên đối nhau cũng giống như vậy.

Thiên môn là hoàn thành chánh môn, các môn là Thiên môn. Hai giáo trước thấy Chân đế vương, hai giáo sau thấy Trung đạo vương, như trong Pháp Hoa Huyền, thì do chân đế như thấy sứ quân. Lại nữa, ở sau y môn khởi chấp, có pháp hợp dụ cho, lợi căn ở sau than lỗi, trong Biệt Viên ở trước nói đồng khác.

Kế phân tích lỗi, đều như văn, do nầy mà quán ở sau kết khuyên, phải nói trong ngoài, đại tiểu, năng sở, thị phi, khéo vụng, cong thẳng rất dễ biết ở đây. Như người mắt sáng tự hiểu trong đục.

Trong đục: Là các giáo, các môn có chấp, không chấp xoay vần hình tướng.

Kế nói lý do khởi chấp; ban đầu Thông giáo nêu đầu số, nói năm lần, bao gồm dùng ngoại chấp và Độc Tử, v.v... làm một lần tà tông, bốn giáo thành bốn, nói Quảng Luận vô lượng, như chín thiền trên mỗi địa trong thiền đều có thể phá một trăm bốn mươi, lại do thiền phát thành một trăm bốn mươi, nầy thì vô lượng hai trăm tám mươi, bởi ở sau phán xét sở nhân Thông Biệt phát pháp khác nhau.

Nói tu chung chỉ quán: Lại quán cảnh ấm nhập, khi không tu chỉ quán thể một, hễ có sở phát thì có sở y, nên thấy có tuệ tánh, phát phải nương theo quán, thiền là định tánh, phát phải nương dừng.

Kế phán xét pháp khó dễ chặng giữa ban đầu; kế dụ cho, như người lâu phân biệt, v.v... gọi là Trí Nhất thiết, trí thì khó quên, diện như thông, v.v... nên sự dễ quên hoặc đời trước ở sau nói tà chánh, có quỷ duyên, v.v... phát tâm tà tịch qua lại với quỷ, gọi là quỷ duyên, cho nên đời nay quỷ thêm thì sẽ phát quỷ thần thông, Thánh gia cũng vậy, nên lấy đó so sánh để biết.

Lại nữa trước chưa biết ở sau, nói thấy ý cảnh pháp đầu; kế là thí dụ.

Pháp đầu: Sợ không biết tùy theo kiến tạo làm hoặc dứt nhanh, lỗi ở phương tiện. Như cổ, v.v...: Chữ "cổ" là sự độc, lúa chứa lâu biến thành một bay, khi ăn vào bụng có thể hại người, như vốn bị bệnh trùng, lại bị bệnh thốn bạch, thì không cần trị thốn bạch trước, lại nuôi dưỡng để nuốt bệnh trùng, con trùng ấy thân mầu trắng, dài một tấc, nên nói như vậy, bệnh trùng lành rồi mới trị thốn bạch. Độn sử như trùng kiến như thốn bạch, dưỡng lợi ăn nuốt, mỗi độn hết mới lại trị lợi sử.

Hàn Châu: Là hạt bo bo, dùng gốc làm nước, chảy nhanh thốn

hạch, cũng có thể trị quỷ trùng nên ở sau hợp.

Trước nói lý do; kế chánh hợp. “Lôi”: Âm dương lay động. “Chấn” là sấm sét, nay dùng pháp âm, như sấm sét ấy, mà không có căn cơ độn sử như điếc không nghe. Nếu vào ở sau nói giáo quán khác nhau.

Ban đầu quán kế giáo, văn đầu trước nói ý dưỡng, Tiểu thừa dứt hết gọi là động kiến, Đại thừa đạt kiến tức là đạo phẩm. Lại dưỡng kiến hoặc, do ăn nuốt độn sử như do phá giặc, sau mới đạt kiến tức là đạo phẩm gọi là huân thành, cho nên đạt kiến tức là đạo phẩm, nên nêu dụ cho rằng: Như đối với giặc phá giặc, v.v...

Huân là công, đây là ở sau kiết, do kiến làm thị giả, hễ làm thị giả xuất nhập tùy người, nay do dưỡng kiến như xuất, quán thành như nhập, dưỡng ngoại kiến làm thị giả, ngoại kiến cũng như vậy, huống chi là nội kiến của Phật không làm thị giả hay sao?

Kế trải qua giáo, ba tạng đầu và trong Thông giáo, trước nói thấy cảnh lực lớn giúp đạo; kế dẫn Đại luận, ba ác cũng có đắc đạo, v.v... luận thứ ba giải thích trong giáo thiên nhân. Nói Như lai vì độ chúng sinh trong các đường, cũng sinh ở trong các đường, vì sao là Thiên nhân sư ư? Các đạo ít thiên nhân nhiều, như người trắng nuốt ruồi đen, không gọi là người đen, ba ác như người trắng đắc đạo như con đen, ba ác đắc đạo là do có tuệ, kiến thuộc tuệ tánh nên ngộ đạo rất nhanh, các kinh không nói trong ba đường ác có tuệ tánh, vì ít phước đức sinh thiện không ngộ đạo, bởi không tuệ, nên biết đới kiến đắm chìm, dù đọa ba đường ác nghe pháp dễ ngộ, thắng hơn trời người, như các ở sau dẫn Phật hóa nghi, v.v..., nầy thì nêu chung thô bỉ không có lễ giáo, cũng không hiểu thế ngữ ở nhân gian, huống chi giáo diệu lý xuất thế, cho nên Phật ở đây, v.v... thì chưa xuất thế các thứ ấy cũng có thể cảm Phật, huống chi phương Tây vốn không có từ ngữ cô liêu, chỉ là nêu ở đây để nêu ra. Nay ý văn nêu bốn viễn như trước đã dẫn.

Phân hình, v.v... Đức Phật đã chưa xuất. Là nói Đức Như lai khéo léo cũng dạy kiến ấy, khiến các Bồ-tát trước đồng với kiến ấy làm thầy dẫn dắt, sau chỉ bày thọ phá đều nhập chánh đạo. Pháp Hoa ở sau dẫn chứng quyền nhân trước đồng sau khác, dẫn so sánh như văn, hoặc trước ở sau y theo Biệt Viên giáo dứt, không dứt để phán, nói lỗi đồng ba pháp ngoại đồng, nhưng nói kiến sanh khởi thêm lớn hoặc mới, nói đồng ba pháp ngoại đồng, chẳng phải nói môn sở y Biệt Viên, nói đời trước đã dứt thông hoặc, v.v... hoặc là dứt kiến, hoặc xâm phạm ít suy nghĩ nói đồng Nhị thừa, hoặc kiến tư đều hết cũng sinh ở đây, đã phân dứt kiến tư, phải biết khởi chấp không đồng với phàm hạ, ngoại ngoại

kiến, v.v... cũng dưỡng, huống là chấp Nhị thừa ư? Ngài Tịnh Danh cho đến tấn thối mà giải, v.v... dẫn chứng Nhị thừa không thể một bề danh chấp, khuất phục đồng các chấp là tấn y bổn Nhị thừa là thối, Nhị thừa bị bác bỏ đồng với các chấp, chấp lý bên trong cái không chấp, ngoại chấp cũng cho làm thị giả, huống chi Nhị thừa, hoặc bác bỏ hoặc lấy, chính là nói trầm bổng, cho nên không thể một bề gọi là chấp, đời nay ở sau nói công năng như văn. Nếu làm tông, v.v... so sánh quyết tông đồ, nay chấp cảnh có một trăm bốn mươi tông, lại nương nội môn Phật pháp, cũng có một trăm hai mươi tông, so sánh địa nhiếp các luận, luận ấy chỉ là một môn đương giáo, như trong Trung luận, tuy đủ hai thừa Đại Tiểu quán pháp, xét luận môn ấy, môn thì không đủ, nói tà chánh thấu suốt, v.v... nay nhà sở nói hoặc tà hoặc chánh, tà là chánh, kiến là quán, tà chánh đều có một trăm bốn mươi, như vậy thấu suốt các luận ấy, trong các luận ấy: hơn kém khác nhau nên rất nhiều. Nói về Phật ở sau dẫn Phật hóa làm ví dụ.

Hai thuyết, v.v...: Nghĩa là nhiếp và phân tích, nhiếp nghĩa là dưỡng kiến nghiên cứu tâm, "tình" nghĩa là há không để lại bằng hạt cải, nên dẫn hai kinh để chứng minh phân tích. Trong Đại kinh cầm giữ đạo trượng, v.v...: Thứ ba nói này người thiện nam; người hộ chánh pháp là không thọ năm giới không tu oai nghi, nên cầm đao kiếm cung tên giáo mâu, được Tỳ-kheo thanh tịnh trì giới, trong văn nói rộng: Duyên xưa của Tỳ-kheo Giác Đức ở vào thời quá khứ hoan hỷ sau Đức Như lai diệt độ, Tỳ-kheo nầy nói rộng chín bộ, chế các Tỳ-kheo, không cho phép nuôi tám thứ vật bất tịnh, vì người phá giới cầm nắm đao kiếm bị ép ngặt. Bấy giờ có vua tên Hữu Đức, đến nói pháp cùng pháp giới sinh ra chiến tranh, sau khi chết đi sinh về nước Phật A-súc, Giác Đức cũng đồng sinh về nước ấy mà làm đệ tử Phật Thinh văn. Văn sau lại nói: Hộ pháp Ưu-bà-bít nên cầm đao trượng, ủng hộ Tỳ-kheo giữ giới như vậy, hoặc có người thọ trì năm giới không được gọi là người Đại thừa, không thọ năm giới cầm nắm đao trượng làm hộ chánh pháp, bèn gọi là Đại thừa, cho đến văn sau các văn của vua nước Tiên Dự.

Lại trong Tân Y Cầm Nhũ chép: Nếu có lại làm đầu tiên để dứt, các văn như vậy, đều là người chiết phục phá pháp, tất cả kinh luận không ngoài hai pháp nầy, tâm chấp cũng như vậy, như hai thứ tiến thoái ở trước có giải, cũng là hai nghĩa chiết phục nhiếp thọ. Lại, tất cả Thánh giáo không ngoài bốn món tất, cho nên trong bốn món tất thế giới là người tức ý nhiếp thọ, đối trị tức là ý chiết phục hai thân, lạc châu phá pháp lập pháp hai món phương tiện, các ví dụ như vậy tức hai

nghĩa nầy. Nếu các chấp kế ở sau dùng văn nay phá chấp ví dụ, y cứ nhiều ở sau nói chấp không khởi chung, chỉ có một sự thật, không kiến đã thành cho mình là thật, y theo mỗi kiến ở sau nầy các nhà phân biệt kiến tướng như trên một trăm bốn mươi kiến, mỗi kiến đều làm mười thừa quán pháp, các thứ nói năng khéo léo đều có thể kinh lớn; kế gom thành quán môn, mỗi kiến, v.v... gom lại một trăm bốn mươi kiến, cộng thành một lần mười thừa quán pháp, cũng không thể hết, các kiến ở sau chánh chỉ bày cảnh quán; kế là nói tu quán tự đủ mười pháp, trong cảnh ban đầu là cảnh nghĩ bàn, trước nêu không kiến làm nhân mười cõi; kế dẫn hai luận; kế dẫn cảnh chấp ví dụ cho luận, nay nầy không kiến cũng có hai nghĩa, cũng tợ ý hai luận Thành Thật, Tỳ-đàm. Vì sao Nói chung chỉ là bất thiện, nghĩa đồng với luận Thành Thật, Biệt Luận cũng được gọi là các nhân khởi tâm, tất cả nhân thiện ác khởi, có thể sinh ra, cõi nghĩa đồng với Tỳ-đàm, do không làm ác dứt cõi ba đường, nghĩa đồng luận Thành Thật, do không ở sau chánh chỉ bày mười cõi trong cảnh. Trong địa ngục nói xiển-đề vẫn còn, v.v..., còn có cái thiện thương vợ yêu con, khác nhau với chấp không nghịch cha ngã mạn mẹ, nên biết chấp không, chẳng bằng xiển-đề, cũng không bằng cực ác xiển-đề, so sánh Đại kinh nói chung một "xiển", gọi là tin "đề" gọi là không đủ, v.v... san tham phá trái, v.v... nhân không có tịnh mạng quả thời ăn dơ, nhân là phá trai, quả thường đói khát.

Kế trong cõi Thinh văn; ban đầu gồm phân tích chấp không nói thật ra không biết, v.v... Là trước nêu không biết, để hiển bày ở thức, phàm phu đối với kiến thêm nhiều trôi lăn, chẳng những không biết hai đế đạo diệt, cũng chính là không biết hai đế khổ tập. Vì sao ở sau giải thích tướng bốn đế.

Văn đầu trước nói khổ đế, năm ấm đầy đủ nên gọi là khổ; văn đầu là sắc, nạp thọ là thọ, chấp không là tưởng, duyên không khởi hạnh là hạnh, phân biệt không tâm là thức; kế từ không kiến là các chỗ sân ở sau, là tập đế trước nói ngã độn, ngã độn thiếu si nên nói bất liễu không thấy nhân quả gọi là si.

Kế nói năm lợi, chẳng phải các giới gà chó, phân biệt lấy giới khác nhau, nghĩa là không hành đạo đâu đồng với nuốt phân; kế kết thành tám mươi tám sử chứa mê ở sau nêu lỗi khuyên biết; kế trong văn đạo đế có bốn niệm làm bốn

Ban đầu thân niệm, như văn; kế trong văn thọ niệm, nói thọ câu thứ hai, y theo Đại Phẩm thọ có bốn câu, nghĩa là thọ, bất thọ, vừa thọ vừa không thọ, không thọ chẳng phải không thọ, đã thọ không thọ tức

là thọ câu thứ hai trong bốn câu, nhưng các câu ở sau gồm nói niệm xứ, từ siêng năng phá ở sau nói lược các phẩm, Tiểu thừa cũng được y cứ chung quán hạnh mà nói đạo phẩm, như trong đầu quyển bảy, sinh nhau tương nhiếp nhau các văn nầy. Trong Diệt đế trước diệt năm độn; kế diệt năm lợi; kế diệt tám mươi tám sử; kế diệt quả phược, hoặc ở sau kết thành công năng.

Nói đơn phức, v.v... kiến nầy nếu phá, trong quyển năm nói các kiến đều phá, trong băn Duyên giác. Ban đầu nói lược mười hai chi diệt, nói xong nên không tạo cái mới, do không tạo năng sử mới nên xong. Nếu tạo mới là mới trở lại làm. Trong luận chép: Làm sao Thinh văn quán mười hai duyên cho đến bất tương ưng, v.v... Trong luận ấy quán mười hai duyên.

Văn đầu lập lời hỏi là hỏi mười hai nhân duyên đến trong văn đáp, tức đáp sáu mươi hai kiếp. Vì sao hỏi đáp e là bất tương ưng.

"Dài" là lẫn lộn, ý hỏi đây là hỏi luận văn ấy đầu luận văn là phẩm mười hai nhân duyên, và văn sau phẩm quán nhân duyên, đều chỉ nói, như trong Tỳ-đàm có nói rộng, nói rộng có sáu mươi hai kiến, nên phẩm tà kiến, thuộc quán nhân duyên, nhất vãng quán tợ bất tương ưng, cho nên hỏi ra để cho biết không phân biệt, nay nói chỉ đây là đáp, chánh dùng tà kiến để đáp quán nhân duyên, chẳng phải bất tương ưng, tức phá ba đời hai đời đều là tà kiến, nên ngài Tịnh Danh nói: Thâm nhập duyên khởi dứt các tà kiến, cho nên nhân duyên quán chính vì phá tà, nên chẳng phải bất tương ưng. Lại quán sát ma kiến. Chánh khởi quán mười hai duyên, trước nói mười hai duyên sinh; ban đầu suy hiện ba nhân. Trong Hữu Chi nói có khả năng bao gồm quả, v.v... lại y theo các thuyết sơ A-tỳ-la, cũng nên y cứ khắp nương gá Phật pháp, cho đến Phật pháp có mười sáu môn tùy theo sở chấp đều là Hữu chi; kế suy hiện năm quả; kế suy vãng hai nhân, vô minh ở sau suy vãng đến hiện, hoặc biết ở sau suy diệt; ban đầu nói diệt mười hai chi, kế ví dụ diệt các chấp, hoặc ở sau nói được mất, trước là được; kế là mất. "Tỷ cách": Là không có quán hạnh sâu, chỉ có chỉ tâm tỷ cách, nhân quán nầy nên phát đắc không kiến, người nầy còn không biết chân đế tu Tiểu thừa, đâu có năng quán đối với tâm không kiến khiến thành cảnh diệu, nhưng tùy theo chấp chuyển rơi vào lưới chấp, Pháp sư tán tâm nên không nói.

Quán chứng, v.v... Trong sách Nhĩ Nhã chép: Rùa có mười loại:

1. Thần, tối thần minh.

2. Linh, liên nó như đồi mồi có thể bói.

3. Nhiếp, dưới bụng ăn rắn.
4. Báu.
5. Văn, mai nó có văn đội bản đồ sông.
6. Phệ, ở dưới thi tông.
7. Núi.
8. Đầm.
9. Sông.
10. Lửa, cũng như hỏa thử, nên biết nhiếp núi, sông, đầm, v.v... đều phàm quy. Ám chứng không có trí cũng như phàm trí, tán tâm không rõ cũng như manh phệ, nên biết tán tâm, cũng tự không thể khéo phân biệt tướng trạng kiến không và không sở khởi khổ tập vô minh, đâu luận phát đắc, nên nói lỗ phệ. Lỗ là Đã. Trong giới Bồ-tát chặng giữa, ban đầu ba tụng văn, do ánh sáng khởi thệ, "thệ" tức nguyện. Đã biết không kiến đế duyên, tức biết bệnh biết thuốc, biết khổ tập là biết bệnh, biết đạo diệt là biết thuốc, nhân duyên sáu độ y theo đây nên biết, tuy tự ưa biết thuốc thương người bị bệnh. Nhưng phải nhập Tam-muội tu tập khiến cho biết. Đã biết không kiến đế duyên: Lập cảnh sở quán của người Nhị thừa ở trước, dùng làm lý do khởi thệ, tức do nầy dùng làm cảnh thệ. Kế là nói Bốn đế cảnh thệ, như một không kiến, v.v... ở sau, chánh y cứ không kiến mà khởi hoằng thệ, văn tự chia làm bốn, nghĩa bốn hoằng trong đây bao gồm trong ngoài, nội là nội tâm, tâm y theo một không kiến sát-na gọi là năm ấm, năm ấm tức là chúng sinh, một người một đời bao nhiêu sát-na, ở đây y theo nội, một người còn như vậy, y cứ một hữu tình dùng làm so sánh giải thích, biệt biệt hữu tình chúng sinh cũng nhiều, huống chi là sát-na thành một chúng sinh, tức là y cứ ngoại, hoặc nội hoặc ngoại chúng sinh vô lượng, ở sau ba hoằng thệ y theo thuyết nên biết, phiền não là nhân chúng sinh là quả, nhân quả vô lượng đối trị pháp môn lý phải vô lượng, mỗi sát-na mỗi khai tri kiến Phật, thành đạo Vô thượng.

Hỏi: Nhân và quả đã y cứ lược trong sát-na, vì sao phân ra hai hoằng thệ khác nhau?

Đáp: Không kiến y nơi sắc lãnh nạp thủ tượng hành không liễu biệt, soi xét năm pháp để thành chúng sinh, một người đã vậy nhiều người cũng vậy, lại y cứ niệm nhiều luận chúng sinh nầy mà làm hoằng thệ, có chấp không nên trái với sân, thuận với hỷ, v.v... cho đến sinh ở tám mươi tám sử sáu mươi hai kiến, gọi là phiền não, nầy thì một người trong nhân còn vậy, nhiều người cũng vậy, lại y cứ nhiều người nói về hoằng thệ nầy, nầy thì tự thành hai hoằng thệ khác nhau, hoặc chúng

sinh ở sau nói ý thệ nguyện, quán không ở sau y cứ không mà khởi hạnh, tức là sáu độ. Ban đầu kết trước sinh sau, hoặc chấp ở sau giải thích, tự thành sáu căn.

Ban đầu nói ma thì: Không tâm tuy tức thuộc về ngoại đạo, do nầy tâm thí thuận theo sinh tử, nên gọi là Ma, văn tu quán trong các ma nầy, chỉ đến trong đây một thời đồng nói ba tạng Ba thừa, mới nói Thông giáo, nầy thì ba tạng Ba thừa Thông giáo thuộc cõi Thanh văn. Cùng các văn trên muốn phân biệt hai món chung riêng so sánh mười pháp giới, đều thông hoặc có ở sau kết quả mãn, quán không kiến tức là vô minh. Nói Thông giáo cõi Nhị thừa. Vô minh nêu pháp giới Duyên giác, sinh khổ tập nêu pháp giới Thinh văn, đế và nhân duyên chỉ có khai hợp khác nhau. Theo quyển nhất, cho nên nay văn lược làm thuyết nầy; kế từ Nhị thừa biết không trở xuống; kế nói Bồ-tát Thông Giáo, ở trong đó lặp lại Bồ-tát Nhị thừa nói khác; kế tuy độ ở sau chánh nói Bồ-tát y cảnh hạnh nguyện.

Nói như trước như sau, trước nói trong cảnh trước và thứ ba các văn Viên giáo ở trước, sau nói văn nầy Viên giáo trong không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, kiến hoặc ở sau, do đây người nói rộng bốn giáo tri kiến khác nhau, phải biết kiến hoặc là một, năng trị bốn khác, liền giáo trong các văn trước đều trị kiến hoặc, tức là ý nầy.

Kế chỉ bày nhậm vận: Lại y theo kiến đoạn, không vào ba đường ác, chẳng phải nói ngôi vị Sơ địa Sơ trụ nhậm vận, Thánh luận, phân tích văn thành luận không năng tri kiến, nay kiến từ không khởi thì không chẳng thể trị, phải biết kiến nầy chẳng phải sở trị, năng trị của Thành Luận, nên nói phải lập trị nào, như nước sinh lửa, nêu dụ phân tích luận chẳng thể trị không. Nay biết chấp không cho đến trị tức là nay văn bốn giáo trị kiến khác nhau. Thành luận chỉ là ba tạng một môn mà thôi, ba tạng ở sau nói bốn giáo thứ lớp trị kiến, hai giáo Tạng Thông trí tuy hơi khác nhưng duyên đế thì đồng. Cho nên kết nói đều trước trừ kiến, biệt duyên đế khác, nên nói Biệt cũng trước trừ, Viên giáo nên biết, nhưng giáo tuy có bốn, hoặc nói sơ tâm không lỗi có hai:

1- Ba giáo trước trị kiến nhập không.

2- Viên nhân kiến làm pháp giới.

Hai ý tự hiển bày chớ sinh đường khác, lại đối với hai pháp ngoại riêng lập chấp rườm rà, trừ chấp chặt, kết văn bốn giáo để phân tích Thành Luận, làm sao bốn giáo cùng trị một chấp ở sau giải thích nghi, vì sao một bệnh mà lập bốn trị, như bệnh lành dẫn thế trị để giải thích.

Trước dụ cho; kế hợp, một lý như thân lực chấp không như bệnh lạnh, khương quế như vô thường, kiến chân như phục lực, ngũ thạch như tức không, kiến sắc tức không gọi là ích sắc.

Nói ngũ thạch: Bạch quyết, tử anh thanh cao đồng nhũ, thạch chỉ, nên kinh Thần Nông nói: Thuốc trên nuôi dưỡng mạng, nói năm thạch luyện hình lục chi sống lâu, trong thuốc dưỡng tánh nghĩa là phải dứt phẫn giận, ồn náo quên lo buồn. Ở sau thuốc trị bệnh nghĩa là đại huỳnh trừ thật phải quy về dứt bệnh, trùng lặp thường như pháp quán, thọ thêm như trí, có thể bay như nhập giả, bổn thảo nói: Trùng lũ: Tảo hưu. Cũng gọi là Huỳnh tinh.

Trong Bác Vật Chí nói: Hoàng đế hỏi Thiên Lão rằng: Trời đất sinh ra có thức ăn, để người không chết phải chăng?

Cỏ mặt trời gọi là Huỳnh tinh, ăn có thể sống lâu. Tinh thái âm gọi là câu vẫn, vào miệng thì dứt. “Câu vẫn” là giấy sẫn ngoài đồng. Nếu không tin tuổi thọ của Huỳnh tinh, cũng có thể tin giết người của Câu Vẫn. “Kim đơn” là thuốc viên. Khi mới phát tâm thành Phật Đại Tiên, y theo pháp của ngài Long Thọ, vàng bay là đơn, nên nói là kim đơn. Trị kiến đã vậy, ở sau nêu ví dụ, lại dùng tư và giới nội trần sa, nên nói cũng vậy, hoặc giới ngoại trần sa và chướng trong vô minh, thì không liên quan đến hai pháp trước, bốn pháp nầy ở sau nói chung niệm xứ có công xuất trạch, di chúc học Phật chung cả bốn trị, vì sao ở sau giải thích ý di chúc, bốn người có chấp không ra ngoài sáu đường, nên nêu chấp quả sở tạo gọi là khổ cụ, chấp kiến nghiệp lấy dụ cho quỷ thần, nên trong Pháp Hoa lấy trùng chim dụ cho độn quỷ thần dụ cho lợi, tranh chung ở sau nêu chung ba xe đều có thể ra khỏi nhà lửa. Ba xe ở sau trải qua giáo để giải thích ba xe đồng khác, bốn giáo trong đây gồm có chín thứ niệm xứ, ba tạng ba Nhất thừa, dùng đế duyên độ khác nhau. Bích-chi Phật gồm mười hai nhân duyên làm Bốn niệm xứ. Hạnh Bồ-tát tuy sáu độ, quán niệm phục hoặc lại dùng Nhị thừa sở quán niệm xứ, nay từ người khác nhau nên thành ba thứ, trong Huyền Văn nói ba nhân rất khác nên được làm ba.

Thông giáo Ba thừa đồng một niệm xứ đồng quán vô sinh, nên trong Huyền Văn nói ba nhân rất đồng, nên được làm một. Biệt giáo Địa tiền gọi là phương tiện, vào trong không vị chia chẻ thể chân thật, Viên giáo Thỉ giáo chỉ dùng một thứ, nên như ba xe nghĩa bao gồm Tạng Thông và biệt phương tiện trong văn kinh xuất trạch chánh chỉ cho ba tạng, nên nói “tức thị”, nghĩa Ba thừa, nghĩa thông không ở Thông giáo, nên nói cũng vậy, Biệt giáo không có tên Ba thừa, quán hạnh chẳng khác hai giáo

Tạng, Thông nên nói "hựu thị", nên biết tức cũng lại có ba không ở đâu chẳng có thân sơ, nên đối với ba giáo chỉ bày tướng khác nhau. Biệt giáo nhập địa, tức là chân thật. Viên giáo, Thỉ giáo hằng trái với trước, nên cũng nói "hựu" mà không nói "thị" hoặc đem Biệt giáo nhập địa chứng đạo, và dùng Viên giáo thỉ chung, gọi là đồng xe lớn, nên văn sau chỉ Đức Thích-ca. Y theo Hóa nghi để giải thích một đời giáo môn, chỉ là trước cùng ba xe sau ban cho một đại.

Kế nói rộng lược khác nhau, nói lược thuyết là niệm xứ: Niệm xứ tức là đạo đế ba bảy khoa làm trong bảy khoa, nên nói lược, đều nói bảy khoa tức là đạo đế, gọi là Trung, đã có năng trị thì có sở trị, năng sở đều nêu tức là bốn đế, ý hết như văn. Từ Thích-ca, lại nêu hóa nghi để phán xét thật, lại từ Tiệm đến Đốn các giáo niệm xứ tuy lại khác nhau đều có ý ấy, vườn Nai chánh dụng ba tạng, bên phương dùng ba tạng, chánh dùng ba giáo để phân tích Nhị thừa, khiến người Nhị thừa mật thành Thông giáo nên nói ba người đồng một niệm xứ.

Kế đến bên Bát-nhã dùng Thông giáo, chánh dùng Biệt Viên thêm người Nhị thừa, mật thành nên chỉ Đạo phẩm gọi là bất cộng, đến hội Pháp Hoa ba quy về một, nếu trừ giáo đạo chỉ cần hội về bảy, y cứ chấp không nầy, rất chẳng trái là lược chỉ bày cảnh diệu trị không thể nghĩ bàn trị tất cả, không trái các giáo, từ một khai hết các giáo, như trong nghĩ bàn cũng không trái các giáo, nên dùng một trần bao gồm ở nghĩ bàn, không kiến như trần, các trị như kinh, trong không thể nghĩ bàn ban đầu lập chung, từ ngài Tịnh Danh chánh chúng, mười cõi năm ấm trong tâm chấp không gọi là chúng sinh, chúng sinh tức giải thoát, giải thoát không ngoài sáu mươi hai kiến, cho nên ba pháp chẳng được lìa nhau, tất cả chúng sinh, ở sau giải thích giải thoát cầu trong tâm hạnh, nghĩa là ba giải thoát.

Phật giải thoát ở sau giải thích trên Chư Phật giải thoát. Lại quán ở sau lại giải thích cầu trong tâm hạnh trên. "Cầu" nghĩa là dùng quán quán thấy, chỉ có pháp tánh lại không có kiến tâm, có thể một sắc ở sau kết thành cảnh không thể nghĩ bàn, tức là năm ấm chúng sinh hai thế gian, nhưng thiếu cõi nước, y theo ví dụ nên biết, không tung không ngang kết thành ba đế phẫn đến kết dụ cho như ý châu, cảnh nầy ở sau phát tâm từ rốt ráo mà nói, nên chỉ nêu vô minh pháp tánh cũng nên thương xót tổn hại đối với việc khổ vui, quán nầy trở xuống an tâm, tướng chung bổn tánh không tịch dừng. Tịnh như hư quán không tướng chung, khéo léo ở sau sáu mươi bốn lần. Kiến ấm, v.v... là phá khắp, chỉ tám chữ nầy nhiếp được ngang dọc và nhất tâm, đơn phức ở sau thông

bít, chỉ nêu ra tướng riêng thông bít nên nói mỗi câu văn nêu bày tợ ngang, thật nhiếp ngang dọc và nhất tâm, v.v... nếu không nhập ở sau chánh trợ, xưa dùng chấp không mà thực hành sáu tệ, nay phải xả chấp không lại tu sự độ, mới trở thành trị, nên trong mỗi văn đều nêu không kiến và dùng một tệ, như cầu đất biển, v.v... đủ như trong Đại luận khuất phục như cầu cống, người và ngựa đạp qua, v.v... Đất biến ví dụ nầy cũng nên rất dễ thấy, giải thích văn lược đã xong.

Trong lời tựa nói: Vừa đến kiến cảnh pháp luân dừng chuyển, ba cảnh sau so sánh nên biết.

Tăng thượng mạn: Là như được chưa đến gọi là vô sinh nhẫn Tỳ-kheo Tứ thiền, v.v... cho đến khắp ở các vị Đại Tiểu, chưa được cho là được đều gọi là tăng thượng, hai giáo Nhị thừa, ba giáo Bồ-tát, có khắp trong các văn trước, tức hai cảnh sau mỗi cảnh đều dùng quán để quán. Ba đại sáu chương đủ như năm pháp, lược ba pháp sau. Đã nói sẽ đi mau là đến Tát Vân, ba đại sau chương đều là tướng vô sinh nhẫn về sau, nên lược qua không nói. Trong phẩm Pháp Thí của Đại phẩm nói: Hóa Hằng sa chúng sinh khiến được sáu thông, không như sách Bát-nhã khiến họ đọc tụng, lại lấy nầy để cho họ có phước đọc tụng Bát-nhã, không bằng chánh ý niệm Bát-nhã Ba-la-mật. Lại ở đây nhớ phước niệm Bát-nhã, không bằng vì người khác nói khiến cho họ dễ hiểu, thế nào là dễ hiểu, nghĩa là không có hai tướng quán không nhập không xuất, nói Bất công Bát-nhã Ba-la-mật công đức cũng giống như vậy, huống chi là nói diệu giáo Pháp Hoa khai quyền, huống chi văn nầy tức diệu quán Pháp Hoa hiển thật. Nên trong Pháp Hoa nói: Bố thí sáu đường, bốn loài, bốn trăm muôn ức A-tăng-kỳ thế giới, dùng bốn việc cúng dường khiến được bốn quả, không bằng tùy hỷ người đến trăm ngàn muôn bộ, cho nên nguyện nói khiến họ được nghe sinh tâm tùy hỷ, công đức ấy như thế, người thứ năm mươi nầy tâm tùy hỷ, cũng nào có cần, tức là đầu tiên tùy hỷ của năm phẩm ư? Theo văn Đại phẩm, nói còn hơn tự sinh nhớ nghĩ, huống chi có thể nói mà có thể tu hành, do như nói hạnh khởi ở đa văn, tức ý nầy, nên khuyên hậu học siêng nói siêng thực hành.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 168

CHỈ QUÁN NGHĨA LỆ

SỐ 1913
(QUYỂN 1 → 2)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1913

CHỈ QUÁN NGHĨA LỆ

Sa-môn Trạm Nhiên Thiên Thai soạn

QUYỂN 1

Sách này gồm có bảy phần:
1. Sở truyền bộ biệt lệ.
2. Sở y chánh giáo lệ.
3. Y chánh tiêu thích lệ.
4. Đại chương tổng biệt lệ.
5. Tâm cảnh thích nghi lệ.
6. Giải hành tương tư lệ.
7. Dụ nghi hiển chánh lệ.

1. SỞ TRUYỀN BỘ BIỆT LỆ:

Là chỉ chung một bộ, xem là đại thể của chánh hành viên đốn Phật thừa. Đại ý văn đầu tuy có mấy chỗ kết ba chỉ quán là chỉ phiếm mượn danh mà kết nghĩa, không phải tức là ba thứ hành tướng, vì trong đại ý thì văn lược mà ý rộng, dùng ba - một mà gom buộc kết nắm. Phải biết trong bộ ý chỉ ở đốn cho nên trong lời tựa nói là đại ý ở một đốn. Dùng lược quán rộng chẳng thể khác nhau. Lại trong chỗ bày nói: Văn viên đốn như chùa Ngọc Tuyền đã ghi. Văn sau tuy có bốn giáo, tám giáo, tư nghị và bất tư nghị, tương đãi và tuyệt đãi nhưng đều là hiển bày chỗ viên đốn một thật. Trong văn "xe lớn" thì dùng tư nghị, tương đãi làm người hầu. Diệu lý thật tướng xem là thể của xe, Diệu quán vô lậu xem là trâu trắng, còn các pháp khác đều là đồ trang nghiêm. Cho nên biết bộ này không còn đường khác.

2. SỞ Y CHÁNH GIÁO LỆ:

Dẫn khắp các văn trong một đời, văn thể chánh ý chỉ quy về hai kinh: Một là nương kinh Pháp Hoa Bản Tích hiển thật, hai là nương kinh Niết-bàn phò luật thuyết thường, vì hai kinh này đều là đề hồ. Do đó, Thích Danh (giải thích tên gọi) mà nói về đãi (đối đãi) nói về bặt (bặt đối đãi), cho đến Thiên Viên. Trong văn dẫn đủ ba dụ Liên Hoa giải thích tên gọi mà hiển thể đủ dùng đầy đủ bốn cái nhất của Quang Trạch, tức là thật tướng làm hành chánh thể, huống chi các cảnh mười thừa đều cùng xe lớn làm dụ, cho nên cuối văn sinh khởi thì khen ngợi chung rằng: Nhiều kiếp cần cầu đạo tràng chứng đắc thân tử ba thỉnh pháp thí ba thuyết chính là ở đây. Cho nên biết bốn thứ Tam-muội đều y theo thật tướng. Thật tướng là pháp An lạc, bốn duyên là hành An lạc. Chứng thật tướng xong sẽ được y báo gọi là đại quả. Khởi giáo chỉ vì khiến chúng sinh khai - thị - ngộ - nhập, chỉ quy chỉ là quy về ba quĩ Diệu pháp bí tạng. Do đó trước sau đều y theo Pháp Hoa. Đây tức là diệu hành của Tam-muội Pháp Hoa. Kế dùng Niết-bàn, tuy nương Pháp Hoa mà đều quy về nhất thật, căn độn đời mạt nếu không trợ giúp thì chánh hành sẽ nghiêng đổ, chánh trợ giúp nhau mới tiến xa được. Phật hóa còn dùng Niết-bàn làm thọ, huống chi đời mạt tu hành chẳng giúp thì chẳng tiến trước. Cho nên Phò Luật nói: Thường để hiển bày thật tướng, suy công ở đó, cho nên chánh dùng ý Pháp Hoa mà hiển viên thường, hai kinh đều đồng nhau.

3. VĂN NGHĨA TIÊU THÍCH LỆ:

Lại có hai: Một là nghiên cứu rõ văn nghĩa; hai là tiêu thích thể thế. Văn đầu có hai: Một là nghiên cứu rõ văn nghĩa; hai là nghiên cứu rõ văn tướng. Trong phần một lại có mười lệ:

Một là dẫn chứng thông cục như dẫn bộ Pháp Hoa chỉ văn nhất thật, kể giáo xưa để làm chỗ khai, cho nên văn trong bộ có quyền có thật, nếu hạn cục chứng nhất thật thì dẫn văn thật, nếu chứng cả phương tiện thì gồm dẫn nghĩa xưa. Như dẫn Pháp Hoa chứng tiệm bất định, chỗ dẫn bốn văn bốn vị cùng bộ thông cục cũng như thế;

Hai là rộng dẫn lưu loại, nghĩa là dẫn giáo chứng quán, v.v... Như dẫn kinh Hoa Nghiêm việc trước chiếu núi cao, Tịnh Danh trước ngồi dưới cây Phật, Đại Kinh từ trâu có ra sữa, Pháp Hoa dùng phương tiện lạ, v.v... vì chứng nghĩa ba chỉ quán, cho nên biết giáo quán tiệm, v.v... tên đồng mà nghĩa khác hoàn toàn. Văn ấy phán giáo nay xem là đồng. Cho nên mượn dùng.

Ba là thứ tức là mượn danh bày nghĩa, tức là mượn quyền danh mà bày thật nghĩa. Như dẫn Phương Đẳng mà cướp danh, mà bày nghĩa, nay khai quyền bặt đãi, dẫn ba thời kia so với đây có thể biết, ở đó tức là gồm chỉ đối (đồng), v.v..., ở nay tức thành khai phế hội v.v....

Bốn là mượn dụ mà chuyển dụ như lêo lên núi vàng. Luận dụ nhẫn, v.v... nay mượn dụ chỉ quán. Dụ là vật thế gian mà tùy nghĩa chuyển (đổi) dùng, sao lại hạn cục ở bản văn. Như lửa thì các kinh có lúc dụ cho sân hoặc cho trí, hoặc dùng chiếu năng đốt làm hình làm tánh, hoặc thể hoặc dụng. Đất nước gió làm dụ cũng thế. Cho nên chẳng hạn cục văn làm nhất định.

Năm là bàng dẫn dị như các văn, dùng Tỳ-đàm, Thành thật. Nếu chứng tiệm sơ và thiên tiểu, v.v... thì danh nghĩa đều mượn. Như hai hành tín pháp. Văn trước năm ấm vương số đồng thời, dị thời, v.v... chỉ là nói về dị, không phải mượn danh nghĩa.

Sáu là khai chung nêu riêng, như bản văn bốn tất năm vị, ba giả hai thông, nghĩa gồm khai hợp, nghĩa khắp các môn các giáo đều như thế;

Bảy là dẫn dụng tông yếu, như Pháp Hoa quyền thật Bản Tích, Bát-nhã thêm cộng và bất cộng, Phương Đẳng thì bác bỏ thần lực bất cộng v.v... hễ dẫn một câu hai câu cũng được tâm văn, hoặc phá hoặc lập chẳng mất bộ âm.

Tám là trích dẫn đạo Nho hoặc phá hoặc lập, chẳng trái bản tông, lược nói đồng khác, chẳng ở ủy tế, chẳng vì tên giống mà làm nghĩa đồng. Cho nên chỗ dẫn thô mà còn lược.

Chín là mượn danh mà lược nghĩa như trong nhiếp pháp và biết thuốc, v.v... chỉ mượn tên ấy để bày tướng trạng. Nếu giải thích rõ ràng thì thành rườm rà. Lược chỉ trên dưới, y theo so sánh có thể biết.

Mười là y cứ so sánh dụng ý. Như giáo chứng hai đạo vốn ở Biệt giáo, nay thì dung thông, bèn chia ra hai ý ước chứng ước thuyết, đối với ba quán- lập ba chỉ, hai thứ.

Nghiên cứu rõ tướng văn cũng có mười lệ:

Một là tùy tướng khai hợp, như ba quán, bốn giáo, bốn tất, năm vị Đế Duyên Độ, v.v..., một nhà lập nghĩa văn tướng đều như thế. Rộng rãi vô cùng, tùy sự tùy lý, tùy pháp, tùy danh, tùy hành, tùy chứng, tùy tự tùy tha, thảy đều thông dụng. Nhưng phải nắm kết chớ để phù lạm. Nếu chẳng như thế, thì trưng văn chớ gá, lập hành chớ bày. Nếu được ý này giữ còn bản văn thì cạn sâu có quy tắc, diễn nghĩa lý thì suốt rộng không bến bờ, bày một tâm thì dẫn quyền về thật, từ bị vật thì khai thật

nêu quyền, lập hành nghi thì dùng trí làm chung. Đãng tướng thì mảy may chẳng trái, giữ còn các giáo thì nhân quả rõ ràng, hiển lý một thì trước sau không hai.

Hai là kết bày nơi chốn và lập ý bản văn, như lệ ấm nhập khác ở văn cuối phá khắp, thụ phá pháp khắp. Có sáu chỗ nêu diệu. Trong Diệu Cảnh nói: Đại thể của thuyết giáo, trong phát tâm thì y cứ Viên chê Thiên, trong An tâm thì nghĩa khai ba thứ, trong đạo phẩm thì chẳng ngoài niệm xứ, trong thông bít thì vốn trị hay chấp, trong thứ ví thì khuyên tu năm hối, an nhẫn không mê đắm chỉ ở tiến công. Nếu sưu tầm được Tông Nguyên thì các văn rất dễ hiểu, Đại cương đã chỉnh thì võng nhật dễ còn.

Ba là sự lý bàng chánh như bốn Tam-muội, chánh là hiển lý, bàng là gồm trị trọng, như mười pháp giới, chánh bày lý cụ, bàng biết cạn sâu. Như biết thứ vị, chánh là phân biệt với lạm, bàng là thông kinh. Lại trong các văn tất cả đều dùng phá xưa làm bàng, tuy nương bàng chánh nhưng văn chẳng thể bỏ.

Bốn là văn Thiên mà ý Viên, như dùng ba chỉ quán mà kết các văn. Và trong năm lược sử dụng ba giáo các cảnh mười thừa, ngang dọc thiên tiểu. Ba thứ chỉ quán chỉ duyên thật tướng.

Năm là rộng lược có không, như trong phát tâm hiển số thì rộng mà văn tướng thì lược trong mười pháp sau, văn tướng thì rộng mà hiển số thì lược. Trong tu đại hành, sự nghi thì rộng, mà mười pháp thì lược. Trong tu chánh quán mười pháp thì rộng mà sự nghi thì lược. Ở ba Đại chương sau, trong đại ý thì có, trong giải rộng thì không. Trong mười cảnh giới chánh quán thì có, trong bốn Tam-muội thì không. Tuy hỗ lược không mà nghĩa thì chung đủ.

Sáu là văn hành khác nhau, như mười cảnh mười thừa sinh khởi thứ lớp mười thiền cạn sâu thụ phá pháp thiên. Văn tuy thứ lớp hành ắt tùy người, mười thiền cần gì phải từ cạn đến sâu. Thụ phá nguyên là hiền chẳng hai, hoặc tùy thụ kế vào vì sao chướng đối với lý, từ cạn đến sâu Diệu quán ở nay.

Bảy là bặt đối đãi trước sau, nếu y cứ giáo tướng thì trước đãi sau tuyệt, nếu nói về đạo lý thì đãi và tuyệt đồng thời.

Tám là phá hội khác nhau. Nếu ý Hóa nghi thì trước là phá, kế là hội, như trước chê Tiểu, sau mới hội Viên. Cho nên Phương Đẳng rộng phá thiên tiểu, kế đến Pháp Hoa mới hội về thật, y cứ người y cứ hành phá hội đồng thời. Như chiếu quyền rõ thật, chiếu quyền gọi là phá, rõ thật gọi là Hội. Cho nên văn nay là hiển lý, chẳng đồng với Huyền Văn

chuyên ở phán giáo. Hễ có thích nghĩa thì phá đứng đầu. Cho nên nay Thiên Viên mượn thích danh ấy, thứ lớp thì khác.

Chín là hành giải khác nhau, như năm lược sinh khởi phân biệt, mười chương dẫn chứng phá xưa, hỏi đáp phân biệt v.v... phần nhiều vì sinh giải. Nếu mười pháp chung riêng, mười cảnh hỗ phát, mười thiền ly hợp, mười cảnh phát tướng chuyên ở tại hành. Cho nên trước biết mới có thể tu tạo.

Mười là nêu lệ từ lược. Như Đạo phẩm nhiếp pháp giả trung không, lệ phá các ấm còn lại, dư sử dư phẩm để so sánh với sơ phẩm, tương tục tương đãi để so với nhân thành, tìm kỹ ý rộng để bày văn kia, trải pháp trước nghĩ mới chẳng mê ý chỉ. Nếu mười pháp thành quán, chỉ ở ấm nhập biết rõ căn do, chín thứ kia đợi phát mới lập quán được. Cho nên trong chín cảnh chỉ phân biệt cảnh. Cảnh dưới mười quán chẳng phân biệt kỹ, chỉ tuy cảnh chuyển chiếu, không liên quan gì đến nói rộng.

- Kế tiêu thích thể thế, lại có hai: Một là thế văn thể; hai là thế nghĩa thể. Trước thế văn thể cũng có mười trường hợp: Một là pháp dụ rộng lược. Nếu pháp lược mà dụ rộng thì văn mở pháp cùng dụ tương xứng, chẳng chuyên giữ pháp lược để ủng hộ dụ văn. Hoặc pháp rộng mà dụ lược thì hợp pháp đối dụ, hoặc khai dụ đối pháp, như hạt châu như ý dụ cho cảnh không thể nghĩ bàn, hoặc pháp riêng dụ chung, như dùng xe lớn mà dụ mười pháp, thì khai dụ chung ấy để đối mười pháp. Nếu dùng khéo vẽ thắng đường làm dụ thì chẳng cần phải khai đối, chỉ lược hợp mà thôi. Nếu pháp dụ đều chung thì như dùng hư không mà dụ cho pháp giới. Nếu pháp dụ đều riêng thì tùy văn mà đối nêu sẽ được ý; Hai là pháp dụ hợp ba vừa có vừa không, tùy nghi lập dụng, còn mất hợp thời; Ba là khai hợp tự tha. Nêu chương môn có đối tự khai hợp, như năm lược đối mười rộng. Có đối tha khai hợp, như dùng mười rộng đối năm lớp huyền nghĩa. Có nhiếp nhau khai hợp, như khai hội dưới. Có nghĩa lập khai hợp, như nhiếp pháp, v.v... Khai sáu, khai bốn, v.v... chẳng ngoài tự tha, nhân quả và ý văn bốn nghĩa hai, chỉ ở một văn tướng. Hoặc đầy hoặc nhiều ít hợp thời, số san ắt khiến đến mười theo nghĩa thì lâu gấp tùy nghi; Bốn là chú, v.v... Nếu văn trên đã đủ, hoặc bộ kia đã rộng mà mở thêm càng rườm rà hoặc văn rộng không cốt yếu, hoặc tiêu thích phải chỉ rõ nơi chốn nắm cốt yếu mà chỉ bày. Nếu truyện viết có thiếu thì phải bổ thêm; Năm là phá lập còn mất, như phá thầy xưa và phá tà tịch, nghĩa đã hỏng rồi thì không cần giữ lại. Nếu giữ tên gọi mà không dùng nghĩa, hoặc có chút ít chẳng đáng thì có bỏ có lấy. Nếu phá thiên, phá tiểu, phá mình thì lập thành một nhà, lý không thể

nghĩ bàn, vì đậu một đời lý bất tư nghị hóa, v.v...; Sáu là giỏi dở khác nhau. Nếu pháp tướng Đại Tiểu hỏi đáp nghiên hạch pháp dụ đối đúng chương môn khai hợp, thì tùy văn tiêu thích không đợi xa cầu. Như cảnh không thể nghĩ bàn và phá pháp biến, phải trải xem trước sau tìm cầu khoảng giữa, hoặc kết giỏi đến dở, hoặc nói dở khiến giỏi, cho nên đều phải mở rộng văn thế mới có thể giải thích. Tôi giải thích văn hiển, ắt dùng tôi mà khiến toàn, khiến văn lý thông sướng khiến hành môn một nhà, quy thú có chỗ. Hoặc hai thích chung riêng thì dụng chung mà quán riêng. Giải thích riêng nghĩa hay thì nắm riêng về chung; Bảy là pháp Đại ẩn hiển, nếu pháp ẩn mà dụ hiển thì cầu ý dụ để nêu pháp. Nếu pháp hiển mà dụ ẩn thì cầu ý pháp mà nêu dụ. Dụ nhìn ở hợp hiển ẩn so sánh như thế, ấy thì chẳng mất ý văn, trên dưới tiếp nhau; Tám là hỏi đáp mê giải, nếu mê hỏi mà chẳng mê đáp, thì cầu ý đáp để lập hỏi. Nếu mê đáp mà chẳng mê hỏi, thì nghiên văn hỏi để thành đáp. Hoặc hỏi từ đáp sinh, hoặc tự giải thích mà hỏi, hoặc nhân đáp mà hỏi đáp, hoặc từ đáp mà đặt lời hỏi. Hoặc đáp thuận với hỏi, hoặc đóng trái với hỏi, hoặc đáp mà lấp hỏi, hoặc đáp mở đầu mối cho hỏi; Chín là nêu lệ mà tiêu văn. Như văn sáu độ hoặc nói thế gồm ứng lấy giáo mà định, khiến sáu văn một loại. Hoặc đế hoặc duyên các pháp đều như thế; Mười là dùng giáo định pháp, đều tùy giáo thể mà lập nghĩa tông, hoặc danh thiên mà ý viên, từ thể mà định.

Tiếp đến thế của nghĩa thể cũng có mười trường hợp:

Một là bản ý, của bộ thể muốn giải thích nghĩa, trước phải suy nghĩ bộ loại như Pháp Hoa Huyền, tuy các nghĩa dưới đều lập quán tâm. Nhưng văn bản ý nói năm lớp Huyền nghĩa nêu các giáo trên thì giáo là chánh, quán là bàng, gá sự hưng quán nghĩa lập quán tâm, trong giáo thì dùng quyền thật bản tích làm chính, thường dùng năm thời tám giáo để phân biệt về quyền, đều dùng thế giới tần số để phân biệt về tích. Nếu bản tích xen lẫn giáo vị trái nhau thì không lấy gì để hiển bày hai diệu đãi tuyệt, các vị khác bộ khác để loại cầu thì có thể biết. Nếu nay chỉ quán dùng các giáo ý ở mười pháp để thành Diệu quán thì quán là chánh, giáo là bàng. Vì thuận theo thật lý. Bàng thông các giáo lại làm sinh tín bàng dẫn các kinh; hai là quán giáo đồng khác, đã y cứ Pháp Hoa phải cần tám giáo. Giáo tuy có tám, nhưng bốn giáo như đốn, v.v... là Phật hóa nghi, bốn giáo như Tạng, v.v... là Phật hóa pháp. Y pháp mà khởi quán thì quán có bốn. Tiệm đã khác lại gia thêm bất định. Cho nên quán có sáu. Khai quyền hiển thật hội Tạng v.v... ba tiệm và bất định. Nguyên biết viên cực cho nên bản ý Phật chỉ là Phật thừa. Cho nên văn

nay tùy giáo tuy là hoặc tám, hoặc bốn. Bản ý chỉ là thành một Phật thừa; ba là quán môn chuẩn tắc tùy cơ đậu vật. Tuy lập bốn môn giáo pháp thể độ mà vô sinh làm đầu. Nếu tiêu pháp tướng là thành hành giải, chê cướp tỷ quyết trên dưới soi chiếu nhau, thảy đều gom trở về Nhất thừa. Bốn là hội dị khảo đồng, nếu tất cả tên khác đều vào một Phật, thì gọi là thông hội, như hội tùy nhập đều là tên khác của chỉ quán thì gọi là Biệt hội. Hai tội thông biệt nhiếp hết các pháp thì một nhà nghĩa thế nhiếp pháp vô cùng. Cho đến pháp môn cũng đủ ý hai hội thông biệt. Lại như phá thiên độ nhập gọi là Thông hội, đương giáo, đương môn gọi là biệt hội. Nói khảo đồng là như kinh luận Đại Tiểu, hễ đặt tên pho bộ tuy khác nhưng danh tướng chẳng khác há vì tên đồng mà khiến pháp một khái, ắt dùng lý giản mà để xét phân. Như các ngoại nhân (ngoại đạo) còn dùng trời Đại tự tại mà lập ba thân, há ba tên nầy thể đồng tông cực. Cho nên nói chẳng thể tìm tên chung mà cầu thể riêng, cho nên dùng tướng mà phân biệt. Do đó khảo đồng ngoài khác, hội khác khiến đồng, hoặc khác hoặc đồng đồng vào một cực; năm là dùng một để lệ các thứ. Như hai đạo giáo chứng và một pháp tân cựa, chẳng đồng với người đời mê đắm một niệm cảnh tư nghị lập ra Phật pháp giới. Trước nói có thể nghĩ bàn, sau nói chẳng thể nghĩ bàn. Trong bộ chỉ có một văn nói, dùng một văn nầy mà y cứ trên dưới khiến nơi nơi văn nghĩa thông suốt rõ ràng; sáu là danh nghĩa thông cục, như đặt thí dụ độc, trong kinh chỉ dụ năm đường khác nhau, Phật tánh chẳng đổi, năm vị chỉ dụ một đời năm thời đậm nhạt, đậm nhạt tuy khác mà đều từ trâu ra. Nay văn từ nghĩa nơi nào cũng khắp vào, hoặc định hay bất định, hoặc hành hoặc nhân, hoặc giáo hoặc vị, hoặc thời hoặc bộ, nghĩa chẳng thể bít lấp mà giữ tên ấy. Cho nên dùng dụ để chất độc vào sữa thì có hai thứ đề hồ giết người. Nếu dùng năm vị thì có hai thứ sữa khác nhau; bảy là khai thác cú pháp, hoặc bốn hoặc sáu, hoặc ba mươi sáu, cho đến trăm ngàn, tùy ý văn phải nhiều phải ít đều khiến ở một đời giáo môn, mỗi mỗi đều khiến có danh có nghĩa, không được vội không nghĩa đặt tên như thế; tám là thúc tán trước sau, phàm các văn rộng, trong văn không kết hoặc tùy thế văn nếu theo tiện ý, hoặc trước kết mà sau khai, hoặc trước tan mà sau buộc. Do đó giải thích trước phải xem xét, lời ý chập gấp, chỗ đến quy tông khiến quán hành có đó; chín là hành lý xen nhau, lý có quyền thật, hành có thân sơ. Thân là chánh, sơ là bàng, bỏ quyền vào thật. Lý không có các thứ, hành có cạn sâu. Nói lý thì mất thứ lớp ấy, nói hành thì tích công mới đạt, dùng lý dung hành, dùng hành hợp lý. Các vị không xen lẫn mới được khỏi lỗi. Đâu thể còn thân mà cầu riêng

một câu, huống chi dùng hai mươi lăm pháp làm tiền đạo, mười thừa mười cảnh để làm chánh tu. Cho nên biết hành lý dung nhau mới có chỗ đến. Cho nên thứ năm nói: Chiếu nhuận đạo đạt giao lạc oánh sức, một thể hai tay cùng lau xoa. Nhưng nghĩa giải chẳng phải lúc tiêu văn, muốn ra ý văn thì phải xuất một, khai hợp trước khiến diệu cảnh đều viên. Y chánh lập nguyện, nguyện hành xứng nhau, chánh trợ không thiếu chẳng mất thứ lớp. Cho nên có thể chê thiên tà, có thể tiến viên hành, có thể hiển ý khác nhau, có thể lập tông đồ. Nếu khi tiêu văn, trước nên câu tỏa văn thế một đạo tiến lên, kế đào luyện trước sau để hiển bày hành tướng, dùng một quán cảnh mà quán chín thứ dưới, dùng một hoằng thệ mà thông với các hành, dùng một an tâm mà gồm khắp trước sau, phá biến chỉ là an tâm gia hành, thông bít chỉ là trên hai tế môn dùng một đạo phẩm điều đình ấm nhập. Chánh trợ chỉ là trợ khai, bốn thứ vị trước là chung với bảy môn trên để trừ lỗi lạm, an nhẫn, lìa ái tám công năng trên, khi vào Sơ trụ thì chuyển gọi mười đại là có lý do. Nếu chẳng được ý thì uổng công sinh khởi. Nói hành nói lý chưa đủ để làm thầy, vì sao? Vì vượt thứ bậc thì hại văn, chuyên văn thì hại lý; mười là giáo quán chiết nhiếp. Giáo chiết nhiếp, hoặc quyền hoặc thật hợp thời mà dùng, hoặc nhiếp quyền chiết thật, hoặc khen thật chiết quyền, lý sự nhân quả bốn môn bốn tất đàn, tùy giáo tùy cơ, ước nhân ước bộ. Hoặc mật hoặc hiển hoặc hiện tại hoặc đương (vị lai), là thục là chủng, nghịch hóa thuận hóa, chẳng ngoài ý một chiết một nhiếp. Quán chiết nhiếp là quán một cảnh, trải một tâm, hoặc chiết làm vô thường, hoặc dùng làm lý tánh, phải trị ham chán, chỉ quán trí đoạn, khổ vui, buông cướp thuận nghịch thể chiết. Các tướng như thế, v.v... cũng đều chẳng ngoài hai ý chiết nhiếp. Cho nên hai thứ giáo quán chiết nhiếp này, dùng lý mà quán khiến nguyên ý có bốn mươi điều, lược biết đại khái, các điều khác thì y cứ theo đây sẽ biết.

4. ĐẠI CHƯƠNG TỔNG BIỆT LỆ:

Mười chương mười cảnh, mười thừa ly hợp, đồng khác, lập ý khác nhau. Trong mười đại chương. Nói đại chương là y cứ theo phân biệt mười môn khác nhau. Lại như đại ý cùng chín mà nói đồng khác. 1. Giải thích đại ý: đã nói năm lược đối dưới tức là hai môn rộng lược. Nếu như thế cũng có thể Thích danh trở đi lại khai ra mười chương. Như văn Pháp Hoa giải thích mười diệu. Nay đây là đối chỉ quy, không rộng không lược, văn thế rất gọn, nên dùng đại ý cùng làm mười chương. Thiền môn cũng như thế. Nếu muốn khai thì khai hiển thể ra nhãn trí,

giáo tướng thì khoảng giữa tám chương tự chia thành mười. Như năm lớp huyền nghĩa cũng là hợp, ở trong tám mà làm năm chương hợp nhiếp pháp vào thể tướng, nghĩa đáng hiển thể, hợp phương tiện chánh quán quả báo cùng làm một tông, khởi giáo nghĩa đáng ở dụng, thiên viên nghĩa đáng phán giáo. Đó là thích kinh, đây là thành quán. Cho nên có hơi khác mà thôi. Nay giữ mười số cho nên lìa năm làm tám, lại thêm trước sau thì số đã đủ. Mười cảnh ly hợp, là cùng phát chánh ý chỉ có chín cặp, cũng thành mười số. Thêm ba chướng bốn ma một cặp, cho nên mười cảnh nầy nếu không phải ba chướng tức là bốn ma, lại mười cảnh cũng làm thành mười số. Bày đủ như thế, cho nên dưới Chương An hỏi rằng: nếu pháp là cảnh trần sa vì sao nhất định có mười, nay ở trong mười nếu lại hợp thì Bồ-tát Nhị thừa chỉ hợp thành một cảnh phương tiện, vậy chỉ có chín, nếu nhập phiền não vào sáu tệ, trong tướng tập nhân thì chỉ có tám. Nếu đem phiền não và nghiệp cùng ấm nhập cảnh làm ba đạo cảnh, thì chỉ có bảy. Hoặc y tám trước lại đem mạn vào cảnh phiền não thì cũng chỉ thành bảy. Nếu đem kiến mạn xếp vào Thế Thiền thì chỉ có sáu, lại xếp bệnh hoạn vào Ấm nhập thì chỉ có năm. Bốn - ba là như bốn ma ba chướng, nếu chỉ dùng phát chẳng phát đối nhau thì chỉ thành hai. Nếu chỉ dùng một sở quán làm lời thì chỉ có một. Khai hợp tuy thế, nay nói tướng phát khí loại khác nhau, cho nên làm mười. Đem ấm đối chín ấm không thể phát được, cho nên lập riêng. Bồ-tát Nhị thừa tuy đồng phương tiện mà phát tâm thì khác, phiền não khởi nặng, tập nhân lại yếu nhẹ, xoay vần thông nhau nên gọi là Đạo. Các phát này được ba, đều hiện khởi, mạn và phiền não lạm khác trong thiền, chưa hẳn một bề phát kiến. Bệnh tuy như ấm, ấm không hẳn bệnh, bệnh tuy có nghiệp không phải nghiệp tướng hiện bệnh, tuy có ma đã thuộc ma cảnh hai và ba, bốn phát tướng lại phân, huống chi chỉ là một tối làm thông mạn, cho nên tùy tướng ắt phải khai mười.

Kế là nói mười thừa lập ý, văn sau nói ngang dọc bao gồm mười quán đầy đủ. Nay xét văn ý chung làm năm giải thích: Một là giải thích chung; hai là giải thích riêng; ba là bốn cú ngang dọc giải thích; bốn là phụ văn ý đến pháp tướng giải thích; năm là khác với chỗ lập của người mà giải thích. Hai thích chung riêng, ngang dọc bốn câu đủ như trong ký. Còn phụ văn là mười pháp sinh khởi, lại gọi là Dọc, trong mỗi pháp đều gồm nhiều ý lại gọi là Ngang. Sinh khởi như văn, đều có nhiều ý, đủ như bản văn. Tùy nghĩa giải thích riêng. Nay sưu tập ý văn xem lược và biết riêng, tuy có nhiều ít khác nhau. Nay đối với mười pháp đều lệ làm năm, cho nên lập mười thứ này. Diệu cảnh có năm: Một là

bày ba ngàn ở một niệm; hai là bày cực lý khác thừa sau; ba là muốn khai hiển cảnh nghĩ bàn; bốn là vì người lợi căn mà khai ngộ lý; năm là vì chín pháp dưới làm chỗ nương. Phát tâm có năm: Một là giải lý vẫn phải nguyện; hai là nói phát tâm nhiếp pháp biến; ba là vì muốn phân biệt khác với thiên tiểu; bốn là vì nói trung căn phát mới ngộ; năm là vì tám pháp dưới làm hành thủy. An tâm có năm: Một là vì nói có nguyện vẫn phải có hành; hai là biện trung căn khó an; ba là chỉ pháp đồng tùy người mà khác, là chỉ phàm phu tự tha an; Năm là bày khai chung xuất riêng mà an. Phó pháp biến có năm: Một là giải thích môn này riêng dùng tuệ; hai là dùng bất cứ một môn nào mà ngang dọc khắp; ba là làm y giáo môn cho người sơ tâm); bốn là bày người sơ tâm y vô sinh; năm là ba đế viên dung phá mới khắp. Năm ý ở đây thì ba ý sau riêng ở văn nầy, còn hai ý trước chung cho trước sau. Thông bít có năm: Một là bày xem xét chẳng phải một tiết; hai là bày ngang dọc thông vẫn bít; ba là bày một tâm vẫn có bít; bốn là bày bến báu là được thông; năm là gồm nêu văn kinh quá năm trăm. Đạo phẩm có năm: Một là bày phải dùng đạo phẩm mà điều; hai là bày điều đình khác với thiên tiểu; ba là bày niệm xứ là ấm cảnh; bốn là bày đạo phẩm nhiếp các hành; năm là bày sau phẩm phải có môn. Chánh trợ có năm: Một là vì người tệ nặng phải trợ giúp; hai là bày sự độ có khả năng trị tệ; ba là bày trợ đạo nhiếp pháp biến; bốn là bày chánh trợ hợp hành tướng; năm là bày ba giáo đều là trợ. Thứ vị có năm: Một là bày diệu dị khiến chẳng xen lạm; hai là bày diệu vị, đức khó nghĩ bàn; ba là bày mộ quả khiến (nghĩ làm sao cho bằng); bốn là vì tăng thượng mạn biết không phải là Thánh; năm là vì đậu chúng sinh nên ưa thích. An nhẫn có năm: Một là bày chương trong ngoài phải an nhẫn; hai là chê người quê mùa (chiếm) vị thầy; ba là bày thuật trong ngoài của người tu; Bốn là bàn phép an nhẫn của bậc Tiên hiền; năm là khiến sách tấn vị tương tự. Lìa ái có năm: Một là khiến lìa ở đảnh Đọa vị; hai là nói Đại Tiểu thừa đảnh Đọa biệt; ba là nói tợ ái chẳng phải chân ái; bốn là nói công dụng khác với thiên tiểu; năm là khiến sách tấn vào Sơ trụ. Mỗi thứ năm này đều lấy văn đầu làm ý chánh, bốn thứ sau trong văn đều gồm đủ. Nếu dự biết năm thứ này thì đối có thể biết.

Kế là nói chỗ lập khác với các nhà và người học thời nay đọc vẩn mê ý chỉ chẳng biết chỗ lập, chỉ thuận viên dung, nếu chẳng hiểu thì tu tập không có phần. Trong đó lại có hai: Một là chung, hai là riêng.

Nói chung, lược nêu mười điều: Một là phải biết thừa thể không phát không đến; hai là phải biết thừa thể chung cho nhân chung cho

quả; ba là phải biết viên thừa đủ trong mười pháp; bốn là phải biết xe lớn chỉ dụ mười pháp; năm là phải biết các pháp đều đủ mười thừa; sáu là phải biết các giáo môn môn đủ mười; bảy là phải biết khai hiển chỉ diệu mười pháp; tám là phải biết giản thể khác với cụ độ; chín là phải biết quán tâm lập nghĩa mười pháp; mười là phải biết trâu trắng khác trâu đen. Nói riêng là ở mỗi pháp đều có bốn ý, nếu có một, hai giống phụ văn trước là muốn nói khác, chỗ lập khác. Diệu cảnh có bốn: Một là đối với cảnh vô tình mà lập Phật thừa. Nếu không có Phật thừa thì thân thể Phật pháp là khắp hay chẳng khắp. Cũng chẳng nên nói thân thể Phật pháp đồng với vô tình, cho đến chẳng đồng. Cho nên phải nói: Pháp gọi là bất giác, Phật gọi là Giác. Phật tức là Pháp, Pháp tức là Chúng, há có thể một thứ; hai là chúng sinh tánh, đức đủ ba nhân, nếu không có ba nhân thì duyên liễu mới có vô thường. Vì sao vô thường mà lập thường quả? Đại Kinh phá dùng Biệt giáo ngoài ý không phải điều ở đây nói; ba là hai báo y chánh trong một niệm, người khác đều biết tất cả là dùng thức, chẳng biết thân cõi ở một tâm. Cho nên biết tâm thể tức Thường tịch quang. Cách cõi Tịch quang không hai không khác. Thân Giá-na xứng với cõi, pháp và báo ứng là một thể không khác; bốn là Phật vốn chẳng dứt pháp tánh ác. Nếu tánh ác dứt thì hiện khắp sắc thân từ đâu mà lập. Chỉ khiến phần đắc thường trụ pháp thân, chẳng động mà động, khắp ứng thân cõi, đủ như Quán Âm Huyền Văn và ký thứ năm. Phát bốn tâm: Một là phát tâm trước phải nghĩ cảnh được nương gá. Như mười thứ phát tâm đều bốn giải khác nhau, cho đến đương phần khoa tiết khác nhau; hai là niệm niệm đầy đủ bốn thệ nguyện rộng, lấy chung mà quán riêng, mỗi hành nguyện từ đây mà lập. Cho nên biết Tứ đế vô tác chỉ một niệm tâm, là y cảnh này ở khắp nhiều niệm; ba là trong một niệm tâm mà biện năng sở, dùng năng sở này mà thương mình thương người. Kỷ tha một niệm tâm chúng sinh và Phật lý bằng nhau. Cho nên Bồ-tát y theo đây mà khởi thệ; bốn là viên phát mà phải khắp lập khắp phá. Lìa năng trước rồi mới khế sở y. An Tâm có bốn: Một là y cứ hành viên đốn chỉ quán vẫn khai sáu mươi bốn phen, chẳng lập nhiều phen Đậu hội chẳng đủ; hai là một niệm chỉ quán phải liễu năng sở, định tuệ đế cảnh các hành rõ ràng. Sở dĩ lìa chung ra khỏi riêng, riêng đều có chung, tuy khác mà đồng, tuy đồng mà khác; ba là Tịch chiếu tương tức, sơ tâm có thể tu. Người khác đem dụng này quyền ở cực quả. Trước sau chẳng hai giáo ấy uổng làm; bốn là phàm sư vì người khác vẫn phải hỏi, đồng lập một vị chưa thấy ích phương, nếu chuyển sang tốt lạ chỉ là chuộng mới mà thôi. Thuận theo chỗ mình

thấy có liên quan gì hợp với người khác. Người nhận chẳng phải cơ các thấy thêm lớn. Do đó đồng tông chi phái đều trái. Lý quán đã mỏng, mâu thuẫn càng nhiều. Nhà nay biện sư trước chia phàm thánh. Địa vị sáu căn tịnh còn nói phàm lưu, năm phẩm đệ tử lý không chân ứng. Hỏi người khác bày giáo y bệnh lập thuốc, bốn tất đàn tiện nghi, hai hành cùng ích đâu cần cố chấp sớm chiều ôm cây. Phá khắp có bốn: Một là tâm vô sinh đầu ngang dọc tuy khắp, lại phải hậu vị sáu tức mà dọc cùng, hoặc ngang hoặc dọc đều tức lý. Môn ngang mỗi môn đều dọc và chẳng phải ngang dọc; hai là phải biết tha môn. Tha môn lý bình đẳng, ba độ vào tha môn, các pháp không sai. Nếu dùng một môn các môn dung nhập, huống chi Niết-bàn mà thích nghĩa, Phật tạng bày tướng, Lăng-già thích thành, Địa trì giáo đối, đều tùy pháp tướng mà độ nhập các môn. Lại dùng một niệm tâm mà cai quản hai môn. Cao rộng xe lớn bất động mà chở; bốn là vào trụ ứng khắp (biến) mới gọi là giả khắp, cho đến chân khắp. Ông trước tuy quán viên dung ba đế chỉ là tự hành quán hành tương tự, y cứ vị vẫn ở hoặc tục hoặc chân. Cho nên tuy viên mà chưa gọi là phá khắp. Trụ sau còn phải tiết tiết lìa ái, mới có thể khiến tịnh dư vị vô minh (vị khác). Thông bít có bốn là ba chỉ ba quán ở trong một tâm vẫn liễu khai quyền không ngoài các pháp tiết tiết xem xét tâm năng trước, không kiểm không trước mới gọi là Thông; hai là một tâm chỉ quán vẫn phải khéo đạt bít trong thông. Trong tắc, tệ khổ tập vô minh, v.v... đều là pháp giới thành ở vô tác đế duyên độ; ba là sơ tâm bến báu, sáu tức xét phân cho nên được mảy may thiện đều thành nhân Phật; bốn là phải rõ năng phá chuyển thành sở phá, nghĩa là giặc là dụ này có thể biết. Nếu chẳng phải thế, thì chẳng thấy nói quán mà thành, hoặc hóa bèn thành Bồ-tát Chiên-đà-la. Đạo phẩm có bốn: Một là bày nghe quán Đại Tiểu đều phải giảng, chỉ nói theo tiểu vị, còn lỗi Tiểu thừa sinh nhau nhiếp nhau, huống là khác ư? Đại thừa quán thì Đại Tiểu đều bỏ, lấy gì xem là pháp được làm; hai là phải dùng các phẩm xoay dần điều đình. Các nhà nếu tu chỉ nói niệm xứ, hậu phẩm đâu ngại gì mà chẳng dùng; ba là sau viên Đạo phẩm rồi nói ba không môn. Tha đã chẳng nói năng thông làm sao còn? Như đời hành đạo đến vô môn có thể vào; bốn là cùng tất cả hành, tên khác mà thể đồng. Đủ như trong văn nhiếp pháp đã nói riêng. Chánh trợ có bốn: Một là viên đốn vẫn phải trợ khai ba thoát, người tu đời gần đây được lời làm chứng. Cho nên bất luận trợ trị khai môn; hai là Biệt giáo giáo đạo vẫn gọi là sự, cho đến dụng viên cũng gọi là lý trợ, trợ thành lý phát xét vị thắng tấn. Ba là tuy dùng ba giáo mà làm trợ trị vẫn phải ủy dụng đối chuyển

gồm đủ. Người khác không một phen, huống là các câu. Bốn là sáu độ cho đến mười hai điều thành đạo, xoay bánh xe pháp, nhập Niết-bàn, v.v... đều phải bốn giáo sự lý hợp thành. Thứ vị có bốn: Một là thỉ chung chẳng hai vẫn phải sáu tức, hoằng giáo tu quán đều phải biết rõ, mới khỏi Sơ trụ gọi là Diệu giác; hai là tha lại chẳng lập năm phẩm sáu căn, văn Pháp Hoa trở thành vô dụng; ba là y cứ ấm giới nhập mà nói về thứ vị; bốn là, sáu thời năm hối là vào vị Phương tiện. Tha chẳng nói thì lấy gì làm Thỉ viên hành. An Nhẫn có bốn: Một là tuy hành sáu độ sự lý tức nhau, nhưng tức vị chưa sâu, nhân sinh trái thuận, kia chẳng biện đây, sự nầy phá quán tâm, chẳng vào sáu căn là do đây; hai là sự lý tuy tức phải biết vị này phiền não vẫn còn, há dùng tâm thô mà tạm thời dứt ít liền kể tướng này làm quả đầu. Nếu khen là quả đầu thì thẹn mà chẳng dám nhận, nếu giáng xuống phạm hạ thì cũng thô bỉ. Hai lạm trung gian không hề gọi tên, cho nên phải biết. Sơ phẩm xét lường mình người không phân; ba là trong ngoài trái thuận tin mà an nhẫn thì phải biết rõ năng nhẫn, sở nhẫn; bốn là dùng ba thuật tụ an khiến vào hậu vị. Ly ái có bốn: Một là ba cõi dứt ái vẫn được gọi là ái; hai là tên Đảnh đọa nầy chẳng đồng thối đọa; ba là nhận đây cùng dùng được pháp nhận tên; bốn là vị nầy hướng sau lại phải vào vị.

5. TÂM CẢNH THÍCH NGHI LỆ:

Lược có hai mươi phen: Hỏi: Quyển một trong hoằng thệ nói: Đối pháp giới khởi pháp giới, vì sao pháp giới có khởi có đối? Đáp: Như trong đã phân biệt nghĩa ấy đã nêu, nếu muốn nói lại thì đều có nguyên do:

Một là y cứ lý, tâm Phật không khác, tuy Đối tuy khởi nhưng đâu hề không phải lý.

Hai là hễ niệm khởi y lý thể đạt, hoặc khởi hoặc Đối chẳng ngoài Phật giáo.

Ba là xứng lý, lý đã pháp giới, khởi Đối xứng lý thì đều là pháp giới. Nay nghĩa chung trong văn nầy ba ý ở hai trước nên khởi Đối lại xả (bỏ) pháp giới, ba thứ này tức là ý sáu tức trước là lý tức, kế là ba tức danh tự, quán hành, tương tợ.

Ba là hai tức phần chân, cứu cánh. Hỏi: Mười giới bốn vận chánh khởi, tướng nó dễ biết, còn Dĩ khởi, Vị khởi làm sao quán sát? Đáp: Dĩ khởi, Vị khởi tuy tức chẳng chuyên đích tại một cảnh, nhưng phải hình ở tâm chánh khởi thì biết Dĩ khởi là thuộc giới nào. Nhìn trước là Dĩ, nhìn sau là Vị, cho nên Dĩ Vị nhìn ở dục chánh mà được tu quán. Hỏi: Dĩ khởi

đã nhìn tâm trước, tướng có thể biết. Vị khởi nhìn sau, có sau để nhìn, thì gọi muốn khởi, vì sao gọi Vị khởi? Đáp: Đối ở cảnh sau biết tâm chưa khởi nên gọi Vị khởi. Tâm tướng muốn sinh tức là muốn khởi. Thế nên hai tâm, tâm tướng toàn khác. Quán một vận nầy tức đủ mười giới, trăm giới, ngàn như. Tức không tức trung, cho nên biết tuy quán mười giới bốn vận mất giới mất vận chỉ quán ba ngàn, tức không tức trung, không có ba danh tự năng sở ngầm hợp. Cho nên chẳng đồng giả của lại duyên, không tự tánh không, không giả chẳng hai gọi đó là Trung. Cho nên mượn dụ rằng: Khi các sắc tâm hiện, như vàng bạc ẩn khởi, chỗ vàng khác tên. Sinh và vàng không có trước sau, cũng như đường quan đi, người riêng đào làm tượng, người trí biết đất đường, phàm ngu gọi là tượng sinh. Lúc say quan muốn đi lại đem tượng mà lấp đường. Tượng vốn chẳng sinh diệt, đường cũng không mới cũ.

Bốn là hỏi ngoài sắc vô tình chẳng cùng tâm đều, vì sao lại đầy đủ được ba đức, mà nói ba đức khắp tất cả chỗ. Đáp: Đâu chỉ ngoại sắc chẳng cùng tâm đều, trong thân cũng như cỏ cây ngói đá cũng nói đủ đức, chẳng riêng hướng tâm do tâm biến, cho nên gọi nội tâm ngoại sắc, tâm chẳng phải trong ngoài, sắc không trong ngoài mà trong mà ngoài. Hễ tâm ấy tịnh thì cõi Phật tịnh, hễ cõi Phật tịnh thì trí tuệ tịnh. Vì sắc tâm tịnh nên các pháp tịnh, vì các pháp tịnh nên sắc tâm tịnh. Đâu được riêng nói ngoại sắc chẳng phải tâm. Cho nên trong phá pháp biến lấy thức mà so sánh sắc. Cuối quyển bảy hoặc tâm hoặc sắc đều là xe lớn.

Năm là hỏi nay hiện thấy xanh vàng đỏ trắng, vì sao tức là pháp giới chân như? Đáp: Nói xanh, v.v... là chấp chỗ tìm thấy, nói pháp giới là nói theo lý, đâu được dùng tình để hỏi lý. Nay chỗ quán trái tình quán lý, chẳng thể lại khiến trái lý thuận tình. Lại xanh, v.v... là Thế đế, pháp giới là Chân đế. Lại các chấp xanh, v.v... là Thế đế thiểu phần, còn pháp giới là ba đế toàn phần. Lại xanh, v.v... là hai nhãn Nhục thiên chỗ thấy thiểu phần, còn pháp giới là Phật nhãn chỗ thấy toàn phần. Một nhãn đủ năm nhãn, xanh v.v... đủ các pháp. Một đế ba đế cũng giống như thế. Cho nên chẳng được dùng xanh v.v... mà hỏi pháp giới. Cho nên trong Khí Cái nói: Sắc chẳng phải vị, chẳng lìa phàm phu tự vị, Nhị thừa tự lìa. Sắc thể xưa nay là pháp giới thường trụ.

Sáu là hỏi: Phát tâm Bồ-đề cầu ở cực quả, quả địa tự nhiên ứng với tất cả, sao phải ắt giả đại bi ở trước mà nói tâm Bồ-đề của Phật từ đại bi mà khởi. Đáp: Nếu không có đại bi huân ở pháp tánh thì lý tạng pháp tánh không do đâu mà được khai. Nếu tạng chẳng khai còn không có Sơ trụ, huống chi là cực quả. Cho nên chẳng dùng đại bi mà huân

tâm thì sau này không có pháp lợi. Hỏi: Như thế thì mười pháp thành thừa sao chẳng để đại bi đứng đầu mà chỉ lấy diệu cảnh làm đầu? Đáp: Thông đồ thứ lớp, lý cảnh ở đầu. Nếu trong phát tâm, đại bi làm đầu.

Bảy là hỏi: An tâm trước nói xưa nay vắng lặng là tu hay tánh? Đáp: Nếu nói tâm tánh vốn vắng vốn lặng, vắng tức là chỉ, lặng tức là quán, thì đây là y cứ lý tánh. Nếu nói thể vọng tức là pháp tánh, pháp tánh không khởi, biết vọng vốn không, không cũng không diệt, đây là nói theo tu quán, cũng là tu tánh hợp nói.

Tám là hỏi: Trong tổng an tâm chỉ quán viên tu thấp, trong Biệt an chỉ là Thiên tu vì sao được nói lấy chung quán riêng. Đáp: Chỗ nói thiên không phải là khác hẳn. Chỉ là là chỉ của quán, quán là quán của chỉ, thể đồng dụng khác tạm thích hợp mà thôi. Cho nên biết chung đều đồng, mà khác là tùy dụng, cho nên phân ra thuận lý mà hợp. Nếu nó lìa thành ba đế thứ lớp riêng nhau, ở đây chỉ quán chẳng thể đồng thời. Đủ như trong các giáo phân biệt tướng trạng. Nếu viên an thì như tổng viên an trước nói: Bất động chỉ là Trí bất động, Trí bất động chỉ là chỉ bất động lấy đồng thể nầy mà quán riêng, cho nên không hai.

Chín là hỏi: An tâm trước nói: Chỉ tin pháp tánh chẳng tin các thứ khác, vì chỉ pháp tánh không có các thứ khác. Nếu đều không thì hiện thấy các pháp lại bảo là pháp tánh đủ tất cả pháp. Đáp: Vì chúng sinh nhiều kiếp chỉ mê đắm các pháp mà không tin pháp tánh. Vì phá chấp xưa nên nói theo đối trị, khiến đối với các pháp thuần thấy pháp tánh. Nếu thấy pháp tánh, tức thấy pháp tánh thuần là các pháp. Các pháp tánh ấy vốn không có tên gọi, y cứ phá lập mà nói nên gọi là tánh, gọi là pháp.

Mười là hỏi các văn đều nói: Sắc tâm chẳng hai, nếu muốn quán sát làm sao lập quán? Đáp: Tâm sắc một thể, không trước không sau, đều là pháp giới. Tu quán thứ lớp thì trước nội tâm, nếu nội tâm tịnh thì lấy tịnh tâm này mà trải tất cả pháp, nhậm vận lẫn lộn. Lại cũng trước hiểu muôn pháp Duy tâm mới quán tâm được. Hiểu các pháp tức thấy các pháp chỉ là tâm chỉ là sắc. Phải biết tất cả do tâm phân biệt các pháp không hề tự nói đồng khác. Cho nên kinh Chiêm-sát nói: Quán có hai thứ: Một là Duy thức, hai là Thật tướng. Thật tướng quán lý, Duy thức trải sự. Sự lý chẳng hai quán đạo vừa mở. Nếu hiểu được đây thì sẽ cùng luận đạo.

Mười một là hỏi trong An Tâm nói: Thể thật ra chẳng sinh diệt, vọng bảo là sinh diệt. Nếu vì chỉ dứt vọng thì bảo cũng còn sinh diệt làm thể. Vọng bảo khiến không sinh diệt. Đáp: Đây cũng không riêng

phải trong sạch ý mình, nếu riêng luận lý thì chẳng phải khởi, chẳng phải tánh, nếu y cứ quả đức thì tánh chẳng hai khởi. Nếu y cứ chúng sinh thì chỉ khởi tánh mê. Nếu Thánh soi phàm tức khởi chỉ là tánh. Nay từ bỏ mê về ngộ để nói khiến lìa khởi về tánh thấy không phải khởi tánh, vẫn sợ người mê lìa khởi cầu tánh, cho nên khiến thể khởi thật ra nó chẳng khởi. Khởi đã chẳng sinh diệt cũng không diệt.

Mười hai là hỏi: Đã nói một tâm chỉ quán sao lại được lập sáu mươi bốn phen. Đáp: Sáu mươi bốn phen là y cứ căn y cứ hành trở lại giúp nhau. Chung khắp mà luận có sáu mươi bốn hành, đâu cần phải đủ hết các số. Lại nói về thể tánh, chỉ là y cứ ở pháp tánh vắng lặng chiếu soi, tự tại kham dụng nên cho như thế.

Mười ba là hỏi tức trong văn này hoặc nói: Các pháp tức là pháp tánh, hoặc nói bốn vận bốn tánh suy kiểm, cái nào là yếu? Đáp: quán tâm pháp có sự có lý, từ lý chỉ đạt pháp tánh chẳng có đường khác. Từ sự thì chuyên chiếu khởi tâm bốn tánh không thật có. Cũng gọi là gốc ngọn, gốc ngọn đối nhau sự lý chẳng hai.

Mười bốn là hỏi: Pháp Hoa Huyền Văn, Cảnh năng chiếu trí, tuy dẫn thành chứng lý cũng khó sáng. Đáp: Thuận phương tiện giáo lý chẳng thể hội. Nếu từ cực nói ở lý dễ cho dùng tâm làm cảnh. Tâm cũng năng chiếu, năng sở đều là tâm. Tâm thể đều khắp, tâm tâm chiếu nhau ở lý rất sáng. Cho nên chẳng thể nghĩ bàn cảnh. Trước nói cảnh chẳng thể nghĩ bàn tức là Quán. Do đó được làm bốn câu phân biệt. Cảnh chiếu ở cảnh, cảnh chiếu ở trí. Trí chiếu ở cảnh, trí chiếu ở trí. Chiếu là phương chiếu, chẳng phải nói mà cùng được. Chiếu là ứng thuyết, chẳng phải chiếu có thể liễu. Thuyết là phương thuyết chẳng phải chiếu có thể cùng. Thuyết là ứng chiếu chẳng phải nói có thể liễu. Cho nên chẳng đồng. Đời gọi ngoan cảnh để làm sở chiếu, lại cũng chẳng đồng thiên tiểu vọng tâm để làm sở chiếu. Lại cũng chẳng đồng giả lập chân như để làm sở chiếu sở chiếu, đã thế thì năng chiếu cũng vậy. Chẳng thể nói đó.

Mười lăm là hỏi: Trong phá pháp biến nói phải dùng vô sinh làm đầu, hỏi sau phân biệt vì sao lại nói vô sinh là trí, vô diệt là đoạn, trí là quán, đoạn là chỉ, ứng môn vô sinh chỉ quán không chỉ đáp: Phá biến môn, ý từ sự nói riêng, cho nên trong văn nói: Có định tuệ mà tịnh hết. Đủ như trong ký rộng phân biệt riêng.

Mười sáu hỏi: Thiền cảnh mười hai nhân duyên đầu quán cảnh không thể nghĩ bàn, trước nói: chẳng đồng người đời chấp trước, một niệm đầy đủ ba ngàn là chỉ ở trong đây các cảnh đều như thế. Đáp: Tất

cả đều như thế.

Mười bảy là hỏi: Nếu trong tâm mê đắm của ông chẳng đủ ba ngàn? Đáp: Đây là chuẩn dụng quán để quán cảnh mà nói. Tâm mê đắm vốn là các pháp, chiếu tâm mê đắm nầy là duyên sinh hư giả, trong ba ngàn tự thể tánh không, tức là tâm tánh không thể nghĩ bàn, viên diệu ba đế, thí như hoa đốm, hoa cũng là thể không, chẳng phải một chẳng phải khác. Không nầy chẳng phải hoa, cũng không đối hoa mà nói không. Không chẳng có tên gọi, do đó suy kỹ các pháp đều như thế.

Mười tám là hỏi: Trong văn mười hai nhân duyên diệu cảnh kết thúc làm ba đạo để đối ba đức. Thân khổ chất ngại làm sao đối pháp thân? Đáp: Đây là nói theo lý, ước đối trái nhau, lấy thân đối thân. Làm thuyết này thật luận ba thể lại không trước sau. Lại nói khổ luận vô thỉ không bờ bến, cùng nghiệp phiền não chẳng đồng chẳng khác, huống chi trong văn nầy ước ở một niệm mười giới, một trăm giới. Vì nói về nhân duyên, y cứ nhân duyên này để nói về ba đạo, y cứ ba đạo này để nói về ba đức. Cho nên ba đạo cho đến ba đức đều không trước sau. Tánh đức ba nhân không thời nào chẳng có há lại hỏi chất ngại, v.v... ư?;

Mười chín là hỏi: Có người hỏi rằng: Cõi này chân thuyên bẩm thừa có đầu mối. Tuy giáo khoa nói rộng mà bản vị vẫn còn, tìm cầu tông nguyên tự có thể hiểu gốc, đâu cần phải lập một tâm ba quán, bốn vận suy kiểm thấm nhuần dòng nước trong. Đáp: Nước ngòi vốn trong khuấy lên chưa đục. Chân Nguyên thể tịnh lẫn lộn cũng cự phương. Nếu khiến Ấn-độ một Thánh lai nghi, chưa như Đâu-suất hai sinh thùy giáng. Cho nên Đông Dương Đại sĩ ở Đẳng giác còn dùng ba quán bốn vận mà làm tâm yếu. Cho nên Độc Tự thi rằng: Độc tự tự tinh cái thật mà lìa tiếng tăm, ba quán một tâm dung muôn phẩm rừng rậm, gai gốc chỗ nào sinh. Độc tự hỏi trong tâm ta có mê đắm gì. Suy kiểm bốn vận đều không sinh, ngàn muôn mối manh đâu thể buộc. Huống chi ba quán bản tông Anh Lạc. Bổ xứ Đại sĩ miệng vàng thân thừa. Cho nên biết một nhà giáo môn xa bẩm kinh Phật. Lại phù hợp rõ ràng với Đại sĩ huống chỗ dùng nghĩa chỉ lấy Pháp Hoa làm tông cốt, lấy Trí Luận làm chỉ nam, lấy Đại kinh làm phù sớ, lấy đại phẩm làm quán pháp. Dẫu các kinh để thêm lòng tin, dẫn các luận để giúp thành quán, tâm làm sợi ngang, các pháp làm sợi dọc, dệt thành bộ pho, chẳng cùng khác đồng. Hỏi: Đại sư khẩu quyết thuần là trị bệnh, có tâm yếu nào khác chăng? Đáp: Các thứ đều trị bệnh, chỉ có một kệ rằng:

Sư từng dạy khuyên rằng:

Thật tâm buộc thật cảnh,
Thật duyên thứ lớp sinh,
Thật thật đắp đổi rót,
Tự nhiên vào thật lý.

Giải thích rằng: nếu tâm buộc cảnh, cảnh sẽ buộc tâm, tâm cảnh buộc nhau, gọi là thật duyên. Lại do hậu tâm, tâm tâm nối tiếp gọi là đắp đổi rót nhau. Tức là tâm rót vào cảnh, cảnh rót vào cảnh, cảnh rót vào tâm, tâm tâm cảnh cảnh, niệm niệm rót nhau, cứ thứ lớp như thế, sát-na không xen hở. Tự nhiên từ quán hành tương tự mà vào phần chứng. Cho nên gọi là vào thật.

■

CHỈ QUÁN NGHĨA LỆ

QUYỂN 2

6. GIẢI HÀNH TƯƠNG TƯ LỆ:

Như trong phân biệt chung, dùng mười nghĩa phân biệt mười phương, ở trong đó lại y cứ Tự hành hóa tha thì tám thứ trước là tự hành. Trong đó bỏ quả nói về nhân, thì quả báo là quả không phải chánh ý nay. Bảy thứ trước là nhân chánh nói tướng tu. Trong bảy nhân thì năm thứ trước sinh giải, hai thứ sau là hành. Trong văn phân biệt tuy dùng khởi giáo làm dụ. Nhưng tự khởi giáo hóa tha, nghĩa phải ở giải. Vượt thứ bậc lấy văn thì gồm hóa tha. Cho nên tự hành là giải chỉ ở năm chương trước. Đại ý tuy có hành và quả báo, các văn chỉ là nêu hành và quả báo, giúp cho biết gốc ngọn, không phải nói là tướng tu hành. Vì sao? Vì tu hành phải đủ hai mươi lăm pháp để làm phương tiện. Mười thừa mười cảnh để làm chánh tu. Vì sao? Vì nếu không có mười cảnh mười thừa thì không có thể, nếu không có mười pháp thì gọi là xe lừa bị hư. Cho nên biết phải có năm chương để sinh Diệu giải. Ở trong sinh giải thì đại ý lược giải đầu cuối, tự tha nhân quả thì văn lược mà ý rộng. Kế bốn chuyên tại danh, thể thì văn lý đều rộng. Cho nên dùng rộng giải mà dắt dẫn hành, mới khiến hai mươi lăm pháp tùy giáo mà xét phân. Hội khai bỏ thô mới được gọi là đầu của Diệu hành. Cho nên năm chương chẳng thể bỏ một. Nếu dùng giải này mà tu mười pháp thì chỉ giải thích mười pháp gọi là tông thứ lớp ở lý tự đủ. Mà trong văn nay tướng cũng rộng. Là người thuần căn vẫn sợ chẳng hiểu quán pháp thứ lớp, cho nên dẫn giải trước vào quán nói rõ, lại sợ văn quá rườm rà, đối với Ấm nhập giải thích đủ mười pháp, chín cảnh so sánh mà biết. Cho nên các văn đều bàng chánh. Lại như mười cảnh chỉ một niệm tâm hành địa, mỗi pháp hiển bày cảnh tướng, chủng hành khác nhau, mỗi pháp khởi ở vũ hành mười thừa quán pháp, mỗi pháp chuyển thành mầm mống cảnh hành không thể nghĩ bàn, mỗi pháp phát cán tâm hành, mỗi pháp an khi tâm hành, mỗi mỗi phá biến cho đến chánh trợ ái hành. Nếu không có sáu việc, đạo thọ bất đoan, thú lớp tuy thế. Nếu từ người nói thượng

căn, tức ở cảnh chủng mà sinh quả. Cho nên văn nói: Thẳng nghe mà nói bệnh dứt, hết bệnh là Trung Hạ căn lại phải hậu pháp, cho nên văn nói: Chí Trường là chỗ hòa hợp các thuốc. Lại ở mười thừa mỗi thừa lại phải hiểu rõ ý văn. Mỗi thừa đều y theo tịch chiếu chỉ quán không thể nghĩ bàn, là tùy của văn, mỗi thừa sinh nhau khởi thứ lớp là xương của văn, mỗi thừa dẫn sự trở thành hành tướng là thịt của văn, rộng phá hỏi đáp xưa mà thích nghi, là da của văn. Lại bốn văn như thích danh v.v... là gồm nghĩa da, gồm ở ý thịt tức là xương. Ý sau chỗ đến tức là tùy. Nếu không có bốn sự, pháp thân chẳng thành. Thế nên người đọc, người làm phải biết chậm gấp. Không được nhầm chỉ lời lệch ý lạ khiến làm chẳng trọn. Người tu hành sau đâu có qua tập giải mà khởi phương tiện. Làm nhân được quả, quả đủ thì dạy người khác. Cơ khác ta ứng, cảm ứng riêng dứt, tụ tha đồng quy, diệt lý chân tánh. Nay tuy một bộ ý chỉ như thế, cho nên mười chương này đều nhiếp hết.

7. DỤ NGHI HIỂN CHÁNH LỆ:

Chỗ học tông này đồng học một thầy. Văn lý nối nhau, không bao giờ giải thích khác. Bỗng gặp người lạ, nhân hỏi đáp khác, sự chẳng được mà trưng bày dụ.

Hỏi đốn giáo có mấy thứ? Đáp: Có tiệm đốn và đốn đốn. Dụ rằng làm giảng quán suốt, trước phải xem bản văn. Bản văn đặt tên chẳng thể lấy khác. Cầu hiểu khác mà giải thích nhưng vẫn phải thể đồng. Tên gọi đốn đốn kinh luận chẳng nêu, một nhà soạn thuật các bộ đều không. Nếu danh thể đều không thì tu hành nhờ vào đâu. Nếu cho đốn đốn là viên, như viên viên, v.v... thì nghĩa này có thể như thế, đã chia ra hai đốn, thì tiệm đốn là viên (đủ), lại thêm đốn đốn thì làm sao định. Hỏi: Hai vị này dứt hoặc có gì khác nhau? Đáp: Hai vị khác nhau. Nếu tiệm đốn thì Sơ trụ trở xuống bốn trụ trước trừ. Nếu đốn đốn, thì Sơ trụ trở xuống là viên phục năm trụ, Đăng trụ trở đi là viên phá năm trụ. Dụ rằng: Sơ trụ trở xuống bốn trụ trước trừ, dẫn chứng thuộc viên nơi nơi đều như thế. Cho nên bốn niệm xứ của Viên giáo nói: Đúc sắt làm đồ dùng vốn thành đồ dùng, chẳng phải trừ cấu, thô cấu trước trừ chẳng liên quan gì đến tiệm thứ đốn đốn. Đã nói Đăng trụ viên phá liền hiển, trụ tiền năm trụ toàn còn. Trụ phá bốn trụ, hành phá trần sa, đăng địa mới phá một phẩm vô minh. Cho nên chẳng phải khác lìa hai biệt lập (đứng riêng) không có pháp có thể địa. Hỏi: Hai đốn tu hành tướng ấy có gì khác. Đáp: Tiệm đốn mà quán thì không quán trước thành, đốn đốn mà quán thì ba quán chứng đủ. Dụ rằng: ở đây rất trái giáo văn một

nhà. Đã nói tiệm viên, là viên trong bốn giáo, phải y theo sáu tức mà xếp viên vị này, thì chẳng nói không quán trước thành. Vì sao? Vì năm phẩm tức là quán hành ba quán, sáu căn tức là tương tự ba quán, sơ trụ trở đi là phần chứng ba quán. Vì sao lại nói không quán trước thành? Lại chẳng biết ý kiến tư trước lạc tợ vị. Nếu trước thành vì sao gọi là tợ tức đốn đốn. Đã nói ba quán đều chứng, ấy là vị nào. Nếu ở sơ trụ thì nào khác với tiệm đốn. Nếu ở Trụ tiền thì đều không có việc này. Nếu nói Trụ tiền chỉ phục, Sơ trụ đều đoạn. Các giáo không văn mới thành tà thuyết. Hỏi: Y cứ vào đâu mà biết được có hai thứ đốn? Đáp: Y cứ theo Huyền Văn, tám giáo gọi tiệm đốn là Bí mật bất định tiệm. Lại bốn là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Ở đây nói gồm tên trước nên là tám giáo. Trong tiệm đã có một viên sau cuối, ngoài tiệm lại lập một đốn. Cho nên biết viên trước chỉ là tiệm viên, lập riêng một đốn là Đốn đốn. Nhiều lần đem nghĩa này để hỏi người khác. Người khác không chép chỉ riêng ta biết. Dụ rằng: y chỗ phán này thì có nhiều điều ngại: Một là ngại chẳng biết tên giáo mà lập riêng một đốn, chính là Đốn Bộ đầu tiên của Hoa Nghiêm. Khi Phật mới thành đạo, chưa đến các hội, chẳng từ tiệm đốn mà nói thẳng Đại thừa. Đại bộ ở đầu nên gọi là Đốn. Bộ vẫn gồm Biệt nên chẳng được gọi là diệu, há dùng kinh gồm biệt dịch (đổi) là đốn đốn. Pháp Hoa riêng hiển liền gọi Tiệm viên; Hai là ngại chẳng biết tiệm khai. Nói tiệm khai là y theo Pháp Hoa Huyền, sau Hoa Nghiêm đốn, riêng vì tiểu cơ bất động bất giáng mà bày ra Tiệm giáo. Tiệm giáo đầu tiên trước nói ba tạng, sau giáo ba tạng chê bai bỏ đi mới dùng đủ bốn nên gọi là khai xuất. Cho nên trong Huyền Văn từ Thô Uyển cho đến Hội Bát-nhã đều gọi là Tiệm, há trong Tiệm này có ở Viên giáo, liền gọi Tiệm viên? Lại Huyền thứ mười tiệm đốn phán giáo, từ Hoa Nghiêm đến Hội Bát-nhã đều gọi là Tiệm đốn. Viên trong Hoa Nghiêm Viên giáo cùng Phương Đẳng Bát-nhã, Viên đã chẳng khác thì cũng phải đều gọi đốn đốn, sao riêng gì Hoa Nghiêm. Nếu Viên trong Phương Đẳng Bát-nhã gọi là Tiệm viên, thì Hoa Nghiêm Viên giáo cũng phải gọi là tiệm viên, có liên quan gì trừ bộ; Ba là ngại chẳng biết giáo thể. Nếu tiệm khai ra bốn, như mở nắm tay thành ngón tay, chỉ ngón tay thì không có nắm tay. Hợp bốn làm tiệm, như hợp ngón tay làm nắm tay, chỉ nắm tay không có ngón. Còn tiệm thì giáo chỉ có bốn, mất Tiệm thì giáo chỉ có bảy. Đều còn một bên thì không thể. Lập tám thì thể hẹp danh rộng; Bốn là ngại ngăn lẫn Pháp Hoa. Phán giáo đời gần đây thường dùng Hoa Nghiêm làm pháp luân căn bản, lấy Pháp Hoa làm pháp luân nhánh lá, chỉ có Thiên Thai ở Linh Thứu thân

thừa Đại Tô Diệu ngộ, tự làm chương sớ, dùng mười nghĩa mà so. Tích môn còn khác thì bản môn càng khác xa. Cho nên trong Huyền Văn hễ các giải thích đều trước y cứ giáo mà phán thì ba thô một điệu. Kế y cứ vị mà phán thì bốn thô một diệu. Vì sao lấy thô mà gọi Đốn đốn, lấy diệu lại làm Tiệm viên?; Năm là ngại chẳng biết tên gọi đốn. Nếu từ hành làm tên thì viên chỉ là đốn, cho nên tên xưa (xưa gọi) viên đốn chỉ quán. Nếu từ vị mà đặt tên thì đốn khác với viên. Cho nên phán sơ vị là Cao Sơn Đốn thuyết (núi cao nói đốn), nếu đem phán vị gồm đốn để chê phán giáo riêng hiển viên. Sao lầm đến thế; Sáu là ngại chống trái Bản tông. Bản sư khen là Độc diệu học giả mà hủy bỏ Tiệm viên, giấu thật bày quyền thì có lợi ích gì; Bảy là ngại trái văn trái nghĩa. Kinh nói: Đã nói, đang nói, sẽ nói, mà ở trong đó Pháp Hoa thứ nhất, Hoa Nghiêm đến Niết-bàn gọi là đã nói, còn kinh Vô Lượng Nghĩa gọi là đang nói, kinh Đại Bát-niết-bàn gọi là sẽ nói. Y chỗ phán đó thì đã nói thứ nhất, có liên quan gì đến Pháp Hoa. Như đây riêng biết người nghe bịt tai. Hỏi: Từ tiệm khai bốn đều trước chỉ bảy làm sao thành tám giáo? Đáp: Khai ra bốn rồi vẫn có một tiệm, dụ như bốn thứ trước. Trong ngại thứ ba đủ biết mê lầm, nó đã chẳng biết tiệm. Từ Lộc uyển đến Bát-nhã lấy gì mà lập riêng một tiệm giáo ư? Nếu biết Lộc Uyển đến Bát-nhã thì y cứ thời gọi Tiệm, chẳng hề vội phán Viên trong bốn giáo gọi là Tiệm viên, há phán Pháp Hoa kém hơn Nhũ giáo. Hỏi: Pháp Hoa Kinh Bộ là đốn nào? Đáp: Biết là chẳng phải Đốn đốn. Dụ rằng: Thầy này chẳng phải chỉ không biết tên gọi đốn tiệm, mà còn chẳng hiểu ý kết văn. Huyền Văn giải thích bốn vị giáo trước đã xong. Kế lấy tiệm, v.v... mà kết thúc giải thích Pháp Hoa rằng: Chẳng phải đốn, tiệm, bí mật, bất định. Trước nói: Nay Pháp Hoa là Hiển giáo chẳng phải bí mật, là định, có bất định. Kết chẳng phải Bí mật bất định. Bí mật bất định chung với bốn thời trước. Kế nói là tiệm đốn không phải là tiệm Tiệm kết không phải giáo trước đốn sau tiệm. Nói tiệm đốn là y cứ bốn thời trước trong tiệm có tốn, trong đốn có tiệm. Nay kinh Pháp Hoa Tích môn Viên nói với đốn trong Tiệm, nghĩa ấy không khác, chỉ khác tiệm trong tiệm mà thôi. Nói Tiệm tiệm thì Lộc Uyển một, Phương Đẳng ba, Bát-nhã hai, là tiệm trong đốn, tức là Biệt giáo cùng Tiệm trong tiệm, nghĩa ấy không khác. Cho nên chẳng cần giản, đốn trong đốn đồng với đốn trong tiệm, cũng đồng với Pháp Hoa. Vì vậy đốn giáo chẳng cần phân biệt, cho nên Huyền sau nói văn nay, Pháp Hoa Tích môn và các kinh có đồng có khác, bản môn và các kinh thì một bề là khác. Đồng nghĩa là trong các bộ là Viên, dị nghĩa là trong các bộ gồm có ba giáo. Chẳng

thấy ý này nhìn tiếng (trước) mà thích nghĩa, nên gọi Pháp Hoa chỉ là Tiệm đốn, không phải đốn đốn. Trong văn chỉ nói không phải Tiệm tiệm, đâu từng nói không phải Đốn đốn. Lại hỏi: Vì sao mà biết Pháp Hoa là Tiệm đốn, Hoa Nghiêm là Đốn đốn? Đáp: Y cứ vào Pháp Hoa các hàng Thanh văn từ Tiểu đến trải qua các vị đến hội Pháp Hoa mới bắt đầu khai Đốn, cho nên biết Pháp Hoa là Tiệm đốn. Hoa Nghiêm ở đầu chẳng trải các vị nên là Đốn đốn. Dụ rằng: Nay Pháp Hoa viên cực đốn đủ, đây là theo pháp chẳng theo người, chẳng phải Thanh văn từ tiệm đến, tức y Thanh văn mà xếp kinh vào tiệm, huống chi Thanh văn chẳng quá năm trăm ngàn hai trăm hai ngàn. Đây chỉ gọi là khai quyền hiển thật. Lại có Bồ-tát khai hiển sao chỉ riêng cho Thanh văn. Như nói Bồ-tát nghe pháp ấy lưới nghi đều dứt. Lại văn dưới nói vô số các Phật tử nghe Thế tôn phân biệt nói người được pháp lợi vui mừng đầy khắp thân. Lại có Bản nguyện như trong phẩm Phân Biệt Công Đức có ba ngàn số bụi cát cho đến mười bốn thiên hạ, lại tám thế giới số cát bụi mới phát tâm Bồ-đề, huống phương dưới xuất hiện Bồ-tát Diệu Âm ở phương Đông cho đến Nghiêm Vương các Doanh được Văn-thù giáo hóa. Như thế các chúng đâu từng trải bốn vị. Phải từ xứ này phán kinh là Đốn đốn huống chi phẩm Pháp sư nói hiện tại nếu diệt độ rồi, nếu có người nghe một cầu đều được Phật thọ ký. Chúng thuộc kinh Hoa Nghiêm tuy chẳng dạo tiệm vì có hai nghĩa nên chẳng bằng Pháp Hoa: Một là Đới Biệt, hai là Phu Bản, há thiếu hai nghĩa liền gọi Đốn đốn. Đủ hai nghĩa thì gọi là Tiệm ư? Đáp: cũng có Bồ-tát Pháp Hoa nghe đốn, mà nói riêng từ Thanh văn ư? Đáp: Là y cứ vào phần nhiều mà nói. Dụ rằng: Như chỗ dẫn trước phải dùng tám giới và nghe một câu là nhiều mà lại dùng Thanh văn là nhiều, là chẳng phải chỉ huyền lý chẳng hiểu, mà cũng chính là đọc văn chưa thuộc, phải biết Thanh văn độn căn Bồ-tát. Trước kinh Pháp Hoa cơ duyên chưa thuần thục nên chẳng có khả năng nghe đốn. Lại dùng Phương Đẳng Bát-nhã mà điều trị mới kham đến Pháp Hoa nghe đốn. Cho nên phải phán kinh Pháp Hoa nầy là khai tiệm hiển đốn, nên gọi là tiệm đốn. Người chẳng thấy bảo là chẳng phải Đốn đốn. Hỏi: Y cứ vào đâu mà biết được là giáo Tiệm viên, bốn Trụ rụng trước. Đáp: Như dẫn Nhân vương từ giã hẳn vòng khổ. Đã nói diệt khổ, thì biết là tiệm đốn. Như dẫn Pháp Hoa sáu căn thanh tịnh nói là nhục nhãn, v.v... thì biết là Đốn đốn. Dụ rằng: Nghĩa một nhà nầy trước sau đều dẫn Nhân Vương để chứng Pháp Hoa. Pháp Hoa nói: ý căn Vô lậu, Nhân rốt ráo gọi là từ giã hẳn, ba cõi hai kinh đều là bốn trụ rụng trước. Lại ở giới nội mà được vô lậu gọi là nghiệp hữu lậu dứt, cho nên nói từ giã hẳn. Phải biết

hai chỗ văn nghĩa vốn đồng, vì sao lại chia ra để chứng minh hai đốn. Hỏi: Trong ba thứ chỉ quán, viên đốn chỉ quán là đốn nào? Đáp: Là Tiệm đốn, vì sao biết được như quyển một dùng ba thí, dụ ba chỉ quán, dùng thông bay trên hư không là dụ cho Viên đốn. Đến quyển bảy, biết Thông bít trung, trung tức là ba quán phá thần thông, thần thông bị phá nên chẳng phải Đốn đốn. Văn nói biệt thì lược chỉ ba môn, đại ý là ở một đốn. Lại ba chỉ quán xong. Lại nói: Nay y kinh lại nói Viên đốn. Lại văn An tâm ở cuối quyển năm. Trước y cứ ba chỉ quán mà kết số, kế lại y cứ một tâm chỉ quán mà kết số. Lại quyển một văn kết phát tâm trước kết ba chỉ quán. Kế nói lại dùng một chỉ quán mà kết. Đây đều là ba chỉ quán khác với chánh văn (gọi) là một Đốn đốn. Dụ rằng: Một lần dẫn chứng dường như có chỗ y cứ, tử tế suy cầu đều không có chỗ y cứ. Vì sao? Vì trái văn nên sinh ra nhiều ngại. Vì sao? Như phá thần thông và y kinh. Lại nói văn ở trong tựa, tựa do Chương An đặt ra. Khi nói chỉ quán chưa có lời tựa nầy, làm sao dự đem chánh văn để phá. Lại ba quán vốn truyền từ ngài Nam Nhạc, vì sao đệ tử lại phá tông thầy, bèn thành nghịch Lộ-già-da-đà? Luận lại nói Nam Nhạc bẩm thừa Tuệ Văn. Long Thọ đã phá pháp thầy. Trong luận quán tâm đâu cần lại nói quy mạng Tổ sư, huống chi hai chỗ thần thông nghĩa ấy đều khác. Trong tựa dùng đốn hành giả là dụ, thông là che lấp không, không cạn sâu, phú là thềm bậc. Không dụ cho đốn lý, phú dụ cho hành nghi. Hành tuy khác bậc vẫn gọi Viên tiệm. Lý không cạn sâu chẳng phải Thiên viên. Trong quyển bảy dùng thần thông bước ngựa dụ cho ba quán hoành biệt. Thần thông tức là trong tướng riêng, vì trung tức là ba quán, phá trung của hoành biệt, vì sao chẳng thấy văn gần xa phá tựa chưa sinh? Kế y văn kinh lại nói, trước dùng ba dụ chứng ba văn đã xong, lại y Hoa Nghiêm để chứng viên văn. Cho nên nói: Lại nói sửa lại định văn ý là ở đây. Vì sao thấy một chữ lại liền ở ngoài ba đặt tên là Đốn đốn. Nếu dẫn Hoa Nghiêm thì gọi là đốn đốn, là Huyền quyển mười cũng dẫn Hoa Nghiêm Phương Đẳng Bát-nhã viên chứng ở đốn. Hoa Nghiêm ấy đã chẳng phải là viên tiệm Phương Đẳng Bát-nhã thì (đâu) chẳng phải Đốn đốn. Nói Biệt thì lược chỉ ba môn. Đại ý ở một đốn. Văn lược giản đó lược nói ba thứ chỉ quán. Lược dùng đại ý gọi là tương tợ đồng, cho nên lại hỏi vì sao đồng khác. Đáp: Trong đó phân biệt hai ý chung riêng. Chung thì lược chỉ chỉ là đại ý, riêng thì lược cùng đại ý chẳng đồng, vì chẳng đồng nên lược có ba thứ. Đại ý chỉ ở một trong ba cho nên văn nói: Tiệm cùng bất định bỏ mà chẳng luận. Người chẳng thấy liền ở ngoài ba biệt mà lập Đốn đốn. Văn cuối An Tâm, trước dùng ba quán kết số, kế dùng một tâm

kết số nghĩa thứ lớp phải ở biệt, nghĩa một tâm phải ở Viên. Viên nầy lại đồng An Tâm, chung trước làm kết số, cho nên nghĩa khai ba biệt. Kế lại y bản để kết một tâm. Chẳng thấy ý này, dị thuyết lại sinh. Nói phát tâm văn cuối một chỉ quán mà kết, là đại ý năm chương văn tướng rộng chung. Cho nên đều dùng chỉ quán mà kết. Hoặc có lúc chỉ dùng một chỉ quán mà kết. Như văn sáu Tức đều một, hoặc chỉ dùng ba chỉ quán mà kết. Như văn cuối tùy tự ý hoặc có lúc đều dùng ba - một mà kết, như trước đã dẫn, lại có quan hệ không có văn kết. Như thường thực hành ba thứ Tam-muội. Lại nếu dùng ba - một mà kết, thì chỉ là chung riêng khác nhau, vì sao? Vì một thứ kết nói: Phát tâm Bồ-đề tức là quán, tâm tà tịch dứt là chỉ. Phải biết ba thứ, đều là phát tâm, tà tịch, tâm dứt. Lại ba thứ kết cũng là nghĩa chung, vì chung ba thứ cho nên kết. Thỉ (đầu) từ ba tạng, chung (cuối) đến Viên đốn, đều có tiệm, đốn, bất định. Đủ như trong văn thiên viên thứ ba và trong Phán Giáo Huyền Văn thứ mười. Bốn giáo là riêng, ba thứ là chung. Văn thứ nhất nầy chẳng trải bốn giáo một - ba mà kết, dùng chung bốn giáo cùng làm ba kết dùng ba đối một, ba lại là riêng. Người chẳng thấy, liền đó lại lấy lời y cứ theo đây mà lập riêng, rất chẳng thể được! Hỏi: Hai thứ đốn vị đồng khác thế nào? Đáp: Trụ Tiền thì khác, Đăng Trụ thì đồng. Dụ rằng: Phàm nêu vị thì đây phải y cứ giáo cho đến thầy xưa. Một nhà lập vị, chỉ phân ra bốn khác. Một kỳ giáo tích, nhân quả hiển bày, có đầu có cuối, chớ hơn bốn đây. Ba tạng thì bốn quả chi Phật, trăm kiếp tăng-kỳ, Thông giáo thì ba thừa cộng vị và danh riêng mà nghĩa chung, biệt viên đều lập năm mươi hai giai vị. Nhưng hành có xa gần, đoạn phục khác nhau. Viên y Pháp Hoa lại thêm năm phẩm, một nhà chỗ dùng các bộ đều như thế, chẳng từng nghe giai vị hai đốn, đã như trước phá. Hỏi: Vì sao phân biệt lập ra hai đốn? Đáp: Do căn lợi độn nên lập ra hai thứ khác nhau. Dụ rằng: Từ xưa thừa bẩm một viên một nhà giáo pháp, chẳng thấy hai đốn mà phân ra hai căn, chỗ nào trong văn cũng chỉ nói Hoa Nghiêm gồm lợi độn, lợi thì Viên giáo, độn thì người biệt. Hoặc trong mỗi giáo mà phân ra ba căn, hoặc hai hành tín pháp để phân ra lợi độn. Ấy thì giáo giáo bộ bộ đều như thế, hại đến Pháp Hoa, đồng vào một thật, không cho khai hội, đồng một căn tánh nhưng gọi là độn. Che quyền dấu tích có độn có lợi mà gọi là Lợi, rất không thể được. Hỏi: Trong Phương Đẳng bốn tiệm khai bốn, trong hai bốn, thì viên đồng khác thế nào? Đáp: Chỉ là bốn, trong Giáo viên đều là Tiệm viên. Dụ rằng: Thầy nầy chẳng biết nghĩa Tiệm giáo, cho nên chẳng biết Phương Đẳng chỉ là một trong tiệm, tức nói Tiệm giáo khác với Phương Đẳng.

Tức liền đáp rằng: Chỉ là bốn giáo đều gọi là Tiệm. Nếu biết chẳng khác vì sao liền đáp, chỉ là lời mượn viên trong Bốn giáo trước của hội Pháp Hoa đều gọi Tiệm viên. Pháp Hoa khai quyền, riêng hiển bày một viên, vì sao vẫn đặt tên Tiệm viên? Nếu thế chỉ biết bốn giáo từ lời nói tiệm mà chẳng hiểu ý Pháp Hoa khai bỏ. Do đây mà nói thầm lập tiệm đốn. Hỏi: Trong Niết-bàn viên có gì khác nhau? Đáp: Cũng là Tiệm viên. Dụ rằng: Nếu theo chỗ phán thì bắt đầu từ Lộc Uyển, cuối cùng đến Niết-bàn là một khái tiệm viên. Huyền Văn vì sao nếu phá quang trạch, quang trạch vẫn dùng Pháp Hoa khác xưa. Dẫn thông mạn xưa còn phải phá, Thầy này bẩm thọ xuất môn lại chẳng bằng quang trạch. Phải nói Niết-bàn tuy bốn, ba thứ trước biết viên, Phương Đẳng tuy bốn mà ba chẳng vào thật. Trong tiệm khai bốn chẳng khác Phương Đẳng. Các văn đều nói sao lại nghi ngờ. Y chỗ luận đó Niết-bàn ấy liền thành vô dụng. Lại có một hành bèn là uổng lập. Hỏi: bốn giáo Niết-bàn đều vào viên phải chăng? Đáp: có thứ chẳng vào, mười thứ tiên ngoại đạo tức là loại ấy. Dụ rằng: người học nghe nói Niết-bàn nhập thật, chẳng hiểu ý góp nhặt được vào. Nếu mười thứ tiên chẳng vào, thì ba tu đâu được nghe, trước sau đều không, khoảng giữa đánh vào, mười tiên chẳng vào vì sao Thế Tôn nói là thường? Phá rằng: Trong ngoại đạo các ông nhân tuy là thường mà quả vô thường, trong pháp Phật ta, nhân là vô thường mà quả là thường. Cho đến trần như sắc thường, thọ tưởng hành thức thường, còn các ngoại đạo khác thì ý đều như thế, vì sao lầm cho là thường. Văn dễ thấy còn lầm huống chi là khó thấy. Hỏi: Chỉ quán quyển một ở sau có nhiều văn thí dụ, như tiếng Ca-lăng-tần-già, giã muôn thứ làm hoàn, ở ven biển lớn thuốc A-già-đà, v.v... làm dụ cho đốn nào? Đáp: Đều là Tiệm đốn. Vì sao thế? Cũng như ở trong vỏ trứng, muôn thứ đều phải giã, phải đợi các nước vào biển lớn, hợp các thuốc làm A-già-đà, cho nên tiệm đốn, nếu chẳng ra khỏi vỏ trứng, thì các nước là biển, chẳng giã muôn thứ, chẳng hợp làm thuốc, mặc tình tụ đủ mới là Đốn đốn. Dụ rằng: Trong đây có hai lỗi: Một là chẳng hiểu ý dụ, hai là trái với lời mình nói. Chẳng hiểu dụ là hễ nói dụ, thì chỉ y cứ vào phần ít. Cho nên Đại Kinh nói: Chẳng thể dùng dụ mà dụ cho chân giải thoát, như loài voi ở núi tuyết, đâu thể cầu ngà và đuôi. Đưa quạt dụ trăng, đâu thể tìm được ánh sáng đẹp, huống chi là ý bản văn, ý ở một pháp đầy đủ các pháp lấy hiện kiến, lấy đây làm dụ, chưa vào biển các nước chẳng đủ, chưa giả làm hoàn các khí chẳng đủ, từ các chim khác trong trứng chẳng kêu, các thuốc khác tuy hợp mà trị bệnh chẳng khắp. Cho nên dùng các thứ này để làm đốn dụ, vì sao phá dụ mà làm Tiệm

viên, nuôi con chẳng ra gì, lỗi mà hỏi dụ khác, tức là việc ấy; Hai là trái lời mình nói là tự lập, đại ý để làm Đốn đốn, các văn dụ này đều ở đại ý, vì sao tự chê dùng làm Tiệm viên? Hỏi: Trong quyển một thật chẳng phải cha con, cả hai là người đi đường. Dụ này là sao? Đáp: Thật chẳng phải cốt nhục là hai giáo trước, hai thứ bảo là người đi đường là hai giáo sau. Dụ rằng: ở đây sâu chẳng thấy ý dụ trong văn. Văn dùng giới nội, giới ngoại đều có một lý, lý đều hai giáo để làm năng thuyên, đều dùng bốn đế để làm mê giải, trong văn tự hợp, giận để dụ cho tập, đánh dụ cho khổ. Nếu cả hai bảo cha con giận đánh ít, là dụ cho trực giáo (giáo thẳng). Cả hai bảo người đi đường giận đánh nhiều là dụ cho lòng vòng. Đây gọi là Đạo đế trí giải chẳng đồng. Cho nên khiến diệt đế tức lìa cũng khác. Nếu tức giải thì khổ tập tức lý. Như người đi đường làm cha con. Nếu ly giải thì khổ tập khác lý, như cha con làm người đi đường, phải biết thật không phải cốt nhục, cả hai gọi là người đi đường chỉ y cứ nghĩa vụn giáo một lìa mà thôi. Cũng thiếu phần phán giới nội ngoại, những gì là vụn mà liền vượt tiết để làm bốn giáo đủ như trong chỉ quán ký giải thích. Hỏi: Tiệm và Biệt là đồng hay khác. Đáp: Hai thứ nầy khác nhau. Tiệm thì khai bốn, biệt thì chẳng khai bốn. Dụ rằng: Đã chẳng biết Tiệm giáo khai bốn, người học cùng Biệt giáo nói khác ích lợi gì? Nay nói tiệm biệt đều phải khai bốn, thì hai văn bất đồng. Tiệm giáo khai đốn, thì như trên đã nói, Biệt giáo khai bốn, thì đủ như trong bốn hoằng của Biệt giáo. Y cứ cảnh bốn đế đều trải bốn giáo, chỉ phải biết rõ nguyên nhân khai bốn. Nhưng ở người Biệt tự hành hóa tha chưa phải toàn lập bốn giáo. Chỉ nói giới nội giới ngoại cong ngay vụng khéo. Tự hành thì thứ lớp thu nhập, hóa tha thì tùy duyên hoành bị. Bị cơ tuy ngang mà hành trọn thành, dọc tự hành tuy dọc mà khắp học thành ngang. Như mới vào không thiên dụng chiết thể để phá kiến tư, vẫn là thiên dụng một môn tự hành. Nếu đến mười hành là làm lợi tha, mới bắt đầu khắp tập chiết thể tám môn, cho đến vô lượng vô tác tám môn. Bấy giờ, chỗ tập được gọi là ngang, ấy thí tự tha bốn giáo nghĩa đủ. Đọc văn chẳng rõ nghĩa lý sơ sài mà lại lầm phán biệt chẳng khai bốn, văn thương lược là chỗ nào? Đáp: ôm dòng tìm nguồn trở đi là văn đó. Dụ rằng: Đây cũng có hai lỗi: Một là chẳng hiểu ý văn cũ mới, hai là thương lược lầm phán Tổ thừa.

1. Chẳng hiểu ý văn, văn cũ mười chương, năm chương trước là tựa, năm chương sau là chánh. Cho nên bản cũ trước nói: Trộm nghĩ thuật nghe cộng thành mười chương. Năm chương thương lược, v.v... gọi là trộm nghĩ, mình riêng trộm nghĩ làm tựa. Năm chương như Khai

chương v.v... gọi là làm thuật nghe. Thuật lại các điều nghe từ pháp hội, lại sửa trị, bởi đó trộm nghĩ chẳng nên liên tiếp. Thuật nghe làm mười nên bỏ thương lược. Tên của năm chương, tên chương tuy bỏ nhưng vẫn còn văn ấy. Thuật nghe năm chương thứ lớp tuy còn cũng mất tên chương. Mới dời văn thương lược dùng làm lệ dẫn chứng, trước thêm chữ chỉ quán dùng làm tựa chung, thì lấy văn Ấp Lưu làm tựa riêng, người chẳng thấy liền làm loạn thuyết không trương. Bản cũ thương lược để nêu tựa riêng. Văn mới vì sao văn thương lược lại bày sau Tổ thừa, rất chẳng thể được. Hỏi: Ấp lưu trở đi chánh phải là văn Tổ thừa bản cũ, vì sao lại đem làm văn thương lược ư? Đáp: chính là thương lược có thầy, không thầy cho nên nói thương lược. Dụ rằng: Xưa giải thích thương lược là: Lược thuật kinh Phật, thô bày ý viên, nên nói là thương lược, tức dẫn văn rõ biết Hoa Nghiêm, nghe viên Hiền Thủ. Nay bèn phán văn Tổ thừa khác mà làm thương lược có thầy không thầy. Đã đem Tổ thừa để làm thương lược. Tổ thừa nếu chỉ sau biện khác, thì từ đầu đến cuối lớp lớp nói vọng. Hỏi: Hữu tình tâm pháp đều là sắc hữu tình và báo ngoại y. Ba pháp đốn này và đốn đốn khởi quán đâu khác nhau. Đáp: Đốn đốn tùy quán tức đủ các pháp, tiệm quán tâm cụ hai thứ kia thì không. Đáp: Y cứ văn đáp này liền dùng tiệm viên làm Đốn đốn, là sao? Vì viên trong bốn giáo đâu chẳng nói là ba chỗ đủ pháp, cho nên viên văn trong bốn niệm xứ nói: Không phải chỉ Duy thức, cũng chính là ba chỗ duy sắc, duy thanh, duy xúc đủ pháp, chính là viên cuối cùng của bốn giáo. Nay văn phán lầm là đốn đốn, thì nghiệm biết các phán chỉ dùng tấm lòng. Lại tiệm viên đã biết tâm có đủ các pháp, các pháp khắp nhiếp há là cách sắc? Sắc nhiếp nhập tâm, tâm tức thị sắc. Vì sao mà phán một cách sai lầm rằng chỉ có tâm là đầy đủ? Nếu người Biệt giáo sơ tâm, sắc tâm đều chẳng đủ pháp sao có sắc riêng ư? Tiệm đốn cùng về tạp giáo môn, giáo môn đã tạp, y giáo mà tu quán thì tối như đi đêm. Hỏi: Hai thứ quán này sơ tâm có gì khác nhau? Đáp: Đốn đốn mà quán thì khi mới phát tâm ba Đế đều quán. Tiệm đốn mà quán thì trước quán Trung đạo lìa hai bên, hai quán trước thành kiến tư phá trước, sau chứng Trung đạo, ba đế mới đồng. Dụ rằng: Tuy là trong văn chỉ ba chỗ, năm chỗ để lập Đốn đốn, thì đã không phải chánh nghĩa, y cứ quán xếp vào vị cũng không có chánh văn. Đại sư chỉ dẫn các kinh nói vị để chứng bốn giáo, không thấy dẫn chứng. Ngoài bốn giáo, lập riêng một đốn, huống chi văn Đốn đốn ở các chỗ ấy đều là viên sau cùng của bốn giáo. Đó xếp viên này vào Tiệm viên. Nói mới phát tâm là trước quán Trung đạo tất cả giáo pháp đều không có văn nầy. Biệt thì trước quán

hai biên, bèn trước kiến tư, há có thể chỉ quán Trung đạo trước phá kiến tư, viên biệt chẳng thành đều không chỗ y cứ. Hỏi: Một tâm ba quán cùng ba quán một tâm hai văn có gì khác? Đáp: Một tâm ba quán tức là giả, ba quán một tâm tức là không, chẳng phải ba chẳng phải một tức là Trung. Vì phá bộ mã (bước ngựa) thần thông, cho nên nói không giả. Nếu nói Đốn đốn thì trong một đủ ba. Dụ rằng: Bổn luận ba quán phải có nguyên do, đây là Đại thể Phật pháp, lại là yếu môn một nhà, hễ dùng tên ấy phải được chỉ thật. Đã dùng ba cách nầy tất cả pháp nên hiểu ba ý mới hết môn ấy. Một là đối cảnh thành quán, như quán một tâm làm cảnh không thể nghĩ bàn và phá pháp biến, hai là che đậy, thúc liễm, như quyển thứ nhất hợp tán chẳng phải hợp chẳng phải tán; Ba là một chẳng phải ba, ba chẳng phải một. Ba thứ ấy mượn danh nghĩa mà lập, như môn chẳng phải môn, chẳng phải môn chẳng phải chẳng môn, quyền thật, chẳng phải quyền chẳng phải thật, ấy là ba quán tâm, một tâm ba quán đều chẳng phải ý ba quán này. Chỉ là đối lại phá quán ngang dọc ấy. Quán dọc chỉ y cứ ba mà chẳng được một, cho nên dùng tức một mà ba để phá nghĩa dọc kia. Cho nên nói một tâm ba quán phá dọc thông bít. Quán ngang chỉ được đều khác một mà chẳng được ba, cho nên lấy tức ba, một mà phá hoành văn. Cho nên nói ba quán một tâm mà phá hoành thông bít ấy. Người chẳng thấy đây lại thêm song phi để đối ba quán. Lại văn tự nói không tức ba nên phá bộ thiệp, giả tức ba nên phá thừa, (trong ngựa) tức ba nên phá thần thông. Thầy ấy bèn nói: Vì phá bộ mã thần thông nên nói không giả bộ mã. Vốn là đơn, không đơn giả, đâu cần lại dùng không giả mà phá. Phá ở ngang biệt bộ mã thần thông, chánh dùng Viên giáo trong một đủ ba. Vì sao lại phân biệt rằng: Nếu nói Đốn đốn trong một đủ ba, ở đây thì trái văn lầm nói, khiến người mê văn tin tưởng. Cũng là lập quán trái văn, khiến người quán lầm vội nhận. Hỏi: Đối đãi, bặt đối đãi có đồng khác gì? Đáp: Đốn đốn là bặt đãi, tiệm đốn là đối đãi. Dụ rằng: rất lầm! Ý chỗ phán nầy thì phải đối đãi, bặt đãi đều chẳng phải Đốn đốn. Vì sao? Vì trong Huyền Văn nói Pháp Hoa nầy có đủ hai nghĩa tức là đối đãi và bặt đãi. Nếu thế, chỗ nào có riêng Đốn đốn bặt đãi ư? Lại theo chỗ phán ấy thì chỉ có Hoa Nghiêm là bặt, Pháp Hoa là thuần đãi. Nếu biết Pháp Hoa có đủ hai nghĩa lại dùng bặt đãi chia làm hai đốn. Phải biết phán này tự nói đã trái nhau. Nói theo đây thì đều mê hai đãi. Vì sao? Vì hai đãi đều chẳng phải tiệm chỉ đốn phán là đối đãi, lại xếp vào Tiệm. Đây là một lớp tự nói trái nhau. Hễ nói đối đãi, đãi trước các giáo là tiệm là thô, xứ nầy Pháp Hoa là đốn là diệu. Đốn ở sau tiệm gồm chỗ phá nói, đối tiệm

nói đốn, nên nói tiệm đốn. Người chẳng thấy uổng chia ra đãi, tuyệt để đối hai kinh. Lại cũng chẳng biết ý bặt đãi, bặt ở chỗ đãi gọi là bặt đãi mới là Diệu đốn. Nó bèn lìa đốn, đãi lập riêng tên bặt, sao gọi là Đốn đốn. Hỏi: Văn Pháp Hoa nầy đầy đủ hai đãi, há có thể lìa văn xếp vào hai đường. Đáp: Hội xong không hai, chưa hội thì riêng. Dụ rằng: Thầy nầy không phải mê ở tên gọi đãi tuyệt của Huyền văn, cũng chính chưa đạt ý Pháp Hoa khai hội. Một đời giáo pháp, hội ở Pháp Hoa, xếp Pháp Hoa chỉ có đối đãi. Lại lập bộ nào gọi là Hội kinh. Nếu dùng Pháp Hoa hội vào Hoa Nghiêm, thì thật không nói khai hiển. Nếu thế cả hai đều chưa hội, phải lập riêng một kinh vì hội hai đây. Nếu dùng quán hội, thì hội không văn. Nay nhà chỗ phán dùng bặt Pháp Hoa để bặt Hoa Nghiêm kia. Phải biết Hoa Nghiêm chưa tuyệt rõ lắm, đâu lại chỉ chưa bặt cũng là không đãi. Vì gồm Biệt nên hiển riêng chẳng thành, còn chẳng phải đối đãi, bặt thì nhờ (tuyệt gọi chỗ nào) đâu. Hội xong không hai lại về Pháp Hoa, vì sao lại xếp vào chẳng phải Đốn đốn. Hỏi: Văn Pháp Hoa há có chẳng hội. Đáp: Đối trước gọi đãi thì phải không có lý khác. Dụ rằng: nếu y cứ định phán của lời đáp này thì Pháp Hoa chỉ có đối đãi. Chỉ có đối đãi lý cũng chẳng khắp. Chỉ được nói đãi trước, mất diệu năng đối, nếu Pháp Hoa chỉ có đối đãi, thì trở thành chẳng hiểu tên sở đãi, sở đãi tức là các thô trước. Trước gọi Hoa Nghiêm, nếu nhìn chỗ nó phán lại dụ cho tông mình. Hoa Nghiêm đã thô, Đốn đốn đâu còn. Pháp Hoa đều diệu, đốn đốn chẳng nghi. Đối đãi đã thế, bặt đãi có thể phán. Hỏi: Pháp tu quán dùng văn y cứ nghĩa. Đã đồng Pháp Hoa phải y nghĩa hội, vì sao đối xưa chia ra hai đường, lại cho Pháp Hoa là chẳng hội, bèn cho Hoa Nghiêm là bặt đãi. Đáp: Tu quán khác nhau ở giáo cho nên quán hai giáo một. Dụ rằng: Người tu quán phải y theo giáo. Nếu quán hai giáo một lý thì chẳng thành. Pháp Hoa đã dung, chỉ phải lại y nghĩa dung mà tu quán. Hư lập hai quán lầm lấy bặt làm nghĩa hội Hoa Nghiêm, đã quy về Pháp Hoa thì tên Đốn đốn, luống lập, huống chi giáo một quán hai. Một quán không văn, lại cùng lập tông toàn thành trái nhau. Vốn xếp Hoa Nghiêm vào Đốn đốn, Đốn đốn liền quy về Pháp Hoa. Nghĩa đốn đã quy về Pháp Hoa thì nói Tiệm là lầm. Hỏi: Quán vốn ý giáo vô giáo, vì sao lập quán. Đáp: Vì căn khác. Dụ rằng: Đây là lúc gấp mà nói, chẳng nghĩ trước sau trái nhau. Quán đã tùy căn, căn vốn thuận giáo. Có căn không giáo đồng ở gốc mê. Nếu lấy Đốn đốn làm Hoa Nghiêm thì Tiệm viên không giáo. Nếu dùng Pháp Hoa làm Tiệm giáo thì Đốn đốn không văn. Hỏi: Vì sao gọi là Đốn đốn quán tướng? Đáp: Trước tức sau nên gọi là Không, sau tức trước nên gọi là Giả, trước sau chẳng hai nên gọi là Trung. Dụ rằng:

sau tức là trước đâu khác, trước tức là sau, luống ở chẳng hai. Trước sau lầm đặt tên không giả. Thật chưa thể biết được tướng trạng ba quán. Lại tự nói rằng: Đốn đốn như Pháp Hoa, sáu căn thanh tịnh vị. Chỉ nói sáu căn thanh tịnh mà không nói trước dứt kiến tư, nên biết là Đốn đốn. Tiệm viên như Kinh Nhân Vương nói địa vị Bồ-tát Thập Tín, đã nói giã biệt hẳn biển khổ, tức là trước trừ kiến tư, nên nói tiệm đốn. Dụ rằng: Tự nói trái nhau chẳng thể cùng tận. Trước lấy Pháp Hoa làm tiệm đốn, nay dùng Pháp Hoa làm Đốn đốn, huống chi lại chẳng biết sơn môn các bộ đều đem Nhân Vương làm chứng Pháp Hoa. Pháp Hoa chép: Vô lậu ý căn, kinh Nhân Vương nói giã biện hẳn biển khổ. Vô lậu và biệt khổ chỉ có khác nhân quả, chẳng thấy nghĩa đồng. Từ văn mà chia lìa hai, lại nói: Văn trước đã nói đại ý ở một đốn. Phải biết năm lược nói Đốn đốn. Thích Danh trở đi đều là Tiệm đốn. Dụ rằng: Đại ý cùng văn sau chỉ là rộng lược khác nhau. Vì sao lại phân làm hai? Cho nên trong phân biệt mà đem đại ý đối tám chương mười nghĩa, phân biệt rộng lược, tức chỉ là một, há có lược đốn mà rộng tiệm ư? Lại thứ năm trước nêu sáu lớp trước để khai giải, khiến y giải để lập hành. Vì sao cho giải là Đốn đốn, dùng hành làm Tiệm viên. Y giải khởi hành, hành đã trái giải. Đây là mắt nhìn Đông mà chân ở Tây, mưa Nam mà sáng Bắc. Lại nếu Đại ý chỉ ở đốn đốn vì sao đại hành dẫn chung ba thừa. Nếu văn dưới chỉ ở Tiệm viên, vì sao lại có một tâm chỉ quán ở trung, tức ba quán phá thần thông trước. Lại nếu đại ý chỉ ở Đốn đốn vì sao phát tâm, bốn đế bốn hoằng, mười thứ phát tâm đều nêu bốn giáo văn dưới thuộc Tiệm, phá cũng đồng trước. Văn đã trái nhau thì nương vào đâu mà lập hành. Lại nói: Hai quán sơ tâm nầy tu quán rất khó phân biệt. Phải dựa vào quán thì mới biết được. Dụ rằng: Như phá biến sơ mới vào Vô sinh đều phải y theo giáo, huống chi đại chương sinh giải để dẫn dắt. Trước đã nói phân biệt rất khó, tin là giải tâm minh, muội giải đã minh (tối) thì muội nhập quán vô. Do giải ấy chưa sáng liền suy vào quán, nào khác ám chứng tăng thượng. Chuột là loài chim trên hư không mà nói lời nhập chứng. Khiến sinh khác Thánh tưởng, bỗng khiến lãnh nạp thuyết khác thật sợ rơi vào lỗi, người thật được thọ ký còn vời lấy lỗi trái tưởng. Cho nên phải trọng khe hở. Lại nếu thật được thì là vị thứ nào. Nếu giả danh cùng người nào khác. Nếu Ngũ phẩm vị lại đồng với Đại sư, ta thật chẳng trồng, người chứng tự biết. Xin chớ dối Thánh, trái tâm mình. Lại nói y đảnh Pháp sư văn quán tâm mười hai bộ kinh, tu quán sẽ được. Dụ rằng: Phàm ba quán, nghĩa chỉ ba thứ: Một là từ hành, chỉ ở muôn cảnh mà quán một tâm. Muôn cảnh tuy khác, diệu quán lý đẳng. Như quán

ấm đẳng tức là ý ấy; hai là y cứ pháp tướng như văn y cứ bốn đế năm hành, vào một niệm tâm để thực hành viên quán; ba là gá sự tướng như Vương Xá, Kỳ-Xà tên từ sự mà lập. Mượn sự làm quán để dẫn chấp tình, tức như Phương Đẳng Phổ Hiền, lệ theo có thể biết. Cho nên mười hai bộ quán mượn sự đặt tên. Tuy có tên ba quán một cảnh mười thừa chẳng nêu, một bộ tên dưới chỉ bày một câu, há một câu nầy có thể bày quán môn. Nếu một câu này đủ được tu hành, thì mười cảnh mười thừa liền thành rối rắm. Cho nên biết riêng chỉ trong văn một câu hai câu, để làm Đốn đốn. Nghĩa đồng ngoan cảnh, thể tâm đạp tâm, văn mười quyển lại thành vô dụng, gồm nếu lỗi hư cấu của Đại sư. Hỏi: Trong tiệm viên quán đãn trung là thật tướng chăng? Đáp: Không phải tức thật tướng, thể là Đãn trung. Dụ rằng: Thật tướng cùng đãn trung thể đồng mà tên khác. Thật tức đều thật, quyền tức đều quyền, nếu y cứ giáo giải thích văn, thì Đãn trung ở Biệt. Tu quán thứ lớp vẫn ở hậu tâm, bốn giáo trung viên tất cả các văn đều sơ tâm viên tu ba quán. Nó đem quán này thuộc người Đốn đốn. Biệt là người viên lập quán đãn trung. Tìm khắp các bộ đều không có văn này. Chỉ trong cảnh phiền não chê mất Huyền rằng: Chẳng trụ điều phục, chẳng trụ chẳng điều phục. Sơ tâm tu trung thành lỗi song phi, làm sao lượm lỗi để xếp vào Pháp Hoa? Khổ thay! Khổ thay! Chẳng thể cứu giúp. Hỏi: Sơ tâm tu trung đã chẳng phải thật tướng là có phải Niết-bàn hay chăng? Đáp: Là Niết-bàn. Dụ rằng: Niết-bàn thật tướng đại tiểu tên chung. Sơ tâm tu trung đã chẳng phải thật tướng. Nếu chẳng phải thật tướng cũng chẳng phải Niết-bàn. Nếu là Niết-bàn cũng là thật tướng. Nếu là thật tướng tức là từ xưa thường quán Niết-bàn. Vì sao nói không phải thật tướng mà nói là Niết-bàn? Nếu từ sơ tâm là tiểu Niết-bàn. Ở đây hai thứ Bồ-tát Thông Biệt, nghiêng về một vãng, là đường chung mà nói, còn nếu nói về biệt thì Bồ-tát thông giáo đến địa thứ bảy sợ đọa Niết-bàn như ba đường ác. Biệt giáo sơ tâm chỉ gọi là Chân đế, nhưng vẫn chẳng được đặt tên Niết-bàn. Cho nên biết sơ quán chỉ là ở đốn. Nói chẳng phải thật tướng mà là Niết-bàn là không có giáo để y cứ. Hỏi: Đâu có đãn trung gọi là Sơ tâm quán Niết-bàn? Đáp: Có. Dụ rằng: Chẳng biết cầu giáo chỉ, mặc mình tự nói. Phải vô tức vô, phải có tức có. Một nhà giáo tướng chẳng thấy phán tiểu, là niết-bàn Đãn trung. Hỏi: Như có hai thứ đốn thì sao Đại sư chẳng nói rõ ràng. Đáp: Như đại ý chỉ ở một đốn, tức là văn ấy. Lại Niết-bàn sớ thích của Đảnh Pháp sư giải thích trong năm hành chẳng thứ lớp có nói: Mười tín dứt hoặc tức là tiệm đốn, chẳng dứt hoặc tức là Đốn đốn. Dụ rằng: Đại ý một đốn đã như trước phá. Nó dẫn Niết-bàn sơ thân cùng đối xem

xét hoàn toàn không có văn này. Phải là tiếp tục nhầm sau, nghĩ liền đem tưởng tâm chứng nghĩa. Văn chẳng có ghi, cho nên khiến xem lại không có văn. Lại, các văn của Đại sư đều chẳng ghi chép, sao lại phải dẫn văn của Chương An, huống xem lại hoàn toàn không sao lao khổ mà cứ huống lại chẳng thú lớp hành chánh là viên trong bốn giáo. Lại thường nói có tám giáo, cho nên có hai đốn. Dụ rằng: Ý theo tám giáo đủ như phá ở trước. Lại nói: Hai đốn sơ tâm chẳng phải một bề khác nhau, tuy khác mà đồng, tuy đồng mà khác. Dụ rằng: Không đem khác này mà hạch hỏi, người khác chẳng cho tiệm viên tức là đốn đốn, lý cùng không cứ đồng dị xem lẫn lộn. Hỏi: Một sắc một hương đều là Trung đạo là tướng quán nào? Đáp: Là Tiệm đốn, không phải Đốn đốn, dụ rằng: Thầy đây đã chấp sơ tâm tu quán chỉ nghe Trung đạo, lại bảo Tiệm viên, mà chẳng hiểu lời thiên lý viên. Cho nên Đại Ý nói: Chớ nên giữ lời hại viên, vu khống ý Thánh. Cho nên kinh luận Danh Số hoặc Cụ hoặc Thiên. Ý chỉ sau lời lý phải đầy đủ. Đại sư lấy Bị cụ mà giải thích thiên ngôn. Cho nên trong Đại ý nói: Không tức là không, v.v... tự nói trái nhau, cũng như phá trước. Hỏi: Sơ tâm khởi quán nếu bỏ hai bên chỉ quán Trung đạo, nào khác gì Thông giáo chỉ có tên Trung. Vì sao Sơ tâm thấy Đãn Lý này mà im lặng chăng? Đáp: Dụ rằng: Nói có chỉ, nói (hơn) chẳng nói. Nói đã không quy, chẳng nói lời hơn. Người tu quán phải lập giải tâm, giải tâm chưa thành vội lập quán này, lời rốt lý tột cho đến không lời. Lại nói: Y cứ vào văn phải phân hai thứ đốn khác. Sơ tâm tu quán thật khó phân biệt. Dụ rằng: Trước nói giáo tuy có một, quán thì có hai. Trong đây lại nói văn tuy phân làm hai, hai quán khó phân. Y cứ vào đây lại thành văn hai quán một. Trước sau trái nhau chẳng thể nói nữa. Cho nên biết học tông chẳng được vội như thế, ở đây cũng có thể rộng khắp nhiều đời, vẫn khiến vị lai chẳng gặp bạn lành. Hỏi: Địa tiền của Biệt giáo là Đăng địa, song vong song chiếu phương tiện, nghĩa ấy thế nào? Đáp: Địa Tiền song vong, Đăng địa song chiếu, cho đến địa thứ hai lại vong lại chiếu. Dụ rằng: Không phải chỉ quán môn mất đầu mối, mà còn chính văn nghĩa sai lầm. Đã nói Địa tiền lấy làm phương tiện vong chiếu. Phải biết chánh vong chánh chiếu hợp ở Sơ địa. Vì sao lại nói Đăng địa song chiếu, Địa tiền song vong, đủ như trong chỉ quán ở quyển ba? Đây thì đọc văn chưa khắp, chẳng phải phá riêng (biệt phá).

Hỏi: Vì sao gọi bốn Tam-muội là tu riêng, niệm Phật là tu riêng? Đáp: Đảnh Pháp Sư đã lầm. Lẽ ra nói: Bốn Tam-muội là Biệt tu, niệm Phật là Thông tu. Dụ rằng: Thầy này tự lầm suy (lỗi) với người khác.

Nay nói tu chung, là dùng Tam-muội mà nhiếp tất cả hành, cho nên nói chung trái riêng (trái chung là riêng). Niệm Phật thông thân, các hành chẳng khắp, bèn là trong chung, cho nên là riêng, trái lại gọi là chung, sâu chẳng thể được (thấp là sâu sắc). Lại nói: Ba Hiền mười Thánh trụ ở quả báo, đây là gồm hai giáo, ba Hiền Viên giáo, mười Thánh Biệt giáo. Dụ rằng: Nói quả báo, là cõi Thật báo, đã sinh quả báo tức là người của bốn vị Viên giáo. Thầy nầy chỉ thấy tên Hiền thánh liền phân biệt gọi là Thánh hiền hai giáo Biệt Viên. Bèn mượn Biệt Danh Viên Cụ sinh. Thật báo tức là chánh nói về Viên vị. Nếu nói Hiền thánh vị của Biệt giáo thì chẳng hợp sinh đó mà phán mười địa. Thuộc Biệt là Viên, bốn mươi vị cùng phá vô minh, vì sao lại phân ra mười địa thuộc người Biệt. Lại y cứ địa chứng đạo tức là Trụ, sao phải phân biệt. Nếu còn giáo đạo thì mười địa đã gồm hai giáo cũng không có nghĩa phân. Hỏi: Đó hỏi người rằng: Tiếng hỏi kinh Tiệm, gọi là Tiệm Viên, tám giới phát tâm chẳng từ tiệm đến, từ đây phải phán là giáo gì. Đáp: là người Đốn đốn. Dụ rằng: (khó) rồi như trước. Sao chẳng từ tám giới trần số mà xếp vào Đốn đốn, lại gọi Tiệm viên. Từ đây về trước lược nói là lược nói lỗi quán, lỗi giáo chẳng luận. Quy mạng các Hiền thánh, nguyện bỏ tâm phải quấy vì trồng nhân Niết-bàn, không phải muốn nói về lỗi phải.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 168

CHỈ QUÁN ĐẠI Ý

SỐ 1914

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1914

CHỈ QUÁN ĐẠI Ý

Sa-môn Thích Trạm Nhiên
ở núi Thiên Thai soạn đời Đường.

Viên ngoại Lý Hoa muốn biết Đại ý Chỉ Quán, nên tóm lược cương yếu, lược thuật đại khái giáo quán của Tông Thiên Thai. Nay trong giáo môn của chúng tôi tôn ngài Long Thọ là Thỉ tổ, ngài Tuệ Văn chỉ xếp vào người thấy nghe về nội quán mà thôi, cho đến ngài Thiên Thai Nam Nhạc lại nhờ Tam-muội Pháp-hoa, phát Đà-la-ni, khai thác nghĩa môn, quán pháp đầy đủ, giải thích các kinh, đều dùng "Năm lớp huyền" giải thích mười nghĩa, dung thông pháp quán và dùng năm khoa phương tiện, khuôn phép tu hành của mười thừa.

Năm lớp: Giải thích năm nghĩa "huyền" trước tất cả kinh, tên thì chung mà nghĩa khác, dùng chung bao trùm riêng, đó là : giải thích tên, xuất thể, minh tông, biện dụng, phán giáo.

Từ Pháp Hoa về trước, các giáo chưa hợp năm lớp này đều là thô. Sau đến Pháp Hoa, tên giống nhau đều diệu, rộng như mười quyển Huyền văn giải thích kỹ càng, mười nghĩa là:

1- Nói rõ đạo lý: Tịch, tuyệt, vong, ly không thể nghĩ bàn. Đối với một lý tịch, không phân mà phân, xa rời các đế, nghĩa là bố tứ đế bảy Nhị đế, năm tam đế v.v... hoặc khai hoặc hợp, đạo lý quyền thật đương nhiên thấy được.

2- Năng thuyên giáo môn: Cương, cách, bàn, trĩ, bao, quát, bí, lộ nghĩa là tiệm, đốn, bất định, bí mật, Tạng, Thông, Biệt, Viên. Được tám ý này, nghe kinh hóa đạo một đời có thể biết.

3- Kinh luận mâu thuẫn: Lời và nghĩa trái nhau, không thể dùng tình để thông, không thể dùng sự biết rộng để hiểu. Xưa nay tranh chấp

nhiều đời không dứt, ngày nay dùng ý bốn tất- đàn không trệ ngại, không dung thông, nhổ ném tự tại.

4- Khéo phá chấp trước: Khéo dùng các câu phá tâm năng chấp trước, như chỗ phá nghi hoặc đầy đủ đơn và kép, không nói hết được.

5- Kết chánh pháp môn: Đối ngay hạnh vị khiến nương kinh điển tu tập có phương tiện, nương hạnh chứng có thứ lớp khác nhau, hiền thánh không lẫn lộn, khỏi lỗi tăng thượng mạn.

6- Tùy theo dùng một câu ngang dọc không ngại, mà đầu mối thứ lớp rõ ràng thành chương.

7- Khai chương, khoa, đoạn: Mốc - chốt nương nhau, văn thế quyết đoán khởi lên liên quan chặt chẽ.

8- Giải thích văn kinh, cần phải nghĩa thuận, lý đúng.

9- Phiên dịch tiếng địa phương khiến danh nghĩa không bị đuối lý.

10- Dưới mỗi câu lý quán dung thông, quán hợp với kinh, ấn tâm thành hạnh, chẳng phải đếm của báu cho người. Nếu giải thích Pháp Hoa cần phải hiểu rõ quyền - thật, bản - tích mới lập hạnh được. Kinh nầy được gọi là Diệu, mới có thể nương theo đây để lập ý quán.

Nói năm phương tiện và khuôn phép tu hành của mười thừa tức là.

Tức viên đốn Chỉ-Quán hoàn toàn nương vào viên đốn Chỉ-Quán của Pháp Hoa, là tên khác của Tam-muội Pháp Hoa. Nếu muốn tu Tam-muội viên đốn này thì phải đầy đủ mười thừa mới gọi là Viên hạnh. Phẩm Phương-tiện, văn pháp tuy sơ lược, phẩm Thí-dụ dụ xe lớn thì đầy đủ. Nhưng mười quyển Chỉ-Quán đại để chia làm hai: Hai quyển đầu giải thích sơ lược giềng mối, tám quyển sau nói rộng về hành tướng.

I- NÓI SƠ LƯỢC

Chia làm năm: Phát viên tâm, tu viên hạnh, cảm viên quả, khởi tám giáo, trở về ba đức.

1- Phát viên tâm: Ở quyển thứ nhất, nghĩa là theo bốn thệ nguyện rộng lớn, Bốn đế, sáu Tức để phân biệt tướng phát tâm "thiên" hay "viên". Bốn thệ nguyện rộng lớn là thệ nguyện phát ra, Bốn đế là cảnh được nương, sáu Tức là địa vị trải qua. Nếu thệ nguyện không có cảnh gọi là cuồng nguyện, cảnh không phân biệt địa vị, phàm thánh không rõ. Nương cảnh phát thệ nguyện là: Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, nương cảnh khổ đế. Phiền não vô số thệ nguyện dứt, nương cảnh tập

đế. Pháp môn vô lượng thệ nguyện biết là nương cảnh đạo đế, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành, là nương cảnh diệt đế. Bốn đế trong kinh Niết-bàn chia ra bốn lớp nên khiến thệ nguyện rộng lớn cũng có bốn lần, nay bỏ "Thiên" theo "Viên", nhờ "viên" này mà bốn nguyện dung thông với ba nguyện trước, đều là pháp giới, nên nương pháp giới khởi diệu nguyện. Tâm ban đầu quán, khắp nhiếp pháp giới mê hoặc, tu tập khắp ba thân, Phật pháp đồng chứng.

Đã phát viên tâm, chưa biết viên tâm là sơ tâm đúng hay hậu tâm đúng, là sơ tức hậu hay sơ khác hậu? Hoặc ban đầu sai, sau đúng, hoặc tâm ban đầu khác, sau đều chẳng phải viên dung, nên nói "sáu tức" để xét định đúng sai, nghĩa là: lý tức, danh tự tức, quán hạnh tức, tương tự tức, phân chân tức và cứu cánh tức. Tức nên ban đầu và sau đều đúng, sáu nêu ban đầu và sau không lẫn lộn nhau. Lý đồng nên tức, sự khác nên có sáu. Trong các kinh hễ có từ ngữ "Tức" như loại sinh tử tức Niết-bàn đều dùng sáu vị nầy để phân biệt rõ, khiến đầu cuối đồng một lý mà trước sau không lẫn lộn.

2- Tu viên hạnh: Cũng có bốn văn, đều ở trong quyển hai. Sơ viên hạnh là bốn thứ Tam-muội nhiếp khắp các hạnh, nếu không có thắng hạnh, thắng quả thì khó có thứ bậc.

a- Thường ngồi: Xuất xứ từ hai kinh Bát-nhã: Văn-thù Vấn và Văn-thù Thuyết, cũng gọi là Tam-muội Nhất-hạnh, chỉ chuyên niệm pháp giới, lấy chín mươi ngày làm một kỳ hạn.

b- Thường đi: Xuất xứ từ kinh Ban-chu Tam-muội, cũng gọi là Phật-lập Tam-muội. Lúc thành tựu thấy Chư Phật mười phương đứng trong thất, cũng lấy chín mươi ngày làm một kỳ hạn.

c- Nửa đi, nửa ngồi: Xuất xứ từ hai kinh Pháp-hoa và Phương-đẳng. Pháp Hoa thì hai mươi mốt ngày làm một kỳ hạn, Phương-đẳng thì không hạn thời gian.

d- Chẳng đi, chẳng ngồi: Cũng gọi là tùy ý mình. Ý khởi tức quán, phương pháp phát xuất từ các kinh Đại thừa như Thỉnh - Quán-Âm, v.v... chung cả bốn oai nghi và các việc làm chung, riêng, lúc vội vã cũng có thể tu. Bốn Tam-muội nầy hành khác lý đồng, chỉ nên cùng dùng pháp mười thừa.

3- Cảm viên quả: Do các hạnh nên được vào Viên vị, gần vào Sơ-trụ gọi là Vô-sinh-nhẫn, còn kỳ hạn xa xôi Diệu-giác gọi là Tịch-diệt-nhẫn, công năng Sơ-trụ đầy đủ như văn Hoa-nghiêm khen ngợi Sơ-trụ, tức là tướng này, há có thể vội vàng cho là chứng chân cho đến Diệu-giác, rộng như kinh nói.

4- Khởi tám giáo: Đã vào địa vị rồi, tám tướng thành đạo hiện thân mười cõi, thuận theo căn cơ mọi loài, dùng bốn loại của ba tạng và bốn loại của Tiệm giáo, năm thời lợi vật, trọn vẹn một đời.

5- Trở về ba đức: Cơ duyên dừng rồi nên quy về ba đức. Thế nào là ba đức? Nghĩa là tạng bí mật, nên kinh Niết-bàn chép: Sắp đặt các con trong Tạng Bí-mật, không lâu ta cũng tự trụ trong ấy.

II. GIẢI THÍCH RỘNG HÀNH TƯỚNG

Kế từ quyển ba trở đi, mở rộng năm phần trước cho dễ thực hành, nghĩa là giải thích tên Chỉ-Quán, biện thể Chỉ-Quán, minh thể nhiếp pháp, phán định pháp "Thiên viên". Bốn pháp nầy đều ở trong quyển ba. Kế đó là chánh tu, tạo phương tiện trước, đều ở trong quyển tư, nghĩa là hai mươi lăm pháp tóm thành năm khoa.

1- Đủ năm duyên:

a- Áo quần, ăn uống đầy đủ, lìa duyên hy vọng.

b- Trì giới thanh tịnh, lìa nhân đương ác.

c- Ở chỗ thanh vắng, lìa việc ồn náo

d- Dừng các việc duyên, bỏ tạp nghiệp xấu xa.

e- Cần có thiện tri thức để thưa hỏi chỗ nghi.

Trong văn mỗi duyên có đủ hai thứ: Sự và lý.

2- Quở trách năm dục: Là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Chánh báo, y báo mỗi báo đầy đủ năm dục này, và làm cho hành giả sinh tưởng cần dục, nên phải quở diệt, trong văn có hai thứ quở trách: sự và lý.

3- Bỏ năm triền cái: Đầy đủ duyên, không ham muốn mới nhập quán được, quán chưa tương ưng vì năm pháp che tâm: tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và hồ nghi. Do quán chỗ khởi gấp bội lúc thường, tổn giảm đối với tịch chiếu, biết rồi phải bỏ, trong văn mỗi việc có hai thứ bỏ: sự và lý.

4- Điều hòa năm việc: Năm cái đã dứt trừ vẫn không nhập được, thì đúng là thân v.v... Năm pháp không điều hòa, nghĩa là ba việc bên trong: thân, hơi thở, tâm, trong định điều hòa mỗi thứ, khiến tâm không chậm, không gấp, hơi thở không rít, không trơn, tâm không nổi, không chìm. Hai việc bên ngoài định: ăn và ngủ, điều hòa mỗi thứ, ngủ không nên hạn chế, không buông thả, ăn không đói không quá no.

5- Th***ực hành năm pháp:*** Bốn khoa tuy đầy đủ, nhưng cần có năm việc nầy mới thành hạnh đứng đầu.

a- Ưa muốn: Cần phải kính, mến.

b- Chuyên niệm: Cần nên ghi nhớ giữ gìn.

c- Tinh tấn: Phải nên tương tục.

d- Xảo tuệ: Phải nên chuyển hẳn.

e- Nhất tâm: Không cầu gì khác.

Đầy đủ phương tiện này, thì sẽ được chánh quán. Thế nào là chánh quán? Là mười pháp. Nếu không có mười pháp này gọi là xe lừa hư. Lại mười pháp này tuy cùng viên, thường viên, mà người lại có ba căn khác nhau. Thượng căn chỉ một pháp, trung căn hai hoặc bảy, hạ căn mới đủ mười.

1- Pháp thượng căn: Quán cảnh không thể nghĩ bàn, cảnh là sở quán, quán là năng quán. Thế nào là sở quán? Nghĩa là ấm, giới, nhập không ngoài sắc và tâm, sắc từ tâm tạo, toàn thể là Tâm. Nên kinh nói: Ba cõi không có pháp khác, chỉ do một tâm tạo. Tâm nầy tạo ra đầy đủ các pháp, hoặc lậu, vô lậu, chẳng phải lậu, chẳng phải vô lậu v.v..., hoặc nhân, hoặc quả, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, v.v... Nên kinh nói: Ba pháp: Tâm, Phật và chúng sinh không khác nhau. Chúng sinh đủ lý Chư Phật đã thành, thành đó cùng với lý tánh đều bình đẳng, nghĩa là tất cả tâm trong mỗi tâm, tất cả trần trong mỗi trần, tất cả trần trong mỗi tâm, tất cả tâm trong mỗi trần, tất cả cõi trong mỗi trần, tất cả cõi trần cũng giống như thế. Thân của các pháp, các trần, các cõi, thể ấy rõ ràng không tự tánh, không tánh xưa nay tùy một vật biến hóa cho nên nhập vào nhau mà thường phân chia, nên thân tâm ta đầy khắp cõi trần. Chư Phật, chúng sinh cũng giống như thế. Mỗi thân, cõi thể thường đồng, đâu ngại thân Phật, chúng sinh khác nhau, khác nên chia ra duyên nhiễm, tịnh. Thể duyên vốn không, không bất không. Ba đế, ba quán, ba chẳng phải ba, ba một, một ba không chỗ nương. Quán kỹ tên khác thể lại đồng, cho nên năng và sở hai mà chẳng phải hai (tên và nghĩa Ba quán ở kinh Anh-lạc, v.v..., tên và nghĩa Ba đế ở kinh Nhân vương, v.v...) Lúc quán như thế, gọi là quán tâm tánh. Tùy duyên bất biến nên là Tánh, bất biến tùy duyên nên là Tâm. Kinh Niết-bàn chép: quán được tâm tánh gọi là thượng định, thượng định là nghĩa Đệ-nhất, nghĩa Đệ-nhất là Phật tánh, Phật tánh là Tỳ-lô-giá-na, tánh Giá-na nầy đầy đủ ba tánh Phật, Giá-na trùm khắp nên ba thân Phật cũng trùm khắp, nên biết ba thân Phật chỉ một sát- na, ba Phật trùm khắp nên sát- na cũng khắp, người quán như thế là quán phiền não, là quán pháp thân. Quán pháp thân nầy gọi là quán ba thân, là quán sát-na, là quán hải tạng, là quán chân như, là quán thật tướng, là quán chúng sinh, là quán thân mình, là quán hư không, là quán Trung đạo, nên diệu cảnh nầy là gốc các pháp, nên diệu quán này là nguồn các hạnh, như thế mới lìa

thiên tiểu tà ngoại, cho nên đứng đầu mười pháp.

Thượng căn hễ quán thì ngang dọc đều nhiếp, liền biết vô tướng các tướng rõ ràng, tức phá vô minh, bước lên Sơ-trụ, hoặc nội ngoại phàm, nên dụ rằng: việc ấy cao rộng cho đến đạo tràng.

Trung căn chưa hiểu, lại tu pháp dưới.

2- Khởi tâm từ bi: Quán cảnh không ngộ, thì phải thêm phát tâm. Người này từ vô thỉ đã khởi thệ nguyện rộng lớn, nên nói: Phát tăng-na ở tâm ban đầu, cuối cùng phát đại bi để cứu nạn. Tăng-na là thệ nguyện rộng, cứu nạn là vào chỗ ác, nay do quán cảnh không khế hợp với lý, thì phải phát thệ nguyện lại: Trong tâm tĩnh lặng, tư duy ta người, đau xót cho mình người từ vô lượng kiếp đến nay chìm đắm sinh tử, cứ phát chí nhỏ, mê tâm Bồ-đề, nay ta tuy biết hành do chưa đủ, nên phát thệ nguyện lại: Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, sinh tử tức Niết-bàn; phiền não vô lượng thệ nguyện dứt, phiền não tức Bồ-đề; Pháp môn vô lượng thệ nguyện biết, tức mê hoặc thành trí tuệ. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành, ngay nơi sinh thành diệt. Tư duy như thế hoát nhiên đại ngộ, thầm hợp cảnh sở chiếu, nhập vào địa vị phàm thánh, nên dụ rằng: Treo phướn lọng, v.v... nếu không nhập vào được thì do tâm không an.

3- An tâm: Trước chung, sau riêng.

a- Chung: Lấy pháp giới làm sở an, lấy tịch chiếu làm năng an. Nếu biết phiền não và sinh tử bản tánh thanh tịnh, gọi là tịch, bản tánh như hư không, gọi là chiếu. Phiền não, sinh tử nầy gọi là pháp giới, tức pháp giới này thể dụng thay nhau hiển hiện. Thể là pháp giới sở an, dụng là tịch chiếu năng an . Thể gọi là pháp thân bình đẳng, cũng có đủ ba đức, dụng là Bát-nhã giải thoát, cũng có đủ ba đức. Thể dụng không hai, lý ba đức như nhau, băng và nước, dây leo và rắn, ý dụ có thể biết.

b- Riêng: Tuy là an đó, mà càng tối tăm, càng tán loạn, bởi tập tánh từ vô thỉ khác nhau, nên nay thuận tánh đuổi trừ mà an, nghĩa là phải nghe, phải tư, nên tịch, nên chiếu, tùy lạc, tùy trị, tùy Đệ-nhất-nghĩa. Vì sao? Có nhân tịch chiếu mà có gốc lành thêm lớn, gốc lành không thêm lớn. Có nhân tịch chiếu mà phiền não mê lầm bị phá hoại, hoặc có phiền não mê lầm không bị phá. Thấy lý cũng vậy, hoặc nghe, suy tư, chuyển hẳn; hoặc nghe, suy tư, giúp nhau, chưa thể xong hết, tìm xét kỹ càng mới hiểu, nên ví dụ nói: Sắp đặt gối đỏ tức gối trong xe. Nếu không vào được là do pháp phá không khắp .

4- Pháp phá khắp: Các kinh, các môn phần nhiều chia làm bốn,

cho đến tám mươi bốn ngàn khác nhau, thảy đều lấy vô sinh làm đầu. Nay hãy theo từ đầu: Đối với môn vô sinh phá khắp các mê lầm, lại dùng vô sinh đưa vào môn khác, dọc ngang đều phá, khiến thức thể trùm khắp, nên dụ rằng: mau như gió, môn này rất rộng, không thể đầy đủ ngay được. Nếu người không vào, nên tìm xét thông và bít.

5- Biết thông, bít: Tuy biết sinh tử, phiền não là bít, Bồ- đề, Niết-bàn là thông, lại phải biết nơi thông khởi bít thì bít này cần phải phá, nơi bít được thông thì thông này phải giữ gìn; như tướng làm giặc, giặc này há còn? Nếu giặc làm tướng, tướng này đâu cần phá, từng tiết kiểm soát không để sinh dính mắc. Dính mắc nên gọi là bít, phá bít còn thông, chẳng phải một lối, có tâm đều như vậy. Niệm niệm thường phải xem xét thông, bít, nên dụ rằng: Sắp đặt gối đỏ tức gối ngoài xe, nếu không vào được do đạo phẩm không đồng đều.

6- Đạo phẩm điều hòa: Theo môn phá khắp, đối với lý lại mê mờ, nên cần đến bảy khoa, thứ lớp điều chỉnh, nếu không như vậy, thì đạo phẩm này vì ai đặt bày? Dùng môn phá khắp, tuy quán ấm cảnh, trên ấm chưa chia tên niệm xứ, huống chi có sáu khoa, lần lượt dàn xếp, nên dùng môn này xem xét lựa chọn, nghĩa là bốn niệm-xứ, bốn chánh-cần, bốn như-ý, năm căn, năm lực, bảy giác-chi, tám chánh-đạo. Niệm xứ là thân, thọ, tâm, pháp đều ở trong pháp tánh, ba đế tìm tòi xem xét. Ban đầu quán thân, thân là sắc pháp, quán pháp tánh sắc, một sắc là tất cả sắc, tất cả sắc là một sắc, song chiếu một và tất cả, song phi một tất cả, năng sở, ba một, đầy đủ như văn trước nói ở trong Diệu cảnh. Ba pháp thọ đã kể ở trước có thể biết, ngoài ra sáu khoa không thể nói đủ, nên dụ có trâu trắng lớn, v.v... Như sáu môn trên gọi là chánh hạnh, nếu người không ngộ là do việc ác ngăn che lý thiện.

7- Trợ đạo đối trị: Kinh Niết-bàn chép: Phiền não chúng sinh chẳng phải một thứ, Phật nói vô lượng môn đối trị, người nào không tin có đối trị, thì biết người này chưa hiểu chánh hạnh, nếu biết thân mình chánh hạnh chưa phân biệt, là do việc ác giúp thêm lý ác, và che lý thiện làm cho không hiện tiền, lý thiện là pháp giới thường trụ, sự thiện là sáu Ba-la-mật như bố thí, v.v... lý ác là vô minh nhỏ nhiệm, sự ác là sáu lớp che, do tu Chỉ-Quán, sáu thứ này hiện khởi: san, tham, phá giới, sân nhuế, biếng nhác, loạn tưởng, ngu si. Đầy đủ sáu pháp ác nầy mà nói trong có thắng pháp, hoặc nói thường tự tương ưng, nếu tương ưng tức là đồng pháp thân nên không có chỗ nơi, nói tất hợp cơ. Nếu người tạm tương ưng mà còn khởi điều ác, đều không có việc này, sẽ cho việc thành Phật trở lại làm chúng sinh bị ngại, hoặc nói từng khế hội, cũng

ngại như thế, hoặc nói biết lý không ngại ác, cũng nên biết giàu khỏi nghèo, biết thuốc khỏi bệnh, sự ác nếu bỏ lý thiện dễ sáng, nên thỉnh Phật che chở giúp ta hiển lý. Nếu vậy chỉ cần quán ác tức là đạo, há ác có thể che lý, nghĩa này không đúng, nếu ác đã thành đạo, đạo tức là pháp thân, pháp thân chưa khế hợp, do "tức quán" còn ít. Trước tu sự độ để đối trị việc ác, việc ác dứt rồi lý thiện sẽ sinh, nên người tu quán phải lấy việc ác xem xét, dùng "sáu tức" để phán đoán. Lý thiện sáng rồi việc ác làm tiêu mất. Phải biết lý sáng ở tại chỗ nào, mới dùng nhỏ giúp lớn, dùng Thiên giúp Viên, huống chi lại có chuyển trị, kiêm trị, cụ trị, Đệ-nhất-nghĩa trị, v.v... mà không thể dứt sạch, nên dụ: Lại nhiều tôi tớ theo hầu hạ bảo vệ, nếu không tôi tớ thì nghiêng lật không còn nghi ngờ. Trung căn dùng quán rốt cùng đến chỗ này.

8- Biết vị thứ: Hạ căn chướng nặng, chẳng những chánh trợ không sáng, lại sinh thượng mạn nghĩa là thấy mình bằng Phật, chưa được nói được, chưa chứng nói chứng. Nên biết vị thứ khiến đỏ tím không lẫn lộn. Phàm nhỏ lớn, chân tợ, chẳng chứng thì không rõ, nên chư Phật ba đời đều rõ các địa vị. Nếu chưa chứng được mà nói chứng được, thì chẳng những mất địa vị lại còn đọa địa ngục, nên trong kinh Tiểu thừa, Tỳ-kheo Tứ thiền nói là Tứ quả, trong kinh Đại thừa, ma Bồ-tát thọ ký cho Bạt-trí. Nếu sinh chấp giữ thì đó là quyến thuộc của ma, còn mất thân trời người, đâu quan hệ đến đạo, nên kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa đều nói rõ vị thứ. Lại nói, công đức thắng diệu của địa vị sâu xa, dẫn dắt người mới hành khiến vui mừng kính mến lại thích nghe địa vị lâu xa sinh lòng tin tăng thượng, lập hạnh khó hành, phá phiền não lớn, thấy nghĩa Đệ nhất, nên dụ: Dạo chơi bốn phương là dụ cho bốn Trụ, v.v... Tuy biết vị thứ không nhẫn trái thuận, phải nói rõ về an nhẫn.

9- An nhẫn: Người thực hành viên đốn, ban đầu vào ngoại phàm, ngoài chiêu vời danh lợi, trong dấy động chướng xưa, chướng trước dẫu mỏng, danh lợi càng đến, vì chúng vây quanh, phá bỏ hạnh mình, do đó phá hỏng, đâu thể tiến đạo, người ngoài nhìn vào vẫn cho là đại thánh, như thằn lằn ôm cây, ngoài thì giống mà trong luống dối, chỉ nên tự cố gắng không bị động, được vào Nội phàm, gọi là tợ vị, nếu chỉ ở tợ vị gọi là pháp ái.

10- Lìa pháp ái: Đã được tương tợ, sáu căn dùng lẫn nhau, phá xong hai "hoặc", không bao giờ rơi vào đường khổ, yêu thích địa vị nầy gọi là Đảnh đọa, không đồng với Tiểu thừa lui sụt gây ra năm tội nghịch. Vì địa vị Nội Ngoại phàm các kinh nói khác nhau, hoặc tu lìa ái tiến vào đồng luân gọi là Thập trụ, phân thân trăm cõi, một nhiều tức

nhau. Thân cõi đã vậy, mình người cũng như thế, mười thân lợi sinh, bốn cõi nhiếp vật, công đức Sơ trụ đầy đủ như phẩm Hiền Thủ trong kinh Hoa-nghiêm có nói.

Từ đây trở lên là phần đầu quyển năm, chấm dứt ở phần cuối quyển bảy. Minh hạnh chánh tu bắt đầu từ sơ tâm, cuối cùng cho đến Sơ trụ.

Từ quyển tám trở đi, là nói sau khi quán ấm, lại phát tập khí đời trước, dùng quán để quán tập khí, hoặc dùng mười loại quán pháp ở trên chưa được vào địa vị, sẽ phát ra tập khí đời trước, nghĩa là phiền não, bệnh hoạn, nghiệp tướng, ma sự đều ở quyển tám.

Thiền cảnh ở quyển chín.

Thấy cảnh ở quyển mười.

Ngoài ra có thượng mạn, hai giáo Nhị thừa, ba giáo Bồ-tát, vì hạ gần chấm dứt, nên bỏ không nói, đem các văn ở trước so sánh để biết. Tập khí đời trước nếu khởi thì không thể không biết, nếu biết trước thì buông lung kia biến thành quái, các cảnh như thế hiện ra bất định, tùy đời quá khứ hoặc gần hoặc chín muồi, đời này hiện tiền. Trong văn cứ theo thứ lớp, hễ có chỗ khởi, chỉ cần dùng tịch chiếu mà Chỉ Quán, trùm khắp pháp giới bình đẳng, nhất tướng vô tướng, đều dùng mười thừa quán pháp.

Ban đầu nói Phát sinh phiền não: Nghĩa là từ vô thỉ đến nay chứa nhóm mê hoặc nặng nề, nay do dùng quán, mê hoặc này vượt quá bình thường, chẳng thể khống chế.

Bệnh hoạn: Là do quán ấm hoặc kích động bốn đại, biết nguyên do đó nên dùng cách gì trị? Hoặc năng lực nội quán, hoặc kỹ thuật, hoặc y học rồi sau dùng quán.

Nghiệp tướng: Nghiệp hữu lậu hoặc đã thọ báo không còn phát nữa, hoặc chưa thọ báo, ở trong tâm an tịnh bỗng nhiên cùng phát ra, tướng phát ra tuy nhiều nhưng không vượt ngoài mức độ ngăn che, mỗi thứ có sáu tướng, hoặc do Chỉ sinh, hoặc do quán sinh.

Việc Ma: Là do quán các cảnh, mê lầm tuy chưa phá, ma trời vẫn sợ hãi, nếu ra khỏi cảnh thì cung điện họ trống rỗng, nên dạy dân chúng quyến thuộc cùng nhau chiến tranh, nên dân chúng và vua chúa đều đến, tức ma trời trong bốn ma cho đến loài người, truy thích, dạ-xoa, thời mị, v.v... quỷ quản thuộc ma trời vì họ tuần tra, cản hành giả không cho ra khỏi giới, nên Đại-phẩm chép: Bồ-tát không nói ma gọi là Bồ-tát chiên- đà-la.

Thiền phát: Nghĩa là bốn thiền căn bản đặc biệt cao siêu, thông

suốt, rõ ràng chín tưởng, bối xả, cho đến niệm Phật, thần thông, v.v... Thiền tùy theo gần thuần thục mà phát ra tướng nầy, tướng rất khó biết.

Các kiến: Cho đến một trăm bốn mươi kiến chấp.

Thượng mạn: Đã hàng phục kiến chấp rồi, cho là đến chỗ sâu xa, lạm khoe ở địa vị cao, cho nên cần phải biết.

Nhị thừa: Xưa phát chí nhỏ do tập khí nầy sinh.

Bồ-tát: Tâm của ba Bồ-tát Tạng, Thông, Biệt do tu tập mà hiện các cảnh như trên, đều cần sức quán mà điều phục, đều ở văn gốc, không thể chép lại đầy đủ.

Nên pháp quán vào đạo của một nhà thứ lớp hơi khác các thuyết, đem phụ vào các kinh thành hành tướng, ắt trong thì thuận quán đạo, ngoài nâng đỡ giáo môn, y đây tu hành sẽ không qua suông, dù đời này chưa được, làm cũng hạt giống mạnh, ý khí phóng khoáng nên cần phải bao gồm, trùm tận mé vị lai, lại không thay đổi lối đi, nếu nương đây tu hành thì phải thuộc mới thành hành tướng một nhà.

Trạm Nhiên, chỗ thấy tối tăm, yếu kém, chỉ vâng mệnh chứ không có công, bản văn hơn ba trăm tờ, tóm lược nhiều, ở đây có chỗ không đầy đủ. Tuy cố gắng để vâng mệnh thầy, thật rất sợ mất ý chỉ sâu xa của Đại sư, có nhiều chỗ chưa đạt tới, xin thứ lỗi cho.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 168

TU TẬP CHỈ QUÁN TỌA THIỀN PHÁP YẾU

SỐ 1915

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1915

TU TẬP CHỈ QUÁN TỌA THIỀN PHÁP YẾU

Sa-môn Trí Khải ở chùa Tu Thiền, núi Thiên Thai soạn.

LỜI NGƯỜI KHẮC BẢN

Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư nói về môn Chỉ Quán, gồm có bốn bản:

1- Viên Đốn Chỉ Quán: Đại sư nói tại chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, ngài Chương An ghi thành mười quyển.

2- Tiệm Thứ Chỉ Quán: Nói ở chùa Ngõa Quan, đệ tử là Pháp Thận ghi, có ba mươi quyển, ngài Chương An sửa, định thành mười quyển.

3- Bất Định Chỉ Quán: Do Trần Thượng Thơ yêu cầu ngài Mao Hỷ thỉnh Đại Sư nói, có một quyển, nay là bản Lục Diệu Pháp Môn.

4- Tiểu Chi Quán: Nay chính là Bổn Văn Tu Tập Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp Yếu, Đại Sư vì người anh ruột là Trần Châm mà nói. Bản này là xương sống của đại bộ, cửa ngõ để nhập Đạo.

Các danh từ được gọi: là Chỉ quán, là Định tuệ, là Tịch chiếu, là Minh tịnh, v.v... đều là từ khắc mà đồng nghĩa.

Nếu xét cho cùng nguồn cội của Pháp môn, khảo đến chỗ tu chứng của chư Phật không gì hơn Chỉ quán. Đại Sư Thiên Thai thân thừa ở Linh Sơn, chính là thân thừa về môn Chỉ quán, mà diệu ngộ ở Đại Tô cũng là ngộ Chỉ Quán, chỗ tu Tam-muội cũng là tu Chỉ Quán, dùng Tự Tại biện mà nói cũng là tu Chỉ Quán, nên có thể nói rằng: “Đại Sư đã nói pháp môn được thực hành trong tâm mình” vậy.

Do đó, ta biết toàn bộ Giáo tông của Thiên Thai tuy nhiều, mà con đường cốt yếu để quy thú không ngoài Chỉ Quán. Nếu bỏ Chỉ quán, thì chúng ta không biết lấy gì để nói đến đạo Thiên Thai, cũng không biết lấy gì để bàn về Giáo của Thiên Thai, nên người nhập Đạo chẳng thể không học, người học chẳng thể không tu.

Ngặt nỗi gặp đời suy loạn, kém cỏi, người ta chỉ biết chạy theo tiếng tăm, lợi dưỡng, hoặc lầm đối với danh tướng, hoặc lẫn lộn ở chỗ tà Chứng, nên mặc dầu sách này tuy còn mà đạo Chỉ Quán không nghe thấy ở đời, há chẳng đau lòng, hay sao!

Nay tôi đem sách này để cho thợ khắc bản, vì muốn cho người nghe kẻ thấy đều có thể gieo trồng được phước duyên Đại thừa; còn người nào nương theo sách này mà có tu có Chứng thì lợi lạc không làm sao nói hết được.

Nhân tôi đối chiếu để giảo chánh bản văn này, mới làm lời tựa để tỏ bày.

Ngày mùng 1 tháng giữa Thu Niên hiệu Thiệu chánh năm thứ hai

Thích Nguyên Chiếu ở quận Dư Hàng
Kính tựa

SỐ 1915

TU TẬP CHỈ QUÁN TỌA THIỀN PHÁP YẾU

Sa-môn Trí Khải ở chùa Tu Thiền,
núi Thiên Thai soạn.

1- Kệ nói:

"Đừng làm các điều ác
Vâng làm các điều thiện
Giữ ý mình thanh tịnh
Là lời chư Phật dạy"

2- Nói về duyên khởi

Xét kỹ pháp Nê-hoàn (Niết-bàn), đi vào thì có nhiều đường, mà nói chỗ trọng yếu, cấp bách thì chẳng ngoài hai pháp Chỉ Quán.

Vì sao?

Vì Chỉ là sơ môn phục kiết (phiền não), Quán là chánh yếu dứt hoặc (phiền não), chỉ thì khéo giúp (thiện tư) ái dưỡng thức tâm, Quán là phép mầu (diệu thuật) sách phát thân giải; Chỉ là nhân cao siêu của thiền định, Quán là chỗ nương nhờ của trí tuệ, nếu ai thành tựu được hai pháp Định tuệ thì đó là pháp tự lợi, lợi người đều được đầy đủ.

Nên kinh Pháp Hoa chép: "Phật tự trụ trong Đại thừa, như chỗ đã chứng được là năng lực Định tuệ trang nghiêm, lấy đó mà độ chúng sinh".

Phải biết hai pháp này như hai bánh của chiếc xe, như hai cánh của con chim, nếu tu tập nghiêng lệch tức là lạc vào tà đạo.

Nên kinh nói: "Nếu tu nghiêng về Thiền định, phước đức, chẳng học trí tuệ, gọi là ngu; học nghiêng về trí tuệ chẳng tu thiền định, Phước đức, gọi là cuồng".

Lỗi cuồng, ngu tuy có đôi chút khác nhau, mà tà kiến luân chuyển hiện thấy chẳng khác. Nếu chẳng làm cho Định tuệ được ngang bằng thì đó tức là thực hành trái với chỗ viên bị, đâu thể mau lên cực quả!

Nên kinh nói: "Người Thinh Văn vì sức định nhiều, nên chẳng thấy Phật tánh; Bồ-tát Thập trụ sức trí huệ nhiều, tuy thấy Phật Tánh

mà không được rõ ràng; Chư Phật Như lai, năng lực Định tuệ bằng nhau, cho nên đối với Phật tánh thấy rất rõ”.

“Lấy đó mà suy, Chỉ Quán đâu chẳng phải là yếu môn Nê-hoàn Đại quả, con đường tốt của người tu hành, chỉ quy của các đức viên mãn, chánh thể của Vô thượng cực quả đó sao?”

Nếu người nào biết được như thế thì pháp môn Chỉ Quán chẳng phải là cạn, nên muốn dắt dẫn người mới học, mở mang cho kẻ sơ cơ để tấn đạo, tuy nói dễ nhưng làm khó, nên ở đây đâu thể rộng bàn lý sâu xa vi diệu!

Nay sẽ lược nói mười ý để chỉ cho người tu hành sơ tâm bước lên nấc thang Chánh Đạo, vào thêm bực Nê-hoàn. Người tầm học phải hổ thẹn là làm rất khó thành, không nên chê chỗ cạn cợt của văn nầy.

Nếu tâm mình xứng với Ý Chỉ của lời nói, thì trong nháy mắt trí đoạn khó lường, thần giải không suy cùng được. Còn dùng lời văn bóng bẩy, kết cấu rỗng suông, tâm tình trái với ở đây nói, luống qua năm tháng, không biết do đâu thủ chứng, thì khác gì việc người nghèo đếm của báu cho kẻ khác, đối với bản thân mình nào có lợi ích gì. Sau đây là mười ý:

1. Duyên đủ
2. Quở trách dục
3. Bỏ ấm Cái
4. Điều hòa
5. Phương tiện
6. Chánh Tu
7. Khéo Phát
8. Giác ma
9. Trị Bệnh
10. Chứng quả

Nay lược nêu mười ý nầy để nói về tu Chỉ Quán, là việc trọng yếu, cấp bách của người sơ tâm học tọa thiền, nếu có khả năng khéo thủ được các ý trong đó mà tu tập thì sẽ an tâm chẳng mấy khó khăn, phát Định, sinh giải, chứng ở quả Thánh vô lậu.

1. DUYÊN ĐỦ

Phát tâm khởi hạnh, muốn tu Chỉ quán, thì trước bên ngoài phải đủ năm duyên:

Duyên thứ nhất trì giới thanh tịnh: Như trong kinh nói: “Nhờ y theo giới nầy, được sinh ra thiền định và trí tuệ diệt khổ, cho nên

Tỳ-kheo phải trì giới thanh tịnh, nhưng có ba hạng người trì giới khác nhau:

1- Người nào khi chưa làm đệ tử Phật (chưa quy y), chẳng gây ra năm tội nghịch, sau gặp thầy lành dạy, thọ tam quy, ngủ Giới cấm làm đệ tử Phật rồi, nếu được xuất gia thọ mười giới Sa-di, kế thọ giới Cụ tục, làm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, từ khi thọ giới về sau giữ gìn thanh tịnh, không có điều nào hủy phạm. Đây gọi là Thượng phẩm trì giới. Phải biết người này tu hành Chỉ Quán chắc chắn chứng được Phật pháp. Ví như cái áo sạch nhuộm dễ ăn mầu.

2- Nếu người thọ giới rồi, tuy không phạm giới trọng, nhưng các giới khinh phần nhiều có hủy tổn, vì tu định nên liền có thể đúng như pháp sám hối, cũng được gọi là trì giới thanh tịnh, được sinh Định tuệ, ví như cái áo bị mồ hôi dơ, đem giặt sạch nhuộm cũng dễ ăn mầu. (Trung căn Trì)

3- Nếu người thọ giới rồi, không thể kiên tâm hộ trì, các giới khinh, trọng, phần nhiều hủy phạm, y theo Tiểu thừa giáo môn vẫn có thể dứt trừ (Hạ căn Trì). Kinh nói: "Phật pháp có hai hạng người mạnh mẽ: một là chẳng làm các điều ác, hai là làm rồi biết ăn năn sám hối". Xét kỹ, người muốn sám hối thì phải đủ mười trợ pháp, việc sám hối mới thành:

a- Tin rõ nhân quả

b- Sinh tâm sợ hãi

c- Khởi tâm hổ thẹn sâu xa

d- Cần cầu phương pháp sám hối, đó là trong Kinh Đại Thừa nói các hành pháp.

đ- Phát lồ tội trước

e- Dứt tâm nối tiếp

f- Khởi tâm hộ pháp

g- Phát thệ nguyện rộng lớn độ thoát chúng sinh

h- Thường nhớ nghĩ Chư Phật mười phương

i- Quán tánh của tội vô sinh.

Nếu thành tựu mười Pháp trên, trang nghiêm Đạo tràng, tắm gội sạch sẽ, mặc áo thanh khiết, đốt hương, rải hoa, đối trước Tam Bảo, đúng như pháp tu hành trong bảy ngày, hai mươi mốt ngày, hoặc một tháng, ba tháng cho đến trọn năm, chuyên tâm sám hối tội trọng đã phạm, chừng nào tội diệt mới thôi. Làm sao biết tướng tội trọng tiêu diệt? Nếu hành giả khi dốc lòng sám hối như thế, tự biết thân tâm nhẹ nhàng lanh lợi, được điềm mộng tốt, hoặc thấy các điềm linh tướng lạ,

hoặc cảm thấy tâm lành khai phát, hoặc trong khi ngồi cảm giác thân như mây, như bóng, do đây lần lần chứng được các cảnh giới thiền; hoặc bỗng nhiên tâm giải ngộ phát sinh, khéo biết Pháp tướng, tùy các loại Kinh giáo đã nghe liền đó biết được nghĩa thú. Nhân pháp hỷ này, tâm không còn lo lắng, ăn năn. Có các nhân duyên như thế, nên biết đó chính là tướng của tội phá giới chướng đạo tiêu diệt. Từ đó về sau giữ gìn cấm giới, cũng gọi là Thi la (giới, tánh thiện) thanh tịnh, có thể tu thiền định, ví như cái áo bị rách, dính mồ hôi dơ, nếu được vá lại, giặt giũ sạch sẽ, nhuộm vẫn được ăn mầu. Nếu có người phạm giới trọng rồi, e chướng Thiền định, mặc dầu chẳng y các kinh, tu các hành pháp, nhưng nặng lòng sinh tâm hổ thẹn, đối trước Tam Bảo phát lồ tội trước, dứt tâm nối tiếp, an thân ngay ngắn thường ngồi, Quán tánh tội rỗng không, nhớ nghĩ Phật mười phương, nếu khi xuất thiền thì phải dốc lòng đốt hương lễ bái, sám hối tụng giới và tụng Đại thừa kinh điển, tội trọng chướng đạo lần lần khắc bị tiêu diệt. Do đây Thi-la thanh tịnh, thiền định khai phát. Kinh Diệu Thắng Định chép: "Nếu người phạm trọng tội rồi, sinh tâm lo sợ, muốn cầu trừ diệt, nếu ngoài thiền định ra, các pháp khác không thể nào diệt được. Người ấy phải ở chỗ vắng, nhiếp tâm thường ngồi và tụng Kinh Đại thừa, tất cả tội trọng thảy đều tiêu diệt, các thiền định Tam-muội tự nhiên hiện tiền".

Duyên thứ hai: Y, thực đầy đủ.

1- Về Y Pháp: có ba

a- Như Đại Sĩ Tuyết Sơn, tùy thân chỉ có một y che thân là đủ, vì không du hanh ở nhân gian và năng lực chịu đựng đã thành thục.

b- Như ngài Ca-diếp thường thọ pháp Đầu-đà, chỉ giữ ba y phẩn tảo, không chứa dư.

c- Nếu cõi nước lạnh nhiều và sức chịu đựng chưa thành thục, thì Đức Như lai cũng cho ngoài ba y được sắm một trăm lẻ một các vật cần dùng; nhưng phải thuyết tịnh, biết lượng, biết đủ, nếu quá tham cầu chứa để thì tâm loạn, ngăn đạo.

2- Về thực Pháp: có bốn

a- Như bậc Thượng Nhân Đại Sĩ, ở trong núi sâu, xa hẳn người đời, thường thì dùng trái cây, rau cỏ, tùy thời để được nuôi dưỡng thân thể.

b- Thường hành Đầu-đà, theo pháp khất thực, Pháp khất thực này phá trừ được bốn thứ tà mạng, nương Chánh mạng tự sống, vì sinh được Thánh đạo. Bốn thứ tà mạng tự sống là: một, là Hạ khẩu thực; hai, là Ngưỡng Khẩu Thực; ba, là Duy Khẩu Thực; bốn, là Phương Khẩu Thực.

Tướng của tà mạng như ngài Xá-lợi-phất vì Thanh Mục Nữ mà nói.

c- Ở chỗ vắng vẻ thì đàn việt đưa thức ăn đến.

d- Ở trong tăng chúng thì khiết tịnh thực (thọ thực theo pháp của Tăng chúng) có đầy đủ duyên của các thực pháp này, gọi là Y thực đầy đủ. Vì sao? Vì không có các duyên nầy thì tâm không an ổn, đối với đạo có sự trở ngại.

Duyên thứ ba: Được rãnh rỗi ở chỗ vắng lặng.

Nhàn là không làm các việc, gọi là Nhàn, vì không ồn náo gọi là Tịnh. Có ba nơi để tu Thiền định:

1. Ở trong núi sâu, dứt bặt bóng người qua lại.

2. Chỗ Lan-nhã tu hạnh đầu-đà, xa nơi làng xóm, gần lắm cũng chỉ chừng ba, bốn dặm, là nơi dứt hẳn tiếng thả trâu, không có các sự ồn ào.

3. Trong Già-lam thanh tịnh, xa chỗ ở của những người tại gia, ba chỗ ở nói trên được gọi là Nhàn Cư tịnh xứ (chỗ ở thanh nhàn vắng vẻ).

Duyên thứ tư: Dứt mọi duyên làm việc. Có 4 ý:

1- Dứt việc làm ăn sinh sống: không làm các sự nghiệp hữu vi (dứt các việc mưu sinh hàng ngày).

2- Dứt việc Nhân gian: không tìm kiếm những người đời quen biết, bạn bè, thân thích, dứt bặt các việc của người và sự qua lại (dứt mọi sự giao tế thù tạc).

3- Dứt việc Công Xảo Kỹ thuật: không làm các nghề thợ thuyền, nghề chuyên môn, nghề thuốc, nghề cấm chú, nghề coi bói, nghề coi tướng, nghề thư ký, nghề kế toán, v.v... các việc ở thế gian.

4- Dứt việc Học Vấn: đọc, tụng, thích học, v.v... đều buông bỏ, đó là "Dứt các duyên vụ". Vì sao? Vì nếu đa mang nhiều công việc thì việc hành đạo bị phế bỏ, loạn tâm khó nhiếp.

Duyên thứ năm: Gần gũi thiện tri thức

Thiện tri thức có ba loại:

1- Thiện tri thức Ngoại Hộ: Người chuyên lo cúng dường, khéo hay gần gũi ủng hộ người tu hành, không não loạn nhau.

2- Thiện tri thức Đồng Hành: Người cùng tu một con đường (một pháp môn) khuyến phát lẫn nhau, không nhiễu loạn nhau.

3- Thiện tri thức Giáo Thọ: Người dùng pháp môn thiền định, phương tiện trong và ngoài chỉ dạy, để được lợi lạc và Pháp hỷ. Tới đây đã lược nói xong về năm thứ Duyên vụ.

2. QUỞ TRÁCH CÁC DỤC

Nói quở trách dục là tránh xa năm thứ dục. Người muốn ngồi thiền tu tập Chỉ Quán thì phải tránh xa năm thứ dục. Năm thứ dục là sắc, thanh, hương, vị và xúc ở thế gian. Những thứ này thường làm mê hoặc phàm phu khiến cho sinh tâm mê say, đắm nhiễm. Nếu sớm biết là tội lỗi thì không nên gần, gọi đó là quở trách dục.

1- Quở trách Sắc dục

Đây là tướng mạo nam và nữ, như: mắt trong, mày đẹp, môi đỏ, răng trắng, và các vật báu ở thế gian: xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, xanh dợt, xanh biếc, bao nhiêu mầu sắc đẹp đẽ có khả năng làm cho người ngu thấy thì sinh tâm ham muốn, tạo các thứ nghiệp. Như vua Tần-bà-sa-la do sắc dục, đem thân vào nước địch, ở trong phòng của dâm nữ A-phạm-ba-la. Vua Ưu-trấn vì nhiễm sắc mà chặt đứt tay chân năm trăm vị tiên. Gây ra bao nhiêu tội lỗi như thế v.v...

2- Quở trách thinh dục:

Đó là những thứ tiếng về âm nhạc, như: đàn không hầu, đàn tranh, ống địch; tiếng tơ, tiếng trúc, tiếng kim, tiếng thạch, v.v... và các thứ tiếng ca, vịnh, tán, tụng, của nam và nữ, có thể khiến cho phàm phu nghe thì say mê khởi các thứ nghiệp. Như năm trăm vị tiên ở trong núi tuyết nghe tiếng ca của cô gái Chân-Đà-La liền mất thiền định, tâm mê cuồng loạn. Do nhiều nhân duyên như thế, nên biết âm thanh gây ra tội lỗi.

3- Quở trách hương dục

Đó là mùi hương của thân nam và nữ, mùi hương các thứ ăn uống ở thế gian, và tất cả các thứ hương xông ướp, v.v... Người ngu chẳng biết tướng của hương, ngửi thì ái nhiễm, mở cửa cho các kiết sử (phiền não). Như một Tỳ-kheo ở bên ao sen, ngửi mùi thơm của hoa sen sinh tâm ưa thích, bị Thần giữ ao mắng rằng: Tại sao ông trộm mùi hương của ta? Vì say mê mùi hương làm cho các kiết sử đang nằm đều trỗi dậy. Vì các nhân duyên như thế v.v... nên biết hương gây ra các tội lỗi.

4- Quở trách vị dục :

Vị là đắng, chua, ngọt, cay, mặn, lạt, v.v... bao nhiêu món ăn uống ngon lạ quý giá, khiến cho tâm phàm phu sinh ra đắm nhiễm, nổi lên cơ nghiệp bất thiện. Như một Sa-di say mê vị lạc (do sữa làm ra) sau khi chết sinh làm thân loài trùng ở trong lạc. Do các nhân duyên như thế v.v... nên biết Vị gây ra tội lỗi.

5- Quở trách xúc dục

Xúc là thân phần của nam và nữ, mềm mại, trơn, mịn; khi lạnh thì

thể ấm, khi nóng thì thể mát, cùng các loại xúc tốt đẹp khác, người ngu vô trí vì đó mà chìm đắm làm chướng ngăn đạo nghiệp. Như vị Tiên Nhất Giác cũng gọi là vị Tiên Độc Giác, vì xúc dục mà mất thần thông, bị dâm nữ cỡi cổ. Do các nhân duyên như thế, v.v... nên biết Xúc dục gây ra các tội lỗi.

Pháp quở trách dục như trên xuất xứ từ Luận Ma-ha-diễn, luận Ma-ha-diễn chép: "Thương thay chúng sinh, thường bị năm dục làm khổ não mà vẫn tìm kiếm không thôi!" Năm thứ dục nầy khi được chúng rồi, càng tăng thêm dữ dội, như lửa thêm củi, lửa cháy càng dữ.

Năm thứ dục không vui, như chó gặm xương khô; năm thứ dục tranh nhau thêm mãi, như chim giành miếng thịt. Năm thứ dục đốt người, như cầm đuốc ngược gió; Năm thứ dục hại người, như đạp nhằm rắn độc; Năm thứ dục không thật, như vật được trông mộng; Năm thứ dục không bền lâu, tạm bợ trong giây lát, như ánh lửa do chẹt hai viên đá. Người trí nghĩ đó như bọn cướp bóc, người đời ngu muội say mê năm dục đến chết chẳng bỏ, sau chịu vô lượng khổ não.

Năm pháp dục nầy loài súc sinh cũng đồng có. Tất cả chúng sinh thường bị năm dục sai khiến gọi là đầy tớ của dục. Ngồi trong tệ dục nầy, chìm đắm trong ba đường, nay ta tu thiền lại bị chúng ngăn che, đó là tên cướp nguy hiểm, phải mau xa lánh bọn chúng.

Như trong bài kệ của Thiền kinh chép:

Sinh tử chẳng cắt đứt,
Vì tham dục, đắm vị.
Cho kẻ oán vào nhà,
Luống chịu mọi đắng cay.
Thân thúi như thây chết,
Chín lỗ tiết vật dơ,
Như giòi tửa ưa phẩn.
Thân người ngu chẳng khác.
Người trí nên quán thân,
Chẳng tham nhiễm thế gian,
Không vướng, không ưa thích,
Gọi là chân Niết-bàn.
Như Chư Phật đã nói,
Một lòng, một dạ làm,
Sổ tức ở thiền định,
Gọi là tu Đầu-đà.

3. BỎ KHÍ

Nói bỏ cái, là “bỏ năm thứ che ngăn”, tức là năm cái (cái là che ngăn, khí là bỏ)

1- Bỏ tham dục cái

Ở trước có nói trong năm trần bên ngoài sinh ra dục, nay đứng về căn bên trong mà sinh ra dục. Nghĩa là khi hành giả ngồi ngay ngắn tu thiền, tâm sinh ra dục giác, niệm niệm nối nhau che lấp tâm lành khiến không sinh trưởng, biết rồi nên bỏ.

Vì sao? Như Thuật-bà-già, tâm dâm dục bộc phát ở bên trong, còn đốt cháy được tự thân, huống chi tâm sinh lửa dục mà chẳng thiêu hủy được các pháp lành hay sao?

Người tham dục cách đạo rất xa. Vì sao?

Vì dục là chỗ của bao nhiều phiền loạn. Nếu tâm vướng mắc bởi dục thì không do đâu gần với đạo.

Như bài Kệ Trừ cái chép:

Người biết hổ thẹn vào đạo
Mang bát gieo phước chúng sinh
Sao buông lỏng theo trần tục
Chìm đắm mài trong năm tình
Đã bỏ năm thứ dục lạc
Vất bỏ không hề đoái hoài
Sao còn trở lại mong cầu
Như kẻ ngu tự ăn đờm
Các dục khi tìm thì khổ
Khi sinh được nhiều sợ hãi
Khi mất trong tâm buồn khổ
Tất cả không có gì vui
Dục cái tai hại như thế
Lấy Pháp gì xa được chúng?
Đi sâu vào vui Thiền định
Thì không bị chúng dối lừa.

2- Bỏ Sân Nhuế Cái.

Giận dữ là căn bản làm mất Phật pháp, là nhân duyên rơi vào đường ác, là kẻ thù của Pháp lạc, là giặc dữ của tâm lành, là phủ tạng của các loài ác khẩu. Cho nên, hành giả trong khi ngồi thiền, nếu suy nghĩ người nầy hiện tại làm khổ não ta và làm khổ não người thân của ta, khen ngợi kẻ thù của ta. Suy nghĩ về quá khứ, vị lai cũng giống như thế, đó là chín thứ não hại. Do chín thứ não hại này nên sinh sân hận,

vì sân hận nên sinh oán, vì tâm oán sinh, nên khởi tâm não hại kẻ khác. Cho nên bị giận dữ che tâm, gọi là Cái (cái là che), phải mau xả bỏ, không để cho lớn thêm.

Như Thích-đề-ba-na dùng Kệ hỏi Phật:

Vật gì giết, an vui
Vật gì giết, không lo
Vật gì gốc của độc
Nuốt mất tất cả thiện

Phật dùng kệ đáp:

Giết sân thì an vui
Giết sân thì không lo
Sân là gốc của độc
Sân diệt tất cả thiện.

Biết như thế rồi phải tu Từ nhẫn để dứt trừ sân, làm cho tâm thanh tịnh.

3- Bỏ Thùy Miên Cái.

Trong tâm tối tăm gọi là Thùy; năm tình che tối, buông thả chi tiết, nằm lăn ra ngủ vùi gọi là Miên, do nhân duyên ấy gọi là Thùy miên cái. Nó phá hoại tâm chân thật vui đối với pháp ở đời này, đời sau, cũng phá hoại phước báo sinh thiên ở đời vị lai và cả cái vui Niết-bàn nữa. Pháp ác pháp như thế là bất thiện. Vì sao? Vì các thứ ngăn che tâm tình khác dễ nhận biết, nên dễ trừ; còn ngủ say thì như thây chết, không nhận thức được gì. Vì không nhận thức, nên khó dứt trừ. Chư Phật, Bồ-tát quở trách chúng đệ tử ưa ngủ nghỉ bằng bài kệ rằng:

Dậy ông! Chớ ôm thây thối nằm!
Bao nhiêu bất tịnh dối mọi người.
Như bị bệnh nặng tên vào thể
Các khổ dồn đau, đâu nên ngủ
Như người bị trói đem đi giết
Tai hại sắp đến đâu nên ngủ
Giặc kiết chẳng diệt, hại chưa trừ
Như ở chung nhà với rắn độc
Như vào chiến trận giữa làn đao
Khi ấy làm sao an ngủ được
Ngủ thì tối tăm không thấy gì
Hằng ngày lừa đảo cướp tuệ người
Do ngủ che tâm không thấy được
Mất lớn như thế, đâu nên ngủ.

Do rất nhiều nhân duyên như thế, phải xa lánh Thùy miên cái (do ngủ nghỉ che ngăn), cảnh giác vô thường, giảm bớt ngủ nghỉ, khiến cho không bị u mê che lấp. Trường hợp tâm mê ngủ quá nặng, nên dùng gậy trấn thiền để dứt trừ (đập cho vài gậy thì hết ngủ).

4- Bỏ trạo hối cái

(Trạo là trạo cử, không yên, hối là hối hận, ăn năn. Do trạo cử sinh ra hối hận làm che ngăn tâm định). Có ba thứ trạo cử:

a- Thân không Yên (thân trạo): thân ưa theo đuổi các việc vui đùa vô ích, ngồi không lúc nào tạm yên.

b- Miệng không yên (khẩu trạo): Miệng ưa ngâm nga, tranh luận phải trái, bàn chơi vô ích những lời lẽ thế gian, v.v...

c- Tâm không yên (tâm trạo): tâm tình buông lơi, mặc ý phan duyên, suy nghĩ văn chương, nghệ thuật ở thế gian, các giác quán xấu, v.v... gọi là tâm không yên (tâm trạo cử). Trạo cử là Pháp phá hoại tâm người xuất gia. Như người nhiếp tâm còn không đươc Định, huống gì là Trạo tán (tán loạn không yên). Người Trạo tán ví như con voi say không có móc sắt, con lạc đà không buộc mũi, chẳng thể nào kiềm hãm được.

Như bài kệ nói:

Ông đã cạo đầu nhuộm áo rồi
Tay ôm bình bát đi khất thực
Vì sao ưa nhiễm pháp hý trạo?
Buông lung các căn mất pháp lợi.

Đã mất điều lợi dưỡng trong Phật pháp, lại mất luôn sự vui ở đời. Biết Trạo hối là tai hại rồi, phải mau xả bỏ. Hối là thế nào? Hối có thể trở thành cái, nếu như Trạo cử mà không Hối hận thì không thành Cái (che ngăn).

Vì sao? Vì khi Trạo cử (Không yên) chưa ở trong duyên, đến khi muốn nhập Định mới sinh Hối hận việc đã làm trước đó, sự lo buồn che tâm nên gọi là Cái. Nhưng Hối có hai thứ:

Một: Vì Trạo cử rồi mới sinh hối như trước đã nói.

Hai: Như người gây ra đại trọng tội, thường có tâm lo sợ, hối hận như mũi tên bắn vào tâm dính cứng không nhổ ra được.

Như bài kệ nói:

Chẳng nên làm mà làm
Nên làm mà chẳng làm,
Bị lửa hối não đốt,
Đời sau đọa đường ác,

Nếu người tội biết hối,
Hối rồi chẳng còn lo,
Như thế tâm an vui,
Không nên thường nhớ mãi.
Đây có hai thứ hối:
Nếu nên làm chẳng làm,
Chẳng nên làm mà làm
Ấy là tướng người ngu;
Vì chẳng vì tâm hối:
Chẳng làm mà lại làm
Các việc ác đã làm
Chẳng thể khiến chẳng làm.

5- Bỏ Nghi Cái.

Vì Nghi che tâm, nên đối với các pháp không có lòng tin. Vì không có lòng tin, nên đối với Phật pháp trống rỗng không đạt được gì. Ví như người vào trong núi đầy của báu, nếu không có tay thì không thể lấy được vật gì. Nhưng Nghi có rất nhiều, không hẳn đều chướng Định. Nay chỉ nói riêng thứ nghi chướng Định mà thôi. Nghi có ba loại:

a- Nghi tự (Nghi mình): Như nghĩ rằng: Các căn của ta tối tăm, tội nhơ sâu nặng, có lẽ chẳng phải người có căn khí tu hành? Trong tâm tự có môi nghi nầy, Định pháp không bao giờ phá được. Nếu muốn tu định thì ta chớ nên tự khinh vì gốc lành đời trước khó mà nghĩ lường.

b- Nghi sư (Nghi thầy) Như nghĩ rằng: Người kia oai nghi tướng mạo như thế, tự mình còn không có đạo đức làm sao dạy được ta. Khởi tâm nghi mạn ấy, tức làm chướng định. Muốn cầu pháp trừ diệt tâm nghi này, như trong luận Ma-ha-diễn chép: "Thí như vàng đựng trong đãy da thúi, vì muốn lấy vàng, không thể bỏ cả đãy thúi kia được". Hành giả cũng như vậy, Thầy tuy không thanh tịnh cũng phải khởi tưởng như Phật".

c- Nghi Pháp: Người đời bản tâm có nhiều chấp trước, không thể tin tưởng ngay, khởi tâm cung kính lãnh thọ hành trì. Nếu tâm sinh do dự thì pháp không thấm vào tâm. Vì sao? Vì Nghi nghĩa là chướng, như trong bài kệ nói:

Như người tới đường rẽ
Nghi ngờ không đi được
Đối các pháp thật tướng
Nghi cũng giống như vậy
Nghi nên chẳng cần cầu

Thật tướng của các pháp
Kiến nghi từ si sinh
Là ác trong các ác
Trong pháp thiện, bất thiện
Sinh tử và Niết Bàn
Phải thật có pháp Chân
Trong đó chớ sinh nghi
Nếu ông khởi nghi ngờ
Vua chết, quan ngục trói
Như sư tử bắt nai
Không thể nào thoát được
Ở đời tuy có nghi
Mà tùy hỷ pháp thiện
Thí như xem đường rẽ
Chỗ lợi, tốt nên đi!

Đối với Phật pháp, tin mới vào được, nếu người không tin, dù ở trong Phật pháp người đó cũng không hề được lợi ích gì.

Do các nhân duyên như thế, biết Nghi là tai hại, phải mau xả bỏ.

- Hỏi rằng: Pháp bất thiện mênh mông như số cát bụi không tính đếm được, vì sao chỉ bỏ năm pháp?

- Đáp rằng: Vì trong năm Pháp cái này đủ cả ba độc, Đẳng phần là bốn Pháp căn bản. Trong năm pháp cái này cũng nhiếp hết tám muôn bốn ngàn các môn trần lao (phiền não): Một là tham dục Cái, tức tham độc, hai là sân nhuế Cái tức sân độc, ba là thùy miên và nghi Cái, hai pháp này là si độc, bốn là Trạo hối, tức là thuộc về Đẳng phần, hợp lại thành bốn phần phiền não. Trong một phần phiền não, có hai mươi mốt ngàn (21.000), trong bốn phần hiệp lại là tám mươi bốn ngàn (84.000).

Cho nên trừ năm loại Cái này tức trừ được tất cả pháp bất thiện. Hành giả vì có bao nhiêu nhân duyên như thế, v.v... nên phải xả bỏ năm thứ Cái.

Thí như người mắc nợ trả hết, bệnh nặng được lành, như người đói khó được đến nước giầu, như ở trong bọn giặc nguy hiểm mà được qua khỏi, an ổn không lo. Hành giả cũng như thế, trừ được năm thứ Cái này, tâm mình sẽ an ổn, nhẹ nhàng, trong mát vui vẻ, như mặt trời, mặt trăng bị năm việc che tối: khói, bụi, mây, mù và tay của thần A-tu-la che thì không thể chiếu sáng. Tâm của người bị năm việc che ngăn cũng như vậy.

4. ĐIỀU HÒA

Hành giả mới học ngồi thiền, muốn tu Pháp của Chư Phật mười phương ba đời, thì phải phát thệ nguyện rộng lớn độ thoát tất cả chúng sinh, mong cầu Phật đạo Vô thượng, tâm mình phải thật vững chắc cũng như Kim cương, tinh tấn, mạnh mẽ, chẳng tiếc thân mạng, như thế thành tựu tất cả Phật pháp không hề lui sụt.

Rồi sau, trong khi ngồi, giữ ý niệm cho thật chân chánh (chánh niệm), suy nghĩ ttướng chân thật của tất cả Pháp, cái gọi là pháp thiện, bất thiện và vô ký; tất cả Pháp hữu lậu phiền não, căn, trần và vọng thức trong ngoài; tất cả Pháp hữu vi, nhân quả, sinh tử trong ba cõi đều do tâm mà có, nên Kinh Thập Địa chép: "Ba cõi không có riêng, chỉ do một tâm tạo tác. Nếu biết tâm không có tự tánh thì các Pháp chẳng phải thật, tâm không còn đắm nhiễm thì tất cả sinh tử, nghiệp hạnh sẽ dứt". Quán như vậy rồi, sau bèn nên thứ lớp mà khởi hạnh tu tập.

Thế nào gọi là Điều hòa? Bây giờ xin mượn một ví dụ thật gần để so sánh pháp Điều hòa nầy. Như ở thế gian, thợ gốm muốn làm các món đồ, thì trước phải nhồi đất cho thật khéo, làm sao cho nó không cứng không mềm, rồi mới đưa lên bàn quay; cũng như cây Đàn cầm, trước phải chỉnh sợi dây cho đùn thẳng vừa chừng mới trỗi lên các khúc nhạc hay. Hành giả tu tâm cũng giống như vậy, khéo điều hòa năm việc nhất định phải làm cho chúng ở vào mức độ vừa chừng thì Tam-muội mới dễ phát sinh. Nếu có một trong năm việc không được điều hòa thì dễ sinh ra nhiều việc chướng ngại, hoạn nạn, gốc lành khó phát.

1- Điều Hòa Ăn Uống

Xét cho cùng, Ăn là vì Đạo pháp, cốt yếu muốn nuôi dưỡng thân thể để tấn tu đạo nghiệp, nhưng ta ăn quá no thì hơi thở vội, thân đầy, trăm mạch chẳng thông, khiến cho tâm bít lấp, ngồi nhớ nghĩ chẳng yên; nếu ăn quá ít thì thân gầy ốm, tâm lững lờ, ý tưởng không vững. Hai trường hợp này đều chẳng phải con đường được Định. Còn như ăn vật uế xúc, làm cho tâm thức người tối tăm, nếu ăn vật không thích hợp thì kích phát bệnh cũ, làm cho bốn đại chống trái nhau. Điểm nầy người mới bắt đầu tu định phải hết sức thận trọng.

Nên Kinh chép:

Thân an thì đạo tăng
Ăn uống biết chừng mực
Thường vui chỗ không nhàn
Tâm lặng, ưa tinh tấn
Ấy lời Chư Phật dạy.

2- Điều Hòa Ngủ Nghỉ

Xét rõ ngủ là vô minh mê che lấp, chúng ta đâu chẳng buông bỏ, nếu ngủ nhiều thì chẳng những bỏ tu Thánh pháp mà còn làm mất hết công phu, lại khiến cho tâm mờ tối, gốc lành dứt mất, phải nhận rõ vô thường. Điều phục ngủ nghỉ, làm cho thần khí được trong sáng, niệm tâm sáng sạch, như thế mới có thể an tâm vào cảnh Thánh, Tam-muội được hiện tiền. Nên kinh chép: "Đầu hôm và gần sáng cũng chớ bỏ phế, không vì nhân duyên ngủ nghỉ khiến cho một đời luống qua, mà không được việc gì! Phải nghĩ đến ngọn lửa vô thường thiêu đốt thế gian mà sớm cầu tự độ, chớ nên ngủ nghỉ".

3- Điều thân, điều hơi thở, điều tâm: Ba việc này hợp dùng, không thể nói riêng, nhưng có sơ, trung và hậu (đầu giữa và cuối) phương pháp khác nhau. Ấy là Nhập, Trụ và Xuất, tướng ấy có khác:

Nói về việc bắt đầu sắp nhập thiền định, hành giả khi muốn nhập Tam-muội điều thân cho được dễ dàng thì nên như ở ngoài Định: đi, đứng, tới, lui, động, tịnh, vận dụng hành vi đều phải xét rõ, nếu cử chỉ thô bạo thì khí tức theo đó thành thô, vì khí thô, nên tâm tán khó nhiếp, lại còn gây cho lúc vào ngồi phiền ồn, tâm không bình thản vui vẻ. Vì vậy, thân tuy ở ngoài Định cũng dùng ý nghịch làm phương tiện, sau khi nhập thiền phải khéo an thân đúng cách.

Bắt đầu đến cái ghế để ngồi thiền, trước ngồi vào chỗ, nên nhẹ nhàng chậm rãi, dù có lâu một chút cũng không ngại gì, kế đó điều chỉnh hai chân, nếu ngồi bán già thì để chân trái lên chân mặt, kéo cho sát vào thân, khiến cho các ngón chân trái bằng bắp vế mặt, các ngón chân mặt bằng với bắp vế trái. Nếu toàn già thì để chân mặt lên chân trái (rồi kéo chân trái để lên chân mặt). Kế đó mở rộng các dải áo và cột lại chắc chắn, đừng để khi ngồi rơi tuột. Kế đó an hai tay, lấy để tay trái lên bàn tay mặt, hai tay đối nhau (hai lòng bàn tay đều lật ngửa), rồi để lên chân trái, kéo sát vào gần mình, phải an ngay chính giữa. Kế đó phải điều chỉnh thân, trước nên lay động thân mình và các chi tiết (các đốt xương và các bộ phận) chừng bảy, tám lần giống như phép án ma (để cho các bộ phận ở vào chỗ thích hợp), nhưng chớ để cho tay chân sai lệch vị trí; làm như thế xong thì an thân ngay ngắn, giữ cho cột sống không cong không lơi. Kế đó, sửa đầu và cổ, khiến cho mũi và rún thành một đường thẳng, chẳng nghiêng chẳng vẹo, chẳng thấp chẳng cao, giữ ở mức cân đối vừa chừng. Kế đó miệng phải nhổ khí trược. Phép nhổ khí trược: Hé miệng đưa hơi ra, không nên thở gấp, phải từ từ diệu diệu, để cho hơi thở đi ra tự nhiên, tưởng trăm mạch trong thân

phần, nhưng chỗ không thông. Lúc đưa hơi theo hơi thở mà ra: rồi ngậm miệng lại, mũi nạp thanh khí, làm như vậy chừng ba lần. Thân và hơi thở được điều hòa thì chỉ một lần cũng đủ. Kế đó ngậm miệng lại môi và răng vừa đụng nhau, lưỡi để ở ổ gà. Kế đó từ từ nhắm mắt vừa đủ dứt ánh sáng bên ngoài là được. Phải thẳng mình ngồi cho ngay ngắn, vững vàng như bàn thạch. Cần nhất là thân, đầu và tứ chi không được lay động. Đây là phương pháp điều thân bắt đầu tu Định.

Tóm lại: chẳng khoan chẳng cấp là tướng thân được điều hòa.

4- Phép Bắt Đầu Nhập Định Điều Hòa hơi thở.

Hơi thở có bốn tướng: Một phong, hai suyễn, ba khí, bốn tức.

Ba tướng trước là không điều, một tướng sau là điều.

- Thế nào là tướng Phong? Khi ngồi mà hơi thở trong mũi ra vào nhận biết có tiếng, đó là tướng Phong.

- Thế nào là tướng Suyễn? Khi ngồi mà hơi thở tuy không có tiếng, nhưng rít rấm chẳng thông, ấy là tướng Suyễn.

- Thế nào là tướng Khí? Khi ngồi hơi thở tuy không có tiếng cũng không rít rắm, nhưng ra vào chẳng nhẹ nhàng, ấy là tướng Khí.

- Thế nào là tướng Tức? Hơi thở không có tiếng, không rít, không thô, ra vào từ từ nối nhau, dường như có như không, giúp cho thần chí an ổn, tâm tình luôn vui vẻ, đó là tướng tức.

Dùng hơi thở Phong thì tán, dùng hơi thở Suyễn thì rít nghẹn, dùng hơi thở khí thì lao, dùng hơi thở Tức thì mau được định.

Khi ngồi mà có ba tướng Phong, Suyễn và Khí, ấy là chẳng điều hòa, nếu dùng tâm thì tâm bị hại (bệnh) mà tâm cũng khó định.

Bây giờ, muốn Điều hòa hơi thở phải theo ba pháp:

Một là “an tâm” trở xuống (huyệt đan điền).

Hai là “buông lỏng” thân thể.

Ba là “tưởng” khắp lỗ chân lông hơi thở ra vào thông suốt, không bị chướng ngại.

Nếu điều khiển tâm được tinh tế, khiến cho hơi thở ở trạng thái nhỏ nhiệm, hơi thở được điều hòa, thì các bệnh chẳng sinh, tâm hành giả dễ được định, đó gọi là: “phương pháp điều hòa hơi thở của hành giả khi bắt đầu nhập định”.

Tóm lại, chẳng rít chẳng trơn đó là tướng hơi thở điều hòa.

5- Khi Bắt Đầu Nhập Định Điều tâm

Ở đây có ba nghĩa: Một Nhập, hai Trụ, ba Xuất.

a- Nhập: có hai nghĩa: Điều phục loạn tưởng chẳng cho vượt lên mà bung ra ngoài. Và phải khiến cho trầm, phù, khoan, cấp đúng chỗ.

- Thế nào là tướng Trầm?

Nếu hành giả khi ngồi mà tâm tối tăm, không ghi nhớ, đầu ưa gục xuống: Đó là tướng trầm. Bấy giờ, hành giả nên cột miệng ở chót mũi, khiến cho tâm trụ trong Duyên, ý không thể phân tán. Phép này có khả năng trị bệnh hôn trầm.

- Thế nào là tướng Phù?

Nếu hành giả khi ngồi mà tâm ưa tán động, thân cũng chẳng an, nghĩ những chuyện đâu đâu. Đó là tướng Phù. Bây giờ, nên an tâm trở xuống, cột Duyên ở tại rún (tức là huyệt thần khuyết, có chỗ đọc là thần quyết) để chế phục các ý niệm tạp loạn, tâm liền dừng trụ và dễ an tịnh (lắng yên).

Tóm lại: chẳng trầm, chẳng phù là tướng của tâm được điều hòa.

Tâm định kia cũng có tướng Khoan, tướng Cấp:

- Tướng Bệnh Cấp của tâm định: Do trong khi ngồi nhiếp tâm dùng niệm, do đây nhập định, cho nên từ ngực, bụng trở lên bị đau gấp, bây giờ phải buông thả tâm ra, tướng khí đều chạy trở xuống, bệnh tự nhiên sẽ hết.

- Tướng Bệnh Khoan của tâm: Thì cảm biết tâm trí tản mạn (rời rạc không thâu nhiếp lại được), thân ưa nghiêng vẹo, có khi trong miệng chảy nước dãi, có khi mờ tối, bây giờ phải thúc thân, cấp niệm (cột giữ thân, thâu nhiếp ý niệm), khiến cho tâm trụ trong Duyên, thân thể giữ nhau, dùng Pháp ấy để đối trị.

Tâm còn có tướng Rít, tướng trơn, suy ra có thể biết. Đây là "phương pháp bắt đầu Nhập định điều tâm".

Xét ra Nhập định vốn phải từ thô nhập tế. Vì thế, thân đã là thô, hơi thở ở trong đó, tâm rất tế tịnh, điều từ thô đến tế (thân, hơi thở, tâm) khiến cho tâm an tịnh. Đây là phương tiện ban đầu nhập định. Ấy là khi bắt đầu nhập định điều hòa hai việc.

b- Trụ: Trong một thời tĩnh tọa, điều hòa ba việc, hành giả trong một lần ngồi, tùy thời gian dài ngắn: Trong mười hai thời có khi trải qua một giờ, hoặc đến hai, ba giờ nhiếp dụng tâm, ở trong đó phải khéo biết tướng của ba việc Thân, Tức và Tâm, điều và chẳng điều.

Nếu khi ngồi, trước đó tuy đã điều thân rồi, nhưng bây giờ thân hành giả hoặc khoan hoặc cấp, hoặc nghiêng hoặc khòm, hoặc gục xuống, hoặc ngửa lên, không được ngay ngắn. Khi đã nhận biết, liền phải sửa lại cho ngay, để được an ổn, không khoan không cấp, thẳng bằng ngay ngắn, an trụ vào mực trung chánh.

Lại nữa, trong một lần ngồi, thân tuy điều mà hơi thở không điều,

tướng chẳng điều như trên đã nói: Hoặc Phong, hoặc Suyễn, hoặc Khí hoặc Cấp, trong thân đầy tướng thì phải dùng phương pháp đã chỉ ở trước tùy bệnh mà trị. Phải thường điều khiển con đường của hơi thở nhẹ nhẹ nối tiếp dường như có, dường như không.

Lại trong một lần ngồi, Thân và Tức tuy điều mà tâm hoặc trầm phù, khoan cấp, chẳng định, bấy giờ nếu biết được thì phải dùng phương pháp đã nói trên mà điều hòa cho được vừa chừng. Ba việc này không có trước, sau, chỉ tùy việc nào không điều thì sửa lại cho đúng, để cho ba việc thân, tức, tâm trong một thời tĩnh đọa được điều hòa đúng mức của nó, không trái vượt nhau (không trái với thân, tức; không vượt nơi tâm, ý), dung hợp chẳng hai.

Phép ấy có thể trừ được bệnh cũ, phòng ngừa chướng nạn chẳng sinh, Định đạo có thể khắc phục.

c- Xuất: Khi Xuất, điều hòa ba việc: Hành giả khi ngồi thiền sắp xong, muốn xuất định, trước phải phóng tâm duyên vào một việc khác, rồi hé miệng đưa khí ra, đồng thời tưởng từ trăm mạch trong thân theo ý mà tan ra ngoài. Kế đó động thân nhè nhè, kế là động bắp tay, vai và tay đầu cổ, kế động hai chân, đều phải nhẹ nhàng. Kế đó dùng tay chà xát khắp các lỗ chân lông, rồi chà hai tay với nhau cho thật ấm, áp vào hai má, sau đó mới mở mắt, đợi cho hơi nóng trong thân tan hết mới được tự tiện ra vào, như bài kệ nói:

Tiến dừng có thứ lớp
Thô, tế chẳng trái nhau
Thí như khéo điều ngựa
Muốn đứng rồi muốn đi.

Kinh Pháp Hoa có câu: “Các Vị Bồ-tát v.v... ở trong đại chúng nầy, vì đã ở trong vô lượng ngàn, muôn, ức, kiếp, đã vì Phật đạo, riêng thực hành Pháp tinh tấn, khéo Nhập, Trụ, Xuất vô lượng ngàn muôn ức Tam-muội, được thần thông rộng lớn, lâu đời tu phạm hạnh, khéo hay thứ lớp tu tập các Pháp lành”.

5. HÀNH PHƯƠNG TIỆN

Nói về việc Tu Chỉ Quán, phải đủ Pháp môn phương tiện, phương tiện gồm có năm pháp:

1- Dục (mong muốn):

Vì muốn lìa bỏ tất cả các vọng tưởng điên đảo ở thế gian, muốn được tất cả các pháp môn thiền định, trí tuệ, cũng gọi là Chí, là Nguyện, là Hiếu, là Nhạo. Vì người này chí nguyện ưa thích tất cả các Pháp môn

sâu xa, nên gọi là Dục. Như lời Đức Phật nói: "Tất cả các Pháp lành, thì Dục là căn bản".

2- Tinh tấn (Tinh chuyên, Tấn tới):

Hành giả giữ kỹ Cấm giới, bỏ năm thứ cái, đầu hôm và gần sáng phải tinh chuyên chẳng bỏ, ví như kéo lửa chưa nóng thì chẳng được ngừng nghỉ, đó gọi là tinh tấn đi tới Đạo Pháp lành.

3- Niệm (ghi nhớ):

Hành giả nhớ nghĩ thế gian là giả trá đáng xem thường, thiền định là tôn trọng đáng quý. Nếu được thiền định thì sẽ phát ra đầy đủ trí tuệ vô lậu, tất cả thần thông đạo lực, thành bậc Chánh giác, rộng độ chúng sinh. Ấy là đáng quý, nên gọi là Niệm.

4- Xảo tuệ:

Hành giả tính toán cân nhắc cái vui thế gian và cái vui thiền định, được, mất, nặng, nhẹ. Vì sao? Vì cái vui thế gian, vui ít khổ nhiều, luống dối chẳng thật, đó là mất, là nhẹ; cái vui thiền định, trí tuệ là vô lậu, vô vi, vắng lặng nhàn khoáng, xa hẳn sinh tử, xa cách vĩnh viễn khổ, đó là được, là nặng. Phân biệt như thế, nên gọi là Xảo tuệ.

5- Nhất tâm rõ ràng:

Hành giả nhận rõ thế gian đáng lo, đáng chán; khéo biết công đức định tuệ đáng tôn đáng quý. Bấy giờ, phải nhất tâm quyết định tu hành Chỉ quán, tâm vững chắc như kim cương, ma trời, ngoại đạo không thể phá hoại. Dù cho bỏ công mà chẳng được kết quả cũng không thay đổi, đó gọi là Nhất tâm.

Ví như người đi đường, trước phải biết tình hình thông bít của con đường, rồi mới quyết định nhất tâm tấn bước theo đường mà đi, nên gọi là Xảo tuệ nhất tâm.

Kinh chép: "Chẳng phải trí thì không thiền, chẳng phải thiền thì không trí" là nghĩa ở đây.

6. HÀNH CHÁNH TU

Tu Chỉ Quán có hai cách

1- Tu trong lúc ngồi.

2- Tu trong khi "Trải Duyên Đối Cảnh".

A. Trong lúc Ngồi tu Chỉ Quán:

Trong bốn oai nghi, người ta đều có thể tu hành Chỉ Quán được, nhưng người học đạo dùng phương pháp "ngồi tu" là cao quý hơn cả, nên trước nhìn về mặt Ngồi tu để nói Chỉ Quán. Ở đây lược nêu ra năm ý khác nhau:

a- Đối trị thô loạn của người sơ tâm tu Chỉ Quán là hành giả khi mới ngồi thiền, vì tâm thô loạn, nên phải tu Chỉ để phá trừ, như tu chỉ không phá trừ được thì phải tu Quán, nên nói rằng "Đối phá thô loạn của người sơ tâm tu Chỉ Quán". Nay nói tu Chỉ Quán có hai ý:

1- Tu Chỉ: có ba ý riêng:

- Hệ Duyên Thủ Cảnh Chỉ: Có chỗ nói cột tâm ở chót mũi, hay giữa rún, v.v... vì muốn cho tâm không tán động. Kinh nói: "Cột tâm lại chẳng để cho buông lung, cũng như cơn giận bị xiềng".

- Chế tâm Chỉ: Đây là tùy tâm khởi lên lúc nào liền theo đó mà chế phục, vì chẳng muốn cho nó chạy lung tung. Kinh nói: "Năm căn này tâm là chính", cho nên các ông phải "khéo chế tâm". Hai loại nầy đều là sự tướng chẳng cần phải phân biệt.

- Thể chân chỉ: Tất cả các pháp tùy tâm niệm hiện ra phải biết tất cả đều từ nhân duyên sinh ra, không có tự tánh, đã không tự tánh thì tâm chẳng thủ. Nếu tâm chẳng thủ thì tâm vọng niệm dứt, nên gọi là Chỉ, như trong kinh nói:

Đối tất cả các pháp
Nhân duyên không, vô chủ
Dứt tâm, đạt nguồn cội
Nên gọi là Sa-môn.

Khi hành giả bắt đầu ngồi thiền, tâm cứ chạy theo các pháp mà khởi lên ý nghĩ, niệm niệm chẳng trụ, mặc dù dùng thể chân Chỉ như trên mà vọng niệm chẳng dứt, phải đổi lại Quán tâm khởi ra đó (quán cái tâm năng quán) quá khứ đã diệt, hiện tại chẳng trụ, vị lai chưa đến, cùng tột ba đời rõ ràng không có (không thật có), Pháp đã không thật có, thì không có tâm, nếu không có tâm thì tất cả pháp đều không. Hành giả tuy quán tâm chẳng trụ, đều không có sở hữu mà chẳng phải không có sát-na nhậm vận khởi ra ý niệm giác biết.

Lại nữa, hành giả quán tâm niệm này do trong sáu căn, ngoài sáu trần đối nhau, nên có thức sinh; căn trần chưa đối nhau (chưa tiếp xúc), thì thức vốn không sinh; Quán sinh như thế, Quán diệt cũng vậy.

Danh tự sinh, diệt, chỉ là giả lập, tâm sinh diệt, diệt rồi, vắng lặng hiện ra, rõ ràng không có gì. Đó gọi là lý vắng lặng Niết-bàn. Tâm vọng niệm kia bây giờ tự dứt.

Luận Khởi Tín nói rằng: "Nếu tâm chạy tán phải mau dừng lại trong chánh niệm. Chánh niệm là thế nào? Phải biết chỉ có tâm, không có cảnh giới nào ở ngoài. Lại ngay nơi tâm này cũng không có tự tướng, mỗi niệm, mỗi niệm không thật có. Người sơ tâm tu học chưa dễ gì được

trụ, nếu ép cho nó trụ thì thường bị phát cuồng (điên). Như phép học bắn, tập lâu mới trúng được".

2- Tu Quán: Có hai loại:

- Đối trị quán: Như dùng Quán Bất tịnh đối trị tham dục, Từ tâm Quán đối trị giận dữ, Giới phân biệt quán đối trị chấp ngã, Sổ tức Quán đối trị nhiều tâm tư (nhớ nghĩ viễn vông), v.v... ở đây không phân biệt (giảng rõ).

- Chánh quán: Quán các pháp không có tướng chân thật, đều từ nhân duyên sinh, Tánh của nhân duyên không thật có, tức là Thật tướng. Trước nói Cảnh sở quán, tất cả đều rỗng không thì Tâm năng quán tự nhiên chẳng khởi.

Văn ở trước và sau phần nhiều nói về lý này, hãy tự tìm hiểu, v.v... Như bài kệ trong kinh nói:

Các pháp chẳng bền chắc
Thường ở trong một niệm.
Đã hiểu và thấy không,
Tất cả không tưởng niệm.

b- Đối trị bệnh trầm, phù, tu Chỉ Quán: Hành giả trong khi ngồi thiền, tâm bị mờ lấp, không ghi nhớ, mắt đờ, có khi thường buồn ngủ, bấy giờ phải tu quán để soi rõ; Nếu trong khi ngồi, tâm hành giả dấy động, bồn chồn chẳng an, bấy giờ phải tu Chỉ để dứt nó.

Đây là lược nói tướng đối trị bệnh phù, trầm của tâm tu Chỉ quán, nhưng phải biết thuốc, biết bệnh đối nhau mà dùng cho đúng cách. Trong pháp đối trị mỗi việc chẳng nên có sự sơ thất chống trái.

c- Tùy tiện nghi tu Chỉ quán: Hành giả trong khi ngồi thiền, thay vì đối trị tâm hôn trầm, nên tu pháp Quán chiếu, nhưng tâm chẳng sáng suốt thanh tịnh cũng không có pháp lợi, bấy giờ phải thử tu Chỉ để dứt, nếu khi ở trong Chỉ liền thấy thân tâm an tĩnh, thì phải biết pháp Chỉ là hợp, thì nên dùng Chỉ để an tâm.

Nếu trong khi ngồi thiền, hành giả thay vì đối trị tâm phù động nên tu Chỉ, nhưng tâm chẳng an trụ, cũng không pháp lợi, phải thử tu quán, nếu ở trong Quán mà cảm thấy tâm thần sáng suốt thanh tịnh, vắng lặng an ổn, thì phải biết pháp Quán là hợp, hành giả nên dùng quán để an tâm.

Đây là nói lược hành tướng "tùy tiện nghi, tu Chỉ Quán", nhưng phải khéo léo nương theo chỗ "dễ và hợp" (tiện nghi) mà tu thì tâm thần mới an ổn, bệnh phiền não dứt, chứng được các pháp môn.

d- Đối trị tế tâm trong định, tu Chỉ quán: Hành giả trước dùng Chỉ

Quán đối phá thô loạn, tâm loạn đã dứt, liền được vào định, vì định tâm sâu kín, cảm thấy thân tâm vắng lặng, thọ pháp vui sướng, hoặc tâm lợi tiện khai phát, có thể dùng Tế tâm để thủ lấy lý thiên lệch tà kiến, nếu chẳng biết định tâm để ngăn dứt các luống dối, thì nhất định sinh ra tham đắm. Nếu sinh tham đắm sẽ chấp cho là thật, nếu biết là luống dối chẳng thật, thì hai thứ phiền não ái kiến chẳng khởi. Ấy là tu Chỉ.

Tuy lại tu Chỉ, nếu tâm còn mê đắm thì ái kiến kiết nghiệp chẳng dứt. Bấy giờ, hành giả phải tu Quán, Quán tế tâm trong định, tức chẳng còn chấp trước cảnh thấy trong định, nếu chẳng còn chấp trước cảnh thấy trong định thì ái kiến phiền não nghiệp đều tiêu diệt, ấy là tu Quán.

Nay nói lược hành tướng đối trị tế tâm trong định tu Chỉ Quán, phương pháp phân biệt Chỉ Quán đều đồng với đoạn trước, nhưng do phá lỗi sâu kín của cảnh thấy trong định có khác mà thôi.

đ- Làm cho Định tuệ được đồng đều, tu Chỉ Quán: Hành giả trong lúc ngồi thiền, vì nhân tu Chỉ (có khi nhân tu quán) mà nhập thiền định, tuy được nhập định mà không có quán tuệ, ấy là si định, chẳng thể dứt được kiết sử, hoặc Quán tuệ yếu kém thì không phát khởi được chân tuệ để dứt được các kiết sử, phát các pháp môn. Bấy giờ, phải tu quán để phá chiếu thì định, tuệ được đồng đều, mới dứt được các kiết sử, chứng các pháp môn.

Hành giả trong lúc ngồi thiền vì nhân tu quán, mà tâm bỗng nhiên khai ngộ, trí tuệ sáng tỏ nhưng định tâm yếu kém, tâm lại tán động, như đèn trong gió chiếu vật chẳng rõ, chẳng thể ra khỏi sinh tử. Bấy giờ phải trở lại tu Chỉ, vì tu Chỉ thì được định tâm, như đèn trong nhà kín phá được bóng tối, chiếu vật rõ ràng.

Nói lược về hai pháp tu Chỉ Quán “làm cho Định tuệ đồng đều”. Nếu hành giả thực hành được như thế trong khi “vững mình ngồi ngay” khéo dùng ý của năm phần tu Chỉ quán này, lấy bỏ đúng cách, phải biết người đó khéo tu Phật pháp. Vì khéo tu, nên trong một đời không luống qua.

B- Tu Chỉ Quán khi trải Duyên Đối Cảnh.

Lại phần hai là nói: “Trải duyên đối cảnh, tu Chỉ quán”, đoạn thân thường ngồi, đó là con đường Chánh yếu cao siêu để vào đạo, nhưng thân người có nhiều hệ lụy, tất nhiên còn phải tiếp xúc với nhiều việc, nếu theo các duyên, đối với mọi hoàn cảnh mà chẳng tu tập Chỉ Quán, ấy là tâm tu hành có sự xen hở, kiết nghiệp từ chỗ tiếp xúc đó mà nổi lên, làm sao mau được tương ưng với Phật Pháp. Nếu trong tất

cả thời, thường tu phương tiện định tuệ, phải biết người đó chắc chắn sẽ thông đạt tất cả Pháp.

- Thế nào là "Trải duyên tu Chỉ Quán"?

- Nói Duyên là sáu thứ duyên:

1- Hành (đi)

2- Trụ (đứng)

3- Tọa (ngồi)

4- Ngọa (nằm)

5- Làm việc

6- Ngôn ngữ (nói năng)

- Thế nào là "Đối cảnh tu Chỉ Quán"?

- Nói Cảnh là sáu trần cảnh:

1- Mắt đối với Sắc

2- Tai đối với tiếng

3- Mũi đối với mùi

4- Lưỡi đối với Vị

5- Thân đối với Xúc

6- Ý đối với Pháp

Hành giả vì đối trong mười hai việc này tu Chỉ quán, gọi là "Trải duyên đối cảnh tu Chỉ Quán".

a- Sáu loại duyên, tu Chỉ quán:

- Hành (đi): Khi đi, phải nghĩ thế này: Vì việc gì mà muốn đi, nếu bị phiền não sai khiến và vì việc không tốt, không chủ đích (vô ký) mà đi, thì chẳng nên đi; nếu chẳng bị phiền não sai khiến, là vì việc lành, việc lợi ích đúng Pháp, thì nên đi.

Tu Chỉ: Thế nào là "trong khi đi, tu Chỉ"? Nếu trong khi đi liền biết vì do việc đi mà có tất cả các phiền não, thiện ác, biết rõ "tâm đi và tất cả pháp trong khi đi: không có", thì tâm vọng niệm dứt. Ấy gọi là tu Chỉ.

Tu Quán: Thế nào là "trong khi đi, tu quán"? Nên nghĩ rằng: Do tâm mà có động thân, nên có sự tiến bước, gọi đó là đi. Vì việc đi này mà có tất cả các phiền não thiện ác, liền phải Quán ngược lại "tâm đi", chẳng thấy được tướng mạo. Phải biết, "sự Đi và tất cả pháp trong sự đi, rốt ráo vắng lặng". Ấy gọi tu Quán.

- Đứng (trụ): Nếu trong lúc đứng phải nghĩ rằng: nay ta vì việc gì mà muốn đứng, nếu vì các phiền não và việc bất thiên, vô ký mà đứng, thì không nên đứng, nếu là việc lành, việc lợi ích, thì nên đứng.

Tu Chỉ: Thế nào là "trong khi đứng tu Chỉ"? Nếu trong khi đứng,

liền biết vì việc đứng mà có tất cả các phiền não, thiện ác, biết rõ "tâm đứng và tất cả pháp trong khi đứng đều không", thì tâm vọng niệm đứt, ấy gọi là tu Chỉ.

Tu Quán: thế nào là "trong khi đứng, tu quán"? Nên nghĩ rằng: Do tâm giữ thân lại, nên gọi là đứng. Vì việc đứng này mà có tất cả các phiền não, thiện ác, v.v... Bấy giờ, Quán ngược lại tâm đứng chẳng thấy tướng mạo của nó. Phải biết "đứng và tất cả pháp trong việc đứng rốt ráo", ấy là tu quán.

- Ngồi (Tọa): Nếu khi ngồi nghĩ rằng: nay ta vì việc gì mà muốn ngồi, nếu vì phiền não và bất thiện, vô ký (không mục đích) thì chẳng nên ngồi, còn vì việc lành, việc lợi ích thì nên ngồi.

Tu Chỉ: thế nào là "trong khi ngồi, tu Chỉ"? Trong khi ngồi, hành giả phải biết rõ vì ngồi mà có tất cả các phiền não, thiện ác, nhưng không có một pháp nào là có", thì vọng niệm chẳng sinh, ấy là tu Chỉ.

Tu quán: Thế nào là "trong khi ngồi, tu quán"? Hành giả nên nghĩ rằng: Do ý niệm của tâm, chồng chân lên để an thân, do đây mà có tất cả các pháp thiện ác, gọi đó là ngồi, Quán ngược lại tâm ngồi chẳng thấy tướng mạo. Phải biết "việc ngồi, và tất cả pháp trong việc ngồi rốt ráo vắng lặng", ấy gọi là tu Quán.

- Nằm (ngọa): Trong khi nằm, hành giả nên nghĩ rằng: nay ta vì việc gì mà muốn nằm? Nếu vì việc bất thiện, buông lung v.v... thì chẳng nên nằm, nếu vì điều hòa bốn đại cần phải nằm thì nên nằm như sư tử đầu đàn.

Tu Chỉ: Thế nào là "Trong khi nằm, tu Chỉ"? Lúc nghỉ ngơi thì hành giả phải biết rõ vì việc nằm mà có tất cả các pháp thiện ác, nhưng "không có pháp nào thật có", (biết như vậy rồi) thì vọng niệm chẳng khởi, ấy gọi là tu Chỉ.

Tu Quán: Thế nào là "trong khi nằm, tu Quán"? Hành giả nên nghĩ rằng: Do mỏi mệt nên dễ mờ tối, buông lung sáu căn, do đó mà có tất cả phiền não thiện ác, v.v... Hành giả phải Quán ngược lại tâm nằm thì chẳng thấy có tướng mạo. Phải biết "Nằm và tất cả Pháp trong khi nằm rốt ráo vắng lặng", ấy là tu Quán.

- Làm việc: Nếu khi làm việc, hành giả nên nghĩ rằng: nay ta vì việc gì mà muốn làm như thế? Nếu vì việc bất thiện, vô ký v.v... thì chẳng nên làm, nếu vì việc thiện, việc lợi ích thì nên làm.

Tu Chỉ: Thế nào là "Trong khi làm việc, tu Chỉ"? Trong khi làm việc, hành giả nên biết rõ: vì sự làm mà có tất cả pháp thiện ác v.v... nhưng "không có một pháp nào thật cả", thì vọng niệm chẳng khởi, ấy

là tu Chỉ.

Tu Quán: Thế nào là “trong khi làm việc tu quán”? Hành giả nên nghĩ rằng: Do tâm vận dụng ở thân, mà tay tạo tác ra mọi việc, do đây mà có tất cả pháp thiện ác, v.v... nên gọi đó là làm. Hành giả phải quán lại tâm làm chẳng thấy được tướng mạo. Phải biết “việc làm cùng tất cả Pháp trong việc làm rốt ráo vắng lặng”. Ấy gọi là tu Quán.

- Nói năng: Nếu trong khi nói chuyện, hành giả nên nghĩ rằng: Ta nay vì việc gì mà muốn nói? Nếu theo các phiền não, vì luận bàn những việc bất thiện, vô ký mà nói thì chẳng nên nói, còn nếu vì việc lành, việc lợi ích thì nên nói.

Tu Chỉ: Thế nào là “trong khi nói, tu Chỉ”? Nếu trong khi nói, liền biết vì lời nói nầy mà có tất cả phiền não, thiện ác. Hành giả biết rõ “tâm nói và tất cả pháp phiền não, thiện ác trong lời nói đều chẳng thật có” thì tâm vọng niệm dứt, ấy gọi là tu Chỉ.

Tu quán: Thế nào là “trong khi nói, tu Quán”? Hành giả nên nghĩ rằng: Do tâm hiểu biết suy xét cổ động, luồng hơi xông lên cổ họng, môi, răng, nóc vọng nên mới phát ra âm thanh lời nói, vì lời nói này mà có tất cả pháp thiện ác, v.v... nên gọi là nói. Hành giả quán ngược lại tâm chẳng thấy có tướng mạo. Phải biết “lời nói và tất cả pháp trong lời nói rốt ráo vắng lặng”, ấy gọi là tu Quán.

Như trên, sáu nghĩa Tu Tập Chỉ Quán tùy lúc thích hợp mà ứng dụng, mỗi mỗi đều có ý tu tập Chỉ Quán của năm phần ở dưới như trên đã nói.

b- Đối sáu trần cảnh, tu Chỉ Quán: Tiếp theo là nói trong sáu Căn môn tu Chỉ Quán:

- Mắt đối với Sắc: Khi thấy sắc, tu Chỉ Quán

Tu Chỉ: thế nào gọi là “khi thấy Sắc, tu Chỉ”? Hành giả tùy lúc thấy sắc y như trăng đáy nước, không nhất định là chân thật, nếu thấy sắc thuận tình (hợp ý mình) chẳng khởi tâm tham ái, nếu thấy sắc trái tình (trái ý với mình) chẳng khởi tâm giận tức khó chịu, nếu thấy sắc chẳng trái, chẳng thuận, chẳng khởi tâm vô minh và các loạn tưởng, ấy gọi là tu Chỉ.

Tu Quán: Thế nào gọi là “Khi thấy Sắc, tu quán”? Hành giả nên nghĩ rằng: Tùy đối với sắc được thấy, chính là tướng nó vắng lặng. Vì sao? Vì đối với căn, trần, hư không và ánh sáng, mỗi pháp đều không, sở kiến (bị thấy) cũng không có phân biệt, do nhân duyên hòa hợp mà sinh ra Nhãn thức, kế sinh ra Ý thức, tức là năng phân biệt mỗi loại sắc, do đây mà có tất cả các phiền não, thiện ác, v.v... bấy giờ phải quán

ngược lại "tâm nhớ nghĩ" về sắc, không thấy được tướng mạo. Phải biết, "cái thấy và tất cả pháp rốt ráo vắng lặng", ấy gọi là tu Quán.

- Tai đối với tiếng: Khi nghe tiếng, tu Chỉ Quán

Tu Chỉ: Thế nào gọi là "Khi nghe tiếng, tu Chỉ"? Hễ hành giả nghe tiếng gì liền biết ngay tiếng ấy chẳng khác nào tướng của tiếng vang, nếu nghe tiếng vừa ý chẳng khởi tâm ái, nghe những tiếng trái ý cũng chẳng khởi tâm sân (giận), nghe những tiếng không trái không thuận, chẳng khởi tâm phân biệt, ấy gọi là tu Chỉ.

Tu Quán: Thế nào gọi là "Khi nghe tiếng, tu Quán"? Hành giả nên nghĩ rằng: hễ nghe tiếng gì đều rỗng không, không thật có, chỉ từ căn, trần hòa hiệp sinh ra Nhĩ thức, kế Ý thức sinh, gượng khởi phân biệt, do đây mà có tất cả các pháp phiền não, thiện ác, v.v... nên gọi là nghe tiếng. Quán ngược lại tâm nghe tiếng chẳng thấy tướng mạo. Phải biết "sự nghe tiếng rốt ráo vắng lặng", ấy gọi là tu quán.

- Mũi đối với hương: Khi ngửi mùi, tu Chỉ Quán

Tu Chỉ: Thế nào gọi là "Khi ngửi mùi, tu Chỉ"? Hành giả mỗi khi ngửi được hương gì, liền biết cũng như sóng nắng chẳng thật, nếu nghe mùi thơm vừa ý, chẳng khởi tâm đắm nhiễm, nghe mùi thúi trái ý, cũng chẳng khởi tâm sân hận, mùi chẳng trái chẳng thuận, cũng chẳng sinh loạn niệm, ấy gọi là tu Chỉ.

Tu Quán: Thế nào gọi là "Khi ngửi mùi tu quán"? Hành giả nên nghĩ rằng: nay Ta ngửi được mùi, thấy nó giả dối không thật. Vì sao? Vì căn, trần hiệp nhau mà sinh ra tỷ thức, kế sinh Ý thức, gượng bắt lấy tướng của hương, do đây mà có tất cả phiền não, thiện ác, v.v... nên gọi đó là ngửi hương, liền quán ngược lại tâm ngửi hương chẳng thấy được tướng mạo. Phải biết "tâm ngửi hương và tất cả pháp rốt ráo vắng lặng". Ấy gọi là tu Quán.

- Lưỡi đối với Vị: Khi lưỡi nếm vị, tu Chỉ Quán:

Tu Chỉ: Thế nào gọi là "Khi lưỡi nếm vị, tu Chỉ"? Hành giả hễ thọ vị gì đều biết ngay đó cũng như được vị trong mộng, nếu được vị ngon, vừa ý, chẳng khởi tâm tham đắm, vị dở, trái ý cũng chẳng khởi tâm sân, vị không trái không thuận cũng chẳng khởi ý tưởng phân biệt. Ấy gọi là tu Chỉ.

Tu Quán: Thế nào gọi là "Khi lưỡi nếm vị, tu Quán"? Hành giả nên nghĩ rằng: Nay vị được thọ dụng không thật có. Vì sao? Vì sáu vị trong, ngoài, tánh nó không phân biệt, do gốc lành bên trong hòa hiệp thì Thiệt thức sinh, kế sinh ra Ý thức, gượng bắt lấy tướng của vị, do đây mà có tất cả phiền não, thiện ác; quán ngược lại duyên vị chẳng thấy

được tướng mạo. Phải biết"sự thọ vị và tất cả pháp rốt ráo vắng lặng". Ấy gọi là tu Quán.

- Thân đối với Xúc: Khi thân thọ xúc, tu Chỉ Quán.

Tu Chỉ: Thế nào gọi là "Khi thân thọ xúc, tu Chỉ"? Hành giả tùy theo sự giác xúc, biết ngay đó như bóng, huyễn hóa không thật, nếu khi thọ lạc xúc thuận tình, chẳng khởi tâm tham đắm; nếu khi thọ khổ xúc trái ý, chẳng khởi tâm giận tức khó chịu; khi thọ chẳng vừa ý chẳng trái ý, chẳng khởi tâm nhớ tưởng phân biệt, ấy gọi là tu Chỉ.

Tu Quán: Thế nào gọi là "Khi thân thọ xúc, tu Quán"? Hành giả nên nghĩ rằng: Các pháp nhẹ, nặng, lạnh, nóng, rít, trơn, v.v... gọi là Xúc; đầu, mình, tứ chi, v.v... gọi là thân. Tánh của xúc luống dối, thân cũng chẳng thật, do nhân duyên hòa hợp nên sinh ra thân thức, kế sinh ra Ý thức nhớ tưởng, phân biệt tướng khổ, vui, v.v... nên gọi là Thọ xúc; quán ngược lại tâm duyên xúc chẳng thấy có tướng mạo. Phải biết "sự thọ xúc và tất cả pháp rốt ráo vắng lặng". Ấy gọi là tu Quán.

- Ý đối với Pháp: Đây là hành tướng tu Chỉ Quán trong khi Ý biết pháp như đã nói ở trước, trong phần "Bắt đầu tọa thiền".

Từ trước nói về hành tướng "Y vào sáu căn tu Chỉ Quán", tùy chỗ cần của ý mình mà chọn dùng nó, mỗi pháp đều đã nói đầy đủ cái Ý năm lần ở trước, trong đó đã nói rộng phân biệt rồi, nay không nói lại nữa. Nếu hành giả đối với tất cả trường hợp: như đi, đứng, nằm ngồi, thấy nghe, hay, biết, v.v... tu tập Chỉ Quán, phải biết người nầy chân thật tu hành đạo Ma-ha-diễn (Đại thừa).

Trong Kinh Đại Phẩm chép: "Phật bảo ngài Tu-bồ-đề: nếu Bồ-tát khi đi biết đi, khi ngồi biết ngồi, cho đến khi mặc Tăng-già-lê, nhìn, liếc, nhất tâm, ra vào thiền định, phải biết người này gọi là Bồ-tát Ma-ha-diễn (Đại Bồ-tát).

Lại nữa, nếu người nào trong tất cả chỗ tu hạnh Đại thừa như thế thì người ấy là bậc Tối thắng Tối thượng trong thế gian không ai sánh bằng". Như trong bài Kệ Thích luận nói:

Rảnh ngồi trong rừng cây
Thầm lặng dứt các ác
Điềm tĩnh được nhất tâm
Vui này hơn vui trời
Người cầu lợi thế gian
Áo đẹp, giường nệm tốt
Vui ấy chẳng an ổn
Cầu lợi không nhàm chán

Nạp y chốn vắng lặng
Tới lui tâm thường nhất
Tự dùng trí tuệ sáng
Quán thật tướng các pháp
Đối với mỗi pháp ấy
Đều bình đẳng quán nhập
Tâm Giải, tuệ vắng lặng
Ba cõi không ai bằng.

7. THIỆN CĂN PHÁT SINH

Nếu hành giả có thể như thế từ giả quán nhập Không quán thì trong khi ngồi thân tâm trong sáng, khi ấy sẽ có các thứ gốc lành khai phát, cần phải hiểu biết.

Nay lược nói hành tướng của gốc lành khai phát, có hai loại khác nhau:

1- Hành tướng gốc lành bên ngoài khai phát:

Đây là các gốc lành bố thí, trì giới, hiếu thuận cha mẹ, tôn trưởng, cúng dường Tam Bảo và các việc nghe kinh học giáo, v.v... khai phát. Ấy là những việc bên ngoài, nếu chẳng phải chân chánh tu hành thì lẫn lộn với ma cảnh, nay không phân biệt.

2- Hành Tướng gốc lành bên trong khai phát:

Đây là các gốc lành thiền định Pháp Môn khai phát, có ba loại ý nghĩa:

a- Nói về hành tướng gốc lành khai phát: Có năm loại khác nhau:

- Hành tướng gốc lành khai phát Của Đạo Sổ tức: Hành giả vì khéo tu Chỉ quán, nên thân tâm được điều hòa đúng cách, vọng niệm bị chặn đứng, do đây tự biết tâm mình lần lần vào định, phát ra định ở cõi Dục và Vị Đáo Địa, v.v... Thân tâm hình như tan biến vắng lặng, định tâm an ổn, đối với định nầy đều chẳng thấy có tướng mạo thân tâm. Sau đó hành giả hoặc trải qua một lần ngồi, hoặc hai lần ngồi cho đến một ngày hai ngày, một tháng hai tháng, muốn thôi không được, chẳng lùi chẳng mất, liền đó ở trong định chợt biết thân tâm vận động mà phát ra tám thứ xúc: Ấy là cảm biết tự thân: "đau, ngứa, lạnh, nóng, nhẹ, nặng, trơn, nhám, v.v..." Phải biết khi xúc phát (tiếp thọ các pháp xúc), thân tâm an định, nhẹ nhàng vui vẻ, sung sướng, thanh tịnh, không thể thí dụ được. Ấy là biết hành tướng Căn bản thiền của đạo Sổ tức gốc lành khai phát.

Hành giả hoặc ở trong cõi Dục Vị đáo địa định chợt biết hơi thở ra vào dài ngắn, khắp các lỗ chân lông ở trên thân đều hở trống, bấy giờ liền dùng tâm nhãn thấy ba mươi sáu vật ở trong thân, cũng như mở cửa kho thấy mè, đậu, v.v... tâm rất vui sợ (Tâm Đại Kinh Hỷ). Đây là hành tướng tùy tức đặc biệt gốc lành khai phát.

- Hành tướng gốc lành khai phát của pháp Quán Bất tịnh: nếu hành giả đối với cõi Dục Vị đáo địa định, ở trong định nầy thân tâm vắng lặng, bỗng nhiên thấy thân nam và thân nữ của người khác chết, chết rồi sình trương, rục rã, máu chảy ra, thấy xương trắng ngổn ngang, tâm hành giả sinh ra vừa (buồn vừa vui), chán những sự yêu thương tai hại. Ấy là hành tướng của gốc lành chín tưởng khai phát.

Có khi ở trong tĩnh định, hành giả bỗng nhiên thấy trong thân thì bất tịnh, ngoài thân lại sình trương, ngổn ngang xương trắng tự thân, từ đầu đến chân, từng lóng nối nhau, hành giả thấy như vậy rồi định tâm an ổn, nỗi sợ hãi kích động, ngộ được vô thường, nhàm chán năm dục tai hại, chẳng đắm nhiễm ngã nhân. Đây là hành tướng của gốc lành Bội Xả khai phát.

Có khi ở trong định, hành giả thấy trong và ngoài thân, tất cả chim bay thú chạy, y phục, ẩm thực, nhà cửa, núi rừng đều bất tịnh. Đây là hành tướng của gốc lành Đại bất tịnh khai phát.

- Hành tướng gốc lành khai phát của tâm từ: Hành giả vì nhân tu Chỉ Quán, nếu được cõi Dục Vị Đáo Địa định, ở trong định này, chợt phát ra Tâm Từ nghĩ đến chúng sinh, có khi duyên lấy người thân mà được tướng vui, liền phát ra định sâu, nội tâm vui vẻ thanh tịnh không thể thí dụ; đối với người bình thường (trung nhân = không thương không ghét), người thù (oán nhân), cho đến chúng sinh mười phương cũng y như vậy. Từ Thiền định ra, tâm hành giả vui vẻ, hễ thấy người nào, nhan sắc thường hiền hòa. Đây là hành tướng gốc lành của từ tâm khai phát. Tâm Bi Hỷ Xả phát tướng theo đây có thể biết được.

- Hành tướng gốc lành khai phát của pháp quán nhân duyên: Hành giả vì nhân tu Chỉ Quán, nếu được Vị Đáo Địa cõi Dục, thì thân tâm vắng lặng, bỗng nhiên tâm giác ngộ sinh, suy tìm vô minh ba đời, v.v... đối với các nhân duyên (mười hai nhân duyên) chẳng thấy nhân, ngã, liền dứt bỏ được đoạn, thường, phá các kiến chấp, được định an ổn, Giác tuệ khai phát, tâm sinh ra Pháp Hỷ, chẳng nghĩ đến việc thế gian, cho đến trong năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới, phân biệt cũng giống như thế. Đây là hành tướng gốc lành của Pháp quán Nhân duyên khai phát.

- Hành tướng gốc lành Của Pháp Niệm Phật Khai Phát: Hành giả vì nhân tu Chỉ Quán, nếu được Vị Đáo Địa cõi cõi Dục, thì thân tâm rỗng rang vắng lặng, bỗng nhiên nhớ nghĩ đến công đức tướng tốt của Chư Phật mười phương không thể nghĩ bàn, nào Pháp mười lực, Vô Úy, Bất Cộng, Tam-muội, Giải thoát, v.v... không thể nghĩ bàn, thần thông biến hóa, nói pháp vô ngại, rộng lợi ích chúng sinh không thể nghĩ bàn, như thế, v.v... vô lượng công đức không thể nghĩ bàn.

Hành giả nghĩ như vậy rồi, liền khởi tâm yêu kính, tâm lành được sinh trưởng, Tam-muội khai phát, thân tâm vui sướng, thanh tịnh an ổn, không có các tướng ác; từ thiền định ra thân thể nhẹ nhàng lanh lợi, tự biết công đức vòi vọi, được người yêu kính. Đây là hành tướng gốc lành của Pháp Môn Niệm Phật Tam-muội khai phát.

Lại nữa, hành giả vì nhân tu Chỉ Quán, nếu được thân tâm lắng sạch, có khi phát ra vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, thế gian đáng chán, tướng ăn bất tịnh, tử ly tận tưởng; niệm Phật, Pháp, Tăng, Giới, Xả, Thiên; Niệm Xứ, Chánh Cần, Như ý, Căn lực, Giác Đạo, Không, Vô Tướng, Vô Tác, sáu Độ, các Pháp Ba-la-mật, thần thông, Biến hóa, v.v... hành tướng của tất cả Pháp Môn khai phát. Trong đây, hành giả phải phân biệt rộng. Nên kinh nói rằng: “Định tâm một chỗ không có việc gì chẳng làm được”.

b- Phân biệt Chân Ngụy: chia làm hai:

- Nói về tướng tà ngụy thiền khai phát: nếu khi hành giả phát các loại thiền như trên, mỗi Pháp tùy ở nguyên nhân mà được phát: Có khi thân lay động, có khi thân nặng như bị vật gì đè ép, có khi thân nhẹ như muốn bay bổng, có khi như bị trói, có khi ngả nghiêng rũ mềm, có khi lạnh quá, hoặc nóng quá, có khi thấy mỗi các cảnh giới khác lạ, có khi tâm mình bị che tối, có khi nổi lên những cảm giác xấu, có khi tán loạn nghĩ các việc lành tạp nhạp ở bên ngoài, có khi vui vẻ làm rối loạn vọng động, có khi lo nghĩ buồn rầu, có khi bị cảm xúc ác làm sợ hãi, khắp mình nổi ốc, có khi vui quá làm mờ say v.v... Các tà pháp như thế đồng phát khởi với thiền định, gọi là Tà Ngụy.

Thứ tà định này, nếu người nào yêu đắm thì tương ưng với Pháp của chín mươi lăm loại Quỷ thần, đa số là thường bị thất tâm điên cuồng. Có khi các quỷ thần biết được tâm niệm của người mê nhiễm pháp đó, liền tăng thêm thế lực khiến cho phát ra Tà định, tà trí, biện tài, thần thông để mê hoặc cổ động người đời, kẻ phàm ngu thấy đó cho rằng đã được đạo quả thảy đều tin phục. Nhưng nội tâm của người kia thì điên đảo, chuyên môn làm những quỷ Pháp để hoặc loạn thế gian. Người ấy

khi qua đời chẳng bao giờ gặp được Phật, lại đọa vào đường quỷ thần, nếu khi ngồi thiền làm nhiều pháp ác thì bị đọa vào Địa ngục.

Khi hành giả tu Chỉ quán, nếu chứng những thứ thiền như thế là hành tướng tà ngụy, phải mau khước từ chúng.

Làm sao khước từ? Nếu biết là luống dối, thì phải chánh tâm chẳng thọ, chẳng đắm nhiễm, liền được tan diệt; phải dùng Chánh quán phá diệt chúng, liền được trừ ngay.

- Nói về tướng chân chánh thiền khai phát: nếu hành giả trong lúc ngồi, khi phát các thứ thiền không có các loại tà pháp, v.v... như đã nói ở trên, tùy mỗi loại thiền khi phát, biết ngay tương ưng với định. Không minh thanh tịnh, nội tâm vui vẻ, điềm nhiên vui sướng, không bị che ngăn, tâm lành khai phát, kính tin thêm lớn, trí chiếu rõ ràng, thân tâm mềm mỏng, mầu nhiệm vắng lặng; chán sự hoạn họa ở thế gian; không tạo tác, không ham muốn, ra vào tự tại. Ấy là tướng Chánh thiền khai phát.

Thí dụ như làm việc với người ác, thường tiếp xúc não hại lẫn nhau, nếu làm việc với người lành lâu thì thấy sự tốt đẹp: Phân biệt tướng thiền khai phát của hai loại tà, chánh cũng như vậy.

c- Nói về dùng Chỉ Quán nuôi dưỡng gốc lành: Hành giả trong khi tĩnh tọa, các gốc lành khai phát, nên tu hai Pháp Chỉ quán khiến cho tăng tấn. Nếu dùng Chỉ hợp thì dùng Chỉ mà tu, như ở trước đã nói đầy đủ rồi; ở đây chỉ lược nêu lên đại ý mà thôi.

8. HIỂU BIẾT VIỆC MA:

Tiếng Phạm là Ma-la, đời Tần dịch là Sát (giết), đoạt mất tài sản công đức và giết hại mạng căn trí tuệ của người tu hành, cho nên gọi đó là diệt Ác Ma.

Phật dùng công đức trí tuệ độ thoát chúng sinh, nhập Niết-bàn làm sự nghiệp, còn ma thường lấy việc phá hoại gốc lành của chúng sinh khiến cho trôi lăn trong sinh tử làm sự nghiệp.

Nếu hành giả được an tâm vào Chánh đạo (càng dụng công càng bị ma nhiễu loạn), do đó Đạo cao mới biết Ma thạnh, nhưng phải khéo biết việc làm của ma. Ở đây chỉ có bốn loại:

1- Ma phiền não.

2- Ma Ấm Nhập Giới.

3- Ma chết.

4- Ma quỷ thần.

Ba loại Ma ở trên đều là việc thường của thế gian và tùy tự tâm

của mỗi người mà sinh ra, phải chính tự nơi tâm dứt trừ chúng. Ở đây không phân biệt.

Về hành tướng của Quỷ Thần Ma, việc này phải biết rõ, nay sẽ lược nói. Quỷ thần ma có ba loại:

1- Tinh Mị: Loài nầy ở trong mười hai thời, thú biến hóa làm ra các thứ thân hình: Có khi hiện ra hình thiếu nữ, người già cả, cho đến hiện ra thân hình đáng sợ, v.v... không nhất định, để não hại, hoặc loạn người tu hành. Các loại tinh Mị này muốn não hại hành nhân đều phải theo giờ của nó mà đến. Phải khéo léo phân biệt để nhận thức:

- Nếu đến vào giờ Dần, nhất định thú tinh phải là loài cọp, v.v...
- Nếu đến vào giờ Mẹo, nhất định là loài thỏ, loài nai, v.v...
- Nếu đến vào giờ Thìn, nhất định là loài rồng, loài ba ba, v.v...
- Nếu đến vào giờ Tỵ, nhất định là loài rắn, loài mãng xà, v.v...
- Nếu đến vào giờ Ngọ, nhất định là loài ngựa, loài lừa, loài lạc đà, v.v...
- Nếu đến vào giờ Mùi, nhất định là loài dê, v.v...
- Nếu đến vào giờ Thân, nhất định là loài vượn, loài khỉ, v.v...
- Nếu đến vào giờ Dậu, nhất định là loài gà, loài quạ, v.v...
- Nếu đến vào giờ Tuất, nhất định là loài chó, loài sói, v.v...
- Nếu đến vào giờ Hợi, nhất định là loài heo, v.v...
- Nếu đến vào giờ Tý, nhất định là loài chuột, v.v...
- Nếu đến vào giờ Sửu, nhất định là loài trâu, v.v...

Nếu hành giả thấy thường theo giờ ấy mà đến, liền biết tướng tinh của loài thú đó, kêu ngay danh tự của nó mà mắng thì nó sẽ biến mất.

2- Đồn Dịch quỷ: Loài quỷ nầy cũng làm các sự gây rối (xúc não) hành nhân, có khi như loài sâu mọt bò trên đầu, trên mặt của người, châm chích thấy rõ mồn một, có khi chọt vào trong nách, hoặc bất chợt ôm trùm lên người, hoặc nói những âm thanh ồn ào và làm ra các hình thú, tướng trạng rất kỳ lạ không nhất định v.v..., đến phá hành nhân. Phải mau nhận biết, nhất tâm nhắm mắt, thầm mắng như vầy: "nay ta đã biết nhà ngươi, nhà ngươi là loài quỷ ăn lửa, ngửi hương, trộm tuổi hạ lạp, ở trong Cõi Diêm-phù-đề tên Kiết Chi, là loài tà kiến ưa pháp giới, nay ta giữ giới, không hệ sợ nhà ngươi". Nếu là người xuất gia nên tụng giới bổn, còn nếu tại gia nên tụng ba Quy y, năm giới cấm, Quỷ liền thoái lui bò lăn mà đi. Như thế, loài quỷ làm các tướng mạo khuấy phá người và các phương pháp dứt trừ đều được nói rõ trong Thiền kinh (tức kinh Tọa thiền Tam-muội, có chỗ nói là Kinh Thiền Ba-la-mật).

3- Ma Não: Ma này phần nhiều hóa thành hành tướng của ba loại

cảnh giới năm trần để đến phá hoại tâm lành của hành giả:

- Trái ý: Hóa thành những cảnh trái ý thì năm trần đáng sợ, khiến cho người ta phải kinh khiếp. (năm trần là: sắc, thanh, hương, vị xúc)

- Vừa ý: Hóa thành những cảnh vừa ý thì năm trần lại đáng ưa thích, khiến cho tâm người mê đắm.

- Chẳng Trái ý Chẳng vừa ý: Hóa thành những cảnh chẳng trái ý, chẳng vừa ý thì năm trần bình đẳng, làm loạn động hành giả.

Thế nên, Ma gọi là Sát, cũng gọi là Hoa tiễn, cũng gọi là Ngũ tiễn, vì bắn vào năm căn của người. Trong Danh và Sắc làm ra các thứ cảnh giới để mê hoặc, não loạn hành nhân:

* Hiện ra Cảnh vừa ý: Như hiện làm Cha, Mẹ, anh, chị, em; hình tượng như Phật, hay nam nữ xinh đẹp đáng ưa thích, khiến cho người sinh tâm mê hoặc.

* Hiện ra cảnh Trái ý: Như hiện làm cọp, sói, sư tử, la-sát, v.v... các hình tượng đáng sợ, đến làm cho hành nhân sợ hãi.

* Hiện ra cảnh không trái ý không vừa ý: Là hiện ra những việc bình thường để loạn động tâm người, khiến cho thoái mất thiền định, vì thế nên gọi là Ma.

Có khi làm ra các loại âm thanh tốt hoặc xấu, các thứ mùi thơm hoặc thúi, các vị ngon hoặc dở, các cảnh khổ hoặc vui, đến để xúc phạm thân người. Như trên đã nói đều là việc của Ma, tướng trạng Ma có rất nhiều, nay không thể nói hết được.

Tóm lại: Nếu làm ra các thứ năm trần để não loạn người, khiến cho mất Pháp lành, khởi ra các phiền não, đó đều là ma quân, vì phá hoại Phật Pháp bình đẳng, khiến cho khởi lên tham dục, lo buồn, giận tức, ngủ nghỉ, v.v... các thứ ngăn ngại Đạo Pháp. Như bài kệ trong kinh nói:

Dục là đạo quân đầu
Lo buồn là thứ hai
Đói khát quân thứ ba
Khát ái là thứ tư
Ngủ nghỉ quân thứ năm
Sợ sệt là thứ sáu
Nghi ngờ quân thứ bảy
Giận dỗi là thứ tám
Lợi, danh là thứ chín
Tự cao, khinh thường người
Các ma quân như thế

Đè bẹp người xuất gia
Ta dùng sức Thiền trí
Phá các đoàn quân ấy
Được thành Phật đạo rồi
Độ thoát tất cả người.

Hành giả biết là việc ma, liền phải khước trừ nó. Khước trừ có hai cách:

- Tu Chỉ để khước trừ: Hễ thấy các cảnh ác ma, thì hành giả phải nên biết tất cả đều là luống dối, chẳng lo chẳng sợ, chẳng nên lấy bỏ, vọng chấp phân biệt, tâm bất động yên lặng, cảnh kia tự sẽ tan biến.

- Tu Quán để khước trừ: Hễ thấy mỗi cảnh ma đã nói như trên, nếu dùng Chỉ không trừ khử được thì dùng Quán, quán ngược lại tâm hay thấy (năng kiến), chẳng thấy được nơi chốn, thì làm sao bị ma não hại! Khi Quán như thế, cảnh ma theo đó sẽ được tan biến.

Trong trường hợp trì tuệ không trừ diệt được, hành giả chỉ nên Chánh tâm chớ nên có ý tưởng lo sợ, chẳng tiếc thân mạng, Chánh niệm chẳng động, biết "Ma Giới Như" tức "Phật Giới Như". Nếu Ma Giới Như, Phật Giới Như, một Như không hai Như. Hành giả biết rõ như thế thì ma giới không có cái gì để xả, Phật giới không có gì để thủ, Phật pháp tự nhiên hiện tiền, cảnh Ma tự nhiên tan biến.

Lại nữa, nếu thấy cảnh ma chẳng thoái diệt, chẳng nên sinh lo, nếu thấy thoái diệt cũng chớ sinh vui. Vì sao? Vì chưa từng thấy có người ngồi thiền gặp ma hóa thành cọp, sói đến ăn thịt người, cũng chưa từng thấy Ma hóa ra nam, nữ đến làm vợ chồng, chính ma là huyễn hóa, người ngu không rõ, tâm sinh kinh sợ và khởi tâm tham đắm, tự gây họa cho mình, đều do hành nhân vô trí bị hại, chẳng phải ma làm ra!

Nếu cảnh ma não loạn hành nhân có khi trải qua tháng, năm chẳng dứt, phải vững tâm Chánh niệm thật bền chắc, chẳng tiếc thân mạng, chớ sinh tâm lo sợ, nên tụng các Kinh Đại thừa Phương Đẳng và Chú trị ma, thầm niệm mà tụng, thường nhớ nghĩ Tam Bảo, nếu xuất định cũng phải tụng Chú để tự ngừa. Nên sám hối, hổ thẹn và tụng Ba-la-đề-mộc-xoa (giới luật), tà không can phạm đến chánh được, lâu ngày sẽ tự diệt. Ma Sự có rất nhiều, không thể nói hết, hành giả nên khéo léo nhận biết.

Cho nên, những kẻ Sơ tâm tu hành, nhất định phải gần gũi thiện tri thức. Vì có các việc nạn như trên là mnhập tâm người, có thể khiến cho hành giả điên loạn tâm thần, hoặc vui hoặc buồn, do đây thành bệnh, đến nỗi phải chết. Có khi khiến cho hành giả được các thứ thiền

định, trí tuệ, thần thông, Đà-ra-ni, nói pháp giáo hóa, mọi người đều tin phục, rồi sau đó phá hoại việc lành xuất thế của người, và phá hoại Chánh Pháp. Các thứ kỳ lạ như thế rất nhiều, không thể nói hết, nay chỉ lược nêu những điểm quan trọng để cho hành nhân trong khi ngồi thiền chẳng vọng thọ các cảnh giới.

Tóm lại: Muốn khiển tà quy chánh, hành giả phải quán thật tướng các Pháp, khéo tu Chỉ Quán thì không có tà nào không bị phá trừ. Thích Luận chép: "Ngoại trừ Thật tướng các Pháp, tất cả các thứ khác đều là Ma sự". Bài Kệ rằng:

Nếu phân biệt nhớ nghĩ
Tức là lưới Ma-la
Chẳng động chẳng phân biệt
Đó chính là Pháp Ấn.

9. TRỊ BỆNH

Hành giả an tâm tu hành đạo nghiệp, có khi bốn đại bị bệnh, vì hiện tại dùng Quán tâm ngưng tụ kích động bệnh cũ, hoặc có khi không khéo léo điều hòa ba việc: Thân, Tức, Tâm đúng cách, trong ngoài có sự trái phạm, nên bệnh hoạn phát sinh. Xét về phương pháp ngồi thiền, nếu người khéo dụng tâm thì bốn trăm lẻ bốn bệnh tự nhiên trừ hết, còn như dụng tâm không đúng cách thì bốn trăm lẻ bốn bệnh nhân đó phát sinh. Cho nên, nếu muốn tự tu và dạy người, hành giả phải khéo biết nguồn gốc của bệnh. Khéo biết dùng Nội tâm trong khi tịnh tọa để trị bệnh. Nếu không, chẳng những có sự chướng ngại cho việc hành đạo mà còn có mối lo mất cả đại mạng của mình. Nay nói về phương pháp trị bệnh trong đây có hai ý:

"Hành tướng phát bệnh" và "Phương pháp trị bệnh"

A- Nói về Hành tướng phát bệnh:

Bệnh phát tuy có nhiều đường, nhưng lược nêu chẳng ngoài hai loại:

a- Bệnh tướng do bốn đại thêm bớt:

- Nếu Địa Đại tăng, thì thũng kiết, nặng nề, thân thể khô gầy v.v... như thế có một trăm lẻ một bệnh sinh.

- Nếu Thủy Đại tăng, thì đàm ẩm đầy trướng, ăn uống không tiêu, bụng đau, hạ lỵ (đi cầu), v.v... có một trăm lẻ một bệnh sinh.

- Nếu Hỏa Đại tăng, thì quá lạnh hoặc quá nóng, chi tiết đều đau, hơi miệng và đại tiểu tiện lợi chẳng thông, v.v... có một trăm lẻ một bệnh sinh.

- Nếu Phong Đại tăng, thì thân thể như bay bổng, tranh nhau đau nhức, ngộp thở, khó thở, ói ngược, thở vội như thế, v.v... có một trăm lẻ một bệnh sinh. Nên trong kinh chép: "Một đại chẳng điều có mộ t trăm lẻ một bệnh nổi lên. Bốn đại không điều có bốn trăm lẻ bốn bệnh đồng thời đều động. Bệnh về bốn đại khi phát đều có tướng mạo, nên trong khi ngồi phải và trong giấc mộng mà nghiệm xét.

b- Bệnh tướng do Năm tạng sinh:

- Từ tâm (tim) sinh bệnh, thì thân thể nóng lạnh, đau đầu, miệng khô, v.v... vì tâm làm chủ về miệng.

- Từ phổi sinh bệnh, thì thân thể đầy trướng, bốn chi đau nhức, tâm ngộp mũi nghẹt, v.v... vì phế làm chủ về mũi.

- Từ gan sinh, thì phần nhiều tâm không vui mừng, lo rầu chẳng vui, buồn bực nghĩ ngợi, giận dỗi, đau đầu, mắt mờ, tối tăm, v.v... vì Gan làm chủ về mắt.

- Từ lá lách sinh bệnh, thì trên mặt, khắp mình, đau nhức tê bại, ăn uống không biết mùi, v.v... vì Tỳ làm chủ về lưỡi.

- Từ Thận (nội thận) sinh bệnh, thì cổ họng tắc nghẽn, bụng căng đầy, tai điếc, v.v... vì Thận làm chủ về tai.

Năm Tạng sinh bệnh rất nhiều, nhưng đều có tướng trạng của nó, trong khi tĩnh tọa và trong giấc mộng phải nghiệm xét có thể biết được. Như vậy, bệnh của bốn đại, năm tạng, nguyên nhân phát khởi không phải một, tướng trạng rất nhiều không thể nói hết, nếu hành giả muốn tu Pháp môn Chỉ Quán, nếu có bệnh phát sinh, phải nên khéo biết nguyên nhân phát khởi. Ở đây có hai thứ bệnh, thông thường do nội phát động và ngoại phát động:

Ngoại Phát động: Nều hàn lãnh, phong nhiệt, ăn uống chẳng tiêu hóa, mà bệnh từ hai nơi (bốn đại, năm tạng) phát ra, phải biết đó là bệnh do bên ngoài phát.

Nội phát động: Nếu dụng tâm chẳng điều, Quán hạnh trái phạm không thông, hoặc khi Pháp Định khai phát, chẳng biết thủ dữ (thủ quả, dự quả) mà gây ra hai chỗ bệnh sinh, đây là bệnh tướng nhân ở bên trong phát ra.

c- Nhân Duyên bị bệnh: Lại nữa, có ba thứ nhân duyên mắc bệnh khác nhau.

1- Bốn đại, năm tạng thêm bớt thành bệnh, như trước đã nói.

2- Quỷ thần gây ra thành bệnh.

3- Do Nghiệp báo mà mắc bệnh, mới phát bệnh liền lo chữa trị rất dễ lành, nếu để lâu thân gầy, bệnh cố kết, trị rất khó hết.

B- Phương pháp trị bệnh:

Đã biết bệnh phát khởi, phải áp dụng các phương pháp trị bệnh. Phép trị bệnh có nhiều đường, nhưng tóm lại không ngoài hai phương tiện Chỉ Quán:

a- Dùng Chỉ: Thế nào là "dùng Chỉ để trị bệnh tướng?"

1- An tâm Chỉ Ở Chỗ Bệnh: Có thầy nói: Chỉ an tâm Chỉ, trụ tại chỗ bệnh, thì sẽ trị được bệnh. Vì sao? Vì tâm là chủ của một thời kỳ quả báo, ví như ông vua đến chỗ nào thì bọn giặc cướp chạy tán loạn.

2- An Tâm Chỉ Ở Đan Điền: Lại có thầy nói: Dưới rún một tấc gọi là Ưu-đà-na, Hán dịch là đan điền (huyệt đan điền), nếu thường Chỉ tâm thủ ở chỗ đó chẳng cho tán ý, trải qua lâu ngày nhiều bệnh có thể trị lành.

3- An Tâm Chỉ ở dưới bàn chân: Có thầy nói: Thường Chỉ tâm ở dưới bàn chân, bất luận là đi, đứng hay nằm ngồi, có thể trị được bệnh. Vì sao? Vì người ta do bốn đại chẳng đều, nên sinh ra nhiều bệnh tật. Ở đây cũng do tâm thức duyên trở lên, nên khiến cho bốn đại chẳng đều, nếu an tâm trở xuống, bốn đại tự nhiên đều thì các bệnh được trị lành.

4- Chẳng Thủ tướng bệnh: Có thầy nói: Chỉ biết các pháp vắng lặng, không thật có, chẳng thủ tướng bệnh, vắng lặng. Chỉ trụ, trị được nhiều bệnh. Vì sao? Vì do tâm nhớ tưởng cổ xúy tác động bốn đại, nên có bệnh sinh, nay ngăn dứt tâm tưởng, tâm được hòa vui, các bệnh liền hết. Nên Kinh Tịnh Danh chép: "Gốc của bệnh là gì? Cái gọi là Phan duyên (vịn leo). Làm sao dứt phan duyên? Là tâm không sở đắc (không trụ bất cứ một cảnh nào)". Có rất nhiều thuyết dùng Chỉ để trị tướng bệnh như thế chẳng phải một, nên hành giả khéo biết tu Pháp Chỉ sẽ trị được nhiều bệnh.

b- Dùng Quán: Thế nào là "dùng Quán để trị bệnh tướng"?

1- Dùng Sáu Loại khí: Có thầy nói: Chỉ nương vào quán tâm mà tưởng, vận dụng sáu loại khí để trị bệnh. Đây chính là dùng Quán để trị bệnh. Sáu loại khí là: "xuy, hô, hy, ha, hư, hê". Sáu hơi thở này đều từ môi và răng, Quán tâm là phương tiện, chuyển trắc mà làm, nho nhỏ dìu dịu mà dùng. (Trắc: tức là trắc thanh, cũng gọi là biên thanh, hay phân thanh: khi phát ra tiếng, ở trung tuyến của khẩu trình đóng lại, hơi phát ra do bên lưỡi xì ra tiếng, gọi trắc hoạn là biên). Có bài tụng như sau:

Tâm hối hợp Ha, Thận thuộc xuy
Tỳ Hô, Phổi Hê, Thánh đều biết
Gan nóng thì xử dụng chữ Hư
Ba tiêu bít lấp chỉ dùng Hy.

2- Dùng Mười hai loại lực: Có thầy nói: Nếu có thể, khéo dùng Quán tưởng vận dụng mười hai loại Tức (cũng là hơi thở) có thể trị tất cả bệnh. Mười hai loại tức là: 1. Thượng tức, 2. Hạ tức, 3. Mãn tức, 4. Tiêu tức, 5. Tăng Trưởng tức, 6. Diệt Hoại tức, 7. Noãn tức, 8. Lãng tức, 9. Xung tức, 10. Trì tức, 11. Hoàn tức, 12. Bổ tức. Mười hai loại tức này đều từ Quán tâm mà sinh, nay lược nói hành tướng đối với mười hai loại Tức như sau: Thượng tức trị nặng nề, Hạ tức đối trị bệnh lững lờ. Mãn tức trị khô gầy, Tiêu tức trị phù thũng. Tăng Trưởng tức trị gầy còm, Diệt Hoại tức trị tăng thạnh. Noãn tức trị lạnh. Lãnh tức trị nóng, Xung tức trị bít lấp chẳng thông. Hòa tức trị run rẩy, Bổ tức trị đại suy nhược. Khéo dùng mười hai loại Tức này có thể đem trị khắp tất cả các chứng bệnh, suy đó có thể biết được.

3- Dùng Giả tưởng quán: Có thầy nói: Khéo dùng giả tưởng quán sẽ trị được tất cả các bệnh. Như người bệnh lạnh, tưởng hỏa khí (hơi nóng) trong thân nổi lên, liền đó trị được lạnh. Ở đây giống như bí pháp trị bệnh của Kinh Tạp A-hàm đã nói trong bảy mươi hai loại pháp.

4- Dùng Chỉ Quán xem xét: Có Sư nói: Chỉ dùng Chỉ Quán xem xét phân tách trong thân, bệnh của bốn đại không có, bệnh trong tâm không có, các bệnh tự hết. Mỗi lý thuyết dùng quán trị bệnh như thế, v.v..., ứng dụng khác nhau, hành giả khéo nắm được ý trong đây thì đều trị được bệnh. Phải biết, hai pháp Chỉ Quán, nếu người hiểu rõ được ý của nó thì không có bệnh nào mà chẳng trị được. Nhưng vì người đời nay căn cơ chậm lụt cạn cợt, thực hành quán tưởng nầy đa số không thành tựu, vì vậy mà không lưu truyền ra ngoài đời. Hơn nữa, người đem ra thực hành chẳng làm đúng được như ý trong đây, lại học theo lối thuật vận khí, bỏ lương thực, sợ sinh ra nhiều dị kiến. Vậy những loại thuốc thuộc về: Kim, Thạch, Thảo, Mộc nào hợp với bệnh của mình thì dùng uống cũng được.

5- Dùng Chú Trị Bệnh Quỷ: Nếu là bệnh Quỷ phải dùng tâm mạnh mẽ gia trì Chú lực để trợ giúp mà trị. Nếu là bệnh nghiệp báo, thì phải tu phước, Sám hối, bệnh sẽ dứt trừ. Trong hai phương pháp trị bệnh nầy, nếu hành nhân khéo biết được một ý cũng có thể tự thực hành và dạy người, huống chi lại thông đạt đầy đủ. Nếu hai Pháp đều chẳng biết thì bệnh sinh, chúng ta không làm sao trị được, chẳng những bỏ tu Chánh Pháp mà còn e cho tánh mạng cũng có mối lo ngại, làm sao tự tu và dạy người? Cho nên, chúng ta muốn tu Chỉ Quán, thì phải khéo biết phương pháp dùng nội tâm trị bệnh. Phương pháp trị bệnh rất nhiều, chẳng phải chỉ một, biết dụng ý là do người, đâu thể truyền ở văn tự được!

6- Dùng tâm trị Bệnh: Lại nữa, dụng tâm trị bệnh trong phép tĩnh tọa phải đủ mười Pháp thì nhất định sẽ có sự lợi ích. Mười Pháp ấy như sau: 1. Tín, 2. Dụng, 3. Cần, 4. Thường trụ trong duyên, 5. Phân biệt bệnh do đâu mà khởi, 6. Phương tiện, 7. Hành trì lâu, 8. Biết lấy bỏ, 9. Giữ gìn, 10. Biết Già chướng:

Thế nào là Tín: Là tin pháp ấy chắc chắn trị được bệnh.

Thế nào là Dụng: Là tùy thời thường ứng dụng.

Thế nào là Cần: Là khi dùng Pháp đó thì phải tinh chuyên chẳng dừng nghỉ, lấy mức hết bệnh làm thời hạn.

Thế nào là Thường trụ trong duyên: Là tâm phải cẩn thận, niệm niệm (luôn luôn) y theo Pháp mà không duyên ra ngoài việc nào khác.

Thế nào là Phân biệt bệnh do đâu hát khởi, như ở đoạn trước đã nói.

Thế nào là Phương tiện: Là thổ khí, nạp khí, vận tâm duyên tưởng phải khéo léo thành tựu chẳng để mất chỗ thích hợp.

Thế nào là hành trì lâu: Là nếu dùng Pháp đó chưa có kết quả thì không kể đến ngày, tháng, thường tu tập chẳng bỏ.

Thế nào là biết lấy bỏ: Là biết có tăng ích (kết quả) thì phải chuyên cần; biết bị tổn giảm (không kết quả) thì bỏ đi, phải vi tế chuyên tâm điều trị.

Thế nào là Trì Hộ: Là khéo biết các duyên khác (việc cấm kỵ) xúc chạm.

Thế nào là Biết Già Chương: Là khi được lợi ích chẳng nên nói với người ngoài, khi chưa biết kết quả thì chẳng nên sinh tâm nghi báng. Nếu y theo mười pháp này thì những bệnh được điều trị chắc chắn có hiệu nghiệm, ấy là việc chẳng phải luống dối.

10. CHỨNG QUẢ

Hành giả khi tu Chỉ Quán như thế, có thể rõ biết được các Pháp đều do tâm sinh, nhân duyên luống dối chẳng thật cho nên Không, vì biết là không tướng danh tự của tất cả các Pháp là không thật có. Ấy là Thể Chân Chỉ.

Bấy giờ, trên không thấy có quả Phật đáng cầu, dưới không thấy có chúng sinh đáng độ. Đó gọi là từ Giả Quán nhập Không quán, cũng gọi là Nhị Đế Quán, cũng gọi là Tuệ Nhãn, cũng gọi là Nhất Thiết Trí.

Nếu trụ ở quán nầy thì rơi vào địa vị Thanh Văn, Bích-chi-phật. Nên kinh chép: “Các chúng Thanh Văn, v.v... tự than rằng: Bọn ta nếu

nghe cõi nước của Phật thanh tịnh, giáo hóa chúng sinh, tâm không vui thích. Vì sao? Vì tất cả các Pháp đều vắng lặng, không sinh không diệt, không lớn không nhỏ, vô lậu vô vi, suy nghĩ như thế chẳng sinh ưa thích".

Phải biết, nếu thấy Vô vi mà nhập vào Chánh vị thì người đó không thể nào phát tâm Tam-bồ-đề. Đây chính vì Định lực nhiều, chẳng thấy Phật tánh.

Nếu Bồ-tát vì tất cả chúng sinh, thành tựu tất cả Phật Pháp, chẳng nên chấp trước Vô vi mà tự vắng lặng. Bấy giờ nên tu từ Không Quán nhập Giả Quán, thì phải quán kỹ tâm tánh tuy không, nhưng khi có duyên đối thì cũng có thể sinh ra tất cả các Pháp, y như huyễn hóa, tuy không nhất định thật, cũng có sự thấy, nghe, hay, biết, các tướng khác nhau chẳng đồng.

Khi hành giả quán như thế, tuy biết tất cả các Pháp rốt ráo vắng lặng, hãy đối với Không nầy mà tu các hạnh, như trồng cây trong không, cũng có khả năng phân biệt các căn của chúng sinh vì tánh dục vô lượng, nên nói Pháp vô lượng. Nếu thành tựu được biện tài Vô ngại thì sẽ lợi ích cho chúng sinh sáu đường. Ấy là Phương tiện tùy duyên Chỉ, chính là từ Không nhập Giả quán, cũng gọi là Bình đẳng quán, cũng gọi là Pháp nhãn, cũng gọi là Đạo Chủng trí. Hành giả trụ trong Quán này, vì năng lực trí tuệ nhiều, tuy thấy Phật tánh mà chẳng được rõ ràng. Bồ-tát tuy thành tựu được hai thứ quán này, đó chính là Phương tiện quán môn, chứ chẳng phải Chánh quán.

Kinh nói: "Hai loại trước là Phương tiện đạo, nhờ hai Pháp Không quán ấy mà được vào Trung đạo Đệ nhất nghĩa quán, song chiếu hai đế; tâm và tâm sở vắng lặng, tự nhiên trôi vào biển Tát-bà-nhã (biển Tát-bà-nhã, Sarvajnã, là Nhất thiết trí hay Nhất thế chủng trí, tức là trí của Chư Phật ở quả vị viên mãn rốt ráo). Nếu Bồ-tát muốn trong một niệm đầy đủ tất cả Phật Pháp, phải tu Tức nhị biên Phân biệt chỉ, thực hành ở Trung đạo Chánh quán".

Thế nào là tu Chánh quán? Nếu hành giả thể biết tâm tánh chẳng phải chân, chẳng phải giả, dứt tâm duyên theo chân giả, gọi đó là Chánh. Quán kỹ tâm tánh, chẳng phải không, chẳng phải giả; nếu soi rõ được như thế thì đối với tâm tánh thông đạt được Trung đạo. Viên chiếu nhị đế; nếu thấy được Trung đạo nhị đế ở tự tâm, thì thấy được Trung đạo hai đế của tất cả Pháp, cũng chẳng thủ Trung đạo hai đế, vì tánh quyết định không có. Ấy gọi là Trung đạo Chánh quán.

Như trong bài kệ Trung Luận nói:

Pháp do nhân duyên sinh
Ta nói tức là Không
Cũng gọi là giả danh
Cũng là nghĩa Trung đạo.

Đào sâu ý của bài kệ trên, chẳng những phân biệt đầy đủ hành tướng của Trung quán mà cũng gồm nói chỉ thú của hai thứ Phương tiện quán môn ở trước. Phải biết Trung đạo Chánh quán là Phật nhãn, Nhất thiết chủng trí, nếu trụ ở quán nầy thì năng lực định tuệ bình đẳng, thấy Phật tánh được rõ ràng, an trụ Đại thừa, bước đi khoan thai, sức mau như gió, tự nhiên trôi vào biển Tát-bà-nhã.

Bất giời hành giả thực hành:

Hạnh Như lai, vào nhà Như lai, mặc áo Như lai, ngồi tòa Như lai, tức là dùng năng lực trang nghiêm của Như lai mà tự trang nghiêm; được sáu căn thanh tịnh, vào cảnh giới Phật, đối với tất cả Pháp không dính mắc, tất cả Phật Pháp đều hiện ở trước, thành tựu Tam-muội Niệm Phật.

An trụ trong Định Thủ-lăng-nghiêm, tức là khắp hiện sắc thân Tam-muội, khắp vào cõi Phật mười phương, giáo hóa tất cả chúng sinh, trang nghiêm thanh tịnh tất cả cõi Phật, cúng dường Chư Phật mười phương, thọ trì tất cả Pháp tạng của Chư Phật, đầy đủ các hạnh Ba-la-mật, ngộ nhập địa vị Đại Bồ-tát bấy giờ cùng làm bạn ngang hàng với Bồ-tát Phổ Hiền, Văn-thù.

Thường trụ trong Pháp tánh thân, thì được Chư Phật khen ngợi, thọ ký, tức là trang nghiêm trời Đâu-suất-đà, thị hiện giáng thần vào thai mẹ, xuất gia, ngồi đạo tràng, hàng ma oán, thành Chánh giác, xoay bánh xe Pháp, nhập Niết-bàn (tám tướng thành đạo). Đối với các cõi nước mười phương rốt ráo được tất cả Phật sự, đầy đủ được hai thân Ứng, Chân. Đây là Bồ-tát mới phát tâm.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chép: "Khi mới phát tâm liền thành Chánh Giác, rõ thấu được tánh chân thật của các Pháp, bao nhiêu thân trí tuệ chẳng do tha ngộ". Cũng nói: "Bồ-tát mới Phát tâm được Như lai một thân hiện vô lượng thân". Cũng nói: "Bồ-tát mới Phát tâm tức là Phật".

Kinh Niết-bàn chép: "Bồ-tát mới Phát tâm cho đến cuối cùng hai thời chẳng khác". Hai tâm như thế, tâm trước (sơ phát tâm) là khó thực hành.

Kinh Đại Phẩm chép: "Tu Bồ đề! Có Đại Bồ-tát từ khi vừa Phát tâm tức đã ngồi Đạo tràng, xoay bánh xe chánh pháp. Phải biết là Bồ-

tát đó làm y như Phật". Ở đây, lấy việc Long Nữ hiến châu trong Kinh Pháp Hoa làm bằng chứng.

Như thế, các Kinh đều nói mới phát tâm làm đủ tất cả Phất pháp: Tức là "tự Môn" trong Kinh Đại Phẩm; Tức là "Vì khiến chúng sinh khai tri kiến Phật" trong kinh Pháp Hoa; tức là "Vì thấy Phật tánh, nên trụ Niết-bàn", trong kinh Niết-bàn.

Đã lược nói xong tướng Bồ-tát Sơ phát tâm nhờ tu Chỉ quán mà được chứng quả. Xong, kế tiếp nói tướng hậu tâm chứng quả

Cảnh giới của Hậu tâm chứng được thì không thể biết, nhưng nay suy tìm trong kinh giáo nói, thì hoàn toàn chẳng rời hai pháp Chỉ Quán.

Vì sao? Như Kinh Pháp Hoa chép: "Ân cần khen ngợi trí tuệ của Chư Phật", là Quán nghĩa, đây tức là dựa theo Quán để nói về quả.

Kinh Niết-bàn nói rộng một trăm câu giải thoát để giải thích Đại Niết-bàn, Niết-bàn là nghĩa của Chi. Đây là dựa theo Chỉ để nói về quả.

Nên nói rằng: Đại Bát Niết-bàn là thường vắng lặng". Định là nghĩa của Chỉ.

Trong Kinh Pháp Hoa mặc dầu đứng về Quán để nói Quả là thuộc về Chỉ, nên nói rằng: "Tướng thường vắng lặng của rốt ráo Niết-bàn rốt cuộc quy về không".

Trong kinh Niết-bàn tuy y cứ vào Chỉ để nói Quả là thuộc về Quán, nên lấy ba đức làm Đại Niết-bàn.

Trong hai bộ Đại kinh này mặc dầu lời văn rõ và ẩn khác nhau, nhưng đâu chẳng cùng y cứ vào hai môn Chỉ Quán mà nói về chỗ rốt ráo, và y cứ vào hai pháp Định, tuệ để nói về Cực quả.

Hành giả nên biết Sơ quả và Hậu quả đều không thể nghĩ bàn, nên Kinh Kim Quang Minh tân dịch chép: "Tiến tế Như lai không thể nghĩ bàn, trung tế Như Lai mỗi mỗi trang nghiêm, hậu tế Như lai thường không phá hoại", vì đều y cứ về tu hai tâm Chỉ Quán để nói về Quả. Bài Kệ trong Kinh Ban-Châu Tam-muội nói:

Chư Phật từ tâm được giải thoát,
Tâm ấy thanh tịnh nên vô cấu,
Năm đường sạch hết chẳng thọ sắc,
Hữu học do đây thành Đại đạo.

Mong cho người thực hành phải dứt trừ ba Chướng và năm Cái, nếu chẳng dứt trừ thì dầu cho siêng năng dụng công cũng không bao giờ có lợi ích!

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 168

THÍCH THIỀN BA LA MẬT THỨ ĐỆ PHÁP MÔN

SỐ 1916
(QUYỂN 1 → 3)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1916

THÍCH THIỀN BA-LA-MẬT THỨ ĐỆ PHÁP MÔN

Đời Tùy Đại sư Thiên Thai Trí Giả giảng

Đệ tử: Pháp Thận ghi chép, Chương An Quán Đảnh sửa lại.

LỜI TỰA

Thiền Ba-la-mật, Phụ Hành nói trong Mục Lục Thứ Đệ Thiền Môn nói là Đại sư Trí Giả giảng ở chùa Ngõa Quan. Đệ tử là Pháp Thận ở chùa Đại Trang Nghiêm ghi chép và Thiền sư Chương An quán Đảnh sửa lại thành mười quyển, mở ra mười chương lớn: Một là đại ý, hai là giải thích tên, ba là nói môn, bốn là giải thích theo thứ lớp, năm là phân biệt Thiền Ba-la-mật pháp tâm, sáu là phương tiện, bảy là tu chứng, tám là quả báo, chín là khởi giáo, mười là quy thú. Nhưng đến tu chứng thì ba thứ kia không có. Trong phần tu chứng lại mở ra bốn thứ riêng: Một là thiền thế gian, hai là thiền thế gian cũng là xuất thế gian, ba là thiền xuất thế gian, bốn là không phải thiền thế gian cũng không phải thiền xuất thế gian. Trong bốn thứ ấy thì đến thứ ba là thiền xuất thế gian lại có hai: Một là Đối trị vô lậu, hai là Duyên lý vô lậu. Đến Đối trị lại có chín, đó là chín tưởng, tám niệm, ba mươi tưởng, bối xả, thắng xứ, Nhất thiết xứ, chín định thứ đệ, phấn tấn, siêu việt. Nhưng tướng tu chứng đâu thể đủ hết. Truyện nói: Đại sư từng ở trên tòa cao bảo: Nếu nói thứ lớp thiền môn thì suốt một năm mới hết, nếu viết thành chương sớ thì có thể năm - mười quyển. Nay xin nêu bày Đại khoa để người học biết rõ trước sau.

Mười chương gồm có:

1. Đại ý tu thiền Ba-la-mật.

2. Giải thích tên gọi thiền Ba-la-mật.
3. Nói về môn Thiền Ba-la-mật
4. Giải thích theo thứ lớp thiền Ba-la-mật.
5. Phân biệt pháp tâm thiền Ba-la-mật.
6. Phân biệt tiền phương tiện thiền Ba-la-mật, quyển hai. Có hai:
a) Ngoại phương tiện
b) Nội thanh tịnh
* Chánh thức nói nhân chỉ phát thiện căn nội ngoại, quyển 3
* Nghiệm ác căn tánh, quyển 4.
7. Giải thích tu chứng thiền Ba-la-mật, có bốn:
a) Tu chứng thế gian thiền. Có ba tướng:
* Tứ thiền, quyển 5
* Bốn tâm vô lượng, quyển 6
* Bốn định vô sắc, quyển 6
b) Tu chứng thiền thế gian và xuất thế gian. Có ba:
* Lục diệu môn, quyển 7
* Hai mươi sáu Đặc thắng, quyển 7
* Thông minh, quyển 8.
c) Tu chứng thiền xuất thế gian. Có hai:
* Đối trị vô lậu, có chín:
1. Chín tưởng, quyển 9
2. Tám niệm, quyển 9 Quán pháp hoại
3. Ba mươi tưởng - quyển 9.
4. Tám bối xả, quyển 10
5. Tám thắng xứ, quyển 10 Quán pháp chẳng hoại:
6. Mười Nhất thiết xứ, quyển 10
7. Chín định thứ đệ, quyển 10
8. Sư tử phấn tấn, quyển 10
9. Tam-muội siêu việt.
* Duyên lý vô lậu

d) Tu chứng không phải thiền thế gian cũng không phải thiền xuất thế gian.

8. Hiển bày quả báo thiền Ba-la-mật.
9. Khởi giáo thiền Ba-la-mật. Không nói.
10. Kết hội quy thú Ba-la-mật.

SỐ 1916

THÍCH THIỀN BA-LA-MẬT THỨ ĐỆ PHÁP MÔN

QUYỂN 1
(PHẦN 1)

Thích Thiền Ba-la-mật Thứ Đệ Pháp Môn mở ra làm mười ý Đó ý là: 1. Đại ý tu thiền Ba-la-mật; 2. Giải thích tên thiền Ba-la-mật; 3. Nói về pháp môn thiền Ba-la-mật; 4. Giải thích thứ lớp thiền Ba-la-mật; 5. Phân biệt Pháp tâm thiền Ba-la-mật; 6. Phân biệt tiền phương tiện thiền Ba-la-mật; 7. Giải thích tu chứng thiền Ba-la-mật; 8. Hiển bày quả báo thiền Ba-la-mật; 9. Nói khởi giáo thiền Ba-la-mật; 10. Kết hội quy thú thiền Ba-la-mật. Nay y cứ mười nghĩa nầy để nói về văn thiền Ba-la-mật thì lược thâu trước sau giáo pháp của Chư Phật. Lý thì xa thông Bí tạng của Như lai, tất cả pháp giới Viên diệu. Hoặc giáo hoặc hạnh, hoặc sự hoặc lý trước từ phàm phu, sau đến cực Thánh. Chỗ có nhân quả hạnh vị đều ở trong ấy. Nếu hành giả hiểu rõ ý thú thiền môn thì tự nhiên hiểu rõ tất cả Phật pháp chẳng đợi tìm thứ khác. Cho nên Đại thừa nói: Thí như kéo một góc áo thì các chỗ đều động. Sở dĩ trước nói: Đại ý thiền Ba-la-mật là Bồ-tát phát tâm làm chính, cầu pháp Bồ-đề tịnh diệu, phải chọn lựa thật giả, khéo biết bí yếu. Nếu muốn đầy đủ tất cả pháp tạng của chư Phật thì chỉ có thiền là cao quý nhất. Như được châu ngọc thì các báu đều được, cho nên phát ý tu thiền đã muốn tu tập phải biết danh tự, tìm tên lấy lý thì nghĩa không dối. Để giải thích tên thiền tìm tên cầu lý. Lý thì không môn nào chẳng thông. Kế nói thiền môn thiền định kín xa, không do đâu đốn nhập, phải từ cạn đến sâu. Phải giải thích thuyên thứ lớp, hễ muốn lội sông cạn sâu cần phải khéo biết cảnh trí trong thiền. Do đó kế là chọn pháp tâm. Đã nói biết pháp tâm. Nếu muốn tập hạnh, thì sự phải khéo léo. Kế là phân biệt phương tiện, y pháp mà làm, sẽ có chỗ chứng. Kế là giải thích tu chứng, nếu

được nội tâm tương ưng, nhân thành thì cảm quả. Kế hiển bày quả báo từ nhân đến quả, tự hạnh đã tròn liền thọ lập công lợi ích chúng sinh. Kế là giải thích giáo môn. Lý giáo đã xong thì đầy đủ pháp tướng đồng về đạo Bình đẳng nhất thật. Kế là kết hội chỉ quy. Lấy mười nghĩa sinh nhau này mà giải thích thiền Ba-la-mật gồm nhiếp tất cả các hạnh pháp môn. Sau cùng là tìm văn rõ ràng rất dễ thấy. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Bồ-tát từ xưa đến nay trụ trong thiền Ba-la-mật, tu đầy đủ tất cả Phật pháp, cho đến ngồi đạo tràng, thành Nhất thiết chủng trí, khởi xoay bánh xe pháp. Đó gọi là thứ đệ hạnh, thứ đệ học, thứ đệ đạo của Bồ-tát.

CHƯƠNG I: ĐẠI Ý CỦA THIỀN BA LA MẬT :

Nay nói Bồ-tát tu thiền Ba-la-mật có hai điều: Một là phân biệt chỗ sai; hai là nói về chỗ thực hành.

Một phân biệt chỗ sai, có mười hạng người phát tâm tu thiền khác nhau: phần nhiều đều rơi vào sai trái, chẳng vào pháp môn thiền Ba-la-mật. Mười hạng người gồm: Một là vì lợi dưỡng mà phát tâm tu thiền thì phần nhiều thuộc về phát tâm địa ngục; Hai là sinh tâm tà ngụy, vì danh tiếng khen ngợi mà phát tâm tu thiền thì phần nhiều đều thuộc về tâm quỉ thần; Ba là vì quyến thuộc mà phát tâm tu thiền thì phần nhiều đều thuộc về tâm súc sinh; Bốn là vì ganh ghét ham hơn người khác mà phát tâm tu thiền thì phần nhiều đều thuộc phát tâm A-tu-la; Năm là vì sợ khổ bảo đường ác, dứt các nghiệp bất thiện mà phát tâm tu thiền thì phần nhiều thuộc tâm loài người; Sáu là vì tâm lành an vui mà phát tâm tu thiền thì phần nhiều thuộc tâm sáu tầng trời cõi dục; Bảy là vì được thế lực tự tại mà phát tâm tu thiền phần nhiều thuộc về phát tâm ma-la; Tám là vì được trí tuệ bén nhạy mà phát tâm tu thiền thì phần nhiều thuộc về phát tâm ngoại đạo; Chín là vì sinh lên cõi Phạm thiên mà tu thiền thì đây thuộc phát tâm cõi sắc, cõi vô sắc; Mười là vì muốn vượt khổ sinh già bệnh chết, mau được Niết-bàn mà tu thiền thì đây là thuộc về phát tâm Nhị thừa. Ở mười hạng người này thiện ác tuy khác, phược thoát khác nhau nhưng đều là không có đại bi chánh quán, phát tâm tà tịch nên đều rơi vào hai biên, chẳng đến Trung đạo. Nếu trụ vào tâm nầy mà tu hành thiền định thì chẳng bao giờ được tương ưng với pháp môn thiền Ba-la-mật.

Hai nói chỗ thực hành của Bồ taut là chính nói rõ đại ý nói người thực hành hạnh Bồ-tát tu thiền Ba-la-mật, tức có hai ý: Một là trước nói tướng Bồ-tát phát tâm; Hai là chánh nói chỗ làm của Bồ-tát tu thiền.

Thế nào là tướng phát tâm của Bồ-tát? Đó là phát tâm Bồ-đề.

Tâm Bồ-đề, tức là Bồ-tát dùng Trung đạo chánh quán, dùng các pháp thật tướng thương xót tất cả khởi tâm đại bi, phát bốn thệ nguyện rộng lớn. Bốn thệ nguyện rộng lớn là: Một là chưa độ khiến được độ, cũng gọi là chúng sinh vô biên thệ nguyện độ; Hai là chưa hiểu khiến được hiểu, cũng gọi là phiền não vô số thệ nguyện dứt; Ba là chưa an khiến được an, cũng gọi là pháp môn vô tận thệ nguyện biết; Bốn là chưa được Niết-bàn làm cho được Niết-bàn, cũng gọi là Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành. Bốn pháp này tức đối với bốn đế. Nên kinh Anh Lạc nói: Chưa vượt khổ đế khiến vượt khổ đế, chưa hiểu tập đế khiến hiểu tập đế, chưa an đạo đế khiến cho an đạo đế, chưa chứng diệt đế khiến cho chứng diệt đế. Mà bốn pháp này nếu ở trong tâm Nhị thừa thì chỉ được gọi là đế, vì duyên lý ấy xét thật chẳng sai lầm. Nếu ở trong tâm Bồ-tát thì riêng được gọi là Hoằng thệ. Vì sao? Vì Bồ-tát tuy biết bốn pháp là rốt ráo vắng lặng, nhưng vì lợi ích chúng sinh, mà khéo léo phương tiện duyên với bốn pháp này, tâm ấy rất lớn nên gọi là hoằng. Từ bi thương xót, chí cầu pháp này, tâm như kim cương, chế tâm chẳng thối chẳng mất, sẽ được trọn thành, nên gọi là thệ nguyện. Nếu hành giả phát đầy đủ bốn nguyện này, khéo biết bốn tâm, nhiếp tất cả tâm, tất cả tâm tức là một tâm, cũng chẳng được một tâm mà đủ tất cả tâm. Đó gọi là tâm Bồ-đề thanh tịnh. Vì tâm này sinh nên được gọi là Bồ-tát. Cho nên luận Đại thừa có kệ rằng:

Nếu khi mới phát tâm
Thệ nguyện sẽ thành Phật
Đã vượt qua thế gian
Phải thọ đời cúng dường.

- Thế nào là chỗ thực hành của người hạnh Bồ-tát tu thiền ra làm. Đại Bồ-tát đã phát tâm Bồ-đề rồi suy nghĩ vì muốn làm đầy đủ bốn thệ nguyện rộng lớn phải làm đạo Bồ-tát. Vì sao? Vì nếu có nguyện mà không có hành (làm). Như muốn độ người đến bờ kia mà không dự bị thuyền bè. Phải biết thường ở bờ bên này không hề được độ. Như người bệnh có thuốc mà không chịu uống, phải biết là bệnh chẳng thể lành. Như người nghèo thấy châu báu mà không lấy thì phải thường nghèo túng. Như người muốn đến chỗ xa mà không chịu bước đi thì người này sẽ chẳng đến chỗ. Bồ-tát phát bốn thệ nguyện rộng lớn, chẳng tu bốn hạnh cũng giống như thế. Lại nghĩ rằng: nay tôi trụ vào pháp môn nào tu đạo Bồ-tát mà mau được hoàn mãn bốn nguyện nầy. Tức biết trụ vào thiền định sâu thì hay đủ bốn nguyện. Vì sao? Vì như không có sáu thông, bốn biện thì dùng pháp nào mà độ chúng sinh. Nếu tu sáu thông,

mà không có thiền thì chẳng phát, cho nên kinh nói: Tu sâu thiền định được năm thần thông. Muốn dứt phiền não mà không có thiền thì chẳng trí. Từ thiền phát tuệ thì mới dứt được các kiết sử. Tuệ mà không định thì như đèn trong gió. Muốn biết pháp môn, phải biết tất cả công đức trí tuệ đều ở trong thiền. Như Luận Ma-ha-diễn chép: Nếu Chư Phật thành đạo xoay bánh xe pháp, vào Bát Niết-bàn có bao nhiêu công đức đều ở trong thiền. Lại nữa, Bồ-tát nhập vào Tam-muội Vô Lượng Nghĩa Xứ, một tâm đầy đủ muôn hạnh, hay biết tất cả vô lượng pháp môn. Nếu muốn đầy đủ vô lượng Phật đạo mà chẳng tu thiền định thì cõi Sắc, Vô sắc và đạo ba thừa còn chẳng được, huống chi là được Vô thượng Bồ-đề. Phải biết muốn lên Vô thượng Diệu giác, thì trước phải nhập vào Tam-muội Kim Cương, thì các Phật pháp bèn hiện ra trước. Bồ-tát như thế, thâm tâm suy nghĩ xét biết thiền định làm cho đủ bốn nguyện. Như Đại thừa có nói kệ:

Thiền là kho lợi trí
Ruộng phước của công đức
Thiền như nước thanh tịnh
Rửa sạch được bụi dục
Thiền là giáp kim cương
Ngăn được tên phiền não
Tuy chưa được vô vi
Phần Niết-bàn đã được
Được Tam-muội Kim Cương
Nghiền nát núi kết sử
Được năng lực sáu thông
Độ được vô lượng người
Bụi mù che mặt trời
Mưa lớn thấm nước lâu
Giác quán về gió động
Thiền định diệt được hết.

Kệ này là nói chứng nhân tu thiền định đầy đủ bốn nguyện.

Hỏi: nếu Bồ-tát muốn đầy đủ bốn thệ nguyện rộng lớn thì phải thực hành mười Ba-la-mật, sao chỉ khen ngợi thiền định?

Đáp: Bốn nghĩa kém trước, năm nhân thiền sau, nay thì trong đó mà nói. Vì sao? Vì Bồ-tát vô lậu tu thiền thì sẽ đầy đủ, bốn Độ tăng thượng, năm thứ dưới cũng thế. Như Bồ-tát phát tâm tu thiền thì tất cả gia nghiệp trong ngoài đều bỏ, chẳng tiếc thân mạng ở chỗ vắng, chẳng chút mến tiếc. Đó gọi là Đại xả. Lại nữa, Bồ-tát vì tu thiền mà thân tâm

chẳng động, đóng cửa sáu căn, điều ác không từ đâu mà vào, gọi là Đại trì giới. Lại nữa, Bồ-tát vì tu thiền mà hay nhẫn được điều khó nhẫn, tức là tất cả vinh nhục đều yên nhẫn. Nếu bị các điều ác đến hại, sợ chướng Tam-muội chẳng sinh buồn giận, đó gọi là nhẫn nhục. Lại nữa, Bồ-tát vì tu thiền mà nhất tâm tinh tấn, nếu thân mệt khổ cũng chẳng hề lui sụt. Dụ như cái dùi lửa, thường ngồi chẳng nằm, nhiếp các loạn ý, không hề buông lung. Nếu trải nhiều năm không chứng cũng không hề lui sụt. Đó là làm việc khó làm, tức là Đại tinh tấn. Cho nên biết nhân duyên tu thiền, tuy chẳng tác ý riêng thực hành bốn độ mà bốn độ tự thành. Lại nữa Bồ-tát, nhân tu thiền định mà đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát tu thiền nhất tâm chánh trụ. Vì tâm ở trong định nên biết được tướng pháp sinh diệt thế gian. Trí tuệ phát mạnh như suối trong đá nên Đại thừa nói kệ rằng:

Bát-nhã Ba-la-mật
Thật pháp chẳng điên đảo
Niệm tưởng quán đã trừ
Pháp nói năng đều diệt
Vô lượng các tội dứt
Tâm thanh tịnh thường nhất
Người Tôn Diệu như thế
Thì thấy được Bát-nhã.

Lại nữa, nhờ thiền mà đầy đủ phương tiện Ba-la-mật, tất cả phương tiện khéo léo cần phải thấy cơ. Nếu chẳng thâm nhập vào thiền định, thì làm sao thấy rõ được căn tánh khởi các phương tiện dắt dẫn chúng sinh. Lại nữa, nhờ thiền mà đầy đủ năng lực Ba-la-mật, tất cả tự tại biến hiện các năng lực thần thông đều nhờ thiền phát đủ như trong luận Đại thừa có nói. Lại nữa, do thiền mà đầy đủ nguyện Ba-la-mật như trong luận Đại thừa có nói: Bồ-tát thiền định như đờn A-tu-la, phải biết tức là tướng đại nguyện thành tựu. Lại nữa, nhờ thiền định mà đầy đủ trí Ba-la-mật. Như Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí không phải định thì chẳng phát, nghĩa ấy rất dễ thấy. Người khéo tu thiền liền thành tựu mười Ba-la-mật, đầy đủ muôn hạnh tất cả pháp môn. Cho nên Bồ-tát muốn đủ tất cả nguyện thực hành các Ba-la-mật, thì phải tu thiền định, việc đó như trong luận Đại thừa nói. Hỏi: Pháp Bồ-tát chính là độ chúng sinh làm nhiệm vụ, vì sao lại riêng ở núi mà bỏ chúng sinh, chỉ nhàn cư tự thiện? Đáp: Bồ-tát tuy thân bỏ mà tâm không bỏ. Như người bị bệnh phải uống thuốc tạm nghỉ không làm việc, khi lành bệnh thì lại làm việc như trước, Bồ-tát cũng như thế. Thân tuy lìa chúng sinh mà

tâm thường thương xót ở chỗ vắng lặng là uống thuốc thiền định được trí tuệ chân thật, trừ bệnh phiền não, khởi sáu thần túc, lại sinh vào sáu đường mà rộng độ chúng sinh. Vì nhân duyên như thế nên Đại Bồ-tát phát ý tu thiền Ba-la-mật. Tâm như kim cương, Thiên ma ngoại đạo và các Nhị thừa không thể ngăn cản phá hoại.

CHƯƠNG II: GIẢI THÍCH TÊN GỌI THIỀN BA LA MẬT:

Nay giải thích tên thiền Ba-la-mật lược có ba ý: 1. Chọn riêng tên cộng (chung) và Bất cộng (chẳng chung); 2. Phiên dịch; 3. Phân biệt.

1- Chọn tên riêng cộng và bất cộng, có hai ý: Một là tên cộng; hai là tên bất cộng. Một, là tên cộng: Như một chữ Thiền phàm phu ngoại đạo, Nhị thừa Bồ-tát và Chư Phật đạt được thiền định đều gọi là cộng; Hai, là tên gọi bất cộng, ba chữ Ba-la-mật, dịch là Đáo bỉ ngạn. Đây chỉ y cứ cứ vào Bồ-tát và Chư Phật. Luận Đại thừa nói: Thiền ở trong tâm Bồ-tát, gọi là Ba-la-mật, đó là bất cộng. Vì sao? Vì phàm phu thì trước ái, ngoại đạo thì trước kiến, còn Nhị thừa không có đại bi phương tiện nên chẳng thể tu hết tất cả thiền định, do đó chẳng được gọi là Đáo bỉ ngạn. Cho nên nói Ba-la-mật tức là bất cộng. Lại nữa, thiền gọi là tứ thiền, phàm phu ngoại đạo Nhị thừa Bồ-tát chư Phật đồng được định này nên gọi là Cộng. Còn Ba-la-mật gọi là độ vô cực (vô vi), ở đây chỉ Bồ-tát Chư Phật như thiền mà thấu suốt Trung đạo Phật tánh, sinh ra chín thứ Đại thiền, được đại Niết-bàn, chẳng cùng chung với phàm phu Nhị thừa, nên Ba-la-mật gọi là Bất cộng. Luận chung thì không nhọc phân biệt. Vì sao? Vì thiền tự có cộng thiền và bất cộng thiền, Ba-la-mật cũng thế, có cộng và bất cộng. Luận Đại thừa chép: Tiếng Thiên-trúc phàm làm việc xong đều gọi Ba-la-mật.

2. Phiên dịch, có hai ý: Một là phiên thích tên cộng, hai là phiên thích tên bất cộng.

Phiên thích tên cộng, tên cộng tức là thiền, cũng có hai ý: Một là chánh dịch tên, hai là giải thích:

Phiên tên cộng, Thiền là tiếng nước ngoài, Hán dịch thì bất định, nay lược có ba lời dịch: một là luận Đại thừa dịch là thiền, đời Tần dịch là Tư duy tu; hai là nêu lệ dịch xưa như đàn Ba-la-mật thì Hán dịch là Bố thí độ, thiền Ba-la-mật thì dịch là định độ, vậy biết Thiền dịch là Định; ba là trong A-tỳ-đàm dịch Thiền là công đức tòng lâm.

Giải thích ba từ dịch này, có hai ý: một là riêng, hai là chung: Nếu giải thích riêng Tư duy tu, đây là đối nhân. Vì sao? Vì tư duy là suy tính, tu là chuyên tâm nghiên cứu tu tập, nên để đối với tu nhân. Dịch

Thiền là Định thì đây là Đối quả, là sao, vì định là tịnh mặc (yên lặng) là hành giả lìa tán loạn cầu tịnh đã được tịnh trụ, thù đáp lại vốn đã tu tập nên để đối quả. Dịch Thiền là Công đức tòng lâm, đây là đối chung nhân quả. Như công là công phu do đó đối nhân, chứa công thành đức dùng để đối quả. Như muôn hạnh là đối nhân, muôn đức là đối quả. Nhân quả hợp dịch nên gọi là Công đức tòng lâm. Thí như hiển công đức chẳng phải một. Vì sao? Như nhiều cỏ cùng nhóm họp gọi là Tòng, các cây cối nương nhau gọi là lâm. Bụi cỏ nhỏ có thể dụ cho công nhỏ trong nhân, rừng cây lớn có thể dùng để đối đức lớn của quả trên. Đây mà suy thì công đức tòng lâm đối nhân quả, nghĩa đó rất tiện; - Nếu giải thích chung Thiền, ba từ dịch ấy đều đối nhân quả, vì sao? Vì tịnh lự trong định tức là Tư duy, thừa trên ích dưới, nên gọi là Tu. Đây là dùng số người trong chín tu, thừa tu nghĩa ở trên làm loại. Trong quả cũng được nói tư duy, trong nhân cũng được nói định. Như mười đại địa tâm số, trong nhân cũng được nói định. Như mười đại địa tâm số, tán tâm còn được nói định, huống chi là hành giả chuyên tâm thúc niệm, giữ một chẳng tan mà chẳng gọi là định ư? Cho nên biết trong nhân cũng được nói là định. Trong nhân cũng được gọi là công đức tòng lâm, công trong nhân nghĩa trước đã nói. Do vận công cho nên liền thành đức, thành nhân. Nghĩa đức trong quả cũng như trước nói. Nói công tức là công dụng, trên quả có tịch tịnh lìa lỗi, có dụng thần thông biến hóa lợi ích chúng sinh, nên gọi là công, nhân và quả đều là các công đức thiện tạo thành, gọi chung là công đức tòng lâm. Lại nữa, trong các kinh luận, dịch tên lập nghĩa khác nhau. Hoặc nói thiền là bỏ ác, hoặc nói tật đại tật trụ đại trụ, chỗ như thế khác nhau, không thể riêng chấp; hai là phiên thích từ ngữ bất cộng, tức là Ba-la-mật, cũng có hai ý: Một là dịch tên; hai là giải thích. Dịch tên, lược nêu ba dịch khác nhau; Một là trong các kinh luận phần nhiều dịch là Đáo bỉ ngạn; Hai là trong luận Đại thừa riêng dịch là sự rốt ráo; Ba là trong kinh Thụy Ứng dịch là Độ Vô Cực. Giải thích ba từ dịch này, cũng có hai ý chung và riêng đều đối sự lý danh nghĩa: Một là giải thích riêng. Sinh tử là bờ này, Niết-bàn là bờ kia. Phiền não là giữa dòng sông, Bồ-tát dùng diệu tuệ vô tướng ngồi thuyền bè thiền định từ bờ sinh tử bên nầy mà vượt sang bờ Niết-bàn bên kia. Cho nên y cứ lý định để nói về Ba-la-mật. Nói sự rốt ráo tức là Bồ-tát Đại Bi vì chúng sinh khắp tu tất cả sự hạnh đầy đủ. Nên Luận Đại thừa nói: Bồ-tát nhờ thiền mà rốt ráo được các sự. Thiền ở trong tâm Bồ-tát gọi là Ba-la-mật. Đây là y cứ vào sự hạnh mà nói Ba-la-mật. Nói Độ vô cực, nói chung sự lý đều có nghĩa sâu xa. Hợp mà nói nên

gọi Độ vô cực. Ở đây y cứ sự lý hạnh mãn mà nói Ba-la-mật; Hai là giải thích chung ba từ dịch, đều được đồng đối sự lý, đều tùy duyên hóa vật nên đặt tên khác. Vì sao? Vì nếu nói tuệ vô tướng vượt qua sinh tử nên thuộc về lý hạnh. Nay nói trong lý có Phật, không Phật, tánh tướng luôn thường, há luận tuệ vô tướng mà vượt được sinh tử, hoàn toàn là ở sự mà nói thế. Sự rốt ráo cũng từ lý mà đặt tên. Nếu duyên lý mà khởi sự hạnh thì phải biết nói sự rốt ráo cũng là y cứ lý mà gọi Ba-la-mật. Độ vô cực cũng chưa ắt một bề ở sự lý vô cực mà gọi Ba-la-mật. Vì sao? Chư Phật tùy duyên lợi vật ẩn hiện bất định vô cực, hoặc lúc đối sự, hoặc lúc đối lý, đâu có tiêu chuẩn nhất định. Phải biết ba tên gọi ấy lý sự đều thông, chưa hẳn có sở thuộc riêng (thực riêng). Các thứ khác lệ theo mà biết. Giải thích nghĩa Ba-la-mật đến chương thứ mười kết hội quy thú sẽ nói riêng; Ba là phân biệt như trong luận Đại thừa nói. Hỏi rằng: Bối xa, Thắng xứ, Nhất thiết xứ, v.v... Vì sao chẳng gọi là Ba-la-mật mà gọi riêng Thiền là Ba-la-mật? Đáp: Thiền cao quý như vua. Nói thiền Ba-la-mật là đều nhiếp tất cả, là trong bốn thiền thì có tám Bối xả, tám Thắng xứ, mười Nhất thiết xứ, bốn Vô lượng tâm, năm thần thông, luyện Thiền Tự Tại Định, mười bốn tâm Biến hóa, Tam-muội Vô Tránh, Nguyện Trí Đảnh Thiền Thủ-lăng-nghiêm, v.v... các Tam-muội. Trăm thì có tám Chư Phật bất động, trăm thì hai mươi đều ở trong thiền. Nếu Chư Phật thành đạo, xoay bánh xe pháp, nhập Niết-bàn, v.v... có các công đức thắng diệu thì đều ở trong thiền. Nói thiền thì nhiếp tất cả, nếu nói các định khác thì có chỗ chẳng nhiếp, cho nên thiền gọi là Ba-la-mật. Lại nữa, trong bốn thiền thì Trí Định bằng nhau nên nói Ba-la-mật. Vị đáo địa Trung Gian Thiền thì trí nhiều mà định ít. Ở bốn Vô Sắc thì định nhiều mà trí ít, như bánh xe một mạnh một yếu thì không chuyên chở được. Còn bốn thiền thì trí định bằng nhau, nên nói là Ba-la-mật. Lại nữa, y cứ thiền mà nói Ba-la-mật, thì nhiếp tất cả các định. Vì sao? Vì Thiền, đời Tần dịch là Tư duy tu, các định này đều là Tư duy tu công đức. Phải biết các định đều được gọi là Ba-la-mật. Như trong Đại phẩm nói trăm Ba-la-mật, cũng nói Bối xả, Thắng xứ, v.v... đều gọi là Ba-la-mật. Chỉ ở bốn thiền thì căn bản trước nhận tên ấy đều chung cho các định khác. Hỏi: ở trên nói thiền định Tam-muội Ba-la-mật là đồng hay khác? Đáp: Nếu nói chung về danh nghĩa thì đều chung, nếu giải riêng về danh nghĩa bốn pháp thì đều có chủ đối. Vì sao? Vì bốn thiền căn bản chỉ gọi là thiền, không phải định Tam-muội, cũng chẳng gọi Ba-la-mật, Vô Sắc chỉ gọi là định, không phải thiền Tam-muội, cũng chẳng gọi là Ba-la-mật. Vị Đáo Địa thiền trung gian tuy không phải là chánh

thiền định, vì là phương tiện nên hoặc gọi là Thiền hoặc gọi là Định, không phải Tam-muội, cũng chẳng gọi Ba-la-mật. Không, vô tướng, v. v... chỉ gọi Tam-muội, không phải thiền định cũng chẳng gọi Ba-la-mật, bối xả, thắng xứ, sáu thông, bốn biện, v.v... có đủ ba pháp thiền, định, Tam-muội mà không gọi Thiền định Tam-muội, cũng không phải Ba-la-mật. Chín định thứ đệ có đủ ba pháp mà chỉ gọi là định, không gọi là Thiền Tam-muội, cũng không phải Ba-la-mật. Có Giác có Quán và Sư Tử, siêu việt, Vô Tránh, v.v... cũng đủ ba pháp mà chỉ gọi là Tam-muội, không gọi là Thiền định, cũng không phải Ba-la-mật. Nguyện Trí Đảnh, v.v... có đủ ba pháp mà chỉ gọi là Thiền, không gọi là Định Tam-muội, cũng không phải Ba-la-mật. Chín thứ Đại thiền và Thủ-lăng-nghiêm, v.v... đều có đủ bốn pháp, cũng gọi là thiền, là định, là Tam-muội, tức là Ba-la-mật. Nếu dùng tâm Thủ-lăng-nghiêm vào ba pháp trước, thì tất cả đều gọi là Ba-la-mật. Cho nên trong trăm Ba-la-mật, tất cả pháp môn đều gọi là Ba-la-mật. Nay lược đối bốn pháp phân biệt như trước. Nếu các bậc Đại Thánh khéo léo tùy duyên lợi ích chúng sinh thì nói không có tiêu chuẩn nhất định mà giải thích, v.v... cho nên trong các kinh luận đặt tên khác nhau, ý nói khó thấy, chẳng thể lầm chấp. Mà trong kinh luận phần nhiều đều y cứ thiền mà nói Ba-la-mật là vì bốn thiền căn bản là gốc các hạnh, tất cả công đức nội hạnh đều do bốn thiền mà phát, đều nương bốn thiền mà trụ. Do đó riêng thiền được gọi là Ba-la-mật. Hỏi: Thiền Ba-la-mật chỉ có một tên, sao lại có tên gọi khác? Đáp: Như trong kinh Niết-bàn nói: Nói Phật tánh là có năm tên cũng gọi là Thủ-lăng-nghiêm, hay Bát-nhã, hay Trung đạo, hay Tam-muội Kim Cương Đại Niết-bàn, hoặc Thiền Ba-la-mật, tức là Phật tánh. Cho nên biết chỗ nói trong các kinh kia các thứ pháp môn thắng diệu có vô lượng tên, nhưng đều là tên khác mà đều là thiền Ba-la-mật. Cho nên Luận Đại thừa có kệ rằng:

Bát-nhã là một pháp
Phật nói các thứ tên
Tùy các loại chúng sinh
Mà đặt nhiều tên khác
Nếu người được Bát-nhã
Tâm hý luận đều diệt
Thí như mặt trời mọc
Sương mù đều tan biến.

Dùng đây so sánh qua bài kệ này tên thiền há chẳng chung khắp. Nếu thiền định ấy chẳng nhiếp đầy đủ tất cả các pháp thì không phải là

rốt ráo, đâu được gọi là nghĩa Ba-la-mật.

Hỏi: Các pháp thật tướng Thủ-lăng-nghiêm và đến bờ kia, v.v... chỉ có Phật mới gọi là rốt ráo. Vì sao việc làm thiền định của Bồ-tát lại gọi là Ba-la-mật?

Đáp: Vì trong nhân nói quả, tùy phần mà nói. Cái gọi là nói phát tâm và rốt ráo hai thứ của đốn giáo chẳng khác nhau. Vì nhiều nghĩa như thế cho nên Bồ-tát thực hành thiền định cũng được gọi là Ba-la-mật.

CHƯƠNG III: NÓI THIỀN MÔN CỦA BA LA MẬTt:

Hành giả khéo tìm tên gọi thì sẽ tự biết thể. Nếu muốn tiến tu, thì phải nhờ môn mà vào. Nay lược nói môn của thiền, có ba ý: Một là nêu môn thiền, hai là giải thích, ba là phân biệt. 1. Nêu môn thiền là nếu tìm kinh luận nói về thiền môn thì nhiều vô lượng. Nhưng về căn bản thì chỉ có hai thứ là sắc và tâm (danh). Như trong Đại thừa nói kệ rằng:

Đối tất cả các pháp
Chỉ có danh và sắc
Nếu muốn quán như thật
Cũng phải quán danh sắc
Tuy si tâm nhiều tưởng
Phân biệt đối các pháp
Không có một pháp nào
Ở ngoài danh và sắc.

Nay đối với môn sắc lại chia làm hai, như trong kinh nói có hai môn cam lộ: Một là môn Quán bất tịnh, hai là môn A-na-ba-na, tâm môn chỉ có một môn, như trong kinh nói quán được tâm tánh gọi là Thượng định, mở sắc riêng với tâm. Ở đây thì thiền môn có ba: Một là môn thiền Thế gian, hai là môn thiền Xuất thế gian, ba là môn thiền Xuất thế gian Thượng thượng. Cho nên kinh Đại Tập chép: Có ba thứ nhiếp tâm: Một là nhiếp tâm Xuất pháp, hai là nhiếp tâm Diệt pháp, ba là nhiếp tâm Phi xuất phi diệt pháp. 2. Giải thích, trong môn nầy đều có hai ý chung và riêng: 1. Riêng nói môn, môn là năng thông như môn (cửa) ở đời thông người đến chỗ. Một lấy hơi thở làm thiền môn, nếu nhân hơi thở mà nhiếp tâm thì thông với hành tâm, đến bốn thiền, bốn không, bốn tâm vô lượng, mười sáu đặc thắng, thông minh, v.v... các thiền tức là môn thiền Thế gian, cũng gọi là nhiếp tâm Xuất pháp. Đây một bề cứ y thiền môn phàm phu; Hai là dùng sắc làm thiền môn. Như nhờ quán bất tịnh, v.v... mà nhiếp tâm thì thông được hành tâm.

Còn chín tưởng, tám niệm, mười tưởng, Bối xả, Thắng xứ, Nhất thiết xứ, Thứ đệ định, Sư tử phấn tấn, Tam-muội Siêu việt, v.v... tức là môn thiền xuất thế gian, cũng gọi là nhiếp tâm Diệt pháp, một bề cứ nương vào Nhị thừa thiền môn; Ba là dùng tâm làm thiền môn. Nếu dùng trí tuệ phản quán tâm tánh thì thông được hành tâm. Còn các Đại Tam-muội Pháp Hoa, niệm Phật Bát-Chu, Giác Ý, Thủ-lăng-nghiêm và Tự Tánh Thiền, cho đến Thanh Tịnh Tịnh Thiền, v.v... là môn thiền Xuất thế gian thượng thượng, cũng gọi là nhiếp tâm Phi xuất phi diệt pháp. Ở đây cứ một bề y cứ vào Bồ-tát thiền môn, vì nghĩa ấy nên y cứ ba pháp làm môn: Một là như pháp tướng, hai là tùy tiện thay đổi, ba là nhiếp hết các pháp.

1) Như pháp tướng: như kinh Đại Tập nói thời Ca-la-la có ba việc: một là Mạng, hai là Noãn, ba là Thức. Hơi thở ra vào gọi là Thọ mạng, chẳng thúi chẳng rã gọi là Noãn (ấm) tức là nghiệp giữ hỏa đại; các sắc đại địa thủy, v.v... thúi rã. Trong đây tâm ý gọi là thức, tức là tâm hay biết từng sát-na. Ba pháp ấy hòa hợp từ sinh ra đến lớn lên không thêm không bớt. Người ngu trong ấy không hiểu bèn vọng chấp ngã nhân, chúng sinh v.v... làm các nghiệp hành, tâm sinh đắm nhiễm, do nhân duyên điên đảo mà qua lại ba cõi. Nếu tìm về nguồn cội thì chẳng ngoài ba pháp nầy. Cho nên ba pháp là môn chẳng nhiều chẳng ít.

2) Tùy tiện thay đổi: nên lập ba pháp làm môn. Như do hơi thở tu thiền thì có hai thứ tiện: Một là mau được thiền định, hai là dễ ngộ vô thường. Nếu lấy sắc làm môn, cũng có hai thứ tiện: một là dứt được tham dục, hai là dễ biết luống dối. Nếu tâm làm môn cũng có hai thứ tiện: một là hàng phục tất cả phiền não, hai là dễ ngộ lý không.

3) Nhiếp hết các pháp: Ba pháp nầy là căn bản thiền môn. Vì sao? Vì nêu cốt yếu nói ba, mở ra thì vô lượng. Như trong Tức môn (hơi thở) có sổ có tùy, hoặc có khi quán hơi thở, như thế chẳng phải một, chỗ đến cũng khác. Như trong sắc môn hoặc duyên sắc ngoài hoặc duyên sắc trong, hoặc làm từ bi, hoặc duyên tướng Phật cho đến hiểu được thật quán, như thế chẳng phải một, chỗ đến cũng khác. Như trong tâm môn, hoặc chỉ hoặc quán, hoặc giác hoặc liễu, hoặc biết rõ các tâm mà vào phi tâm, biết rõ phi tâm mà có ra vô lượng tâm, hoặc biết rõ phi tâm phi bất tâm, biết tất cả tâm và phi tâm, như thế mà duyên tâm khác nhau. Chỗ đến cũng chẳng phải một, cho nên nói ba môn nhiếp tất cả thiền môn. Việc nầy đến chương bảy - tám giải thích tu chứng mới thấy rõ. Hai là gọi chung ba môn. Ba pháp nầy được làm chung các thiền môn thế gian, xuất thế gian và xuất thế gian thượng thượng, v.v... Vì sao?

Vì như một tức pháp bất định chỉ thuộc môn thiền thế gian. Vì sao biết được? Như trong Tỳ-ni, Phật vì đệ tử Thanh văn nói quán hơi thở, v.v... mười sáu hành pháp. Đệ tử theo lời dạy mà tu đều được Thánh đạo. Cho nên biết cũng là môn thiền xuất thế gian, tức là môn Đại thừa. Như Đại phẩm nói A-na-ba-na tức là Bồ-tát Đại thừa. Cho nên kinh Thỉnh Quan Âm y cứ Sổ tức mà nói về Lục Tự Chương Cú, nói ba thừa được đạo. Ở đây đâu thể chỉ là thiền thế gian. Hai là sắc pháp làm môn, cũng chẳng được chỉ là chỗ làm của Nhị thừa mà chẳng chung với Đại thừa và phàm phu ngoại đạo. Vì sao? Vì như trong Niết-bàn chép: Ngoại đạo chỉ có thể trị sắc chẳng thể trị tâm, còn đệ tử ta thì khéo trị tâm, cho nên biết phàm phu cũng được quán sắc Đại thừa, về quán sắc như trong Đại phẩm nói: Tưởng sình chương, tưởng rã nát, v.v... là Bồ-tát Đại thừa. Đây đâu thể chỉ là thiền xuất thế gian ư? Ba là y cứ tâm làm môn, cũng chẳng được y cứ vào Bồ-tát. Vì sao? Như ngoại đạo cũng quán tâm mà khởi bốn mươi tám kiến, phàm phu duyên tâm vào bốn không thông. Người Thanh văn như kinh Niết-bàn chép: Đệ tử ta khéo trị tâm, lìa được ba cõi. Đây đâu chỉ là môn thiền xuất thế gian thượng thượng. Phải biết ba môn thông nhau, chỉ có ba thứ người dụng tâm khác nhau, cho nên phát thiền được đạo cũng đều khác nhau. Nghĩa này đến chương chín nói từ thiền Ba-la-mật khởi giáo phải phân biệt rộng. Thứ ba là phân biệt hai môn chung riêng. Hỏi: Nếu thế, vì sao phân biệt như trước? Đáp: Tất cả nghĩa lý có chung có riêng, giáo môn đối duyên làm lợi ích chúng sinh khác nhau, nên nói khác không lỗi. Lại nữa, trước không phải nói Liễu nghĩa chẳng nên chấp nhất định. Hỏi: Ba môn đều được thông. Nay ở sự sổ tức mà học thì có được chứng chín tưởng, tám bối xả, tự tánh, v.v... các thiền hay chăng? Đáp: Hoặc được hoặc chẳng được. Người sơ học chẳng được Nhị thừa, người học tự tại định thì được Bồ-tát, người đầy đủ phương tiện Ba-la-mật thì tùy ý vô ngại. Hỏi: Vì sao nói người sơ học chẳng được? Có người sổ tức mà phát chín tưởng, bối xả, niệm Phật từ tâm, ở đây vì sao? Đáp: Đây là phát duyên xưa chẳng chánh, nhờ tu mà được chứng, duyên hết thì cũng mất hết chẳng tiến, chẳng hề thành tựu pháp môn thứ lớp. Sau hết trong nội phương tiện nói phát tướng gốc lành phải phân biệt rộng. Hai môn kia giống như thế rất dễ biết.

■

THÍCH THIỀN BA-LA-MẬT THỨ ĐỆ PHÁP MÔN

QUYỂN 1
(PHẦN 2)

CHƯƠNG IV: NÓI VỀ GIẢI THÍCH THEO THỨ LỚP THIỀN BA LA MẬT:

Hành giả đã biết tướng của thiền môn, Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến lúc thành quả Phật, tu tập thiền định từ cạn đến sâu, thứ lớp cấp bậc là nghĩa phải biết. Nay lược lấy ý kinh luận giáo chọn lựa thứ lớp. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Đại Bồ-tát, thứ đệ hạnh, thứ đệ học, thứ đệ đạo. Nói về thứ lớp thiền định có hai ý: Một là chánh nói thứ lớp các thiền; Hai là phân biệt phi thứ đệ. 1. Chánh giải thích nghĩa thứ lớp các thiền. Hành giả từ đầu trì giới thanh tịnh, chán sợ cõi dục, hệ niệm tu tập A-na-ba-na, vào định cõi dục, nương định cõi dục mà được Vị đáo địa. Y Vị đáo địa như thế mà thứ lớp được Sơ thiền, cho đến Tứ thiền. Đó gọi là nội sắc giới định. Kế là Đại công đức duyên ngoại chúng sinh, được lạc hoan hỷ. Thứ lớp được bốn tâm vô lượng, đó gọi là ngoại sắc giới định. Tám thứ thiền định nầy tuy duyên cảnh nội ngoại, vào định có khác nhưng đều thuộc cõi sắc. Hành giả ở Tứ thiền chán sợ sắc như tù ngục, diệt hai thứ sắc nội ngoại trước, nhất tâm duyên không mà vượt qua được nạn sắc nên được định Tứ không xứ, đó gọi là định cõi vô sắc. Mười hai môn thiền nầy đều là pháp hữu lậu. Kế đây phải nói thiền vừa có hữu lậu, vừa vô lậu. Hành giả đã được căn thiền bản rồi, là muốn dứt trừ kiến trước trong thiền này. Kế lại từ cõi dục mà tu sáu Diệu Môn. Vì sao? Vì trong sáu Môn này, Sổ - Tùy - Chỉ là phương tiện nhập định, còn Hoán - Hoàn - Tịnh là tuệ phương tiện. Định Ái tuệ sách. Vì ái nên nói hữu lậu, vì sách nên nói vô lậu. Sáu pháp này phần nhiều là Vị đáo địa của cõi dục đầy đủ trong bốn thiền. Cũng có Chí Thượng Vô Sắc Địa. Kế phải nói mười sáu đặc thắng. Ngang thì đối bốn niệm xứ, Dọc thì từ cõi Dục cho đến Phi tưởng. Chỉ trong từng địa là lập quán phá chiết, cho nên sinh ra vô lậu. Kế là phải nói thông minh quán, mười sáu đặc thắng

trước quán chung cho nên thô. Nay thông minh quán riêng cho nên tế. Thiền này cùng từ cõi dục đến phi tưởng, cho đến nhập diệt định. Ba thứ thiền này cũng gọi là Tịnh thiền trong năm thứ thiền, cũng thuộc thiền căn bản. Nay nói tướng thứ lớp của thiền vô lậu, có hai ý khác nhau: Một là Hành hạnh thứ đệ; Hai là Tuệ hạnh thứ đệ.

Hành hạnh thứ đệ là quán luyện huân tu, trước nói thứ lớp quán thiền, có sáu thứ thiền: Trước tu chín tưởng, trước vô lậu dùng đây đối trị mà phá phiền não cõi dục, cho nên kế là tám niệm là trừ tâm sợ hãi khi tu chín tưởng, kế là mười tưởng, đã hoại pháp nhân ở Dục tu mười tưởng nầy mà dứt phiền não ba cõi. Cho nên kế là tám Bối xả, chẳng hoại pháp nhân, tu quán thiền nầy để đối trị kiến ái trong định căn bản ở ba cõi. Cho nên kế là nói tám thắng xứ, vì trong các thiền định quán duyên được tự tại. Kế nói mười Nhất thiết xứ, vì muốn trong các thiền định khiến sắc tâm trùm khắp, cho đến tu sáu thần thông. Do đó thuộc quán thiền. Kế nói luyện thiền, tức là chín định thứ đệ gồm chung hai thứ thiền định quán ở trước khiến tâm điều nhu. Khi nhập vào các thiền thì tâm tâm thứ lớp vô gián (không xen hở), và ba thứ Tam-muội có giác, có quán, v.v... đều thuộc về Luyện thiền. Kế là nói Huân thiền, Huân thiền tức là Tam-muội Sư Tử Phấn Tấn, thứ lớp thuận nghịch ra vào huân tu các thiền, khiến định quán rõ ràng thuần thục, thêm nhiều công đức. Kế nói tu thiền. Tu thiền tức là Tam-muội Siêu Việt, ở trong các thiều siêu việt ra vào, là được giải thoát vô ngại tự tại. Do đó kinh Đại Phẩm chép: Đại Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, lấy thiền Ba-la-mật, trừ Tam-muội của Chư Phật vào tất cả Tam-muội khác, như Tam-muội của Thanh văn, như Tam-muội của Bích-chi-phật, như Tam-muội của Bồ-tát, đều làm đều vào. Tất cả Tam-muội khác là định căn bản. Như Tam-muội Thanh văn, ba mươi bảy phẩm không, vô tướng, v.v... ba thứ Tam-muội là bốn đế mười sáu hạnh. Như Tam-muội của Bích-chi-phật là mười hai nhân duyên Tam-muội. Tam-muội của Bồ-tát là tự tánh thiền v.v... đều gọi Tam-muội. Bồ-tát ấy trụ các Tam-muội mà nghịch thuận ra vào tám Bối xả. Y theo tám Bối xả mà nghịch thuận ra vào chín định Thứ đệ, y chín Thứ đệ định mà nghịch thuận ra vào Tam-muội Sư Tử Phấn. Bồ-tát ấy y theo các Tam-muội được các pháp tướng đều bằng đây, bắt đầu là hạnh Nhị thừa, hạnh và thiền đầy đủ. Vì sao? Vì Đại A-la-hán cũng được Tam-muội siêu việt; Hai là nói tướng thứ lớp của tuệ hạnh vô lậu. Do nghe bốn đế liền tu ba mươi bảy phẩm. Kế vào ba môn giải thoát, kế dùng mười sáu hạnh quán phân biệt bốn đế, kế đủ mười trí vô lậu căn, thành tựu chín tu, được chín đoạn. Như đây lược

nói chỗ làm tuệ hạnh vô lậu của Thanh văn. Kế phải nói mười hai nhân duyên quán môn. Tức là chỗ làm vô lậu tuệ hạnh của Bích-chi-ca-la. Nếu Bồ-tát thứ lớp thành tựu. Học và vô học của Nhị thừa được trí đoạn. Đó gọi là từ giả vào không, quán chung đầy đủ. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng năng lực phương tiện từ Càn Tuệ địa vào Tánh địa, tám thứ (vào) Nhân địa, Kiến địa, Ly dục địa, A-la-hán, Bích-chi-phật địa, đều làm đều vào chẳng thủ chứng. Kế là nói thứ lớp bất cộng thiền của Bồ-tát: Một là Tự tánh thiền, hai là Nhất thiết nghĩa thiền, ba Nạn thiền, bốn là Nhất thiết môn thiền, năm là Thiện nhân thiền, sáu là Nhất thiết hạnh thiền, bảy là Trừ não thiền, tám là Thử thế tha thế lạc thiền, chín là Thanh tịnh tịnh thiền. Bồ-tát nương theo các thiền ấy mà được quả Đại Bồ-đề, đầy đủ tất cả Phật pháp như mười lực, bốn vô sở úy, mười tám bất cộng, v.v... Đây thì nói lược Bồ-tát từ mới phát tâm tu thiền, thứ đệ hạnh, thứ đệ học, thứ đệ đạo cho đến Phật địa, gọi là trụ trong hang sâu thiền định đại Niết-bàn. Nghĩa này đến chương bảy có giải thích tu chứng, chương tám hiển bày quả báo mới luận rõ.

Hỏi: Bồ-tát Đại sĩ vì thông suốt các thiền cạn sâu, đầy đủ tất cả Phật pháp thứ đệ hạnh, thứ đệ học, có thể nói như trên. Nay hành giả khi mới học thiền là phải một bề y thứ lớp như trên mà tu, hay không phải như thế?

Đáp: Nay lại muốn nói tướng cạn sâu của các thiền, một phen ở đây thứ lớp phân biệt. Nếu nói về người sơ tâm mới học tùy chỗ ưa thích liền phải đối trị mà dễ vào Nê-hoàn, từ các thiền phương tiện sơ môn mà tu, không cần phải cố định mỗi việc y thứ lớp như trước. Nghĩa này đến nội phương tiện an tâm thiền môn mới phân biệt rộng. Hai là phân biệt phi thứ đệ.

Hỏi: Bồ-tát tu thiền là một bề y theo thứ lớp hay tu thiền không theo thứ lớp? Đáp: Ở đây có bốn: Một là nói thứ lớp, hai là nói không có thứ lớp, ba là nói thứ lớp mà không phải thứ lớp, bốn là nói không phải thứ lớp mà thứ lớp. 1- Nói có thứ lớp, như trên nói: Kinh Đại Phẩm nói Bồ-tát thứ đệ hạnh, thứ đệ học, thứ đệ đạo; 2- Nói không phải thứ lớp, như Bồ-tát tu các Tam-muội Pháp Hoa, Nhất Hạnh v.v..., quán giải thoát bình đẳng, không sâu không cạn, nên gọi là không phải thứ lớp. Như kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Làm đạo lớn thẳng tắt không lưu nạn; 3- Nói thứ lớp mà không phải thứ lớp, là như trong Đại Phẩm Tu-bồ-đề bạch Phật có thứ lớp tâm phải hành Bát-nhã, phải sinh Bát-nhã, phải tu Bát-nhã chăng? Phật bảo Tu-bồ-đề rằng: Thường chẳng lìa Tát-bà-

nhã mà thực hành Bát-nhã, mà sinh Bát-nhã, mà tu Bát-nhã; 4- Nói không phải thứ lớp mà thứ lớp, là như Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Tất cả các pháp đều không có tự tánh, vì sao Bồ-tát lại được từ một địa này lên một địa khác? Phật bảo Tu-bồ-đề rằng: Vì các pháp là Không, nên Bồ-tát được từ một địa này đến một địa khác. Hỏi: Nay đối với bốn câu nầy chỉ nói Bồ-tát, cũng được chung cho Nhị thừa chăng? Đáp: Nhị thừa cũng được nói như thế. Vì sao? Vì biết có Thanh văn khi mới phát tâm đã thực hành hạnh từ Căn bản sơ thiền mà tu, cho đến siêu việt thiền mới được quả A-la-hán. Ấy là thứ lớp. Hoặc có Thanh văn nghe nói thiện lai mà cùng lúc được đầy đủ ba minh, tám giải thoát, v.v... ấy là không phải thứ lớp. Hoặc có Thanh văn khi tu hạnh thứ lớp liền dùng tuệ hạnh, khéo quán thứ lớp tánh không, từ sơ tâm cho đến được A-la-hán, đó gọi là thứ lớp mà không phải thứ lớp; Hoặc có Thanh văn từ khi mới phát tâm liền tu tuệ hạnh, phát Tam-muội điển quang mà được bốn quả, nhưng chưa đủ các thiền, vì muốn đầy đủ công đức hữu vi. Thứ lớp tu năm thiền định đầy đủ tức là chẳng phải thứ lớp mà thứ lớp. Nghĩa này đến chương bảy giải thích tu chứng và chương tám hiển bày quả báo đến hết mười ý thì sẽ rõ.

CHƯƠNG V: PHÂN BIỆT TÂM PHÁP CỦA THIỀN BA LA MẬT:

Đã lược nói giải thích theo (thứ lớp) các thiền xong, nhưng tướng tâm pháp trong các thiền cũng phải biết rõ. Ở đây có ba ý: Một là nói về pháp; hai là nói về tâm; ba là phân biệt sự khác nhau giữa tâm và pháp.

1. Nói về pháp, pháp có bốn thứ: 1. Pháp hữu lậu; 2. Pháp vô lậu; 3. Pháp vừa hữu lậu vừa vô lậu; 4. Pháp chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. 1. Pháp hữu lậu, tức là mười thiện căn bản bốn thiền, chúng sinh duyên bốn tâm vô lượng, bốn không định, v.v... Vì sao? Vì mười hai môn thiền nầy, thể nó không phải là pháp quán tuệ, chẳng thể sois rõ để dứt ác phiền não. 2. Pháp vô lậu là chín tưởng, tám niệm, mười tưởng, bối xả, thắng xứ, Nhất thiết xứ, Thứ đệ định, Sư tử phấn tấn, Tam-muội Siêu việt, Tứ đế, mười sáu hạnh, mười hai nhân duyên, duyên bốn tâm Vô lượng, ba mươi bảy phẩm, ba thứ Tam-muội v.v... cho đến Nguyện trí đảnh thiền, mười một trí, ba căn vô lậu, v.v... các định vô lậu. Vì sao? Vì trong các thiền này đều có đối trị quán tuệ đầy đủ, dứt trừ ba lậu. 3. Cửa hữu lậu vừa vô lậu, là sáu diệu môn, mười sáu đặc thắng, thông minh, v.v... Vì sao? Vì trong ba thiền này tuy có quán tuệ nhưng lực dụng

yếu kém, nên gọi vừa hữu lậu vừa vô lậu. 4. Chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, là một trăm lẻ tám Tam-muội như Pháp Hoa Tam-muội, Bát Chu Niệm Phật, Thủ-lăng-nghiêm, v.v... chín thứ thiền như tự tánh thiền, v.v... cho đến Vô duyên đại từ đại bi, mười Ba-la-mật, bốn trí vô ngại, mười tám không, mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, trí Nhất thiết chủng, v.v... Vì sao? Vì tu các pháp ấy chẳng rơi vào hai biên, cho nên nói chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu. Hỏi: Vì sao nói các pháp như Pháp Hoa Tam-muội, v.v... đều gọi là chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu? Như trong Pháp Hoa chép: Bồ-tát Đức Tạng đối với vô lậu thật tướng tâm đã thông suốt, sau sẽ thành Phật hiệu là tịnh thân. Lại như vô úy thứ hai trong bốn vô úy gọi là vô lậu vô úy. Các pháp như thế trong các kinh luận đều nói là vô lậu. Nay vì sao đều nói là chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu? Đáp: ở đây muốn phân biệt Bồ-tát và Chư Phật có Trung đạo và pháp bất cộng. Phải thực hành phân biệt này, như phàm phu chuyên y hữu lậu, làm sao khỏi được lỗi hai bên, chính là xếp vào pháp Trung đạo, không phải hai bên, nên nói chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. Hai cách nói này lời khác mà ý đồng, nên không trái nhau. Nếu nói (về) lý tánh, thì tất cả đều gọi là pháp chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Sắc không buộc không thoát cho đến trí Nhất thiết chủng cũng không buộc không thoát. Lý đã không buộc không thoát thì hạnh xứng lý há chẳng đồng gọi là không buộc không thoát. Không buộc không thoát là tên khác của chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. Hỏi: Phân biệt định tuệ làm bốn câu thì như thế, còn giới thì thế nào? Đáp: Từ mười thiện, ba quy y, năm giới cấm, tám trai giới, mười giới Sa-di, hai trăm năm mươi giới của Đại Tỳ-kheo, mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh của Bồ-tát, cũng được làm bốn câu mà phân biệt nghĩa nó v.v... nay chẳng thể giải thích đủ. Hỏi: Chương bốn ở trên nói giải thích (thứ lớp) của thiền, và ở chương bảy nói về tu chứng đều trước nói hữu lậu, kế nói vừa hữu lậu vừa vô lậu, kế nói vô lậu, kế nói chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu, nay phân biệt bốn câu sao nói trước sau khác nhau, lấy câu thứ ba làm thứ hai? Đáp: Trước sau đều y cứ tu hành vào chứng để làm thứ lớp. Nay muốn phân biệt tướng pháp tâm nên phải y cứ câu lời cho tiện, cũng vì trong kinh luận đều nói bốn câu như thế. Vì khi làm chẳng phải khi nói, khi nói chẳng phải khi làm, nghĩa này rất dễ hiểu.

2. Nói về tâm, có bốn tâm: Một là tâm hữu lậu, hai là tâm vô lậu, ba là tâm vừa hữu lậu vừa vô lậu, bốn là tâm chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. 1. Tâm hữu lậu, tức là tâm phàm phu ngoại đạo, vì đủ ba

lậu nên gọi là tâm hữu lậu. Vì sao? Vì phàm phu ngoại đạo khi tu thiền định y cứ vào bốn thời mà phân biệt vì chẳng lìa được kết lậu. Thế nào là trong bốn thời mà phân biệt? Một là mới phát tâm khi muốn tu thiền chẳng thể chán sợ thế gian, vì muốn cầu vui trong thiền định và quả báo; Hai là khi đang tu thiền định chẳng thể phản chiếu quán sát nên sinh tâm chấp trước; Ba là khi chứng các thiền liền chấp là thật mà chẳng biết là luống dối, đối với các địa mà sinh tâm chấp trước; Bốn là xuất định, nếu đối các cảnh lại sinh kết nghiệp. Vì nhân duyên đó nên gọi là tâm hữu lậu; 2. Tâm vô lậu cũng y cứ bốn thời mà phân biệt: Một là y cứ người phát tâm, người Nhị thừa khi mới phát tâm muốn tu thiền định thì chán sợ thế gian, chẳng ưa thích vui thiền định và cầu quả báo, chỉ vì điều tâm thì lậu tâm tự nhiên yếu mỏng, chẳng khởi, do đây sẽ phát vô lậu; Hai là hành giả hành tùy chỗ tu thiền đều biết luống dối, hàng phục được kiến trước mà chẳng sinh kết nghiệp; Ba là người được chứng. Khi vào các thiền định, nếu ở trong định mà phát chân luận tuệ, dứt các phiền não, thì ba lậu dứt hẳn; Bốn là xuất định, tùy chỗ đối cảnh mà không sinh chấp trước, tạo các kết nghiệp. Vì nhân duyên ấy nên gọi là tâm vô lậu, hai thứ tâm trước tuy là hữu lậu mà làm nhân cho vô lậu. Trong nhân mà nói quả nên cũng gọi là vô lậu. 3. Tâm vừa hữu lậu vừa vô lậu, cũng y cứ bốn thời mà phân biệt: Một là y cứ người mới phát tâm. Hành giả này mới phát tâm khi muốn tu thiền thì bàng hoàng bất định, có lúc chán lìa sinh tử chẳng ưa thích các vui của thiền, có lúc sinh kiến trước trông mong vui định, ưa thích quả báo. Vì chán lìa nên kết nghiệp yếu mỏng, vì mong cái vui của định nên thêm lớn phiền não; Hai là y cứ hành giả hành, như khi người chẳng dứt mất gốc lành muốn tu thiền, người ấy tuy thành tựu năm pháp như tín, v.v... nhưng không được gọi là Căn. Vì không thể định phục các kiết sử nên gọi là cũng hữu lậu, vì sinh các thiện pháp như tín v.v... nên gọi là cũng vô lậu; Ba là y cứ người được chứng, bảy thứ người học khi vào thiền định, tuy phát chân trí nhưng kiết lậu chưa hết, nên gọi vừa hữu lậu vừa vô lậu cho đến thối pháp La-hán cũng có nghĩa này. Vì sao? Vì chưa được trí vô sinh nên gọi là cũng hữu lậu, vì được tận trì nên gọi là cũng vô lậu; Bốn là các người học xuất định, tùy đối các cảnh tùy chỗ dứt hoặc mà chỗ chưa dứt hết cũng sinh mê đắm, nên gọi là cũng hữu lậu. Dứt hoặc hết rồi tuy đối các cảnh nhưng kiết nghiệp không khởi nên gọi là cũng vô lậu. 4. Tâm chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, cũng y cứ bốn thời: Một là y cứ người phát tâm, Bồ-tát Đại sĩ mới phát ý muốn tu thiền mà chẳng vì sinh tử, chẳng vì Niết-bàn thì tâm chẳng rơi vào hai biên; Hai

là y cứ hành giả hành, khi Bồ-tát tu thiền Ba-la-mật, vì phước đức nên chẳng trụ vô vi, vì trí tuệ nên chẳng trụ hữu vi; Ba là y cứ người được chứng, khi Bồ-tát nhập vào các thiền định, nếu ở trong thiền là phát nhẫn tuệ Vô sinh, khi ấy tâm tương ưng với pháp tánh, chẳng đắm sinh tử, chẳng nhiễm Niết-bàn; Bốn là Bồ-tát xuất định thì tùy đối các cảnh tâm thường chẳng nương hai bên có, không. Vì nhân duyên ấy mà tâm Bồ-tát gọi là không phải hữu lậu, không phải vô lậu.

3. Phân biệt tâm pháp. Hỏi: Chư Phật nói tất cả pháp đều không, dứt hết các lời nói, như luận Đại thừa nói kệ rằng:

Bát-nhã Ba-la-mật
Thí như ngọn lửa lớn
Bốn bên chẳng thể lấy
Đốt tiêu hết tà kiến.

Nay vì sao làm bốn câu phân biệt, có rơi vào hý luận hay không? Đáp: Trong Phật pháp không chẳng thật có, vì đối với các pháp không chỗ ngại. Do đó không chẳng thật có. Nói tất cả các pháp mười hai bộ kinh, nay nói có bốn câu không lỗi. Ví như hư không tuy không thật có mà các vật nương vào đó mà lớn lên, như luận Đại thừa có kệ rằng:

Nếu tin các pháp không
Ấy là thuận theo lý
Nếu chẳng tin pháp không
Thì tất cả đều trái
Nếu cho vô là không
Không có sự tạo tác
Chưa làm đã có nghiệp
Chẳng làm có tác giả
Các pháp tướng như thế
Ai có thể suy lường
Chỉ có tâm ngay thẳng
Lời nói không nương tựa
Lìa các chấp có, không
Tâm tự nhiên lặng mất.

Nay vì mở phương tiện thấy biết cho hành giả phân biệt các thứ pháp môn nên trong không cú nghĩa mà nói cú nghĩa thì đối với lý không lỗi. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Không có cú nghĩa là cú nghĩa của Bồ-tát. Nếu ông muốn lìa bốn câu mà cầu giải thoát thì liền bị không cú nghĩa ràng buộc. Vì sao? Vì như nói có bốn câu, không bốn câu, vừa có vừa không bốn câu, chẳng phải có chẳng phải không bốn câu, ông còn

chẳng bị bộn câu buộc ràng, há là được khỏi bốn câu vừa có, vừa không, v.v... buộc ràng. Phải biết rõ cú và chẳng phải cú thì ở cú nghĩa chẳng ngại mà được giải thoát. Chẳng phải lìa cú mà cầu thì ở không cú mà được giải thoát. Như Thiên nữ trách Thân tử (Xá-lợi-phất) rằng: Không lìa văn tự mà nói giải thoát. Văn tự tánh lìa tức là tướng giải thoát. Lại nữa, nay nói pháp hợp với tâm làm tám câu, lần lượt phân biệt thì có ba mươi sáu câu. Nếu càng nhỏ nhặt mà nói thì có vô lượng câu. Nếu đối với một câu mà thông suốt tất cả câu thì ở đây luận như hư không chẳng có bờ mé. Hỏi: Nếu thế vì sao chẳng y cứ pháp tâm làm thành năm câu. Đáp: Chư Phật ra đời đối duyên mà hóa vật. Giáo môn phần nhiều đều y cứ bốn câu, như trong luận Đại thừa nói có bốn thứ tất-đàn: Một là tất-đàn thế giới, hai là tất-đàn vì người, ba là tất-đàn đối trị, bốn là tất-đàn Đệ nhất nghĩa. 1. Tâm pháp hữu lậu là tất-đàn thế giới; 2. Pháp tâm vô lậu là tất-đàn đối trị; 3. Pháp tâm vừa hữu lậu vừa vô lậu là tất-đàn vì người; 4. Pháp tâm chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu là tất-đàn Đệ nhất nghĩa. Trong ý nhiếp nhau tìm kỹ sẽ thấy. Lại nữa, luận Đại thừa lại ở trong tất-đàn Đệ nhất nghĩa mà biết bốn môn, như bài kệ sau:

Tất cả thật tất cả chẳng thật
Tất cả vừa thật, vừa không thật
Tất cả chẳng thật, chẳng không thật
Như thế đều gọi các pháp thật.

Như thế v.v... chỉ có bốn câu, không có câu thứ năm. Nay y cứ bốn câu mà nói pháp tâm có thể dùng loại nầy. Trong các kinh luận khác lập ra năm câu nói nghĩa riêng là có nhân duyên. Nay chỉ lấy một nghĩa tiện mà nói chẳng y cứ năm câu mà phân biệt.

Hỏi: Bốn thứ tâm pháp này, pháp vừa tâm có đồng khác gì. Như pháp hữu lậu, tâm hữu lậu. Tâm pháp này đều là hữu lậu hay đều chẳng phải hữu lậu, cho nên nói lậu. Nếu cả hai đều có thì khi hợp tâm pháp phải có hai pháp lậu khởi lên, nếu đều không thì hòa hợp cũng phải không.

Đáp: Nay chẳng được nói cả hai đều hữu lậu, cũng chẳng được nói cả hai pháp đều vô lậu. Vì sao? Vì nếu tâm tức lậu thì như A-la-hán khi lậu hết thì tâm phải hết, pháp cũng giống như thế. Vì sao? Vì nếu pháp nhất định là lậu, thì bậc Thánh vào bốn thiền căn bản cũng phải sinh lậu, khi bốn thiền nầy chưa hợp với tâm thì cũng phải là lậu. Nhưng bậc Thánh vào bốn thiền lại chẳng sinh lậu. Khi pháp bốn thiền chưa tương ưng với tâm thì cũng tự không có pháp hữu lậu sinh. Vì sao lại nói pháp tức là hữu lậu? Nay nói lậu nầy chẳng riêng ở pháp, cũng chẳng riêng ở tâm. Khi pháp hợp với tâm liền có lậu sinh. Vì có hữu lậu nên hai chỗ

đều được tên. Ví như thuốc tiên người uống vào thì liền được tiên, mà thuốc và người đều vốn chẳng phải tiên, thuốc và người hòa hợp thì liền có tiên. Cho nên thuốc chịu tên thuốc tiên, người chịu tên người tiên. Nếu thuốc chẳng do người thì chẳng gọi là thuốc tiên, người chẳng nhân thuốc thì chẳng gọi là người tiên. Pháp lậu, tâm lậu cũng giống như thế. Ba nghĩa pháp tâm kia cũng so đây mà hiểu. Cho nên A-nan nói bày Tỳ-kheo, vì Xá-lợi-phất mà nói kệ rằng:

Các pháp từ duyên sinh
Pháp nầy gọi nhân duyên
Pháp nầy khi duyên hết
Thầy ta nói như thế.

Lại nữa, nếu bảo pháp hữu lậu tự có pháp hữu lậu, nếu pháp hữu lậu do tâm hữu lậu nên có pháp hữu lậu. Nếu Phật hữu lậu chẳng do pháp chẳng do tâm nên có pháp hữu lậu. Chấp như đây thì e rơi vào tà kiến. Vì sao? Nếu bảo do pháp hữu lậu nên có pháp hữu lậu tức là hữu lậu tự tánh. Nếu là tự tánh pháp hữu lậu thì phải có lậu pháp vô cùng, vì tự tánh lại có tự tánh. Nay thật chẳng phải như thế. Nếu bảo pháp hữu lậu chẳng thể tự có, do tâm hữu lậu mà có thì tức là pháp hữu lậu tha tự tánh. Vì sao? Nếu pháp hữu lậu đợi tâm hữu lậu làm tự tánh thì nay tâm hữu lậu đợi pháp hữu lậu há chẳng phải là tha tánh. Nếu do tha tánh mà có pháp hữu lậu, tha tánh có pháp hữu lậu thì pháp hữu lậu lại là pháp hữu lậu, lại không có tâm pháp khác. Nếu tha tánh chẳng phải pháp hữu lậu thì chẳng phải pháp hữu lậu, sao lại có pháp hữu lậu được. Cho nên biết pháp hữu lậu chẳng ngoài tâm hữu lậu mà có. Nếu bảo pháp hữu lậu do pháp hữu lậu và tâm hữu lậu mà có, thì tức là cùng có, nếu là cùng có thì từ tánh tự tha mà có pháp hữu lậu. Nếu thế, thì một lúc phải có hai pháp hữu lậu. Nay thật chẳng phải thế. Cho nên biết không phải tự tha chung nhau mà có pháp hữu lậu. Nếu bảo lìa pháp hữu lậu, lìa tâm hữu lậu mà có pháp hữu lậu thì tức là không nhân duyên mà có pháp hữu lậu. Từ nhân duyên mà có pháp hữu lậu còn không được thay, huống là không có nhân duyên mà có pháp hữu lậu. Phá nhân thành giả nói rộng như chỉ quán. Có lậu tâm cũng giống như thế. Ba thứ tâm pháp kia cũng thế. Lại nữa, nếu pháp hữu lậu nhất định là pháp hữu lậu, pháp hữu lậu tức là pháp sinh diệt tiếp nối, là sinh cho nên sinh, hay là diệt cho nên sinh, là sinh diệt cho nên sinh, là lìa sinh lìa diệt mà được sinh. Nếu là sinh sinh tức là tự sinh. Nếu do diệt mà sinh thì tức là tha sinh. Nếu do sinh diệt cho nên sinh thì tức là cộng sinh, nếu lìa sinh diệt mà nói sinh, tức là vô nhân duyên mà sinh. Từ nhân duyên sinh còn chẳng

thật có, huống là vô nhân duyên mà sinh. Phải biết hữu lậu sinh rốt ráo chẳng thật có. Nếu vô sinh thì vô diệt, nếu vô sinh diệt tức là không có nối tiếp. Nếu không sinh diệt nối tiếp thì không có pháp hữu lậu. Phá tiếp nối giả, nói rộng như Chỉ quán. Tâm hữu lậu cũng giống như thế; Ba thứ tâm pháp kia cũng giống như thế. Lại nữa, nếu pháp hữu lậu là sinh, là sinh mà sinh, cho nên sinh hay chẳng sinh mà sinh cho nên sinh, là sinh chẳng sinh cho nên sinh, là chẳng phải sinh chẳng phải chẳng sinh cho nên sinh. Nếu sinh mà sinh thì là tự tánh sinh. Nếu chẳng sinh mà sinh tức là tha tánh sinh. Nếu sinh chẳng sinh mà sinh thì tức là cộng sinh. Nếu chẳng phải sinh chẳng phải chẳng sinh mà sinh tức là không nhân duyên sinh. Từ nhân duyên sinh còn chẳng thật có huống chi là vô nhân duyên mà sinh. Ấy là trong tương đãi giả mà cầu sinh pháp hữu lậu thì rốt ráo chẳng thật có. Nếu không sinh thì không có lậu phá tương đãi giả mà nói riêng như chỉ quán. Tâm hữu lậu cũng giống như thế. Ba thứ pháp tâm kia cũng như thế. Phải biết pháp hữu lậu ở nhân thành tiếp nối. Trong tương đãi đều có bốn câu, cầu rốt ráo chẳng thật có. Nếu chẳng thật có thì làm sao phân biệt. Nếu có pháp hữu lậu hoặc không có pháp hữu lậu mà nói pháp hữu lậu thì phải biết là chỉ có danh tự. Trong đó nhất định không có chỗ nương tựa mà sinh, các hý luận phá mất trí tuệ. Kế nói tâm hữu lậu cũng giống như thế. Nếu pháp tâm hữu lậu như thế, thì ba câu pháp tâm kia cũng giống như thế. Chỉ vì danh tự thế gian mà nói pháp danh tự, chẳng ở hai bên trong, ngoài và khoảng giữa, cũng chẳng thường từ tên có không mà gọi, nên nói là giả danh.

Hỏi: Nếu thế vì sao phân biệt pháp tâm khác nhau?

Đáp: Chỉ vì danh tự thế gian nên phân biệt pháp tâm khác nhau, trong đó là không có thật.

Hỏi: Vì sao đối với danh tự mà phân biệt pháp tâm khác nhau?

Đáp: Nếu biết pháp tâm là không thật có mà chỉ có danh, tự tại như trên mà phân biệt tướng pháp tâm thì không lỗi. Cho nên kinh Đại Phẩm nói: Tu-bồ-đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp thật tướng. Lại nữa, như tâm số là tâm vương hay tâm ba ấm thọ tưởng hành, và sắc ấm hay thức ấm, là pháp tâm tâm tương ưng hay pháp tâm bất tương ưng và sắc pháp, pháp vô vi hay tâm pháp, là tâm sở duyên hay pháp năng duyên, là tâm năng sinh hay pháp sở sinh, là cảnh tâm sở quán hay trí năng quán, là tâm pháp thành ở tâm hay tâm y ở pháp. Như v.v... trong các danh tự, các thứ phân biệt tâm pháp khác nhau. Tuy có sự phân biệt nầy nhưng đều như huyễn hóa không có chấp trước đồng quy về tướng một. Nghĩa này đến chương mười là kết hội quy thú sẽ giải thích rộng.

THÍCH THIỀN BA-LA-MẬT THỨ ĐỆ PHÁP MÔN

QUYỂN 2

CHƯƠNG VI: PHÂN BIỆT TIỀN PHƯƠNG TIỆN CỦA THIỀN BA LA MẬT:

Nếu hành giả thông suốt như năm chương luận trước nói tướng các thiền thì nội tín khai phát, nếu muốn an tâm học tập thì phải khéo biết phương tiện. Nay nói phương tiện tu thiền. Có hai phần: Một là ngoại phương tiện, tức là áp dụng tâm ngoài định; hai là nội phương tiện, tức là pháp dụng tâm trong định. Hai thứ này gọi chung là phương tiện, tên khác của khéo léo tu học. Người mới duyên tu khéo léo tu tập nên gọi là phương tiện. Nếu nói kỹ về ngoại phương tiện thì cũng thông với nội dụng định (dùng cho nội định). Nội phương tiện cũng có ngoại dụng định (dùng cho ngoài định). Nay nói theo phần nhiều thì phải phân biệt như trên.

1. Nói ngoại phương tiện, có năm thứ: Một là có đủ năm duyên, hai là quở trách năm dục, ba là bỏ năm cái, bốn là điều năm pháp, năm là làm năm pháp. Năm thứ này có năm thành hai mươi lăm pháp, đều là khi chưa được thiền, là tướng phương tiện mới tu tâm. Đủ năm duyên: Một là trì giới thanh tịnh, hai là cơm áo đầy đủ, ba là ở chỗ vắng lặng, bốn là dứt hết các duyên, năm là được thiện tri thức giúp. Đây là năm duyên tu thiền. Trì giới thanh tịnh, có ba ý: Một là nói có giới không giới, hai là trì phạm, ba là nói sám hối. Nói có giới không giới, là người xuất gia được thọ giới cấm gọi là có giới. Có ba ý: Một là nói phát giới cơ duyên khác nhau, gồm có mười thứ: một là tự nhiên được giới, tức là Phật, không có thầy mà tự phát; hai là tự thệ được giới tức như Ca-diếp, vốn là căn tánh Bích-chi, gặp Phật ra đời làm Thanh văn, mà đáp lời Phật rằng: Phật là thầy con, con là đệ tử Phật. Nói lời ấy xong thì liền phát giới; ba là thấy chân lý được giới, tức là năm vị như câu-lân, v.v... (Kiều-trần-như...) Phật vì xoay bánh xe pháp bốn đế, liền ngộ sơ quả, do đó phát giới; bốn là ba quy được giới. Lúc đó, chưa có yết-ma

nghe Phật nói ba lần liền phát giới phẩm, vì là lợi căn; năm là tám pháp cung kính mà được giới, tức là Di mẫu của Phật. Ý Phật chẳng muốn độ người nữ xuất gia, Di mẫu hết lòng cầu khẩn, Phật khiến xa trao tám giới liền phát cụ giới; sáu là luận nghị mà được giới, tức Sa-di Tu-đà-da luận nghĩa với Phật. Phật hỏi các nghĩa vô thường, v.v... mọi việc đều đáp đủ. Sau Phật hỏi nhà ông ở đâu, thì đáp rằng: Ba cõi đều không, Vì sao Thế Tôn lại hỏi nhà của con ở đâu. Phật bảo A-nan rằng: Hãy dẫn về tăng mà trao cho giới cụ túc, lúc đó ông mới bảy tuổi; bảy là Thiện lai đắc giới, khi đạo cơ đã chín muồi, Phật gọi thiện lai thì liền đắc giới; tám là dị sư đắc giới. Tức cô Bán-ca-thi xinh đẹp bình dị, vì người nước Bán-ca-thi muốn sao đoạn, cho nên khi sai sứ trong tăng mà thay thọ giới. Sau lại về chùa Ni mà thọ giới; chín là biên địa người đúng pháp rất ít, nên cho năm người được truyền giới; mười là người ở giữa nước nhiều nên đủ mười người mới được truyền giới. Đây là mười trường hợp đắc giới. Nay phần nhiều đều dùng mười người yết-ma mà được giới. Đây là nói về tướng có giới.

Tiếp nói thể tướng của giới: có hai giáo môn khác nhau. Nếu giáo Tiểu thừa thì nói giới là thiện pháp vô tác, thọ giới nhân duyên đầy đủ. Nếu phát được giới vô tác, sau đó ngủ nghỉ, nhập định. Thiện nầy mặc tình tụ sinh, chẳng phải thân miệng ý tạo tác, vì vô tác chính là thể của giới. Như Tát-bà-đa hiểu giới vô tác là vô biểu sắc, không thể thấy, không có đối, còn Đàm-Vô-Đức thì nói giới vô tác là tụ thứ ba, không phải sắc, không phải tâm. Các bộ đã khác, tuy chẳng thể thiên chấp, y cứ cho giáo môn Tiểu thừa, hoàn toàn là vô tác làm giới thể của giới, nghĩa ấy không sai. Nếu giáo môn Đại thừa thì nói giới từ tâm khởi, tức dùng thiện tâm làm thể của giới. Nghĩa này như kinh Anh Lạc nói: Có Sư nói Ma-ha Tăng-kỳ nói giới vô tác là Tâm pháp.

Tiếp có giới tướng khác nhau, có hai ý: Một là nếu y cứ Tiểu thừa thì bảy chúng phát tâm thọ giới tác pháp chẳng khác nhau, nên được giới cũng có hơn kém. Như Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tại gia có năm giới. Nếu xưa chưa vào Phật pháp. Người nam, người nữ ấy chẳng giết cha mẹ, chẳng gây ra tội nghịch gặp thầy tốt dạy bảo quy y Tam bảo, được thọ năm giới pháp làm thành tựu, tức năm giới vô tác khởi thì gọi là được năm giới. Từ đây gọi là Thanh tín sĩ nữ (nam nữ thanh tín). Lại nữa, nói Sa-di có mười giới. Nếu hai thầy Hòa-thượng A-xà-lê đúng như pháp nhận người thanh tịnh quy y Tam bảo theo Phật xuất gia. Nếu hai thầy làm pháp thành tựu thì liền phát vô tác gọi là được giới Sa-di. Kế là nói giới tướng của Đại tăng, nếu khi làm Sa-di chẳng phạm giới

trọng, mười thầy thanh tịnh, A-xà-lê làm pháp Yết-ma đúng pháp thành tựu, đó gọi là được Cụ túc Đại Tỳ-kheo. Nếu Sa-di ni, Thức-xoa ma-ni, Đại giới ni có giới tướng cũng giống như thế. Bảy người xưa tuy phạm trọng cấm, nếu gặp duyên lành gọi là Đại thừa Phương Đẳng sám hối được tướng thành tựu, thì sau thọ giới cũng được vô tác thiện phát, khác với tên gọi nói trên, chẳng được giới cũng gọi là vô giới; Hai là nếu hành nhận Bồ-tát có giới hay không giới thì chẳng thể biết. Vì sao? Vì Bồ-tát nhiều đời đến nay, hoặc khi mới phát tâm gặp được duyên lành mà thọ được giới.

Ý thứ hai là nói trì phạm, có ba ý: Một là lược nói trì phạm, hai là trải riêng nói rộng về trì phạm, ba là nói phú phát. Nói chung về trì phạm, có hai: Một là tướng trì, hai là tướng phạm. 1. Tướng trì, trì là giữ gìn, như trên nói bảy hạng người thọ giới cấm của Phật là mười lợi. Hộ trì không phạm có mười lợi, như trong Tỳ-ni nói: một là nhiếp tăng (thuộc về tăng), hai là cực hảo nhiếp (thuộc về người tốt), ba là tăng an lạc trụ, bốn là chiết phục người có cao tâm, năm là hổ thẹn được an lạc trụ, sáu là chẳng tin khiến tin, bảy là đã tin khiến tin tăng trưởng, tám là ngăn dứt lâu đời này, chín là dứt ác đời sau, mười là khiến người phạm hạnh ở lâu trên đời. Hành giả một tâm kính cẩn chẳng dám hủy phạm như giữ gìn phao nổi, mảy bụi chẳng bỏ, gọi là giữ gìn cũng gọi là nắm giữ, dụ như bát đầu, đó gọi là tướng Trì. Tướng phạm: phạm là trái phạm, vốn thọ giới Phật là muốn ra khỏi sinh tử, nguyện cầu giải thoát, nay gặp duyên ác chẳng thể tụ chế tâm mình, giữa đường trái phạm hoặc nặng hoặc nhẹ, nên gọi là Trái phạm. Lại nữa, phạm là phạm xúc, cũng như uống thuốc phải kiêng ăn, nay không theo lời dạy của thầy thuốc mà ăn các thức ăn xấu ác phạm xúc phạm chất thuốc. Chẳng những không lành bệnh mà bệnh càng thêm có khi phải chết. Phạm giới cũng như thế, cho nên nói là phạm.

Ý cứ riêng nói rộng về trì phạm: Là từ sơ tâm đến quả Phật, nói trì phạm có mười: Một là lúc chẳng đủ giới, nghĩa là giữ bốn giới trọng đầu chẳng phạm; hai là trì chẳng phá giới, nghĩa là chẳng phạm tăng tàn; ba là trì chẳng (bất) xuyên giới tức là đối với ba thiên sau chẳng phạm; bốn là trì chẳng lỗi giới cũng gọi là bất tạp giới, nghĩa là chẳng khởi tâm dua nịnh và khuấy rối các giác quán, tạp niệm. Cũng gọi là Định cộng giới; năm là từ tùy đạo giới, tức là tâm thực hành mười sáu quán hạnh, phát khổ nhẫn trí tuệ, cũng gọi là Đạo cộng giới; sáu là trì vô trước giới, tức người A-na-hàm nếu dứt hết chín phẩm tư duy của cõi dục đều gọi là giới Vô trước; bảy là trì giới được người trí ngợi khen là

phát tâm Bồ-đề, vì muốn cho tất cả chúng sinh được Niết-bàn nên trì giới. Trì giới như thế thì được người trí khen ngợi, cũng có thể nói là Bồ-tát giữ mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh. Giới này có công năng đưa đến quả Phật, nên được người trí ngợi khen; tám là trì tụ tại giới, là Bồ-tát trì giới, trong các duyên phá giới mà được tự tại, cũng có thể nói Bồ-tát biết tội và không tội chẳng thật có, nên chỉ tùy lợi ích chúng sinh mà tâm trì giới không chấp trước nên gọi là giới tự tại; chín là trì giới cụ túc, Bồ-tát đầy đủ tất cả giới pháp của chúng sinh và giới thượng địa; mười là trì tùy định giới, chẳng khởi diệt định, hiện các giới pháp oai nghi, dễ độ chúng sinh. Bốn thứ trước là giới tịnh thế gian, cũng là giới xuất thế gian. Nghĩa đủ như trước nói, phải khéo phân biệt. Hai là giới tịnh xuất thế gian. Bốn thứ sau là Tịnh giới thượng thượng xuất thế gian. Nếu như trên nói mà thọ trì, là tướng trì giới, khác với nói trên là tướng phạm giới. Đó gọi là từ sơ tâm đến quả Phật, nói cạn sâu về tướng trì giới và phạm giới. Kinh nói: Chỉ có Phật là người có đủ tịnh giới, các người khác đều gọi là người phá giới. Lại nữa, nay nói trì giới là chỉ tùy phần tùy sức mà tu khiến dần dần tiến sâu mà thanh tịnh. Nếu chẳng như thế thì chẳng thể sinh các thiền định. Lại nữa, Bồ-tát đốn hạnh dùng tuệ phương tiện, từ trong một niệm mới phát liền trì đủ mười giới, cho nên kinh nói: hai thứ phát tâm và rốt ráo chẳng khác.

Nói về phú phát, có hai ý: Một là chánh nói phú phát, hai là phân biệt với định. 1. Tướng phú phát, là hành giả trì giới làm phát sinh thiền định, phá giới tức là phú thiền định. Vì hành giả trì tịnh giới thế gian tức phát thiền thế gian. Nếu trì giới bất tịnh thế gian tức là phú thiền thế gian. Giới xuất thế gian và giới xuất thế gian thượng thượng, trì thì phát thiền mà hủy thì phú thiền, so với trên mà phân biệt. 2. Giản định phú phát. Vì chúng sinh hiện tại tu thiền bất định nên phải làm ra bốn câu phân biệt: Một là tuy có phạm giới mà phát định, còn trì giới mà chẳng phát; hai là có người phá giới mà chẳng phát, còn trì giới mà phát; ba là có người trì giới phạm giới cả hai đều phát; bốn là có người trì phạm đều chẳng phát. Một là người phạm giới tu thiền định mà phát, là quá khứ có tập nhân gốc lành sâu dày, nay tuy có tội mà năng lực gốc lành ở quá khứ mạnh hơn, cũng vì hiện tiền tu thiền định biết hổ thẹn làm duyên. Thí như người nào mắc nợ nhiều thì đòi trước, do đó mà được phát định; Hai là người trì giới mà chẳng phát định, là người này ở quá khứ chẳng trồng sâu nhân thiền định, đời này tuy trì giới tu định mà chẳng phát thiền; Ba là đều phát; Bốn là đều chẳng phát, đều có thể so sánh mà giải thích, cho nên có bốn thứ khác nhau. Tìm cội gốc thì phải

do trì giới mà phát, phạm giới thì mãi bị ngăn che. Vì sao? Nếu quá khứ mà được thiền định liền biết quá khứ đã từng trì giới mà phát định, nên thành tập nhân đời này. Đời này lại hổ thẹn sám hối thanh tịnh làm duyên, cho nên được phát gốc lành đời trước.

Ý thứ ba nói sám hối, có hai ý: Một là trước nói vận tâm sám hối, hai là nói về phương pháp sám hối. 1. Vận tâm sám hối: Nếu người tánh chẳng làm ác thì không có tội để sám hối. Hành giả đã chẳng thể quyết định trì giới, hoặc nửa chừng gặp duyên ác liền phá giới hoặc nhẹ hoặc nạng. Vì phá giới nên thi-la bất tịnh, Tam-muội chẳng sinh. Ví như chiếc áo bị dơ chẳng nhộm được mầu mới. Cho nên phải sám hối. Vì sám hối nên giới phẩm thanh tịnh, Tam-muội sẽ sinh. Ví như áo dơ đã giặt sạch thì có thể nhuộm. Hành giả như thế mà suy nghĩ. Nếu giới chẳng thanh tịnh thì quyết phải sám hối. Cho nên kinh nói: Trong Phật pháp có hai hạng người mạnh mẽ: Một là tánh chẳng làm ác; hai là đã làm rồi mà biết sám hối. Nay tạo tội biết hối cãi thì gọi là người mạnh mẽ. Hễ sám hối, thì sám là sám tạ Tam bảo và tất cả chúng sinh. Hối là hổ thẹn sửa lỗi buồn khổ. Nay ta nếu tội này diệt hết thì ở tương lai thà mất thân mạng chứ chẳng bao giờ tạo nghiệp khổ như thế. Như Tỳ-kheo bạch Phật: Con thà ôm lửa dữ chứ chẳng bao giờ dám hủy phạm tịnh giới của Như lai. Sinh tâm như thế cúi mong Tam bảo chứng minh nhiếp thọ. Đó gọi là sám hối. Lại nữa, sám là bên ngoài che giấu, hối là bên trong tự trách. Sám là biết tội làm ác, hối là sợ bị quả báo. Như thế rất nhiều nay chẳng nói rộng. Tóm lại, nếu hay biết pháp luống dối mà dứt hẳn nghiệp ác, tu hành thiện đạo thì gọi là Sám hối.

Nói phương pháp sám hối, có ba ý: một là nói pháp sám hối khác nhau, hai là nói tội diệt có thứ lớp, ba là nói tướng phục và bất phục. Pháp sám hối chẳng đồng, lý do diệt tội đều có pháp của nó, như chiếc áo dơ, nếu dùng nước giặt ngay thì chẳng ngoài nước tro (xà bông) mà tẩy đi. Pháp diệt tội cũng giống như thế. Nay nói phương pháp sám hối thì có nhiều giáo môn, nhưng luận cốt yếu thì chẳng ngoài ba thứ: một là các pháp dòng họ, đây là giúp giới mà nói sám hối; hai là quán tướng sám hối, đây là giúp định mà nói sám hối; ba là quán vô sinh sám hối. Đây là giúp tuệ mà nói sám hối. Ba pháp sám hối này nghĩa chung cho ba tạng, Đại thừa chỉ nói theo phần nhiều. Một pháp trước phần nhiều là sám hối của Tiểu thừa, hai pháp sau phần nhiều là của Đại thừa.

- Tác pháp sám hối vì làm lành trái với việc ác, nên gọi là sám hối. Như trong Tỳ-ni một bề dùng pháp nầy mà diệt tội. Vì sao? Như sám thiên thứ hai, hai mươi chúng, thực hành ở riêng, nêu tội Yết-ma

tác pháp thành tựu, tức gọi là Diệt. Đây chẳng luận thấy các tướng mạo, cũng chẳng luận trí tuệ quán không. Cho nên biết chỉ là tác pháp sám hối. Yết-ma, Hán dịch là tác pháp, như thế cho đến ba thiên dưới đều là tác pháp. Việc này dễ biết. Nghĩa như trong luật đã nói rộng. Chỉ chưa nói sám hối bốn pháp trọng. Riêng có kinh tối diệu sơ giáo nêu pháp sám hối bốn tội trọng. Kinh ấy nói: Phải thỉnh ba mươi vị Tỳ-kheo tăng thanh tịnh. Ở trong đại chúng tỳ-kheo phạm tội phải tự phát lồ, tăng vì làm Yết-ma thành tựu. Lại ở trước Tam bảo mà làm các hành pháp và tụng giới mười ngàn biến thì liền được thanh tịnh. Cũng nói khiến lấy được tướng làm chứng mà nói tội diệt, được thanh tịnh. Phải biết trong luật tuy chẳng nêu nhưng trong kinh có văn Yết-ma nầy. Tướng mạo của tác pháp như kinh ấy đã nói rộng.

- Quán tướng sám hối: Hành giả y theo phương pháp sám hối trong các kinh chuyên tâm dụng ý, ở trong tịnh tâm mà thấy các tướng như trong giới Bồ-tát đã nói. Nêu sám mười giới trọng thì phải thấy tướng tốt, là tướng tội diệt, như thấy Phật đến xoa đầu, hoặc thấy hoa, ánh sáng v.v... thấy rồi thì tội liền diệt. Nếu chẳng thấy tướng, có sám hối cũng vô ích. Trong các Hành Pháp Đại Thừa Phương Đẳng Đà-la-ni phần nhiều có sám pháp quán tướng này. Trong ba tạng và Tạp A-hàm cũng nói phương pháp quán tướng sám hối, nghĩa là quán các tướng địa ngục, rắn độc, sợi lông trắng, v.v... thành tựu thì nói là tội diệt. Đây đều ở trong định tâm mà làm. Quán tướng sám hối phần nhiều y pháp tu định mà nói. Hỏi: Thấy các tướng làm sao biết tội diệt? Đáp: Kinh nói khác nhau, tội chỉ nêu cốt yếu, tướng chẳng ngoài bốn thứ: Một là trong mộng thấy tướng; hai là khi hành đạo nghe trên hư không có tiếng nói, hoặc thấy tướng lạ và các điềm lành; ba là trong khi ngồi thấy tướng thiện ác, trì giới, phá giới, v.v... bốn là vì nội chứng các thứ pháp môn mà đạo tâm khai phát làm tướng. Đây là tùy phạm nặng nhẹ mà phán, chẳng có nhất định. Ở dưới mà nghiệm căn tánh thiện ác lại phải lược nêu.

Hỏi: Ma-la cũng có thể làm ra các tướng này, làm cách nào để phân biệt?

Đáp: Thật như thế, tà chánh khó biết, chẳng thể nhất định. Nếu khi tướng hiện, vị Sư chân chánh liền biết. Việc phải đối mặt mà quyết đoán không thể ghi bằng văn. Cho nên hành giả khi mới sám hối phải gần gũi thiện tri thức để phân biệt tà chánh. Lại nữa, hễ thấy tướng, thì bỗng nhiên trông thấy, còn tà chánh thì khó biết, nếu theo văn mà chú tâm tìm cầu thì phần nhiều là ma.

Hỏi: Nếu thế thì chẳng nên gọi là quán tướng sám hối.

Đáp: Nói quán tướng là chỉ dụng tâm hành đạo, công thành thì tướng hiện lấy đây mà phán quyết, liền biết tội diệt hay chẳng diệt. Chẳng phải nói khi hành đạo thì tâm giữ còn sự tướng mà sinh mê đắm. Nếu dụng tâm như thế thì nhất định gặp nhiều việc ma đến.

Hỏi: Hành pháp của quán tướng sám hối ra sao?

Đáp: Phương pháp đã nêu trong các kinh Đại thừa Phương Đẳng, hành giả phải tự tìm kinh, y văn mà thực hành.

- Quán vô sinh sám hối: như trong kinh Phổ Hiền Quán có kệ:

Tất cả biển nghiệp chướng
Đều do vọng tưởng sinh
Nếu người muốn sám hối,
Ngồi thẳng nghĩ thật tướng
Các tội như sương mai
Mặt trời lên liền tan
Cho nên phải thành tâm
Sám hối cả sáu căn.

Hành giả hành muốn Đại sám hối thì phải khởi tâm đại bi, thương xót tất cả mà thấu suốt nguồn gốc tội. Vì sao? Vì tất cả các pháp xưa nay vốn vắng lặng, còn không có phước huống chi là tội? Chỉ vì chúng sinh chẳng khéo suy nghĩ vọng chấp hữu vi mà khởi vô minh và các ái nhuế. Từ ba độc này mà gây ra vô lượng vô biên tất cả tội trọng, đều từ một niệm tâm không biết mà sinh ra. Nếu muốn trừ diệt chỉ phải quán tâm nầy từ chỗ nào mà khởi. Nếu ở quá khứ thì qua rồi đã mất. Pháp đã mất thì không có, pháp không có thì chẳng gọi là tâm. Nếu ở vị lai, thì vị lai chưa đến, pháp chưa đến thì không có, pháp không có thì cũng chẳng phải tâm này. Nếu ở hiện tại thì trong hiện tại sát-na chẳng dừng, trong tướng không dừng thì tâm chẳng thật có. Lại nữa, nếu nói hiện tại, hiện tại là ở trong, ở ngoài, hay ở khoảng giữa? Nếu nói ở trong thì chẳng đợi ngoài, trong đã tự có. Nếu nói ở ngoài thì ở ta không lỗi. Lại nữa, ngoại trần không biết thì đâu có tâm được. Đã không trong ngoài thì đâu có khoảng giữa, làm sao có chỗ dừng. Như thế mà quán thì chẳng thấy hình dáng ở nơi chốn nào. Phải biết tâm này rốt ráo vắng lặng. Đã chẳng thấy tâm thì chẳng thấy chẳng phải tâm, còn không chỗ quán huống chi là có năng quán. Không năng không sở, tưởng điên đảo dứt hết. Điên đảo đã dứt rồi thì không có vô minh, cho đến ái nhuế (tham sân). Không có ba độc nầy thì tội từ đâu sinh. Lại nữa, tất cả muôn pháp đều thuộc ở tâm, tâm tánh còn không, huống chi là muôn pháp. Nếu không có muôn

pháp thì cái gì là tội nghiệp. Nếu chẳng có tội thì chẳng có chẳng tội. Quán tội vô sinh là phá tất cả tội. Vì tất cả các tội, căn bản tánh không, thường là thanh tịnh. Cho nên Duy-ma-cật bảo Ưu-ba-ly: Nó tự không tội chớ thêm lỗi nó. Phải ngay đây mà trừ diệt, chớ khuấy rối tâm. Lại như trong Kinh Phổ Hiền Quán chép: Quán tâm không tâm, pháp chẳng trụ pháp môn, tâm ta tự không, tội phước không chủ, tất cả các pháp thảy đều như thế. Không trụ không hoại mà thực hành sám hối gọi là Đại sám hối, gọi là Trang nghiêm sám hối, gọi là phá Hoại tâm thức sám hối, gọi là Vô tội tướng sám hối. Người thực hành sám hối nầy thì tâm như dòng nước chảy, trong niệm niệm thấy Bồ-tát Phổ Hiền và Phật mười phương. Cho nên biết quán sâu Vô sinh gọi là Đại sám hối, là tôn diệu nhất trong các sám hối. Trong tất cả kinh Đại thừa nói về pháp sám hối thì đều dùng quán này làm chính. Nếu lìa quán này thì chẳng được gọi là Đại Phương Đẳng Sám. Hỏi: Quán vô sinh sám hối, làm sao biết tướng tội diệt? Đáp: Như thế mà dụng tâm, trong niệm niệm tức các tội nghiệp niệm niệm tự diệt. Nếu muốn biết pháp chướng đạo chuyển, thì siêng năng chẳng thôi, các tướng cũng sẽ tự hiện, quán đây rất dễ biết. Như trong quán tướng trước đã nói. Các tướng mộng lành, điềm linh định tuệ khai phát, v.v... trong đây đều nói đủ. Lại nữa, nếu hành giả quán tâm tương ưng với lý, tức là tướng tội diệt, chẳng nhọc tìm gì khác. Cho nên trong Kinh Phổ Hiền Quán nói: Khiến không tuệ này tương ưng với tâm thì phải biết trong một niệm có thể diệt hết trăm muôn ức A-tăng-kỳ tội nặng sinh tử. Lấy đây làm chứng. Nếu được tuệ vô sinh nhẫn thì liền hết các nguồn tội. Đây là Thi-la thanh tịnh, có thể tu thiền định.

Nói tội diệt thềm bậc khác nhau, sám pháp đã có khác nhau thì phải biết tội diệt cũng khác nhau. Vì sao? Vì tội có ba bậc: Một là trái vô tác mà khởi tội chướng đạo; hai là tội thể tánh; ba là tội vô minh phiền não căn bản. Gọi chung là Tội. Dẹp nó hiện tiền thì tổn công đức trí tuệ của hành giả, ở vị lai chịu báo ba đường thì dẹp bỏ sắc tâm hành giả, nên gọi là Tội. 1. Nói tác pháp sám hối là phá tội trái vô tác làm chướng đạo; 2. Nói quán tướng sám hối là phá tội trừ thể tánh nghiệp ác. Cho nên luận Đại thừa nói: Nếu Tỳ-kheo phạm giới sát sinh, tuy sám hối thì được giới thanh tịnh, tội chướng đạo diệt hết, mà quả báo của giết chẳng mất. Đây có thể dùng chứng trước giải thích sau. Phải biết quán tướng sám hối dụng công đã lớn mà trừ được tội thể tánh; 3. Quán vô sinh tội diệt là phá trừ tội vô minh tập nhân của tất cả phiền não. Đây thì trừ rốt ráo tất cả nguồn tội.

Nói tướng phục bản (trở lại như xưa) và bất phục bản (không trở lại như xưa). Hỏi: Sám hối thanh tịnh có được lại như xưa chăng? Đáp: Giải thích khác nhau. Có người nói chẳng được lại như xưa, như áo rách thì vá lại, tuy chẳng bằng chẳng rách. Có người nói được lại như xưa. Như có chẳng sạch thì giặt sẽ lại sạch, như xưa không khác. Có người nói có khi được lại, cũng có khi không được lại. Như trong luật đã nói hai thiên đầu chẳng được lại, ba thiên sau thì có thể được lại. 1. Giáo kinh đã nói làm Yết-ma sám hối thì bốn tội trọng đều lại được. Nay nói không nhất định như thế. Phải đối ba pháp sám hối trước lại làm ba nghĩa: Một là nghĩa lại được; hai là nghĩa hơn trước; ba là nghĩa tăng thượng hơn xưa. Nay phải nhờ thí dụ làm sáng tỏ. Một là tác pháp sám hối, tội diệt rồi, hoặc được lại, hoặc không được lại. Như người bệnh lạnh uống gừng quế vào thì bệnh sẽ hết, thân có được lại hoặc chẳng được lại; Hai là quán tướng sám hối, không chỉ tội diệt mà còn phát thiền định, ở đây thì hơn xưa. Vì sao? Vì vốn không có thiền định. Như người bệnh lạnh uống thạch tán vào, không chỉ hết lạnh mà lại mập khỏe hơn xưa; Ba là quán vô sinh sám hối, không phải chỉ diệt hết tội, phát các thiền định mà còn được thành đạo. Đây là hơn xưa rất nhiều. như người bệnh uống thuốc tiên, không phải chỉ ngay bệnh hết mà được thần thông biến hiện tự tại. Lấy đây mà suy thì đâu phải một loại. Hỏi: Có giới thì được như thế, còn người không giới thì thế nào? Đáp: Không giới thì lại thọ giới, hoặc có người do sám hối mà phát giới. Đây như trong kinh Phổ Hiền Quán đã nói. Lại nữa, nếu người thọ giới Bồ-tát thì chúng sinh nhiều đời đến nay hoặc đã gặp thiện tri thức mà phát tâm Bồ-đề, thọ giới Bồ-tát chỉ vì ở trong sinh tử điên đảo tạo nghiệp, vọng mất trái phạm. Nhờ nay quy y Tam bảo và lại gồm sám hối mà được thanh tịnh, dùng bản giới này cũng phát thiền định. Cho nên tuy là vô sự giới Bồ-đề bản giới, có lẽ đã có. Lại nữa, như luận Đại thừa nói: Thi-la, đời Tần gọi là Hảo thiện, ưa thực hành đạo thiện chẳng tự buông lung, gọi là Thi-la (giới), hoặc thọ giới làm lành, hoặc chẳng thuyết giảng, làm lành đều gọi là Thi-la. Nếu chẳng thọ giới làm lành mà gọi là Thi-la, là đã có Thi-la thì há chẳng được phát các thiền Tam-muội hay sao? Hỏi: Nếu thế, cần gì phải thọ giới? Đáp: Không phải thế, một là trợ đạo, hai là định ngoại tướng Phật pháp, đâu chẳng làm theo. Hỏi: Trước nói người Sơ thiền phải sám hối, cũng có khi chẳng thế. Đáp: Không cần phải một mực. Như kinh Diệu Thắng Định chép: Chỉ nên trực tâm ngồi thiền tức là sám hối bậc nhất. Nếu trong khi ngồi mà khó chuyển, phần nhiều chẳng được dụng tâm thì phải sám hối.

2. Nói cơm áo đầy đủ. Nay nói về y có ba thứ: Như núi Tuyết Đại sĩ học đạo chỉ có một y, tức chân chẳng đi trong nhân gian, sức chịu đựng mà thành. Đây là người bậc thượng; Hai là như Ca-diếp thường thực hành pháp đầu-đà (tu khổ hạnh) chỉ chứa ba y phẩn tảo mà không chứa nhiều. Đây là y pháp của người bậc trung; Ba là nếu ở các nước thường lạnh lẽo, hoặc người bậc hạ chẳng kham nỗi thì Như lai cho chứa một trăm lẻ một vật, nhưng phải tác pháp thuyết tịnh, biết lượng vừa đủ, nếu quá tham cầu thì hại đạo. Pháp ăn uống đầy đủ. Ăn có bốn thứ: 1. Nếu bậc Thượng nhân Đại sĩ ở chốn núi sâu rừng thẳm chẳng có người, hễ được rau trái gì đều dùng để nuôi mạng sống; 2. Hành giả hạnh đầu-đà là theo pháp khất thực để phá bốn thứ tà mạng y theo chánh mạng mà phát sinh Thánh đạo. Nên gọi là Thánh chủng. Bốn thứ tà mạng để nuôi sống: Một là hạ khẩu thực, hai là ngưỡng khẩu thực, ba là duy khẩu thực, bốn là phương khẩu thực. Đây là tướng tà mạng. Như Xá-lợi-phất vì cô Thanh Mộc mà nói. Trong đó phải phân biệt rộng; 3. Ở A-lan-nhã (chùa, am) nhận của tín thí cúng; 4. Ở trong tăng kết tịnh thực, có các thức ăn nầy gọi là duyên đầy đủ. Đó gọi là y thức (cơm áo) đầy đủ. Nếu không có nhân duyên nầy giúp thân thì tâm chẳng an, có trở ngại cho đạo.

3. Ở chỗ vắng lặng. Nhàn là chẳng làm các việc, không có ồn áo đông đúc gọi là tịnh (vắng lặng). Có ba chỗ để tu thiền: Một là ở trong rừng thẩm núi sâu, chẳng có người ở; Hai là chỗ Đầu-đà Lan-nhã cách xa làng xóm hai dặm đường, đây là chỗ vắng lặng chẳng ồn ào; Ba là chỗ xa nhà dân chúng, ở trong già-lam thanh tịnh, đều gọi là chỗ vắng lặng.

4. Dứt hết các duyên, duyên việc rất nhiều lược nói có bốn: Một là dứt duyên sinh hoạt, gọi là không làm tất cả sự nghiệp hữu vi; Hai là dứt việc người, tức là không tìm gặp hành giặc giao du qua lại; Ba là dứt các nghề khéo, tức là không làm các nghề khéo thế gian như thuốc men, bói toán, thứ số, v.v... Bốn là dứt các học hỏi, tức là đọc tụng nghe học luận nghĩa, v.v... đều bỏ hết. Đây là dứt các việc duyên. Vì sao? Vì nếu nhiều việc duyên thì việc tu định sẽ bỏ phế, tâm loạn khó nhiếp, chẳng được định.

5. Gần gũi thiện tri thức. Có ba thứ: Một là thiện tri thức ngoại hộ: tạo tác cúng dường, khéo giúp đỡ hành giả, không làm não loạn; Hai là thiện tri thức đồng hành, là cùng tu một đạo, khuyến khích nhau không phá rối nhau; Ba là thiện tri thức giáo thọ, dùng phương tiện trong ngoài, pháp môn thiền định mà chỉ bày giúp đỡ, ấy là nói lược

năm duyên đầy đủ.

Quở trách năm dục. Trong kinh nói lìa dục và pháp ác. Có giác đồng thời có quán. Lìa dục tức là quở trách năm dục, pháp ác tức là bỏ năm cái. Nói năm dục tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc đặc biệt của thế gian thường gạt gẫm mê hoặc tất cả phàm phu, làm hại việc lành, nếu chẳng biết rõ tội lỗi quở trách chán lìa, thì các thiền Tam-muội không do đâu mà được một. Quở trách sắc dục tức là người nam, người nữ hình dáng đẹp đẽ, tô son dồi phấn, chớp mắt nhướng mày và các vật báu ở thế gian xanh, vàng, đỏ, trắng, các thứ sắc đẹp khiến cho người ngu mê mẫn, mà gây ra các nghiệp ác. Như vua Tần-bà-ta-la vì sắc dục mà đích thân vào nước địch ở trong phòng dâm nữ A-phạm-bà-la. Vua Ưu-điền vì sắc nhiễm mà chặt đứt tay chân năm trăm vị tiên. Như thế các nhân duyên biết tội lỗi của sắc. Như trong luận Đại thừa có nói rộng; Hai là quở trách thanh dục. Đó là tiếng kèn sáo, đàn trống âm nhạc, tiếng ca hát ngâm vịnh của trai gái khiến cho phàm phu nghe mà mê đắm, gây ra các nghiệp ác. Như năm trăm vị tiên ở trong núi Tuyết nghe tiếng hát của cô gái Chân-ca-la mà mất hết thiền định, tâm say mê cuồng loạn. Các nhân duyên như thế biết là tội lỗi của thanh như trong luận Đại thừa đã nói rộng; Ba là quở trách hương dục, đó là mùi thơm thân trai gái, mùi thơm thức ăn uống và tất cả các mùi thơm thế gian. Người ngu không biết tướng thơm, nghe liền mê đắm mà gây ra các kiết sử. Như có một vị Tỳ-kheo nọ ở bên bờ ao sen nghe mùi hoa thơm mà sinh tâm ưa thích. Thần ao quở trách vì sao trộm hương thơm của ta. Vì mê đắm mùi thơm khiến các kiết sử đang nằm im đều nổi dậy. Các nhân duyên như thế biết là tội lỗi của hương, như trong luận Đại thừa nói rộng; Bốn là quở trách vị dục, đó là ngọt, chua, mặn, đắng, cay, v.v... các mùi vị ăn uống khiến cho tâm phàm phu mê đắm mà khởi nghiệp bất thiện. Như có một Sa-di thích ăn vị lạc (bơ sữa...) khi chết rồi phải làm con người. Như thế v.v... biết là tội lỗi của vị, như trong luận Đại thừa có nói rộng; Năm là quở trách xúc dục, như các phần thân nam nữ, mềm mại trơn láng, mùa lạnh thì thân ấm, mùa nóng thì thân mát và các thứ xúc vkhác. Người ngu vô trí vì đó mà chết chìm khởi chướng ngại đạo nghiệp. Như vị tiên Độc giác, nhân xúc dục mà mất thần thông, bị dâm nữ cỡi cổ. Các thứ tội lỗi của xúc dục như thế, trong luận Đại thừa đã nói rộng. Hỏi vì sao quở trách năm dục, Pháp quở trách năm dục như trong luận Đại thừa vì thương chúng sinh tướng phần bị năm dục gây rối mà cứ cầu mãi không thôi. Năm dục nầy do đó càng thêm mạnh, như lửa thêm củi, ngọn lửa càng dữ dội. Năm dục vô ích như chó gặm

xương khô, năm dục càng thêm tranh giành như chim giành thịt, năm dục đốt người như cầm đuốc ngược gió, năm dục hại người như đạp phải rắn độc, năm dục không thật như những việc thấy trong mộng, năm dục chẳng lâu như vay mượn chốc lát, người đời ngu mê thăm đắm năm dục, đến chết chẳng bỏ, đời sau chịu vô lượng khổ. Năm dục này đồng có với chúng sinh, tất cả chúng sinh bị năm dục sai khiến, gọi là tôi mọi của dục. Bị lỗi dục nầy mà đọa vào ba đường. Nay ta tu thiền lại bị che chướng. Đây là giặc dữ phải mau tránh xa, như Thiền kinh có kệ:

Sinh tử chẳng cắt đứt
Vì tham dục đắm vị
Nuôi kẻ thù trong mồ
Rộng chịu các cay đắng
Thân thúi như thây chết
Chín lỗ chảy bất tịnh
Như giòi thích ăn phân,
Thân kẻ ngu chẳng khác
Người trí phải quán thân
Chẳng tham đắm thế gian
Không lụy không ham muốn
Đó là chân Niết-bàn.
Như Chư Phật đã nói
Làm một tâm một ý
Sổ tức ở thiền định
Đó gọi hạnh đầu-đà.

Các nhân duyên như thế v.v... biết là do tội lỗi năm dục, tâm chẳng muốn gần như xa lánh oán thù. Vì xa lánh nên tâm không nóng bức, dục tưởng chẳng sinh. Đây là cốt yếu tu thiền. Tướng quở trách năm dục, như luận Đại thừa có nói rộng.

Bỏ năm cái: Một là cái tham dục, hai là cái sân giận, ba là cái ngủ nghỉ, bốn là cái trạo hối, năm là cái nghi. Một là bỏ cái tham dục: Trước nói trong ngoài năm trần sinh dục, nay y cứ vào nội ý căn sinh dục. Đó là hành giả ngồi thẳng tu thiền, tâm sinh dục giác, niệm niệm nối nhau, che lấp tâm lành, làm cho chẳng lớn lên được. Biết rồi liền bỏ. Vì sao? Như thuật Bà-già, dục tâm nội phát còn đốt cả thân, huống chi là tâm sinh lửa dục mà chẳng đốt các thứ pháp lành. Lại nữa, người tham dục thì cách đạo rất xa. Vì sao? Vì dục làm các thứ rối loạn chỗ ở, nếu tâm mê đắm dục thì không do đâu mà gần đạo, như kệ trừ cái nói:

Người hổ thẹn vào đạo

Ôm bát, phước chúng sinh
Sao buông lung trần dục?
Chìm đắm trong năm tình
Đã bỏ năm dục rồi
Bỏ luôn chẳng đoái hoài
Vì sao lại muốn nữa?
Như người ngu ăn đờm
Khi cầu các dục khổ
Được rồi lại sợ hãi,
Khi mất càng lo buồn
Tất cả không đáng vui
Họa các dục như thế
Quở trách mà bỏ được,
Được phước vui thiền định
Thỉ chẳng bị dối lừa.

Các thứ nội duyên quở trách cái tham dục như thế, v.v... như trong kệ trách dục của luận Đại thừa có nói.

Hai là quở trách cái sân nhuế. Sân giận là gốc sinh ra các pháp bất thiện, là nhân duyên đọa vào đường ác, là kẻ thù của pháp vui, là giặc cướp của tâm lành, phủ tạng của các thứ ác khẩu. Lại nữa, hành giả khi ngồi suy nghĩ rằng: Người nầy làm buồn ta, làm buồn người thân của ta, khen ngợi kẻ thù của ta. Suy nghĩ quá khứ, vị lai cũng giống như thế. Ấy là chín não, vì não (buồn) cho nên giận, vì giận cho nên hận, vì hận cho nên oán. Vì oán nên muốn báo thù, người ấy bị sân hận oán não, che tâm giác quán, nên gọi là Cái, hãy mau xả bỏ không để lớn lên. Như Thích-đề-bà-na dùng kệ hỏi Phật rằng:

Vật gì giết, an ổn
Vật gì giết, không lo
Vật gì gốc của độc
Nuốt hết tất cả thiện.

Phật đáp:

Giết sân thì an ổn
Giết sân thì không lo
Sân là gốc các khổ
Sân diệt, tất cả thiện.

Biết như thế rồi phải tu từ nhẫn để dứt trừ khiến cho tâm thanh tịnh, như trong luận Đại thừa, Phật dạy đệ tử kệ quở trách sân đã nói rộng.

Ba là quở trách cái ngủ nghỉ. Trong tâm mờ tối gọi là thùy, buông thỏng chi tiết, ngồi mà ngủ gục gọi là Miên. Lại nữa, ý thức mờ tối gọi là thùy, năm tình che tối ngủ gục gọi là miên. Vì nhân duyên ấy nên gọi là Thùy miên. Trong A-tỳ-đàm nói là tăng thêm pháp tâm số, phá được ba việc ở đời này, đó là vui lợi, vui phước đức, lại phá được thật vui đời này và đời sau. Như pháp ác này rất bất thiện. Vì sao? Vì các cái kia tình giác trừ được, còn ngủ nghỉ như người chết chẳng biết gì, nên rất khó dứt trừ. Như có Bồ-tát dạy đệ tử về ngủ nghỉ rằng:

Dậy đi chớ nằm ôm thây chết
Các bất tịnh giả gọi người
Như bị bệnh nặng tên bắn mình
Đau đớn nhóm họp sao ngủ được
Như người bị trói sắp đem giết
Tai họa sắp đến sao ngủ yên
Giặc kết chưa hết, hại chưa dứt
Như sống chung nhà với rắn độc
Cũng như đánh trận giữa đao kiếm
Lúc đó làm sao ngủ yên được
Ngủ là mê tối chẳng thấy gì,
Hằng ngày gạt đoạt sáng suốt người,
Vì ngủ che tâm không thấy gì
Lỗi lớn như thế sao ngủ được.

Các thứ quở trách cái ngủ như thế, cảnh giác vô thường, dứt bỏ ngủ nghỉ không để mờ tối. Nếu tâm ngủ gục phải dùng thiền trấn, thiền trượng mà đuổi đi.

Bốn là bỏ trạo hối: trạo có ba thứ: Một là thân, hai là miệng, ba là tâm. Thân trạo cử là thân thích chạy nhảy giỡn phá, ngồi không yên. Miệng trạo cử là miệng thích ca ngâm, tranh cãi phải quấy nói bàn vô ích và các lời tục thế gian. Tâm trạo cử là tâm tánh buông lung, mặc tình phan duyên, nghĩ nhớ văn chương hay ho thế gian và các giác quán xấu, gọi là tâm trạo cử. Trạo cử sẽ phá tâm xuất gia, như người nhiếp tâm cũng chẳng được định, huống chi là trạo cử. Như voi say không có móc sắt, mũi lạc đà chẳng có dây dàm, không thể kềm chế được, như kệ nói:

Ông đã cạo đầu mặc pháp y
Ôm bình bát để xin ăn
Vì sao lại thích dùng trạo cử?
Buông lung tâm tánh, mất pháp lợi.

Đã không có pháp lợi, lại mất vui thế gian. Biết tội lỗi rồi phải mau bỏ đi. Vì hối như trạo, nếu không hối thì chẳng thành cái. Vì sao? Vì khi trạo thì chưa ở trong duyên, sau đó khi muốn vào định thì hối lớn trước sẽ gây ra buồn rầu che tâm, nên gọi là Cái. Lại nữa, hối có hai thứ: Một là nhân trạo sau sinh ra hối, như ở trước nói; Hai là như người có tội nặng thì thường lo sợ, mũi tên hối đã cấm sâu vào tâm, chẳng thể nhổ ra được, như kệ nói:

Chẳng nên làm mà làm
Đáng làm lại chẳng làm
Lửa phiền não thiêu đốt
Đời sau đọa đường ác,
Nếu người tội mà hối
Hối rồi không còn lo
Tâm như thế an vui
Chẳng nên thường nghĩ nhiễm
Nếu có hai thứ hối,
Nếu làm mà chẳng làm
Chẳng nên làm mà làm
Ấy là tướng người ngu
Chẳng dùng tâm sửa đổi
Chẳng nên làm mà làm
Các việc ác đã làm
Chẳng thể khiến chẳng làm.

Các thứ nhân duyên như thế quở trách cái trạo hối, tinh thần thanh tịnh, không bị cái che. Thường ở tại tâm thì vắng lặng an vui. Vì nhân duyên đó tâm được pháp hỷ.

Năm là bỏ cái nghi. Vì nghi che lấp nên đối với các pháp chẳng được tâm định. Không có định tâm thì đối với Phật pháp chẳng được gì. Thí như người vào núi báu nếu không có tay thì không lấy được. Lại nữa, nghi chung rất nhiều, chưa hẳn là chướng định, nay nghi chướng ngại cho định, thì có ba nghi: Một là nghi mình, hai là nghi thầy, ba là nghi pháp. Nghi mình là nếu người làm tự nghĩ rằng: Ta các căn ám độn, tội cấu nặng nề, không phải là người hữu dụng, tự nghi như thế thì pháp định không phát. Muốn bỏ thì không được tự khinh, vì gốc lành đời trước khó lường; Hai là nghi thầy, người ấy oai nghi đẹp đẽ như thế mà còn vô đạo, làm sao dạy ta được. Nghi mạn như thế liền trở thành chướng đạo. Muốn trừ bỏ thì như trong luận Đại thừa đã nói. Như vàng để trong túi da thúi, vì ham vàng mà chẳng bỏ da thúi. Hành giả cũng

như thế. Thầy tuy không thanh tịnh nhưng cũng tưởng như Phật. Việc nầy như trong luận Đại thừa giải thích, luận Tát-đà-ba cầu thiện tri thức đủ sáng suốt; Ba là nghi pháp, người đời bản tâm thường chấp đối với các pháp nhận được chẳng thể tin nên chẳng kính tâm vâng làm theo. Nếu tâm sinh do dự thì pháp chẳng thấm nhiễm vào tâm, vì sao? Như trong kệ quở trách nghi nói:

Như người ở ngã rẽ
Nghi ngờ chẳng thể quyết
Đối thật tướng các pháp
Nghi cũng giống như thế
Vì nghi chẳng siêng cầu
Các pháp thật tướng ấy
Nghi ấy từ si sinh
Là ác trong các ác
Trong pháp thiện, bất thiện
Sinh tử và Niết-bàn
Định có pháp thật chân
Trong đó chớ sinh nghi
Nếu tâm ông nghi ngờ
Ngục sinh tử lại buộc
Như sư tử vồ nai
Chẳng thể được giải thoát
Ở đời tuy có nghi
Phải theo pháp khéo mầu
Thí như nhìn đường rẽ
Tốt đẹp phải nên theo.

Lại nữa, trong Phật pháp, tin thì vào được. Nếu người không tin tuy ở trong Phật pháp mà không hề được gì. Các thứ nhân duyên như thế biết rõ tội lỗi của nghi thì phải mau bỏ đi. Hỏi: Các pháp bất thiện nhiều vô lượng như bụi, vì sao chỉ bỏ năm pháp? Đáp: Trong năm cái này có ba độc là đẳng phần làm căn bản, cũng được xếp vào tám mươi bốn ngàn trần lao. Vì sao? Cái tham dục tức là tham độc, cái sân nhuế tức là sân độc, ngủ và nghỉ, hai cái này đều là si nhuế tức sân độc, ngủ và nghi, hai cái này đều là si độc. Phải biết là đủ ba độc. Cái trạo hối từ biết độc mà khởi, tức thuộc đẳng phần hợp thành bốn phần phiền não, trong một tức có hai mươi mốt ngàn, trong bốn hợp có tám mươi bốn ngàn. Cho nên trừ năm cái này tức là trừ tất cả pháp bất thiện. Hành giả các thứ nhân duyên như thế mà bỏ năm cái. Thí như thiếu nợ mà được

trả xong, bệnh nặng mà lành, như vào thời đói khát mà được trúng mùa. Như bị cướp bóc mà có người cứu giúp, an ổn không hoạn nạn. Hành giả cũng giống như thế, trừ năm cái này thì tâm an ổn, thanh tịnh vui vẻ. Thí như mặt trăng mặt trời bị năm việc che lấp: khói, mây, bụi, mù, La-hầu A-tu-la dùng tay che thì chẳng thể chiếu. Người ta cũng giống như thế.

Điều năm pháp: Một là điều hòa ăn uống có tiết độ; hai là điều hòa ngủ nghỉ chừng mực; ba là điều thân; bốn là điều hơi thở; năm là điều tâm. Vì sao? Nay muộn thí dụ gần để nói về pháp này. Như người thợ đồ gốm muốn tạo các vật trước phải khéo léo nhồi đất sao cho chẳng nhão quá, chẳng khô quá, rồi mới đến bàn quay. Cũng như đàn cầm trước phải lên dây đàn, khiến khoan nhặt đúng chỗ mới vào cuộc chơi phát ra những ca khúc hay. Hành giả tâm cũng giống như thế. Khéo điều năm việc sao cho thích hợp thì Tam-muội dễ sinh. Nếu ai chẳng điều thì có nhiều nạn ngại, gốc lành khó phát.

Một là điều ăn uống, ăn là gốc giúp thân tiến đạo, nếu ăn quá no thì hơi gấp, thân ì ạch các mạch chẳng thông, khiến tâm lấp kín, ngồi niệm cho yên. Nếu ăn ít quá thì thân gầy tâm lơ lửng, ý nghĩ không chắc. Đây không phải là được đạo định. Lại nữa, nếu ăn vật dơ bẩn khiến tâm thức người tối tăm, nếu ăn vật chẳng hợp thân thì gây động bệnh cũ khiến bốn đại trái nhau. Đây là mới tu định, phải rất thận trọng. Nên nói thân an thì đạo thạnh. Kinh nói: Ăn uống biết điều độ thì luôn vui ở chỗ vắng lặng, tâm tịnh thích vui tinh tấn. Đó là lời dạy của Chư Phật.

Hai là điều ngủ nghỉ, hễ ngủ thì bị hoặc vô minh ngăn che, tuy chẳng buông lung, nhưng nếu không ngủ thì tâm thần lơ lửng, nếu ngủ quá nhiều thì chẳng những không tu Thánh pháp mà cũng phế bỏ công phu, khiến tâm tối tăm gốc lành tiêu mất. Phải biết rõ vô thường mà điều phục ngủ nghỉ khiến Thần đạo sáng trong, niệm tâm thanh tịnh. Như thế mới gá tâm vào cảnh Thánh, được Tam-muội mới hiện ra. Cho nên kinh nói đầu hôm, gần sáng cũng không uể oải. Không vì nhân duyên ngủ nghỉ để cho tất cả luống qua không được gì. Phải nghĩ lửa vô thường thiêu đốt thế gian sớm cầu tụ độ chớ nên ngủ nghỉ.

Ba là điều thân. Bốn là điều hơi thở. Năm là điều tâm, đây phải hợp dụng chẳng được nói riêng chỉ có đầu, giữa, cuối, phương pháp khác nhau. Ấy là vào trụ, xuất tướng có khác.

Một là nhập thiền điều ba việc, hành giả muốn nhập vào Tam-muội thì phải điều thân. Nếu ở ngoài định thì đi đứng, tới lui, động tịnh làm việc đều phải xét kỹ. Nếu chỗ làm thô tháo thì hơi thở đều thô. Hơi

thở thô thì tâm tán động khó dùng, lại gồm khi ngồi ồn ào, tâm chẳng vắng lặng. Do đó tuy ở ngoài định mà cũng phải dụng tâm làm nghịch phương tiện. Khi vào thiền thì phải khéo an thân đúng chỗ. Khi mới đến giường thiền thì trước phải ngồi yên chỗ, thường khiến an ổn lâu mà không ngại. Kế phải lo về chân. Nếu ngồi Bán-già thì để chân trái lên đùi phải, kéo chân sát thân khiến chân trái ngang đùi phải, chân phải ngang đùi trái. Nếu ngồi toàn già thì chân phải để trên chân trái tréo nhau. Kế mở rộng áp và lưng quần, ngay thẳng không để cho khi ngồi rơi ra. Kế để tay trái trên lòng bàn tay phải, các ngón tay đối nhau, để trên chân trái, ngay ở giữa thân và ngồi thẳng mình. Trước phải lắc mình và tay chân bay, tám lần, đúng như pháp tự xoa bóp, chớ để tay chân không đúng cách. Sau ngồi thẳng mình không khum không ưỡn, đầu cổ ngay thẳng, mũi đối rún không nghiêng lệch, đầu không cúi xuống không ngước lên, mặt ngó thẳng. Kế mở miệng nhả hết khí dơ trong ngực ra thật hết, tưởng một trăm mạch trong thân chỗ nào chẳng thông đều theo hơi thở mà ra hết. Rồi ngậm miệng hết thanh khí bằng mũi vào như thế ba hơi. Nếu thân và hơi thở điều hòa chỉ một cũng đủ. Kế ngậm miệng môi răng vừa khít lưỡi hướng lên trên vòm họng. Kế nhắm mắt vừa cừng, để không nhìn thấy ánh sáng mà thôi. Vững mình ngồi ngay cũng như cột đá. Thân đầu và tay chân không được lay động. Ấy là điều thân khi mới vào thiền. Tóm lại chẳng nhanh chẳng chậm là tướng điều thân.

Hai là điều hòa hơi thở khi vào thiền. Điều hơi thở có bốn tướng: Một là phong, hai là suyễn, ba là khí, bốn là tức. Ba thứ trước là tất cả chẳng điều, một thứ sau là tướng điều. Thế nào là Phong? Là khi ngồi hơi thở trong mũi ra vào có tiếng. Thế nào là Suyễn? Là khi ngồi tuy ra vào không có tiếng mà dính mắc chẳng thông. Thế nào là Khí? Là khi ngồi tuy không có tiếng, cũng không kết ngại mà ra vào không nhẹ nhàng. Đó gọi là khí. Còn tức (hơi thở) thì chẳng có tiếng, chẳng kết trệ, chẳng thô mà ra vào nhẹ nhàng dường như còn dường như mất, giúp thần an ổn tình vui vẻ. Đây là tướng tức, giữ phong thì tán, giữ suyễn thì kết, giữ khí thì nhọc, giữ tức thì định. Lại khi ngồi có ba tướng phong khí, v.v... ấy là chẳng điều mà dụng tâm thì là tai họa. Tâm cũng khó định. Nếu muốn điều thì phải theo ba cách sau: Một là hạ tâm an trước, hai là chậm thân thể, ba là tưởng khí khắp lỗ chân lông ra vào thông suốt, không chướng ngại. Nếu tế tâm khiến hơi thở nhẹ nhàng. Nhưng hơi thở đều thì các bệnh hoạn chẳng sinh, tâm ấy dễ định. Đó gọi là phương pháp điều tức khi hành giả vào định. Nói cốt yếu là chẳng rít

chẳng trơn, ấy là tướng điều tức (hơi thở).

Ba là điều tâm vào định. Điều tâm có hai nghĩa: Một là điều phục loạn niệm chẳng để cho buông lung, hai là phải khiến cho trầm phu khoan cấp được chỗ. Thế nào là Trần? Nếu khi ngồi trong tâm tối tăm, không ghi nhớ gì, đầu ưa gục xuống, ấy là tướng trầm. Bấy giờ, phải buộc niệm mũi thẳng, khiến tâm trụ vào trong duyên, khiến không tán ý. Đây có thể trị trầm. Thế nào là Phù? Nếu khi ngồi tâm thần xao động, thân cũng chẳng an, niệm nghĩ duyên khác. Đây là tướng phù. Khi ấy, tâm phải an hướng xuống, hệ duyên mà chế các loạn niệm thì tâm trụ định. Đây thì tâm dễ an định. Tóm lại, chẳng trầm chẳng phù, ấy là tướng điều tâm. Hỏi: Tâm có tướng khoan cấp chăng? Đáp: Cũng có, tâm có tướng cấp là do ngồi nắm tâm dụng niệm mong được do đây mà vào định, thế nên khí hướng lên lồng ngực đau tức. Phải vận buông bỏ tâm ấy, tưởng khí đi xuống, bệnh tự hết. Tâm có tướng khoan, là biết tâm chí buông khơi, thân thích uốn éo, hoặc miệng chảy nước dãi, hoặc có lúc tối đen. Khi ấy phải liễm thân cấp niệm khiến tâm trụ vào trong duyên, thân thể giữ nhau, ấy là cách trị. Tâm có tướng trơn rít, suy đây có thể biết. Ấy là phương pháp điều tâm khi mới vào định. Khi muốn vào định vốn là từ thô vào tế. Ấy vì thân đã làm thô, hơi thở ở giữa, tâm rất là tế, khéo dùng phương tiện điều thô đến tế khiến tâm an tịnh. Đây là phương tiện mới vào định.

2, Là trong ngồi trụ mà điều ba việc, phải một thứ trong khi ngồi, tùy thời gian dài ngắn mà nhiếp niệm dụng tâm. Trong đó mà khéo biết ba thứ thân, hơi thở và tâm điều và không điều. Nếu trong khi ngồi tuy điều thân ý mà khiến thân hoặc chậm hoặc gấp hoặc nghiêng lệch hoặc còng lưng, cúi ngửa chẳng đều, biết rồi thì sửa cho ngay, thường khiến trong an ổn không chậm gấp, bình thật chánh trụ. Lại nữa, đang khi ngồi thân tuy điều hòa mà hơi thở (khí) hoặc chẳng điều. Tướng chẳng điều là như trên đã nói, hoặc phong suyễn, hoặc khí cấp, trong thân đầy lên thì phải dùng các phương pháp trước mà trị, thường khiến hơi thở nhẹ nhàng dường như có dường như không. Lại nữa, trong khi ngồi thân và hơi thở tuy điều mà tâm hoặc trầm hoặc phù, chậm gấp chẳng đều. Khi ấy nếu biết thì phải dùng các phương pháp trên mà điều hòa cho thích hợp vừa phải. Ba việc nầy không có trước sau hoặc chẳng điều mà phải điều cho thích hợp, sao cho khi ngồi ba thứ thân, hơi thở và tâm thích hợp, không trái ngược nhau, dung hòa chẳng hai. Đây có thể trừ được bệnh xưa. Chướng ngại chẳng sinh. Đạo định sẽ được.

3, Hoặc ngồi thiền sắp xong, khi muốn xuất định thì trước phải

buông tâm duyên khác, mở miệng nhả khí ra, tưởng hơi thở từ các mạch tùy ý mà tan. Rồi sau đó mới động thân nhè nhẹ, động vai và đầu cổ, kế động hai chân cho mềm mại. Sau mới dùng hai tay xoa khắp các lỗ lông, xoa hai tay vào nhau cho ấm rồi áp vào hai mắt. Sau mới bỏ tay, mở mắt. Kế đợi sức nóng trong thân tan hết rồi mới tùy ý ra vào. Nếu chẳng như thế thì hoặc được trụ tâm, xuất ra đột ngột thì tế pháp chưa tan, còn ở trong thân sẽ bị nhức đầu, trăm xương đau nhức giống như phong lao, mà kỳ ngồi sau nóng nảy chẳng yên, nên tâm chẳng muốn ngồi. Thường phải tùy ý. Đây là phương pháp điều thân hơi thở và tâm khi xuất định, để từ tế ra thô. Đó gọi là khéo nhập xuất trụ. Có kệ rằng:

Tới lui có thứ lớp
Thô tế chẳng trái nhau
Như khéo huấn luyện ngựa
Muốn đi hoặc muốn dừng.

Thực hành năm pháp: 1. Dục; 2. Tinh tấn; 3. Niệm; 4. Xảo tuệ; 5. Nhất tâm. Dục (muốn) là hành giả khi mới tu thiền định, muốn từ cõi dục thoát ra. Muốn được Sơ thiền, cũng gọi là chí, là nguyện, là ưa thích. Trong tâm người này có chí nguyện ưa thích các thiền định. Hỏi: Tâm trông mong trong tu thiền là chướng ngại. Vì sao lấy đây làm phương tiện? Đáp: Phàm dục chỉ là tâm có chí lớn thành tựu ưa thích, nên gọi là Dục (muốn), chẳng phải khi dụng tâm mà khởi niệm mong muốn nhớ tưởng. Nếu tâm mong muốn khởi lên thì chẳng được lắng yên. Nếu tâm chẳng lắng yên, thì các Tam-muội không do đâu mà phát được; Hai là tinh tấn, có hai thứ: Một là thân tinh tấn, hai là tâm tinh tấn. Nếu hành giả tu được mười hai hạnh Đầu-đà thì đó là đầy đủ thân tâm tinh tấn. Như Phật bảo Ca-diếp: Tỳ-kheo tu hạnh a-lan-nhã xa lìa hai thứ dính mắc, thân tâm thanh tịnh, thực hành hạnh Đầu-đà. Đầu-đà có mười hai việc: Một là ở A-lan-nhã, hai là thường đi khất thực, ba là thứ lớp khất thực, bốn là ngày chỉ ăn một bữa, năm là ăn uống chừng mực, sáu là sau giờ ngọ không uống sữa hay nước trái cây, bảy là mặc áo xấu (đắp y xấu), tám là chỉ có ba y, chín là ở nơi gò mả, mười là ngủ dưới gốc cây, mười một là ngồi ở ngoài trời, mười hai là thường ngồi chẳng nằm. Đây là mười hai hạnh Đầu-đà, như trong kinh Đầu Đà có nói. Trong ấy nói Đầu-đà dịch là phủi dũ, phủi dũ thân tâm các pháp bất thiện. Nếu khi tu thiền thực hành các pháp nầy thì gọi là hạnh không buông lung, thân tâm đầy đủ tinh tấn. Phải biết người nầy sẽ được quả Thánh ba thừa, huống chi là thiền định thế gian. Lại nữa, hành giả vì tu

thiền nên trì giới thanh tịnh bỏ hết năm cái, đầu hôm, gần sáng chuyên tinh chẳng bỏ phế. Ví như dùi lửa chưa cháy thì không bao giờ nghỉ. Đó gọi là tinh tấn. Như Phật bảo A-nan rằng: Chư Phật một lòng siêng năng tinh tấn cho nên được Tam-bồ-đề, huống chi là các hạnh lành khác. Ba là niệm nghĩ, như trong luận Đại thừa nói: Nghĩ cõi dục là bất tịnh, lừa dối thấp hèn, nghĩ sơ thiền là tôn trọng đáng quý. Đây ý đồng với sáu hạnh, chỉ là khác tên.

Sáu Hành quán: Một là nhàm chán khổ thô chướng có ba, tức là quán dục bất tịnh, dối trá thấp hèn, phan duyên với thắng diệu, chia ra làm ba, tức là quán sơ thiền là tôn trọng đáng quý. Nay giải thích sáu pháp. Tự có hai ý: Một là nói theo quả, hai là nói theo nhân. Một là y cứ quả cõi dục mà nói: Nói chán khổ dưới thô chướng, là chán hạọn nạn cõi dục, cõi sắc thấp hèn, tâm thô trọng. Hành giả nghĩ rằng nay cảm báo thân cõi dục đói khát, lạnh nóng, bệnh tật, dao gậy, v.v... các thứ ép ngặt gọi đó là Khổ. Còn thô là thân nầy ba mươi sáu vật, cứt đái dơ bẩn tạo thành nên gọi là Thô, thô là xấu xí. Chướng là thân này chất ngại không được tự tại, bị núi sông, vách đá ngăn cách, nên gọi là Chướng. Kế nói theo quả cõi sắc: Phan duyên với thượng thắng. Hành giả nghĩ rằng: Biết vui cõi sắc là thượng thắng, như vui cõi dục là khổ, vui cõi sắc là thượng thắng, được vùi hơn khổ nên gọi là thượng thắng, diệu là diệu thân cõi sắc như bóng trong gương, tuy có hình sắc mà không có chất ngại nên gọi là Diệu. Xuất là được năm thông, thấy suốt các việc ngoài chướng (ngăn che), vách núi không trở ngại nên gọi là Xuất; Hai là nói sáu hạnh trong nhân. Trước là y cứ nhân cõi dục nói chán khổ dưới thô chướng hành giả nghĩ rằng: Nếu đối báo thân mà khởi tâm thường duyên với tham dục chẳng thể xa lìa. Như kinh nói: Tất cả chúng sinh là tôi tớ của ái nên gọi là Khổ. Thô là duyên với năm trần của cõi dục mà tán động khởi ác nên gọi là thô. Còn chướng, là cái phiền não che đậy nên gọi là chướng. Kế là nói theo nhân cõi sắc, phan duyên với Thượng thắng diệu xuất. Hành giả nghĩ rằng: Sơ thiền là vui thượng thắng, từ trong vui mà phát ra nên gọi là Thượng thắng. Vui tham dục từ ngoài năm trần sinh, nóng bức oán kết cho là thấp kém, chẳng bằng như diệu. Vui thiền định là tâm định chẳng động mà vui pháp thành tựu nên gọi là Diệu. Vui tham dục thì tâm loạn động bay nhảy nên gọi là Thô. Xuất, là tâm được xa lìa cái chướng đến Sơ thiền nên gọi là Xuất. Cũng như suối đá chẳng từ ngoài đến mà từ bên trong phun ra. Nay do sáu hạnh này mà giải thích nghĩa niệm, ý rất dễ thấy. Hỏi: Nay nói đệ tử Phật tu thiền đâu cần phải nói sáu hạnh quán pháp của phàm phu? Đáp:

Đã nói ba cõi chung thiền, cũng phải biết nhân đã làm. Nếu đệ tử Phật thì dùng tám Thánh chủng khởi mười sáu hạnh quán, lìa dục làm niệm, vào sơ thiền thì không lầm lỗi. Ở dưới nói trong thiền vô lậu phải phân biệt rộng. Bốn xảo tuệ, là suy tính vui của cõi dục, vui của Sơ thiền về các tướng được mất nặng nhẹ. Nay lật lại hai giải thích. Nói suy tính tức là dùng trí tuệ mà suy tính. Đắc thất, thì vui cõi Dục là mất, vui Sơ thiền là được. Vui sơ thiền không lỗi nên được, vui cõi Dục có lỗi nên mất. Cũng có thể nói vui Sơ thiền là mất, vui cõi dục là được. Vui cõi dục thô nên chấp là thật mà sinh tâm trọng được. Sơ thiền là mất, vì biết thân vắng lặng nhận các vui vi tế dường như không có, chẳng thể định lấy, mất tướng vui nên gọi là mất. Nói về nặng nhẹ thì cõi dục là khinh, Sơ thiền là trọng, cõi dục là khinh, vì năm thúc tương ưng mà được vui nhanh chóng cạn cợt nên gọi là Khinh. Sơ thiền được vui trọng, vì ý thức tương ưng ở lâu duyên sâu nên là Trọng. Trọng vì quý báu trọng. Cũng được nói vui cõi dục là trọng, vui Sơ thiền là khinh. Vì vui cõi dục chung lụy nặng với tâm phiền não nên gọi là Trọng, còn vui Sơ thiền có ít lụy tâm nên gọi là Khinh. Kế có Sư nói xảo tuệ, là hành giả khi mới tu thiền khéo biết phương tiện trong ngoài mà khéo dùng, chẳng thất nghi mà mau được thiền định nên gọi là xảo tuệ; Năm là một tâm, hành giả đã khéo léo về xảo tuệ, dụng tâm suy tính không lầm. Nay chỉ phải chuyên tâm giữ một mà làm nên gọi là Nhất tâm. Như người muốn đi phải khéo biết tướng đường xá thông bít, quyết định biết rồi liền nhất tâm mà đi. Nói không phải trí thì chẳng có thiền, không phải thiền thì chẳng có trí là nghĩa ở đây.

■

THÍCH THIỀN BA-LA-MẬT THỨ ĐỆ PHÁP MÔN

QUYỂN 3
(PHẦN 1)

CHƯƠNG VI: PHÂN BIỆT TIỀN PHƯƠNG TIỆN CỦA THIỀN BA LA MẬT (Tiếp Theo)

2. Nói về nội phương tiện tu của thiền Ba-la-mật, có năm lớp: Một là chỉ môn, hai là nghiệm căn tánh thiện ác, ba là pháp an tâm, bốn là trị bệnh, năm là biết việc ma. Năm thứ này gọi chung là Nội phương tiện, đều y cứ vào lúc mới phát định. Trong tâm tịnh tế khéo léo vận dụng lấy bỏ chẳng mất nghi. Nhờ các thứ này sẽ chứng thiền định sâu nên gọi là Phương tiện. Nay Nội phương tiện lấy chỉ làm môn đầu, tất cả công đức thiền định đều do chế tâm dứt loạn mà phát. Cho nên kinh nói: Chế vào một chỗ, không việc gì chẳng làm được, chỉ là môn đầu thì ý ở đây. Hỏi: Từ trên nói Ngoại phương tiện làm năm pháp đã nói một tâm. Vì sao nhắc lại? Đáp: Chẳng phải như thế. Trên chỉ nói chung một tâm, chưa phân biệt nhỏ nhặt đầy đủ về chỉ môn. Trong đây là gốc vì khiến hành giả khéo biết an tâm mà nói riêng tướng nhập định cạn sâu, thô tế của tu chỉ. Nên lại nói thì không lỗi gì. Hỏi: Trong kinh nói có hai môn cam lộ: Một là môn quán bất tịnh, hai là môn A-na-ba-na, nhưng chẳng nói chỉ là môn đầu, nay vì sao lại nói? Đáp: Không phải thế, trong các thiền, chỉ là môn chung, chung thì nhiếp riêng, mà riêng thì chẳng nhiếp chung. Cho nên trước dạy chỉ, nếu sau chỉ mà vào các thiền khác thì có ích chung. Nếu y vào các môn khác thì có lỗi sai trái. Tự phiền não cũng như thế. Lại nữa, nay nói thầy có hai thứ: Một là thầy đã được đạo nhãn xem cơ mà trao pháp, sẽ giúp thói quen xưa, khéo biết đối trị. Chẳng giống như Xá-lợi-phất vì hai đệ tử mà nói pháp chẳng biết căn cơ. Người thợ rèn thì dạy quán bất tịnh, còn người thợ giặt áo lại dạy đếm hơi thở, trái với thói quen nên pháp chẳng khởi, sinh ra tà kiến. Phật vì chuyển quán thì liền ngộ đạo; Hai là thầy không có tha tâm trí, chẳng có đạo nhãn, chẳng biết căn cơ. Có người đến học thì

cứ việc trước dạy chỉ môn, vì tâm ở định thì liền phát căn tánh thiện ác. Nếu do tịnh tâm mà phát các thiền định, thì thầy liền ứng giáo giúp căn bản mà tu. Nếu đều chẳng phát pháp môn, hoặc các kết sử tham, sân, si v.v... phát ra, thì tùy cái nào nhiều liền dạy đối trị mà phá pháp ngăn đạo, thiền định sẽ phát. Nay chỉ môn làm trước tức là chánh ý thầy thứ hai trao pháp. Nếu khác lời nầy thì căn duyên thiện ác rất khó phân biệt, dối trao pháp cho người thì có lỗi sai cơ. Trong chỉ môn có bốn ý: Một là phân biệt chỉ môn khác nhau, hai là lập đại ý về chỉ, ba là nói phương pháp tu chỉ, bốn là nói về tướng chứng chỉ.

1. Phân biệt chỉ môn khác nhau, có hai ý: Một là y cứ hạnh nói về chỉ, hai là y cứ nghĩa nói về chỉ.

1- Y cứ hạnh nói về chỉ, có nhiều đường, nay lược nêu ba ý: Một là hệ duyên chỉ, hai là chế tâm chỉ, ba là thể chân chỉ. Sở dĩ nói chung là chỉ, vì chỉ là ngăn cấm, cũng gọi là thôi dứt, tâm khởi lên thì ngăn cản, không thể lưu động nên gọi là Chế, chuyên tâm định chí, dứt các loạn tưởng nên gọi là Chỉ. Nay nói hệ duyên chỉ là buộc tâm ở chót mũi thẳng đến rún chẳng cho bay nhảy lung tung, nên gọi là Hệ duyên chỉ. Chế tâm chỉ là nếu giác quán liền chế chẳng để sinh khởi. Thể chân chỉ là biết các pháp không dứt các nghĩ xằng, gọi là thể chân chỉ

2- Y cứ nghĩa nói về chỉ. Cũng có nhiều đường. Nay lược nói ba ý: Một là Tùy duyên chỉ, hai là Nhập định chỉ, ba là chân tánh chỉ. Tùy duyên chỉ là tùy tâm khi khởi đều có số Tu-ma-đề, cho nên kinh Niết-bàn nói: Định trong mười đại địa gọi là Hạ định. Người nhập định chỉ khi chứng định thì định pháp trì tâm, tâm dứt chỉ trụ là nhập định chỉ. Chân tánh chỉ là tâm tánh thường tự bất động, nên gọi là Chỉ. Cho nên kinh Tư-Ích chép: Tất cả chúng sinh tức là định diệt tận. Nay dùng ba nghĩa này thành ba chỉ trên, y cứ tùy duyên nhậm tánh có định nên gọi là Hệ duyên chỉ. Y cứ quả có định pháp nên nói là Chế tâm chỉ. Do có tánh bất động nên gọi là Thể chân chỉ.

2. Nói lập đại ý về chỉ, có bốn: Một là nói về cạn sâu, hai là đối trị phá nhau, ba là tùy ưa thích, bốn là tùy cơ nghi.

1. Phân biệt ba thứ tướng chỉ cạn sâu khác nhau, là nhân thô vào tế thì có nghĩa cạn sâu là hệ duyên và chế tâm, đã là sự cho nên thô thiển. Thể chân là vào tế cho nên tế sâu.

2. Nói ba chỉ đối trị phá nhau. Có hai thứ: Một là dùng sâu phá cạn, hai là phá lẫn nhau. Một là dùng sâu phá cạn, là phá tán tâm của duyên ngoài mà lập hệ duyên chỉ. Còn chế tâm chỉ tức là phá hệ duyên chỉ. Tâm không phải sắc pháp, đâu thể ở chót mũi, ở ngực, v.v... Nếu

muốn tịnh thì chỉ cần dứt các phan duyên, cho nên khiến chế tâm giữ một. Thể chân chỉ tức là phá chế tâm chỉ trước. Tâm không hình tướng tánh chẳng thật có, làm sao có thể chế. Hiểu tâm chẳng phải tâm, chẳng khởi vọng niệm thì không chỉ mà chỉ, chỉ mà không chỉ, nên gọi là chỉ. Có chỉ của chỉ, do y vọng tưởng chẳng gọi là chỉ, ở đây thì dùng sâu mà phá cạn, trở về nguồn gốc, cho nên lập ra ba chỉ mà phá lẫn nhau, là khi tùy tu chỉ nếu có thấy sinh tức cùng lấy một chỉ đối trị mà phá, tìm xét kỹ sẽ hiểu.

3. Tùy ưa thích, từ có người ưa thích thì cảnh giới an tâm chỉ toàn có vui chế tâm và thể chân cũng như thế. Nếu tùy chỗ ưa thích dùng pháp mà dạy thí vui vẻ vâng làm. Nếu trái tình thì tâm không nguyện làm theo.

4. Đối cơ nghi là chưa hẳn ưa thích theo. Như có người ưa muốn thể chân mà không nhập định, nếu tạm hệ tâm giữ cảnh, liền phát các thứ thiền. Đây phải tùy tiện nghi mà trao pháp.

3. Nói phương pháp tu chỉ, cũng có ba ý: Một là Tu hệ duyên chỉ, hai là Tu chế tâm chỉ, ba là Tu thể chân chỉ.

1. Tu hệ duyên chỉ, nói lược có năm: Một là buộc tâm trên đỉnh đầu, hai là buộc tâm ở tóc, ba là buộc tâm ở chót mũi, bốn là buộc tâm ở rún, năm là buộc tâm ở địa luận. Tam Tạng Kim Xỉ người nước ngoài nói đây là năm môn thiền. Hỏi: Toàn thân đều có thể buộc tâm, vì sao chỉ nói năm chỗ? Đáp: Năm chỗ nầy dụng tâm là tiện nhất, các chỗ khác chẳng an định. Như ở xương sườn thì lệch đi chẳng nói, như đầu tròn là pháp trời, chân vuông là pháp đất, rún là biển khí, mũi là phong môn, tóc là tu cốt, xét đó mà lấy làm môn. Khiến buộc tâm trên đỉnh đầu, là tâm mê mờ tối tăm thì ngủ nhiều, nên ở trên đó mà an tâm, nếu lâu lâu thì khiến người phù phong, giống như bệnh phong, hoặc dường như được thần thông muốn bay, có những lỗi này nên không thể thường dùng. Nếu để tâm ở mí tóc, ở đây tóc đen thịt trắng thì tâm dễ trụ, hoặc có thể phát bản cốt quán, nếu lâu thì sinh lỗi, mắt ưa ngó lên hoặc sẽ thấy các mầu vàng, đỏ, v.v... như hoa như mây, các thứ hình dáng khiến tình lự điên đảo. Nếu buộc tâm ở chót mũi, mùi là phong môn, biết hơi thở ra vào, niệm niệm chẳng dừng mà dễ ngộ vô thường. Cũng vì giúp thói quen, an ban, tâm tịnh thì phát thiền định. Nếu buộc tâm ở dưới rún, rún là biển khí, cũng gọi trung cung. Nếu buộc tâm ở rún thì trừ được các bệnh, hoặc có lúc xét thấy ba mươi sáu vật mà phát các thiền đặc thắng. Nếu buộc tâm ở địa luận đây là chỗ thấp nhất, khí theo tâm mà xuống thì bốn đại điều hòa, cũng để giúp bản. Tu tập quán bất tịnh phần

nhiều từ dưới khởi lên, nhờ buộc tâm này hoặc năng phát bản. Môn bất tịnh quán y cứ năm chỗ nầy làm duyên khiến tâm chẳng tân. Vì nói về tu Hệ duyên chỉ là ý ở đây. Thí như khỉ vượn gặp cây thì chuyền nhành nhảy nhót. Nếu xiềng vào cột thì lâu dần tự điều. Tâm cũng giống như thế. Nếu tâm dùng trụ mà chưa vào định thì lại có một chỉ gọi là Ngưng tâm chỉ. Nếu được nhập định thân tâm lặng mất thì mặc tình tự yên, tức là nhập định chỉ.

2. Tu chế tâm chỉ, tâm không có hình sắc, cũng không có nơi chốn, đâu thể buộc nó ở cảnh, chỉ là vọng tưởng duyên lự, cho nên phải chỉ. Nếu tâm tịnh trụ thì chẳng cần chế, chỉ cần định tâm dứt các loạn tưởng, tức là tu chỉ. Hỏi: Tâm không trên dưới, có lúc chậm, lúc mau, hoặc trầm phù pháp điều thích như thế nào? Đáp: Tâm tuy không có trên dưới nhưng phải trị bệnh trầm phù, trên dưới yên rồi thì việc làm không lỗi. Nếu tâm phù động, nên tác ý dưới mà dựa vào chỉ. Nếu tâm trầm một thì ở trên mà dựa vào chỉ. Lại nữa, nếu dưới mà dựa vào an tâm thì có nhiều lợi ích. Tóm lại có hai: Một là tâm dễ được định, hai là các bệnh chẳng sinh.

3. Tu thể chân chỉ, là dùng chánh trí tuệ thể tất cả ấm giới nhập, ba độc, chín mươi tám sử và mười hai nhân duyên. Quả ba cõi các pháp đều vắng lặng như trong kinh Đại Phẩm nói: ngay nơi sắc là không, chẳng phải sắc diệt rồi mới không, mà tánh của sắc tự không. Không tức là sắc, sắc tức là không, lìa sắc chẳng có không, lìa không chẳng có sắc. Tất cả các pháp như thọ, tưởng, hành, thức, v.v... cũng đều như thế. Vì sao? Hiện nay thấy các pháp ấm nhập giới, v.v... tự tánh chẳng thật có, thì làm sao có thể sinh nhân, ngã, chúng sinh, thọ mạng, v.v... tất cả các điên đảo. Vì sao biết là không? Như tất cả nghiệp hạnh phiền não đã khởi ở quá khứ làm nhân, ở hiện tại quấy rối cha mẹ thân phận có quả báo thì có tất cả các pháp ấm nhập giới, v.v... Nghiệp nầy là pháp nào mà làm quả báo, ấm nhập v.v... làm nhân? Nếu nói quá khứ tâm lành, tức là nghiệp quá khứ tâm làm lành, và pháp tâm sở đều đã diệt hết đâu được là quả báo hiện tại, và các pháp ấm nhập, v.v... làm nhân. Nếu nói tâm không phải là nghiệp nhân, tâm làm nghiệp nghiệp tùy tâm mà đến. Tâm diệt rồi thì nghiệp cũng phải diệt theo tâm. Nếu nghiệp lại diệt củng đâu thể chiêu cảm được quả báo đời nầy và các pháp như ấm nhập. Nếu nghiệp diệt thì phải biết nghiệp chẳng đến ở hiện tại. Vì sao? Vì nghiệp chẳng đến. Nếu nghiệp chẳng đến mà chịu báo, thì báo này chẳng gọi là báo. Vì sao? Vì không có nghiệp thì báo không trả. Nếu nói tâm quá khứ tuy đã diệt mất mà tâm đến tiếp tục

sinh ra, nên nghiệp tùy tâm mà đến, thì nghiệp quá khứ cũng phải diệt mất, nghiệp kế tiếp tục sinh ra, cho nên đến được hiện tại. Nếu thế thì có lỗi lớn. Vì sao? Vì lúc quá khứ tâm lành đã diệt mà tâm ác tiếp tục sinh ra, nay quá khứ cũng phải nghiệp lành đã diệt mà nghiệp ác tiếp tục sinh ra. Đây chỉ thấy nghiệp ác đến ở hiện tại. Nếu thế thì cảm ứng báo ác, sao lại cảm được quả lành. Nếu nói nghiệp đến mà chẳng tùy tâm, thì nghiệp này phải tự có quả báo, lìa tâm mà chịu. Nay thật chẳng như thế. Lại nữa, nếu nghiệp có tướng tức là hữu vi. Nếu là hữu vi thì rơi vào ba tướng, nếu rơi vào ba tướng thì đó là sinh diệt, nếu là sinh diệt, thì chẳng đến hiện tại. Quá khứ đã diệt thì phải biết bản nghiệp cũng diệt, thì ai cảm quả này? Chẳng thể dùng nghiệp mới sinh mà cảm được quả nay, phải biết nghiệp có tướng mạo thì nghĩa này chẳng thật có. Nếu nói nghiệp không tướng mạo mà chiêu cảm được quả thì cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì pháp không tướng tức là vô vi, vô vi thì không có nghiệp làm sao cảm quả. Lại nữa, pháp vô tướng tức là nghĩa không, không thì chẳng có sinh diệt, đâu được gọi là Nghiệp. Nếu nói không là vô tướng mà cảm được quả, thì ba pháp vô vi cũng phải cảm quả. Đã chẳng như thế, thì sao nói nghiệp không hình tướng mà chiêu cảm được quả. Các thứ nhân duyên nghiệp như thế chẳng thật có, phải biết không có nghiệp nầy. Nếu nghiệp chẳng thật có, vì sao lại nói ấm, nhập, giới, v.v... tất cả đều từ nhân nội nghiệp sinh ra, cũng chẳng từ duyên ngoài mà sinh. Nếu nhất định từ duyên mà có quả báo thì tất cả âm dương khi gặp nhau đều phải có quả báo. Các pháp ấm, nhập giới, v.v... Nếu thế thì chẳng đợi nghiệp mang thức đến mới có sinh ra, cho nên biết không phải duyên ngoài sinh. Nếu bảo nhân duyên hợp lại mà có quả báo các pháp ấm nhập. v.v... sinh ra, hoặc trong nhân duyên đều có sinh thì khi hợp phải có hai sinh. Nếu đều không sinh thì khi hợp đâu được có sinh. Nếu bảo lìa nhân duyên mà có sinh, thì việc này chẳng đúng. Vì từ nhân duyên mà có sinh còn chẳng thật có, huống chi không nhân duyên mà có sinh. Nếu không nhân duyên mà có sinh thì nghĩa nhân quả đã hỏng. Người thế gian làm lành phải bị quả ác, người làm ác lại được quả báo lành. Cũng chẳng cần tu đạo. Đây tức là phá nhân quả thiện ác thế gian, gọi là đại tà kiến. Phải biết tất cả các pháp ấm nhập, v.v... chẳng từ nội nhân mà có, cũng chẳng từ duyên ngoài mà có, cũng chẳng do nhân duyên hợp nhau mà có, cũng chẳng phải không nhân duyên mà có. Nếu chẳng thật có thì tức là không. Nếu đối với không chỗ có là không mà chấp có thì phải biết đó chỉ là vô minh điên đảo vọng chấp là có. Nếu biết chỗ điên đảo chấp pháp thì tất cả đều dối trá, cũng như mộng

huyễn, chỉ có tên gọi, pháp tên gọi cũng chẳng thật có thì đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, rốt ráo vắng lặng, cũng như hư không. Nếu hành giả biết tất cả pháp như hư không thì không lấy không bỏ, không nương tựa, không trụ trước. Nếu tâm không lấy bỏ, nương tựa, trụ trước thì tất cả vọng tưởng điên đảo, nghiệp hạnh sinh tử thảy đều ngưng dứt, không niệm không hạnh, không tạo tác, không nói bày, không cạnh tranh, thanh tịnh lặng lẽ như Đại Niết-bàn, ấy gọi là Chân chỉ. Đây thì chỉ mà không chỉ, không chỉ mà chỉ, gọi là thể chân thỉ. Nên kệ nói:

Đối tất cả các pháp
Nhân duyên không, vô chủ
Dứt tâm, hiểu nguồn gốc
Nên gọi là Sa-môn.

4. Nói về chứng chỉ, có hai giải thích khác nhau: 1. Có Sư nói: Chỉ không có chứng khác, chỉ làm tiền phương tiện cho các thiền. Nếu có chỗ chứng tức thuộc về các thiền khác. Nghĩa này sau sẽ nói, trong phát gốc lành tức là việc ấy; 2. Có Sư nói: Chỉ không phải phát chung các thiền, cũng có pháp chứng riêng, tức là năm luân thiền. Vì sao? Vì các pháp môn khác đều có pháp riêng tu tập An tâm, nên sau đó thứ lớp phát thiền khác nhau. Nay nói chỉ này, chỉ là chế tâm một chỗ, thì năm luân tự phát. Ví như nước yên không sóng thì muôn hình ảnh đều hiện. Chỉ cũng như thế, nay nói nhân chỉ mà chứng năm luân. Năm luân là: Một là Địa luân, hai là Thủy luân, ba là Phong luân, bốn là Kim sa luân, năm là Kim cương luân. Năm pháp môn này đều mượn dụ mà đặt tên, gọi chung là Luân, là chuyển, như bánh xe đời chuyển lìa đây đến kia. Trong thiền nói luân cũng như thế. Như Địa luân do lìa địa dưới loạn tâm mà chuyển lên địa trên, nên gọi là Luân. Cho đến nghĩa luân kim cương cũng giống như thế, chuyển đến cực quả vô học, một là địa luân, như đất có hai nghĩa: Một là trụ trì bất động, Hai là sinh ra muôn vật. Nhân Vị Đáo địa sinh ra các thứ công đức của Sơ thiền, đồng sinh ra muôn vật; Hai là Thủy luân. Thủy có hai nghĩa: một là thấm nhuần sinh trưởng, hai là thể tánh mềm mại. Hành giả ở trong Địa luân nếu chứng Tam-muội Thủy luân tức là phát các công đức thiền. Nước định nhuận tâm tự biết trong tâm gốc lành thêm lớn, tức là nghĩa thấm nhuần. Nhờ định mà được, nên thân tâm mềm mỏng bẻ gãy tâm cống cao, thì tâm theo pháp lành tức là nghĩa mềm mỏng nên gọi là Thủy luân; Ba là Phong luân, như gió thế gian có ba nghĩa: một là đi trên hư không vô ngại, hai là cổ động muôn vật, ba là phá hoại. Hành giả phát Tam-muội Phong luân cũng giống như thế. Nếu do thiền định mà phát tướng, giống

như trí tuệ phương tiện vô ngại, như gió dạo chơi trên hư không, tất cả vô ngại. Nghĩa cổ động là được đạo phương tiện, tức là kích phát các thứ gốc lành xuất thế, công đức thêm lớn. Phá hoại: trí tuệ phương tiện có công năng dẹp phá tất cả các kiến phiền não. Nếu người Nhị thừa được Tam-muội Phong luân tức là năm tướng phương tiện, giống như vô lậu giải phát. Nếu là Bồ-tát tức vào Thiết luân mười Tín, ấy gọi là Phong luân; Bốn là Kim sa luân. Kim là dụ cho chân, sa là dụ cho không mê đắm: nếu hành giả phát chân tuệ kiến tư không nhiễm không đắm, được ba đạo quả. Nếu là Bồ-tát thì vào vị Tam hiền mười địa, phá được tất cả trần sa phiền não, đó là Kim sa luân; Năm là Kim cương luân. Đạo vô ngại thú chín gọi là Tam-muội Kim cương luân, ví như thể kim cương rất cứng bén, cắt phá được các vật. Tam-muội Kim cương cũng giống như thế, chẳng bị vọng hoặc xâm phạm, dứt được tất cả kết sử mà thành tựu A-la-hán. Nếu ở tâm Bồ-tát, tức là kim cương Bát-nhã phá vô minh tế hoặc, chứng trí Nhất thiết chủng, cũng gọi là Thanh tịnh thiền. Bồ-tát nương theo thiền ấy mà được quả đại Bồ-đề. Lại nữa như chiếc (xe) không có trâu kéo thì không thể chuyển đi được, năm luân thiền định cũng giống như thế. Tuy đương địa đều có các diệu công đức. Nhưng nếu chẳng thể nhận chân để dắt dẫn, trước không huân tu thì ở các địa đều bị trở ngại, trái dụng của luân. Nay hành giả khéo tu thể chân không mê đắm nên có thể từ Sơ tâm mà chuyển đến cực quả, dụng của luân liền thành. Do đó kính Pháp Hoa chép: chúng sinh chỗ nào cũng đắm trước, dẫn dắt cho ra khỏi. Phải biết hành giả khéo tu chỉ môn thì sẽ đầy đủ năm luân thiền định, chứng quả Thánh ba thừa.

2. Xét căn tánh thiện ác. Hành giả đã khéo tu chỉ môn, dứt các loạn tưởng thì tâm ấy chứng tịnh. Vì tâm tịnh nên gốc lành đời trước tự nhiên khai phát. Nếu người không có điều lành thì phát các pháp ác, cho nên kinh nói: Trước dùng định mà lay động, sau dùng trí mà nhổ. Chỉ là môn đầu, trong hai việc thiện ác phải có một. Hành giả phải biết rõ tướng ấy trong, khoảng lấy bỏ chẳng trái chánh đạo. Cho nên phải phân biệt, nay đối với căn tánh thiện ác, tức có hai ý: Một là xét căn tánh thiện, hai là xét căn tánh ác. Nhưng nói về luận thiện ác phát trước sau đều theo người ấy, chưa hẳn nhất định trước thiện mà sau ác.

1- Xét căn tánh thiện, có bốn ý: Một là nêu chương môn pháp lành, hai là chánh nói về sự phát sinh gốc lành, ba là xét biết hư thật, bốn là phân biệt phát thiền bất định.

1. Nêu chương môn pháp lành, thiện có hai thứ: Một là ngoại thiện, hai là nội thiện. 1) Ngoại thiện, thiện có nhiều thứ, lược có năm

thứ: Một là bố thí, hai là trì giới, ba là hiếu thuận cha mẹ sư trưởng, bốn là kính tin Tam bảo, siêng năng cúng dường, năm là đọc tụng nghe học. Lược năm gốc lành này bày biểu ngoại thiện phát tướng khác nhau, cho nên đều thuộc ngoại thiện, vốn ở Bản hạnh đều là trong tán tâm mà tu tập, chưa thể lìa bỏ cõi dục mà phát các thiền định vô lậu nên nói là ngoại thiện; 2) Nội thiện tức năm môn thiền: một là môn A-na-ba-na, hai là Tam-muội Bất tịnh, ba là môn Từ tâm, bốn là môn Nhân duyên, năm là môn Niệm Phật Tam-muội. Năm pháp môn nầy nhiếp chung tất cả các thiền, phát các vô lậu nên gọi là nội thiện. Hỏi: Nội thiện nhiều vô lượng, sao chỉ nói có năm môn? Đáp: Năm tên tuy ít mà hạnh chung cho các thiền. Vì sao? Vì một là môn A-na-ba-na, ở đây chung cho các Tam-muội căn bản và đặc thắng, thông minh, v.v... Hai là môn Bất tịnh quán, ở đây chung cho các thiền Tam-muội chín tưởng, bối xả, siêu việt, v.v...; Ba là môn Từ tâm, ở đây chung cho bốn vô lượng các thiền Tam-muội; Bốn là môn Nhân duyên, ở đây chung cho các thiền Tam-muội tuệ hạnh như mười hai nhân duyên, bốn đế, v.v...; Năm là Tam-muội Niệm Phật, ở đây chung cho chín thứ thiền và một trăm lẻ tám Tam-muội. Lại nữa, môn Sổ tức tức là thiền thế gian phàm phu. Kế là môn Bất tịnh tức là thiền xuất thế gian mà các vị Thanh văn đã thực hành. Kế môn từ tâm tức là hai người phàm thánh, là tu từ đại phước đức vào bôn tâm vô lượng. Kế là môn Nhân duyên tức là Bích-chi-phật thực hành. Kế môn Niệm Phật, công đức rộng lớn là chỗ làm của các Bồ-tát. Ở đây thì nói lược năm môn thứ lớp cạn sâu. Lại nữa, năm môn thiền định là đối trị bốn phần phiền não. Bốn phần phiền não sinh ra tám muôn bốn ngàn trần lao. Phải biết năm môn này cũng sinh ra tám muôn bốn ngàn pháp môn. Ở đây nói năm môn nhiếp tất cả nội thiện, đầy đủ số người nói về Sơ Hiền Ngũ Đình Tâm quán phát, cùng với đây có chỗ khai nhau.

2. Kế nói tướng phát gốc lành, cũng có hai: Một là ngoại thiện căn tướng phát, hai là nội thiện căn tướng phát.

1) Ngoại thiện căn tướng phát, ngoại thiện chẳng phải một, nay y theo chương môn trước nói lược năm thứ: Một là nếu hành giả ngồi tịnh định, bỗng thấy các thứ y phục, ngọa cụ, ăn uống, châu báu, ruộng vườn, ao hồ, xe cộ, v.v... hoặc do tâm tịnh mà tự xa lìa tâm san tham, thực hành bố thí không hề luyến tiếc. Phải biết đây là Tập báo bố thí của quá khứ và đời này, hai thứ gốc lành phát tướng; Hai là nếu hành giả ở trong chỉ tịnh định, bỗng thấy thân mình tướng tốt đẹp đẽ, thân đắp y thanh tịnh, đúng pháp tắm gội sạch sẽ, được vật sạch đẹp, thấy các

việc như thế. Hoặc do tâm tịnh mà phát tâm giới nhẫn tự nhiên biết nhẹ biết nặng, cho đến tội nhỏ tâm cũng rất sợ hãi, nhẫn nhục nhún mình. Phải biết đây là Tập báo giới nhẫn quá khứ và đời này hai thứ gốc lành phát tướng; Ba là hành giả trong lúc ngồi thiền bỗng thấy sư tăng, cha mẹ, tông thân, quyến thuộc mặc áo sạch đẹp, vui vẻ đẹp đẽ, thấy các việc như thế. Hoặc lại vì tâm tịnh mà tự nhiên sinh tâm nhân từ cung kính hiếu để. Phải biết đây là Tập báo hiếu tôn trưởng quá khứ và đời nay hai thứ gốc lành phát tướng; Bốn là hành giả, trong khi ngồi bỗng thấy các chùa tháp hình tượng tôn nghiêm, kinh sách cúng dường trang nghiêm thanh tịnh, chúng tăng tụ hội đông đúc, thấy các việc như thế. Hoặc ở trong tâm tịnh mà phát kính tin tôn trọng Tam bảo tâm vui thích cúng dường siêng năng mạnh mẽ, thường không hề chán mỏi. Phải biết đây là Tập báo kính tin Tam bảo siêng năng cúng dường, hai thứ gốc lành quá khứ và đời này phát tướng; Năm là hành giả trong khi ngồi, nhờ tâm lắng yên, hoặc thấy giải thích ba tạng, nghe nhận đọc tụng Đại thừa, bốn chúng có đức. Hoặc khi tâm tịnh đọc tụng tự nhiên mà vào, tùy chỗ lắng nghe tức liền khai ngộ, hoặc tự nhiên lại hiểu rõ ba tạng kinh điển Đại thừa, phân biệt không trệ ngại. Phải biết đều là Tập báo đọc tụng nghe nói hai thứ gốc lành quá khứ và đời này phát tướng. Nếu hành giả thấy các tướng tốt như thế và phát các tâm lành, thì đây không phải là thiền định, phần nhiều là quá khứ, đời này ở trong tán tâm mà tu các công đức. Nay vì năng lực tâm tịnh nên phát ra việc ấy. Thấy các tướng mạo đó đều thuộc tướng báo nhân, hiện tâm lành khai phát đều là Tập nhân lành phát sinh. Như thế rất nhiều nói không hết được, ở đây lược bày đại ý. Lại nữa, phát hai nhân Tập báo hành giả căn tánh khác nhau. Có hành giả chỉ phát tướng Báo nhân mà chẳng phát Tập nhân tâm lành. Có người thì phát đủ hai nhân tập báo, có người cả hai đều chẳng phát. Các việc nhân duyên như thế khó hiểu, đâu thể giải thích nhầm. Hỏi rằng: Gốc lành tán tâm đâu thể ở trong tịnh tâm mà hiện? Đáp: Ở trong thiền định còn thấy khởi lên nghiệp ác phiền não của quá khứ và đời nầy huống chi là gốc lành giúp lý mà chẳng thấy được hay sao. Hỏi: Thấy các tướng nầy có khi nào do ma làm ra chăng? Đáp: Cũng có khi do ma làm. Nếu muốn phân biệt, chỉ gọi ma là kẻ giết hại. Khi các tướng này phát ra thì khiến hành giả tâm thức loạn động, hoặc thấy tăng thêm các phiền não, ép ngặt che chướng rất nhiều nạn ngại, không lợi cho định tâm, đều là do ma làm ra. Còn gốc lành phát ra thì hành giả tự biết. Thấy tướng nầy rồi tuy chưa chứng thiền định mà thân tâm sáng suốt, các căn thanh tịnh. Thân có sắc lực ấy là do niệm lành

khai phát. Do đây trở đi tụ biết tâm thần có thể dễ nhiếp phục, thân tâm an ổn không có các lỗi lầm, tai nạn. Phải biết đây là gốc lành phát tướng. Lại nữa, nếu các việc lành phát sinh là tướng Báo nhân thì hiện ra liền mất, còn Tập nhân tâm lành thì tiếp tục hiện mãi không thôi. Nếu là loạn tâm lành hành giả thì tạm phát lại mất, hoặc có lúc biến thành niệm ác, phải biết đó là ta. Lại nữa, tướng tà chánh rất khó lường, tự chẳng gần gũi minh sư thì không thể vọng lấy. Hỏi: Các gốc lành này phải là một bề phát ở trước, hay khi chứng các thiền ở sâu trong định mà phát? Đáp: Việc này không nhất định, chưa hẳn một bề ở định trước mà thấy. Vì thiện ngoài thô nên nói trước mà thôi.

2) Nội thiện căn phát tướng. Nay y cứ năm môn trong thiền, một môn mở làm ba, hợp có mười lăm thứ gốc lành phát:

Một là A-na-ba-na có ba thứ gốc lành phát tướng khác nhau: một là gốc lành Sổ tức, hai là gốc lành Tùy tức, ba là gốc lành quán tức. Một là gốc lành Sổ tức, là hành giả như trên, khéo tu ba chỉ, thân tâm điều hòa phát ở cõi Dục và các thiền như Vị Đáo địa, v.v... Thân tâm rỗng rang vắng lặng, định tâm an ổn. Ở sau hoặc một ngồi hai ngồi cho đến trải một tuần, hoặc cả tháng cả năm đem hơi thở được chỗ, định tâm không lui sụt. Tức tâm ở trong định bỗng biết thân tâm vận động tám xúc thứ lớp mà khởi. Đây tức là tướng phát căn bản sơ thiền gốc lành. Ở trong định này hỷ lạc tâm lành an ổn chẳng thể ví dụ. Phát Sơ thiền như thế rồi cho đến phát bốn không thiền định v.v... Hai là phát gốc lành tùy tức, cũng ở tâm cõi dục Vị Đáo định tâm, bỗng biết hơi thở ra vào dài ngắn, và các lỗ chân lông khắp thân đều thông suốt, tức dùng tâm sáng suốt mà thấy ba mươi sáu vật trong thân. Cũng như mở kho thấy rõ thóc lúa mè đậu, tâm rất mừng vui, vắng lặng an ổn trừ các thân hành, cho đến tâm nhận các thọ vui mừng, ấy là đặc thắng gốc lành phát tướng; Ba là phát gốc lành quán tức, cũng ở cõi Dục Vị đáo tế tĩnh tâm, bỗng thấy hơi thở mình từ các lỗ chân lông ra vào khắp thân vô ngại, dần dần sáng rõ. Như trong mành lược mà thấy nhiều lớp da, cho đến xương thịt, v.v... cũng như thế, cũng thấy trong thân có tám muôn ổ vi trùng lớn nhỏ, dài ngắn, tiếng nói lời lẽ định tâm hỷ lạc gấp nhiều lần như nói ở trên. Hoặc thấy thân mình như thân cây chuối, như đám bọt, như bóng, như mây. Đây là thông minh quán gốc lành phát tướng.

Hai là quán Bất tịnh, có ba thứ gốc lành phát tướng khác nhau. Một là chín tưởng, hai là bối xả, ba là đại bất tịnh quán. Một là gốc lành chín tưởng, cũng ở trong cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng thấy thây chết nam nữ sình chương. Khi ấy, tâm rất kinh ngộ, tự thương mình ngày

xưa mê mờ chán sợ, năm dục yêu thích thật chẳng dám gần gũi. Hoặc thấy huyết ứ xanh dờn, thịt da rả nát, giòi bọ đục khoét rơi vãi khắp nơi, xương trắng mục nát cùng khắp. Đây là chín tưởng gốc lành phát tướng; Hai là bối xả gốc lành phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng thấy trong thân bất tịnh của mình sình chương rã nát, hoặc thấy thân mình xương gân từ đầu đến chân ràng rịt, chống gá nhau. Cho đến thấy xương người lấp lánh phát sáng. Định tâm yên ổn chán sợ năm dục, chẳng chấp ngã nhân. Đây là bối xả gốc lành phát tướng; Ba là Đại bất tịnh quán gốc lành phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo định tâm mà thấy trong thân, ngoài thân, tất cả chim thú y phục ăn uống, núi rừng cây cối đều bất tịnh. Hoặc thấy một ngôi nhà, một ngôi làng, một cõi nước, cho đến mười phương đều bất tịnh. Hoặc thấy xương trắng cho đến thân mình trắng toát sáng lấp lánh. Đây là Đại bất tịnh quán xứ gốc lành phát tướng. Khi quán nầy phát ra có thể phá tất cả tâm mê đắm.

Ba là Từ tâm quán, có ba thứ gốc lành phát khác nhau: một là chúng sinh duyên từ, hai là pháp duyên từ, ba là vô duyên từ. 1. Chúng sinh duyên từ phát tướng cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên phát tâm thương xót chúng sinh. Trước duyên người thân được tướng vui, do đó, phát định mà an ổn sung sướng, cho đến duyên người oán thù đều thấy được vui, không có tức giận, không oán không não rộng lớn vô lượng đầy khắp mười phương. Ấy là chúng sinh duyên từ gốc lành phát tướng. Hoặc phát chúng sinh duyên bi cho đến hỷ xả, cũng giống như thế; 2. Pháp duyên từ phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên tự biết tất cả trong ngoài chỉ có pháp ấm nhập, khởi chỉ có phát khởi, diệt chỉ có pháp diệt. Chẳng thấy chúng sinh và ngã, ngã sở. Chỉ có năm ấm, ở trong thọ ấm có thọ vui. Biết như thế rồi, tức duyên với thọ vui nầy mà phát từ định không sân không hận, không oán không não, rộng lớn vô lượng, đầy khắp mười phương. Đó là pháp duyên từ. Hoặc phát pháp duyên bi, cho đến hỷ xả, cũng như từ gốc lành phát tướng; 3. Vô duyên từ phát tướng, cũng ở cõi dục Vị đáo định tâm, bỗng nhiên giác ngộ tất cả các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng thấy hai bên. Bảo là hoặc chúng sinh không phải chúng sinh, hoặc pháp không phải pháp, đều chẳng thật có, thì không có sở duyên để vô duyên. Tưởng điên đảo dứt thì vắng lặng an vui, tâm cùng từ định tương ưng, quán bình đẳng tất cả đồng an vui này, không sân hận, không oán não, rộng lớn vô lượng, đầy khắp mười phương. Đó là vô duyên từ gốc lành phát tướng. Hoặc phát vô duyên bi định, cho đến hỷ xả cũng giống như thế.

Bốn là quán nhân duyên, có ba thứ gốc lành phát khác nhau: Một là ba đời mười hai duyên, hai là quả báo mười hai duyên, ba là một niệm mười hai duyên. Một là ba đời mười hai duyên gốc lành phát tương, cũng ở cõi Dục Vị đáo định tâm, bỗng nhiên giác ngộ tâm sinh suy tìm, ba đời quá khứ vô minh đến, chẳng thấy các pháp ngã nhân vô minh, chẳng đoạn chẳng thường, phá hết sáu mươi hai thứ tà kiến, tâm được chánh định, an ổn vắng lặng, quán tuệ rõ ràng thông suốt vô ngại, thân miệng thanh tịnh, chánh hạnh thành tựu. Đây là ba đời mười hai nhân duyên quán tuệ gốc lành phát tướng; Hai là quả báo mười hai nhân duyên gốc lành phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo định tâm bỗng biết tâm thức sáng lanh, tức tự nghĩ tìm, khi ta mới sinh khu ấy thân phần cha mẹ cho là mình có, gọi là Ca-la-la. Khi Ca-la-la gọi là vô minh nhân duyên mà có hành thức, cho đến già chết, gọi là mười hai nhân duyên. Nếu khi Ca-la-la thì chỉ có ba việc hòa hợp không nhân không ngã, ba việc chẳng thật. Nay mười hai nhân duyên như vô minh, v.v... rốt ráo là nương vào cái gì. Nếu chẳng thấy các pháp như vô minh v.v... nhất định là có, thì hà là không tà kiến hay sao? Nghĩ như thế thì phá hai chấp có không, tâm quy về chánh đạo, tương ưng với chánh định thì tuệ giải khai phát mà lìa các tà hạnh. Đây là quả báo mười hai nhân duyên quán trí gốc lành phát tướng. Như mười hai nhân duyên nói đây là xuất xứ từ kinh Đại Tập có nói đủ. Ở đây nói tướng nhân duyên đồng với khổ tập. Cũng được y cứ đây mà nói bốn đế gốc lành phát sinh; Ba là một niệm mười hai nhân duyên gốc lành phát tướng. Cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên tự biết tâm từng sát-na không nhân không ngã, tánh vốn không thật. Vì sao? Vì khi một niệm khởi thì nhờ nhân duyên. Nói nhân duyên tức đủ mười hai nhân duyên. Duyên không tự tánh thì một niệm đâu có nhất định là thật. Nếu chẳng được một niệm thật, thì phá thể tánh tà chấp, tâm tương ưng với chánh định, trí tuệ khai phát tâmcũng như suối phun, thân ngữ thanh tịnh, lìa các tà hạnh. Đó là một niệm mười hai nhân duyên gốc lành phát tướng. Mười hai nhân duyên nầy cũng xuất xứ từ kinh Đại Tập. Cũng được y cứ mười hai duyên mà nói một tâm đủ bốn đế gốc lành phát tướng.

Năm là niệm Phật, có ba thứ gốc lành phát tướng: Một là niệm ứng Phật, hai là niệm báo Phật, ba là niệm pháp Phật. Nói ba nghĩa Phật lấy từ kinh Lăng-già, phân biệt rộng tướng ấy. Một là Niệm Ứng Phật, gốc lành phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên nhớ nghĩ công đức niệm Phật, liền nghĩ rằng: Như lai xưa kia trong A-tăng-kỳ kiếp vì tất cả chúng sinh mà thực hành đủ sáu Ba-la-mật tất

cả công đức trí tuệ, nên thân có tướng tốt ánh sáng, tâm có trí tuệ viên chiếu, hàng phục ma oán, không thầy mà tự ngộ, tự giác giác tha, xoay bánh xe chánh pháp độ khắp tất cả, cho đến vào Niết-bàn rồi, xá-lợi kinh giáo vẫn rộng lợi ích chúng sinh. Các công đức như thế vô lượng vô biên. Khi nghĩ như thế liền sinh tâm ái kính mà Tam-muội khai phát, nhập định an vui. Hoặc ở trong định thấy thân tướng Phật mà tâm lành khai phát. Hoặc nghe Phật nói pháp, tâm tịnh tin hiểu. Các cảnh giới tốt đẹp như thế không phải một. Ấy là Niệm ứng Phật gốc lành phát tướng; Hai là niệm báo Phật gốc lành phát, cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên nhớ nghĩ thân quả báo viên mãn chân thật của Chư Phật mười phương, rỗng rang thường trụ, sắc tâm thanh tịnh, mầu nhiệm vắng lặng, công đức trí tuệ đầy khắp pháp giới, chẳng sinh chẳng diệt, vô tác vô vi, chẳng có sinh ở cung vua, cũng chẳng mất ở Song thọ. Vì giáo hóa chúng sinh mà cõi Phật mười phương khắp ứng sinh diệt. Các công đức như thế v.v... vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Khi, nghĩ như thế thì tâm định an ổn, Tam-muội khai phát, tuệ giải rõ ràng, hoặc thực hành ở trong định (hoặc trong khi ngồi định) thì thấy cảnh giới Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, liền sinh ra vô lượng hạnh nguyện, vô lượng công đức, vô lượng trí tuệ Tam-muội pháp môn. Đó là niệm bào Phật gốc lành phát tướng; Ba là Niệm pháp Phật gốc lành phát Tịnh độ, cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên nhớ nghĩ pháp thân thật tướng của Chư Phật mười phương cũng như hư không, liền giác ngộ tất cả các pháp vốn tự chẳng sinh, nên nay không diệt, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng tới chẳng lui, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng cảnh chẳng trí, chẳng nhân chẳng quả, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng buộc chẳng thoát, chẳng phải sinh tử, chẳng phải Niết-bàn, rỗng rang thanh tịnh, có Phật hay không Phật, tánh tướng cũng thường như thế. Chúng sinh, Chư Phật đồng một thật tướng, tức là pháp thân Phật. Cho nên kinh Đại Phẩm nói: Các pháp như thật tướng. Các pháp như thật tức là Phật, lìa đây thì không có Phật khác, khi nghĩ như thế thì Tam-muội hiện tiền, thật tuệ khai phát, liền thông suốt vô lượng pháp môn, vắng lặng bất động. Tất cả cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều hiển bày trong định là tướng thành tựu. Như kinh Pháp Hoa đã nói rộng trong sáu căn thanh tịnh. Đó là niệm pháp Phật gốc lành phát tướng. Trong đó nói nhân chỉ mà phát mười lăm môn thiền tướng, đều là y cứ Sơ thiền. Ở Sơ cảnh giới không có tượng (hình ảnh) mà nói tất cả tướng chứng thiền định đều không thể dùng văn mà trình bày đầy đủ; Cái chỉ này là chỉ cho tập nhân quá khứ của hành giả khác nhau, nên phát thiền chẳng

bằng nhau. Nếu muốn nói đủ mười lăm môn thiền sự lý rộng rãi sâu xa, thì ở đoạn bảy lớn (chương bảy) trong phần tu chứng sẽ nói từ đầu đến cuối, phải phân biệt ít phần. Lại nữa, nêu ở cõi Dục Vị đáo địa thì thân tâm lắng yên. Hoặc phát vô thường, khổ, không, vô ngã. Bất tịnh thế gian, có thể chán sợ đoạn lìa hết các tưởng ăn thây chết bất tịnh, hoặc phát niệm Phật, Pháp, Tăng, giới, xả, thiên, v.v... các niệm hoặc phát niệm xứ, chánh cần, như ý, căn lực, giác đạo, v.v... hoặc phát các quán không, vô tướng vô tác, bốn đế, mười sáu hạnh, v.v..., hoặc phát các hạnh nguyện công đức Ba-la-mật bốn nhiếp, bốn biện, v.v..., hoặc phát các thần thông Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng v.v..., hoặc phát nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến chẳng có mười tám không như pháp có pháp không, v.v... Hoặc phát các môn Tam-muội, tự tánh thiền mười lực chủng tánh Tam-ma-bạt-đề Thủ-lăng-nghiêm, Sư tử hống v.v... hoặc phát tuyền Đà-la-ni trăm ngàn muôn ức tuyền Đà-la-ni, pháp âm phương tiện Đà-la-ni, v.v... tất cả môn Đà-la-ni. Các thứ thiền Tam-muội như thế v.v..., cảnh giới khác nhau, tướng nó rất nhiều, ở đoạn lớn thứ bảy (chương bảy) trong phần tu chứng sẽ nói rõ tướng cảnh giới rộng sâu của các thiền Tam-muội, sẽ phân biệt đầy đủ.

■

THÍCH THIỀN BA-LA-MẬT THỨ ĐỆ PHÁP MÔN

QUYỂN 3
(PHẦN 2)

CHƯƠNG VI: PHÂN BIỆT TIỀN PHƯƠNG TIỆN CỦA THIỀN BA LA MẬT (Tiếp Theo)

Ba là xét biết hư thật, có hai ý: Một là nói về xét hư thật, hai là phân biệt ma, không phải ma. 1. Xét biết hư thật, nếu ở trong định phát các gốc lành, trong ấy có chân có ngụy, chẳng thể lầm sinh lấy bỏ, vì sao? Nếu khi phát các thiền Tam-muội thì tâm chẳng riêng biết, hoặc thấy ma định thì bảo là gốc lành phát sinh mà tâm sinh mê đắm, nhân tà tịch nầy mà bị bệnh phát điên. Hoặc gốc lành lại bảo là ma định, tâm nghi ngờ mà lìa bỏ thì liền mất thiện lợi. Việc ấy khó biết. Nếu muốn biết rõ, phải y theo hai pháp mà xét, liền biết chân ngụy: một là xét tướng mà biết, hai là xét pháp mà biết. Một là xét tướng mà biết, có hai ý là tà và chánh. Tà là như trong căn bản thiền, khi các xúc phát thì phát bất cứ một xúc nào. Nếu có tà pháp thì đó là tướng tà. Tà pháp rất nhiều, nay y cứ trong một xúc lược nêu ra mười cặp tà pháp để nói về tướng tà: Một là xúc thể thêm bớt, hai là định loạn, ba là có không, bốn là sáng tối, năm là lo mừng, sáu là khổ vui, bảy là thiện ác, tám là ngu trí, chín là buộc thoát, mười là tâm cứng rắn mềm mỏng, mười đôi nầy nói về tướng tà, đều y cứ quá mức hoặc chẳng phân biệt được biết.

1. Xúc thể thêm bớt, nếu khi động xúc phát sinh thì hoặc thân động, tay giơ lên chân cũng lên theo. Nhưng người ngoài chỉ thấy sừng sững như ngủ, hoặc làm thân quỉ, thân tay cử động lăng xăng, hoặc khi ngồi mà thấy các cảnh lạ. Đây là tướng thêm, còn bớt là khi động mới phát hoặc trên hoặc dưới chưa kịp khắp thân, liền dần dần diệt mất. Do đây đều mất cảnh giới, khi ngồi thì tiêu mất không một pháp giữ thân. Đây là tướng bớt.

2. Định loạn: định là khi động xúc phát sinh biết tâm và thân bị định ràng buộc, chẳng được tự tại, hoặc do đây liền vào tà định, cho

đến bảy ngày chẳng ra. Loạn, là khi động xúc phát thì tâm ý động loạn, phan duyên chẳng dừng.

3. Không có, không là khi xúc phát đều chẳng thấy thân, bảo là chứng không định. Có là khi xúc phát biết thân bền chắc cũng như gỗ đá.

4. Sáng tối: sáng là khi xúc phát thì thấy bên ngoài các thứ sắc sáng cho đến mặt trời, mặt trăng, các sao, các ánh sáng xanh vàng đỏ trắng. Tối, là khi xúc phát thì thân tâm tối đen như vào nhà tối.

5. Lo mừng: lo là khi xúc phát thì tâm nóng nảy, tiều tụy không vui. Mừng là khi xúc phát thì tâm rất mừng rỡ mạnh mẽ chẳng thể tự an.

6. Khổ vui: khổ là khi xúc phát thì thân tâm nơi nơi đều đau buồn. Vui là khi xúc phát thì rất vui sướng, mê đắm triền miên.

7. Thiện ác: Thiện là khi xúc thì nghĩ nhớ tám thiện giác quán, phá hoại Tam-muội. Ác là khi xúc phát sinh thì không biết hổ thẹn v.v... các tâm ác sinh ra.

8. Ngu trí: Ngu là khi xúc phát thì tâm thức ngu lầm hôn mê điên đảo. Trí là khi xúc phát thì lợi sử tri kiến tâm sinh tà giác phá hoại Tam-muội.

9. Buộc thoát: buộc là khí xúc phát sinh thì năm cái và các phiền não che lấp tâm thức. Thoát là khi xúc phát thì bảo là chứng định không, vô tướng, được đạo được quả, dứt kiết giải thoát, sinh tâm tăng thượng mạn.

10. Tâm cứng rắn mềm mỏng: Mạnh là khi xúc phát thì tâm ấy cứng chắc ra vào chẳng được tự tại, cũng như gạch ngói chẳng thể trở lại, chẳng thuận thiện đạo. Mềm yếu là khi xúc phát thì tâm chí mềm yếu dễ bại hoại, cũng như đất bùn mềm chẳng thể làm đồ gốm. Như thế hai mươi thứ ác xúc nhiễu loạn tâm, ngồi phá hoại thiền định, khiến tâm tà tịch. Đó là tà định phát tướng. Lại nữa, hai mươi tà pháp tùy chỗ phát, nếu chẳng phân biệt được tà ngụy mà tâm sinh mê đắm thì do đây mà mất tâm, cuồng dật hoặc ca hát, hoặc khóc lóc, hoặc cười hét rên rỉ, hoặc có lúc điên cuồng chạy rong, hoặc có lúc bị bệnh, có khi đến chết. Hoặc có lúc muốn nhảy xuống vực sâu, nhảy vào lửa mà tự vẫn. Các chướng não như thế chẳng phải một. Lại nữa, trong hai mươi thứ tà ấy hễ phát bất cứ một tà nào thì tương ưng với chín mươi sáu thứ đạo quỉ thần hoặc một pháp quỉ thần, mà chẳng hay biết, tức nghĩ đạo hạnh đó, pháp đó ở trong pháp mà được. Quỉ thần theo ý nghĩ liền vào. Do đó mà chứng pháp môn quỉ thần, quỉ càng thêm thế lực, hoặc phát các tà định

sâu và trí tuệ biện tài, biết việc lành dữ ở đời, thần thông lạ lùng hiện việc ít có, cảm động chúng sinh, rộng hóa hạnh tà. Hoặc làm ác lớn, phá gốc lành của người hoặc tuy làm lành mà chỗ làm ngụy tạp. Người đời vô trí không biết, chỉ thấy khác người cho là Hiền thánh mà tâm rất kính tin. Nhưng trong nội tâm thì điên đảo, chuyên làm pháp quỉ, thường dạy người pháp quỉ. Cho nên người có tín hạnh thì phá chánh giới, phá chánh kiến, phá oai nghi, phá tịnh mạng. Hoặc có lúc ăn nuốt cứt đái, trần truồng không mắc cỡ. Chẳng kính Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, hoặc hủy hoại kinh sách hình tượng chùa tháp, làm các tội nghịch, dứt các gốc lành, hiện tướng bình đẳng. Hoặc tự khen nói việc làm bình đẳng. Cho nên chẳng phải đạo, không có chướng ngại, hủy hoại việc tu thiện của người, nên gọi là phi chánh đạo. Hoặc nói không nhân không quả, hoặc nói nhân tà quả tà. Như thế tà thuyết lăng xăng, hoại loạn chánh pháp. Nếu có người nghe thì tà pháp nhiễm tâm, bên trong thì chứng tà thiền Tam-muội, trí đoạn công đức, các thứ pháp môn, ngoài thì biện tài vô tận, oai phong hóa vật. Cho nên được các lợi ích như tiếng tăm, quyến thuộc, cúng dường, lễ kính, khen ngợi v.v... Lại dùng chín mươi sáu thứ đạo, kinh chép: vì người nói pháp, quỉ thần gia thêm năng lực thì tất cả người nghe đều tin nhận, tất cả người thảy đều yêu kính. Vì có các việc như thế, mà thâm tâm chấp trước chẳng thể quay lại. Các thứ tà hạnh điên đảo chẳng phải một. Nếu như thế thì phải biết người ấy xa lìa Thánh pháp, khi thân chết rồi thì đọa vào ba đường ác. Việc ấy như trong kinh Đại Phẩm và luận Đại thừa có nói rộng. Nếu muốn biết tướng quỉ thần phải tìm chín mươi sáu thứ Đạo kinh, so sánh phân biệt tỉ mỉ thì việc sẽ biết. Hỏi: Pháp tà tương ưng với người làm ác là lỗi hiện tại như thế khi chết rồi phải đọa vào ba đường ác, còn người có tâm giả dối làm lành thì lỗi ở hiện tại, khi chết rồi lại sinh về chỗ nào? Đáp: Người này thân miệng làm lành, tuy giống như Phật pháp mà giải tâm thì tà tịch. Nếu chẳng biết chướng phát ba thừa vô lậu, thì tuy chẳng hiểu chân mà trong tâm điên đảo, hoặc có lúc cũng có thể hưng thạnh Tam bảo, khuyến chúng sinh tu thiện. Người này chết rồi chưa hẳn đọa vào địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh mà tùy chỗ tương ưng với pháp quỉ thần, thì đồng sinh một chỗ với quỉ thần ấy, và làm quyến thuộc của họ. Hoặc có khi được sinh làm trời, người, có chín mươi sáu thứ đạo như kinh nói: Trên có hơn sáu mươi đạo khác, vì tà đảo tội chướng nặng nề nên phải đọc chú mà trị. Dưới có hơn hai mươi đạo khác, tà hoặc tội chướng nhỏ nhẹ, ngay đó hay biết mà thôi. Lại nữa, người ấy tuy sinh làm trời người mà tối tăm, thường lệ thuộc vào đạo tà ma, ưa thích gần gũi tà sư, ưa

nghe pháp tà, ưa làm đạo tà, cúng dường gần gũi, khen ngợi hành giả tà hạnh. Thấy có người chánh học Ba thừa thì chẳng ưa gần gũi hoặc làm cho não loạn, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Hoặc ma hoặc con của ma, hoặc ma nữ hoặc dân ma, hoặc người bị ma dựa. Kinh Đại Phẩm cũng nói: Hoặc ma trời, hoặc ma người, cho nên biết người ấy tuy sinh làm trời người mà cũng lệ thuộc vào ma, thường khởi nghiệp ma. Cho đến tuy được xuất gia mà cũng tạo nghiệp ma. Cho nên, kinh Niết-bàn chép: Sau khi Phật mất rồi năm trăm năm sau, ma đạo dần hưng thạnh. Ma làm Tỳ-kheo phá hoại Phật pháp. Cũng như trong kinh Đại Tập có nói rộng về tướng của nghiệp ma. Trong ấy đã phân biệt rộng. Như trong một động xúc, tà tưởng như thế thì trong bảy xúc kia cũng có đủ các tướng tà này, phải phân biệt mà biết. Như tà tướng của thiền căn bản như thế thì mười bốn môn kia, và trong các thiền hoặc sự hoặc lý đều có pháp tà ngụy. Việc ấy v.v... không thể nói hết. Hỏi: Khi phá tà xúc, là phát đủ hai mươi việc tà như trên đã nói, hay là không đủ? Đáp: có khi đủ, có khi không đủ. Nếu khi xúc phát thì có một tà pháp, nếu chẳng trừ ngay thì rơi vào tà định, huống chi là đủ hai mươi tà pháp. Vì sao? Thí như hai mươi người cùng đi, nếu một người là giặc thì gạt mười chín người kia. Trong thiền cũng thế, chỉ có một pháp ác thì phá hoại các pháp lành chẳng gọi là chánh định, huống chi là nhiều ư? Lược nói tướng một xúc như thế, thì bảy xúc kia tà tướng cũng thế. Lại nữa, lại có dị thiền môn tà pháp, vào định này cũng phải biết. Nói về cảnh giới tà pháp thì các thiền môn kia như một thiền quán bất tịnh, vào định này cũng có hai mươi tà pháp. Lại vào định này thì mười bốn môn thiền kia cũng giống như thế, mỗi mỗi phân biệt trong đó nói rộng. Nếu hành giả muốn chứng pháp này thì phải khéo biết rõ. Phương tiện soi rõ chẳng đắm pháp tà định thì nó tự mất.

Hai là nói về tướng chánh, nếu khi động xúc phát sinh thì không hướng về hai mươi pháp ác, có đầy đủ mười pháp lành, một là tướng xúc đúng pháp, hai là tướng định đúng pháp, ba là tướng không đúng pháp, bốn là tướng minh đúng pháp, năm là tướng hỷ đúng pháp, sáu là tướng lạc đúng pháp, bảy là tướng thiện đúng pháp, tám là tướng trí đúng pháp, chín là tướng giải thoát đúng pháp, mười là tướng tâm điều đúng pháp. Thế nào là đúng pháp? Nếu trái với hai mươi tướng bất thiện, an ổn thanh tịnh, điều hòa thích hợp vừa chừng thì đó là đúng pháp, đó gọi là tướng chánh. Việc này ở đoạn lớn thứ bảy sau nầy (chương bảy) nói về chứng căn bản sơ thiền giác chi sẽ phân biệt tướng ấy. Như một động xúc chánh tướng như thế thì bảy xúc chánh tướng kia cũng đều so sánh

đây mà biết. Hỏi: Trong ấy một bề chỉ theo sự, nếu theo tướng này mà phân biệt là tà, là chánh, là ngụy là chân, là nên bỏ hay nên lấy, há không phải là điên đảo nhớ tưởng, phải rơi vào tà tịch ư? Đáp: Chánh có hai thứ: Một là chánh thế gian, hai là chánh xuất thế gian. Nếu nói theo tướng pháp lành thế gian, thì đó tức là chánh tướng thế gian. Còn nói theo tướng giải thoát pháp lành xuất thế gian thì tức là chánh tướng xuất thế gian. Nay nói mười thứ chánh tướng trong căn bản xúc, tức là nói về chánh tướng thế gian. Như luận Đại thừa nói: Nhân chánh kiến thế gian mà được chánh kiến xuất thế. Nếu phá chánh kiến thế gian tức là phá chánh kiến xuất thế. Cho nên nay muốn nói chánh pháp xuất thế thì trước phải nói chánh pháp thế gian. Muốn nhân sự mà hiển lý, mượn gần mà nói xa, thì trước phải phân biệt chánh tướng xúc đầu trong Căn bản sự. Lại nữa, nếu xúc trong khi phát hoặc thấy ba mươi sáu vật hoặc phát từ tâm nhân duyên chánh trí niệm Phật, v.v... các thiền định khác. Nếu có công đức an ổn đúng pháp giúp ích xúc lạc thì cũng là gốc lành đời trước phát đều có mười thứ chánh tướng, đều là chánh định. Nhưng người chỉ muốn tu thiền định căn bản thành tựu thì đều không được lấy tướng ấy. Nếu tạ (lui mất) hay chẳng tạ thì đối với thiền căn bản không có hại gì. Nhưng hành giả ở đời mạt pháp gốc lành kém mỏng khi chứng xúc thì phần nhiều chẳng phát các sự lý khác cảnh giới trong thiền. Nay sợ người có phát mà chẳng biết nên lược nêu ra ý nầy. Còn mười bốn môn thiền kia phát chánh tướng cũng phải như thế, mỗi tự loại đều phân biệt rộng.

Hai là dùng cách xem xét mà biết tà chánh. Tự có tà thiền, tướng rất sâu kín khó biết, giống với chánh thiền, không phải theo tướng để biết, phải dùng ba pháp nghiệm mà biết: Một là định tâm nghiền mài, hai là dùng bản pháp tu tự, ba là trí tuệ phá chiết. Như kinh Niết-bàn chép: Muốn biết vàng thiệt phải dùng ba cách mà thử, đó là: đốt, đập, mài. Hành giả cũng như thế không thể biết rõ. Nếu muốn biết thì cũng phải thử bằng ba cách, đó gọi là phải làm việc chung với nó, làm việc chung mà không biết, thì phải ở chung lâu với nó. Ở lâu mà không biết thì phải dùng trí tuệ mà quán sát. Nay mượn ý nầy để nói về tướng tà chánh của thiền định. Như khi phát một động xúc, nếu tà chánh chưa rõ thì phải vào sâu định tâm ở trong cảnh phát đó mà chẳng lấy chẳng bỏ, chỉ bình tâm định trụ. Nếu là gốc lành thì năng lực định càng sâu, gốc lành càng phát. Còn nếu ma làm thì không bao lâu sẽ tự mất; Hai là dùng bản pháp tu trị, như phát thiền quán bất tịnh, lại tu quán bất tịnh, thì tùy chỗ khi tu cảnh giới càng sáng. Ở đây thì không phải ngụy, nếu

dùng bản tu trị mà dần dần mất đi, thì phải biết đó là tướng tà; Ba là dùng trí tuệ quán sát, là quán pháp phát ra suy tìm cội nguồn chẳng thấy chỗ sinh, biết sâu là vắng lặng, tâm chẳng trụ chấp, nếu tà thì phải tự mất, nếu chánh thì sẽ tự hiển sáng. Như đốt vàng thật thì sắc càng sáng, nếu là vàng giả thì sẽ đen đúa. Như sự hiểu biết nầy dùng ba pháp mà xét thì tà chánh rất dễ biết. Định là dụ cho mài, tu trị là dụ cho đập, trí tuệ quán sát dụ cho lửa đốt. Lại ở lâu là dụ cho mài, làm việc chung là dụ cho đập, lửa đốt là dụ cho trí tuệ quán sát. Các thiền định khác lệ theo đây mà xét, tà chánh có thể biết.

2. Phân biệt là ma hay không phải ma, có hai ý: Một là tướng ma, hai là không phải tướng ma. 1. Tướng ma thiền có hai thứ: Một là nói thiền không phải ma. Ma vào thiền, như hành giả ở trong chánh tâm phát các thiền định, ác ma sợ đạo cao nên đến phá rối mà vào thiền ấy. Nếu tâm tham đắm hoặc sinh lo sợ thì ma được dịp làm hại, nếu dụng tâm như trên mà đuổi đi thì ma tà liền diệt mất, như mây hết thì mặt trời sáng, định tâm sáng suốt thanh tịnh; Hai là nói một bề ma làm thiền định. Hành giả điên cuồng lầm lạc nếu biết không phải chân, dùng pháp mà trị, ma lui rồi thì không còn mảy may thiền pháp. Kế là nói không phải tướng ma. Tội chướng ở thiền giống như ma làm mà thật ra chẳng phải ma thì kho thể biết. Nếu dùng chỗ nói trước mà đuổi đi thì chẳng bao giờ được. Nếu khuyên tu sám hối, khi tội đã diệt thì thiền định tự nhiên rõ ràng. Lại nữa, hoặc khi vào thiền định mà phương chẳng khéo léo, đến nỗi khiến cảnh giới chẳng đúng pháp. Nếu khéo làm phương tiện thì chỗ chứng minh thanh tịnh nên biết không phải là ma làm.

Bốn là phân biệt phát thiền bất định, lược có năm ý: Một là chánh phân biệt hai tu sự lý phát thiền bất định, hai là nói lý do phát thiền, ba là luận phát thiền nhiều ít, bốn là nói tướng phát gốc lành đời trước, năm là y cứ hữu lậu vô lậu mà phân biệt.

1) Phân biệt hai tu sự lý phát thiền bất định. Hỏi: Trên đã nói ba chỉ như hệ duyên, chế tâm thì hai chỉ này đều là sự chỉ, chỉ là phát thiền định trong sự chỉ có thể chân chỉ là lý chỉ thì phải phát thiền định trong lý. Nay vì sao nói cả ba chỉ đều phát chung sự lý thiền định. Ở đây vì nhân quả lẫn lộn nên không biết? Đáp: Chẳng đúng nay một nhà đã nói hai tu sự lý thảy đều tùy căn duyên hành giả, ấy vì phát pháp khác nhau đâu thể phân biệt nhất định. Như trên nói về ba chỉ nếu nói lược thì phải như chỗ hỏi họp làm hai tu sự lý. Nếu phân biệt đầy đủ thì phải mở làm bốn tu, có hai: Một là y cứ chỉ môn nói bốn tu, hai là y cứ quán môn có bốn tu:

- Một, y cứ chỉ môn nói bốn tu: Một là sự chỉ, đó là hai chỉ hệ duyên và chế tâm, tức là sự tu; Hai là lý chỉ, đó là thể chân chỉ, tức là sự lý tu; Ba là sự lý chỉ, đó là duyên tục thể chân chỉ, tức là sự lý tu; Bốn là phi sự phi lý chỉ, tức là dứt hai bên phân biệt chỉ, là phi sự phi lý tu.

- Hai, y cứ quán môn nói bốn tu: Một là sự quán, đó là An ban, Bất định quán, v.v... tức là sự tu; Hai là lý quán, đó là các quán không, vô tướng, tức là lý tu; Ba là sự lý quán, đó là Trung đạo chánh quán, tức là phi sự phi lý tu. Nay vì muốn thành nghĩa chỉ môn, trước phát thiền bất định nên chỉ y cứ bốn chỉ để nói tu trong mỗi tu đều có bốn thứ phát thiền bất định. Cho nên trong bốn thứ tu gồm có mười sáu thứ phát thiền bản chất. Hành giả khéo biết tướng này thì tự hiểu rõ hai tu sự lý phát chung tất cả các thiền Tam-muội tâm không nghi ngờ. Vì sao nói trong bốn thứ chỉ, mỗi thứ đều có bốn thứ phát thiền bất định?

- Một là phân biệt sự tu phát thiền bất định, tức có bốn thứ khác nhau, một là có hành giả an tâm ở hệ duyên, chế tâm, v.v... các chỉ sự lại phát thiền định trong sự, tức là bốn thiền căn bản, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc và chín tưởng bối xả, thắng xứ, Nhất thiết xứ, v.v... trong các thiền Tam-muội; Hai là có người an tâm ở sự chỉ mà chỉ phát thiền định trong lý, tức là không, vô tướng, vô tác, ba mươi bảy phẩm, bốn đế, mười hai nhân duyên, v.v... các thiền Tam-muội trong lý tuệ hành; Ba là có người an tâm ở sự chỉ, phát đủ sự lý thiền định, tức là bốn thiền căn bản, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, chín tưởng bối xả, thắng xứ, Nhất thiết xứ, v.v... các thiền định trong sự và không, vô tướng, vô tác, ba mươi bảy phẩm, bốn đế, mười hai nhân duyên, v.v... các thiền định Tam-muội trong tuệ hành lý, cho đến đặc thắng, thông minh, đều thuộc sự lý thiền định; Bốn là có người an tâm ở sự chỉ bèn phát thiền định không phải sự không phải lý, tức là tự tánh thiền, Nhất thiết thiền và Tam-muội Pháp Hoa, Tam-muội Nhất Hạnh, Thủ-lăng-nghiêm Sư Tử Hẩu, v.v... thuộc Trung đạo các thiền Tam-muội, cho đến mười lực, vô úy, pháp bất cộng... Hỏi: Nếu tu sự chỉ, chỉ nên phát thiền định trong sự, nay vì sao được phát lý và chẳng phải sự lý, v.v... các thiền Tam-muội và bất cộng pháp ư? Đáp: Phát thiền có hai thứ: Một là hiện tiền phương tiện tu mà được; Hai là phát sinh gốc lành đời trước. Nếu sự tu lại phát sự thiền thì phần nhiều là tu mà được. Nếu sự tu mà phát lý, phát chẳng phải sự, chẳng phải lý, v.v... các thiền Tam-muội thì đều là phát thiền định gốc lành đời trước. Như nhiều người biện có hai nghĩa tu: Một là đắc tu, hai là hạnh tu. Đắc tu là gọi bản chưa được. Hạnh tu là gọi bản đã được. Nay loại nầy như thế, nên y cứ sự tu thì phát thiền có bốn thứ

bất định. Lại nữa, nay đây trong nội phương tiện đã nói chỉ nói nhân, chỉ phát gốc lành đời trước. Cho nên tuy nói sự lý các thiền Tam-muội phát tướng mà đều lược cạn gần. Nếu nói về tu tập thành tựu, nhân quả xứng nhau từ đầu đến cuối các thiền Tam-muội về tướng sự lý rộng sâu thì đều thuộc đoạn lớn thứ bảy trong đó mới phân biệt đầy đủ. Hỏi: Nếu sự tu bèn phát chẳng phải sự, chẳng phải lý, các thiền Tam-muội pháp bất cộng thì đều do tập nhân đời trước mà được, thì tất cả tùy sự mà tu đều phải được Thủ-lăng-nghiêm, v.v... các thiền Tam-muội pháp bất cộng. Nếu thế vì sao lại nói tất cả Chư Phật mười phương hết lời khen ngợi Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu làm được đúng như nghe, thì hành giả liền đầy đủ tất cả Phật pháp? Đáp: lời hỏi nầy lại thành nghĩa nay. Vì sao? Nếu hành giả ở quá khứ đã gặp vô lượng Chư Phật, từ chỗ Chư Phật đã nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật, đúng như nghe mà làm thì đời nay tùy có chỗ tu tất cả, chẳng phải sự chẳng phải lý, các thiền Tam-muội pháp bất cộng tự nhiên khai phát. Nếu quá khứ chẳng nghe Bát-nhã, chẳng tu Bát-nhã thì đời nay tuy nghe tuy tu cũng chẳng thể phát, huống là chẳng nghe, chẳng tu mà được phát ư? Nếu đời sau gặp Chư Phật, Bồ-tát nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật, như nghe mà làm tức tất cả Đại thừa, các thiền Tam-muội, pháp bất cộng đều sẽ khai phát. Cho nên biết đều là nghe Bát-nhã, đúng như nghe mà làm, mà phát thì đều có nhân duyên. Ấy vì tất cả Chư Phật mười phương hết lời khen ngợi Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu có đúng như nghe mà làm thì có thể đầy đủ tất cả Phật pháp, chánh thành nghĩa nầy. Lại nữa, hành giả dùng năng lực phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật, đối với sự tu liền đủ chẳng phải sự, chẳng phải lý tu, mạnh mẽ tinh tấn thường tu tập thì sẽ phát tất cả các thiền Tam-muội bất cộng chẳng phải sự, chẳng phải lý. Hỏi: Đây có gì khác với trước? Đáp: Phải làm bốn câu mà phân biệt: Một là nhân mạnh mà duyên yếu, hai là nhân yếu mà duyên mạnh, ba là nhân duyên đều mạnh, bốn là nhân duyên đều yếu. Một là nhân mạnh duyên yếu thì sẽ phát các thiền Tam-muội pháp bất cộng chẳng phải sự, chẳng phải lý như trước đã phân biệt; Hai là nhân yếu duyên mạnh thì các thiền Tam-muội pháp bất cộng phát chẳng phải sự sắc pháp lý, tức là như nay nói; Ba là nhân duyên đều mạnh thì sẽ phát chẳng phải sự, chẳng phải lý các thiền Tam-muội pháp bất cộng, hợp trước với nay tức là việc ấy. Người nầy được pháp cao quý hơn hết; Bốn là nhân duyên đều yếu thì đời này hoặc phát hoặc chẳng phát, nếu được phát thiền thì nhỏ bé cạn yếu, cũng chẳng bền chắc phần nhiều đều ưa lui sụt. Trong đời tượng mạt, hành giả cao nhất chỉ được như thế. Như ba câu trên đã nói: muôn

người chỉ có một không hai.

Hai là phân biệt lý tu phát thiền bất định, cũng có bốn thứ khác nhau: Một là có người an tâm ở thể chân lý chỉ lại phát thiền định trong lý tức là không, vô tướng, v.v... tất cả các thiền Tam-muội trong lý; Hai là có người an tâm ở lý chỉ mà chỉ được phát thiền định trong sự, tức là căn bản, bối xả, tất cả các thiền Tam-muội trong sự; Ba là có người an tâm ở lý chỉ phát đủ thiền định sự lý là căn bản thiền, bối xả, không, vô tướng, v.v... lý sự thiền Tam-muội; Bốn là có người an tâm ở lý chỉ mà phát thiền định chẳng phải sự chẳng phải lý, tức là tự tánh thiền, v.v... thuộc về trung đạo nhiếp tất cả pháp thiền Tam-muội bất cộng, phân biệt rộng các tướng thiền và chọn lựa nghĩa loại tu phát như trong câu đầu nói.

Ba là phân biệt sự lý tu phát thiền bất định, cũng có bốn thứ: Một là có người an tâm ở duyên tục thể chân sự lý chỉ, mà lại phát thiền định sự lý, tức là thiền căn bản, bối xả, không, vô tướng, v.v... tất cả các thiền Tam-muội sự lý; Hai là có người an tâm ở sự lý chỉ mà chỉ phát thiền định trong sự, tức là thiền căn bản, bối xả, v.v... tất cả các thiền Tam-muội trong sự; Ba là có người an tâm ở sự lý chỉ mà chỉ phát thiền định trong lý, tức là không, vô tướng, v.v... tất cả các thiền Tam-muội; Bốn là có người an tâm sự lý chỉ bèn phát thiền định không phải sự, không phải lý, tức là tự tánh thiền và thuộc về trung đạo, nhiếp tất cả các thiền Tam-muội pháp bất cộng. Phân biệt rộng các tướng thiền và chọn lựa nghĩa loại tu phát như trong câu đầu đã nói.

Bốn là chọn lựa chẳng phải sự chẳng phải lý tu phát thiền bất định, cũng có bốn thứ khác nhau. Một là có người an tâm dứt hai bên, phân biệt không phải sự không phải lý chỉ lại phát không phải sự không phải lý thiền, tức là tự tánh thiền, v.v... và thuộc về Trung đạo, nhiếp tất cả các thiền Tam-muội phương bất cộng; Hai là có người an tâm ở chẳng phải sự chẳng phải lý chỉ mà chỉ phát thiền định trong sự, tức là thiền căn bản, tám bối xả, v.v... tất cả các thiền Tam-muội trong sự; Ba là có người an tâm ở chẳng phải sự chẳng phải lý mà chỉ phát thiền định trong lý, tức là không, vô tướng, v.v... tất cả các thiền Tam-muội trong lý; Bốn là có người an tâm ở chẳng phải sự chẳng phải lý chỉ mà phát đủ các thiền sự lý, tức là căn bản thiền, bối xả và không, vô tướng, v.v... tất cả các thiền Tam-muội sự lý. Phân biệt rộng các tướng thiền và chọn lựa nghĩa loại tu phát như trong câu đầu đã nói.

Nay chỉ y cứ trong Chỉ môn mà phân biệt bốn tu thì có mười sáu thứ phát thiền bất định. Nếu lại đối với quán môn mà phân biệt bốn tu,

thì cũng có mười sáu thứ phát thiền bất định. Nếu Chỉ quán hợp luận thì có ba mươi hai thứ phát thiền bất định. Ba mươi hai thứ nầy chỉ phân biệt đối với người pháp hạnh. Nếu y cứ người Tín hạnh, nghe nói chỉ quán giáo môn mà phát vô tướng ngộ đạo bất định, cũng có ba mươi hai việc ấy, v.v... nay chẳng thể nói đủ. Ở đây một lượt luận chung qua, lược có sáu mươi bốn thứ, nếu y cứ vào người căn tánh ba thừa mà phân biệt thì có một trăm chín mươi hai thứ phát thiền khác nhau. Nếu trải qua các thiền và y cứ tà chánh biện tướng phát mà phân biệt thì có vô lượng. Nay đây đều là tâm địa hành giả mà phân biệt không phải là dối bày nói ra. Phải biết pháp phát thiền định là chẳng thể nghĩ bàn chính là cảnh giới của Chư Phật Bồ-tát, còn không phải Nhị thừa lường biết được, chẳng lẽ là phàm phu mà hiểu được sao? Nếu hành giả muốn tự làm và độ người thì phải biết ít phần, đâu thể lầm lẫn. Tự tâm Sư thì có lỗi tổn mình, tổn người, vì đã tu trì mà không có tuệ lợi.

Hai là nói lý do phát các thiền Tam-muội, có hai cách giải thích khác nhau: Một là có Sư nói: Chỉ tu nhập định trên thì các thiền tự phát chẳng nhọc công tu tập thứ khác. Sư này một bề đều dùng pháp chỉ dạy người sự đẳng. Sách thuốc xưa toàn dùng thuốc sữa, nay chẳng đồng với ở đây. Vì sao? Vì một pháp chỉ thì pháp phát cũng phải chỉ có một, hành giả đã do chỉ mà phát thiền khác nhau, đâu được một bề do chỉ. Đây thì chẳng phải chỉ ở lý có lỗi mà cũng trái với giáo môn của Phật; Hai là có Sư nói: Đời trước đã tu tập các thiền, gốc lành làm nhân, đời nay tu chỉ thì được định làm duyên, cho nên phát khác chẳng đồng, nghĩa ấy rất dễ thấy. Ví như trên đất bằng có dược thảo, cây cối rừng bụi, các loại chừng ấy, danh sắc đều khác, nếu chẳng đồng thấm một vị mưa thì đâu có các loài khác nhau, sinh ra và lớn lên khác nhau, ở đây cũng thế. Nếu y vào Đại thừa là nghĩa bảy báu ở trong nhà tối, trong bình châu, trong giếng sâu, đây là luận riêng.

Ba là nói pháp nhiều ít. Ở trên tuy nói do chỉ mà phát chung các thiền Tam-muội. Nhưng căn tánh hành giả chẳng đồng thì pháp phát phải có nhiều ít khác nhau. Có người chỉ phát một thứ thiền môn, có người thì phát hai môn, ba môn, bốn môn, năm môn. Hoặc có người cùng phát mười lăm môn và tất cả các thiền Tam-muội, chẳng thể nói nhất định. Sở dĩ như thế là đều do hành giả ở quá khứ có tu nhân Thiên Viên khác nhau, dày mỏng khác nhau. Cũng vì đời nay tinh tấn hay lười biếng, có tuệ phương tiện hay không có khác nhau, cho nên pháp Phật hơn kém chẳng đồng, nhiều đường muôn thứ khác nhau. Cho nên lược nói tướng nhiều ít của pháp phát.

Bốn là nói nhân chỉ phát thiền có hết và chẳng hết. Nay ở dễ thấy mà nói, cho nên trước y cứ môn quán bất tịnh mà phân biệt. Có người vì đời trước đã trải tu được Bất tịnh xương trắng để lại ánh sáng, thì nay ở trong chỉ chỉ được phát bất tịnh mà chưa được xương trắng để lại ánh sáng, đây gọi là chẳng cùng tận, nếu phát đầy đủ thì gọi là cùng tận. Nếu chỗ tập ở quá khứ thế phần đã hết, tuy lại tu chỉ thì chẳng tăng thêm. Nếu lại chuyên tâm quán kỹ xương trắng, luyện ở xương người, nghiên tu mãi chẳng thôi liền biết, thì tùy chỗ tâm quán, cảnh giới dần dần khai phát thành tám bối xả, quán luyện huân tu mãi thì được đầy đủ. Đây tức là đời nay khéo siêng tu tập mãi mà thành tựu, không quan hệ gì đến tập nhân khéo phát ở quá khứ. Hỏi: Tu cảnh giới chỉ chẳng tiến, cần gì phải do tập nhân đã hết hoặc do tội chướng che lấp gốc lành đời trước mà chẳng được thêm lớn khai phát? Đáp: Thật như lời hỏi chỗ khác này là một nẻo chẳng hai. Có người phát hết không liên quan gì đến tội chướng, ắt phải y phương tiện như quán pháp tu tập mà được thành tựu. Trong ấy phải trải năm thứ căn tánh của người mà chọn lựa: Một là người thối phần, hai là người hộ phần, ba là người trụ phần, bốn là người tiến phần, năm là người đạt phần mà phân biệt, v.v... nay chẳng ghi đủ. Mười bốn thiền kia phát hết hay chẳng hết mà so sánh đây có thể biết.

Năm là y cứ hữu lậu, vô lậu mà phân biệt. Hỏi: Trên nói mười lăm môn các tướng phát của các thiền Tam-muội, trong đó tự có hữu lậu và vô lậu, về thiện hữu lậu, ở quá khứ đã từng được, có thể có Tập Nhân khéo phát mà vô lậu vốn chưa được thì đâu có tập nhân lành quá khứ phát ư? Đáp: Vô lậu có hai thứ: Một là hạnh hạnh vô lậu, hai là tuệ hạnh vô lậu. Hạnh hạnh vô lậu là đối trị sự pháp, chẳng y cứ duyên chân được có tập nhân lành ở quá khứ phát tuệ hạnh vô lậu, đã y cứ duyên chân chẳng thể định luận có tập nhân lành ở quá khứ phát tuệ hạnh vô lậu, lại có hai thứ: Một là duyên lý tu tập để nói về tuệ hạnh, hai là phát tuệ thấy lý duyên chân để nói tuệ hạnh. Duyên lý tu tập thì có tập nhân lành phát sinh. Phát tuệ thấy lý tuy là duyên chân thì không có tập nhân lành phát. Phát tuệ thấy chân lại có hai thứ: Một là phát tương tự tuệ, hai là phát chân thật tuệ. Phát tương tự tuệ thì có tập nhân lành phát. Phát chân thật tuệ thì không có tập nhân lành phát. Phát tuệ chân thật lại có hai thứ: Một là phát khổ nhẫn đẳng kiến đế vô lậu, hai là phát vô ngại giải thoát bình đẳng ba cõi tư duy vô lậu. Nếu phát khổ nhẫn đẳng kiến đế vô lậu thì một bề không luận có tập nhân lành phát. Nếu phát tư duy vô lậu thì giáo môn bất định. Nếu so với ý giải của Tát-bà-đa về thối pháp,

Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thối trở lại Sơ quả. Sau lại chứng quả thì có tập nhân lành phát. Nếu người chẳng thối pháp ba quả để không có nghĩa trùng phát, đều chẳng phân biệt có tập nhân lành phát. Nếu so với ý giải của Đàm-Vô-Đức nói thì bốn quả phát chân vô lậu đều không có tập nhân lành phát. Hỏi: Như A-tỳ-đàm phân biệt chỉ mới sinh vô lậu thì không có tự chủng nhân, nay vì sao một bề được bốn quả mà phát chân vô lậu đều không có tập nhân lành phát? Đáp: Nay nói nghĩa các tập nhân phát thiền Tam-muội, ý khác nhau. Trong ấy y cứ vào quá khứ được thiện, nửa chừng lui sụt, nay nhân chỉ lại phát để nói tập nhân lành phát. Bốn quả phát chân vô lậu đều không có đời trước có nhân nửa chừng bị lui sụt, nay tu chỉ nên phát lại, đâu phải cùng loại. Nếu nói chung sơ phẩm tâm vô lậu chân giải tức là hai phẩm tâm vô lậu làm chủng loại như thế, cho đến chín phẩm y cứ đây mà nói tập nhân lành, thì bốn quả chỗ phát vô lậu đều gọi là tập nhân lành phát. Nay đã chẳng y cứ theo đây mà nói tập nhân lành phát, cho nên nói bốn quả sở phát đều không phải là tập nhân gốc lành phát sinh. Lại nữa, hành giả ở quá khứ tu tập sự lý các thiền Tam-muội, tuy chưa được chứng thành tựu mà đã trải qua tu tập, nên khi gốc lành đời này thuần thục, nhờ tu chỉ làm duyên nên đều khai phát. Đây cũng là tập nhân gốc lành phát sinh. So bằng với Phật gọi thiện lai vô lậu, tức phát ba minh tám giải, cùng lúc đầy đủ. Phân biệt vừa hữu lậu vừa vô lậu cho đến chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu thì so sánh với ở đây có thể biết.

■